

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 28/4

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 28/4 - No. 1548-1549

SỐ 1548/30
LUẬN XÁ LỢI PHÁT A TỶ ĐÀM

*Hán dịch: Đời Diêu Tân,
Đại sư Đàm Ma Da Xá, Đàm Ma Quật Đa.*

QUYỂN 11

Phẩm thứ 4: PHẦN KHÔNG HỎI VỀ TRÍ, phần 3

Phi xú: Nếu người có kiến giải đầy đủ, dùng giới cấm thủ làm tịnh, duyên nơi tà, cầu điều tốt, bị đọa vào nẻo ác là địa ngục, súc sinh, nga quỷ, lại thọ nhận thân của người thứ tám, thì không có điều ấy.

Là xú: Nếu là người phạm phu, dùng giới cấm thủ làm tịnh, duyên nơi tà, cầu điều tốt, bị đọa vào nẻo ác là địa ngục, súc sinh, nga quỷ, thọ nhận thân của người thứ tám, là có điều ấy.

Phi xú: Chưa từng có hai Chuyển luân Thánh vương xuất thế, nếu có, thì không có điều ấy.

Là xú: Từng có một Chuyển luân Thánh vương xuất thế, là có điều ấy.

Phi xú: Nếu Chuyển luân Thánh vương sinh nơi nước thuộc vùng biên địa, thì không có điều ấy.

Là xú: Nếu Chuyển luân Thánh vương sinh ở vùng giữa nước, là có điều ấy.

Phi xứ: Nếu Chuyển luân Thánh vương sinh vào gia đình thấp kém, hoặc gia đình Chiên-đà-la và nhà của các thợ, hoặc bị mù điếc, câm ngọng, hai chân què quặt, đi khập khiễng, thân hình gầy gò, căn không đầy đủ cùng các thứ bệnh khác, thì không có điều ấy.

Là xứ: Nếu Chuyển luân Thánh vương sinh vào gia đình tôn quý, hoặc gia đình thuộc tộc họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, thành tựu thân tướng đoan nghiêm đẹp đẽ, là có điều ấy.

Phi xứ: Nếu Chuyển luân Thánh vương sinh vào gia đình nghèo khổ, túng thiếu, không có tài sản, thức ăn uống, y phục, thì không có điều ấy.

Là xứ: Nếu Chuyển luân Thánh vương sinh vào gia đình có nhiều tài sản, nhiều vàng bạc, tiền của, ngọc bích, san hô, ma ni, châu châu, lưu ly, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, sứ giả, kho lẫm đầy dẫy lúa gạo, gấm lụa, là có điều ấy.

Phi xứ: Chưa từng có hai Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác xuất thế, thì không có điều ấy.

Là xứ: Nếu có một Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác xuất thế, là có điều ấy.

Phi xứ: Nếu Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sinh nơi nước thuộc vùng biên địa, thì không có điều ấy.

Là xứ: Nếu Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sinh vào nước thuộc vùng trung tâm, là có điều ấy.

Phi xứ: Nếu Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sinh vào gia đình thấp kém, hoặc gia đình Chiên-đà-la và nhà của các thợ, bị mù điếc, câm ngọng, hai chân què quặt, thân hình gầy ốm, đi khập khiễng, căn không đầy đủ cùng các thứ bệnh khác, thì không có điều ấy.

Là xứ: Nếu Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sinh vào gia đình tôn quý, hoặc gia đình thuộc tộc họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, thành tựu thân tướng đoan nghiêm đẹp đẽ bậc nhất, là có điều ấy.

Phi xứ: Nếu Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sinh vào gia đình nghèo khổ, phần nhiều thiếu thốn về thức ăn uống, y phục, thì không có điều ấy.

Là xứ: Nếu Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sinh vào gia đình có nhiều tài sản vật báu, vàng bạc, ngọc bồi, san hô, ma ni, chân châu, lưu ly, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, sứ giả, kho lẫm đầy dẫy lúa gạo, gấm vóc, là có điều ấy.

Phi xứ: Nếu người nữ làm Chuyển luân Thánh vương, thì không có điều ấy.

Là xứ: Nếu người nam làm Chuyển luân Thánh vương, là có điều ấy.

Phi xứ: Nếu người nữ làm Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, thì không có điều ấy.

Là xứ: Nếu người nam làm Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, là có điều ấy.

Phi xứ: Nếu người nữ làm Thiên Đế Thích, Ma vương, Phạm vương, thì không có điều ấy.

Là xứ: Nếu người nam làm Thiên Đế Thích, Ma vương, Phạm vương, là có điều ấy.

Phi xứ: Như không nhân, như không cửa, như không vật, như không hy vọng, như không có như thế là phi xứ.

Là xứ: Như nhận biết nhân, cửa, vật hy vọng, như có như thế là xứ.

Xứ, phi xứ: Đức Như Lai đều nhận biết như thật. Như thế, Đức Như Lai đối với xứ, phi xứ đều phân biệt như thật, đều hiểu rõ như thật, duyên nơi tuệ, là phương tiện giải thoát của tri kiến. Đó gọi là trí của Như Lai về xứ, phi xứ.

Hỏi: Thế nào gọi là lực của Như Lai?

Đáp: Đức Như Lai ở nơi xứ này, do trí lực tôn quý tự tại, tôn thắng tối thượng, không có hàng người thiện, đại nhân nào có thể vượt qua. Đức Như Lai đã thành tựu lực như thế, những nơi chôn mong muốn đều như chỗ đã mong muốn, hết thấy chỗ mong muốn về nhập định, xuất định cũng thế. Đó gọi là lực của Như Lai.

Hỏi: Thế nào là trí lực của Như Lai về nhân báo của xứ thọ nhận nghiệp thuộc nghiệp quá khứ hiện tại vị lai?

Hỏi: Thế nào là nghiệp quá khứ?

Đáp: Nếu nghiệp đã sinh rồi diệt, đó gọi là nghiệp quá khứ.

Hỏi: Thế nào là nghiệp vị lai?

Đáp: Nếu nghiệp chưa sinh, chưa xuất phát, đó gọi là nghiệp vị lai.

Hỏi: Thế nào là nghiệp hiện tại?

Đáp: Nếu nghiệp đã sinh chưa diệt, đó gọi là nghiệp hiện tại.

Hỏi: Những gì là nghiệp?

Đáp: Là nghiệp tư, nghiệp tư dĩ, nghiệp cố tạo, nghiệp không phải cố tạo, nghiệp thọ, nghiệp không phải thọ, nghiệp thọ ít, nghiệp thọ nhiều, nghiệp thành thực, nghiệp không thành thực, nghiệp sắc, nghiệp không phải là sắc, nghiệp có thể thấy, nghiệp không thể thấy, nghiệp có đối, nghiệp không có đối, nghiệp Thánh, nghiệp không phải là Thánh. Đó gọi là nghiệp.

Hỏi: Thế nào là nghiệp thọ?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Bốn nghiệp thọ: (1) Có nghiệp thọ hiện tại khổ sau có báo khổ. (2) Có nghiệp thọ hiện tại vui sau có báo khổ. (3) Có nghiệp thọ hiện tại khổ sau có báo vui. (4) Có nghiệp thọ hiện tại vui sau có báo vui.

Hỏi: Những gì là nghiệp thọ hiện tại khổ sau có báo khổ?

Đáp: Nếu người nhẫn ưu, nhẫn khổ, hành sát sinh, duyên nơi sát sinh, nên đã dùng vô số tâm để thọ nhận ưu khổ, nhẫn ưu, nhẫn khổ. Hành trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thù dật, tham chấp, giận dữ, tà kiến, duyên nơi tà kiến, nên đã dùng vô số tâm để thọ nhận ưu khổ. Khi thân hoại mạng chung sinh vào nẻo ác là địa ngục. Đây là nghiệp thọ hiện tại khổ sau có báo khổ.

Hỏi: Những gì là nghiệp thọ hiện tại vui sau có báo khổ?

Đáp: Nếu người nhẫn hỷ, nhẫn lạc, hành sát sinh, duyên nơi sát sinh, nên đã dùng vô số tâm để thọ nhận hỷ lạc, nhẫn hỷ, nhẫn lạc, cho đến tà kiến, duyên nơi tà kiến, nên đã dùng vô số tâm để thọ nhận nhẫn hỷ, nhẫn lạc. Khi thân hoại mạng chung bị đọa vào nẻo ác là địa ngục. Đây là nghiệp thọ hiện tại vui sau có báo khổ.

Hỏi: Những gì là nghiệp thọ hiện tại khổ sau có báo vui?

Đáp: Nếu người nhẫn ưu, nhẫn khổ, hành không sát sinh, duyên nơi không sát sinh, nên đã dùng vô số tâm để thọ nhận ưu khổ, nhẫn ưu, nhẫn khổ. Hành không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, không nói lời thù dật, không tham chấp, không giận dữ, hành chánh kiến, duyên nơi hành chánh kiến, nên đã dùng vô số tâm để thọ nhận ưu khổ. Khi thân hoại mạng chung được sinh nơi nẻo thiện là cõi trời. Đây là nghiệp thọ hiện tại khổ sau có báo vui.

Hỏi: Những gì là nghiệp thọ hiện tại vui sau có báo vui?

Đáp: Nếu người nhẫn hỷ, nhẫn lạc, hành không sát sinh, duyên nơi không sát sinh, nên đã dùng vô số tâm để thọ nhận hỷ lạc, nhẫn hỷ, nhẫn lạc, cho đến chánh kiến, duyên nơi chánh kiến, nên đã dùng vô số tâm để thọ nhận nhẫn hỷ, nhẫn lạc. Khi thân hoại mạng chung được sinh vào nẻo thiện là cõi trời. Đây là nghiệp thọ hiện tại vui sau có báo vui.

Như thế gọi là nghiệp thọ.

Lại nữa, do nghiệp thọ nghiệp, biểu hiện nhận lấy, biểu hiện nhận lấy rồi tức thọ báo. Đây gọi là nghiệp thọ của nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Thế nào gọi là xứ?

Đáp: Nếu thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, tức thọ nhận báo không ái, không hỷ, không vừa ý, đó gọi là xứ.

Nếu thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, tức thọ nhận báo ái, hỷ, vừa ý, đó gọi là xứ.

Nếu thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, tạo thành hành tà kiến, hủy báng Thánh nhân. Duyên nơi nhân duyên của nghiệp tà kiến, nên khi thân hoại mạng chung bị đọa vào nẻo ác là địa ngục, đó gọi là xứ.

Nếu thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, thành tựu hành chánh kiến, không hủy báng Thánh nhân. Duyên nơi nhân duyên của nghiệp chánh kiến, nên khi thân hoại mạng chung được sinh vào nẻo thiện là cõi trời, đó gọi là xứ.

Nếu người phạm phu cố ý đoạn mạng của mẹ, cố ý đoạn mạng của cha, cố ý đoạn mạng của Thanh văn A-la-hán, cố ý phá hoại chúng Tăng, cố ý khởi tâm ác làm thân Đức Như Lai chảy máu, đó gọi là xứ.

Nếu người phàm phu ở ngoài pháp này cầu tìm bậc tôn thắng khác, cầu tìm người thọ nhận cúng dường khác, cầu tìm Sa-môn, Bà-la-môn khác giảng nói chánh kiến, khen ngợi Sa-môn, Bà-la-môn khác: Là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến, đó gọi là xứ.

Nếu người phàm phu ở ngoài pháp này, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn duyên khác với thật cho: Ngã thế gian là thường, đây là thật, ngoài ra là hư giả, cho đến không phải có Niết-bàn như khứ, không phải không có Niết-bàn như khứ, lấy duyên khác với thật làm chân thật, đó gọi là xứ.

Nếu người phàm phu lấy giới cấm thủ làm tịnh, dùng duyên tà để cầu điều tốt, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thọ nhận thân của người thứ tám, đó gọi là xứ.

Nếu một Chuyển luân Thánh vương xuất thế, hoặc Chuyển luân Thánh vương sinh ở vùng giữa nước, hoặc Chuyển luân Thánh vương sinh vào gia đình tôn quý, hoặc sinh vào nhà thuộc tộc họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, thành tựu thân tướng đoan nghiêm đẹp đẽ. Hoặc Chuyển luân Thánh vương sinh vào gia đình có nhiều của báu, vàng bạc, kha bối, san hô, ma ni, chân châu, lưu ly, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, sứ giả, kho lẫm đầy đầy lúa thóc, tơ lụa, đó gọi là xứ.

Nếu một Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác xuất thế, hoặc Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sinh ở vùng giữa nước, hoặc Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sinh vào gia đình tôn quý, hoặc sinh vào nhà thuộc tộc họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, thành tựu thân tướng đoan nghiêm đẹp đẽ. Hoặc Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sinh vào gia đình có nhiều của báu, vàng bạc, tiền tài, ngọc bối, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, sứ giả, kho lẫm đầy đầy lúa thóc, tơ lụa, đó gọi là xứ.

Nếu người nam làm Chuyển luân Thánh vương, nếu người nam làm Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, nếu người nam làm Thiên Đế Thích, Ma vương, Phạm vương, đó gọi là xứ.

Lại nữa, Đức Như Lai nói: Như vào lúc này ở trong địa ngục, như vào lúc này ở trong súc sinh, như vào lúc này ở trong ngạ quỷ, như vào lúc này ở trong nẻo người, như vào lúc này ở trên cõi trời, đó gọi là xứ.

Hỏi: Thế nào gọi là nhân?

Đáp: Nếu nhân của nghiệp là tham, nếu nhân của nghiệp là giận, nếu nhân của nghiệp là si, nếu nhân của nghiệp là không tham, nếu nhân của nghiệp là không giận, nếu nhân của nghiệp là không si, đó gọi là nhân.

Lại nữa, sắc có nhân này, phương tiện này. Thọ, tưởng, hành, thức có nhân này, phương tiện này. Nhập nơi thiên định thứ nhất có nhân này, phương tiện này. Nhập nơi thiên định thứ hai, thứ ba, thứ tư, đoạn dứt pháp ác, thành tựu pháp thiện. Đó gọi là nhân.

Hỏi: Thế nào gọi là báo?

Đáp: Nếu nghiệp là nghiệp thọ, thọ nhận báo trong năm nẻo, thọ nhận sắc, thọ, tưởng, hành, thức của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời, đó gọi là báo.

Đức Như Lai đã nhận biết như thật, phân biệt như thật, hiểu rõ như thật về nhân báo của xứ thọ nghiệp, thuộc nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại của các chúng sinh kia. Như thế, duyên nơi tuệ là phương tiện giải thoát của tri kiến, đó gọi là trí lực của Như Lai về nhân báo của xứ thọ nhận nghiệp thuộc nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Thế nào gọi là lực của Như Lai?

Đáp: Đức Như Lai ở nơi xứ này, do trí lực tôn quý tự tại, tôn thắng tối thượng, không có hàng người thiện, đại nhân nào có thể

vượt qua. Đức Như Lai đã thành tựu lực như thế, những nơi chốn mong muốn đều như chỗ đã mong muốn, hết thấy chỗ mong muốn về nhập định, xuất định cũng thế. Đó gọi là lực của Như Lai.

Hỏi: Thế nào là trí lực của Như Lai về căn vượt hơn không phải vượt hơn của người khác, chúng sinh khác?

Thế nào là người khác, chúng sinh khác? Trừ chư Phật, Thế Tôn, nếu là các chúng sinh còn lại, đó gọi là người khác, chúng sinh khác.

Thế nào là căn? Là hai mươi hai căn: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, nam căn, nữ căn, mạng căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn, ý căn, tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn vị tri dục tri căn, tri căn, dĩ tri căn, đó gọi là căn.

Thế nào là căn không phải vượt hơn? Nếu căn là bất thiện, đó gọi là căn không phải vượt hơn.

Thế nào là căn vượt hơn? Nếu căn là thiện, đó gọi là căn vượt hơn.

Lại nữa, căn không phải vượt hơn: Nếu căn không phải là Thánh, đó gọi là căn không phải vượt hơn.

Lại nữa, căn vượt hơn: Nếu căn là Thánh, đó gọi là căn vượt hơn.

Lại nữa, căn không phải vượt hơn: Nếu căn là Thánh bậc hạ, đó gọi là căn không phải vượt hơn.

Lại nữa, căn vượt hơn: Nếu căn là Thánh sắc bén, đó gọi là căn vượt hơn.

Đức Như Lai đối với căn vượt hơn không vượt hơn của người khác, của chúng sinh khác đều phân biệt như thật: Chúng sinh này là lợi căn hay căn yếu kém, khéo kính, khéo giải, sợ về sau bị chìm mất như kim cương, do không nghe pháp liền thoái chuyển. Tức nên có người nhận biết pháp. Ví như ao hoa Ưu-bát-la, ao hoa Bát-đầu-ma,

ao hoa Câu-đầu-ma, ao hoa Phân-đà-lợi. Như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi.

Có hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, từ bùn mọc lên chưa ra khỏi mặt nước.

Có hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, từ bùn mọc lên bằng nhau với mặt nước.

Có hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, đã ra khỏi mặt nước, ở giữa khoảng không, không dính nước.

Như thế, Đức Như Lai đối với căn vượt hơn không vượt hơn của người khác, của chúng sinh khác đều nhận biết như thật: Chúng sinh này là lợi căn, hoặc căn yếu kém, khéo kính, khéo giải, sợ về sau bị chìm mất như kim cương, do không nghe pháp liền thoái chuyển. Tức nên có người nhận biết pháp.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu có đoạn mạng của mẹ, có đoạn mạng của cha, có đoạn mạng Thanh văn A-la-hán, có phá hoại chúng Tăng, có tâm ác làm thân Đức Như Lai chảy máu.

Chúng sinh này, nếu căn thành tựu, có ở ngoài pháp này, hoặc tìm cầu bậc tôn thắng khác, có cầu tìm người thọ nhận cúng dường khác. Nghĩa là Sa-môn, Bà-la-môn khác, có thể giảng nói chánh kiến, có khen ngợi Sa-môn, Bà-la-môn khác: Đây là bậc Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến.

Chúng sinh này, nếu căn thành tựu, có ở ngoài pháp này, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn khác duyên khác với thật cho: Ngã thể gian là thường, đây là thật, ngoài ra đều là hư dối, cho đến không phải có Niết-bàn như khứ, không phải không có Niết-bàn như khứ, đây là thật, ngoài ra là hư dối, nghĩa là duyên khác với thật làm chân thật.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có dùng giới cấm thủ làm tịnh, duyên nơi tà, cầu điều tốt, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thọ nhận thân của người thứ tám.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có sinh vào gia đình tộc họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có sinh nơi trời Tứ Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Diêm, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha hóa tự tại.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có sinh nơi trời Phạm, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có sinh nơi trời Quang âm, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có sinh nơi trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có sinh nơi trời Thật, trời Thiểu thật, trời Vô lượng thật, trời Quả thật.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có sinh nơi trời Vô tướng.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có sinh nơi trời Vô tướng, trời Vô nhiệt, trời Thiện kiến, trời Diệu thiện kiến, trời A ca ni trá.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có sinh lên trời Không xứ, trời Thức xứ, trời Bất dụng xứ, trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có lìa pháp dục ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có diệt giác quán, nội chánh tín, nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ hai.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có lìa hỷ, hành xả niệm, trí thân thọ lạc, như các Thánh nhân nói hành xả, niệm lạc, thành tựu hành của thiền thứ ba.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có đoạn khổ vui, trước diệt ưu hỷ, xả niệm thanh tịnh, không khổ không vui, thành tựu hành thiên thứ tư.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có lia bỏ tất cả tướng sắc, diệt tướng giận, không tư duy về từng ấy tướng, thành tựu hành của xứ vô biên không.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có lia hết thấy xứ không, thành tựu hành của xứ vô biên thức.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có lia hết thấy xứ thức, thành tựu hành của xứ bất dụng.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có lia hết thấy xứ bất dụng, thành tựu hành của xứ phi tướng phi phi tướng.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có thọ nhận vô lượng từng ấy thần túc, có thể làm chấn động đại địa, như dùng một làm thành nhiều, dùng nhiều làm thành một, cho đến thân Phạm thiên được tự tại.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá người thường, nghe hai thứ tiếng: Tiếng của người, tiếng của hàng phi nhân.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có nhận biết tâm của người khác, của chúng sinh khác: Người có tâm dục nhận biết như thật là có tâm dục. Người không có tâm dục nhận biết như thật là không có tâm dục. Cho đến người có tâm vượt hơn nhận biết như thật là có tâm vượt hơn. Người không có tâm vượt hơn nhận biết như thật là không có tâm vượt hơn.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có nhớ nghĩ về từng ấy thọ mạng đời trước, nhớ nghĩ về một đời, hai đời, ba đời, cho đến thành tựu hành ấy.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có thiên nhân thanh tịnh vượt quá người thường, thấy chúng sinh nơi sinh tử, sắc đẹp, sắc xấu, nẻo thiện, nẻo ác, thấp kém, vượt hơn. Cho đến nhận biết như thật về nghiệp của chúng sinh đã gây tạo.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, có chánh quyết định đối với trên, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, tức có lực, do có lực tự tại, nên thành tựu hành.

Chúng sinh này, nếu căn đã thành tựu, tức không có việc đoạn dứt mạng của mẹ, cho đến do lực tự tại nên thành tựu hành.

Đức Như Lai đối với căn vượt hơn, không phải vượt hơn của người khác, của chúng sinh khác như thế đã chọn lựa, phân biệt như thật, duyên nơi tuệ, là phương tiện giải thoát của tri kiến, đó gọi là trí lực của Như Lai về căn vượt hơn không vượt hơn của người khác, chúng sinh khác.

Hỏi: Thế nào gọi là lực của Như Lai?

Đáp: Đức Như Lai ở nơi xứ này, do trí lực tôn quý tự tại, tôn thắng tối thượng, không có hàng người thiện, đại nhân nào có thể vượt qua. Đức Như Lai đã thành tựu lực như thế, những nơi chốn mong muốn đều như chỗ đã mong muốn, hết thấy chỗ mong muốn về nhập định, xuất định cũng thế. Đó gọi là lực của Như Lai.

Hỏi: Thế nào là trí lực của Như Lai về từng ấy giải của người khác, chúng sinh khác?

Thế nào là người khác, chúng sinh khác? Trừ chư Phật, Thế Tôn, nếu là các chúng sinh còn lại, đó gọi là người khác, chúng sinh khác.

Thế nào là giải? Nếu tâm hướng tới người kia, tâm đến với người kia tôn thượng, người kia hiểu rõ người kia, đó gọi là giải.

Đức Như Lai đối với những người khác, chúng sinh khác đều nhận biết như thật về từng ấy giải của họ. Chúng sinh này có giải thấp kém, có giải thù thắng.

Chúng sinh có giải ác, có giải thiện, có giải sinh tử, có giải Niết-bàn.

Chúng sinh có giải về sắc, có giải về thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Chúng sinh có giải về tộc họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ.

Chúng sinh có giải về trời Tứ Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Diêm, trời Đâu suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại.

Chúng sinh có giải về trời Phạm, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm.

Chúng sinh có giải về trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm.

Chúng sinh có giải về trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biên tịnh.

Chúng sinh có giải về trời Thật, trời Thiểu thật, trời Vô lượng thật, trời Quả thật.

Chúng sinh có giải về trời Vô tướng.

Chúng sinh có giải về trời Vô thắng, trời Vô nhiệt, trời Thiện kiến, trời Diệu thiện kiến, trời A ca nị trá.

Chúng sinh có giải về trời Không xứ, trời Thức xứ, trời Bất dụng xứ, trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

Chúng sinh có giải về nhập thiên thứ nhất, thiên thứ hai, thứ ba, thứ tư.

Chúng sinh có giải về nhập định xứ không, định xứ thức, định xứ bất dụng, định xứ phi tướng phi phi tướng.

Chúng sinh có giải về thân tức chứng trí, có giải về thiên nhĩ chứng trí, có giải về tâm lựa chọn chứng trí, có giải về nhớ nghĩ thọ mạng đời trước chứng trí, có giải về chúng sinh sinh tử chứng trí.

Chúng sinh có giải về chánh quyết định đối với trên, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.

Chúng sinh có giải do lực tôn quý tự tại. Hoặc chúng sinh có thể giải, thấy có đoạn mạng mẹ, có đoạn mạng cha, có đoạn mạng A-la-hán Thanh văn, có phá hoại Tăng, có tâm ác làm thân Như Lai chảy máu.

Nếu chúng sinh giải có người ở ngoài pháp này, cầu tìm bậc tôn thắng khác, cầu tìm người có thể thọ nhận cúng dường khác, có khen ngợi Sa-môn, Bà-la-môn khác, có thể giảng nói chánh kiến, khen ngợi Sa-môn, Bà-la-môn khác: Đây là bậc Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến.

Nếu chúng sinh giải có thể ở ngoài pháp này, có Sa-môn, Bà-la-môn duyên khác với thật, cho: Ngã thế gian là thường, đây là thật, ngoài ra là hư dối, cho đến không phải có Niết-bàn như khứ, không phải không có Niết-bàn như khứ, đây là thật, ngoài ra là hư dối.

Nếu chúng sinh giải có người lấy giới cấm thủ làm tịnh, duyên nơi tà, cầu tìm điều tốt, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thọ nhận thân của người thứ tám.

Nếu chúng sinh giải có người sinh trong gia đình thuộc tộc họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ.

Nếu chúng sinh giải sinh nơi trời Tứ Thiên vương, trời Tam thập tam, trời Diệm, trời Đâu suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại.

Nếu chúng sinh giải có người sinh nơi trời Phạm, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm.

Nếu chúng sinh giải có người sinh nơi trời Quang, trời Thiểu Quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm.

Nếu chúng sinh giải có người sinh nơi trời Tịnh, trời Thiếu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh.

Nếu chúng sinh giải có người sinh nơi trời Thật, trời Thiếu thật, trời Vô lượng thật, trời Quả thật.

Nếu chúng sinh giải có người sinh nơi trời Vô tướng.

Nếu chúng sinh giải có người sinh nơi trời Vô thắng, trời Vô nhiệt, trời Thiện kiến, trời Diệu thiện kiến, trời A-ca-nị-trá.

Nếu chúng sinh giải có người sinh nơi trời Không xứ, trời Thức xứ, trời Bất dụng xứ, trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

Nếu chúng sinh giải có người lìa pháp dục ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất.

Nếu chúng sinh giải có người diệt giác quán, nội tịnh tín, nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ hai.

Nếu chúng sinh giải có lìa hỷ, xả hành niệm biết thân thọ lạc, như các Thánh nhân hiểu rõ hành xả niệm lạc, thành tựu hành của thiên thứ ba.

Nếu chúng sinh giải có đoạn khổ, vui, trước diệt ưu hỷ, xả niệm tịnh, không khổ không vui, thành tựu hành của thiên thứ tư.

Nếu chúng sinh giải có người lìa tất cả tướng sắc, diệt tướng giặng, không tư duy về từng ấy tướng, thành tựu hành của xứ vô biên không. Có người lìa tất cả xứ không, thành tựu hành của xứ vô biên thức. Có người lìa tất cả xứ thức, thành tựu hành của xứ bất dụng. Có người lìa tất cả xứ bất dụng, thành tựu hành của xứ phi tướng phi phi tướng.

Nếu chúng sinh giải có người đạt được từng ấy thần túc, có thể làm chấn động đại địa, dùng một làm thành nhiều, dùng nhiều làm thành một, cho đến thân Phạm thiên tự tại.

Nếu chúng sinh giải có người đặc thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá người thường, nghe hai thứ tiếng: Tiếng của người, tiếng của hàng phi nhân.

Nếu chúng sinh giải có người khác, chúng sinh khác, nhận biết tâm của chúng sinh khác: Có tâm dục nhận biết như thật là có tâm dục. Không có tâm dục nhận biết như thật là không có tâm dục. Cho đến có tâm vượt hơn nhận biết như thật là có tâm vượt hơn. Không có tâm vượt hơn nhận biết như thật là không có tâm vượt hơn.

Nếu chúng sinh giải có người đã nhớ nghĩ về từng ấy thọ mạng đời trước, nhớ nghĩ về một thân, hai thân, ba thân, cho đến thành tựu hành này.

Nếu chúng sinh giải có người đặc thiên nhĩ thanh tịnh, vượt quá người thường, thấy chúng sinh nơi sinh tử: Sắc đẹp, sắc xấu, nẻo thiện, nẻo ác, thấp kém, vượt hơn, cho đến nhận biết chúng sinh như nghiệp đã gây tạo.

Nếu chúng sinh giải có người được chánh quyết định đối với trên, đặc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.

Nếu chúng sinh giải do lực tôn quý tự tại.

Nếu chúng sinh giải không có việc đoạn mạng của mẹ.

Nếu chúng sinh giải không có, cho đến do lực tôn quý tự tại.

Như thế, Đức Như Lai đối với từng ấy giải của người khác, của chúng sinh khác, đều lựa chọn phân biệt như thật duyên nơi tuệ, là phương tiện giải thoát của tri kiến. Đó gọi là trí lực của Như Lai về từng ấy giải của người khác, của chúng sinh khác.

Hỏi: Thế nào gọi là lực của Như Lai?

Đáp: Đức Như Lai nơi xứ này, do trí lực tôn quý tự tại, lực tôn thắng, lực tối thắng tối thượng, không có hàng người thiện, đại nhân

nào có thể vượt qua. Đức Như Lai đã thành tựu lực này, những nơi chôn mong muốn đều như chỗ đã mong muốn, hết thấy chỗ mong muốn về xuất định, nhập định cũng thế. Đó gọi là lực của Như Lai.

Hỏi: Thế nào là trí lực của Như Lai về từng ấy giới, vô lượng giới và thế giới?

Thế nào là từng ấy giới? Sắc giới, không phải sắc giới, cho đến mười tám giới như nơi phạm Giới đã nói. Đó gọi là vô lượng giới.

Thế nào là thế giới? Có hai thứ thế giới: Thế giới của chúng sinh và thế giới của hành.

Thế nào là thế giới của chúng sinh? Chúng sinh nghĩa là sinh trong năm nẻo như địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời. Đó gọi là thế giới của chúng sinh.

Thế nào là thế giới của hành? Hành nghĩa là năm thọ ấm: Sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là thế giới của hành.

Đức Như Lai đối với từng ấy giới, vô lượng giới và thế giới này đều nhận biết như thật. Như thế, Đức Như Lai đối với từng ấy giới, vô lượng giới và thế giới đều phân biệt lựa chọn như thật duyên nơi tuệ, là phương tiện giải thoát của tri kiến. Đó gọi là trí lực của Như Lai về từng ấy giới, vô lượng giới và thế giới.

Hỏi: Thế nào gọi là lực của Như Lai?

Đáp: Đức Như Lai ở nơi xứ này, do trí lực tôn quý tự tại, lực tôn thắng, lực tối thắng tối thượng, không có hàng người thiện, đại nhân nào có thể vượt qua. Đức Như Lai đã thành tựu lực này, những nơi chôn mong muốn đều như chỗ đã mong muốn, hết thấy chỗ mong muốn về xuất định, nhập định cũng thế. Đó gọi là lực của Như Lai.

Hỏi: Thế nào là trí lực của Như Lai đến tất cả xứ đạo?

Thế nào là đến tất cả xứ đạo? Không có một chúng sinh, một pháp, một trí, một đạo nào có thể đến tất cả xứ đạo, chỉ có pháp báo

của Đức Như Lai được gọi là đến tất cả xứ đạo. Đức Như Lai đã nhận biết như thật về đến tất cả xứ đạo.

Nếu thành tựu hành của đạo này, tức có thể dẫn dắt đến mạng yếu, mạng thọ lâu. Nếu thành tựu hành của đạo này, tức có thể dẫn đến bệnh nhiều, bệnh ít. Nếu thành tựu hành của đạo này, tức có thể dẫn đến chỗ thấp hèn, tôn quý. Nếu thành tựu hành của đạo này, tức có thể dẫn đến thân tướng xấu xí, đẹp đẽ.

Nếu thành tựu hành của đạo này, tức có thể dẫn đến sự khinh rẻ ít, khinh rẻ nhiều. Nếu thành tựu hành của đạo này, tức có thể dẫn đến uy đức ít, uy đức nhiều. Nếu thành tựu hành của đạo này, tức dẫn đến không có trí tuệ, có trí tuệ. Nếu thành tựu hành của đạo này, tức có thể dẫn đến tộc họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ.

Nếu thành tựu hành của đạo này, tức có thể dẫn đến trời Tứ Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Diêm, trời Đâu suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại.

Tu hành nhiều đạo này, có thể dẫn đến trời Phạm, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm.

Tu hành nhiều đạo này, có thể dẫn đến trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm.

Tu hành nhiều đạo này, có thể dẫn đến trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh.

Tu hành nhiều đạo này, có thể dẫn đến trời Thật, trời Thiểu thật, trời Vô tướng thật, trời Quả thật.

Tu hành nhiều đạo này, có thể dẫn đến trời Vô tướng.

Tu hành nhiều đạo này, có thể dẫn đến trời Vô thắng, trời Vô nhiệt, trời Thiện kiến, trời Diệu thiện kiến, trời A-ca-nị-trá.

Tu hành nhiều đạo này, có thể dẫn đến trời Không xứ, trời Thức xứ, trời Bất dụng xứ, trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

Tu hành nhiều đạo này, có thể nhập định của thiên thứ nhất, định của thiên thứ hai, thứ ba, thứ tư.

Tu hành nhiều đạo này, có thể nhập định của xứ không, định của xứ thức, xứ bất dụng, xứ phi tướng phi phi tướng.

Tu hành nhiều đạo này, tức đắc chứng trí thần túc, đắc chứng trí thiên nhĩ, đắc chứng trí của tâm chọn lựa, đắc chứng trí nhớ nghĩ về thọ mạng đời trước, đắc chứng trí sinh tử của chúng sinh.

Đạo này là khổ khó giải. Đạo này là khó chóng giải. Đạo này là lạc khổ giải. Đạo này là lạc chóng giải.

Tu hành nhiều đạo này, có thể được chánh quyết định đối với trên, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.

Tu hành nhiều đạo này, tức được do lực tôn quý tự tại.

Chúng sinh nếu hành có đoạn mạng của mẹ, có đoạn mạng của cha, có đoạn mạng của Thanh văn A-la-hán, có phá hoại chúng Tăng, có tâm ác làm cho thân Như Lai chảy máu.

Chúng sinh có ở ngoài pháp này, cầu tìm bậc tôn thắng khác, có cầu tìm người thọ nhận cúng dường khác, có cầu tìm Sa-môn, Bà-la-môn khác có thể giảng nói chánh kiến, có khen ngợi Sa-môn, Bà-la-môn khác: “Các vị là bậc Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến”. Chúng sinh nếu hành có ở ngoài pháp này cầu tìm Sa-môn, Bà-la-môn khác, duyên khác với thật cho: Ngã, thế gian là thường, đây là thật, ngoài ra là hư dối. Ngã, thế gian không phải là thường, đây là thật, ngoài ra là hư dối. Cho đến không phải có Niết-bàn như khứ, không phải không có Niết-bàn như khứ, đây là thật, ngoài ra là hư dối, nghĩa là duyên khác với thật làm chân thật.

Chúng sinh nếu hành, có lấy giới cấm thủ làm tịnh, duyên theo tà cầu tìm điều tốt, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thọ nhận thân của người thứ tám.

Chúng sinh nếu hành, có sinh vào gia đình thuộc tộc họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ.

Chúng sinh nếu hành, có sinh nơi trời Tứ Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Diệm, trời Đâu suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại.

Chúng sinh nếu hành, có sinh nơi trời Phạm, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm.

Chúng sinh nếu hành, có sinh nơi trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm.

Chúng sinh nếu hành, có sinh nơi trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh.

Chúng sinh nếu hành, có sinh nơi trời Thật, trời Thiểu thật, trời Vô lượng thật, trời Quả thật.

Chúng sinh nếu hành, có sinh nơi trời Vô tướng.

Chúng sinh nếu hành, có sinh nơi trời Vô thắng, trời Vô nhiệt, trời Thiện kiến, trời Diệu thiện kiến, trời A ca nị trá.

Chúng sinh nếu hành, có sinh nơi trời Không xứ, trời Thức xứ, trời Bất dụng xứ, trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

Chúng sinh nếu hành, có lìa pháp dục ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Có diệt giác quán, nội tịnh tín, nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ hai. Có lìa hỷ, xả, hành niệm biết thân thọ nhận lạc, như các Thánh nhân giải, xả hành niệm lạc, thành tựu hành của thiên thứ ba. Có đoạn khổ vui, trước diệt ưu hỷ, không khổ không vui, xả niệm tịnh, thành tựu hành của thiên thứ tư.

Chúng sinh nếu hành, có lìa tất cả tướng sắc, diệt tướng giận, không tư duy về từng ấy tướng, thành tựu hành của xứ vô biên không. Có lìa tất cả xứ không, thành tựu hành của xứ vô biên thức. Có lìa tất

cả xứ thức, thành tựu hành của xứ bất dụng. Có lia tất cả xứ bất dụng, thành tựu hành của xứ phi tướng phi phi tướng.

Chúng sinh nếu hành, có thọ nhận vô lượng từng ấy thần túc, có thể làm chấn động đại địa, dùng một làm thành nhiều, dùng nhiều làm thành một, cho đến thân Phạm thiên được tự tại.

Có thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá người thường, nghe hai thứ tiếng: Tiếng của người và tiếng của hàng phi nhân.

Có nhận biết tâm của người khác, của chúng sinh khác: Có tâm dục nhận biết như thật là có tâm dục. Không có tâm dục nhận biết như thật là không có tâm dục. Cho đến có tâm vượt hơn nhận biết như thật là có tâm vượt hơn. Không có tâm vượt hơn nhận biết như thật là không có tâm vượt hơn.

Hoặc nhớ nghĩ về vô lượng từng ấy thọ mạng đời trước: Một đời, hai đời, ba đời, cho đến thành tựu hành của pháp ấy.

Hoặc thiên nhãn thanh tịnh, vượt quá người thường, quán sự sinh tử của chúng sinh: Sắc đẹp, sắc xấu, dục thiện, dục ác, thấp kém, vượt hơn, cho đến nhận biết nghiệp chúng sinh đã gây tạo.

Chúng sinh nếu hành, có được chánh quyết định đối với trên, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.

Chúng sinh nếu hành, là được do lực tôn quý tự tại.

Chúng sinh nếu hành, không có đoạn mạng của mẹ, cho đến không có được do lực tôn quý tự tại.

Như thế, Đức Như Lai đối với đến tất cả xứ đạo đều lựa chọn phân biệt như thật, duyên nơi tuệ, là phương tiện giải thoát của tri kiến. Đó gọi là trí lực của Như Lai đến tất cả xứ đạo.

Hỏi: Thế nào gọi là lực của Như Lai?

Đáp: Đức Như Lai ở nơi xứ này, do trí lực tôn quý tự tại, lực tôn thắng, lực tối thắng tối thượng, không có hàng người thiện, đại

nhân nào có thể vượt qua. Đức Như Lai đã thành tựu lực này, những nơi chốn mong muốn đều như chỗ đã mong muốn, hết thấy chỗ mong muốn về xuất định, nhập định cũng thế. Đó gọi là lực của Như Lai.

Hỏi: Thế nào là trí lực của Như Lai về thiên định, giải thoát, nhập khởi định cấu tịnh?

Thế nào là thiên? Như Tỳ-kheo đã lìa bỏ pháp dục ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Diệt giác quán, nội tịnh tín, nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ hai. Lìa hỷ, hành xả niệm biết thân thọ nhận lạc, như các Thánh nhân đã giải hành xả niệm lạc, thành tựu hành của thiên thứ ba. Đoạn khổ vui, trước hết diệt ưu hỷ, không khổ không vui, xả niệm tịnh, thành tựu hành của thiên thứ tư. Đó gọi là thiên.

Thế nào là giải thoát? Sắc quán sắc, là giải thoát thứ nhất. Trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc, là hai giải thoát. Tịnh giải thoát, là ba giải thoát. Lìa tất cả tướng sắc, diệt tướng giân, không tư duy về từng ấy tướng, thành tựu hành của xứ vô biên không, là bốn giải thoát. Lìa tất cả xứ không, thành tựu hành của xứ vô biên thức, là năm giải thoát. Lìa tất cả xứ thức, thành tựu hành của xứ vô sở hữu, là sáu giải thoát. Lìa tất cả xứ bất dụng, thành tựu hành của xứ phi tướng phi phi tướng, là bảy giải thoát. Lìa tất cả xứ phi tướng phi phi tướng, thành tựu hành của diệt thọ tướng, là tám giải thoát. Như thế gọi là giải thoát.

Thế nào là định? Định có giác có quán, định không giác có quán, định không giác không quán. Định không, định vô tướng, định vô nguyện. Đó gọi là định.

Thế nào là nhập định? Nhập định tướng, định vô tướng, định tùy tướng, định không tùy tướng, định của sắc không chung, định của sắc chung, định vô thắng, định của nhất thiết nhập. Đó gọi là nhập định.

Thế nào là cấu? Cấu của dục, cấu của giận, cấu của si, cấu của phiền não, cấu của hành ác do chướng cái trói buộc cùng cấu ứ của pháp khác. Nếu thiên định giải thoát nhập định cấu ứ, là bất tịnh, là không khởi, là không trong lành, không vi diệu, là nghiệp nhiễm ô, không có ánh sáng. Đó gọi là cấu.

Thế nào là tịnh? Nếu dục hết, giận hết, si hết, phiền não hết, chướng cái trói buộc hành ác hết và các pháp cấu ứ khác hết. Nếu thiên định, giải thoát, nhập định không cấu tịnh, khởi nghiệp tịnh trong không nhiễm ô, có ánh sáng. Đó gọi là tịnh.

Thế nào là khởi? Như nơi thiên thứ nhất khởi tâm nhập thiên thứ hai. Như nơi thiên thứ nhất khởi tâm nhập thiên thứ ba. Như nơi thiên thứ nhất khởi tâm nhập thiên thứ tư. Như nơi thiên thứ hai khởi tâm nhập thiên thứ ba. Như nơi thiên thứ hai khởi tâm nhập thiên thứ tư. Như nơi thiên thứ ba khởi tâm nhập thiên thứ tư. Đó gọi là khởi.

Lại nữa, nếu tịnh tức là khởi, nếu khởi tức là tịnh, đó gọi là khởi tịnh.

Đức Như Lai đối với thiên định, giải thoát, nhập khởi định cấu tịnh đều nhận biết như thật. Như thế, Đức Như Lai đối với thiên định, giải thoát, nhập khởi định cấu tịnh đều phân biệt lựa chọn, duyên nơi tuệ, là phương tiện giải thoát của trí kiến. Đó gọi là trí lực của Như Lai về thiên định, giải thoát, nhập khởi định cấu tịnh.

Hỏi: Thế nào là lực của Như Lai?

Đáp: Đức Như Lai ở nơi xứ này, do trí lực tôn quý tự tại, lực tôn thắng, lực tối thắng tối thượng, không có hàng người thiện, đại nhân nào có thể vượt qua. Đức Như Lai đã thành tựu lực này, những nơi chón mong muốn đều như chỗ đã mong muốn, hết thấy chỗ mong muốn về xuất định, nhập định cũng thế. Đó gọi là lực của Như Lai.

Hỏi: Thế nào là lực trí chứng của Như Lai nhớ nghĩ về thọ mạng đời trước?

Đáp: Đức Như Lai nhớ nghĩ về từng ấy thọ mạng đời trước của mình và người khác. Nhớ nghĩ hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, hoặc mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, hoặc một ngàn đời, trăm ngàn đời, vô lượng trăm đời, vô lượng ngàn đời.

Hoặc như kiếp thành, kiếp hoại, hoặc kiếp thành hoại. Hoặc vô lượng kiếp thành, vô lượng kiếp hoại, vô lượng kiếp thành hoại. Ta vốn ở nơi chốn ấy, đã mang tên họ như thế, đời sống như thế, ăn uống như thế, mạng căn như thế, thọ mạng dài ngắn như thế, nhận lấy khổ vui như thế. Từ đời đó sau cùng sinh vào chốn kia. Từ chốn kia mạng chung sinh vào chốn này. Thành tựu hành nhớ nghĩ lại từng ấy thọ mạng đời trước của mình.

Như người từ thôn xóm của mình đến thôn xóm của người khác, ở nơi thôn xóm khác kia hoặc đi, đứng, ngồi, nói năng, yên lặng. Từ thôn xóm ấy đến thôn xóm khác, ở nơi thôn xóm khác kia hoặc đi, đứng, ngồi, nói năng, yên lặng. Từ thôn xóm khác kia đến thôn xóm khác nữa, hoặc đi, đứng, ngồi, nói năng, yên lặng.

Người này sau đó trở lại thôn xóm của mình, nhớ nghĩ lại về tất cả thôn xóm trước kia, không cho là khó: Ta đã từ thôn xóm của mình đến thôn xóm người khác. Ta đã ở nơi thôn xóm kia, đã đi như thế, đứng như thế, ngồi như thế, nói năng như thế, yên lặng như thế. Ta đã từ thôn xóm ấy đến thôn xóm khác. Ta đã ở nơi thôn xóm đó, đã đi như thế, đứng như thế, ngồi như thế, nói năng như thế, yên lặng như thế. Ta đã từ thôn xóm ấy lại đến thôn xóm khác nữa. Ta đã ở nơi thôn xóm đó, đã đi như thế, đứng như thế, ngồi như thế, nói năng như thế, yên lặng như thế. Ta đã trở lại nơi thôn xóm của mình. Như vậy, Đức Như Lai đã nhớ nghĩ về vô lượng từng ấy thọ mạng đời trước của mình và người khác. Nhớ nghĩ lại hoặc một đời, hai đời, ba đời, cho đến thành tựu hành ấy.

Như thế, trí chứng của Như Lai đã nhớ nghĩ về thọ mạng đời trước đều lựa chọn phân biệt như thật, duyên nơi tuệ, là phương tiện giải thoát của tri kiến. Đó gọi là lực trí chứng của Như Lai nhớ nghĩ về thọ mạng đời trước.

Hỏi: Thế nào là lực của Như Lai?

Đáp: Đức Như Lai ở nơi xứ này, do trí lực tôn quý tự tại, lực tôn thắng, lực tối thắng tối thượng, không có hàng người thiện, đại nhân nào có thể vượt qua. Đức Như Lai đã thành tựu lực này, những nơi chôn mong muốn đều như chỗ đã mong muốn, hết thấy chỗ mong muốn về xuất định, nhập định cũng thế. Đó gọi là lực của Như Lai.

Hỏi: Thế nào là lực trí chứng của Như Lai về sinh tử của chúng sinh?

Đáp: Như thế, Đức Như Lai do thiên nhãn thanh tịnh vượt quá người thường, đã thấy rõ chúng sinh nơi sinh tử: Sắc đẹp, sắc xấu, nẻo thiện, nẻo ác, thấp kém, vượt hơn, nhận biết chúng sinh như nghiệp đã gây tạo.

Chúng sinh này, thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, tạo thành hành tà kiến, hủy báng Thánh nhân, duyên nơi nghiệp tà kiến, nên thân hoại mạng chung bị đọa vào nẻo ác là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Chúng sinh này, thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, đã thành tựu hành chánh kiến, không hủy báng Thánh nhân, duyên nơi nghiệp chánh kiến, nên thân hoại mạng chung được sinh vào nẻo thiện là trong nẻo người, trên cõi trời.

Như thế, thiên nhãn thanh tịnh vượt quá người thường, thấy rõ chúng sinh nơi sinh tử: Sắc đẹp, sắc xấu, nẻo thiện, nẻo ác, thấp kém, vượt hơn, nhận biết chúng sinh như nghiệp đã gây tạo.

Như trong thành ấp, thôn xóm có đài cao, người có mắt thanh tịnh đứng trên đài ấy trông thấy chúng sinh nơi phía đông qua lại vòng quanh khắp hướng tây. Thấy chúng sinh nơi phía tây qua lại vòng quanh

khắp hướng đông. Thấy chúng sinh nơi phía nam qua lại vòng quanh khắp hướng bắc. Thấy chúng sinh nơi phía bắc qua lại vòng quanh khắp phương bắc. Lại thấy người ở bên đài ra vào lui tới vây quanh.

Như thế, thiên nhãn của Như Lai thanh tịnh vượt quá người thường, đã thấy rõ chúng sinh nơi sinh tử: Sắc đẹp, sắc xấu, nẻo thiện, nẻo ác, thấp kém, vượt hơn, cho đến nhận biết chúng sinh như nghiệp đã gây tạo.

Như thế, trí chứng của Như Lai đối với chúng sinh nơi sinh tử đã phân biệt lựa chọn như thật, duyên nơi tuệ, là phương tiện giải thoát của tri kiến. Đó gọi là lực trí chứng của Như Lai về sinh tử của chúng sinh.

Hỏi: Thế nào là lực của Như Lai?

Đáp: Đức Như Lai ở nơi xứ này, do trí lực tôn quý tự tại, lực tôn thắng, lực tối thắng tối thượng, không có hàng người thiện, đại nhân nào có thể vượt qua. Đức Như Lai đã thành tựu lực này, những nơi chốn mong muốn đều như chỗ đã mong muốn, hết thấy chỗ mong muốn về xuất định, nhập định cũng thế. Đó gọi là lực của Như Lai.

Hỏi: Thế nào là trí lực của Như Lai về hữu lậu đã dứt hết?

Thế nào là hữu lậu? Có bảy lậu: (1) Lậu do kiến đoạn. (2) Lậu do nhãn đoạn. (3) Lậu do thân cận đoạn. (4) Lậu do xa lìa đoạn. (5) Lậu do điều phục đoạn. (6) Lậu do giới đoạn. (7) Lậu do tư duy đoạn. Đó gọi là lậu.

Thế nào là lậu dứt hết? Nếu lậu hết, duyên hết, điều phục duyên, điều phục để lìa, chánh thức lìa bỏ, loại bỏ hẳn, đoạn xuất. Đó gọi là lậu dứt hết.

Như thế, thân của Như Lai và của người khác, lậu đã dứt hết, Như Lai đều nhận biết như thật. Như nước suối trong sạch không đục, nếu nơi suối kia có cát đá, các loài ốc trai, rùa, trạnh, cá, ba ba

v.v... bò chậm chạp hoặc bơi lội trong đó, mắt người thanh tịnh nhìn thấy chúng rất rõ, nhất là khi chúng đến gần bờ, nước trong bên dưới là cát sỏi.

Như thế, Đức Như Lai nơi chính mình và người khác, lậu đã dứt hết đều nhận biết như thật, đều phân biệt chọn lựa như thật, duyên nơi tuệ, là phương tiện giải thoát của tri kiến. Đó gọi là trí lực của Như Lai về hữu lậu đã dứt hết.

Hỏi: Thế nào là lực của Như Lai?

Đáp: Đức Như Lai ở nơi xứ này, do trí lực tôn quý tự tại, lực tôn thắng, lực tối thắng tối thượng, không có hàng người thiện, đại nhân nào có thể vượt qua. Đức Như Lai đã thành tựu lực này, những nơi chôn mong muốn đều như chỗ đã mong muốn, hết thấy chỗ mong muốn về xuất định, nhập định cũng thế. Đó gọi là lực của Như Lai.

Đây là mười lực của Như Lai.

Hỏi: Thế nào là mười hai trí tánh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Các Tỳ-kheo! Ta sẽ nói về mười hai trí tánh, các ông nên lắng nghe, khéo thọ nhận, khéo tư duy!

Các Tỳ-kheo thưa: Xin vâng. Các Tỳ-kheo chí tâm lắng nghe.

Đức Thế Tôn nói: Những gì là mười hai trí? Tỳ-kheo! Khổ Thánh đế này, là pháp trước chưa nghe. Ta đã sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh giải. Các Tỳ-kheo nên biết! Khổ Thánh đế này nên nhận biết, là pháp trước chưa nghe. Ta đã sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh giải. Tỳ-kheo! Ta đã nhận biết khổ Thánh đế này rồi, là pháp trước chưa nghe. Ta đã sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh giải.

Tỳ-kheo! Tập Thánh đế này, là pháp trước chưa nghe. Ta đã sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh

giải. Các Tỳ-kheo nên biết! Tập Thánh đế này nên đoạn, là pháp trước chưa nghe. Ta đã sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh giải. Tỳ-kheo! Ta đã đoạn tập Thánh đế này rồi, là pháp trước chưa nghe. Ta đã sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh giải.

Tỳ-kheo! Diệt Thánh đế này, là pháp trước chưa nghe. Ta đã sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh giải. Các Tỳ-kheo nên biết! Diệt Thánh đế này nên chứng, là pháp trước chưa nghe. Ta đã sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh giải. Tỳ-kheo! Ta đã chứng diệt Thánh đế này rồi, là pháp trước chưa nghe. Ta đã sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh giải.

Tỳ-kheo! Đạo Thánh đế này, là pháp trước chưa nghe. Ta đã sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh giải. Các Tỳ-kheo nên biết! Đạo Thánh đế này nên tu, là pháp trước chưa nghe, sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh giải. Tỳ-kheo! Ta đã tu đạo Thánh đế này rồi, là pháp trước chưa nghe, sinh trí, sinh nhãn, sinh giác, sinh minh, sinh thuật, sinh tuệ, sinh giải.

Tỳ-kheo! Bốn Thánh đế này có ba phần thành mười hai hành: Nếu Ta không nhận biết như thật thì không chứng đắc đạo quả Chánh giác vô thượng, cũng không nói là chứng đắc.

Tỳ-kheo! Ba phần của bốn Thánh đế này thành mười hai hành, vì ta đã nhận biết như thật, nên hiện nay, ta đã chứng đắc đạo quả Chánh giác vô thượng, cũng nói là đắc. Đó gọi là mười hai trí tánh.

Hỏi: Thế nào là bốn mươi bốn trí tánh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Tỳ-kheo! Ta sẽ nói về bốn mươi bốn trí tánh. Các ông nên lắng nghe, lắng nghe kỹ, khéo thọ nhận, khéo tư duy.

Các Tỳ-kheo thưa: Như thế, bạch Đức Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo chí tâm lắng nghe. Đức Thế Tôn nói: Những gì là bốn mươi bốn trí? Như thế, Tỳ-kheo nhận biết lão tử, nhận biết lão tử tập, nhận biết lão tử diệt, nhận biết lão tử diệt đạo.

Sinh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập, danh sắc, thức, hành. Nhận biết hành, nhận biết hành tập, nhận biết hành diệt, nhận biết hành diệt đạo.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo nhận biết lão tử?

Thế nào là lão? Nghĩa là các chúng sinh trong các chúng, sự sống suy hao, gầy ốm, mặt nhăn nheo, các căn đã chín muồi, hành của mạng thu ngắn. Đó gọi là lão.

Thế nào là tử? Nghĩa là các chúng sinh, các chúng sinh sau cùng xả bỏ ấm, thân diệt mất tan hoại, vật này biến đổi khác, lìa thế gian. Đó gọi là tử.

Như thế là Tỳ-kheo nhận biết lão tử.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo nhận biết lão tử tập?

Đáp: Như Tỳ-kheo do sinh tập nên nhận biết lão tử tập. Như thế là Tỳ-kheo nhận biết lão tử tập.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo nhận biết lão tử diệt?

Đáp: Như Tỳ-kheo do sinh diệt nên nhận biết lão tử diệt. Như thế là Tỳ-kheo nhận biết lão tử diệt.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo nhận biết lão tử diệt đạo?

Đáp: Như Tỳ-kheo nhận biết như thật về tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh giác, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như thế là Tỳ-kheo nhận biết lão tử diệt đạo.

Nếu Tỳ-kheo nhận biết lão tử, nhận biết lão tử tập, nhận biết lão tử diệt, nhận biết lão tử diệt đạo. Đó gọi là pháp trí.

Tỳ-kheo đối với trí hiện tại sáng tỏ, thường hiểu rõ do quá khứ, vị lai để giữ lấy sự đối chiếu. Như Sa-môn, Bà-la-môn quá khứ đã nhận biết lão tử, đã nhận biết lão tử tập, đã nhận biết lão tử diệt, đã nhận biết lão tử diệt đạo.

Các Sa-môn, Bà-la-môn kia đã nhận biết tất cả như ta tự nhận biết. Như Sa-môn, Bà-la-môn vị lai sẽ nhận biết về lão tử khổ, sẽ nhận biết lão tử tập, sẽ nhận biết lão tử diệt, sẽ nhận biết lão tử diệt đạo. Nếu tất cả sẽ nhận biết, như ta đã tự nhận biết. Đó gọi là tử trí.

Nếu Tỳ-kheo có hai trí sáng rõ là pháp trí, tử trí, đó gọi là Tỳ-kheo có kiến giải đầy đủ, được có thể nhẫn, được pháp vượt hơn, được vô úy. Hướng đến pháp này để điều phục, nhận biết pháp này được điều phục, thấy rõ pháp này đã điều phục. Học nhận biết, học thuật thành tựu, truyền hướng về pháp, đối với pháp phạm tịnh hạnh, tất có thể thường trụ, đối với môn cam lộ được tự tại giải thoát.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo nhận biết về sinh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập, danh sắc, thức, hành?

Hỏi: Thế nào là hành?

Đáp: Ba hành: Thân hành, khẩu hành, ý hành, đó gọi là hành. Như thế là Tỳ-kheo nhận biết hành.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo nhận biết hành tập?

Đáp: Như Tỳ-kheo do vô minh tập nên nhận biết hành tập. Như thế là Tỳ-kheo nhận biết hành tập.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo nhận biết hành diệt?

Đáp: Như Tỳ-kheo do vô minh diệt nên nhận biết hành diệt. Như thế là Tỳ-kheo nhận biết hành diệt.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo nhận biết hành diệt đạo?

Đáp: Như Tỳ-kheo nhận biết như thật về tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh giác, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như thế là Tỳ-kheo nhận biết hành diệt đạo.

Tỳ-kheo như thế là nhận biết hành, nhận biết hành tập, nhận biết hành diệt, nhận biết hành diệt đạo. Đó gọi là pháp trí.

Tỳ-kheo đối với trí hiện tại sáng tỏ, thường hiểu rõ do quá khứ, vị lai để giữ lấy sự đối chiếu. Như Sa-môn, Bà-la-môn quá khứ đã nhận biết hành, nhận biết hành tập, nhận biết hành diệt, nhận biết hành diệt đạo.

Các Sa-môn, Bà-la-môn kia đã nhận biết tất cả như ta tự nhận biết. Như Sa-môn, Bà-la-môn vị lai sẽ nhận biết hành, sẽ nhận biết hành tập, sẽ nhận biết hành diệt, sẽ nhận biết hành diệt đạo. Nếu tất cả sẽ nhận biết, như ta đã tự nhận biết. Đó gọi là tỳ trí.

Nếu Tỳ-kheo có hai trí sáng tỏ là pháp trí, tỳ trí, đó gọi là Tỳ-kheo có kiến giải đầy đủ, được có thể nhẫn, được pháp vượt hơn, được vô úy. Hướng đến pháp này để điều phục, nhận biết pháp này được điều phục, thấy rõ pháp này đã điều phục. Học nhận biết, học thuật thành tựu, truyền hướng về pháp, đối với pháp phạm tịnh hạnh, tất có thể thường trụ, đối với môn cam lộ được tự tại giải thoát. Đó gọi là bốn mươi bốn trí tánh.

Hỏi: Thế nào là bảy mươi bảy trí tánh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Tỳ-kheo! Ta sẽ nói về bảy mươi bảy trí tánh. Các ông nên lắng nghe, nghe cho kỹ, khéo thọ nhận, khéo tư duy.

Các Tỳ-kheo thưa: Như vậy, bạch Đức Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo chí tâm lắng nghe. Đức Thế Tôn nói: Thế nào là bảy mươi bảy trí? Trí vô minh duyên hành, trí không có vô minh,

không có hành. Như trí vô minh quá khứ duyên hành, trí không có vô minh, không có hành. Như trí vô minh vị lai duyên hành, trí không có vô minh, không có hành. Nếu trí là pháp trụ, trí ấy cũng là pháp tận, pháp biến đổi, pháp lìa dục, pháp diệt. Cho đến trí sinh duyên lão tử, trí không sinh không lão tử. Như trí sinh quá khứ duyên lão tử, trí không sinh không lão tử. Trí sinh vị lai duyên lão tử, trí không sinh không lão tử. Nếu trí là pháp trụ, trí ấy cũng là pháp tận, pháp biến đổi, pháp lìa dục, pháp diệt. Đó gọi là bảy mươi bảy trí tánh.

HẾT – QUYỂN 11

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 12

Phẩm thứ 5: PHẦN KHÔNG HỎI VỀ DUYÊN

Phương tiện của duyên thiện. Duyên thiện. Hiểu rõ phương tiện có duyên. Phương tiện có duyên của nhãn Thánh không phải là trí. Phương tiện có duyên của trí Thánh không phải là nhãn.

Thọ nhận vấn đáp, nhân pháp câu sinh: Nếu nhân đây có đây. Nếu không nhân không có đây. Nếu ở đây sinh thì có ở đây sinh. Nếu ở đây diệt thì có ở đây diệt.

Nếu vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử, ưu bi, khổ não là tụ khổ thành tụ. Như thế là thuần khổ gồm đủ. Vô minh diệt tức hành diệt, cho đến sinh diệt thì lão tử cùng tụ, ưu bi khổ não diệt. Như thế tụ khổ diệt là phương tiện duyên thành tụ.

Nếu người kia đối với duyên quá khứ sinh nghi hoặc: Ngã quá khứ là có? Ngã không phải quá khứ là có? Thế nào là tánh quá khứ là có? Thế nào là nhân quá khứ là có?

Nếu đối với duyên vị lai sinh nghi hoặc: Ngã vị lai là có? Ngã không phải vị lai là có? Thế nào là tánh vị lai là có? Thế nào là nhân vị lai là có?

Hoặc người kia đối với nhân duyên sinh nghi hoặc: Ngã vì sao là có? Ngã vì sao là không có? Thế nào là nhân có? Thế nào là xứ sinh? Chúng sinh này từ đâu đến? Chúng sinh này đến nơi nào?

Hoặc đối với Phật sinh nghi hoặc: Là Phật, Thế Tôn hay không phải là Phật, Thế Tôn? Đức Thế Tôn khéo thuyết pháp hay Đức Thế Tôn không khéo thuyết pháp?

Chúng Thanh văn của Đức Thế Tôn hướng đến thiện hay chúng Thanh văn của Đức Thế Tôn hướng đến bất thiện?

Hành là thường hay hành là vô thường? Hành là khổ hay hành không phải là khổ? Hành là pháp ngã hay không phải là pháp ngã?

Niết-bàn là vắng lặng hay Niết-bàn không phải là vắng lặng?

Có cho hay không có cho? Có thí hay không có thí? Có thờ cúng hay không có thờ cúng? Có quả báo của nghiệp thiện ác hay không có quả báo của nghiệp thiện ác?

Có đời nay hay không có đời nay? Có đời sau hay không có đời sau?

Có cha mẹ hay không có cha mẹ? Có trời hay không có trời?

Chúng sinh có hóa sinh hay chúng sinh không có hóa sinh?

Thế gian có Sa-môn, Bà-la-môn hướng về chánh, đến nơi chốn chánh. Hoặc đời nay, đời sau, tự chứng biết nêu bày.

Thế gian không có Sa-môn, Bà-la-môn hướng về chánh, đến nơi chốn chánh. Hoặc đời nay, đời sau, tự chứng biết nêu bày.

Nếu đối với pháp sinh nghi hoặc, tâm không quyết định, do dự, là hai, tức tâm nghi tâm không hiểu rõ. Vô lượng nghi không dứt hết, không phải là giải thoát. Lúc này là không có.

Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn duyên khác với thật cho: Ngã thế gian là thường, đây là thật, ngoài ra là hư dối. Cho đến có Niết-bàn như khứ, không có Niết-bàn như khứ. Lúc này cũng là không có, hướng chi phương tiện duyên của Thánh đã thành tựu, nên trọn không có phiền não cấu uế ấy.

Hỏi: Thế nào là duyên?

Đáp: Như Đức Phật nói với các Tỳ-kheo: Ta sẽ nói về duyên và pháp duyên sinh. Thế nào là duyên? Vô minh duyên hành. Nếu chư Phật xuất thế, hoặc không xuất thế, thì pháp vẫn trụ nơi pháp giới, trụ nơi pháp giới kia. Như Lai chánh giác, chánh giải xong, diễn thuyết, khai thị, phân biệt, hiển hiện, nói vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử. Nếu như pháp này là như thế, không phải là không như thế, không khác, không là vật khác, là pháp thường, pháp thật, pháp trụ, pháp định, duyên như thế đó gọi là duyên.

Hỏi: Thế nào là pháp duyên sinh?

Đáp: Lão tử là vô thường, hữu vi, do duyên sinh, là pháp tận, pháp đổi khác, pháp lia dục, pháp diệt. Cho đến vô minh là vô thường, hữu vi, do duyên sinh, là pháp tận, pháp đổi khác, pháp lia dục, pháp diệt. Đó gọi là pháp duyên sinh.

Hỏi: Thế nào là phương tiện duyên?

Đáp: Như duyên kia, hoặc duyên này sinh pháp, nếu là phương tiện giải thoát của tri kiến, đó gọi là phương tiện duyên. Tỳ-kheo ngang bằng với mức nào gọi là phương tiện của duyên thiện? Duyên kia, duyên đây sinh pháp, biết như thật, thấy như thật, đều gọi là phương tiện của duyên thiện.

Hỏi: Thế nào là vô minh?

Đáp: Căn bất thiện si, đó gọi là vô minh.

Hỏi: Thế nào là vô minh duyên hành?

Đáp: Vô minh duyên hành phước, hành phi phước, hành bất động.

Hỏi: Thế nào là hành phi phước?

Đáp: Là thân hành bất thiện, miệng hành bất thiện, ý hành bất thiện.

Hỏi: Thế nào là thân hành bất thiện?

Đáp: Nếu người không có tuệ, vô minh không đoạn dứt, hành sát sinh, trộm cắp, dâm dục và các hành bất thiện khác của thân, đó gọi là thân hành bất thiện.

Hỏi: Thế nào là miệng hành bất thiện?

Đáp: Nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, hành nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt và các hành bất thiện khác của miệng, đó gọi là miệng hành bất thiện.

Hỏi: Thế nào là ý hành bất thiện?

Đáp: Nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, khởi tham dục, giận dữ, tà kiến, đó gọi là ý hành bất thiện.

Hành bất thiện của thân, miệng, ý này được gọi là hành phi phước, do vô minh duyên hành nơi đời hiện tại.

Hỏi: Thế nào là hành phước?

Đáp: Là thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện.

Hỏi: Thế nào là thân hành thiện?

Đáp: Nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục và các hành thiện khác của thân, đó gọi là thân hành thiện.

Hỏi: Thế nào là miệng hành thiện?

Đáp: Nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, không nói dối, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời thô ác, không nói lời thêu dệt và các hành thiện khác của miệng, đó gọi là miệng hành thiện.

Hỏi: Thế nào là ý hành thiện?

Đáp: Nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, không tham, không giận, hành chánh kiến, đó gọi là ý hành thiện.

Hành thiện của thân, miệng, ý này được gọi là hành phước, do vô minh duyên hành nơi đời hiện tại.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã lia pháp dục ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Thân nghiệp của người ấy không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Khẩu nghiệp không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Ý nghiệp do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy. Hành thiện của thân, khẩu, ý như thế đó gọi là hành phước, do vô minh duyên hành nơi đời hiện tại.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, diệt giác quán, nội tín tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ hai. Thân nghiệp của người ấy không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Khẩu nghiệp không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Ý nghiệp do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy. Hành thiện của thân, khẩu, ý như thế đó gọi là hành phước, do vô minh duyên hành nơi đời hiện tại.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, lia hỷ, xả hành niệm biết thân thọ nhận lạc, như các Thánh nhân hành giải xả niệm lạc, thành tựu hành của thiền thứ ba. Thân nghiệp của người ấy không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Khẩu nghiệp không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Ý nghiệp do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy. Hành thiện của thân, khẩu, ý như thế đó gọi là hành phước, do vô minh duyên hành nơi đời hiện tại.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã đoạn khổ lạc, trước diệt ưu hỷ, không khổ không lạc, xả niệm tịnh, thành tựu hành của thiền thứ tư. Thân nghiệp của người ấy không

biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Khẩu nghiệp không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Ý nghiệp do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy. Hành thiện của thân, khẩu, ý như thế đó gọi là hành phước, do vô minh duyên hành nơi đời hiện tại.

Đó gọi là hành phước.

Hỏi: Thế nào là hành bất động?

Đáp: Nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã lìa tất cả tướng sắc, diệt tướng giận, không tư duy về từng ấy tướng, thành tựu hành của xứ vô biên không. Thân nghiệp của người ấy không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Khẩu nghiệp không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Ý nghiệp do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy. Hành thiện của thân, khẩu, ý như thế đó gọi là hành bất động, do vô minh duyên hành nơi đời hiện tại.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã lìa tất cả xứ không, thành tựu hành của xứ vô biên thức. Thân nghiệp của người ấy không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Khẩu nghiệp không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Ý nghiệp do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy. Hành thiện của thân, khẩu, ý như thế đó gọi là hành bất động, do vô minh duyên hành nơi đời hiện tại.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã lìa tất cả xứ thức, thành tựu hành của xứ vô sở hữu. Thân nghiệp của người ấy không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Khẩu nghiệp không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Ý nghiệp do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy. Hành thiện của thân, khẩu, ý như thế đó gọi là hành bất động, do vô minh duyên hành nơi đời hiện tại.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã lia tất cả xứ vô sở hữu, thành tựu hành của xứ phi hữu tướng phi vô tướng. Thân nghiệp của người ấy không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Khẩu nghiệp không biểu hiện, giới là đối tượng nhận biết của ý thức thuộc pháp nhập. Ý nghiệp do ý sinh thọ, tướng, tư, xúc, tư duy. Hành thiện của thân, khẩu, ý như thế đó gọi là hành bất động, do vô minh duyên hành nơi đời hiện tại.

Đó gọi là hành bất động.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, tạo hành của thân, khẩu, ý bất thiện. Vì tạo hành bất thiện, nên thân hoại mạng chung, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thọ nhận thân năm ấm. Như thế, duyên nơi hành của đời hiện tại, thọ nhận hành vị lai. Đó gọi là vô minh duyên hành vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, hoặc sinh trong nẻo người, hoặc trên nẻo trời thuộc cõi dục. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh trong nẻo người, trên nẻo trời thuộc cõi dục, thọ thân năm ấm. Như thế, duyên nơi hành của đời hiện tại, thọ nhận hành vị lai. Đó gọi là vô minh duyên hành vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi sắc. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi sắc. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh nơi trời thuộc cõi sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên nơi trời thuộc cõi sắc, thọ thân năm ấm. Như thế, duyên nơi hành của đời hiện tại, thọ nhận hành vị lai. Đó gọi là vô minh duyên hành vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân miệng ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi vô sắc. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh nơi trời thuộc cõi vô sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên nơi trời thuộc cõi vô sắc, thọ thân bốn ấm. Như thế, duyên nơi hành của đời hiện tại, thọ nhận hành vị lai. Đó gọi là vô minh duyên hành vị lai.

Như Đức Phật nói: Này A-nan! Hành có duyên. Như thế, Tôn giả A-nan hỏi xong, có đáp: Hành do gì duyên? Vô minh duyên hành. Đây là đáp. A-nan! Nếu không có vô minh thì có hành không? Bạch Thế Tôn, không có. Này A-nan! Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên hành, như vô minh duyên hành, như trước vừa nói, do đây nên nói.

Hỏi: Thế nào là hành duyên thức?

Đáp: Có duyên tư của dục chung, sinh thức của dục chung. Như thế, duyên nơi hành hiện tại, sinh thức hiện tại, gọi là hành duyên thức hiện tại. Có giận chung, có si chung, không dục chung, không giận chung, không si chung. Thiện, bất thiện có duyên tư vô ký, có sinh thức vô ký. Như thế, duyên nơi hành hiện tại, sinh thức hiện tại, đó gọi là hành duyên thức hiện tại. Nhân duyên sắc sinh thức. Hành của nhãn, hành của sắc kia, như duyên với thức. Như thế, duyên nơi hành hiện tại sinh thức hiện tại, là hành hiện tại duyên thức hiện tại. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý duyên pháp sinh thức. Hành của ý kia là pháp hành như duyên nơi thức. Như thế là duyên nơi hành hiện tại sinh thức hiện tại. Đó gọi là hành hiện tại duyên thức hiện tại.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, khởi thân hành bất thiện, miệng hành bất thiện, ý hành bất thiện. Tạo hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, đã thọ nhận nghiệp của thức đầu tiên. Nhân là đầu mối nơi tập duyên sinh nhãn thức, cho đến ý thức và sau là nhận rõ thức.

Như thế, duyên nơi hành hiện tại sinh thức vị lai. Đó gọi là hành duyên thức vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Tạo hành thiện rồi, thân hoại mạng chung, hoặc sinh trong nẻo người, hoặc sinh trên nẻo trời thuộc cõi dục. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên hoặc sinh trong nẻo người, hoặc sinh nơi sáu trời thuộc cõi dục, đã thọ nhận nghiệp của thức đầu tiên. Nhân là đầu mối nơi tập duyên sinh nhãn thức, cho đến ý thức và sau là nhận rõ thức. Như thế, duyên nơi hành hiện tại sinh thức vị lai. Đó gọi là hành duyên thức.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi sắc. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi sắc. Tạo hành thiện rồi, thân hoại mạng chung, sinh nơi các trời thuộc cõi sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên nơi các trời thuộc cõi sắc, đã thọ nhận nghiệp của thức đầu tiên. Nhân là đầu mối nơi tập duyên sinh nhãn thức, cho đến ý thức và sau là nhận rõ thức. Như thế, duyên nơi hành hiện tại sinh thức vị lai. Đó gọi là hành duyên thức vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi vô sắc. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi vô sắc. Tạo hành thiện rồi, thân hoại mạng chung, sinh nơi các trời thuộc cõi vô sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên nơi các trời thuộc cõi vô sắc, đã thọ nhận nghiệp của thức đầu tiên. Nhân là đầu mối nơi tập duyên sinh ý giới, ý thức giới và sau là nhận rõ thức. Như thế, duyên nơi hành hiện tại sinh thức vị lai. Đó gọi là hành duyên thức vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân miệng ý tạo hành ác. Tạo hành ác như thế xong, thân hoại mạng chung, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Do nhân là đầu mối

nơi duyên, nên bị đọa vào địa ngục, súc sinh, nga quỷ, người kia có tư bất thiện cùng với thức tư. Như thế, duyên nơi hành vị lai thọ nhận thức vị lai. Đó gọi là hành duyên thức vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, hoặc sinh trong nẻo người, hoặc sinh trên trời thuộc cõi dục. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên hoặc trong nẻo người, hoặc trên trời thuộc cõi dục, người kia có tư thiện cùng với thức tư. Như thế, duyên nơi hành vị lai thọ nhận thức vị lai. Đó gọi là hành duyên thức vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi sắc. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi sắc. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trên trời thuộc cõi sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh trên trời thuộc cõi sắc, có tư cùng với thức tư. Như thế, duyên nơi hành vị lai sinh thức vị lai. Đó gọi là hành duyên thức vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi vô sắc. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi vô sắc. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trên trời thuộc cõi vô sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh trên trời thuộc cõi vô sắc, có tư bất động cùng với thức tư. Như thế, duyên nơi hành vị lai sinh thức vị lai. Đó gọi là hành duyên thức vị lai.

Lại nữa, nếu hành sau cùng, chưa nhận biết mà diệt, hoặc hành vô gián đã diệt rồi, thức nối tiếp sinh nơi nẻo khác, thì hành ấy là duyên vô gián của duyên kia. Nếu nhân nơi thức nối tiếp sinh nơi nẻo khác, thì duyên của hành kia là duyên nhân của thức ấy. Nếu tư duy về hành, thức kia nối tiếp sinh nơi nẻo khác, thì duyên của hành

ấy là duyên cảnh giới của thức kia. Nếu hành, thức nổi tiếp sinh nơi nẻo khác, thì duyên của hành ấy là duyên y của thức ấy. Nếu báo nơi hành, thức nổi tiếp sinh nơi nẻo khác, thì duyên của hành kia là duyên báo của thức ấy. Nếu khởi hành, thức nổi tiếp sinh nơi nẻo khác, thì duyên của hành kia là duyên khởi của thức ấy. Nếu hành tương ưng với thức, nổi tiếp sinh nơi nẻo khác, thì duyên của hành ấy là duyên khác của thức kia. Nếu hành, thức tăng thượng nổi tiếp sinh nơi nẻo khác, thì duyên của hành ấy là duyên tăng thượng của thức kia. Thức sau cùng diệt, thức đầu tiên nổi tiếp sinh nơi nẻo khác. Thức sau cùng diệt rồi, thức đầu tiên tức sinh, không có trung gian. Dụ như bóng di chuyển theo mặt trời nổi tiếp, mặt trời di chuyển thì bóng nổi tiếp, bóng cùng với mặt trời không có trung gian. Như thế, thức sau cùng diệt, thức đầu tiên nổi tiếp sinh nơi nẻo khác. Thức sau diệt rồi, tức thọ nhận thức đầu, không có trung gian.

Nếu thức đầu tiên, hoặc thức sau cùng là pháp tương ưng thì không đến thức sau. Dụ như nhãn thức diệt rồi, sinh nhĩ thức, nhĩ thức diệt rồi sinh nhãn thức. Pháp tương ưng của nhãn thức không đến với nhĩ thức. Pháp tương ưng của nhĩ thức không đến với nhãn thức. Như thế, thức sau cùng, pháp tương ưng của thức sau cùng không đến với thức ban đầu. Pháp tương ưng của thức ban đầu không đến với thức sau. Thức sau diệt rồi, tức sinh thức ban đầu. Nghĩa là thời gian này đi qua, tức đây diệt kia sinh, đây là sau cùng kia là bắt đầu. Không phải là mạng kia thân kia, không phải là mạng khác thân khác. Không phải thường, không phải đoạn, không phải đi, không phải đến, không phải thay đổi. Không phải không nhân, không phải không tạo tác, không phải ở đây tạo tác, ở đây thọ nhận, không phải tạo tác khác, thọ nhận khác. Nhận biết có đi đến. Nhận biết có sinh tử. Nhận biết có nghiệp cùng nổi tiếp. Nhận biết có thuyết pháp. Nhận biết có duyên. Không có người từ đây đến kia. Không có người từ kia đến đây. Vì sao? Vì nghiệp duyên nổi tiếp nhau sinh.

Như Đức Phật nói: Này A-nan! Thức có duyên. Như thế, Tôn giả A-nan hỏi xong, có lời đáp: Thức có gì duyên? Là hành duyên. Đây là đáp. A-nan! Nếu không có hành thì có thức không? Bạch Đức Thế Tôn, không có. A-nan đáp. Do vậy, này A-nan, đây là nhân, đầu mỗi nơi duyên thức. Nếu hành duyên thức thì như vừa nói, do đây nên nói.

Hỏi: Thế nào là thức duyên danh sắc?

Đáp: Có duyên cùng dục, thức sinh. Thân nghiệp có dục sinh, khẩu nghiệp có dục sinh, ý nghiệp có dục sinh. Thân nghiệp, khẩu nghiệp cùng có dục, đó gọi là sắc. Ý nghiệp cùng có dục, do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đó gọi là danh. Như thế, duyên nơi thức hiện tại sinh danh sắc hiện tại, đó gọi là thức duyên danh sắc hiện tại.

Cùng có giận dữ, cùng có ngu si, không cùng có dục, không cùng có giận dữ, không cùng có ngu si. Thiện, bất thiện có duyên thức vô ký. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp vô ký. Thân nghiệp, khẩu nghiệp vô ký, đó gọi là sắc. Ý nghiệp vô ký, do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đó gọi là danh. Như thế, duyên nơi thức hiện tại sinh danh sắc hiện tại, đó gọi là thức hiện tại duyên danh sắc hiện tại.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, tạo thức bất thiện. Người kia đã tạo thức bất thiện xong, thân hoại mạng chung, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Do nhân là đầu mỗi nơi duyên, nên sinh vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là danh sắc. Bốn đại, sắc do bốn đại tạo, gọi là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, gọi là danh. Như thế gọi là duyên nơi thức hiện tại sinh danh sắc vị lai, đó gọi là thức duyên danh sắc vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã tạo thức thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Tạo nên thức thiện rồi, thân hoại mạng chung, hoặc sinh trong nẻo người, hoặc sinh trên các

trời thuộc cõi dục. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên thọ nhận danh sắc trong nẻo người, hoặc thọ nhận danh sắc trên các trời thuộc cõi dục. Bốn đại, sắc do bốn đại tạo, gọi là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, gọi là danh. Như thế là duyên nơi thức hiện tại sinh danh sắc vị lai, đó gọi là thức duyên danh sắc vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã lia pháp dục ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất, đạt hỷ lạc kia. Nơi thiên thứ nhất tôn thượng có thể nhiếp trụ hỷ lạc. Nơi thiên thứ nhất tôn thượng có thể nhiếp trụ xong, thức dựa vào lạc để giữ lấy. Người ấy thân hoại mạng chung, sinh trên các trời thuộc cõi sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh danh sắc trên các trời thuộc cõi sắc. Bốn đại, sắc do bốn đại tạo, là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, là danh. Như thế là duyên nơi thức hiện tại sinh danh sắc vị lai, đó gọi là thức duyên danh sắc vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã lia tất cả xứ vô sở hữu, thành tựu hành hỷ lạc của xứ phi hữu tướng phi vô tướng. Xứ phi hữu tướng phi vô tướng kia tôn thượng, có thể nhiếp trụ hỷ lạc. Xứ phi hữu tướng phi vô tướng tôn thượng có thể nhiếp trụ nhiều xong, thức dựa vào chỗ nhận giữ lạc, tu hành nhiều, khi thân hoại mạng chung, sinh trên trời xứ phi hữu tướng phi vô tướng. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh danh trên trời xứ phi hữu tướng phi vô tướng. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, gọi là danh. Như thế là duyên nơi thức hiện tại sinh danh vị lai, đó gọi là thức duyên danh sắc vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã tạo hành thân bất thiện, hành miệng bất thiện, hành ý bất thiện. Tạo hành bất thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh vào ba nẻo ác là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Thức đầu tiên cùng với thức kia là danh sắc. Bốn đại, sắc do bốn đại tạo, là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư

duy, là danh. Như thế là duyên nơi thức vị lai sinh danh sắc vị lai, đó gọi là thức duyên danh sắc vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân, khẩu, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, hoặc sinh trong nẻo người, hoặc sinh trên các trời thuộc cõi dục. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh trong nẻo người, hoặc sinh trên các trời thuộc cõi dục, thức ban đầu cùng với thức kia là danh sắc. Bốn đại, sắc do bốn đại tạo, là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, là danh. Như thế là duyên nơi thức vị lai sinh danh sắc vị lai, đó gọi là thức duyên danh sắc vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân đã tạo hành thiện hữu lậu, sẽ sinh nơi cõi sắc. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ sinh nơi cõi sắc. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trên các trời thuộc cõi sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh nơi cõi sắc. Thức đầu tiên cùng với thức kia là danh sắc. Bốn đại, sắc do bốn đại tạo, là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, là danh. Như thế, duyên nơi thức vị lai sinh danh sắc vị lai, đó gọi là thức duyên danh sắc vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân tạo hành thiện hữu lậu, sẽ sinh nơi cõi vô sắc. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ sinh nơi cõi vô sắc. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trên các trời thuộc cõi vô sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh trên trời của cõi vô sắc. Thức ban đầu cùng với thức kia danh. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, là danh. Như thế là duyên nơi thức vị lai sinh danh vị lai, đó gọi là thức duyên danh vị lai.

Như Đức Phật nói: Này A-nan! Danh sắc có duyên. Như thế, Tôn giả A-nan hỏi xong, có lời đáp.

Danh sắc có gì duyên?

Thức duyên danh sắc, đây là đáp.

Này A-nan! Thức không vào thai, có danh sắc sinh không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Này A-nan! Thức nhập thai, không xuất, có danh sắc tập hợp không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Này A-nan! Nếu thức của trẻ con đoạn hoại, không có, thức ấy có danh sắc tăng trưởng rộng lớn không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Này A-nan! Không có tất cả thức thì có danh sắc không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Do vậy, này A-nan! Do nhân là đầu mỗi nơi duyên danh sắc. A-nan! Nếu thức duyên danh sắc thì như đã nói, do đây nên nói.

Hỏi: Thế nào là danh sắc duyên sáu nhập, duyên đoạn thực?

Đáp: Nhãn căn hiện tại tươi đủ, tăng trưởng. Căn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều tươi đủ, tăng trưởng. Đoạn thực nghĩa là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy là danh. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh sáu nhập hiện tại, đó gọi là danh sắc duyên sáu nhập hiện tại, duyên y phục, tắm gội, là điều hợp thân. Nhãn căn hiện tại tươi đủ, tăng trưởng. Căn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều tươi đủ, tăng trưởng, y phục, tắm gội, là điều hợp thân. Đoạn thực gọi là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy gọi là danh. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh sáu nhập hiện tại, đó gọi là danh sắc duyên sáu nhập hiện tại, duyên sắc của xứ hỷ. Nhãn căn hiện tại tươi đủ, tăng trưởng. Căn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều tươi đủ, tăng trưởng. Sắc của xứ hỷ gọi là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy gọi là danh. Như thế là danh sắc duyên sáu nhập hiện tại.

Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo A-la-hán, các lậu đã dứt hết, việc làm đã xong, bỏ hẳn gánh nặng, đầy đủ lợi mình, phiền não đều hết, chánh giải thoát xong, thọ nghiệp thù thắng thành tựu. Nhãn căn hiện tại kia tươi đủ tăng trưởng. Căn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều tươi đủ, tăng trưởng. Nếu là thân nghiệp, khẩu nghiệp của người thật gọi là sắc. Nếu ý nghiệp do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy gọi là danh. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh sáu nhập hiện tại, đó gọi là danh sắc duyên sáu nhập hiện tại.

Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo đạt đại thân túc, đại oai lực, ở nơi tự thân khởi tâm hóa làm sắc thân khác, tất cả chi phần, các căn đều thành tựu, hiện tại tươi đủ tăng trưởng, nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn đều tươi đủ tăng trưởng. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp của người thật đó là sắc. Nếu ý nghiệp của người thật do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh sáu nhập hiện tại, đó gọi là danh sắc duyên sáu nhập hiện tại.

Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo đắc thân túc, tâm được tự tại, mạng hành trụ hoặc một kiếp, hoặc giảm một kiếp. nhãn căn hiện tại kia tươi đủ tăng trưởng, các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều tươi đủ tăng trưởng. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp của người thật đó là sắc. Nếu ý nghiệp của người thật do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh sáu nhập hiện tại, đó gọi là danh sắc duyên sáu nhập hiện tại.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, tạo hành thân, khẩu, ý bất thiện. Hành của thân, khẩu bất thiện gọi là sắc. Hành của ý bất thiện do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, gọi là danh. Tạo danh sắc bất thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh ra sáu căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý của ba nẻo ác ấy. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh sáu nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên sáu nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Hành thiện của thân, miệng gọi là sắc. Hành thiện của ý do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, gọi là danh. Tạo danh sắc thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trong nẻo người, hoặc sinh trên các trời thuộc cõi dục. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh sáu căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý trong nẻo người, hoặc trên các trời thuộc cõi dục. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh sáu nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên sáu nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã lìa pháp dục ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp của người hành đó là sắc. Nếu ý nghiệp của người hành, do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy đó là danh. Người kia đã tạo danh sắc thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trên các trời thuộc cõi sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh các căn nhãn, nhĩ, thân, ý trên trời thuộc cõi sắc. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh sáu nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên sáu nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã diệt giác quán, nội tịnh tâm tín, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ hai. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp của người hành, đó là sắc. Nếu ý nghiệp của người hành, do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Người kia tạo danh sắc thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trên trời thuộc cõi sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh các căn nhãn, nhĩ, thân, ý trên trời thuộc cõi sắc. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, lìa hỷ, xả niệm, thân trí thọ nhận lạc, như các Thánh nhân có thể hành

xả niệm lạc, thành tựu hành của thiên thứ ba. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp là của người hành, đó là sắc. Nếu ý nghiệp là của người hành, do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Người kia đã tạo danh sắc thiện xong, do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh các căn nhãn, nhĩ, thân, ý trên trời thuộc cõi sắc. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã trừ bỏ khổ, lạc, trước diệt ưu, hỷ, xả niệm tịnh, không khổ không lạc, thành tựu hành của thiên thứ tư. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp là của người hành, đó là sắc. Nếu ý nghiệp là của người hành, do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Tạo danh sắc thiện rồi, thân hoại mạng chung, sinh trên trời thuộc cõi sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh các căn nhãn, nhĩ, thân, ý trên trời thuộc cõi sắc. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, tư duy như thế, tưởng là tai hại, là mụn nhọt, là mũi tên độc của ta. Vô tưởng là tịch tĩnh, là thượng diệu, có thể thành tựu hành của định vô tưởng. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp là của người hành, đó là sắc. Định vô tưởng gọi là danh. Người kia đã tạo danh sắc thiện rồi, thân hoại mạng chung, sinh trên trời Vô tưởng. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên sinh các căn nhãn, nhĩ, thân, ý trên trời vô tưởng. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người dựa nơi cùng giác của Thánh, lìa pháp dục ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp của người thật, đó là sắc. Nếu ý nghiệp của người thật, do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Người kia đã tạo danh sắc thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trên trời Tịnh cư. Do nhân là đầu mối nơi

duyên, nên sinh các căn nhãn, nhĩ, thân, ý trên trời Tịnh cư. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người dựa nơi cùng giác của Thánh, diệt giác quán, nội tịnh tâm tín, không giác không quán, dựa vào định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ hai. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp là của người thật, đó là sắc. Nếu ý nghiệp là của người thật, do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc tư duy, đó là danh. Người ấy đã tạo danh sắc thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trên trời Tịnh cư. Do nhân là đầu mỗi nơi duyên, nên được các căn nhãn, nhĩ, thân, ý trên trời Tịnh cư. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người dựa nơi cùng giác của Thánh, lìa hỷ, hành xả niệm biết thân thọ nhận lạc, như các Thánh nhân có thể hành xả niệm lạc, thành tựu hành của thiên thứ ba. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp là của người thật, đó là sắc. Nếu ý nghiệp là của người thật, do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Người ấy đã tạo danh sắc thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trên trời Tịnh cư. Do nhân là đầu mỗi nơi duyên, nên được các căn nhãn, nhĩ, thân, ý trên trời Tịnh cư. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người dựa nơi cùng giác của Thánh, đoạn khổ lạc, trước diệt ưu hỷ, xả niệm tịnh không khổ không vui, thành tựu hành của thiên thứ tư. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp là của người thật, đó là sắc. Nếu ý nghiệp là của người thật, do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Người kia đã tạo danh sắc thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trên trời Tịnh cư. Do nhân là đầu mỗi nơi duyên, nên được các căn nhãn, nhĩ, thân, ý trên trời Tịnh cư. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã lìa tất cả tướng sắc, diệt tướng giận, không tư duy về từng ấy tướng, thành tựu hành của xứ vô biên không. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp là của người hành, đó là sắc. Nếu ý nghiệp là của người hành, do ý sinh thọ, tướng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Người kia đã tạo danh sắc thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh nơi trời Không xứ. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên được ý căn nơi trời Không xứ. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, lìa tất cả xứ không, thành tựu hành của xứ vô biên thức. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp là của người hành, đó là sắc. Nếu ý nghiệp là của người hành, do ý sinh thọ, tướng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Người kia đã tạo danh sắc thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh trên trời Thức xứ. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên được ý căn trên trời Thức xứ. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã lìa tất cả xứ thức, thành tựu hành của xứ vô sở hữu. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp là của người hành, đó là sắc. Nếu ý nghiệp là của người hành, do ý sinh thọ, tướng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Người kia đã tạo danh sắc thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh lên trời Vô sở hữu xứ. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên được ý căn trên trời Vô sở hữu xứ. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã lìa tất cả xứ vô sở hữu, thành tựu hành của xứ phi hữu tướng phi vô tướng. Nếu thân nghiệp, khẩu nghiệp là của người hành, đó là sắc. Nếu ý nghiệp là của người hành, do ý sinh thọ, tướng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Người kia đã tạo danh sắc thiện xong, thân hoại mạng

chung, sinh lên trời Phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên được ý căn trên trời Phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Như thế là duyên nơi danh sắc hiện tại sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, đã tạo hành của thân, khẩu, ý bất thiện. Tạo hành bất thiện xong, thân hoại mạng chung, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên thọ nhận danh sắc của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Bốn đại, sắc do bốn đại tạo, là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, là danh. Danh sắc tăng trưởng, nên thọ nhận sáu căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Như thế là duyên nơi danh sắc vị lai sinh sáu nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên sáu nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Miệng, ý tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi dục. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, hoặc sinh trong nẻo người, hoặc trên trời thuộc cõi dục. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên được danh sắc trong nẻo người và trên trời thuộc cõi dục. Bốn đại, sắc do bốn đại tạo, là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, là danh. Danh sắc tăng trưởng, được sáu căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý trong nẻo người, hoặc trên trời thuộc cõi dục. Như thế là duyên nơi danh sắc vị lai sinh sáu nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên sáu nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân đã tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi sắc. Miệng, ý đã tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi sắc. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh lên trời thuộc cõi sắc. Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên được danh sắc trên trời thuộc cõi sắc. Bốn đại, sắc do bốn đại tạo, là sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, là danh. Danh sắc tăng trưởng, nên được các căn nhãn, nhĩ, thân, ý trên trời thuộc

cõi sắc. Như thế là duyên nơi danh sắc vị lai sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Lại nữa, nếu người không có tuệ, vô minh chưa đoạn dứt, thân đã tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi vô sắc. Miệng, ý đã tạo hành thiện hữu lậu, sẽ thọ sinh nơi cõi vô sắc. Tạo hành thiện xong, thân hoại mạng chung, sinh lên trời thuộc cõi vô sắc. Do nhân là đầu mỗi nơi duyên, nên được danh trên trời thuộc cõi vô sắc. Do ý sinh thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đó là danh. Danh tăng trưởng nên được ý căn trên trời thuộc cõi vô sắc. Như thế là duyên nơi danh sắc vị lai sinh nhập vị lai, đó gọi là danh sắc duyên nhập vị lai.

Như Đức Phật đã nói: Này A-nan! Sáu nhập có duyên. Như thế Tôn giả A-nan hỏi xong, có đáp.

Sáu nhập do gì duyên?

Danh sắc duyên sáu nhập. Đây là đáp.

Này A-nan! Không có tất cả danh sắc thì có sáu nhập không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Như thế, này A-nan! Do nhân là đầu mỗi nơi duyên sáu nhập. Này A-nan! Danh sắc duyên sáu nhập, như đã nói, vì thế nên nói.

Hỏi: Thế nào là sáu nhập duyên xúc?

Đáp: Sáu nhập duyên hai xúc: Thân xúc, tâm xúc, đó gọi là sáu nhập duyên xúc.

Lại nữa, sáu nhập duyên ba xúc: Xúc lạc, xúc khổ, xúc bất khổ bất lạc, đó gọi là sáu nhập duyên xúc.

Lại nữa, sáu nhập duyên ba xúc: Xúc hệ thuộc cõi dục, xúc hệ thuộc cõi sắc, xúc hệ thuộc cõi vô sắc, đó gọi là sáu nhập duyên xúc.

Lại nữa, sáu nhập duyên năm xúc: Là xúc tương ưng với năm thọ căn, đó gọi là sáu nhập duyên xúc.

Lại nữa, sáu nhập duyên sáu xúc: Nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, đó gọi là sáu nhập duyên sáu xúc.

Lại nữa, sáu nhập duyên bảy xúc: Xúc tương ưng với nhãn thức giới, xúc tương ưng với nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý giới, ý thức giới, đó gọi là sáu nhập duyên xúc.

Lại nữa, sáu nhập duyên mười tám xúc: Xúc lạc, xúc khô, xúc không lạc không khô của nhãn. Xúc lạc, xúc khô, xúc không lạc không khô của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Đó gọi là sáu nhập duyên xúc.

Như Đức Phật đã nói: Này A-nan! Xúc có duyên. Như thế Tôn giả A-nan hỏi xong, có đáp.

Xúc có gì duyên?

Sáu nhập duyên xúc. Đây là đáp.

Này A-nan! Nếu không có sáu nhập thì có xúc không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Này A-nan! Do nhân là đầu mối nơi duyên xúc. A-nan! Sáu nhập duyên xúc, như vừa nói, vì thế nên nói.

Hỏi: Thế nào là xúc duyên thọ?

Đáp: Xúc duyên hai thọ: Thân thọ, tâm thọ, đó gọi là xúc duyên thọ.

Lại nữa, xúc duyên ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, đó gọi là xúc duyên thọ. Cho đến xúc duyên mười tám thọ, như trên đã nói. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

Như Đức Phật đã nói: Này A-nan! Thọ có duyên. Như thế Tôn giả A-nan hỏi xong, có đáp.

Thọ có gì duyên?

Xúc duyên thọ. Đây là đáp.

Này A-nan! Nếu không có tất cả xúc thì có thọ không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Này A-nan! Do nhân là đầu mối nơi duyên thọ. A-nan! Xúc duyên thọ, như trước vừa nói. Vì thế nên nói.

Hỏi: Thế nào là thọ duyên ái?

Đáp: Lạc thọ duyên nơi nhãn xúc, sinh lạc thọ của nhãn xúc. Xúc kia đã là lạc thọ của nhãn xúc xong, lạc thọ của nhãn xúc kia do hỷ lạc ái chấp trước nên có thể nhẫn trụ. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, lạc thọ duyên nơi nhãn xúc, sinh lạc thọ của nhãn xúc. Xúc kia đã là lạc thọ của nhãn xúc xong, đối với lạc thọ của nhãn xúc khác có hy vọng, hoặc tương tự, hoặc thắng diệu. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, lạc thọ duyên nơi nhãn xúc, sinh lạc thọ của nhãn xúc. Xúc kia đã là lạc thọ của nhãn xúc xong, đối với bất khổ bất lạc thọ của nhãn xúc có hy vọng. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, khổ thọ duyên nơi nhãn xúc, sinh khổ thọ của nhãn xúc. Xúc kia đã là khổ thọ của nhãn xúc xong, đối với lạc thọ của nhãn xúc có hy vọng. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, khổ thọ duyên nơi nhãn xúc, sinh khổ thọ của nhãn xúc. Nếu xúc đã là khổ thọ của nhãn xúc xong, hy vọng khiến ta đoạn hoại không có. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, khổ thọ duyên nơi nhãn xúc, sinh khổ thọ của nhãn xúc. Nếu xúc đã là khổ thọ của nhãn xúc xong, đối với bất khổ bất lạc thọ của nhãn xúc thì hy vọng. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, bất khổ bất lạc thọ duyên nơi nhãn xúc, sinh bất khổ bất lạc thọ của nhãn xúc. Xúc kia đã là bất khổ bất lạc thọ của nhãn xúc xong, đối với lạc thọ của nhãn xúc có hỷ, lạc, ái chấp trước có thể nhẫn trụ. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, bất khổ bất lạc thọ duyên nơi nhãn xúc, sinh bất khổ bất lạc thọ của nhãn xúc. Nếu xúc đã là bất khổ bất lạc thọ của nhãn xúc xong, đối với bất khổ bất lạc thọ của nhãn xúc khác thì hy vọng, hoặc tương tợ, hoặc thắng diệu. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, bất khổ bất lạc thọ duyên nơi nhãn xúc, sinh bất khổ bất lạc thọ của nhãn xúc. Nếu xúc đã là bất khổ bất lạc thọ của nhãn xúc xong, đối với lạc thọ của nhãn xúc thì hy vọng. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, lạc thọ duyên nơi ý xúc, sinh lạc thọ của ý xúc xong, lạc thọ của ý xúc kia có hỷ lạc ái chấp trước, có thể nhẫn trụ. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, lạc thọ duyên nơi ý xúc, có hỷ lạc ái chấp trước, có thể nhẫn trụ. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, lạc thọ duyên nơi ý xúc, sinh lạc thọ của ý xúc. Nếu xúc đã là lạc thọ của ý xúc xong, đối với lạc thọ của ý xúc khác, hy vọng hoặc tương tợ, hoặc thắng diệu. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, lạc thọ duyên nơi ý xúc, sinh lạc thọ của ý xúc. Xúc kia là lạc thọ của ý xúc xong, đối với bất khổ bất lạc thọ thì hy vọng. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, khổ thọ duyên nơi ý xúc, sinh khổ thọ của ý xúc. Xúc kia đã là khổ thọ của ý xúc xong, đối với lạc thọ của ý xúc thì hy vọng. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, khổ thọ duyên nơi ý xúc, sinh khổ thọ của ý xúc. Xúc kia đã là khổ thọ của ý xúc xong, thì hy vọng khiến ta đoạn hoại không có. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, khổ thọ duyên nơi ý xúc sinh khổ thọ của ý xúc. Xúc kia đã là khổ thọ của ý xúc xong, đối với bất khổ bất lạc thọ của ý xúc thì hy vọng. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, bất khổ bất lạc thọ duyên nơi ý xúc, sinh bất khổ bất lạc thọ của ý xúc. Nếu xúc kia đã là bất khổ bất lạc thọ của ý xúc xong, thì hy vọng có thể nhẫn trụ. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, bất khổ bất lạc thọ duyên nơi ý xúc, sinh bất khổ bất lạc thọ của ý xúc. Nếu xúc kia đã là bất khổ bất lạc thọ của ý xúc xong, thì đối với bất khổ bất lạc thọ của ý xúc khởi hy vọng, hoặc tương tợ, hoặc thắng diệu. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, bất khổ bất lạc thọ duyên nơi ý xúc, sinh bất khổ bất lạc thọ của ý xúc. Nếu xúc kia đã là bất khổ bất lạc thọ của ý xúc xong, thì đối với lạc thọ của ý xúc khởi hy vọng. Đó gọi là thọ duyên ái.

Như Đức Phật đã nói: Này A-nan! Ái có duyên. Như thế Tôn giả A-nan hỏi xong, có đáp.

Ái do gì duyên?

Thọ duyên ái. Đây là đáp.

Này A-nan! Nếu không có tất cả thọ thì có ái không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Này A-nan! Do nhân là đầu mối nơi duyên ái. A-nan! Thọ duyên ái, như trước vừa nói. Vì thế nên nói.

Hỏi: Thế nào là ái duyên thủ?

Đáp: Ái chưa đoạn. Ái dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Đó gọi là ái duyên thủ.

Thế nào là dục thủ? Trừ xúc ban đầu của ái nơi cõi dục, nếu còn lại là ái của cõi dục được mở rộng, đó gọi là dục thủ.

Thế nào là kiến thủ? Trừ giới thủ, nếu là kiến thủ còn lại.

Thế nào là giới thủ? Giới trộm (giới cầm thủ), đó gọi là giới thủ.

Thế nào là ngã thủ? Trừ xúc đầu của ái nơi cõi sắc, vô sắc, nếu còn lại là ái của cõi sắc, vô sắc được mở rộng, đó gọi là ngã thủ.

Thế nào là dục thủ? Trừ xúc đầu của ái nơi cõi dục, cùng kiến thủ, giới thủ, nếu còn lại là phiền não của cõi dục, đó gọi là dục thủ.

Thế nào là kiến thủ? Sáu mươi hai kiến và tà kiến, đó gọi là kiến thủ.

Thế nào là giới thủ? Giới tịnh, đạo tịnh, cả hai cùng tịnh. Giải thoát không dựa vào chỗ diệt hết biên vực khổ, nếu đối với giới đạo kia có thể nhẫn dục ái. Giới, nghĩa là giới của thân, khẩu. Đạo, nghĩa là đạo tà cầu điều tốt, nuôi giữ tóc lợi xuống nước, thờ lửa, thờ mặt trời, mặt trăng. Đi như bò, đi như nai, đi như chó, đi lặng lẽ, tìm sức đi, cầu đại nhân đi, vô số thứ khổ hạnh và cầu tìm điều tốt tà vạy khác. Đó gọi là đạo. Nếu giới kia, đạo này, cầu tìm, cầu tìm lần nữa, cầu tìm cuối cùng, đều cho là tịnh, là giải thoát, cho là giới tịnh, cho là ta giải thoát, cho là Thánh, là A-la-hán, là bát Niết-bàn. Nếu đối với giới đạo kia đã mong muốn, lại mong muốn, mong muốn cứu cánh, có thể nhẫn thọ. Đó gọi là giới thủ.

Thế nào là ngã thủ? Trừ xúc ái đầu tiên của cõi sắc, vô sắc, cùng giới thủ, kiến thủ, nếu còn lại là phiền não của cõi sắc, vô sắc, đó gọi là ngã thủ.

Như Đức Phật đã nói: Này A-nan! Thủ có duyên. Như thế Tôn giả A-nan hỏi xong, có đáp.

Thủ do gì duyên?

Ái duyên thủ. Đây là đáp.

Này A-nan! Nếu không có tất cả ái thì có thủ không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Này A-nan! Do nhân là đầu mối nơi duyên thủ. A-nan! Ái duyên thủ, như vừa nói ở trước, vì thế nên nói.

Hỏi: Thế nào là thủ duyên hữu?

Đáp: Duyên của dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ chưa đoạn, nếu tạo dục hành, sắc hành, vô sắc hành, nghiệp của thân, khẩu, ý có báo, đó gọi là thủ duyên hữu.

Lại nữa, thủ duyên ba hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

Thế nào là dục hữu? Có hai thứ dục hữu: Hoặc dục hữu tức nghiệp hữu, hoặc dục hữu tức sinh hữu.

Thế nào là dục hữu tức nghiệp hữu? Hành dục chưa hết, chưa nhận biết, chưa đoạn trừ. Nếu tạo hành dục là nghiệp thân, khẩu, ý có báo. Đó gọi là dục hữu tức nghiệp hữu.

Thế nào là dục hữu tức sinh hữu? Nếu tạo nghiệp đã thành rồi, ở nơi các trời thuộc cõi dục, nếu thọ thân là năm thứ phần của ngã tức sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là dục hữu tức sinh hữu.

Hữu này nghĩa là thọ hữu. Hữu này là báo hữu. Hữu này là hậu hữu. Như thế là dục hành nghiệp hữu. Như thế là dục hành sinh hữu. Đó gọi là dục hữu.

Thế nào là sắc hữu? Có hai thứ sắc hữu: Hoặc sắc hữu tức nghiệp hữu, hoặc sắc hữu tức sinh hữu.

Thế nào là sắc hữu tức nghiệp hữu? Hành sắc chưa hết, chưa nhận biết, chưa đoạn trừ. Nếu tạo hành sắc là nghiệp thân, khẩu, ý có báo. Đó gọi là sắc hữu tức nghiệp hữu.

Thế nào là sắc hữu tức sinh hữu? Nếu tạo nghiệp đã thành rồi, ở nơi các trời thuộc cõi sắc, nếu thọ thân là năm thứ phần của ngã tức sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là sắc hữu tức sinh hữu.

Hữu này gọi là thọ hữu. Hữu này là báo hữu. Hữu này là hậu hữu. Như thế là sắc hành nghiệp hữu. Như thế là sắc hành sinh hữu. Đó gọi là sắc hữu.

Thế nào là vô sắc hữu? Có hai thứ vô sắc hữu: Hoặc vô sắc hữu tức nghiệp hữu, hoặc vô sắc hữu tức sinh hữu.

Thế nào là vô sắc hữu tức nghiệp hữu? Hành vô sắc chưa hết, chưa nhận biết, chưa đoạn trừ. Nếu tạo hành vô sắc là nghiệp thân, khẩu, ý có báo. Đó gọi là vô sắc hữu tức nghiệp hữu.

Thế nào là vô sắc hữu tức sinh hữu? Nếu tạo nghiệp đã thành rồi, ở nơi cõi vô sắc thọ nhận thân là bốn thứ phần của ngã tức thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là vô sắc hữu tức sinh hữu.

Hữu này gọi là thọ hữu. Hữu này là báo hữu. Hữu này là hậu hữu. Như thế là vô sắc hành nghiệp hữu. Như thế là vô sắc hành sinh hữu. Đó gọi là vô sắc hữu.

Như Đức Phật đã nói: Này A-nan! Hữu có duyên. Như thế Tôn giả A-nan hỏi xong, có đáp.

Hữu do gì duyên?

Thủ duyên hữu. Đây là đáp.

Này A-nan! Nếu không có tất cả thủ thì có hữu không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Này A-nan! Do nhân là đầu mối nơi duyên, tức thủ duyên hữu, như vừa nói ở trước, vì thế nên nói.

Hỏi: Thế nào là hữu duyên sinh?

Đáp: Nếu các chúng sinh, trong chúng (chúng đồng phận) đã sinh, lại sinh nữa, trụ nơi thai, xuất thai được sinh, âm đủ các nhập là chúng hòa hợp, đó gọi là sinh.

Như Đức Phật đã nói: Này A-nan! Sinh có duyên. Như thế Tôn giả A-nan hỏi xong, có đáp.

Sinh do gì duyên?

Hữu duyên sinh. Đây là đáp.

Này A-nan! Nếu không có tất cả hữu thì có sinh không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Này A-nan! Do nhân là đầu mối nơi duyên, tức hữu duyên sinh, như vừa nói ở trước, vì thế nên nói.

Hỏi: Thế nào là sinh duyên lão tử, có ưu bi, khổ não, tụ khổ lớn?

Hỏi: Thế nào là lão?

Đáp: Chúng sinh già suy, thân hình gầy gò run rẩy, các căn chín muồi, hành của mạng giảm, đó gọi là lão.

Hỏi: Thế nào là tử?

Đáp: Nếu các chúng sinh, sau cùng là chết mất diệt hết. Thời gian trôi qua, âm hoại bỏ thân. Âm này đổi khác, biệt ly với chúng. Đó gọi là tử.

Hỏi: Thế nào là ưu?

Đáp: Chúng sinh tiếp xúc với từng ấy pháp khổ, nếu lo, lại lo nữa, lo cuối cùng, nội tâm lo khiến nóng bức. Đó gọi là ưu.

Hỏi: Thế nào là bi?

Đáp: Lo ràng buộc, bức bách, như tên găm nơi thân, gồm đủ ưu não, tâm rối loạn, khóc than cùng cực, nhớ nghĩ đều khổ, hoặc tự thốt ra lời nói tạp loạn. Đó gọi là bi.

Hỏi: Thế nào là khổ?

Đáp: Nếu thân nhận biết khổ, nhãn xúc là khổ thọ, cho đến thân xúc là khổ thọ. Đó gọi là khổ.

Hỏi: Thế nào là não?

Đáp: Nếu tâm nhận biết khổ, ý xúc là khổ thọ. Đó gọi là não.

Hỏi: Thế nào là tụ khổ lớn?

Đáp: Nếu có các thứ khổ, như khổ vì bị nhục mạ, hoặc tâm bất định. Đó gọi là tụ khổ lớn.

Như Đức Phật đã nói: Này A-nan! Lão tử, ưu bi, khổ não, tụ khổ lớn có duyên. Như thế Tôn giả A-nan hỏi xong, có đáp.

Lão tử, ưu bi, khổ não, tụ khổ lớn có gì duyên?

Sinh duyên lão tử, ưu bi, khổ não, tụ khổ lớn. Đây là đáp.

Này A-nan! Nếu không có sinh, thì có lão tử, ưu bi, khổ não, tụ khổ lớn không?

Bạch Đức Thế Tôn, không có.

Này A-nan! Do nhân là đầu mối nơi duyên, nên có lão tử, ưu bi, khổ não, tụ khổ lớn. Nếu sinh duyên lão tử, ưu bi, khổ não, tụ khổ lớn, như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là tụ tập thuận khổ như thế?

Đáp: Nghĩa là bảy pháp khổ: Lão tử, ưu bi, khổ não, tụ khổ lớn. Đó gọi là âm thuận khổ.

Lại nữa, mười một pháp khổ: Vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu và sinh. Đó gọi là âm thuận khổ.

Lại nữa, cũng có mười tám pháp khổ: Vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, ưu, bi, khổ, não, tụ khổ lớn. Đó gọi là âm thuận khổ.

Như thế, âm thuận khổ có tụ tập, hòa hợp sinh, cùng sinh, sinh xong, cùng sinh xong, xuất, cùng xuất, xuất xong, cùng xuất xong, được thành. Đó gọi là tập của âm thuận khổ.

Hỏi: Thế nào là vô minh diệt thì hành diệt?

Đáp: Nếu vô minh sinh thì hành sinh. Nếu vô minh diệt thì hành diệt. Đó gọi là vô minh diệt thì hành diệt. Cho đến nếu có sinh

thì có lão tử, nếu sinh diệt thì lão tử diệt. Đó gọi là sinh diệt thì lão tử diệt.

Hỏi: Thế nào là âm thuận khổ diệt?

Đáp: Âm thuận khổ: Nghĩa là bảy pháp khổ: Lão tử, ưu bi, khổ não, tụ khổ lớn. Đó gọi là âm thuận khổ.

Lại nữa, mười một khổ, đó gọi là âm thuận khổ.

Lại nữa, mười tám pháp khổ: Vô minh cho đến tụ khổ lớn, đó gọi là âm thuận khổ.

Như thế, âm thuận khổ hết, đổi khác, vắng lặng, diệt mất, đó gọi là âm thuận khổ diệt.

HẾT – QUYỂN 12

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 13

Phẩm thứ 6: PHẦN KHÔNG HỎI VỀ NIỆM XỨ

Hành một đạo. Chúng sinh thanh tịnh. Xa lìa ưu bi. Diệt hết khổ não. Chứng đắc Niết-bàn. Đoạn trừ năm cái. Tu bốn niệm xứ.

Hỏi: Thế nào là một đạo?

Đáp: Một mình ở chôn vẳng vẻ, tĩnh lặng, vui thích siêng năng tinh tấn. Không ưa các nghiệp, không ưa phi nghiệp. Không hành lời nói vô nghĩa, không ưa lời nói vô nghĩa. Không hành ngũ nghĩ, không ưa ngũ nghĩ. Không hành tập ngữ, không ưa tập ngữ. Không hành nương dựa, không ưa nương dựa. Không hành phóng dật, không ưa phóng dật. Không hành thân cận, không ưa thân cận. Như thế là đạo sinh, chánh sinh khởi, chánh khởi xúc chứng. Đó gọi là một đạo.

Lại nữa, một mình xa lìa, bỏ ác, xa lìa, không xen tạp cấu uế, lìa các dục ác. Như thế là đạo sinh, chánh sinh khởi, chánh khởi xúc chứng. Đó gọi là một đạo.

Lại nữa, không cùng với các phiền não tham dục, giận dữ, ngu si. Không cùng với các hành ác tạo chướng ngại, che lấp, trói buộc. Như thế là đạo sinh, chánh sinh khởi, chánh khởi xúc chứng. Đó gọi là một đạo.

Lại nữa, một mình không phóng dật, tinh tấn niệm biết, tu hạnh xa lìa. Như thế là đạo sinh, chánh sinh khởi, chánh khởi xúc chứng. Đó gọi là một đạo.

Lại nữa, một mình ở chốn vắng vẻ, tĩnh lặng, gần gũi tùy thuận an tọa. Hoặc nơi đồng rộng vắng, trong hang sâu nơi núi cao, giữa cụm rừng, tại vùng gò mả, ngòi trên cỏ nơi khoảng đất trống, hay bên dòng nước, xa lìa xóm làng. Như thế là đạo sinh, chánh sinh khởi, chánh khởi xúc chứng. Đó gọi là một đạo.

Lại nữa, tâm riêng trụ, chánh trụ, chánh chỉ, nhất tâm nhập định. Đó gọi là một đạo.

Lại nữa, hoàn toàn nhu hòa, điều phục thanh tịnh. Đó gọi là một đạo.

Lại nữa, các phiền não tham dục, giận dữ, ngu si, các hành ác tạo chướng ngại, che lấp, trói buộc đều dứt hết. Đó gọi là một đạo.

Lại nữa, lìa dục, đạt tịch tĩnh, tu chánh giác, diệt ác, đắc Niết-bàn. Đó gọi là một đạo.

Hỏi: Thế nào gọi là đạo?

Đáp: Một chi đạo, cho đến mười một chi đạo, đó gọi là đạo. Đạo là cầu nối, là nhân, là cửa, là căn, là hướng đến, là đầu mối, là biện biệt, sinh, chánh sinh khởi, chánh khởi xuất, chánh xuất, pháp thiện hòa hợp, thành tựu. Đó gọi là đạo.

Hỏi: Thế nào là chúng sinh thanh tịnh?

Đáp: Chúng sinh nghĩa là năm đạo sinh. Là chúng sinh của nẻo người, trời, nên nói gần gũi bốn niệm xứ, tu hành nhiều học, được giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, kiến thanh tịnh, thọ ký vượt qua nghi thanh tịnh, tri kiến đạo phi đạo thanh tịnh, tri kiến hướng đến đạo thanh tịnh, được tri kiến thanh tịnh. Như thế là khiến chúng sinh

không thanh tịnh thành thanh tịnh, khiến chúng sinh cấu uế thành không cấu uế. Đó gọi là chúng sinh thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là xa lìa ưu bi?

Đáp: Thế nào là ưu? Chúng sinh tiếp xúc với từng ấy pháp khổ. Nếu lo, lại lo nữa, bên trong nóng bức, tâm như bị thiêu đốt. Đó gọi là ưu.

Thế nào là bi? Nghĩa là chúng sinh bị lo lắng trối buộc, bức bách, như bị trúng tên gồm đủ các ưu não, tâm rối loạn, than thở khóc lóc tột cùng, vừa nhớ nghĩ, vừa kể lể, hoặc tự giày vò, miệng nói năng tạp loạn. Đó gọi là bi.

Nếu gần gũi bốn niệm xứ, tu học hành xa lìa ưu bi. Đó gọi là xa lìa ưu bi.

Hỏi: Thế nào là diệt hết khổ não?

Đáp: Thế nào là khổ? Nếu thân nhận biết khổ, từ nhãn xúc là khổ thọ, cho đến thân xúc là khổ thọ, đó gọi là khổ.

Thế nào là não? Nếu tâm nhận biết khổ, ý xúc là khổ thọ, đó gọi là não.

Nếu gần gũi bốn niệm xứ, tu học diệt khổ não, đó gọi là diệt hết khổ não.

Hỏi: Thế nào là đắc Niết-bàn?

Đáp: Niết-bàn nghĩa là bốn quả Sa-môn. Nếu gần gũi bốn niệm xứ, tu học đắc bốn quả Sa-môn, đó gọi là đắc Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là đoạn trừ năm cái?

Đáp: Nếu diệt hết năm cái, đó gọi là đoạn trừ năm cái.

Hỏi: Thế nào là tu bốn niệm xứ?

Đáp: Nghĩa là thân trong quán thân hành, siêng năng, tinh tấn, ứng hợp với chánh trí, chánh niệm, đoạn trừ tham ưu của thế gian.

Thân ngoài quán thân hành, siêng năng, tinh tấn, ứng hợp với chánh trí, chánh niệm, đoạn trừ tham ưu của thế gian. Thân trong ngoài quán thân hành, siêng năng, tinh tấn, ứng hợp với chánh trí, chánh niệm, đoạn trừ tham ưu của thế gian.

Thọ, tâm, pháp cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là thân quán thân hành?

Đáp: Thân, nghĩa là sắc thân của bốn đại, do nhân duyên của cha mẹ cùng ăn uống nuôi lớn, y phục thuận hợp, trang sức làm tươi nhuận thân, là pháp vô thường tan hoại, đổi khác. Đó gọi là thân.

Lại nữa, gọi là thân tức sắc thân, đó gọi là thân.

Lại nữa, thân của địa, thân của thủy, hỏa, phong, đó gọi là thân.

Lại nữa, chúng voi, chúng ngựa, chúng xe, chúng bộ, đó gọi là thân.

Lại nữa, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, sáu ái thân, sáu giác thân, sáu quán thân, đó gọi là thân.

Hỏi: Thế nào là thân trong quán thân hành?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại bên trong, hoặc pháp thuộc về sắc thân của bốn đại nơi một xứ bên trong, đều tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế là quán không phóng dật, tức đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thân trong quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại bên trong, hoặc pháp thuộc về sắc thân của bốn đại nơi một xứ bên trong, quán về khổ thọ như ung nhọt, như mũi tên độc, như vị bệnh, là duyên dựa, là pháp tan hoại, không định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, cho đến danh sắc duyên sáu nhập. Đó gọi là thân trong quán thân hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại bên trong, hoặc pháp thuộc về sắc thân của bốn đại nơi một xứ bên trong, đều tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, cho đến danh sắc diệt thì sáu nhập diệt. Đó gọi là thân trong quán thân hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đi an vui nhận biết là đi an vui, cho đến nằm an vui nhận biết là nằm an vui, thân trụ nơi an vui nhận biết như thật. Đó gọi là thân trong quán thân hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đi đến, co duỗi, xoay chuyển, nhận biết đúng về hành, cho đến ngủ thức, nói năng, im lặng, nhận biết đúng về hành. Đó gọi là thân trong quán thân hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với hơi thở ra dài nhận biết là dài, hơi thở vào dài nhận biết là dài, hơi thở ra ngắn nhận biết là ngắn, hơi thở vào ngắn nhận biết là ngắn. Như thợ kéo quần dây, dây dài nhận biết là dài, dây ngắn nhận biết là ngắn. Đó gọi là thân trong quán thân hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với từ đỉnh đầu đến chân, từ chân đến đỉnh đầu, thấy rõ các thứ bất tịnh. Quán trong thân có lông, tóc, móng, răng, da mỏng, da dày, máu thịt, gân mạch, lá lách, thận, tim, phổi, , đại tiểu tiện, nước mắt, mũi dãi, mủ, máu, mỡ lá, não, mô, mô hôi, tủy xương. Như người mắt tịnh, ở nơi hai cửa của kho lẫm quán thấy các thứ lúa thóc, mè, đậu lớn, đậu nhỏ, đậu áp, đại mạch, tiểu mạch. Như thế, Tỳ-kheo quán trong thân, từ đỉnh đầu đến chân, từ chân đến đỉnh đầu, đủ các thứ bất tịnh. Đó gọi là thân trong quán thân hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán các đại của thân: Trong thân này chỉ có các đại đất, nước, lửa, gió. Như thợ chuyên về mổ xẻ trâu bò, cùng các học trò của ông ta đã mổ xẻ con bò làm bốn phần, hoặc ngồi, đứng, đi, dừng đều chỉ thấy bốn phần. Như thế, Tỳ-kheo quán các đại ấy, nơi thân này chỉ có địa đại, thủy, hỏa, phong đại, nhưng các đại

này chỉ dựa vào tánh của nước, lửa sinh, đều cùng trái nhau. Cho đến thức ăn uống nuôi lớn thân, ốm yếu, không sức, không vững, không mạnh, niệm niệm không dừng. Đó gọi là thân trong quán thân hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán nơi thân có thức ăn dừng lại, thức ăn tích tập, duyên nơi ăn uống được trụ, không ăn uống thì không trụ. Như lửa duyên nơi củi nên cháy, không có củi thì lửa tắt. Như thế, Tỳ-kheo quán thân có thức ăn trụ, có thức ăn tích tập, duyên nơi thức ăn nên trụ, không có thức ăn không trụ.

Như Đức Phật nói:

*Quán thân chốn tập khổ
Tất cả đều duyên ăn
Nếu có trừ diệt ăn
Thì không các khổ ấy
Biết tai hại như thế
Ăn là tạo thành khổ
Tỳ-kheo diệt ăn xong
Tất định đắc Niết-bàn.*

Như thế gọi là thân trong quán thân hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đều là không, cùng là không, cho đến do niệm nhận biết khắp giải hành. Đó gọi là thân trong quán thân hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân là ung nhọt: Thân này có chín mụn nhọt, là cửa tiết ra chất nước dãi, nếu thấm ướt chảy ra đều là bất tịnh. Cho đến như Tôn giả Ma ha Ca-diếp nói: Sắc thân của bốn đại là sự suy yếu, hao tổn, trái nhau, có các thứ dịch vị tiết ra, cho đến thọ mạng ngắn ngủi. Đó gọi là thân trong quán thân hành.

Như thế đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại bên trong, hoặc pháp thuộc về sắc thân của bốn đại nơi một xứ bên trong,

đều tư duy, đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thân trong quán thân hành.

Hỏi: Thế nào gọi là thân trong?

Đáp: Thân nếu là thọ. Nghĩa là nếu tự tánh của duyên sinh bên trong, là phần mình, đó gọi là thân trong.

Hỏi: Thế nào là quán?

Đáp: Nghĩa là như người thật quán vi tế, hiểu biết đúng, duyên nơi quán giải, đó gọi là quán.

Hỏi: Thế nào là hành?

Đáp: Quán vi tế như thế thành trụ, không trái với pháp, gìn giữ hành, hành vi tế, đó gọi là hành.

Hỏi: Thế nào là siêng năng, tinh tấn?

Đáp: Nghĩa là như người thật, nếu thuận với pháp, hành tinh tấn nhiều, đó gọi là siêng năng, tinh tấn.

Lại nữa, nếu thân tâm phát khởi, hiển bày khắp vượt qua, không thoái chuyển, đó gọi là siêng năng, tinh tấn.

Hỏi: Thế nào là chánh trí?

Đáp: Nghĩa là như người thật, thấy biết về phương tiện giải thoát, đó gọi là chánh trí.

Hỏi: Thế nào là niệm?

Đáp: Tức như người thật có nhớ nghĩ, niệm vi tế duyên nơi niệm trụ không quên, niệm nối tiếp không mất, không bị chiếm đoạt, đó gọi là niệm.

Hỏi: Thế nào là thế gian?

Đáp: Có hai thứ thế gian: Thế gian của chúng sinh và thế gian của hành. Thọ sinh trong năm nẻo, đó gọi là thế gian của chúng sinh. Năm thọ ấm đó gọi là thế gian của hành.

Hỏi: Thế nào là tham?

Đáp: Căn bất thiện tham, đó gọi là tham.

Hỏi: Thế nào là ưu?

Đáp: Ý xúc là khổ thọ, đó gọi là ưu.

Hỏi: Thế nào là đoạn trừ?

Đáp: Ngăn chặn, trừ bỏ, đoạn dứt, loại bỏ hẳn, đó gọi là đoạn trừ.

Hỏi: Thế nào là thân ngoài quán thân hành?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại bên ngoài, hoặc pháp thuộc về sắc thân của bốn đại nơi một xứ bên ngoài, đều tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế là quán không phóng dật, tức đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thân ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại bên ngoài, hoặc pháp thuộc về sắc thân của bốn đại nơi một xứ bên ngoài, quán về khổ thọ, như ung nhọt, như mũi tên độc, như vị bệnh, là duyên dựa, là pháp tan hoại, không định, không đầy đủ, có thể mất, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, cho đến danh sắc duyên sáu nhập. Đó gọi là thân ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại bên ngoài, hoặc pháp thuộc về sắc thân của bốn đại nơi một xứ bên ngoài, đều tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, cho đến danh sắc diệt thì sáu nhập diệt. Đó gọi là thân ngoài quán thân hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với các hành khác nơi tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại bên ngoài, hoặc pháp thuộc về sắc thân nơi một xứ bên ngoài, đều tư duy, được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thân ngoài quán thân hành.

Hỏi: Thế nào gọi là thân ngoài?

Đáp: Tức thân không phải là thọ, không phải là nội, không phải là duyên sinh, không phải là tự tánh, không phải là phần mình. Đó gọi là ngoài.

Các nghĩa còn lại như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là thân trong ngoài quán thân hành?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại trong ngoài, hoặc pháp thuộc về sắc thân của bốn đại trong ngoài nơi một xứ, đều tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế là quán không phóng dật, tức đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại trong ngoài, hoặc pháp thuộc về sắc thân của bốn đại trong ngoài nơi một xứ, quán về khổ thọ, như ung nhọt, như mũi tên độc, như vị bệnh, là duyên dựa, là pháp tan hoại, không định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, cho đến xúc duyên thọ. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại trong ngoài, hoặc pháp thuộc về sắc thân của bốn đại trong ngoài nơi một xứ, đều tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, cho đến danh sắc diệt thì sáu nhập diệt. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo nếu thấy tử thi đem bỏ nơi vùng gò mả, hoặc một ngày đến ba ngày. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo nếu thấy tử thi đem bỏ nơi vùng gò mả, hoặc một ngày đến ba ngày, thân thể trương sinh màu xanh bầm. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo nếu thấy tử thi đem bỏ nơi vùng gò mả, hoặc một ngày đến ba ngày, bị các loài chim quạ, các loài thú dữ như cọp, sói, dã can rúc rĩa, cắn xé thân xác để ăn thịt. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo nếu thấy các đốt xương của tử thi kia còn liền nhau, nhưng màu xanh đỏ đã tan rữa, máu mủ bất tịnh xú ứé đáng gớm ghiếc. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo nếu thấy các đốt xương của tử thi kia còn liền nhau, phần da thịt máu me phủ lên các gân mạch còn lại chưa dứt hẳn. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo nếu thấy đốt xương của tử thi liền nhau, máu thịt đã lìa nhưng gân mạch chưa dứt. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo nếu thấy đốt xương của tử thi đã hư hoại, nhưng chưa lìa chỗ cũ. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo nếu thấy đốt xương của tử thi đã đoạn dứt tan hoại, lìa xa chỗ cũ, các xương ống chân, xương chân, xương đùi, xương sống, xương sườn, xương hông, xương tay, chân, vai, cánh tay, cổ, đầu lâu, đều tự di chuyển ở chốn khác. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo nếu thấy đốt xương của tử thi vì đã lâu, nên màu trắng như vỏ ốc, màu xanh như chim bồ câu, mục rã tan hoại. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo nếu thấy tử thi ở trên đồng lửa, đốt cháy tóc, lông, da, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy. Tất cả tóc, lông, cho đến xương tủy dần dần tiêu rụi hết. Quán pháp này, không đến các chốn nơi phương Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới để dừng lại. Pháp này vốn không có mà sinh, đã sinh rồi trở lại diệt. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Cùng tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại nơi các hành khác, hoặc pháp thuộc về sắc thân của bốn đại trong ngoài nơi một xứ, đều tư duy về chúng được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thân trong ngoài quán thân hành.

Hỏi: Thế nào gọi là thân trong ngoài?

Đáp: Nếu thân là thọ, hoặc không phải là thọ, đó gọi là thân trong ngoài.

Các nghĩa còn lại như trên đã nói.

Tỳ-kheo quán thân pháp là hành duyên khởi, quán thân pháp là hành duyên diệt. Tỳ-kheo như thế là quán thân pháp theo hành duyên khởi duyên diệt, có thân khởi niệm bên trong, do trí, do minh, do thức không dựa nơi thân, là hành không có chốn nương dựa, không thọ nhận nơi thế gian. Như vậy Tỳ-kheo, thân trong quán thân hành, siêng năng, tinh tấn, chánh trí, chánh niệm, trừ tham ưu của thế gian. Thân ngoài, thân trong ngoài cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là thọ quán thọ hành?

Đáp: Thọ, nghĩa là sáu thọ: Thọ của nhãn xúc, cho đến thọ của ý xúc. Đó gọi là thọ.

Hỏi: Thế nào là thọ trong quán thọ hành?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả thọ trong, hoặc thọ trong của một xứ, tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế là quán không phóng dật, đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thọ trong quán thọ hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo đối với tất cả thọ trong, hoặc thọ trong của một xứ, tư duy về khổ họa là ung nhọt, là mũi tên độc, là vị bệnh, là duyên dựa, là pháp tan hoại, bất định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, cho đến xúc duyên thọ. Đó gọi là thọ trong quán thọ hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo đối với tất cả thọ trong, hoặc thọ trong của một xứ, tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, cho đến xúc diệt thì thọ diệt. Đó gọi là thọ trong quán thọ hành.

Cùng tất cả thọ trong nơi các hành khác, hoặc thọ trong của một xứ, tư duy về chúng được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thọ trong quán thọ hành.

Hỏi: Thế nào gọi là thọ trong?

Đáp: Nghĩa là trong, là bên trong, là duyên, là tự tánh, là phần mình. Đó gọi là thọ trong.

Các nghĩa còn lại như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là thọ ngoài quán thọ hành?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả thọ ngoài, hoặc thọ ngoài của một xứ, tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế là quán không phóng dật, tức đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thọ ngoài quán thọ hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo đối với tất cả thọ ngoài, hoặc thọ ngoài của một xứ, tư duy về khổ họa là ung nhọt, là mũi tên độc, là vị bệnh, là duyên dựa, là pháp tan hoại, bất định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, cho đến xúc duyên thọ. Đó gọi là thọ ngoài quán thọ hành.

Lại nữa, như Tỳ-kheo đối với tất cả thọ ngoài, hoặc thọ ngoài của một xứ, tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, cho đến xúc diệt thì thọ diệt. Đó gọi là thọ ngoài quán thọ hành.

Cùng tất cả thọ ngoài nơi các hành khác, hoặc thọ ngoài của một xứ, tư duy về chúng được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thọ ngoài quán thọ hành.

Hỏi: Thế nào gọi là thọ ngoài?

Đáp: Hành thọ, không phải là thọ. Nghĩa là ngoài, không phải là trong, không phải là duyên, không phải là tự tánh, không phải là phần mình. Đó gọi là thọ ngoài.

Các nghĩa còn lại như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là thọ trong ngoài quán thọ hành?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả thọ trong ngoài, hoặc thọ trong ngoài của một xứ, tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường. Như thế quán không phóng dật đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thọ trong ngoài quán thọ hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu đối với tất cả thọ trong ngoài, hoặc thọ trong ngoài của một xứ, tư duy về khổ họa là ung nhọt, là mũi tên, là bệnh tham vương vị, là duyên dựa, là pháp tan hoại không định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, cho đến xúc duyên thọ. Như thế gọi là thọ trong ngoài quán thọ hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với tất cả thọ trong ngoài, hoặc thọ trong ngoài của một xứ, tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, cho đến xúc diệt thì thọ diệt. Như thế gọi là thọ trong ngoài quán thọ hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu thọ nhận lạc thọ, nhận biết là ta có lạc thọ, thọ nhận khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ cũng như thế. Nếu thọ nhận lạc thọ có nhiễm, nhận biết là ta đã nhận lạc thọ có nhiễm. Nếu thọ nhận lạc thọ không có nhiễm, nhận biết là ta đã nhận lạc thọ không có nhiễm. Khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ cũng như thế. Đó gọi là thọ trong ngoài quán thọ hành. Cùng tất cả thọ trong ngoài của các hành khác, hoặc thọ trong ngoài của một xứ, tư duy về chúng đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là thọ trong ngoài quán thọ hành.

Hỏi: Thế nào là thọ trong ngoài?

Đáp: Nếu thọ không phải là thọ, đó gọi là thọ trong ngoài. Các nghĩa còn lại như trên đã nói.

Như thế là Tỳ-kheo quán thọ pháp là hành duyên khởi, quán thọ pháp là hành duyên diệt. Như thế, Tỳ-kheo quán thọ pháp theo hành khởi diệt, có thọ niệm bên trong, do trí, do minh, do thức không dựa vào thọ, là hành không có chón nương dựa, không thọ nhận tất cả thế gian. Như thế là Tỳ-kheo, thọ trong quán thọ hành, siêng năng, tinh tấn, chánh trí, chánh niệm, trừ tham ưu của thế gian. Thọ ngoài, thọ trong ngoài cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là tâm quán tâm hành?

Đáp: Thế nào là tâm? Nếu tâm là ý, thức, là sáu thức thân, là bảy thức giới, đó gọi là tâm.

Hỏi: Thế nào là tâm trong quán tâm hành?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả tâm trong, hoặc tâm trong của một xứ, tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế quán không phóng dật, đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là tâm trong quán tâm hành.

Lại nữa, tất cả tâm trong, hoặc tâm trong của một xứ, tư duy về khổ họa là ung nhọt, tên độc, như bệnh tham vị, là duyên dựa, là pháp tan hoại, không định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, hành duy thức. Như thế gọi là tâm trong quán tâm hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với tất cả tâm trong, hoặc tâm trong của một xứ, tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với tâm trong quán tâm hành. Cùng tất cả tâm trong

của pháp hành khác, hoặc tâm trong của một xứ, tư duy về chúng đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Như thế là Tỳ-kheo đối với tâm trong quán tâm hành.

Hỏi: Thế nào là tâm trong?

Đáp: Nếu tâm là thọ gọi là trong, là bên trong, là duyên, là tự tánh, là phần mình. Đó gọi là tâm trong. Các nghĩa còn lại như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là tâm ngoài quán tâm hành?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả tâm ngoài, hoặc tâm ngoài của một xứ, tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế quán không phóng đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là tâm ngoài quán tâm hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với tất cả tâm ngoài, hoặc tâm ngoài của một xứ, tư duy về khổ họa, là ung nhọt, mũi tên, là bệnh tham vị, là duyên dựa, là pháp tan hoại, bất định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, hành duyên thức. Như thế gọi là tâm ngoài quán tâm hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với tất cả tâm ngoài, hoặc tâm ngoài của một xứ, tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt. Như thế gọi là tâm ngoài quán tâm hành. Cùng tất cả tâm ngoài của tâm hành khác, tâm ngoài của một xứ, tư duy về chúng đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là tâm ngoài quán tâm hành.

Hỏi: Thế nào là tâm ngoài?

Đáp: Nếu tâm không phải là thọ, gọi là ngoài. Tức không phải là bên trong, không phải là duyên, không phải là tự tánh, không phải là phần mình. Đó gọi là tâm ngoài. Các nghĩa còn lại như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo đối với tâm trong ngoài quán tâm hành?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả tâm trong ngoài, hoặc tâm trong ngoài của một xứ, tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế là quán không phóng dật đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là tâm trong ngoài quán tâm hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu đối với tất cả tâm trong ngoài, hoặc tâm trong ngoài của một xứ, quán về khổ họa, là ung nhọt, là mũi tên, là bệnh tham vị, là duyên dựa, là pháp tan hoại, bất định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, hành duyên thức. Như thế gọi là tâm trong ngoài quán tâm hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với tất cả tâm trong ngoài, hoặc tâm trong ngoài của một xứ, tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt. Như thế gọi là tâm trong ngoài quán tâm hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo có tâm dục nhận biết như thật là có tâm dục. Không có tâm dục nhận biết như thật là không có tâm dục. Cho đến có tâm vượt hơn nhận biết như thật là có tâm vượt hơn. Không có tâm vượt hơn nhận biết như thật là không có tâm trội hơn. Như thế là quán không phóng dật tức đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là tâm trong ngoài quán tâm hành. Cùng tất cả tâm trong ngoài của các hành khác, hoặc tâm trong ngoài của một xứ, tư duy về chúng đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là tâm trong ngoài quán tâm hành.

Hỏi: Thế nào là tâm trong ngoài?

Đáp: Nếu tâm là thọ, không phải là thọ, đó gọi là tâm trong ngoài. Các nghĩa còn lại như trên đã nói.

Như thế là Tỳ-kheo quán tâm pháp là hành duyên khởi, quán tâm pháp là hành duyên diệt. Như thế, Tỳ-kheo quán tâm pháp theo hành khởi diệt, có tâm khởi niệm bên trong, do trí, do minh, do thức, không dựa vào tâm, là hành không có chôn nương dựa, nên không thọ nhận nơi thế gian. Như thế Tỳ-kheo đối với tâm trong quán tâm hành, siêng năng, tinh tấn, chánh trí, chánh niệm, trừ tham ưu của thế gian. Tâm ngoài, tâm trong ngoài cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp quán pháp hành?

Đáp: Pháp nghĩa là trừ pháp thọ, tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại hoặc là sắc, không phải sắc, có thể thấy, không thể thấy, có đối, không đối, là Thánh, không phải là Thánh, đó gọi là pháp.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo đối với pháp trong quán pháp hành?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp trong khác, hoặc pháp trong của một xứ, tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế là quán không phóng dật, đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là pháp trong quán pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp trong khác, hoặc pháp trong của một xứ, tư duy về khổ họa, là ung nhọt, mũi tên, là bệnh tham vị, là duyên dựa, là pháp tan hoại, bất định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử, ưu bi, khổ não, các tụ khổ. Như thế gọi là pháp trong quán pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp trong khác, hoặc pháp trong của một xứ, tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sinh diệt thì lão tử, ưu bi, khổ não, các tụ khổ tức diệt. Như thế gọi là pháp thọ nhận quán pháp hành. Cùng

trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp trong khác của các hành khác, hoặc pháp trong của một xứ, tư duy về chúng đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là pháp trong quán pháp hành.

Hỏi: Thế nào là pháp trong?

Đáp: Pháp thọ gọi là trong, là bên trong, là duyên, là tự tánh, là phần mình. Đó gọi là pháp trong. Nghĩa còn lại như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo đối với pháp ngoài quán pháp hành?

Đáp: Như Tỳ-kheo, trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp ngoài, hoặc pháp ngoài của một xứ, như sự tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế là quán không phóng dật đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là pháp ngoài quán pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp ngoài khác, hoặc pháp ngoài của một xứ, như sự tư duy về khổ não, là ung nhọt, là mũi tên, vị bệnh, là duyên dựa, là pháp tan hoại, không định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử, ưu bi, khổ não, các tụ khổ. Như thế gọi là pháp ngoài quán pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp ngoài khác, hoặc pháp ngoài của một xứ, như sự tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sinh diệt thì lão tử, ưu bi, khổ não, các tụ khổ diệt. Như thế gọi là pháp ngoài quán pháp hành. Cùng trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp ngoài khác nơi các hành khác, hoặc pháp ngoài của một xứ, như sự tư duy đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là pháp ngoài quán pháp hành.

Hỏi: Thế nào là pháp ngoài?

Đáp: Pháp không phải là thọ, gọi là ngoài. Tức không phải bên trong, không phải là duyên, không phải là tự tánh, không phải là phần mình. Đó gọi là pháp ngoài. Các nghĩa còn lại như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo đối với pháp trong ngoài quán pháp hành?

Đáp: Như Tỳ-kheo, trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp trong ngoài khác, hoặc pháp trong ngoài của một xứ, như sự tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế là quán không phóng dật, đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là pháp trong ngoài quán pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp trong ngoài khác, hoặc pháp trong ngoài của một xứ, như sự tư duy về khổ não là ung nhọt, mũi tên, là vị bệnh, là duyên dựa, là pháp tan hoại, bất định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, nêu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử, ưu bi, khổ não, các tụ khổ. Như thế gọi là pháp trong ngoài quán pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp trong ngoài khác, hoặc pháp trong ngoài của một xứ, như sự tư duy về diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sinh diệt thì lão tử, ưu bi, khổ não, các tụ khổ tức diệt. Như thế gọi là pháp trong ngoài quán pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu trong thân ta có dục nhận biết như thật là trong thân ta có dục. Trong thân ta không có dục nhận biết như thật là trong thân ta không có dục. Như dục chưa sinh nhận biết như thật

là dục chưa sinh. Như dục sẽ sinh nhận biết như thật là dục sẽ sinh. Như dục hiện sinh nhận biết như thật là dục sẽ đoạn. Như dục đã đoạn rồi nhận biết như thật là không sinh lại. Giận dữ, ngu si, thù miên, trạo cử, hối, nghi cũng như thế. Đó gọi là pháp trong ngoài quán pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu trong thân ta có nhãn thức về sắc dục, giận nhận biết như thật là trong thân ta có nhãn thức về sắc dục, giận. Trong thân ta không có nhãn thức về sắc dục, giận, nhận biết như thật là trong thân ta không có nhãn thức về sắc dục, giận. Như nhãn thức về sắc chưa sinh dục, giận, nhận biết như thật là chưa sinh. Như nhãn thức về sắc chưa sinh dục, giận, nhận biết như thật là sẽ sinh. Như nhãn thức về sắc hiện tại sinh dục, giận, nhận biết như thật là sẽ đoạn. Như nhãn thức về sắc đã đoạn dục, giận, nhận biết như thật là không sinh lại. Nhĩ, tử, thiết, thân, ý thức cũng như thế. Đó gọi là pháp trong ngoài quán pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu trong thân ta có niệm giác nhận biết như thật là trong thân ta có niệm giác. Trong thân ta không có niệm giác nhận biết như thật là trong thân ta không có niệm giác. Như niệm giác chưa sinh nhận biết như thật là chưa sinh. Như niệm giác chưa sinh nhận biết như thật là sẽ sinh. Như niệm giác sinh xong nhận biết như thật là có đầy đủ. Tu sáu giác (sáu giác chi) khác cũng như thế. Đó gọi là pháp trong ngoài quán pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhận biết như thật về khổ, khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo. Nhận biết như thật về lậu, lậu tập, lậu diệt, lậu diệt đạo. Như thế gọi là pháp trong ngoài quán pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo chán lia tất cả hành, nhập cảnh giới cam lộ, là tịch tĩnh, đây là thù thắng diệt tất cả hành, là Niết-bàn diệt hết ái. Như thế gọi là pháp trong ngoài quán pháp hành. Cùng trừ pháp thọ tâm thuộc về sắc thân của bốn đại, còn lại là tất cả pháp trong ngoài khác nơi các hành khác, hoặc pháp trong ngoài của một xứ, như sự tu

duy về chúng đạt được tâm định trụ, chánh trụ. Đó gọi là pháp trong ngoài quán pháp hành.

Hỏi: Thế nào là pháp trong, ngoài?

Đáp: Nếu pháp là thọ, hoặc không phải là thọ, đó gọi là pháp trong ngoài. Các nghĩa còn lại như trên đã nói.

Như thế Tỳ-kheo quán pháp hành là pháp duyên khởi, quán pháp hành là pháp duyên diệt. Như thế là Tỳ-kheo quán hành của pháp khởi, diệt, có pháp khởi niệm trong, do trí, do minh, do thức không dựa vào pháp, là hành không chón nương dựa, nên không thọ nhận ở thế gian. Như thế Tỳ-kheo đối với pháp trong quán pháp hành, siêng năng, tinh tấn, chánh trí, chánh niệm, trừ tham ưu của thế gian. Pháp ngoài, pháp trong ngoài cũng như thế.

Tu học như thật về bốn niệm xứ sẽ có sự lo sợ này: Đối với tất cả thế gian thường hành vô ngã, tâm không cao, không thấp, cũng không có trụ xứ. Nếu có tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng mạng, tướng người, thì không có điều ấy. Thường ứng hợp với hành đệ nhất không. Nếu được điều ấy thì tâm sau không tạo tác vô ích. Không thọ nhận, không chấp trước nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nơi ba đời đều không trở ngại. Đối với cõi dục giải thoát. Đối với cõi sắc, cõi vô sắc giải thoát, dứt hẳn không còn sinh nữa. Đây là biên vực của khổ. Như thời tiết vào tháng cuối xuân là rất nóng bức, không có mây, sương mù, một ít nước đọng trong chậu sành đã bị khô cạn nhanh chóng. Như thế, Tỳ-kheo nếu được tâm sau thì không tạo tác vô ích. Không thọ nhận, không chấp trước nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, cho đến dứt hẳn không còn sinh nữa. Đây gọi là biên vực của khổ.

*Như gió thổi lửa dũ
Lúc tắt không dòi xír
Do quạt giác danh sắc
Hết, cũng không chón sinh.*

Như thợ rèn sắt nóng
 Sao chuyển tắt, không hình
 Nặn, đúc dần quy không
 Cầu, cùng tin khó được.
 Như mưa tuôn xuống biển
 Giọt gốc há lại còn
 Giải thoát cũng đâu có
 Không nên trong lặng vui.
 Bỏ thân, lia nơi tướng
 Các thọ không chốn biết
 Nẻo hành đều tĩnh lặng
 Thức cũng tự nhiên diệt.

*
**

Phẩm thứ 7: PHẦN KHÔNG HỎI VỀ CHÁNH CẦN

Hỏi: Có bao nhiêu chánh cần?

Đáp: Có bốn.

Hỏi: Những gì là bốn?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện chưa sinh, nhằm khiến chúng không sinh, khởi mong muốn, tự cố gắng thẳng tấn, thâm giữ tâm, chánh đoạn.

Pháp ác bất thiện đã sinh tất sẽ đoạn, khởi mong muốn, tự cố gắng thẳng tấn, thâm giữ tâm, chánh đoạn.

Pháp thiện chưa sinh, nhằm khiến chúng sinh, khởi mong muốn, tự cố gắng thẳng tấn, thâm giữ tâm, chánh đoạn.

Pháp thiện đã sinh, nhằm khiến chúng trụ lại, tu đầy đủ, không quên, thêm rộng, khởi mong muốn, tự cố gắng thẳng tấn, thâm giữ tâm, chánh đoạn.

Hỏi: Thế nào là pháp ác bất thiện chưa sinh, nhằm khiến chúng không sinh?

Đáp: Thân, miệng, ý hành ác, đó gọi là pháp ác bất thiện.

Lại nữa, mười nghiệp đạo bất thiện, đó gọi là pháp ác bất thiện.

Lại nữa, căn bất thiện tương ưng với căn bất thiện. Căn bất thiện đã khởi, không phải là duyên, không phải là thọ, đó gọi là pháp ác bất thiện.

Lại nữa, tham dục, giận dữ, ngu si, phẫn nộ, oán thù, ngờ vực, nói dối, ganh ghét, keo kiệt, dua nịnh, lừa dối, che giấu việc xấu ác, không hổ, không thẹn, tự cao, tranh tụng, thô ác, phóng dật, ngã mạn, tăng thượng mạn v.v..., đó gọi là pháp ác bất thiện.

Lại nữa, mười pháp tà, đó gọi là pháp ác bất thiện.

Như thế, pháp ác bất thiện chưa sinh, chưa khởi, chưa hòa hợp, ta khiến chúng không sinh, không khởi, không hòa hợp, đó gọi là pháp ác bất thiện chưa sinh, nhằm khiến chúng không sinh.

Hỏi: Thế nào là khởi mong muốn?

Đáp: Nếu mong muốn, mong muốn lần nữa, muốn làm, muốn khởi, muốn hiển bày khắp, muốn vượt qua, muốn đạt được, muốn xúc, muốn chứng, đó gọi là khởi mong muốn.

Hỏi: Thế nào là tự cố gắng?

Đáp: Sức có thể nhẫn chịu, cố gắng, chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng, đó gọi là tự cố gắng.

Hỏi: Thế nào là thắng tấn?

Đáp: Thân tâm phát khởi, hiện bày khắp, vượt qua, có thể nhẫn chịu, không thoái chuyển, ra sức siêng năng, tu tấn, gọi là tấn. Tinh tấn này khởi, chánh khởi, chánh sinh, xúc chứng, đó gọi là thắng tấn.

Hỏi: Thế nào là thâm giữ tâm?

Đáp: Tâm, ý, thức, sáu thức thân, bảy thức giới, gọi là tâm. Tâm này thâm giữ, chánh thâm giữ, duyên thâm giữ, khuyến khích cố gắng, chánh khuyến khích cố gắng, hết sức hoan hỷ. Đó gọi là thâm giữ tâm.

Hỏi: Thế nào là chánh?

Đáp: Chánh nhân, chánh tư duy, chánh phương tiện, đó gọi là chánh.

Hỏi: Thế nào là đoạn?

Đáp: Xả bỏ pháp ác sinh pháp thiện, pháp thanh bạch, hiện đời hành vui, tuệ tri kiến phân biệt, đoạn trừ các lậu, dứt hết tất cả biên vực của khổ, đó gọi là đoạn.

Pháp ác bất thiện đã sinh tất sẽ đoạn, khởi mong muốn, tự cố gắng thẳng tắn, thâm giữ tâm, chánh đoạn, cũng nói như thế. Chỉ khác ở chỗ là đã sinh.

Hỏi: Thế nào là pháp thiện chưa sinh, nhằm khiến chúng sinh?

Đáp: thân, miệng, ý hành thiện, đó gọi là pháp thiện. Cho đến: Thế nào là đoạn? Xả bỏ pháp ác sinh pháp thiện, pháp thanh bạch, hiện đời hành vui, tuệ tri kiến phân biệt, đoạn trừ các lậu, dứt hết tất cả biên vực của khổ, đó gọi là đoạn.

Hỏi: Thế nào là pháp thiện đã sinh, nhằm khiến chúng trụ lại?

Đáp: Thân, miệng, ý hành thiện, đó gọi là pháp thiện. Cho đến: Lại nữa, mười chánh pháp, chánh kiến, cho đến chánh trí và các tùy chánh pháp khác, đó gọi là pháp thiện. Như pháp thiện này sinh, hòa hợp, khiến ta trụ không mất, không quên, khiến ta đạt được cứu cánh. Đó gọi là pháp thiện đã sinh nhằm khiến chúng trụ lại.

Hỏi: Thế nào là đầy đủ?

Đáp: Giới chúng chưa đầy đủ muốn khiến đầy đủ. Cho đến giải thoát tri kiến chúng chưa đầy đủ muốn khiến đầy đủ. Đó gọi là đầy đủ.

Hỏi: Thế nào là tu?

Đáp: Nếu gần gũi với pháp thiện, gần gũi chân chánh, dựa nơi chánh, dựa nơi siêng năng hành trì, tu học, đó gọi là tu.

Hỏi: Thế nào là không quên?

Đáp: Là muốn khiến pháp thiện không mất, không bị chiếm đoạt, nối tiếp niệm không quên, đó gọi là không quên.

Hỏi: Thế nào là thêm rộng?

Đáp: Là muốn cho pháp thiện tăng trưởng, rộng tiến, đó gọi là thêm rộng.

Cho đến: Thế nào gọi là đoạn? Là xả bỏ pháp ác, sinh pháp thiện, pháp thanh bạch, hiện đời hành vui, tuệ tri kiến phân biệt, đoạn trừ các lậu, dứt hết tất cả biên vực của khổ, đó gọi là đoạn.



Phẩm thứ 8: PHẦN KHÔNG HỎI VỀ THẦN TỨC

Hỏi: Có bao nhiêu thần túc?

Đáp: Có bốn: (1) Dục định đoạn hành thành tựu tu thần túc. (2) Tinh tấn định đoạn hành thành tựu tu thần túc. (3) Tâm định đoạn hành thành tựu tu thần túc. (4) Tuệ định đoạn hành thành tựu tu thần túc.

Hỏi: Thế nào là dục?

Đáp: Nghĩa là dục (mong muốn) dục quý trọng, dục tạo tác, dục phát khởi, dục hiển bày, dục vượt qua, dục được, dục xúc, dục giải, dục chứng. Đó gọi là dục.

Hỏi: Thế nào là định?

Đáp: Nếu tâm trụ, chánh trụ, đó gọi là định. Dục như thế, định như thế, đó gọi là dục định.

Lại nữa, dục quý trọng, dục hướng tới, dục nương dựa, dục đạt đến, dục tăng thượng, lấy dục làm chủ được định, tâm trụ, chánh trụ, đó gọi là dục định.

Lại nữa, dục thiện phát khởi được định, tâm trụ, chánh trụ. Dục bất thiện phát khởi được định, tâm trụ, chánh trụ. Dục vô ký phát khởi được định, tâm trụ, chánh trụ. Đó gọi là dục định.

Lại nữa, không dục (mong muốn) hành pháp thiện, tức tự tư duy: Đây không phải là phần thiện của ta, không phải là điều tốt đẹp, không phải là sự việc thích ứng, không phải là chỗ cần hành, không phải là thời gian để ta hành trì. Vì sao ta không mong muốn hành thiện? Liên cho dục là tôn thượng để được định, tâm trụ, chánh trụ. Đó gọi là dục định.

Lại nữa, dục hành pháp thiện, tức tự tư duy: Đây là phần thiện của ta, là điều tốt đẹp, là sự việc thích ứng, là chỗ cần hành, là thời gian để ta hành trì. Ta mong muốn hành thiện, cho dục là tôn thượng để được định, tâm trụ, chánh trụ. Đó gọi là dục định.

Lại nữa, dục thiện không sinh, dục thiện không sinh rồi, dục bất thiện sinh, cùng hành với tham dục, giận dữ, ngu si, tức tự tư duy: Đây không phải là phần thiện của ta, không phải là điều tốt đẹp, không phải là sự việc thích ứng, không phải là chỗ cần hành, không phải là thời gian để ta hành trì. Vì sao ta không muốn hành thiện, lại cùng hành với tham dục, giận dữ, ngu si? Dục thiện là tôn thượng để được định, tâm trụ, chánh trụ. Đó gọi là dục định.

Lại nữa, dục bất thiện không sinh, dục bất thiện không sinh rồi, dục thiện sinh, không cùng hành với tham dục, giận dữ, ngu si, tức tự tư duy: Đây là phần thiện của ta, là điều tốt đẹp, là sự việc thích

ứng, là chỗ cần hành, là thời gian để ta hành trì. Ta muốn hành thiện, không cùng hành với tham dục, giận dữ, ngu si. Nên cho dục thiện là tôn thượng để được định, tâm trụ, chánh trụ. Đó gọi là dục định.

Hỏi: Thế nào là đoạn?

Đáp: Dùng pháp thiện dẫn tâm, dẫn chánh, dẫn điều phục. Điều phục dùng dứt chính đáng. Chỉ chính đáng, không mất, không đòi đổi. Đó gọi là đoạn.

Lại nữa, thân tâm phát khởi, hiện bày khắp, vượt qua, có thể nhẫn chịu, ra sức siêng năng tinh tấn không thoái chuyển. Đó gọi là đoạn.

Lại nữa, tu bốn chánh đoạn, đó gọi là đoạn.

Lại nữa, dứt bỏ pháp ác bất thiện, sinh pháp thiện, hiện đời hành vui, tuệ tri kiến phân biệt, đoạn trừ các lậu, dứt hết tất cả biên vực của khổ, đó gọi là đoạn.

Hỏi: Thế nào là đoạn hành?

Đáp: Vui mừng, tín xả niệm chánh tri, đó gọi là đoạn hành.

Lại nữa, dục định đoạn hành thành tựu tu thần túc, trừ dục, tinh tấn, tâm tuệ, còn lại là các pháp tùy thuận: Thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác quán, giải thoát, thuận tín, tâm vui mừng, tùy tín, tâm niệm không phóng dật, xả, trừ (khinh an), thân tấn và các sắc tùy thuận khác. Đó gọi là đoạn hành.

Hỏi: Thế nào là thành tựu?

Đáp: Dục định đoạn và đoạn hạnh cùng khởi chánh, cùng khởi thọ, chánh thọ, chánh sinh đầy đủ. Đó gọi là thành tựu.

Hỏi: Thế nào là tu?

Đáp: Dục định đoạn hành thành tựu thần túc này đã gần gũi, gần gũi chính đáng, dựa vào Chánh, dựa nơi Cần (siêng năng) hành trì tu học. Đó gọi là tu.

Hỏi: Thế nào là thần?

Đáp: Như ý thông, như ý hóa, như ý tự tại, tạo ra vô số thứ biến hóa, đó gọi là thần.

Lại nữa, như Tỳ-kheo có thần lực lớn, có thể tạo ra vô lượng biến hóa khiến đại địa chấn động. Dùng một làm nhiều, lấy nhiều làm một. Hoặc vật gần, vật xa, hoặc tường vách, núi cao, đều xuyên suốt, không hề trở ngại. Như đi trên hư không, ngồi kiết già, lao vào hư không như chim, vào ra trong đất, như nổi chìm trong nước, đi dưới nước như đi trên đất liền. Thân tuôn ra lửa khói, như đóng lửa to. Hiện oai đức, dùng tay sờ chạm mặt trời, mặt trăng, cho đến cõi Phạm thiên thân đều được tự tại. Đó gọi là thần.

Hỏi: Thế nào là túc?

Đáp: Như dực định đoạn hành là túc, là mức độ, là nhân, là môn, là dụng, là đạo, là đến, là duyên, là đầu mối, là uy thế. Thần sinh, chánh sinh, khởi, chánh khởi, xuất, chánh xuất, như ý, chánh như ý. Đó gọi là túc.

Nếu Tỳ-kheo, dực định đoạn hành thành tựu tu thần túc, khiến sự mong muốn (dục) của ta không cao, không thấp, không chìm ẩn, không phân tán. Trước sau hành tướng thường. Trước như sau, sau như trước. Ngày như đêm, đêm như ngày. Tâm Tỳ-kheo kia đã khai ngộ, không bị che lấp. Tu tâm có ánh sáng, dùng thân định tâm, dùng tâm định thân. Tướng vui thích, tướng nhẹ nhàng khiến toàn thân hành.

Hỏi: Thế nào là dục thấp?

Đáp: Nếu dục cùng với lười biếng tương ưng, không siêng năng tinh tấn, không tự cố gắng, bỏ dở việc thiện, thoái chuyển nơi pháp. Đó gọi là dục thấp.

Hỏi: Thế nào là lười biếng?

Đáp: Là biếng trễ, lơ là đối với pháp thiện, bỏ dở, thoái chuyển. Đó gọi là lười biếng.

Nếu dục cùng với lười biếng tương ưng, không siêng năng tinh tấn, không tự cố gắng, bỏ dỡ, thoái chuyển nơi pháp thiện. Đó gọi là dục thấp.

Hỏi: Thế nào là dục cao?

Đáp: Nếu dục cùng với trạo cử tương ưng, không cùng với tịch tĩnh tương ưng, tạo thành hành tạp loạn, đó gọi là dục cao.

Hỏi: Thế nào là trạo cử?

Đáp: Là tâm loạn, không tịch tĩnh, đó gọi là trạo cử.

Hỏi: Thế nào là dục chìm ản?

Đáp: Nếu dục cùng với thù miên tương ưng, không cùng diệt niệm, tuệ không thành tựu, không phân biệt pháp thiện, đó gọi là dục chìm ản.

Hỏi: Thế nào là thù?

Đáp: Phiền não chưa đoạn, thân không vui thích, không điều hòa, không nhẹ nhàng, không dịu dàng, không khinh an, đó gọi là thù.

Hỏi: Thế nào là miên?

Đáp: Phiền não chưa đoạn, tâm mê muội bị che lấp, đó gọi là miên.

Nếu dục cùng với thù miên tương ưng, không tương ưng với diệt niệm, tuệ không thành tựu, không phân biệt pháp thiện, đó gọi là dục chìm ản.

Hỏi: Thế nào là dục phân tán?

Đáp: Khởi dục nhiễm cùng tương ưng với dục nhiễm. Nhiều dục đều thấy tịnh, không quán lỗi làm tai hại. Đối với năm dục ngoài tâm phân tán, chấp vướng nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đó gọi là dục phân tán.

Hỏi: Thế nào là dục nhiễm?

Đáp: Nếu dục là dục bản nhớp, dục ái, dục hỷ, dục chi, dục lưới, dục nhãn, dục đắc, dục tập, dục trông mong, đó gọi là dục nhiễm.

Nếu dục hướng về dục nhiễm, cùng với dục nhiễm, tương ưng với dục nhiễm, nhiều dục đều thấy tịnh, không quán lỗi lầm tai hại, đối với năm dục ngoài, tâm phân tán, chấp trước nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, đó gọi là dục phân tán.

Hỏi: Thế nào là trước sau hành tướng thường?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo lại hành như sự tư duy nhập pháp thiện, nhập Niết-bàn xuất thế gian, lia tướng dục định, nên lại hành xong, hành giữa ngày, hành giữa ngày xong, hành quá trưa, hành quá trưa xong, kinh hành trên, kinh hành trên xong, kinh hành dưới, kinh hành dưới xong, nhập thất, nhập thất xong, hành vào đầu đêm, hành vào đầu đêm xong, hành vào cuối đêm, hành vào cuối đêm xong, như sự tư duy nhập pháp thiện, nhập Niết-bàn xuất thế gian, lia dục định tương ưng. Đó gọi là trước sau hành tướng thường.

Hỏi: Thế nào là trước như sau, sau như trước?

Đáp: Như Tỳ-kheo, như sự nơi căn, lực, giác thiên, giải thoát định, nhập định là hành trước. Như sự nơi căn, lực, giác thiên, giải thoát định, nhập định là hành sau. Như sự nơi căn, lực, giác thiên, giải thoát định, nhập định là hành trước sau. Đã như sự nơi căn, lực, giác thiên, giải thoát định, nhập định đều là hành trước sau. Đó gọi là trước như sau, sau như trước.

Hỏi: Thế nào là ngày như đêm, đêm như ngày?

Đáp: Như Tỳ-kheo, nếu nhận lấy tướng ánh sáng, khéo thọ nhận tướng ban ngày. Sau đó, như ban ngày, tư duy về tướng ánh sáng, ban đêm cũng như thế. Như ban đêm, ban ngày cũng như vậy. Đó gọi là ngày như đêm, đêm như ngày.

Hỏi: Thế nào là tâm Tỳ-kheo kia đã khai ngộ, không bị che lấp?

Đáp: Nếu cấu uế của tham dục, giận dữ, ngu si, cấu uế của phiền não, đã tạo chướng ngại che lấp, trói buộc, thì cấu uế của hành bất thiện, là tâm bị chướng ngại, tâm không mở bày, tâm bị che ngăn, là tâm bị phủ lấp, là tâm khởi hướng đến trói buộc, bất tịnh, là tâm không trắng, không sáng rõ, gọi là tâm bị che lấp. Nếu tâm không có cấu uế của tham dục, giận dữ, ngu si, cho đến tâm sáng rõ, đó gọi là tâm Tỳ-kheo kia đã khai ngộ, không bị che lấp.

Hỏi: Thế nào là tu tâm có ánh sáng?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo tu tâm cùng với ánh sáng của tuệ, tu tâm có ánh sáng, tu tâm cùng với tướng ánh sáng, đó gọi là tu tâm có ánh sáng.

Hỏi: Thế nào là tu tâm cùng với ánh sáng của tuệ?

Đáp: Nếu ba tuệ chiếu sáng, nghĩa là văn, tư, tu tuệ, đó gọi là tu tâm cùng với ánh sáng của tuệ. Nếu thân cận, chánh thân cận, siêng hành tu học, đó gọi là tu tâm cùng với ánh sáng của tuệ, là tu tâm có ánh sáng.

Hỏi: Thế nào là tu tâm cùng với tướng ánh sáng?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo nhận lấy tướng của các thứ ánh sáng như: Ánh sáng của lửa, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, ánh sáng của viên ngọc, ánh sáng của các vì sao. Nhận lấy tướng của các thứ ánh sáng xong, hoặc ngồi ở chỗ trống vắng, bên cội cây, tư duy về ánh sáng, nhận biết ánh sáng, hiểu rõ ánh sáng, thọ nhận ánh sáng. Như người thật, hoặc là tưởng, như nhớ nghĩ về tướng, nhận biết về tướng, đó gọi là tâm của tướng ánh sáng. Nếu cùng với tướng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là tâm cùng với tướng ánh sáng. Nếu thân cận, chánh thân cận, siêng năng tu học, đó gọi là tu tâm cùng với tướng ánh sáng, tu tâm có ánh sáng.

Lại nữa, Tỳ-kheo hoặc ở bên cội cây, hoặc ở nơi chốn đất trống vắng, dùng tâm thanh tịnh lãnh hội khắp về hành nơi tâm có ánh sáng thù thắng. Như người thật, hoặc là tướng, như nhớ nghĩ về tướng, nhận biết về tướng, đó gọi là tâm của tướng ánh sáng. Nếu cùng với tướng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là tâm cùng với tướng ánh sáng. Nếu thân cận, chánh thân cận, siêng hành tu học, đó gọi là tu tâm cùng với tướng ánh sáng, tu tâm có ánh sáng.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu ngồi bên một cội cây, hoặc hai, hoặc ba, hoặc cho đến mười cội cây, dùng tâm thanh tịnh lãnh hội khắp về hành nơi tâm có ánh sáng thù thắng. Như thế gọi là tu tâm cùng với tướng ánh sáng, tu tâm có ánh sáng.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu ở nơi một khu vườn, dùng tâm thanh tịnh lãnh hội khắp về hành. Như thế gọi là tu tâm cùng với tướng ánh sáng, tu tâm có ánh sáng.

Lại nữa, Tỳ-kheo ở nơi một khu vườn, hoặc hai, hoặc ba, cho đến mười khu vườn, dùng tâm thanh tịnh lãnh hội khắp về hành. Như thế gọi là tu tâm cùng với tướng ánh sáng, tu tâm có ánh sáng.

Lại nữa, Tỳ-kheo phần nhiều một thôn xóm, hoặc hai, hoặc ba, cho đến mười thôn xóm, dùng tâm thanh tịnh lãnh hội khắp về hành. Như thế gọi là tu tâm cùng với tướng ánh sáng, tu tâm có ánh sáng.

Lại nữa, Tỳ-kheo, cho đến ở nơi chốn nước, đất liền bao quanh, dùng tâm thanh tịnh lãnh hội khắp về hành. Như thế gọi là tu tâm cùng với tướng ánh sáng, tu tâm có ánh sáng.

Hỏi: Thế nào là dùng thân định tâm, dùng tâm định thân?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo dùng tâm khiến trên thân trở nên chính đáng, đều là ở trên, đều là chính đáng. Như người cầm bát khát thực, dùng giỏ lưới khiến bát đựng đầy, đựng đầy chính đáng, đều đầy, đều chính đáng. Như thế, Tỳ-kheo dùng tâm khiến trên thân trở nên

chính đáng, đều là ở trên, đều là chính đáng, đưa lên trên, đưa lên thích đáng.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo dùng thân định tâm?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo tư duy về thân vô thường, nhận biết vô thường, hiểu rõ vô thường, thọ nhận vô thường. Như thế là quán không phóng dật, tức đạt được tâm định trụ, chánh trụ, được thân vui, thân điều hòa, thân nhẹ nhàng, thân dịu dàng, thân khinh an. Đó gọi là dùng thân định tâm.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán về thân khổ não, là ung nhọt, là mũi tên độc, là vị bệnh, là duyên dựa, là pháp tan hoại bất định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, cho đến danh sắc duyên sáu nhập. Như thế là quán không phóng dật, tức đạt được tâm định trụ, chánh trụ, được thân vui, thân điều hòa, thân nhẹ nhàng, thân dịu dàng, thân khinh an. Đó gọi là dùng thân định tâm.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy về thân diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, cho đến danh sắc diệt thì sáu nhập diệt. Như thế là quán không phóng dật, tức đạt được tâm định trụ, chánh trụ, được thân vui, thân điều hòa, thân nhẹ nhàng, thân dịu dàng, thân khinh an. Đó gọi là dùng thân định tâm.

Lại nữa, Tỳ-kheo hành nhận biết là hành vui, trụ nhận biết là trụ vui, an tọa nhận biết là an tọa vui, nhận lấy nhận biết là nhận lấy vui. Như thế, thân trụ vui nhận biết như thật là thân trụ vui. Như thế là quán không phóng dật, tức đạt được tâm định trụ, chánh trụ, được thân vui, thân điều hòa, thân nhẹ nhàng, thân dịu dàng, thân khinh an. Đó gọi là dùng thân định tâm.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu thấy tử thi bị thiêu đốt ở trên đồng lửa, tóc, lông, da, máu thịt v.v... đều dần dần tiêu tan. Quán pháp này

không đến các chốn đông, tây, nam, bắc, bốn hướng trên dưới, không đến nơi xứ khác dùng trụ. Pháp này vốn không có mà sinh, đã có thì trở lại diệt. Quán thân, quán pháp không phóng dật như thế, tức được tâm định trụ, chánh trụ, được thân vui, thân điều hòa, thân nhẹ nhàng, thân dịu dàng, thân khinh an. Đó gọi là dùng tâm định thân.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo dùng tâm định thân?

Đáp: Như Tỳ-kheo tư duy về tâm vô thường, nhận biết tâm vô thường, hiểu rõ tâm vô thường, thọ nhận tâm vô thường. Như thế là quán không phóng dật thế, tức được tâm định trụ, chánh trụ, được tâm vui, tâm điều hòa, tâm nhẹ nhàng, tâm dịu dàng, tâm khinh an. Đó gọi là dùng tâm định thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tâm khổ não như ung nhọt, như mũi tên độc, là vị bệnh, là duyên dựa, là pháp tan hoại, không định, không đầy đủ, có thể mất hết, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, hiểu rõ duyên, thọ nhận duyên. Tức vô minh duyên hành, hành duyên thức. Như thế là quán không phóng dật, tức được tâm định trụ, chánh trụ, được tâm vui, tâm điều hòa, tâm nhẹ nhàng, tâm dịu dàng, tâm khinh an. Đó gọi là dùng tâm định thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy về tâm diệt, nhận biết diệt, hiểu rõ diệt, thọ nhận diệt. Tức vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt. Như thế là quán không phóng dật, tức được tâm định trụ, chánh trụ, được tâm vui, tâm điều hòa, tâm nhẹ nhàng, tâm dịu dàng, tâm khinh an. Đó gọi là dùng tâm định thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo, tâm có dục nhận biết như thật là tâm có dục, tâm không có tâm nhận biết như thật là tâm không có dục. Cho đến tâm có vượt hơn, tâm không có vượt hơn đều nhận biết như thật. Như thế là quán không phóng dật, tức được tâm định trụ, chánh trụ, được tâm vui, tâm điều hòa, tâm nhẹ nhàng, tâm dịu dàng, tâm khinh an. Đó gọi là dùng tâm định thân.

Hỏi: Thế nào là tướng vui, tướng nhớ nghĩ về hành của thân trên?

Thế nào là tướng vui?

Nếu Tỳ-kheo đã lia pháp dục ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Nếu thân đạt ly sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, thân này đều là ly sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu. Như thầy khéo tắm gội, cùng đệ tử của thầy khéo tắm gội, dùng táo đậu mịn để tắm gội kỹ lưỡng, đựng trong chậu, dùng nước rưới xong, khuấy cho đều, khiến sự thấm nhuần này đầy khắp, không khô, không ướt, trong ngoài nhuần hòa. Như thế, Tỳ-kheo thân được ly sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp. Thân đều là ly sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu. Như nơi người thật, hoặc là tướng, nhớ nghĩ tướng, nhận biết tướng, đó gọi là tướng vui. Tướng này thân thọ vi tế, thọ vi tế thích đáng, duyên nơi thọ vi tế, do thân gì để thọ? Là dùng ý thân để thọ. Đó gọi là tướng vui nơi hành thân trên.

Lại nữa, Tỳ-kheo diệt giác quán, nội tịnh tín tâm, không giác không quán, được định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ hai. Nếu thân này được định sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, thân đều là định sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu. Như hồ chứa nước lớn do núi bao quanh, nước từ đáy hồ tuôn ra, nước không đến từ các hướng đông, tây, nam, bắc. Nước trong hồ tự động từ đáy tuôn ra, nước chứa trong hồ thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu. Như thế, Tỳ-kheo, thân này được định sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp. Thân này đều là định sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu. Như nơi người thật, hoặc là tướng, nhớ nghĩ về tướng, đó gọi là tướng vui. Tướng này thân thọ vi tế, thọ vi tế thích đáng, duyên nơi thọ vi tế, do thân gì để thọ? Là dùng ý thân để thọ. Đó gọi là tướng vui nơi hành thân trên.

Lại nữa, Tỳ-kheo lia hỷ lạc, xả, hành niệm chánh trí, thân thọ nhận vui, như các Thánh nhân đã hành giải xả niệm lạc, thành tựu

hành của thiên thứ ba. Nếu thân này không có hỷ lạc thấm nhuần đầy khắp. Thân này không có hỷ lạc đều thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu. Như nơi ao hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi. Các thứ hoa ấy từ nơi đáy bùn của ao vươn lên chưa qua khỏi mặt nước. Các hoa này từ gốc đến ngọn đều ngập trong nước thấm nhuần đầy khắp. Từ gốc đến ngọn, từ ngọn đến gốc cũng thế, đều thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu. Như vậy, Tỳ-kheo hoặc thân này không có hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp. Thân này đều thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu. Như nơi người thật hoặc là tướng, nhớ nghĩ về tướng, nhận biết tướng, đó gọi là tướng vui. Tướng này thân thọ vi tế, thọ vi tế thích đáng, duyên nơi thọ vi tế, do thân gì để thọ? Là dùng ý thân để thọ. Đó gọi là tướng vui nơi hành thân trên.

Lại nữa, Tỳ-kheo đoạn khổ lạc, trước diệt ưu, hỷ, được xả niệm tịnh, bất khổ bất lạc, thành tựu hành của thiên thứ tư. Nếu thân này do tâm thanh tịnh lãnh hội khắp về hành. Thân này thanh tịnh không xứ nào là không hiện có khắp. Ví như người nam người nữ mặc y phục trắng sạch, trên dưới đầy đủ. Từ đầu đến chân, từ chân đến đầu, thảy đều phủ kín. Như thế Tỳ-kheo nếu thân này do tâm thanh tịnh lãnh hội khắp về hành. Thân này thanh tịnh không nơi nào là không hiện có khắp. Như nơi người thật, hoặc là tướng, nhớ nghĩ về tướng, nhận biết tướng, đó gọi là tướng vui. Tướng này thân thọ vi tế, thọ vi tế thích đáng, duyên nơi thọ vi tế, do thân gì để thọ? Là dùng ý thân để thọ. Đó gọi là tướng vui nơi hành thân trên.

Hỏi: Thế nào là tướng nhẹ nhàng?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo tư duy về thân nhẹ nhàng, nhận biết nhẹ, hiểu rõ nhẹ, thọ nhận nhẹ. Nhẹ như Đâu-la-miên, nhẹ như kiếp bát, rải khắp trên đất bằng, gió nhẹ thổi đến liền có thể rời khỏi mặt đất. Như thế Tỳ-kheo tư duy về thân nhẹ nhàng, nhận biết nhẹ, hiểu rõ nhẹ, thọ nhận nhẹ. Như vậy là quán không phóng dật, tức được tâm

định trụ, chánh trụ. Được định xong, rời khỏi mặt đất bốn tấc, đi lên trên. Như nơi người thật, hoặc là tưởng, nhớ nghĩ về tưởng, nhận biết tưởng, đó gọi là tưởng nhẹ nhàng. Tưởng này thân thọ vi tế, thọ vi tế thích đáng, duyên nơi thọ vi tế, do thân gì để thọ? Là dùng ý thân để thọ. Đó gọi là tưởng nhẹ nhàng nơi hành thân trên.

Nếu Tỳ-kheo thân cận định này, tu học nhiều, thì hoặc lia mặt đất một thước đi lên trên, hoặc hai thước đi lên. Như nơi người thật, hoặc là tưởng, nhớ nghĩ về tưởng, nhận biết tưởng, đó gọi là tưởng nhẹ nhàng. Tưởng này thân thọ vi tế, thọ vi tế thích đáng, duyên nơi thọ vi tế, do thân gì để thọ? Là dùng ý thân để thọ. Đó gọi là tưởng nhẹ nhàng nơi hành thân trên.

Nếu Tỳ-kheo thân cận định này, tu học nhiều, có thể lia khỏi mặt đất nửa thân người để đi lên. Hoặc lia mặt đất khoảng một, hai thân người, cho đến bảy thân người để đi lên. Như nơi người thật, hoặc là tưởng, nhớ nghĩ về tưởng, nhận biết tưởng, đó gọi là tưởng nhẹ nhàng. Tưởng này thân thọ vi tế, thọ vi tế thích đáng, duyên nơi thọ vi tế, do thân gì để thọ? Là dùng ý thân để thọ. Đó gọi là tưởng nhẹ nhàng nơi hành thân trên.

Nếu Tỳ-kheo thân cận định này, tu học nhiều, tức có thể rời khỏi mặt đất một nửa cây Đa la để đi lên. Hoặc lia khỏi mặt đất khoảng một cây Đa la cho đến bảy cây Đa la để đi lên. Như nơi người thật, hoặc là tưởng, nhớ nghĩ về tưởng, nhận biết tưởng, đó gọi là tưởng nhẹ nhàng. Tưởng này thân thọ vi tế, thọ vi tế thích đáng, duyên nơi thọ vi tế, do thân gì để thọ? Là dùng ý thân để thọ. Đó gọi là tưởng nhẹ nhàng nơi hành thân trên.

Nếu Tỳ-kheo thân cận định này, tu học nhiều, như ý đã mong muốn, có thể rời khỏi mặt đất đi lên trên, không có hạn lượng, xa gần đều có thể đi đến. Như nơi người thật, hoặc là tưởng, nhớ nghĩ về tưởng, nhận biết tưởng, đó gọi là tưởng nhẹ nhàng. Tưởng này thân

thọ vi tế, thọ vi tế thích đáng, duyên nơi thọ vi tế, do thân nào để thọ? Là dùng ý thân để thọ. Đó gọi là tướng nhẹ nhàng nơi hành thân trên.

Nếu Tỳ-kheo đối với tướng vui, tướng nhẹ nhàng kia thân cận, chánh thân cận, tu học nhiều, muốn khiến tâm ta được điều phục, tĩnh lặng. Do lực tự tại, như ý mình đã mong muốn, tức có thể thành tựu vô số thứ thần túc. Nếu Tỳ-kheo kia đối với tướng vui, tướng nhẹ nhàng luôn thân cận, chánh thân cận, tu học nhiều xong, tâm được điều phục, tĩnh lặng, do lực tự tại, như ý mình đã mong muốn, có thể thành tựu vô số vô lượng thần túc kia, tức có thể khiến đại địa chấn động, dùng một làm nhiều, dùng nhiều làm một, hoặc gần, hoặc xa, tường vách cao dày đều xuyên qua không hề bị ngăn ngại. Như đi nơi hư không, ngồi kiết già, du hành trên không như chim bay, hiện ta ẩn mất ở đất cũng như ra vào trong nước, đi dưới nước như trên đất liền. Thân phát ra khói, lửa, như khối lửa lớn. Có đại oai đức, tay có thể sờ chạm mặt trời, mặt trăng, cho đến cõi Phạm thiên thân đều được tự tại, như phẩm Định đã nói rộng. Đó gọi là dục định đoạn hành thành tựu tu thần túc. Tinh tấn định, Tâm định, Tuệ định đoạn hành thành tựu tu thần túc cũng nói rộng như thế.

HẾT – QUYỂN 13

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỖ ĐÀM

QUYỂN 14

Phẩm thứ 9: PHẦN KHÔNG HỎI VỀ THIỀN ĐỊNH

Nhân duyên đầy đủ, tức có thể được định. Nhân duyên không đầy đủ thì không thể đạt được định. Tu định có nhân duyên như thế. Nghĩa là Tỳ-kheo ái hộ giới giải thoát, thành tựu hạnh oai nghi, xú nên hành, ái hộ giới vi tế lo sợ như đối với kim cương, thọ trì giới, đoạn trừ tà mạng, hành chánh mạng. Thiện tri thức, thiện thân hậu, thiện chúng gồm thấu các căn môn, biết đủ về ăn uống, siêng năng tinh tấn không ham ngủ nghỉ, lìa pháp chướng ngại. Tỳ-kheo như thế nhận biết việc đoạn trừ năm cái, là những thứ cấu uế nơi tâm, làm tổn hại pháp trí tuệ, lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất, cho đến đoạn trừ khổ lạc, trước diệt ưu, hỷ, xả bất khổ bất lạc, thành tựu hành của thiền thứ tư.

Hỏi: Thế nào là ái hộ giới giải thoát?

Đáp: Nếu tùy thuận giới, không hành phóng dật, dùng giới làm cửa, làm chân, làm nhân, có thể sinh khởi pháp thiện, thành tựu đầy đủ. Do giới này nên gọi là trì giới. Do giới ấy thuận với không phóng dật, gọi là giữ giới, tức giữ gìn hạnh oai nghi. Đó gọi là ái hộ giới giải thoát.

Hỏi: Thế nào là thành tựu hạnh oai nghi?

Đáp: Tất cả hành bất thiện của thân, tất cả hành bất thiện của miệng, tất cả hành bất thiện của ý, đó gọi là hành không phải oai

nghi. Tất cả hành thiện của thân, tất cả hành thiện của miệng, tất cả hành thiện của ý, đó gọi là thành tựu hạnh oai nghi.

Lại nữa, cung kính vị Hòa thượng, cùng các đồng học của Hòa thượng, cung kính vị A-xà-lê, cùng các đồng học của A-xà-lê, cung kính các vị thượng tọa, hạ tọa, đó gọi là hạnh oai nghi.

Hỏi: Thế nào là xứ nên hành?

Đáp: Có sáu xứ không phải là nên hành, như xứ của dâm nữ, xứ của quả phụ, xứ của đồng nữ lớn tuổi, xứ không thể là người nam, xứ của Tỳ-kheo ni, xứ là quán bán rượu, đó gọi là sáu xứ không phải là nên hành.

Lại, như Đức Phật nói: Tỳ-kheo đừng đến nước khác, không phải là xứ nên hành. Nếu đến nước khác là xứ không phải nên hành, thì ma sẽ được dịp lợi dụng phá hoại.

Hỏi: Thế nào là nước khác, xứ không phải nên hành?

Đáp: Nghĩa là năm dục. Đó gọi là đi đến năm dục, là xứ không phải nên hành.

Hỏi: Thế nào là xứ nên hành?

Đáp: Nếu xứ ấy không phải là hạnh oai nghi, thì đấy không phải là xứ nên hành. Lìa bỏ, đang lìa bỏ, duyên nơi sự lìa bỏ, không gần gũi, đang không gần gũi, duyên nơi không gần gũi, đó gọi là xứ nên hành.

Lại như Đức Phật nói: Hành nơi xứ nên hành ở nước mình. Nếu Tỳ-kheo ở nơi xứ nên hành của nước mình, thì ma sẽ không thể lợi dụng phá hoại. Tỳ-kheo, thế nào là xứ nên hành của nước mình? Nghĩa là bốn niệm xứ, là xứ nên hành của nước mình. Nếu dùng hạnh oai nghi này phát khởi, đang phát khởi, thọ nhận, đang thọ nhận, thì đó gọi là thành tựu hạnh oai nghi nơi xứ nên hành.

Hỏi: Thế nào là ái hộ giới vì tế lo sợ như đối với kim cương?

Đáp: Như giới vì tế, nếu suy nghĩ, khởi ý muốn hòa hợp tạo tác. Nếu đối với giới ấy, luôn khởi hành tướng lo sợ, chớ khiến ta vi phạm. Đó gọi là ái hộ giới vì tế lo sợ như đối với kim cương.

Hỏi: Thế nào là thọ trì giới?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo không lia tất cả giới, thường giữ gìn tất cả giới, thường trụ nơi tất cả giới, thân cận với giới, giữ giới không tì vết, không uế, không cấu, không biếng trễ, không thiếu sót, thọ trì tất cả giới, đó gọi là thọ trì giới.

Hỏi: Thế nào là đoạn trừ tà mạng, hành chánh mạng?

Đáp: Thế nào là tà mạng? Nếu Sa-môn, Bà-la-môn, tự nuôi sống, theo tà mạng, nghĩa là đua nịnh, dối gạt, hành bói toán việc lành dữ, bị người khác sai khiến, biểu hiện cùng kích động, dùng lợi để mưu cầu lợi, dùng phi pháp này để được y bát, thuốc men, giường nằm, mọi thứ thọ dụng như thức ăn uống v.v... Do đây nên buộc chặt nơi cấu nhiễm, tham chấp, miệt thị người khác, có thể nhận lấy phi pháp, không nhận thấy lỗi lầm tai hại, không biết xuất ly.

Nếu Tỳ-kheo lia bỏ tà mạng như thế v.v..., hành như pháp để có được y bát, thuốc thang, giường nằm, các thứ thọ dụng như thức ăn uống v.v..., không do đây khiến trói buộc nơi cấu nhiễm, tham chấp, không lẩn hiếp, miệt thị người khác, không nhận lấy phi pháp, nhận thấy sâu xa về lỗi lầm tai hại, biết rõ nẻo xuất ly, đó gọi là đoạn trừ tà mạng, hành chánh mạng.

Hỏi: Thế nào là thiện tri thức?

Đáp: Nghĩa là hàng Sa-môn, Bà-la-môn hiền thiện, hành trì giới, đoạn trừ kiêu ngạo, phóng dật, thành tựu nhẫn nhục, tự điều phục, tự diệt phiền não, tự nhập Niết-bàn, muốn lia dục, dục hết, cho đến muốn lia si, si hết, ứng hợp nơi xứ nhiễm, không nhiễm,

cho đến ứng hợp nơi xứ si, không si, ứng hợp nơi xứ dừng, không dừng, ứng hợp nơi xứ thọ nhận, không thọ nhận. Nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, chánh mạng thanh tịnh, hành tín, biết hổ thẹn, học rộng, niệm, tuệ tinh tấn, tu tập tám Thánh đạo, đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, biết đủ về vật dụng trong đời sống, đó gọi là thiện tri thức.

Hỏi: Thế nào là thức?

Đáp: Nếu nhận thức, khéo nhận thức, biết cùng hành từ, chú trọng hành từ, cứu cánh hành từ, thường cung kính không lia, đó gọi là thiện tri thức.

Hỏi: Thế nào là thiện thân hậu?

Đáp: Người giữ giới phạm phu là người giữ giới phạm phu thiện thân hậu. Người kiên tín là người kiên tín thiện thân hậu. Người kiên pháp là người kiên pháp thiện thân hậu, cho đến A-la-hán là A-la-hán thiện thân hậu. Những người như thế tự cùng thân hậu, đó gọi là thiện thân hậu. Nếu thiện tri thức, nếu thiện thân hậu tùy thuận, không lia, cùng thân cận, thì đây là thiện tri thức, thiện thân hậu.

Hỏi: Thế nào là thiện chúng?

Đáp: Nếu dựa vào người giữ giới, học giữ giới, tâm hướng về giới, tôn trọng giới kia trên hết, dốc hướng tới giới kia, hiểu rõ về giới kia. Nếu dựa vào người định, học định, cho đến người giải thoát tri kiến kia, học giải thoát tri kiến, tâm hướng về giải thoát tri kiến, tôn trọng giải thoát tri kiến trên hết, dốc hướng nơi giải thoát tri kiến kia, hiểu rõ về giải thoát tri kiến kia, đó gọi là thiện chúng.

Hỏi: Thế nào là gồm thân các căn môn?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo mắt trông thấy sắc, không nhận lấy tướng sắc, có thể khởi nhãn căn, liền thân giữ khiến không phóng dật, đoạn

trừ pháp ác bất thiện và trông mong nơi đời, yêu kính thuận với trì giới, gìn giữ nhân căn, được giới của nhân căn, cho đến ý nhận thức pháp, không giữ lấy tướng pháp, có thể khởi ý căn, liền thâm giữ khiến không phóng dật, đoạn trừ pháp ác bất thiện và trông mong nơi đời, yêu kính thuận với trì giới, gìn giữ ý căn. Sáu xúc nhập như thủ hộ niệm vi tế hiểu rõ niệm đã khởi, khéo thành tựu hành, nhận thấy lỗi lầm tai hại của dục, thường xuyên tự thủ hộ ý, đó gọi là gồm thâm các căn môn.

Hỏi: Thế nào là biết đủ về ăn uống?

Đáp: Biết lượng mà ăn, không trạo cử, không sinh kiêu ngạo, không vì nuôi lớn thân, không vì nghiêm sức cho thân, chỉ muốn khiến thân trụ, không khởi giận dữ, muốn tu phạm hạnh, dứt bỏ thọ cũ, không sinh thọ mới, vì thọ mạng sống còn nên ăn uống, lìa bỏ sự yêu ghét cứng chắc, thường ở nơi hạnh trung đạo, không cầu lợi, tận lực siêng năng, ưa thích hành trì, như người bị ung nhọt, dùng thuốc thoa vào, muốn cho mau lành. Tỳ-kheo cũng thế, biết lượng mà ăn, không khởi trạo cử, không sinh kiêu ngạo, cho đến không cầu lợi, tận lực siêng năng, ưa thích hành trì.

Hỏi: Thế nào là ăn uống trạo cử?

Đáp: Nếu khởi suy nghĩ này: Ta ăn thức ăn ấy xong sẽ tạo ra những trạo cử cho thân miệng ý, đó gọi là ăn uống trạo cử.

Hỏi: Thế nào là ăn uống kiêu ngạo?

Đáp: Nếu khởi suy nghĩ này: Ta ăn thức ăn ấy xong sẽ tăng trưởng phóng dật, đó gọi là ăn uống kiêu ngạo.

Hỏi: Thế nào là ăn uống nuôi lớn thân?

Đáp: Nếu khởi suy nghĩ này: Ta ăn thức ăn ấy xong sẽ tăng ích cho thân, đó gọi là ăn uống nuôi lớn thân.

Hỏi: Thế nào là ăn uống để nghiêm sức cho thân?

Đáp: Nếu khởi suy nghĩ này: Ta ăn thức ăn này sẽ thành tựu được tướng mạo đoan nghiêm, đẹp đẽ hơn hết, đó gọi là ăn uống để nghiêm sức cho thân.

Nếu Tỳ-kheo không khởi những suy nghĩ này: Ta ăn thức ăn ấy sẽ làm cho thân miệng ý trạo cử, sẽ tạo ra kiêu ngạo, sẽ nuôi lớn thân, sẽ để nghiêm sức cho thân, đó gọi là ăn uống không trạo cử, ăn uống không kiêu ngạo, ăn uống không vì nuôi lớn thân, ăn uống không vì để nghiêm sức cho thân.

Hỏi: Thế nào là chỉ muốn khiến thân trụ?

Đáp: Nên khởi suy nghĩ thế này: Ta ăn thức ăn ấy chỉ muốn khiến thân trụ, không trọn một mắt, đó gọi là chỉ muốn khiến thân trụ.

Hỏi: Thế nào là không khởi giận dữ?

Đáp: Nếu đói, vì duyên nơi đói, nên thân tâm sinh khổ thọ. Hoặc ăn uống quá mức, vì duyên nơi quá mức, nên thân tâm sinh khổ thọ. Nếu Tỳ-kheo biết đủ về ăn uống, khéo lường xét khi ăn uống, thì sự giận dữ sẽ dứt, không sinh không khởi, đó gọi là không khởi giận dữ.

Hỏi: Thế nào là muốn tu phạm hạnh?

Đáp: Phạm hạnh nghĩa là tám Thánh đạo. Nên khởi suy nghĩ thế này: Ta ăn thức ăn ấy xong có thể tu phạm hạnh, khiến cho phạm hạnh trụ lâu, vì dứt hết biên vực khổ, đó gọi là muốn tu phạm hạnh.

Hỏi: Thế nào là dứt bỏ thọ cũ, không sinh thọ mới?

Đáp: Nếu đói, vì duyên nơi đói, nên thân tâm sinh khổ thọ, đó gọi là thọ cũ.

Thế nào là thọ mới? *Đáp:* Nếu ăn uống quá mức, vì duyên nơi quá mức, nên thân tâm sinh khổ thọ, đó gọi là thọ mới.

Nếu Tỳ-kheo biết đủ về ăn uống, khéo lường xét khi ăn uống, đó gọi là dứt bỏ thọ cũ, không sinh thọ mới.

Hỏi: Thế nào là vì thọ mạng sống còn nên ăn uống?

Đáp: Nên khởi suy nghĩ thế này: Ta ăn thức ăn ấy là vì khiến mạng căn trụ, vì gìn giữ giới hạnh, đó gọi là vì thọ mạng sống còn nên ăn uống.

Hỏi: Thế nào là lia bỏ sự yêu ghét cứng chắc?

Đáp: Nếu khi đói, vì duyên nơi đói, nên sinh phiền não ưa thích cứng chắc: Ta nhớ nghĩ ghét bỏ sự ăn uống như thế. Nếu ăn uống quá lượng, vì duyên nơi quá lượng, nên sinh phiền não ghét bỏ cứng chắc: Ta không nhớ nghĩ đến sự ăn uống quá lượng như thế. Nếu Tỳ-kheo biết đủ, khéo lường xét khi ăn uống, lia bỏ phiền não yêu ghét cứng chắc, đó gọi là lia bỏ sự yêu ghét cứng chắc.

Hỏi: Thế nào là không cầu lợi?

Đáp: Nếu không cho thức ăn thô là đủ, nên ăn nhiều, thêm vị, tham vị, dốc tìm cầu, trông mong sự ăn uống, đó gọi là cầu lợi. Nếu Tỳ-kheo dùng thức ăn thô sơ, đạm bạc là đủ, lường xét thức ăn, không thêm vị, không tham vị, không dốc tìm cầu, không trông mong về sự ăn uống, đó gọi là không cầu lợi.

Hỏi: Thế nào là tận lực siêng năng?

Đáp: Nếu khởi suy nghĩ này: Ta ăn thức ăn ấy, vì muốn cho thân siêng năng tinh tấn, tự cố gắng, đó gọi là tận lực siêng năng.

Hỏi: Thế nào là ưa thích hành trì ?

Đáp: Nếu khi đói, vì duyên nơi đói, nên thân tâm sinh khổ thọ. Hoặc ăn uống quá mức, vì duyên nơi quá mức, nên thân tâm sinh khổ thọ, đó gọi là không ưa thích hành trì . Nếu Tỳ-kheo biết đủ, khéo lường xét về ăn uống, không có gì là không ưa thích, đó gọi là ưa thích hành trì.

Hỏi: Thế nào là siêng năng tinh tấn không ham ngủ nghỉ?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo, vào ban ngày, hoặc ngồi kiết già tư duy, hoặc đi kinh hành, tâm lìa pháp chướng ngại. Đầu đêm hoặc đi kinh hành, hoặc tư duy, tâm lìa pháp chướng ngại. Nửa đêm, nằm trên giường, nghiêng hông bên phải, xếp chân lại mà ngủ, tư duy nơi tưởng tỉnh giác. Cuối đêm, hoặc tư duy, đi kinh hành, tâm lìa pháp chướng ngại, đó gọi là siêng năng tinh tấn không ham ngủ nghỉ.

Hỏi: Thế nào là lìa pháp chướng ngại?

Đáp: Pháp chướng ngại nghĩa là năm cái. Như Đức Phật nói, năm cái là phiền não của tâm, làm tổn hại pháp trí tuệ. Lại như Đức Phật nói tiếp: Nếu người tại gia, xuất gia có năm cái che lấp tâm, nếu tự nhận biết nghĩa, hoặc nhận biết nghĩa nơi người khác. Nếu nhận biết nghĩa của mình, của người khác, nếu vượt quá người, pháp, nếu lìa dục, tri kiến tăng tiến, hoặc biết, hoặc thấy, thì không có điều ấy. Năm cái ngăn ngại pháp thiện, tạo trói buộc, nhiễm ô, sinh khởi kiết sử, nên gọi chướng ngại. Nếu tu hành thanh tịnh, trừ bỏ pháp chướng ngại, trắng trong, sáng rõ, đó gọi là lìa pháp chướng ngại.

Hỏi: Thế nào là đoạn trừ năm cái?

Đáp: Là lìa bỏ, diệt mất, trừ dứt, đó gọi là đoạn trừ năm cái.

Hỏi: Thế nào là cấu uế của tâm?

Đáp: Năm cái là phiền não cấu bản, không sáng suốt của tâm, đó gọi là cấu uế của tâm.

Hỏi: Thế nào là làm tổn hại pháp trí tuệ?

Đáp: Năm cái che lấp tâm, làm cho sức của tuệ yếu kém, đó gọi là làm tổn hại pháp trí tuệ.

Hỏi: Thế nào là lìa dục pháp ác bất thiện?

Đáp: Dục nghĩa là năm dục. Lại nữa, trần (cảnh) không phải là dục, trong pháp Thánh nói là Cầu na (công đức). Nếu tưởng nhớ, nhiễm vương, thì đây là dục. Như Đức Phật đã nói:

*Đủ loại sắc, phi dục
 Chúng sinh tưởng dục nhiễm
 Sắc thể gian thường trụ
 Phật đã lìa dục nhiễm.*

Nếu trong năm dục này, tham chồng chất nơi tham, có thể nhận lấy trói buộc, tham vương, đó gọi là dục.

Hỏi: Thế nào là pháp ác bất thiện?

Đáp: Hành ác của thân, miệng, ý, đó gọi là pháp ác bất thiện.

Lại nữa, mười đạo nghiệp bất thiện, đó gọi là pháp ác bất thiện.

Lại nữa, pháp tương ưng của căn bất thiện, căn bất thiện đã khởi, không duyên, không phải là pháp thọ, đó gọi là pháp ác bất thiện.

Lại nữa, tham dục, giận dữ, ngu si, phẫn nộ, oán hiềm, nói dối, ganh ghét, keo kiệt, dua nịnh, dối trá, che giấu sự xấu ác, không hổ, không thẹn, tự cao, tự đại, tranh tụng và ngã mạn v.v..., đó gọi là pháp ác bất thiện.

Lại nữa, tà kiến, tà giác, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tấn, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí, cùng tùy thuận nơi các tà pháp khác, đó gọi là pháp ác bất thiện.

Như thế, pháp dục ác bất thiện, nếu xa lìa, không gần gũi, không lẫn lộn, thuần tịnh ở xứ riêng, đó gọi là xa lìa dục pháp ác bất thiện.

Hỏi: Thế nào là có giác có quán?

Đáp: Nếu hành theo giác, quán thì đó gọi là có giác có quán.

Hỏi: Thế nào là ly sinh hỷ lạc?

Đáp: Nếu lìa dục pháp ác bất thiện, sinh mừng vui, đó gọi là ly sinh hỷ lạc.

Hỏi: Thế nào là thành tựu hành của thiền thứ nhất?

Đáp: Thiền thứ nhất có năm chi: giác, quán, hỷ, lạc, nhất tâm.

Thế nào là giác? *Đáp:* Giác thêm nữa, giác đạt đến cứu cánh, các pháp đã được nhớ nghĩ sáng rõ, dẫn đến tâm tư duy, đó gọi là giác.

Thế nào là quán? *Đáp:* Tâm hành thuận nơi hành, hành vi tế thâm nhuần, quán vi tế, tâm vi tế chuyển biến, đó gọi là quán.

Thế nào là hỷ? *Đáp:* Vui mừng hiện rõ nơi thân, đó gọi là hỷ.

Thế nào là lạc? *Đáp:* Tâm thọ nhận, nhận lấy vui thích, ý tiếp xúc với lạc thọ, đó gọi là lạc.

Thế nào là nhất tâm? *Đáp:* Tâm trụ, chánh trụ, đó gọi là nhất tâm.

Năm chi này, đó gọi là thiền thứ nhất.

Hỏi: Vì sao nói là thứ nhất?

Đáp: Nếu bốn thiền này do thứ lớp thuận, không nghịch, do thứ lớp nhập môn định nên đây là bắt đầu, đây là mới khởi, đây là một, đó gọi là thứ nhất.

Hỏi: Vì sao nói là thiền?

Đáp: Nghĩa là xả bỏ tâm cấu uế, đang xả bỏ, duyên nơi xả bỏ, đó gọi là thiền.

Lại nữa, phiền não chưa đoạn, có thể đoạn trừ, đó gọi là thiền.

Lại nữa, phiền não đoạn trừ xong, đạt được hành vui nơi đời hiện tại, đó gọi là thiền.

Lại nữa, pháp thiện như thế được thành tựu, nhập thiền sáng rõ, thanh tịnh trọn đầy, đó gọi là thiền.

Lại nữa, định như thế, trụ nơi nghĩa vi diệu sâu xa, chuyên duyên nơi trí tuệ, đó gọi là thiền.

Lại nữa, người tu hành, hành theo giác quán, ý mừng, tâm định. Như người tu hành, nếu thọ, tưởng, tư duy, giác quán, kiến tuệ giải thoát, không si, thuận tín, tâm vui mừng, tâm tinh tấn, khinh an, tín, dục, không phóng dật, tâm niệm xả, ý giới, ý thức giới cùng những tùy sắc khác, đó gọi là thiên.

Lại nữa, tùy pháp không phải thiên, là tùy pháp thiên. Nếu tâm trụ, đang trụ, thì tâm này gọi là thiên.

Được định như thế xong, gìn giữ oai nghi, trụ nơi hạnh, hạnh vi tế, đó gọi là thành tựu hành của thiên thứ nhất.

Nếu Tỳ-kheo thân ly sinh hỷ lạc, sự thấm nhuần đầy khắp, thân này đều là ly sinh hỷ lạc, sự thấm nhuần luôn đầy khắp, không có giảm thiểu, như thầy khéo tắm gội, đệ tử của thầy khéo tắm gội, dùng tảo đậu mịn đựng trong bồn, dùng nước rưới xong, đập vỗ điều hòa, do đập vỗ này sự thấm nhuần đầy khắp, không khô, không ướt, trong ngoài đều hòa nhuận. Như thế, Tỳ-kheo thân này đạt ly sinh hỷ lạc, sự thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu.

Hỏi: Thế nào là nhuần? Thế nào là thấm? Thế nào là khắp? Thế nào là đầy?

Đáp: Như Tỳ-kheo lúc trụ nơi thiên, ly sinh hỷ lạc, mới sinh, đang sinh, khởi, đang khởi, xúc chứng, thân được ly sinh hỷ lạc, bấy giờ gọi là lúc thấm nhuần trụ nơi thiên đạt ly sinh hỷ lạc, dần mở ra hành vi tế, chưa có thể rộng thêm. Thân đạt ly sinh hỷ lạc, lúc ấy gọi là thấm nhuần trụ nơi thiên, ly sinh hỷ lạc có thể mở rộng thêm, nhưng chưa đến bờ bên kia. Thân đạt ly sinh hỷ lạc, bấy giờ gọi là lúc thiên trụ khắp, ly sinh hỷ lạc có thể đến bờ bên kia. Ngang bằng với đây gọi là thân đạt ly sinh hỷ lạc, lúc ấy gọi là viên mãn. Như người làm ruộng, đầu tiên đem nước tưới nơi đất ruộng, mới đầu thấm ướt gọi là nhuần, nhuần xong nước lan dần, chảy đi chậm, chưa có thể lan rộng thêm, gọi là thấm. Thấm xong, nước càng thấm rộng thêm

dần, chưa đến bên kia bờ, gọi là khắp. Khấp rồi, khi nước tràn đến bờ bên kia, thì hầu hết chỗ cao thấp đều tràn đầy. Lúc tràn đầy, nước trở lại ú đọng ở chỗ mở ra, gọi là đầy. Tỳ-kheo cũng như thế, lúc trụ nơi thiên, ly sinh hỷ lạc, mới sinh, đang sinh, khởi, đang khởi, xúc chứng, thân đạt ly sinh hỷ lạc, bấy giờ gọi là nhuần. Ly sinh hỷ lạc dần mở ra hành vi tế, chưa có thể lan rộng thêm, thân đạt ly sinh hỷ lạc, lúc ấy gọi là thấm. Ly sinh hỷ lạc có thể lan rộng thêm, chưa đến bờ bên kia. Thân đạt ly sinh hỷ lạc, khi ấy gọi là khắp. Ly sinh hỷ lạc, có thể đến bờ bên kia, đều gọi là ly sinh hỷ lạc, bấy giờ gọi là thân đầy đủ.

Lại nữa, sự thấm nhuần đầy khắp, các câu như thế, nghĩa là một nhưng tên gọi thì có khác. Như Đức Phật nói: Thế nào gọi là giác? Như giác, lại giác, cứu cánh giác. Các pháp đã nhớ nghĩ, sáng rõ dẫn đến tâm tư duy về ngữ, gọi là giác. Các Tỳ-kheo, nghĩa này không nên nói như thế, vì giác khác, lại giác khác, cứu cánh giác khác, các pháp đã nhớ nghĩ khác, sáng rõ dẫn đến khác, tâm tư duy về ngữ khác. Các câu như giác, nghĩa là một nhưng có tên gọi khác. Sự thấm nhuần đầy khắp cũng như thế, nghĩa là một nhưng có tên gọi khác. Như Tỳ-kheo tu tâm từ, giải khắp phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới, tâm từ hiện rộng khắp, không khác, không lượng, không oán, không giận, giải khắp hành của tất cả thế gian, bấy giờ, dùng chúng sinh làm cảnh giới. Như thế, Tỳ-kheo thân đạt ly sinh hỷ lạc, sự thấm nhuần đầy khắp, lúc ấy dùng thân làm cảnh giới, không nên nói như thế. Như Tỳ-kheo, nên tư duy về hành vô thường, lìa dục, pháp bất thiện, có giác có quán, đạt ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất, tức là đạt ly sinh hỷ lạc, thân đầy khắp. Được ly sinh hỷ lạc xong, trừ thân nung đốt, tâm nung đốt, thân ấm, tâm ấm, thân nóng, tâm nóng, thân đốt, tâm đốt, thân cháy, tâm cháy, thân ác, tâm ác, thân không vui, tâm không vui, thân không điều hòa, tâm không điều hòa, thân không

nhẹ nhàng, tâm không nhẹ nhàng, thân không ấm, tâm không ấm, thân không khinh an, tâm không khinh an. Như Tỳ-kheo, trừ thân nung đốt, tâm nung đốt, cho đến thân không khinh an, tâm không khinh an xong, được thân không nung đốt, không ấm, không nóng, không đốt, không cháy, được an vui, thì không có phiền não cứng chắc, không cầu lợi, tận lực siêng năng, ưa thích hành trì, là ly sinh hỷ lạc đầy khắp thân.

Hỏi: Thế nào là diệt giác quán?

Đáp: Nếu giác quán vắng lặng, đang vắng lặng, diệt bỏ trừ mắt, đó gọi là diệt giác quán.

Hỏi: Thế nào là nội tịnh tín?

Đáp: Bên trong có tín chánh, tín thù thắng sinh, thành tựu đầy đủ, đó gọi là nội tịnh tín.

Hỏi: Thế nào là nhất tâm?

Đáp: Tâm riêng trụ, đang trụ, đang ở xứ riêng nhập định, đó gọi là nhất tâm.

Hỏi: Thế nào là không giác không quán?

Đáp: Nếu loại trừ giác quán rồi, tâm định được hỷ lạc, thành tựu đầy đủ, đó gọi là không giác không quán.

Thế nào là định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ hai?

Hỏi: Thế nào là thiên thứ hai?

Đáp: Thiên thứ hai có bốn chi: Nội tịnh tín, hỷ, lạc, nhất tâm.

Hỏi: Thế nào là nội tịnh tín?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, đạt ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Như Tỳ-kheo tư duy theo giác quán thô, giác quán của ta thô, nội tịnh tín vắng lặng vượt hơn. Tỳ-kheo tư duy theo giác quán thô xong, giác quán vắng

lặng, đang vắng lặng, xả diệt, trừ hết, giác quán vắng lặng, đang vắng lặng, xả diệt trừ hết xong, nội tịnh tín thành tựu đầy đủ, đó gọi là nội tịnh tín.

Như Tỳ-kheo, nếu dùng hành, hoặc thọ giáo, hoặc pháp tướng, hoặc phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc tiếp xúc lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, đạt ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Như Tỳ-kheo hành, hoặc thọ giáo, cho đến gần gũi, tu học nhiều xong, tâm hướng đến sự vắng lặng, tôn thượng vắng lặng, dốc hướng về vắng lặng, tâm hướng đến tịch tĩnh, tôn thượng tịch tĩnh, hướng đến tịch tĩnh xong, giác quán tịch tĩnh, đang tịch tĩnh, diệt mất trừ hết, giác quán vắng lặng, đang vắng lặng, diệt mất trừ hết xong, nội tịnh tín sinh, thành tựu đầy đủ, đó gọi là nội tịnh tín.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy giác quán là pháp thô, diệt pháp thô, tâm thanh tịnh, tâm người thanh tịnh, đó gọi là nội tịnh tín.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy giác quán là pháp thô, lìa pháp thô, tâm trắng trong, tâm được trắng trong, đó gọi là nội tịnh tín.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy giác quán là pháp thô, trừ bỏ pháp thô, tâm sáng rõ, tâm được sáng rõ, đó gọi là nội tịnh tín.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy giác quán là pháp thô, địa không giác không quán là vắng lặng, thảng diệu, đó gọi là nội tịnh tín.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy có giác có quán, tâm không mềm dẹt, không điều hòa, không thanh tịnh, không trắng trong, không sáng rõ. Tư duy không giác không quán thì tâm mềm dẹt, điều hòa, thanh tịnh, trắng trong, sáng rõ. Tâm Tỳ-kheo mềm dẹt, cho đến sáng rõ, đó gọi là nội tịnh tín.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy không giác không quán, tâm hỷ, tâm định, như người hành trì, hoặc tín nhập, tín cứu cánh, nhập tín, thảng tín, thuần tín, tâm tín, đó gọi là nội tịnh tín.

Hỏi: Thế nào là hỷ?

Đáp: Như người tu hành hoan hỷ, phần khích, đó gọi là hỷ.

Hỏi: Thế nào là lạc?

Đáp: Như người tu hành, tâm thọ nhận an lạc, ý tiếp xúc với lạc thọ, đó gọi là lạc.

Hỏi: Thế nào là nhất tâm?

Đáp: Như người tu hành, tâm tin đang tín, đó gọi là nhất tâm.

Bốn chi như thế gọi là thiền thứ hai.

Hỏi: Thế nào là hai?

Đáp: Như thứ lớp của bốn thiền thuận, không nghịch, do thứ lớp nhập định hành, hai cùng với ban đầu không có trung gian, đó gọi là hai.

Hỏi: Thế nào là thiên?

Đáp: Thiên nghĩa là xả bỏ tâm cấu uế, đang xả bỏ, duyên nơi xả, đó gọi là thiên. Cho đến lại nữa, ý hành không giác quán, tâm hỷ định, như người tu hành, hoặc thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, cho đến chỗ tùy theo sắc khác, đó gọi là thiên.

Lại nữa, tùy pháp không phải thiên là tùy pháp thiên. Nếu tâm trụ, đang trụ, đó gọi là thiên. Được định này rồi, gìn giữ oai nghi, trụ nơi hạnh, hạnh vi tế, đó gọi là thành tựu hành của thiên thứ hai.

Nếu Tỳ-kheo đạt định sinh hỷ lạc, sự thấm nhuần đầy khắp, thân này đều là định sinh hỷ lạc, sự thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu, như hồ nước lớn, do núi bao quanh, nước từ đáy hồ vọt ra, không từ phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc đến. Tự từ đáy hồ vọt ra, sự thấm nhuần của hồ nước này đầy khắp, không có giảm thiểu.

Như thế, Tỳ-kheo thân đạt định sinh hỷ lạc, sự thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu.

Hỏi: Thế nào là nhuần? Thế nào là thấm? Thế nào là khắp? Thế nào là đầy?

Đáp: Như Tỳ-kheo lúc trụ nơi thiền, thân định sinh hỷ lạc, sinh, đang sinh, khởi, đang khởi, xúc chứng, thân đạt định sinh hỷ lạc, bấy giờ gọi là lúc trụ nơi thiền có nhuần. Định sinh hỷ lạc, dần mở ra hạnh vi tế, chưa có thể rộng thêm. Thân đạt định sinh hỷ lạc, khi ấy gọi là thấm, là lúc trụ nơi thiền. Thân định sinh hỷ lạc, có thể rộng thêm, nhưng chưa đến bờ kia, định sinh hỷ lạc, bấy giờ gọi là lúc trụ nơi thiền có khắp. Định sinh hỷ lạc, có thể đến bờ kia, đến mức này tức gọi là định sinh hỷ lạc, khi đó gọi là thân đầy đủ. Như nông phu, đầu tiên dùng nước tưới ruộng, bắt đầu là nhuần, bấy giờ gọi là nhuần. Nhuần xong, nước dần mở ra chuyển vận chậm, chưa có thể phát rộng thêm, lúc ấy gọi là thấm. Thấm xong, nước bèn lan rộng thêm, nhưng chưa đến bờ bên kia, khi đó gọi là khắp. Khắp xong, nước chảy đến đất của bờ kia, tất cả chỗ cao thấp đều tràn đầy. Lúc này, nước đọng lại ở chỗ mở ra, gọi là đầy đủ. Tỳ-kheo cũng như thế. Lúc trụ nơi thiền, thân định sinh hỷ lạc, sinh, đang sinh, khởi, đang khởi, xúc chứng, định sinh hỷ lạc, bấy giờ gọi là nhuần, cho đến lúc trụ nơi thiền, định sinh hỷ lạc, có thể đến bờ kia, bằng với đây gọi là định sinh hỷ lạc, khi ấy gọi là thân đầy đủ.

Lại nữa, sự thấm nhuần đầy khắp, các câu như thế, nghĩa là một nhưng tên gọi có khác. Như Đức Phật đã nói: Thế nào là xúc? Duyên nơi mắt, duyên nơi sắc, sinh nhãn thức, ba pháp hòa hợp sinh xúc. Mắt không phải là xúc, sắc không phải là xúc. Nếu pháp này cùng hòa hợp, tụ tập, đó gọi là xúc. Các Tỳ-kheo, về nghĩa này không nên nói như thế, vì cùng khác, hòa hợp khác, tập khác, tụ khác. Các câu như đây, nghĩa là một, nhưng tên gọi có khác. Sự thấm nhuần đầy khắp cũng lại như thế, nghĩa là một, nhưng tên gọi có khác. Như Tỳ-kheo tu tâm bi, mở bày khắp phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới, tâm bi rộng khắp, không khác, không lượng,

không oán, không giận, mở bày khắp hành của tất cả thế gian. Bảy giờ, lấy chúng sinh làm cảnh giới. Lúc Tỳ-kheo trụ nơi thiền, thân định sinh hỷ lạc, sự thấm nhuần đầy khắp, dùng thân làm cảnh giới. Không nên nói như thế. Như Tỳ-kheo, nên tư duy hành khổ, diệt giác quán, nội tịnh tín, tâm riêng không giác quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ hai, tức là định sinh hỷ lạc, thân đầy khắp. Được định sinh hỷ lạc xong, trừ thân nung đốt, tâm nung đốt, cho đến thân không trừ, tâm không trừ, được thân không nung đốt, không ẩm, không nóng, không đốt, không cháy, được an vui, tức không có phiền não cứng chắc, không cầu lợi, tận lực siêng năng ưa thích hành trì. Đạt đến mức này đó gọi là định sinh hỷ lạc đầy khắp thân.

Hỏi: Thế nào là ly?

Đáp: Là hỷ được diệt mất trừ hết, đó gọi là ly.

Hỏi: Thế nào là hành xả?

Đáp: Nghĩa là cùng xả bỏ định được, đang được, gìn giữ oai nghi, trụ nơi hành, hành vi tế, đó gọi là hành xả.

Hỏi: Thế nào là niệm chánh trí?

Đáp: Niệm chánh trí thành tựu, đó gọi là niệm chánh trí.

Hỏi: Thế nào là thân thọ nhận lạc?

Đáp: Lạc nghĩa là nhận lấy an vui, ý tiếp xúc lạc thọ, đó gọi là lạc. Lạc này là thân thọ nhận, đang thọ nhận, thọ nhận vi tế, duyên nơi thọ nhận. Dùng thân nào để thọ nhận? Thân ý thọ nhận, đó gọi là thân thọ nhận lạc.

Hỏi: Thế nào là như sự mở bày của các Thánh nhân?

Đáp: Thánh nhân nghĩa là Đức Phật và chư Thanh văn, nhận biết pháp thiện của địa mình là hành vui của đời hiện tại. Nhập định xuất định xong, bảo cho biết rõ, giáo hóa, lưu hành khắp, mở bày,

diễn nói, phân biệt, hiển hiện. Đó gọi là như hành giải, xả niệm lạc của các Thánh nhân.

Hỏi: Thế nào là thành tựu hành của thiền thứ ba?

Đáp: Thiền thứ ba có năm chi: cùng vị xả, niệm, chánh trí, không có hỷ lạc, nhất tâm.

Hỏi: Thế nào là cùng vị xả?

Đáp: Như Tỳ-kheo diệt giác quán, nội tịnh tín, tâm tiếp xúc không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ hai. Như Tỳ-kheo quán hỷ thô, tâm hỷ thô của ta phấn khích, cùng vị xả vắng lặng thù thắng. Như Tỳ-kheo quán hỷ thô, hỷ vắng lặng, đang vắng lặng, diệt mất trừ hết. Hỷ vắng lặng, đang vắng lặng, diệt mất trừ hết xong, cùng vị xả sinh đang sinh, khởi đang khởi, thành tựu đầy đủ, đó gọi là cùng vị xả.

Như Tỳ-kheo, nếu hành cho đến xúc diệt giác quán, nội tịnh tín, tâm tiếp xúc không giác quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ hai. Như Tỳ-kheo hành trì cho đến xúc thân cận, đang gần gũi, tu học nhiều. Như Tỳ-kheo hành trì cho đến xúc gần gũi đang tu học nhiều xong, tâm hướng đến vắng lặng, tâm hướng đến vắng lặng xong, vắng lặng đạt trên hết, vắng lặng đạt trên hết xong, dốc hướng về vắng lặng, dốc hướng về vắng lặng xong, hỷ vắng lặng, đang vắng lặng, diệt mất trừ hết. Hỷ vắng lặng, đang vắng lặng, diệt mất trừ hết xong, cùng vị xả, sinh đang sinh, khởi đang khởi, thành tựu đầy đủ, đó gọi là cùng vị xả.

Lại nữa, Tỳ-kheo lìa hỷ lạc, tu không hỷ, cùng vị định, như người hành xả, xả vượt hơn, tâm điều hòa chánh quán, điều phục tâm không tạo tác, không phải thọ, đó gọi là cùng vị xả.

Hỏi: Thế nào là niệm?

Đáp: Người hành trì suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là niệm.

Hỏi: Thế nào là chánh trí?

Đáp: Như phương tiện nơi giải thoát trí kiến của người tu hành, đó gọi là chánh trí.

Hỏi: Thế nào là không hỷ lạc?

Đáp: Như người tu hành tâm không thọ nhận khổ lạc, ý tiếp xúc thọ bất khổ bất lạc, đó gọi là không hỷ lạc.

Hỏi: Thế nào là nhất tâm?

Đáp: Như tâm của người tu hành an trụ, đang trụ, đó gọi là nhất tâm.

Năm chi như thế gọi là thiền thứ ba.

Hỏi: Vì sao nói là ba?

Đáp: Như thứ lớp của bốn thiền thuận, không nghịch, do thứ lớp nhập định, hành ba cùng với hai, không có trung gian, nên gọi là ba.

Hỏi: Thế nào là thiền?

Đáp: Xả bỏ tâm cấu uế, đang xả bỏ, duyên nơi xả, đó gọi là thiền. Cho đến: Lại nữa, lia hỷ lạc, tu không có hỷ, cùng vị định, như người hành trì có thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, cho đến cùng tùy theo nơi sắc khác, đó gọi là thiền.

Lại nữa, tùy thuận pháp không phải thiền là tùy thuận pháp thiền. Nếu tâm an trụ, đang trụ, đó gọi là thiền. Được định này, gìn giữ oai nghi, trụ nơi hạnh vi tế, đó gọi là thành tựu hành của thiền thứ ba.

Như Tỳ-kheo thân không có hỷ lạc, sự thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu, như nơi ao Ưu-bát-la, ao Bát-đầu-ma, ao Câu-vật-đầu, ao Phân-đà-lợi, hoa từ bùn hiện ra, chưa thể ra khỏi nước. Hoa này, hoặc rễ, hoặc đầu, nước thấm nhuần đầy khắp, không có

giảm thiểu. Như thế, Tỳ-kheo thân không có hỷ lạc, sự thâm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu.

Hỏi: Thế nào là nhuần? Thế nào là thấm? Thế nào là đầy? Thế nào là khắp?

Đáp: Như Tỳ-kheo khi trụ nơi thiền không có hỷ lạc, bắt đầu sinh, đang sinh, khởi, đang khởi, xúc chứng. Như Tỳ-kheo lúc trụ nơi thiền, thân không có hỷ lạc, bấy giờ gọi là nhuần. Cho đến khi trụ nơi thiền, không có hỷ lạc, có thể đến bờ kia. Ngang với mức ấy gọi là không có hỷ lạc, khi ấy gọi là thân đầy. Như nông phu, đầu tiên dùng nước tưới lên đất ruộng, bắt đầu nhuần, bấy giờ gọi là nhuần nhuyến. Làm đất nhuần xong, nước dần mở ra, chuyển vận chậm, chưa có thể lan rộng thêm, lúc ấy gọi là thấm. Thấm thấu xong, nước bèn lan rộng thêm, chưa đến bờ kia, lúc này gọi là khắp. Khắp rồi, nước lan rộng, đến đất bên bờ kia, hết thấy chỗ cao thấp đều tràn đầy, lúc ấy nước đọng trở lại ở chỗ mở ra, như công việc xả nước của nhà nông, đến mức này gọi là đầy đủ. Tỳ-kheo cũng như thế, lúc trụ nơi thiền, thân không có hỷ lạc, sinh đang sinh, khởi đang khởi, xúc chứng, thân không có hỷ lạc, bấy giờ gọi là nhuần. Cho tới khi trụ nơi thiền không có hỷ lạc, có thể đến bờ kia. Ngang với mức này gọi là không có hỷ lạc, lúc đó gọi là thân đầy đủ.

Lại nữa, sự thâm nhuần đầy khắp, các câu như thế, nghĩa là một, nhưng tên gọi có khác. Như Đức Phật đã nói: Pháp khổ Thánh đế này chưa từng nghe, tự tư duy, sinh trí, sinh mắt, sinh giác, sinh minh, sinh thông, sinh tuệ, sinh giải. Các Tỳ-kheo ở đây không nên nói như thế, vì trí khác, mắt khác, giác khác, minh khác, thông khác, tuệ khác, giải khác. Như các câu này, về nghĩa là một, nhưng tên gọi có khác. Sự thâm nhuần đầy khắp cũng lại như thế, nghĩa là một, nhưng tên gọi có khác. Như Tỳ-kheo tu tâm hỷ, mở bày khắp phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới, tâm hỷ rộng khắp, không có khác, không lượng, không oán, không giận, mở bày

hạnh khắp nơi tất cả thế gian. Bấy giờ, dùng chúng sinh làm cảnh giới. Lúc Tỳ-kheo trụ nơi thiền, thân không có hỷ lạc, sự thấm nhuần đầy khắp, dùng thân làm cảnh giới. Không nên nói như vậy. Như Tỳ-kheo, nên tư duy pháp vô ngã, lìa hỷ, xả, hành niệm chánh trí, thân an lạc như hành mở bày xả niệm lạc của các Thánh nhân, thành tựu hành của thiền thứ ba, tức không có hỷ lạc đầy thân, được không có hỷ lạc rồi, trừ thân nung đốt, tâm nung đốt, cho đến thân không trừ, tâm không trừ. Như Tỳ-kheo, trừ thân nung đốt, tâm nung đốt, cho đến thân không trừ, tâm không trừ rồi, được thân không nung đốt, cho đến không cháy, được tâm không nung đốt, cho đến không cháy, được an lạc tức không có phiền não cứng chắc, không cầu lợi, tận lực năng thực ưa thích hành trì. Ngang với đây gọi là không có hỷ lạc đầy khắp thân.

Hỏi: Thế nào là đoạn trừ khổ, lạc?

Đáp: Như Tỳ-kheo đoạn trừ khổ lạc, đó gọi là đoạn trừ khổ vui.

Hỏi: Thế nào là trước diệt ưu, hỷ?

Đáp: Như Tỳ-kheo ưu hỷ đã diệt, đạt vắng lặng, đang vắng lặng, đó gọi là trước diệt ưu, hỷ.

Hỏi: Thế nào là xả bất khổ bất lạc?

Đáp: Như Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Như Thánh nhân lìa dục pháp ác bất thiện, thành tựu hành hỷ, bấy giờ không có năm pháp: Hỷ lạc nối tiếp cùng với dục nhiễm. Ưu khổ nối tiếp cùng với dục nhiễm. Hỷ lạc cùng với bất thiện. Ưu khổ cùng với bất thiện. Ưu khổ cùng với thiện. Nay Xá-lợi-phất! Như Thánh nhân đã lìa dục pháp ác bất thiện, thành tựu hành hỷ.

Năm pháp như thế hết sạch, như Thánh nhân lìa dục pháp ác bất thiện, được thành tựu hành hỷ, hỷ lạc nối tiếp cùng với dục nhiễm, cho đến ưu khổ cùng với thiện, bấy giờ chúng đã diệt và ưu lạc cùng với thiện khác cũng diệt, đó gọi là nhập thiền thứ tư.

Hỏi: Thế nào là thiên thứ tư?

Đáp: Thiên thứ tư có bốn chi: xả bất khổ bất lạc, niệm, tịnh, nhất tâm.

Hỏi: Thế nào là xả bất khổ bất lạc?

Đáp: Như Tỳ-kheo lìa hỷ xả hành niệm chánh trí, thân thọ lạc, như hành giải xả niệm lạc của các Thánh nhân, thành tựu hành của thiên thứ ba. Như Tỳ-kheo quán tâm thô không hỷ lạc, cũng có tạo tác, hoặc xả bất khổ bất lạc, sự vắng lặng vượt hơn, quán không hỷ lạc thô, không hỷ lạc vắng lặng, đang vắng lặng, diệt mất trừ hết xong, xả bất khổ bất lạc sinh đang sinh, khởi đang khởi, thành tựu đầy đủ, đó gọi là xả bất khổ bất lạc.

Như Tỳ-kheo, nếu hành cho đến xúc lìa hỷ, xả, hành niệm chánh trí, thân thọ lạc, như hành giải xả niệm lạc của các Thánh nhân, thành tựu hành của thiên thứ ba. Như Tỳ-kheo hành trì cho đến xúc thân cận, tu học nhiều rồi, hướng đến sự vắng lặng rồi, dốc hướng đến sự vắng lặng tôn thượng, dốc hướng nơi vắng lặng, dốc hướng nơi vắng lặng xong, không có hỷ lạc vắng lặng, không có hỷ lạc vắng lặng đã diệt mất trừ hết xong, xả bất khổ bất lạc, sinh đang sinh, khởi đang khởi, thành tựu đầy đủ, đó gọi là xả bất khổ bất lạc.

Lại nữa, Tỳ-kheo tuy không có hỷ lạc, nhưng tu định xả bất khổ bất lạc, như người tu hành, thân tâm không thọ nhận khổ lạc, mắt tiếp xúc thọ bất khổ bất lạc, cho đến ý tiếp xúc thọ bất khổ bất lạc, đó gọi là xả bất khổ bất lạc.

Hỏi: Thế nào là niệm?

Đáp: Như người tu hành suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là niệm.

Hỏi: Thế nào là tịnh?

Đáp: Như người tu hành suy niệm lìa dục nhiễm được thanh tịnh, lìa pháp ác bất thiện được thanh tịnh, lìa giác được thanh tịnh,

lià quán được thanh tịnh, lià hỷ được thanh tịnh, lià lạc được thanh tịnh, lià khổ được thanh tịnh, lià ưu được thanh tịnh cùng xa lià pháp phiền não khác được thanh tịnh, đó gọi là tịnh.

Hỏi: Thế nào là nhất tâm?

Đáp: Như người tu hành, nếu tâm an trụ, đang trụ, đó gọi là nhất tâm.

Bốn chi như thế đó gọi là thiền thứ tư.

Hỏi: Thế nào là thiền thứ tư?

Đáp: Thứ lớp là thuận không nghịch, theo thứ lớp nhập định, hành bốn cùng với ba, không có trung gian, đó gọi là thứ tư.

Hỏi: Thế nào là thiền?

Đáp: Xả bỏ tâm cấu uế, đang xả, duyên nơi xả, đó gọi là thiền. Cho đến: Lại nữa, lià không có hỷ lạc, tu định xả bất khổ bất lạc. Như người tu hành có thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, cho đến cùng tùy thuận sắc khác, đó gọi là thiền.

Lại nữa, tùy thuận pháp không phải thiền, là tu pháp thiền, tâm trụ, đang trụ, đó gọi là thiền. Được định như thế, gìn giữ oai nghi, trụ nơi hạnh, hành vi tế, đó gọi là thành tựu hành của thiền thứ tư. Như Tỳ-kheo tu thanh tịnh với tâm sâu xa, thân hành giải khắp, không xứ nào là không khắp, như người nam, người nữ mặc áo trắng sạch, trên dưới đầy đủ, từ đầu đến chân, từ chân lên đến đầu, không xứ nào là không khắp. Tỳ-kheo cũng như thế, tu tâm thanh tịnh, thân hành giải khắp, không xứ nào là không khắp.

Tỳ-kheo nhập thiền thứ tư, tâm không cao, không thấp, không ghét, không yêu, định trụ không động. Cũng như nơi tĩnh thất, sửa sang vách đất, cửa cái, cửa sổ trong ngoài đều cùng đóng, không có gió bụi. Ở trong tĩnh thất ấy đốt đèn dầu, nếu nhân, phi nhân, hoặc gió, hoặc chim, không có thứ gì va chạm đến. Ngọn lửa của đèn cháy

không cao, không thấp, không nghiêng, không cong, định trụ không động. Tỳ-kheo nhập nơi thiền thứ tư cũng lại như thế, tâm không cao, không thấp, cho đến định trụ không động.

Hỏi: Thế nào là tâm cao?

Đáp: Tâm cùng tương ưng với trạo cử, đó gọi là tâm cao.

Hỏi: Thế nào là tâm thấp?

Đáp: Tâm cùng tương ưng với biếng trễ, đó gọi là tâm thấp.

Lại nữa, tâm cùng tương ưng với bảy thứ mạn, đó gọi là tâm cao. Tâm cùng tương ưng với ngã, đó gọi là tâm thấp.

Hỏi: Thế nào là tâm yêu?

Đáp: Tâm tương ưng cùng với nhiễm, đó gọi là tâm yêu.

Hỏi: Thế nào là tâm ghét?

Đáp: Tâm tương ưng cùng với giận, đó gọi là tâm ghét.

Trong bốn thiền này, tâm không cùng với trạo cử, không tương ưng với trạo cử, cho đến không tương ưng cùng với giận dữ, đó gọi là không cao, không thấp, không ghét, không yêu.

Hỏi: Thế nào là trụ?

Đáp: Nếu tâm trụ, đang trụ nơi định ở xứ riêng, đó gọi là trụ.

Hỏi: Thế nào là xứ không động?

Đáp: Không động đó là thiền thứ tư. Như Đức Phật nói: Này Ưu-đà-di! Nếu Tỳ-kheo lia dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, đạt ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất, ta nói là động. Ở đây có động gì? Nghĩa là giác quán không diệt.

Nếu Tỳ-kheo diệt giác quán, nội tịnh tín, nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ hai, ta nói là động. Ở đây có động gì? Nghĩa là hỷ chưa diệt.

Nếu Tỳ-kheo lia hỷ hành xả, niệm chánh trí, thân thọ lạc, như hành giải xả niệm lạc của các Thánh nhân, thành tựu hành của thiên thứ ba, ta nói là động. Ở đây có động gì? Nghĩa là xả lạc chưa diệt.

Nếu Tỳ-kheo đoạn khổ, lạc, trước diệt ưu, hỷ, xả bất khổ bất lạc, tâm tịnh, thành tựu hành của thiên thứ tư, ta nói là bất động.

Nếu Tỳ-kheo lia dục pháp ác bất thiện, nhập thiên thứ nhất, từ thiên thứ nhất khởi nhập thiên thứ hai, từ thiên thứ hai khởi nhập thiên thứ ba, từ thiên thứ ba khởi nhập thiên thứ tư, đó gọi là đến xứ không động.

Tỳ-kheo tu học bốn thiên như thế, muốn chứng pháp thông, tùy tâm mong muốn tức có thể được chứng, tự tại vô ngại. Như ở chôn bằng phẳng giữa ngã tư đường, có người điều khiển xe tứ mã, có người khéo chế ngự, tùy ý tự tại. Như thế, Tỳ-kheo thân cận bốn thiên, tu học nhiều rồi, muốn chứng pháp thông, tùy tâm tức được, tự tại vô ngại. Như chiếc bình đựng đầy nước cứng chắc không rò rỉ, dùng đựng đầy nước sạch để uống, tùy người lấy dùng, tự tại như ý. Như thế, Tỳ-kheo thân cận bốn thiên, tu học nhiều rồi, muốn chứng pháp thông, tùy tâm mình muốn, tự tại vô ngại. Như hồ, suối, ngăn chặn nước đầy tràn để uống, tùy người quyết định dùng, tự tại như ý. Như thế, Tỳ-kheo thân cận nơi bốn thiên, tu học nhiều rồi, muốn chứng pháp thông, tùy tâm mình muốn, liền có thể chứng được, tự tại vô ngại.

Nếu Tỳ-kheo muốn dùng thần túc để gây chấn động đại địa, có thể dùng một làm thành nhiều, lấy nhiều làm thành một, cho đến làm thân Phạm thiên được tự tại, tùy chỗ muốn nhập. Nếu muốn thọ nhận thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá con người, tức có thể nghe được hai thứ tiếng: tiếng của nhân, phi nhân, tùy chỗ có thể nhập. Nếu muốn nhận biết chúng sinh khác, thì có thể nhận biết tâm có dục nhận biết như thật là tâm có dục, tâm không dục nhận biết như thật là tâm không

dục, tùy chỗ có thể nhập. Nếu muốn nhớ nghĩ lại về vô lượng thọ mạng đời trước, liền có thể nhớ một đời, cho đến thành tựu hành này, tùy chỗ có thể nhập. Nếu muốn thọ nhận thiên nhãn thanh tịnh vượt quá con người, liền có thể trông thấy sự sinh tử của chúng sinh, cho đến như nghiệp của chúng đã gây tạo, tùy chỗ có thể nhập. Nếu muốn dứt hết hữu lậu, thành vô lậu, được tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện đời tự biết chứng, thành tựu hành: Nẻo sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn nhận hữu sau, tùy chỗ có thể nhập. Như vậy, thân cận với bốn thiên, tu học nhiều, tức được quả báo như thế.

HẾT – QUYỂN 14

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 15

Phẩm thứ 10: PHẦN KHÔNG PHẢI HỎI VỀ ĐẠO, phần 1

Có người xuất thế, Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã nói về vô số nhân, vô số môn, vô số đạo, vô số hướng đạo. Nay sẽ tập hợp các môn của đạo: Có một chi đạo, hai chi đạo, ba chi đạo, bốn chi đạo, năm chi đạo, sáu chi đạo, bảy chi đạo, tám chi đạo, chín chi đạo, mười chi đạo, mười một chi đạo.

Hỏi: Thế nào là một chi đạo?

Đáp: Thân niệm xứ đó gọi là một chi đạo.

Hỏi: Thế nào là hai chi đạo?

Đáp: Định, tuệ, đó gọi là hai chi đạo.

Hỏi: Thế nào là ba chi đạo?

Đáp: Định có giác có quán, định không giác có quán, định không giác không quán. Định không, định vô tướng, định vô nguyện. Đó gọi là ba chi đạo.

Hỏi: Thế nào là bốn chi đạo?

Đáp: Bốn niệm xứ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, bốn hướng đạo, bốn tu định, bốn đoạn, đó gọi là bốn chi đạo.

Hỏi: Những gì là năm chi đạo?

Đáp: Năm căn, năm lực, năm giải thoát nhập, năm xuất giới, năm quán định, năm pháp sinh giải thoát, đó gọi là năm chi đạo.

Hỏi: Thế nào là sáu chi đạo?

Đáp: Sáu niệm, sáu hướng, sáu xuất giới, sáu pháp phần minh, sáu pháp nhân của vui thích, sáu chánh giác không có hỷ, đó gọi là sáu chi đạo.

Hỏi: Thế nào là bảy chi đạo?

Đáp: Bảy giác, bảy tướng, bảy pháp nhân duyên của định, đó gọi là bảy chi đạo.

Hỏi: Thế nào là tám chi đạo?

Đáp: Tám Thánh đạo, tám giải thoát, tám thắng nhập, đó gọi là tám chi đạo.

Hỏi: Thế nào là chín chi đạo?

Đáp: Chín diệt, chín định thứ đệ, chín tướng, đó gọi là chín chi đạo.

Hỏi: Những gì là mười chi đạo?

Đáp: Mười tướng, mười pháp chánh trực, mười nhất thiết nhập, đó gọi là mười chi đạo.

Hỏi: Thế nào là mười một chi đạo?

Đáp: Mười một giải thoát nhập, đó gọi là mười một chi đạo.

Hỏi: Thế nào là thân niệm xứ, một chi đạo hướng đến Niết-bàn?

Đáp: Nghĩa là nghĩ đến thân, dựa vào thân, dùng thân để bắt đầu quán, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ, một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy về thân vô thường, biết vô thường, giải vô thường, thọ nhận vô thường. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhận biết thân khổ não: ung nhọt, mũi tên độc, tai họa của vị, dựa vào duyên, pháp hư hoại không nhất định, không đủ, có thể hủy hoại, khổ, không, vô ngã, tư duy về duyên, biết duyên, thọ nhận duyên, tức vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy thân diệt, nhận biết diệt, giải diệt, thọ diệt, tức vô minh diệt, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo đi biết đi vui, đứng biết đứng vui, ngồi biết ngồi vui, nằm biết nằm vui, như thể thân trụ vui. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo đi đến, co duỗi, ứng hợp với hành chánh trí, cầm giữ y bát, ăn uống như pháp, dùng thuốc thang khi bệnh gầy ốm, trừ mỗi mệt, buồn ngủ, cùng đại tiểu tiện lợi, nơi đi đứng, nằm ngồi, thức dậy, nói pháp, yên lặng, ứng hợp với hành chánh trí. Như người thật suy niệm nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm

này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, hơi thở ra dài nhận biết hơi thở ra dài, hơi thở vào dài nhận biết hơi thở vào dài, hơi thở ra ngắn nhận biết hơi thở ra ngắn, hơi thở vào ngắn nhận biết hơi thở vào ngắn. Như thợ quần dây và học trò của thợ quần dây, sợi dây dài, biết dây dài, dây ngắn, biết ngắn. Như thế, Tỳ-kheo, hơi thở ra dài nhận biết dài, hơi thở vào dài nhận biết dài, hơi thở ra ngắn nhận biết ngắn, hơi thở vào ngắn nhận biết ngắn. Như người thật suy niệm nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo từ đầu đến chân đều là bất tịnh. Trong thân này có móng, răng, tóc, lông, da mỏng, da dày, thịt, gân, mạch, lá lách, thận, tim, phổi, nơi chôn cấu uế của đại tiểu tiện, nước mắt, đàm dãi, mủ, máu, mỡ lá, não, mô, mồ hôi, xương tủy, như người mắt sạch thấy các lúa thóc ở một cửa kho lẫm, hồ ma, gạo đậu nhỏ, đậu ti, đại mạch tiểu mạch. Như thế, Tỳ-kheo quán trong thân này, từ đầu đến chân, đều là bất tịnh. Trong thân này, chỉ có móng, răng v.v... cho đến tủy xương. Như người thật suy niệm nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán bốn đại, thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Như đồ tể giết mổ bò, học trò của đồ tể giết mổ bò làm bốn phần, hoặc ngồi, hoặc đứng, quan sát bốn phần này. Như thế, Tỳ-kheo quán địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại của thân này. Quán các đại ấy, mỗi mỗi đại đều mâu thuẫn với nhau. Có các đại này dựa vào thức ăn uống của đại bên ngoài, nuôi lớn, ốm yếu, không bền chắc, niệm niệm mòn diệt, tạm trụ không lâu. Như người thật

suy niệm nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo như thế, quán thân này dựa vào ăn uống để trụ, dựa vào ăn uống để nuôi lớn, duyên nơi ăn uống mà trụ, không có ăn uống tức không trụ, như lửa dựa vào củi nên được cháy, không có củi thì sẽ tắt. Như thế, Tỳ-kheo quán thân này dựa vào ăn uống để trụ, dựa vào ăn uống để nuôi lớn, duyên nơi ăn uống mà trụ, không có ăn uống thì không trụ. Như Đức Thế Tôn đã nói:

*Quán thân tích tập khổ
Tất cả đều duyên ăn
Nếu diệt trừ được ăn
Tức không có các khổ.
Như thế biết làm lỗi
Ăn là tạo nên khổ
Tỳ-kheo diệt ăn rồi
Quyết định được Niết-bàn.*

Như người thật suy niệm nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đều là không, cùng là không, do niệm hành giải nhận biết khắp, như tre, lau sậy đều không, cùng là không. Như thế Tỳ-kheo quán thân đều không, cùng là không, do niệm hành giải nhận biết khắp. Như người thật suy niệm nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân là ung nhọt, trong thân có chín cửa rỉ ra chất lỏng của ung nhọt, chất lỏng rỉ ra đều là chất lỏng bất tịnh,

là thai, mô bắt đầu, là hư hoại, là hôi hám, cấu uế, là chất nước dãi đáng tởm. Mắt tiết ra ghen, nước mắt, chất nước dãi của mũi, máu, tai rỉ ra chất nước dãi mù, máu. Cấu nơi tai, mũi, rỉ ra chất lỏng của mũi, mù, máu. Miệng rỉ ra đàm dãi mù, máu. Hai chỗ rỉ ra tiện lợi mù, máu. Như ung nhọt lở lói của con người bị đóng vắn đã lâu. Như thế, chín lỗ rỉ ra từ chất lỏng của nhọt lở đều là chất nước dãi bất tịnh, là thai, mô bắt đầu, là hư hoại, là cấu uế, hôi hám, là chất nước dãi đáng tởm. Tỳ-kheo quán thân như thế là ung nhọt. Thân này có chín nhập, chín mụn nhọt, chín chất lỏng, chín lậu. Mắt, tai, mũi, miệng, mỗi mỗi chỗ đều luôn bài tiết ra chất nước dãi, đều là chất nước dãi bất tịnh, là thai, mô bắt đầu, là hư hoại, là cấu uế, hôi hám, là chất nước dãi đáng tởm. Mắt tiết ra chất nước dãi ghen, nước mắt, mù, máu. Tai tiết ra chất nước dãi mù, máu, chảy ra chất nước dãi nước mũi. Miệng tiết ra chất nước dãi, đàm dãi, mù, máu. Hai chỗ bài tiết ra chất nước dãi tiện lợi mù, máu. Như Tôn giả Ma ha Ca-diếp đã nói: Thân bốn đại là tổ hợp suy yếu, hao hụt, chất nước dãi mâu thuẫn nhau, là nơi cư trú của mọi chứng bệnh, là chốn nương dựa của các thứ khổ. Người yêu mến gìn giữ thân, như yêu mến gìn giữ tử thi, vì thọ mạng ngắn ngủi, gấp rút. Như người thật suy niệm nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán nghiệp tập hợp của ba căn: Nghiệp tập hợp của căn tham, nghiệp tập hợp của căn giận, nghiệp tập hợp của căn si. Nếu thân, khẩu, ý tạo nghiệp tham, cùng với tham là đầu mối tham, tập hợp tham, nhân của tham, duyên của tham, không phải là nghiệp của Thánh, là nghiệp hữu lậu, là nghiệp tích tập không phải là diệt nghiệp cấu uế. Giận dữ, ngu si cũng lại như thế. Nếu tạo thành nghiệp này, tức do cha mẹ có đủ tâm hữu lậu, hướng đến ám dục thọ sinh, chỗ diệt của ám kia là thai mẹ sinh thức đầu tiên có sắc, cùng

với sắc do bốn đại tạo của thức kia, nghĩa là sắc do ý sinh, thọ, tưởng, tư, xúc, gọi là danh. Danh sắc như thế, cùng sinh, cùng khởi. Danh sắc ấy không từ bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng và trên dưới mà đến, không từ cha mẹ xuất sinh, không từ nghiệp phát ra, cũng không phải phát ra từ chỗ khác, mà là nhân nơi các duyên hòa hợp: nhân tích tập, nhân nghiệp, nhân cha mẹ xuất sinh. Như vào tháng sau mùa xuân, không có mây mù, sương, vào giờ Ngọ, có người cầm hỏa châu, dùng phân bò khô đổ trên đất mịn, liền có lửa phát sinh, có ánh sáng phát ra. Như thế, quán lửa không từ phương Đông, cho đến không từ trong phân bò phát ra. Như thế, các duyên hòa hợp nên có lửa sinh, ánh sáng phát ra. Tỳ-kheo quán danh sắc như thế, không từ phương Đông, cho đến không từ nghiệp phát ra, mà là xuất sinh từ các duyên hòa hợp: nhân tập hợp, nhân cha mẹ, liền có danh sắc. Thời gian bảy ngày, thai này là mô mới bắt đầu, bảy ngày sau trông như mây. Lại bảy ngày, là khối thịt đầu tiên, lại bảy ngày, khối thịt bắt đầu cứng, cho đến bốn mươi chín ngày, thì chi tiết của thân đầy đủ.

Như trời Đế Thích hỏi Đức Thế Tôn: Chư Phật không dùng sắc làm ngã, vì sao thân có giác? Vì sao sinh xương trong nước? Lại vì sao có thể trụ nơi thai? Câu hỏi đã có lời đáp. Đức Thế Tôn vì Đế Thích nên quyết nghị: Tất cả hành là sinh diệt. Đức Thế Tôn đã nhận biết như thật về tất cả hành là sinh diệt. Đế Thích hãy lắng nghe, Ta nay sẽ nói: Trước hết có thai mô bắt đầu, nhân nơi thai mô bắt đầu liền có dáng như mây, nhân nơi như mây nên có cục thịt ban đầu, nhân nơi cục thịt ban đầu nên có chất cứng bắt đầu, nhân nơi chất cứng bắt đầu nên có chi tiết các nhập, móng, tóc. Nhân nơi thức ăn uống của mẹ nên trụ. Đế Thích lại hỏi: Chúng sinh không biết pháp gì? Chúng sinh không rõ pháp gì? Chúng sinh tham nhiễm pháp gì? Chúng sinh trói buộc pháp gì?

Đức Thế Tôn đáp:

*Chúng sinh không biết pháp sinh
 Chúng sinh không rõ pháp diệt
 Chúng sinh tham nhiễm pháp thân
 Chúng sinh trói buộc pháp ái.
 Để Thích nên nghe thật kỹ
 Biết pháp nhân tức nên là
 Người tuệ vượt qua dòng chết
 Qua rồi trọn không trở lại.*

Nếu mẹ mang thai, hoặc chín tháng, hoặc mười tháng, thân nặng, tự yêu mến gìn giữ. Nếu chín tháng, hoặc mười tháng, yêu mến gìn giữ thân nặng xong, liền sinh con. Sinh xong, mẹ dùng máu để nuôi con. Trong pháp Thánh cho sữa mẹ là máu. Sau đấy thì có thể ăn, có thể ăn xong các căn tăng trưởng, các căn tăng trưởng xong các căn đầy đủ. Về sau thì suy vi, biến đổi, đốt xương lia rời, da dòn, mặt nhăn, khí lực yếu ớt, răng rụng, tóc bạc, thân thể gầy ốm, đi đứng phải chống gậy, hơi thở ngày càng ít, không chịu nổi những thứ khổ thọ. Thời kỳ tráng kiện đã qua, máu thịt tiêu hao dần, phần nhiều mang phải các bệnh khổ, mạng chết bức bách gấp bội, như Thi-bà-la đã nói:

*Mạng người đi không lại
 Ngày, đêm thường suy tổn
 Như cá trong nước nóng
 Sống khổ, chết bức bách.*

Do phương tiện như thế, nhận biết pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, là pháp tận, pháp đổi thay, pháp ly tán, pháp diệt. Ngã sở không phải là ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán. Không phóng dật như thế, siêng năng niệm hạnh tịch tĩnh của chánh tuệ, dựa vào việc đoạn dứt vọng tưởng của tham, đoạn trừ xong thì nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở nơi xứ riêng được tu định. Như người thật suy niệm nhớ nghĩ,

đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế, người có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, giả gọi là người. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không phải là người. Tách lia mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng không phải là người. Nếu pháp như thế, đang sinh, đang thành tựu, đang xuất, thì giả gọi là người. Như ngôi nhà có cột kèo, tường vách, giả gọi là nhà. Tường vách, cột kèo không phải là nhà, lia ngoài cột kèo, tường vách cũng không phải là nhà. Nếu pháp như thế, đang sinh, đang thành tựu, đang xuất, thì giả gọi là nhà. Tỳ-kheo tư duy như thế này: “Người có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, giả gọi là người. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không phải là người. Tách lia mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng không phải là người”. Tỳ-kheo, nếu pháp như thế, đang sinh, đang thành tựu, đang xuất, thì giả gọi là người. Như kinh Tượng đã nói: Tỳ-kheo duyên nơi gỗ, duyên nơi tre, duyên nơi sợi dây, duyên nơi đất sét, vây quanh hư không, giả gọi là nhà. Tỳ-kheo, như thế duyên nơi xương, duyên nơi gân, duyên nơi máu thịt, duyên nơi làn da vây quanh hư không, giả gọi là ngã. Do phương tiện như thế, nhận biết pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, là pháp tận, pháp đổi thay, pháp ly tán, pháp diệt. Ngã sở không phải là ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là Chánh tuệ quám. Không phóng dật như thế, siêng năng niệm hành tịch tĩnh của chánh trí, dựa vào việc đoạn dứt vọng tưởng của tham, đoạn trừ xong thì nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở nơi xứ riêng được tu định. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Duyên nơi có mắt, giả gọi là ngã. Không có mắt, cũng không giả gọi là ngã. Mắt không phải là

ngã, lia mắt cũng không phải là ngã. Nếu là mắt của ngã, tức nên có khác. Do mắt không phải là ngã, nên mắt không có khác. Nếu không có mắt, cũng không giả gọi là ngã. Do mắt không phải là ngã, nên lia mắt cũng không phải là ngã. Vì thế, nên duyên nơi mắt, giả gọi là ngã, không có mắt, cũng không giả gọi là ngã. Tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, duyên nơi tâm, giả gọi là ngã, không có tâm cũng không giả gọi là ngã. Tâm không phải là ngã, lia tâm cũng không phải là ngã. Tâm nếu là ngã thì tâm phải nên có khác, do tâm không phải là ngã, nên tâm không có khác. Nếu không có tâm cũng không giả gọi là ngã, do tâm không phải là ngã, nên lia tâm cũng không phải là ngã. Vì thế nên duyên nơi tâm giả gọi là ngã, không có tâm cũng không giả gọi là ngã. Như Đức Thế Tôn đã nói: Nếu nói mắt là ngã, thì không phải, vì mắt có sinh diệt. Nếu sinh diệt thì ngã cũng nên sinh diệt, tức có sự thua kém ấy, thế nên không phải. Nếu nói mắt là ngã, thì việc này không đúng. Tai, mũi, lưỡi, thân, tâm cũng lại như thế. Do phương tiện như thế, nhận biết pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, là pháp tận, pháp đổi thay, pháp lia, pháp diệt. Ngã sở không phải là ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán. Không phóng dật như thế, siêng năng niệm hành tịch tĩnh của chánh trí, dựa vào sự đoạn dứt vọng tưởng của tham, đoạn trừ xong thì nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở nơi xứ riêng tu định. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế, nếu nhận thấy sắc là ngã, thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thì kiến thức này tức cùng với dục, cùng với giận dữ, ngu si, cùng với thủ, cùng với nhận trụ, cùng với khổ, cùng với hư vọng, cùng với các phiền não, cùng với nóng bức, không giải thoát, không lia dục, không diệt trừ, không vắng lặng,

không chánh giác, không được quả Sa-môn, không được Niết-bàn. Nếu kiến này tạo thành thì ở nơi gốc khổ của sinh, lão, bệnh, tử tức tụ tập, kết hợp. Nếu nhận thấy sắc là vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã, thì kiến thức này không cùng với giận dữ, không cùng với ngu si, không cùng với thù, không cùng với nhận trụ, không cùng với khổ, không cùng với hư vọng, không cùng với các phiền não, không cùng với nóng bức, giải thoát lia dục, diệt trừ, vắng lặng, chánh giác, được quả Sa-môn, được Niết-bàn. Nếu kiến thức này thành tựu thì ở nơi gốc khổ của sinh, lão, bệnh, tử tức không tụ tập kết hợp. Như Đức Thế Tôn nói: Các Tỳ-kheo! Có người thấy như thế, duyên nơi có ngã, có ngã sở, duyên nơi có ngã sở có, Ta nói là có ngã, có ngã sở. Nếu thật, nếu có thì đều không thể được. Các Tỳ-kheo! Điều này không phải là pháp ngu độn. Bạch Thế Tôn đúng vậy.

Các Tỳ-kheo! Như người ngu chấp có thường, không khác, không khác với vật, là pháp không biến đổi, là thường định trụ là có. Bạch Thế Tôn là có. Các Tỳ-kheo! Nếu chấp có thường, không khác, không khác với vật, là pháp không biến đổi, là thường nên định trụ. Bạch Thế Tôn, không có. Nếu người ngu chấp có ngã, nếu ngã là thường không khác, không khác với vật, là pháp không biến đổi, là thường định trụ là có. Bạch Thế Tôn là có. Các Tỳ-kheo nếu chấp có ngã, nếu phải không khác, không khác với vật, là pháp không biến đổi, là thường nên định trụ. Bạch Thế Tôn không có. Các Tỳ-kheo, nếu người ngu nương dựa, hoặc dựa vào thường kiến, không khác, không khác với vật, là pháp không biến đổi, là thường nên định trụ. Bạch Thế Tôn là có. Các Tỳ-kheo nếu nương dựa, hoặc dựa vào thường kiến, không khác, không khác với vật, là pháp không biến đổi, là thường nên định trụ. Bạch Thế Tôn là không có. Do vậy, Các Tỳ-kheo! Nếu tất cả sắc nơi quá khứ, hiện tại, vị lai, trong, ngoài, thô, tế, kém, hơn, xa, gần, tất cả sắc như thế, ngã không phải là ngã sở có,

ngã sở không phải là ngã có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu tạo ra kiến thức này: Lạc của ngã, lạc của thế gian, lạc hiện có là thường, không khác, không khác với vật, là pháp không biến đổi, nên thường định trụ. Song vì ngã sở không phải là ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán.

Nếu tạo ra kiến thức này: Ngã đoạn diệt, song vì ngã sở không phải là ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán.

Nếu tạo ra kiến thức này: Ngã có thể thấy, nghe, nhận biết, tư duy phân biệt, song vì ngã sở không phải là ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán. Thánh nhân nếu thấy như thế, nghe như thế về có ngã, có ngã sở, tức trọn không có kinh sợ.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: Sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã, thì sắc không nên thọ nhận khổ hoạn, sắc nên được tự tại, có như thế, không phải có như thế. Do sắc không phải là ngã, nên sắc thọ nhận khổ hoạn, sắc không tự tại, có như thế, không phải có như thế. Thọ, tưởng, hành, thức, không phải là ngã, ngã không phải là thọ tưởng hành thức. Nếu thức là ngã, thì thức không nên thọ nhận khổ hoạn, thức nên được tự tại, có như thế, không phải có như thế.

Do thức không phải là ngã, nên thức thọ nhận khổ hoạn, thức không được tự tại, vì có như thế, không phải có như thế, vì vậy nên biết pháp này là không thường có, là duyên sinh, là pháp tận, pháp biến đổi, pháp lìa. Ngã sở không phải là ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán. Không phóng dật như thế, siêng năng niệm hạnh vắng lặng của chánh trí, dựa vào sự đoạn dứt vọng tưởng của tham, đoạn trừ xong thì nội

tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở nơi xứ riêng được tu định. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế về các thứ khổ của thế gian. Các thứ khổ này nhân nơi đâu, đầu mối nào, tích tập nào, sinh nào, tôn thượng nào? Như thế, tư duy về các thứ khổ âm của thế gian, nhân nơi âm, đầu mối âm, tập âm, sinh âm, tôn thượng âm, duyên nơi âm. Có khổ do mất cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân thuộc. Có khổ của sự suy kém, hao tổn, các bệnh. Có các tiếp xúc không vừa ý, hoặc xúc chạm của nắm tay, xúc chạm của roi, gậy, xúc chạm của ngói, đá, xúc chạm của dao, gậy, xúc chạm của lạnh nóng, xúc chạm của đói khát, xúc chạm của nắng, gió, xúc va chạm của muỗi mòng, có các thứ khổ bị quốc vương, đại thần trời buộc, gông cùm, giam cầm, cắt đứt thịt, xương, rã ra như vỏ ốc, cuời trên dao, gỗ nhọn bén, dùng đá đập vào ống chân, dùng năm chiếc xe nghiền nát, dùng dây kết buộc, dùng lửa đốt thân, thân bị lửa cháy thiêu, dùng dao cắt xẻ thân, lấy móc sắt móc thịt, lột da, dùng mật thoa vào khiến sâu trùng cắn ăn, bỏ lửa trong bao cỏ đốt, dùng quạt gió thổi vào thân khiến tan nát, dùng dây sắt ràng buộc thân, cắt đứt tay, chân, tai, mũi, đầu đặt lên mình, dùng tên bắn giết, sau cùng chém chết, có những thứ khổ như thế. Như Đức Thế Tôn đã nói:

*Không lửa nào như dục
Không độc nào bằng giận
Không lưới nào bằng si
Không khổ nào bằng ám
Biết như thật điều ấy
Niết-bàn vui bậc nhất.*

Do thế nên biết, pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, là pháp tận, pháp biến đổi, pháp lia, pháp diệt. Ngã sở không phải là

ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán. Không phóng dật như thế, siêng năng niệm về hành vắng lặng của chánh trí, dựa vào sự đoạn dứt vọng tưởng của tham, đoạn trừ xong thì tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở nơi xứ riêng được định. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Thân ta có nhiều khổ, nhiều lỗi lầm, nhiều phiền não, nhiều sâu bi, đủ các thứ khổ. Quán thân sinh đang sinh, khởi đang khởi, xuất đang xuất, tạo thành đầy đủ sinh vô số thứ bệnh. Như nhân nơi nóng sinh bệnh, nhân nơi ẩm sinh bệnh, nhân nơi gió sinh bệnh, nhân nơi sức mình sinh bệnh, nhân nơi phiền não của người khác sinh bệnh, nhân nơi thời tiết đổi thay sinh bệnh, nhân nơi các đại cùng trái nhau sinh bệnh, nhân nơi ăn không tiêu hóa sinh bệnh, nhân nơi nghiệp báo sinh bệnh, nhân nơi tập hợp sinh bệnh, bệnh mắt, bệnh tai, mũi, lưỡi, thân, nhúc đầu, nhúc vai, nhúc răng, đau cổ họng, cần cổ, đau óc, đau cơ bắp, hô hấp khí nghịch, yết hầu bé tắc, ho hen, ói mửa, đau kiết lỵ, bệnh phát nhiệt, đau bụng, mụn nhọt, ghẻ ngứa, ghẻ lở, như sâu bò, ung nhọt, lác, bệnh điên cuồng, bệnh trĩ, bệnh thủng sung đở. Các chứng bệnh ngoài da, thường xuyên bị các loài muỗi mòng, rận rệp cắn hút. Bên trong, cho đến ở chỗ một sợi lông, đều có các thứ trùng cắn rĩa. Như Đức Thế Tôn đã nói: “Sắc sinh, trụ xuất sinh bệnh, ở nơi khổ phát khởi lão tử. Như thọ, tướng, hành, thức sinh trụ xuất sinh bệnh, ở nơi khổ phát khởi lão tử”.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Ba khổ là hành khổ, khổ khổ, biến khổ”. Do thế nên biết, pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, là pháp tận, pháp biến đổi, pháp ly tán, pháp diệt. Ngã sở không phải là ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không

có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán. Không phóng dật như thế, siêng năng niệm về hành vắng lặng của chánh trí, dựa vào sự đoạn dứt vọng tưởng của tham, đoạn dứt xong, nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở nơi xứ riêng được định. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: “Nhân nơi gì, trụ gì? Không phải nhân nơi gì, không phải trụ gì? Tư duy như thế này: Nhân nơi xương ống chân trụ xương bắp đùi. Nhân nơi xương bắp đùi trụ xương bắp vế. Nhân nơi xương bắp vế trụ xương hông. Nhân nơi xương hông trụ xương sống. Nhân nơi xương sống trụ xương sườn. Nhân nơi xương tay trụ xương cánh tay. Nhân nơi xương cánh tay trụ xương vai. Nhân nơi xương vai trụ xương cổ. Nhân nơi xương cổ trụ xương đầu. Nhân nơi tủy trụ xương. Nhân nơi xương trụ gân. Nhân nơi gân trụ thịt. Nhân nơi thịt trụ máu. Nhân nơi máu trụ da. Nhân nơi da trụ da mỏng. Nhân nơi da mỏng trụ lông. Như nhân nơi hư không trụ gió. Nhân nơi gió trụ nước. Nhân nơi nước trụ đất. Nhân nơi đất trụ các tác nghiệp cùng nhân nơi đó có hạt giống, có ruộng vườn, có cỏ thuốc, có rừng rậm, có chúng sinh, có làng xóm. Tỳ-kheo tư duy như thế, nhân nơi xương ống chân trụ xương bắp đùi. Nhân nơi xương đùi... cho đến xương đầu. Nhân nơi tủy trụ xương. Nhân nơi xương... cho đến trụ lông. Nếu không có xương ống chân thì xương đùi không trụ. Không có xương đùi thì xương bắp vế không trụ. Không có xương bắp vế thì xương hông không trụ. Không có xương hông thì xương sống không trụ. Không có xương sống thì xương sườn không trụ. Không có xương tay thì xương cánh tay không trụ. Không có xương cánh tay thì xương vai không trụ. Không có xương vai thì xương cổ không trụ. Không có xương cổ thì xương đầu không trụ. Không có tủy thì xương không trụ. Không có

xương thì gân không trụ. Không có gân thì thịt không trụ. Không có thịt thì máu không trụ. Không có máu thì da không trụ. Không có da thì da mỏng không trụ. Không có da mỏng thì lông không trụ. Như không có hư không thì gió không trụ. Như không có gió thì nước không trụ. Nếu không có nước thì đất không trụ. Như không có đất thì các tác nghiệp cùng hạt giống, ruộng vườn, cỏ thuốc, rừng rậm, chúng sinh, làng xóm đều không trụ.

Tỳ-kheo tư duy như thế này: “Nếu không có xương ống chân thì xương đùi không trụ. Không có xương đùi, cho đến xương đầu không trụ. Không có tủy thì xương không trụ, không có xương, cho đến lông không trụ. Do xương dựng tủy, gân ràng buộc xương, thịt che chở gân, máu thoa thịt, máu trong da, da mỏng, mô, da dày, lông dựa vào da mỏng”. Như Đức Thế Tôn nói: Nếu pháp sinh diệt, thì nhân nơi hành trụ hành. Vì thế nên biết pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, là pháp tận, pháp biến đổi, pháp lia, pháp diệt. Ngã sở không phải là ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán. Không phóng dật như thế, siêng năng nghĩ đến hành vắng lặng của chánh trí, dựa vào sự đoạn dứt vọng tưởng của tham, đoạn đoạn dứt xong, nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở nơi xứ riêng được định. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gân gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nhân nơi gì? Giả gì? Không phải là nhân nơi gì? Không phải giả gì? Tư duy như thế, nhân nơi thân có thân nghiệp giả, không có thân thì không có thân nghiệp giả. Nhân nơi khẩu có khẩu nghiệp giả, không có khẩu thì không có khẩu nghiệp giả. Nhân nơi ý có ý nghiệp giả, không có ý thì không có ý nghiệp giả. Nếu thân nghiệp tạo, nếu miệng nói nghiệp, nghiệp xúc chạm nơi thân, biểu hiện nơi thân đi đến, co duỗi, quay lại. Biểu hiện

của miệng tập hợp âm thanh, câu lời, ngôn ngữ, nói năng. Nếu nhân nơi ý tạo nghiệp, không có ý thì không có tác nghiệp. Ví như người thợ khéo léo và học trò ông ta chuyên làm giả, khắc tạo người bằng cây, có cơ quan điều khiển động tác, có thể đi, lại, ngồi, nằm. Như thế, nếu thân tác nghiệp, nếu miệng nói nghiệp, nghiệp xúc chạm của thân là biểu hiện nơi thân đi đến, co duỗi, quay lại, biểu hiện nơi miệng là tập hợp âm thanh, câu lời, ngôn ngữ. Nếu nhân nơi ý tác nghiệp, không có ý thì không có tác nghiệp. Như Đức Thế Tôn đã nói:

*Tâm là gốc pháp
Tâm tôn, tâm khiến
Trong tâm niệm ác
Tức nói, tức làm
Tội, khổ tự theo
Xe lăn nơi vết
Tâm là gốc pháp
Tâm tôn, tâm khiến
Trong tâm niệm thiện
Tức nói, tức làm
Phước vui tự theo
Như bóng, theo hình.*

Do thế nên biết, pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, là pháp tận, pháp biến đổi, pháp ly tán, pháp diệt. Ngã sở không phải là ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán. Không phóng dật như thế, siêng năng niệm nơi hành vắng lặng của chánh trí, dựa vào sự đoạn dứt vọng tưởng của tham, đoạn dứt xong, nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở nơi xứ riêng được định. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế, nếu hành sau cùng, chưa biết mà diệt, hoặc hành vô gián đã diệt rồi, thì thức nối tiếp với đạo khác sinh, hành kia duyên nơi thức kia, gọi là *vô gián duyên* (đẳng vô gián duyên). Nếu nhân hành, thức kia nối tiếp với đạo khác sinh, hành kia duyên nơi thức kia, gọi là *nhân duyên*. Nếu tư duy hành, thức nối tiếp với đạo khác sinh, hành kia duyên nơi thức kia, gọi là *duyên duyên* (sở duyên duyên). Nếu dựa vào hành, thức nối tiếp với đạo khác sinh, hành kia duyên nơi thức kia, gọi là *y duyên*. Nếu hành, thức của báo, nối tiếp với đạo khác sinh, hành kia duyên nơi thức kia, gọi là *báo duyên*. Nếu hành khởi thức, nối tiếp với đạo khác sinh, hành kia duyên nơi thức kia, gọi là *khởi duyên*. Nếu hành thức tương ưng nối tiếp với đạo khác sinh, hành kia duyên nơi thức kia, gọi là *khác duyên*. Nếu tăng thượng hướng đến tăng thượng của thức kia, nối tiếp với đạo khác sinh, hành kia duyên nơi thức kia, gọi là *tăng thượng duyên*. Đây là thức sau cùng diệt, thức ban đầu nối tiếp với đạo khác sinh. Thức sau cùng diệt rồi, thức ban đầu liền sinh, không có trung gian, như bóng di chuyển theo mặt trời, nối tiếp mặt trời di chuyển bóng. Bóng nối tiếp với mặt trời, không có trung gian. Như thế, thức sau cùng này diệt, thức ban đầu nối tiếp với đạo khác sinh, thức sau diệt rồi, liền sinh thức đầu tiên, không có trung gian. Như thức sau cùng này, nếu pháp tương ưng của thức sau cùng không đến thức đầu tiên, nếu thức đầu tiên, pháp tương ưng của thức đầu tiên không đến thức sau. Như nhãn thức diệt rồi, sinh nhĩ thức, nhĩ thức diệt rồi, sinh nhãn thức, pháp tương ưng của nhãn thức không đến nhĩ thức, pháp tương ưng của nhĩ thức không đến nhãn thức.

Như thế, thức sau, pháp tương ưng của thức sau không đến thức đầu tiên. Thức đầu tiên, pháp tương ưng của thức đầu tiên không đến thức sau. Nếu thức sau diệt rồi, tức sinh thức đầu tiên, nghĩa là thời điểm này đi qua, tức đây diệt, kia sinh, nghĩa là sau cùng của đây là bắt đầu của kia. Không phải mạng là thân, không phải thân là mạng,

không phải mạng khác với thân, không phải thân khác với mạng. Không phải mạng không phải đoạn, không phải sinh, không phải trụ, không phải có biến đổi. Chẳng phải không có nhân, chẳng phải do trời tạo ra, chẳng phải ở đây tạo ra, ở đây thọ nhận, chẳng phải cái khác tạo ra, cái khác thọ nhận. Nhận biết có quá khứ, vị lai, nhận biết có sự sinh tử. Nhận biết có nghiệp nối tiếp, nhận biết có thuyết pháp, nhận biết có duyên. Không có từ chỗ này đến chỗ kia, không có từ chỗ kia đến chỗ này, chỉ là hành nối tiếp sinh, vì do nghiệp duyên. Như Đức Thế Tôn nói: Ngã sở là không, ngã đối với ngã sở, không nên nghi ở ngã, ngã sở. Không nên nói đối với tất cả pháp, không nên nghi. Vì thế nên biết, pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, là pháp tận, pháp biến đổi, pháp diệt, pháp ly tán. Ngã sở không phải là ngã có, ngã không phải là ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh tuệ quán. Không phóng dật như thế, siêng năng nghĩ đến hành vắng lặng của chánh trí, dựa vào sự đoạn dứt vọng tưởng của tham, đoạn dứt xong, nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở nơi xứ riêng được định. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu thấy trẻ con, tâm ngu si không nhận biết, nằm ngủ ở chỗ cấu uế, nên tư duy như thế này: Thân ta cũng như thế, tướng của pháp như vậy, chưa lìa pháp ấy, thân ta cũng là pháp có sinh, có sinh lỗi lầm tai hại. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu thấy người nam, người nữ tuổi già, suy yếu hiện rõ, răng long tóc bạc, da mặt nhăn nheo, thân thể gầy còm, tiều tụy, bước đi yếu ớt phải chống gậy, hơi thở không điều hòa, nên tư duy

như thế này: Thân ta cũng như thế, tướng của pháp như vậy, chưa lìa pháp ấy, thân ta cũng là pháp có già, lỗi lầm tai hại của tuổi già. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu thấy người nam, người nữ, thân có bệnh khổ, nằm ngủ ở chỗ cấu uế, yếu đuối không có sức, cử động phải cần người giúp đỡ, nên tư duy như thế này: Thân ta cũng như thế, tướng của pháp như vậy, chưa lìa pháp ấy, thân ta cũng có bệnh, có lỗi lầm tai hại của bệnh. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu thấy người nam, người nữ khi thân hoại, có lỗi lầm, hoặc là thân thuộc, hoặc không phải thân thuộc, từ bỏ tử thi họ, như cỏ phân đất, nên tư duy như thế này: Thân ta cũng như thế, tướng của pháp như vậy, chưa lìa pháp ấy, thân ta cũng là pháp hư hoại, có lỗi lầm tai hại của sự chết. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo trông thấy tử thi đem bỏ nơi gò mả, một ngày đến ba ngày, quán thân mình, như pháp này, như tướng này, chưa lìa pháp ấy. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gắn gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo trông thấy tử thi đem bỏ tại gò mả, một ngày đến ba ngày, đã sinh trương lên, xanh bầm tím, quán thân mình như

pháp này, như tướng này, chưa lìa pháp ấy. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo thấy tử thi đem bỏ nơi gò mả, một ngày đến ba ngày, nếu bị chim, quạ, cọp, sói, từng ấy các chim thú đã cắn xé, ăn nuốt, quán thân mình như pháp này, như tướng này, chưa lìa pháp ấy. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhìn thấy tử thi với đốt xương liền nhau, màu xanh, đỏ rữa nát, dính đầy máu mủ bất tịnh, cấu uế đáng gớm, quán thân mình như pháp ấy, như tướng ấy, chưa lìa pháp ấy. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhìn thấy tử thi với đốt xương liền nhau, được máu, thịt che bao, gân, mạch chưa đứt, quán thân mình như pháp ấy, như tướng ấy, chưa lìa pháp ấy. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhìn thấy tử thi với các đốt xương liền nhau, máu thịt đã lìa, gân mạch chưa đứt, quán thân mình như pháp ấy, như tướng ấy, chưa lìa pháp này. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhìn thấy tử thi với các đốt xương đã tan rã, chưa lia chỗ cũ, quán thân mình như pháp ấy, như tướng ấy, chưa lia pháp này. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhìn thấy tử thi với đốt xương đã tan rã, xa lia chỗ cũ, ống chân, bắp vế, bắp đùi, xương sống, hông, xương sườn, tay, chân, vai, cánh tay, cổ, đầu lâu đều tự ở vị trí khác, quán thân mình như pháp ấy, như tướng ấy, chưa lia pháp này. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo thấy tử thi với xương cốt vì để lâu màu ngả trắng như vỏ sò, xanh như lông chim bồ câu, mục rữa, hoại nát, quán thân mình như pháp ấy, như tướng ấy, chưa lia pháp này. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhìn thấy tử thi để trên đồng lửa, tất cả tóc, lông, da, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, hết thảy lông tóc cho đến xương tủy như thế dần dần tiêu tan hết. Quán pháp của thân này không đến phương đông, phương nam, tây, bắc, bốn hướng trên, dưới để trụ. Pháp của thân này vốn không có mà sinh, có rồi trở lại diệt. Như người thật suy niệm, nhớ nghĩ, đó gọi là thân niệm xứ. Gần gũi với niệm này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là thân niệm xứ một chi đạo hướng đến Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là thân niệm?

Đáp: Thân phát khởi xuất sinh, đó gọi là thân niệm. Tư duy về thân sinh, đó gọi là thân niệm. Cảnh giới của thân sinh, đó gọi là thân

niệm. Dựa vào thân sinh, đó gọi là thân niệm. Thân phân biệt sinh, đó gọi là thân niệm xứ.

Thế nào là hai chi đạo định, tuệ, hướng đến Niết-bàn? Vì sao gọi là định? Tâm trụ, đang trụ, đó gọi là định. Vì sao gọi là tuệ? Trí phân biệt, đó gọi là tuệ. Định như thế, tuệ như thế, đó gọi là định tuệ. Gần gũi với định tuệ này, tu học nhiều, tức được Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đó gọi là hai chi đạo định, tuệ, hướng đến Niết-bàn

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu tất cả pháp hữu vi, hoặc pháp hữu vi của một xứ, thì nên tư duy về vô thường, biết vô thường, giải vô thường, thọ vô thường. Quán không phóng dật như thế, tức được định, tâm trụ, đang trụ, đó gọi là định. Như nơi người thật, nếu dùng trí phân biệt, đó gọi là tuệ. Định như thế, tuệ như thế, đó gọi là định tuệ. Gần gũi với định tuệ này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là hai chi đạo định, tuệ, hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu tất cả pháp hữu vi, hoặc pháp hữu vi của một xứ, nên tư duy về khổ hoại: ung nhọt, mũi tên, tham đắm vị, dựa duyên theo pháp hư hoại, bất định, không đầy đủ, biến đổi, diệt, có thể hủy hoại, khổ, không, vô ngã, tư duy nơi duyên, biết duyên, giải duyên, thọ duyên, tức vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ não, tụ tập thuần một nhóm khổ. Quán không phóng dật như thế, được định, tâm trụ, đang trụ, đó gọi là định. Như nơi người thật, nếu do trí phân biệt, đó gọi là tuệ. Định như thế, tuệ như thế, đó gọi là định tuệ. Gần gũi với định tuệ này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là hai chi đạo định, tuệ hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu tất cả pháp hữu vi, hoặc pháp hữu vi của một xứ, nên tư duy về diệt: biết diệt, giải diệt, thọ diệt, tức vô minh

diệt, vô minh diệt thì hành diệt, cho đến tụ tập thuần một nhóm khổ diệt. Quán không phóng dật như thế, tức được định, tâm trụ, đang trụ, đó gọi là định. Như nơi người thật, nếu dùng trí phân biệt, đó gọi là tuệ. Định như thế, tuệ như thế, đó gọi là định tuệ. Thân cận với định, tuệ này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là hai chi đạo định, tuệ, hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, đi nhận biết là đi vui, đứng nhận biết là đứng vui, ngồi nhận biết là ngồi vui, nằm nhận biết là nằm vui. Như thân đi đứng ngồi nằm được vui, nhận biết như thật. Quán không phóng dật như thế tức được định, tâm trụ, đang trụ, đó gọi là định. Như nơi người thật, nếu dùng trí phân biệt, đó gọi là tuệ. Định như thế, tuệ như thế, đó gọi là định tuệ. Thân cận với định tuệ này, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là hai chi đạo định, tuệ, hướng đến Niết-bàn. Cho đến nếu nhìn thấy tử thi ở trên đồng lửa, cũng nêu bày như trên.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Bên trong của ta có dục nhiễm, nhận biết như thật là bên trong có dục nhiễm. Nếu bên trong không có dục nhiễm, nhận biết như thật là bên trong không có dục nhiễm. Như dục nhiễm chưa sinh, nhận biết như thật là chưa sinh, như dục nhiễm đã sinh, nhận biết như thật là đã sinh, như dục nhiễm sinh rồi đoạn, nhận biết như thật là đã đoạn, như dục nhiễm đoạn rồi, nhận biết như thật là không còn sinh lại. Bên trong có giận dữ, thù miên, trạo cử, hối, nghi cũng như thế. Quán không phóng dật như vậy, tức được định, tâm trụ, đang trụ, đó gọi là định. Như nơi người thật, nếu dùng trí phân biệt, đó gọi là tuệ. Định như thế, tuệ như thế, đó gọi là định tuệ. Thân cận với định tuệ ấy, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là hai chi đạo định, tuệ, hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Bên trong của ta mắt nhận biết sắc có dục nhiễm, giận dữ, tức nhận biết như thật bên

trong mắt nhận biết sắc có dục nhiễm, giận dữ. Bên trong mắt nhận biết sắc không có dục nhiễm, giận dữ, tức nhận biết như thật bên trong mắt nhận biết sắc không có dục nhiễm, giận dữ. Như mắt nhận biết sắc chưa sinh dục nhiễm, giận dữ, tức nhận biết như thật là chưa sinh. Như mắt nhận biết sắc chưa sinh dục nhiễm, giận dữ, giờ thì đã sinh, tức nhận biết như thật là đã sinh. Như mắt nhận biết sắc đã sinh dục nhiễm, giận dữ, giờ thì đã đoạn, tức nhận biết như thật là đã đoạn. Như mắt nhận biết sắc sinh dục nhiễm, giận dữ đã đoạn xong, tức nhận biết như thật lại không còn sinh nữa. Tai nhận biết tiếng, mũi nhận biết hương, lưỡi nhận biết vị, thân nhận biết xúc, ý nhận biết pháp cũng như thế. Quán không phóng dật như thế được định, tâm trụ, đang trụ, đó gọi là định. Như nơi người thật, nếu dùng trí phân biệt, đó gọi là tuệ. Định như thế, tuệ như thế, đó gọi là định, tuệ. Thân cận với định tuệ, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là hai chi đạo định, tuệ, hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Bên trong của ta có niệm chánh giác, tức nhận biết như thật là bên trong có niệm chánh giác. Bên trong không có niệm chánh giác, tức nhận biết như thật là bên trong không có niệm chánh giác. Như niệm chánh giác chưa sinh, nhận biết như thật là chưa sinh. Như niệm chánh giác chưa sinh giờ thì đã sinh, tức nhận biết như thật là đã sinh. Như niệm chánh giác đã sinh, tu đầy đủ, tức nhận biết như thật là đã sinh tu đầy đủ. Trạch pháp chánh giác, tinh tấn chánh giác, trừ (khinh an) chánh giác, định chánh giác, xả chánh giác (giác chi) cũng như thế. Quán không phóng dật như thế, được định, tâm trụ, đang trụ, đó gọi là định. Như nơi người thật, nếu dùng trí phân biệt, đó gọi là tuệ. Định như thế, tuệ như thế, đó gọi là định tuệ. Thân cận với định tuệ, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là hai chi đạo định, tuệ, hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhận biết như thật về khổ, khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo. Nhận biết như thật về lậu, lậu tập, lậu diệt, lậu diệt đạo. Quán không phóng dật như thế, được định, tâm trụ, đang trụ, đó gọi là định. Như nơi người thật, nếu dùng trí phân biệt, đó gọi là tuệ. Định như thế, tuệ như thế, đó gọi là định tuệ. Thân cận với định tuệ, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là hai chi đạo định tuệ, hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo vì tâm sợ hãi, nên ra khỏi tất cả pháp hữu vi, nhập cảnh giới cam lộ. Sự vắng lặng này là hơn hết, ly khai tất cả hữu vi, ái dứt hết, là Niết-bàn. Quán không phóng dật như thế, được định, tâm trụ, đang trụ, đó gọi là định. Như nơi người thật, nếu dùng trí phân biệt, đó gọi là tuệ. Định như thế, tuệ như thế, đó gọi là định tuệ. Thân cận với định tuệ, tu học nhiều, tức được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đó gọi là hai chi đạo định, tuệ, hướng đến Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là định?

Đáp: Người chưa đoạn phiền não, dục nhiễm đã đoạn, đang đoạn, đạt vắng lặng. Phiền não giận dữ ngu si gây chướng ngại, che ngăn, các hành ác trói buộc đã diệt, đang diệt, đạt vắng lặng. Như mùa thu, nổi lên nhiều bụi đất, mây, sương mù, tức thì mưa rơi, diệt hết các thứ đất bụi, mây, sương mù, đang diệt, đạt vắng lặng. Định như thế, như người chưa đoạn phiền não, dục nhiễm giờ thì đã đoạn, đang diệt, đạt vắng lặng. Giận dữ, ngu si tạo chướng ngại, che ngăn, các hành ác trói buộc đã diệt, đang diệt, đạt vắng lặng, đó gọi là định.

Hỏi: Thế nào là tuệ?

Đáp: Như nơi người thật, nếu dùng trí phân biệt sắc, phân biệt như thật về sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Như người mắt sáng, đứng trên đỉnh núi cao, hoặc quán xem phương đông, phân biệt như thật. Hoặc quán xem phương nam, tây, bắc, đều phân biệt như

thật. Tuệ như thế, phân biệt như thật về sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là tuệ.

Hỏi: Thế nào là định có giác có quán?

Đáp: Nếu định là giác quán, tương ưng với giác quán, cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là định có giác có quán.

Lại nữa, định có giác có quán, nếu định giác quán đạt được, đang được, duyên nơi được, đó gọi là định có giác có quán.

Lại nữa, định có giác có quán, Tỳ-kheo đã lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Tỳ-kheo có giác có quán, hỷ lạc nhất tâm. Nếu người nhập định này, thì được năm chi: đang được, duyên nơi được, giác quán, hỷ lạc, nhất tâm, đó gọi là định có giác có quán của thiền thứ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu được định có giác có quán, có hỷ cùng với vị định, thì Tỳ-kheo quán hỷ thô, tâm có bi, không có hỷ lạc nơi sự vắng lặng hơn hết. Tỳ-kheo quán hỷ thô xong, được hỷ vắng lặng, đang vắng lặng, diệt mất, trừ. Hỷ vắng lặng, đang vắng lặng, diệt mất, trừ xong, có giác quán, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, giác quán, không có hỷ lạc nhất tâm, đó gọi là định có giác có quán không phải thiền, không phải thiền trung gian.

Như Tỳ-kheo, nếu hành trì, hoặc thọ giáo, hoặc theo pháp tướng, hoặc tạo phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc xúc chứng được định có giác có quán, có hỷ cùng với vị. Như Tỳ-kheo hành trì, thọ giáo, theo pháp tướng, tạo phương tiện, chuyên tâm, tư duy, tiếp xúc thân cận, tu học nhiều. Như Tỳ-kheo hành trì, cho đến tiếp xúc thân cận, tu học nhiều xong, tâm hướng đến vắng lặng, tâm hướng đến vắng lặng xong, tôn thượng sự vắng lặng, tôn thượng sự vắng lặng xong, dốc hướng nơi vắng lặng, dốc hướng nơi vắng lặng xong, được hỷ vắng lặng, hỷ vắng lặng xong, đang vắng

lặng, đang vắng lặng diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ xong, tức có giác quán, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, giác quán, không có hỷ lạc, nhất tâm, đó gọi là định có giác có quán không phải thiền, không phải là thiền trung gian .

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu được định có giác có quán, không có hỷ lạc, cùng với vị, thì Tỳ-kheo này quán không có hỷ lạc thô, tâm tạo ra sự vắng lặng, vượt hơn, xả bất khổ bất lạc. Tỳ-kheo này quán không có hỷ lạc thô xong, không có hỷ lạc đạt vắng lặng, là vắng lặng, đang vắng lặng, đang vắng lặng diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ xong, nên có giác có quán, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, giác quán, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm, đó gọi là định có giác có quán không phải thiền, không phải là thiền trung gian.

Như Tỳ-kheo, nếu hành trì, hoặc thọ giáo, hoặc theo pháp tướng, hoặc tạo phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc tiếp xúc được định có giác có quán, không có hỷ lạc cùng với vị. Như Tỳ-kheo hành trì cho đến tiếp xúc thân cận, tu học nhiều xong, tâm hướng đến sự vắng lặng. Tâm hướng đến sự vắng lặng rồi thì tôn thượng vắng lặng. Tôn thượng vắng lặng xong thì dốc hướng nơi vắng lặng. Dốc hướng nơi vắng lặng rồi thì được không hỷ lạc vắng lặng, vắng lặng, đang vắng lặng. Đang vắng lặng diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ xong, tức có giác có quán, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, có giác quán, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm, đó gọi là định có giác có quán không phải thiền, không phải là thiền trung gian.

Hỏi: Thế nào là định không giác có quán?

Đáp: Nếu định lia giác, tương ưng với quán, không cùng với giác sinh, không cùng trụ, không cùng diệt, nhưng với quán thì cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là định không giác có quán.

Lại nữa, định không giác có quán, là nếu định không được giác, không đang được, không duyên nơi được. Còn quán thì được, đang được, duyên nơi được. Đó gọi là định không giác có quán.

Lại nữa, định không giác có quán, nếu Tỳ-kheo được định có giác có quán, có hỷ cùng với vị, Tỳ-kheo này đã quán giác thô, định không giác có quán, là sự tĩnh lặng vượt hơn. Tỳ-kheo này quán giác thô xong, đạt giác tĩnh lặng, là giác tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ xong, nên có quán hỷ lạc nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, quán hỷ lạc, nhất tâm, đó gọi là định không giác có quán của thiền trung gian.

Như Tỳ-kheo, nếu hành trì, hoặc thọ giáo, hoặc theo pháp tướng, hoặc tạo phương tiện, hoặc chuyên tâm, dụng ý, hoặc tư duy, hoặc tiếp xúc đặc định có giác có quán, có hỷ cùng với vị. Tỳ-kheo này vẫn hành trì, cho đến tiếp xúc thân cận, tu học nhiều. Như Tỳ-kheo hành trì cho đến tiếp xúc thân cận, tu học nhiều xong, tâm hướng đến tĩnh lặng, tôn thượng tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng, tâm hướng đến sự tĩnh lặng, tôn thượng tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng xong, giác tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất, trừ. Giác tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất, trừ xong, nên có quán hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi đang đắc, duyên nơi được, quán hỷ lạc, nhất tâm, đó gọi là định không giác có quán của thiền trung gian.

Hỏi: Thế nào là thiền trung gian?

Đáp: Là khoảng giữa của thiền thứ nhất và thiền thứ hai, lúc thiền thứ nhất hướng thiền thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo được định không giác có quán, có hỷ cùng với vị, Tỳ-kheo quán hỷ thô, tâm hỷ cũng có bi, không có hỷ, lạc tĩnh lặng vượt hơn. Tỳ-kheo quán hỷ thô xong, được hỷ tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất, trừ. Hỷ tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất,

trừ xong, nên có quán, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, thì được ba chi, đang được, duyên nơi được, quán không có hỷ lạc, nhất tâm, đó gọi là định không giác có quán, không phải thiền, không phải là thiền trung gian. Như Tỳ-kheo, nếu hành trì thọ giáo, hoặc theo pháp tướng, tạo phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc tiếp xúc đặc định không giác có quán, có hỷ cùng với vị. Như Tỳ-kheo hành trì cho đến tiếp xúc thân cận, tu học nhiều, thân cận tu học nhiều xong, tâm hướng đến sự tĩnh lặng, tâm hướng đến sự tĩnh lặng xong thì tôn thượng tĩnh lặng, tôn thượng tĩnh lặng xong thì dốc hướng nơi tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng xong thì hỷ tĩnh lặng diệt mất, trừ xong, nên có quán, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được ba chi, đang được, duyên nơi được, quán không có hỷ lạc, nhất tâm, đó gọi là định không giác có quán không phải thiền, không phải là thiền trung gian.

Lại nữa, Tỳ-kheo được định không giác có quán, không có hỷ chung với vị. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô, không có hỷ lạc, tâm cũng có lúc tạo ra sự tĩnh lặng, xả bất khổ bất lạc. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô xong, không có hỷ lạc tĩnh lặng, là tĩnh lặng đang tĩnh lặng, đang tĩnh lặng diệt mất, trừ. Vì diệt mất, trừ xong, nên có quán xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này thì được hai chi, đang được, duyên nơi được, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm, đó gọi là định không giác có quán không phải thiền, không phải là thiền trung gian. Như Tỳ-kheo, nếu hành trì hoặc thọ giáo, hoặc pháp tướng, hoặc tạo phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc tiếp xúc, được định không giác có quán, không có hỷ lạc cùng với vị. Như Tỳ-kheo, từ hành trì cho đến tiếp xúc gần gũi, tu học nhiều, hành trì cho đến tiếp xúc thân cận, tu học nhiều xong, tâm hướng đến tĩnh lặng, tôn thượng tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng. Dốc hướng nơi tĩnh lặng xong, không có hỷ lạc, tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất, trừ, vì diệt mất, trừ xong, nên có quán xả bất khổ bất lạc, nhất tâm.

Nếu người nhập định này, tức được ba chi, đang được, duyên nơi được, quán xả bất khổ bất lạc, nhất tâm, đó gọi là định không giác có quán không phải thiền, không phải là thiền trung gian.

Đấy gọi là định không giác có quán.

Hỏi: Thế nào là định không giác không quán?

Đáp: Nếu định lìa giác quán, giác quán không cùng sinh, không cùng trụ, không cùng diệt, đó gọi là định không giác không quán.

Lại nữa, định không giác không quán, nếu định đối với giác quán, không đạt được, không đang được, không duyên nơi được, đó gọi là định không giác không quán.

HẾT – QUYỂN 15

LUẬN XÁ LỢI PHÁT A TỖ ĐÀM

QUYỀN 16

Phẩm thứ 10: PHẦN KHÔNG HỎI VỀ ĐẠO, phần 2

Lại nữa, định không giác không quán, như Tỳ-kheo diệt giác quán, nội tịnh tín, nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ hai. Vì Tỳ-kheo này cố có được nội tịnh tín, hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, nội tịnh tín, hỷ lạc, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của thiền thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo được định có giác có quán, có hỷ cùng với vị, như Tỳ-kheo quán giác, quán thô, thì định không giác không quán, tĩnh lặng vượt hơn. Tỳ-kheo quán giác quán thô xong, giác quán tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ xong, nên có nội tịnh tín, hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, nội tịnh tín, hỷ lạc, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của thiền thứ hai.

Như Tỳ-kheo, nếu hành trì, hoặc thọ giáo, hoặc theo pháp tướng, hoặc tạo phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc tiếp xúc, được định có giác, có quán, có hỷ cùng với vị. Như Tỳ-kheo hành trì cho đến tiếp xúc thân cận, tu học nhiều. Tu học nhiều xong, tâm hướng đến tĩnh lặng, tôn thượng tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng xong, được giác quán tĩnh lặng, đang

tĩnh lặng diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ xong, có nội tịnh tín, hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, nội tịnh tín, hỷ lạc, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của thiền thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo được định không giác không quán, có hỷ cùng với vị, Tỳ-kheo quán hỷ thô tâm hỷ cũng có bi, không có hỷ lạc tĩnh lặng vượt hơn. Tỳ-kheo quán hỷ thô xong, được hỷ tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ xong, nên có nội tịnh tín, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nhập thiền thứ nhất này là tâm xả, không cùng tâm xả nhập định của thiền thứ ba. Nếu người nhập định này, tức được ba chi, đang được duyên nơi được là nội tịnh tín, không hỷ lạc, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của thiền trung gian. Thiền trung gian của thiền thứ hai, thứ ba là thiền thứ hai hướng đến thiền thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo được định không giác không quán, không có hỷ lạc cùng với vị. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô, tâm không có hỷ lạc, cũng có tạo ra xả bất khổ bất lạc, được tĩnh lặng hơn hết. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô xong, không có hỷ lạc tĩnh lặng, đang tĩnh lặng diệt mất, trừ. Vì diệt mất, trừ xong, nên có nội tịnh tín, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được ba chi, đang được, duyên nơi được, nội tịnh tín, xả khổ bất lạc, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán không phải thiền, không phải là thiền trung gian.

Như Tỳ-kheo, nếu hành trì, hoặc thọ giác, hoặc theo pháp tướng, hoặc tạo phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc tiếp xúc, được định không giác không quán, không có hỷ lạc cùng với vị. Như Tỳ-kheo hành trì cho đến tiếp xúc gần gũi, tu học nhiều. Tu học nhiều xong, tâm hướng đến tĩnh lặng, tôn thượng tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng xong, được hỷ lạc tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ

xong, nên có nội tịnh tín, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán không phải thiền, không phải là thiền trung gian.

Lại nữa, Tỳ-kheo lìa hỷ, xả, hành niệm chánh trí, thân thọ lạc, như hành giải xả, niệm lạc của các Thánh nhân, thành tựu hành của thiền thứ ba, Tỳ-kheo cố có định cùng với vị, xả niệm chánh trí, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được năm chi, đang được, duyên nơi được, cùng với vị, xả niệm chánh trí, không có hỷ lạc, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của thiền thứ ba.

Như Tỳ-kheo, nếu hành trì, hoặc thọ giáo, hoặc theo pháp tướng, hoặc tạo phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc tiếp xúc, được định không giác không quán, có hỷ lạc cùng với vị. Như Tỳ-kheo hành trì cho đến tiếp xúc gần gũi, tu học nhiều, tu học nhiều xong, tâm hướng đến tĩnh lặng, tôn thượng tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng xong, được hỷ tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mát, trừ. Diệt mát, trừ xong, nên có cùng với vị, xả niệm chánh trí, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được năm chi, đang được, duyên nơi được, cùng với vị, xả niệm chánh trí, không có hỷ lạc, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của thiền thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo được định không giác không quán, không có hỷ lạc, cùng với vị. Như Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô, tâm không có hỷ lạc, cũng có tạo tác, xả bất khổ bất lạc, được tĩnh lặng vượt hơn. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô xong, không có hỷ lạc tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mát, trừ. Diệt mát, trừ xong, được xả niệm chánh trí, nhất tâm. Hởi thở ra vào của người này diệt, không cùng với người nhập thiền thứ tư. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, xả bất khổ bất lạc, niệm chánh trí, nhất tâm. Đó gọi là định không giác, không quán của thiền

trung gian. Thiên trung gian của thiên thứ ba, thứ tư là từ thiên thứ ba hướng đến thiên thứ tư.

Như Tỳ-kheo, nếu hành trì, hoặc thọ giáo, hoặc theo pháp tướng, hoặc tạo phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc tiếp xúc, tức được định không giác không quán, không có hỷ lạc cùng với vị. Tỳ-kheo hành trì cho đến tiếp xúc thân cận, tu học nhiều, tu học nhiều xong, tâm hướng đến tĩnh lặng, tôn thượng tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng xong, không có hỷ lạc tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ xong, có xả bất khổ bất lạc, niệm chánh trí, nhất tâm. Hơi thở ra vào của người này đã diệt, không cùng với người nhập thiên thứ tư. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, xả bất khổ bất lạc, niệm chánh trí, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của thiên trung gian. Thiên trung gian của thiên thứ ba, thứ tư là từ thiên thứ ba hướng đến thiên thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo đoạn khổ, đoạn lạc, trước hết diệt sự ưu hỷ, xả bất khổ bất lạc, niệm tịnh, thành tựu hành của thiên thứ tư. Như Tỳ-kheo có hỷ, xả bất khổ bất lạc, niệm tịnh, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, xả bất khổ bất lạc, niệm tịnh, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của thiên thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo được định không giác không quán, không có hỷ lạc cùng với vị. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô, tâm không có hỷ lạc, cũng có tạo tác, xả bất khổ bất lạc, được tĩnh lặng vượt hơn. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô xong, không có hỷ lạc tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất, trừ. Vì diệt mất, trừ xong, nên có xả bất khổ bất lạc, niệm tịnh, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được, xả bất khổ bất lạc, niệm tịnh, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của thiên thứ tư.

Như Tỳ-kheo, nếu hành trì, hoặc thọ giáo, hoặc theo pháp tướng, hoặc tạo phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc tiếp xúc, tức được định không giác không quán, không có hỷ lạc cùng với vị. Như Tỳ-kheo từ hành trì cho đến tiếp xúc thân cận, tu học nhiều, tu học nhiều xong, tâm hướng đến tĩnh lặng, tôn thượng tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng, dốc hướng nơi tĩnh lặng xong, không có hỷ lạc tĩnh lặng, đang tĩnh lặng, diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ xong, nên có xả bất khổ bất lạc, niệm tịnh, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được bốn chi, đang được, duyên nơi được là xả bất khổ bất lạc, niệm tịnh, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của thiên thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo liả tất cả tướng sắc, diệt tướng giận dữ, không tư duy từng ấy tướng, thành tựu hành của xứ vô biên không. Như Tỳ-kheo có tướng không xứ, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được ba chi, đang được, duyên nơi được là tướng của không xứ, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của không xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo liả tất cả tướng của không xứ, thành tựu hành của xứ vô biên thức. Như Tỳ-kheo có tướng của thức xứ, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được ba chi, đang được, duyên nơi được, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm được tướng thức xứ. Đó gọi là định không giác không quán của thức xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo liả tất cả tướng của thức xứ, thành tựu hành của xứ vô sở hữu. Như Tỳ-kheo có tướng của xứ vô sở hữu, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được ba chi, đang được, duyên nơi được là tướng xứ vô sở hữu, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của xứ bất dụng.

Lại nữa, Tỳ-kheo liả tất cả tướng của xứ bất dụng, thành tựu hành của xứ phi tướng phi phi tướng. Như Tỳ-kheo có tướng của xứ phi tướng phi phi tướng, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, tức được ba chi, đang được, duyên nơi được là tướng

của xứ phi tướng phi phi tướng, xả bất khổ bất lạc, nhất tâm. Đó gọi là định không giác không quán của xứ phi tướng phi phi tướng.

Hỏi: Thế nào là định không?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp, hoặc pháp của một xứ, tư duy về không, nhận biết không, hiểu rõ không, thọ nhận không.

Hỏi: Do nghĩa nào nên không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không. Quán không phóng dật như thế, tức được định, tâm trụ, đang trụ. Đó gọi là định không.

Lại nữa, định không có sáu không: Nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không.

Hỏi: Thế nào là nội không?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp nội, hoặc pháp nội của một xứ, tư duy về không, nhận biết không, hiểu rõ không, thọ nhận không.

Hỏi: Do nghĩa nào nên không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không, thường không, không biến dịch không. Quán không phóng dật như thế, tức được định, tâm trụ, đang trụ. Đó gọi là nội không.

Hỏi: Thế nào là ngoại không?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp ngoài, hoặc pháp ngoài của một xứ, tư duy về không, nhận biết không, hiểu rõ không, thọ nhận không.

Hỏi: Do nghĩa nào nên không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không, thường không, không biến dịch không. Quán không phóng dật như thế, tức được định, tâm trụ, đang trụ. Đó gọi là ngoại không.

Hỏi: Thế nào là nội ngoại không?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp trong ngoài, hoặc pháp trong ngoài của một xứ, tư duy về không, nhận biết không, hiểu rõ không, thọ nhận không.

Hỏi: Do nghĩa nào nên không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không, thường không, không biến dịch không. Quán không phóng dật như thế, tức được định, tâm trụ, đang trụ. Đó gọi là nội ngoại không.

Hỏi: Thế nào là không không?

Đáp: Như Tỳ-kheo thành tựu hành của định không, Tỳ-kheo tư duy về không, nhận biết không, hiểu rõ không, thọ nhận không.

Hỏi: Do nghĩa nào nên không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không, thường không, không biến dịch không. Quán không phóng dật như thế, tức được định không, tâm trụ, đang trụ. Đó gọi là không không.

Hỏi: Thế nào là đại không?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp, tư duy về không, nhận biết không, hiểu rõ không, thọ nhận không.

Hỏi: Do nghĩa nào nên không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không. Quán không phóng dật như thế, tức được định, tâm trụ, đang trụ. Đó gọi là đại không.

Hỏi: Thế nào là đệ nhất nghĩa không?

Đáp: Đệ nhất tức là Niết-bàn. Như Tỳ-kheo tư duy về Niết-bàn là không, nhận biết không, hiểu rõ không, thọ nhận không.

Hỏi: Do nghĩa nào nên không?

Đáp: Do ngã không nên ngã sở cũng không, thường không, không biến dịch không. Quán không phóng dật như thế, tức được định, tâm trụ, đang trụ. Đó gọi là đệ nhất nghĩa không.

Sáu không như thế gọi là định không.

Hỏi: Thế nào là định vô tướng?

Đáp: Trừ định không, nếu là định khác, dùng Niết-bàn của Thánh làm cảnh giới, đó gọi là định vô tướng.

Lại nữa, định vô tướng là như hành có tướng, Niết-bàn thì vô tướng. Hành có ba tướng: Sinh, trụ, diệt. Niết-bàn không có ba tướng: Không sinh, không trụ, không diệt.

Như thế, hành có tướng, Niết-bàn thì không có tướng. Niết-bàn là tịch diệt, là nhà cửa, là cứu hộ, là đèn sáng, là nương dựa, là không trọn mất, là hướng về, là không có nóng bức, là không có ưu não, là không có ưu bi khổ não và các hành khác. Tư duy về Niết-bàn được định, tâm trụ, đang trụ. Đó gọi là định vô tướng.

Hỏi: Thế nào là định vô nguyện?

Đáp: Trừ định không, nếu là định khác, dùng hữu vi của Thánh làm cảnh giới, đó gọi là định vô nguyện.

Lại nữa, định vô nguyện: Nguyện có hai thứ: Ái chấp, kiến chấp. Tỳ-kheo tư duy về hành khổ hoạn như ung nhọt, mũi tên độc, tham đắm vị, là pháp nương dựa duyên, hư hoại, không nhất định, không đầy đủ, có thể hủy hoại, là các khổ, không tư duy về không, vô ngã, được định, tâm trụ, đang trụ. Tỳ-kheo ái đoạn, kiến đoạn, định này có thể đoạn ái, kiến. Đó gọi là định vô nguyện.

Hỏi: Thế nào là bốn niệm xứ?

Đáp: Như Tỳ-kheo nơi nội thân quán thân, hành siêng năng niệm chánh trí, điều phục trông mong ái của thế gian. Nơi ngoại thân quán thân, hành siêng năng niệm chánh trí, điều phục trông mong ái

của thế gian. Nơi nội ngoại thân quán thân, hành siêng năng niệm chánh trí, điều phục trông mong ái của thế gian. Thọ, tâm, pháp cũng như thế. Đó gọi là bốn niệm xứ.

Hỏi: Thế nào là bốn chánh đoạn?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với pháp ác bất thiện chưa sinh, muốn khiến không sinh, khởi mong muốn tự cố gắng thẳng tắn, thân giữ tâm, chánh đoạn.

Pháp ác đã sinh, muốn khiến đoạn trừ, khởi mong muốn tự cố gắng thẳng tắn, thân giữ tâm, chánh đoạn.

Pháp thiện chưa sinh, muốn khiến sinh, khởi mong muốn tự cố gắng thẳng tắn, thân giữ tâm, chánh đoạn.

Pháp thiện đã sinh, muốn khiến trụ, tu đầy đủ không quên, khiến tăng trưởng rộng lớn, khởi mong muốn tự cố gắng thẳng tắn, thân giữ tâm, chánh đoạn. Đó gọi là bốn chánh đoạn.

Hỏi: Thế nào là bốn thần túc?

Đáp: Như Tỳ-kheo đoạn hành đã thành tựu, tu thần túc tinh tấn, định tâm định, niệm định, tuệ định, đoạn hành, thành tựu tu thần túc. Đó gọi là bốn thần túc.

Bốn thiền như nơi phẩm Thiền đã nói.

Hỏi: Thế nào là bốn vô lượng?

Đáp: Là từ, bi, hỷ, xả.

Hỏi: Thế nào là từ?

Đáp: Như Tỳ-kheo tư duy về lạc của chúng sinh, nhận biết lạc, hiểu rõ lạc, thọ nhận lạc. Hoặc có chúng sinh đã từng xâm não Tỳ-kheo. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hiểu rõ. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh đã từng xâm não ta. Chúng sinh tuy lẩn hiếp, gây

tôn hại ta, nhưng pháp của ta là không nên đáp trả lại. Nếu ta nổi giận, gây náo hại chúng sinh, tức tự làm tôn hại mình. Người khác đã xâm náo ta, nếu ta đáp trả lại họ, là tự tôn hại nhiều hơn. Tỳ-kheo kia tư duy như thế xong, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, xúc náo, tư duy: Muốn khiến chúng sinh được an lạc, nhận biết lạc, hiểu rõ lạc, thọ nhận an lạc.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm náo Tỳ-kheo, hiện nay lại xâm náo. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hiểu rõ. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh trước chưa từng xâm náo ta, hiện nay lại xâm náo. Tuy chúng sinh hiện đang xâm náo ta, hoặc là nghiệp báo đời trước của ta, không phải ta có thể ngăn cản. Nếu ta giận dữ, gây xúc náo chúng sinh, chính là tự làm tôn hại. Người khác đã xâm náo ta, nếu ta đáp trả lại, tức tự mình có nhiều tôn hại. Tỳ-kheo kia tư duy như thế xong, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, xúc náo, tư duy muốn khiến chúng sinh được an lạc, nhận biết lạc, hiểu rõ lạc, thọ nhận an lạc.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm náo Tỳ-kheo, nay không xâm náo, sẽ muốn xâm náo. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hiểu rõ. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh trước chưa từng xâm náo ta, nay không xâm náo, sẽ muốn xâm náo. Tuy chúng sinh sẽ muốn xâm náo, hoặc không tạo tác, hoặc nhân duyên không tụ tập, nếu ta giận, xúc náo chúng sinh, thì sẽ tự tôn hại. Người khác tuy muốn xâm náo ta, nếu ta đáp trả lại, tức tự tôn hại nhiều. Tỳ-kheo kia tư duy như thế xong, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, xúc náo, tư duy muốn khiến chúng sinh được an lạc, nhận biết lạc, hiểu rõ lạc, thọ nhận an lạc.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm náo Tỳ-kheo, hiện nay không xâm náo, sẽ không xâm náo. Trước họ chưa từng xâm

não, là người ái hỷ, vừa ý của ta, hiện nay đang xâm não chỗ ái hỷ vừa ý của ta. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hiểu rõ. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh trước chưa từng xâm não ta, nay không xâm não, sẽ không xâm não chỗ ái hỷ vừa ý của ta. Chúng sinh từng xâm não, tuy xâm não chỗ ái hỷ vừa ý của ta, nhưng ta cũng không nên xâm não họ. Nếu ta giận dữ gây não hại chúng sinh, tức là tự tổn hại. Người khác đã xâm não, nếu ta đáp trả lại, tức tự tổn hại càng nhiều. Tỳ-kheo kia tư duy như thế xong, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, não hại, tư duy muốn khiến chúng sinh được an vui, nhận biết vui, hiểu rõ vui, thọ nhận an vui.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm não Tỳ-kheo, hiện không xâm não, sẽ không xâm não. Trước chưa từng xâm não chỗ ái hỷ vừa ý của ta, nay hiện đang xâm não chỗ ái hỷ vừa ý của ta. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hiểu rõ. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh trước chưa từng xâm não ta, nay không xâm não, sẽ không xâm não chỗ ái hỷ vừa ý của ta. Trước chưa từng xâm não chỗ ái hỷ vừa ý của ta, nay hiện là chúng sinh xâm não, tuy xâm não chỗ ái hỷ vừa ý của ta, hoặc là nghiệp báo của đời trước, không phải ta có thể ngăn chặn nghiệp đời trước của người khác. Nếu ta giận dữ gây xúc não chúng sinh, tức tự làm tổn hại. Người khác đã xâm não ta, nếu ta đáp trả lại, là tự tổn hại nhiều. Tỳ-kheo kia tư duy như thế xong, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, xúc não, tư duy muốn khiến chúng sinh được an vui, nhận biết vui, hiểu rõ vui, thọ nhận an vui.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm não Tỳ-kheo, hiện nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng xâm não, nay không xâm não. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta sẽ muốn xâm não. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy

tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hành giải. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh trước chưa từng xâm nã ta, hiện nay không xâm nã, sẽ không xâm nã. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng xâm nã, nay không xâm nã. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta sẽ muốn xâm nã. Chúng sinh tuy muốn xâm nã chỗ ái hỷ vừa ý của ta, hoặc không làm, hoặc do nhân duyên không đủ. Nếu ta giận dữ, xúc nã chúng sinh ấy, tức tự làm tổn hại. Người khác đã xâm nã ta, nếu ta đáp trả lại, là tự tạo nhiều tổn hại. Tỳ-kheo kia tư duy như thế xong, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, xúc nã, tư duy muốn khiến chúng sinh được an vui, nhận biết vui, hành giải vui, thọ nhận an vui.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm nã Tỳ-kheo, hiện nay không xâm nã, sẽ không xâm nã. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng xâm nã, nay không xâm nã, sẽ không xâm nã. Hoặc là người không ái hỷ vừa ý của ta, đã từng tạo lợi ích. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy, tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hành giải. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh trước chưa từng xâm nã ta, hiện nay không xâm nã, sẽ không xâm nã. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng xâm nã, nay không xâm nã, sẽ không xâm nã. Hoặc là người không ái hỷ vừa ý của ta, đã từng tạo lợi ích. Hoặc là chúng sinh tuy đã tạo lợi ích nhưng không là người ái hỷ vừa ý của ta, thì ta không nên xâm nã họ. Nếu ta nổi giận, xúc nã chúng sinh, tức là tự tổn hại. Người khác đã gây tổn hại cho ta, nếu ta đáp trả lại, là tự tạo tổn hại nhiều hơn. Tỳ-kheo kia tư duy như thế rồi, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, xúc nã, tư duy muốn khiến chúng sinh được an vui, nhận biết vui, hành giải vui, thọ nhận an vui.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm nã Tỳ-kheo, hiện nay không xâm nã, sẽ không xâm nã. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng xâm nã, hiện nay không xâm nã, sẽ không

xâm não. Hoặc là người không ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng tạo lợi ích. Hoặc là người không ái hỷ vừa ý của ta, hiện nay tạo lợi ích. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy, tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hành giải. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh trước chưa từng xâm não ta, hiện nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng xâm não, hiện nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người không ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng tạo lợi ích. Hoặc là người không ái hỷ vừa ý của ta, hiện nay tạo lợi ích. Chúng sinh tuy nay tạo lợi ích nhưng là người không ái hỷ vừa ý của ta, hoặc là do nghiệp báo của đời trước, không phải ta có thể ngăn chặn được nghiệp báo đời trước của người khác. Nếu ta giận dữ, xúc não chúng sinh, là tự tạo tổn hại. Người khác đã tổn hại ta, nếu ta đáp trả lại, là đã tự gây tổn hại rất nhiều. Tỳ-kheo kia tư duy như thế rồi, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, xúc não, tư duy muốn khiến chúng sinh được an vui, nhận biết vui, hành giải vui, thọ nhận an vui.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm não Tỳ-kheo, hiện nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng xâm não, hiện nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người không ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng tạo lợi ích, nay không tạo lợi ích, nhưng sẽ muốn tạo lợi ích cho ta. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy, tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hành giải. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh trước chưa từng xâm não ta, hiện nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng xâm não, hiện nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người không ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng tạo lợi ích, nay không tạo lợi ích, nhưng sẽ muốn tạo lợi ích cho ta. Chúng sinh tuy muốn tạo lợi ích, nhưng là người không ái hỷ vừa ý của ta, hoặc không làm, hoặc do nhân duyên không tích tập. Nếu ta nổi giận, gây xúc não

chúng sinh, tức tự tổn hại. Người khác đã gây tổn hại cho ta, nếu ta đáp trả lại họ, thì tự tạo nhiều tổn hại. Tỳ-kheo kia tư duy như thế xong, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, do diệt trừ tâm giận dữ, xúc não, tư duy muốn khiến chúng sinh được an vui, nhận biết vui, hành giải vui, thọ nhận an vui.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm não Tỳ-kheo, nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng xâm não, nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người không ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng tạo lợi ích, nay không tạo lợi ích, sẽ không tạo lợi ích. Tỳ-kheo như thế là không có nhân duyên, liền khởi giận chúng sinh. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy, tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hành giải. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh trước chưa từng xâm não ta, nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng xâm não, nay không xâm não, sẽ không xâm não. Hoặc là người không ái hỷ vừa ý của ta, trước chưa từng tạo lợi ích, nay không tạo lợi ích, sẽ không tạo lợi ích. Ta do không đủ nhân duyên, liền khởi giận chúng sinh. Ta đối với chúng sinh ấy, tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hành giải. Nếu ta giận dữ, gây não hại chúng sinh, là tự làm tổn hại mình. Người khác đã gây tổn hại ta, nếu ta đáp trả lại, là tự tạo tổn hại nhiều hơn. Tỳ-kheo kia tư duy như thế xong, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, xúc não, tư duy muốn khiến chúng sinh được an vui, nhận biết vui, hành giải vui, thọ nhận an vui.

Như Tỳ-kheo, nếu đối với chúng sinh ở phương đông, diệt trừ tâm giận dữ, xúc não, tư duy: Muốn khiến chúng sinh được an vui, nhận biết vui, hành giải vui, thọ nhận an vui. Đối với chúng sinh ở phương nam, tây, bắc, diệt trừ tâm giận dữ, xúc não, tư duy: Muốn khiến chúng sinh được an vui, nhận biết vui, hành giải vui, thọ nhận an vui. Như Tỳ-kheo dùng tâm từ mở bày khắp hành của một phương,

nơi phương thứ hai, thứ ba, thứ tư, bốn hướng trên dưới, tất cả đều dùng tâm từ rộng lớn, tôn thắng, không hai, không lường, không oán, không giận, mở bày khắp hành của các thể gian. Đó gọi là từ.

Hỏi: Thế nào là bi?

Đáp: Như Tỳ-kheo không tư duy về chúng sinh an vui, không nhận biết vui, không hành giải vui, không thọ nhận an vui. Tỳ-kheo thấy chúng sinh khổ, thọ khổ, như cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân thuộc, tri thức, đại thân, chúng sinh nơi địa ngục, súc sinh, nga quý, như hạng nghèo hèn trong loài người, nghèo hèn trong quý thân, xót thương các chúng sinh đó, nên khởi tâm bi.

Hoặc có chúng sinh đã từng xâm não Tỳ-kheo. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hành giải. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh đã từng xâm não ta. Chúng sinh tuy xâm não ta, nhưng ta không nên xâm não họ. Nếu ta giận dữ, gây não hại chúng sinh, là tự làm tổn hại mình. Người khác đã gây tổn hại cho ta, nếu ta đáp trả lại, là tự mình tạo nhiều tổn hại. Tỳ-kheo kia tư duy như thế rồi, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, xúc não, đối với chúng sinh khởi tâm bi thương xót.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm não Tỳ-kheo, cho đến không có nhân duyên liền khởi giận dữ, như trên đã nói.

Như Tỳ-kheo, nếu đối với chúng sinh ở phương đông, diệt trừ tâm giận dữ não hại, khởi tâm bi thương xót chúng sinh. Đối với chúng sinh ở phương nam, tây, bắc, diệt trừ tâm giận dữ não hại, khởi tâm bi thương xót chúng sinh. Như Tỳ-kheo dùng tâm bi mở bày khắp hành của một phương, nơi phương thứ hai, thứ ba, thứ tư, bốn hướng trên dưới, tất cả đều dùng tâm bi rộng lớn, tôn thắng, không hai, không lường, không oán, không giận, mở bày khắp hành của các thể gian. Đó gọi là bi.

Hỏi: Thế nào là hỷ?

Đáp: Như Tỳ-kheo, không tư duy về chúng sinh an vui, không nhận biết vui, không hành giải vui, không thọ nhận an vui. Tỳ-kheo đối với chúng sinh không được thương xót, không khởi tâm bi. Như Tỳ-kheo, nếu thấy chúng sinh, an lạc thọ lạc, hoặc cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân thuộc, tri thức, đại thần, hoặc chư thiên, các thiên tử, hoặc là Phật, đệ tử của Phật, đối với chúng sinh kia có được vui mừng, không dựa vào tưởng dục nhiễm.

Hoặc có chúng sinh đã từng xâm não Tỳ-kheo. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không hành giải. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh đã từng xâm não ta. Chúng sinh tuy xâm não ta, nhưng ta không nên xâm não họ. Nếu ta xâm não chúng sinh, tức là tự tạo tổn hại. Người khác đã gây tổn hại cho ta, nếu ta đáp trả lại, là tự tạo tổn hại rất nhiều. Tỳ-kheo kia tư duy như thế rồi, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, đối với chúng sinh có được duyệt hỷ, không dựa vào tưởng dục nhiễm.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm não Tỳ-kheo, cho đến không có nhân duyên liền khởi giận dữ, như trên đã nói.

Như Tỳ-kheo, nếu đối với chúng sinh ở phương đông, diệt trừ tâm giận dữ, não hại, đối với chúng sinh được tâm hỷ duyệt, không dựa vào tưởng dục nhiễm. Đối với chúng sinh ở phương nam, tây, bắc, diệt trừ tâm giận dữ não hại, đối với chúng sinh được tâm hỷ duyệt, không dựa vào tưởng dục nhiễm. Như Tỳ-kheo dùng tâm hỷ mở bày khắp hành của một phương, phương thứ hai, thứ ba, thứ tư cùng bốn hướng trên dưới, tất cả đều dùng tâm hỷ rộng lớn, tôn thắng, không hai, không lường, không oán ghét, không giận dữ, mở bày khắp hành của các thế gian. Đó gọi là hỷ.

Hỏi: Thế nào là xả?

Đáp: Như Tỳ-kheo không tư duy về chúng sinh an vui, không nhận biết vui, không hành giải vui, không thọ nhận an vui, không được thương xót, không khởi tâm bi, không được hỷ duyệt, không dựa vào tưởng dục nhiễm. Như Tỳ-kheo chỉ duyên nơi chúng sinh nên được xả. Như người đi vào trong rừng rậm, không phân biệt đây là cây Bát-đa-la, cây Ni-câu-đa, cây Tỳ-lê-xoa, cây Ưu-đầu-phi-la, cây Gia-chi, cây Gia-tỳ-da, cây Nhã-tỳ-da-la, cây Gia-ni-kha-la, cây Di-đà, cây Y-đà-già, mà chỉ thấy toàn là rừng rậm, không phân biệt các thứ cây. Như thế, Tỳ-kheo không tư duy về chúng sinh an vui, không nhận biết vui, không hành giải vui, không thọ nhận an vui, không được thương xót, không khởi tâm bi, không được hỷ duyệt, không dựa vào tưởng dục nhiễm, chỉ duyên nơi chúng sinh nên được xả.

Hoặc có chúng sinh đã từng xâm não Tỳ-kheo. Tỳ-kheo đối với chúng sinh ấy tâm có chướng ngại, không thanh tịnh, không thân cận, không hành giải. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Chúng sinh đã từng xâm não ta. Chúng sinh tuy xâm não ta, nhưng ta không nên xâm phạm não hại họ, nếu ta giận dữ gây não hại chúng sinh, tức là tự tổn hại. Người khác đã tổn hại ta, nếu ta đáp trả lại, là tự tạo tổn hại không ít. Tỳ-kheo kia tư duy như thế xong, đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục, diệt trừ tâm giận dữ, não hại, chỉ duyên nơi chúng sinh nên được xả.

Hoặc có chúng sinh trước chưa từng xâm não Tỳ-kheo, cho đến không có nhân duyên liền khởi giận dữ, như trên đã nói.

Như Tỳ-kheo, nếu đối với chúng sinh ở phương đông, diệt trừ tâm giận dữ não hại, chỉ duyên nơi chúng sinh nên được xả. Đối với chúng sinh ở phương nam, tây, bắc, cũng diệt trừ tâm giận dữ, não hại, chỉ duyên nơi chúng sinh nên được xả. Như Tỳ-kheo dùng tâm xả mở bày khắp hành của một phương, phương thứ hai, thứ ba, thứ

tư, cùng bốn hướng trên dưới, tất cả đều dùng tâm xả rộng lớn, tôn thắng, không hai, không lường, không oán ghét, không giận dữ, mở bày khắp hành của các thế gian. Đó gọi là xả.

Như thế, từ bi hỷ xả gọi là bốn vô lượng.

Hỏi: Thế nào là bốn định vô sắc?

Đáp: Như Tỳ-kheo lia tất cả tướng sắc, diệt tướng giận dữ, không tư duy từng ấy tướng, thành tựu hành của xứ vô biên không, lia tất cả không xứ, thành tựu hành của thức xứ, lia tất cả thức xứ, thành tựu hành của xứ bất dụng, lia tất cả xứ bất dụng, thành tựu hành của xứ phi tướng phi phi tướng. Đó gọi là bốn định vô sắc.

Hỏi: Thế nào là bốn hướng đạo?

Đáp: Hướng đạo khổ khó hành. Hướng đạo khổ hành nhanh. Hướng đạo vui khó hành. Hướng đạo vui hành nhanh.

Thế nào là hướng đạo khổ khó hành? Như Tỳ-kheo, tánh tham dục nhiều, tánh giận dữ nhiều, tánh ngu si nhiều. Tỳ-kheo này hành đạo vì ngăn trừ dục nhiễm nên thường nhận ưu khổ, vì ngăn trừ giận dữ nên thường nhận ưu khổ, vì ngăn trừ ngu si nên thường nhận ưu khổ. Tỳ-kheo này nơi năm căn Thánh đã hành chậm chạp. Những gì là năm? Là tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Do năm căn của Tỳ-kheo này hành chậm, nên chứng định vô gián, dứt hết các lậu. Đó gọi là hướng đạo khổ khó hành.

Thế nào là hướng đạo khổ hành nhanh? Như Tỳ-kheo, tánh tham dục nhiều, tánh giận dữ nhiều, tánh ngu si nhiều. Tỳ-kheo này hành đạo vì ngăn trừ dục nhiễm nên thường nhận ưu khổ, vì ngăn trừ giận dữ nên thường nhận ưu khổ, vì ngăn trừ ngu si nên thường nhận ưu khổ. Tỳ-kheo này nơi năm căn Thánh đã hành nhanh chóng. Những gì là năm? Là tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Do năm căn của Tỳ-kheo này hành nhanh chóng, nên chóng chứng định vô gián, dứt hết các lậu. Đó gọi là hướng đạo khổ hành nhanh.

Thế nào là hướng đạo vui khó hành? Như Tỳ-kheo, tánh tham dục ít, tánh giận dữ ít, tánh ngu si ít. Tỳ-kheo này hành đạo vì duyên nơi dục nhiễm ít nên không thường nhận ưu khổ, vì duyên nơi giận dữ ít nên không thường nhận ưu khổ, vì duyên nơi ngu si ít nên không thường nhận ưu khổ. Tỳ-kheo này nơi năm căn Thánh đã hành chậm chạp. Năm căn đó là tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Do năm căn của Tỳ-kheo này hành chậm, nên chứng định vô gián, dứt hết các lậu. Đó gọi là hướng đạo vui khó hành.

Thế nào là hướng đạo vui hành nhanh? Như Tỳ-kheo, tánh tham dục ít, tánh giận dữ ít, tánh ngu si ít. Tỳ-kheo này hành đạo vì duyên nơi dục nhiễm ít nên không thường nhận ưu khổ, vì duyên nơi giận dữ ít nên không thường nhận ưu khổ, vì duyên nơi ngu si ít nên không thường nhận ưu khổ. Tỳ-kheo này nơi năm căn Thánh đã hành rất nhanh nhạy. Năm căn đó là tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Do năm căn của Tỳ-kheo này hành nhanh nhạy, nên chóng chứng định vô gián, dứt hết các lậu. Đó gọi là hướng đạo vui hành nhanh.

Như thế bốn thứ ấy gọi là bốn hướng đạo.

Hỏi: Thế nào là bốn tu định?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bốn tu định. Những gì là bốn? Có tu định thân cận, tu học nhiều, đạt được hành vui nơi hiện đời. Có tu định thân cận, tu học nhiều, đạt được tri kiến. Có tu định thân cận, tu học nhiều, đạt được tuệ phân biệt. Có tu định thân cận, tu học nhiều, đạt được lậu tận.

Thế nào là tu định thân cận, tu học nhiều, đạt được hành vui nơi hiện đời? Như Tỳ-kheo lia dục pháp ác bất thiện, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Diệt giác quán, nội tịnh tín, nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ hai. Lia hỷ xả, hành niệm chánh trí, thân thọ lạc, như hành giải xả niệm lạc của các Thánh nhân, thành tựu hành của thiên thứ ba. Đoạn

khô vui, trước diệt ưu hỷ, xả bất khô bất lạc, niệm tịnh, thành tựu hành của thiền thứ tư. Như thế, tu định này thân cận, tu học nhiều, đạt được hành vui nơi hiện đời.

Thế nào là tu định thân cận, tu học nhiều, đạt được tri kiến? Như Tỳ-kheo khéo nhận lấy tướng ánh sáng, khéo gìn giữ tướng ban ngày. Tỳ-kheo như ban ngày tu tướng ánh sáng, ban đêm cũng như thế, như ban đêm tu tướng ánh sáng, ban ngày cũng như thế. Do tâm khai ngộ, không che lấp tâm, tâm tu có ánh sáng. Như thế, tu định này thân cận, tu học nhiều, đạt được tri kiến.

Thế nào là tu định thân cận, tu học nhiều, đạt được tuệ phân biệt? Như Tỳ-kheo nhận biết thọ sinh, nhận biết thọ trụ, nhận biết thọ diệt. Nhận biết tướng sinh, nhận biết tướng trụ, nhận biết tướng diệt. Nhận biết giác sinh, nhận biết giác trụ, nhận biết giác diệt. Như thế, tu định này thân cận, tu học nhiều, đạt được tuệ phân biệt.

Thế nào là tu định thân cận, tu học nhiều, đạt được lậu tận? Như Tỳ-kheo nhận biết sự sinh diệt của năm thọ ấm. Nhận biết sắc, nhận biết sắc tập, nhận biết sắc diệt. Nhận biết thọ, tướng, hành, thức, nhận biết thức tập, nhận biết thức diệt. Như thế tu định này thân cận, tu học nhiều, đạt được lậu tận.

Như kinh Ba La Diên đã nói: Đoạn tất cả tướng dục, diệt ưu não, bỏ thù miên, ngăn ngừa trao cử, hối, xả, niệm tịnh, trước diệt giác, nhận biết giác, đạt giải thoát, đoạn vô minh. Đó gọi là bốn tu định.

Hỏi: Thế nào là bốn đoạn?

Đáp: Giới đoạn. Giữ gìn vi tế đoạn. Tu đoạn. Trí duyên đoạn.

Thế nào là giới đoạn? Như Tỳ-kheo, mắt thấy sắc, không nhận lấy tướng, không phân biệt, khiến phát khởi nhãn căn, thường tự thủ giữ hành, đừng dựa vào sự trông mong lo lắng của đời, là pháp ác bất thiện, giữ gìn cẩn thận nhãn căn, tức được giới của nhãn căn. Các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý nhận biết pháp, không nhận lấy tướng, không

phân biệt, khiến phát khởi ý căn, thường tự thân giữ hành, đừng dựa vào sự trông mong lo lắng của đời, là pháp ác bất thiện, gìn giữ cẩn thận ý căn, tức được giới của ý căn. Đó gọi là giới đoạn.

Thế nào là giữ gìn vi tế đoạn? Như Tỳ-kheo nhận lấy tướng thiện sinh gìn giữ vi tế. Hoặc đốt xương, hoặc tế bào sung, hoặc sinh trương, hoặc xanh bầm, hoặc màu đỏ, đen, hoặc rã nát, ly tán. Quán tướng thiện như thế, sinh gìn giữ vi tế. Đó gọi là giữ gìn vi tế đoạn.

Thế nào là tu đoạn? Như Tỳ-kheo tu niệm chánh giác, nương dựa nơi lìa dục, nương dựa nơi không nhiễm, nương dựa nơi diệt ái. Trạch pháp chánh giác, tấn chánh giác, hỷ chánh giác, trừ (khinh an) chánh giác, định chánh giác, tu xả chánh giác, ly dục, vô nhiễm, diệt ái. Đó gọi là tu đoạn.

Thế nào là trí duyên đoạn? Như Tỳ-kheo, hoặc ở chỗ trống trải bên cội cây, tư duy như thế này: Báo của hành ác bất thiện nơi thân trong đời này và đời sau. Như Tỳ-kheo có thể nhẫn đoạn hành ác của thân, tu hành thiện của thân. Báo của hành ác bất thiện nơi miệng trong đời này và đời sau. Như Tỳ-kheo có thể nhẫn đoạn hành ác của miệng, tu hành thiện của miệng. Báo của hành ác bất thiện nơi ý trong đời này và đời sau. Như Tỳ-kheo có thể nhẫn đoạn hành ác bất thiện của ý, tu hành thiện của ý. Đó gọi là trí duyên đoạn.

*Giới hộ duyên tu đoạn
Như Lai nói tự tánh
Tỳ-kheo hành pháp này
Tất cả cõi khổ hết.*

Đó gọi là bốn đoạn.

Hỏi: Thế nào là năm căn?

Đáp: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, đó gọi là năm căn. Năm lực cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là năm xứ giải thoát?

Đáp: Nghĩa là Tỳ-kheo không phóng dật, siêng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được dứt hết, chưa được an ổn vô thượng tức được an ổn.

Hỏi: Vì sao nói là năm?

Đáp: Như Đức Thế Tôn vì Tỳ-kheo thuyết pháp. Hoặc thầy nói, hoặc người tuệ phạm tịnh hạnh nói. Tùy thuận Như Lai nói. Hoặc sư, hoặc người tuệ phạm tịnh hạnh nói. Nghe xong thọ nhận pháp nghĩa. Thọ nhận pháp nghĩa xong sinh khởi vui thích. Vui thích xong thì sinh mừng. Mừng xong được thân khinh an. Thân khinh an xong thì thọ lạc. Thọ lạc xong tức được tâm định. Tâm định xong thì tri kiến như thật. Tỳ-kheo không phóng dật như thế, siêng năng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết tức được dứt hết, chưa được an ổn vô thượng liền được an ổn. Đó gọi là xứ giải thoát thứ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo không phải Đức Thế Tôn, không phải sư, không phải người tuệ phạm tịnh hạnh lúc nói pháp. Như pháp đã nghe trước kia, đọc tụng rộng, thông suốt nhanh nhạy. Như pháp Tỳ-kheo đã nghe trước kia, đọc tụng rộng, thông suốt nhanh nhạy, thọ nhận pháp nghĩa. Tỳ-kheo thọ nhận pháp nghĩa xong sinh khởi vui thích. Vui thích xong thì sinh mừng. Mừng xong được thân khinh an. Thân khinh an xong thì thọ nhận lạc. Thọ nhận lạc xong tức tâm định. Tâm định xong thì tri kiến như thật. Tỳ-kheo không phóng dật như thế, siêng năng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết tức được dứt hết, chưa được an ổn vô thượng liền được an ổn. Đó gọi là xứ giải thoát thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo, không phải lúc Đức Thế Tôn, không phải sư, không phải người tuệ phạm tịnh hạnh lúc thuyết pháp. Không phải pháp đã nghe trước kia, khi đọc tụng rộng, thông suốt nhanh nhạy.

Như pháp Tỳ-kheo đã nghe trước kia một cách thông suốt, nhanh nhạy, vì người khác giảng nói rộng. Như Tỳ-kheo theo pháp đã nghe trước kia một cách thông suốt, nhanh nhạy, rộng vì người khác giảng nói, thọ nhận pháp nghĩa. Tỳ-kheo thọ nhận pháp nghĩa xong sinh khởi vui thích. Vui thích xong thì sinh mừng. Mừng xong được thân khinh an. Thân khinh an xong thì thọ nhận lạc. Thọ nhận lạc xong tức tâm định. Tâm định xong thì tri kiến như thật. Tỳ-kheo không phóng dật như thế, siêng năng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết tức được dứt hết, chưa được an ổn vô thượng liền được an ổn. Đó gọi là xứ giải thoát thứ ba.

Lại nữa, như Tỳ-kheo, không phải Đức Thế Tôn, không phải sư, không phải người tuệ phạm tịnh hạnh lúc thuyết giảng. Không phải pháp Tỳ-kheo đã nghe trước kia, lúc đọc tụng rộng, thông suốt nhanh nhạy. Không phải pháp đã nghe trước kia, thông suốt, nhanh nhạy, rộng vì người khác phân biệt. Như Tỳ-kheo trước kia đã nghe pháp thông suốt nhanh nhạy, tự tâm phân biệt. Như Tỳ-kheo theo pháp đã nghe, thông suốt nhanh nhạy, tự tâm phân biệt, thọ nhận pháp nghĩa. Tỳ-kheo thọ nhận pháp nghĩa xong sinh khởi vui thích. Vui thích xong thì sinh mừng. Mừng xong được thân khinh an. Thân khinh an xong thì thọ nhận lạc. Thọ nhận lạc xong tức tâm định. Tâm định xong thì tri kiến như thật. Tỳ-kheo không phóng dật như thế, siêng năng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết tức được dứt hết, chưa được an ổn vô thượng liền được an ổn. Đó gọi là xứ giải thoát thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo không phải Đức Thế Tôn, không phải sư, không phải người tuệ phạm tịnh hạnh lúc nói pháp. Không phải pháp đã nghe trước kia, khi đọc tụng rộng, thông suốt, nhanh nhạy. Không phải pháp Tỳ-kheo đã nghe trước kia, thông suốt, nhanh nhạy khi rộng vì người khác phân biệt. Không phải pháp đã nghe trước kia, thông suốt, nhanh chóng, lúc tự tâm phân biệt. Như Tỳ-kheo khéo

nhận lấy tướng định, khéo tư duy, khéo giải xét. Tỳ-kheo khéo nhận lấy tướng định, khéo tư duy, khéo giải xét xong, thọ nhận pháp nghĩa. Tỳ-kheo thọ nhận pháp nghĩa xong sinh khởi vui thích. Vui thích xong thì sinh mừng. Mừng xong tức được thân khinh an. Thân khinh an xong thì thọ nhận lạc. Thọ nhận lạc xong tức tâm định. Tâm định xong thì tri kiến như thật. Tỳ-kheo không phóng dật như thế, siêng năng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết tức được dứt hết, chưa được an ổn vô thượng liền được an ổn. Đó gọi là xứ giải thoát thứ năm.

Như thế gọi là năm xứ giải thoát.

Năm xuất giới như nơi phẩm Giới đã nói.

Thế nào là năm quán định? Như kinh Chánh Tín nói: Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Lại có pháp vô thắng (không có gì hơn) như Đức Thế Tôn nói pháp nhập định quán. Bạch Thế Tôn! Có nhập định quán này, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn siêng năng, tinh tấn, dũng mãnh, chánh tư duy, học nhiều tâm hành, như pháp tư duy nhập định. Nhập định xong, quán thân từ đầu đến chân, từ chân đến đầu, cho đến lớp da mỏng đều là bất tịnh. Đó gọi là nhập định quán thứ nhất.

Lại nữa, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn siêng năng, tinh tấn, dũng mãnh, chánh tư duy, học nhiều tâm hành, như pháp tư duy nhập định. Nhập định xong, không quán da, máu, thịt, chỉ quán xương người, trong thân này có xương răng móng. Đó gọi là nhập định quán thứ hai.

Lại nữa, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn siêng năng, tinh tấn, dũng mãnh, chánh tư duy, học nhiều tâm hành, như pháp tư duy nhập định. Nhập định xong, không quán da, máu, thịt, xương, chỉ quán thức của người, thức trụ nơi đời này, trụ nơi đời khác, thức chưa đoạn, không lìa hai đời. Đó gọi là nhập định quán thứ ba.

Lại nữa, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn siêng năng, tinh tấn, dũng mãnh, chánh tư duy, học nhiều tâm hành, như pháp tư duy nhập định. Nhập định xong, không quán da, máu, thịt, xương, lại quán thức của người, thức không trụ nơi đời này, không trụ nơi đời khác, thức khéo đoạn lia đời này, chưa đoạn lia đời khác. Đó gọi là nhập định quán thứ tư.

Lại nữa, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn siêng năng, tinh tấn, dũng mãnh, chánh tư duy, học nhiều tâm hành, như pháp tư duy nhập định. Nhập định xong, không quán da, máu, thịt, xương, lại quán thức của người, thức không trụ nơi đời này, không trụ nơi đời khác, thức khéo đoạn lia hai đời. Đó gọi là nhập định quán thứ năm.

Như thế, nhập định quán vô tướng, Đức Thế Tôn khéo nhận biết không có gì hơn, Đức Thế Tôn khéo thông đạt, không ai có thể vượt qua, như chỗ nhận biết của ý ta. Hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, có thể nhận biết vượt hơn Đức Thế Tôn thì không có điều này. Đó gọi là nhập định quán thứ năm.

Hỏi: Thế nào là năm pháp khởi giải thoát?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Năm pháp thân cận, tu học nhiều là đã được giải thoát.

Những gì là năm? (1) Như Tỳ-kheo quán tưởng thân bất tịnh. (2) Quán tưởng thức ăn bất tịnh. (3) Quán tưởng các hành vô thường. (4) Quán tưởng đời không vui. (5) Quán tưởng thân chết.

Năm pháp như thế thân cận, tu học nhiều, có thể đạt được giải thoát. Đó gọi là năm pháp khởi giải thoát.

Hỏi: Thế nào là sáu niệm?

Đáp: Là niệm Phật cho đến niệm Thiên.

Thế nào là niệm Phật? Là dùng Phật làm cảnh giới, niệm khéo thuận hợp, không nghịch. Đó gọi là niệm Phật.

Thế nào là niệm Pháp? Là dùng pháp làm cảnh giới, niệm khéo thuận hợp, không nghịch. Đó gọi là niệm pháp.

Thế nào là niệm Tăng? Là dùng Tăng làm cảnh giới, niệm khéo thuận hợp, không nghịch. Đó gọi là niệm Tăng.

Thế nào là niệm Giới? Giới, nghĩa là giới của thân, khẩu, dùng giới làm cảnh giới, niệm khéo thuận hợp, không nghịch. Đó gọi là niệm Giới.

Thế nào là niệm Thí? Thí có hai thứ: Tài thí và pháp thí. Dùng thí làm cảnh giới, niệm khéo thuận hợp, không nghịch. Đó gọi là niệm Thí.

Thế nào là niệm Thiên? Nếu vượt qua đoạn thực, hóa sinh lên cõi trời. Nơi trời kia không quán nghiệp đời trước, không phân biệt nghiệp đời trước, dùng trời làm cảnh giới, niệm khéo thuận hợp, không nghịch. Đó gọi là niệm Thiên.

Như thế gọi là sáu niệm.

Sáu không như nơi tam muội không đã nói. Sáu xuất giới như nơi phẩm Giới đã nói.

Hỏi: Thế nào là sáu pháp phần minh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Sáu pháp thân cận, tu học nhiều, tức phát sinh minh, được phần minh, có thể khiến cho minh thêm rộng lớn.

Sáu pháp đó là gì? (1) Tưởng vô thường. (2) Tưởng vô thường khổ. (3) Tưởng khổ vô ngã. (4) Tưởng thức ăn bất tịnh. (5) Tưởng tất cả thế gian không an vui. (6) Tưởng chết.

Hỏi: Thế nào là tưởng vô thường là pháp phần minh?

Đáp: Như Tỳ-kheo, hoặc ngồi nơi chỗ trống bên cội cây, tạo ra tư duy này: Sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô

thường. Nếu năm thọ ấm như thế, tức quán hành vô thường. Như Đức Thế Tôn đã nói: Pháp hữu vi có ba tướng là sinh, trụ, diệt. Như thế, Tỳ-kheo tư duy về sinh, trụ, diệt, tu điều phục tâm khiến nhu hòa. Nhu hòa rồi thì tư duy sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Người tu hành nếu tưởng, tưởng nhớ, đó gọi là tưởng vô thường. Thân cận, tu học nhiều, thân cận tu học nhiều rồi thì sinh minh, được minh, được phần minh, có thể khiến cho minh thêm rộng lớn. Đó gọi là tưởng vô thường là pháp phần minh.

Hỏi: Thế nào là tưởng vô thường khổ là pháp phần minh?

Đáp: Như Tỳ-kheo, hoặc ngồi nơi chỗ trống bên cội cây, tư duy về sắc vô thường như thế, nếu vô thường tức là khổ. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, nếu vô thường tức là khổ. Như thế là quán hành khổ của năm thọ ấm. Như Đức Thế Tôn đã nói: Nếu sắc sinh, trụ, tức là sinh khổ, có bệnh, có già chết. Nếu thọ, tưởng, hành, thức sinh, trụ, tức là sinh khổ, có bệnh, có già chết.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn đã nói có ba khổ: Hành khổ, khổ khổ, biến dịch khổ (hoại khổ).

Thế nào là hành khổ? Tự tánh của hành nơi năm thọ ấm là khổ, hiện bày hoặc khổ tư tưởng khổ, đó gọi là hành khổ.

Thế nào là khổ khổ? Tự tánh của hành nơi năm thọ ấm là khổ. Sinh cùng sinh, khởi cùng khởi, xuất cùng xuất, tạo thành đầy đủ, phát sinh vô số thứ bệnh: Nhân nhiệt sinh bệnh. Nhân đàm hiện nhiều, nhân gió, nhân quá sức, nhân người khác xúc não, nhân thời tiết biến đổi, nhân các đại mâu thuẫn nhau, nhân thức ăn uống không tiêu, nhân nghiệp báo của đời trước, nhân các đại không điều hòa sinh bệnh. Sinh bệnh về mắt, bệnh về tai, mũi, lưỡi, thân sinh khởi. Nhức đầu, đau mắt, nhức cổ họng, miệng, răng bệnh đau hông, sinh bệnh “xà thân”, đau nhức đường hô hấp, bệnh cổ trướng, bệnh ói mửa, sinh bệnh mụn đỏ, bệnh đau bụng, thân nóng, sinh bệnh hắc

lào, ghê lở, phong, xâm dâm, ung nhọt, bệnh hủi trắng, hủi khô, bệnh cuồng loạn, sinh bệnh trĩ, bệnh tiêu hạ, bệnh sung tẩy, bệnh bị sâu trùng cắn ăn v.v..., bị bọ chét, muỗi, mòng, kiến cắn chích. Thân này cho đến chỗ của một sợi lông thầy đều có trùng. Như trên chúng sung nơi ung nhọt của con người, sinh ra những thứ sung độc hại. Tức khổ của tánh hành nơi năm thọ ẩm cũng như thế. Sinh cùng sinh, khởi cùng khởi, xuất cùng xuất, tạo thành đầy đủ, sinh vô số thứ bệnh. Nhân nóng sinh bệnh, cho đến chỗ của một sợi lông cũng đều có trùng. Đó gọi là khổ khổ.

Thế nào là biến dịch khổ? Như hành của năm thọ ẩm chuyển biến, suy kém, hư rã, tận diệt, sau cùng là tan lìa, hoại diệt, đó gọi là biến dịch khổ.

Như Tỳ-kheo đối với hành khổ, khổ khổ, biến dịch khổ kia, tu điều phục tâm, khiến được nhuần dịu, nhuần dịu xong thì tư duy về sắc khổ, tư duy về thọ, tưởng, hành, thức khổ. Như người tu hành, nếu tưởng, tưởng nhớ, đó gọi là tưởng vô thường khổ. Thân cận, tu học nhiều tức sinh minh, được minh, được phần minh, có thể khiến cho minh thêm rộng lớn. Đó gọi là tưởng vô thường khổ là pháp phần minh.

Hỏi: Thế nào là tưởng khổ vô ngã là pháp phần minh?

Đáp: Như Tỳ-kheo, ở chỗ trồng bên cội cây, tư duy về sắc vô thường như thế. Nếu vô thường tức là khổ, nếu khổ tức vô ngã. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, nếu vô thường tức là khổ, nếu khổ tức là vô ngã. Nếu đối với tưởng này, quán hành vô ngã của năm thọ ẩm. Như Đức Thế Tôn nói: Sắc là vô ngã. Nếu sắc là ngã thì sắc không nên nhận bệnh khổ, sắc nên được tự tại, có như thế, không phải có như thế. Do sắc không phải là ngã, nên sắc nhận bệnh khổ, sắc không được tự tại, có như thế, không phải có như thế. Thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã. Nếu thọ, tưởng, hành, thức là ngã thì thọ tưởng

hành thức không nên nhận bệnh khổ, thọ tướng hành thức nên được tự tại, có như thế, không phải có như thế. Như Tỳ-kheo, như thế tu điều phục tâm cho nhu hòa, nhu hòa xong thì tư duy về sắc là vô ngã. Thọ, tướng, hành, thức đều là vô ngã. Như người tu hành, nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng khổ vô ngã. Thân cận, tu học nhiều tức sinh minh, được minh, được phần minh, có thể khiến cho minh thêm rộng lớn. Đó gọi là tướng khổ vô ngã là pháp phần minh.

Hỏi: Thế nào là tướng thức ăn bất tịnh là pháp phần minh?

Đáp: Những gì là ăn? Ăn có bốn thứ: Đoạn thực, xúc thực, tư thực, thức thực. Như Đức Thế Tôn nói: Chúng sinh có bốn thứ ăn. Ăn thức ăn này, có thể khiến chúng sinh trụ, có thể làm cho ấm hòa hợp, có thể có lợi ích. Những gì là bốn? (1) Đoạn thực. (2) Xúc thực. (3) Tư thực. (4) Thức thực.

Những gì là đoạn thực? Đoạn thực có hai thứ: Thô, tế.

Thế nào là đoạn thực thô? Trừ thức ăn tịnh của trời, trừ thức ăn hương của trời, trừ thức ăn điều hòa khắp thân như y phục, tắm gội, các thức ăn phân từng phần, đoạn khác là đoạn thực, đó gọi là đoạn thực thô.

Thế nào là đoạn thực tế? Thức ăn tịnh của trời, thức ăn hương của trời, thức ăn điều hòa khắp thân như y phục, tắm gội, đó gọi là đoạn thực tế.

Lại nữa, đoạn thực thô: Trừ thức ăn hương của trời, trừ thức ăn điều hòa khắp thân như y phục, tắm gội, nếu là thức ăn khác là đoạn thực, đó gọi là đoạn thực thô.

Lại nữa, đoạn thực tế: Thức ăn hương của trời, thức ăn điều hòa khắp thân như y phục, tắm gội, đó gọi là đoạn thực tế.

Thế nào là xúc thực? Có sáu xúc: Nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, đó gọi là xúc thực.

Thế nào là tư thực? Có sáu tư thân: Sắc tư, thanh, hương, vị, xúc, pháp tư, gọi là sáu tư thân. Đó gọi là tư thực.

Thế nào là thức thực? Có sáu thức thân: Nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức, gọi là sáu thức thân. Đó gọi là thức thực.

Đoạn thực, hoặc là ăn, hoặc không phải là ăn. Xúc, tư, thức thực, hoặc là ăn, hoặc không phải là ăn.

Thế nào là đoạn thực là ăn? Nếu duyên nơi đoạn thực, các căn tăng trưởng, không tổn hoại, không giảm tuổi thọ, đó gọi là đoạn thực là ăn.

Thế nào là đoạn thực không phải là ăn? Nếu duyên nơi đoạn thực, các căn không tăng trưởng, tổn hoại, giảm tuổi thọ, đó gọi là đoạn thực không phải là ăn.

Thế nào là xúc, tư, thức thực là ăn? Nếu duyên nơi xúc tư thức thực, các căn tăng trưởng, không tổn hoại, không giảm tuổi thọ, đó gọi là xúc tư thức thực là ăn.

Thế nào là xúc tư thức thực không phải là ăn? Nếu duyên nơi xúc tư thức thực, các căn không tăng trưởng, tổn hoại, giảm tuổi thọ, đó gọi là xúc tư thức thực không phải là ăn.

Tỳ-kheo thọ đoạn thực, như ăn thịt con, quán tưởng bất tịnh. Xúc, tư, thức thực có tướng giải xét, tư duy về diệt, dựa vào sự lià dục nhiễm. Như người tu hành, nếu tưởng nhớ tướng, đó gọi là tướng thức ăn bất tịnh. Thân cận, tu học nhiều xong, tức sinh minh, được minh, được phần minh, có thể khiến cho minh thêm rộng lớn. Đó gọi là tướng thức ăn bất tịnh là pháp phần minh.

Hỏi: Thế nào là tướng tất cả thế gian không an vui là pháp phần minh?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả thế gian chán lià không ưa thích, chán lià không ưa thích đời địa ngục, đời súc sinh, đời nga

quỷ, đời của người, đời của trời, đời chúng sinh, đời của hành. Như Tỳ-kheo đối với thế gian này, có tâm nhận lấy, tất chấp theo chỗ kiến giải của mình. Như Tỳ-kheo đoạn lia, không thọ nhận các kiến như thế. Như người tu hành, nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng tất cả thế gian không an vui. Thân cận, tu học nhiều xong, tức sinh minh, được minh, được phần minh, có thể làm cho mình thêm rộng lớn. Đó gọi là tưởng tất cả thế gian không an vui là pháp phần minh.

Hỏi: Thế nào là tưởng chết là pháp phần minh?

Đáp: Như Tỳ-kheo, hoặc ở chỗ trồng bên cội cây, tư duy như thế này: Ngã là pháp chết, có lỗi lầm tai hại của sự chết. Nếu là chúng sinh khác, cũng có pháp chết, có lỗi lầm tai hại của sự chết. Hoặc địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời và tất cả chúng sinh qua lại nơi sống chết, được gọi là chúng sinh, đều có pháp chết có lỗi lầm tai hại của sự chết.

Tỳ-kheo tư duy về ám hư hoại, xả bỏ thân, nhớ nghĩ đến sự chết. Tỳ-kheo tư duy về sự chết, nhận biết chết, hành giải chết, hiểu rõ về chết. Như người tu hành, nếu tưởng nhớ tưởng, đó gọi là tưởng chết.

Thân cận, tu học nhiều xong, tức sinh minh, được minh, được phần minh, có thể khiến mình thêm rộng. Đó gọi là tưởng chết là pháp phần minh.

Như thế gọi là sáu pháp phần minh.

Hỏi: Thế nào là sáu pháp là nhân được vui thích?

Đáp: Như Tỳ-kheo vui thích xong sinh mừng. Mừng xong tức được thân khinh an. Thân khinh an xong thì thọ lạc. Thọ lạc xong tức tâm định. Tâm định xong thì tri kiến như thật. Đó gọi là sáu pháp là nhân được vui thích.

Hỏi: Thế nào là sáu chánh giác không có hỷ?

Đáp: Là niệm chánh giác cho đến xả chánh giác. Đó gọi là sáu chánh giác không có hỷ.

Hỏi: Thế nào là bảy chánh giác?

Đáp: Là niệm chánh giác cho đến xả chánh giác. Đó gọi là bảy chánh giác.

Hỏi: Thế nào là bảy tướng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bảy tướng. Thân cận, tu học nhiều, tức được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ.

Thế nào là bảy tướng? Đó là: (1) Tướng bất tịnh. (2) Tướng chán lìa thức ăn. (3) Tướng tất cả thế gian không an vui. (4) Tướng chết. (5) Tướng vô thường. (6) Tướng vô thường khổ. (7) Tướng khổ vô ngã.

Nói: Như tướng bất tịnh. Thân cận, tu học nhiều xong, tức được quả báo lớn, công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ.

Hỏi: Do duyên gì nên nói như thế?

Đáp: Như Tỳ-kheo, tâm nhận biết phân biệt về tướng bất tịnh, khiến tâm dục lùi lại, chìm lặn, không mở rộng, dần dần sẽ trừ diệt sạch, dứt bỏ chán lìa xong, được chánh trụ. Như gân mạch, như lông chim, như cỏ Đậu-la ném vào trong lửa tức bị cháy rụi, co lại, không trải ra, về sau thì tiêu tan hết. Tỳ-kheo như thế, tâm nhận biết phân biệt về tướng bất tịnh, khiến tâm dục lùi lại, chìm lặn, không phát triển, về sau tức tiêu tan hết, dứt bỏ chán lìa xong được chánh trụ.

Như Tỳ-kheo, hoặc có tâm nhận biết phân biệt về tướng bất tịnh, đối với tướng dục tâm cũng còn sinh lậu thắm như cũ không khác, không dứt bỏ, không chán lìa, không chánh trụ. Tỳ-kheo tự nhận biết như thật: Ta thật sự chưa tu tướng bất tịnh, ta chưa tăng

trưởng khác với danh sắc, ta vẫn chưa được quả báo tu. Như thế là Tỳ-kheo có chánh trí.

Như Tỳ-kheo, tâm nhận biết phân biệt về tướng bất tịnh, đối với tướng dục, tâm không sinh lậu thãm, so với trước kia có khác, dứt bỏ chán lìa, được chánh trụ. Tỳ-kheo chánh trí như thật: Ta đã tu tướng bất tịnh, ta đã có tăng trưởng khác với danh sắc, ta đã được quả báo tu. Tỳ-kheo này đã có chánh trí, hành tướng bất tịnh, thân cận tu học nhiều xong, tức được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ. Tức do nhân duyên ấy.

HẾT – QUYỂN 16

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỖ ĐÀM

QUYỂN 17

Phẩm thứ 10: PHẦN KHÔNG HỎI VỀ ĐẠO, phần 3

Nói: Như tướng bất tịnh của thức ăn. Thân cận, tu học nhiều xong, tức được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ.

Hỏi: Do nguyên nhân gì nên nói như thế?

Đáp: Như Tỳ-kheo, tâm nhận biết phân biệt về tướng bất tịnh của thức ăn, đối với đoạn thực tâm lùi lại, chìm lặn, không tiến triển, dần dần sẽ loại trừ hết, dứt bỏ chán lia xong, được chánh trụ. Như gân mạch, như lông chim, như cỏ dầu la ném vào trong lửa tức bị cháy rụi, co lại, không trải ra, sau đó thì tiêu tan hết. Tỳ-kheo như thế, tâm nhận biết phân biệt về tướng bất tịnh của đoạn thực, khiến cho tướng tịnh về đoạn thực lùi lại, chìm lặn, không tiến triển, dần dần sẽ trừ diệt hết, dứt bỏ chán lia xong được chánh trụ.

Như Tỳ-kheo, hoặc có tâm nhận biết phân biệt về tướng bất tịnh của đoạn thực, đối với đoạn thực tâm cũng còn sinh lậu thắm như cũ không khác, tâm không dứt bỏ, không chán lia, không chánh trụ. Tỳ-kheo tự nhận biết như thật: “Chính là ta chưa tu tướng bất tịnh về đoạn thực, ta chưa tăng trưởng khác với danh sắc, ta chưa được quả báo tu”. Như thế là Tỳ-kheo có chánh trí.

Như Tỳ-kheo, tâm nhận biết phân biệt về tướng bất tịnh của đoạn thực, đối với đoạn thực tâm không sinh lậu thắm, so với trước có khác, dứt bỏ, chán lìa, chánh trụ. Tỳ-kheo chánh trí như thật: “Ta đã tu tướng bất tịnh về đoạn thực, ta có tăng trưởng khác với danh sắc, ta đã được quả báo tu”. Tỳ-kheo này có chánh trí về tướng bất tịnh của đoạn thực, thân cận tu học nhiều, tu học nhiều xong tức được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ. Tức do nhân duyên ấy.

Nói: Như tướng tất cả thế gian không an vui. Thân cận, tu học nhiều xong, tức được quả báo lớn, công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ.

Hỏi: Do nhân duyên gì nên nói như thế?

Đáp: Như Tỳ-kheo, tâm nhận biết phân biệt về tướng tất cả thế gian không an vui, vô số tướng về thế gian tâm lùi lại, chìm lặn, không tiến triển, dần dần sẽ diệt trừ hết, dứt bỏ chán lìa xong, được chánh trụ. Như gân mạch, như lông chim, như cỏ Đậu la ném vào trong lửa liền cháy rụi, co lại không trải ra, sau thì tiêu tan hết. Tỳ-kheo như thế, tâm nhận biết phân biệt về tướng tất cả thế gian không an vui, khiến vô số tướng của thế gian phải thoái mất, không tiến triển, dần dần sẽ diệt trừ hết, dứt bỏ chán lìa xong, được chánh trụ.

Như Tỳ-kheo, hoặc có tâm nhận biết phân biệt về tướng tất cả thế gian không an vui, vô số tướng về thế gian, tâm cũng còn sinh lậu thắm như xưa không khác, không dứt bỏ, không chán lìa, không chánh trụ. Tỳ-kheo tự nhận biết như thật: “Chính là ta chưa tu tướng tất cả thế gian không an vui, ta chưa tăng trưởng khác với danh sắc, ta chưa được quả báo tu”. Như thế là Tỳ-kheo có chánh trí.

Như Tỳ-kheo, tâm nhận biết phân biệt về tướng tất cả thế gian không an vui, đối với vô số tướng của thế gian, tâm không sinh lậu thắm, đối với trước có khác, dứt bỏ chán lìa được chánh trụ. Tỳ-kheo

chánh trí như thật: “Ta đã tu tưởng tất cả thế gian không an vui, ta có tăng trưởng khác với danh sắc, ta được quả báo tu”. Tỳ-kheo này có chánh trí hành tưởng tất cả thế gian không an vui, thân cận tu học nhiều, tu học nhiều xong tức được quả báo lớn, công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ. Tức do nhân duyên ấy.

Nói: Như tưởng chết. Thân cận, tu học nhiều xong, tức được quả báo lớn, công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ.

Hỏi: Do nguyên nhân gì nên nói như thế?

Đáp: Như Tỳ-kheo, tâm nhận biết phân biệt về tưởng chết, dựa cây vào mạng căn mà tự kiêu ngạo. Do mạng căn quyết định có thể nhận là thường trụ, tâm tham chấp mạng căn, như là đã đoạn hết phiền não không còn sót. Như Tỳ-kheo, hoặc có tâm nhận biết phân biệt về tưởng chết, dựa cây vào mạng căn mà tự kiêu ngạo, dùng mạng căn quyết định có thể nhận là thường trụ, tâm tham đắm mạng căn, như thế là chưa đoạn. Tỳ-kheo tự nhận biết như thật: “Ta chính là chưa tu tưởng chết, ta chưa tăng trưởng khác với danh sắc, ta chưa được quả báo tu khác”. Như thế là Tỳ-kheo có chánh trí.

Như Tỳ-kheo tâm nhận biết phân biệt về tưởng chết, dựa cây vào mạng căn mà tự kiêuạo, dùng mạng căn để quyết định có thể nhận là thường trụ, tâm tham đắm mạng căn, như là đã đoạn trừ hết, không còn sót. Tỳ-kheo tự nhận biết như thật: “Ta đã tu tưởng chết, đã tăng trưởng khác với danh sắc, ta đã được quả báo tu”. Tỳ-kheo như thế là có chánh trí về tưởng chết, thân cận tu học nhiều, tu học nhiều xong tức được quả báo lớn, công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ. Tức do nhân duyên ấy.

Nói: Như tưởng vô thường. Thân cận tu học nhiều xong, tức được quả báo lớn, công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ.

Hỏi: Do nhân duyên gì nên nói như thế?

Đáp: Như Tỳ-kheo, tâm nhận biết phân biệt về tướng vô thường, đối với tâm cung kính nơi lợi dưỡng, danh tiếng, tức thoái mất, không tiến triển, dần dần sẽ trừ dứt hết, dứt bỏ chán lia xong, được chánh trụ. Như gân mạch, như lông chim, như cỏ Đâu la ném vào trong lửa liền bị cháy rụi, co lại, không trải ra, sau thì tiêu tan hết. Tỳ-kheo như thế tâm nhận biết phân biệt về tướng vô thường, đối với sự cung kính nơi lợi dưỡng, danh tiếng, tâm thoái mất, không tiến triển, dần dần sẽ loại trừ hết, dứt bỏ chán lia xong, tức được chánh trụ.

Như Tỳ-kheo, hoặc có tâm nhận biết phân biệt về tướng vô thường, đối với sự cung kính nơi lợi dưỡng, danh tiếng, tâm cũng còn sinh ra lậu thẩm, như cũ không khác, không dứt bỏ, không chán lia, không chánh trụ. Tỳ-kheo tự nhận biết như thật: “Ta chính là chưa tu tướng vô thường, chưa tăng trưởng khác với danh sắc, ta chưa được quả báo tu”. Như thế là Tỳ-kheo đã tự nhận biết như thật.

Như Tỳ-kheo tâm nhận biết phân biệt về tướng vô thường, đối với sự cung kính nơi lợi dưỡng, danh tiếng, tâm không sinh lậu thẩm, so với trước có khác, dứt bỏ chán lia xong được chánh trụ. Tỳ-kheo chánh tri như thật: “Ta đã tu tướng vô thường, ta có tăng trưởng khác với danh sắc, ta được quả báo tu”. Tỳ-kheo có chánh trí về tướng vô thường, thân cận tu học nhiều, tu học nhiều xong tức được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ. Tức do nhân duyên này.

Nói: Như tướng vô thường khổ. Thân cận, tu học nhiều xong, tức được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ.

Hỏi: Do nhân duyên gì nên nói như thế?

Đáp: Như Tỳ-kheo tâm nhận biết phân biệt về tướng vô thường khổ, đối với sự lười biếng, trễ nãi, bất tín, phóng dật, không siêng năng, không quán xét v.v... sinh tướng lo sợ, rất sợ hãi bức thiết, như người sắp chết, ra sức quán tưởng vô thường khổ. Tỳ-kheo hoặc có

tâm nhận biết phân biệt về tướng vô thường khổ, đối với sự lười biếng, trễ nãi, bất tín, phóng dật, không siêng năng, không quán xét v.v... không sinh tưởng lo sợ, rất sợ hãi bức thiết, không phải như người sắp chết, ra sức quán tưởng vô thường khổ. Như Tỳ-kheo, tự nhận biết như thật: “Chính vì ta chưa tu tướng vô thường khổ, ta chưa tăng trưởng khác với danh sắc, ta chưa được quả báo tu”. Như thế là, Tỳ-kheo tự nhận biết như thật.

Như Tỳ-kheo tâm nhận biết phân biệt về tướng vô thường khổ, đối với sự lười biếng, trễ nãi, bất tín, phóng dật, không siêng năng, không quán xét v.v... sinh tưởng lo sợ, rất sợ hãi bức thiết, như kẻ sắp chết, ra sức quán tưởng vô thường khổ. Như Tỳ-kheo chánh trí như thật: “Ta do tu tướng vô thường khổ, ta đã tăng trưởng khác với danh sắc, ta đã được quả báo tu”. Tỳ-kheo này có chánh trí về tướng vô thường khổ, thân cận tu học nhiều, tu học nhiều xong tức được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ. Tức do nhân duyên ấy.

Nói: Như tướng khổ vô ngã. Thân cận tu học nhiều tướng này xong, tức được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ.

Hỏi: Do nhân duyên gì nên nói như thế?

Đáp: Như Tỳ-kheo, tâm nhận biết phân biệt về tướng khổ vô ngã, đối với các hữu thức thân cùng những vật ngoài, chấp ngã, ngã sở, sinh kiêu mạn v.v... đều cùng lìa, tĩnh lặng, chánh giải thoát.

Như Tỳ-kheo, hoặc có tâm phân biệt về tướng khổ vô ngã, đối với các hữu thức thân cùng những vật ngoài, chấp ngã, ngã sở, sinh kiêu mạn v.v..., tâm cũng còn không xa lìa, không tĩnh lặng, không giải thoát. Như Tỳ-kheo, tự nhận biết như thật: “Vì chính ta chưa tu tướng khổ vô ngã, chưa tăng trưởng khác với danh sắc, ta chưa được quả báo tu”. Như thế là Tỳ-kheo tự nhận biết như thật.

Như Tỳ-kheo, tâm nhận biết phân biệt về tướng khổ vô ngã, đối với các hữu thức thân cùng những vật ngoài, chấp ngã, ngã sở, sinh kiêu mạn v.v..., tâm cùng lìa, tĩnh lặng, chánh giải thoát. Như thế là Tỳ-kheo tự nhận biết như thật: “Ta đã tu tướng khổ vô ngã, ta đã tăng trưởng khác với danh sắc, đã được quả báo tu”. Tỳ-kheo này có chánh tri về tướng khổ vô ngã, thân cận tu học nhiều, tu học nhiều tướng này xong tức được quả báo lớn, được công đức lớn, được đến cảnh giới cam lộ. Do nguyên nhân này nên nói như thế.

Đó gọi là bảy tướng.

Hỏi: Thế nào là bảy pháp nhân duyên của định?

Đáp: Chánh kiến, chánh giác, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tấn, chánh niệm, đó gọi là bảy pháp nhân duyên của định.

Hỏi: Thế nào là tám Thánh đạo?

Đáp: Chánh kiến cho đến chánh định, đó gọi là tám Thánh đạo.

Hỏi: Thế nào là tám giải thoát?

Đáp: Sắc quán sắc giải thoát, đó gọi là giải thoát thứ nhất. Trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài, đó gọi là giải thoát thứ hai. Tĩnh giải thoát, đó gọi là giải thoát thứ ba. Lìa tất cả tướng sắc, diệt tướng giện dữ, không tư duy từng ấy tướng, thành tựu xứ vô biên không, đó gọi là giải thoát thứ tư. Lìa tất cả xứ không, thành tựu vô biên hành của thức xứ, đó gọi là giải thoát thứ năm. Lìa hết thảy xứ thức, thành tựu xứ vô sở hữu, đó gọi là giải thoát thứ sáu. Lìa tất cả xứ vô sở hữu, thành tựu xứ phi tướng phi phi tướng, đó gọi là giải thoát thứ bảy. Lìa tất cả xứ phi tướng phi phi tướng, thành tựu hành của diệt thọ tướng, đó gọi là giải thoát thứ tám.

Hỏi: Thế nào là sắc quán sắc là giải thoát thứ nhất?

Đáp: Như Tỳ-kheo không diệt tướng sắc trong, nhận lấy tướng sắc ngoài. Tỳ-kheo dùng sắc ngo ài để điều phục tâm mình, tu khiến

được nhu hòa. Tu khiến nhu hòa xong, được sắc giải thoát. Như Tỳ-kheo tâm nhận biết phân biệt về tướng sắc ngoài, tâm hướng đến sắc kia, tôn thượng sắc kia, dốc hướng nơi sắc kia, dùng sắc kia để giải thoát.

Thế nào là sắc? Như Tỳ-kheo chưa phân biệt sắc bên trong, chưa diệt, không mất, không trừ, đó gọi là sắc.

Thế nào là quán? Nếu sắc ngoài do nhãn thức từng thấy, thấy như thật, thấy vi tế, duyên nơi thấy, do ý thức phân biệt, phân biệt như thật, phân biệt vi tế, duyên nơi phân biệt, đó gọi là quán.

Thế nào là thứ nhất? Thuận theo thứ lớp của tám giải thoát, không nghịch, do thứ lớp hành nhập định là đầu tiên, là mới bắt đầu, là trước, đó gọi là thứ nhất.

Thế nào là được giải thoát? Tâm hướng đến pháp kia, tôn thượng pháp kia, dốc hướng nơi pháp kia, do pháp kia nên được giải thoát, đó gọi là giải thoát.

Hỏi: Thế nào là trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài là giải thoát thứ hai?

Đáp: Như Tỳ-kheo diệt tướng sắc trong xong, nhận lấy tướng của sắc ngoài, dùng sắc ngoài điều phục tâm, tu khiến nhu hòa, tu khiến nhu hòa xong, tức được giải thoát. Như Tỳ-kheo, tâm nhận biết phân biệt tướng của sắc ngoài, tâm hướng đến sắc ấy, tôn thượng sắc ấy, dốc hướng nơi sắc ấy, dùng sắc ấy để giải thoát.

Thế nào là trong không có tướng sắc? Như Tỳ-kheo do tướng sắc trong phân biệt diệt mất trừ xong, đó gọi là trong không có tướng sắc.

Thế nào là quán? Nếu sắc ngoài, do nhãn thức đã từng thấy, thấy như thật, thấy vi tế, duyên nơi thấy, do ý thức phân biệt, phân biệt như thật, phân biệt vi tế, duyên nơi phân biệt, đó gọi là quán.

Thế nào là thứ hai? tám giải thoát do thứ lớp là thuận không nghịch, do hành nhập định theo thứ lớp là thứ hai so với thứ nhất, không có trung gian, nên gọi là thứ hai.

Thế nào là giải thoát? Tâm hướng đến pháp kia, tôn thượng pháp kia, dốc hướng nơi pháp kia, do pháp kia nên được giải thoát, đó gọi là giải thoát.

Hỏi: Thế nào là tịnh giải thoát là giải thoát thứ ba?

Đáp: Như Tỳ-kheo nhận lấy tướng của một sắc tịnh. Như tướng lửa, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, ngọc ma ni, bảy báu, cung điện, tư năm sắc, y phục, mền, hoa quả, vàng bạc, đồng, vòng ngọc, lưu ly, chân châu, ngọc kha bối, san hô, đá ngọc và tám báu khác. Tỳ-kheo nhận lấy tướng của các sắc tịnh ấy xong, được tịnh giải thoát. Tâm Tỳ-kheo nhận biết phân biệt về tướng sắc tịnh, tâm hướng đến sắc ấy, tôn thượng sắc ấy, dốc hướng nơi sắc ấy, do sắc ấy nên giải thoát.

Thế nào là tịnh? Các sắc tốt đẹp lần lượt cùng chiếu sáng, vừa ý, ngắm xem không chán, đó gọi là tịnh.

Thế nào là giải? Tâm hướng đến giải thoát kia, đó gọi là giải.

Thế nào là thứ ba? Tám giải thoát theo thứ lớp là thuận không nghịch, do thứ lớp hành nhập định là thứ ba so với thứ hai, không có trung gian, nên gọi là thứ ba.

Thế nào là giải thoát? Tâm hướng đến pháp kia, tôn thượng pháp kia, dốc hướng nơi pháp kia, do pháp kia nên giải thoát, đó gọi là giải thoát.

Hỏi: Thế nào là lia tất cả tướng sắc, diệt tướng giận dữ, không tư duy từng ấy tướng, thành tựu hành của xứ vô biên không, là giải thoát thứ tư?

Thế nào là tướng sắc? Nếu tướng tương ưng với nhãn thức, đó gọi là tướng sắc.

Thế nào là tướng giận dữ? Nếu tướng tương ưng với phần nộ, đó gọi là tướng giận dữ.

Thế nào là từng ấy tướng? Như sự cấu uế, vẫn đục bên ngoài không phải là tướng của phần thiện, đó gọi là từng ấy tướng.00

Lại nữa, tướng sắc nếu không lìa tướng của cõi sắc và tướng tương ưng với nhãn thức, đó gọi là tướng sắc.

Lại nữa, tướng giận dữ, nếu tướng tương ưng với năm thức thân và tướng tương ưng với phần nộ, đó gọi là tướng giận dữ.

Lại nữa, từng ấy tướng, nếu các chúng sinh, các vật, các cảnh giới, các thứ thanh tịnh, các phiền não, đó gọi là từng ấy tướng.

Đáp: Như Tỳ-kheo lìa tất cả tướng sắc, diệt tướng giận dữ, không tư duy từng ấy tướng. Như Tỳ-kheo đối nơi trong thân có các lỗ: Hoặc là lỗ tai, lỗ mũi, lỗ miệng, chỗ thức ăn uống đi vào, chỗ thức ăn uống dừng lại, chỗ thức ăn uống xuất ra, tư duy về không, nhận biết không, hành giải không, thọ nhận không.

Như Tỳ-kheo nhận biết thân có thức uống, cũng như vỏ tỏi, tư duy dần khiến mỏng, nhận biết mỏng, hành giải mỏng, thọ nhận mỏng. Tư duy dần khiến cho vỡ tan, nhận biết vỡ tan, hành giải vỡ tan, thọ nhận vỡ tan.

Như thế, Tỳ-kheo nhận biết tướng của sắc trong xong. Hoặc các lỗ trong vật ngoài, hoặc các lỗ trong đất, giếng, hố, hầm, hang núi, hang sâu, hang thú, Tỳ-kheo tư duy về không, nhận biết không, hành giải không, thọ nhận không.

Như Tỳ-kheo phân biệt về tướng sắc trong, ngoài xong, quán xứ không tĩnh lặng, tư duy về vô biên không, nhận biết vô biên không, hành giải vô biên không, thọ nhận vô biên không. Như người tu hành, nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng không xứ. Tướng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định không xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo nơi đại địa và núi Tu Di tạo ra tướng đồng lửa, tư duy về khói, nhận biết khói, hành giải khói, thọ nhận khói. Tư duy về cháy, nhận biết cháy, hành giải cháy, thọ nhận cháy. Tư duy về đốt, nhận biết đốt, hành giải đốt, thọ nhận đốt xong, Tỳ-kheo tư duy về xứ vô biên không là tĩnh lặng, vượt hơn, tư duy về xứ vô biên không, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ vô biên không là tĩnh lặng vượt hơn. Như người tu hành nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng không xứ, tướng này với định cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là nhập định không xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế, nếu tướng dục hiện đời, tướng dục vị lai, tướng sắc hiện đời, tướng sắc vị lai. Tướng này là thô, còn tướng không xứ là tĩnh lặng vượt hơn, là vi tế, thiện tịnh.

Tỳ-kheo tư duy về xứ vô biên không là xứ tĩnh lặng thù thắng, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ vô biên không là tĩnh lặng thù thắng. Như người tu hành, nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng không xứ. Tướng này với định cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là nhập định không xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế về tướng dục hiện tại, tướng dục vị lai, tướng sắc hiện tại, tướng sắc vị lai, tướng này là thô, còn xứ không vô biên thì vĩnh viễn diệt trọn vẹn, tĩnh lặng thù thắng. Tỳ-kheo tư duy về xứ vô biên không là tĩnh lặng, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ vô biên không. Như người tu hành, nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng không xứ. Tướng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định không xứ.

Thế nào là thứ tư? Vì tám giải thoát theo thứ lớp là thuận, không nghịch, do hành nhập định theo thứ lớp là thứ tư so với thứ ba, không có trung gian, nên gọi là thứ tư.

Thế nào là giải thoát? Tâm hướng đến pháp kia, tôn thượng pháp kia, dốc hướng nơi pháp kia, do pháp kia nên giải thoát, đó gọi là giải thoát.

Hỏi: Thế nào là lia nhất thiết không xứ, thành tựu hành của xứ vô biên thức, gọi là giải thoát thứ năm?

Đáp: Như Tỳ-kheo tư duy như thế này: Ta đã thành tựu hành của xứ vô biên không, từng có pháp vượt hơn xứ vô biên không chẳng?

Tỳ-kheo liền khởi suy nghĩ này: Chỉ có hành của không xứ. Như người dùng đồ đựng đôn đầy lên đồ đựng nhỏ, tư duy như vậy: Đồ đựng này vượt hơn đồ đựng kia. Đồ đựng này do nhân gì mà vượt hơn? Ta dùng đồ đựng này để đầy lên đồ đựng kia.

Như Tỳ-kheo, tư duy như thế này: Ta đã hành giải khắp hành của xứ vô biên không, từng có pháp nào vượt hơn vô biên không xứ chẳng? Tỳ-kheo liền có suy nghĩ này: Chỉ có thức là vượt hơn hành của xứ vô biên không. Do nhân gì mà thức vượt hơn? Do ta dùng thức mở bày khắp xứ vô biên không.

Như Tỳ-kheo tư duy về xứ vô biên thức là tĩnh lặng, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ vô biên thức là tĩnh lặng. Như người tu hành, nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng thức xứ. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định thức xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nếu tưởng dục hiện tại, tưởng dục vị lai, tưởng sắc hiện tại, tưởng sắc vị lai, tưởng không xứ v.v... là thô, còn tưởng thức xứ là tĩnh lặng thù thắng. Tỳ-kheo tư duy về xứ vô biên thức là tĩnh lặng hơn hết, nhận biết, hành giải, thọ nhận sự tĩnh lặng hơn hẳn của xứ vô biên thức. Như người tu hành, nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng của thức xứ. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định thức xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Như tưởng dục hiện tại, tưởng dục vị lai, tưởng sắc hiện tại, tưởng sắc vị lai, tưởng không xứ v.v..., chỉ có thức xứ là vĩnh viễn diệt không còn sót, chỉ thức xứ là tĩnh lặng vượt hơn. Như Tỳ-kheo tư duy về xứ vô biên thức, nhận biết, hành giải, thọ nhận sự tĩnh lặng hơn hết của xứ vô biên thức.

Như người tu hành nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng thức xứ. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định thức xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nhập xứ vô biên không là thô, nhập xứ vô biên thức là tĩnh lặng thù thắng, vi tế, thiện tịnh. Như Tỳ-kheo tư duy về xứ vô biên thức là tĩnh lặng hơn hẳn, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ vô biên thức là tĩnh lặng vượt hơn. Như người tu hành nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng của thức xứ. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định thức xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nếu nhập định không xứ là thô, nếu nhập định thức xứ là tĩnh lặng, thù thắng, vi tế, thiện tịnh. Như Tỳ-kheo tư duy về xứ vô biên thức là tĩnh lặng vượt hơn, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ vô biên thức là tĩnh lặng hơn hẳn. Như người tu hành nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng của thức xứ. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định thức xứ.

Thế nào là thứ năm? Do tám giải thoát theo thứ lớp là thuận, không nghịch, do hành nhập định theo là thứ năm so với thứ tư, không có trung gian, nên gọi là thứ năm.

Thế nào là giải thoát? Tâm hướng đến pháp kia, tôn thượng pháp kia, dốc hướng nơi pháp kia, do pháp kia nên được giải thoát, đó gọi là giải thoát.

Hỏi: Thế nào là lia tất cả thức xứ, thành tựu hành của xứ vô sở hữu, là giải thoát thứ sáu?

Đáp: Như Tỳ-kheo tư duy như thế này: Ta đã mở bày khắp hành của xứ vô biên thức, từng có pháp vượt hơn xứ vô biên thức chăng? Tỳ-kheo liền khởi suy nghĩ này: Chỉ có thức nơi xứ vô sở hữu là tĩnh lặng vượt hơn. Như Tỳ-kheo tư duy về xứ vô sở hữu là tĩnh

lặng vượt hơn, nhận biết, hành giải, thọ nhận sự tĩnh lặng vượt hơn của xứ vô sở hữu. Như người tu hành nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng của xứ vô sở hữu. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định xứ vô sở hữu.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Ngã không phải là ngã sở có, ngã sở không phải là ngã có. Như Tỳ-kheo tư duy về xứ vô sở hữu là tĩnh lặng thù thắng, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ vô sở hữu là tĩnh lặng vượt hơn. Như người tu hành nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng của xứ vô sở hữu. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định xứ vô sở hữu.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tất cả thế gian là không, quán thế gian là không rồi, khởi tưởng không có nơi chốn nương dựa. Như Tỳ-kheo tư duy về xứ vô sở hữu là tĩnh lặng vượt hơn, nhận biết, hành giải, thọ nhận sự tĩnh lặng hơn hết của xứ vô sở hữu. Như người tu hành nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng của xứ vô sở hữu. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định xứ vô sở hữu.

Lại nữa, Tỳ-kheo dùng đại địa, núi Tu Di, tạo ra tưởng đồng lửa, tư duy về khói, nhận biết, hành giải, thọ nhận khói, tư duy về cháy, nhận biết, hành giải, thọ nhận cháy, tư duy về đốt, nhận biết, hành giải, thọ nhận đốt xong, Tỳ-kheo tư duy về xứ vô sở hữu là tĩnh lặng vượt hơn, nhận biết, hành giải, thọ nhận sự tĩnh lặng vượt hơn của tưởng xứ vô sở hữu. Như người tu hành nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng của xứ vô sở hữu. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định xứ vô sở hữu.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nếu tưởng dục hiện tại, tưởng dục vị lai, tưởng sắc hiện tại, tưởng sắc vị lai, tưởng của không xứ, tưởng của thức xứ, thì các tưởng này là thô, tưởng của xứ vô sở hữu là tĩnh lặng vượt hơn, vi tế tịnh thiện. Như Tỳ-kheo tư duy về sự

tĩnh lặng vượt hơn của xứ vô sở hữu, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ vô sở hữu là tĩnh lặng vượt hơn. Như người tu hành nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng của xứ vô sở hữu. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định xứ vô sở hữu.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nếu tưởng dục hiện tại, tưởng dục vị lai, tưởng sắc hiện tại, tưởng sắc vị lai, tưởng của không xứ, tưởng của thức xứ, trọn vẹn là tĩnh lặng vượt hơn. Như Tỳ-kheo tư duy về xứ vô sở hữu là tĩnh lặng vượt hơn, nhận biết, hành giải, thọ nhận sự tĩnh lặng vượt hơn của xứ vô sở hữu. Như người tu hành nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng của xứ vô sở hữu. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định xứ vô sở hữu.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nhập xứ vô biên không là thô, nhập xứ thức là thô, nhập xứ vô sở hữu là tĩnh lặng hơn hết, vi tế tịnh thiện. Như Tỳ-kheo tư duy về xứ vô sở hữu là tĩnh lặng vượt hơn, nhận biết, hành giải, thọ nhận sự tĩnh lặng hơn hẳn của xứ vô sở hữu. Như người tu hành nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng của xứ vô sở hữu. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định xứ vô sở hữu, đó gọi là nhập định xứ vô sở hữu.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nếu nhập định không xứ, định thức xứ là thô. Nếu nhập định xứ vô sở hữu là tĩnh lặng vượt hơn, vi tế tịnh thiện. Như Tỳ-kheo tư duy về xứ vô sở hữu là tĩnh lặng vượt hơn, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ vô sở hữu là tĩnh lặng vượt hơn. Như người tu hành nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng của xứ vô sở hữu. Tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là nhập định xứ vô sở hữu.

Thế nào là thứ sáu? Do tám giải thoát là theo thứ lớp thuận, không nghịch, do hành nhập định theo thứ lớp là thứ sáu so với thứ năm, không có trung gian, nên gọi là thứ sáu.

Thế nào là giải thoát? Tâm hướng đến pháp kia, tôn thượng pháp kia, dốc hướng nơi pháp kia, do pháp kia nên được giải thoát, đó gọi là giải thoát.

Hỏi: Thế nào là lia tất cả xứ vô sở hữu, thành tựu hành của xứ phi tướng phi phi tướng, là giải thoát thứ bảy?

Đáp: Như Tỳ-kheo tư duy như thế này: Tướng là lỗi lầm tai hại của ta. Tướng là ung nhọt, tướng là mũi tên độc của ta. Xứ phi tướng phi phi tướng là tĩnh lặng vượt hơn, Tỳ-kheo tư duy về xứ phi tướng phi phi tướng là tĩnh lặng hơn hết, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ phi tướng phi phi tướng là tĩnh lặng vượt hơn. Như người tu hành nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng của xứ phi tướng phi phi tướng. Tướng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định xứ phi tướng phi phi tướng.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Như tướng dục hiện tại, tướng dục vị lai, tướng sắc hiện tại, tướng sắc vị lai, tướng không xứ, tướng thức xứ, tướng xứ vô sở hữu, là thô, tướng xứ phi tướng phi phi tướng là tĩnh lặng, hơn hết, vi tế tịnh thiện. Tỳ-kheo tư duy về sự tĩnh lặng hơn hết của xứ phi tướng phi phi tướng, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ phi tướng phi phi tướng là tĩnh lặng hơn hết. Như người tu hành nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng của xứ phi tướng phi phi tướng. Tướng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định xứ phi tướng phi phi tướng.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nếu tướng dục hiện tại, tướng dục vị lai, tướng sắc hiện tại, tướng sắc vị lai, tướng không xứ, tướng thức xứ, tướng xứ vô sở hữu, chỉ có xứ phi tướng phi phi tướng là vĩnh viễn diệt trọn vẹn và tĩnh lặng hơn hết. Tỳ-kheo tư duy về sự tĩnh lặng hơn hết của xứ phi tướng phi phi tướng, nhận biết, hành giải, thọ nhận sự tĩnh lặng hơn hết của xứ phi tướng phi phi tướng. Như người tu hành nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng của xứ phi

tướng phi phi tướng. Tướng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định xứ phi tướng phi phi tướng.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nếu nhập xứ vô biên không, nhập xứ vô biên thức xứ, nhập xứ vô sở hữu là thô, còn nhập xứ phi tướng phi phi tướng là tinh lặng hơn hết, là vi tế thiện tịnh. Tỳ-kheo tư duy về sự tinh lặng hơn hết của xứ phi tướng phi phi tướng, nhận biết, hành giải, thọ nhận sự tinh lặng hơn hết của xứ phi tướng phi phi tướng. Như người tu hành nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng của xứ phi tướng phi phi tướng. Tướng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định xứ phi tướng phi phi tướng.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nếu nhập định vô biên không xứ, nếu nhập định thức xứ, nếu nhập định xứ vô sở hữu là thô, nếu nhập định xứ phi tướng phi phi tướng là tinh lặng hơn hết, vi tế thiện tịnh. Tỳ-kheo tư duy về sự tinh lặng hơn hết của xứ phi tướng phi phi tướng, nhận biết, hành giải, thọ nhận xứ phi tướng phi phi tướng là tinh lặng hơn hết. Như người tu hành nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng của xứ phi tướng phi phi tướng. Tướng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với định, đó gọi là nhập định xứ phi tướng phi phi tướng.

Thế nào là thứ bảy? Do tám giải thoát là thứ lớp thuận không nghịch, do hành nhập định theo thứ lớp là thứ bảy so với thứ sáu, không có trung gian, nên gọi là thứ bảy.

Thế nào là giải thoát? Do tâm hướng đến pháp kia, tôn thượng pháp kia, dốc hướng nơi pháp kia, do pháp kia nên được giải thoát, đó gọi là giải thoát.

Hỏi: Thế nào là lia tất cả xứ phi tướng phi phi tướng, thành tựu định diệt thọ tướng là giải thoát thứ tám?

Đáp: Như Tỳ-kheo dựa vào giới, trụ nơi giới, tu thêm hai pháp định, tuệ, nương dựa nơi định, tuệ diệt thọ tướng. Nếu diệt thọ tướng, đó gọi là định diệt tận.

Lại nữa, Tỳ-kheo trụ nơi tướng xúc chứng vượt hơn, lúc trụ nơi tướng xúc chứng thù thắng, tư duy như thế này: Ta có tư (suy nghĩ) cũng còn ác, không có tư mới là thiện. Ta có tư thì có tạo tác, có tạo tác tức là có tướng vui, có tướng vui tức có tướng thô của địa khác sinh. Tỳ-kheo lại tư duy như vậy: Nếu ta không có tư thì không có hành tác, không có hành tác xong, thì tướng vui không sinh, tướng vui không sinh thì tướng thô của địa khác cũng không sinh. Như Tỳ-kheo không tư duy thì không tạo tác, không tạo tác xong thì tướng vui diệt, tướng vui diệt thì tướng thô của địa khác cũng diệt, đạt được xúc chứng định diệt tận.

Thế nào là thứ tám? Do tám giải thoát là thứ lớp thuận không nghịch, do hành nhập định theo thứ lớp là thứ tám so với thứ bảy không có trung gian, nên gọi là thứ tám.

Thế nào là giải thoát? Do tâm hướng đến pháp kia, tôn thượng pháp kia, dốc hướng nơi pháp kia, do pháp kia nên được giải thoát, đó gọi là giải thoát.

Như thế gọi là tám giải thoát.

Hỏi: Thế nào là tám thắng xứ?

Đáp: Tướng sắc trong, quán một ít sắc ngoài, sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp, biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn, tức có tướng như thế.

Tướng sắc trong, quán vô lượng sắc ngoài, sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp, biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn, tức có tướng như thế.

Trong không có tướng sắc, quán một ít sắc ngoài, sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp, biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn, tức có tướng như thế.

Trong không có tướng sắc, quán vô lượng sắc ngoài, sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp, biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn, tức có tướng như thế.

Có tướng như thế này: Trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài xanh, sắc xanh, ánh sáng xanh. Như hoa Ưu-ma xanh, sắc xanh, ánh sáng xanh. Như áo ở Ba-la-nại khéo nhuộm xanh, sắc xanh, ánh sáng xanh. Quán sắc diệu xanh sắc xanh, ánh sáng xanh như thế, biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn.

Có tướng như thế này: Trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài vàng, sắc vàng, ánh sáng vàng. Như hoa Ca-ni-già-la vàng, sắc vàng, ánh sáng vàng. Như áo ở Ba-la-nại khéo nhuộm vàng, sắc vàng, ánh sáng vàng. Quán sắc diệu vàng sắc vàng, ánh sáng vàng như thế, biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn.

Có tướng như thế này: Trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài đỏ, sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như hoa Bàn-đầu đỏ, sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như áo ở Ba-la-nại khéo nhuộm đỏ, sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Quán sắc diệu đỏ, sắc đỏ, ánh sáng đỏ như thế, biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn.

Có tướng như thế này: Trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài trắng, sắc trắng, ánh sáng trắng. Như sao Lỗ thổ trắng, sắc trắng, ánh sáng trắng. Như áo ở Ba-la-nại khéo giặt giũ trắng, sắc trắng, ánh sáng trắng. Quán sắc diệu trắng, sắc trắng, ánh sáng trắng như thế, biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn.

Thế nào là tướng sắc trong, quán một ít sắc ngoài, sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp, biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn, tức có tướng như thế? Nghĩa là Tỳ-kheo chưa diệt tướng sắc trong, nhận lấy một ít sắc ngoài, sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp, vừa ý, không vừa ý, đáng ghét, không đáng ghét. Tỳ-kheo dùng một ít sắc ngoài để điều phục tâm, tu khiến nhu hòa, tu cho nhu hòa xong được sắc giải thoát thù thắng. Tỳ-kheo thấy biết phân biệt một ít sắc bên ngoài, tâm hướng đến sắc ấy, tôn thượng sắc ấy, dốc hướng về sắc ấy, thắng giải của sắc ấy.

Thế nào là tướng sắc trong? Tỳ-kheo chưa diệt tướng sắc trong, không diệt, không mất, không trừ, đó gọi là tướng sắc trong.

Thế nào là quán sắc ngoài? Nếu một ít sắc ngoài, nhãn thức đã từng thấy, thấy như thật, duyên nơi thấy, ý thức phân biệt, phân biệt như thật, duyên nơi phân biệt, đó gọi là quán sắc ngoài.

Thế nào là ít? Nếu số lượng có thể tính đếm, không phải là vô biên, vô lượng, không phải A-tăng-kỳ, không phải vô biên, vô tế, đó gọi là một ít.

Thế nào là sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp? Tĩnh, bất tịnh, đó gọi là sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp.

Thế nào là biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn? Thắng giải về sắc kia, đó gọi là biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn.

Thế nào là có tướng như thế? Nếu có tướng một ít sắc hoàn toàn không phân tán, không lia nhau, đó gọi là có tướng như thế.

Thế nào là tướng sắc trong, quán vô lượng sắc ngoài, sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp, biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn, tức có tướng như thế? Nghĩa là Tỳ-kheo không diệt tướng một ít sắc, nhận lấy tướng vô lượng sắc ngoài, sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp, vừa ý, không vừa ý, đáng ghét, không đáng ghét. Tỳ-kheo đã dùng vô lượng sắc ngoài kia để điều phục tâm, tu khiến nhu hòa, tu khiến nhu hòa xong được thắng giải về sắc kia. Tỳ-kheo thấy biết phân biệt vô lượng sắc ngoài, tâm hướng đến sắc ấy, tôn thượng sắc ấy, dốc hướng nơi sắc ấy, thắng giải đối với sắc ấy.

Thế nào là tướng sắc trong? Tỳ-kheo chưa diệt tướng sắc trong, chưa mắt, chưa trù, đó gọi là tướng sắc trong.

Thế nào là quán sắc ngoài? Nếu vô lượng sắc ngoài, nhãn thức đã từng thấy, thấy như thật, duyên nơi thấy, ý thức phân biệt, phân biệt như thật, duyên nơi phân biệt, đó gọi là quán sắc ngoài.

Thế nào là vô lượng? Không phải là ít, không phải có thể lường tính, là vô biên, vô lượng A-tăng-kỳ, vô biên, vô tế, đó gọi là vô lượng.

Thế nào là sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp? Nếu tịnh, bất tịnh, đó gọi là sắc tốt đẹp, sắc không phải tốt đẹp.

Thế nào là biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn? Nếu đối với pháp kia, thọ nhận hơn hẳn rồi, thấy biết phân biệt, đó gọi là biết hơn hẳn, thấy hơn hẳn.

Thế nào là có tướng như thế? Nếu tướng không phân tán, không lìa nhau, nhất định là vô lượng tướng sắc, đó gọi là có tướng như thế.

Thế nào là trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài là xanh, sắc xanh, ánh sáng xanh, đối với sắc ấy có thấy biết hơn hẳn, nên có tướng như thế? Nếu đối với sắc ấy, thấy biết hơn hẳn, tức có tướng như thế. Như Tỳ-kheo diệt tướng sắc trong xong, nhận lấy tướng sắc xanh bên ngoài, Tỳ-kheo dùng màu xanh ngoài để điều phục tâm, tu khiến nhu hòa, khiến nhu hòa xong tức được thắng giải về sắc. Tỳ-kheo thấy biết phân biệt sắc xanh ngoài, tâm hướng đến sắc ấy, tôn thượng sắc ấy, dốc hướng về sắc ấy, thắng giải nơi sắc ấy.

Thế nào là trong không có tướng sắc? Vì tướng sắc trong đã diệt, mất, trừ, nên gọi là trong không có tướng sắc.

Thế nào là quán sắc ngoài? Nếu sắc xanh bên ngoài, nhãn thức đã từng thấy, thấy như thật, duyên nơi thấy, ý thức phân biệt, phân biệt như thật, duyên nơi phân biệt, đó gọi là quán sắc ngoài.

Thế nào là màu xanh? Màu xanh có hai thứ: Màu xanh do tánh và màu xanh do nhuộm, đó gọi là màu xanh.

Thế nào là thấy biết hơn hẳn? Nếu đối với sắc kia đã thọ nhận là hơn hết rồi thì thấy biết, phân biệt, tâm hướng về sắc kia, tôn thượng sắc kia, dốc hướng nơi sắc kia, thắng giải về sắc kia, đó gọi là thấy biết hơn hẳn.

Thế nào là có tướng như thế? Nếu có tướng không phân tán, không lìa nhau, nhất định là tướng xanh, đó gọi là có tướng như thế.

Thế nào là trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài là vàng, sắc vàng, ánh sáng vàng, đối với sắc ấy có thấy biết hơn hẳn, nên có tướng như thế? Như Tỳ-kheo diệt tướng sắc trong, nhận lấy tướng sắc vàng bên ngoài. Tỳ-kheo dùng sắc vàng bên ngoài để điều phục tâm, tu khiến nhu hòa, khiến nhu hòa xong tức được thắng giải về màu vàng. Tỳ-kheo thấy biết phân biệt về sắc vàng bên ngoài, tâm hướng đến sắc ấy, tôn thượng sắc ấy, dốc hướng nơi sắc ấy, thắng giải đối với sắc ấy.

Thế nào là trong không có tướng sắc? Tỳ-kheo nơi tướng sắc trong diệt, mất, trừ, đó gọi trong không có tướng sắc.

Thế nào là quán sắc ngoài? Nếu sắc vàng bên ngoài, nhãn thức đã từng thấy, thấy như thật, duyên nơi thấy, ý thức phân biệt, phân biệt như thật, duyên nơi phân biệt, đó gọi là quán sắc ngoài.

Thế nào là màu vàng? Vàng có hai thứ: Màu vàng do tánh và màu vàng do nhuộm, đó gọi là màu vàng.

Thế nào là thấy biết hơn hẳn? Nếu đối với sắc kia đã thọ nhận là hơn hết rồi, thì thấy biết, phân biệt, tâm hướng đến sắc kia, tôn thượng sắc kia, dốc hướng nơi sắc kia, thắng giải về sắc kia, đó gọi là thấy biết hơn hẳn.

Thế nào là có tướng như thế? Nếu có tướng không phân tán, không lìa nhau, nhất định là vàng, đó gọi là có tướng như thế.

Thế nào là trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài là đỏ, sắc đỏ, ánh sáng đỏ, nếu đối với sắc ấy đã có thấy biết hơn hẳn, tức có tướng như thế? Như Tỳ-kheo diệt sắc trong xong, nhận lấy tướng sắc đỏ ở ngoài, Tỳ-kheo dùng sắc đỏ bên ngoài để điều phục tâm, tu khiến nhu hòa, tu nhu hòa xong tức được thắng giải màu về đỏ. Tỳ-kheo thấy biết phân biệt về sắc đỏ, tâm hướng đến sắc ấy, tôn thượng sắc ấy, dốc hướng nơi sắc ấy, thắng giải đối với sắc ấy.

Thế nào là trong không có tướng sắc? Là Tỳ-kheo nơi tướng sắc trong đã diệt, mất, trừ, đó gọi là trong không có tướng sắc.

Thế nào là quán sắc ngoài? Nếu đối với sắc đỏ ngoài, nhãn thức đã từng thấy, thấy như thật, duyên nơi thấy, ý thức phân biệt, phân biệt như thật, duyên nơi phân biệt, đó gọi là quán sắc ngoài.

Thế nào là sắc đỏ? Đỏ có hai thứ: Có tánh đỏ, có nhuộm đỏ, đó gọi là sắc đỏ.

Thế nào là thấy biết hơn hẳn? Nếu đối với sắc kia đã thọ nhận là hơn hết xong, thì thấy biết, phân biệt, tâm hướng đến sắc kia, tôn thượng sắc kia, dốc hướng nơi sắc kia, thắng giải đối với sắc kia, đó gọi là thấy biết hơn hẳn.

Thế nào là có tướng như thế? Nếu có tướng không phân tán, không lia nhau, nhất định là sắc đỏ, đó gọi là có tướng như thế.

Thế nào là trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài là màu trắng, ánh sáng trắng, nếu đối với sắc ấy đã có thấy biết hơn hẳn, tức có tướng như thế? Như Tỳ-kheo diệt tướng sắc trong, nhận lấy tướng sắc trắng bên ngoài. Tỳ-kheo nhận lấy sắc trắng bên ngoài để điều phục tâm, tu khiến nhu hòa, khiến nhu hòa xong tức được thắng giải về màu trắng. Tỳ-kheo thấy biết, phân biệt về sắc trắng, tâm hướng đến sắc ấy, tôn thượng sắc ấy, dốc hướng nơi sắc ấy, thắng giải đối với sắc ấy.

Thế nào là trong không có tướng sắc? Tỳ-kheo đã diệt, mất, trừ sắc trong, đó gọi là trong không có tướng sắc.

Thế nào là quán sắc ngoài? Nếu sắc trắng bên ngoài, nhãn thức đã từng thấy, thấy như thật, duyên nơi thấy, ý thức phân biệt, phân biệt như thật, duyên nơi phân biệt, đó gọi là quán sắc ngoài.

Thế nào là trắng? Trắng có hai thứ: có tánh trắng, trắng do nhuộm, đó gọi là trắng.

Thế nào là thấy biết hơn hẳn? Nếu đối với sắc kia đã thọ nhận là hơn hẳn, thấy biết, phân biệt, tâm hướng đến sắc ấy, tôn thượng sắc ấy, dốc hướng nơi sắc ấy, thẳng giải về sắc ấy, đó gọi là thấy biết hơn hẳn.

Thế nào là có tướng như thế? Nếu có tướng không phân tán, không lìa nhau, nhất định là sắc trắng, đó gọi là có tướng như thế.

Như thế gọi là tám thẳng xứ.

Hỏi: Thế nào là chín diệt?

Đáp: Nếu nhập định của thiền thứ nhất, thì ngôn ngữ sẽ diệt nhanh. Nếu nhập định của thiền thứ hai, thì giác quán sẽ diệt nhanh. Nếu nhập định của thiền thứ ba, thì hỷ sẽ diệt nhanh. Nếu nhập định của thiền thứ tư, thì hơi thở ra vào sẽ diệt nhanh. Nếu nhập định xứ không, thì tướng sắc sẽ diệt nhanh. Nếu nhập định xứ thức, thì xứ không sẽ diệt nhanh. Nếu nhập định xứ vô sở hữu, thì xứ thức sẽ diệt nhanh. Nếu nhập định xứ phi tướng phi phi tướng, thì xứ vô sở hữu sẽ diệt nhanh. Nếu nhập định diệt tận, thì thọ, tướng sẽ diệt nhanh. Đó gọi là chín diệt.

Hỏi: Thế nào là chín định thứ đệ?

Đáp: Như Tỳ-kheo lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất, cho đến lìa xứ phi tướng phi phi tướng, thành tựu định diệt thọ tướng. Đó gọi là chín định thứ đệ.

Hỏi: Thế nào là chín tướng?

Đáp: Tướng bất tịnh. Tướng chán lìa thức ăn. Tướng tất cả thế gian không an vui. Tướng chết. Tướng vô thường. Tướng vô thường khổ. Tướng khổ vô ngã. Tướng đoạn. Tướng lìa dục. Đó gọi là chín tướng.

Hỏi: Thế nào là mười tướng?

Đáp: Tướng bất tịnh. Tướng chán lia thức ăn. Tướng tất cả thế gian không an vui. Tướng chết. Tướng vô thường. Tướng vô thường khổ. Tướng khổ vô ngã. Tướng đoạn. Tướng lia đục. Tướng diệt. Đó gọi là mười tướng.

Hỏi: Thế nào là mười pháp chánh trực?

Đáp: Chánh kiến, chánh giác, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí. Đó gọi là mười pháp chánh trực.

Hỏi: Thế nào là mười nhất thiết nhập?

Đáp: Nhất thiết nhập của địa, do một tướng trên dưới, dọc ngang, không hai, vô lượng. Nhất thiết nhập của thủy. Nhất thiết nhập của hỏa. Nhất thiết nhập của phong. Nhất thiết nhập của màu xanh. Nhất thiết nhập của màu vàng. Nhất thiết nhập của màu đỏ. Nhất thiết nhập của màu trắng. Nhất thiết nhập của không. Nhất thiết nhập của thức, do một tướng trên dưới, dọc ngang, không hai, vô lượng.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết nhập của địa?

Đáp: Do một tướng trên dưới, dọc ngang, không hai, vô lượng.

Thế nào là địa? Địa nghĩa là giới địa, đại địa, đó gọi là địa.

Thế nào là nhất thiết? Nếu đều là phương tiện trọn vẹn, đó gọi là nhất thiết.

Thế nào là nhất? Nếu chỉ là một không phải giới khác, như người nhập nhất thiết nhập của địa, đó gọi là nhất.

Thế nào là tướng? Nếu tướng không phân tán, không lia nhau, hoàn toàn là tướng địa, đó gọi là tướng.

Thế nào là trên dưới, dọc ngang? Trên là hư không, dưới là đất, dọc ngang là bốn phương. Như người, nếu trên dưới, dọc ngang đều tư duy về địa, nhận biết địa, hành giải địa, thọ nhận địa, đó gọi là trên dưới dọc ngang.

Thế nào là không hai, vô lượng? Trên không có hai, dưới không có hai, dọc ngang không có hai. Trên vô lượng, dưới vô lượng, dọc ngang vô lượng, không có hai tướng, chỉ có tướng địa, vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ, vô biên vô tế, đối với địa không có tướng khác. Đó gọi là không hai, vô lượng.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết nhập của thủy?

Đáp: Một tướng trên dưới, dọc ngang.

Thế nào là thủy? Thủy là thủy giới, thủy đại, đó gọi là thủy.

Thế nào là nhất thiết? Nếu đều là phương tiện trọn vẹn, đó gọi là nhất thiết.

Thế nào là nhất? Nếu chỉ là một không phải giới khác, như người nhập nhất thiết nhập của thủy, đó gọi là nhất.

Thế nào là tướng? Nếu tướng không phân tán, không lìa nhau, hoàn toàn là tướng thủy, đó gọi là tướng.

Thế nào là trên dưới dọc ngang? Trên là hư không, dưới là đất, dọc ngang là bốn phương. Như người nếu trên dưới dọc ngang đều tư duy về thủy, nhận biết thủy, hành giải thủy, thọ nhận thủy, đó gọi là trên dưới dọc ngang.

Thế nào là không hai, vô lượng? Trên không có hai, dưới không có hai, dọc ngang không có hai. Trên dưới vô lượng, dọc ngang vô lượng, không có hai tướng, chỉ có tướng thủy, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ, vô biên vô tế, đối với thủy không có tướng khác. Đó gọi là không hai, vô lượng.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết nhập của hỏa?

Đáp: Một tướng trên dưới dọc ngang.

Thế nào là hỏa? Hỏa là hỏa giới, hỏa đại, đó gọi là hỏa.

Thế nào là nhất thiết? Nếu đều là phương tiện trọn vẹn, đó gọi là nhất thiết.

Thế nào là nhất? Nếu chỉ là một không phải giới khác, như người nhập nhất thiết nhập của hỏa, đó gọi là nhất.

Thế nào là tướng? Nếu tướng không phân tán, không lia nhau, hoàn toàn là tướng hỏa, đó gọi là tướng.

Thế nào là trên dưới, dọc ngang? Trên là hư không, dưới là đất, dọc ngang là bốn phương. Như người nếu trên dưới dọc ngang đều tư duy về hỏa, nhận biết hỏa, hành giải hỏa, thọ nhận hỏa, đó gọi là trên dưới, dọc ngang.

Thế nào là không hai, vô lượng? Trên không có hai, dưới không có hai, dọc ngang đều không có hai. Trên dưới, dọc ngang đều vô lượng, không có hai tướng, chỉ có tướng hỏa, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ, vô biên vô tế, đối với hỏa không có tướng khác. Đó gọi là không hai, vô lượng.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết nhập của phong?

Đáp: Một tướng trên dưới dọc ngang.

Thế nào là phong? Phong là phong giới, phong đại, đó gọi là phong.

Thế nào là nhất thiết? Nếu đều là phương tiện trọn vẹn, đó gọi là nhất thiết.

Thế nào là nhất? Nếu chỉ là một không phải giới khác, như người nhập nhất thiết nhập của phong, đó gọi là nhất.

Thế nào là tướng? Nếu tướng không phân tán, không lìa nhau, hoàn toàn là tướng phong, đó gọi là tướng.

Thế nào là trên dưới dọc ngang? Trên là hư không, dưới là đất, dọc ngang là bốn phương. Như người nếu trên dưới dọc ngang đều tư duy về phong, nhận biết phong, hành giải phong, thọ nhận phong, đó gọi là trên dưới dọc ngang.

Thế nào là không hai, vô lượng? Trên, dưới, dọc, ngang đều là không có hai. Trên, dưới, dọc, ngang đều là vô lượng, không có hai tướng, chỉ có tướng phong, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ, vô biên vô tế, đối với phong không có tướng khác. Đó gọi là không hai, vô lượng.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết nhập của màu xanh?

Đáp: Một tướng trên dưới, dọc ngang, không có hai, vô lượng.

Thế nào là màu xanh? Màu xanh có hai thứ: Màu xanh của tánh, màu xanh do nhuộm, đó gọi là màu xanh.

Thế nào là nhất thiết? Nếu đều là phương tiện trọn vẹn, đó gọi là nhất thiết.

Thế nào là nhất? Nếu chỉ là một không phải màu khác, như người nhập nhất thiết nhập của màu xanh, đó gọi là nhất.

Thế nào là tướng? Nếu tướng không phân tán, không lìa nhau, hoàn toàn là tướng màu xanh, đó gọi là tướng.

Thế nào là trên dưới, dọc ngang? Trên là hư không, dưới là đất, dọc ngang là bốn phương. Như người trên dưới, dọc ngang đều tư duy về màu xanh, nhận biết màu xanh, hành giải màu xanh, thọ nhận màu xanh. Đó gọi là trên dưới, dọc ngang.

Thế nào là không có hai, vô lượng? Trên không có hai, dưới không có hai, dọc ngang không có hai. Trên vô lượng, dưới vô lượng, dọc ngang vô lượng, không có hai tướng, chỉ có tướng xanh. vô

lượng vô biên A-tăng-kỳ, vô biên vô tế, đối với màu xanh không có tướng khác, đó gọi là không có hai, vô lượng.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết nhập của màu vàng?

Đáp: Một tướng trên dưới, dọc ngang, không có hai, vô lượng.

Thế nào là màu vàng? Màu vàng có hai thứ: màu vàng của tánh, màu vàng do nhuộm, đó gọi là màu vàng.

Thế nào là nhất thiết? Nếu đều là phương tiện trọn vẹn, đó gọi là nhất thiết.

Thế nào là nhất? Nếu chỉ là một không phải màu khác, như người nhập nhất thiết nhập của màu vàng, đó gọi là nhất.

Thế nào là tướng? Nếu tướng không phân tán, không lia nhau, hoàn toàn là tướng màu vàng, đó gọi là tướng.

Thế nào là trên dưới, dọc ngang? Trên là hư không, dưới là đất, dọc ngang là bốn phương. Như người trên dưới, dọc ngang đều tư duy về màu vàng, nhận biết, hành giải, thọ nhận màu vàng. Đó gọi là trên dưới, dọc ngang.

Thế nào là không có hai, vô lượng? Trên không có hai, dưới không có hai, dọc ngang không có hai. Trên vô lượng, dưới vô lượng, dọc ngang vô lượng, không có hai tướng, chỉ có tướng màu vàng, vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ, vô biên vô tế, đối với màu vàng không có tướng khác. Đó gọi là không có hai, vô lượng.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết nhập của màu đỏ?

Đáp: Một tướng trên dưới, dọc ngang, không có hai, vô lượng.

Thế nào là màu đỏ? Màu đỏ có hai thứ: Màu đỏ của tánh, màu đỏ do nhuộm, đó gọi là màu đỏ.

Thế nào là nhất thiết? Nếu đều là phương tiện trọn vẹn, đó gọi là nhất thiết.

Thế nào là nhất? Nếu chỉ là một không phải màu khác, như người nhập nhất thiết nhập của màu đỏ, đó gọi là nhất.

Thế nào là tướng? Nếu tướng không phân tán, không lìa nhau, hoàn toàn là tướng màu đỏ, đó gọi là tướng.

Thế nào là trên dưới, dọc ngang? Trên là hư không, dưới là đất, dọc ngang là bốn phương. Như người trên dưới, dọc ngang đều tư duy về màu đỏ, nhận biết, hành giải, thọ nhận màu đỏ. Đó gọi là trên dưới, dọc ngang.

Thế nào là không có hai, vô lượng? Trên không có hai, dưới không có hai, dọc ngang không có hai. Trên vô lượng, dưới vô lượng, dọc ngang vô lượng, không có hai tướng, chỉ có tướng màu đỏ, vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ, vô biên vô tế, đối với màu đỏ không có tướng khác. Đó gọi là không có hai, vô lượng.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết nhập của màu trắng?

Đáp: Một tướng trên dưới, dọc ngang, không có hai, vô lượng.

Thế nào là màu trắng? Màu trắng có hai thứ: Màu trắng của tánh, màu trắng do nhuộm, đó gọi là màu trắng.

Thế nào là nhất thiết? Nếu đều là phương tiện trọn vẹn, đó gọi là nhất thiết.

Thế nào là nhất? Nếu chỉ là một không phải màu khác, như người nhập nhất thiết nhập của màu trắng, đó gọi là nhất.

Thế nào là tướng? Nếu tướng không phân tán, không lìa nhau, hoàn toàn là tướng màu trắng, đó gọi là tướng.

Thế nào là trên dưới, dọc ngang? Trên là hư không, dưới là đất, dọc ngang là bốn phương. Như người trên dưới, dọc ngang đều tư duy về màu trắng, nhận biết, hành giải, thọ nhận màu trắng. Đó gọi là trên dưới, dọc ngang.

Thế nào là không có hai, vô lượng? Trên không có hai, dưới không có hai, dọc ngang không có hai. Trên vô lượng, dưới vô lượng, dọc ngang vô lượng, không có hai tướng, chỉ có tướng màu trắng, vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ, vô biên vô tế, đối với màu trắng không có tướng khác. Đó gọi là không có hai, vô lượng.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết nhập của không?

Đáp: Một tướng trên dưới, dọc ngang, không có hai, vô lượng.

Thế nào là không? Không có hai thứ: giới không trong, giới không ngoài, đó gọi là không.

Thế nào là nhất thiết? Nếu đều là phương tiện trọn vẹn, đó gọi là nhất thiết.

Thế nào là nhất? Nếu chỉ là một không phải khác, như người nhập nhất thiết nhập của không, đó gọi là nhất.

Thế nào là tướng? Nếu tướng không phân tán, không lia nhau, hoàn toàn là tướng không, đó gọi là tướng.

Thế nào là trên dưới, dọc ngang? Trên là hư không, dưới là đất, dọc ngang là bốn phương. Như người trên dưới, dọc ngang đều tư duy về không, nhận biết, hành giải, thọ nhận không. Đó gọi là trên dưới, dọc ngang.

Thế nào là không có hai, vô lượng? Trên không có hai, dưới không có hai, dọc ngang không có hai. Trên vô lượng, dưới vô lượng, dọc ngang vô lượng, không có hai tướng, chỉ có tướng về không, vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ, vô biên vô tế, đối với không không có tướng khác. Đó gọi là không có hai, vô lượng.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết nhập của thức?

Đáp: Một tướng trên dưới, dọc ngang, không có hai, vô lượng.

Thế nào là thức? Là sáu thức thân: Nhãn thức thân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức thân, đó gọi là thức.

Thế nào là nhất thiết? Nếu đều là phương tiện trọn vẹn, đó gọi là nhất thiết.

Thế nào là nhất? Nếu chỉ là một không phải khác, như người nhập nhất thiết nhập của thức, đó gọi là nhất.

Thế nào là tướng? Nếu tướng không phân tán, không lìa nhau, hoàn toàn là tướng thức, đó gọi là tướng.

Thế nào là trên dưới, dọc ngang? Trên là hư không, dưới là đất, dọc ngang là bốn phương. Như người trên dưới, dọc ngang đều tư duy về thức, nhận biết, hành giải, thọ nhận thức. Đó gọi là trên dưới, dọc ngang.

Thế nào là không có hai, vô lượng? Trên không có hai, dưới không có hai, dọc ngang không có hai. Trên vô lượng, dưới vô lượng, dọc ngang vô lượng, không có hai tướng, chỉ có tướng thức, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ, vô biên vô tế, đối với thức không có tướng khác. Đó gọi là không có hai, vô lượng.

Như thế gọi là mười nhất thiết nhập.

Hỏi: Thế nào là mười một giải thoát nhập?

Đáp: Như Trưởng giả Đà-xá đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu đánh lễ xong, liền ngồi qua một phía, hỏi Tôn giả A-nan: Từng có một pháp, như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng năng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng có được an ổn không?

Tôn giả A-nan đáp Trưởng giả Đà-xá: Có!

Trưởng giả hỏi: Thế nào là có?

Tôn giả A-nan nói với trưởng giả: Như Tỳ-kheo lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ

nhất. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Định này là chánh học, chánh sinh. Nếu tất cả là chánh học, chánh sinh xong, đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục, pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng năng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa hết được lậu hết, chưa an ổn vô thượng thì được an ổn.

Lại nữa, trưởng giả! Như Tỳ-kheo diệt giác quán, nội chánh tín, nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ hai. Tỳ-kheo tư duy như vậy: Định này là chánh học, chánh sinh. Nếu tất cả là chánh học chánh sinh xong, đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng thì được an ổn.

Lại nữa, trưởng giả! Như Tỳ-kheo lìa hỷ hành xả, niệm chánh trí, thân thọ nhận vui, như các Thánh nhân hành giải xả niệm lạc, thành tựu hành của thiên thứ ba. Tỳ-kheo tư duy như vậy: Định này là chánh học, chánh sinh. Nếu tất cả là chánh học, chánh sinh xong, đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục, pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng thì được an ổn.

Lại nữa, trưởng giả! Như Tỳ-kheo đoạn khổ, vui, trước diệt ưu, hỷ, xả, bất khổ bất lạc, niệm tịnh, thành tựu hành của thiền thứ tư. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Định này là chánh học, chánh sinh. Nếu tất cả là chánh học, chánh sinh xong, đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục, pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng năng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng thì được an ổn.

Lại nữa, trưởng giả! Như Tỳ-kheo hành từ mở bày tâm, mở bày khắp một phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới, tất cả tâm từ được mở bày rộng lớn, tôn thắng, không có hai, vô lượng, không oán, không giận, mở bày khắp hành của các thế gian. Tỳ-kheo tư duy như vậy: Mở bày tâm từ này là chánh học, chánh sinh. Nếu tất cả là chánh học, chánh sinh xong, thì đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục, pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng thì được an ổn.

Lại nữa, trưởng giả! Như Tỳ-kheo mở bày tâm bi, mở bày khắp một phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới, tất

cả tâm bi được mở bày rộng lớn, tôn thắng, không có hai, vô lượng, không oán, không giận, mở bày khắp hành của các thế gian. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Mở bày tâm bi này là chánh học, chánh sinh. Nếu tất cả là chánh học, chánh sinh xong, đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục, pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng thì được an ổn.

Lại nữa, trưởng giả! Như Tỳ-kheo có tâm hỷ mở bày khắp hành của một phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới, tất cả tâm hỷ được mở bày rộng lớn, tôn thắng, không có hai, vô lượng, không oán, không giận, mở bày khắp hành của các thế gian. Tỳ-kheo tư duy như vậy: Mở bày tâm hỷ này là chánh học, chánh sinh. Nếu tất cả là chánh học, chánh sinh xong, đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục, pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng thì được an ổn.

Lại nữa, trưởng giả! Như Tỳ-kheo có tâm xả mở bày khắp hành của một phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới, tất cả tâm xả được mở bày rộng lớn, tôn thắng, không có hai, vô lượng, không oán, không giận, mở bày khắp hành của các thế gian. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Mở bày tâm xả này là chánh học, chánh

sinh. Nếu tất cả là chánh học, chánh sinh xong, đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục, pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng thì được an ổn.

Lại nữa, Trưởng giả! Như Tỳ-kheo lia tất cả tướng sắc, diệt tướng giận dữ, không tư duy từng ấy tướng, thành tựu hành của xứ vô biên không. Tỳ-kheo tư duy như vậy: Nhập định này là chánh học, chánh sinh. Nếu tất cả là chánh học, chánh sinh xong, đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục, pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng thì được an ổn.

Lại nữa, trưởng giả! Như Tỳ-kheo lia tất cả không xứ, thành tựu hành của xứ vô biên thức. Tỳ-kheo tư duy như vậy: Nhập định ấy là chánh học, chánh sinh. Nếu tất cả là chánh học, chánh sinh xong, đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục, pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng thì được an ổn.

Lại nữa, trưởng giả! Như Tỳ-kheo lia tất cả thức xứ, thành tựu hành của xứ vô sở hữu. Tỳ-kheo tư duy như vậy: Nhập định này là chánh học, chánh sinh. Nếu tất cả là chánh học, chánh sinh xong, đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục, pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng thì được an ổn.

Lại nữa, trưởng giả! Như Tỳ-kheo lia tất cả xứ vô sở hữu, thành tựu hành của xứ phi tướng phi phi tướng. Tỳ-kheo tư duy như vậy: Nhập định này là chánh học, chánh sinh. Nếu tất cả là chánh học, chánh sinh xong, đều nhận biết là pháp vô thường diệt. Tỳ-kheo thấy biết như thật, đoạn tất cả các lậu, tâm được giải thoát, tuy chưa đoạn hết các lậu, nhưng Tỳ-kheo do pháp dục, pháp lạc, nên đã đoạn trừ năm phiền não phần dưới, ở nơi cõi kia hóa sinh mà bát Niết-bàn, không trở lại đời này. Trưởng giả! Đây là một pháp.

Như Tỳ-kheo không phóng dật, siêng niệm chánh trí, hành tĩnh lặng, tâm chưa giải thoát được giải thoát, các lậu chưa dứt hết được lậu hết, chưa được an ổn vô thượng thì được an ổn.

Tôn giả A-nan giảng nói xong, Trưởng giả Đà-xá nói: Như người cầu tìm một kho báu, được mười một kho báu. Tôn giả A-nan! Tôi cũng như thế, cầu một giải thoát nhập được mười một giải thoát nhập. Tôn giả A-nan! Như nhà của con Trưởng giả có mười một

cổng, bị lửa đốt cháy, ngọn lửa dữ cháy bùng, ý của hai cha con Trương giả khi muốn đi ra tức ở trong các cổng, đều tự tại thoát ra. Tôn giả A-nan! Tôi cũng như thế, ở trong mười một pháp môn theo chỗ muốn ra đều tùy ý được ra. Tôn giả A-nan! Như Bà-la-môn tà kiến cũng vì thầy cầu của cải cúng dường thầy, hướng chi nghe chánh kiến mà không cúng dường.

Bấy giờ, Trương giả Đà-xá thỉnh chúng Tăng ở Tỳ-da-ly, chúng Tăng ở Ba-đa-ly, thỉnh xong, sắm sửa những thức ăn thật ngon để nấu bữa cơm thịnh soạn, hầu cúng dường chúng Tăng. Ngoài ra, còn dùng giày dép, một vọn xấp nữ trắng để bố thí chúng Tăng, đặc biệt dùng ba y, phòng nhà tốt đẹp, để dâng lên Tôn giả A-nan.

Như thế gọi là mười một giải thoát nhập.

HẾT – QUYỂN 17

LUẬN XÁ LỢI PHÁT A TỶ ĐÀM

QUYỀN 18

Phẩm thứ 11: PHẦN KHÔNG PHẢI HỎI VỀ PHIỀN NÃO, phần 1

Có một người xuất thế là Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã đoạn bỏ pháp ác bất thiện, sinh khởi các pháp thiện, dứt trừ pháp khổ, đạt được pháp vui, làm tĩnh lặng các lậu, diệt các lậu, trừ các nghiệp đã gây tạo, có thể đạt được tịch tĩnh nơi đệ nhất nghĩa trong mát, tận cứu cánh, phạm hạnh cứu cánh, an lạc cứu cánh, biên vực khổ cứu cánh, đạt được Niết-bàn. Do nhân duyên này, nên nay phải tập hợp pháp môn bất thiện.

Dựa cây vào sự sinh, dựa cây tộc họ, dựa cây sắc, dựa cây của cải, dựa cây sự giàu sang, dựa cây sự tôn thắng, dựa cây tộc họ hào quý, dựa cây không bệnh, dựa cây tuổi tráng niên, dựa cây thọ mạng khỏe mạnh, dựa cây nơi sự khéo léo, dựa cây học rộng, dựa cây biện tài, dựa cây được lợi dưỡng, dựa cây được cung kính, dựa cây được tôn trọng, dựa cây chỗ đầy đủ, dựa cây nơi thầy mẫu mực, dựa cây nơi giới, dựa cây đồ chúng, dựa cây bè nhóm, dựa cây nơi hàng trưởng thượng, dựa cây ở sức, dựa cây ở thân túc, dựa cây ở thiên, dựa cây ở khổ không mong cầu, nhờ cây ở tri túc, dựa cây ở chỗ một mình, dựa cây nơi A-lan-nhã, dựa cây khát thực, dựa cây y phần tảo, dựa cây ở ta có thể lìa thức ăn phung phí, dựa cây thọ thực một bữa, dựa cây ở chốn gò mả, dựa cây ở chỗ trồng trái, dựa cây bên cội cây,

dựa cây ở chỗ thường ngồi ngay ngắn, dựa cây tùy tọa cụ trải ngồi, dựa cây chỉ ba y.

Dua nịnh, kính tà, hiện tướng để cầu lợi, dựa vào sự sai khiến, khen để cầu xin, dùng lợi để cầu lợi, cho ta vượt hơn, ham thích vị, không gìn giữ giới, tướng giận thay đổi, giận đối với lời dạy của bậc tôn trưởng, trái với lời dạy của bậc tôn trưởng, ngang ngược đối với lời dạy của bậc tôn trưởng, khi dễ lấn lướt, đánh đập, lừa dối về học, đấu, lừa dối về cân đong, lừa dối của vật, gây tổn thương, xâm hại, bị trói buộc, giam giữ, đung chạm gây sự, xâm đoạt, cố làm, lời nói dài dòng, lời nói ngang ngược, lời nói khinh thị, chê bai, bức hiếp, dối trá điều thiện, cất giấu, cùng giữ lấy, ưa nói việc quan, việc của thế gian, việc binh giáp, việc chiến đấu, việc đại thân, việc xe cộ, việc phụ nữ, việc trang hoa, việc rượu thịt, việc dâm dục, việc giường nằm, việc y phục, việc ăn uống, việc của chốn bán rượu, việc bà con làng xóm, nói từng ấy việc, tư duy việc thế gian, nói việc biển, không biết pháp, không biết nghĩa, không biết thời, không biết đủ, không biết tự thân, không biết các chúng, không biết người, không biết người hơn kém, tà kiến, biên kiến, kiến điên đảo, kiến cầu tìm, giới cầu tìm, đạo giới cầu tìm, thân kiến, loạn động, tự khen mình, không tin, không hiểu biết, keo kiệt, khen trước mặt, ngăn cản, luyến tiếc, không tin nghiệp, không tin nghiệp báo, hủy báng thí, hủy báng học, tự cho là hơn, khen kẻ oán, khen giả dối.

Không tự tại, lệ thuộc người khác, phụng sự người khác, không oán ghét, oán ghét, chìm mất, tâm buồn bã, không chán lia, không siêng năng tinh tấn, không nhẫn nhục, không phải oai nghi, không thọ giáo, gần gũi với tri thức ác, thân hậu với ác, nhận lấy hành ác, hành ác, gần gũi với kẻ khiếp nhược, thọ nhận pháp khiếp nhược, nhận biết pháp khiếp nhược, giữ lấy pháp khiếp nhược, không thuận với tư duy, thân cận với đạo khiếp nhược, tâm yếu kém, tâm tán loạn, ưa thích tranh cãi, giới cấm trống trải, kính pháp tà, thoái mất pháp thiện, trạo cử, trang sức thân, tạo nguy hiểm, chịu đựng xấu hổ, lời nói cuồng

loạn, tâm không ghi nhớ, nghĩ đến bên ngoài, tùy theo lo mừng, tự cao, chê bai người khác, không kính trọng, không tự ty, không thật kính trọng, khó đầy, khó nuôi dưỡng, lười biếng vô dụng, biếng nhác, lười lại giữa chừng, thiện về sau, siêng nơi dục, siêng nơi khổ.

Tham, tham trói buộc, nảo, tâm buồn thảm, khổ, lo, nhiều khổ, sợ hãi, dánh dấp nhu nhược, dánh dấp miễn cưỡng, nghi hoặc, không thân gần, chướng ngại pháp thiện, không vừa ý nhau, trở ngại pháp thiện, biên thật, không thân cận, lia gần, thấp kém, tự cưỡng, nhịn nhục, theo tham, tự cử động, tự buông thả, không giữ gìn, lia thiên, không ăn năn, ôm hận, tiếc lẫn, tà giáo, tranh tụng, không khiêm tốn, cung kính lỗi lầm, mừng tai họa, cầu tìm lỗi lầm, phi hạnh, cầu thiên, thiên vô ích, không biết ơn, không biết ơn của mình, khinh chê, giận dữ, tánh ác, ương bướng, đoạn tu học, quở trách, can gián, trở lại sinh chê trách, quở trách, can gián, nói năng lộn xộn, sinh giận dữ, quở trách can gián không thành, quở trách can gián không sáng suốt.

Nhận lấy thân kiến, thân kiến đối, dụng cờ thân kiến, thân kiến lo, cầu thân kiến, gần gũi với thân kiến, thân mạn kiến, thân kiến vui chơi, luyến tiếc thân kiến, ngã nơi thân kiến, dục nhiễm, cùng với dục nhiễm, bi ai, không thân gần, tăng thêm dục lạc, hy vọng, lại hy vọng, hoàn toàn hy vọng, khó đủ, khó đầy, vương mắc, rưới khắp, thấm nhuần, trôi chảy, chìm mất chi ái, lưới sinh gốc khổ, mong cầu ham thích, cháy khát, ở nhà, gắng nhẫn, trần cấu, mụn nhọt, thọ nhận, thất niệm, không chánh tri, không gìn giữ các căn môn, ăn không biết đủ, vô minh, hữu ái, hữu kiến, không phải là hữu kiến, dục lậu, hữu lậu, cầu dục, cầu hữu, không trì giới, kiến hại, giới suy, kiến suy, mạng suy, oai nghi suy, hành suy, làm ác, không làm thiện, gần gũi với tại gia, thân cận với xuất gia.

Do hai duyên nên sinh dục nhiễm, do hai duyên nên sinh tà kiến, giận dữ, dò xét oán thù, ôm hận, nóng bức, ganh ghét, keo kiệt tiếc lẫn, biến hóa huyễn hoặc, gian dối, không hổ, không thẹn, khoe khoang, tự kiêu, tranh tụng, cao ngạo, phóng dật, mạn, tăng thượng mạn.

Hai pháp hòa hợp trong, hòa hợp ngoài, hòa hợp trong ngoài, hy vọng, rất hy vọng, hy vọng xấu ác.

Tham, tham ác, dục nhiễm phi pháp, ba căn bất thiện, ba việc khó điều phục, ba tối tăm, ba hoang phế, ba triền, ba động, ba cấu uế bên trong, ba sự tranh chấp bên trong, ba oán bên trong, ba sức cứng bên trong, ba hại bên trong, ba điều ghét bên trong, ba độc, ba thứ vượt hơn, ba tụ tối tăm, ba lực.

Lại có ba lực, ba ái, ba không gồm thân, ba hành ác, ba hành ác của thân, ba hành ác của ý, ba thứ bất tịnh, ba thứ không hiểu nhận biết, ba thứ không ngay thẳng, ba âm đàm, ba dục, ba tưởng, ba giác, ba cầu, ba lửa, ba thứ ấm áp, ba noãn, ba thiêu đốt, ba nhiệt, ba sự cháy khô, ba ác, ba hữu, ba lậu, ba không khinh dể, ba thứ không mềm dịu, ba pháp không trừ.

Bốn lưu, bốn ách, bốn thủ, bốn nhiễm, bốn hành ác của miệng, bốn kiết, bốn mũi tên, bốn trụ xứ của thức, bốn duyên sinh ái, bốn ái cùng duyên, bốn hành đường ác, bốn phiền não nghiệp, bốn điên đảo, bốn sợ hãi. Lại có bốn sợ hãi. Lại có bốn pháp thoái chuyển.

Năm dục, năm cái, năm phiền não phân dưới, năm phiền não phần trên, năm đường, năm tâm hoang, năm tâm triền, năm sợ, năm oán, năm vô gián, năm phạm giới, năm ngũ phi pháp, năm điều không ưa thích, năm thứ đáng ghét, năm pháp sân hận, năm pháp ưu căn, năm thứ ganh ghét, năm duyên sinh, thù miên phạm giới, năm lỗi lầm tai hại duyên phạm giới. Lại có năm lỗi lầm tai hại: Không kính cha, mẹ. Không kính Sa-môn, Bà-la-môn. Không kính bậc thân trưởng.

Sáu thứ dựa vào tham hỷ, sáu thứ dựa vào tham ưu, sáu thứ dựa vào tham xả, sáu thứ nhiễm, sáu thứ vui. Lại có sáu lạc, sáu ái, sáu giận, sáu móc sắt, sáu không gìn giữ, sáu gốc tranh cãi.

Bảy thứ cùng nhiễm, bảy thứ cùng dục nhiễm, bảy xứ thức trụ, bảy mạn, bảy thứ không kính, bảy lậu, bảy pháp khiếp nhược, bảy động, bảy tự dựa cậy, bảy cầu, bảy sự dò tìm, bảy tạo tác, bảy sinh.

Tám pháp thế gian, tám thứ không phải Thánh ngữ, tám việc lười biếng, tám xứ nạn, tám thứ trở ngại tu phạm hạnh.

Chín từng ấy pháp, chín pháp căn ái, chín nơi cư trú của chúng sinh, chín lỗi lầm tai hại của phạm giới.

Mười phiền não sử, mười phiền não kiết, mười tướng, mười giác, mười pháp tà, mười việc xúc não, mười đạo nghiệp bất thiện, mười pháp gây tạo bị đọa nơi địa ngục nhanh chóng như giáo đâm phóng.

Mười một tâm cấu uế. Hai mươi thứ thân kiến, hai mươi pháp gây tạo bị đọa nơi địa ngục nhanh chóng như giáo đâm phóng. Hai mươi một tâm cấu uế.

Ba mươi pháp gây tạo đọa địa ngục nhanh chóng như giáo đâm phóng. Ba mươi sáu hành ái. Bốn mươi pháp gây tạo bị đọa nơi địa ngục nhanh như giáo đâm phóng. Sáu mươi hai kiến.

Hỏi: Thế nào là dựa cây vào sự sinh?

Đáp: Chúng sinh quý trọng sự sinh, lấy sự sinh làm chỗ tự đề cao, dùng sự sinh làm cảnh giới. Nếu tâm nhớ nghĩ thì cho là sự sinh tốt đẹp, lấy làm điều để tự đề cao. Đó gọi là dựa cây vào sự sinh.

Lại nữa, dựa cây vào sự sinh, sự sinh của ta là vượt hơn sự sinh trong xứ kia, sự sinh ở đây thấp. Sự sinh của ta là hơn hết trong các sự sinh của thế gian. Chúng sinh tôn trọng sự sinh, thường kính trọng sự sinh. Nếu tâm nhớ nghĩ đến các sinh, các loài tốt đẹp, lấy đó để tự đề cao. Đó gọi là dựa cây vào sự sinh.

Dựa cây tộc họ, dựa cây sắc, dựa cây của cải, dựa cây giàu sang, dựa cây sự tôn thán, dựa cây tộc họ hào quý, dựa cây không bệnh, dựa cây tuổi tráng niên, dựa cây thọ mạng khỏe mạnh, dựa cây nơi sự khéo léo, dựa cây học rộng, dựa cây biện tài, dựa cây được lợi dưỡng, dựa cây được cung kính, dựa cây được tôn trọng, dựa cây chỗ đầy đủ, dựa cây nơi thầy mẫu mực, dựa cây nơi giới, dựa cây đồ chúng, dựa cây bè nhóm, dựa cây nơi hàng trưởng thượng, dựa cây ở

sức, dựa cây ở thân túc, dựa cây ở thiên, dựa cây ở khổ không mong cầu, nhờ cây ở tri túc, dựa cây ở chỗ một mình, dựa cây nơi A-lan-nhã, dựa cây khát thực, dựa cây y phần tảo, dựa cây ở ta có thể lia thức ăn phụng phí, dựa cây thọ thực một bữa, dựa cây ở chốn gò má, dựa cây ở chỗ trống trải, dựa cây bên cội cây, dựa cây ở chỗ thường ngồi ngay ngắn, dựa cây tùy tọa cụ trải ngồi, dựa cây chỉ ba y... như đã nói rộng ở trên.

Hỏi: Thế nào là dựa nịnh?

Đáp: Nếu dựa vào người khác để cầu lợi, đổi thay nghi thức, biểu hiện gồm thâu các căn, đó gọi là dựa nịnh.

Hỏi: Thế nào là kính tà?

Đáp: Nếu dựa vào người khác để cầu lợi, nói lời trau chuốt hoa mỹ, thuận theo ý người khác, biểu hiện giả dối theo phương tiện khôn khéo, do đây nên hành cung kính, đó gọi là kính tà.

Hỏi: Thế nào là hiện tướng để cầu lợi?

Đáp: Nếu dựa vào người khác để cầu lợi, thấy có các vật như y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang v.v..., khởi tâm mong muốn có được, hiện tướng nêu tốt, đó gọi là hiện tướng để cầu lợi.

Hỏi: Thế nào là dựa vào sự sai khiến?

Đáp: Bị người sai khiến, nô dịch, tuy là hèn hạ, nhưng do lợi nên theo đuổi mãi không ngừng, đó gọi là dựa vào sự sai khiến.

Hỏi: Thế nào là khen để cầu xin?

Đáp: Nếu dựa vào người khác để cầu lợi, thấy có các thứ như y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang v.v..., khởi tâm mong muốn có được, nên trước hết khen sự tốt đẹp của người kia. Lại nói: “Tôi cần”, đó gọi là khen để cầu xin.

Hỏi: Thế nào là dùng lợi để cầu lợi?

Đáp: Tâm mong muốn được, như theo người kia để được lợi, tức bảo cho người này biết. Hoặc theo người này để được lợi, tức bảo cho người kia biết. Lợi được từ chỗ này, hướng tới chỗ người kia khen đây là thí chủ. Lợi được từ chỗ kia, hướng tới người này khen đây là thí chủ. Nếu hành như thế mà được lợi, đó gọi là dùng lợi để cầu lợi.

Hỏi: Thế nào là cho ta vượt hơn?

Đáp: Nếu do kiêu mạn tự cao, cho mình là hơn, đó gọi là cho ta vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là ham thích vị?

Đáp: Tham ăn, mưu cầu nhiều thứ vị, đó gọi là ham thích vị.

Hỏi: Thế nào là không giữ gìn giới?

Đáp: Nếu buông bỏ oai nghi của người xuất gia, đó gọi là không giữ gìn giới.

Hỏi: Thế nào là tướng giận thay đổi?

Đáp: Nếu khởi tâm bất thiện, khiến các căn đổi khác, hoặc do mùi nã, mỗi mỗi phát khởi, khiến các căn đổi khác, đó gọi là tướng giận thay đổi.

Hỏi: Thế nào là giận đối với lời dạy của bậc tôn trưởng?

Đáp: Tôn trưởng nghĩa là Phật, đệ tử Phật. Nếu truyền dạy bèn chống trái, giận dữ, hoặc nói nhiều, hoặc nhăn nhó, hiện tướng giận. Nếu dạy bảo nên cẩn thận giữ gìn trọng cấm, liền chống đối trái ngược, phẫn nộ, hoặc nói nhiều, hoặc nhăn nhó, cau có, hiện dáng giận. Đó gọi là giận đối với lời dạy của bậc tôn trưởng.

Hỏi: Thế nào là trái với lời dạy của bậc tôn trưởng?

Đáp: Tôn trưởng nghĩa là Phật, đệ tử Phật. Nếu truyền dạy khiến thuận theo việc giữ gìn trọng cấm thì chống trái không theo, đó gọi là trái với lời dạy của bậc tôn trưởng.

Hỏi: Thế nào là ngang ngược đối với lời dạy của bậc tôn trưởng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã chế: Đừng nên làm theo thuyết ấy. Đừng nên làm việc làm ấy. Đừng nên nói lời nói ấy. Đừng tạo sự phân biệt ấy. Người kia đối với các điều chế: Đừng nên làm theo thuyết ấy, cho là nên thuyết. Đừng nên làm việc làm ấy, cho là nên làm. Đừng nên nói lời nói ấy, cho là nên nói. Đừng nên tạo sự phân biệt ấy, cho là nên phân biệt. Đó gọi là ngang ngược đối với lời dạy của bậc tôn trưởng.

Hỏi: Thế nào là khi dễ lẩn lướt?

Đáp: Nếu đối với chúng sinh xúc não, khinh miệt, không muốn đoạn hại mạng họ, đó gọi là khi dễ lẩn lướt.

Hỏi: Thế nào là đánh đập?

Đáp: Nếu khinh thị, tay cầm gậy gộc đánh đập, đó gọi là đánh đập.

Hỏi: Thế nào là lừa dối về học, đấu?

Đáp: Nếu khởi tâm không công bằng, thu nhận, chi ra nhiều ít, đó gọi là lừa dối về học, đấu.

Hỏi: Thế nào là lừa dối về cân đong?

Đáp: Nếu theo tâm không công bằng, thu nhận, phát ra nặng nhẹ, đó gọi là lừa dối về cân đong.

Hỏi: Thế nào là lừa dối của vật?

Đáp: Nếu đem vật xấu dở khiến lẫn lộn trong vật tốt đẹp, hoặc phân ra nhiều thứ vật, nếu đã lấy theo giới hạn, chuẩn mực nhất định, lại dời đổi chỗ cũ, đó gọi là lừa dối của vật.

Hỏi: Thế nào là gây tổn thương?

Đáp: Nếu xâm phạm, hủy hoại thân người khác, đó gọi là gây tổn thương.

Hỏi: Thế nào là xâm hại?

Đáp: Nếu khinh miệt chúng sinh, giận dữ mong gây tổn hại, muốn đoạn dứt mạng của họ, đó gọi là xâm hại.

Hỏi: Thế nào là bị trói buộc, giam giữ?

Đáp: Nếu chúng sinh bị sinh tử trói buộc, thường ở nơi chốn tăm tối, đó gọi là bị trói buộc, giam giữ.

Hỏi: Thế nào là đụng chạm gây sự?

Đáp: Nếu khởi tâm bất thiện, dùng tay để tìm kiếm, đó gọi là đụng chạm gây sự.

Hỏi: Thế nào là xâm đoạt?

Đáp: Nếu khởi tâm bất thiện, lừa dối cướp đoạt của cải của người khác, đó gọi là xâm đoạt.

Hỏi: Thế nào là cố làm?

Đáp: Nếu tâm khởi hành không tĩnh lặng, tâm biết mà vẫn gây tạo, đó gọi là cố làm.

Hỏi: Thế nào là lời nói dài dòng?

Đáp: Nếu nói lời ương bướng, khinh thường, chê bai, đó gọi là lời nói dài dòng.

Hỏi: Thế nào là lời nói ngang ngược?

Đáp: Nếu nói lời vô nghĩa, đó gọi là lời nói ngang ngược.

Hỏi: Thế nào là lời nói khinh thị, chê bai?

Đáp: Là nói không chân thật, lừa dối người khác, đó gọi là lời nói khinh thị, chê bai.

Hỏi: Thế nào là bức hiếp?

Đáp: Nếu quốc vương, hoặc là quan lại của vua, nếu giẫm đạp tạo mọi khốn khổ, tịch thu tài sản, vật dụng của người khác, đó gọi là bức hiếp.

Hỏi: Thế nào là dối trá điều thiện?

Đáp: Nếu nhằm lừa dối, hoặc nhận lấy của cải, vật dụng của người khác mà biểu hiện như thân thuộc, đó gọi là dối trá điều thiện.

Hỏi: Thế nào là cất giấu?

Đáp: Nếu người cùng với vật chưa phân chia, riêng lấy vật tốt đem đem cất giấu, đó gọi là cất giấu.

Hỏi: Thế nào là cùng giữ lấy?

Đáp: Nếu người đã phát thệ phân chia vật, lấy vật không tốt, cưỡng chọn lấy vật tốt, đó gọi là cùng giữ lấy.

Hỏi: Thế nào là ưa nói việc quan?

Đáp: Thường đem pháp của quan ra nói trước hết, hoặc nói về kế sách, hoặc nói về chỗ hơn kém, ưu khuyết nhiệm thích việc này, đó gọi là ưa nói về việc quan.

Việc của thế gian, việc binh giáp, việc chiến đấu, việc đại thân, việc phụ nữ, xe cộ, việc tràng hoa, việc rượu thịt, việc dâm dục, việc giường nằm, việc y phục, việc ăn uống, việc của chôn bán rượu, việc bà con làng xóm... cũng lại như thế, nếu nhiệm thích việc ấy.

Hỏi: Thế nào là nói từng ấy việc?

Đáp: Trừ các việc ưa nói trên, nếu là việc khác, chúng sinh khác, vật khác, cảnh giới khác, tự nhiên khác. Đó gọi là nói từng ấy việc.

Hỏi: Thế nào là tư duy việc thế gian?

Đáp: Nếu nhớ nghĩ làm đầu, tư duy việc thành hoại của thế gian, đó gọi là tư duy việc thế gian.

Hỏi: Thế nào là nói việc biển?

Đáp: Nếu lấy biển làm hàng đầu để nói, hoặc nói về các thứ báu, hoặc nói về thật, giả, nhiễm thích việc ấy, đó gọi là nói việc biển.

Hỏi: Thế nào là không biết pháp?

Đáp: Nếu đối với pháp thiện, bất thiện, vô ký, không nhận biết về tự tướng, không quán tướng, không phân biệt tướng, đó gọi là không biết pháp.

Hỏi: Thế nào là không biết nghĩa?

Đáp: Nếu đối với nghĩa đời nay, đời sau của các pháp, không nhận biết về tự tướng, không quán tướng, không phân biệt tướng, đó gọi là không biết nghĩa.

Hỏi: Thế nào là không biết thời?

Đáp: Như không biết thời tiết nên vào, nên ra khỏi làng xóm, thời nào nên đọc tụng, thọ học, tư duy. Đối với sự việc này không nhận biết về tự tướng, quán tướng, phân biệt tướng, đó gọi là không biết thời.

Hỏi: Thế nào là không biết đủ?

Đáp: Là không biết đủ về lời nói, về ăn uống, không nhận biết về tự tướng, quán tướng, phân biệt tướng, đó gọi là không biết đủ.

Hỏi: Thế nào là không biết tự thân?

Đáp: Không biết ta nên có niềm tin như thế, giới như thế, học vấn như thế, thí như thế, tuệ như thế, ứng đáp như thế. Nếu đối với pháp này không nhận biết về tự tướng, không quán tướng, không phân biệt tướng, đó gọi là không biết tự thân.

Hỏi: Thế nào là không biết các chúng?

Đáp: Chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, Sa-môn, tức nên phải qua lại như thế, ngồi đứng như thế, phải nói năng, im lặng

như thế. Nếu ở trong các chúng ấy không nhận biết về tự tướng, không quán tướng, không phân biệt tướng, đó gọi là không biết các chúng.

Hỏi: Thế nào là không biết người?

Đáp: Nếu người giữ giới, hủy phạm giới, nếu người có thể quán, nếu đối với những người này không nhận biết về tự tướng, không quán tướng, không phân biệt tướng, đó gọi là không biết người.

Hỏi: Thế nào là không biết người hơn kém?

Đáp: Nếu đối với người trên dưới, sang hèn, không nhận biết về tự tướng, không quán tướng, không phân biệt tướng, đó gọi là không biết người hơn kém.

Hỏi: Thế nào là tà kiến?

Đáp: Hoặc có người khởi kiến như thế này: Cho là không có thí, không có cho, không có cúng tế, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này, đời sau, không có cha mẹ, không có trời, không có chúng sinh hóa sinh, không có Sa-môn, Bà-la-môn nơi thế gian, hướng tới nẻo chánh, đạt đến nẻo chánh, hoặc đời nay, đời sau, tự nhận biết chúng, phân biệt nói, đó gọi là tà kiến.

Hỏi: Thế nào là biên kiến?

Đáp: Như kiến chấp hết thầy là có, hết thầy không, chấp hết thầy là một, hết thầy là khác. Như đủ tất cả các loại kiến chấp ấy, đó gọi là biên kiến.

Hỏi: Thế nào là kiến điên đảo?

Đáp: Nếu thấy chánh giác nói là phi chánh giác, nếu phi chánh giác cho là chánh giác. Nếu thấy pháp thiện nói là không phải pháp thiện, nếu thấy pháp bất thiện nói là pháp thiện. Nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn hướng đến nẻo chánh, nói là không phải hướng đến nẻo chánh. Nếu không phải Sa-môn, Bà-la-môn hướng đến nẻo chánh, cho là hướng đến nẻo chánh. Hoặc có tạo ra kiến này: Ta ưa thích

thế gian an vui đời sau sẽ ưa thích, là pháp thường hằng không gián đoạn, không biến đổi, thường trụ cố định. Đó gọi là kiến điền đảo.

Hỏi: Thế nào là kiến cầu tìm?

Đáp: Nếu ở trong các kiến đã lựa chọn, lựa chọn cho mình, đó gọi là kiến cầu tìm.

Hỏi: Thế nào là giới cầu tìm?

Đáp: Nếu lấy giới làm tịnh, tham cầu, tiếp xúc, đó gọi là giới cầu tìm.

Hỏi: Thế nào là đạo cầu tìm?

Đáp: Nếu lấy đạo làm tịnh, tham cầu, tiếp xúc, đó gọi là đạo cầu tìm.

Hỏi: Thế nào là đạo giới cầu tìm?

Đáp: Nếu cùng cho đạo giới là tịnh, tham cầu, tiếp xúc, đó gọi là đạo giới cầu tìm.

Hỏi: Thế nào là thân kiến?

Đáp: Nếu là ngã kiến.

Hỏi: Thế nào là ngã kiến?

Đáp: Hoặc có người cho sắc là ngã, trong sắc có ngã. Sắc là ngã có, ngã là sắc có. Kiến về thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Đó gọi là ngã kiến.

Hỏi: Thế nào là loạn động?

Đáp: Nếu các cử động lui tới luôn khinh suất, vội vàng, đó gọi là loạn động.

Hỏi: Thế nào là tự khen mình?

Đáp: Nếu khen điều tốt đẹp vượt quá khả năng của mình, đó gọi là tự khen mình.

Hỏi: Thế nào là không tin?

Đáp: Nếu không tin, không tin nhập, không tin điều vượt hơn, không tin điều chân thật, nếu tâm không tin, đó gọi là không tin.

Hỏi: Thế nào là không hiểu biết?

Đáp: Nếu không có tuệ, đó gọi là không hiểu biết.

Hỏi: Thế nào là keo kiệt tiếc lẫn?

Đáp: Nếu tham không bỏ, đó gọi là keo kiệt tiếc lẫn. Lại nữa, keo kiệt tiếc lẫn là ghét người khác hành thí lợi dưỡng, vật cần dùng, đó gọi là keo kiệt tiếc lẫn.

Hỏi: Thế nào là khen trước mặt?

Đáp: Không cầu của cải, lợi lộc của người khác, tùy thuận ý của người khác, dối khen ngợi việc thiện của người ấy, đó gọi là khen trước mặt.

Hỏi: Thế nào là ngăn cản luyến tiếc?

Đáp: Nếu keo kiệt, tiếc lẫn nơi của vật, sai người luôn phòng giữ cửa ngõ, sợ Sa-môn, Bà-la-môn vào được xin cầu, đó gọi là ngăn cản luyến tiếc.

Hỏi: Thế nào là không tin nghiệp?

Đáp: Nếu đối với nghiệp thiện, bất thiện, vô ký, không hiểu, lại không hiểu, rốt cuộc là không hiểu biết, đó gọi là không tin nghiệp.

Hỏi: Thế nào là không tin nghiệp báo?

Đáp: Nghiệp thiện, bất thiện có báo, nếu đối với báo này không hiểu, lại không hiểu, rốt cùng là không hiểu biết, đó gọi là không tin nghiệp báo.

Hỏi: Thế nào là hủy báng thí?

Đáp: Nếu người hành thí phi pháp, đó gọi là hủy báng thí.

Hỏi: Thế nào là hủy báng học?

Đáp: Nếu người học sai trái, đó gọi là hủy báng học.

Hỏi: Thế nào là tự cho là hơn?

Đáp: Nếu tự cao cho: Ta đã có tín, giới, thí, kiến văn, trí tuệ, biện tài, đó gọi là tự cho là hơn.

Hỏi: Thế nào là khen kẻ oán?

Đáp: Nếu người có kẻ oán, muốn hiện sự xấu ác của họ thì lại khen việc thiện của họ, là có tín, giới, thí, nghe, trí tuệ, biện tài, đó gọi là khen kẻ oán.

Hỏi: Thế nào là khen giả dối?

Đáp: Tâm có sự ăn năn bất chính, nếu không có tín, giới, thí, văn, tuệ, biện tài mà khen nói là có, đó gọi là khen giả dối.

Hỏi: Thế nào là không tự tại?

Đáp: Nếu tâm có phiền não dấy khởi mà tạo ra mọi việc thiện, không được tùy ý, đó gọi là không tự tại.

Hỏi: Thế nào là lệ thuộc người khác?

Đáp: Nếu tạo nghiệp bất tịnh, nếu muốn hiện sự thân thuộc, hoặc làm kẻ hầu hạ, tùy tùng, đó gọi là lệ thuộc người khác.

Hỏi: Thế nào là phụng sự người khác?

Đáp: Nếu cùng với người sang trọng, vượt hơn ngao du, vui đùa, dựa cậy vào thế lực bề ngoài, đó gọi là phụng sự người khác.

Hỏi: Thế nào là không oán ghét?

Đáp: Nếu yêu thích, vui mừng, đó gọi là không oán ghét.

Hỏi: Thế nào là oán ghét?

Đáp: Là giận dữ, phần nộ, đó gọi là oán ghét.

Hỏi: Thế nào là chìm mất?

Đáp: Nếu pháp thiện bị bỏ dỡ, thoái lui, đó gọi là chìm mất.

Hỏi: Thế nào là tâm buồn bã?

Đáp: Nếu tâm buồn bã bất thiện, đó gọi là tâm buồn bã.

Hỏi: Thế nào là không chán lia?

Đáp: Nếu đối với vật dụng sinh hoạt có nhiều dục, không dừng lại, đó gọi là không chán lia.

Hỏi: Thế nào là không siêng năng, tinh tấn?

Đáp: Nếu ý không chuyên ưa đối với pháp thiện, đó gọi là không siêng năng, tinh tấn.

Hỏi: Thế nào là không nhẫn nhục?

Đáp: Nếu đối với pháp thiện, không thể gắng nhẫn, thọ lãnh, đó gọi là không nhẫn nhục. Lại nữa, không nhẫn nhục, hoặc có người không nhẫn chịu đối với sự đói, khát, lạnh, nóng, gió, mưa, muỗi, rận cắn chích, cùng lời nói không vừa ý. Nếu thân tâm khổ não, luôn thấy khổ sở, khi lâm chung, gió dao cắt xẻ thân hình, không thể chịu đựng nổi, đó gọi là không nhẫn nhục.

Hỏi: Thế nào là không phải oai nghi?

Đáp: Nếu chê bai Phật kiết giới, đó gọi là không phải oai nghi.

Hỏi: Thế nào là không thọ giáo?

Đáp: Nếu như pháp truyền dạy, tâm không kính thuận, đó gọi là không thọ giáo.

Hỏi: Thế nào là gần gũi với tri thức ác?

Đáp: Nếu ở các nơi chốn sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, phóng dật, hoặc gần gũi với những người ấy, cho là tri thức quan trọng, tri thức cứu cánh, cùng kính niệm tri thức, đó gọi là gần gũi với tri thức ác.

Hỏi: Thế nào là thân hậu với ác?

Đáp: Nếu ở các nơi chốn sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, phóng dật, hoặc kết thân tình cùng với họ, thân tình sâu nặng, thân tình cứu cánh, kính niệm nhau, không lia, đó gọi là thân hậu với ác.

Hỏi: Thế nào là nhận lấy hành ác?

Đáp: Nương dựa vào người sát sinh, học theo việc sát sinh, tâm hướng đến tôn thượng kẻ sát sinh kia, dốc hướng theo sự sát sinh kia, lấy sự việc ấy làm sự hiểu biết. Nương dựa vào kẻ trộm cắp, học theo việc trộm cắp, dựa vào kẻ tà dâm, học theo việc tà dâm, dựa vào người nói dối, học theo việc nói dối, dựa vào xứ uống rượu, phóng dật, học theo việc uống rượu, phóng dật, tâm hướng đến tôn thượng kẻ uống rượu kia, dốc hướng theo sự uống rượu kia, lấy sự việc ấy làm sự hiểu biết, đó gọi là nhận lấy hành ác.

Hỏi: Thế nào là hành ác?

Đáp: Nếu là hành của cảnh giới bất thiện, đó gọi là hành ác.

Hỏi: Thế nào là gần gũi với kẻ khiếp nhược?

Đáp: Nếu là người không tin, người không hổ, không thẹn, kẻ không học vấn, kẻ lười biếng, kẻ hay quên mất, kẻ không có tuệ, nếu thân cận với những người ấy, cung kính phụng sự, đó gọi là gần gũi với kẻ khiếp nhược.

Hỏi: Thế nào là thọ nhận pháp khiếp nhược?

Đáp: Nếu đối với pháp của người khiếp nhược nói, cung kính thọ nhận, hành trì, đó gọi là thọ nhận pháp khiếp nhược.

Hỏi: Thế nào là nhận biết pháp khiếp nhược?

Đáp: Nếu pháp do kẻ khiếp nhược đã nói là pháp ác, khéo nghe nhận, tâm có thể phân biệt, đó gọi là nhận biết pháp khiếp nhược.

Hỏi: Thế nào là giữ lấy pháp khiếp nhược?

Đáp: Nếu pháp do kẻ khiếp nhược đã nói, nếu giữ lấy pháp này, đang giữ lấy, trụ nơi không quên, nhớ nghĩ nối tiếp nhau không mất, đó gọi là giữ lấy pháp khiếp nhược.

Hỏi: Thế nào là không thuận với tư duy?

Đáp: Nếu không thuận với tư duy về thiện, đó gọi là không thuận với tư duy.

Hỏi: Thế nào là thân cận với đạo khiếp nhược?

Đáp: Nghĩa là tà kiến cho đến tà định. Nếu gần gũi, học theo đây nhiều, đó gọi là thân cận với đạo khiếp nhược.

Hỏi: Thế nào là tâm yếu kém?

Đáp: Nếu tâm lười biếng, đó gọi là tâm yếu kém.

Hỏi: Thế nào là tâm tán loạn?

Đáp: Nếu tâm tán loạn ở nơi năm dục là sắc, thanh, hương, vị, xúc, đó gọi là tâm tán loạn.

Hỏi: Thế nào là ưa thích tranh cãi?

Đáp: Nếu tranh tụng, hoặc trối buộc, giam cầm, thường trái ngược nhau, đó gọi là ưa thích tranh cãi.

Hỏi: Thế nào là giới cấm trống trải?

Đáp: Nếu thiếu sót, nếu bỏ dờ, nếu cấu ứ, khiến lia giới cấm, đó gọi là giới cấm trống trải.

Hỏi: Thế nào là kính pháp tà?

Đáp: Nếu đối với pháp ác bất thiện, cho đây là tôn quý, có thể được định, đó gọi là kính pháp tà.

Hỏi: Thế nào là thoái mất pháp thiện?

Đáp: Nếu pháp xuất thế gian, đối với pháp ấy bỏ dở, thoái lui, đó gọi là thoái mất pháp thiện.

Hỏi: Thế nào là trạo cử?

Đáp: Nếu dao động, tâm tán loạn, không tĩnh lặng, không tĩnh lặng chính đáng, đó gọi là trạo cử.

Hỏi: Thế nào là trang sức thân?

Đáp: Nếu tự thực hiện việc trang sức, đó gọi là trang sức thân.

Hỏi: Thế nào là tạo nguy hiểm?

Đáp: Nếu nghiệp thân, khẩu, ý khởi động không thuận hợp, đó gọi là tạo nguy hiểm.

Hỏi: Thế nào là chịu đựng xấu hổ?

Đáp: Nếu ở nơi đám đông, không hỏi thì không nói sai lạc, đó gọi là chịu đựng xấu hổ.

Hỏi: Thế nào là lời nói cuồng loạn?

Đáp: Nếu nói năng phóng túng, không thâm giữ, đó gọi là lời nói cuồng loạn.

Hỏi: Thế nào là tâm không ghi nhớ?

Đáp: Nếu quên mất việc thiện, đó gọi là tâm không ghi nhớ.

Hỏi: Thế nào là nghĩ đến bên ngoài?

Đáp: Nếu nhớ nghĩ nơi năm dục: sắc, thanh, hương, vị, xúc, đó gọi là nghĩ đến bên ngoài. Lại nữa, nghĩ đến bên ngoài nghĩa là nếu nghĩ đến ngoại đạo, nếu kính nghĩ đến ngoại đạo, tâm ở pháp ngoại đạo, đó gọi là nghĩ đến bên ngoài.

Hỏi: Thế nào là tùy theo lo mừng?

Đáp: Nếu trong thế tục có vô số thứ vui mừng, lo khổ, tâm có mong cầu, tùy thuận hòa hợp, đó gọi là tùy theo lo mừng.

Hỏi: Thế nào là tự cao?

Đáp: Nếu khen thân tướng của mình có nhiều khả năng, đó gọi là tự cao.

Hỏi: Thế nào là chê bai người khác?

Đáp: Nếu nói về ưu, khuyết hơn kém của người khác, đó gọi là chê bai người khác.

Hỏi: Thế nào là không kính trọng?

Đáp: Nếu khi dễ, đối với bậc tôn trưởng không có kính sợ, đó gọi là không kính trọng.

Hỏi: Thế nào là không tự ty?

Đáp: Nếu không hạ mình đối với người khác, đó gọi là không tự ty.

Hỏi: Thế nào là không thật kính trọng?

Đáp: Nếu đối với người tịnh hạnh, xưng tụng vô số lời hoa mỹ giả dối, không thật, đó gọi là không thật kính trọng.

Hỏi: Thế nào là khó đầy?

Đáp: Nếu ăn uống không biết nhàm chán, đó gọi là khó đầy.

Hỏi: Thế nào là khó nuôi dưỡng?

Đáp: Luôn tìm cầu vị ngon, đó gọi là khó nuôi dưỡng.

Hỏi: Thế nào là lười biếng vô dụng?

Đáp: Nếu luôn biếng trễ, đó gọi là lười biếng vô dụng.

Hỏi: Thế nào là biếng nhác?

Đáp: Là luôn biếng trễ vô dụng, đó gọi là biếng nhác.

Hỏi: Thế nào là lười lại giữa chừng?

Đáp: Nếu cầu lợi trên hết thì duyên nơi phần dễ, vì lười biếng nên khiến đứt bỏ, đó gọi là lười lại giữa chừng.

Hỏi: Thế nào là thiện về sau?

Đáp: Nếu ở trong pháp thiện, lỗi lầm được diệt mất, đó gọi là thiện về sau.

Hỏi: Thế nào là siêng nơi dục?

Đáp: Là ưa thích, vương mắc nơi dục, đó gọi là siêng nơi dục.

Hỏi: Thế nào là siêng nơi khổ?

Đáp: Có vô số thứ thân khổ, song không phải là pháp Thánh, không có oai nghi, vô ích, vô nghĩa, đó gọi là siêng nơi khổ.

Hỏi: Thế nào là tham?

Đáp: Nếu ái rộng lớn, rất xa đối với bờ bên kia, đó gọi là tham.

Hỏi: Thế nào là tham trói buộc?

Đáp: Nếu ái rộng lớn, hết sức xa đối với bờ bên kia, đó gọi là tham trói buộc.

Hỏi: Thế nào là não?

Đáp: Nếu chúng sinh bị từng ấy khổ bức bách, hoặc là phiền não, phiền não trầm trọng, phiền não hoàn toàn, bên trong nóng bức, nội tâm mờ tối, đó gọi là não.

Hỏi: Thế nào là tâm buồn thảm?

Đáp: Nếu chúng sinh bị khổ não bức bách, mũi tên buồn bã ghim vào tâm, hoặc khóc lóc, miệng kể lể, nhớ nghĩ đeo đuổi mãi không bỏ, đó gọi là tâm buồn thảm.

Hỏi: Thế nào là khổ?

Đáp: Nếu thân không chịu đựng nổi, mắt tiếp xúc khổ thọ, tai, mũi, lưỡi, thân tiếp xúc với khổ thọ, đó gọi là khổ.

Hỏi: Thế nào là lo?

Đáp: Nếu tâm không chịu đựng nổi khổ, đó gọi là lo.

Hỏi: Thế nào là nhiều khổ?

Đáp: Nếu bị nhiều thứ khổ bức bách, tâm không dừng nghỉ, đó gọi là nhiều khổ.

Hỏi: Thế nào là sợ hãi?

Đáp: Nếu tâm kinh động, đó gọi là sợ hãi.

Hỏi: Thế nào là đáng đáp nhu nhược?

Đáp: Nếu tạo ra pháp thiện, vướng mắc nơi sự vui mừng tâm tối, đó gọi là đáng đáp nhu nhược.

Hỏi: Thế nào là đáng đáp miễn cưỡng?

Đáp: Như lời nói của trẻ con, không có kiên dè, đó gọi là đáng đáp miễn cưỡng.

Hỏi: Thế nào là nghi hoặc?

Đáp: Hai tâm do dự không thể đoạn trừ kiết, đó gọi là nghi hoặc.

Hỏi: Thế nào là không thân gần?

Đáp: Xa lìa pháp thiện, đó gọi là không thân gần.

Hỏi: Thế nào là chướng ngại pháp thiện?

Đáp: Là trái với pháp thiện, đó gọi là chướng ngại pháp thiện.

Hỏi: Thế nào là không vừa ý nhau?

Đáp: Nếu vui mừng vì tranh chấp ràng buộc cùng nói năng tranh tụng, đó gọi là không vừa ý nhau.

Hỏi: Thế nào là trở ngại pháp thiện?

Đáp: Nếu tạo ra pháp thiện, nhân đầy sinh khởi tự cao, đó gọi là trở ngại pháp thiện.

Hỏi: Thế nào là biên thật?

Đáp: Nếu kẻ theo biên kiến chấp kiến giải của mình là chắc thật, đó gọi là biên thật.

Hỏi: Thế nào là không thân cận?

Đáp: Nếu không thân cận Phật, đệ tử của Phật, không cúng dường, cung kính, lễ bái, đó gọi là không thân cận.

Hỏi: Thế nào là lia gân?

Đáp: Nếu đã từng thân cận Phật, đệ tử Phật, cúng dường, cung kính, lễ bái, về sau bèn bỏ dỡ, thoái lui, không còn thân cận, cúng dường, cung kính lễ bái nữa, đó gọi là lia gân.

Hỏi: Thế nào là thấp kém?

Đáp: Nếu nghiệp thân, miệng, ý tạo ra pháp thấp kém, giả dối, không thật, đó gọi là thấp kém.

Hỏi: Thế nào là tự cường?

Đáp: Nếu khởi tâm bất thiện, biểu hiện ở thân, miệng, ý, đó gọi là tự cường.

Hỏi: Thế nào là nhịn nhục?

Đáp: Nếu tham vướng pháp thế tục, mong cầu qua lại không dừng nghỉ, đó gọi là nhịn nhục.

Hỏi: Thế nào là theo tham?

Đáp: Nếu do tham theo đuổi lợi dưỡng không ngừng nghỉ, mất tướng của người thiện, đó gọi là theo tham.

Hỏi: Thế nào là tự cử động?

Đáp: Nếu nghiệp, thân, miệng, ý cùng trạo cử dao động, đó gọi là tự cử động.

Hỏi: Thế nào là tự buông thả?

Đáp: Nếu tâm động loạn, phân tán không thu giữ, đó gọi là tự buông thả.

Hỏi: Thế nào là không gìn giữ?

Đáp: Tay chân nhiều loạn, không gìn giữ cố định, vẽ ngang vẽ dọc dưới đất, đó gọi là không gìn giữ. Lại nữa, không gìn giữ nghĩa là nếu ham thích đi lại, đó gọi là không gìn giữ.

Hỏi: Thế nào là lìa thiên?

Đáp: Nếu không gần gũi chốn tĩnh lặng, đó gọi là lìa thiên.

Hỏi: Thế nào là không ăn năn?

Đáp: Nếu khởi tâm bất thiện, rồi vui mừng phấn khích, không có sửa đổi lỗi lầm, đó gọi là không ăn năn.

Hỏi: Thế nào là ôm hận?

Đáp: Nếu có trường hợp không thể luôn khiến không dứt, nhân đây thêm phiền não, đó gọi là ôm hận.

Hỏi: Thế nào là tiếc lẫn?

Đáp: Nếu đối với của cải, giáo pháp, luôn gìn giữ, nhớ nghĩ, không buông bỏ, đó gọi là tâm tiếc lẫn.

Hỏi: Thế nào là tà giáo?

Đáp: Nếu giảng nói pháp tà, đó gọi là tà giáo. Như người tà kiến tập hợp biểu hiện ở miệng như âm thanh, câu, ngôn ngữ, đó gọi là tà giáo.

Hỏi: Thế nào là tranh tụng?

Đáp: Tìm tòi ưu khuyết, hơn kém của người khác, không sinh khởi hòa thuận, đó gọi là tranh tụng.

Hỏi: Thế nào là không khiêm tốn?

Đáp: Nếu nghiệp đã tạo, tâm tự cao, không có kính thuận, đó gọi là không khiêm tốn.

Hỏi: Thế nào là cung kính lỗi lầm?

Đáp: Nếu cung kính, tự hạ mình không đúng pháp, đó gọi là cung kính lỗi lầm.

Hỏi: Thế nào là mừng tai họa?

Đáp: Nếu thấy cảnh suy thoái, mất mát của người khác, lại sinh vui mừng, thích thú, đó gọi là mừng tai họa,

Hỏi: Thế nào là cầu tìm lỗi lầm?

Đáp: Nếu có oán đối, ngờ vực, thường dò xét chỗ khuyết điểm, sai sót của người khác, đó gọi là cầu tìm lỗi lầm.

Hỏi: Thế nào là phi hạnh?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo phạm mất oai nghi, tạo ra hành không đúng oai nghi, đó gọi là phi hạnh.

Hỏi: Thế nào là cầu thiên?

Đáp: Nếu ở chỗ đông người tụ tập, tâm cầu danh lợi, bèn hiện tướng ngời thiên, đó gọi là cầu thiên.

Hỏi: Thế nào là thiên vô ích?

Đáp: Nếu người ngời thiên không có oai nghi, đó gọi là thiên vô ích.

Hỏi: Thế nào là không biết ơn?

Đáp: Nếu từ nơi người khác được tài thí, pháp thí, không biết phân biệt, phân biệt thích hợp, không duyên nơi phân biệt, đó gọi là không biết ơn.

Hỏi: Thế nào là không biết ơn của mình?

Đáp: Nếu từng theo người khác được tài vật thí, pháp thí, không chịu ơn, đó gọi là không biết ơn của mình.

Hỏi: Thế nào là khinh chê?

Đáp: Nếu nói về lỗi lầm của người khác, tâm không kiêng nể, đó gọi là khinh chê.

Hỏi: Thế nào là giận dữ?

Đáp: Nếu phẫn nộ, không gìn giữ ý của người khác, đó gọi là giận dữ.

Hỏi: Thế nào là tánh ác?

Đáp: Nếu thân, miệng, ý vốn bạo ác, đó gọi là tánh ác.

Hỏi: Thế nào là ương bướng?

Đáp: Nếu không có hạnh nhẫn nhục, đó gọi là ương bướng.

Hỏi: Thế nào là đoạn tu học?

Đáp: Nếu ngăn chặn người khác làm điều thiện, đó gọi là đoạn tu học.

Hỏi: Thế nào là quả trách, can gián, trở lại sinh chê trách?

Đáp: Nếu người làm việc ác, khéo can gián không nhận, đó gọi là quả trách, can gián, trở lại sinh chê trách.

Hỏi: Thế nào là quả trách, can gián, nói năng lộn xộn, sinh giận dữ?

Đáp: Đều như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là quả trách, can gián không thành?

Đáp: Đều như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là quả trách, can gián không sáng suốt?

Đáp: Đều như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là nhận lấy thân kiến?

Đáp: Vì duyên nơi thân kiến nên nhận lấy thân kiến. Vì thân kiến xấu ác nên nhận lấy thân kiến. Như con đường hiểm nạn, có cỏ

cây, rừng rậm che phủ lên trên, kẻ đi đến con đường ấy không biết cao thấp, sâu cạn. Người nhận lấy thân kiến cũng như thế, không nhận biết phải quấy, tốt xấu. Đó gọi là nhận lấy thân kiến.

Hỏi: Thế nào là thân kiến đỏi?

Đáp: Vì duyên nơi thân kiến nên gọi là thân kiến đỏi. Vì thân kiến xấu ác, nên gọi là thân kiến đỏi. Khiến các chúng sinh ở nơi khổ nạn, như sự đỏi khát trong ấy, như sự đỏi của các trùng ác, cầm thú, sự đỏi của nhân, phi nhân. Như thế, người đi tới con đường kia phải nhận lấy vô lượng thứ khổ. Như thế, nhận lấy thân kiến là nhận lấy các thứ khổ não, không đến bờ kia. Đó gọi là thân kiến đỏi.

Hỏi: Thế nào là dựng cờ thân kiến?

Đáp: Nếu ưa thích dấy khởi thân kiến, đó gọi là dựng cờ thân kiến.

Hỏi: Thế nào là thân kiến lo?

Đáp: Nếu duyên nơi thân kiến, nên sinh ưu não, lại sinh, sinh tột cùng ưu não, đó gọi là thân kiến lo.

Hỏi: Thế nào là cầu thân kiến?

Đáp: Nếu duyên nơi thân kiến, nên đã mong cầu sai lạc về sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là cầu thân kiến.

Hỏi: Thế nào là gần gũi với thân kiến?

Đáp: Nếu duyên nơi thân kiến, nên thân cận với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là gần gũi với thân kiến.

Hỏi: Thế nào là thân mạn kiến?

Đáp: Nếu duyên nơi thân kiến, nên thân kiêu mạn, tô điểm cho thân mình, đó gọi là thân mạn kiến.

Hỏi: Thế nào là thân kiến vui chơi?

Đáp: Nếu duyên nơi thân kiến, đó gọi là thân kiến vui chơi.

Hỏi: Thế nào là luyện tiếc thân kiến?

Đáp: Do duyên nơi thân kiến nên nhận lấy ái nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là luyện tiếc thân kiến.

Hỏi: Thế nào là ngã nơi thân kiến?

Đáp: Nếu duyên nơi thân kiến, nên nhận lấy ngã nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là ngã nơi thân kiến.

Hỏi: Thế nào là dục nhiễm?

Đáp: Nếu theo dục của cõi dục, dục của cõi sắc, cõi vô sắc, đó gọi là dục nhiễm. Cùng với dục nhiễm buồn thương, không thân gần, tăng thêm dục lạc cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là hy vọng?

Đáp: Nếu là ái nơi xúc ban đầu, đó gọi là hy vọng.

Hỏi: Thế nào là lại hy vọng?

Đáp: Nếu ái rộng lớn, chưa đến tận bờ kia, đó gọi là lại hy vọng.

Hỏi: Thế nào là hoàn toàn hy vọng?

Đáp: Nếu ái rộng lớn, do đến tận nơi bờ kia, đó gọi là hoàn toàn hy vọng.

Hỏi: Thế nào là khó đủ?

Đáp: Nếu nơi cõi dục không đủ, cõi sắc, cõi vô sắc không đủ, đó gọi là khó đủ.

Khó đầy, vướng mắc, rưới khắp, thấm nhuần, trôi chảy, chìm mất chi ái, lưới sinh gốc khổ, mong cầu, ham thích, cháy khát, ở nhà, găng nhẫn, trần cấu, mụn nhọt, thọ nhận cũng nói như trên.

Hỏi: Thế nào là thất niệm?

Đáp: Nếu bỏ niệm thiện, đó gọi là thất niệm.

Hỏi: Thế nào là không chánh tri?

Đáp: Hoặc có Tỳ-kheo, không do chánh tri để đi đến, co duỗi, xoay chuyển, mặc Tăng-già-lê, mang y, bưng bát, ăn uống, tiện lợi, nghỉ ngơi, ngủ, đi đứng, ngồi nằm, lúc ngủ, khi thức, lúc im lặng, không tự giữ gìn các hành, đó gọi là không chánh tri.

Hỏi: Thế nào là không giữ gìn các căn môn?

Đáp: Nếu thấy sắc liền nhận lấy, đó gọi là không giữ gìn các căn môn.

Hỏi: Thế nào là ăn không biết đủ?

Đáp: Là ăn không lường tính, đó gọi là ăn không biết đủ.

Hỏi: Thế nào là vô minh?

Đáp: Nếu là căn bất thiện si, đó gọi là vô minh.

Hỏi: Thế nào là hữu ái?

Đáp: Là ái của cõi sắc, cõi vô sắc, đó gọi là hữu ái.

Hỏi: Thế nào là hữu kiến?

Đáp: Nếu là thường kiến, đó gọi là hữu kiến.

Hỏi: Thế nào là không phải hữu kiến?

Đáp: Nếu là đoạn kiến, đó gọi là không phải hữu kiến.

Hỏi: Thế nào là dục lậu?

Đáp: Nếu tham vướng nơi pháp cõi dục, đó gọi là dục lậu.

Hỏi: Thế nào là hữu lậu?

Đáp: Nếu tham vướng nơi pháp cõi sắc, cõi vô sắc, đó gọi là hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là cầu dục?

Đáp: Nếu cõi dục chưa vượt qua, cõi dục chưa nhận biết, cõi dục chưa đoạn dứt, đối với âm, giới, nhập, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của cõi dục, nếu cầu tìm, tụ tập, đó gọi là cầu dục.

Hỏi: Thế nào là cầu hữu?

Đáp: Nếu cõi sắc, vô sắc chưa vượt qua, cõi sắc, vô sắc chưa nhận biết, cõi sắc, vô sắc chưa đoạn dứt, đối với âm, giới, nhập, thiên, giải thoát, định, nhập định của cõi sắc, vô sắc, nếu cầu tìm, tụ tập, đó gọi là cầu hữu.

Hỏi: Thế nào là không trì giới?

Đáp: Nếu phá bỏ giới, nếu không giữ giới, đó gọi là không trì giới.

Hỏi: Thế nào là kiến hại?

Đáp: Là sáu mươi hai kiến và tà kiến, đó gọi là kiến hại.

Hỏi: Thế nào là giới suy?

Đáp: Nếu hủy hoại giới, không gìn giữ, đó gọi là giới suy.

Hỏi: Thế nào là kiến suy?

Đáp: Nếu là sáu mươi hai kiến và tà kiến, đó gọi là kiến suy.

Hỏi: Thế nào là mạng suy?

Đáp: Nếu là tà mạng, đó gọi là mạng suy.

Hỏi: Thế nào là oai nghi suy?

Đáp: Nếu không phải hạnh oai nghi, đó gọi là oai nghi suy.

Hỏi: Thế nào là hành suy?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo không thể hành nơi cảnh giới của mình, đó gọi là hành suy.

Hỏi: Thế nào là làm ác?

Đáp: Là tạo thành pháp bất thiện, đó gọi là làm ác.

Hỏi: Thế nào là không làm thiện?

Đáp: Pháp thiện xuất thế gian, nếu không làm, không thành tựu, đó gọi là không làm thiện.

Hỏi: Thế nào là gần gũi với tại gia?

Đáp: Nếu thuận với thế gian, trái với chánh hành, đó gọi là gần gũi với tại gia.

Hỏi: Thế nào là thân cận với xuất gia?

Đáp: Nếu không thuận theo pháp tại gia, trái với hành thế gian, đó gọi là thân cận với xuất gia.

Hỏi: Thế nào là do hai duyên nên sinh dục nhiễm?

Đáp: Nếu duyên nơi sắc tịnh, duyên không thuận tư duy, sinh dục nhiễm, đó gọi là do hai duyên nên sinh dục nhiễm.

Hỏi: Thế nào là do hai duyên nên sinh giận dữ?

Đáp: Duyên nơi oán ghét, duyên không thuận tư duy, đó gọi là do hai duyên nên sinh giận dữ.

Hỏi: Thế nào là do hai duyên nên sinh tà kiến?

Đáp: Duyên nơi tà thuyết của người khác, duyên không thuận tư duy sinh tà kiến, đó gọi là do hai duyên nên sinh tà kiến.

Hỏi: Thế nào là giận dữ?

Đáp: Nếu phẫn nộ, lại phẫn nộ, đó gọi là giận dữ.

Hỏi: Thế nào là dò xét oán thù?

Đáp: Nếu muốn ràng buộc oán thù, ràng buộc đến cùng, tâm hành nghiệp si, phẫn nộ hoặc giận dữ đến cùng, đó gọi là dò xét oán thù.

Hỏi: Thế nào là ôm hận?

Đáp: Nếu tâm cầu ưê, bị phiền não làm nhiễm ô, đó gọi là ôm hận.

Hỏi: Thế nào là nóng bức?

Đáp: Nếu không vừa ý mà sinh ưu não, đó gọi là nóng bức.

Hỏi: Thế nào là ganh ghét?

Đáp: Nếu thấy người khác được lợi dưỡng, tôn trọng, cung kính, lễ bái, mà sinh tâm ganh ghét, lại ganh ghét, hoàn toàn ganh ghét, đó gọi là ganh ghét.

Hỏi: Thế nào là keo kiệt, tiếc lẩn?

Đáp: Nếu tham lam, bủn xỉn về tài thí, pháp thí, không buông bỏ, ưa tụ tập tham vương, đó gọi là keo kiệt tiếc lẩn.

Hỏi: Thế nào là biến hóa huyễn hoặc?

Đáp: Nếu đối với bậc tôn thắng và trước mặt người khác, vì tiếng đồn, sự khen ngợi giả dối, tự che giấu lỗi lầm của mình, lừa dối người khác, đó gọi là biến hóa huyễn hoặc.

Hỏi: Thế nào là gian dối?

Đáp: Nếu tâm tà vạy, bất chánh, đó gọi là gian dối.

Hỏi: Thế nào là không hổ?

Đáp: Nếu tự tạo ra điều xấu ác, nội tâm không hối hận, đó gọi là không hổ. Lại nữa, không hổ nghĩa là nếu người không hổ, đối với pháp đáng xấu hổ, không biết xấu hổ, đối với pháp ác bất thiện đã làm không biết xấu hổ, đó gọi là không hổ.

Hỏi: Thế nào là không thẹn?

Đáp: Nếu tự làm điều xấu ác, không hổ thẹn đối với người khác, đó gọi là không thẹn. Lại nữa, không thẹn nghĩa là nếu người không thẹn, đối với pháp đáng hổ thẹn, không biết hổ thẹn, đối với pháp ác bất thiện đã làm không biết hổ thẹn, đó gọi là không thẹn.

Hỏi: Thế nào là khoe khoang tự kiêu?

Đáp: Nếu tự khen mình, kiêu mạn đối với người khác, đó gọi là khoe khoang tự kiêu.

Hỏi: Thế nào là tranh tụng?

Đáp: Nếu khởi lời nói thô ác, bất thiện dao động của thân, miệng, ý, lại phẫn nộ, xúc não, đó gọi là tranh tụng.

Hỏi: Thế nào là cao ngạo?

Đáp: Nếu khởi tâm bất thiện, tỏ điểm nơi thân mình, khen ngợi việc thiện của mình, ý không mở bày, đó gọi là cao ngạo.

Hỏi: Thế nào là phóng dật?

Đáp: Nếu không thu giữ ý khiến niệm tán loạn, đó gọi là phóng dật.

Hỏi: Thế nào là mạn?

Đáp: Nếu nói ta là hơn hết, đó gọi là mạn.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng mạn?

Đáp: Nếu nói ta là hơn cùng bằng, đó gọi là tăng thượng mạn.

HẾT – QUYỂN 18

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 19

Phẩm thứ 11: PHẦN KHÔNG PHẢI HỎI VỀ PHIỀN NÃO, phần 2

Hỏi: Thế nào là tập nội?

Đáp: Nếu đối với pháp nội, dục nhiễm cùng với dục nhiễm, không phải là không tăng thêm dục lạc, hy vọng, lại hy vọng, hoàn toàn hy vọng, khó đủ, khó đầy, tham đầy đầy, lậu thấm đầy, chi chìm lặn, lưới, gốc sinh, mong cầu, tham vương, cháy khát, nhà cửa, trần cầu, mọt nhọt, ái, đó gọi là tập nội.

Hỏi: Thế nào là tập ngoại?

Đáp: Nếu đối với pháp ngoại, dục nhiễm cùng với dục nhiễm, cho đến trần cầu, mọt nhọt, ái, đó gọi là tập ngoại.

Hỏi: Thế nào là tập nội ngoại?

Đáp: Nếu đối với pháp nội ngoại, dục nhiễm cùng với dục nhiễm, cho đến trần cầu, mọt nhọt, ái, đó gọi là tập nội ngoại.

Hỏi: Thế nào là hy vọng?

Đáp: Nếu tự có pháp thiện, do hy vọng nên muốn khiến người khác nhận biết, đó gọi là hy vọng.

Hỏi: Thế nào là hy vọng lớn?

Đáp: Nếu hy vọng nhiều, đó gọi là hy vọng lớn.

Hỏi: Thế nào là hy vọng xấu ác?

Đáp: Nếu tự không có pháp thiện, hy vọng muốn khiến người khác nhận biết mình có pháp thiện, đó gọi là hy vọng xấu ác.

Hỏi: Thế nào là tham?

Đáp: Nếu đối với tài sản, vật dụng, vợ con v.v... của mình, hành tham dục cấu nhiễm, tham vương, đó gọi là tham.

Hỏi: Thế nào là tham xấu ác?

Đáp: Nếu đối với tài sản, vật dụng, vợ con v.v... của người khác, ham muốn khiến ta có, hành tham dục cấu nhiễm, tham vương, đó gọi là tham xấu ác.

Hỏi: Thế nào là dục nhiễm phi pháp?

Đáp: Nếu đối với mẹ, vợ, thầy v.v... tạo hành dục nhiễm, đó gọi là dục nhiễm phi pháp.

Hỏi: Những gì là ba căn bất thiện?

Đáp: Căn bất thiện tham, căn bất thiện giận, căn bất thiện si, đó gọi là ba căn bất thiện.

Hỏi: Những gì là ba thứ khó điều phục?

Đáp: Dục khó điều phục, giận khó điều phục, si khó điều phục, đó gọi là ba thứ khó điều phục.

Hỏi: Những gì là ba thứ tối tăm?

Đáp: Tham tối tăm, giận tối tăm, si tối tăm, đó gọi là ba thứ tối tăm.

Hỏi: Những gì là ba hoang?

Đáp: Dục hoang, giận hoang, si hoang, đó gọi là ba hoang.

Hỏi: Những gì là ba triền?

Đáp: Triền dục, triền giận, triền si, đó gọi là ba triền.

Hỏi: Những gì là ba động?

Đáp: Động dục, động giận, động si, đó gọi là ba động.

Hỏi: Những gì là ba cấu trong?

Đáp: Cấu dục, cấu giận, cấu si, đó gọi là ba cấu trong.

Hỏi: Những gì là ba tranh chấp trong?

Đáp: Tranh chấp dục, tranh chấp giận, tranh chấp si, đó gọi là ba tranh chấp trong.

Hỏi: Những gì là ba oán trong?

Đáp: Oán dục, oán giận, oán si, đó gọi là ba oán trong.

Hỏi: Những gì là ba lưới trong?

Đáp: Lưới dục, lưới giận, lưới si, đó gọi là ba lưới trong.

Hỏi: Những gì là ba hại trong?

Đáp: Hại dục, hại giận, hại si, đó gọi là ba hại trong.

Hỏi: Những gì là ba thứ ghét trong?

Đáp: Ghét dục, ghét giận, ghét si, đó gọi là ba thứ ghét trong.

Hỏi: Những gì là ba độc trong?

Đáp: Độc dục, độc giận, độc si, đó gọi là ba độc trong.

Hỏi: Những gì là ba thứ hơn?

Đáp: Ngã mạn, bất như mạn, tăng thượng mạn, đó gọi là ba thứ hơn.

Hỏi: Những gì là ba tụ tối tăm?

Đáp: Nghi hoặc có ngã quá khứ hay không có ngã quá khứ? Quá khứ họ gì? Quá khứ có nhân gì? Nghi hoặc có ngã vị lai hay

không có ngã vị lai? Vị lai họ gì? Vị lai có nhân gì? Nghi hoặc có ngã hiện tại hay không có ngã hiện tại? Hiện tại có họ gì? Hiện tại có nhân gì? Đó gọi là ba tụ tối tăm.

Hỏi: Những gì là ba đao?

Đáp: Đao dục, đao giận, đao si, đó gọi là ba đao.

Hỏi: Những gì là lại có ba đao?

Đáp: Đao thân, đao miệng, đao ý, đó gọi là lại có ba đao.

Hỏi: Những gì là ba ái?

Đáp: Dục ái, hữu ái, phi hữu ái, đó gọi là ba ái.

Hỏi: Những gì là ba không gồm thân?

Đáp: Thân không gồm thân, miệng không gồm thân, ý không gồm thân, đó gọi là ba không gồm thân.

Hỏi: Những gì là ba hành ác?

Đáp: Hành ác của thân, hành ác của miệng, hành ác của ý, đó gọi là ba hành ác.

Hỏi: Những gì là ba hành ác của thân?

Đáp: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, đó gọi là ba hành ác của thân.

Hỏi: Những gì là ba hành ác của ý?

Đáp: Tham, giận, tà kiến, đó gọi là ba hành ác của ý.

Hỏi: Những gì là ba bất tịnh?

Đáp: Bất tịnh của thân, miệng, ý, đó gọi là ba bất tịnh.

Hỏi: Những gì là ba bất giác?

Đáp: Bất giác của thân, miệng, ý, đó gọi là ba bất giác.

Hỏi: Những gì là ba thứ cong vạy?

Đáp: Thân, miệng, ý không ngay thẳng, đó gọi là ba thứ cong vạy.

Hỏi: Những gì là ba thứ đàm dãi?

Đáp: Đàm dãi dục, đàm dãi giận, đàm dãi si, đó gọi là ba thứ đàm dãi.

Hỏi: Những gì là ba dục?

Đáp: Dục của dục, dục của giận, dục của hại, đó gọi là ba dục.

Hỏi: Những gì là ba tướng?

Đáp: Tướng dục, tướng giận, tướng si, đó gọi là ba tướng.

Hỏi: Những gì là ba giác?

Đáp: Giác dục, giác giận, giác hại, đó gọi là ba giác.

Hỏi: Những gì là ba cầu?

Đáp: Cầu của thân, miệng, ý, đó gọi là ba cầu.

Hỏi: Những gì là ba lửa?

Đáp: Lửa dục, lửa giận, lửa si, đó gọi là ba lửa.

Hỏi: Những gì là ba ám?

Đáp: Ám của dục, ám của giận, ám của si, đó gọi là ba ám.

Hỏi: Những gì là ba noãn (hoi ám)?

Đáp: Hoi ám của dục, hoi ám của giận, hoi ám của si, đó gọi là ba noãn.

Hỏi: Những gì là ba thứ thiêu nướng?

Đáp: Thiêu nướng của dục, thiêu nướng của giận, thiêu nướng của si, đó gọi là ba thứ thiêu nướng.

Hỏi: Những gì là ba nhiệt?

Đáp: Nhiệt của dục, nhiệt của giận, nhiệt của si, đó gọi là ba nhiệt.

Hỏi: Những gì là ba thứ cháy?

Đáp: Cháy của dục, cháy của giận, cháy của si, đó gọi là ba thứ cháy.

Hỏi: Những gì là ba ác?

Đáp: Thân ác, miệng ác, ý ác, đó gọi là ba ác.

Hỏi: Những gì là ba hữu?

Đáp: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, đó gọi là ba hữu.

Hỏi: Những gì là ba lậu?

Đáp: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đó gọi là ba lậu.

Hỏi: Những gì là ba đục?

Đáp: Đục của thân, miệng, ý, đó gọi là ba đục.

Hỏi: Những gì là ba thứ không mềm dịu?

Đáp: Thân không mềm dịu, miệng không mềm dịu, ý không mềm dịu, đó gọi là ba thứ không mềm dịu.

Hỏi: Những gì là ba thứ không trừ?

Đáp: Thân không trừ, miệng không trừ, ý không trừ, đó gọi là ba thứ không trừ (khinh an?).

Hỏi: Những gì là bốn lưu?

Đáp: Dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu, đó gọi là bốn lưu.

Hỏi: Những gì là bốn ách?

Đáp: Ách dục, ách hữu, ách kiến, ách vô minh, đó gọi là bốn ách.

Hỏi: Những gì là bốn thủ?

Đáp: Dục thủ, hữu thủ, giới thủ, ngã thủ, đó gọi là bốn thủ.

Hỏi: Những gì là bốn nhiễm?

Đáp: Dục nhiễm, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, kiến nhiễm, đó gọi là bốn nhiễm.

Hỏi: Những gì là bốn hành ác của miệng?

Đáp: Nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời thô ác, đó gọi là bốn hành ác của miệng.

Hỏi: Những gì là bốn kiết?

Đáp: Kiết thân hy vọng, kiết thân giận dữ, kiết thân giới đạo, kiết thân kiến thật, đó gọi là bốn kiết.

Hỏi: Những gì là bốn mũi tên?

Đáp: Mũi tên dục, mũi tên giận, mũi tên mạn, mũi tên kiến, đó gọi là bốn mũi tên.

Hỏi: Những gì là bốn trụ xứ của thức?

Đáp: Thức của Tỳ-kheo dựa vào sắc, trụ ở sắc làm cảnh giới, ở trong sắc dứt ái nối tiếp, được tăng trưởng rộng lớn. Trụ xứ của thọ, tưởng, hành cũng như thế. Đó gọi là bốn trụ xứ của thức.

Hỏi: Những gì là bốn duyên sinh ái?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo duyên nơi y phục sinh ái, duyên nơi thức ăn sinh ái, duyên nơi giường nằm sinh ái, duyên nơi thuốc men sinh ái, đó gọi là bốn duyên sinh ái.

Hỏi: Những gì là bốn ái cùng duyên?

Đáp: Nếu duyên nơi ái sinh ái, duyên nơi ái sinh ghét, duyên nơi ghét sinh ghét, duyên nơi ghét sinh ái, đó gọi là bốn ái cùng duyên.

Hỏi: Những gì là bốn hành đường ác?

Đáp: Hành nơi đường ác của dục, hành nơi đường ác của giận, hành nơi đường ác của sợ hãi, hành nơi đường ác của si, đó gọi là bốn hành đường ác.

Hỏi: Những gì là bốn nghiệp phiền não?

Đáp: Nghiệp phiền não của sát sinh, nghiệp phiền não của trộm cắp, nghiệp phiền não của tà dâm, nghiệp phiền não của nói dối, đó gọi là bốn nghiệp phiền não.

Hỏi: Những gì là bốn điên đảo?

Đáp: Vô thường nói là thường, là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Khổ cho là vui, là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Vô ngã nói là ngã, là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Bất tịnh cho là tịnh, là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Đó gọi là bốn điên đảo.

Hỏi: Những gì là bốn sợ hãi?

Đáp: Sợ pháp vua, sợ trộm cắp, sợ lửa, sợ nước, đó gọi là bốn sợ hãi.

Hỏi: Những gì là lại có bốn sợ hãi?

Đáp: Sợ già, sợ bệnh, sợ chết, sợ cõi ác, đó gọi là lại có bốn sợ hãi.

Hỏi: Những gì là lại có bốn sợ hãi?

Đáp: Sợ sóng, sợ sóng lớn vọt lên, sợ nước tuôn chảy ngược lại, sợ Ma la thất thu, đó gọi là lại có bốn sợ hãi.

Hỏi: Những gì là lại có bốn sợ hãi?

Đáp: Sợ tự suy thoái, sợ bị chê bai, sợ để lại cô độc, sợ không có con, đó gọi là lại có bốn sợ hãi.

Hỏi: Những gì là bốn pháp thoái chuyển?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói bốn pháp thoái chuyển. Những gì là bốn? Đó là: (1) Tôn trọng sự giận dữ, không tôn trọng chánh pháp. (2) Tôn trọng sự oán ghét, ganh tỵ, không tôn trọng chánh pháp. (3) Tôn trọng lợi dưỡng, không tôn trọng chánh pháp. (4) Tôn trọng sự cung kính, không tôn trọng chánh pháp.

*Giận dữ, ganh ghét
 Lợi dưỡng, cung kính
 Tôn trọng như thế
 Tỳ-kheo mất đạo
 Ruộng tốt, giống mục
 Pháp thiện không sinh*

Đó gọi là bốn pháp thoái chuyển.

Hỏi: Những gì là năm dục?

Đáp: Nhãn nhận biết sắc, yêu mừng vừa ý, yêu sắc theo dục nhiệm nói tiếp. Nhĩ, ty, thiệt, thân nhận biết, tiếp xúc cũng nói như thế. Đó gọi là năm dục.

Hỏi: Những gì là năm cái?

Đáp: Cái dục nhiệm, cái giận dữ, cái ngủ nghỉ, cái trạo cử - hồi, cái nghi, đó gọi là năm cái.

Hỏi: Những gì là năm phiền não phần dưới?

Đáp: Thân kiến, nghi, giới đạo, dục nhiệm, giận dữ, đó gọi là năm phiền não phần dưới.

Hỏi: Những gì là năm phiền não phần trên?

Đáp: Sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử, đó gọi là năm phiền não phần trên.

Hỏi: Những gì là năm đường?

Đáp: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời, đó gọi là năm đường.

Hỏi: Những gì là năm tâm hoang?

Đáp: Như Tỳ-kheo nghi hoặc đối với Đức Thế Tôn, không tin, không xét, không giải: Tâm Tỳ-kheo nghi hoặc về Đức Thế Tôn, tâm không tin, không xét, không giải xong, tâm Tỳ-kheo không hướng về

Đức Thế Tôn, không tin, không thân cận, không mở bày. Đó gọi là tâm hoang thứ nhất.

Đối với Pháp, Tăng cũng như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo giới có hành thiếu sót, hành dở dang, hành cầu ướ. Tỳ-kheo giới có hành thiếu sót, hành dở dang, hành cầu ướ xong, tâm Tỳ-kheo không hướng về giới, không tin, không thân cận, không giải. Tâm Tỳ-kheo không hướng về giới, không tin, không thân cận, không giải như thế, đó gọi là tâm hoang thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo nã hại các vị phạm tịnh hạnh, tâm hoang mang, không tin, dùng lời nói xấu ác chê mắng, khinh thị các vị phạm tịnh hạnh. Tỳ-kheo nã hại các vị phạm tịnh hạnh, tâm hoang mang, không tin, dùng lời lẽ xấu ác để mắng nhiếc, chê bai các vị phạm tịnh hạnh xong, tâm Tỳ-kheo không hướng về các vị phạm tịnh hạnh, không tin, không thân cận, không giải. Tâm Tỳ-kheo không hướng về các vị phạm tịnh hạnh, không tin, không thân cận, không giải như thế, đó gọi là tâm hoang thứ năm.

Hỏi: Những gì là năm tâm triền?

Đáp: Như thân Tỳ-kheo không lìa nhiễm, không lìa dục, không lìa ái, không lìa khát, không lìa sự nóng bức. Tỳ-kheo không lìa nhiễm, dục, ái, khát, nóng bức xong, tâm Tỳ-kheo không hướng đến hành siêng năng, tinh tấn, chánh tín, tĩnh lặng, đoạn trừ kiết. Tâm Tỳ-kheo không hướng đến hành siêng năng, tinh tấn, tín, tĩnh lặng, đoạn trừ kiết như thế, đó gọi là tâm triền thứ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo siêng hành các lạc như sắc dục v.v..., siêng hành nơi các thứ ngoại cụ, ngủ nghỉ. Tỳ-kheo siêng hành các thứ lạc như sắc dục v.v..., siêng hành nơi ngoại cụ, ngủ nghỉ xong, tâm Tỳ-kheo không hướng đến hành siêng năng, tinh tấn, chánh tín, tĩnh lặng, đoạn trừ kiết. Tâm Tỳ-kheo không hướng đến hành siêng năng,

ting tấn, chánh tín, tĩnh lặng, đoạn trừ kiết như thế, đó gọi là tâm triền thứ hai, thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo mới được một ít thắng tấn bèn dừng lại, không mong cầu tiến lên, chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng. Tỳ-kheo được một ít thắng tấn bèn dừng lại, không mong cầu tiến lên, chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng xong, tâm Tỳ-kheo không hướng đến hành siêng năng, ting tấn, chánh tín, tĩnh lặng, đoạn trừ kiết. Tâm Tỳ-kheo không hướng đến hành siêng năng, ting tấn, chánh tín, tĩnh lặng, đoạn trừ kiết như thế, đó gọi là tâm triền thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo vì hy vọng sinh lên trên các trời nên hành phạm tịnh hạnh: Ta do phạm tịnh hạnh, khổ hạnh của đạo giới này, nên khiến sẽ được làm thiên vương, hoặc làm phụ thần. Tỳ-kheo vì hy vọng được sinh lên các cõi trời, nên hành phạm tịnh hạnh: Ta do phạm tịnh hạnh, khổ hạnh của đạo giới này, nên khiến sẽ được làm thiên vương, hoặc làm phụ thần xong, tâm Tỳ-kheo không hướng đến hành siêng năng, ting tấn, chánh tín, tĩnh lặng, đoạn trừ kiết. Tâm Tỳ-kheo không hướng đến hành siêng năng, ting tấn, chánh tín, tĩnh lặng, đoạn trừ kiết như thế, đó gọi là tâm triền thứ năm.

Hỏi: Những gì là năm sợ hãi?

Đáp: Nếu sát sinh, vì duyên nơi sát sinh, nên sợ hãi ở hiện đời, sợ hãi đời vị lai. Đối với trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu là xú phóng dật, sự sợ hãi cũng như thế. Đó gọi là năm sợ hãi.

Như năm sợ hãi thì năm oán cũng như vậy.

Hỏi: Những gì là năm vô gián?

Đáp: Vô gián giết cha, vô gián giết mẹ, vô gián giết A-la-hán, vô gián phá hoại chúng Tăng, vô gián với tâm ác làm thân Phật chảy máu, đó gọi là năm vô gián.

Hỏi: Những gì là năm phạm giới?

Đáp: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu là xứ phóng dật, đó gọi là năm phạm giới.

Hỏi: Những gì là năm ngữ phi pháp?

Đáp: Ngữ phi thời, ngữ không thật, ngữ vô nghĩa, ngữ phi pháp, ngữ không thuận hợp, đó gọi là năm ngữ phi pháp.

Hỏi: Những gì là năm điều không ưa thích?

Đáp: Không ưa thích ở chỗ riêng lẻ, không ưa thích xuất thế, không ưa thích tĩnh lặng, không ưa thích phạm hạnh, không ưa thích các pháp thiện, đó gọi là năm điều không ưa thích.

Hỏi: Những gì là năm thứ đáng ghét?

Đáp: Không gần tự gần, không nên quở trách lại cố quở trách, thường đến nhà bạch y, thường ưa nói nhiều và ưa đi cầu xin, đó gọi là năm thứ đáng ghét

Hỏi: Những gì là năm pháp gốc của giận dữ?

Đáp: Tạo trở ngại, xúc não, giận dữ, tranh tụng, chuyên chấp, đó gọi là năm pháp gốc của giận dữ.

Hỏi: Những gì là năm pháp gốc của lo?

Đáp: Ưu, bi, khổ, não và các khổ, đó gọi là năm pháp gốc của lo.

Hỏi: Những gì là năm thứ ganh ghét?

Đáp: Ganh ghét về nhà cửa, ganh ghét về dòng họ hào quý, ganh ghét về lợi dưỡng, ganh ghét về tiếng tăm, ganh ghét về sự cung kính, đó gọi là năm thứ ganh ghét.

Hỏi: Những gì là năm duyên sinh ra ngủ nghỉ?

Đáp: Chậm chạp, mù mẫn, không vui, thân nặng, tâm chìm mất, đó gọi là năm duyên sinh ra ngủ nghỉ.

Hỏi: Những gì là năm lỗi lầm tai hại của sự phạm giới?

Đáp: Tự gây nên sự suy tôn, bị người khác quở trách, tiếng xấu ác truyền khắp, khi chết có sự ăn năn, về sau bị đọa nơi cõi ác, đó gọi là năm lỗi lầm tai hại của sự phạm giới.

Hỏi: Những gì là lại có năm lỗi lầm tai hại của kẻ phạm giới?

Đáp: Vì duyên nơi phạm giới, nên chưa được của cải vật dụng thì không được. Đã được của cải vật dụng thì bị lừa dối, cướp đoạt. Nếu đến trong các chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn, thì tâm luôn lo sợ, bị Sa-môn, Bà-la-môn nêu khắp lỗi xấu ác. Khi thân hoại, mạng chung, bị đọa vào cõi ác. Đó gọi là năm lỗi lầm tai hại của kẻ phạm giới.

Hỏi: Những gì là năm điều không kính thuận?

Đáp: Không kính thuận cha, mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc tôn trưởng, đó gọi là năm điều không kính thuận.

Hỏi: Những gì là sáu thứ dựa vào tham hỷ?

Đáp: Nhãn nhận biết sắc, ái hỷ, vừa ý, ái sắc dục nhiễm nối tiếp, hiện được hy vọng, sẽ được, từng được, nhớ nghĩ lại quá khứ đã biến diệt sinh hỷ, đây gọi là dựa vào tham hỷ thứ nhất. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế. Đó gọi là sáu thứ dựa vào tham hỷ.

Hỏi: Những gì là sáu thứ dựa vào tham ưu?

Đáp: Nhãn nhận biết sắc, yêu mừng, vừa ý, yêu sắc dục nhiễm nối tiếp, hiện tại không được, sợ vị lai sẽ không được, từng được, nhớ nghĩ lại quá khứ đã biến diệt sinh ưu, đây gọi là dựa vào tham ưu thứ nhất. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế. Đó gọi là sáu thứ dựa vào tham ưu.

Hỏi: Những gì là sáu thứ dựa vào tham xả?

Đáp: Mắt của người phạm phu thấy sắc, sinh xả ngu tối như trẻ con, không quán sát lỗi lầm tai hại, không nhận biết quả báo. Như

thể không nhận biết, không phân biệt sắc nên xả, đây gọi là dựa vào tham xả thứ nhất. Nhĩ, tử, thiệt, thân, ý cũng như thế. Đó gọi là sáu thứ dựa vào tham xả.

Hỏi: Những gì là sáu nhiễm?

Đáp: Nhiễm ở trong sắc, nhiễm ở trong thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là sáu nhiễm.

Hỏi: Những gì là sáu vui?

Đáp: Vui ở trong sắc, vui ở trong thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là sáu vui.

Hỏi: Những gì là lại có sáu vui?

Đáp: Các nghiệp vui, nói năng vui, ngủ nghỉ vui, tụ tập vui, ở nhà vui, đùa cợt vui, đó gọi là lại có sáu vui.

Hỏi: Những gì là sáu ái?

Đáp: Ái trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là sáu ái.

Hỏi: Những gì là sáu giận dữ?

Đáp: Giận dữ trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là sáu giận dữ.

Hỏi: Những gì là sáu móc sắt?

Đáp: Móc sắt trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là sáu móc sắt.

Hỏi: Những gì là sáu không giữ gìn?

Đáp: Không gìn giữ ở trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là sáu không giữ gìn.

Hỏi: Những gì là sáu gốc của tranh cãi?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Các Tỷ-kheo có sáu gốc tranh cãi, cần phải hiểu, hiểu rồi nên siêng năng tu khiến đoạn trừ. Những gì là

sáu? Tỳ-kheo giận dữ thường nghĩ đến oán thù, ngờ vực, đối với Đức Thế Tôn không cung kính, tôn trọng, ca ngợi, không dùng hương hoa cúng dường. Pháp, Tăng cũng như thế.

Đối với giới thì hành thiếu sót, hành dở dang, hành cấu uế. Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo giận dữ, thường nghĩ đến sự oán thù, ngờ vực, ở trong chúng Tăng khởi giận dữ, chung với tranh cãi, duyên nơi tranh cãi, khiến nhiều chúng sinh bị tổn giảm, khiến nhiều chúng sinh chịu khổ, trời người suy hao. Phật bảo các Tỳ-kheo: Như thế, gốc tranh cãi bất thiện, quán sát mình, người khác chưa đoạn, nên cùng hòa hợp, siêng năng, tinh tấn, dùng mãnh để đoạn trừ gốc tranh cãi bất thiện. Phật bảo các Tỳ-kheo: Gốc tranh cãi bất thiện như thế, Tỳ-kheo quán mình, người khác, đoạn trừ xong, tự tâm chuyên niệm, khiến chúng không còn sinh nữa. Như thế, tức biết được đoạn gốc tranh cãi bất thiện.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu mang oán hận, nung nấu, nếu ganh ghét, keo kiệt, tiếc lẫn, nếu lừa dối gian trá, nếu mưu cầu các kiến, chê bai người khác, thường nhớ nghĩ không bỏ. Hoặc tà kiến, biên kiến cũng như thế. Đó gọi là sáu gốc của tranh cãi.

Hỏi: Những gì là bảy thứ cùng nhiễm?

Đáp: Như người nữ tự tư duy: Thân nữ, hình nữ, căn nữ, phục sức nữ, dục nữ, âm thanh nữ, chuỗi anh lạc nữ, người nữ ưa nhiễm vật này, ưa nhiễm những vật này xong, tư duy thân nam bên ngoài: Hình nam, tướng nam, phục sức nam, dục nam, âm thanh nam, chuỗi anh lạc nam. Người nữ ưa nhiễm vật này, ưa nhiễm những vật này xong, tư duy về hòa hợp, vì duyên nơi hòa hợp nên sinh vui mừng, tham đắm, yêu mến, ưa thích thân nữ, ưa hòa hợp xong, do như thế nên thường không muốn chuyển thân nữ. Người nam tự tư duy: Nếu thân nam... cho đến thường không muốn chuyển đổi thân nam cũng như thế. Đó gọi là bảy thứ cùng nhiễm.

Hỏi: Những gì là bảy thứ cùng với dục nhiễm?

Đáp: Có một Bà-la-môn thuộc chủng tánh tốt đẹp, đi đến chỗ Đức Như Lai. Đến xong, vấn an rồi ngồi qua một phía, hỏi Đức Thế Tôn: Sa-môn Cù-đàm! Tự mình là phạm tịnh hạnh chăng?

Đức Thế Tôn đáp: Bà-la-môn! Nếu nói người phạm tịnh hạnh chân chánh thì chính là Ta. Do duyên gì? Này Bà-la-môn! Vì phạm tịnh hạnh của Ta không bỏ dỡ, không thiếu sót, không cấu uế.

Bà-la-môn lại hỏi: Sa-môn Cù Đam! Phạm tịnh hạnh có bỏ dỡ, thiếu sót, cấu uế không?

Đức Thế Tôn đáp: Phạm tịnh hạnh có bỏ dỡ, thiếu sót, cấu uế.

Bà-la-môn lại hỏi: Thế nào là phạm tịnh hạnh có bỏ dỡ, thiếu sót, cấu uế?

Đức Thế Tôn đáp: Hoặc có người nói: Ta là người phạm tịnh hạnh, tuy không cùng với người nữ thông hợp, nhưng vẫn thọ nhận người nữ tắm gội, mặc y phục, xoa bóp, điều hòa khắp thân, lấy làm vui mừng, lấy làm khí vị. Phật bảo Bà-la-môn: Đây gọi là cùng với dục nhiễm, không phải là phạm hạnh thanh tịnh, vì có hạnh bỏ dỡ, thiếu sót, cấu uế, nên chưa thoát khỏi nơi sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não là các khổ tụ tập. Ta nói là người này chưa thoát khỏi khổ.

Lại nữa, Bà-la-môn! Hoặc có người nói: Ta là người phạm tịnh hạnh, tuy không cùng với người nữ thông hợp, không thọ nhận người nữ tắm gội, mặc y phục, xoa bóp, điều hòa khắp thân, nhưng vẫn gần gũi, nói năng, cười đùa, bõn cợt với người nữ, lấy làm vui mừng, lấy làm khí vị. Phật bảo Bà-la-môn: Đây gọi là cùng với dục nhiễm, không phải là phạm hạnh thanh tịnh, vì có hạnh bỏ dỡ, thiếu sót, cấu uế, nên chưa thoát khỏi nơi sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não là các khổ tụ tập. Ta nói là người này chưa thoát khỏi khổ.

Lại nữa, Bà-la-môn! Hoặc có người nói: Ta là người phạm tịnh hạnh, tuy không cùng với người nữ thông hợp, không thọ nhận người nữ tắm gội, mặc y phục, xoa bóp, điều hòa khắp thân, không gần gũi, nói năng, cười đùa, bỡn cợt với người nữ, nhưng mắt đối mắt ngắm nhìn người nữ, lấy làm mừng vui, lấy làm khí vị. Phật bảo Bà-la-môn: Đây gọi là cùng với dục nhiễm, không phải là phạm hạnh thanh tịnh, vì có hạnh bỏ dờ, thiếu sót, cấu uế, nên chưa thoát khỏi nơi sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não là các khổ tụ tập. Ta nói là người này chưa thoát khỏi khổ.

Lại nữa, Bà-la-môn! Hoặc có người nói: Ta là người phạm tịnh hạnh, vì không cùng với người nữ thông hợp, không thọ nhận người nữ tắm gội, mặc y phục, xoa bóp, điều hòa khắp thân, không gần gũi, nói năng, cười đùa, bỡn cợt với người nữ, không mắt đối mắt ngắm nhìn người nữ, tuy nhiên vẫn có chướng ngại bên ngoài, còn nghe âm thanh, ca múa, cười nói, tiếng khóc của người nữ, lấy làm mừng vui, lấy làm khí vị. Phật bảo Bà-la-môn: Đây gọi là cùng với dục nhiễm, không phải là phạm hạnh thanh tịnh, vì có hạnh bỏ dờ, thiếu sót, cấu uế, nên chưa thoát khỏi nơi sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não là các khổ tụ tập. Ta nói là người này chưa thoát khỏi khổ.

Lại nữa, Bà-la-môn! Hoặc có người nói: Ta là người phạm tịnh hạnh, vì không cùng với người nữ thông hợp, không thọ nhận người nữ tắm gội, mặc y phục, xoa bóp, điều hòa khắp thân, không gần gũi, nói năng, cười đùa, bỡn cợt với người nữ, không mắt đối mắt ngắm nhìn người nữ, không có chướng ngại bên ngoài, không nghe âm thanh, ca múa, cười nói, tiếng khóc của người nữ, tuy nhiên vẫn nhớ nghĩ đến người nữ có lúc đã từng cùng từng sự, cười đùa, nói năng vui vẻ với nhau, lấy làm mừng vui, lấy làm khí vị. Phật bảo Bà-la-môn: Đây gọi là cùng với dục nhiễm, không phải là phạm hạnh thanh tịnh, vì có hạnh bỏ dờ, thiếu sót, cấu uế, nên chưa thoát khỏi nơi sinh,

lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não là các khổ tụ tập. Ta nói là người này chưa thoát khỏi khổ.

Lại nữa, Bà-la-môn! Hoặc có người nói: Ta là người phạm tịnh hạnh, vì không cùng với người nữ thông hợp, không thọ nhận người nữ tắm gội, mặc y phục, xoa bóp, điều hòa khắp thân, cũng không gần gũi, nói năng, cười đùa, bõn cợt với người nữ, không mắt đối mắt ngắm nhìn người nữ, không có chướng ngại bên ngoài, không nghe âm thanh, ca múa, cười nói, tiếng khóc của người nữ, không nhớ nghĩ về người nữ có lúc đã từng cùng từng sự, cười đùa, nói năng vui vẻ với nhau, tuy nhiên lúc thấy trưởng giả, hoặc con của trưởng giả dùng năm dục đầy đủ để vui chơi với nhau thì lấy làm mừng vui, lấy làm khí vị. Phật bảo Bà-la-môn: Đây gọi là cùng với dục nhiễm, không phải là phạm hạnh thanh tịnh, vì có hạnh bỏ dờ, thiếu sót, cấu uế, nên chưa thoát khỏi nơi sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não, là các khổ tụ tập. Ta nói là người này chưa thoát khỏi khổ.

Lại nữa, Bà-la-môn! Hoặc có người nói: Ta là người phạm tịnh hạnh, vì không cùng với người nữ thông hợp, không thọ nhận người nữ tắm gội, mặc y phục, xoa bóp, điều hòa khắp thân, cũng không gần gũi, nói năng, cười đùa, bõn cợt với người nữ, không mắt đối mắt ngắm nhìn người nữ, không có chướng ngại bên ngoài, không nghe âm thanh, ca múa, cười nói, tiếng khóc của người nữ, không nhớ nghĩ về người nữ có lúc đã từng cùng từng sự, cười đùa, nói năng vui vẻ với nhau, không thấy lúc trưởng giả, hoặc con của trưởng giả dùng năm dục đầy đủ để vui chơi với nhau, tuy nhiên vì nguyện sinh lên cõi trời, nên hành phạm tịnh hạnh: Ta dùng giới này, dùng đạo này, dùng khổ hạnh, phạm hạnh thanh tịnh này, khiến ta được làm thiên vương, hoặc làm phụ thần, và lấy làm mừng vui, lấy làm khí vị. Phật bảo Bà-la-môn: Đây gọi là cùng với dục nhiễm, không phải là người phạm hạnh thanh tịnh, do có hạnh bỏ dờ, thiếu sót, cấu uế, nên chưa thoát khỏi nơi sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não là các khổ tụ tập. Ta nói người này chưa thoát khỏi khổ.

Lại nữa, Bà-la-môn! Bảy thứ cùng với dục nhiễm này, Ta quán nơi nội tâm, nếu như đúng là bảy thứ cùng với dục nhiễm chưa đoạn, Ta cũng không tự nói là mình đã có phạm tịnh hạnh chân chánh. Nay Bà-la-môn! Vì Ta đã đoạn bảy thứ cùng với dục nhiễm, nên nói là có phạm hạnh thanh tịnh chân chánh, được vô sở úy. Như thế gọi là bảy thứ cùng với dục nhiễm.

Hỏi: Những gì là bảy thức trụ xứ?

Đáp: Hoặc có chúng sinh là người hoặc trời thuộc cõi dục với từng ấy thân, từng ấy tướng, đây gọi là thức trụ xứ thứ nhất.

Hoặc có chúng sinh với từng ấy thân, có một tướng, nếu lần đầu sinh nơi cõi Phạm thiên, đó gọi là thức trụ xứ thứ hai.

Hoặc có chúng sinh với một thân có từng ấy tướng nơi trời Quang Âm, đó gọi là thức trụ xứ thứ ba.

Hoặc có chúng sinh với một thân một tướng nơi trời Biến tịnh, đó gọi là thức trụ xứ thứ tư.

Hoặc có chúng sinh ở xứ Vô biên không, đó gọi là thức trụ xứ thứ năm.

Hoặc có chúng sinh ở xứ Vô biên thức, đó gọi là thức trụ xứ thứ sáu.

Hoặc có chúng sinh ở xứ Vô sở hữu, đó gọi là thức trụ xứ thứ bảy. Như thế gọi là bảy thức trụ xứ.

Hỏi: Những gì là bảy mạn?

Đáp: Là mạn, bất như mạn, thắng mạn, tăng thượng mạn, ngã mạn, tà mạn, mạn trong mạn.

Thế nào là mạn? Nếu cho là ta hơn, tâm kiêu ngạo đối với người kia, đó gọi là mạn.

Thế nào là bất như mạn? Cho người kia không bằng ta, tâm kiêu ngạo đối với họ, đó gọi là bất như mạn.

Thế nào là thắng mạn? Cho ta là bằng với người hơn, tâm kiêu ngạo đối với họ, đó gọi là thắng mạn.

Thế nào là tăng thượng mạn? Chưa được khởi tướng được, tâm kiêu ngạo đối với người kia, đó gọi là tăng thượng mạn.

Thế nào là ngã mạn? Ta có pháp thiện, tâm kiêu ngạo đối với người kia, đó gọi là ngã mạn.

Thế nào là tà mạn? Nếu không có pháp thiện, tâm kiêu ngạo đối với người kia, đó gọi là tà mạn.

Thế nào là mạn trong mạn? Nếu nhận thấy người khác kiêu mạn, sinh khởi tâm mạn, kiêu ngạo đối với người ấy, đó gọi là mạn trong mạn.

Lại nữa, ngã mạn, nếu người có thân kiến, tâm sinh kiêu ngạo đối với người kia, đó gọi là ngã mạn.

Lại nữa, tà mạn, nếu người có tà kiến, tâm sinh kiêu ngạo đối với người kia, đó gọi là tà mạn.

Lại nữa, mạn trong mạn, ta là hơn trong hơn, tôn quý trong tôn quý, tâm kiêu ngạo đối với người kia, đó gọi là mạn trong mạn.

Như thế gọi là bảy mạn.

Hỏi: Những gì là bảy không kính?

Đáp: Nếu không cung kính Phật, không cung kính Pháp, không cung kính Tăng, không cung kính giới, không cung kính định, không cung kính tuệ, không cung kính pháp thiện, đó gọi là bảy không kính.

Hỏi: Những gì là bảy lậu?

Đáp: Lậu do kiến đoạn, lậu do nhãn nhục đoạn, lậu do thân tâm đoạn, lậu do lìa bỏ đoạn, lậu do điều phục đoạn, lậu do giới đoạn, lậu do tư duy đoạn, đó gọi là bảy lậu.

Hỏi: Những gì là bảy pháp khiếp nhược?

Đáp: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói lời thô ác, nói thêu dệt, đó gọi là bảy pháp khiếp nhược.

Hỏi: Những gì là bảy động?

Đáp: Ta sẽ có. Ta sẽ không có. Sắc của ta sẽ có. Sắc của ta sẽ không có. Tướng của ta sẽ có. Tướng của ta sẽ không có. Phi hữu tướng phi vô tướng của ta sẽ có. Đó gọi là bảy động.

Bảy tự dựa cậy, bảy cầu, bảy sự dò tìm. bảy tạo tác, bảy sinh cũng như thế.

Hỏi: Những gì là tám pháp thế gian?

Đáp: Lợi, suy, chê, khen, tôn xưng, quở trách, khổ, vui, đó gọi là tám pháp thế gian.

Hỏi: Những gì là tám phi Thánh ngữ?

Đáp: Nếu không thấy nói thấy. Thấy nói không thấy. Không nghe nói nghe. Nghe nói không nghe. Không hiểu nói hiểu. Hiểu nói không hiểu. Không biết nói biết. Biết nói không biết. Đó gọi là tám phi Thánh ngữ.

Hỏi: Những gì là tám việc lười biếng?

Đáp: Nếu có Tỳ-kheo lười biếng tư duy như thế này: “Hôm nay ta vào thôn xóm khát thực xong, ta được thức ăn thô tế không đầy đủ, do không đủ nên khiến ta ốm yếu, nên không ưa kinh hành, ngồi thiền, ta muốn nằm ngủ”. Tỳ-kheo lười biếng lập tức nằm ngủ, không thể siêng năng, tinh tấn, là chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng. Đó gọi là việc lười biếng thứ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo lười biếng tư duy như thế này: “Ngày nay ta vào trong thôn xóm khát thực, được thức ăn thô tế sung túc, thế là thân thể nặng nề, gây trở ngại, như đầy thịt, đầy tiền, nên không ưa

kinh thành, ngồi thiền, ta muốn nằm ngủ”. Tỳ-kheo lười biếng bèn nằm ngủ, không thể siêng năng, tinh tấn, tức chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng. Đó gọi là việc lười biếng thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo lười biếng tư duy như thế này: “Hôm nay ta có làm việc mỗi một, sinh lười biếng, nên không ưa kinh thành, ngồi thiền, ta muốn nằm ngủ”. Tỳ-kheo lười biếng liền nằm ngủ, không thể siêng năng, tinh tấn, tức chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng. Đó gọi là việc lười biếng thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo lười biếng tư duy như thế này: “Ngày mai ta sẽ làm việc, thân sẽ mỗi một, lười biếng, nên không ưa kinh thành, ngồi thiền, ta muốn nằm ngủ”. Tỳ-kheo lười biếng tức thì nằm ngủ, không thể siêng năng, tinh tấn, là chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng. Đó gọi là việc lười biếng thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo lười biếng tư duy như thế này: “Ngày nay ta đi lại, thân thể quá mỗi một, nên không ưa kinh thành, ngồi thiền, ta muốn nằm ngủ”. Tỳ-kheo lười biếng bèn nằm ngủ, không thể siêng năng, tinh tấn, là chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng. Đó gọi là việc lười biếng thứ năm.

Lại nữa, Tỳ-kheo lười biếng tư duy như thế này: “Ta sẽ đi vào ngày mai, thân thể tất rất mỗi một, nên không ưa kinh thành, ngồi thiền, ta muốn nằm ngủ”. Tỳ-kheo lười biếng tức thì nằm ngủ, không thể siêng năng, tinh tấn, là chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng. Đó gọi là việc lười biếng thứ sáu.

Lại nữa, Tỳ-kheo lười biếng tư duy như thế này: “Hôm nay ta bệnh khổ, nên không ưa kinh thành, ngồi thiền, ta muốn nằm ngủ”. Tỳ-kheo lười biếng bèn nằm ngủ, không thể siêng năng, tinh tấn, tức chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng. Đó gọi là việc lười biếng thứ bảy.

Lại nữa, Tỳ-kheo lười biếng tư duy như thế này: “Bệnh ta lành chưa lâu, thân ta còn ốm yếu, nên không ưa kinh thành, ngôi thiền, ta muốn nằm ngủ”. Tỳ-kheo lười biếng bèn nằm ngủ, không thể siêng năng, tinh tấn, là chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng. Đó gọi là việc lười biếng thứ tám.

Hỏi: Những gì là tám xứ nạn trở ngại việc tu phạm hạnh?

Đáp: Có Phật xuất thế: Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, nói pháp tinh lặng, diệt tận, lia dục, chánh thật hướng đến đạo Niết-bàn. Hoặc có chúng sinh ở xứ địa ngục, đó gọi là xứ nạn thứ nhất trở ngại việc tu phạm hạnh.

Lại nữa, Phật xuất thế: Như Lai, Vô Sở Trước v.v... cho đến Phật Thế Tôn, nói pháp tinh lặng, diệt tận, lia dục, chánh thật hướng đến đạo Niết-bàn. Hoặc có chúng sinh ở xứ súc sinh, xứ ngựa quý, xứ trời Trường thọ, hoặc người ngu si của biên địa, hoặc là xứ bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di không đến, đó gọi là: Cho đến xứ nạn thứ năm trở ngại việc tu phạm hạnh.

Lại nữa, Phật xuất thế: Như Lai, Vô Sở Trước v.v... cho đến Phật Thế Tôn, nói pháp tinh lặng, lia dục, chánh thật hướng đến đạo Niết-bàn. Hoặc có chúng sinh cùng sinh ở vùng giữa nước, nhưng là tà kiến, đảo kiến, là quả báo của tà kiến, đảo kiến đã thuần thực, tất phải sinh nơi địa ngục, đó gọi là xứ nạn thứ sáu trở ngại việc tu phạm hạnh.

Lại nữa, Phật xuất thế: Như Lai, Vô Sở Trước v.v... cho đến Phật Thế Tôn, nói pháp tinh lặng, diệt tận, lia dục, chánh thật hướng đến đạo Niết-bàn. Hoặc có chúng sinh cùng sinh ở vùng giữa nước nhưng điếc, mù, câm, ngọng, như tay dê hiện tượng nói, không biết nói về nghiệp báo thiện ác, đó gọi là xứ nạn thứ bảy trở ngại việc tu phạm hạnh.

Lại nữa, Phật không xuất thế, không gọi Như Lai v.v... cho đến Phật Thế Tôn, nói pháp tĩnh lặng, diệt tận, lia dục, chánh thật hướng đến đạo Niết-bàn. Hoặc có chúng sinh ở vùng giữa nước, không điếc, đui, câm, ngọng, cũng có thể phân biệt nghiệp báo thiện ác, nhưng không gặp Phật ra đời, đó gọi là xứ nạn thứ tám trở ngại việc tu phạm hạnh.

Hỏi: Những gì là chín từng ấy pháp?

Đáp: Vì duyên từng ấy giới nên sinh từng ấy xúc. Vì duyên từng ấy xúc nên sinh từng ấy thọ. Vì duyên từng ấy thọ nên sinh từng ấy tưởng. Vì duyên từng ấy tưởng nên sinh từng ấy giác. Vì duyên từng ấy giác nên sinh từng ấy dục. Vì duyên từng ấy dục nên sinh từng ấy lợi dưỡng. Vì duyên từng ấy lợi dưỡng nên sinh từng ấy mong cầu. Vì duyên từng ấy mong cầu nên sinh từng ấy nóng bức. Đó gọi là chín từng ấy pháp.

Hỏi: Những gì là chín pháp gốc của ái?

Đáp: Vì duyên nơi ái nên sinh mong cầu. Vì duyên nơi mong cầu nên sinh lợi dưỡng. Vì duyên nơi lợi dưỡng nên sinh tạo tác. Vì duyên nơi tạo tác nên sinh dục nhiễm. Vì duyên nơi dục nhiễm nên sinh gắng nhẫn. Vì duyên nơi gắng nhẫn nên sinh keo kiệt, tiếc lẫn. Vì duyên nơi keo kiệt, tiếc lẫn, nên sinh chứa nhóm. Vì duyên nơi chứa nhóm nên sinh ái, gìn giữ, tổn hại, đánh đập, cùng trời buộc, giam cầm và tranh chấp. Đó gọi là chín pháp gốc của ái.

Hỏi: Những gì là chín nơi cư trú của chúng sinh?

Đáp: Hoặc có chúng sinh là trời, người thuộc cõi dục có từng ấy tưởng, từng ấy thân, đó gọi là nơi cư trú thứ nhất của chúng sinh.

Hoặc có chúng sinh với từng ấy thân, chỉ một tưởng, nghĩa là đầu tiên sinh nơi Phạm thiên, đó gọi là nơi cư trú thứ hai của chúng sinh.

Hoặc có chúng sinh có một thân với từng ấy tướng, nghĩa là trời Quang âm, đó gọi là nơi cư trú thứ ba của chúng sinh.

Hoặc có chúng sinh có một thân, một tướng, nghĩa là trời Biến tịnh, đó gọi là nơi cư trú thứ tư của chúng sinh.

Hoặc có chúng sinh không có thọ, không có tướng, nghĩa là cõi trời Vô tướng, đó gọi là nơi cư trú thứ năm của chúng sinh.

Hoặc có chúng sinh ở xứ vô biên không, đó gọi là nơi cư trú thứ sáu của chúng sinh.

Hoặc có chúng sinh ở xứ vô biên thức, đó gọi là nơi cư trú thứ bảy của chúng sinh.

Hoặc có chúng sinh ở xứ vô sở hữu, đó gọi là nơi cư trú thứ tám của chúng sinh.

Hoặc có chúng sinh ở xứ phi tướng phi phi tướng, đó gọi là nơi cư trú thứ chín của chúng sinh.

Hỏi: Những gì là chín lỗi làm tai hại của phạm giới?

Đáp: Là hối, không vui, không mừng, không trừ (khinh an), tâm khổ, tán loạn, không thấy biết như thật, không giải xét, không phương tiện, đó gọi là chín lỗi làm tai hại của phạm giới.

HẾT – QUYỂN 19

LUẬN XÁ LỢI PHÁT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 20

Phẩm thứ 11: PHÀN KHÔNG PHẢI HỎI VỀ PHIỀN NÃO, phần 3

Hỏi: Những gì là mười phiền não sử?

Đáp: Phiền não sử kiến. Phiền não sử nghi. Phiền não sử giới đạo. Phiền não sử ái. Phiền não sử giận dữ. Phiền não sử ganh ghét. Phiền não sử keo kiệt. Phiền não sử vô minh. Phiền não sử kiêu mạn. Phiền não sử trạo cử. Đó gọi là mười phiền não sử.

Hỏi: Những gì là mười phiền não kiết?

Đáp: Phiền não kiết kiến. Phiền não kiết nghi. Phiền não kiết giới đạo. Phiền não kiết dục nhiễm. Phiền não kiết sắc nhiễm. Phiền não kiết sân hận. Phiền não kiết vô sắc nhiễm. Phiền não kiết vô minh. Phiền não kiết mạn. Phiền não kiết trạo cử. Đó gọi là mười phiền não kiết.

Hỏi: Những gì là mười tướng?

Đáp: Tướng dục. Tướng giận. Tướng hại. Tướng tham. Tướng chê trách. Tướng đây là nội ngoại. Tướng quốc độ. Tướng thấp kém. Tướng bất thiện. Tướng nương dựa tham. Đó gọi là mười tướng.

Hỏi: Những gì là mười giác?

Đáp: Giác giận. Giác hại. Giác xóm làng thân thuộc. Giác quốc độ. Giác không chết. Giác phải là người khác. Giác tương ưng với

thức. Giác tương ưng với không từ. Giác dựa vào lợi dưỡng. Giác dựa vào tham. Đó gọi là mười giác.

Hỏi: Những gì là mười pháp tà?

Đáp: Tà kiến. Tà giác. Tà ngữ. Tà nghiệp. Tà mạng. Tà tấn. Tà định. Tà tuệ. Tà giải thoát. Tà trí. Đó gọi là mười pháp tà.

Hỏi: Những gì là mười việc xúc não?

Đáp: Nếu đã xâm phạm sinh tâm não. Nay đang xâm phạm sinh tâm não. Sẽ muốn xâm phạm sinh tâm não. Nếu ta không yêu thích, vui mừng, vừa ý, do đã tạo lợi ích nên sinh tâm não. Nay đang tạo lợi ích nên sinh tâm não. Sẽ muốn tạo lợi ích nên sinh tâm não. Do giận dữ ngang bướng nên sinh tâm não. Đó gọi là mười việc xúc não.

Hỏi: Những gì là mười đạo nghiệp bất thiện?

Đáp: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời thô ác, nói lưỡi đôi chiều, nói thêu dệt, tham, giận, tà kiến. Đó gọi là mười đạo nghiệp bất thiện.

Hỏi: Những gì là mười pháp gây tạo bị đọa nơi địa ngục nhanh chóng như giáo đâm phóng?

Đáp: Sát sinh cho đến tà kiến. Mười pháp này gây tạo tức bị đọa nơi địa ngục nhanh chóng như giáo đâm phóng.

Hỏi: Những gì là mười tâm cấu uế?

Đáp: Nghi ngờ là tâm cấu uế. Không tư duy là tâm cấu uế. Sợ hãi là tâm cấu uế. Buồn thương là tâm cấu uế. Ác là tâm cấu uế. Ngủ nghỉ nhiều là tâm cấu uế. Tinh tấn quá mức là tâm cấu uế. Tinh tấn yếu ớt là tâm cấu uế. Không có năng lực là tâm cấu uế. Từng ấy tưởng là tâm cấu uế. Chấp nơi sắc là tâm cấu uế. Đó gọi là mười tâm cấu uế.

Hỏi: Vì sao nói nghi ngờ là tâm cấu ứ?

Đáp: Hoặc có người duyên nơi nghi ngờ quá khứ: Hoặc quá khứ của ta là có hay quá khứ của ta là không có. Quá khứ của ta có tánh gì? Nhân gì nên có quá khứ của ta? Hoặc có người duyên nơi nghi ngờ ở vị lai: Vị lai của ta là có hay vị lai của ta là không có? Vị lai của ta có tánh gì? Nhân gì nên có vị lai của ta? Hoặc có người duyên nơi nghi ngờ hiện tại: Hiện tại của ta là có hay hiện tại của ta là không có? Hiện tại của ta có tánh gì? Nhân gì nên có hiện tại của ta? Các chúng sinh từ nơi chốn nào đến? Đi đến nơi chốn nào?

Nếu người kia nghi hoặc đối với Phật Thế Tôn: Là Phật, Thế Tôn hay không phải là Phật Thế Tôn? Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói pháp hay không khéo giảng nói pháp? Chúng Thanh văn của Đức Thế Tôn là hành của nẻo thiện hay không phải là hành của nẻo thiện? Hành thường hay không phải là thường? Hành khổ hay không phải là hành khổ? Pháp vô ngã hay không phải là pháp vô ngã? Niết-bàn tĩnh lặng hay không phải là Niết-bàn tĩnh lặng? Có cho, không cho. Có thí, không thí. Có cúng tế, không cúng tế. Có quả báo của nghiệp thiện ác, không có quả báo của nghiệp thiện ác. Có đời nay, không có đời nay. Có đời sau, không có đời sau. Có cha mẹ, không có cha mẹ. Có trời, không có trời. Chúng sinh có hóa sinh, chúng sinh không hóa sinh. Đời có Sa-môn, Bà-la-môn hướng chánh đến chánh. Hoặc đời nay, đời sau tự chúng biết, nêu bày. Đời không có Sa-môn, Bà-la-môn hướng chánh đến chánh. Hoặc đời nay, đời sau tự chúng biết, nêu bày. Nếu đối với pháp kia nghi hoặc, lại nghi hoặc, hoàn toàn nghi hoặc, tâm không quyết định, hai tâm do dự, hoài nghi, không hiểu rõ, vô lượng nghi không dứt hết, không phải giải nói, do dự, lại do dự, hoàn toàn do dự. Đó gọi là nghi là tâm cấu ứ.

Hỏi: Vì sao nói không tư duy là tâm cấu ứ?

Đáp: Nếu sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, hoặc chúng sinh và pháp, tính kể, so sánh, phân biệt, trừ tính, lường xét, nhớ nghĩ bất chánh, đó gọi là không tư duy là tâm cấu ứ.

Hỏi: Vì sao nói sợ hãi là tâm cấu ứ?

Đáp: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, hoặc chúng sinh và pháp, duyên nơi sự sợ hãi hoàn toàn này, sợ hãi, kinh ngạc, rùng mình, biến sắc, đó gọi là sợ hãi là tâm cấu ứ.

Hỏi: Vì sao nói buồn thương là tâm cấu ứ?

Đáp: Nếu tâm bất thiện khởi buồn thương, đó gọi là buồn thương là tâm cấu ứ.

Hỏi: Vì sao nói ác là tâm cấu ứ?

Đáp: Thân, miệng, ý ác, đó gọi là ác là tâm cấu ứ.

Hỏi: Vì sao nói ngủ nghỉ nhiều là tâm cấu ứ?

Đáp: Nếu phiền não chưa đoạn dứt, chìm lặn ở ngủ nghỉ, thân không vui, thân không điều hòa, thân không nhẹ nhàng, thân không hòa dịu, thân không trừ (khinh an), đó gọi là ngủ. Nếu ngủ, như phiền não chưa đoạn dứt, chìm mất ở giấc ngủ, nếu buồn ngủ, mắt nhìn đờ đẫn, ngủ say chiếm giữ tâm, đó gọi là ngủ say. Như thế ham ngủ nghỉ đó gọi là ngủ nghỉ nhiều là tâm cấu ứ.

Hỏi: Vì sao nói tinh tấn quá mức là tâm cấu ứ?

Đáp: Nếu tinh tấn trạo cử, đó gọi là tinh tấn quá mức là tâm cấu ứ.

Hỏi: Vì sao nói tinh tấn yếu ớt là tâm cấu ứ?

Đáp: Nếu tinh tấn chìm mất, đó gọi là tinh tấn yếu ớt là tâm cấu ứ.

Hỏi: Vì sao nói không có năng lực là tâm cấu ứ?

Đáp: Nếu tâm khiếm nhược, đó gọi là không có năng lực là tâm cấu ứ.

Hỏi: Vì sao nói từng ấy tướng là tâm cấu ứ?

Đáp: Nếu chúng sinh khác, sự khác, cảnh giới khác, mọi sinh khác, đó gọi là từng ấy tướng là tâm cấu ứ.

Hỏi: Vì sao nói chấp nơi sắc là tâm cấu ứ?

Đáp: Nếu thấy sắc, chuyên chấp vương, đó gọi là chấp nơi sắc là tâm cấu ứ. Như thế là mười một tâm cấu ứ.

Hỏi: Những gì là hai mươi thứ thân kiến?

Đáp: Hoặc có người cho: Sắc là ngã. Trong sắc có ngã. Ngã là sắc có. Sắc là ngã có. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Đó gọi là hai mươi thứ thân kiến.

Hỏi: Những gì là hai mươi pháp gây tạo bị đọa nơi địa ngục nhanh chóng như giáo đâm phóng?

Đáp: Tự sát sinh, bảo người khác sát sinh, cho đến tự tà kiến, bảo người khác tà kiến, đó gọi là hai mươi pháp gây tạo bị đọa nơi địa ngục nhanh chóng như giáo đâm phóng.

Hỏi: Những gì là hai mươi một tâm cấu ứ?

Đáp: Trông mong là tâm cấu ứ. Giận dữ, ngủ nghỉ nhiều, trạo cử, hối, nghi, não hại, thường nghĩ đến oán, mang tâm ngờ vực, hận, nóng bức, ganh ghét, keo kiệt, lừa dối, gian trá, không hổ, không thẹn, khoe khoang, tranh tụng, tự cao, phóng dật, mạn, tăng thượng mạn, đó gọi là hai mươi một tâm cấu ứ.

Hỏi: Những gì là ba mươi pháp gây tạo bị đọa nơi địa ngục nhanh chóng như giáo đâm phóng?

Đáp: Tự sát sinh, bảo người khác sát sinh, khen ngợi sát sinh, cho đến tự tà kiến, bảo người khác tà kiến, khen ngợi tà kiến, đó gọi là ba mươi pháp gây tạo bị đọa nơi địa ngục nhanh chóng như giáo đâm phóng.

Hỏi: Những gì là ba mươi sáu hành ái?

Đáp: Nội sinh mười tám hành ái. Ngoại sinh mười tám hành ái.

Hỏi: Những gì là nội sinh mười tám hành ái?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Nhân đây có đây, nhân kia mà có. Như thế, nhân có khác với nhân có. Sẽ nhân có, không sẽ nhân có. Ta sẽ có, người kia, ta sẽ có. Như thế, ta sẽ có khác với ta sẽ có. Nhân được, kia được. Như thế, được khác với được. Hy vọng sẽ có, hy vọng người kia sẽ có. Hy vọng sẽ có như thế, hy vọng khác với sẽ có. Đó gọi là nội sinh mười tám hành ái.

Hỏi: Những gì là ngoại sinh mười tám hành ái?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Là nhân đây có đây, là nhân kia mà có. Như thế là nhân có là khác với nhân có. Là sẽ nhân có, là không sẽ nhân có. Là ta sẽ có, là người kia, ta sẽ có. Là như thế, ta sẽ có. Là khác với ta sẽ có. Là nhân được. Là kia được. Là được như thế. Là khác với được. Là hy vọng sẽ có. Là hy vọng người kia sẽ có. Là hy vọng sẽ có như thế. Là hy vọng khác với sẽ có. Đó gọi là ngoại sinh mười tám hành ái.

Như thế, nội sinh mười tám hành ái, ngoại sinh mười tám hành ái, đó gọi là ba mươi sáu hành ái.

Hỏi: Những gì là bốn mươi pháp gây tạo bị đọa địa ngục nhanh chóng như giáo đâm phóng?

Đáp: Tự mình sát sinh, bảo người khác sát sinh, khen ngợi sát sinh, thấy người khác sát sinh thì hoan hỷ theo họ, cho đến tự tà kiến, bảo người khác tà kiến, khen ngợi tà kiến, thấy người khác tà kiến thì hoan hỷ theo họ, đó gọi là bốn mươi pháp gây tạo bị đọa địa ngục nhanh chóng như giáo đâm phóng.

Hỏi: Những gì là sáu mươi hai kiến?

Đáp: Như Kinh Phạm Võng nói: Phật bảo các Tỳ-kheo: Lại có pháp khác, pháp lớn, vi diệu, rất sâu xa, sáng tỏ, chỉ có đệ tử của Hiền Thánh mới có thể dùng pháp này để tán thán Như Lai.

Những gì là pháp lớn vi diệu, rất sâu xa, sáng tỏ, đệ tử của Hiền Thánh có thể dùng pháp này để tán thán Đức Như Lai? Các Sa-môn, Bà-la-môn! Nơi vô số thứ loại kiếp gốc, kiến gốc, kiếp ngọn, kiến ngọn, tùy ý mà nói đều nhập nơi sáu mươi hai kiến. Vô số thứ loại kiếp gốc, kiến gốc, kiếp ngọn, kiến ngọn, tùy ý mà nói đều không thể vượt quá sáu mươi hai kiến. Sa-môn, Bà-la-môn kia do những duyên gì ở nơi vô số thứ loại kiếp gốc, kiến gốc, kiếp ngọn, kiến ngọn đều tùy ý nói, đều nhập nơi sáu mươi hai kiến này, không thể vượt qua.

Các Sa-môn, Bà-la-môn! Ở nơi vô số các thứ kiếp gốc, kiến gốc, đều tùy ý nói, đều nhập trong mười tám kiến. Vô số các thứ kiếp gốc, kiến gốc, đều tùy ý nói, đều không thể vượt qua trong mười tám kiến.

Các Sa-môn, Bà-la-môn! Do những duyên gì ở vô số các thứ kiếp gốc, kiến gốc đều tùy ý nói, đều nhập trong mười tám kiến, không có thể vượt qua? Các Sa-môn, Bà-la-môn! Ở nơi kiếp gốc, kiến gốc khởi thường luận nói: Ngã và thế gian là thường còn. Ở đây đều nhập trong bốn kiến. Đối với kiếp gốc, kiến gốc nói: Ngã và thế gian là thường còn, đều nhập trong bốn kiến, không có thể vượt qua.

Các Sa-môn, Bà-la-môn! Do những duyên gì, ở nơi kiếp gốc, kiến gốc khởi thường luận nói: Ngã cùng thế gian là thường còn. Đây đều nhập trong bốn kiến, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn dùng các thứ phương tiện nhập tam muội định ý, dùng tâm tam muội nhớ lại hai mươi kiếp thành, kiếp hoại. Họ tạo ra thuyết này: Ngã và thế gian là thường, đây là thật, các pháp khác là hư vọng. Vì sao? Vì ta đã dùng vô số thứ phương tiện, nhập tam muội định ý, dùng tâm tam muội nhớ lại hai

mười kiếp thành, kiếp hoại, trong đó chúng sinh không tăng, không giảm, thường tụ tập, không ly tán, do đây ta biết được ngã và thế gian là thường, thường này là thật, các pháp khác là hư vọng. Đó là kiến thứ nhất.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân kiến này, đối với kiếp gốc, kiến gốc, chấp ngã và thế gian là thường, ở trong bốn kiến, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn dùng các thứ phương tiện nhập tam muội định ý, dùng tâm tam muội nhớ lại bốn mươi kiếp thành, kiếp hoại, nên tạo ra thuyết này: Ngã và thế gian là thường, đây là thật, các pháp khác là hư vọng. Vì sao? Vì ta đã dùng các thứ phương tiện nhập tam muội định ý, dùng tâm tam muội nhớ lại bốn mươi kiếp thành, kiếp hoại, trong đó chúng sinh không tăng, không giảm, thường tụ không tán, do đây ta biết được ngã và thế gian là thường, đây là thật, các pháp khác là hư vọng. Đó là kiến thứ hai.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân kiến này, đối với kiếp gốc, kiến gốc, chấp ngã và thế gian là thường, ở trong bốn kiến, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn dùng các thứ phương tiện nhập tam muội định ý, dùng tâm tam muội, nhớ lại tám mươi kiếp thành, kiếp hoại, nên tạo ra thuyết này: Ngã và thế gian là thường, đây là thật, các pháp khác là hư vọng. Vì sao? Vì ta dùng các thứ phương tiện nhập tam muội định ý, dùng tâm tam muội nhớ lại tám mươi kiếp thành, kiếp hoại, trong đó chúng sinh không tăng, không giảm, thường tụ, không tán, ta dùng trí này: Ngã và thế gian là thường, đây là thật, các pháp khác là hư vọng. Đó là kiến thứ ba.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân kiến này, đối với kiếp gốc, kiến gốc, chấp ngã và thế gian là thường, ở trong bốn kiến, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có trí tướng mẫn tiệp, khéo có thể quán sát, dùng phương tiện của trí tướng mẫn tiệp để quán sát. Nghĩa là vì thâm tra chắc chắn, dùng trí kiến của mình, dùng biện tài của mình để nói như thế này: Ngã và thế gian là thường, đây là thật, các pháp khác là hư vọng. Đó là kiến thứ tư.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân kiến này, đối với kiếp gốc, kiến gốc, chấp ngã và thế gian là thường, ở trong bốn kiến, không có thể vượt qua.

Sa-môn, Bà-la-môn này đối với kiếp gốc, kiến gốc, chấp ngã và thế gian là thường. Như thế, tất cả đều nhập trong bốn kiến: Ngã và thế gian là thường, ở trong bốn kiến này, không có thể vượt qua. Chỉ có Đức Như Lai nhận biết xứ kiến này, giữ như thế, chấp như thế, cũng nhận biết báo ứng, là đối tượng nhận biết của Đức Như Lai. Lại vượt qua đây, tuy biết rõ là không vướng mắc, nhưng do không vướng mắc nên được tĩnh lặng, nhận biết tập, diệt của ái, lỗi của vị, nẻo xuất yếu, vì dùng bình đẳng để quán giải thoát trọn vẹn, nên gọi Như Lai. Đó gọi là pháp lớn vi diệu rất sâu xa sáng tỏ khác, khiến đệ tử của Hiền Thánh chân thật, bình đẳng, tán thán Đức Như Lai.

Lại có pháp lớn vi diệu rất sâu xa sáng tỏ khác, khiến đệ tử của Hiền Thánh chân thật, bình đẳng, tán thán Đức Như Lai.

Những gì là pháp ấy? Các Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi kiếp gốc, kiến gốc khởi ngôn luận: Ngã và thế gian cũng thường, cũng vô thường. Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân kiến này, đối với kiếp gốc, kiến gốc, chấp ngã và thế gian là nửa thường, nửa vô thường, ở trong bốn kiến không có thể vượt qua.

Hoặc có thời quá khứ, kiếp này mới bắt đầu thành lập, có chúng sinh khác, phước hết, mạng hết, hành hết, từ trời Quang Âm mạng chung, sinh trong không phạm cung, bèn ở xứ kia sinh tâm ái chấp.

Lại nguyện cho chúng sinh khác cùng sinh nơi xứ này. Chúng sinh ấy đã sinh khởi ái chấp, nguyện rồi, lại có chúng sinh khác, phước của mạng hành đã hết, mạng chung ở trời Quang Âm, sinh đến trong không phạm cung này, chúng sinh sinh trước kia, liền khởi suy nghĩ: Ta ở xứ này là Phạm, Đại Phạm. Ta tự nhiên có, không ai có thể tạo ra ta. Ta đều nhận biết hết các nghĩa sách nơi hàng ngàn thế giới, trong đó tự tại, rất là tôn quý, có thể tạo biến hóa vi diệu bậc nhất, là cha của chúng sinh, riêng một mình ta có trước, về sau mới có chúng sinh khác đến, chúng sinh khác ấy đều do ta hóa thành. Chúng sinh đến sau ấy lại suy nghĩ: Người kia là Đại Phạm, có khả năng tự tạo, người khác thì không thể tạo ra vị kia. Vị ấy đều nhận biết hết các nghĩa, sách nơi hàng ngàn thế giới, trong đó là tự tại, tôn quý nhất, có thể là biến hóa vi diệu bậc nhất, là cha của chúng sinh. Người kia duy nhất có trước, sau mới có chúng ta. Ta và chúng sinh là do người kia hóa thành. Chúng sinh Phạm kia, mạng hành đều hết, sinh đến trong cõi này, dần dần trưởng thành, cạo bỏ râu tóc, xuất gia, mặc pháp phục, tu hành phạm chí, nhập tam muội định ý, theo tâm tam muội, tự nhận thức về gốc sinh, bèn nói như thế này: Người Đại Phạm kia có thể tự tạo tác, không có ai tạo ra người kia, vị ấy nhận biết hết các nghĩa sách nơi ngàn thế giới, ở đó tự tại rất là tôn quý, có thể biến hóa vi diệu bậc nhất, là cha của chúng sinh, thường trụ không đổi. Nhưng vị Phạm kia hóa ra chúng ta, chúng ta là vô thường biến đổi, không được trụ lâu. Thế nên phải biết, ngã và thế gian là cũng thường, cũng vô thường, đây là thật, các pháp khác là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ nhất.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, khởi luận: Ngã và thế gian cũng thường, cũng vô thường, ở trong bốn kiến này không có thể vượt qua.

Hoặc có chúng sinh vui mừng, cười đùa, lười biếng, thường thường vui đùa, lấy sự cười đùa làm thú vui của mình, lúc vui vẻ,

thân thể rất mỏi mệt, bèn tự mất ý. Do mất ý nên mạng chung, sinh đến trong cõi này, dần dần trưởng thành, cạo bỏ râu tóc, xuất gia, mặc pháp phục, tu hạnh phạm chí, nhập tam muội định ý, do sức của tam muội ấy, tự nhận biết về gốc sinh bèn nói như thế này: Chúng sinh khác kia, không thường thường cười đùa vui vẻ, thường ở xứ đó, thường trụ không đổi thay. Do ta thường thường cười đùa, nên gây ra pháp biến đổi vô thường này. Thế nên biết ngã và thế gian cũng thường, cũng vô thường, đây là thật, các pháp khác là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ hai.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, khởi luận: Ngã và thế gian cũng thường, cũng vô thường, ở trong bốn kiến này không có thể vượt qua.

Hoặc có chúng sinh lần lượt ngắm nhìn nhau, ngắm nhìn nhau xong, bèn tự mất ý, do đầy mạng chung, sinh đến trong cõi này, dần dần trưởng thành, cạo bỏ râu tóc, xuất gia, mặc pháp phục, tu hạnh phạm chí, nhập tam muội định ý, do sức của tam muội ấy, nên nhận biết được đời sống trước kia của mình, liền nói thế này: Như chúng sinh kia, do không lần lượt ngắm nhìn nhau, vì không mất ý, nên thường trụ không thay đổi, còn chúng ta thường thường ngắm nhìn nhau, bèn mất ý, gây ra pháp biến dịch vô thường này. Ta do đầy nên biết được ngã và thế gian cũng thường, cũng vô thường, đây là thật, các pháp khác là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ ba.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, khởi luận: Ngã và thế gian cũng thường, cũng vô thường, ở trong bốn kiến này không có thể vượt qua.

Hoặc có các Sa-môn, Bà-la-môn, trí tướng mãn tiếp, khéo có thể quán sát, do trí tướng mãn tiếp quán sát xong, nói: Ngã và thế gian cũng thường, cũng vô thường, pháp này là thật, các pháp khác là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ tư.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, khởi luận: Ngã và thế gian cũng thường, cũng vô thường, tức ở trong bốn kiến này, không có thể vượt qua.

Các Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi kiếp gốc, kiến gốc, khởi luận: Ngã và thế gian cũng thường, cũng vô thường, đều nhập trong bốn kiến, không có thể vượt hơn. Chỉ Đức Phật mới có thể nhận biết xứ kiến này, giữ như thế, chấp như thế, cũng nhận biết báo ứng là chỗ nhận biết của Như Lai, lại vượt qua ở đây, tuy biết không vướng mắc, do vì không vướng mắc nên được tĩnh lặng (Niết-bàn), biết tập, diệt của ái, lỗi của vị cùng nẻo xuất yếu, do quán bình đẳng, giải thoát trọn vẹn, nên gọi Như Lai. Đó gọi là pháp lớn vi diệu rất sâu xa sáng tỏ, khiến đệ tử của Hiền Thánh tán thán Đức Như Lai.

Lại có pháp lớn vi diệu rất sâu xa sáng tỏ, khiến đệ tử của Hiền Thánh chân thật, bình đẳng tán thán Đức Như Lai.

Những gì là pháp ấy?

Các Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi kiếp gốc, kiến gốc, khởi luận: Ngã và thế gian là hữu biên, vô biên.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, khởi luận: Ngã và thế gian là hữu biên, là vô biên, đều ở trong bốn kiến ấy, không có thể vượt qua.

Hoặc có các Sa-môn, Bà-la-môn, dùng vô số các phương tiện nhập tam muội định ý, do sức của tam muội, quán thế gian khởi tướng biên và nói: Thế gian này là hữu biên, đây là thật, pháp khác là hư vọng. Vì sao? Vì ta dùng vô số loại phương tiện nhập tam muội định ý, do sức của tam muội quán thế gian là hữu biên, nên biết thế gian này là hữu biên, đây là thật, các thứ khác là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ nhất.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc bèn khởi luận: Ngã và thế gian là hữu biên, đều ở trong bốn kiến, không có thể vượt hơn.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, dùng vô số các phương tiện nhập tam muội định ý, do sức của tam muội, quán thế gian khởi tướng vô biên, và nói: Thế gian là vô biên, đây là thực, ngoài ra là hư vọng. Vì sao? Vì ta dùng vô số phương tiện nhập tam muội định ý, do sức của tam muội, quán thế gian là vô biên, thế nên biết thế gian là vô biên, đây là thực, ngoài ra là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ hai.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, khởi luận: Ngã và thế gian là vô biên, đều ở trong bốn kiến, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn dùng vô số phương tiện nhập tam muội định ý, do sức của tam muội quán thế gian: Quán phương trên là hữu biên, bốn phương dưới là vô biên, và nói: Thế gian là hữu biên, vô biên, đây là thực, ngoài ra là hư vọng. Vì sao? Vì ta đã dùng vô số phương tiện nhập tam muội định ý, do sức của tam muội quán biết phương trên là hữu biên, bốn phương là vô biên, thế nên ta nhận biết thế gian là hữu biên, vô biên, đây là thực, ngoài ra là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ ba.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc khởi luận: Ngã và thế gian là hữu biên, vô biên, đều ở trong bốn kiến, không thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có trí tướng mẫn tiệp, khéo có thể quán sát. Các vị ấy do trí tướng mẫn tiệp, quán sát xong và nói: Ngã và thế gian không phải hữu biên, không phải vô biên, đây là thực, ngoài ra là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ tư.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc khởi luận: Ngã và thế gian không phải hữu biên, không phải vô biên, đây là thực, ngoài ra là hư vọng. Tất cả đều ở trong bốn kiến, không có thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở trong kiếp gốc, kiến gốc khởi luận: Ngã và thế gian là hữu biên, vô biên, đều nhập trong bốn kiến ấy, không thể vượt hơn. Chỉ có Đức Phật là có thể nhận biết rõ xứ kiến ấy, giữ như thế, chấp như thế, cũng nhận biết báo ứng. Điều Như Lai nhận biết còn vượt quá đây. Tuy nhận biết nhưng không vướng mắc, vì không vướng mắc nên được tĩnh lặng, biết tập, diệt của ái, lỗi của vị cùng nẻo xuất yếu, do quán bình đẳng giải thoát trọn vẹn, nên gọi là Như Lai.

Lại có pháp lớn vi diệu rất sâu xa sáng tỏ, khiến đệ tử của Hiền Thánh chân thật, bình đẳng tán thán Như Lai.

Những gì là pháp ấy?

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, để hỏi khác, đáp khác. Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, để hỏi khác, đáp khác ở trong bốn kiến này, không có thể vượt qua. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tạo luận như thế này, nêu kiến như thế này: Ta không biết có báo của nghiệp thiện, ác chăng? Không có báo của nghiệp thiện, ác, vì ta không thấy, không biết. Nếu nói có báo của nghiệp thiện ác, hoặc nói không có báo của nghiệp thiện ác, thì đời có Sa-môn, Bà-la-môn nghe nhiều, học rộng, trí tuệ thông sáng, thường ưa tịch tĩnh, cơ biện tinh vi, được người đời tôn trọng, có thể dùng trí tuệ khéo phân biệt các kiến. Giả như hỏi ta về nghĩa thâm diệu của các kiến, ta nếu không thể trả lời, tức có hổ thẹn, tâm ta mang sợ hãi, nên dùng nghĩa này để đáp, để được làm nơi chốn quy y, làm châu bãi, làm nhà, làm đạo cứu cánh. Nếu người kia hỏi, nên dùng nghĩa này để đáp: Việc ấy như thế là không phải. Việc ấy thật ra là không phải. Việc ấy khác với không phải. Việc ấy không phải khác với không phải, không khác với không phải. Đó gọi là kiến thứ nhất.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi hỏi khác, đáp khác này ở trong bốn kiến ấy, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra luận như thế này, khởi kiến như thế này: Ta không thấy không biết là có đời khác hay không có đời khác? Thế gian có các Sa-môn, Bà-la-môn, dùng thiên nhãn và tha tâm trí, ở nơi xa có thể trông thấy ta, còn ta ở chỗ gần cũng còn không thể thấy. Người như thế có thể nhận biết có đời khác và không có đời khác, còn ta không biết, không thấy có đời khác, hay không có đời khác. Nếu ta nói tức là nói dối, ta sợ nói dối, nên là nơi chốn quy y, là châu bãi, là nhà, là đạo cứu cánh. Người kia nếu như hỏi, ta sẽ dùng nghĩa này để đáp: Việc ấy như thế là không phải. Việc ấy thật là không phải. Việc ấy khác với không phải. Việc ấy không phải khác với không phải không khác với không phải. Đó gọi là kiến thứ hai.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi hỏi khác, đáp khác ấy, ở trong bốn kiến này, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra kiến như thế này, khởi luận như thế này: Ta không biết, không thấy cái gì là thiện, cái gì là bất thiện, vì ta không biết, không thấy. Nếu nói là thiện, là bất thiện, ta tức sinh khởi ái, từ ái sinh giận, có ái, có giận tất có thọ sinh, ta muốn diệt thọ ác, vì sợ thọ, nên dùng làm nơi chốn quy y, dùng làm châu bãi, làm nhà, làm đạo cứu cánh. Nếu như người kia hỏi, ta sẽ dùng nghĩa này để đáp: Việc ấy như thế là không phải. Việc ấy thật là không phải. Việc ấy khác với không phải. Việc ấy không phải khác với không phải không khác với không phải. Đó gọi là kiến thứ ba.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi hỏi khác, đáp khác ấy, ở trong bốn kiến này, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn ngu tối, ám độn. Vì ngu si, tối tăm, nên người khác có hỏi, bèn theo lời nói của người khác để đáp:

Việc ấy như thế là không phải. Việc ấy thật là không phải. Việc ấy khác với không phải. Việc ấy không phải khác với không phải không khác với không phải. Đó gọi là kiến thứ tư.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi hỏi khác, đáp khác ấy, ở trong bốn kiến, không có thể vượt qua.

Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với kiếp gốc, kiến gốc, do hỏi khác đáp khác, đều nhập trong bốn kiến, không có thể vượt qua. Chỉ có Đức Phật là có thể nhận biết xứ kiến này, giữ như thế, chấp như thế, cũng nhận biết báo ứng, là chỗ nhận biết của Như Lai, lại vượt quá đây. Tuy nhận biết nhưng không vướng mắc, vì không vướng mắc tất được tĩnh lặng, nhận biết tập, diệt của thọ, lỗi của vị cùng neo xuất yếu, dùng bình đẳng quán giải thoát trọn vẹn, nên gọi là Như Lai. Đó gọi là pháp lớn vi diệu rất sâu xa sáng tỏ, khiến đệ tử của Hiền Thánh chân thật, bình đẳng tán thán Như Lai.

Lại có pháp lớn vi diệu rất sâu xa sáng tỏ, khiến đệ tử của Hiền Thánh chân thật, bình đẳng, tán thán Như Lai.

Những gì là pháp ấy?

Các Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi kiếp gốc, kiến gốc, cho là không có nhân mà có thể gian này. Họ đều nhập trong hai kiến. Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, cho là không có nhân mà có thể gian này, tức ở trong hai kiến ấy, không có thể vượt qua.

Các Sa-môn, Bà-la-môn kia do nhân duyên gì ở nơi kiếp gốc, kiến gốc, cho là không có nhân mà có, tức ở trong hai kiến này, không có thể vượt qua?

Hoặc có chúng sinh không có tướng, không có thọ, nếu chúng sinh ấy khởi tướng tức liền mạng chung, sinh đến ở thế gian, dần dần trưởng thành, cạo bỏ râu tóc, xuất gia, mặc pháp phục, tu hạnh Phạm chí, nhập tam muội định ý, dùng sức của tam muội, theo kiến vốn do

tướng sinh, nên có suy nghĩ này: Ta vốn không có tướng, tự nhiên có tướng này, là không nhân mà có thể gian, đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ nhất.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, cho không nhân mà có, tức ở trong hai kiến này, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có trí tướng mẫn tiệp, sắc bén, khéo có thể quán sát. Họ do có trí tướng mẫn tiệp, quán sát xong, nói như vậy: Thế gian này không nhân mà có, đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ hai.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, cho không nhân mà có thể gian này, tức ở trong hai kiến, không có thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn đối với kiếp gốc, kiến gốc cho không nhân mà có, đều nhập trong hai kiến, không ai có khả năng vượt qua, chỉ có Đức Phật mới có thể nhận biết xứ kiến này, cho đến giải thoát trọn vẹn, nên gọi là Như Lai. Cũng như trên đã nói: Các Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi kiếp gốc, kiến gốc, cùng vô số các thứ tùy ý đã nói, đều nhập trong mười tám kiến. Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, đã dùng vô số các thứ tùy ý đã nói, ở trong mười tám kiến này, không ai có thể vượt qua, chỉ có Phật là có thể nhận biết xứ kiến ấy, cho đến giải thoát trọn vẹn, nên gọi là Như Lai, cũng như trên đã nói.

Lại có pháp lớn vi diệu, rất sâu xa, sáng tỏ, chỉ có đệ tử của Hiền Thánh mới có thể dùng pháp này để tán thán Đức Như Lai.

Những gì là pháp lớn ấy?

Các Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi kiếp ngọn, kiến ngọn với vô số các thứ tùy ý đã nói, họ đều nhập trong bốn mươi bốn kiến. Nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, theo vô số các thứ đều ở nơi bốn mươi bốn kiến, không ai có thể vượt qua.

Các Sa-môn, Bà-la-môn, do nhân duyên gì, ở nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, theo vô số thứ loại tùy ý đã nói, đối với bốn mươi bốn kiến, không ai có thể vượt qua.

Các Sa-môn, Bà-la-môn, ở nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, có luận có tướng cho: Tướng là ngã, là thế gian, đều nhập trong mười sáu kiến. Ở nơi kiếp ngọn, kiến ngọn khởi luận có tướng cho tướng là ngã, là thế gian, tức ở trong mười sáu kiến, không có thể vượt qua.

Các Sa-môn, Bà-la-môn, do nhân duyên gì, ở trong kiếp ngọn kiến ngọn, khởi luận có tướng, cho tướng là ngã là thế gian, đều nhập trong mười sáu kiến, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra luận như thế này: Sắc là ngã, tướng là thế gian, mạng chung rồi, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ nhất.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, khởi luận có tướng cho: Tướng là ngã, là thế gian, ở trong mười sáu kiến, không có thể vượt qua. Lại có người nói: Phi sắc là ngã, tướng là thế gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là hai kiến.

Lại có người nói: Có sắc, không sắc là ngã, tướng là thế gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là ba kiến.

Lại có người nói: Không phải có sắc, chẳng phải không sắc là ngã, tướng là thế gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là bốn kiến.

Lại có người nói: Ngã là hữu biên, tướng là thế gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là năm kiến.

Lại có người nói: Ngã là vô biên, tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là sáu kiến.

Lại có người nói: Ngã là hữu biên, vô biên, tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là bảy kiến.

Lại có thuyết nói: Ngã không phải là hữu biên, không phải là vô biên, tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là tám kiến.

Lại có thuyết nói: Ngã hoàn toàn là an vui, tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là chín kiến.

Lại có thuyết nói: Ngã hoàn toàn là khổ, tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là mười kiến.

Lại có thuyết nói: Khổ, vui là ngã, tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là mười một kiến.

Lại có thuyết nói: Không khổ, không vui là ngã, tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là mười hai kiến.

Lại có thuyết nói: Một tướng là ngã, tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là mười ba kiến.

Lại có thuyết nói: Từng ấy tướng là ngã, tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là mười bốn kiến.

Lại có thuyết nói: Ít tướng là ngã, tướng là thế gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là mười lăm kiến.

Lại có thuyết nói: Vô lượng tướng là ngã, tướng là thế gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là mười sáu kiến.

Các Sa-môn, Bà-la-môn đối với kiếp ngọn, kiến ngọn, khởi luận có tướng cho: Tướng ấy là ngã, tướng là thế gian, ở trong mười sáu kiến này, không ai có thể vượt qua, chỉ có Đức Phật mới có thể nhận biết được xứ kiến ấy, cho đến giải thoát trọn vẹn, nên gọi là Như Lai, cũng như trên đã nói.

Lại có pháp lớn vi diệu, rất sâu xa, sáng tỏ, chỉ có đệ tử của Hiền Thánh mới có thể dùng pháp này để tán thán Đức Như Lai.

Những gì là pháp lớn ấy?

Các Sa-môn, Bà-la-môn đối với kiếp ngọn, kiến ngọn khởi luận vô tướng cho: Vô tướng là ngã, là thế gian, họ đều nhập trong tám kiến, ở nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, có luận vô tướng cho: Vô tướng là ngã, là thế gian, họ đều nhập trong tám kiến, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra luận như thế này: Sắc là ngã, vô tướng là thế gian, mạng chung rồi, ngã không còn có sinh lại. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ nhất.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn khởi luận vô tướng cho: Vô tướng là ngã, là thế gian, tức ở trong tám kiến này, không có thể vượt qua.

Lại có thuyết nói: Không phải sắc là ngã, vô tướng là thế gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là hai kiến.

Lại có thuyết nói: Có sắc, không sắc là ngã, vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là ba kiến.

Lại có thuyết nói: Không phải có sắc, không phải không sắc là ngã, vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là bốn kiến.

Lại có thuyết nói: Ngã là hữu biên, vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là năm kiến.

Lại có thuyết nói: Ngã không phải là hữu biên, vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là sáu kiến.

Lại có thuyết nói: Ngã là hữu biên, vô biên, vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là bảy kiến.

Lại có thuyết nói: Ngã không phải là hữu biên, không phải là vô biên, vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là tám kiến.

Các Sa-môn, Bà-la-môn, nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, khởi luận vô tướng cho: Vô tướng là ngã, là thể gian, họ đều nhập trong tám kiến, chỉ có Đức Phật là nhận biết rõ về xứ kiến này, cho đến giải thoát trọn vẹn, nên gọi là Như Lai, cũng như trên đã nói.

Lại có pháp lớn vi diệu, rất sâu xa, sáng tỏ khác, chỉ có đệ tử của Hiền Thánh mới có thể dùng pháp này để tán thán Đức Như Lai.

Những gì là pháp lớn ấy?

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn có khởi luận phi tướng phi vô tướng cho: Phi tướng phi vô tướng là ngã, là thể gian, họ đều nhập trong tám kiến. Nhân nơi kiếp ngọn,

kiến ngọn có luận phi tướng phi vô tướng cho phi tướng phi vô tướng là ngã, là thể gian, họ đều nhập trong tám kiến, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra luận như thế này: Sắc là ngã, phi tướng phi vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là kiến thứ nhất.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, có luận phi tướng phi vô tướng, cho phi tướng phi vô tướng là ngã, là thể gian, ở trong tám kiến, không có thể vượt qua.

Lại có thuyết nói: Không phải sắc là ngã, phi tướng phi vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là hai kiến.

Lại có thuyết nói: Hữu sắc, vô sắc là ngã, phi tướng phi vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là ba kiến.

Lại có thuyết nói: Không phải có sắc, không phải không sắc là ngã, phi tướng phi vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là bốn kiến.

Lại có thuyết nói: Ngã là hữu biên, phi tướng phi vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là năm kiến.

Lại có thuyết nói: Ngã không phải là hữu biên, phi tướng phi vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là sáu kiến.

Lại có thuyết nói: Ngã là hữu biên, vô biên, phi tướng phi vô tướng là thể gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là bảy kiến.

Lại có thuyết nói: Ngã không phải là hữu biên, không phải là vô biên, phi tướng phi vô tướng là thế gian, mạng chung xong, ngã không còn có nữa. Đây là thật, pháp khác là hư vọng. Đó gọi là tám kiến.

Các Sa-môn, Bà-la-môn, nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, có luận phi tướng phi vô tướng cho phi tướng phi vô tướng là ngã, là thế gian, họ đều nhập trong tám kiến, không ai có thể vượt qua, chỉ có Đức Phật mới có thể nhận biết xứ kiến này, cho đến giải thoát trọn vẹn, nên gọi là Như Lai, cũng như trên đã nói.

Lại có pháp lớn vi diệu, rất sâu xa, sáng tỏ khác, chỉ có đệ tử của Hiền Thánh mới có thể dùng pháp này để tán thán Đức Như Lai.

Những gì là pháp lớn ấy?

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, có luận đoạn diệt nói: Chúng sinh đoạn diệt hoàn toàn, họ đều nhập trong bảy kiến. Nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, có luận đoạn diệt nói chúng sinh hoàn toàn diệt tận, tức ở trong bảy kiến, không có thể vượt qua.

Các Sa-môn, Bà-la-môn do nhân duyên gì đối với kiếp ngọn, kiến ngọn, có luận đoạn diệt, nói chúng sinh đoạn diệt hoàn toàn, tức ở trong bảy kiến, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, tạo luận như thế, tạo ra kiến như thế này: Bốn đại nhập của thân ta, xuất sinh từ cha mẹ, cho bú mớm, ăn mặc, nuôi lớn, vỗ về, chăm sóc, giữ gìn, nhưng là vô thường, tất quy về hao mòn, hoại diệt, đều là ngã đoạn diệt. Đó gọi là kiến thứ nhất.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn có luận đoạn diệt nói chúng sinh đoạn diệt tức ở trong bảy kiến, không có thể vượt qua.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tạo luận này: Cõi ấy không gọi đoạn diệt, ngã nơi trời cõi dục mới là đoạn diệt, đều là ngã đoạn diệt hoàn toàn. Đó gọi là hai kiến.

Lại có Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra luận này: Ở đây không gọi là đoạn diệt, mà chúng sinh hóa thân nơi cõi sắc, các căn đầy đủ mới là đoạn diệt, đều là ngã đoạn diệt hoàn toàn. Đó gọi là ba kiến.

Lại có thuyết nói: Ở đây không gọi là đoạn diệt, mà là không xứ của cõi vô sắc mới là đoạn diệt, đều là ngã đoạn diệt hoàn toàn. Đó gọi là bốn kiến.

Lại có thuyết nói: Ở đây không gọi là đoạn diệt, mà là thức xứ của cõi vô sắc mới là đoạn diệt, đều là ngã đoạn diệt hoàn toàn. Đó gọi là năm kiến.

Lại có thuyết nói: Ở đây không gọi là đoạn diệt, mà là bất dụng xứ của cõi vô sắc mới là đoạn diệt, đều là ngã đoạn diệt hoàn toàn. Đó gọi là sáu kiến.

Lại có thuyết nói: Ở đây không gọi là đoạn diệt, mà là xứ phi hữu tướng phi vô tướng của cõi vô sắc mới là đoạn diệt, đều là ngã đoạn diệt hoàn toàn. Đó gọi là bảy kiến.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi đoạn diệt ấy, ở kiếp ngọn, kiến ngọn, nói loại chúng sinh này là đoạn diệt hoàn toàn, tức ở trong bảy kiến này, không ai có thể vượt qua, chỉ có Đức Phật là có thể nhận biết xứ kiến ấy, cho đến giải thoát trọn vẹn, nên gọi là Như Lai, cũng như trên nói.

Lại có pháp lớn vi diệu, rất sâu xa, sáng tỏ khác, chỉ có đệ tử của Hiền Thánh là có thể dùng pháp này để tán thán Đức Như Lai.

Những gì là pháp lớn ấy?

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn hiện tại có luận Nê-hoàn nói chúng sinh hiện tại có Nê-hoàn, họ đều nhập trong năm kiến. Nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn nói hiện tại có Nê-hoàn, tức ở trong năm kiến, không có thể vượt qua.

Các Sa-môn, Bà-la-môn do nhân duyên gì ở nơi kiếp ngọn, kiến ngọn nói chúng sinh hiện tại có Nê-hoàn tức ở trong năm kiến, không có thể vượt qua?

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra kiến này, khởi luận này: Ta đều ở nơi năm dục của hiện tại, tự thọ nhận đều là ngã được Niết-bàn ở hiện tại. Đó gọi là kiến thứ nhất.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, nói là hiện đời của ta được Niết-bàn, cho chúng sinh hiện tại theo luận có Niết-bàn, tức ở trong năm kiến không có thể vượt qua.

Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra thuyết này: Ở đây không gọi là Niết-bàn hiện tại, lại có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất nhưng ông không biết, chỉ riêng ta mới có thể biết, như lia dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất, đều cho là ngã được Niết-bàn hiện tại. Đó gọi là hai kiến.

Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn lập ra thuyết này: Đây không gọi là Niết-bàn hiện tại, lại có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất mà ông không biết, chỉ riêng ta là có thể biết, như diệt có giác quán, nội tịnh tín, nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ hai, đều cho là ngã hiện tại được Niết-bàn. Đó gọi là ba kiến.

Lại có Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra thuyết này: Đây không gọi là Niết-bàn hiện tại, vì lại có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất mà ông không biết, chỉ riêng ta là có thể biết, như lìa hỷ hành xả, niệm chánh trí, thân thọ nhận an vui, như hành giải xả, niệm lạc của các Thánh nhân, thành tựu hành của thiên thứ ba, đều cho là ngã hiện tại được Niết-bàn. Đó gọi là bốn kiến.

Lại có Sa-môn, Bà-la-môn lập ra thuyết này: Đây không gọi là Niết-bàn hiện tại, vì lại có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất mà

ông không biết, chỉ riêng ta là có thể biết, như có thể đoạn vui, đoạn khổ, trước hết diệt ưu hỷ, xả bất khổ bất lạc, niệm tịnh, thành tựu hành của thiên thứ tư, đều cho là ngã hiện tại được Niết-bàn. Đó gọi là năm kiến.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, có khởi luận Niết-bàn hiện tại, tức ở trong năm kiến, không ai có thể vượt qua, chỉ có Đức Phật mới có thể nhận biết xứ kiến ấy, cho đến giải thoát trọn vẹn, nên gọi là Như Lai, cũng như trên nói.

Các Sa-môn, Bà-la-môn này, nhân nơi kiếp ngọn, kiến ngọn, khởi vô số kiến tùy ý mà nói, ở trong bốn mươi bốn kiến ấy, không ai có thể vượt qua, chỉ có Đức Phật mới có thể nhận biết xứ kiến ấy, cho đến giải thoát trọn vẹn, nên gọi là Như Lai, cũng như trên nói.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, kiếp ngọn, kiến ngọn, khởi vô số thứ kiến tùy ý nói, đều nhập trong sáu mươi hai kiến này. Nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, kiếp ngọn, kiến ngọn, khởi vô số thứ kiến tùy ý mà nói, ở trong sáu mươi hai kiến, không ai có thể vượt qua, chỉ có Đức Phật mới có thể nhận biết xứ kiến ấy, cho đến giải thoát trọn vẹn, nên gọi là Như Lai, cũng như trên nói.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, có luận thường nói: Ngã, thế gian là thường. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở đây sinh khởi trí, cho là tin khác, dục khác, nghe khác, duyên khác, giác khác, kiến khác, định khác, nhãn khác. Nhân đấy sinh trí, các Sa-môn, Bà-la-môn kia do hiện bày, tức được gọi là ái, cho đến Niết-bàn hiện tại cũng lại như thế.

Các Sa-môn, Bà-la-môn sinh khởi luận thường cho thế gian là thường. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia nhân thọ, duyên nơi ái sinh ái, nhưng không tự biết, còn nhiễm vương nơi ái, bị ái khuất phục, cho đến Niết-bàn hiện tại cũng lại như thế.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, nói thế

gian là thường, vì họ duyên nơi xúc, nếu lia duyên nơi xúc để lập luận thì không có điều ấy, cho đến Niết-bàn hiện tại cũng lại như thế.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân nơi kiếp gốc, kiến gốc, kiếp ngọn, kiến ngọn, mỗi thứ đều tùy ý theo kiến mà nói, đều nhập trong sáu mươi hai kiến, đều tùy theo chỗ khởi kiến mà nói, đều dựa vào đó, không ai có thể vượt qua, như thợ bắt cá, dùng lưới dày kín bủa trên ao nhỏ, nên biết các loài thuộc thủy tánh trong ao đều vào nơi lưới, không có chỗ nào tránh khỏi. Các Sa-môn, Bà-la-môn cũng như thế. Nhân nơi các thứ kiếp gốc, kiến gốc, kiếp ngọn, kiến ngọn mà nêu bày vô số thuyết, đều nhập trong sáu mươi hai kiến, không ai có thể vượt qua. Như thế gọi là sáu mươi hai kiến. Đây là phiền não kiết sử, trói buộc chúng sinh, nhận lấy các khổ của sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não, là pháp tụ tập, không được giải thoát.

HẾT - QUYỂN 20

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 21

Phẩm thứ 1: PHẦN GỒM THÊU THUỘC VỀ TƯỞNG ỨNG, phần 1

Tất cả sự gồm thêu, không phải là gồm thêu pháp. Nên biết, nếu lập môn gồm thêu, tức nhận biết âm, giới, nhập gồm thêu tất cả các pháp, hoặc âm, giới, nhập không gồm thêu tất cả các pháp. Âm, giới, nhập như sự gồm thêu phần ít tất cả các pháp, âm, giới, nhập không gồm thêu phần ít tất cả các pháp. Tự tánh gồm thêu tự tánh, tự tánh không phải gồm thêu tánh khác. Tự tánh hệ thuộc nơi tự tánh, tự tánh không phải hệ thuộc nơi tánh khác. Cũng gồm thêu, không phải gồm thêu, cũng không phải gồm thêu, không phải là không gồm thêu.

Môn gồm thêu: Nghĩa là pháp hệ thuộc khổ đế, không phải pháp hệ thuộc khổ đế. Cho đến pháp hệ thuộc đạo đế, không phải pháp hệ thuộc đạo đế. Pháp hệ thuộc các Thánh đế, không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Pháp căn, không phải pháp căn. Pháp căn hệ thuộc khổ đế, không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế. Cho đến pháp căn hệ thuộc đạo đế, không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế. Pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế, không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế. Cho đến không phải pháp căn hệ thuộc

đạo đế, không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế. Không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế.

Pháp nhãn nhập, không phải pháp nhãn nhập. Cho đến pháp ý nhập, không phải pháp ý nhập. Pháp sắc nhập, không phải pháp sắc nhập. Cho đến pháp pháp nhập, không phải pháp pháp nhập.

Pháp thọ, không phải pháp thọ. Pháp tưởng, không phải pháp tưởng. Pháp tư, không phải pháp tư. Pháp xúc, không phải pháp xúc. Pháp tư duy, không phải pháp tư duy. Pháp giác, không phải pháp giác.

Pháp quán, không phải pháp quán. Pháp kiến, không phải pháp kiến. Pháp tuệ, không phải pháp tuệ. Pháp giải thoát, không phải pháp giải thoát.

Pháp không tham, không phải pháp không tham. Pháp không sân, không phải pháp không sân. Pháp không si, không phải pháp không si. Pháp thuận tín, không phải pháp thuận tín. Pháp hối, không phải pháp hối. Pháp không hối, không phải pháp không hối.

Pháp vui thích, không phải pháp vui thích. Pháp mừng, không phải pháp mừng. Pháp tâm tinh tấn, không phải pháp tâm tinh tấn. Pháp tâm trừ (khinh an), không phải pháp tâm trừ (khinh an). Pháp tín, không phải pháp tín.

Pháp dục, không phải pháp dục. Pháp không phóng dật, không phải pháp không phóng dật. Pháp niệm, không phải pháp niệm. Pháp định, không phải pháp định.

Pháp tâm xả, không phải pháp tâm xả. Pháp nghi, không phải pháp nghi. Pháp sợ hãi, không phải pháp sợ hãi. Pháp phiền não sử, không phải pháp phiền não sử.

Pháp sử kiến, không phải pháp sử kiến. Pháp sử nghi, không phải pháp sử nghi. Pháp sử trộm giới (giới cấm thủ), không phải pháp

sử trộm giới. Pháp sử ái, không phải pháp sử ái. Pháp sử giận, không phải pháp sử giận. Pháp sử ganh ghét, không phải pháp sử ganh ghét. Pháp sử keo kiệt, không phải pháp sử keo kiệt.

Pháp sử vô minh, không phải pháp sử vô minh. Pháp sử kiêu mạn, không phải pháp sử kiêu mạn. Pháp sử trạo cử, không phải pháp sử trạo cử.

Pháp sinh, không phải pháp sinh. Pháp lão, không phải pháp lão. Pháp tử, không phải pháp tử. Pháp mạng, không phải pháp mạng. Pháp kiết phiền não, không phải pháp kiết phiền não. Pháp định vô tướng, không phải pháp định vô tướng. Pháp định diệt tận, không phải pháp định diệt tận. Pháp đắc quả, không phải pháp đắc quả.

Pháp của giới, không phải pháp của giới. Pháp không có giới, không phải pháp không có giới. Pháp thân hữu lậu tẩn, không phải pháp thân hữu lậu tẩn. Pháp thân hữu lậu trừ (khinh an), không phải pháp thân hữu lậu trừ (khinh an).

Pháp chánh ngữ, không phải pháp chánh ngữ. Pháp chánh nghiệp, không phải pháp chánh nghiệp. Pháp chánh mạng, không phải pháp chánh mạng. Pháp chánh thân tẩn, không phải pháp chánh thân tẩn. Pháp chánh thân trừ (khinh an), không phải pháp chánh thân trừ (khinh an).

Pháp trí duyên tận, không phải pháp trí duyên tận. Pháp không phải trí duyên tận, không phải pháp không phải trí duyên tận. Pháp quyết định, không phải pháp quyết định. Pháp của pháp trụ, không phải pháp của pháp trụ. Pháp duyên, không phải pháp duyên.

Pháp không xứ, không phải pháp không xứ. Cho đến pháp phi tướng phi phi tướng xứ, không phải pháp phi tướng phi phi tướng xứ.

Pháp nhãn giới, không phải pháp nhãn giới. Cho đến pháp của pháp giới, không phải pháp của pháp giới.

Pháp sắc âm, không phải pháp sắc âm. Cho đến pháp thức âm, không phải pháp thức âm.

Pháp khổ Thánh đế, không phải pháp khổ Thánh đế. Cho đến pháp đạo Thánh đế, không phải pháp đạo Thánh đế.

Pháp nhãn căn, không phải pháp nhãn căn. Cho đến pháp dĩ tri căn, không phải pháp dĩ tri căn.

Pháp niệm giác, không phải pháp niệm giác. Cho đến pháp xả giác, không phải pháp xả giác.

Pháp căn bất thiện tham, không phải pháp căn bất thiện tham. Cho đến pháp căn bất thiện si, không phải pháp căn bất thiện si.

Pháp căn thiện không tham, không phải pháp căn thiện không tham. Cho đến pháp căn thiện không si, không phải pháp căn thiện không si.

Pháp địa đại, không phải pháp địa đại. Cho đến pháp phong đại, không phải pháp phong đại.

Pháp của giới không sát sinh, không phải pháp của giới không sát sinh. Cho đến pháp của xứ không uống rượu, không phóng dật, không phải pháp của xứ không uống rượu, không phóng dật.

Pháp sắc, không phải pháp sắc. Cho đến pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, không phải pháp quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Thế nào là pháp hệ thuộc khổ đế?

Đáp: Trừ ái, còn lại là pháp hữu vi không phải là Thánh, đó gọi là pháp hệ thuộc khổ đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hệ thuộc khổ đế?

Đáp: Ái và pháp vô vi của Thánh không phải Thánh, đó gọi là không phải pháp hệ thuộc khổ đế.

Hỏi: Thế nào là pháp hệ thuộc tập đế?

Đáp: Ái, đó gọi là pháp hệ thuộc tập đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hệ thuộc tập đế?

Đáp: Trừ ái, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp hệ thuộc tập đế.

Hỏi: Thế nào là pháp hệ thuộc diệt đế?

Đáp: Trí duyên tận, đó gọi là pháp hệ thuộc diệt đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hệ thuộc diệt đế?

Đáp: Trừ trí duyên tận, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp hệ thuộc diệt đế.

Hỏi: Thế nào là pháp hệ thuộc đạo đế?

Đáp: Tám Thánh đạo, đó gọi là pháp hệ thuộc đạo đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hệ thuộc đạo đế?

Đáp: Trừ tám Thánh đạo, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp hệ thuộc đạo đế.

Hỏi: Thế nào là pháp hệ thuộc các Thánh đế?

Đáp: Khổ, tập, diệt, đạo của pháp hữu vi không phải là Thánh, đó gọi là pháp hệ thuộc các Thánh đế?

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế?

Đáp: Trừ khổ, tập, diệt, đạo, nếu là pháp Thánh khác và không phải vô vi của Thánh, đó gọi là không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là pháp căn?

Đáp: Không phải là Thánh căn và là pháp hữu vi của Thánh, đó gọi là pháp căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn?

Đáp: Không phải Thánh, không phải là căn và là pháp vô vi của Thánh, đó gọi là không phải pháp căn.

Hỏi: Thế nào là pháp căn hệ thuộc khổ đế?

Đáp: Nếu căn không phải là Thánh, đó gọi là pháp căn hệ thuộc khổ đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế?

Đáp: Nếu là Thánh căn, đó gọi là không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế.

Hỏi: Thế nào là pháp căn hệ thuộc tập đế?

Đáp: Là không có pháp căn hệ thuộc tập đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn hệ thuộc tập đế?

Đáp: Tất cả căn, đó gọi là không phải pháp căn hệ thuộc tập đế.

Hỏi: Thế nào là pháp căn hệ thuộc diệt đế?

Đáp: Không có pháp căn hệ thuộc diệt đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế?

Đáp: Tất cả căn, đó gọi là không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế.

Hỏi: Thế nào là pháp căn hệ thuộc đạo đế?

Đáp: Tám Thánh đạo, đó gọi là pháp căn hệ thuộc đạo đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế?

Đáp: Trừ tám Thánh đạo, nếu là căn khác, đó gọi là không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế.

Hỏi: Thế nào là pháp căn hệ thuộc các Thánh đế?

Đáp: Nếu không phải Thánh căn và tám Thánh đạo khác, đó gọi là pháp căn hệ thuộc các Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế?

Đáp: Trừ tám Thánh đạo, nếu là Thánh căn khác, đó gọi là không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế?

Đáp: Trừ ái, nếu là pháp khác không phải là pháp căn, không phải là căn hữu vi, đó gọi là không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế?

Đáp: Ái và tất cả vô vi, đó gọi là không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn hệ thuộc tập đế?

Đáp: Ái, đó gọi là không phải pháp căn hệ thuộc tập đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế?

Đáp: Trừ ái, nếu là khác không phải là đó gọi là không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế?

Đáp: Trí duyên tận, đó gọi là không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế?

Đáp: Trừ trí duyên tận, nếu là pháp khác không phải là căn, đó gọi là không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế?

Đáp: Không có không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế?

Đáp: Tất cả không phải là căn, đó gọi là không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế?

Đáp: Nếu khổ, tập, diệt không phải là Thánh, không phải là căn, đó gọi là không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế?

Đáp: Trừ khổ, tập, diệt, nếu là pháp khác không phải là căn, đó gọi là không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là pháp nhãn nhập?

Đáp: Nhãn nhập, đó gọi là pháp nhãn nhập.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp nhãn nhập?

Đáp: Trừ nhãn căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp nhãn nhập.

Nhĩ, tử, thiết, thân, ý nhập cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là pháp sắc nhập?

Đáp: Sắc giới, đó gọi là pháp sắc nhập.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sắc nhập?

Đáp: Trừ sắc giới, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sắc nhập.

Thanh, hương, vị, xúc, pháp nhập cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp thọ?

Đáp: Nếu ý đã thọ nhận, đó gọi là pháp thọ.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp thọ?

Đáp: Trừ thọ, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp thọ.

Hỏi: Thế nào là pháp tướng?

Đáp: Nếu là tướng nhớ tướng, đó gọi là pháp tướng.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tướng?

Đáp: Trừ tướng, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tướng.

Hỏi: Thế nào là pháp tư?

Đáp: Nếu là tư chánh tư, đó gọi là pháp tư.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tư?

Đáp: Trừ tư, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tư.

Hỏi: Thế nào là pháp xúc?

Đáp: Sáu xúc, đó gọi là pháp xúc.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp xúc?

Đáp: Trừ xúc, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp xúc.

Hỏi: Thế nào là pháp tư duy?

Đáp: Nếu tính toán, so sánh, phân biệt, lường xét, nhớ nghĩ, đó gọi là pháp tư duy.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tư duy?

Đáp: Trừ tư duy, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tư duy.

Hỏi: Thế nào là pháp giác?

Đáp: Nếu là giác tưởng nhớ, đó gọi là pháp giác.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp giác?

Đáp: Trừ giác, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp giác.

Hỏi: Thế nào là pháp quán?

Đáp: Nếu tâm hành, hành vi tế, hành thuận, đó gọi là pháp quán.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp quán?

Đáp: Trừ quán, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp quán.

Hỏi: Thế nào là pháp kiến?

Đáp: Tuệ kiến, không có sử si kiến, sử trộm giới, đó gọi là pháp kiến.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp kiến?

Đáp: Trừ kiến, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp kiến. Như pháp kiến thì pháp tuệ cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp giải thoát?

Đáp: Nếu giải thoát, lại giải thoát, giải thoát hoàn toàn, đó gọi là pháp giải thoát.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp giải thoát?

Đáp: Trừ pháp giải thoát, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp giải thoát.

Hỏi: Thế nào là pháp không tham?

Đáp: Nếu là pháp không mong cầu, đó gọi là pháp không tham.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp không tham?

Đáp: Trừ không tham, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp không tham.

Hỏi: Thế nào là pháp không sân?

Đáp: Nếu không có xúc não, đó gọi là pháp không sân.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp không sân?

Đáp: Trừ không sân, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp không sân.

Hỏi: Thế nào là pháp không si?

Đáp: Kiến thiện, tuệ thiện, không có si, đó gọi là pháp không si.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp không si?

Đáp: Trừ không si, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp không si.

Hỏi: Thế nào là pháp tín thuận?

Đáp: Tín thiện, tín căn, tín thuận, đó gọi là pháp tín thuận.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tín thuận?

Đáp: Trừ tín thuận, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tín thuận.

Hỏi: Thế nào là pháp hối?

Đáp: Đối với xử làm không làm, xử không làm thì làm, nếu tâm hối hận, nóng bỏng, đó gọi là pháp hối.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hối?

Đáp: Trừ hối, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp hối.

Hỏi: Thế nào là pháp không hối?

Đáp: Đối với xử làm không làm, xử không làm thì làm, nếu tâm không hối hận, không nóng bỏng, đó gọi là pháp không hối.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp không hối?

Đáp: Trừ không phải là hối, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp không hối.

Hỏi: Thế nào là pháp vui thích?

Đáp: Nếu tâm vui thích, đó gọi là pháp vui thích.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp vui thích?

Đáp: Trừ pháp vui thích, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp vui thích.

Hỏi: Thế nào là pháp mừng?

Đáp: Nếu mừng, phần khích lại phần khích, tâm tĩnh lặng hoan hỷ, đó gọi là pháp mừng.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp mừng?

Đáp: Trừ pháp mừng, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp mừng.

Hỏi: Thế nào là pháp tâm tinh tấn?

Đáp: Nếu tâm phát khởi, hiển bày sự vượt qua, đó gọi là pháp tâm tinh tấn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tâm tinh tấn?

Đáp: Trừ tâm tinh tấn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tâm tinh tấn.

Hỏi: Thế nào là pháp tâm trừ (khinh an)?

Đáp: Nếu tâm vui, tâm điều hòa, tâm nhẹ nhàng, tâm hòa dịu, đó gọi là pháp tâm trừ (khinh an).

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tâm trừ (khinh an)?

Đáp: Trừ tâm trừ (khinh an), nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tâm trừ (khinh an).

Hỏi: Thế nào là pháp tín?

Đáp: Nếu là tín, nhập tín, đó gọi là pháp tín.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tín?

Đáp: Trừ pháp tín, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tín.

Hỏi: Thế nào là pháp dục?

Đáp: Nếu trông mong muốn làm, đó gọi là pháp dục.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp dục?

Đáp: Trừ dục, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp dục.

Hỏi: Thế nào là pháp không phóng dật?

Đáp: Nếu giữ gìn tâm, đó gọi là pháp không phóng dật.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp không phóng dật?

Đáp: Trừ không phóng dật, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp không phóng dật.

Hỏi: Thế nào là pháp niệm?

Đáp: Nếu là niệm nhớ nghĩ, đó gọi là pháp niệm.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp niệm?

Đáp: Trừ niệm, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp niệm.

Hỏi: Thế nào là pháp định?

Đáp: Nếu nhất tâm, đó gọi là pháp định.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp định?

Đáp: Trừ định, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp định.

Hỏi: Thế nào là pháp tâm xả?

Đáp: Nếu xả, xả nhiều hơn, xả thuận, tâm không tạo tác, không phải thọ nhận, đó gọi là pháp tâm xả.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tâm xả?

Đáp: Trừ tâm xả, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tâm xả.

Hỏi: Thế nào là pháp nghi?

Đáp: Nếu không đến xứ đã đoạn trừ phiền não, đó gọi là pháp nghi.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp nghi?

Đáp: Trừ nghi, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp nghi.

Hỏi: Thế nào là pháp sợ hãi?

Đáp: Nếu kinh sợ, đó gọi là pháp sợ hãi.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sợ hãi?

Đáp: Trừ sợ hãi, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sợ hãi.

Hỏi: Thế nào là pháp phiền não sử?

Đáp: Nếu là mười sử, đó gọi là pháp phiền não sử.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp phiền não sử?

Đáp: Trừ mười sử, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp phiền não sử.

Hỏi: Thế nào là pháp sử kiến?

Đáp: Kiến bất thiện, tuệ bất thiện, hoặc sử kiến, phần sử kiến, đó gọi là pháp sử kiến.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sử kiến?

Đáp: Trừ sử kiến, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sử kiến.

Hỏi: Thế nào là pháp sử nghi?

Đáp: Như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sử nghi?

Đáp: Trừ sử nghi, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sử nghi.

Hỏi: Thế nào là pháp sử trộm giới (giới cấm thủ)?

Đáp: Kiến bất thiện, tuệ bất thiện, hoặc trộm giới, phân trộm giới, đó gọi là pháp sử trộm giới.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sử trộm giới?

Đáp: Trừ sử trộm giới, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sử trộm giới.

Hỏi: Thế nào là pháp sử ái?

Đáp: Dục nhiễm, đó gọi là pháp sử ái.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sử ái?

Đáp: Trừ sử ái, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sử ái.

Hỏi: Thế nào là pháp sử giận?

Đáp: Não hại, đó gọi là pháp sử giận.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sử giận?

Đáp: Trừ sử giận, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sử giận.

Hỏi: Thế nào là pháp sử ganh ghét?

Đáp: Nếu người khác được lợi dưỡng, tôn trọng, cung kính, đối với người ấy tỏ ra ganh ghét, lại ganh ghét, ganh ghét hoàn toàn, đó gọi là pháp sử ganh ghét.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sử ganh ghét?

Đáp: Trừ sử ganh ghét, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sử ganh ghét.

Hỏi: Thế nào là pháp sử keo kiệt?

Đáp: Nếu đối với của cải vật dụng, không thí, không cho, tâm luôn tiếc lẩn, không buông bỏ, đó gọi là pháp sử keo kiệt.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sử keo kiệt?

Đáp: Trừ sử keo kiệt, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sử keo kiệt.

Hỏi: Thế nào là pháp sử vô minh?

Đáp: Căn bất thiện si, đó gọi là pháp sử vô minh.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sử vô minh?

Đáp: Trừ pháp sử vô minh, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sử vô minh.

Hỏi: Thế nào là pháp sử kiêu mạn?

Đáp: Nếu do kiêu mạn tự cao, đó gọi là pháp sử kiêu mạn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sử kiêu mạn?

Đáp: Trừ sử kiêu mạn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sử kiêu mạn.

Hỏi: Thế nào là pháp sử trạo cử?

Đáp: Nếu là trạo cử, lại trạo cử, dao động hoàn toàn, tâm phóng túng không định, không tĩnh lặng, đó gọi là pháp sử trạo cử.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sử trạo cử?

Đáp: Trừ sử trạo cử, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sử trạo cử.

Hỏi: Thế nào là pháp sinh?

Đáp: Nếu ấm khởi, đó gọi là pháp sinh.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sinh?

Đáp: Trừ sinh, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sinh.

Hỏi: Thế nào là pháp lão?

Đáp: Nếu ấm suy yếu, đó gọi là pháp lão.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp lão?

Đáp: Trừ pháp lão, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp lão.

Hỏi: Thế nào là pháp tử?

Đáp: Nếu ám hư hoại, đó gọi là pháp tử.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tử?

Đáp: Trừ pháp tử, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tử.

Hỏi: Thế nào là pháp mạng?

Đáp: Nếu chúng sinh trụ, đó gọi là pháp mạng.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp mạng?

Đáp: Trừ mạng, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp mạng.

Hỏi: Thế nào là pháp kiết phiền não?

Đáp: Mùoi kiết, đó gọi là pháp kiết phiền não.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp kiết phiền não?

Đáp: Trừ kiết, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp kiết phiền não.

Hỏi: Thế nào là pháp định vô tướng?

Đáp: Nếu lìa trời Quả thật, nếu tâm tâm số pháp tĩnh lặng, nhập định, đó gọi là pháp định vô tướng.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp định vô tướng?

Đáp: Trừ định vô tướng, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp định vô tướng.

Hỏi: Thế nào là pháp đặc quả?

Đáp: Nếu chứng quả, đó gọi là pháp đặc quả.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp đặc quả?

Đáp: Trừ đặc quả, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp đặc quả.

Hỏi: Thế nào là pháp định diệt tận?

Đáp: Nếu là xứ phi tướng phi phi tướng, nếu tâm tâm số pháp là pháp xuất thế tĩnh lặng, đó gọi là pháp định diệt tận.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp định diệt tận?

Đáp: Trừ định diệt tận, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp định diệt tận.

Hỏi: Thế nào là pháp không có giới?

Đáp: Bảy thứ không có giới, đó gọi là pháp không có giới.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp không có giới?

Đáp: Trừ pháp không có giới, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp không có giới.

Hỏi: Thế nào là pháp của giới?

Đáp: Bảy thứ giới, đó gọi là pháp của giới.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp của giới?

Đáp: Trừ giới, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp của giới.

Hỏi: Thế nào là pháp thân hữu lậu tấn?

Đáp: Nếu dùng thân hữu lậu phát khởi, hiển bày, vượt qua, đó gọi là pháp thân hữu lậu tấn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp thân hữu lậu tấn?

Đáp: Trừ pháp thân hữu lậu tấn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp thân hữu lậu tấn.

Hỏi: Thế nào là pháp thân hữu lậu trừ (khinh an)?

Đáp: Nếu thân hữu lậu là thân vui, thân điều hòa, thân nhẹ nhàng, thân dịu dàng, thân khinh an, đó gọi là pháp thân hữu lậu trừ (khinh an).

Hỏi: Thế nào là không phải pháp thân hữu lậu trừ (khinh an)?

Đáp: Trừ pháp thân hữu lậu trừ (khinh an), nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp thân hữu lậu trừ (khinh an).

Hỏi: Thế nào là pháp chánh ngữ?

Đáp: Nếu đối với bốn lỗi của miệng, xa lìa, không ưa, gìn giữ, thâm giữ hành, đó gọi là pháp chánh ngữ.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp chánh ngữ?

Đáp: Trừ chánh ngữ, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp chánh ngữ.

Hỏi: Thế nào là pháp chánh nghiệp?

Đáp: Nếu đối với ba điều ác của thân, xa lìa, không ưa, gìn giữ, thâm giữ hành, đó gọi là pháp chánh nghiệp.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp chánh nghiệp?

Đáp: Trừ chánh nghiệp, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp chánh nghiệp.

Hỏi: Thế nào là pháp chánh mạng?

Đáp: Trừ hành ác của thân, miệng, nếu là tà mạng khác, không làm, không ưa, gìn giữ, thâm giữ hành, đó gọi là pháp chánh mạng.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp chánh mạng?

Đáp: Trừ chánh mạng, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp chánh mạng.

Hỏi: Thế nào là pháp chánh thân tấn?

Đáp: Nếu dùng thân vô lậu phát khởi, hiển bày, vượt qua, đó gọi là pháp chánh thân tấn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp chánh thân tấn?

Đáp: Trừ pháp chánh thân tấn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp chánh thân tấn.

Hỏi: Thế nào là pháp chánh thân trừ (khinh an)?

Đáp: Nếu thân vô lậu là thân vui, thân điều hòa, thân nhẹ nhàng, thân dịu dàng, thân khinh an, đó gọi là pháp chánh thân trừ (khinh an).

Hỏi: Thế nào là không phải pháp chánh thân trừ (khinh an)?

Đáp: Trừ pháp chánh thân trừ (khinh an), nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp chánh thân trừ (khinh an).

Hỏi: Thế nào là pháp trí duyên tận?

Đáp: Nếu các nhân diệt hết trọn vẹn, đó gọi là pháp trí duyên tận.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp trí duyên tận?

Đáp: Trừ trí duyên tận, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp trí duyên tận.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải trí duyên tận?

Đáp: Nếu các duyên của pháp hữu vi không hội tụ, đó gọi là pháp không phải trí duyên tận.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp không phải trí duyên tận?

Đáp: Trừ không phải là trí duyên tận, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp không phải trí duyên tận.

Hỏi: Thế nào là pháp quyết định?

Đáp: Nếu pháp là tất định, đó gọi là pháp quyết định.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp quyết định?

Đáp: Trừ quyết định, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp quyết định.

Hỏi: Thế nào là pháp của pháp trụ?

Đáp: Trừ duyên như thế, nếu là pháp khác, như thế, không đổi thay, không khác, không phải vật khác, là pháp thường, pháp thật, pháp trụ, pháp định không phải là duyên, đó gọi là pháp của pháp trụ.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp của pháp trụ?

Đáp: Trừ pháp của pháp trụ, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp của pháp trụ.

Hỏi: Thế nào là pháp duyên?

Đáp: Nếu duyên như thế, đó gọi là pháp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp duyên?

Đáp: Trừ duyên, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp duyên.

Hỏi: Thế nào là pháp không xứ?

Đáp: Không xứ có hai thứ: Hoặc hữu vi, hoặc vô vi.

Hỏi: Thế nào là không xứ hữu vi?

Đáp: Nếu là định không xứ, sinh không xứ.

Hỏi: Thế nào là định không xứ?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo lia hết thấy tướng sắc, diệt tướng giận, không tư duy về từng ấy tướng, thành tựu hành của xứ vô biên không, đó gọi là định không xứ.

Hỏi: Thế nào là sinh không xứ?

Đáp: Nếu gần gũi với định, tu học nhiều xong, ở trên không xứ thiên, thọ nhận bốn thứ phần ngã là thọ, tướng, hành, thức, đó gọi

là sinh không xứ. Định không xứ, sinh không xứ như thế, đó gọi là không xứ hữu vi.

Hỏi: Thế nào là không xứ vô vi?

Đáp: Nếu dùng trí đoạn không xứ, đó gọi là không xứ vô vi.

Thức xứ, bất dụng xứ, phi tướng phi phi tướng xứ cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp nhãn giới?

Đáp: Nhãn nhập, đó gọi là pháp nhãn giới.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp nhãn giới?

Đáp: Trừ nhãn giới, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp nhãn giới. Cho đến ý thức giới cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp sắc âm?

Đáp: Nếu là mười sắc nhập và sắc của pháp nhập, đó gọi là pháp sắc âm.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sắc âm?

Đáp: Trừ sắc âm, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sắc âm.

Hỏi: Thế nào là pháp thọ âm?

Đáp: Nếu là sáu thọ, đó gọi là pháp thọ âm.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp thọ âm?

Đáp: Trừ thọ âm, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp thọ âm.

Hỏi: Thế nào là pháp tướng âm?

Đáp: Nếu là sáu tướng, đó gọi là pháp tướng âm.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tướng âm?

Đáp: Trừ tướng âm, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tướng âm.

Hỏi: Thế nào là pháp hành âm?

Đáp: Nếu là sáu tư, đó gọi là pháp hành âm.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hành âm?

Đáp: Trừ hành âm, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp hành âm.

Hỏi: Thế nào là pháp thức âm?

Đáp: Nếu là sáu thức, đó gọi là pháp thức âm.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp thức âm?

Đáp: Trừ thức âm, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp thức âm.

Hỏi: Thế nào là pháp khổ Thánh đế?

Đáp: Tám khổ, đó gọi là pháp khổ Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp khổ Thánh đế?

Đáp: Trừ khổ Thánh đế, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp khổ Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là pháp tập Thánh đế?

Đáp: Nghĩa là ái, lại có dục nhiễm, mừng, vui, đó gọi là pháp tập Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tập Thánh đế?

Đáp: Trừ tập Thánh đế, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tập Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là pháp diệt Thánh đế?

Đáp: Ái lìa bỏ, xuất sinh, giải thoát, diệt tận hoàn toàn, đó gọi là pháp diệt Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp diệt Thánh đế?

Đáp: Trừ diệt Thánh đế, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp diệt Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là pháp đạo Thánh đế?

Đáp: Tám Thánh đạo, đó gọi là pháp đạo Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp đạo Thánh đế?

Đáp: Trừ tám Thánh đạo, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp đạo Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là pháp nhãn căn?

Đáp: Nhãn nhập, đó gọi là pháp nhãn căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp nhãn căn?

Đáp: Trừ nhãn căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp nhãn căn.

Nhĩ, tử, thiệt, thân căn cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp nữ căn?

Đáp: Thân nữ, tánh nữ, tướng nữ, hình nữ, đó gọi là pháp nữ căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp nữ căn?

Đáp: Trừ nữ căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp nữ căn.

Hỏi: Thế nào là pháp nam căn?

Đáp: Thân nam, tánh nam, tướng nam, hình nam, đó gọi là pháp nam căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp nam căn?

Đáp: Trừ nam căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp nam căn.

Hỏi: Thế nào là pháp mạng căn?

Đáp: Nếu là tuổi thọ, đó gọi là pháp mạng căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp mạng căn?

Đáp: Trừ mạng căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp mạng căn.

Hỏi: Thế nào là pháp lạc căn?

Đáp: Lạc căn trong thọ ấm, đó gọi là pháp lạc căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp lạc căn?

Đáp: Trừ lạc căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp lạc căn.

Khô căn, ưu căn, hỷ căn, xả căn cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là pháp ý căn?

Đáp: Ý nhập, đó gọi là pháp ý căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp ý căn?

Đáp: Trừ ý căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp ý căn.

Hỏi: Thế nào là pháp tín căn?

Đáp: Tín Thánh, tín thuận Thánh nơi tín căn, đó gọi là pháp tín căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tín căn?

Đáp: Trừ tín căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tín căn.

Hỏi: Thế nào là pháp tấn căn?

Đáp: Tâm Thánh tấn, chánh thân tấn nơi tấn căn, đó gọi là pháp tấn căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tấn căn?

Đáp: Trừ tấn căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tấn căn.

Hỏi: Thế nào là pháp niệm căn?

Đáp: Niệm Thánh nơi niệm căn, đó gọi là pháp niệm căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp niệm căn?

Đáp: Trừ niệm căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp niệm căn.

Hỏi: Thế nào là pháp định căn?

Đáp: Pháp định căn của Thánh, đó gọi là pháp định căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp định căn?

Đáp: Trừ định căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp định căn.

Hỏi: Thế nào là pháp tuệ căn?

Đáp: Căn không si của Thánh nơi kiến Thánh tuệ Thánh, đó gọi là pháp tuệ căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tuệ căn?

Đáp: Trừ tuệ căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tuệ căn.

Hỏi: Thế nào là pháp vị tri dục tri căn?

Đáp: Người kiên tín, kiên pháp nơi pháp vô lậu của Thánh, không phải căn được gọi là căn, nghĩa là các phần tử, tư v.v..., đó gọi là pháp vị tri dục tri căn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp vị tri dục tri căn?

Đáp: Trừ pháp vị tri dục tri căn, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp vị tri dục tri căn.

Tri căn, dĩ tri căn cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp niệm giác?

Đáp: Niệm giác của Thánh, đó gọi là pháp niệm giác.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp niệm giác?

Đáp: Trừ niệm giác, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp niệm giác.

Hỏi: Thế nào là pháp trạch pháp giác?

Đáp: Trạch pháp giác vô si của Thánh nơi kiến Thánh, tuệ Thánh, đó gọi là pháp trạch pháp giác.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp trạch pháp giác?

Đáp: Trừ trạch pháp giác, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp trạch pháp giác.

Hỏi: Thế nào là pháp tấn giác?

Đáp: Tấn của tâm Thánh, tấn giác của chánh thân, đó gọi là pháp tấn giác.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tấn giác?

Đáp: Trừ tấn giác, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tấn giác.

Hỏi: Thế nào là pháp hỷ giác?

Đáp: Hỷ của Thánh nơi hỷ giác, đó gọi là pháp hỷ giác.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hỷ giác?

Đáp: Trừ hỷ giác, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp hỷ giác.

Hỏi: Thế nào là pháp trừ (khinh an) giác?

Đáp: Trừ giác nơi trừ của tâm Thánh, đó gọi là pháp trừ giác.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp trừ (khinh an) giác?

Đáp: Trừ trừ giác, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp trừ giác.

Hỏi: Thế nào là pháp định giác?

Đáp: Định giác nơi định của Thánh, đó gọi là pháp định giác.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp định giác?

Đáp: Trừ định giác, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp định giác.

Hỏi: Thế nào là pháp xả giác?

Đáp: Xả giác nơi xả của tâm Thánh, đó gọi là pháp xả giác.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp xả giác?

Đáp: Trừ xả giác, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp xả giác.

Hỏi: Thế nào là pháp căn bất thiện tham?

Đáp: Nếu là trông mong, đó gọi là pháp căn bất thiện tham.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn bất thiện tham?

Đáp: Trừ căn bất thiện tham, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp căn bất thiện tham.

Căn bất thiện sân, căn bất thiện si cũng như thế

Hỏi: Thế nào là pháp căn thiện không tham?

Đáp: Nếu không mong cầu, đó gọi là pháp căn thiện không tham.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp căn thiện không tham?

Đáp: Trừ căn thiện không tham, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp căn thiện không tham.

Căn thiện không sân, căn thiện không si cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp địa đại?

Đáp: Địa đại trong xúc nhập, đó gọi là pháp địa đại.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp địa đại?

Đáp: Trừ địa đại, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp địa đại.

Thủy, hỏa, phong đại cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp của giới không sát sinh?

Đáp: Giới không sát sinh, đó gọi là pháp của giới không sát sinh.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp của giới không sát sinh?

Đáp: Trừ giới không sát sinh, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp của giới không sát sinh.

Cho đến pháp của xứ không uống rượu, không phóng dật cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp sắc?

Đáp: Nếu là sắc pháp, đó gọi là pháp sắc.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp sắc?

Đáp: Trừ sắc, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp sắc.

Hỏi: Thế nào là pháp có thể thấy?

Đáp: Sắc nhập, đó gọi là pháp có thể thấy.

Hỏi: Thế nào là pháp không thể thấy?

Đáp: Trừ sắc nhập, nếu là pháp khác, đó gọi là pháp không thể thấy.

Hỏi: Thế nào là pháp có đối?

Đáp: Mười sắc nhập, đó gọi là pháp có đối.

Hỏi: Thế nào là pháp không có đối?

Đáp: Ý nhập, pháp nhập, đó gọi là pháp không có đối.

Hỏi: Thế nào là pháp Thánh?

Đáp: Nếu là pháp vô lậu, đó gọi là pháp Thánh.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp Thánh?

Đáp: Nếu là pháp hữu lậu, đó gọi là không phải pháp Thánh.

Hữu lậu, vô lậu; có nhiễm, không nhiễm; có cầu, không cầu; sẽ nhận lấy, không phải sẽ nhận lấy; có nhận lấy, không nhận lấy; có hơn, không hơn cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp thọ?

Đáp: Nếu là pháp nội, đó gọi là pháp thọ.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp thọ?

Đáp: Nếu là pháp ngoại, đó gọi là không phải pháp thọ.

Hỏi: Thế nào là pháp nội?

Đáp: Nếu là pháp thọ, đó gọi là pháp nội.

Hỏi: Thế nào là pháp ngoại?

Đáp: Nếu pháp không phải là thọ, đó gọi là pháp ngoại.

Hỏi: Thế nào là pháp có báo?

Đáp: Nếu là pháp của pháp báo, đó gọi là pháp có báo.

Hỏi: Thế nào là pháp không có báo?

Đáp: Nếu pháp báo hoặc không phải là báo, không phải là pháp báo, đó gọi là pháp không có báo.

Hỏi: Thế nào là pháp tâm?

Đáp: Ý nhập, đó gọi là pháp tâm.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tâm?

Đáp: Trừ tâm, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp tâm.

Hỏi: Thế nào là pháp tương ưng với tâm?

Đáp: Nếu là tâm số pháp, đó gọi là pháp tương ưng với tâm.

Hỏi: Thế nào là pháp không tương ưng với tâm?

Đáp: Nếu pháp không phải là tâm số và tâm, đó gọi là pháp không tương ưng với tâm.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tương ưng với tâm?

Đáp: Nếu pháp không phải là tâm số, đó gọi là không phải pháp tương ưng với tâm.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp không tương ưng với tâm?

Đáp: Nếu là tâm số pháp, đó gọi là không phải pháp không tương ưng với tâm.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải tương ưng với tâm không phải không tương ưng với tâm?

Đáp: Ý nhập, đó gọi là pháp không phải tương ưng với tâm không phải không tương ưng với tâm.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải không tương ưng với tâm không phải không chẳng tương ưng với tâm?

Đáp: Nếu tâm số pháp không phải là tâm số, đó gọi là pháp không phải không tương ưng với tâm không phải không chẳng tương ưng với tâm.

Hỏi: Thế nào là pháp tâm số?

Đáp: Trừ tâm, là pháp có duyên khác, đó gọi là pháp tâm số.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tâm số?

Đáp: Nếu là pháp không duyên cùng tâm, đó gọi là không phải pháp tâm số.

Hỏi: Thế nào là pháp có duyên?

Đáp: Nếu là tâm số pháp và tâm, đó gọi là pháp có duyên.

Hỏi: Thế nào là pháp không duyên?

Đáp: Trừ tâm, nếu là pháp khác không phải là tâm số, đó gọi là pháp không duyên.

Hỏi: Thế nào là pháp tâm chung?

Đáp: Nếu pháp tùy tâm chuyển, cùng tâm sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là pháp tâm chung.

Hỏi: Thế nào là pháp tâm không chung?

Đáp: Nếu pháp không tùy tâm chuyển, không cùng với tâm sinh, không cùng trụ, không cùng diệt, đó gọi là pháp tâm không chung.

Pháp tùy tâm chuyển, không tùy tâm chuyển cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp nghiệp?

Đáp: Nghiệp của thân, miệng ý, đó gọi là pháp nghiệp.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp nghiệp?

Đáp: Trừ nghiệp của thân, khẩu, ý, nếu là pháp khác, đó gọi là không phải pháp nghiệp.

Hỏi: Thế nào là pháp tương ưng của nghiệp?

Đáp: Nếu pháp tương ưng với tư, đó gọi là pháp tương ưng của nghiệp.

Hỏi: Thế nào là pháp không tương ưng của nghiệp?

Đáp: Nếu không phải tương ưng với tư và tư, đó gọi là pháp không tương ưng của nghiệp.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tương ưng của nghiệp?

Đáp: Nếu pháp không phải tương ưng với tư, đó gọi là không phải pháp tương ưng của nghiệp.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp không tương ưng của nghiệp?

Đáp: Nếu pháp tương ưng với tư, đó gọi là không phải pháp không tương ưng của nghiệp.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tương ưng của nghiệp, không phải là không tương ưng của nghiệp?

Đáp: Tư, đó gọi là không phải pháp tương ưng của nghiệp, không phải không tương ưng của nghiệp

Hỏi: Thế nào là không phải không tương ưng của nghiệp, không phải là không chẳng tương ưng của nghiệp?

Đáp: Nếu là tương ưng của tư, hoặc không phải là tương ưng của tư, đó gọi là không phải không tương ưng của nghiệp, không phải là không chẳng tương ưng của nghiệp.

Hỏi: Thế nào là pháp cộng nghiệp?

Đáp: Nếu pháp theo nghiệp chuyên, cùng với nghiệp sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là pháp cộng nghiệp.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp cộng nghiệp?

Đáp: Nếu pháp không theo nghiệp chuyên, không cùng nghiệp sinh, không cùng trụ, không cùng diệt, đó gọi là không phải pháp cộng nghiệp.

Pháp tùy nghiệp chuyên, không tùy nghiệp chuyên cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp của nhân?

Đáp: Nếu pháp có duyên, hoặc không duyên có báo, trừ được quả, nếu pháp không duyên, có báo thiện và bốn đại, đó gọi là pháp của nhân.

Hỏi: Thế nào là pháp không nhân?

Đáp: Nếu pháp không duyên, không báo, không cùng với nghiệp được quả, đó gọi là pháp không nhân.

Hỏi: Thế nào là pháp có nhân?

Đáp: Nếu pháp có duyên, đó gọi là pháp có nhân.

Hỏi: Thế nào là pháp không nhân?

Đáp: Nếu pháp không có đầu mối, đó gọi là pháp không nhân.

Pháp có đầu mối, không đầu mối, có duyên, không duyên, hữu vi, vô vi cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp biết?

Đáp: Biết tất cả pháp, thấy biết như tướng, đó gọi là pháp biết.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp biết?

Đáp: Không có không phải là pháp biết. Lại nữa, nơi tất cả pháp thấy biết không như tướng, đó gọi là không phải pháp biết.

Nhận thức, không phải nhận thức, thấu tỏ, không phải thấu tỏ, hiểu rõ, không phải hiểu rõ cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp đoạn trí biết?

Đáp: Nếu là pháp bất thiện, đó gọi là pháp đoạn trí biết.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp đoạn trí biết?

Đáp: Nếu là pháp thiện, vô ký, đó gọi là không phải pháp đoạn trí biết.

Đoạn, không phải đoạn cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp tu?

Đáp: Nếu là pháp thiện, đó gọi là pháp tu.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp tu?

Đáp: Nếu là pháp bất thiện, vô ký, đó gọi là không phải pháp tu.

Hỏi: Thế nào là pháp chứng?

Đáp: Tất cả pháp chứng, thấy biết như tướng, đó gọi là pháp chứng.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp chứng?

Đáp: Không có không phải là pháp chứng. Lại nữa, tất cả pháp không phải chứng, tức không thấy biết như tướng, đó gọi là không phải pháp chứng.

Hỏi: Thế nào là pháp thiện?

Đáp: Nếu là pháp tu, đó gọi là pháp thiện.

Hỏi: Thế nào là không có pháp thiện?

Đáp: Nếu là pháp bất thiện, vô ký, đó gọi là không có pháp thiện.

Hỏi: Thế nào là pháp bất thiện?

Đáp: Nếu pháp đoạn, đó gọi là pháp bất thiện.

Hỏi: Thế nào là không có pháp bất thiện?

Đáp: Nếu là pháp thiện, vô ký, đó gọi là không có pháp bất thiện.

Hỏi: Thế nào là pháp vô ký?

Đáp: Nếu là pháp thọ, hoặc không phải báo, không phải là pháp báo, đó gọi là pháp vô ký.

Hỏi: Thế nào là không có pháp vô ký?

Đáp: Nếu là pháp thiện, bất thiện, đó gọi là không có pháp vô ký.

Hỏi: Thế nào là pháp học?

Đáp: Nếu là pháp Thánh không phải là vô học, đó gọi là pháp học.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp học?

Đáp: Nếu pháp không phải là Thánh, hoặc là vô học, đó gọi là không phải pháp học.

Hỏi: Thế nào là pháp vô học?

Đáp: Nếu là pháp Thánh không phải là học, đó gọi là pháp vô học.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp vô học?

Đáp: Nếu pháp không phải là Thánh, hoặc là học, đó gọi là không phải pháp vô học.

Hỏi: Thế nào là pháp phi học phi vô học?

Đáp: Nếu pháp không phải là Thánh, đó gọi là pháp phi học phi vô học.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp phi học phi vô học?

Đáp: Nếu là pháp Thánh, đó gọi là không phải pháp phi học phi vô học.

Hỏi: Thế nào là pháp báo?

Đáp: Nếu thọ nhận, nếu là báo thiện, đó gọi là pháp báo.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp báo?

Đáp: Nếu là bất thiện, nếu là thiện có báo, hoặc là không phải báo, không phải là pháp báo, đó gọi là không phải pháp báo.

Hỏi: Thế nào là pháp của pháp báo?

Đáp: Nếu pháp có báo, đó gọi là pháp của pháp báo.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp của pháp báo?

Đáp: Nếu là báo, hoặc không phải là báo, không phải là pháp báo, đó gọi là không phải pháp của pháp báo.

Hỏi: Thế nào là không phải báo, không phải là pháp của pháp báo?

Đáp: Nếu là pháp vô ký, không phải là vô vi Thánh thuộc về phần của ta, đó gọi là không phải báo, không phải là pháp của pháp báo.

Hỏi: Thế nào là không phải là không phải báo, không phải là không phải pháp của pháp báo?

Đáp: Nếu là báo, hoặc là pháp báo, đó gọi là không phải là không phải báo, không phải là không phải pháp của pháp báo.

Hỏi: Thế nào là pháp do kiến đoạn?

Đáp: Nếu là pháp bất thiện, không phải do tư duy đoạn, đó gọi là pháp do kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp do kiến đoạn?

Đáp: Nếu là pháp thiện, hoặc là vô ký do tư duy đoạn, đó gọi là không phải pháp do kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là pháp do tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là pháp bất thiện, không phải do kiến đoạn, đó gọi là pháp do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp do tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là pháp thiện, hoặc là vô ký do kiến đoạn, đó gọi là không phải pháp do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp do kiến đoạn, không phải pháp do tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là pháp thiện, vô ký, đó gọi là không phải pháp do kiến đoạn, không phải pháp do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là chẳng phải là không phải pháp do kiến đoạn, chẳng phải là không phải pháp do tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là pháp bất thiện, đó gọi là chẳng phải là không phải pháp do kiến đoạn, chẳng phải là không phải pháp do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân của kiến đoạn?

Đáp: Nếu là pháp do kiến đoạn, hoặc là báo của pháp do kiến đoạn, đó gọi là pháp nhân của kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp nhân của kiến đoạn?

Đáp: Nếu là pháp thiện, hoặc là báo của pháp thiện, hoặc là báo của pháp do tư duy đoạn, hoặc không phải là báo, không phải là pháp báo, đó gọi là không phải pháp nhân của kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân của tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là pháp do tư duy đoạn, hoặc là báo của pháp do tư duy đoạn, đó gọi là pháp nhân của tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp nhân của tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là pháp thiện, hoặc là báo của pháp thiện, hoặc là báo của pháp do kiến đoạn, hoặc không phải là báo, không phải là pháp báo, đó gọi là không phải pháp nhân của tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp nhân của kiến đoạn, không phải pháp nhân của tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là pháp thiện, hoặc là báo của pháp thiện, hoặc không phải là báo không phải là pháp báo, đó gọi là không phải pháp nhân của kiến đoạn, không phải pháp nhân của tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là chẳng phải là không phải pháp nhân của kiến đoạn, chẳng phải là không phải pháp nhân của tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là pháp bất thiện, hoặc là báo của pháp bất thiện, đó gọi là chẳng phải là không phải pháp nhân của kiến đoạn, chẳng phải là không phải pháp nhân của tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là pháp hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Nếu là pháp dục lậu, hữu lậu, đó gọi là pháp hệ thuộc cõi dục.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Nếu là pháp hệ thuộc cõi sắc, vô sắc, hoặc là pháp không hệ thuộc, đó gọi là không phải pháp hệ thuộc cõi dục.

Hỏi: Thế nào là pháp hệ thuộc cõi sắc?

Đáp: Nếu là pháp sắc lậu, hữu lậu, đó gọi là pháp hệ thuộc cõi sắc.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hệ thuộc cõi sắc?

Đáp: Nếu là pháp hệ thuộc cõi dục, cõi vô sắc, hoặc là pháp không hệ thuộc, đó gọi là không phải pháp hệ thuộc cõi sắc.

Hỏi: Thế nào là pháp hệ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Nếu là pháp vô sắc lậu, hữu lậu, đó gọi là pháp hệ thuộc cõi vô sắc.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hệ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Nếu là pháp cõi dục, hoặc là pháp hệ thuộc cõi sắc, hoặc không hệ thuộc, đó gọi là không phải pháp hệ thuộc cõi vô sắc.

Hỏi: Thế nào là pháp không hệ thuộc?

Đáp: Nếu là vô vi, vô lậu của Thánh, đó gọi là pháp không hệ thuộc.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp không hệ thuộc?

Đáp: Nếu hệ thuộc ba cõi, đó gọi là không phải pháp không hệ thuộc.

Hỏi: Thế nào là pháp quá khứ?

Đáp: Nếu pháp sinh rồi diệt, đó gọi là pháp quá khứ.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp quá khứ?

Đáp: Nếu là vị lai, hiện tại, hoặc không phải là quá khứ, không phải là vị lai, không phải là hiện tại, đó gọi là không phải pháp quá khứ.

Hỏi: Thế nào là pháp vị lai?

Đáp: Nếu pháp chưa sinh, chưa xuất, đó gọi là pháp vị lai.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp vị lai?

Đáp: Nếu là quá khứ, hiện tại, hoặc không phải là quá khứ, không phải là vị lai, không phải là hiện tại, đó gọi là không phải pháp vị lai.

Hỏi: Thế nào là pháp hiện tại?

Đáp: Nếu pháp sinh chưa diệt, đó gọi là pháp hiện tại.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp hiện tại?

Đáp: Nếu là pháp quá khứ, vị lai, hoặc không phải là quá khứ, không phải là vị lai, không phải là hiện tại, đó gọi là không phải pháp hiện tại.

Hỏi: Thế nào là không phải pháp quá khứ, không phải pháp vị lai, không phải pháp hiện tại?

Đáp: Nếu là pháp vô vi, đó gọi là không phải pháp quá khứ, không phải pháp vị lai, không phải pháp hiện tại.

Hỏi: Thế nào là chẳng phải là không phải pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại?

Đáp: Nếu là pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, đó gọi là chẳng phải là không phải pháp quá khứ, vị lai, hiện tại.

(Môn tánh xong).

(Đoạn tiếp theo dưới đây cho đến hết quyển 22, bản Hán dịch không rõ là nói về gì? ND).

Pháp hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc khổ đế.

Không phải pháp hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc khổ đế.

Pháp hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc tập đế.

Không phải pháp hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc tập đế.

Pháp hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc diệt đế.

Không phải pháp hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc diệt đế.

Pháp hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc đạo đế.

Không phải pháp hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc đạo đế.

Pháp hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Pháp căn có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn.

Không phải pháp căn có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn.

Pháp căn hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế. Trừ pháp không phải căn hệ thuộc khổ đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc khổ đế. Trừ không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế.

Pháp căn hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn hệ thuộc tập đế: Không có pháp căn hệ thuộc tập đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc tập đế. Trừ không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế.

Pháp căn hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn hệ thuộc diệt đế: Không có pháp căn hệ thuộc diệt đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc diệt đế. Trừ không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế.

Pháp căn hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc đạo đế. Trừ pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế. Không có không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc đạo đế. Trừ không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế.

Pháp căn hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế. Trừ pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn hệ thuộc các Thánh đế. Trừ không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế.

Pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc khổ đế. Trừ pháp căn hệ thuộc khổ đế.

Không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc khổ đế. Trừ không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn không phải hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc tập đế. Trừ pháp căn hệ thuộc tập đế là không có.

Không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc tập đế. Trừ không phải pháp căn hệ thuộc tập đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc diệt đế. Trừ pháp căn hệ thuộc diệt đế là không có.

Không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc diệt đế. Trừ không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế là không có.

Không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, trừ pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc đạo đế. Trừ không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế.

Pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế. Trừ pháp căn hệ thuộc các Thánh đế.

Không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc các Thánh đế. Trừ không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế.

Pháp nhãn nhập có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp nhãn nhập, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp nhãn nhập.

Không phải pháp nhãn nhập có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp nhãn nhập, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp nhãn nhập, cho đến pháp nhập cũng như thế.

Pháp nhãn giới có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp nhãn giới, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp nhãn giới.

Không phải pháp nhãn giới có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp nhãn giới, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp nhãn giới, cho đến pháp giới cũng như thế.

Pháp sắc âm có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp sắc âm, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc âm.

Không phải pháp sắc âm có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp sắc âm, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp sắc âm, cho đến thức âm cũng như thế.

Pháp khở Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp khở Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp khở Thánh đế.

Không phải pháp khở Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp khổ Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp khổ Thánh đế, cho đến pháp đạo Thánh đế cũng như thế.

Pháp nhãn căn có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp nhãn căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp nhãn căn.

Không phải pháp nhãn căn có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp nhãn căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp nhãn căn, cho đến pháp dĩ tri căn cũng như thế.

Pháp niệm giác có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp niệm giác, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp niệm giác.

Không phải pháp niệm giác có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp niệm giác, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp niệm giác, cho đến pháp xả giác cũng như thế.

Pháp căn bất thiện tham có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn bất thiện tham, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn bất thiện tham.

Không phải pháp căn bất thiện tham có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn bất thiện tham, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn bất thiện tham. Giận, si cũng như thế.

Pháp căn thiện không tham có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn thiện không tham, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn thiện không tham.

Không phải pháp căn thiện không tham có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn thiện không tham, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn thiện không tham. Không sân, không si cũng như thế.

Pháp địa đại có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp địa đại, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp địa đại.

Không phải pháp địa đại có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp địa đại, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp địa đại. Thủy, hỏa, phong đại cũng như thế.

Pháp của giới không sát sinh có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp của giới không sát sinh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp của giới không sát sinh.

Không phải pháp của giới không sát sinh có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp của giới không sát sinh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp của giới không sát sinh, cho đến không uống rượu, ở chỗ không phóng dật cũng như thế.

Pháp sắc có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp sắc, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc.

Không phải pháp sắc có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp sắc, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp sắc, cho đến pháp quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như thế (Môn riêng xong).

HẾT - QUYỂN 21

LUẬN XÁ LỢI PHÁT A TỶ ĐÀM

QUYÊN 22

Phẩm thứ 1: PHẦN GỒM THẬU THUỘC VỀ TƯƠNG ƯNG, phần 2

Sắc là pháp hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc không phải pháp hệ thuộc khổ đế.

Sắc không phải pháp hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc khổ đế.

Sắc là pháp hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp hệ thuộc tập đế là không có.

Sắc không phải pháp hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc tập đế là không có.

Sắc là pháp hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc không phải pháp hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc là pháp hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc không phải pháp hệ thuộc đạo đế.

Sắc không phải pháp hệ thuộc đạo đế, có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc đạo đế.

Sắc là pháp hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Sắc không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Sắc là pháp căn có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc không phải pháp căn.

Sắc không phải pháp căn có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp căn.

Sắc là pháp căn hệ thuộc khổ để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp căn hệ thuộc khổ để, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc không phải pháp hệ thuộc khổ để. Trừ sắc là pháp căn không phải hệ thuộc khổ để.

Sắc không phải pháp căn hệ thuộc khổ để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp căn hệ thuộc khổ để, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc khổ để. Trừ sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ để là không có.

Sắc là pháp căn hệ thuộc tập để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp căn hệ thuộc tập để là không có.

Sắc không phải pháp căn hệ thuộc tập để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp căn hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc tập đế là không có. Trừ sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế.

Sắc là pháp căn hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp căn hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc diệt đế là không có. Trừ sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế.

Sắc là pháp căn hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp căn hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc không phải pháp hệ thuộc đạo đế. Trừ sắc là pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế là không có.

Sắc không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế.

Sắc là pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế. Trừ sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế.

Sắc không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc các Thánh đế. Trừ sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế là không có.

Sắc là pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc không phải pháp hệ thuộc khổ đế. Trừ sắc là pháp căn hệ thuộc khổ đế

Sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế là không có.

Sắc là pháp căn không phải hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp căn không phải hệ thuộc tập đế là không có.

Sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc tập đế là không có. Trừ sắc không phải pháp căn hệ thuộc tập đế.

Sắc là pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc diệt đế là không có. Trừ sắc không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế.

Sắc là pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế là không có.

Sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc là pháp hệ thuộc đạo đế. Trừ sắc không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế.

Sắc là pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc là pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Trừ sắc không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế. Trừ sắc là pháp căn hệ thuộc các Thánh đế.

Sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế là không có.

Không phải pháp sắc, như pháp sắc đã nói. Cho đến pháp quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như thế. (Hai lớp xong)

Sắc thiện là pháp hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện không phải pháp hệ thuộc khổ đế.

Sắc thiện không phải pháp hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc khổ đế.

Sắc thiện là pháp hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp hệ thuộc tập đế là không có.

Sắc thiện không phải pháp hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc tập đế.

Sắc thiện là pháp hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc thiện không phải pháp hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc thiện là pháp hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện không phải pháp hệ thuộc đạo đế.

Sắc thiện không phải pháp hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc đạo đế.

Sắc thiện là pháp hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Sắc thiện không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Pháp căn của sắc thiện có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn của sắc thiện, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện không phải pháp căn.

Sắc thiện không phải pháp căn có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp căn trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ pháp căn của sắc thiện.

Sắc thiện là pháp căn hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp căn hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc khổ đế. Trừ sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế là không có.

Sắc thiện là pháp căn hệ thuộc tập đế là không có.

Sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc khổ đế. Trừ sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế là không có.

Sắc thiện là pháp căn hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp căn hệ thuộc tập đế là không có.

Sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc tập đế là không có. Trừ sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế.

Sắc thiện là pháp căn hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp căn hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc diệt đế là không có. Trừ sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế.

Sắc thiện là pháp căn hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp căn hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện không phải pháp hệ thuộc đạo đế. Trừ sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế là không có.

Sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc đạo đế. Trừ sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế.

Sắc thiện là pháp căn hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế. Trừ sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế.

Sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc các Thánh đế. Trừ sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế là không có.

Sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện không phải pháp hệ thuộc khổ đế. Trừ sắc thiện là pháp căn hệ thuộc khổ đế là không có.

Sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ để là không có.

Sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc tập để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc tập để là không có.

Sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập để, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc tập để là không có. Trừ sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc tập để.

Sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc diệt để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc diệt để là không có.

Sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc diệt đế là không có. Trừ sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế.

Sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế là không có.

Sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện là pháp hệ thuộc đạo đế. Trừ sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế.

Sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện là pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế. Trừ sắc thiện là pháp căn hệ thuộc các Thánh đế.

Sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh để là không có.

Thiện không phải sắc cũng như thế. Cho đến pháp quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như thế (Ba lớp xong).

Sắc của học thiện là pháp hệ thuộc khổ để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc của học thiện là pháp hệ thuộc khổ để là không có.

Sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc khổ để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc khổ để, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc của học thiện là pháp hệ thuộc khổ để là không có.

Sắc của học thiện là pháp hệ thuộc tập để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc của học thiện là pháp hệ thuộc tập để là không có.

Sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc tập để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc của học thiện là pháp hệ thuộc tập đế là không có.

Sắc của học thiện là pháp hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc của học thiện là pháp hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc của học thiện là pháp hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc của học thiện là pháp hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc của học thiện là pháp hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc đạo đế.

Sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc của học thiện là pháp hệ thuộc đạo đế.

Sắc của học thiện là pháp hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc của học thiện là pháp hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc của học thiện không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc của học thiện là pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Pháp căn của sắc học thiện có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn của sắc học thiện, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc học thiện không phải pháp căn là không có.

Sắc học thiện không phải pháp căn có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện không phải pháp căn là không có?

Sắc học thiện là pháp căn hệ thuộc khổ để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện là pháp căn hệ thuộc khổ để là không có.

Sắc học thiện không phải pháp căn hệ thuộc khổ để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện không phải pháp căn hệ thuộc khổ để, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc học thiện là pháp hệ thuộc khổ để là không có. Trừ sắc học thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ để là không có.

Sắc học thiện là pháp căn hệ thuộc tập để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện là pháp căn hệ thuộc tập để là không có.

Sắc học thiện không phải pháp căn hệ thuộc tập để có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện không phải pháp căn hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc học thiện là pháp hệ thuộc tập đế là không có. Trừ sắc học thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế là không có. Sắc học thiện là pháp căn không hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc học thiện là pháp căn hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện là pháp căn hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc học thiện không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc học thiện là pháp hệ thuộc diệt đế là không có. Trừ sắc học thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế là không có.

Sắc học thiện là pháp căn hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện là pháp căn hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc học thiện không phải pháp hệ thuộc đạo đế. Trừ sắc học thiện là pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế là không có.

Sắc học thiện không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc học thiện là pháp hệ thuộc đạo đế. Trừ sắc học thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế là không có.

Sắc học thiện là pháp căn hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện là pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc thiện không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế. Trừ sắc học thiện là pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế là không có.

Sắc học thiện không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không có pháp thiện. Trừ thiện không phải pháp không có thiện. Trừ thiện không phải pháp vô học. Trừ học thiện không phải pháp sắc. Trừ sắc học thiện là pháp hệ thuộc các Thánh đế. Trừ sắc học thiện không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế là không có.

Sắc học thiện là pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Sắc học thiện là pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế đều không có.

Thiện không phải sắc cũng như nói về pháp sắc ở trên. Cho đến pháp quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như thế (Bốn lớp nhiếp sự xong).

Pháp hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc khổ đế.

Không phải pháp hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc khổ đế.

Pháp hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc tập đế.

Không phải pháp hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc tập đế.

Pháp hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc diệt đế.

Không phải pháp hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc diệt đế.

Pháp hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc đạo đế.

Không phải pháp hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc đạo đế.

Pháp hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Pháp căn có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn.

Không phải pháp căn có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn.

Pháp căn hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn hệ thuộc khổ đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế.

Pháp căn hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Là không có.

Không phải pháp căn hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc tập đế. (*Chẳng hiểu là nói về gì? ND*)

Hỏi: Không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn hệ thuộc tập đế.

Pháp căn hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Là không có.

Không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc diệt đế.

Hỏi: Không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế.

Pháp căn hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc đạo đế.

Hỏi: Pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế là không có. Trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn hệ thuộc đạo đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc đạo đế.

Hỏi: Không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế.

Pháp căn hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Hỏi: Pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn hệ thuộc các Thánh đế.

Không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Hỏi: Không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế.

Pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc khổ đế.

Hỏi: Pháp căn hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế.

Không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc khổ đế.

Hỏi: Không phải pháp căn hệ thuộc khổ đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn không phải hệ thuộc khổ đế.

Pháp căn không phải hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc tập đế.

Hỏi: Pháp căn hệ thuộc tập đế là không có. Trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn không phải hệ thuộc tập đế.

Không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc tập đế.

Hỏi: Không phải pháp căn hệ thuộc tập đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn không phải hệ thuộc tập đế.

Pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc diệt đế.

Hỏi: Pháp căn hệ thuộc diệt đế là không có. Trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế.

Không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc diệt đế.

Hỏi: Không phải pháp căn hệ thuộc diệt đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn không phải hệ thuộc diệt đế.

Pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Là không có.

Pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc đạo đế.

Hỏi: Không phải pháp căn hệ thuộc đạo đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn không phải hệ thuộc đạo đế.

Pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Hỏi: Pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế.

Không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp hệ thuộc các Thánh đế.

Hỏi: Không phải pháp căn hệ thuộc các Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn không phải hệ thuộc các Thánh đế.

* Pháp nhãn nhập có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp nhãn nhập, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp nhãn nhập. Cho đến pháp nhập cũng như thế.

Pháp nhãn giới có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp nhãn giới, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp nhãn giới.

Không phải pháp nhãn giới có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp nhãn giới, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp nhãn giới. Cho đến pháp giới cũng như thế.

* Pháp sắc ấm có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp sắc ấm, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp sắc ấm.

Không phải pháp sắc ấm có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp sắc âm, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc âm. Cho đến thức âm cũng như thế.

* Pháp khở Thánh đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp khở Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp khở Thánh đế.

Không phải pháp khở Thánh đế có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp khở Thánh đế, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp khở Thánh đế. Cho đến đạo Thánh đế cũng như vậy.

* Pháp nhãn căn có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp nhãn căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp nhãn căn.

Không phải pháp nhãn căn có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp nhãn căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp nhãn căn. Cho đến dĩ tri căn cũng như thế.

* Pháp niệm giác có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập.

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp niệm giác, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp niệm giác.

Không phải pháp niệm giác có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp niệm giác, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp niệm giác. Cho đến pháp xả giác cũng như thế.

* Pháp căn bất thiện tham có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn bất thiện tham, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn bất thiện tham.

Không phải pháp căn bất thiện tham có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn bất thiện tham, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn bất thiện tham. Pháp căn bất thiện giận, si cũng như thế.

Pháp căn thiện không tham có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp căn thiện không tham, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp căn thiện không tham.

Không phải pháp căn thiện không tham có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp căn thiện không tham, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp căn thiện không tham. Không sân, không si cũng như thế.

* Pháp địa đại có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp địa đại, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp địa đại.

Không phải pháp địa đại có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp địa đại, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp địa đại.

Thủy, hỏa, phong đại cũng như thế.

* Pháp của giới không sát sinh có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp của giới không sát sinh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp của giới không sát sinh.

Không phải pháp của giới không sát sinh có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp của giới không sát sinh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp của giới không sát sinh. Cho đến xứ không uống rượu, không phóng dật cũng như thế.

* Pháp sắc có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Không phải pháp sắc, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ pháp sắc.

Không phải pháp sắc có bao nhiêu thứ không phải thuộc về âm, giới, nhập?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp sắc, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Trừ không phải pháp sắc. Cho đến pháp quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như thế.

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 23

Phẩm thứ 2: PHẦN GỒM THẬU TƯƠNG ƯNG THEO TƯƠNG ƯNG, phần 1

Tâm tâm số pháp: Nên biết tương ưng, nên biết không tương ưng, nên biết không có tương ưng, nên biết không phải không có tương ưng, tương ưng. Nên biết cũng có tương ưng, không tương ưng, không có tương ưng, không phải không có tương ưng, không tương ưng. Nên biết cũng có tương ưng, không tương ưng, không có tương ưng, không phải không có tương ưng, không tương ưng. Nên biết cũng có tương ưng, không tương ưng, không có tương ưng, không phải không có tương ưng, không tương ưng. Nên biết cũng có tương ưng, không tương ưng, không có tương ưng, không phải không có tương ưng.

Tương ưng: Nghĩa là tâm cùng với số pháp tương ưng, số pháp cùng với tâm tương ưng. Số pháp của số pháp cùng với số pháp tương ưng. Trừ tự tánh. Tự tánh của tự tánh không tương ưng, không phải không có tương ưng.

Tâm tâm số pháp tương ưng tức đang hỏi, nay sẽ nói: Nhãn thức giới cho đến ý giới, ý thức giới.

Xúc thân, xúc tâm, xúc danh, xúc đối, xúc ái, xúc giận, xúc minh, xúc vô minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh.

Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn. Thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán.

Nhãn, kiến, trí, giải thoát, không tham, không giận, không si.

Tín thuận, hối, không hối, tâm vui thích, mừng, tâm tấn, tâm trừ (khinh an), tín, dục, không phóng dật, niệm, xả, sợ hãi.

Phiền não sử, sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử ái, sử giận, sử ganh ghét, sử keo kiệt, sử vô minh, sử mạn, sử trạo cử.

Định có giác có quán, định không giác có quán, định không giác không quán, định không, định vô tướng, định vô nguyện.

Tín căn, cho đến tuệ căn, gọi là môn tương ưng.

Hỏi: Thế nào là nhãn thức giới?

Đáp: Nếu thức - nhãn căn nhân nơi cảnh giới sắc, đã sinh, nay sinh, sẽ sinh, không nhất định, đó gọi là nhãn thức giới.

Nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức giới cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là ý giới?

Đáp: Nếu ý nhận biết pháp, nghĩ đến pháp, nếu tâm đầu tiên đã sinh, nay sinh, sẽ sinh, không nhất định, đó gọi là ý giới.

Hỏi: Thế nào là ý thức giới?

Đáp: Không lìa cảnh giới của ý kia, nếu tâm khác giống với ý ấy, đã sinh, nay sinh, sẽ sinh, không nhất định, đó gọi là ý thức giới.

Hỏi: Thế nào là xúc thân?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với thân thức, đó gọi là xúc thân. Lại nữa, xúc thân, nếu xúc tương ưng với năm thức thân: nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức, đó gọi là xúc thân.

Hỏi: Thế nào là xúc tâm?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với ý thức, đó gọi là xúc tâm.

Hỏi: Thế nào là xúc danh?

Đáp: Nếu là xúc tâm, đó gọi là xúc danh.

Hỏi: Thế nào là xúc đối?

Đáp: Nếu là xúc thân, đó gọi là xúc đối.

Hỏi: Thế nào là xúc ái?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với dục nhiễm, đó gọi là xúc ái.

Hỏi: Thế nào là xúc giận?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với giận dữ, đó gọi là xúc giận.

Hỏi: Thế nào là xúc minh?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với Thánh trí, đó gọi là xúc minh.

Hỏi: Thế nào là xúc vô minh?

Đáp: Nếu là xúc bất thiện không tương ưng với trí, đó gọi là xúc vô minh.

Hỏi: Thế nào là xúc của phần minh?

Đáp: Nếu phần minh của xúc phát sinh minh, được minh, có thể khiến minh rộng lớn, đó gọi là xúc của phần minh.

Hỏi: Thế nào là xúc của phần vô minh?

Đáp: Nếu phần vô minh của xúc sinh vô minh, được vô minh, có thể khiến vô minh rộng lớn, đó gọi là xúc của phần vô minh.

Lại nữa, xúc của phần minh, nếu xúc tương ưng với nhãn thuộc Thánh, đó gọi là xúc của phần minh.

Lại nữa, xúc của phần vô minh, nếu xúc không phải là Thánh, không phải tương ưng với phiền não, đó gọi là xúc của phần vô minh.

Lại nữa, xúc của phần minh, nếu là xúc thuộc Thánh có thể được quả trí, đó gọi là xúc của phần minh.

Lại nữa, xúc của phần vô minh, nếu xúc không phải là Thánh, nếu là bất thiện, vô ký, đó gọi là xúc của phần vô minh.

Hỏi: Thế nào là lạc căn?

Đáp: Nếu thân thọ nhận vui, mắt tiếp xúc với lạc thọ, tai, mũi, lưỡi, thân tiếp xúc với lạc thọ, lạc giới, đó gọi là lạc căn.

Hỏi: Thế nào là khổ căn?

Đáp: Nếu thân không thọ nhận khổ, mắt tiếp xúc với khổ thọ, tai, mũi, lưỡi, thân tiếp xúc với khổ thọ, khổ giới, đó gọi là khổ căn.

Hỏi: Thế nào là hỷ căn?

Đáp: Nếu tâm thọ nhận vui, ý tiếp xúc với lạc thọ, hỷ giới, đó gọi là hỷ căn.

Hỏi: Thế nào là ưu căn?

Đáp: Nếu tâm không thọ nhận khổ, ý tiếp xúc với khổ thọ, ưu giới, đó gọi là ưu căn.

Hỏi: Thế nào là xả căn?

Đáp: Nếu thân tâm không thọ nhận khổ vui, mắt tiếp xúc với không khổ không vui, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với thọ không khổ không lạc, xả giới, đó gọi là xả căn.

Hỏi: Thế nào là thọ?

Đáp: Nếu tâm thọ nhận, đó gọi là thọ.

Lại nữa, thọ là sáu thọ: Thọ của nhãn xúc, thọ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Thế nào là thọ của nhãn xúc? Nếu thọ tương ưng với nhãn thức, đó gọi là thọ của nhãn xúc. Cho đến thọ của ý cũng như thế.

Lại nữa, thọ của nhãn xúc duyên nơi nhãn, duyên nơi sắc, phát sinh nhãn thức, ba pháp hòa hợp sinh xúc duyên nơi thọ, đó gọi là thọ của nhãn xúc. Cho đến thọ của ý cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là tướng?

Đáp: Nếu là tướng, tướng nhớ, tướng vượt hơn, đó gọi là tướng.

Lại nữa, tướng là sáu tướng: Tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Thế nào là tướng sắc? Nếu tướng tương ứng với nhãn thức, đó gọi là tướng sắc. Tướng thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Lại nữa, tướng sắc, cảnh giới sắc, tư duy về sắc, nếu là tướng, tướng nhớ, tướng vượt hơn, đó gọi là tướng sắc. Tướng thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là tư?

Đáp: Nếu tư, đang tư, duyên nơi tư, nếu tâm có tạo tác, đó gọi là tư.

Lại nữa, tư là sáu tư: Tư sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Thế nào là tư sắc? Nếu tư tương ứng với nhãn thức, đó gọi là tư sắc. Tư thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Lại nữa, tư sắc, cảnh giới sắc, tư duy về sắc, nếu tư, đang tư, duyên nơi tư, nếu tâm có tạo tác, đó gọi là tư sắc. Tư thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là xúc?

Đáp: Nếu xúc, đang xúc, đó gọi là xúc.

Lại nữa, xúc là sáu xúc: Xúc nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Thế nào là xúc nhãn? Nếu xúc tương ứng với nhãn thức, đó gọi là xúc nhãn. Xúc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.

Lại nữa, xúc nhãn duyên nơi nhãn, duyên nơi sắc, sinh nhãn thức, ba pháp hòa hợp sinh xúc, đó gọi là xúc nhãn. Xúc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là tư duy?

Đáp: Nếu tâm phân biệt, so sánh, suy tính, nhớ nghĩ, đó gọi là tư duy.

Lại nữa, tư duy là sáu tư duy: Tư duy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Thế nào là tư duy sắc? Nếu tư duy tương ứng với nhãn thức, đó gọi là tư duy sắc. Tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Lại nữa, tư duy sắc, cảnh giới sắc, tư duy về sắc, nếu tâm phân biệt, so sánh, lường tính, nhớ nghĩ, đó gọi là tư duy sắc. Tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là giác?

Đáp: Nếu giác, lại giác, tưởng nhớ, duyên nơi cảnh giới tâm ngữ, đó gọi là giác.

Lại nữa, giác là sáu giác: Giác sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Thế nào là giác sắc? Nếu dùng cảnh giới sắc, tư duy về sắc được giác, lại giác, tưởng nhớ, duyên nơi cảnh giới tâm ngữ, đó gọi là giác sắc. Giác thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là quán?

Đáp: Nếu tâm hành, hành vi tế, thâm nhuần vi tế, phân biệt vi tế, tâm tùy chuyển vi tế, đó gọi là quán.

Lại nữa, quán là sáu quán: Quán sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Thế nào là quán sắc? Nếu dùng cảnh giới sắc, tư duy về sắc, nếu tâm hành, hành vi tế, thâm nhuần vi tế, phân biệt vi tế, tâm tùy chuyển vi tế, đó gọi là quán sắc. Quán thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là nhãn?

Đáp: Tham, ham muốn có được, nếu đối với pháp thuận, không thuận, có thể chịu đựng, nhẫn nhục, đó gọi là nhẫn.

Hỏi: Thế nào là kiên?

Đáp: Kiên có hai thứ: Hoặc kiên nhẫn, hoặc kiên trí.

Thế nào là kiên nhẫn? Nếu tham, ham muốn có được, nếu đối với pháp thuận, không thuận, có thể chịu đựng, nhẫn nhục, đó gọi là kiên nhẫn.

Thế nào là kiên trí? Nếu tất giữ lấy nơi pháp, đó gọi là kiên trí.

Hỏi: Thế nào là trí?

Đáp: Nếu tất giữ lấy pháp thiện, đó gọi là trí. Lại nữa, trí có bốn trí: Pháp trí, tỷ trí, thế trí, tha tâm trí, đó gọi là trí.

Hỏi: Thế nào là giải thoát?

Đáp: Nếu giải, lại giải, giải cứu cánh, tâm hướng đến sự việc ấy, tôn thượng sự việc ấy, dốc hướng tới đây, dùng sự việc ấy nên giải thoát, đó gọi là giải thoát.

Lại nữa, giải thoát có sáu giải thoát: Giải thoát sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Thế nào là giải thoát sắc? Nếu giải thoát tương ưng với nhãn thức, đó gọi là giải thoát sắc. Giải thoát thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Lại nữa, giải thoát sắc, nếu dùng cảnh giới sắc, tư duy về sắc, nếu giải, lại giải, giải cứu cánh, tâm hướng đến giải thoát, tôn thượng giải thoát, dốc hướng về giải thoát, do sắc ấy nên giải thoát, đó gọi là giải thoát sắc. Giải thoát thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là không tham?

Đáp: Nếu không mong cầu, đó gọi là không tham.

Lại nữa, nếu có thể gắng nhẫn lia tâm tham, đó gọi là không tham.

Lại nữa, nếu ở trong năm dục, yêu, mừng, vừa ý, yêu sắc, dục nhiễm cùng nối tiếp. Nhãn thức nhận biết sắc, yêu, mừng, vừa ý, yêu sắc dục nhiễm cùng nối tiếp. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức tiếp xúc với yêu, mừng, vừa ý, yêu sắc dục nhiễm cùng nối tiếp. Nếu đối với dục của người khác, của cải, vật dụng của người khác, vợ, con của người khác, không muốn tham, nhận lấy. Nếu không tham, lại không tham, hoàn toàn không tham, tâm không vướng mắc, không mong cầu, không ái chấp, không nhiễm dục. Và các pháp có thể tham khác, nếu không tham, lại không tham, hoàn toàn không tham, tâm không tham vướng, không mong cầu, không ái chấp, không nhiễm dục. Đó gọi là không tham.

Hỏi: Thế nào là không giận?

Đáp: Nếu không tranh tụng, đó gọi là không giận.

Lại nữa, nếu có thể gắng nhẫn lia tâm giận dữ, đó gọi là không giận.

Lại nữa, nếu đối với ít chúng sinh, hoặc nhiều chúng sinh, muốn khiến chúng sinh này không bị trói buộc, không bị giam giữ, không bị tổn hại, chớ để cho từng ấy chúng sinh thêm khổ. Nếu không giận, lại không giận, hoàn toàn không giận, tâm lia giận dữ, không tranh tụng, không ghét hại, không có phiền não duyên nơi tâm, không oán hận, tâm từ lại hành từ, hành từ rất ráo, xót thương muốn làm lợi ích cho các chúng sinh ấy. Và nơi các pháp có thể giận dữ khác, nếu không giận, lại không giận, hoàn toàn không giận dữ, tâm lia giận dữ, không tranh tụng, không ghét hại, không có phiền não duyên nơi tâm, không oán hận, tâm hành từ, lại hành từ, hành từ rất ráo, xót thương muốn làm cho pháp lợi ích, đó gọi là không giận.

Hỏi: Thế nào là không si?

Đáp: Nếu sáng suốt, đó gọi là không si.

Lại nữa, nếu có thể gắng nhẫn lia tâm si, đó gọi là không si.

Lại nữa, nếu nhận biết khổ, tập, diệt, đạo, biết biên vực trước, biên vực sau, biết biên vực trước sau, biết trong, biết ngoài, biết lỗi lầm tai hại lớn nơi tập diệt của sáu xúc nhập, biết nẻo xuất yếu, biết nhân duyên, biết nghiệp báo, biết duyên sinh, biết thiện, bất thiện, vô ký, đen, trắng, có duyên, không duyên, có minh, không minh, có thể tạo tác, không thể tạo tác, đáng thân cận, không đáng thân cận. Nếu đối với các pháp ấy không si, không tối, không quên, không mất, chánh niệm, không chướng ngại, không che ngăn, không có bóng tối che lấp, không dờ dang, không có trói buộc, không có đục loạn. Ngọn lửa sáng, thuật sáng, soi chiếu phương tiện giải xét của tri kiến theo tuệ nhãn, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác, chánh kiến. Và nơi các pháp si khác, không si, không tối, không quên, không mất, chánh niệm, không chướng ngại, không che ngăn, không có bóng tối che lấp, không dờ dang, không có trói buộc, không có đục loạn. Ngọn lửa sáng, thuật sáng, soi rõ phương tiện giải xét của tri kiến theo tuệ nhãn, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác, chánh kiến. Đó gọi là không si.

Hỏi: Thế nào là tín thuận?

Đáp: Nếu tin thuận với thiện, không trái, đó gọi là tín thuận.

Hỏi: Thế nào là hối?

Đáp: Nếu ở nơi xứ có thể làm, không thể làm, nếu làm, không làm xong, đối với sự việc đã làm đó, tâm địa nóng bức, lại nóng bức, hoàn toàn nóng bức, đó gọi là hối.

Hỏi: Thế nào là không hối?

Đáp: Nếu ở nơi xứ có thể làm, không thể làm, nếu có thể làm, không thể làm xong, đối với việc đã làm kia, không nóng bức, lại không nóng bức, hoàn toàn không chút nóng bức, lo nghĩ, đó gọi là không hối.

Hỏi: Thế nào là tâm vui thích?

Đáp: Nếu tâm vui vẻ, thích thú, yêu thích vị vui mừng, đó gọi là tâm vui thích.

Hỏi: Thế nào là mừng?

Đáp: Nếu hoan hỷ, phấn khích, đang phấn khích, lia giận dữ, được tỉnh lặng, đó gọi là mừng.

Hỏi: Thế nào là tâm tấn?

Đáp: Nếu tâm phát khởi, hiển lộ, vượt qua, đó gọi là tâm tấn.

Hỏi: Thế nào là tâm trừ?

Đáp: Nếu tâm vui, tâm điều hòa, tâm mềm dịu, tâm nhẹ nhàng, đó gọi là tâm trừ.

Hỏi: Thế nào là tín?

Đáp: Nếu là tín, nhập tín, tín vượt hơn, đó gọi là tín.

Hỏi: Thế nào là dục?

Đáp: Nếu muốn, lại muốn, hy vọng muốn làm, muốn phát khởi, muốn hiển bày, muốn đạt đến, muốn có được, muốn tiếp xúc, muốn giải xét, muốn chứng đắc, đó gọi là dục.

Hỏi: Thế nào là không phóng dật?

Đáp: Nếu ngăn che, gìn giữ tâm, suy nghĩ muốn khiến tâm ta không nhiễm đối với pháp nhiễm, không giận đối với pháp giận, không si đối với pháp si, không vương mắc nơi pháp cấu uế, không thuận với pháp sắc dục, không tự cao đối với pháp kiêu mạn, không phóng dật đối với pháp phóng dật, đó gọi là không phóng dật.

Hỏi: Thế nào là niệm?

Đáp: Nếu là nghĩ, nhớ nghĩ, đó gọi là niệm.

Hỏi: Thế nào là tâm xả?

Đáp: Nếu buông bỏ, buông bỏ vượt hơn, tâm bình đẳng, tâm đều nhau, tâm thanh tịnh, không tạo tác, không thọ nhận, đó gọi là tâm xả.

Hỏi: Thế nào là sợ hãi?

Đáp: Nếu đối với các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, hoặc là chúng sinh, nếu sợ hãi, lại sợ hãi, hoàn toàn sợ hãi, tâm hết sức sợ hãi, đó gọi là sợ hãi.

Hỏi: Thế nào là phiền não sử?

Đáp: Có mười sử: Sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử ái, sử giận, sử ganh ghét, sử keo kiệt, sử vô minh, sử kiêu mạn, sử trạo cử, đó gọi là phiền não sử.

Hỏi: Thế nào là sử kiến?

Đáp: Trừ kiến giới đạo, nếu là các kiến khác, đó gọi là sử kiến.

Lại nữa, sử kiến có sáu mươi hai kiến và tà kiến, gọi là sử kiến.

Hỏi: Thế nào là sử nghi?

Đáp: Nếu có người duyên nơi nghi hoặc về quá khứ, cho quá khứ của ta là có, ta không phải là quá khứ có. Quá khứ có là do tánh gì? Nhân gì? Duyên gì?

Nghi hoặc về vị lai: Vị lai của ta là có, ta không phải là vị lai có. Vị lai có là do tánh gì? Nhân gì? Duyên gì?

Nghi hoặc về hiện tại: Hiện tại của ta là có, hiện tại của ta không phải là có. Hiện tại có là do tánh gì? Nhân gì? Duyên gì? Do đâu hiện tại có, tức là nơi sinh của ta, chúng sinh này từ nơi nào đến? Rồi đi về đâu?

Nếu nghi hoặc về Đức Thế Tôn: Là Phật, Thế Tôn hay không phải là Phật, Thế Tôn? Thế Tôn khéo giảng nói pháp, hay Thế Tôn

không khéo giảng nói pháp? Chúng Thanh văn của Đức Thế Tôn khéo hướng đến, hay chúng Thanh văn của Đức Thế Tôn không khéo hướng đến? Hành là thường hay hành là vô thường? Hành là khổ hay hành không phải là khổ? Pháp vô ngã hay pháp không phải vô ngã? Niết-bàn là tĩnh lặng hay không phải Niết-bàn tĩnh lặng? Có cho hay không có cho? Có thí hay không có thí? Có cúng tế hay không có cúng tế? Có quả báo của nghiệp thiện ác hay không có quả báo của nghiệp thiện ác? Có đời nay hay không có đời nay? Có đời sau hay không có đời sau? Có cha mẹ hay không có cha mẹ? Có trời hay không có trời? Chúng sinh có hóa sinh hay chúng sinh không có hóa sinh? Thế gian có Sa-môn, Bà-la-môn, hướng chính đáng, đến chính đáng, như đời nay, đời sau, tự chứng biết, nêu bày? Hay thế gian không có Sa-môn, Bà-la-môn, hướng chính đáng, đến chính đáng, như đời nay, đời sau, thân chứng biết, nêu bày? Nếu đối với các pháp kia, nghi hoặc, lại nghi hoặc, hoàn toàn nghi hoặc, tâm không quyết định, hai tâm do dự, tâm nghi không hiểu rõ, vô lượng nghi không hết, không giải thoát. Do dự, lại do dự, hoàn toàn do dự. Như thế gọi là sử nghi.

Hỏi: Thế nào là sử giới đạo?

Đáp: Nếu là kiến giới đạo, đó gọi là sử giới đạo. Lại nữa, lấy giới làm tịnh, lấy giới trộm (giới cầm thú) làm tịnh, giải thoát không dựa vào sự dứt hết biên vực của tất cả khổ. Hoặc nhẫn chịu nơi giác dục, xúc chứng giới, cho là gìn giữ thân, khẩu, đạo nghĩa là tà, nuôi tốt tóc, kính thờ nước lửa, mặt trời, mặt trăng, gìn giữ giới bò, nai, chó, im lặng v.v... để mong cầu báo là lực sĩ, tôn quý trong nẻo người, trời. Siêng hành trì khổ hạnh tà hạnh như thế, đây gọi là đạo. Nếu giới, nếu đạo, nhằm tìm cầu, tìm cầu xong, lấy giới đạo này làm tịnh, làm tịnh xong thì làm giải thoát, làm giải thoát xong thì lấy các thứ ấy cho là Thánh nhân, là La-hán, là Niết-bàn. Nếu đối với các tà hạnh ấy nhận lấy ham muốn, có thể ưa thích, tham chấp. Như thế gọi là sử giới đạo.

Hỏi: Thế nào là sử ái?

Đáp: Nếu là dục nhiễm, đó gọi là sử ái.

Hỏi: Thế nào là sử giận?

Đáp: Nếu ghét bỏ, giận dữ, đó gọi là sử giận.

Hỏi: Thế nào là sử ganh ghét?

Đáp: Nếu thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, lễ bái, tức tỏ ra ganh ghét, tâm giận dữ, phần nộ, ganh ghét, đó gọi là sử ganh ghét.

Hỏi: Thế nào là sử keo kiệt?

Đáp: Nếu keo kiệt, tiếc lẫn của cải, vật dụng, tâm tham lam không buông bỏ, đó gọi là sử keo kiệt.

Hỏi: Thế nào là sử vô minh?

Đáp: Căn bất thiện si, đó gọi là sử vô minh.

Hỏi: Thế nào là sử kiêu mạn?

Đáp: Nếu do mạn nên tự cao, đó gọi là sử kiêu mạn.

Hỏi: Thế nào là sử trạo cử?

Đáp: Nếu lay động bất định, phát khởi buông thả phóng túng, không tĩnh lặng, không tĩnh lặng chính đáng, tâm không thôi dứt, đó gọi là sử trạo cử.

Định có giác có quán, định không giác có quán, định không giác không quán, định không, định vô tướng, định vô nguyện, như trong ba chi đạo của Phạm đạo đã nói rộng.

Hỏi: Thế nào là tín căn?

Đáp: Người học lìa phiền não, có tâm Thánh hướng đến đạo Thánh. Nếu là kiên tín, kiên pháp và người hướng đến khác, thấy

lỗi lầm tai hại của hành, quán Niết-bàn tĩnh lặng, quán như thật về khổ tập diệt đạo, chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng. Người kiến học tu đạo, lìa phiền não, hoặc là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm đầy đủ hành quán, nếu ở địa trí, hoặc quán tâm giải thoát, tức được quả Sa-môn, quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm. Người vô học A-la-hán chưa được pháp Thánh, muốn được tu đạo, hành quán đầy đủ, nếu ở địa trí, nếu quán tâm giải thoát, tức được quả A-la-hán. Như nơi người thật, như hướng đến người tín nhập tín, tín vượt hơn, tín chân, tâm tịnh, đó gọi là tín căn.

Tán, niệm, định, tuệ căn cũng như thế.

HẾT - QUYỂN 23

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỲ ĐÀM

QUYỂN 24

Phẩm thứ 2: PHẦN GỒM THẬU TƯƠNG ƯNG CỦA PHẦN TƯƠNG ƯNG, phần 2

Bảy mươi hai phần môn tương ưng nay sẽ nói:

Năm thức giới, mỗi thức đều mười hai. Hai thức giới, mỗi thức đều sáu mươi: Xúc thân mười ba. Xúc tâm, xúc danh đều có năm mươi ba. Xúc đối cũng mười ba. Xúc thân, xúc ái hai mươi lăm. Xúc giận hai mươi ba. Xúc minh ba mươi lăm. Xúc vô minh ba mươi bốn. Xúc của phần minh ba mươi lăm. Xúc của phần vô minh ba mươi. Lạc căn mười ba. Khổ căn cũng như thế. Hỷ căn năm mươi một. Ưu căn ba mươi bảy. Xả căn năm mươi sáu. Thọ sáu mươi lăm. Tưởng, tư, xúc, tư duy, mỗi pháp đều trừ tự tánh. Số còn lại: Giác năm mươi chín. Quán sáu mươi. Nhẫn năm mươi ba. Kiến năm mươi bốn. Trí ba mươi lăm. Giải thoát sáu mươi chín. Không tham hai mươi chín. Không sân cũng như thế. Không si bốn mươi hai. Tín thuận bốn mươi bốn. Hối ba mươi bốn. Không hối ba mươi sáu. Vui thích năm mươi hai. Hỷ cũng như thế. Tâm tấn sáu mươi. Tâm trừ bốn mươi một. Tín năm mươi tám. Dục sáu mươi một. Không phóng dật bốn mươi sáu. Niệm năm mươi chín. Tâm xả bốn mươi một. Sợ hãi hai mươi bảy. Phiền não sử bốn mươi chín. Sử kiến hai mươi tám. Sử nghi mười chín. Sử trộm giới hai mươi tám. Sử ái hai mươi chín. Sử giận dữ hai mươi bảy. Sử ganh tỵ hai mươi bốn. Sử keo kiệt cũng như

thế. Vô minh ba mươi chín. Mạn, trạo cử cũng như thế. Định có giác có quán ba mươi lăm. Định không giác có quán ba mươi bốn. Định không giác không quán ba mươi ba. Định không ba mươi bốn. Định vô tướng, định vô nguyện cũng như thế. Tín căn ba mươi tám. Tấn căn ba mươi chín. Niệm căn cũng như thế. Định căn ba mươi bốn. Tuệ căn ba mươi sáu.

Hỏi: Thế nào là phần nhãn thức giới?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với nhãn thức, nghĩa là xúc thân, xúc đối, xúc của phần vô minh, lạc căn, khổ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giải thoát. Đó gọi là phần nhãn thức giới.

Phần nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức giới cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là phần ý giới?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với ý giới, nghĩa là xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc giận dữ, xúc minh, xúc vô minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, hỷ căn cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần ý giới. Phần ý thức giới cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là phần xúc thân?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với xúc thân, nghĩa là nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, lạc căn, khổ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư duy, giải thoát. Đó gọi là phần xúc thân.

Hỏi: Thế nào là phần xúc tâm?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với xúc tâm, nghĩa là ý giới, ý thức giới, trừ xúc, hỷ căn, cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần xúc tâm. Phần xúc danh cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là phần xúc đối?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với xúc đối, nghĩa là nhãn thức giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức giới, lạc căn, khổ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giải thoát. Đó gọi là phần xúc đối.

Hỏi: Thế nào là phần xúc ái?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với xúc ái, nghĩa là ý giới, ý thức giới, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, không hối, vui thích, tâm tấn, tín, dục, niệm, phiền não sử, sử ái, sử vô minh, mạn, trạo cử. Đó gọi là phần xúc ái.

Hỏi: Thế nào là phần xúc giận?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với xúc giận dữ, nghĩa là ý giới, ý thức giới, ưu căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, hối, tâm tấn, tín, dục, niệm, sợ hãi, phiền não sử, sử giận, sử vô minh, mạn, trạo cử. Đó gọi là phần xúc giận.

Hỏi: Thế nào là phần xúc minh?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với xúc minh, nghĩa là ý giới, ý thức giới, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, kiến, trí, giải thoát, không si, tín thuận, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ (khinh an), tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, định có giác có quán, định không giác có quán, định không giác không quán, định không, định vô tướng, định vô nguyện, tín căn, cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần xúc minh.

Hỏi: Thế nào là phần xúc vô minh?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với xúc vô minh, nghĩa là ý giới, ý thức giới, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, hối, không hối, vui thích, hỷ, tâm tấn, tín, dục, niệm, sợ hãi, phiền não sử và mười phiền não sử. Đó gọi là phần xúc vô minh.

Hỏi: Thế nào là xúc của phần minh?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với xúc của phần minh, nghĩa là ý giới, ý thức giới, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, không si, tín thuận, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ,

tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, định có giác có quán, cho đến tuệ căn. Đó gọi là xúc của phần minh.

Hỏi: Thế nào là xúc của phần vô minh?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với xúc của phần vô minh, nghĩa là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức giới, ý giới, ý thức giới, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, kiến, trí, giải thoát, không tham, không giận, không si, tín thuận, hồi, không hồi, vui mừng, tâm tấn, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm trừ, sợ hãi, định có giác có quán, định không giác có quán, định không giác không quán. Đó gọi là xúc của phần vô minh.

Hỏi: Thế nào là phần lạc căn?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với lạc căn, nghĩa là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức giới, xúc thân, xúc đối, xúc của phần vô minh, tưởng, tư, xúc, tư duy, giải thoát. Đó gọi là phần lạc căn.

Hỏi: Thế nào là phần khổ căn?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với khổ căn, nghĩa là nhãn thức giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức giới, xúc thân, xúc đối, xúc của phần vô minh, tưởng, xúc, tư duy, giải thoát. Đó gọi là phần khổ căn.

Hỏi: Thế nào là phần hỷ căn?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với hỷ căn, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc minh, xúc vô minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, tưởng, tư, xúc, tư duy, giải thoát, giác, quán, kiến, trí, giải thoát, không tham, không giận, không si, tín thuận, không hồi, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, phiền não sử, sử kiến, sử giới đạo, sử ái, sử vô minh, mạn, trạo cử, định có giác có quán, cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần hỷ căn.

Hỏi: Thế nào là phần ưu căn?

Đáp: Là nêu pháp tương ưng với ưu căn, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc giận, xúc vô minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, tưởng, tư, xúc, tư duy, giải thoát, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không tham, không giận, không si, tín thuận, hồi, tâm tấn, tín, dục, không phóng dật, niệm, sợ hãi, phiền não sử, sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử giận, sử ganh ghét, sử keo kiệt, sử vô minh, mạn, trạo cử. Đó gọi là phần ưu căn.

Hỏi: Thế nào là phần xả căn?

Đáp: Là nêu pháp tương ưng với xả căn, nghĩa là nhãn thức giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức giới, ý giới, ý thức giới, xúc nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, xúc tâm, xúc danh, xúc đối, xúc ái, xúc minh, xúc vô minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không tham, không giận, không si, tín thuận, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, phiền não sử, sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử ái, sử vô minh, mạn, trạo cử, định có giác có quán, cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần xả căn.

Hỏi: Thế nào là phần thọ?

Đáp: Là nêu pháp tương ưng với thọ. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là các tự tánh. Đó gọi là không phải phần thọ.

Hỏi: Thế nào là phần tưởng?

Đáp: Là nêu pháp tương ưng với tưởng. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là các tự tánh. Đó gọi là không phải phần tưởng.

Hỏi: Thế nào là phần tư?

Đáp: Là nêu pháp tương ưng với tư. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là các tự tánh. Đó gọi là không phải phần tư.

Hỏi: Thế nào là phần xúc?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với xúc. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là các tự tánh. Đó gọi là không phải phần xúc.

Phần tư duy nói như phần tướng.

Hỏi: Thế nào là phần giác (tâm)?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với giác. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là tự tánh của lạc căn, khổ căn, tự tánh của xúc đối, xúc nơi năm thức giới thân, là định không giác có quán, định không giác không quán. Đó gọi là không phải phần giác.

Hỏi: Thế nào là phần quán (tứ)?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với quán. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là tự tánh của lạc căn, khổ căn, tự tánh của xúc đối, xúc nơi năm thức giới thân, là định không giác không quán. Đó gọi là không phải phần quán.

Hỏi: Thế nào là phần nhãn?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với nhãn. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là tự tánh của mười lăm thứ xúc vô minh, xúc thân, là kiến, trí, tuệ căn, không si, do kiến đoạn ba thứ phiền não là thân kiến, nghi, giới đạo. Đó gọi là không phải phần nhãn.

Hỏi: Thế nào là phần kiến?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với kiến. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là năm tự tánh của chín nhất hướng thân, là nhãn, trí, tuệ căn, không si, do kiến đạo đoạn ba thứ phiền não là thân kiến, nghi, giới đạo. Đó gọi là không phải phần kiến.

Hỏi: Thế nào là phần trí?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với trí. Nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tướng, tư,

xúc, tư duy, giác quán, giải thoát, thuận tín, vui thích, hỷ, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, định có giác có quán, cho đến định căn. Đó gọi là phần trí.

Hỏi: Thế nào là phần giải thoát?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với giải thoát. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là tự tánh nơi sử si. Đó gọi là không phải phần giải thoát.

Hỏi: Thế nào là phần không tham?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với không tham. Nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc của phần vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác quán, nhãn, kiến, giải thoát, không si, thuận tín, hối, không hối, vui thích, hỷ, tâm tấn, tín, dục, không phóng dật, niệm. Đó gọi là phần không tham.

Hỏi: Thế nào là phần không sân?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với không sân. Nghĩa là như nói về phần không tham.

Hỏi: Thế nào là phần không si?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với không si. Nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác quán, giải thoát, không tham, không sân, thuận tín, hối, không hối, vui thích, hỷ, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, định có giác có quán, cho đến định căn. Đó gọi là phần không si.

Hỏi: Thế nào là phần thuận tín?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với thuận tín. Nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không tham, không sân, không

si, hối, không hối, vui thích, hỷ, tâm tấn, tâm trừ, dục, không phóng dật, (trừ tín căn), định có giác có quán, cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần thuận tín.

Hỏi: Thế nào là phần hối?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với hối. Nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc thân, xúc vô minh, xúc của phần vô minh, ưu căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác quán, nhãn, kiến, giải thoát, không tham, không sân, không si, thuận tín, tâm tấn, tín, dục, không phóng dật, niệm, sử phiền não, sử kiến, sử giới đạo, sử thân, sử vô minh, kiêu mạn, trạo cử. Đó gọi là phần hối.

Hỏi: Thế nào là không phải phần hối?

Đáp: Là nếu pháp không tương ưng với hối. Nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc vô minh, xúc của phần vô minh, hỷ căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác quán, nhãn, kiến, giải thoát, không tham, không sân, không si, thuận tín, vui thích, hỷ, tâm tấn, tín, dục, không phóng dật, niệm, sử phiền não, sử kiến, sử giới đạo, sử ái, vô minh, mạn, trạo cử. Đó gọi là không phải phần hối.

Hỏi: Thế nào là phần duyệt (vui thích)?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với duyệt. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là tự tánh của xúc thân, chín xúc thân, ưu căn, xả căn, hối, sợ hãi, nghi, giận, ganh ghét, keo kiệt. Đó gọi là không phải phần duyệt.

Hỏi: Thế nào là phần hỷ?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với hỷ. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là tự tánh của xúc thân, chín xúc thân, ưu căn, xả căn, hối, hỷ, sợ hãi, nghi, giận dữ, ganh ghét, keo kiệt. Đó gọi là không phải phần hỷ.

Hỏi: Thế nào là phần tâm tấn?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với tâm tấn. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là tự tánh của thân chín, tấn căn. Đó gọi là không phải phần tâm tấn.

Hỏi: Thế nào là phần tâm trừ?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với tâm trừ. Nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, thuận tín, vui thích, hỷ, tâm tấn, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, định có giác có quán, cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần tâm trừ.

Hỏi: Thế nào là phần tín?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với tín. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là thân chín, thuận tín, tín căn, nghi. Đó gọi là không phải phần tín.

Hỏi: Thế nào là phần dục?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với dục. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là tư duy của thân chín, nghi. đó gọi là không phải phần dục.

Hỏi: Thế nào là phần không phóng dật?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với không phóng dật. Nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không tham, không sân, không si, thuận tín, hối, không hối, vui thích, hỷ, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, niệm, tâm xả, định có giác có quán, cho đến định căn. Đó gọi là phần không phóng dật.

Hỏi: Thế nào là phần niệm?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với niệm. Thế nào là không phải phần? Nghĩa là tự tánh của thân chín, niệm căn, nghi. Đó gọi là không phải phần niệm.

Hỏi: Thế nào là phần tâm xả?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với tâm xả. Nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, thuận tín, vui thích, hỷ, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, định có giác có quán, cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần tâm xả.

Hỏi: Thế nào là phần sợ hãi?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với sợ hãi, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc giận, xúc vô minh, xúc của phần vô minh, ưu căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, tâm tấn, tín, dục, niệm, phiền não sử, sử giận, sử vô minh, mạn, trạo cử. Đó gọi là phần sợ hãi.

Hỏi: Thế nào là phần phiền não sử?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với phiền não sử, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc giận, xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, hối, không hối, vui mừng, tâm tấn, tín, dục, niệm, sợ hãi, sử kiến, cho đến sử trạo cử. Đó gọi là phần phiền não sử.

Hỏi: Thế nào là phần sử kiến?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với sử kiến, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, giải thoát, hối, không hối, vui

mừng, tâm tấn, tín, dục, niệm, phiền não sử, sử vô minh, mạn, trạo cử. Đó gọi là phần sử kiến.

Hỏi: Thế nào là phần sử nghi?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với sử nghi, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc vô minh, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, tâm tấn, phiền não sử, sử vô minh, trạo cử. Đó gọi là phần sử nghi.

Hỏi: Thế nào là phần sử giới đạo?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với sử giới đạo, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc vô minh, xúc danh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, giải thoát, hối, không hối, vui mừng, tâm tấn, tín, dục, niệm, phiền não sử, sử vô minh, mạn, trạo cử. Đó gọi là phần sử giới đạo.

Hỏi: Thế nào là phần sử ái?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với sử ái, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc vô minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhẫn, kiến, giải thoát, không hối, tâm tấn, tín, dục, niệm, phiền não sử, sử vô minh, mạn, trạo cử. Đó gọi là phần sử ái.

Hỏi: Thế nào là phần sử giận?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với sử giận, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc giận, xúc vô minh, ưu căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhẫn, kiến, giải thoát, hối, tâm tấn, tín, dục, niệm, sợ hãi, phiền não sử, sử vô minh, mạn, trạo cử. Đó gọi là phần sử giận.

Hỏi: Thế nào là phần sử ganh tỵ?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với sử ganh tỵ, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc vô minh, ưu căn, thọ, tưởng, tư,

xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, tâm tấn, tín, dục, niệm, phiền não sử, sử vô minh, mạn, trạo cử. Đó gọi là phần sử ganh tỵ.

Hỏi: Thế nào là phần sử keo kiệt?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với sử keo kiệt, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc vô minh, ưu căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, tâm tấn, tín, dục, niệm, phiền não sử, sử vô minh, mạn, trạo cử. Đó gọi là phần sử keo kiệt.

Hỏi: Thế nào là phần sử vô minh?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với sử vô minh, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc giận, xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, hối, không hối, vui mừng, tâm tấn, tín, dục, niệm, sợ hãi, phiền não sử, sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử ái, sử giận, sử ganh tỵ, sử keo kiệt, sử mạn, sử trạo cử. Đó gọi là phần sử vô minh.

Hỏi: Thế nào là phần sử mạn?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với sử mạn, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc giận, xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, hối, không hối, vui mừng, tâm tấn, tín, dục, niệm, sợ hãi, phiền não sử, sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử ái, sử giận, sử ganh ghét, sử keo kiệt, sử vô minh, sử trạo cử. Đó gọi là phần sử mạn.

Hỏi: Thế nào là phần sử trạo cử?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với sử trạo cử, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc giận, xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, hối, không hối, vui mừng, tâm tấn, tín, dục, niệm, sợ hãi, phiền não sử, sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử ái, sử giận, sử ganh tỵ, sử keo kiệt, sử vô minh, sử mạn. Đó gọi là phần sử trạo cử.

Hỏi: Thế nào là phần định có giác có quán?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với định có giác có quán, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, tín thuận, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, tín căn, tấn căn, niệm căn, tuệ căn. Đó gọi là phần định có giác có quán.

Hỏi: Thế nào là phần định không giác có quán?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với định không giác có quán, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, không si, tín thuận, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, tín căn, tấn căn, niệm căn, tuệ căn. Đó gọi là phần định không giác có quán.

Hỏi: Thế nào là phần định không giác không quán?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với định không giác không quán, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, tín thuận, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, tín căn, niệm căn, tuệ căn. Đó gọi là phần định không giác không quán.

Hỏi: Thế nào là phần định không?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với định không, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, tín thuận, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, tín căn, tấn căn, niệm căn, tuệ căn. Đó gọi là phần định không.

Hỏi: Thế nào là phần định vô tướng?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với định vô tướng, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc của phần minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, tín thuận, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, tín căn, tấn căn, niệm căn, tuệ căn. Đó gọi là phần định vô tướng.

Hỏi: Thế nào là phần định vô nguyên?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với định vô nguyên, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, tín thuận, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, tín căn, tấn căn, niệm căn, tuệ căn. Đó gọi là phần định vô nguyên.

Hỏi: Thế nào là phần tín căn?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với tín căn, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, trừ tín căn, từ định có giác có quán, cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần tín căn.

Hỏi: Thế nào là phần tấn căn?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với tấn căn, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, trừ tấn căn, từ định có giác có quán, cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần tấn căn.

Hỏi: Thế nào là phần niệm căn?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với niệm căn, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, tín thuận, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, trừ niệm căn, từ định có giác có quán, cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần niệm căn.

Hỏi: Thế nào là phần định căn?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với định căn, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, tín thuận, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, tín căn, tấn căn, niệm căn, tuệ căn. Đó gọi là phần định căn.

Hỏi: Thế nào là phần tuệ căn?

Đáp: Là nếu pháp tương ưng với tuệ căn, nghĩa là ý giới, ý thức giới, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc của phần minh, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không si, vui mừng, tâm tấn, tâm trừ, tín, dục, không phóng dật, niệm, tâm xả, từ định có giác có quán, cho đến tuệ căn. Đó gọi là phần tuệ căn.

(Phần tiếp theo dưới đây, cũng giống như trước. Bản Hán dịch không đạt! ND).

Nhãn thức giới có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của nhãn thức giới, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của nhãn thức giới. Nhãn thức giới nghĩa là phần ý thức không duyên nơi pháp. Bốn thức giới của thân là nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức giới cũng như thế.

Ý giới có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của ý giới, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của ý giới. Ý giới nghĩa là ý giới của phần thân không duyên nơi pháp.

Ý thức giới có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của ý thức giới, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của ý thức giới. Ý thức giới nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp.

Xúc thân có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của xúc thân, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của xúc thân. Xúc thân nghĩa là phần ý thức không duyên nơi pháp.

Xúc tâm có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của xúc tâm, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của xúc tâm. Xúc tâm nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp.

Xúc danh có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của xúc danh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của xúc danh. Xúc danh nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp.

Xúc đối có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của xúc đối, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của xúc đối. Xúc đối nghĩa là phần ý thức không duyên nơi pháp.

Xúc ái có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của xúc ái, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của xúc ái. Xúc ái nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần thiện vô ký của ý thức, phần bất thiện tương ưng của các phiền não, không tương ưng với xúc ái.

Xúc giận có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của xúc giận, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của xúc giận. Xúc giận nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần thiện vô ký của ý thức, phần bất thiện tương ưng của các phiền não, không tương ưng với xúc giận.

Xúc minh có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của xúc minh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của xúc minh. Xúc minh nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần ý thức không phải Thánh, phần trí Thánh.

Xúc vô minh có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của xúc vô minh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của xúc vô minh. Xúc vô minh nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần thiện vô ký của ý thức.

Xúc của phần minh có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng với xúc của phần minh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với xúc của phần minh. Xúc của phần minh nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần ý thức không phải Thánh, phần trí Thánh.

Xúc của phần vô minh có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng với xúc của phần vô minh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với xúc của phần vô minh. Xúc của phần vô minh nghĩa là phần thiện vô ký ý thức không duyên nơi pháp, phần Thánh.

Lạc căn có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của lạc căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với lạc căn. Lạc căn nghĩa là phần ý thức không duyên nơi pháp, phần xả căn, khổ căn của thân.

Khổ căn có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của khổ căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với khổ căn. Khổ căn nghĩa là phần ý thức không duyên nơi pháp, phần xả căn, lạc căn của thân.

Hỷ căn có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của hỷ căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của hỷ căn. Hỷ căn nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần xả căn, ưu căn của ý thức.

Ưu căn có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của ưu căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của ưu căn. Ưu căn nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần xả căn, hỷ căn của ý thức.

Xả căn có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của xả căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của xả căn. Xả căn nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần lạc căn, khổ căn, phần ưu căn, hỷ căn của ý thức.

Thọ có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của thọ, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của thọ. Thọ nghĩa là không duyên nơi pháp. Tưởng, tư, xúc, tư duy cũng như thế.

Giác có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của giác, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của giác. Giác nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần không giác có quán của ý thức.

Quán có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của quán, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của quán. Quán nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần không giác không quán của ý thức.

Nhẫn có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của nhẫn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của nhẫn. Nhẫn nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần nghi của trí, ý thức.

Kiến có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của kiến, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của kiến. Kiến nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần nghi của ý thức.

Trí có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của trí, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của trí. Trí nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần ý thức không phải Thánh, phần nhẫn của Thánh.

Giải thoát có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của giải thoát, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của giải thoát. Giải thoát nghĩa là phần nghi của ý thức không duyên nơi pháp.

Không tham có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của không tham, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của không tham. Không tham nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần bất thiện vô ký của ý thức, phần thiện không phải dục giới, hoặc phần không sân của dục giới. Lại có phần dục giới không phải tương ưng với không tham, tương ưng với không sân, không si.

Không sân có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của không sân, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của không sân. Không sân nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần bất thiện vô ký của ý thức, phần thiện không phải cõi dục, phần không tham của cõi dục. Lại có phần dục giới không tương ưng với không sân, tương ưng với không tham, không si.

Không si có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của không si, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của không si. Không si nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần bất thiện vô ký của ý thức.

Tín thuận có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của tín thuận, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của tín thuận. Tín thuận nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần bất thiện hoặc vô ký của ý thức.

Hối có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của hối, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của hối. Hối nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần xả căn, hỷ căn của ý thức, phần tương ưng của ưu căn, không phải tương ưng của hối.

Không hối có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của không hối, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với không hối. Không hối nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần xả căn, ưu căn của ý thức, phần tương ưng với hỷ căn, không phải tương ưng với không hối.

Vui thích có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của vui thích, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với vui thích. Vui thích nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần xả căn, ưu căn của ý thức, phần tương ưng của hỷ căn, không phải tương ưng của vui thích.

Hỷ có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của hỷ, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với hỷ. Hỷ nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần ưu căn, xả căn của ý thức, phần tương ưng của vui thích, không phải tương ưng của hỷ.

Tâm tấn có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của tâm tấn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với tâm tấn. Tâm tấn nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp.

Tâm trừ (khinh an) có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của tâm trừ, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với tâm trừ. Tâm trừ nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần bất định ý thức.

Tín có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của tín, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của tín. Tín nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần nghi của ý thức.

Dục có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của dục, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của dục. Dục nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần nghi của ý thức.

Không phóng dật có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của không phóng dật, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với không phóng dật. Không phóng dật nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần bất thiện vô ký của ý thức.

Niệm có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của niệm, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với niệm. Niệm nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần nghi của ý thức.

Tâm xả có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của tâm xả, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của tâm xả. Tâm xả nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần bất định của ý thức.

Sợ hãi có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của sợ hãi, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với sợ hãi. Sợ hãi nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần xả căn, hỷ căn của ý thức, phần tương ưng của ưu căn, không phải tương ưng của sợ hãi.

Phiền não sử có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của phiền não sử, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của phiền não sử. Phiền não sử nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần thiện, vô ký của ý thức.

Sử kiến có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của sử kiến, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của sử kiến. Sử kiến nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần thiện, bất thiện, vô ký của ý thức, phần tương ưng của các phiền não, không phải tương ưng của sử kiến.

Sử nghi có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của sử nghi, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng sử nghi. Sử nghi nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần thiện, bất thiện, vô ký của ý thức, phần tương ưng của các phiền não, không phải tương ưng của sử nghi.

Sử giới đạo có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của sử giới đạo, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của sử giới đạo. Sử giới đạo nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần thiện, bất thiện, vô ký của ý thức, phần tương ưng của các phiền não, không phải tương ưng của sử giới đạo.

Sử ái có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của sử ái, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng sử ái. Sử ái nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần bất thiện, vô ký của ý thức, phần tương ưng của các phiền não sử, không phải tương ưng của sử ái.

Sử giận có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của sử giận, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng với sử giận. Sử giận nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần thiện, bất thiện, vô ký của

ý thức, phần tương ứng của các phiền não sử, không phải tương ứng của sử giận.

Sử ganh tỵ có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử ganh tỵ, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ứng của sử ganh tỵ. Sử ganh tỵ nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần thiện, bất thiện, vô ký của ý thức, phần tương ứng của các phiền não sử, không phải tương ứng của sử ganh tỵ.

Sử keo kiệt có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử keo kiệt, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ứng của sử keo kiệt. Sử keo kiệt nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần thiện, bất thiện, vô ký của ý thức, phần tương ứng của các phiền não sử, không phải tương ứng của sử keo kiệt.

Sử vô minh có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử vô minh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ứng của sử vô minh. Sử vô minh nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần thiện, vô ký của ý thức. Sử mạn, trạo cử cũng như thế.

Định có giác có quán có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của định có giác có quán, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của định có giác có quán. Định có giác có quán nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần tương ưng của hai định, phần bất định của ý thức.

Định không giác có quán có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của định không giác có quán, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của định không giác có quán. Định không giác có quán nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần tương ưng của hai định, phần bất định của ý thức.

Định không giác không quán có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của định không giác không quán, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của định không giác không quán. Định không giác không quán nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần tương ưng của hai định, phần bất định của ý thức.

Định không có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của định không, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của định không. Định không nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần ý thức không phải Thánh, phần tương ưng của vô tướng, vô nguyện.

Định vô tướng có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của định vô tướng, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của định vô tướng. Định vô tướng nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần ý thức không phải Thánh, phần tương ưng của không, vô nguyện thuộc Thánh.

Định vô nguyện có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của định vô nguyện, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của định vô nguyện. Định vô nguyện nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần ý thức không phải Thánh, phần tương ưng của không, vô tướng thuộc Thánh.

Tín căn có bao nhiêu pháp tương ưng?

Hỏi: Những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ưng của tín căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ưng của tín căn. Tín căn nghĩa là phần thân không duyên nơi pháp, phần ý thức không phải Thánh. Tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như thế.

LUẬN XÁ LỢI PHẤT A TỖ ĐÀM

QUYỂN 25

Phẩm thứ 1: PHẦN ĐẦU MỐI HIỆN KHẮP, phần 1

Đầu mối hiện khắp nơi môn chánh pháp của mười duyên, có bảy duyên, mười hành giải, tất cả pháp đồng nhập.

Mười duyên: Nghĩa là nhân duyên, vô gián duyên, cảnh giới duyên, y duyên, nghiệp duyên, báo duyên, khởi duyên, dị duyên, tương tục duyên, tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên?

Đáp: Nếu là nhân của pháp, đó gọi là nhân duyên.

Lại nữa, nhân duyên, nếu pháp cùng, không phải cùng, có báo, đó gọi là nhân duyên.

Lại nữa, nhân duyên, nếu pháp có duyên, hoặc pháp không duyên, có báo, trừ đắc quả. Hoặc là pháp khác không duyên, báo thiện và bốn đại. Đó gọi là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp sinh là diệt, đó gọi là vô gián duyên. Lại nữa, vô gián duyên, nếu pháp đã diệt, hoặc chưa diệt, nếu pháp của âm, giới, nhập đều có tự tánh tức sinh, nếu trước đó đã diệt đối với hiện tại, đó gọi là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên?

Đáp: Cảnh giới duyên của tất cả pháp, như tâm tâm số pháp cùng sinh, đó gọi là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên?

Đáp: Nếu pháp có sự nương dựa, đó gọi là y duyên. Lại nữa, y duyên, nếu pháp dựa nơi pháp sinh, pháp này đối với pháp kia dựa nơi duyên: Dựa vào thân có nghiệp thân, dựa nơi miệng có nghiệp miệng, dựa nơi ý có nghiệp ý. Dựa vào bốn đại có nghiệp thân, khẩu, ý. Dựa nơi đất có hạt giống của nghiệp gieo trồng. Các thôn xóm, sinh thôn xóm, cỏ thuốc, rừng rậm. Dựa nơi tri thức ác liền sinh pháp ác bất thiện. Dựa nơi tri thức thiện tức sinh pháp thiện. Dựa nơi mắt, dựa vào sắc, sinh nhãn thức và pháp tương ưng của nhãn thức. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy. Dựa nơi đại trong sinh đại trong. Dựa nơi đại trong sinh đại ngoài. Dựa nơi đại trong sinh đại trong ngoài. Dựa nơi đại ngoài sinh đại trong. Dựa nơi đại ngoài sinh đại trong ngoài. Dựa nơi đại trong ngoài sinh đại trong. Dựa nơi đại trong ngoài sinh đại ngoài. Dựa nơi đại trong ngoài sinh đại trong ngoài. Diệt cũng như thế. Đó gọi là y duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên?

Đáp: Nghiệp là nghiệp duyên. Hoặc không phải nghiệp là nghiệp duyên. Hoặc nghiệp khác với nghiệp nhân đầy sinh ra nghiệp. Đó gọi là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp có báo, đó gọi là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp là chủ thể khởi, đối tượng khởi, đó gọi là khởi duyên. Lại nữa, khởi duyên, nếu pháp tự khởi, có thể khởi khiến kẻ

khác thâm nhuần, tăng trưởng. Nghĩa là như kiết chuyên sát, căn thiện, căn bất thiện, ý thức, tưởng, tư, giác, bốn đại. Đó gọi là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp là cùng có, đó gọi là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp tăng ích không gián đoạn, đó gọi là tương tục duyên. Lại nữa, tương tục duyên, nếu pháp mới sinh là hạ, sinh tiếp theo là trung, sinh sau là thượng. Pháp hạ đối với pháp thượng là tương tục duyên. Đó gọi là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp là vượt hơn, đó gọi là tăng thượng duyên. Lại nữa, tăng thượng duyên, nếu pháp đã tăng thượng, đã hướng đến, đã quy về, đã dốc hướng tới mà sinh. Hoặc do dục tăng thượng, do tinh tấn tăng thượng, do tâm tăng thượng, do tư duy tăng thượng, do tham tăng thượng, do giận tăng thượng, do si tăng thượng, do không tham tăng thượng, do không sân tăng thượng, do không si tăng thượng, do giới tăng thượng, do định tăng thượng, do tuệ tăng thượng, do ngã tăng thượng, do thể gian tăng thượng, do pháp tăng thượng, do nhãn căn tăng thượng, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn tăng thượng, do tăng thượng làm tăng thượng, do cảnh giới tăng thượng, do nương dựa tăng thượng.

Hỏi: Thế nào là do dục tăng thượng?

Đáp: Nếu pháp do dục vượt hơn mà sinh, tức dục kia đối với pháp làm tăng thượng duyên.

Tinh tấn tăng thượng, tâm, tư duy, tham, giận, si, không tham, không sân, không si, giới, định, tuệ tăng thượng cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là ngã tăng thượng?

Đáp: Như kinh Phật nói: Ba tăng thượng. Những gì là ba? Ngã tăng thượng, thể gian tăng thượng, pháp tăng thượng. Thế nào là ngã

tăng thượng? Như Tỳ-kheo hoặc ngồi ở chỗ trống vắng bên gốc cây, tâm sinh khởi tưởng pháp ác bất thiện, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nếu như ta ở chỗ vắng vẻ, tạo nghiệp ác bất thiện, tạo nghiệp ác bất thiện xong, tâm tự thoái bỏ. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Ta muốn giữ gìn giới cấm, thành tựu oai nghi. Nếu phạm giới vi tế, sợ hãi như đối với kim cương, nên thuận học giới hạnh. Đó gọi là ngã tăng thượng. Tỳ-kheo vì ngã tăng thượng nên đoạn trừ pháp ác bất thiện, tu hành pháp thiện. Như thế gọi là ngã tăng thượng.

Hỏi: Thế nào là thế gian tăng thượng?

Đáp: Như Tỳ-kheo hoặc ngồi ở chỗ trống vắng bên cội cây, tâm sinh khởi tưởng pháp ác bất thiện, Tỳ-kheo tư duy như vậy: Tất cả nơi chốn cư trú của thế gian đều là có trời. Thiên nhân thấy biết tâm người khác. Trời từ xa trông thấy ta, ta ở gần nhưng không trông thấy trời. Tự cùng nói, cho: Xem người thiện nam này, do tín xuất gia, lìa pháp bất thiện, hành ác. Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn, dùng thiên nhân thấy biết tâm người khác, từ xa trông thấy ta, ta ở gần nhưng không thấy. Các Sa-môn, Bà-la-môn tự cùng nói, cho: Xem người thiện nam này, do tín xuất gia, lìa pháp bất thiện hành ác. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Ta muốn giữ gìn giới cấm, thành tựu oai nghi. Nếu phạm giới vi tế thì sợ hãi như đối với kim cương, nên thuận học giới hạnh. Đó gọi là thế gian tăng thượng. Tỳ-kheo vì thế gian tăng thượng nên đoạn trừ pháp ác bất thiện, tu hành pháp thiện. Thế nên gọi là thế gian tăng thượng.

Hỏi: Thế nào là pháp tăng thượng?

Đáp: Như Tỳ-kheo hoặc ở chỗ trống vắng bên cội cây, tư duy như thế này: Đức Thế Tôn đã khéo tùy thời nói pháp, người có tuệ, có thể thọ nhận, hướng đến Niết-bàn, pháp này không phải là người mong cầu, người giận dữ, người ưa ngủ nghỉ, người trạo cử, hối, người nghi hoặc có thể thọ nhận. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Ta muốn giữ gìn giới cấm, thành tựu oai nghi, nếu phạm giới vi tế,

sợ hãi như đối với kim cương, nên thuận học giới hạnh. Đó gọi là pháp tăng thượng. Tỳ-kheo vì pháp tăng thượng nên đoạn trừ pháp ác bất thiện, tu hành pháp thiện. Thế nên gọi là pháp tăng thượng. Như kệ nói:

*Thế gian không chỗ chốn
 Có thể tạo nghiệp ác
 Chỉ người tự chứng biết
 Hoặc giả hoặc là thật.
 Người nói không dối hơn
 Tức là không tự hủy
 Nếu đã có trái phạm
 Biết mà không che giấu.
 Người hiền cùng với trời
 Lúc thấy đời làm ác
 Do đây ta hành hơn
 Thế gian, Tỳ-kheo hơn.
 Pháp thù thắng thuận hành
 Không thoái nơi pháp thật
 Hàng ma, uy lực thắng
 Tự chứng, tinh lặng hơn.
 Xa lìa, bỏ sáu tình
 Diệt khổ, chẳng nhận hữu
 Đã mất không trở lại
 Vĩnh viễn là sinh tử.*

Đó gọi là ba tăng thượng.

Hỏi: Thế nào là nhãn căn tăng thượng?

Đáp: Mắt thấy sắc, tư duy về sắc, nhãn căn chủ nơi cảnh giới sắc, nếu sinh tâm số, tức nhãn căn của pháp này là hơn, đó gọi là nhãn căn tăng thượng. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn tăng thượng cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là ý căn tăng thượng?

Đáp: Ý nhận biết pháp, tư duy về pháp, ý căn làm chủ dùng pháp làm cảnh giới. Nếu pháp sinh tâm số thì ý căn của pháp này là hơn, đó gọi là ý căn tăng thượng.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng làm tăng thượng?

Đáp: Nếu pháp khởi đầu tiên đến pháp sau tùy dụng, đó gọi là tăng thượng làm tăng thượng.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới tăng thượng?

Đáp: Nếu tất cả cảnh giới như trong các sự là vượt hơn, đó gọi là cảnh giới tăng thượng.

Hỏi: Thế nào là nương dựa tăng thượng?

Đáp: Nếu tất cả pháp đều dựa vào, như sự dựa vào được vượt hơn, đó gọi là nương dựa tăng thượng.

Hỏi: Nhân có bao nhiêu duyên?

Đáp: Có bốn. Những gì là bốn? Cùng, khởi, tăng trưởng, báo. Đó gọi là nhân có bốn duyên.

Nhân nghĩa là sinh, nghĩa như mẹ con. *Vô gián* nghĩa là bỏ xứ, nghĩa như ngồi thay thế. *Cảnh giới* nghĩa là mục tiêu, nghĩa như tên bắn đến đích. *Y* nghĩa là vật, nghĩa như nhà cửa. *Nghiệp* nghĩa là tạo tác, nghĩa như sử tạo tác. *Báo* nghĩa là lậu thấm nhuần, nghĩa như cây sinh quả. *Khởi* nghĩa là sinh, nghĩa như mầm giống. *Dị* nghĩa là không lìa nhau, nghĩa như quyền thuộc. *Tương tục* nghĩa là tăng trưởng, nghĩa như cửa cải lâu dài. *Tăng thượng* nghĩa là tự tại, nghĩa như vua người.

Nhân duyên, vô gián duyên: Hoặc nhân duyên tức vô gián duyên. Hoặc nhân duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên tức vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân là sinh diệt, đó gọi là nhân duyên tức vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân không phải là sinh diệt, hoặc là chưa diệt, đó gọi là nhân duyên không phải là vô gián duyên.

Không phải nhân duyên, vô gián duyên: Hoặc không phải nhân duyên tức vô gián duyên. Hoặc không phải nhân duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nhân duyên tức vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân sinh diệt, đó gọi là không phải nhân duyên tức vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nhân duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân, không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là không phải nhân duyên không phải là vô gián duyên.

Nhân duyên, cảnh giới duyên: Hoặc nhân duyên tức cảnh giới duyên. Hoặc nhân duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên tức cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp là nhân có cảnh giới, đó gọi là nhân duyên tức cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp là nhân không có cảnh giới, đó gọi là nhân duyên không phải là cảnh giới duyên.

Không phải nhân duyên, cảnh giới duyên: Hoặc không phải nhân duyên tức cảnh giới duyên. Hoặc không phải nhân duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nhân duyên tức cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân có cảnh giới, đó gọi là không phải nhân duyên tức cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nhân duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân không có cảnh giới, đó gọi là không phải nhân duyên không phải là cảnh giới duyên.

Nhân duyên, y duyên: Tất cả nhân duyên là y duyên. Không phải nhân duyên là y duyên, là không có.

Nhân duyên, nghiệp duyên: Hoặc nhân duyên tức nghiệp duyên. Hoặc nhân duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên tức nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân là nghiệp, có thể sinh nghiệp, đó gọi là nhân duyên tức nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân không phải là nghiệp, hoặc nghiệp không thể sinh nghiệp, đó gọi là nhân duyên không phải là nghiệp duyên.

Không phải nhân duyên là nghiệp duyên là không có.

Nhân duyên, báo duyên: Hoặc nhân duyên tức báo duyên. Hoặc nhân duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên tức báo duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân đây có báo, đó gọi là nhân duyên tức báo duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân không có báo, đó gọi là nhân duyên không phải là báo duyên.

Không phải nhân duyên là báo duyên là không có.

Nhân duyên, khởi duyên: Hoặc nhân duyên tức khởi duyên. Hoặc nhân duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên tức khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân là khởi, đó gọi là nhân duyên tức khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân không phải là khởi, đó gọi là nhân duyên không phải là khởi duyên.

Không phải nhân duyên là khởi duyên là không có.

Nhân duyên, dị duyên: Hoặc nhân duyên tức dị duyên. Hoặc nhân duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên tức dị duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân là chung, đó gọi là nhân duyên tức dị duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân không phải là chung, đó gọi là nhân duyên không phải là dị duyên.

Không phải nhân duyên là dị duyên là không có.

Nhân duyên, tương tục duyên: Hoặc nhân duyên tức tương tục duyên. Hoặc nhân duyên không phải là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên tức tương tục duyên?

Đáp: Nếu nhân có tăng trưởng, cho đến đời thứ ba, đó gọi là nhân duyên tức tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên không phải là tương tục duyên?

Đáp: Nếu nhân không có duyên tăng trưởng, nếu như tăng trưởng thì không thể, cho đến đời thứ ba, đó gọi là nhân duyên không phải là tương tục duyên.

Không phải nhân duyên là tương tục duyên là không có.

Nhân duyên, tăng thượng duyên: Hoặc nhân duyên tức tăng thượng duyên. Hoặc nhân duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên tức tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân là tăng thượng, đó gọi là nhân duyên tức tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp nhân không phải là tăng thượng, đó gọi là nhân duyên không phải là tăng thượng duyên.

Không phải nhân duyên, tăng thượng duyên: Hoặc không phải nhân duyên là tăng thượng duyên. Hoặc không phải nhân duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nhân duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải nhân là tăng thượng, đó gọi là không phải nhân duyên tức tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nhân duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân, không phải là tăng thượng, đó gọi là không phải nhân duyên không phải là tăng thượng duyên.

Vô gián duyên, cảnh giới duyên: Hoặc vô gián duyên tức cảnh giới duyên. Hoặc vô gián duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là vô gián duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp sinh diệt có cảnh giới, đó gọi là vô gián duyên là cảnh giới duyên

Hỏi: Thế nào là vô gián duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp sinh diệt không có cảnh giới, đó gọi là vô gián duyên không phải là cảnh giới duyên.

Không phải vô gián duyên, cảnh giới duyên: Hoặc không phải vô gián duyên tức cảnh giới duyên. Hoặc không phải vô gián duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên tức cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải sinh diệt, hoặc chưa diệt có cảnh giới, đó gọi là không phải vô gián duyên tức cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, pháp đó không có cảnh giới duyên, đó gọi là không phải vô gián duyên không phải là cảnh giới duyên.

Vô gián duyên, y duyên: Vô gián duyên là y duyên, không phải vô gián duyên là y duyên là không có.

Vô gián duyên, nghiệp duyên: Hoặc vô gián duyên tức nghiệp duyên. Hoặc vô gián duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là vô gián duyên tức nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp sinh diệt là nghiệp, nếu nghiệp có thể sinh nghiệp, đó gọi là vô gián duyên tức nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là vô gián duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp sinh diệt, pháp ấy không phải là nghiệp, nếu nghiệp không thể sinh nghiệp, đó gọi là vô gián duyên không phải là nghiệp duyên.

Không phải vô gián duyên, nghiệp duyên: Hoặc không phải vô gián duyên tức nghiệp duyên. Hoặc không phải vô gián duyên không phải là nghiệp duyên

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên tức nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải sinh diệt, nếu chưa diệt, là nghiệp có thể sinh nghiệp, đó gọi là không phải vô gián duyên tức nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, nếu chưa diệt, pháp đó không phải là nghiệp, hoặc nghiệp không thể sinh nghiệp, đó gọi là không phải vô gián duyên không phải là nghiệp duyên.

Vô gián duyên, báo duyên: Hoặc vô gián duyên tức báo duyên. Hoặc vô gián duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là vô gián duyên tức báo duyên?

Đáp: Nếu pháp sinh diệt có báo, đó gọi là vô gián duyên tức báo duyên.

Hỏi: Thế nào là vô gián duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp sinh diệt pháp ấy không có báo, đó gọi là vô gián duyên không phải là báo duyên.

Không phải vô gián duyên, báo duyên: Hoặc không phải vô gián duyên tức báo duyên. Hoặc không phải vô gián duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên tức báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, pháp ấy có báo, đó gọi là không phải vô gián duyên tức báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, pháp ấy không có báo, đó gọi là không phải vô gián duyên không phải là báo duyên.

Vô gián duyên là khởi duyên: Là không có.

Không phải vô gián duyên, khởi duyên: Hoặc không phải vô gián duyên là khởi duyên. Hoặc không phải vô gián duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt nhưng có thể khởi, đó gọi là không phải vô gián duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, không phải là khởi, đó gọi là không phải vô gián duyên không phải là khởi duyên.

Vô gián duyên là dị duyên: Là không có.

Không phải vô gián duyên là dị duyên: Hoặc không phải vô gián duyên là dị duyên. Hoặc không phải vô gián duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt là cùng với đây, đó gọi là không phải vô gián duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt pháp ấy cùng với đây, đó gọi là không phải vô gián duyên không phải là dị duyên.

Vô gián duyên là tương tục duyên: Là không có.

Không phải vô gián duyên, tương tục duyên. Hoặc không phải vô gián duyên là tương tục duyên. Hoặc không phải vô gián duyên không phải là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt ở đây lại tăng trưởng, cho đến có thể sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là không phải vô gián duyên là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên không phải là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, pháp ấy không tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không thể cho đến sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là không phải vô gián duyên không phải là tương tục duyên.

Vô gián duyên là tăng thượng duyên: Là không có.

Không phải vô gián duyên là tăng thượng duyên: Hoặc không phải vô gián duyên là tăng thượng duyên. Hoặc không phải vô gián duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt là tăng thượng, đó gọi là không phải vô gián duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, pháp ấy không phải tăng thượng, đó gọi là không phải vô gián duyên không phải là tăng thượng duyên.

Vô gián duyên, nhân duyên: Hoặc vô gián duyên là nhân duyên. Hoặc vô gián duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là vô gián duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp sinh diệt là nhân đó gọi là vô gián duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là vô gián duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp sinh diệt, pháp ấy không phải là nhân, đó gọi là vô gián duyên không phải là nhân duyên.

Không phải vô gián duyên, nhân duyên: Hoặc không phải vô gián duyên là nhân duyên. Hoặc không phải vô gián duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là không phải vô gián duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, pháp ấy không phải là nhân, đó gọi là không phải vô gián duyên không phải là nhân duyên.

Cảnh giới duyên, y duyên. Cảnh giới duyên là y duyên: Là không có.

Không phải cảnh giới duyên là y duyên: Là không có.

Cảnh giới duyên, nghiệp duyên: Hoặc cảnh giới duyên là nghiệp duyên. Hoặc cảnh giới duyên không phải là nghiệp duyên:

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới là nghiệp, nếu nghiệp có thể sinh nghiệp, đó gọi là cảnh giới duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới, cảnh giới ấy không phải là nghiệp, nếu nghiệp không thể sinh nghiệp, đó gọi là cảnh giới duyên không phải là nghiệp duyên.

Không phải cảnh giới duyên, nghiệp duyên: Hoặc không phải cảnh giới duyên là nghiệp duyên. Hoặc không phải cảnh giới duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới là nghiệp, nếu nghiệp có thể sinh nghiệp, đó gọi là không phải cảnh giới duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới, pháp ấy không phải là nghiệp, nếu nghiệp không thể sinh nghiệp, đó gọi là không phải cảnh giới duyên không phải là nghiệp duyên.

Cảnh giới duyên, báo duyên: Hoặc cảnh giới duyên là báo duyên. Hoặc cảnh giới duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới, có báo, đó gọi là cảnh giới duyên là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới, cảnh giới ấy không có báo, đó gọi là cảnh giới duyên không phải là báo duyên.

Không phải cảnh giới duyên, báo duyên: Hoặc không phải cảnh giới duyên là báo duyên. Hoặc không phải cảnh giới duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới, nhưng có báo, đó gọi là không phải cảnh giới duyên là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới, pháp ấy không có báo, đó gọi là không phải cảnh giới duyên không phải là báo duyên.

Cảnh giới duyên, khởi duyên: Hoặc cảnh giới duyên là khởi duyên. Hoặc cảnh giới duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới là khởi, đó gọi là cảnh giới duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới, cảnh giới ấy không phải là khởi, đó gọi là cảnh giới duyên không phải là khởi duyên.

Không phải cảnh giới duyên, khởi duyên: Hoặc không phải cảnh giới duyên là khởi duyên. Hoặc không phải cảnh giới duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới là khởi, đó gọi là không phải cảnh giới duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới, pháp ấy không phải là khởi, đó gọi là không phải cảnh giới duyên không phải là khởi duyên.

Cảnh giới duyên, dị duyên: Hoặc cảnh giới duyên là dị duyên. Hoặc cảnh giới duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới là chung, đó gọi là cảnh giới duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới, cảnh giới ấy không phải là chung, đó gọi là cảnh giới duyên không phải là dị duyên.

Không phải cảnh giới duyên, dị duyên: Hoặc không phải cảnh giới duyên là dị duyên. Hoặc không phải cảnh giới duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới là chung, đó gọi là không phải cảnh giới duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới, pháp ấy không phải là chung, đó gọi là không phải cảnh giới duyên không phải là dị duyên.

Cảnh giới duyên, tương tục duyên: Hoặc cảnh giới duyên là tương tục duyên. Hoặc cảnh giới duyên không phải là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới là tăng trưởng, cho đến có thể sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là cảnh giới duyên là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên không phải là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới, cảnh giới ấy không tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không thể cho đến sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là cảnh giới duyên không phải là tương tục duyên.

Không phải cảnh giới duyên, tương tục duyên: Hoặc không phải cảnh giới duyên là tương tục duyên. Hoặc không phải cảnh giới duyên không phải là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới là tăng trưởng, cho đến có thể sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là không phải cảnh giới duyên là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên không phải là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới, pháp ấy không tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không thể cho đến có thể sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là không phải cảnh giới duyên không phải là tương tục duyên.

Cảnh giới duyên, tăng thượng duyên: Hoặc cảnh giới duyên là tăng thượng duyên. Hoặc cảnh giới duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới là tăng thượng, đó gọi là cảnh giới duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới, cảnh giới ấy không phải là tăng thượng, đó gọi là cảnh giới duyên không phải là tăng thượng duyên.

Không phải cảnh giới duyên, tăng thượng duyên: Hoặc không phải cảnh giới duyên là tăng thượng duyên. Hoặc không phải cảnh giới duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới là tăng thượng, đó gọi là không phải cảnh giới duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới, pháp ấy không phải là tăng thượng, đó gọi là không phải cảnh giới duyên không phải là tăng thượng duyên.

Cảnh giới duyên, nhân duyên: Hoặc cảnh giới duyên là nhân duyên. Hoặc cảnh giới duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới là nhân, đó gọi là cảnh giới duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới, cảnh giới ấy không phải là nhân, đó gọi là cảnh giới duyên không phải là nhân duyên.

Không phải cảnh giới duyên, nhân duyên: Hoặc không phải cảnh giới duyên là nhân duyên. Hoặc không phải cảnh giới duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới, đó gọi là không phải cảnh giới duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới, pháp ấy không phải là nhân, đó gọi là không phải cảnh giới duyên không phải là nhân duyên.

Cảnh giới duyên, vô gián duyên: Hoặc cảnh giới duyên là vô gián duyên. Hoặc cảnh giới duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới là sinh diệt, đó gọi là cảnh giới duyên là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp có cảnh giới, cảnh giới ấy không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là cảnh giới duyên không phải là vô gián duyên.

Không phải cảnh giới duyên, vô gián duyên: Hoặc không phải cảnh giới duyên là vô gián duyên. Hoặc không phải cảnh giới duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới là sinh diệt, đó gọi là không phải cảnh giới duyên là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không có cảnh giới, cảnh giới ấy không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là không phải cảnh giới duyên không phải là vô gián duyên.

Y duyên, nghiệp duyên: Hoặc y duyên là nghiệp duyên. Hoặc y duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa là nghiệp, nếu nghiệp có thể sinh nghiệp, đó gọi là y duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa nơi kia không phải là nghiệp, nếu nghiệp không thể sinh nghiệp, đó gọi là y duyên không phải là nghiệp duyên.

Không phải y duyên là nghiệp duyên: Là không có.

Y duyên, báo duyên: Hoặc y duyên là báo duyên. Hoặc y duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa là có báo, đó gọi là y duyên là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa không phải là báo, đó gọi là y duyên không phải là báo duyên.

Không phải y duyên là báo duyên: Là không có.

Y duyên, khởi duyên. Hoặc y duyên là khởi duyên. Hoặc y duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa là khởi, đó gọi là y duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa không phải là khởi, đó gọi là y duyên không phải là khởi duyên.

Không phải y duyên là khởi duyên: Là không có.

Y duyên, dị duyên: Hoặc y duyên là dị duyên. Hoặc y duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa là chung, đó gọi là y duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa, pháp ấy không phải là chung, đó gọi là y duyên không phải là dị duyên.

Không phải y duyên là dị duyên: Là không có.

Y duyên, tương tục duyên: Hoặc y duyên là tương tục duyên. Hoặc y duyên không phải là tương tục duyên:

Hỏi: Thế nào là y duyên là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa là tăng trưởng, cho đến sinh khởi có thể lần thứ ba, đó gọi là y duyên là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên không phải là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp dựa vào kia sinh, không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không thể sinh, cho đến sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là y duyên không phải là tương tục duyên.

Không phải y duyên là tương tục duyên: Là không có.

Y duyên, tăng thượng duyên: Hoặc y duyên là tăng thượng duyên. Hoặc y duyên không phải là tăng thượng duyên:

Hỏi: Thế nào là y duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa là tăng thượng, đó gọi là y duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa, pháp ấy không phải là tăng thượng, đó gọi là y duyên không phải là tăng thượng duyên.

Không phải y duyên là tăng thượng duyên: Là không có.

Y duyên, nhân duyên: Hoặc y duyên là nhân duyên. Hoặc y duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa là nhân, đó gọi là y duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa không phải là nhân, đó gọi là y duyên không phải là nhân duyên.

Không phải y duyên là nhân duyên: Là không có.

Y duyên, vô gián duyên: Hoặc y duyên là vô gián duyên. Hoặc y duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa là sinh diệt, đó gọi là y duyên là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp dựa vào duyên kia, không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là y duyên không phải là vô gián duyên.

Không phải y duyên là vô gián duyên: Là không có.

Y duyên, cảnh giới duyên: Hoặc y duyên là cảnh giới duyên. Hoặc y duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa có cảnh giới, đó gọi là y duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là y duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp nương dựa không có cảnh giới, đó gọi là y duyên không phải là cảnh giới duyên.

Không phải y duyên là cảnh giới duyên: Là không có.

Nghiệp duyên, báo duyên: Hoặc nghiệp duyên là báo duyên. Hoặc nghiệp duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp nghiệp có thể sinh nghiệp là có báo, đó gọi là nghiệp duyên là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp nghiệp có thể sinh nghiệp là không có báo, đó gọi là nghiệp duyên không phải là báo duyên.

Không phải nghiệp duyên, báo duyên: Hoặc không phải nghiệp duyên là báo duyên. Hoặc không phải nghiệp duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên là báo duyên?

Đáp: Nếu không phải là nghiệp, hoặc nghiệp không thể sinh nghiệp có báo, đó gọi là không phải nghiệp duyên là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, hoặc nghiệp không thể sinh nghiệp không có báo, đó gọi là không phải nghiệp duyên không phải là báo duyên.

Nghiệp duyên, khởi duyên: Hoặc nghiệp duyên là khởi duyên. Hoặc nghiệp duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp là nghiệp có thể sinh nghiệp, đó gọi là nghiệp duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp là nghiệp không thể sinh nghiệp, nghiệp ấy không phải là khởi duyên, đó gọi là nghiệp duyên không phải là khởi duyên.

Không phải nghiệp duyên, khởi duyên: Hoặc không phải nghiệp duyên là khởi duyên. Hoặc không phải nghiệp duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp không thể sinh nghiệp, đó gọi là không phải nghiệp duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp không thể sinh nghiệp, không phải là khởi, đó gọi là không phải nghiệp duyên không phải là khởi duyên.

Nghiệp duyên, dị duyên: Hoặc nghiệp duyên là dị duyên. Hoặc nghiệp duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp nghiệp có thể sinh nghiệp là chung, đó gọi là nghiệp duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp nghiệp có thể sinh nghiệp không phải là chung, đó gọi là nghiệp duyên không phải là dị duyên.

Không phải nghiệp duyên, dị duyên: Hoặc không phải nghiệp duyên là dị duyên. Hoặc không phải nghiệp duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp không thể sinh nghiệp, đó gọi là không phải nghiệp duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp không thể sinh nghiệp, không phải là chung, đó gọi là không phải nghiệp duyên không phải là dị duyên.

Nghiệp duyên, tương tục duyên: Hoặc nghiệp duyên là tương tục duyên. Hoặc nghiệp duyên không phải là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp là nghiệp có thể sinh nghiệp nói là tăng trưởng, cho đến có thể sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là nghiệp duyên là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên không phải là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp là nghiệp sinh nghiệp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là nghiệp duyên không phải là tương tục duyên.

Không phải nghiệp duyên, tương tục duyên: Hoặc không phải nghiệp duyên là tương tục duyên. Hoặc không phải nghiệp duyên không phải là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp nhưng là tăng trưởng, cho đến sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là không phải nghiệp duyên là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên không phải là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu sinh nghiệp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là không phải nghiệp duyên không phải là tương tục duyên.

Nghiệp duyên, tăng thượng duyên: Hoặc nghiệp duyên là tăng thượng duyên. Hoặc nghiệp duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp là nghiệp sinh nghiệp là tăng thượng, đó gọi là nghiệp duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp là nghiệp sinh nghiệp, không phải là tăng thượng, đó gọi là nghiệp duyên không phải là tăng thượng duyên.

Không phải nghiệp duyên, tăng thượng duyên: Hoặc không phải nghiệp duyên là tăng thượng duyên. Hoặc không phải nghiệp duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải nghiệp là tăng thượng, đó gọi là không phải nghiệp duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp, không phải là tăng thượng, đó gọi là không phải nghiệp duyên không phải là tăng thượng duyên

Nghiệp duyên, nhân duyên: Nghiệp duyên là nhân duyên: Là không có.

Không phải nghiệp duyên, nhân duyên: Hoặc không phải nghiệp duyên là nhân duyên. Hoặc không phải nghiệp duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải nghiệp là nhân, đó gọi là không phải nghiệp duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp, không phải là nhân, đó gọi là không phải nghiệp duyên không phải là nhân duyên.

Nghiệp duyên, vô gián duyên: Hoặc nghiệp duyên là vô gián duyên. Hoặc nghiệp duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp là nghiệp sinh nghiệp, là sinh diệt, đó gọi là nghiệp duyên là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp là nghiệp sinh nghiệp, không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là nghiệp duyên không phải là vô gián duyên.

Không phải nghiệp duyên, vô gián duyên: Hoặc không phải nghiệp duyên là vô gián duyên. Hoặc không phải nghiệp duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp, là sinh diệt, đó gọi là không phải nghiệp duyên là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải nghiệp, không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là không phải nghiệp duyên không phải là vô gián duyên.

Nghiệp duyên, cảnh giới duyên: Hoặc nghiệp duyên là cảnh giới duyên. Hoặc nghiệp duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp là nghiệp sinh nghiệp có cảnh giới, đó gọi là nghiệp duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là nghiệp duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp là nghiệp sinh nghiệp không có cảnh giới, đó gọi là nghiệp duyên không phải là cảnh giới duyên.

Không phải nghiệp duyên, cảnh giới duyên: Hoặc không phải nghiệp duyên là cảnh giới duyên. Hoặc không phải nghiệp duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp, có cảnh giới, đó gọi là không phải nghiệp duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp không có cảnh giới, đó gọi là không phải nghiệp duyên không phải là cảnh giới duyên

Nghiệp duyên, y duyên: Nghiệp duyên là y duyên. Không phải nghiệp duyên là y duyên.

Báo duyên là khởi duyên: Là không có.

Không phải báo duyên, khởi duyên: Hoặc không phải báo duyên là khởi duyên. Hoặc không phải báo duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, là khởi, đó gọi là không phải báo duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, không phải là khởi, đó gọi là không phải báo duyên không phải là khởi duyên.

Báo duyên là dị duyên: Là không có.

Không phải báo duyên, dị duyên: Hoặc không phải báo duyên là dị duyên. Hoặc không phải báo duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo là chung, đó gọi là không phải báo duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, không phải là chung, đó gọi là không phải báo duyên không phải là dị duyên.

Báo duyên là tương tục duyên: Là không có.

Không phải báo duyên, tương tục duyên: Hoặc không phải báo duyên là tương tục duyên. Hoặc không phải báo duyên không phải là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, là tăng trưởng cho đến sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là không phải báo duyên là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên không phải là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là không phải báo duyên không phải là tương tục duyên.

Báo duyên là tăng thượng duyên: Là không có.

Không phải báo duyên, tăng thượng duyên: Hoặc không phải báo duyên là tăng thượng duyên. Hoặc không phải báo duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, là tăng thượng, đó gọi là không phải báo duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, không phải là tăng thượng, đó gọi là không phải báo duyên không phải là tăng thượng duyên.

Báo duyên, nhân duyên: Báo duyên là nhân duyên. Không phải báo duyên, nhân duyên: Hoặc không phải báo duyên là nhân duyên. Hoặc không phải báo duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, là nhân, đó gọi là không phải báo duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, không phải là nhân, đó gọi là không phải báo duyên không phải là nhân duyên.

Báo duyên, vô gián duyên: Hoặc báo duyên là vô gián duyên. Hoặc báo duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là báo duyên là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp có báo là sinh diệt, đó gọi là báo duyên là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là báo duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp có báo không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là báo duyên không phải là vô gián duyên.

Không phải báo duyên, vô gián duyên: Hoặc không phải báo duyên là vô gián duyên. Hoặc không phải báo duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, là sinh diệt, đó gọi là không phải báo duyên là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là không phải báo duyên, không phải là vô gián duyên.

Báo duyên, cảnh giới duyên: Hoặc báo duyên là cảnh giới duyên. Hoặc báo duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là báo duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp có báo, có cảnh giới, đó gọi là báo duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là báo duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp có báo, không có cảnh giới, đó gọi là báo duyên không phải là cảnh giới duyên.

Không phải báo duyên, cảnh giới duyên: Hoặc không phải báo duyên là cảnh giới duyên. Hoặc không phải báo duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, có cảnh giới, đó gọi là không phải báo duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, không có cảnh giới, đó gọi là không phải báo duyên không phải là cảnh giới duyên.

Báo duyên, y duyên: Báo duyên là y duyên. Không phải báo duyên là y duyên: Là không có.

Báo duyên, nghiệp duyên: Hoặc báo duyên là nghiệp duyên. Hoặc báo duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là báo duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp có báo là nghiệp, hoặc nghiệp sinh, đó gọi là báo duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là báo duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp có báo không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp, đó gọi là báo duyên không phải là nghiệp duyên.

Không phải báo duyên, nghiệp duyên: Hoặc không phải báo duyên là nghiệp duyên. Hoặc không phải báo duyên, không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải báo là nghiệp, nếu nghiệp sinh nghiệp, đó gọi là không phải báo duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải báo duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là báo, không phải là nghiệp, hoặc nghiệp sinh không phải là nghiệp, đó gọi là không phải báo duyên không phải là nghiệp duyên.

Khởi duyên, dị duyên: Hoặc khởi duyên là dị duyên. Hoặc khởi duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là khởi duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp khởi là chung, đó gọi là khởi duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là khởi duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp khởi không phải là chung, đó gọi là khởi duyên không phải là dị duyên.

Không phải khởi duyên, dị duyên: Hoặc không phải khởi duyên là dị duyên. Hoặc không phải khởi duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, là chung, đó gọi là không phải khởi duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, không phải là chung, đó gọi là không phải khởi duyên không phải là dị duyên.

Khởi duyên là tương tục duyên: Là không có.

Không phải khởi duyên, tương tục duyên: Hoặc không phải khởi duyên là tương tục duyên. Hoặc không phải khởi duyên không phải là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải khởi là tăng trưởng, cho đến sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là không phải khởi duyên là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên không phải là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh khởi lần thứ ba, đó gọi là không phải khởi duyên không phải là tương tục duyên.

Khởi duyên, tăng thượng duyên: Hoặc khởi duyên là tăng thượng duyên. Hoặc khởi duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là khởi duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp khởi là tăng thượng, đó gọi là khởi duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là khởi duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp khởi không phải là tăng thượng, đó gọi là khởi duyên không phải là tăng thượng duyên.

Không phải khởi duyên, tăng thượng duyên: Hoặc không phải khởi duyên là tăng thượng duyên. Hoặc không phải khởi duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, là tăng thượng, đó gọi là không phải khởi duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, không phải là tăng thượng, đó gọi là không phải khởi duyên không phải là tăng thượng duyên

Khởi duyên, nhân duyên: Khởi duyên là nhân duyên. Không phải khởi duyên, nhân duyên: Hoặc không phải khởi duyên là nhân duyên. Hoặc không phải khởi duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, là nhân, đó gọi là không phải khởi duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, không phải là nhân, đó gọi là không phải khởi duyên không phải là nhân duyên.

Khởi duyên là vô gián duyên: Không có. Không phải khởi duyên, vô gián duyên: Hoặc không phải khởi duyên là vô gián duyên. Hoặc không phải khởi duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, là sinh diệt, đó gọi là không phải khởi duyên là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là không phải khởi duyên không phải là vô gián duyên.

Khởi duyên, cảnh giới duyên: Hoặc khởi duyên là cảnh giới duyên. Hoặc khởi duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là khởi duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp khởi có cảnh giới, đó gọi là khởi duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là khởi duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp khởi không có cảnh giới, đó gọi là khởi duyên không phải là cảnh giới duyên.

Không phải khởi duyên, cảnh giới duyên: Hoặc không phải khởi duyên là cảnh giới duyên. Hoặc không phải khởi duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, có cảnh giới, đó gọi là không phải khởi duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, không có cảnh giới, đó gọi là không phải khởi duyên không phải là cảnh giới duyên.

Khởi duyên là y duyên. Không phải khởi duyên là y duyên: Không có.

Khởi duyên, nghiệp duyên: Hoặc khởi duyên là nghiệp duyên. Hoặc khởi duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là khởi duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp khởi là nghiệp sinh nghiệp, đó gọi là khởi duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là khởi duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp khởi không phải là nghiệp, hoặc nghiệp sinh không phải là nghiệp, đó gọi là khởi duyên không phải là nghiệp duyên.

Không phải khởi duyên, nghiệp duyên: Hoặc không phải khởi duyên là nghiệp duyên. Hoặc không phải khởi duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, là nghiệp sinh nghiệp, đó gọi là không phải khởi duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp, đó gọi là không phải khởi duyên không phải là nghiệp duyên.

Khởi duyên là báo duyên: Không có.

Không phải khởi duyên, báo duyên: Hoặc không phải khởi duyên là báo duyên. Hoặc không phải khởi duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, là có báo, đó gọi là không phải khởi duyên là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là khởi, không phải là báo, đó gọi là không phải khởi duyên không phải là báo duyên.

Dị duyên, tương tục duyên: Không có.

Không phải dị duyên, tương tục duyên: Hoặc không phải dị duyên là tương tục duyên. Hoặc không phải dị duyên không phải là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, là tăng trưởng, cho đến sinh lần thứ ba, đó gọi là không phải dị duyên là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên không phải là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, đó gọi là không phải dị duyên không phải là tương tục duyên.

Dị duyên, tăng thượng duyên: Hoặc dị duyên là tăng thượng duyên. Hoặc dị duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là dị duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp cùng là tăng thượng, đó gọi là dị duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là dị duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp cùng không phải là tăng thượng, đó gọi là dị duyên không phải là tăng thượng duyên.

Không phải dị duyên, tăng thượng duyên: Hoặc không phải dị duyên là tăng thượng duyên. Hoặc không phải dị duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, là tăng thượng, đó gọi là không phải dị duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, không phải là tăng thượng, đó gọi là không phải dị duyên không phải là tăng thượng duyên.

Dị duyên, nhân duyên: Dị duyên là nhân duyên. Không phải dị duyên, nhân duyên: Hoặc không phải dị duyên là nhân duyên. Hoặc không phải dị duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, là nhân, đó gọi là không phải dị duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, không phải là nhân, đó gọi là không phải dị duyên không phải là nhân duyên.

Dị duyên là vô gián duyên: Không có. Không phải dị duyên, vô gián duyên: Hoặc không phải dị duyên là vô gián duyên. Hoặc không phải dị duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, là sinh diệt, đó gọi là không phải dị duyên là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là không phải dị duyên không phải là vô gián duyên.

Dị duyên, cảnh giới duyên: Hoặc dị duyên là cảnh giới duyên. Hoặc dị duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là dị duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp chung có cảnh giới, đó gọi là dị duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là dị duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp chung không có cảnh giới, đó gọi là dị duyên không phải là cảnh giới duyên.

Không phải dị duyên, cảnh giới duyên: Hoặc không phải dị duyên là cảnh giới duyên. Hoặc không phải dị duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, có cảnh giới, đó gọi là không phải dị duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, không có cảnh giới, đó gọi là không phải dị duyên không phải là cảnh giới duyên.

Dị duyên, y duyên: Dị duyên tức là y duyên. Không phải dị duyên là y duyên.

Dị duyên, nghiệp duyên: Hoặc dị duyên là nghiệp duyên. Hoặc dị duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là dị duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp chung là nghiệp sinh nghiệp, đó gọi là dị duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là dị duyên không phải là nghiệp duyên.

Đáp: Nếu pháp chung không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp, đó gọi là dị duyên không phải là nghiệp duyên.

Không phải dị duyên, nghiệp duyên: Hoặc không phải dị duyên là nghiệp duyên. Hoặc không phải dị duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải chung, là nghiệp sinh nghiệp, đó gọi là không phải dị duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp, đó gọi là không phải dị duyên không phải là nghiệp duyên.

Dị duyên là báo duyên: Không có. Không phải dị duyên, báo duyên: Hoặc không phải dị duyên là báo duyên. Hoặc không phải dị duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, là có báo, đó gọi là không phải dị duyên là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, không phải có báo, đó gọi là không phải dị duyên không phải báo duyên.

Dị duyên, khởi duyên: Hoặc dị duyên là khởi duyên. Hoặc dị duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là dị duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp chung là khởi, đó gọi là dị duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là dị duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp chung không phải là khởi, đó gọi là dị duyên không phải là khởi duyên.

Không phải dị duyên, khởi duyên: Hoặc không phải dị duyên là khởi duyên. Hoặc không phải dị duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, là khởi, đó gọi là không phải dị duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải dị duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là chung, không phải là khởi, đó gọi là không phải dị duyên không phải là khởi duyên.

Tương tục duyên là tăng thượng duyên: Không có. Không phải tương tục duyên, tăng thượng duyên: Hoặc không phải tương tục duyên là tăng thượng duyên. Hoặc không phải tương tục duyên không phải là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba là tăng thượng, đó gọi là không phải tương tục duyên là tăng thượng duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên không phải là tăng thượng duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba không phải là tăng thượng, đó gọi là không phải tương tục duyên không phải là tăng thượng duyên.

Tương tục duyên, nhân duyên: Tương tục duyên là nhân duyên: Không có. Không phải tương tục duyên, nhân duyên: Hoặc không phải tương tục duyên là nhân duyên. Hoặc không phải tương tục duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, là nhân, đó gọi là không phải tương tục duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, không phải là nhân, đó gọi là không phải tương tục duyên không phải là nhân duyên.

Tương tục duyên là vô gián duyên: Không có. Không phải tương tục duyên, vô gián duyên: Hoặc không phải tương tục duyên là vô gián duyên. Hoặc không phải tương tục duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, là sinh diệt, đó gọi là không phải tương tục duyên là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là không phải tương tục duyên không phải là vô gián duyên.

Tương tục duyên, cảnh giới duyên: Hoặc tương tục duyên là cảnh giới duyên. Hoặc tương tục duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là tương tục duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp là tăng trưởng, cho đến sinh lần thứ ba, có cảnh giới, đó gọi là tương tục duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là tương tục duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp là tăng trưởng, cho đến sinh lần thứ ba, không có cảnh giới, đó gọi là tương tục duyên không phải là cảnh giới duyên.

Không phải tương tục duyên, cảnh giới duyên: Hoặc không phải tương tục duyên là cảnh giới duyên. Hoặc không phải tương tục duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, có cảnh giới, đó gọi là không phải tương tục duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, không có cảnh giới, đó gọi là không phải tương tục duyên không phải là cảnh giới duyên.

Tương tục duyên là y duyên. Không phải tương tục duyên là y duyên.

LUẬN XÁ LỢI PHÁT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 26

Phẩm thứ 1: PHẦN ĐẦU MỐI HIỆN KHẬP, phần 2

Tương tục duyên, nghiệp duyên: Hoặc tương tục duyên là nghiệp duyên. Hoặc tương tục duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là tương tục duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp là tăng trưởng, đến sinh lần thứ ba, là nghiệp sinh nghiệp, đó gọi là tương tục duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là tương tục duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp là tăng trưởng, đến sinh lần thứ ba, không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp, đó gọi là tương tục duyên không phải là nghiệp duyên.

Không phải tương tục duyên, nghiệp duyên: Hoặc không phải tương tục duyên là nghiệp duyên. Hoặc không phải tương tục duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, là nghiệp, nếu nghiệp sinh nghiệp, đó gọi là không phải tương tục duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, không phải là nghiệp, hoặc nghiệp sinh không phải là nghiệp, đó gọi là không phải tương tục duyên không phải là nghiệp duyên.

Tương tục duyên là báo duyên: Không có. Không phải tương tục duyên, báo duyên: Hoặc không phải tương tục duyên là báo duyên. Hoặc không phải tương tục duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, là có báo, đó gọi là không phải tương tục duyên là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, không phải có báo, đó gọi là không phải tương tục duyên không phải là báo duyên.

Tương tục duyên là khởi duyên: Không có. Không phải tương tục duyên, khởi duyên: Hoặc không phải tương tục duyên là khởi duyên. Hoặc không phải tương tục duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, đó gọi là không phải tương tục duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, không phải là khởi, đó gọi là không phải tương tục duyên không phải là khởi duyên.

Tương tục duyên là dị duyên: Là không có. Không phải tương tục duyên, dị duyên: Hoặc không phải tương tục duyên là dị duyên. Hoặc không phải tương tục duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, là chung, đó gọi là không phải tương tục duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, không phải là chung, đó gọi là không phải tương tục duyên không phải là dị duyên.

Tăng thượng duyên, nhân duyên: Hoặc tăng thượng duyên là nhân duyên. Hoặc tăng thượng duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp vượt hơn là nhân, đó gọi là tăng thượng duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp vượt hơn không phải là nhân, đó gọi là tăng thượng duyên không phải là nhân duyên.

Không phải tăng thượng duyên, nhân duyên: Hoặc không phải tăng thượng duyên là nhân duyên. Hoặc không phải tăng thượng duyên không phải là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là vượt hơn, là nhân, đó gọi là không phải tăng thượng duyên là nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên không phải là nhân duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là vượt hơn, không phải là nhân, đó gọi là không phải tăng thượng duyên không phải là nhân duyên.

Tăng thượng duyên là vô gián duyên: Không có. Không phải tăng thượng duyên, vô gián duyên: Hoặc không phải tăng thượng duyên là vô gián duyên. Hoặc không phải tăng thượng duyên không phải là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là vượt hơn, là sinh diệt, đó gọi là không phải tăng thượng duyên là vô gián duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên không phải là vô gián duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là vượt hơn, không phải là sinh diệt, hoặc chưa diệt, đó gọi là không phải tăng thượng duyên không phải là vô gián duyên.

Tăng thượng duyên, cảnh giới duyên: Hoặc tăng thượng duyên là cảnh giới duyên. Hoặc tăng thượng duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp vượt hơn có cảnh giới, đó gọi là tăng thượng duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp vượt hơn không có cảnh giới, đó gọi là tăng thượng duyên không phải là cảnh giới duyên.

Không phải tăng thượng duyên, cảnh giới duyên: Hoặc không phải tăng thượng duyên là cảnh giới duyên. Hoặc không phải tăng thượng duyên không phải là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải vượt hơn, có cảnh giới, đó gọi là không phải tăng thượng duyên là cảnh giới duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên không phải là cảnh giới duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải vượt hơn, không có cảnh giới, đó gọi là không phải tăng thượng duyên không phải là cảnh giới duyên.

Tăng thượng duyên, y duyên. Tăng thượng duyên là y duyên. Không phải tăng thượng duyên là y duyên.

Tăng thượng duyên, nghiệp duyên: Hoặc tăng thượng duyên là nghiệp duyên. Hoặc tăng thượng duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp vượt hơn là nghiệp sinh nghiệp, đó gọi là tăng thượng duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp vượt hơn không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp, đó gọi là tăng thượng duyên không phải là nghiệp duyên.

Không phải tăng thượng duyên, nghiệp duyên: Hoặc không phải tăng thượng duyên là nghiệp duyên. Hoặc không phải tăng thượng duyên không phải là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là hơn, là nghiệp sinh nghiệp, đó gọi là không phải tăng thượng duyên là nghiệp duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên không phải là nghiệp duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là hơn, không phải là nghiệp, nếu nghiệp sinh không phải là nghiệp, đó gọi là không phải tăng thượng duyên không phải là nghiệp duyên.

Tăng thượng duyên là báo duyên: Không có. Không phải tăng thượng duyên, báo duyên: Hoặc không phải tăng thượng duyên là báo duyên. Hoặc không phải tăng thượng duyên không phải là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là hơn, có báo, đó gọi là không phải tăng thượng duyên là báo duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên không phải là báo duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là hơn, không có báo, đó gọi là không phải tăng thượng duyên không phải là báo duyên.

Tăng thượng duyên, khởi duyên: Hoặc tăng thượng duyên là khởi duyên. Hoặc tăng thượng duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp vượt hơn là khởi, đó gọi là tăng thượng duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp vượt hơn không phải là khởi, đó gọi là tăng thượng duyên không phải là khởi duyên.

Không phải tăng thượng duyên, khởi duyên: Hoặc không phải tăng thượng duyên là khởi duyên. Hoặc không phải tăng thượng duyên không phải là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải vượt hơn, là khởi, đó gọi là không phải tăng thượng duyên là khởi duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên không phải là khởi duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải vượt hơn, không phải là khởi, đó gọi là không phải tăng thượng duyên không phải là khởi duyên.

Tăng thượng duyên, dị duyên: Hoặc tăng thượng duyên là dị duyên. Hoặc tăng thượng duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp vượt hơn là chung, đó gọi là tăng thượng duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp vượt hơn không phải là chung, đó gọi là tăng thượng duyên không phải là dị duyên.

Không phải tăng thượng duyên, dị duyên: Hoặc không phải tăng thượng duyên là dị duyên. Hoặc không phải tăng thượng duyên không phải là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là hơn, là chung, đó gọi là không phải tăng thượng duyên là dị duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên không phải là dị duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là hơn, không phải là chung, đó gọi là không phải tăng thượng duyên không phải là dị duyên.

Tăng thượng duyên là tương tục duyên: Không có. Không phải tăng thượng duyên, tương tục duyên: Hoặc không phải tăng thượng duyên là tương tục duyên. Hoặc không phải tăng thượng duyên không phải là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là hơn, là tăng trưởng, đến sinh lần thứ ba, đó gọi là không phải tăng thượng duyên là tương tục duyên.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng duyên không phải là tương tục duyên?

Đáp: Nếu pháp không phải là hơn, không phải là tăng trưởng, nếu tăng trưởng thì không đến sinh lần thứ ba, đó gọi là không phải tăng thượng duyên không phải là tương tục duyên.

* Pháp thiện. Pháp bất thiện. Pháp vô ký. Pháp thiện, bất thiện. Pháp thiện, vô ký. Pháp bất thiện, vô ký. Pháp thiện, bất thiện, vô ký.

Duyên nơi pháp thiện: Sinh pháp thiện. Sinh pháp bất thiện. Sinh pháp vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện. Sinh pháp thiện, vô ký. Sinh pháp bất thiện, vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện, vô ký.

Duyên nơi pháp bất thiện: Sinh pháp thiện. Sinh pháp bất thiện. Sinh pháp vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện. Sinh pháp thiện, vô ký. Sinh pháp bất thiện, vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện, vô ký.

Duyên nơi pháp vô ký: Sinh pháp thiện. Sinh pháp bất thiện. Sinh pháp vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện. Sinh pháp thiện, vô ký. Sinh pháp bất thiện, vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện, vô ký.

Duyên nơi pháp thiện, bất thiện: Sinh pháp thiện. Sinh pháp bất thiện. Sinh pháp vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện. Sinh pháp thiện, vô ký. Sinh pháp bất thiện, vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện, vô ký.

Duyên nơi pháp thiện, vô ký: Sinh pháp thiện. Sinh pháp bất thiện. Sinh pháp vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện. Sinh pháp thiện, vô ký. Sinh pháp bất thiện, vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện, vô ký.

Duyên nơi pháp bất thiện, vô ký: Sinh pháp thiện. Sinh pháp bất thiện. Sinh pháp vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện. Sinh pháp thiện, vô ký. Sinh pháp bất thiện, vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện, vô ký.

Duyên nơi pháp thiện, bất thiện, vô ký: Sinh pháp thiện. Sinh pháp bất thiện. Sinh pháp vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện. Sinh pháp thiện, vô ký. Sinh pháp bất thiện, vô ký. Sinh pháp thiện, bất thiện, vô ký.

**

Phẩm thứ 2: NHÂN CỦA PHẦN ĐẦU MỖI

Nhân có nhân, do nhân sinh pháp, tức là của nhân. Nhân có bốn sự, nên biết tất cả pháp hữu vi có nghĩa của nhân. Đầu mỗi tập hợp môn chánh của các nhân.

Nhân nhân. Vô gián nhân. Cảnh giới nhân. Y nhân. Nghiệp nhân. Báo nhân. Khởi nhân. Dị nhân. Tương tục nhân. Tăng thượng nhân. Danh nhân. Sắc nhân. Vô minh nhân. Hành nhân. Thức nhân. Danh sắc nhân. Sáu nhập nhân. Xúc nhân. Thọ nhân. Ái nhân. Thủ nhân. Hữu nhân. Sinh nhân. Lão nhân. Tử nhân. Ưu nhân. Bi nhân. Khổ nhân. Não nhân. Chúng khổ nhân. Thực nhân. Lậu nhân. Lại có nhân.

Không phải là nhân nhân. Không phải là vô gián nhân. Không phải là cảnh giới nhân. Không phải là y nhân. Không phải là nghiệp nhân. Không phải là báo nhân. Không phải là khởi nhân. Không phải là dị nhân. Không phải là tương tục nhân. Không phải là tăng thượng nhân. Không phải là danh nhân. Không phải là sắc nhân. Không phải là vô minh nhân. Không phải là hành nhân. Không phải là thức nhân. Không phải là danh sắc nhân. Không phải là sáu nhập nhân. Không phải là xúc nhân. Không phải là thọ nhân. Không phải là ái nhân. Không phải là thủ nhân. Không phải là hữu nhân. Không phải là sinh nhân. Không phải là lão nhân. Không phải là tử nhân. Không phải là ưu nhân. Không phải là bi nhân. Không phải là khổ nhân. Không phải là não nhân. Không phải là chúng khổ nhân. Không phải là thực nhân. Không phải là lậu nhân. Không phải là lại có nhân.

Hỏi: Thế nào là nhân nhân?

Đáp: Nếu pháp là nhân, là nhân của pháp, đó gọi là nhân nhân.

Hỏi: Thế nào là vô gián nhân?

Đáp: Nếu pháp là nhân của quá khứ, hiện tại, đó gọi là vô gián nhân.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới nhân?

Đáp: Cảnh giới của tất cả pháp, như nhân của sự, hoặc có nhân, là nhân của pháp, đó gọi là cảnh giới nhân.

Hỏi: Thế nào là y nhân?

Đáp: Tất cả pháp là nhân, nếu là nhân của pháp hữu vi, đó gọi là y nhân.

Hỏi: Thế nào là nghiệp nhân?

Đáp: Nếu pháp là nhân của nghiệp thân, miệng, ý, đó gọi là nghiệp nhân.

Hỏi: Thế nào là báo nhân?

Đáp: Nếu pháp là thọ nhận và nhân của báo thiện, đó gọi là báo nhân.

Hỏi: Thế nào là khởi nhân?

Đáp: Nếu pháp là khởi nhân, đó gọi là khởi nhân.

Hỏi: Thế nào là dị nhân?

Đáp: Nếu pháp là nhân chung, đó gọi là dị nhân.

Hỏi: Thế nào là tương tục nhân?

Đáp: Nếu pháp là nhân tăng trưởng, đó gọi là tương tục nhân.

Hỏi: Thế nào là tăng thượng nhân?

Đáp: Nếu pháp là nhân vượt hơn, đó gọi là tăng thượng nhân.

Hỏi: Thế nào là danh nhân?

Đáp: Tất cả nhớ tưởng, giả đặt là danh, đó gọi là danh nhân.

Lại nữa, do nhớ tưởng, giả đặt là sinh, thọ, tướng, tư, xúc, tư duy, đó gọi là danh nhân.

Lại nữa, nếu xúc đứng đầu năm pháp là thọ, tướng, tư, xúc, tư duy, đó gọi là danh nhân.

Lại nữa, nếu pháp không phải là hữu vi sắc, đó gọi là danh nhân.

Nếu là nhân của pháp như thế, đó gọi là danh nhân.

Hỏi: Thế nào là sắc nhân?

Đáp: Nếu pháp sắc gọi là sắc. Lại nữa, mười sắc nhập và sắc của pháp nhập, gọi là sắc. Lại nữa, bốn đại và sắc do bốn đại tạo, gọi là sắc. Lại nữa, sắc có ba thứ: sắc có thể thấy có đối, sắc không thể thấy có đối, sắc không thể thấy không có đối, gọi là sắc. Nếu là nhân của các pháp như thế, đó gọi là sắc nhân.

Hỏi: Thế nào là vô minh nhân?

Đáp: Nếu là nhân của pháp căn bất thiện si, đó gọi là vô minh nhân.

Hỏi: Thế nào là hành nhân?

Đáp: Hành của thân, hành của miệng, hành của ý, gọi là hành. Lại nữa, hành phước, hành phi phước, hành không động, đây gọi là hành. Lại nữa, năm thọ ấm, đây gọi là hành. Lại nữa, hành ấm, đây gọi là hành. Nếu là nhân của các pháp như thế, đó gọi là hành nhân.

Hỏi: Thế nào là thức nhân?

Đáp: Nhân của nhãn thức thân, nhân của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức thân, đó gọi là thức nhân.

Hỏi: Thế nào là danh sắc nhân?

Đáp: Nếu nhớ tướng, giả xưng lập danh, đây gọi là danh. Nếu là pháp sắc đây gọi là sắc. Lại nữa, nếu do nhớ tướng giả xưng lập danh, sinh khởi thọ, tướng, tư, xúc, tư duy, đây gọi là danh. Mười sắc nhập và sắc của pháp nhập, đây gọi là sắc. Lại nữa, xúc đứng đầu năm pháp, đây gọi là danh. Bốn đại và sắc do bốn đại tạo, đây gọi là sắc. Lại nữa, nếu pháp hữu vi không phải là sắc, đây gọi là danh. Sắc có ba thứ: Có thể thấy có đối, không thể thấy có đối, không thể thấy không có đối. Nếu là nhân của các pháp danh sắc như thế, đó gọi là danh sắc nhân.

Hỏi: Thế nào là sáu nhập nhân?

Đáp: Nếu là nhân của pháp nhãn nhập, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập, đó gọi là sáu nhập nhân.

Hỏi: Thế nào là xúc nhân?

Đáp: Nếu là nhân của pháp xúc: nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, đó gọi là xúc nhân.

Hỏi: Thế nào là thọ nhân?

Đáp: Nếu là nhân của pháp khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ, đó gọi là thọ nhân.

Hỏi: Thế nào là ái nhân?

Đáp: Nếu là nhân của pháp dục ái, hữu ái, đoạn ái, đó gọi là ái nhân.

Hỏi: Thế nào là thủ nhân?

Đáp: Nếu là nhân của pháp dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ, đó gọi là thủ nhân.

Hỏi: Thế nào là hữu nhân?

Đáp: Nếu là nhân pháp dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, đó gọi là hữu nhân.

Hỏi: Thế nào là sinh nhân?

Đáp: Nếu là nhân của các pháp: Trong các chúng sinh, đang sinh, nhập thai, xuất âm, tạo thành âm nhập, đó gọi là sinh nhân.

Hỏi: Thế nào là lão nhân?

Đáp: Nếu là nhân của các pháp: Trong các chúng sinh, đầu bạc, răng rụng, da nhăn, thân thể run rẩy, các căn suy kém, hành hư hoại, mạng còn ngắn, đó gọi là lão nhân.

Hỏi: Thế nào là tử nhân?

Đáp: Nếu là nhân của các pháp: Trong các chúng sinh, là lúc sau cùng, chết mất, vượt qua âm, bỏ thân mình, hiện bày sự đổi khác kia, lìa bản thân, đó gọi là tử nhân.

Hỏi: Thế nào là ưu nhân?

Đáp: Nếu là nhân của các pháp: Chúng sinh bị vô số thứ khổ bức bách, nên lo âu, lại lo âu, hoàn toàn lo âu, như bên trong đầy nhiệt não, ưu sầu, đó gọi là ưu nhân.

Hỏi: Thế nào là bi nhân?

Đáp: Nếu là nhân của các pháp: Chúng sinh bị ưu sầu bức bách, mũi tên ưu sầu xuyên vào tâm, hoặc nhớ nghĩ, khóc lóc, biểu hiện ở miệng, nói năng cuồng loạn, đó gọi là bi nhân.

Hỏi: Thế nào là khổ nhân?

Đáp: Nếu là nhân của các pháp: Thân không nhận chịu các khổ, nhãn xúc là khổ thọ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xúc là khổ thọ, đó gọi là khổ nhân.

Hỏi: Thế nào là não nhân?

Đáp: Nếu là nhân của các pháp: Tâm không nhận chịu các khổ, ý xúc là khổ thọ, đó gọi là não nhân.

Hỏi: Thế nào là chúng khổ nhân?

Đáp: Nếu là nhân của các pháp: Thân tâm khổ, lại khổ, hoàn toàn khổ, tâm não loạn, đó gọi là chúng khổ nhân.

Hỏi: Thế nào là thực nhân?

Đáp: Có bốn thứ ăn: Đoạn thực thô tế. Xúc thực. Ý tư thực. Thức thực. Nhân của các pháp như thế, đó gọi là thực nhân.

Hỏi: Thế nào là lậu nhân?

Đáp: Nhân của pháp: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đó gọi là lậu nhân.

Hỏi: Thế nào là lại có nhân?

Đáp: Nếu là nhân của các pháp: Pháp âm, giới, nhập đầu tiên, đó gọi là lại có nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải nhân nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân, đó gọi là không phải nhân nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải vô gián nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của vô gián, đó gọi là không phải vô gián nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải cảnh giới nhân?

Đáp: Không có không phải là cảnh giới nhân.

Không phải là y nhân cũng không có.

Hỏi: Thế nào là không phải nghiệp nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của nghiệp, đó gọi là không phải nghiệp nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải báo nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân báo, đó gọi là không phải báo nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải khởi nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân khởi, đó gọi là không phải khởi nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải dị nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân chung, đó gọi là không phải dị nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải tương tục nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân tăng trưởng, đó gọi là không phải tương tục nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải tăng thượng nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân vượt hơn, đó gọi là không phải tăng thượng nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải danh nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân danh, đó gọi là không phải danh nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải sắc nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của sắc, đó gọi là không phải sắc nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải vô minh nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của vô minh, đó gọi là không phải vô minh nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải hành nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của hành, đó gọi là không phải hành nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải thức nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của thức, đó gọi là không phải thức nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải danh sắc nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của danh sắc, đó gọi là không phải danh sắc nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải sáu nhập nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của sáu nhập, đó gọi là không phải sáu nhập nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải xúc nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của xúc, đó gọi là không phải xúc nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải thọ nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của thọ, đó gọi là không phải thọ nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải ái nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của ái, đó gọi là không phải ái nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải thủ nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của thủ, đó gọi là không phải thủ nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải hữu nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của hữu, đó gọi là không phải hữu nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải sinh nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của sinh, đó gọi là không phải sinh nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải lão nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của lão, đó gọi là không phải lão nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải tử nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của tử, đó gọi là không phải tử nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải ưu nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của ưu, đó gọi là không phải ưu nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải bi nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của bi, đó gọi là không phải bi nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải khổ nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của khổ, đó gọi là không phải khổ nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải não nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của não, đó gọi là không phải não nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải chúng khổ nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của chúng khổ, đó gọi là không phải chúng khổ nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải thực nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của ăn, đó gọi là không phải thực nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải lậu nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của lậu, đó gọi là không phải lậu nhân.

Hỏi: Thế nào là không phải lại có nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân của âm, giới, nhập ban đầu, đó gọi là không phải lại có nhân.

Pháp nhân không phải là có nhân. Pháp có nhân không phải là nhân. Pháp nhân có nhân. Pháp không phải là nhân không phải là có nhân. Pháp nhân không phải là nhân hòa hợp, pháp hòa hợp nhân. Không phải là nhân, pháp hòa hợp nhân. Không phải là nhân cũng không phải là pháp hòa hợp nhân.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân không phải là có nhân?

Đáp: Pháp nhân không có không phải là nhân. Lại nữa, kiết chuyên kính của căn thiện, căn bất thiện, đó gọi là pháp nhân không phải là có nhân.

Hỏi: Thế nào là pháp có nhân không phải là nhân?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân hữu vi, đó gọi là pháp có nhân không phải là nhân.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân có nhân?

Đáp: Trừ kiết chuyên kính của căn thiện, căn bất thiện, nếu là pháp khác, đó gọi là pháp nhân có nhân.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải là nhân không phải là có nhân?

Đáp: Trừ pháp nhân có nhân, nếu là pháp khác, đó gọi là pháp không phải là nhân không phải là có nhân.

Pháp nhân không phải là nhân hòa hợp, pháp hòa hợp nhân. Không phải là nhân, pháp hòa hợp nhân. Không phải là nhân cũng không phải là pháp hòa hợp nhân cũng như thế.

Pháp nhân trước không phải là nhân chung. Pháp nhân chung không phải là nhân trước. Pháp nhân trước cũng là nhân chung. Pháp không phải là nhân trước cũng không phải là nhân chung.

Pháp nhân trước không phải là nhân sau. Pháp nhân sau không phải là nhân trước. Pháp nhân trước cũng là nhân sau. Pháp không phải là nhân trước cũng không phải là nhân sau.

Pháp nhân chung không phải là nhân sau. Pháp nhân sau không phải là nhân chung. Pháp nhân chung cũng là nhân sau. Pháp không phải là nhân chung cũng không phải là nhân sau.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân trước không phải là nhân chung?

Đáp: Nếu pháp sinh là nhân trước, không phải là nhân chung, đó gọi là pháp nhân trước không phải là nhân chung.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân chung không phải là nhân trước?

Đáp: Nếu pháp sinh là nhân chung, không phải là nhân trước, đó gọi là pháp nhân chung không phải là nhân trước.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân trước cũng là nhân chung?

Đáp: Nếu pháp sinh là nhân trước, nhân chung, đó gọi là pháp nhân trước cũng là nhân chung.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải là nhân trước cũng không phải là nhân chung?

Đáp: Trừ pháp nhân trước, nhân chung, nếu là pháp khác, đó gọi là pháp không phải là nhân trước cũng không phải là nhân chung.

Lại nữa, pháp nhân trước không phải là nhân chung, nếu pháp mới sinh không phải là báo, đó gọi là pháp nhân trước không phải là nhân chung.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân chung không phải là nhân trước?

Đáp: Nếu pháp không phải là nhân hữu vi, đó gọi là pháp nhân chung không phải là nhân trước.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân trước cũng là nhân chung?

Đáp: Trừ mới sinh không phải là báo, nếu là pháp chung khác, đó gọi là pháp nhân trước cũng là nhân chung.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải là nhân trước cũng không phải là nhân chung?

Đáp: Trừ pháp nhân trước, nhân chung, nếu là pháp khác, đó gọi là pháp không phải là nhân trước không phải là nhân chung.

Pháp nhân trước không phải là nhân sau. Pháp nhân sau không phải là nhân trước. Pháp nhân trước cũng là nhân sau. Pháp không phải là nhân trước cũng không phải là nhân sau cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân chung không phải là nhân sau?

Đáp: Nếu pháp sinh là nhân chung, không phải là nhân sau, đó gọi là pháp nhân chung không phải là nhân sau.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân sau không phải là nhân chung?

Đáp: Pháp sinh của nhân sau tức là nhân chung. Lại nữa, được thiền thứ nhất xong, được thiền thứ hai. Được nhân sau là thiền thứ nhất thanh tịnh đạt lực tôn quý tự tại. Được thiền thứ hai xong, được thiền thứ ba, được nhân sau là thiền thứ hai thanh tịnh đạt lực tôn quý tự tại. Được thiền thứ ba xong, được thiền thứ tư, được nhân sau là thiền thứ ba du hành thanh tịnh đạt lực tôn quý tự tại. Nếu Bồ-tát đắc thông, minh xong, tức lúc biết rõ thông, minh kia liền sinh nhân sau là quán thấu triệt vô biên, được thần túc trụ thọ mạng, tức sinh nhân sau, nếu trụ một kiếp, hoặc kiếp khác, đó gọi là pháp nhân sau không phải là nhân chung.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân chung cũng là nhân sau?

Đáp: Nếu pháp sinh là nhân chung, nhân sau, đó gọi là pháp nhân chung cũng là nhân sau.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải là nhân chung cũng không phải là nhân sau?

Đáp: Trừ pháp nhân chung, nhân sau, nếu là pháp khác, đó gọi là pháp không phải là nhân chung không phải là nhân sau.

(Nhân, không phải nhân, giải thích đều có ba mươi hai câu, ở đây có hai mươi bốn câu sau cùng).



Phẩm thứ 3: DANH SẮC CỦA PHẦN ĐẦU MỐI

Có người xuất thế gọi là Đức Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, nói về danh sắc, giải thoát danh sắc, đoạn trừ danh sắc.

Hỏi: Thế nào là danh sắc?

Đáp: Nếu nhớ tưởng giả xưng lập tên, đây gọi là danh.

Hỏi: Thế nào là sắc?

Đáp: Nếu pháp là sắc, đây gọi là sắc.

Lại nữa, do nhớ tưởng, giả lập xưng, sinh khởi thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy, đây gọi là danh. Mười sắc nhập và sắc của pháp nhập, đây gọi là sắc. Lại nữa, xúc đứng đầu năm pháp, đây gọi là danh. Bốn đại và sắc do bốn đại tạo, đây gọi là sắc. Lại nữa, nếu pháp không phải là sắc hữu vi, đây gọi là danh. Sắc có ba thứ: Có thể thấy có đối, không thể thấy có đối, không thể thấy không đối, đây gọi là sắc. Danh sắc như thế đó gọi là danh sắc.

Hỏi: Thế nào là nói về danh sắc?

Đáp: Vì nhằm khiến danh sắc này ứng hợp với chánh thuyết, mở bày, phân biệt, hiển hiện, giả xưng, nên thuyết giảng về danh sắc.

Hỏi: Thế nào là giải thoát danh sắc?

Đáp: Nếu ở nơi danh sắc thấy biết, tạo phương tiện hành giải, đó gọi là giải thoát danh sắc.

Hỏi: Thế nào là đoạn trừ danh sắc?

Đáp: Nếu đối với danh sắc, điều phục dục nhiễm, đoạn trừ dục nhiễm, đó gọi là đoạn trừ danh sắc.

Nay sẽ tập hợp môn chánh của danh sắc: Nhân, khởi, báo, chung, tăng thượng, y, ăn uống, nuôi lớn, gìn giữ, gồm thâu vi tế, đối tượng nương dựa, đối tượng cần dùng.

Bắt đầu là thai, trụ xứ, sinh, đạo, cầu hướng đến, thấm nhuần, chất lỏng đầy khắp. Không điều phục, không kiên cố, không thủ hộ, không gồm thâu, không tu. Điều phục, kiên cố, thủ hộ, gồm thâu, tu. Không giải, không chứng, không đoạn, không tận, không diệt. Giải, chứng, đoạn, tận, diệt.

Xứ hỷ, xứ ưu, xứ xả. Thiện, bất thiện, vô ký. Học, vô học, phi học phi vô học. Báo, pháp báo, không phải báo không phải pháp báo. Kiến đoạn, tư duy đoạn, không phải kiến đoạn không phải tư duy đoạn.

Nhân của kiến đoạn, nhân của tư duy đoạn, không phải nhân của kiến đoạn không phải nhân của tư duy đoạn. Hệ thuộc cõi dục, hệ thuộc cõi sắc, hệ thuộc cõi vô sắc, không hệ thuộc. Quá khứ, vị lai, hiện tại. Đây gọi là môn chánh của danh sắc.

Nhân nghĩa là nhân duyên. Khởi nghĩa là nhân duyên. Báo nghĩa là nhân duyên. Chung nghĩa là nhân duyên. Tăng thượng nghĩa là y duyên. Y nghĩa là nhân duyên. Ăn nghĩa là y duyên. Nuôi lớn, gìn giữ, gồm thâu vi tế, đối tượng nương dựa, đối tượng cần dùng cũng như thế.

Bắt đầu là thai nghĩa là nhân duyên. Trụ xứ nghĩa là y duyên. Sinh nghĩa là nhân duyên. Đạo nghĩa là nhân duyên. Cầu hướng đến

nghĩa là nhân duyên. Thâm nhuần nghĩa là y duyên. Chát lỏng đầy khắp cũng như thế.

Không điều phục, nghĩa là không biết thế gian, không đoạn trừ thế gian. Không kiên cố, không thủ hộ, không gồm thâu, không tu cũng như thế.

Điều phục, nghĩa là biết thế gian, đoạn trừ thế gian. Kiên cố, thủ hộ, gồm thâu, tu cũng như thế.

Không giải, nghĩa là chưa có trí nhận biết, chưa dùng đoạn trí nhận biết. Không chứng nghĩa là chưa chứng thấy biết. Không đoạn nghĩa là chưa đoạn buộc. Không tận nghĩa là chưa rốt ráo tận cùng. Không diệt nghĩa là chưa có trí duyên diệt, không phải trí duyên diệt. Giải nghĩa là trí nhận biết, đoạn trí nhận biết. Chứng nghĩa là thấy * Ba là: đoạn trừ. Đoạn nghĩa là đoạn tạm thời. Tận nghĩa là rốt ráo tận cùng. Diệt nghĩa là trí duyên diệt, phi trí duyên diệt tận.

Xử hỷ nghĩa là hỷ khởi nhân và thọ nhận báo. Xử ưu nghĩa là ưu khởi nhân và thọ nhận báo. Xử xả nghĩa là xả khởi nhân và thọ nhận báo.

Thiện nghĩa là chỗ tu danh sắc. Bất thiện nghĩa là chỗ đoạn danh sắc. Vô ký nghĩa là chỗ thọ nhận danh sắc và pháp không phải báo.

Học nghĩa là danh sắc của Thánh phi vô học. Vô học nghĩa là danh sắc của Thánh phi học. Phi học phi vô học nghĩa là danh sắc không phải là Thánh.

Báo nghĩa là thọ nhận danh sắc và báo thiện. Pháp báo nghĩa là danh sắc có báo. Không phải báo không phải pháp báo nghĩa là danh sắc vô ký, không phải thuộc về phần của ngã.

Kiến đoạn nghĩa là danh sắc bất thiện không phải do tư duy đoạn. Tư duy đoạn nghĩa là danh sắc bất thiện không phải do kiến

đoạn. Không phải kiến đoạn không phải tư duy đoạn nghĩa là danh sắc hoặc thiện, hoặc vô ký.

Nhân của kiến đoạn nghĩa là danh sắc, hoặc kiến đoạn, hoặc là pháp báo của kiến đoạn. Nhân của tư duy đoạn nghĩa là danh sắc, hoặc tư duy đoạn, hoặc là pháp báo của tư duy đoạn. Không phải nhân của kiến đoạn không phải nhân của tư duy đoạn nghĩa là danh sắc hoặc là pháp thiện, hoặc là báo của pháp thiện, hoặc không phải là báo, không phải là pháp báo.

Hệ thuộc cõi dục nghĩa là danh sắc nếu là dục lậu, hữu lậu. Hệ thuộc cõi sắc nghĩa là danh sắc nếu là sắc lậu, hữu lậu. Hệ thuộc cõi vô sắc nghĩa là danh sắc nếu là vô sắc lậu, hữu lậu. Không hệ thuộc nghĩa là danh sắc nếu là vô lậu Thánh.

Quá khứ nghĩa là danh sắc đã sinh, đã diệt. Vị lai nghĩa là danh sắc chưa sinh, chưa xuất. Hiện tại nghĩa là danh sắc sinh, chưa diệt.

Danh là nhân của danh, nhân của danh sắc. Danh là nhân của danh sắc. Sắc là nhân của danh sắc, là nhân của sắc. Sắc là nhân của danh sắc. Danh sắc là nhân của danh. Danh sắc là nhân của sắc. Danh sắc là nhân của danh sắc.

Danh là danh khởi. Sắc là danh khởi. Danh sắc là sắc khởi. Danh là sắc khởi. Sắc là sắc khởi. Danh sắc là danh sắc khởi. Danh là danh sắc khởi. Sắc là danh sắc khởi, là danh sắc.

Danh là báo của danh, báo của danh sắc. Danh là báo của danh sắc. Sắc là báo của danh. Sắc là báo của sắc. Sắc là báo của danh sắc. Danh sắc là báo của danh. Danh sắc là báo của sắc. Danh sắc là báo của danh sắc.

Danh chung với danh. Danh chung với sắc. Danh chung với danh sắc. Sắc chung với danh. Sắc chung với sắc. Sắc chung với danh sắc. Danh sắc chung với danh. Danh sắc chung với sắc. Danh sắc chung với danh sắc.

Danh là tăng thượng của danh. Danh là tăng thượng của sắc. Danh là tăng thượng của danh sắc. Sắc là tăng thượng của danh. Sắc là tăng thượng của sắc. Sắc là tăng thượng của danh sắc. Danh sắc là Tăng thượng của danh. Danh sắc là tăng thượng của sắc. Danh sắc là tăng thượng của danh sắc.

Danh nương dựa danh. Danh nương dựa sắc. Danh nương dựa danh sắc. Sắc nương dựa danh. Sắc nương dựa sắc. Sắc nương dựa danh sắc. Danh sắc nương dựa danh. Danh sắc nương dựa sắc. Danh sắc nương dựa danh sắc.

Danh là thức ăn của danh. Danh là thức ăn của sắc. Danh là thức ăn của danh sắc. Sắc là thức ăn của danh. Sắc là thức ăn của sắc. Sắc là thức ăn của danh sắc. Danh sắc là thức ăn của danh. Danh sắc là thức ăn của sắc. Danh sắc là thức ăn của danh sắc.

Nuôi lớn, gìn giữ, gồm thân vi tế, đối tượng nương dựa, đối tượng cần dùng cũng như thế.

Danh là thai bắt đầu của danh. Danh là thai bắt đầu của sắc. Danh là thai bắt đầu của danh sắc. Sắc là thai bắt đầu của danh. Sắc là thai bắt đầu của sắc. Sắc là thai bắt đầu của danh sắc. Danh sắc là thai bắt đầu của danh. Danh sắc là thai bắt đầu của sắc. Danh sắc là thai bắt đầu của danh sắc. Chỗ ở cũng như thế.

Danh sinh danh. Danh sinh sắc. Danh sinh danh sắc. Sắc sinh danh. Sắc sinh sắc. Sắc sinh danh sắc. Danh sắc sinh danh. Danh sắc sinh sắc. Danh sắc sinh danh sắc.

Danh là đạo của danh. Danh là đạo của sắc. Danh là đạo của danh sắc. Sắc là đạo của danh. Sắc là đạo của sắc. Sắc là đạo của danh sắc. Danh sắc là đạo của danh. Danh sắc là đạo của sắc. Danh sắc là đạo của danh sắc. Đối tượng hướng đến cũng như thế.

Danh là sự thấm nhuần của danh. Danh là sự thấm nhuần của sắc. Danh là sự thấm nhuần của danh sắc. Sắc là sự thấm nhuần của

danh. Sắc là sự thâm nhuần của sắc. Sắc là sự thâm nhuần của danh sắc. Danh sắc là sự thâm nhuần của danh. Danh sắc là sự thâm nhuần của sắc. Danh sắc là sự thâm nhuần của danh sắc. Chất lỏng đầy khắp cũng như thế.

Danh không điều phục là danh không điều phục. Danh không điều phục là sắc không điều phục. Danh không điều phục là danh sắc không điều phục. Sắc không điều phục là danh không điều phục. Sắc không điều phục là sắc không điều phục. Sắc không điều phục là danh sắc không điều phục. Danh sắc không điều phục là danh không điều phục. Danh sắc không điều phục là sắc không điều phục. Danh sắc không điều phục là danh sắc không điều phục.

Không kiên cố, không thủ hộ, không gồm thâu, không tu tập cũng như thế.

Danh điều phục thì danh điều phục. Danh điều phục thì sắc điều phục. Danh điều phục thì danh sắc điều phục. Sắc điều phục thì danh điều phục. Sắc điều phục thì sắc điều phục. Sắc điều phục thì danh sắc điều phục. Danh sắc điều phục thì danh điều phục. Danh sắc điều phục thì sắc điều phục. Danh sắc điều phục thì danh sắc điều phục.

Kiên cố, thủ hộ, gồm thâu, tu tập cũng như thế.

Danh chưa giải là danh chưa giải. Danh chưa giải là sắc chưa giải. Danh chưa giải là danh sắc chưa giải. Sắc chưa giải là danh chưa giải. Sắc chưa giải là sắc chưa giải. Sắc chưa giải là danh sắc chưa giải. Danh sắc chưa giải là danh chưa giải. Danh sắc chưa giải là sắc chưa giải. Danh sắc chưa giải là danh sắc chưa giải.

Chưa chứng, chưa đoạn, chưa tận, chưa diệt cũng như thế.

Danh giải thì danh giải. Danh giải thì sắc giải. Danh giải thì danh sắc giải. Sắc giải thì danh giải. Sắc giải thì sắc giải. Sắc giải thì danh sắc giải. Danh sắc giải thì danh giải. Danh sắc giải thì sắc giải. Danh sắc giải thì danh sắc giải.

Chúng, đoạn, tận, diệt cũng như thế.

Duyên nơi danh của xứ hỷ, sinh danh của xứ hỷ, sắc của xứ hỷ, danh sắc của xứ hỷ. Duyên nơi sắc của xứ hỷ, sinh danh của xứ hỷ, sắc của xứ hỷ, danh sắc của xứ hỷ. Duyên nơi danh sắc của xứ hỷ, sinh danh của xứ hỷ, sắc của xứ hỷ, danh sắc của xứ hỷ. Xứ ưu, xứ xả cũng như thế.

*

**

Phẩm thứ 4: KIẾT GIẢ CỦA PHẦN ĐẦU MỐI, phần 1

Kiết, căn của các sử, kiết, hành của tập khí vi tế, hành của các phiền não chưa diệt, chưa hết, chuyển thọ nhận sinh lão tử là các khổ tụ tập. Nay sẽ tập hợp môn chánh của kiết giả:

Mười kiết, mười hai nhập, mười tám giới, năm ấm, bốn đế, hai mươi hai căn, năm đường, ba cõi với pháp người, người pháp.

Hỏi: Thế nào là mười kiết?

Đáp: Kiết kiên, kiết nghi, kiết giới đạo, kiết dục nhiễm, kiết giận dữ, kiết sắc nhiễm, kiết vô sắc nhiễm, kiết vô minh, kiết mạn, kiết trạo cử.

Hỏi: Thế nào là kiết kiên?

Đáp: Nếu phiền não kiến không phải là tương ưng của tâm, không cùng tâm sinh, không cùng trụ, không cùng diệt, do nhân duyên này nên sinh sử kiến, đó gọi là kiết kiến. Cho đến nếu phiền não trạo cử không phải là tương ưng của tâm, không cùng tâm sinh, không cùng trụ, không cùng diệt, do nhân duyên này nên sinh sử trạo cử, đó gọi là kiết trạo cử.

Lại nữa, ở tại nơi chón *miên một* (tùy miên?) vi tế, chấp giữ chặt, do nhân duyên này nên sinh sử kiến, đó gọi là kiết kiến. Cho

đến ở tại nơi chôn *miên một* vi tế, chấp giữ chặt, do nhân duyên này nên sinh sử trạo cử, đó gọi là kiết trạo cử.

Mười hai nhập, mười tám giới, năm ấm, bốn đế, hai mươi hai căn, ba cõi như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là năm đường?

Đáp: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời.

Hỏi: Thế nào là địa ngục?

Đáp: Vô gián, hữu gián, đó gọi là địa ngục.

Hỏi: Thế nào là súc sinh?

Đáp: Đi dưới nước, đất liền, trên không, đó gọi là súc sinh.

Hỏi: Thế nào là ngạ quỷ?

Đáp: Ăn ít, không có ăn v.v..., đó gọi là ngạ quỷ.

Hỏi: Thế nào là người?

Đáp: Người của bốn thiên hạ, đó gọi là người.

Hỏi: Thế nào là trời?

Đáp: Trời cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, đó gọi là trời.

Hỏi: Thế nào là pháp?

Đáp: Pháp sắc, pháp không phải sắc, cho đến pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại, đó gọi là pháp.

Hỏi: Thế nào là người?

Đáp: Người chưa sinh trí, cõi dục chưa xong, cõi sắc chưa xong, cõi vô sắc chưa xong. Người đã sinh trí, cõi dục chưa xong, cõi sắc chưa xong, cõi vô sắc chưa xong. Lại nữa, người đã sinh trí, cõi dục đã xong, cõi sắc, cõi vô sắc chưa xong, đó gọi là người.

Pháp như thế, người như thế, đó gọi là pháp người, người pháp.

Hỏi: Mười kiết có bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Đáp: Ba kiết là do kiến đoạn. Bảy kiết gồm hai phần, hoặc do kiến đoạn, hoặc do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là ba kiết do kiến đoạn?

Đáp: Kiến, nghi, giới đạo, đó gọi là ba kiết do kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là bảy kiết gồm hai phần, hoặc do kiến đoạn, hoặc do tư duy đoạn?

Đáp: Dục nhiễm, giận dữ, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử, đó gọi là bảy kiết gồm hai phần, hoặc do kiến đoạn, hoặc do tư duy đoạn.

Hỏi: Mười kiết có bao nhiêu thứ do kiến đoạn?

Đáp: Tất cả đều do kiến đoạn.

Hỏi: Mười kiết có bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Đáp: Có bảy kiết do tư duy đoạn, tức mười kiết trừ kiến, nghi, giới đạo.

Hỏi: Mười kiết có bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi dục, bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi sắc, bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Hai kiết hệ thuộc cõi dục. Một kiết hệ thuộc cõi sắc. Một kiết hệ thuộc cõi vô sắc. Một kiết gồm hai phần, hoặc hệ thuộc cõi dục, hoặc hệ thuộc cõi sắc. Năm kiết gồm ba phần, hoặc hệ thuộc cõi dục, hoặc hệ thuộc cõi sắc, hoặc hệ thuộc cõi vô sắc.

Hỏi: Những gì là hai kiết hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Dục nhiễm, giận dữ, hai kiết này hệ thuộc cõi dục.

Hỏi: Những gì là một kiết hệ thuộc cõi sắc?

Đáp: Sắc nhiễm, một kiết này hệ thuộc cõi sắc.

Hỏi: Những gì là một kiết hệ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Vô sắc nhiễm, một kiết này hệ thuộc cõi vô sắc.

Hỏi: Những gì là một kiết gồm hai phần, hoặc hệ thuộc cõi dục, hoặc hệ thuộc cõi sắc?

Đáp: Kiết giới đạo, một kiết này gồm hai phần, hoặc hệ thuộc cõi dục, hoặc hệ thuộc cõi sắc.

Hỏi: Những gì là năm kiết gồm ba phần, hoặc hệ thuộc cõi dục, hoặc hệ thuộc cõi sắc, hoặc hệ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Các kiết: kiến, nghi, vô minh, mạn, trạo cử. Năm kiết này gồm ba phần, hoặc hệ thuộc cõi dục, hoặc hệ thuộc cõi sắc, hoặc hệ thuộc cõi vô sắc.

Hỏi: Mười kiết có bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Có tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Hỏi: Mười kiết có bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi sắc?

Đáp: Có bảy kiết, trừ dục nhiễm, giận dữ, vô sắc nhiễm.

Hỏi: Mười kiết có bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Có sáu kiết: kiến, nghi, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử.

Hỏi: Kiết hệ thuộc cõi dục có bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Đáp: Có ba kiết do kiến đoạn, năm kiết gồm hai phần, hoặc do kiến đoạn, hoặc do tư duy đoạn.

Hỏi: Những gì là ba kiết do kiến đoạn?

Đáp: Là kiến, nghi, giới đạo.

Hỏi: Những gì là năm kiết gồm hai phần, hoặc do kiến đoạn, hoặc do tư duy đoạn?

Đáp: Là kiết dục nhiễm, giận dữ, vô minh, mạn, trạo cử.

Hỏi: Tám kiết hệ thuộc cõi dục có bao nhiêu thứ do kiến đoạn?

Đáp: Tất cả đều do kiến đoạn.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Đáp: Có năm thứ do tư duy đoạn, tức trừ kiến, nghi, giới đạo.

Hỏi: Bảy kiết hệ thuộc cõi sắc có bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Đáp: Có ba kiết do kiến đoạn, bốn kiết gồm hai phần, hoặc do kiến đoạn, hoặc do tư duy đoạn.

Hỏi: Những gì là ba kiết do kiến đoạn?

Đáp: Là kiến, nghi, giới đạo.

Hỏi: Những gì là bốn kiết gồm hai phần: hoặc do kiến đoạn, hoặc do tư duy đoạn?

Đáp: Là sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử.

Hỏi: Bảy kiết hệ thuộc cõi sắc có bao nhiêu thứ do kiến đoạn?

Đáp: Tất cả đều do kiến đoạn.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Đáp: Có bốn thứ do tư duy đoạn, tức trừ kiến, nghi, giới đạo.

Hỏi: Sáu kiết hệ thuộc cõi vô sắc có bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Đáp: Có hai kiết do kiến đoạn, bốn kiết gồm hai phần: hoặc do kiến đoạn, hoặc do tư duy đoạn.

Hỏi: Những gì là hai kiết do kiến đoạn?

Đáp: Là kiến, nghi.

Hỏi: Những gì là bốn kiết gồm hai phần: hoặc do kiến đoạn, hoặc do tư duy đoạn?

Đáp: Là vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử. Bốn kiết này gồm hai phần: hoặc do kiến đoạn, hoặc do tư duy đoạn.

Hỏi: Sáu kiết hệ thuộc cõi vô sắc có bao nhiêu thứ do kiến đoạn?

Đáp: Tất cả đều do kiến đoạn.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Đáp: Có bốn thứ do tư duy đoạn là vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử.

Hỏi: *Miên một* (tùy miên sử) của kiết kiến. Có bao nhiêu *miên một* trong kiết?

Đáp: Có *miên một* trong tám kiết, trừ tự tánh và nghi. Có *miên một* trong chín kiết, trừ tự tánh. Kiết giới đạo không có *miên một*, và *miên một* của kiết dục nhiễm trong các kiết.

Miên một của kiết giận dữ trong năm kiết: kiến, giới đạo, vô minh, mạn, trạo cử. Miên một của kiết sắc nhiễm trong sáu kiết: kiến, nghi, giới đạo, vô minh, mạn, trạo cử. Miên một của kiết vô sắc nhiễm trong năm kiết: Kiến, giới đạo, vô minh, mạn, trạo cử. Miên một của kiết vô minh trong bốn kiết: kiến, vô minh, mạn, trạo cử.

Trong chín kiết, trừ tự tánh. Kiết mạn, trạo cử cũng có *miên một* nơi chín kiết, trừ tự tánh.

Hỏi: Có bao nhiêu *miên một* của kiết?

Đáp: Có tám trong kiết kiến, trừ tự tánh và giới đạo. Miên một của bốn kiết: giận dữ, vô minh, mạn, trạo cử trong kiết nghi. Miên

một của tám kiết trong giới đạo, trừ tự tánh và miên một của năm kiết thuộc vô sắc nhiễm. Miên một của năm kiết: Kiên, nghi, vô minh, mạn, trạo cử trong kiết dục nhiễm. Kiết kiến, nghi, vô minh, mạn, trạo cử trong kiết giận dữ. Miên một của năm kiết: Kiết kiến, nghi, vô minh, mạn, trạo cử trong kiết sắc nhiễm. Miên một của năm kiết: kiết kiến, nghi, vô minh, mạn, trạo cử trong kiết vô sắc nhiễm. Miên một của tám kiết: trừ tự tánh và giới đạo trong kiết vô minh. Tám kiết cũng có miên một trong kiết mạn, trạo cử, trừ tự tánh và giới đạo.

Nhãn nhập, nhĩ nhập thuộc miên một của tám kiết, trừ giới đạo và vô sắc nhiễm. Tỷ nhập, thiệt nhập thuộc miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Thân nhập thuộc miên một của tám kiết, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Miên một của chín kiết trong ý nhập, trừ giới đạo. Sắc nhập, thanh nhập thuộc miên một của chín kiết, trừ vô sắc nhiễm. Hương nhập, vị nhập thuộc miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Miên một của tám kiết ở xúc nhập, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Pháp nhập thuộc miên một của mười kiết.

Nhãn giới, nhĩ giới thuộc miên một của tám kiết, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Tỷ giới, thiệt giới thuộc miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Miên một của tám kiết ở thân giới, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Sắc giới, thanh giới thuộc miên một của chín kiết, trừ vô sắc nhiễm. Hương giới, vị giới thuộc miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Xúc giới thuộc miên một của tám kiết, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Nhãn thức giới, nhĩ thức giới thuộc miên một của tám kiết, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Tỷ thức giới, thiệt thức giới thuộc miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Thân giới thuộc miên một của tám kiết, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Ý giới, ý thức giới thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp giới thuộc miên một của mười kiết.

Sắc âm thuộc miên một của mười kiết. Thọ, tưởng, hành, thức âm thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo.

Khổ đế thuộc miên một của mười kiết. Tập đế thuộc miên một của năm kiết: kiến, nghi, vô minh, mạn, trạo cử. Diệt đế, đạo đế không có.

Nhãn căn, nhĩ căn thuộc miên một của tám kiết, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Tỷ căn, thiệt căn thuộc miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Thân căn thuộc miên một của tám kiết, trừ giới đạo và vô sắc nhiễm. Nam căn, nữ căn thuộc miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Mạng căn thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Lạc căn thuộc miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, giận dữ, vô sắc nhiễm. Khổ căn thuộc miên một của sáu kiết: kiến, nghi, giận dữ, vô minh, mạn, trạo cử. Hỷ căn thuộc miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, giận dữ, vô sắc nhiễm. Ưu căn thuộc miên một của sáu kiết: kiến, nghi, giận dữ, vô minh, mạn, trạo cử. Xả căn thuộc miên một của tám kiết, trừ giới đạo, giận dữ. Ý căn thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Căn các Thánh không có miên một.

Địa ngục hoặc sáu, hoặc bảy kiết: Địa ngục vô gián thuộc miên một của sáu kiết: kiến, nghi, giận dữ, vô minh, mạn, trạo cử. Địa ngục hữu gián thuộc miên một của bảy kiết: kiến, nghi, dục nhiễm, giận dữ, vô minh, mạn, trạo cử. Súc sinh thuộc miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Ngạ quỷ thuộc miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Con người thuộc miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Chư thiên thuộc miên một của mười kiết. Trời cõi dục thuộc miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Trời cõi sắc thuộc miên một của bảy kiết, trừ dục nhiễm, giận dữ, vô sắc nhiễm. Trời cõi vô sắc thuộc miên một của sáu kiết: kiến, nghi, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử.

Cõi dục thuộc miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Cõi sắc thuộc miên một của bảy kiết, trừ dục nhiễm, giận dữ, vô sắc nhiễm. Cõi vô sắc thuộc miên một của sáu kiết: kiến, nghi, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử.

Pháp sắc thuộc miên một của mười kiết. Pháp không phải sắc thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp có thể thấy thuộc miên một của chín kiết, trừ vô sắc nhiễm. Pháp không thể thấy thuộc miên một của mười kiết. Pháp có đối thuộc miên một của chín kiết, trừ vô sắc nhiễm. Pháp không đối thuộc miên một của mười kiết. Pháp Thánh không có. Pháp không phải Thánh thuộc miên một của mười kiết.

Pháp hữu lậu thuộc miên một của mười kiết. Pháp vô lậu không có. Pháp có nhiễm thuộc miên một của mười kiết. Pháp không nhiễm không có. Pháp có mong cầu: mười. Pháp không mong cầu: không có. Pháp nên nhận lấy: mười. Pháp không nên nhận lấy: không có.

Pháp có chấp giữ: mười. Pháp không chấp giữ: không có. Pháp có vượt hơn: mười. Pháp không vượt hơn: không có. Pháp thọ thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp không phải thọ thuộc miên một của mười kiết.

Pháp nội thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp ngoại thuộc miên một của mười kiết. Pháp có báo thuộc miên một của mười kiết. Pháp không có báo thuộc miên một của mười kiết.

Pháp tâm thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp không phải tâm thuộc miên một của mười kiết. Pháp tương ưng của tâm thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp không tương ưng của tâm thuộc miên một của mười kiết. Pháp tâm số thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp không phải tâm số thuộc miên một của mười kiết.

Pháp có duyên thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp không duyên thuộc miên một của mười kiết. Pháp của tâm chung thuộc miên một của mười kiết. Pháp của tâm không chung thuộc miên một của mười kiết. Pháp tùy tâm chuyển, pháp không tùy tâm

chuyên cũng như thế. Pháp nghiệp thuộc miên một của mười kiết. Pháp không phải nghiệp cũng như thế.

Pháp tương ưng của nghiệp thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp không phải tương ưng của nghiệp thuộc miên một của mười kiết. Pháp của nghiệp chung thuộc miên một của mười kiết. Pháp không phải nghiệp chung thuộc miên một của mười kiết. Pháp tùy chuyên nghiệp, pháp không tùy chuyên nghiệp cũng như thế.

Pháp nhân thuộc miên một của mười kiết. Pháp không phải nhân thuộc miên một của mười kiết. Pháp có nhân thuộc miên một của mười kiết. Pháp không nhân, không có. Pháp có đầu mối, pháp không đầu mối; pháp có duyên, pháp không duyên; pháp hữu vi, pháp vô vi cũng như thế.

Pháp biết thuộc miên một của mười kiết. Pháp không phải biết thuộc miên một của mười kiết. Pháp nhận thức, pháp không phải nhận thức; pháp giải, pháp không phải giải; pháp thấu tỏ, pháp không phải thấu tỏ cũng như thế.

Pháp đoạn trí nhận biết thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp không phải đoạn trí nhận biết thuộc miên một của mười kiết. Pháp đoạn, pháp không phải đoạn cũng như thế.

Pháp tu thuộc miên một của mười kiết. Pháp không phải tu thuộc miên một của mười kiết. Pháp chứng thuộc miên một của mười kiết. Pháp không phải chứng thuộc miên một của mười kiết.

Pháp thiện thuộc miên một của mười kiết. Pháp bất thiện thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp vô ký thuộc miên một của mười kiết. Pháp học, pháp vô học không có. Pháp phi học phi vô học thuộc miên một của mười kiết.

Pháp báo thuộc miên một của mười kiết. Pháp của pháp báo thuộc miên một của mười kiết. Pháp không phải báo không phải pháp báo thuộc miên một của mười kiết.

Pháp do kiến đoạn thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp thuộc tư duy đoạn thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp không phải do kiến đoạn, không phải do tư duy đoạn thuộc miên một của mười kiết.

Pháp nhân của kiến đoạn thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp nhân của tư duy đoạn thuộc miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp nhân của không phải do kiến đoạn không phải do tư duy đoạn thuộc miên một của mười kiết.

Pháp hệ thuộc cõi dục thuộc miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Pháp hệ thuộc cõi sắc thuộc miên một của bảy kiết, trừ dục nhiễm, giận dữ, vô sắc nhiễm. Pháp hệ thuộc cõi vô sắc thuộc miên một của sáu kiết: kiến, nghi, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử. Pháp không hệ thuộc không có.

Pháp quá khứ thuộc miên một của mười kiết. Pháp vị lai thuộc miên một của mười kiết. Pháp hiện tại thuộc miên một của mười kiết. Pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại không có.

Người chưa sinh trí, cõi dục chưa xong, cõi sắc chưa xong, cõi vô sắc chưa xong: Có bao nhiêu miên một của kiết? Có mười: cõi dục tám, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Cõi sắc bảy, trừ dục nhiễm, giận dữ, vô sắc nhiễm. Cõi vô sắc sáu: kiến, nghi, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử.

Người đã sinh trí, cõi dục chưa xong, cõi sắc chưa xong, cõi vô sắc chưa xong: Có bao nhiêu miên một của kiết? Có bảy: cõi dục năm, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Cõi sắc bốn: Sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử. Cõi vô sắc bốn: sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử.

Lại có người sinh trí, cõi dục đã xong, cõi sắc chưa xong, cõi vô sắc chưa xong: Có bao nhiêu miên một của kiết? Có năm: cõi dục

thêm nghi. Cõi sắc bốn: Sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử. Cõi vô sắc bốn: Vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử.

Người chưa sinh trí, cõi dục chưa xong, cõi sắc chưa xong, cõi vô sắc chưa xong: Có bao nhiêu miên một của kiết? Trong kiết kiến có tám, trừ tự tánh và giới đạo. Trong nghi thuộc miên một của bốn kiết: giận dữ, vô minh, mạn, trạo cử. Giới đạo thuộc miên một của tám kiết, trừ tự tánh và vô sắc nhiễm. Kiết dục nhiễm thuộc miên một của năm kiết: kiến, nghi, vô minh, mạn, trạo cử. Trong kiết giận dữ thuộc miên một của năm kiết: kiến, nghi, vô minh, mạn, trạo cử. Trong kiết sắc nhiễm thuộc miên một của năm kiết: kiến, nghi, vô minh, mạn, trạo cử. Trong kiết vô sắc nhiễm thuộc miên một của năm kiết: kiến, nghi, vô minh, mạn, trạo cử. Trong kiết vô minh thuộc miên một của tám kiết, trừ tự tánh và giới đạo. Trong kiết mạn, trạo cử cũng có miên một của tám kiết, trừ tự tánh và giới đạo.

Trong nhãn nhập, nhĩ nhập thuộc miên một của tám kiết, trừ giới đạo và vô sắc nhiễm. Từ tỷ nhập, thiệt nhập, cho đến pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng như trên đã nói. Pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại: không có.

Người sinh trí, cõi dục chưa xong, cõi sắc chưa xong, cõi vô sắc chưa xong: Có bao nhiêu miên một của kiết? Trong kiết kiến không có. Nghi, giới đạo cũng không có. Trong kiết dục nhiễm thuộc miên một của ba kiết: vô minh, mạn, trạo cử. Trong kiết giận dữ thuộc miên một của ba kiết: vô minh, mạn, trạo cử. Trong kiết sắc nhiễm thuộc miên một của ba kiết: vô minh, mạn, trạo cử. Trong kiết vô sắc nhiễm thuộc miên một của ba kiết: vô minh, mạn, trạo cử. Trong kiết vô minh thuộc miên một của sáu kiết, trừ tự tánh. Kiết mạn, trạo cử thuộc miên một của sáu kiết trừ tự tánh.

Nhãn nhập, nhĩ nhập thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ nhập, thiệt nhập thuộc miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Thân nhập thuộc miên một của sáu kiết, trừ

vô sắc nhiễm. Ý nhập thuộc miên một của bảy kiết. Sắc nhập, thanh nhập thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Hương nhập, vị nhập thuộc miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Xúc nhập thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Pháp nhập thuộc miên một của bảy kiết.

Nhãn giới, nhĩ giới thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ giới, thiệt giới thuộc miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Thân giới thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Sắc giới, thanh giới thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Hương giới, vị giới thuộc miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Xúc giới thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Nhãn thức giới, nhĩ thức giới thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ thức giới, thiệt thức giới thuộc miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Thân thức giới thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Ý giới, ý thức giới, pháp giới thuộc miên một của bảy kiết.

Sắc ấm thuộc miên một của bảy kiết. Thọ, tưởng, hành, thức ấm cũng như thế.

Khô đế thuộc miên một của bảy kiết. Tập đế thuộc miên một của ba kiết: vô minh, mạn, trạo cử. Diệt đế, đạo đế không có.

Nhãn căn, nhĩ căn thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ căn, thiệt căn thuộc miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Thân căn thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Nam căn, nữ căn thuộc miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Mạng căn thuộc miên một của bảy kiết. Lạc căn thuộc miên một của năm kiết, trừ kiết giận dữ, vô sắc nhiễm. Khổ căn thuộc miên một của bốn kiết: giận dữ, vô minh, mạn, trạo cử. Hỷ căn thuộc miên một của năm kiết, trừ giận dữ, vô sắc nhiễm. Ưu căn thuộc miên một của bốn kiết: giận dữ, vô minh, mạn, trạo cử. Xả căn thuộc miên một của sáu kiết, trừ giận dữ. Ý căn thuộc miên một của bảy kiết. Thánh căn không có,

Địa ngục, súc sinh, nga quỷ không có. Trong nẻo người thuộc miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Trên trời chung nơi bảy kiết. Trời cõi dục thuộc miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Trời cõi sắc thuộc miên một của bốn kiết: sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử. Trời cõi vô sắc thuộc miên một của bốn kiết: vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử.

Cõi dục thuộc miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Cõi sắc thuộc miên một của bốn kiết: sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử. Cõi vô sắc thuộc miên một của bốn kiết: vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử.

Pháp sắc thuộc miên một của bảy kiết. Pháp không phải sắc thuộc cũng như thế. Pháp có thể thấy thuộc miên một của sáu kiết, trừ sắc nhiễm. Pháp không thể thấy thuộc miên một của bảy kiết. Pháp có đối thuộc miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Pháp không đối thuộc miên một của bảy kiết.

Pháp Thánh không có. Pháp không phải Thánh thuộc miên một của bảy kiết. Pháp hữu lậu bảy. Pháp vô lậu không có. Pháp có nhiễm bảy. Pháp không nhiễm không có. Pháp có mong cầu bảy. Pháp không mong cầu không có. Pháp nên nhận lấy bảy. Pháp không nên nhận lấy không có.

Pháp có chấp giữ bảy. Pháp không chấp giữ không có. Pháp có vượt hơn bảy. Pháp không vượt hơn không có. Pháp thọ bảy. Pháp không phải thọ bảy. Pháp nội bảy. Pháp ngoại bảy. Pháp có báo bảy. Pháp không báo bảy.

Pháp tâm bảy. Pháp không phải tâm bảy. Pháp tương ưng của tâm bảy. Pháp không phải tương ưng của tâm bảy. Pháp tâm số bảy. Pháp không phải tâm số bảy. Pháp có duyên bảy. Pháp không duyên bảy. Pháp tâm chung bảy. Pháp không phải tâm chung bảy. Pháp tùy tâm chuyển bảy. Pháp không tùy tâm chuyển bảy.

Pháp nghiệp bầy. Pháp không phải nghiệp bầy. Pháp tương ưng của nghiệp bầy. Pháp không phải tương ưng của nghiệp bầy. Pháp của nghiệp chung bầy. Pháp của nghiệp không chung bầy. Pháp tùy nghiệp chuyển bầy. Pháp không tùy nghiệp chuyển bầy.

Pháp của nhân bầy. Pháp không phải của nhân bầy. Pháp có nhân bầy. Pháp không nhân bầy. Pháp có đầu mối bầy. Pháp không đầu mối bầy. Pháp có duyên bầy. Pháp không duyên bầy. Pháp hữu vi bầy. Pháp vô vi bầy. Pháp biết bầy. Pháp không phải biết bầy.

Pháp nhận thức bầy. Pháp không phải nhận thức bầy. Pháp giải bầy. Pháp không phải giải bầy. Pháp thấu tỏ bầy. Pháp không phải thấu tỏ bầy. Pháp đoạn trí nhận biết bầy. Pháp không phải đoạn trí nhận biết bầy. Pháp đoạn bầy. Pháp không phải đoạn bầy. Pháp tu bầy. Pháp không tu bầy. Pháp chứng bầy. Pháp không phải chứng bầy.

Pháp thiện bầy. Pháp bất thiện bầy. Pháp vô ký bầy. Pháp học, pháp vô học: không có. Pháp phi học phi vô học bầy. Pháp báo bầy. Pháp của pháp báo bầy. Pháp không phải báo không phải pháp báo bầy.

Pháp do kiến đoạn không có. Pháp do tư duy đoạn bầy. Pháp không phải do kiến đoạn không phải do tư duy đoạn bầy. Pháp nhân của kiến đoạn không có. Pháp nhân của tư duy đoạn bầy. Pháp không phải nhân của kiến đoạn không phải nhân của tư duy đoạn bầy.

Pháp hệ thuộc cõi dục năm, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Pháp hệ thuộc cõi sắc bốn: sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử. Pháp hệ thuộc cõi vô sắc bốn: vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử. Pháp không hệ thuộc: không có.

Pháp quá khứ bầy. Pháp vị lai bầy. Pháp hiện tại bầy. Pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại: không có.

Người sinh trí cõi dục đã xong, cõi sắc chưa xong, cõi vô sắc chưa xong: Có bao nhiêu miền một của kiết? Trong kiết kiến không

có. Nghi, giới đạo, dục nhiễm, giận dữ, không có. Trong kiết sắc nhiễm thuộc miên một của ba kiết: vô minh, mạn, trạo cử. Kiết vô sắc nhiễm thuộc miên một của ba kiết: vô minh, mạn, trạo cử. Kiết vô minh thuộc miên một của bốn kiết, trừ tự tánh. Kiết mạn, trạo cử thuộc miên một của bốn kiết trừ tự tánh.

Nhãn nhập, nhĩ nhập thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập không có. Ý nhập thuộc miên một của năm kiết. Sắc nhập, thanh nhập thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Hương nhập, vị nhập không có. Xúc nhập thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Pháp nhập thuộc miên một của năm kiết.

Nhãn giới, nhĩ giới thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ giới, thiệt giới không có. Thân giới thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Sắc giới, thanh giới thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ giới, thiệt giới không có. Xúc giới thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Nhãn thức giới, nhĩ thức giới thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ thức giới, thiệt thức giới, không có. Thân thức giới thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Ý giới, ý thức giới, pháp giới thuộc miên một của năm kiết.

Sắc âm thuộc miên một của năm kiết. Thọ, tương, hành, thức âm cũng như thế.

Khổ đế thuộc miên một của năm kiết. Tập đế thuộc miên một của ba kiết: vô minh, mạn, trạo cử. Diệt đế, đạo đế không có.

Nhãn căn, nhĩ căn thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ căn, thiệt căn không có. Thân căn thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Nam căn, nữ căn không có. Mạng căn thuộc miên một của năm kiết. Lạc căn, hỷ căn thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Khổ căn, ưu căn không có. Xả căn, hỷ căn thuộc miên một của năm kiết. Các căn vô lậu không có.

Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, trong người không có. Trên trời là chung nơi miên một của năm kiết. Trời cõi dục không có. Trời cõi sắc thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Trời vô sắc thuộc miên một của bốn kiết, trừ sắc nhiễm.

Cõi dục không có. Cõi sắc thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Cõi vô sắc thuộc miên một của bốn kiết, trừ sắc nhiễm.

Pháp sắc thuộc miên một của bốn kiết. Pháp vô sắc cũng như thế. Pháp có thể thấy thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Pháp không thể thấy thuộc miên một của năm kiết. Pháp có đối thuộc miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Pháp không đối thuộc miên một của năm kiết. Pháp Thánh không có. Pháp không phải Thánh thuộc miên một của năm kiết.

Pháp hữu lậu năm. Pháp vô lậu không có. Pháp có nhiễm năm. Pháp không nhiễm không có. Pháp có mong cầu năm. Pháp không mong cầu không có. Pháp nên nhận lấy năm. Pháp không nên nhận lấy không có. Pháp có chấp giữ năm. Pháp không có chấp giữ không có. Pháp có vượt hơn năm. Pháp không vượt hơn không có.

Pháp thọ năm. Pháp không phải thọ năm. Pháp nội năm. Pháp ngoại năm. Pháp có báo năm. Pháp không báo năm. Pháp tâm năm. Pháp không phải tâm năm. Pháp tương ưng của tâm năm. Pháp không tương ưng của tâm năm. Pháp tâm số năm. Pháp không phải tâm số năm.

Pháp có duyên năm. Pháp không duyên năm. Pháp của tâm chung năm. Pháp của tâm không chung năm. Pháp tùy tâm chuyển năm. Pháp không tùy tâm chuyển năm. Pháp nghiệp năm. Pháp không phải nghiệp năm.

Pháp tương ưng của nghiệp năm. Pháp không phải tương ưng của nghiệp năm. Pháp nghiệp chung năm. Pháp không phải nghiệp chung năm. Pháp tùy nghiệp chuyển năm. Pháp không tùy nghiệp

chuyển năm. Pháp nhân năm. Pháp không phải nhân năm. Pháp có nhân năm.

Pháp không nhân năm. Pháp có đầu mỗi năm. Pháp không đầu mỗi năm. Pháp hữu vi năm. Pháp vô vi năm. Pháp biết năm. Pháp không phải biết không có. Pháp nhận thức, pháp không phải nhận thức, pháp giải, pháp không phải giải, pháp thấu tỏ, pháp không thấu tỏ cũng như thế.

Pháp đoạn trí nhận biết năm. Pháp không phải đoạn trí nhận biết năm. Pháp đoạn, pháp không phải đoạn cũng như thế. Pháp tu năm. Pháp không phải tu năm. Pháp chứng năm. Pháp không phải chứng năm.

Pháp thiện năm. Pháp bất thiện năm. Pháp vô ký năm. Pháp học năm. Pháp vô học năm. Pháp phi học phi vô học năm. Pháp báo năm. Pháp của pháp báo năm. Pháp không phải báo không phải pháp báo năm. Pháp do kiến đoạn, pháp do tư duy đoạn năm. Pháp không phải do kiến đoạn không phải do tư duy đoạn năm.

Pháp nhân của kiến đoạn không có. Pháp nhân của tư duy đoạn năm. Pháp nhân của không phải do kiến đoạn không phải do tư duy đoạn năm. Pháp hệ thuộc cõi dục, pháp hệ thuộc cõi vô sắc bốn, trừ vô sắc nhiễm. Pháp hệ thuộc cõi sắc bốn, trừ sắc nhiễm. Pháp không hệ thuộc không có. Pháp quá khứ năm. Pháp vị lai năm. Pháp hiện tại năm. Pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại: không có.

HẾT - QUYỂN 26

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 27

Phẩm thứ 4: KIẾT GIẢ CỦA PHẦN ĐẦU MỐI, phần 2

Hỏi: Nếu miên một của người trong kiết kiến, nghi, giới đạo, thì người này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Có mười.

Hỏi: Nếu miên một của người trong kiết dục nhiễm, giận dữ, thì người này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, hoặc bảy.

Hỏi: Nếu miên một của người trong kiết sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử, thì người này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, hoặc năm.

Hỏi: Nếu trong pháp miên một của kiết kiến, kiết nghi, thì nơi pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, hoặc chín, hoặc tám, hoặc bảy, hoặc sáu, hoặc năm.

Hỏi: Nếu trong pháp miên một của kiết giới đạo, thì nơi pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, hoặc chín, hoặc tám, hoặc bảy.

Hỏi: Nếu trong pháp miên một của kiết dục nhiễm, thì nơi pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, chín, tám, bảy, hoặc sáu.

Hỏi: Nếu trong pháp miên một của kiết giận dữ, thì nơi pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, chín, tám, bảy, hoặc năm.

Hỏi: Nếu trong pháp miên một của kiết sắc nhiễm, vô sắc nhiễm thì nơi pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, chín, tám, bảy, hoặc sáu.

Hỏi: Nếu trong pháp miên một của kiết vô minh, mạn, trạo cử, thì nơi pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, chín, tám, hoặc bảy, sáu, năm, hoặc bốn (Pháp người xong).

Hỏi: Nếu trong người, pháp miên một của kiến kiết, nghi, thì nơi người pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, chín, tám, bảy, sáu, hoặc năm.

Hỏi: Nếu trong người, pháp miên một của kiết giới đạo, thì nơi người pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, chín, tám, bảy.

Hỏi: Nếu trong người, pháp miên một của kiết dục nhiễm, thì nơi người pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, chín, tám, hoặc bảy, hoặc sáu.

Hỏi: Nếu trong người, pháp miên một của kiết giận dữ, thì nơi người pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, hoặc chín, tám, bảy, sáu, năm, hoặc bốn.

Hỏi: Nếu trong người, pháp miên một của kiết sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, thì nơi người pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, hoặc chín, hoặc tám, hoặc bảy, hoặc sáu.

Hỏi: Nếu trong người, pháp miên một của kiết vô minh, mạn, trạo cử, thì nơi người pháp này có bao nhiêu kiết?

Đáp: Hoặc mười, hoặc chín, tám, hoặc bảy, sáu, hoặc năm, bốn.

Nếu sau cùng của dục, không phải sau cùng của dục, tức sau cùng không phải sau cùng, dục sinh không phải là dục sinh, tức sinh không phải là sinh.

Sau cùng của dục: Nghĩa là tâm sau cùng. Không phải sau cùng của dục: Là trừ tâm sau cùng. Sau cùng nghĩa là tâm sau cùng. Không phải sau cùng là tại âm này.

Dục sinh: Nghĩa là tâm ban đầu. Không phải dục sinh: Nghĩa là trừ tâm ban đầu. Sinh nghĩa là tại âm này. Không phải sinh nghĩa là chưa ở tại âm này.

Như thế, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, trong nẻo người, trên trời, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, nếu chúng sinh ở trong địa ngục là dục sau cùng, thì có bao nhiêu miên một trong kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải là dục sau cùng, thì có bao nhiêu miên một trong kiết?

Nếu chúng sinh ở trong địa ngục là sau cùng, thì có bao nhiêu miên một trong kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải là sau cùng, thì có bao nhiêu miên một trong kiết.

Nếu chúng sinh ở trong địa ngục mới sinh, thì có bao nhiêu miên một ở trong kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải mới sinh, thì có bao nhiêu miên một ở trong kiết?

Nếu chúng sinh ở trong địa ngục sinh, thì có bao nhiêu kiết của miên một? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải sinh, thì có bao nhiêu kiết của miên một?

Súc sinh, nga quý, trong nẻo người, trên trời, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc cũng như thế.

Nếu chúng sinh ở trong địa ngục là dục sau cùng, mới sinh vào súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục là dục sau cùng, không phải mới sinh vào súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục là dục sau cùng, đã sinh vào súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục là dục sau cùng, không phải sinh vào súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết?

Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải là dục sau cùng, mới sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải là dục sau cùng, không phải mới sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải là dục sau cùng, đã sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải là dục sau cùng, không phải sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết?

Nếu chúng sinh ở trong địa ngục là sau cùng, mới sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục là sau cùng, không phải mới sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục là sau cùng, đã sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục là sau cùng, không phải sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết?

Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải là sau cùng, mới sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải là sau cùng, không phải mới sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải là sau cùng, đã sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết? Nếu chúng sinh ở trong địa ngục không phải

là sau cùng, không phải sinh trong súc sinh, thì miên một có bao nhiêu kiết?

Từ địa ngục đến ngạ quỷ, từ địa ngục đến trong nẻo người, từ địa ngục đến trên trời cũng như thế. Từ súc sinh đến ngạ quỷ, từ súc sinh đến trong nẻo người, từ súc sinh đến trên trời. Từ súc sinh đến địa ngục, từ ngạ quỷ đến trong nẻo người, từ ngạ quỷ đến trên trời, từ ngạ quỷ đến địa ngục, từ ngạ quỷ đến súc sinh. Từ trong nẻo người đến trên trời, từ trong nẻo người đến địa ngục, từ trong nẻo người đến súc sinh, từ trong nẻo người đến ngạ quỷ. Từ trên trời đến địa ngục, từ trên trời đến súc sinh, từ trên trời đến ngạ quỷ, từ trên trời đến trong nẻo người.

Từ cõi dục đến cõi sắc, từ cõi dục đến cõi vô sắc, từ cõi sắc đến cõi vô sắc, từ cõi sắc đến cõi dục. Từ cõi vô sắc đến cõi dục, từ cõi vô sắc đến cõi sắc cũng như thế.

**

Phẩm thứ 5: HÀNH CỦA PHẦN ĐẦU MỐI

Địa nơi hành của thân, hành của khẩu, hành của ý.

Hỏi: Thế nào là hành của thân?

Đáp: Nghĩa là hơi thở ra vào, đó gọi là hành của thân.

Hỏi: Thế nào là hành của khẩu?

Đáp: Nghĩa là giác, quán, đó gọi là hành của khẩu.

Hỏi: Thế nào là hành của ý?

Đáp: Nghĩa là tưởng, tư, đó gọi là hành của ý.

Hỏi: Thế nào là địa nơi hành của thân?

Đáp: Từ có thân của hơi thở ra vào, cho đến thiền thứ tư, đó gọi là địa nơi hành của thân.

Hỏi: Thế nào là không phải địa nơi hành của thân?

Đáp: Từ không phải thân của hơi thở ra vào, cho đến thiên thứ tư, hoặc vượt quá, đó gọi là không phải địa nơi hành của thân.

Hỏi: Thế nào là địa nơi hành của khẩu?

Đáp: Ý thức của cõi dục, nếu cõi sắc thì không định. Hoặc là thiên thứ nhất và thiên thứ nhất trung gian, đó gọi là địa nơi hành của khẩu.

Hỏi: Thế nào là không phải địa nơi hành của khẩu?

Đáp: Năm thức thân, hoặc là thiên thứ hai, nếu vượt quá, đó gọi là không phải địa nơi hành của khẩu.

Hỏi: Thế nào là địa nơi hành của ý?

Đáp: Trừ hai định và một lần sinh, nếu là xứ khác, đó gọi là địa nơi hành của ý.

Hỏi: Thế nào là không phải địa nơi hành của ý?

Đáp: Hai định và một lần sinh, đó gọi là không phải địa nơi hành của ý.

Hỏi: Hành của thân ở nơi xứ nào thì sinh không diệt?

Đáp: Từ không phải thân của hơi thở ra vào đến thân có hơi thở ra vào, nếu ở thiên thứ tư khởi, thì ở nơi xứ này hành của thân sinh không diệt.

Hỏi: Hành của thân ở nơi xứ nào thì diệt không sinh?

Đáp: Từ thân của hơi thở ra vào đến thân không phải hơi thở ra vào, nếu nhập thiên thứ tư, thì ở nơi xứ này hành của thân diệt không sinh.

Hỏi: Hành của thân ở nơi xứ nào thì sinh diệt?

Đáp: Nếu ở xứ có hơi thở ra vào, thì ở nơi xứ này hành của thân sinh diệt.

Hỏi: Hành của thân ở nơi xứ nào thì không sinh không diệt?

Đáp: Ở trong xứ không phải là thân của hơi thở ra vào, nếu ở thiền thứ tư, hoặc vượt quá, thì ở nơi xứ này hành của thân không sinh không diệt.

Hỏi: Hành của khẩu ở nơi xứ nào thì sinh không diệt?

Đáp: Từ lìa năm thức thân đến ý thức, từ thiền thứ hai khởi, thì ở nơi xứ ấy hành của khẩu sinh không diệt.

Hỏi: Hành của khẩu ở nơi xứ nào thì diệt không sinh?

Đáp: Từ lìa ý thức đến năm thức thân, nếu nhập thiền thứ hai, thì ở nơi xứ ấy hành của khẩu diệt không sinh.

Hỏi: Hành của khẩu ở nơi xứ nào thì sinh diệt?

Đáp: Nếu ở xứ có giác, quán, thì ở nơi xứ ấy hành của khẩu sinh diệt.

Hỏi: Hành của khẩu ở nơi xứ nào thì không sinh không diệt?

Đáp: Ở trong năm thức thân, nếu ở thiền thứ hai, hoặc vượt quá, thì ở nơi xứ ấy hành của khẩu không sinh không diệt.

Hỏi: Hành của ý ở nơi xứ nào thì sinh không diệt?

Đáp: Ở nơi hai định khởi, nếu ở xứ một lần sinh mạng chung, thì ở nơi xứ này hành của ý sinh không diệt.

Hỏi: Hành của ý ở nơi xứ nào thì diệt không sinh?

Đáp: Nếu nhập hai định và ở xứ một lần sinh, thì ở nơi xứ này hành của ý diệt không sinh.

Hỏi: Hành của ý ở nơi xứ nào thì sinh diệt?

Đáp: Nếu hành của ý ở nơi xứ thì hành của ý sinh diệt.

Hỏi: Hành của ý ở nơi xứ nào thì không sinh không diệt?

Đáp: Nếu ở hai định, đến xứ một lần sinh, thì ở nơi xứ này hành của ý không sinh không diệt.

**

Phẩm thứ 6: XÚC CỦA PHẦN ĐẦU MỐI

Người ngu bị vô minh che lấp, hợp kết với phiền não ái. Do pháp này, nên tụ tập thành thân. Danh sắc kia duyên nơi hai pháp sinh xúc. Nay sẽ tập hợp môn chánh của xúc giả.

Xúc thân, xúc tâm, cho đến mười tám xúc, đó gọi là pháp xúc.

Hỏi: Thế nào là xúc thân?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với thân thức, đó gọi là xúc thân.

Hỏi: Thế nào là xúc tâm?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với ý thức, đó gọi là xúc tâm.

Lại nữa, nếu năm thức thân tương ưng với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức, đó gọi là xúc thân. Nếu tương ưng với tâm, ý, thức, đó gọi là xúc tâm.

Hỏi: Thế nào là xúc danh?

Đáp: Nếu xúc là xúc tâm, đó gọi là xúc danh.

Hỏi: Thế nào là xúc đối?

Đáp: Nếu xúc là xúc thân, đó gọi là xúc đối.

Hỏi: Thế nào là xúc ái?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với dục nhiễm, đó gọi là xúc ái.

Hỏi: Thế nào là xúc giận dữ?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với não, đó gọi là xúc giận dữ.

Hỏi: Thế nào là xúc minh?

Đáp: Nếu xúc tương ứng với trí Thánh, đó gọi là xúc minh.

Hỏi: Thế nào là xúc vô minh?

Đáp: Nếu xúc là bất thiện, không phải tương ứng của trí, đó gọi là xúc vô minh.

Hỏi: Thế nào là xúc của phần minh?

Đáp: Nếu xúc là phần minh, sinh minh, có thể khiến cho rộng lớn, đó gọi là xúc của phần minh.

Hỏi: Thế nào là xúc của phần vô minh?

Đáp: Nếu xúc là phần vô minh, sinh vô minh, có thể khiến cho rộng lớn, đó gọi là xúc của phần vô minh.

Lại nữa, nếu xúc tương ứng với Thánh nhãn, đó gọi là xúc của phần minh. Nếu xúc không phải là Thánh nhãn, tương ứng với phiền não, đó gọi là xúc của phần vô minh.

Lại nữa, nếu là xúc Thánh, được quả trí, đó gọi là xúc của phần minh. Nếu xúc không phải là Thánh, hoặc là bất thiện, vô ký, đó gọi là xúc của phần vô minh.

Hỏi: Thế nào là xúc Thánh?

Đáp: Nếu là xúc vô lậu, đó gọi là xúc Thánh.

Hỏi: Thế nào là xúc không phải Thánh?

Đáp: Nếu là xúc hữu lậu, đó gọi là không phải xúc Thánh.

Hỏi: Thế nào là xúc hữu lậu?

Đáp: Nếu là xúc có nhiễm, đó gọi là xúc hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là xúc vô lậu?

Đáp: Nếu là xúc không nhiễm, đó gọi là xúc vô lậu.

Hỏi: Thế nào là xúc có nhiễm?

Đáp: Nếu là xúc có mong cầu, đó gọi là xúc có nhiễm.

Hỏi: Thế nào là xúc không nhiễm?

Đáp: Nếu là xúc không mong cầu, đó gọi là xúc không nhiễm.

Hỏi: Thế nào là xúc có mong cầu?

Đáp: Nếu là xúc nên nhận lấy, đó gọi là xúc có mong cầu.

Hỏi: Thế nào là xúc không mong cầu?

Đáp: Nếu là xúc không phải nên nhận lấy, đó gọi là xúc không mong cầu.

Hỏi: Thế nào là xúc nên nhận lấy?

Đáp: Nếu là xúc có chấp giữ, đó gọi là xúc nên nhận lấy.

Hỏi: Thế nào là xúc không phải nên nhận lấy?

Đáp: Nếu là xúc không chấp giữ, đó gọi là xúc không phải nên nhận lấy.

Hỏi: Thế nào là xúc có chấp giữ?

Đáp: Nếu là xúc có vượt hơn, đó gọi là xúc có chấp giữ.

Hỏi: Thế nào là xúc không chấp giữ?

Đáp: Nếu là xúc không vượt hơn, đó gọi là xúc không chấp giữ.

Hỏi: Thế nào là xúc có vượt hơn?

Đáp: Nếu là xúc có chấp giữ, đó gọi là xúc có vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là xúc không vượt hơn?

Đáp: Nếu là xúc không chấp giữ, đó gọi là xúc không vượt hơn.

Lại nữa, nếu xúc này có tốt đẹp hơn xúc khác, đó gọi là xúc có vượt hơn. Nếu xúc này không có tốt đẹp hơn xúc khác, đó gọi là xúc không vượt hơn.

Lại nữa, nếu xúc do Đức Như Lai sinh ra, đối với tất cả pháp thấy biết không có trở ngại, cho đến tận tại thành tựu. Trừ xúc này, nếu là xúc khác, đó gọi là xúc có vượt hơn. Nếu xúc như trên đã trừ, đó gọi là xúc không vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là xúc thọ?

Đáp: Nếu là xúc nội, đó gọi là xúc thọ.

Hỏi: Thế nào là xúc không phải thọ?

Đáp: Nếu là xúc ngoại, đó gọi là xúc không phải thọ.

Hỏi: Thế nào là xúc nội?

Đáp: Nếu là xúc thọ, đó gọi là xúc nội.

Hỏi: Thế nào là xúc ngoại?

Đáp: Nếu xúc không phải là thọ, đó gọi là xúc ngoại.

Hỏi: Thế nào là xúc có báo?

Đáp: Nếu xúc là pháp báo, đó gọi là xúc có báo.

Hỏi: Thế nào là xúc không báo?

Đáp: Nếu báo của xúc, hoặc không phải là báo, không phải là pháp báo, đó gọi là xúc không báo.

Hỏi: Thế nào là xúc chung của phạm phu?

Đáp: Nếu xúc không phải là phạm phu sinh đắc, phạm phu cũng sinh đắc, đó gọi là xúc chung của phạm phu.

Hỏi: Thế nào là xúc không chung của phạm phu?

Đáp: Nếu xúc không phải là phạm phu sinh đắc, phạm phu không thể sinh đắc, đó gọi là xúc không chung của phạm phu.

Hỏi: Thế nào là xúc không phải chung của phạm phu?

Đáp: Nếu xúc là phạm phu sinh đắc, không phải phạm phu cũng sinh đắc, đó gọi là xúc không phải chung của phạm phu.

Hỏi: Thế nào là xúc không phải không chung của phàm phu?

Đáp: Nếu xúc là phàm phu sinh đắc, không phải là phàm phu không sinh, không đắc, đó gọi là xúc không phải không chung của phàm phu.

Hỏi: Thế nào là xúc chung của Thanh văn?

Đáp: Nếu xúc không phải là Thanh văn sinh đắc, Thanh văn cũng sinh đắc, đó gọi là xúc chung của Thanh văn.

Hỏi: Thế nào là xúc không chung của Thanh văn?

Đáp: Nếu xúc không phải là Thanh văn sinh đắc, Thanh văn không sinh, không đắc, đó gọi là xúc không chung của Thanh văn.

Hỏi: Thế nào là xúc không phải chung của Thanh văn?

Đáp: Nếu xúc là Thanh văn sinh đắc, không phải Thanh văn cũng sinh đắc, đó gọi là xúc không phải chung của Thanh văn.

Hỏi: Thế nào là xúc không phải không chung của Thanh văn?

Đáp: Nếu xúc là Thanh văn sinh đắc, không phải Thanh văn không sinh, không đắc, đó gọi là xúc không phải không chung của Thanh văn.

Hỏi: Thế nào là xúc như ánh chớp?

Đáp: Nếu xúc ít, dừng lại một ít, thời gian dừng lại một ít, như ánh chớp một ít, dừng lại một ít, thời gian dừng lại một ít. Xúc cũng như thế, đó gọi là xúc như ánh chớp.

Hỏi: Thế nào là xúc như kim cương?

Đáp: Nếu xúc dừng lại vô lượng, dừng lại trong thời gian vô lượng, như kim cương trụ vô lượng, trụ trong thời gian vô lượng. Xúc cũng như thế, đó gọi là xúc như kim cương.

Lại nữa, nếu xúc sinh xong, đoạn trừ phần ít phiền não, như ánh chớp từ trong đám mây hiện ra ánh lửa sáng, phần ít bóng tối liền diệt. Xúc cũng như thế, đó gọi là xúc như ánh chớp.

Nếu xúc sinh xong, đoạn trừ tất cả phiền não hết sạch. Phiền não hoặc thô hoặc tế, thấy đều đoạn diệt, như kim cương gieo vào ngọc, đá, tức đều phá vỡ tất cả, luôn được tự tại. Xúc cũng như thế, đó gọi là xúc như kim cương.

Lại nữa, nếu xúc sinh xong, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-na-hàm, đó gọi là xúc như ánh chớp. Nếu xúc sinh xong, được quả A-la-hán, đó gọi là xúc như kim cương.

Lại nữa, nếu xúc sinh xong, được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-na-hàm, được quả Thanh văn, Phật-bích-chi, A-la-hán, đó gọi là xúc như ánh chớp.

Nếu xúc sinh xong, nếu xúc như Đức Như Lai đã sinh, đối với tất cả pháp đều thấy biết vô ngại, cho đến tự tại thành tựu, đó gọi là xúc như kim cương.

Hỏi: Thế nào là xúc không nhất định được?

Đáp: Nếu xúc được, không nhất định được, khó được, khó giữ, đó gọi là xúc không nhất định được.

Hỏi: Thế nào là xúc nhất định được?

Đáp: Nếu xúc được, quyết định được, không khó được, dễ giữ, đó gọi là xúc nhất định được.

Hỏi: Thế nào là xúc có hành khó giữ?

Đáp: Nếu xúc được, không nhất định được, khó được, khó giữ, không do sức tôn thắng tự tại, không như chỗ mong muốn, không theo điều mong muốn, không được hết điều mong muốn, có hành khó sinh, khó được, như chèo thuyền nơi nước ngược khó đi. Xúc cũng như thế, đó gọi là xúc có hành khó giữ.

Hỏi: Thế nào là xúc không hành dễ giữ?

Đáp: Nếu xúc được quyết định, là được, không khó được, dễ được, cho đến như thuyền theo nước xuôi dễ đi. Xúc cũng như thế, đó gọi là xúc không hành dễ giữ.

Hỏi: Thế nào là xúc tu một phần?

Đáp: Nếu xúc sinh xong, tưởng có ánh sáng nhưng chưa thấy sắc. Nếu thấy sắc thì không tưởng có ánh sáng, đó gọi là xúc tu một phần.

Hỏi: Thế nào là xúc tu hai phần?

Đáp: Nếu xúc sinh xong, tưởng có ánh sáng cũng có thấy sắc, đó gọi là xúc tu hai phần.

Lại nữa, nếu xúc sinh xong, sinh trí, nhưng không đoạn phiền não, nếu đoạn phiền não thì không sinh trí, đó gọi là xúc tu một phần. Nếu xúc sinh xong, trí sinh, có thể đoạn phiền não, đó gọi là xúc tu hai phần.

Lại nữa, nếu xúc sinh xong, tận trí sinh, không phải là vô sinh trí, đó gọi là xúc tu một phần. Nếu xúc sinh xong, tận trí sinh cùng vô sinh trí, đó gọi là xúc tu hai phần.

Hỏi: Thế nào là xúc có dục?

Đáp: Nếu xúc có người dục, tương ưng với dục nhiễm, đó gọi là xúc có dục.

Hỏi: Thế nào là xúc không dục?

Đáp: Nếu xúc lia người dục, không phải tương ưng với dục nhiễm, đó gọi là xúc không dục.

Hỏi: Thế nào là xúc giận dữ?

Đáp: Nếu xúc có người giận dữ, tương ưng với giận dữ, đó gọi là xúc giận dữ.

Hỏi: Thế nào là xúc không giận dữ?

Đáp: Nếu xúc lia người giận dữ, không phải tương ưng với giận dữ, đó gọi là xúc không giận dữ.

Hỏi: Thế nào là xúc có si?

Đáp: Nếu xúc có người si, tương ưng với si, đó gọi là xúc có si.

Hỏi: Thế nào là xúc không si?

Đáp: Nếu xúc lia người si, không phải tương ưng với si, đó gọi là xúc không si.

Hỏi: Thế nào là xúc chìm mắt?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với thù miên, không cùng với nội, tương ưng với niệm diệt, tuệ chưa thành tựu, không thể phân biệt pháp thiện, đó gọi là xúc chìm mắt.

Hỏi: Thế nào là xúc phân tán?

Đáp: Nếu xúc tưởng về dục nhiễm, cùng với dục nhiễm, tương ưng với dục nhiễm, nhiều dục nhưng đều thấy tịnh, đối với năm dục bên ngoài cùng nhiễm vướng, đó gọi là xúc phân tán.

Hỏi: Thế nào là xúc ít?

Đáp: Nếu xúc là không định, đó gọi là xúc ít.

Hỏi: Thế nào là xúc nhiều?

Đáp: Nếu xúc là định, đó gọi là xúc nhiều.

Hỏi: Thế nào là xúc không định?

Đáp: Nếu xúc là người không định, không phải tương ưng với định, đó gọi là xúc không định.

Hỏi: Thế nào là xúc định?

Đáp: Nếu xúc là người định, tương ưng với định, đó gọi là xúc định.

Hỏi: Thế nào là xúc không giải thoát?

Đáp: Nếu xúc là người không giải thoát, không phải tương ưng với giải thoát, đó gọi là xúc không giải thoát.

Hỏi: Thế nào là xúc giải thoát?

Đáp: Nếu xúc là người giải thoát, tương ưng với giải thoát, đó gọi là xúc giải thoát.

Hỏi: Thế nào là xúc có vượt hơn?

Đáp: Nếu xúc là người có vượt hơn, tương ưng với pháp có vượt hơn, đó gọi là xúc có vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là xúc không vượt hơn?

Đáp: Nếu xúc là người không vượt hơn, không tương ưng với pháp vượt hơn, đó gọi là xúc không vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là xúc có giác?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với giác, cùng với giác cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là xúc có giác.

Hỏi: Thế nào là xúc không giác?

Đáp: Nếu xúc không tương ưng với giác, không cùng với giác cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là xúc không giác.

Hỏi: Thế nào là xúc có quán?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với quán, cùng với quán cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là xúc có quán.

Hỏi: Thế nào là xúc không quán?

Đáp: Nếu xúc không tương ưng với quán, không cùng với quán cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là xúc không quán.

Hỏi: Thế nào là xúc có hỷ?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với hỷ, cùng với hỷ cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là xúc có hỷ.

Hỏi: Thế nào là xúc không hỷ?

Đáp: Nếu xúc không tương ưng với hỷ, không cùng với hỷ cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là xúc không hỷ.

Hỏi: Thế nào là xúc cùng vị?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với lạc thọ, đó gọi là xúc cùng vị.

Hỏi: Thế nào là xúc cùng xả?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với bất khổ bất lạc thọ, đó gọi là xúc cùng xả.

Hỏi: Thế nào là xúc tương ưng với nhãn?

Đáp: Nếu xúc cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt với nhãn, đó gọi là xúc tương ưng với nhãn.

Hỏi: Thế nào là xúc không phải tương ưng với nhãn?

Đáp: Nếu xúc không phải cùng sinh, trụ, diệt với nhãn, đó gọi là xúc không phải tương ưng với nhãn.

Hỏi: Thế nào là xúc tương ưng với trí?

Đáp: Nếu xúc cùng với trí cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là xúc tương ưng với trí.

Hỏi: Thế nào là xúc không phải tương ưng với trí?

Đáp: Nếu xúc không phải cùng sinh, trụ, diệt với trí, đó gọi là xúc không phải tương ưng với trí.

Hỏi: Thế nào là xúc của nhãn đầu tiên?

Đáp: Nếu xúc là Thánh vô lậu do người kiên tín, kiên pháp đã tu, đó gọi là xúc của nhãn đầu tiên.

Hỏi: Thế nào là xúc của trí đầu tiên?

Đáp: Nếu xúc là Thánh vô lậu do người kiên đạo đã tu, đó gọi là xúc của trí đầu tiên.

Hỏi: Thế nào là xúc của dục sau cùng?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với thức sau cùng, đó gọi là xúc của dục sau cùng.

Hỏi: Thế nào là xúc mới sinh khởi?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với thức đầu tiên, đó gọi là xúc mới sinh khởi.

Hỏi: Thế nào là xúc thiện?

Đáp: Nếu là xúc tu, đó gọi là xúc thiện.

Hỏi: Thế nào là xúc bất thiện?

Đáp: Nếu là xúc đoạn, đó gọi là xúc bất thiện.

Hỏi: Thế nào là xúc vô ký?

Đáp: Nếu là xúc thọ, hoặc không phải báo, không phải là pháp báo, đó gọi là xúc vô ký.

Hỏi: Thế nào là xúc học?

Đáp: Nếu là xúc Thánh không phải là vô học, đó gọi là xúc học.

Hỏi: Thế nào là xúc vô học?

Đáp: Nếu là xúc Thánh không phải là học, đó gọi là xúc vô học.

Hỏi: Thế nào là xúc phi học phi vô học?

Đáp: Nếu xúc không phải là Thánh, đó gọi là xúc phi học phi vô học.

Hỏi: Thế nào là xúc báo?

Đáp: Nếu xúc thọ nhận báo thiện, đó gọi là xúc báo.

Hỏi: Thế nào là xúc của pháp báo?

Đáp: Nếu xúc có báo, đó gọi là xúc của pháp báo?

Hỏi: Thế nào là xúc không phải báo không phải pháp báo?

Đáp: Nếu xúc vô ký, không phải thuộc về phần của ngã, đó gọi là xúc không phải báo không phải pháp báo.

Hỏi: Thế nào là xúc do kiến đoạn?

Đáp: Nếu là xúc bất thiện, không phải do tư duy đoạn, đó gọi là xúc do kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là xúc do tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là xúc bất thiện, không phải do kiến đoạn, đó gọi là xúc do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là xúc không phải do kiến đoạn, không phải do tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là xúc thiện, vô ký, đó gọi là xúc không phải do kiến đoạn, không phải do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là xúc là nhân của kiến đoạn?

Đáp: Nếu xúc do kiến đoạn, hoặc là pháp báo của kiến đoạn, đó gọi là xúc là nhân của kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là xúc là nhân của tư duy đoạn?

Đáp: Nếu xúc do tư duy đoạn, hoặc là pháp báo của tư duy đoạn, đó gọi là xúc là nhân của tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là xúc không phải là nhân của kiến đoạn không phải là nhân của tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là xúc thiện, hoặc là báo của pháp thiện, hoặc không phải báo, không phải là pháp báo, đó gọi là xúc không phải là nhân của kiến đoạn, không phải là nhân của tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là xúc hạ?

Đáp: Nếu là xúc bất thiện, đó gọi là xúc hạ.

Hỏi: Thế nào là xúc trung?

Đáp: Nếu là xúc vô ký, đó gọi là xúc trung.

Hỏi: Thế nào là xúc thượng?

Đáp: Nếu là xúc thiện, đó gọi là xúc thượng.

Lại nữa, nếu là xúc bất thiện, hoặc vô ký, đó gọi là xúc hạ. Nếu là xúc thiện, không phải Thánh, đó gọi là xúc trung. Nếu là xúc vô lậu của Thánh, đó gọi là xúc thượng.

Hỏi: Thế nào là xúc thô?

Đáp: Nếu xúc hệ thuộc cõi dục, đó gọi là xúc thô.

Hỏi: Thế nào là xúc tế?

Đáp: Nếu xúc hệ thuộc cõi sắc, hoặc không hệ thuộc, đó gọi là xúc tế.

Hỏi: Thế nào là xúc vi?

Đáp: Nếu xúc hệ thuộc cõi vô sắc, đó gọi là xúc vi.

Lại nữa, nếu xúc hệ thuộc cõi dục, hệ thuộc cõi sắc, đó gọi là xúc thô. Nếu xúc hệ thuộc xứ không, hệ thuộc xứ thức, hệ thuộc xứ bất dụng, hoặc không hệ thuộc, đó gọi là xúc tế. Nếu xúc hệ thuộc xứ phi tưởng phi phi tưởng, đó gọi là xúc vi.

Lại nữa, nếu xúc hệ thuộc cõi dục, hệ thuộc cõi sắc, hệ thuộc xứ không, hệ thuộc xứ thức, hệ thuộc xứ bất dụng, đó gọi là xúc thô. Nếu xúc không hệ thuộc, đó gọi là xúc tế. Nếu xúc hệ thuộc xứ phi tưởng phi phi tưởng, đó gọi là xúc vi.

Hỏi: Thế nào là xúc của lạc thọ?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với lạc thọ, đó gọi là xúc của lạc thọ.

Hỏi: Thế nào là xúc của khổ thọ?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với khổ thọ, đó gọi là xúc của khổ thọ.

Hỏi: Thế nào là xúc của bất khổ bất lạc thọ?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với bất khổ bất lạc thọ, đó gọi là xúc của bất khổ bất lạc thọ.

Lại nữa, nếu xúc thọ nhận báo vui, đó gọi là xúc của lạc thọ. Nếu xúc thọ nhận báo khổ, đó gọi là xúc của khổ thọ. Nếu xúc thọ nhận báo không khổ không vui, đó gọi là xúc của bất khổ bất lạc thọ.

Lại nữa, trừ xúc của bất khổ bất lạc thọ, nếu là xúc khác là thiện, có báo, đó gọi là xúc của lạc thọ. Nếu là xúc bất thiện, đó gọi là xúc của khổ thọ. Trừ xúc của lạc thọ, nếu là xúc khác là thiện, có báo, đó gọi là xúc của bất khổ bất lạc thọ.

Lại nữa, nếu là xúc thiện có báo, đó gọi là xúc của lạc thọ. Nếu là xúc bất thiện, đó gọi là xúc của khổ thọ. Trừ xúc của lạc thọ, khổ thọ, nếu là xúc khác, đó gọi là xúc bất khổ bất lạc thọ.

Hỏi: Thế nào là xúc của xứ hỷ?

Đáp: Nếu xúc mới khởi xong liền sinh hỷ, đó gọi là xúc của xứ hỷ.

Hỏi: Thế nào là xúc của xứ ưu?

Đáp: Nếu xúc mới khởi xong liền sinh ưu, đó gọi là xúc của xứ ưu.

Hỏi: Thế nào là xúc của xứ xả?

Đáp: Nếu xúc mới khởi xong liền sinh xả, đó gọi là xúc của xứ xả.

Lại nữa, trừ xúc của xứ xả, nếu là xúc khác là thiện, có báo, đó gọi là xúc của xứ hỷ. Nếu là xúc bất thiện, đó gọi là xúc của xứ ưu. Trừ xúc của xứ hỷ, nếu là xúc khác là thiện có báo, đó gọi là xúc của xứ xả.

Lại nữa, nếu là xúc thiện có báo, đó gọi là xúc của xứ hỷ. Nếu là xúc bất thiện, đó gọi là xúc xong xứ ưu. Trừ xúc của xứ hỷ, xúc của xứ ưu, nếu là xúc khác, đó gọi là xúc không phải là xứ hỷ, không phải là xứ ưu.

Hỏi: Thế nào là xúc có giác có quán?

Đáp: Nếu là xúc tương ưng với định có giác có quán,, đó gọi là xúc có giác có quán.

Hỏi: Thế nào là xúc không giác có quán?

Đáp: Nếu là xúc tương ưng với định không giác có quán, đó gọi là xúc không giác có quán.

Hỏi: Thế nào là xúc không giác không quán?

Đáp: Nếu là xúc tương ưng với định không giác không quán, đó gọi là xúc không giác không quán.

Hỏi: Thế nào là xúc tương ưng với không?

Đáp: Nếu xúc cùng sinh, trụ, diệt với định không, đó gọi là xúc tương ưng với không.

Hỏi: Thế nào là xúc tương ưng với vô tướng?

Đáp: Nếu xúc cùng sinh, trụ, diệt với định vô tướng, đó gọi là xúc tương ưng với vô tướng.

Hỏi: Thế nào là xúc tương ưng với vô nguyện?

Đáp: Nếu xúc cùng sinh, trụ, diệt với định vô nguyện, đó gọi là xúc tương ưng với vô nguyện.

Hỏi: Thế nào là xúc của hiện báo?

Đáp: Nếu xúc sinh thuộc về phần của ngã, hoặc xúc đã khởi tạo tác, thành tựu, tức sinh thọ báo thuộc về phần của ngã, đó gọi là xúc của hiện báo.

Hỏi: Thế nào là xúc của sinh báo?

Đáp: Nếu xúc sinh thuộc về phần của ngã, hoặc xúc đã khởi tạo tác, thành tựu, tức sinh thọ báo không gián đoạn, đó gọi là xúc của sinh báo.

Hỏi: Thế nào là xúc của hậu báo?

Đáp: Nếu xúc sinh thuộc về phần của ngã, nếu hoặc xúc đã khởi tạo tác, thành tựu thọ báo của sinh lần thứ ba, thứ tư, hoặc hơn, đó gọi là xúc của hậu báo.

Hỏi: Thế nào là xúc cho vui?

Đáp: Nếu là quả vui của xúc, đó gọi là xúc cho vui.

Hỏi: Thế nào là xúc gây khổ?

Đáp: Nếu là quả khổ của xúc, đó gọi là xúc gây khổ.

Hỏi: Thế nào là xúc không cho vui, không gây khổ?

Đáp: Trừ xúc cho vui, tạo khổ, nếu là xúc khác, đó gọi là xúc không cho vui, không gây khổ.

Lại nữa, nếu là xúc thiện, có báo, đó gọi là xúc cho vui. Nếu là xúc bất thiện, đó gọi là xúc tạo khổ. Trừ xúc cho vui, tạo khổ, nếu là xúc khác, đó gọi là xúc không cho vui, không tạo khổ.

Hỏi: Thế nào là xúc của quả vui?

Đáp: Nếu là báo vui của xúc, đó gọi là xúc của quả vui.

Hỏi: Thế nào là xúc của quả khổ?

Đáp: Nếu là báo khổ của xúc, đó gọi là xúc của quả khổ.

Hỏi: Thế nào là xúc của không phải quả vui, không phải quả khổ?

Đáp: Trừ xúc của quả vui, xúc của quả khổ, nếu là xúc khác, đó gọi là xúc của không phải quả vui, không phải quả khổ.

Lại nữa, nếu là xúc thiện, có báo, đó gọi là xúc của quả vui. Nếu là xúc bất thiện có báo, đó gọi là xúc của quả khổ. Trừ xúc của quả vui, quả khổ, nếu là xúc khác, đó gọi là xúc của không phải quả vui, không phải quả khổ.

Xúc của báo vui, xúc của báo khổ, xúc của không phải báo vui, không phải báo khổ cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là xúc quá khứ?

Đáp: Nếu xúc sinh rồi diệt, đó gọi là xúc quá khứ.

Hỏi: Thế nào là xúc vị lai?

Đáp: Nếu xúc chưa sinh, chưa khởi, đó gọi là xúc vị lai.

Hỏi: Thế nào là xúc hiện tại?

Đáp: Nếu xúc sinh chưa diệt, đó gọi là xúc hiện tại.

Hỏi: Thế nào là xúc của cảnh giới quá khứ?

Đáp: Tư duy về pháp quá khứ, nếu sinh khởi xúc, đó gọi là xúc của cảnh giới quá khứ.

Hỏi: Thế nào là xúc của cảnh giới vị lai?

Đáp: Tư duy về pháp vị lai, nếu sinh khởi xúc, đó gọi là xúc của cảnh giới vị lai.

Hỏi: Thế nào là xúc của cảnh giới hiện tại?

Đáp: Tư duy về pháp hiện tại, nếu sinh khởi xúc, đó gọi là xúc của cảnh giới hiện tại.

Hỏi: Thế nào là xúc của cảnh giới không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại?

Đáp: Tư duy về pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại, nếu sinh khởi xúc, đó gọi là xúc của cảnh giới không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại.

Hỏi: Thế nào là xúc hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Nếu xúc là dục lậu, hữu lậu, đó gọi là xúc hệ thuộc cõi dục.

Hỏi: Thế nào là xúc hệ thuộc cõi sắc?

Đáp: Nếu xúc là sắc lậu, hữu lậu, đó gọi là xúc hệ thuộc cõi sắc.

Hỏi: Thế nào là xúc hệ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Nếu xúc là vô sắc lậu, hữu lậu, đó gọi là xúc hệ thuộc cõi vô sắc.

Hỏi: Thế nào là xúc không hệ thuộc?

Đáp: Nếu xúc là Thánh vô lậu, đó gọi là xúc không hệ thuộc.

Hỏi: Thế nào là xúc của từ chung?

Đáp: Nếu xúc là tâm từ giải cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là xúc của từ chung. Xúc của bi chung, xúc của hỷ chung, xúc của xả chung cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là xúc tương ưng với lạc căn?

Đáp: Nếu xúc cùng với lạc căn cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là xúc tương ưng với lạc căn. Xúc tương ưng với khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là xúc nhãn?

Đáp: Nếu xúc tương ưng với nhãn thức, đó gọi là xúc nhãn. Xúc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.

Lại nữa, duyên nơi sắc, sinh nhãn thức, ba pháp hòa hợp sinh xúc, đó gọi là xúc nhãn. Xúc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là xúc tương ưng với nhãn thức giới?

Đáp: Nếu xúc cùng sinh, trụ, diệt với nhãn thức giới, đó gọi là xúc tương ưng với nhãn thức giới. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức giới cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là xúc tương ưng với ý giới?

Đáp: Nếu xúc cùng sinh, trụ, diệt với ý thức, đó gọi là xúc tương ưng với ý giới. Xúc tương ưng với ý thức giới cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là mười tám xúc?

Đáp: Lạc thọ của xúc nhãn, khổ thọ của xúc nhãn, bất khổ bất lạc thọ của xúc nhãn, xúc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế, đó gọi là mười tám xúc.

**

Phẩm thứ 7: TÂM GIẢ LẬP CỦA PHẦN ĐẦU MỐI

Tánh của tâm thanh tịnh, khách trần là, nhiễm ô. Vì phàm phu chưa nghe hiểu, nên không thể thấy biết như thật, cũng không có tu tâm. Vì Thánh nhân nghe hiểu, nên có thể thấy biết như thật, cũng có tu tâm. Tánh của tâm thanh tịnh, xa lìa cấu uế của khách trần. Phàm phu vì chưa nghe hiểu, nên không thể thấy biết như thật, cũng không có tu tâm. Thánh nhân vì nghe hiểu, nên có thể thấy biết như thật, cũng có tu tâm.

Nay sẽ tập hợp môn chánh của tâm giả lập.

Tâm Thánh, tâm không phải Thánh, cho đến tâm của sáu thức giới, bảy thức giới.

Hỏi: Thế nào là tâm Thánh?

Đáp: Nếu là tâm vô lậu, đó gọi là tâm Thánh.

Hỏi: Thế nào là tâm không phải Thánh?

Đáp: Nếu là tâm hữu lậu, đó gọi là tâm không phải Thánh.

Hỏi: Thế nào là tâm hữu lậu?

Đáp: Nếu là tâm có nhiễm, đó gọi là tâm hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là tâm vô lậu?

Đáp: Nếu là tâm không nhiễm, đó gọi là tâm vô lậu.

Hỏi: Thế nào là tâm có nhiễm?

Đáp: Nếu là tâm có mong cầu, đó gọi là tâm có nhiễm.

Hỏi: Thế nào là tâm không nhiễm?

Đáp: Nếu là tâm không mong cầu, đó gọi là tâm không nhiễm.

Hỏi: Thế nào là tâm có mong cầu?

Đáp: Nếu là tâm nên nhận lấy, đó gọi là tâm có mong cầu.

Hỏi: Thế nào là tâm không mong cầu?

Đáp: Nếu là tâm không phải nên nhận lấy, đó gọi là tâm không mong cầu.

Hỏi: Thế nào là tâm nên nhận lấy?

Đáp: Nếu là tâm có chấp giữ, đó gọi là tâm nên nhận lấy.

Hỏi: Thế nào là tâm không phải nên nhận lấy?

Đáp: Nếu là tâm không có chấp giữ, đó gọi là tâm không phải nên nhận lấy.

Hỏi: Thế nào là tâm có chấp giữ?

Đáp: Nếu là tâm có vượt hơn, đó gọi là tâm có chấp giữ.

Hỏi: Thế nào là tâm không chấp giữ?

Đáp: Nếu là tâm không có vượt hơn, đó gọi là tâm không chấp giữ.

Hỏi: Thế nào là tâm có vượt hơn?

Đáp: Nếu tâm có chấp giữ, đó gọi là tâm có vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là tâm không có vượt hơn?

Đáp: Nếu tâm không có chấp giữ, đó gọi là tâm không có vượt hơn.

Lại nữa, nếu đối với tâm này, còn có tâm khác vượt quá, tốt đẹp hơn, đó gọi là tâm có vượt hơn. Nếu đối với tâm này lại không có tâm khác tốt đẹp hơn, đó gọi là tâm không có vượt hơn.

Lại nữa, nếu tâm của Đức Như Lai đã sinh, đối với tất cả pháp thấy biết không có ngăn ngại, cho đến tự tại thành tựu, trừ tâm này ra, nếu là tâm khác, đó gọi là tâm có vượt hơn. Nếu không có tâm nào khác, đó gọi là tâm không có vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là tâm thọ?

Đáp: Nếu là tâm nội, đó gọi là tâm thọ.

Hỏi: Thế nào là tâm không phải thọ?

Đáp: Nếu là tâm ngoại, đó gọi là tâm không phải thọ.

Hỏi: Thế nào là tâm nội?

Đáp: Nếu là tâm thọ, đó gọi là tâm nội.

Hỏi: Thế nào là tâm ngoại?

Đáp: Nếu là tâm không phải thọ, đó gọi là tâm ngoại.

Hỏi: Thế nào là tâm có báo?

Đáp: Nếu tâm là pháp báo, đó gọi là tâm có báo.

Hỏi: Thế nào là tâm không báo?

Đáp: Nếu tâm không phải là báo, không phải là pháp báo, đó gọi là tâm không báo.

Hỏi: Thế nào là tâm chung của phàm phu?

Đáp: Nếu là tâm phàm phu sinh đắc, phàm phu cũng sinh đắc, đó gọi là tâm chung của phàm phu.

Hỏi: Thế nào là tâm không chung của phàm phu?

Đáp: Nếu là tâm không phải phàm phu sinh đắc, phàm phu không thể sinh đắc, đó gọi là tâm không chung của phàm phu.

Hỏi: Thế nào là tâm chung không phải là phàm phu?

Đáp: Nếu là tâm phàm phu sinh đắc, không phải là phàm phu cũng sinh đắc, đó gọi là tâm chung không phải là phàm phu.

Hỏi: Thế nào là tâm không chung không phải là phàm phu?

Đáp: Nếu là tâm phàm phu sinh đắc, không phải là phàm phu không sinh không đắc, đó gọi là tâm không chung không phải là phàm phu.

Hỏi: Thế nào là tâm chung của Thanh văn?

Đáp: Nếu là tâm Thanh văn sinh đắc, Thanh văn cũng sinh đắc, đó gọi là tâm chung của Thanh văn.

Hỏi: Thế nào là tâm không chung của Thanh văn?

Đáp: Nếu là tâm không phải Thanh văn sinh đắc, Thanh văn không sinh, không đắc, đó gọi là tâm không chung của Thanh văn.

Hỏi: Thế nào là tâm chung không phải là Thanh văn?

Đáp: Nếu là tâm Thanh văn sinh đắc, không phải là Thanh văn cũng sinh đắc, đó gọi là tâm chung không phải là Thanh văn.

Hỏi: Thế nào là tâm không chung không phải là Thanh văn?

Đáp: Nếu là tâm Thanh văn sinh đắc, không phải là Thanh văn không sinh không đắc, đó gọi là tâm không chung không phải là Thanh văn.

Hỏi: Thế nào là tâm như ánh chớp?

Đáp: Nếu là tâm ít, dừng lại một ít, thời gian dừng lại một ít, như ánh chớp một ít, dừng lại một ít, thời gian dừng lại một ít, đó gọi là tâm như ánh chớp.

Hỏi: Thế nào là tâm như kim cương?

Đáp: Nếu tâm dừng lại vô lượng, dừng lại trong thời gian vô lượng, như kim cương trụ vô lượng, trụ nơi thời gian vô lượng, đó gọi là tâm như kim cương.

Lại nữa, nếu tâm sinh xong, đoạn trừ một ít phần phiền não, như ánh chớp từ trong mây phát ra lửa sáng, phần ít bóng tối tức thì diệt, tâm cũng như thế, đó gọi là tâm như ánh chớp.

Nếu tâm sinh xong, đoạn trừ tất cả phiền não không còn sót. Phiền não hoặc thô, hoặc tế thấy đều đoạn diệt, như kim cương gieo vào ngọc, đá, đều khiến chúng bị hủy hoại hết, đó gọi là tâm như kim cương.

Lại nữa, nếu tâm sinh xong, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-na-hàm, đó gọi là tâm như ánh chớp. Nếu tâm sinh xong, được quả A-la-hán, đó gọi là tâm như kim cương.

Lại nữa, nếu tâm sinh xong, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-na-hàm, được quả Thanh văn, Phật-bích-chi, A-la-hán, đó gọi là tâm như ánh chớp. Nếu tâm sinh xong, như tâm của Đức Như Lai đã sinh, đối với tất cả pháp thấy biết đều không trở ngại, cho đến tự tại thành tựu, đó gọi là tâm như kim cương.

Hỏi: Thế nào là tâm được không nhất định?

Đáp: Nếu tâm được không nhất định, khó được, khó giữ, đó gọi là tâm được không nhất định.

Hỏi: Thế nào là tâm được nhất định?

Đáp: Nếu cùng với trên trái nhau, đó gọi là tâm được nhất định.

Hỏi: Thế nào là tâm có hành khó giữ?

Đáp: Nếu tâm được là được bất định, khó được, khó giữ, không do sức tôn thắng tự tại, không như chỗ mong muốn, không theo điều mong muốn, không được hết điều mong muốn, có hành khó sinh,

khó được, như chèo thuyền nơi nước ngược khó đi, tâm cũng như thế, đó gọi là tâm có hành khó giữ.

Hỏi: Thế nào là tâm không hành dễ giữ?

Đáp: Nếu cùng với trên trái nhau, đó gọi là tâm không hành dễ giữ.

Hỏi: Thế nào là tâm tu một phần?

Đáp: Nếu tâm sinh xong, tưởng có ánh sáng, nhưng không thấy sắc, nếu thấy sắc thì không tưởng có ánh sáng, đó gọi là tâm tu một phần.

Hỏi: Thế nào là tâm tu hai phần?

Đáp: Nếu tâm sinh xong, tưởng có ánh sáng, cũng thấy sắc, đó gọi là tâm tu hai phần.

Lại nữa, nếu tâm sinh xong, sinh trí, nhưng không đoạn trừ phiền não, nếu đoạn trừ phiền não thì không sinh trí, đó gọi là tâm tu một phần. Nếu tâm sinh xong, sinh trí, có thể đoạn trừ phiền não, đó gọi là tâm tu hai phần.

Lại nữa, nếu tâm sinh xong, tận trí sinh không phải là vô sinh trí, đó gọi là tâm tu một phần. Nếu tâm sinh xong, tận trí sinh cùng với vô sinh trí, đó gọi là tâm tu hai phần.

Hỏi: Thế nào là tâm có dục?

Đáp: Nếu tâm là người có dục, tương ứng với dục nhiễm, đó gọi là tâm có dục.

Hỏi: Thế nào là tâm không dục?

Đáp: Nếu tâm là người lìa dục, không phải tương ứng với dục nhiễm, đó gọi là tâm không dục.

Hỏi: Thế nào là tâm có giận dữ?

Đáp: Nếu tâm là người có giận dữ, tương ưng với giận dữ, đó gọi là tâm có giận dữ.

Hỏi: Thế nào là tâm không giận dữ?

Đáp: Nếu tâm lìa người giận dữ, không phải tương ưng với giận dữ, đó gọi là tâm không giận dữ.

Hỏi: Thế nào là tâm có si?

Đáp: Nếu tâm là người có si, tương ưng với si, đó gọi là tâm có si.

Hỏi: Thế nào là tâm không si?

Đáp: Nếu tâm là người lìa si, không phải tương ưng với si, đó gọi là tâm không si.

Hỏi: Thế nào là tâm chìm mất?

Đáp: Nếu tâm tương ưng với thù miên, không cùng tương ưng với nội diệt, niệm tuệ chưa thành tựu, không thể phân biệt pháp thiện, đó gọi là tâm chìm mất.

Hỏi: Thế nào là tâm phân tán?

Đáp: Nếu là tâm dục nhiễm, cùng với dục nhiễm, tương ưng với dục nhiễm, nhiều dục nhưng đều thấy tịnh, đối với năm dục bên ngoài đều cùng nhiễm vương, đó gọi là tâm phân tán.

Hỏi: Thế nào là tâm ít?

Đáp: Nếu tâm bất định, đó gọi là tâm ít.

Hỏi: Thế nào là tâm nhiều?

Đáp: Nếu tâm định, đó gọi là tâm nhiều.

Hỏi: Thế nào là tâm bất định?

Đáp: Nếu tâm là người không nhất định, không phải tương ưng với định, đó gọi là tâm bất định.

Hỏi: Thế nào là tâm định?

Đáp: Nếu tâm là người định, tương ưng với định, đó gọi là tâm định.

Hỏi: Thế nào là tâm không giải thoát?

Đáp: Nếu tâm là người không giải thoát, không phải tương ưng với giải thoát, đó gọi là tâm không giải thoát.

Hỏi: Thế nào là tâm giải thoát?

Đáp: Nếu tâm là người giải thoát, tương ưng với giải thoát, đó gọi là tâm giải thoát.

Hỏi: Thế nào là tâm có vượt hơn?

Đáp: Nếu tâm là người có vượt hơn, tương ưng với pháp vượt hơn, đó gọi là tâm có vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là tâm không vượt hơn?

Đáp: Nếu tâm là người không vượt hơn, không tương ưng với pháp vượt hơn, đó gọi là tâm không vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là tâm có giác?

Đáp: Nếu tâm tương ưng với giác, cùng với giác sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm có giác.

Hỏi: Thế nào là tâm không giác?

Đáp: Nếu tâm không phải tương ưng với giác, không cùng với giác sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm không giác.

Hỏi: Thế nào là tâm có quán?

Đáp: Nếu tâm tương ưng với quán, cùng với quán sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm có quán.

Hỏi: Thế nào là tâm không quán?

Đáp: Nếu tâm không phải tương ưng với quán, không cùng với quán sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm không quán.

Hỏi: Thế nào là tâm có hỷ?

Đáp: Nếu tâm tương ưng với hỷ, cùng với hỷ sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm có hỷ.

Hỏi: Thế nào là tâm không hỷ?

Đáp: Nếu tâm không phải tương ưng với hỷ, không cùng với hỷ sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm không hỷ.

Hỏi: Thế nào là tâm vị chung?

Đáp: Nếu tâm tương ưng với lạc thọ, đó gọi là tâm vị chung.

Hỏi: Thế nào là tâm xả chung?

Đáp: Nếu tâm tương ưng với bất khổ bất lạc thọ, đó gọi là tâm xả chung.

Hỏi: Thế nào là tâm tương ưng với nhãn?

Đáp: Nếu tâm cùng với nhãn cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm tương ưng với nhãn.

Hỏi: Thế nào là tâm không tương ưng với nhãn?

Đáp: Nếu tâm không cùng với nhãn cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm không tương ưng với nhãn.

Hỏi: Thế nào là tâm tương ưng với trí?

Đáp: Nếu tâm cùng với trí cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm tương ưng với trí.

Hỏi: Thế nào là tâm không tương ưng với trí?

Đáp: Nếu tâm không cùng với trí cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm không tương ưng với trí.

Hỏi: Thế nào là nhãn là tâm bắt đầu?

Đáp: Nếu là tâm Thánh vô lậu, do người kiên tín, kiên pháp đã tu, đó gọi là nhãn là tâm bắt đầu.

Hỏi: Thế nào là trí là tâm bắt đầu?

Đáp: Nếu là tâm Thánh vô lậu, do người kiến đạo đã tu, đó gọi là trí là tâm bắt đầu.

Hỏi: Thế nào là tâm của dục sau cùng?

Đáp: Nếu là thức sau cùng, đó gọi là tâm của dục sau cùng.

Hỏi: Thế nào là tâm bắt đầu sinh?

Đáp: Nếu tâm là thức ban đầu, đó gọi là tâm bắt đầu sinh.

Hỏi: Thế nào là tâm thiện?

Đáp: Nếu là tâm tu, đó gọi là tâm thiện.

Hỏi: Thế nào là tâm bất thiện?

Đáp: Nếu là tâm đoạn, đó gọi là tâm bất thiện.

Hỏi: Thế nào là tâm vô ký?

Đáp: Nếu là tâm thọ, hoặc tâm không phải báo, không phải là pháp báo, đó gọi là tâm vô ký.

Hỏi: Thế nào là tâm học?

Đáp: Nếu là tâm Thánh không phải là vô học, đó gọi là tâm học.

Hỏi: Thế nào là tâm vô học?

Đáp: Nếu là tâm Thánh không phải là học, đó gọi là tâm vô học.

Hỏi: Thế nào là tâm phi học phi vô học?

Đáp: Nếu là tâm không phải là Thánh, đó gọi là tâm phi học phi vô học.

Hỏi: Thế nào là tâm báo?

Đáp: Nếu là tâm thọ, hoặc là báo thiện, đó gọi là tâm báo.

Hỏi: Thế nào là tâm của pháp báo?

Đáp: Nếu là tâm có báo, đó gọi là tâm của pháp báo.

Hỏi: Thế nào là tâm không phải báo, không phải là pháp báo?

Đáp: Nếu là tâm vô ký, không phải thuộc về phần của ngã, đó gọi là tâm không phải báo, không phải là pháp báo.

Hỏi: Thế nào là tâm do kiến đoạn?

Đáp: Nếu là tâm bất thiện, không phải do tư duy đoạn, đó gọi là tâm do kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là tâm do tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là tâm bất thiện, không phải do kiến đoạn, đó gọi là tâm do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là tâm không phải do kiến đoạn, không phải do tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là tâm thiện, hoặc vô ký, đó gọi là tâm không phải do kiến đoạn, không phải do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là tâm là nhân của kiến đoạn?

Đáp: Nếu là tâm do kiến đoạn, hoặc là báo của pháp do kiến đoạn, đó gọi là tâm là nhân của kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là tâm là nhân của tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là tâm do tư duy đoạn, hoặc là báo của pháp do tư duy đoạn, đó gọi là tâm là nhân của tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là tâm không phải là nhân của kiến đoạn không phải là nhân của tư duy đoạn?

Đáp: Nếu tâm là báo của pháp thiện, hoặc tâm không phải báo, không phải là pháp báo, đó gọi là tâm không phải là nhân của kiến đoạn, không phải là nhân của tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là tâm hạ?

Đáp: Nếu là tâm bất thiện, đó gọi là tâm hạ.

Hỏi: Thế nào là tâm trung?

Đáp: Nếu là tâm vô ký, đó gọi là tâm trung.

Hỏi: Thế nào là tâm thượng?

Đáp: Nếu là tâm thiện, đó gọi là tâm thượng.

Lại nữa, nếu là tâm bất thiện, hoặc vô ký, đó gọi là tâm hạ. Nếu là tâm thiện không phải của Thánh, đó gọi là tâm trung. Nếu là tâm Thánh vô lậu, đó gọi là tâm thượng.

Hỏi: Thế nào là tâm thô?

Đáp: Nếu là tâm hệ thuộc cõi dục, đó gọi là tâm thô.

Hỏi: Thế nào là tâm tế?

Đáp: Nếu là tâm hệ thuộc cõi sắc, hoặc không hệ thuộc, đó gọi là tâm tế.

Hỏi: Thế nào là tâm vi?

Đáp: Nếu là tâm hệ thuộc cõi vô sắc, đó gọi là tâm vi.

Lại nữa, nếu là tâm hệ thuộc cõi dục, hoặc hệ thuộc cõi sắc, đó gọi là tâm thô. Nếu tâm hệ thuộc xứ không, hệ thuộc xứ thức, hệ thuộc xứ bất dụng, hoặc không hệ thuộc, đó gọi là tâm tế. Nếu tâm hệ thuộc xứ phi tướng phi phi tướng, đó gọi là tâm vi.

Lại nữa, nếu tâm hệ thuộc cõi dục, hoặc hệ thuộc cõi sắc, hệ thuộc xứ không, xứ thức, xứ bất dụng, đó gọi là tâm thô. Nếu tâm không hệ thuộc, đó gọi là tâm tế. Nếu tâm hệ thuộc xứ phi tướng phi phi tướng, đó gọi là tâm vi.

Hỏi: Thế nào là tâm của lạc thọ?

Đáp: Nếu tâm tương ưng với lạc thọ, đó gọi là tâm của lạc thọ.

Hỏi: Thế nào là tâm của khổ thọ?

Đáp: Nếu tâm tương ưng với khổ thọ, đó gọi là tâm của khổ thọ.

Hỏi: Thế nào là tâm của bất khổ bất lạc thọ?

Đáp: Nếu tâm tương ưng với bất khổ bất lạc thọ, đó gọi là tâm của bất khổ bất lạc thọ.

Lại nữa, nếu tâm thọ nhận báo vui, đó gọi là tâm của lạc thọ. Nếu tâm thọ nhận báo khổ, đó gọi là tâm của khổ thọ. Nếu tâm thọ nhận báo không khổ không vui, đó gọi là tâm của bất khổ bất lạc thọ.

Lại nữa, trừ tâm bất khổ bất lạc thọ, nếu là tâm khác, là thiện có báo, đó gọi là tâm của lạc thọ. Nếu là tâm bất thiện, đó gọi là tâm của khổ thọ. Trừ tâm của lạc thọ, nếu là tâm khác, là thiện có báo, đó gọi là tâm của bất khổ bất lạc thọ.

Lại nữa, nếu là tâm thiện có báo, đó gọi là tâm của lạc thọ. Nếu là tâm bất thiện, đó gọi là tâm của khổ thọ. Trừ tâm của khổ thọ, lạc thọ, nếu là tâm khác, đó gọi là tâm của không phải khổ không phải lạc thọ.

Hỏi: Thế nào là tâm của xứ hỷ?

Đáp: Nếu tâm bắt đầu khởi tức sinh hỷ, đó gọi là tâm của xứ hỷ.

Hỏi: Thế nào là tâm của xứ ưu?

Đáp: Nếu tâm bắt đầu khởi tức sinh âu lo, đó gọi là tâm của xứ ưu.

Hỏi: Thế nào là tâm của xứ xả?

Đáp: Nếu tâm bắt đầu khởi tức sinh xả, đó gọi là tâm của xứ xả.

Lại nữa, trừ tâm của xứ xả, nếu là tâm khác, là thiện có báo, đó gọi là tâm của xứ hỷ. Nếu là tâm bất thiện, đó gọi là tâm của xứ ưu. Trừ tâm của xứ hỷ, nếu là tâm khác, là thiện có báo, đó gọi là tâm của xứ xả.

Lại nữa, nếu là tâm thiện có báo, đó gọi là tâm của xứ hỷ. Nếu là tâm bất thiện, đó gọi là tâm của xứ ưu. Trừ xứ hỷ và xứ ưu, nếu là tâm khác, đó gọi là tâm không phải xứ hỷ, không phải xứ ưu.

Hỏi: Thế nào là tâm có giác có quán?

Đáp: Nếu là tương ưng với định tâm có giác có quán, đó gọi là tâm có giác có quán.

Hỏi: Thế nào là tâm không giác có quán?

Đáp: Nếu là tâm tương ưng với định không giác có quán, đó gọi là tâm không giác có quán.

Hỏi: Thế nào là tâm không giác không quán?

Đáp: Nếu là tâm tương ưng với định không giác không quán, đó gọi là tâm không giác không quán.

Hỏi: Thế nào là tâm tương ưng với không?

Đáp: Nếu tâm cùng sinh, trụ, diệt với định không, đó gọi là tâm tương ưng với không.

Hỏi: Thế nào là tâm tương ưng với vô tướng?

Đáp: Nếu tâm cùng sinh, trụ, diệt với định vô tướng, đó gọi là tâm tương ưng với vô tướng.

Hỏi: Thế nào là tâm tương ưng với vô nguyện?

Đáp: Nếu tâm cùng sinh, trụ, diệt với định vô nguyện, đó gọi là tâm tương ưng với vô nguyện.

Hỏi: Thế nào là tâm hiện báo?

Đáp: Nếu tâm tức sinh thuộc về phần của ta, hoặc tâm khởi tạo tác, thành tựu, tức sinh thuộc về phần của ta đã khởi tạo tác, thọ nhận báo, đó gọi là tâm hiện báo.

Hỏi: Thế nào là tâm sinh báo?

Đáp: Nếu là tâm sinh báo, thuộc về phần của ta, nếu đã khởi tạo tác, thành tựu không gián đoạn sinh thọ báo, đó gọi là tâm sinh báo.

Hỏi: Thế nào là tâm hậu báo?

Đáp: Nếu tâm sinh thuộc về phần của ta, nếu đã khởi tạo tác, thành tựu sinh thứ nhất, cho đến sinh thọ báo thứ tư, hoặc vượt quá, đó gọi là tâm hậu báo.

Hỏi: Thế nào là tâm cho vui?

Đáp: Nếu là quả vui của tâm, đó gọi là tâm cho vui.

Hỏi: Thế nào là tâm tạo khổ?

Đáp: Nếu là quả khổ của tâm, đó gọi là tâm tạo khổ.

Hỏi: Thế nào là tâm không cho vui, không tạo khổ?

Đáp: Trừ tâm cho vui, tạo khổ, nếu là tâm khác, đó gọi là tâm không cho vui, không tạo khổ.

Lại nữa, nếu là tâm thiện, có báo, đó gọi là tâm cho vui. Nếu là tâm bất thiện, có báo, đó gọi là tâm tạo khổ. Trừ tạo khổ, cho vui, nếu là tâm khác, đó gọi là tâm không tạo khổ, không cho vui.

Hỏi: Thế nào là tâm của quả vui?

Đáp: Nếu là báo vui của tâm, đó gọi là tâm của quả vui.

Hỏi: Thế nào là tâm của quả khổ?

Đáp: Nếu là báo khổ của tâm, đó gọi là tâm của quả khổ.

Hỏi: Thế nào là tâm không phải quả vui, không phải quả khổ?

Đáp: Trừ tâm của quả khổ, quả vui, nếu là tâm khác, đó gọi là tâm không phải quả vui, không phải quả khổ.

Lại nữa, nếu là tâm thiện có báo, đó gọi là tâm của quả vui. Nếu là tâm bất thiện có báo, đó gọi là tâm của quả khổ. Trừ tâm của

quả vui, quả khổ, nếu là tâm khác, đó gọi là tâm không phải quả vui, không phải quả khổ.

Tâm của báo vui, tâm của báo khổ, tâm không phải báo vui, tâm không phải báo khổ cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là tâm quá khứ?

Đáp: Nếu tâm sinh rồi diệt, đó gọi là tâm quá khứ.

Hỏi: Thế nào là tâm vị lai?

Đáp: Nếu tâm chưa sinh, chưa khởi, đó gọi là tâm vị lai.

Hỏi: Thế nào là tâm hiện tại?

Đáp: Nếu tâm sinh chưa diệt, đó gọi là tâm hiện tại.

Hỏi: Thế nào là tâm của cảnh giới quá khứ?

Đáp: Tư duy về pháp quá khứ, nếu sinh tâm, đó gọi là tâm của cảnh giới quá khứ.

Hỏi: Thế nào là tâm của cảnh giới vị lai?

Đáp: Tư duy về pháp vị lai, nếu sinh tâm, đó gọi là tâm của cảnh giới vị lai.

Hỏi: Thế nào là tâm của cảnh giới hiện tại?

Đáp: Tư duy về pháp hiện tại, nếu sinh tâm, đó gọi là tâm của cảnh giới hiện tại.

Hỏi: Thế nào là tâm của cảnh giới không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại?

Đáp: Tư duy về pháp không phải quá khứ, vị lai, hiện tại, nếu sinh tâm, đó gọi là tâm của cảnh giới không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại.

Hỏi: Thế nào là tâm hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Nếu là tâm dục lậu, hữu lậu, đó gọi là tâm hệ thuộc cõi dục.

Hỏi: Thế nào là tâm hệ thuộc cõi sắc?

Đáp: Nếu là tâm sắc lậu, hữu lậu, đó gọi là tâm hệ thuộc cõi sắc.

Hỏi: Thế nào là tâm hệ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Nếu là tâm vô sắc lậu, hữu lậu, đó gọi là tâm hệ thuộc cõi vô sắc.

Hỏi: Thế nào là tâm không hệ thuộc?

Đáp: Nếu là tâm vô lậu Thánh, đó gọi là tâm không hệ thuộc.

Hỏi: Thế nào là tâm từ chung?

Đáp: Nếu là tâm từ, tâm giải cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm từ chung. Tâm bi chung, tâm hỷ chung, tâm xả chung cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là tâm tương ưng với lạc căn?

Đáp: Nếu tâm cùng với lạc căn cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là tâm tương ưng với lạc căn. Tâm tương ưng với khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là sáu thức thân?

Đáp: Là nhãn thức thân, cho đến ý thức thân.

Hỏi: Thế nào là nhãn thức thân?

Đáp: Duyên nơi mắt, duyên nơi sắc, duyên nơi ánh sáng, duyên nơi tư duy, do bốn duyên này hòa hợp, thức đã sinh, nay sinh, sẽ sinh, không nhất định, đó gọi là nhãn thức thân. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức thân cũng như thế. Đó gọi là sáu thức thân.

Hỏi: Thế nào là bảy thức giới?

Đáp: Là nhãn thức giới, cho đến ý thức giới.

Hỏi: Thế nào là nhãn thức giới?

Đáp: Nếu thức, nhãn căn, sinh cảnh giới sắc, đã sinh, đang sinh, sẽ sinh, không nhất định, đó gọi là nhãn thức giới. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức giới cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là ý giới?

Đáp: Ý sinh pháp, tư duy về pháp, nếu tâm ban đầu đã sinh, nay sinh, sẽ sinh, không nhất định, đó gọi là ý giới.

Hỏi: Thế nào là ý thức giới?

Đáp: Không lia cảnh giới của tâm kia, nếu là tâm khác, giống với tâm kia đã sinh, nay sinh, sẽ sinh không nhất định, đó gọi là ý thức giới.

**

Phẩm thứ 8: MƯỜI ĐẠO NGHIỆP BÁT THIỆN CỦA PHẦN ĐẦU MỐI

Hỏi: Có bao nhiêu đạo nghiệp bất thiện?

Đáp: Có mười: Là sát sinh cho đến tà kiến.

Hỏi: Thế nào là sát sinh?

Đáp: Nếu người dùng tâm ác sát sinh, không có thương xót, chuyên sát hại, đó gọi là sát sinh.

Hỏi: Thế nào là trộm cắp?

Đáp: Nếu người ở trong thôn xóm và trong núi rừng hoang vắng lấy trộm của cải, vật dụng của người khác, đó gọi là trộm cắp.

Hỏi: Thế nào là tà dâm?

Đáp: Nếu người nữ được sự bảo hộ của cha mẹ, anh em trai, chị em gái, tự bảo hộ, vương pháp bảo hộ, dòng họ bảo hộ, bà con và

các tri thức, cho đến nhận lãnh tràng hoa bảo hộ, nếu vi phạm những thứ ấy, đó gọi là tà dâm.

Hỏi: Thế nào là nói dối?

Đáp: Nếu người không biết nói biết, biết nói không biết, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, hoặc vì bản thân mình, hoặc vì người khác, hoặc vì của cải, vật dụng, nên nói dối, đó gọi là nói dối.

Hỏi: Thế nào là nói hai lưỡi?

Đáp: Nếu người nghe ở nơi này, đến chỗ kia nói, vì muốn phá hoại người này, hoặc nghe ở chỗ kia, đến nói ở nơi này, vì muốn phá hoại người kia. Kẻ chưa phá khiến phá, kẻ đã phá rồi muốn khiến họ bị tan lìa hết, đó gọi là nói hai lưỡi.

Hỏi: Thế nào là nói lời thô ác?

Đáp: Nếu người nói ra lời thô dữ, khổ bức, người khác nghe xong không mừng, không vui thích, đó gọi là nói lời thô ác.

Hỏi: Thế nào là nói lời thêu dệt?

Đáp: Nếu người nói năng không đúng lúc, lời nói vô nghĩa, lời nói phi pháp, lời nói không điều phục, lời nói không tĩnh lặng, đó gọi là nói lời thêu dệt.

Hỏi: Thế nào là tham dục?

Đáp: Nếu người đối với của vật của người khác, ở nơi thôn xóm người khác, sinh tâm mong cầu, muốn khiến vật của người thành của mình, đó gọi là tham dục.

Hỏi: Thế nào là giận dữ?

Đáp: Nếu người sinh giận dữ, muốn cho chúng sinh trước mặt mình bị trói giữ, gây tổn hại, bị vô số các khổ vây buộc, đó gọi là giận dữ.

Hỏi: Thế nào là tà kiến?

Đáp: Nếu người tà kiến nói không có thí cho, không có thờ cúng, không có báo của nghiệp thiện ác, không có đời này đời khác, không có cha mẹ, không có trời, không có chúng sinh hóa sinh, không có Sa-môn, Bà-la-môn, đó gọi là tà kiến.

Hỏi: Sát sinh do nhân nào? Sát sinh vì nhân gì?

Đáp: Sát sinh do nhân tham, do nhân giận, do nhân si, do nhân của tâm tâm số pháp. Sát sinh là nhân của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là nhân nghèo hèn trong nẻo người, quỷ thần. Nếu báo còn lại sẽ sinh trong nẻo người thì thọ mạng ngắn ngủi.

Hỏi: Trộm cắp do nhân nào? Trộm cắp là nhân gì?

Đáp: Trộm cắp do nhân tham, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Trộm cắp là nhân của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là nhân nghèo hèn trong nẻo người, quỷ thần. Nếu báo còn lại, sinh trong nẻo người thì của vật bị tiêu hao.

Hỏi: Tà dâm do nhân nào? Tà dâm vì nhân gì?

Đáp: Tà dâm do nhân tham, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Tà dâm là nhân của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là nhân nghèo hèn trong nẻo người, quỷ thần. Nếu báo còn lại, sinh trong nẻo người thì luôn tranh chấp.

Hỏi: Nói dối do nhân nào? Nói dối vì nhân gì?

Đáp: Nói dối do nhân tham, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Nói dối là nhân của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là nhân nghèo hèn trong nẻo người, quỷ thần. Nếu báo còn lại, sinh trong nẻo người thì thường bị chê bai.

Hỏi: Nói hai lưỡi do nhân nào? Nói hai lưỡi vì nhân gì?

Đáp: Nói hai lưỡi do nhân tham, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Nói hai lưỡi là nhân địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là nhân

nghèo hèn trong nẻo người, quỷ thần. Nếu báo còn lại, sinh trong nẻo người, thì có quyền thuộc thân thích luôn ganh ghét, phá hoại lẫn nhau.

Hỏi: Nói lời thô ác do nhân nào? Nói lời thô ác vì nhân gì?

Đáp: Nói lời thô ác do nhân tham, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Nói lời thô ác là nhân của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là nhân nghèo hèn trong nẻo người, quỷ thần. Nếu báo còn lại, sinh trong nẻo người, luôn nghe âm thanh không vừa ý.

Hỏi: Nói lời thêu dệt do nhân nào? Nói lời thêu dệt vì nhân gì?

Đáp: Nói lời thêu dệt do nhân tham, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Nói lời thêu dệt là nhân của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là nhân nghèo hèn trong nẻo người, quỷ thần. Nếu báo còn lại, sinh trong nẻo người, lời nói không được quý trọng.

Hỏi: Tham dục do nhân nào? Tham dục vì nhân gì?

Đáp: Tham dục do nhân kiết, do nhân sử, do nhân của tâm tâm số pháp. Tham dục là nhân của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là nhân nghèo hèn trong nẻo người, quỷ thần. Nếu báo còn lại, sinh trong nẻo người, luôn có nhiều các duyên sự.

Hỏi: Giận dữ do nhân nào? Giận dữ vì nhân gì?

Đáp: Giận dữ do nhân kiết, do nhân sử, do nhân của tâm tâm số pháp. Giận dữ là nhân của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là nhân nghèo hèn trong nẻo người, quỷ thần. Nếu báo còn lại, sinh trong nẻo người, luôn có nhiều oán ghét.

Hỏi: Tà kiến do nhân nào? Tà kiến vì nhân gì?

Đáp: Tà kiến do nhân kiết, do nhân sử, do nhân của tâm tâm số pháp. Tà kiến là nhân của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là nhân nghèo hèn trong nẻo người, quỷ thần. Nếu báo còn lại, sinh trong nẻo người, luôn lấy tà làm điều tốt.

Phẩm thứ 9: MƯỜI ĐẠO NGHIỆP THIỆN CỦA PHẦN ĐÀU MỐI

Hỏi: Có bao nhiêu đạo nghiệp thiện?

Đáp: Có mười: Là không sát sinh cho đến chánh kiến.

Hỏi: Thế nào là không sát sinh?

Đáp: Nếu người lia sát sinh, dứt bỏ dao gậy, biết hổ thẹn, từ bi, thương xót tất cả chúng sinh, đó gọi là không sát sinh.

Hỏi: Thế nào là không trộm cắp?

Đáp: Nếu người lia trộm cắp, không trộm vật của người khác, đó gọi là không trộm cắp.

Hỏi: Thế nào là không tà dâm?

Đáp: Nếu người lia bỏ tà dâm, đối với người nữ đã được người khác bảo hộ, trọn không phạm dâm, đó gọi là không tà dâm.

Hỏi: Thế nào là không nói dối?

Đáp: Nếu người lia nói dối: không biết nói không biết, biết nói biết, không thấy nói không thấy, thấy nói thấy, không vì thân mình, không vì người khác, không vì của cải vật dụng để tạo ra nói dối, đó gọi là không nói dối.

Hỏi: Thế nào là không nói hai lưỡi?

Đáp: Nếu người lia bỏ nói hai lưỡi, việc gì được nghe nơi người này, không đến nói với người kia, vì không muốn phá hoại người này. Nghe người kia nói, không đến nói với người này, vì không muốn phá hoại người kia. Nếu kẻ phá hoại, thì muốn khiến kẻ ấy hòa hợp, người đã hòa hợp thì muốn cho họ càng thêm hoan hỷ, cùng vui vẻ với nhau, đó gọi là không nói hai lưỡi.

Hỏi: Thế nào là không nói lời thô ác?

Đáp: Nếu người lia lời nói hung bạo, bỏ hẳn lời nói thô dữ, nói lời mềm dịu nhu hòa, được mọi người vui mừng, yêu mến, đó gọi là không nói lời thô ác.

Hỏi: Thế nào là không nói lời thêu dệt?

Đáp: Nếu người nói năng hợp thời, nói lời chân thật, nói lời có nghĩa, nói lời điều phục, nói lời tĩnh lặng, nói lời tốt đẹp, thuận với thời điểm, đó gọi là không nói lời thêu dệt.

Hỏi: Thế nào là không tham?

Đáp: Nếu người lia tham, không mong cầu của, vật nơi thôn ấp, người khác, khiến cho ta có, đó gọi là không tham.

Hỏi: Thế nào là không giận?

Đáp: Nếu người lia giận dữ, tâm không muốn cho chúng sinh này bị giam trói, tổn hại, phải chịu nhiều thứ khổ, đó gọi là không giận.

Hỏi: Thế nào là chánh kiến?

Đáp: Nếu người theo chánh kiến, tin có thí cho, có thờ cúng, cho đến đời có Sa-môn, Bà-la-môn, chánh kiến, hướng đến đúng đắn, có chứng biết việc đời này, đời sau, đó gọi là chánh kiến.

Hỏi: Không sát sinh do nhân nào? Không sát sinh vì nhân gì?

Đáp: Không sát sinh do nhân không tham, do nhân không giận, do nhân không si, do nhân của tâm tâm số pháp. Không sát sinh là nhân thọ nhận an vui trong nẻo người, trên cõi trời. Nếu báo còn lại, sinh trong nẻo người, được thọ mạng lâu dài.

Hỏi: Không trộm cắp do nhân nào? Không trộm cắp vì nhân gì?

Đáp: Không trộm cắp do nhân không tham cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Không trộm cắp là nhân thọ nhận an vui trong

nẻo người, trên cõi trời. Nếu báo còn lại, sinh trong nẻo người, tiền của không hao tán.

Hỏi: Không tà dâm do nhân nào? Không tà dâm vì nhân gì?

Đáp: Không tà dâm do nhân không tham, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Không tà dâm là nhân thọ nhận an vui trong nẻo người, trên cõi trời. Nếu báo còn lại, tức sinh trong nẻo người thì không tranh chấp.

Hỏi: Không nói dối do nhân nào? Không nói dối vì nhân gì?

Đáp: Không nói dối do nhân không tham, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Không nói dối là nhân thọ nhận an vui trong nẻo người, trên cõi trời. Nếu báo còn lại, tức sinh trong nẻo người thì không bị chê bai.

Hỏi: Không nói hai lưỡi do nhân nào? Không nói hai lưỡi vì nhân gì?

Đáp: Không nói hai lưỡi do nhân không tham, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Không nói hai lưỡi là nhân thọ nhận an vui trong nẻo người, trên cõi trời. Nếu báo còn lại, tức sinh trong nẻo người, quyến thuộc thân thích không ganh ghét phá hoại nhau.

Hỏi: Không nói lời thô ác do nhân nào? Không nói lời thô ác vì nhân gì?

Đáp: Không nói lời thô ác do nhân không tham, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Không nói lời thô ác là nhân thọ nhận an vui trong nẻo người, trên cõi trời. Nếu báo còn lại, tức sinh trong nẻo người, luôn được nghe âm thanh vừa ý.

Hỏi: Không nói lời thêu dệt do nhân nào? Không nói lời thêu dệt vì nhân gì?

Đáp: Không nói lời thêu dệt do nhân không tham, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Không nói lời thêu dệt là nhân thọ nhận

an vui trong nẻo người, trên cõi trời. Nếu báo còn lại, tức sinh trong nẻo người, nói năng được mọi người quý trọng.

Hỏi: Không tham do nhân nào? Không tham vì nhân gì?

Đáp: Không tham do nhân chuyên kính trọng, chuyên kính trọng do nhân của căn thiện, do nhân của tâm tâm số pháp. Không tham là nhân thọ nhận an vui trong nẻo người, trên cõi trời. Nếu báo còn lại, tức sinh trong nẻo người, không có các duyên sự.

Hỏi: Không giận do nhân nào? Không giận vì nhân gì?

Đáp: Không giận do nhân chuyên kính trọng, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Không giận dữ là nhân thọ nhận an vui trong nẻo người, trên cõi trời. Nếu báo còn lại, tức sinh trong nẻo người, không có nhiều oán ghét.

Hỏi: Chánh kiến do nhân nào? Chánh kiến vì nhân gì?

Đáp: Chánh kiến do nhân chuyên kính trọng, cho đến do nhân của tâm tâm số pháp. Chánh kiến là nhân thọ nhận an vui trong nẻo người, trên cõi trời. Nếu báo còn lại, tức sinh trong nẻo người, không lấy tà làm điều tốt đẹp.

HẾT - QUYỂN 27

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 28

Phẩm thứ 10: ĐỊNH CỦA PHẦN ĐẦU MỖI, phần 1

Năm chi định. Năm trí định. Định của hơi thở vào, hơi thở ra nơi niệm chung. Định của tướng bất tịnh chung. Định nhập hỏa. Định của thân tức chứng biết chung. Định của thiên nhĩ chứng biết chung. Định của tha tâm chứng biết chung. Định của túc mạng chứng biết chung. Định của tướng ánh sáng chung. Định vô gián. Định căn. Định lực. Định chánh giác.

Định chánh. Định tà. Định Thánh. Định không phải Thánh. Định hữu lậu. Định vô lậu. Định có nhiễm. Định không nhiễm. Định có mong cầu. Định không mong cầu. Định nên nhận lấy. Định không phải nên nhận lấy. Định có chấp giữ. Định không chấp giữ. Định có vượt hơn. Định không vượt hơn. Định có thọ nhận. Định không thọ nhận. Định trong. Định ngoài. Định có báo. Định không báo.

Định của phạm phu chung. Định của phạm phu không chung. Định của không phải phạm phu chung. Định của không phải phạm phu không chung. Định của Thanh văn chung. Định của Thanh văn không chung. Định của không phải Thanh văn chung. Định của không phải Thanh văn không chung.

Định như ánh chớp. Định như kim cương. Định không nhất định được. Định nhất định được. Định có hành khó giữ. Định không hành dễ giữ. Định tu một phần. Định tu hai phần.

Định có tướng. Định không tướng. Định như sự. Định tướng như. Định lìa tướng sắc. Định không lìa tướng sắc. Định nhập vượt hơn. Định nhập khắp. Định có giác. Định không giác. Định có quán. Định không quán. Định có hỷ. Định không hỷ. Định của vị chung. Định của xả chung.

Định tương ưng với nhãn. Định không phải tương ưng với nhãn. Định tương ưng với trí. Định không phải tương ưng với trí. Định của nhãn là bắt đầu. Định của trí là bắt đầu. Định của dục là sau cùng. Định bắt đầu sinh.

Định thiện. Định bất thiện. Định vô ký. Định học. Định vô học. Định phi học phi vô học. Định báo. Định của pháp báo. Định không phải báo không phải pháp báo. Định do kiến đoạn. Định do tư duy đoạn. Định không phải do kiến đoạn, không phải do tư duy đoạn. Định là nhân của kiến đoạn. Định là nhân của tư duy đoạn. Định là nhân của không phải do kiến đoạn, không phải do tư duy đoạn.

Định hạ. Định trung. Định thượng. Định thô. Định tế. Định vi. Định có giác có quán. Định không giác có quán. Định không giác không quán. Định không. Định vô tướng. Định vô nguyện. Định ba nguyện được. Định không phải ba nguyện được.

Định thân nội quán thân nội. Định thân ngoại quán thân ngoại. Định thân nội ngoại quán thân nội ngoại. Định thọ nội quán thọ nội. Định thọ ngoại quán thọ ngoại. Định thọ nội ngoại quán thọ nội ngoại. Định tâm nội quán tâm nội. Định tâm ngoại quán tâm ngoại. Định tâm nội ngoại quán tâm nội ngoại. Định pháp nội quán pháp nội. Định pháp ngoại quán pháp ngoại. Định pháp nội ngoại quán pháp nội ngoại.

Định của cảnh giới nội. Định của cảnh giới ngoại. Định của cảnh giới nội ngoại. Định của cảnh giới chúng sinh. Định của cảnh giới sắc. Định của cảnh giới vô sắc. Định của cảnh giới chúng sinh.

Định của cảnh giới hữu vi. Định của cảnh giới vô vi. Định của cảnh giới chúng sinh. Định của cảnh giới pháp. Định của cảnh giới không có. Định của cảnh giới chúng sinh.

Định ít. Định trung bình. Định vô lượng. Định của cảnh giới ít. Định của cảnh giới trung bình. Định của cảnh giới vô lượng. Định ít cảnh giới ít. Định ít cảnh giới trung bình. Định ít cảnh giới vô lượng. Định trung bình cảnh giới ít. Định trung bình cảnh giới trung bình. Định trung bình cảnh giới vô lượng. Định vô lượng cảnh giới ít. Định vô lượng cảnh giới trung bình. Định vô lượng cảnh giới vô lượng.

Định trụ ít. Định trụ trung bình. Định trụ vô lượng. Định ít trụ ít. Định ít trụ trung bình. Định ít trụ vô lượng. Định trung bình trụ ít. Định trung bình trụ trung bình. Định trung bình trụ vô lượng. Định vô lượng trụ ít. Định vô lượng trụ trung bình. Định vô lượng trụ vô lượng. Định quá khứ. Định vị lai. Định hiện tại. Định của cảnh giới quá khứ. Định của cảnh giới vị lai. Định của cảnh giới hiện tại. Định của cảnh giới không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại.

Định hệ thuộc cõi dục. Định hệ thuộc cõi sắc. Định hệ thuộc cõi vô sắc. Định không hệ thuộc. Định tạo tác không phải lìa. Định lìa không phải tạo tác. Định tạo tác cũng là lìa. Định không phải tạo tác cũng không phải lìa. Định nhận lấy không phải phát ra. Định phát ra không phải nhận lấy. Định nhận lấy cũng là phát ra. Định không phải nhận lấy cũng không phải phát ra.

Định có nhiễm không phải lìa nhiễm. Định lìa nhiễm không phải có nhiễm. Định có nhiễm cũng lìa nhiễm. Định không phải có

nhiệm cũng không phải lia nhiệm. Định có ách không phải lia ách. Định lia ách không phải có ách. Định có ách cũng lia ách. Định không phải có ách cũng không phải lia ách.

Định của quả trí không phải quả đoạn. Định của quả đoạn không phải quả trí. Định của quả trí cũng là quả đoạn. Định không phải quả trí cũng không phải quả đoạn. Định của quả trí không phải quả đắc. Định của quả đắc không phải quả trí. Định của quả trí cũng là quả đắc. Định không phải quả trí cũng không phải quả đắc.

Định tận không phải giác. Định giác không phải tận. Định tận cũng là giác. Định không phải tận cũng không phải giác. Định xét không phải giải. Định giải không phải xét. Định xét cũng là giải. Định không phải xét cũng không phải giải.

Định của phần thoái chuyển. Định của phần trụ. Định của phần tăng trưởng. Định của phần xét. Định của phần thoái chuyển không phải phần trụ. Định của phần trụ không phải phần thoái chuyển. Định của phần thoái chuyển cũng là phần trụ. Định không phải thoái chuyển cũng không phải phần trụ.

Định của phần thoái chuyển không phải phần tăng trưởng. Định của phần tăng trưởng không phải phần thoái chuyển. Định của phần thoái chuyển cũng là phần tăng trưởng. Định không phải phần thoái chuyển cũng không phải phần tăng trưởng.

Định của phần thoái chuyển không phải phần xét. Định của phần xét không phải phần thoái chuyển. Định của phần thoái chuyển cũng là phần xét. Định không phải phần thoái chuyển cũng không phải phần xét.

Định của phần trụ không phải phần tăng trưởng. Định của phần tăng trưởng không phải phần trụ. Định của phần trụ cũng là phần tăng trưởng. Định không phải phần trụ cũng không phải phần tăng trưởng.

Định của phân trụ không phải phân xét. Định của phân xét không phải phân trụ. Định của phân trụ cũng là phân xét. Định không phải phân trụ cũng không phải phân xét.

Định của phân tăng trưởng không phải phân xét. Định của phân xét không phải phân tăng trưởng. Định của phân tăng trưởng cũng là phân xét. Định không phải phân tăng trưởng cũng không phải phân xét.

Bốn niệm xứ. Bốn chánh đoạn. Bốn thần túc. Bốn thiền. Bốn vô lượng. Bốn định vô sắc. Bốn hướng đạo. Bốn quả. Bốn tu định. Bốn đoạn.

Năm căn. Năm lực. Năm giải thoát nhập. Năm cõi xuất. Năm quán định. Năm pháp sinh giải thoát.

Sáu niệm. Sáu định. Sáu cõi xuất. Sáu pháp phân minh. Sáu pháp của căn vui thích. Sáu chánh giác không có hỷ.

Bảy giác. Bảy tướng. Bảy pháp cần của định.

Tám Thánh đạo. Tám giải thoát. Tám thắng nhập.

Chín diệt. Chín định thứ đệ diệt. Chín tướng.

Mười chánh pháp. Mười biến nhập. Mười một giải thoát nhập.

Hỏi: Thế nào là năm chi định?

Đáp: Như Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, nghe cho kỹ, khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các ông nói về năm chi định của Thánh.

Các Tỳ-kheo thưa: Vâng, chúng con xin vâng lời Phật dạy.

Thế nào là được tu năm chi chánh định của Thánh?

Như Tỳ-kheo lia dục ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Thân này đạt ly sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp. Thân này đều ly sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp không có giảm thiểu, như thầy khéo tắm gội, hoặc đệ tử của

thầy khéo tắm gội, dùng tảo đậu mịn hòa trong chậu đầy nước, rồi dùng nước tưới vừa phải nơi thân, kỳ cọ, động tác này giúp cho sự thấm nhuần đầy khắp, không khô, không ướt, điều hòa cả trong lẫn ngoài. Như thế, thân Tỳ-kheo được ly sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu, đó gọi là tu chi định thứ nhất của năm chi Thánh.

Lại nữa, Tỳ-kheo diệt giác quán, nội chánh tín, nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ hai. Thân này đạt định sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp. Thân này đều là định sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu, như nước nơi hồ rộng từ đáy hồ vọt ra, không từ phương đông, phương nam, tây, bắc đến. Nước này là từ nơi đáy hồ tuôn ra, có thể khiến cho ao thấm nhuần tràn đầy khắp, không có giảm thiểu. Như thế Tỳ-kheo, thân này được định sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp. Thân này được định sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp không có giảm thiểu, đó gọi là tu chi định thứ hai của năm chi định Thánh.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Lia hỷ xả, hành niệm chánh trí, thân thọ nhận vui, như hành giải xả niệm lạc của các Thánh nhân, thành tựu hành của thiền thứ ba. Thân này không có hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp. Thân này không có hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu. Như ao hoa Ưu-bát-la, ao hoa Cưu-đâu-ma, ao hoa Bát-đâu-ma, ao hoa Phân-đà-lợi, các hoa kia từ trong bùn xuất sinh, chưa có thể ra khỏi nước. Các hoa này từ rễ đến đầu, từ đầu đến rễ, đều thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu. Như thế Tỳ-kheo, thân này có vô lượng hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp. Thân này thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu, đó gọi là tu chi định thứ ba của năm chi định Thánh.

Lại nữa, Tỳ-kheo đoạn trừ khổ vui, trước là diệt ưu hỷ, không khổ không vui, xả niệm tịnh, thành tựu hành của thiền thứ tư. Thân này do tâm thanh tịnh, giải hành khắp. Thân này do tâm thanh tịnh,

giải hành khắp, không có giảm thiểu. Như người nam, người nữ mặc quần áo trắng sạch phủ kín từ đầu đến chân, từ chân đến đầu. Như thế Tỳ-kheo do tâm thanh tịnh giải hành khắp. Thân này do tâm thanh tịnh giải hành khắp không có giảm thiểu, đó gọi là tu chi định thứ tư của năm chi định Thánh.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhận lấy tướng quán khéo tư duy hành giải. Như người đứng ngắm xem người ngồi, như người ngồi xem người nằm. Như thế, Tỳ-kheo khéo nhận lấy tướng quán, khéo tư duy hành giải, đó gọi là tu chi định thứ năm của năm chi định Thánh.

Như thế, Tỳ-kheo tu năm chi định của Thánh, gần gũi tu học nhiều xong, muốn chứng pháp thông, hy vọng muốn chứng, tùy tâm đã muốn tức có thể được chứng, tự biết không có trở ngại. Như ở chỗ ngã tư đường, có người khéo điều phục ngựa, khéo đóng ngựa vào xe. Có người khéo điều khiển xe. Cỡi lên xe xong thì tùy ý tự tại.

Như thế, Tỳ-kheo thân cận năm chi định của Thánh, tu học nhiều xong, muốn chứng pháp thông, hy vọng muốn chứng, tùy tâm đã muốn tức có thể được chứng, tự tại vô ngại. Như chiếc bình đựng đầy nước chắc chắn, nước không rò rỉ, dùng đựng đầy nước sạch, vì muốn tùy theo người dùng riêng, như ý tự tại.

Như thế, Tỳ-kheo thân cận năm chi định của Thánh, tu học nhiều xong, muốn chứng pháp thông, hy vọng muốn chứng, tùy tâm đã muốn đều tự tại vô ngại. Như nước tràn ngập khắp khe suối, được uống, như người quyết định dùng, như ý tự tại, tùy theo chỗ đã quyết định, tức xuất phát.

Như thế, Tỳ-kheo thân cận năm chi định của Thánh, tu học nhiều xong, muốn chứng pháp thông, hy vọng muốn chứng, tùy thuận tâm đã mong muốn, liền có thể được chứng, tự tại vô ngại. Như Tỳ-kheo muốn thọ nhận vô lượng từng ấy thứ thần túc chuyển động đại địa, có thể dùng một làm thành nhiều, dùng nhiều làm thành

một, cho đến thân Phạm thiên cũng được tự tại, tùy đối tượng có thể nhập, như nơi Phạm Trí đã nói.

Như Tỳ-kheo muốn thọ nhận thiên nhĩ thanh tịnh, vượt hơn người, có thể nghe được tiếng nói của nhân, phi nhân, tùy từng nơi chốn đều có thể nhập. Như Tỳ-kheo muốn thọ nhận sự biết tâm ý của các chúng sinh khác, tức có thể nhận biết người có tâm dục, nhận biết như thật là có tâm dục. Người không có tâm dục, tức nhận biết như thật là không có tâm dục. Cho đến tâm không vượt hơn đều nhận biết như thật là tâm không có vượt hơn, tùy theo nơi chốn đều có thể nhập, như Phạm Trí đã nói.

Như Tỳ-kheo muốn thọ nhận sự nhớ nghĩ đến vô lượng thọ mạng của đời trước, có thể nhớ lại một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, cho đến thành tựu hành này, tùy theo đối tượng đều có thể nhập, như Phạm Trí đã nói.

Như Tỳ-kheo hiện thiện muốn thọ nhận thiên nhãn thanh tịnh, vượt hơn người, có thể thấy rõ các chúng sinh theo sinh tử, cho đến như nghiệp báo, tùy nơi chốn có thể nhập, như Phạm Trí đã nói.

Như Tỳ-kheo hiện thiện muốn nhận lãnh sự việc dứt hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện đời tự trí chứng, thành tựu hạnh: Nẻo sinh tử của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã làm xong, không còn thọ hữu nữa, tùy theo nơi chốn đều có thể nhập.

Như thế, tu năm chi định của Thánh, thân cận, tu học nhiều xong, tức được quả báo như thế.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo lia dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp hữu vi, hoặc là pháp hữu vi của một xứ, tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hành giải vô thường, thọ nhận vô thường, quán không phóng dật như thế,

liạ dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Như thế, Tỳ-kheo đã liạ dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Như thế, cho đến quán thấy tử thi ở trên đồng lửa, như một chi định của phẩm Đạo đã nói rộng.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nội tâm của ta có dục nhiễm, nhận biết như thật là có dục nhiễm, nếu nội tâm không có dục nhiễm, nhận biết như thật là không có dục nhiễm. Như dục nhiễm chưa sinh nhận biết như thật là chưa sinh. Như dục nhiễm chưa sinh, đang sinh, nhận biết như thật là đang sinh. Như dục nhiễm sinh rồi đoạn, nhận biết như thật là đoạn. Như dục nhiễm đoạn rồi, nhận biết như thật là không còn sinh nữa. Nội tâm có giận dữ, thù miên, trạo cử, hối, nghi cũng như thế.

Quán không phóng dật như thế, liạ dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Tỳ-kheo như thế là liạ dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Mắt nhận thức sắc, nội tâm của ta có dục nhiễm, giận dữ, nhận biết như thật là có dục nhiễm, giận dữ. Mắt nhận thức sắc, nội tâm không có dục nhiễm, giận dữ, như chưa sinh giận dữ, dục nhiễm khi mắt nhận thức sắc, thì nhận biết như thật là chưa sinh. Khi mắt nhận thức sắc, dục nhiễm, giận dữ chưa sinh giờ đã sinh, nhận biết như thật là đã sinh. Như dục nhiễm giận dữ đã sinh khi mắt nhận thức sắc đã đoạn xong, nhận biết như thật là đã đoạn. Như dục nhiễm giận dữ khi mắt nhận thức sắc đã đoạn rồi, thì nhận biết như thật là không còn sinh nữa. Tai nhận thức âm thanh, cho đến ý nhận biết pháp cũng như thế.

Quán không phóng dật như thế, liạ dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất.

Tỳ-kheo như thế là lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nội tâm của ta có niệm chánh giác, nhận biết như thật là có niệm chánh giác, nội tâm không có niệm chánh giác thì nhận biết như thật là không có niệm chánh giác. Như niệm chánh giác chưa sinh, nhận biết như thật là chưa sinh. Như niệm chánh giác chưa sinh, đang sinh, nhận biết như thật là đang sinh. Như niệm chánh giác sinh rồi, tu đầy đủ, nhận biết như thật là tu đầy đủ. Tu trạch pháp chánh giác, tinh tấn chánh giác, hỷ chánh giác, trừ (khinh an) chánh giác, định chánh giác, xả chánh giác cũng như vậy.

Quán không phóng dật như thế, lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Tỳ-kheo như thế là lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhận biết như thật về khổ, khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo, nhận biết như thật về lậu, lậu tập, lậu diệt, lậu diệt đạo.

Quán không phóng dật như thế, lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Tỳ-kheo như thế là lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo vì tâm sợ hãi, nên ra khỏi tất cả hữu vi, nhập giới cam lộ. Sự tĩnh lặng thắng diệu này đã lìa bỏ tất cả hữu vi, là Niết-bàn dứt hết ái.

Quán không phóng dật như thế, lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Tỳ-kheo như thế là lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư cũng nói như thế.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo khéo nhận lấy tướng quán, khéo tư duy, khéo hành giải?

Đáp: Như Tỳ-kheo đối với tất cả pháp hữu vi, hoặc là pháp hữu vi của một xứ, tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hành giải vô thường, thọ nhận vô thường.

Quán không phóng dật như thế, lià dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Như Tỳ-kheo, nếu hành hoặc theo pháp tướng, lià dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Nếu nơi pháp tướng khéo nhận lấy tốt, khéo tư duy, khéo hành giải, khéo nhận thức, thuận với thức, duyên nơi thức, phân biệt, thuận với phân biệt, duyên nơi phân biệt.

Tỳ-kheo như thế là khéo nhận lấy tướng quán, khéo tư duy, khéo hành giải.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với tất cả pháp hữu vi, hoặc là pháp hữu vi của một xứ, tư duy về khổ bệnh, ung nhọt, mũi tên, là lỗi lầm của vị, là nương dựa, duyên nơi pháp hư hoại bất định, không đầy, có thể tan hoại, là khổ, không, vô ngã. Tư duy về duyên, nhận biết duyên, thọ nhận duyên, tức vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử ưu bi khổ não, chúng khổ tụ tập.

Quán không phóng dật như thế, lià dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Như Tỳ-kheo, nếu ở nơi pháp tướng, lià dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Nếu hành hoặc ở nơi pháp tướng, khéo nhận lấy tướng, khéo tư duy, khéo hành giải, khéo nhận thức, thuận với thức, duyên nơi thức, phân biệt, thuận với phân biệt, duyên nơi phân biệt.

Tỳ-kheo như thế là khéo nhận lấy tướng quán, khéo tư duy, khéo hành giải.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với tất cả pháp hữu vi, hoặc là pháp hữu vi của một xứ, tư duy về pháp diệt, nhận biết diệt, hành giải diệt, thọ nhận diệt: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu, bi, khổ não, chúng khổ tụ tập diệt.

Quán không phóng dật như thế, lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Như Tỳ-kheo, nếu hành nơi pháp tướng, lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Nếu hành hoặc ở nơi pháp tướng, khéo nhận lấy tướng, khéo tư duy, khéo hành giải, khéo nhận thức, thuận với thức, duyên nơi thức, phân biệt, thuận với phân biệt, duyên nơi phân biệt.

Tỳ-kheo như thế là khéo nhận lấy tướng quán, khéo tư duy, khéo hành giải.

Lại nữa, Tỳ-kheo đi, nhận biết đi vui, đứng nhận biết đứng vui, ngồi nhận biết ngồi vui, nằm nhận biết nằm. Như thế, thân trụ nơi vui, nhận biết như thật là trụ nơi vui.

Quán không phóng dật như thế, lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Như Tỳ-kheo, nếu hành hoặc ở nơi pháp tướng, lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Nếu hành hoặc ở nơi pháp tướng, khéo nhận lấy tướng, khéo tư duy, khéo hành giải, khéo nhận thức, thuận với thức, duyên nơi thức, phân biệt, thuận với phân biệt, duyên nơi phân biệt.

Tỳ-kheo như thế là khéo nhận lấy tướng quán, khéo tư duy, khéo hành giải.

Lại nữa, Tỳ-kheo từ đi, lại, co, duỗi, cho đến vì tâm sợ hãi, nên ra khỏi tất cả hữu vi, nhập cõi cam lộ cũng nói như thế. Thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư cũng nói như vậy.

Hỏi: Thế nào là khéo nhận lấy tướng quán, khéo tư duy, khéo hành giải?

Đáp: Như Tỳ-kheo nơi tất cả pháp hữu vi, hoặc là pháp hữu vi của một xứ, tư duy về vô thường, nhận biết vô thường, hành giải vô thường, thọ nhận vô thường.

Quán không phóng dật như thế, lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh, hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Như Tỳ-kheo, nếu có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy, khéo hành giải, khéo nhận thức, thuận với thức, duyên nơi thức, phân biệt, thuận với phân biệt, duyên nơi phân biệt.

Tỳ-kheo như thế là khéo nhận lấy tướng quán, khéo tư duy, khéo hành giải.

Lại nữa, Tỳ-kheo nơi tất cả pháp hữu vi, hoặc là pháp hữu vi của một xứ, theo đây tư duy là bệnh khổ, là ung nhọt, mũi tên, cho đến vì tâm sợ hãi, nên ra khỏi tất cả hữu vi, nhập cõi cam lộ. Sự tĩnh lặng này là thắng diệu, lìa tất cả hữu vi, dứt hết ái, đạt Niết-bàn.

Quán không phóng dật như thế, lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiên thứ nhất. Như Tỳ-kheo, nếu có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thì khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy, khéo hành giải, khéo nhận thức, thuận với thức, duyên nơi thức, phân biệt, thuận với phân biệt, duyên nơi phân biệt.

Tỳ-kheo như thế là khéo nhận lấy tướng quán, khéo tư duy, khéo hành giải. Thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư cũng như trên đã nói.

Năm chi như thế, đó gọi là năm chi định.

Hỏi: Thế nào là năm trí định?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Các Tỳ-kheo tu định vô lượng sáng rõ. Các Tỳ-kheo, nếu tu vô lượng định sáng rõ xong, duyên sinh năm thứ trí.

Năm thứ trí đó là: Nếu có định hiện lạc, hậu báo lạc, duyên nơi định này sinh trí. Nếu có định Thánh không có nhiễm, duyên nơi định này sinh trí. Nếu như người có định không khiếm nhược, có thể thân cận duyên nơi định này sinh trí. Nếu có định được tĩnh lặng, thắng diệu, tu một mình trừ đắc, duyên nơi định này sinh trí. Nếu có định do niệm nhập chánh niệm khởi duyên nơi định này sinh trí.

Thế nào là định hiện lạc, hậu báo lạc, duyên nơi định này phát sinh trí?

Hỏi: Thế nào là định hiện lạc?

Đáp: Như Tỳ-kheo lìa dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, được ly sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ nhất. Nếu thân được ly sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, thì thân này đều được ly sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp không có giảm thiểu. Như thợ chuyên khéo tẩm gội, hoặc đệ tử của ông ta, dùng tảo đậu mịn hòa trong chậu chứa đầy nước, dùng nước rưới vào thân, điều hòa, cùng đập vỗ. Do động tác này khiến thấm nhuần đầy khắp, không khô, không ướt, trong ngoài nhuận hòa. Như thế, thân Tỳ-kheo được ly sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, thân đều được ly sinh, hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiểu. Như Tỳ-kheo tăng ích thọ nhận ly sinh hỷ lạc, được vui xuất thế, vui tĩnh lặng, vui diệt, vui chánh giác, an vui của quả Sa-môn, an vui của Niết-bàn. Định này như thế gọi là hiện lạc.

Lại nữa, Tỳ-kheo diệt giác quán, nội tịnh tín, nhất tâm, không giác không quán, được định sinh hỷ lạc, thành tựu hành của thiền thứ hai. Như thân được định sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, tức thân này đều là định sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp không có giảm

thiếu. Như hồ nước lớn bao quanh là núi, nước từ đáy hồ vọt lên, không từ phương đông, tây, nam, bắc đến, mà từ hồ này nên nước thấm nhuần đầy khắp, tức hồ này đã thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiếu. Như thế Tỳ-kheo thân được định sinh hỷ lạc, thấm nhuần đầy khắp, tức thân này đã thấm nhuần đầy khắp không có giảm thiếu. Như Tỳ-kheo tăng ích thọ nhận không hỷ lạc để nhận vui xuất thế, vui tĩnh lặng, vui diệt, vui chánh giác, an vui của quả Sa-môn, an vui của Niết-bàn. Định này như thế gọi là hiện lạc.

Lại nữa, Tỳ-kheo lia hành hỷ, xả, niệm chánh trí thân thọ nhận an vui, như hành giải xả, niệm vui của các Thánh nhân, thành tựu hành của thiền thứ ba. Nếu thân không có hỷ lạc, tức thấm nhuần tràn đầy khắp, thân không còn có hỷ lạc, thấm nhuần cùng đầy khắp không có giảm thiếu. Như ao hoa Ưu-bát-la, ao hoa Bát-đầu-ma, ao hoa Cưu-đầu-ma, ao hoa Phân-đà-lợi, các hoa kia từ trong bùn vừa nhô ra, chưa có thể vượt khỏi nước, các thứ hoa này, hoặc rễ, hoặc đầu, nước đều thấm nhuần đầy khắp, từ rễ đến đầu, từ đầu đến rễ, nước thấm nhuần luôn đầy khắp, không có giảm thiếu. Như thế Tỳ-kheo nếu thân không còn có hỷ lạc, thì thấm nhuần cùng đầy khắp, tức thân này đều thấm nhuần đầy khắp, không có giảm thiếu. Như Tỳ-kheo tăng ích thọ nhận vui, không có hỷ vui xuất thế, vui tĩnh lặng, vui diệt, vui chánh giác, an vui của quả Sa-môn, an vui của Niết-bàn. Định này như thế gọi là hiện lạc.

Lại nữa, Tỳ-kheo đoạn khổ, đoạn vui, trước diệt bỏ ưu hỷ, không khổ không vui, xả niệm tịnh, thành tựu hành của thiền thứ tư. Nếu thân do tâm thanh tịnh giải hành khắp, tức thân này thanh tịnh, không xứ nào là không khắp. Như thân người nam, người nữ mặc áo trắng sạch, trên dưới đầy đủ, từ đầu đến chân, từ chân đến đầu, đều được che phủ. Như thế, Tỳ-kheo nếu thân do tâm thanh tịnh giải hành khắp, tức thân này thanh tịnh, không có xứ nào là không khắp. Như Tỳ-kheo tăng ích thọ nhận vui, tĩnh lặng thượng diệu, vui xuất thế,

vui diệt, vui chánh giác, an vui của quả Sa-môn, an vui của Niết-bàn. Định này như thế gọi là hiện lạc.

Hỏi: Thế nào là định hậu báo lạc?

Đáp: Như Tỳ-kheo tư duy về vô thường, khổ, không, vô ngã, tư duy về Niết-bàn tĩnh lặng, được định, tâm trụ chánh trụ. Như Tỳ-kheo được định xong, tức là được nắm căn Thánh đầu tiên. Được nắm căn Thánh đầu tiên rồi, theo chánh quyết định trên, lia bỏ địa phạm phu. Nếu không được quả Tu-đà-hoàn, mà nửa chừng mạng chung thì không có điều ấy. Không được quả Tu-đà-hoàn, lại tạo điều ác, gây nghiệp ác xong, mạng chung, bị đọa vào ba đường dữ thì không có điều ấy.

Như Tỳ-kheo thân cận định này, tu học nhiều, tu học nhiều xong, do kiến đoạn ba phiền não, được xúc chứng quả Tu-đà-hoàn, xúc chứng xong, đoạn trừ khổ của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thọ nhận báo bảy lần sinh trong nẻo người, trời, sinh trong nẻo người, trời đều đoạn dứt khổ còn lại. Định này như thế gọi là hậu báo lạc.

Như Tỳ-kheo thân cận định này để tu học nhiều, tu học nhiều xong, do tư duy đoạn phần phiền não dục nhiễm giận dữ. Đoạn phần phiền não dục nhiễm, giận dữ rồi, được xúc chứng của quả Tu-đà-hàm. Xúc chứng rồi, đoạn trừ khổ của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thọ nhận sinh trong nẻo người, trời, đoạn dứt hết khổ còn lại khi sinh trong nẻo người, trời. Định này như thế gọi là hậu báo lạc.

Như Tỳ-kheo thân cận định này, tu học nhiều, tu học nhiều rồi, do tư duy đoạn dục nhiễm, giận dữ đều rất ráo. Được rất ráo xong, tức được xúc chứng quả A-na-hàm. Xúc chứng xong, đoạn trừ khổ trong địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và nẻo người. Nếu thọ một lần sinh trên trời, hoặc năm lần sinh, khổ còn lại trên cõi trời đều đoạn hết. Định này như thế gọi là hậu báo lạc.

Như Tỳ-kheo thân cận định này, tu học nhiều, tu học nhiều rồi, do tư duy đoạn trừ hết phiền não của cõi sắc, cõi vô sắc, hoàn toàn không còn. Không còn xong, được xúc chứng quả A-la-hán, xúc chứng xong, đoạn trừ khổ của địa ngục, súc sinh, ngã quý, cùng trong nẻo người, trời. Khổ của tất cả hữu, tất cả đường, tất cả loài, tất cả sự trôi buộc, tất cả phiền não kiết sử, đều đoạn trừ rất ráo. Định này như thế gọi là hậu báo lạc.

Hỏi: Thế nào là duyên nơi định này sinh trí?

Đáp: Nếu phân biệt trong, nếu phân biệt ngoài, tức thấy biết, giác chứng, đó gọi là duyên nơi định này sinh trí.

Hỏi: Thế nào là có định Thánh không nhiễm, duyên nơi đây sinh trí? Thế nào là không phải định Thánh?

Đáp: Nếu là định hữu lậu thì định này không phải là định Thánh.

Lại nữa, không phải định của Thánh nếu là định phi học phi vô học, đó gọi là không phải định Thánh.

Lại nữa, không phải định Thánh, trừ định không, vô tướng, vô nguyện, nếu là định khác, đó gọi là không phải định Thánh.

Hỏi: Thế nào là định Thánh?

Đáp: Nếu là định vô lậu, đó gọi là định Thánh.

Lại nữa, định Thánh, nếu là định học, định vô học, các định ấy gọi là định Thánh.

Lại nữa, định Thánh là định không, vô tướng, vô nguyện, đó gọi là định Thánh.

Hỏi: Do nghĩa nào gọi là Thánh?

Đáp: Do đoạn lìa các phiền não kiết tham dục, giận dữ, ngu si, nên gọi là Thánh.

Hỏi: Thế nào là định có nhiễm?

Đáp: Nếu là định có mong cầu, đó gọi là định có nhiễm.

Lại nữa, định có nhiễm, nếu là định phi học phi vô học, đó gọi là định có nhiễm.

Lại nữa, định có nhiễm, trừ định không, vô tướng, vô nguyên, nếu là định khác, đó gọi là định có nhiễm.

Hỏi: Do nghĩa nào nói là có nhiễm?

Đáp: Nhiễm nghĩa là ái. Ái ở trong định này là đắc (thủ đắc) đang đắc, duyên nơi đắc. Định cũng ở trong ái là đắc, đang đắc, duyên nơi đắc. Đó gọi là định có nhiễm.

Hỏi: Thế nào là định không nhiễm?

Đáp: Nếu là định không mong cầu, đó gọi là định không nhiễm.

Lại nữa, định không nhiễm, nếu là định học, định vô học, đó gọi là định không nhiễm.

Lại nữa, định không nhiễm là định không, vô tướng, vô nguyên, đó gọi là định không nhiễm.

Hỏi: Do nghĩa nào nói là không nhiễm?

Đáp: Nhiễm nghĩa là ái. Ái ở trong định này không đắc, không đang đắc, không duyên nơi đắc. Định trong ái là không đắc, không đang đắc, không duyên nơi đắc. Đó gọi là định không nhiễm.

Hỏi: Thế nào là duyên nơi đây sinh trí?

Đáp: Nếu phân biệt trong, nếu phân biệt ngoài, tức thấy biết, giác chứng, đó gọi là duyên nơi đây sinh trí.

Hỏi: Thế nào là người có định không khiếp nhược, thân cận duyên nơi định này sinh trí? Thế nào là người khiếp nhược?

Đáp: Nếu người không có tâm tin, không có hổ thẹn, không học vấn, lười biếng, mất niệm, không có tuệ, đó gọi là người khiếp nhược.

Lại nữa, khiếp nhược là phạm phu. Do nghĩa nào gọi là khiếp nhược? Do chưa nhận biết về thân kiến, chưa đoạn trừ thân kiến. Do nghĩa này nên nói là người khiếp nhược.

Hỏi: Thế nào là người không khiếp nhược?

Đáp: Không khiếp nhược nghĩa là có tâm tin, biết hổ thẹn, có hiểu biết, siêng năng, tinh tấn, chuyên niệm, nhiều tuệ, đó gọi là người không khiếp nhược.

Lại nữa, không khiếp nhược, nếu là Phật và đệ tử Thanh văn của Phật.

Hỏi: Do nghĩa nào nói là không khiếp nhược?

Đáp: Do nhận biết thân kiến, do đoạn trừ thân kiến. Do nghĩa này nên nói là người không khiếp nhược.

Như thế, người không khiếp nhược, được định thân cận với đầy tu học nhiều. Do nghĩa này nên nói là người không người khiếp nhược được thân cận.

Hỏi: Thế nào là duyên nơi đây sinh trí?

Đáp: Nếu phân biệt trong, nếu phân biệt ngoài, tức thấy biết, giác chứng, đó gọi là duyên nơi đây sinh trí.

Hỏi: Thế nào là có định tĩnh lặng, thắng diệu, riêng tu trừ đặc, duyên nơi đây sinh trí? Thế nào là tĩnh lặng?

Đáp: Nếu là quả báo chung của định, đó gọi là tĩnh lặng.

Hỏi: Thế nào là định thắng diệu?

Đáp: Nếu là định Thánh có báo, có thể đoạn trừ phiền não, đó gọi là định thắng diệu.

Lại nữa, định tĩnh lặng, nếu là định Thánh có báo, có thể đoạn trừ phiền não, đó gọi là định tĩnh lặng.

Lại nữa, định thắng diệu nếu là quả báo chung của định, đó gọi là định thắng diệu.

Lại nữa, tĩnh lặng tức là thắng diệu, thắng diệu tức là tĩnh lặng, đó gọi là tịch tĩnh thắng diệu.

Hỏi: Thế nào là riêng tu?

Đáp: Nếu tâm hoàn toàn định trụ, chánh chỉ, ở nơi một mình hành định, đó gọi là riêng tu.

Hỏi: Thế nào là định không trừ đắc?

Đáp: Nếu định không là đắc, không quyết định đắc, khó đắc, đó gọi là định không trừ đắc.

Hỏi: Thế nào là định trừ đắc?

Đáp: Nếu định là đắc, quyết định đắc, không khó đắc, đó gọi là định trừ đắc.

Hỏi: Thế nào là duyên nơi đây sinh trí?

Đáp: Nếu phân biệt trong, nếu phân biệt ngoài, tức thấy biết, giác chứng, đó gọi là duyên nơi đây sinh trí.

Hỏi: Thế nào là có định chánh niệm nhập chánh niệm khởi duyên nơi đây sinh trí?

Đáp: Nếu chánh trí nhập chánh trí khởi, chánh trí nhập chánh trí khởi xong, thế nên nói là chánh niệm nhập chánh niệm khởi. Chuyên thân niệm, nhập chuyên thân niệm khởi. Chuyên thân niệm nhập chuyên thân niệm khởi xong, đó gọi là chánh niệm nhập chánh niệm khởi.

Hỏi: Thế nào là duyên nơi đây sinh trí?

Đáp: Nếu phân biệt trong, nếu phân biệt ngoài, thấy biết, giác chứng, đó gọi là duyên nơi đây sinh trí.

Năm trí như thế là năm trí định.

Hỏi: Thế nào là định của hơi thở ra, hơi thở vào cùng với niệm?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các Tỳ-kheo! Tu niệm hơi thở ra, hơi thở vào, thân cận, tu học nhiều, tu học nhiều xong tức được quả báo lớn, cho đến được cam lộ.

Hỏi: Thế nào là tu niệm hơi thở ra, hơi thở vào, thân cận, tu học nhiều, tu học nhiều xong tức được quả báo lớn, cho đến được cam lộ?

Đáp: Như Tỳ-kheo trụ ở nơi chốn tĩnh lặng, trong rừng, bên cội cây, hoặc ở chỗ trống trải, ở trong hang núi, trải cỏ ở nơi lộ thiên, hoặc ở trong gò mả, triền núi. Như Tỳ-kheo, sáng sớm đến thôn xóm khát thực, ăn xong, quá giờ ngộ, cất y bát, rửa chân, sau đấy Tỳ-kheo ngồi kiết già, thân ngay ngắn, buộc niệm tư duy đoạn trừ mong cầu, tâm không hành theo tham vướng mong cầu. Đối với mong cầu tham vướng được thanh tịnh. Đoạn trừ giận dữ, hành tâm từ, tâm lìa giận dữ, được thanh tịnh. Đoạn dứt thù miên, không có thù miên, chánh tri tưởng sáng, tâm lìa thù miên, được thanh tịnh. Đoạn trừ trạo cử, hối, không hành trạo cử, hối, nội tâm tĩnh lặng, lìa trạo cử, hối, được thanh tịnh. Đoạn trừ nghi, không có hành nghi, một định pháp thiện, tâm lìa nghi được thanh tịnh.

Như Tỳ-kheo đoạn trừ năm cái, là thứ cấu uế tổn hại của tâm, được trí chánh niệm thở ra, chánh niệm thở vào. Như Tỳ-kheo thở ra dài nhận biết hơi thở ra dài, thở vào dài nhận biết hơi thở vào dài, thở ra ngắn nhận biết hơi thở ra ngắn, thở vào ngắn nhận biết hơi thở vào ngắn.

Học tất cả thân, nhận biết hơi thở vào. Học tất cả thân, nhận biết hơi thở ra. Học trừ hơi thở ra là hành của thân. Học trừ hơi thở vào là hành của thân. Học hỷ nhận biết hơi thở ra. Học hỷ nhận biết hơi thở vào. Học lạc nhận biết hơi thở ra. Học lạc nhận biết hơi thở vào.

Học hành tâm nhận biết hơi thở ra. Học hành tâm nhận biết hơi thở vào. Học trừ hành tâm nhận biết hơi thở ra. Học trừ hành tâm nhận biết hơi thở vào. Học tâm nhận biết hơi thở ra. Học tâm nhận biết hơi thở vào.

Học tâm hài lòng hơi thở ra. Học tâm hài lòng hơi thở vào. Học hơi thở ra của tâm định. Học hơi thở vào của tâm định. Học hơi thở ra của tâm giải thoát. Học hơi thở vào của tâm giải thoát. Học hơi thở ra của quán vô thường. Học hơi thở vào của quán vô thường. Học hơi thở ra của quán lìa dục.

Học hơi thở vào của quán lìa dục. Học hơi thở ra của quán diệt. Học hơi thở vào của quán diệt. Học hơi thở ra của quán xuất thế. Học hơi thở vào của quán xuất thế.

Hỏi: Thế nào là chánh niệm về hơi thở ra, chánh niệm về hơi thở vào?

Đáp: Nếu chánh tri hơi thở ra, chánh tri hơi thở vào, chánh tri hơi thở ra, chánh tri hơi thở vào xong, đó gọi là chánh niệm về hơi thở ra, chánh niệm về hơi thở vào. Chuyên niệm hơi thở ra của thân, chuyên niệm hơi thở vào của thân, chuyên niệm hơi thở ra của thân, chuyên niệm hơi thở vào của thân xong, đó gọi là chánh niệm về hơi thở ra, chánh niệm về hơi thở vào.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo, hơi thở ra dài nhận biết thở ra dài, hơi thở vào dài nhận biết hơi thở vào dài?

Đáp: Như Tỳ-kheo tư duy về pháp sinh trưởng hơi thở ra, hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy về pháp không sinh trưởng hơi thở ra, hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu pháp là hơn, không phải là hơn, có thể sinh trưởng hơi thở ra, hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Tỳ-kheo tư duy về pháp sinh trưởng, nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo

tư duy hành giải. Hoặc tư duy về pháp không sinh trưởng nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu pháp là hơn, không phải là hơn, có thể sinh trưởng, nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào thì khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Như Tỳ-kheo tư duy về pháp sinh trưởng, tư duy về pháp hơi thở ra, hơi thở vào, nếu không sinh thì không tư duy pháp ấy, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Tỳ-kheo tư duy về pháp sinh trưởng hơi thở ra, hơi thở vào, nhận biết pháp tư duy, nếu không sinh thì không tư duy pháp kia, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Tỳ-kheo tư duy nên được pháp tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Hơi thở ra, hơi thở vào dài và nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào dài, được tâm vui mừng, đó gọi là Tỳ-kheo hơi thở ra dài nhận biết hơi thở ra dài, hơi thở vào dài nhận biết hơi thở vào dài.

Hỏi: Thế nào là hơi thở ra, hơi thở vào dài?

Đáp: Nếu có vô lượng hơi thở ra, vô lượng hơi thở vào, có vô lượng hơi thở ra, vô lượng hơi thở vào xong, thế nên nói là hơi thở ra dài, hơi thở vào dài. Do hơi thở ra không nhanh, hơi thở vào không nhanh, hơi thở ra không chóng, hơi thở vào không chóng xong, thế nên nói là hơi thở ra dài, hơi thở vào dài. Hơi thở ra, hơi thở vào không nhanh chóng liên tục, vì hơi thở ra, hơi thở vào không nhanh chóng liên tục xong, thế nên nói là hơi thở ra, hơi thở vào dài. Thân không dốc sức thở ra, thân không dốc sức thở vào, vì thân không dốc sức thở ra, thân không dốc sức thở vào xong, thế nên nói là hơi thở ra, hơi thở vào dài. Không nổi tiếp hơi thở ra, hơi thở vào, vì không nổi tiếp hơi thở ra, hơi thở vào xong, thế nên nói là hơi thở ra, hơi thở vào dài. Đó gọi là hơi thở ra, hơi thở vào dài.

Hỏi: Thế nào là hơi thở ra ngắn nhận biết hơi thở ra ngắn, hơi thở vào ngắn nhận biết hơi thở vào ngắn?

Đáp: Như Tỳ-kheo tư duy về pháp sinh hơi thở ra, hơi thở vào ngấn, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy về pháp không sinh hơi thở ra, hơi thở vào ngấn, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu pháp là hơn, không phải là hơn, có thể sinh hơi thở ra, hơi thở vào ngấn tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy về pháp sinh nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào ngấn, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy về pháp không sinh nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào ngấn, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu pháp là hơn không phải là hơn, có thể sinh nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào ngấn, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy về pháp, tư duy pháp sinh hơi thở ra, hơi thở vào ngấn. Nếu không sinh thì không tư duy pháp, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Như Tỳ-kheo tư duy pháp, tư duy pháp sinh nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào ngấn. Nếu không sinh thì không tư duy pháp, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Tỳ-kheo không tư duy pháp không nên tu, nhưng tư duy pháp nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Hơi thở ra, hơi thở vào ngấn, nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào ngấn, được vui mừng, đó gọi là hơi thở ra ngấn nhận biết hơi thở ra ngấn, hơi thở vào ngấn nhận biết hơi thở vào ngấn.

Hỏi: Thế nào là hơi thở ra, hơi thở vào ngấn?

Đáp: Hơi thở ra có lượng, hơi thở vào có lượng, vì hơi thở ra có lượng, hơi thở vào có lượng xong, thế nên nói là hơi thở ra, hơi thở vào ngấn. Do hơi thở ra nhanh chóng, hơi thở vào nhanh chóng xong, thế nên nói là hơi thở ra, hơi thở vào ngấn. Do hơi thở ra nhanh chóng liên tiếp, hơi thở vào nhanh chóng liên tiếp xong, thế nên nói là hơi thở ra, hơi thở vào ngấn. Thân cố sức thở ra, thở vào, thân cố sức thở ra, thở vào xong, thế nên nói là hơi thở ra, hơi thở vào ngấn.

Hơi thở ra nối tiếp với hơi thở vào, vì hơi thở ra nối tiếp với hơi thở vào xong, thế nên nói là hơi thở ra, hơi thở vào ngắt. Không thân trừ hơi thở ra, hơi thở vào, vì không thân trừ hơi thở ra, hơi thở vào xong, thế nên nói là hơi thở ra, hơi thở vào ngắt. Đó gọi là hơi thở ra, hơi thở vào ngắt.

Hỏi: Thế nào là học nhận biết hơi thở ra của tất cả thân, học nhận biết hơi thở vào của tất cả thân?

Đáp: Như Tỳ-kheo lấy hơi thở làm đầy tất cả thân xong thì thở ra. Nếu bên trong của tất cả thân trống rỗng thì thở vào, như thợ khéo thổi bong bóng, học trò của thợ thổi bong bóng, thổi cho bong bóng căng đầy xong, đặt lên bàn, khiến hơi xì ra. Nếu bong bóng đã trống rỗng rồi, trở lại mở miệng bong bóng ra, thổi không khí vào cho đầy.

Tỳ-kheo như thế khiến cho hơi thở đầy trong tất cả thân xong, rồi thở ra. Nếu bên trong tất cả thân trống rỗng xong, thì thở vào. Nếu tư duy pháp, tất cả thân sinh hơi thở ra, hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải, hoặc tư duy pháp không sinh hơi thở ra, hơi thở vào trong tất cả thân, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu pháp là hơn, không phải là hơn, có thể sinh hơi thở ra, hơi thở vào trong tất cả thân, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Như Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào trong tất cả thân, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp, không sinh nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào trong tất cả thân, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu pháp là hơn, không phải là hơn, có thể sinh nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào trong tất cả thân, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Như Tỳ-kheo tư duy pháp, tư duy pháp sinh hơi thở ra, hơi thở vào trong tất cả thân, nếu không sinh thì không tư duy pháp, tức thân

cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy, nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào trong tất cả thân. Nếu không sinh thì không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp nên tu, không tư duy pháp không nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Hơi thở ra, hơi thở vào trong tất cả thân cùng nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào trong tất cả thân, được vui mừng, đó gọi là học nhận biết hơi thở ra của tất cả thân, học nhận biết hơi thở vào của tất cả thân.

Hỏi: Thế nào là học trừ hơi thở ra của hành thân, học trừ hơi thở vào của hành thân?

Đáp: Hành thân nghĩa là hơi thở ra, hơi thở vào có thô, có tế.

Hỏi: Thế nào là hành thân thô?

Đáp: Nếu trạo cử khởi động, đó gọi là hành thân thô.

Hỏi: Thế nào là hành thân tế?

Đáp: Nếu tĩnh lặng, đó gọi là hành thân tế.

Như Tỳ-kheo dùng hành thân tế để điều phục hành thân thô, giáng xuống, vượt hơn, trừ xuất, như thợ khéo, học trò của thợ khéo, dùng vật nhỏ lấy ra vật lớn.

Như thế, Tỳ-kheo dùng hành của thân tế để điều phục hành của thân thô, như người chạy nhanh, tự tư duy: “Vì lý do gì ta chạy? Ta nên đi thông thả”, bèn đi thông thả. Người này lại suy nghĩ: “Vì lẽ gì ta đi thông thả? Ta cần phải đứng lại”, bèn đứng lại. Người này lại tư duy: “Vì sao ta đứng? Ta nên ngồi”, bèn ngồi. Người này lại tư duy: “Vì sao ta lại ngồi? Ta nên nằm”, bèn nằm xuống. Người này như thế là trừ hành thân thô, thân cận với hành thân tế.

Tỳ-kheo như thế trừ bỏ hành thân thô, thân cận với hành thân tế. Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh hành thân thô, khéo nhận lấy pháp

tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hành thân thô, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hành thân thô, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh hành thân tế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hành thân tế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hành của thân tế, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Nếu Tỳ-kheo tư duy pháp, trừ bỏ hành thân thô, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không trừ bỏ hành thân thô, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu pháp hơn, không phải hơn, có thể trừ bỏ hành thân thô, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh hơi thở ra, hơi thở vào, trừ bỏ hành thân, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hơi thở ra, hơi thở vào, trừ bỏ hành thân, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hơi thở ra, hơi thở vào, trừ bỏ hành thân, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào, trừ bỏ hành thân, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào, trừ bỏ hành thân, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào, trừ bỏ hành thân, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, không tư duy pháp sinh hành thân thô, nếu pháp tư duy không sinh, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh, tư duy về pháp kia của hành thân tế, nếu không sinh thì không tư duy pháp kia, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, trừ pháp tư duy của hành thân thô, nếu không trừ, không tư duy pháp, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy hơi thở ra, hơi thở vào, trừ hành thân, nếu không sinh thì không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào trừ hành thân, nếu không sinh thì không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo không tư duy pháp không nên tu, tức tư duy pháp nên tu, nên thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn, trừ bỏ hơi thở ra hơi thở vào nơi hành thân, cùng nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, trừ bỏ hành thân, được vui mừng. Đó gọi là học trừ bỏ hơi thở ra, hơi thở vào của hành thân.

Hỏi: Thế nào là học hỷ nhận biết hơi thở ra, học hỷ nhận biết hơi thở vào? Thế nào là hỷ?

Đáp: Nếu tâm hoan hỷ phần khích, đó gọi là hỷ. Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hỷ, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hỷ, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn có thể sinh hỷ, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hỷ, khéo nhận lấy pháp tướng của hơi thở ra, hơi thở vào, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hỷ, khéo nhận lấy pháp tướng của hơi thở ra, hơi thở vào, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hỷ,

tức khéo nhận lấy pháp tướng của hơi thở ra hơi thở vào, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hỷ, nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hỷ, nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hỷ, nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hỷ, tư duy pháp nếu không sinh thì không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hỷ, tư duy pháp của hơi thở ra, hơi thở vào, nếu không sinh thì không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hỷ, tư duy pháp, nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, nếu không sinh thì không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp nên tu, không tư duy pháp không nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn, mừng hơi thở ra, hơi thở vào, cùng mừng vì nhận biết hơi thở ra, hơi thở vào được vui mừng, vừa ý. Đó gọi là học hỷ nhận biết hơi thở ra, học hỷ nhận biết hơi thở vào.

Hỏi: Thế nào là học lạc nhận biết hơi thở ra, học lạc nhận biết hơi thở vào? Thế nào là lạc?

Đáp: Nếu tâm chịu nhận lấy vui, ý xúc lạc thọ, đó gọi là lạc. Như Tỳ-kheo tư duy pháp sinh lạc, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh lạc, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải

hơn, có thể sinh an lạc, thì khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh lạc, khéo nhận lấy pháp tướng của hơi thở ra hơi thở vào, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh lạc, khéo nhận lấy pháp tướng của hơi thở ra, hơi thở vào, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh lạc, thì khéo nhận lấy pháp tướng của hơi thở ra, hơi thở vào, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh lạc, nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh lạc, nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh lạc, nhận biết hơi thở ra hơi thở vào thì khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh lạc, tư duy pháp của hơi thở ra hơi thở vào. Nếu không sinh thì không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh an lạc, tư duy pháp của hơi thở ra hơi thở vào. Nếu không sinh thì không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh an lạc, nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, tư duy pháp ấy, nếu không sinh thì không tư duy pháp, nên thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp nên tu, không tư duy pháp không nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn, hơi thở ra hơi thở vào của lạc cùng nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của lạc, được vui mừng, hợp ý, đó gọi là học lạc nhận biết hơi thở ra, học lạc nhận biết hơi thở vào.

Hỏi: Thế nào là học nhận biết hơi thở ra của hành tâm, học nhận biết hơi thở vào của hành tâm?

Đáp: Hành tâm nghĩa là tướng tư có thô, tế.

Hỏi: Thế nào là hành tâm thô?

Đáp: Nếu hành tâm là trạo cử khởi động, đó gọi là hành tâm thô.

Hỏi: Thế nào là hành tâm tế?

Đáp: Nếu hành tâm tĩnh lặng, đó gọi là hành tâm tế.

Như Tỳ-kheo có hành tâm thô, hành tâm tế, dùng hành tâm tế để điều phục hành tâm thô, giáng xuống, vượt hơn, trừ ra, như thợ khéo, học trò của thợ khéo, dùng vật nhỏ để lấy lớn. Như thế là Tỳ-kheo dùng hành tâm tế để điều phục hành tâm thô.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hành tâm thô, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hành tâm thô, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hành tâm thô, thì khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hành tâm tế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hành tâm tế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hành tâm tế, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hành tâm, khéo nhận lấy pháp tướng của hơi thở ra hơi thở vào, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hành tâm, khéo nhận lấy pháp tướng của hơi thở ra hơi thở vào, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hành tâm, nên khéo nhận lấy pháp tướng của hơi thở ra hơi thở vào, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hành tâm, nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng của hành tâm kia, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hành tâm, nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hành tâm, nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp không tư duy pháp sinh hành tâm thô. Nếu không sinh tư duy thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, pháp tư duy sinh hành tâm tế. Nếu không sinh, không tư duy pháp, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh hành tâm, tư duy pháp nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, nếu không sinh, không tư duy pháp, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo không tư duy pháp không nên tu, tức tư duy pháp nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm cùng nhận biết rõ hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm, được vui mừng, hợp ý. Đó gọi là học nhận biết hơi thở ra của hành tâm, học nhận biết hơi thở vào của hành tâm.

HẾT - QUYỂN 28

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 29

Phẩm thứ 10: ĐỊNH CỦA PHẦN ĐẦU MỖI, phần 2

Hỏi: Thế nào là học trừ hơi thở ra của hành tâm, học trừ hơi thở vào của hành tâm?

Đáp: Hành tâm nghĩa là tướng, tư có thô, tế.

Hỏi: Thế nào là hành tâm thô, hành tâm tế?

Đáp: Nếu là trao cử khởi động, đó gọi là hành tâm thô. Nếu hành tâm tĩnh lặng, đó gọi là hành tâm tế.

Như Tỳ-kheo dùng hành tâm tế nhằm điều phục hành tâm thô: hạ thấp xuống, vượt lên, trừ ra, như thợ khéo, học trò của thợ khéo, dùng vật nhỏ để lấy ra vật lớn. Như thế Tỳ-kheo dùng hành tâm tế điều phục hành tâm thô. Như người chạy nhanh khắp, tự suy nghĩ: “Vì lẽ gì ta chạy? Ta nên đi thong thả”, bèn đi thong thả. Tự tư duy: “Vì sao ta đi thong thả? Ta nên đứng lại”, bèn đứng lại. Tự tư duy: “Tại sao ta đứng? Ta nên ngồi”, bèn ngồi. Tự tư duy: “Vì sao ta ngồi? Ta nên nằm”, bèn nằm. Như thế, trừ hành tâm thô, thân cận hành tâm tế. Tỳ-kheo như thế là trừ bỏ hành tâm thô, thân cận hành tâm tế. Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hành tâm thô, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hành tâm thô, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không

phải hơn, có thể sinh hành tâm thô, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hành tâm tế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hành tâm tế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hành tâm tế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp trừ hành tâm thô, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không trừ hành tâm thô, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh, nhận biết trừ hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh trừ hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh trừ hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh, nhận biết trừ hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh nhận biết trừ hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh nhận biết trừ hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, không tư duy pháp sinh hành tâm thô, nếu không sinh pháp tư duy thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, tư duy pháp sinh hành tâm tế, nếu không sinh pháp không tư duy thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, trừ pháp tư duy của hành tâm thô, nếu không trừ pháp không tư duy, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy, trừ hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm. Nếu không sinh, không tư duy pháp, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy nhận biết trừ hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm. Nếu không sinh pháp tư duy, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo không tư duy pháp không nên tu, tức tư duy pháp nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn, trừ hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm cùng trừ nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của hành tâm, được vui mừng, vừa ý. Đó gọi là học trừ hơi thở ra của hành tâm, học trừ hơi thở vào của hành tâm.

Hỏi: Thế nào là học nhận biết hơi thở ra của tâm, học nhận biết hơi thở vào của tâm?

Đáp: Tâm nghĩa là tâm ý thức. Sáu thức thân, bảy thức giới, đó gọi là tâm. Tâm ấy có thiện, bất thiện.

Như Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh tâm bất thiện, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp, không sinh tâm bất thiện, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh tâm bất thiện, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh tâm thiện, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh tâm thiện, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh tâm thiện, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp, không sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp, không sinh ra nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp không tư duy tâm bất thiện, nếu không sinh pháp không tư duy, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy tâm thiện, nếu không sinh pháp không tư duy, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy hơi thở ra hơi thở vào của tâm, nếu không sinh pháp không tư duy, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm, nếu không sinh pháp không tư duy, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo không tư duy pháp không nên tu, tức tư duy pháp nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Hơi thở ra hơi thở vào của tâm và nhận biết hơi thở ra hơi thở vào, được vui mừng, vừa ý. Đó gọi là học nhận biết hơi thở ra của tâm, học nhận biết hơi thở vào của tâm.

Hỏi: Thế nào là học hơi thở ra của tâm vui thích, học hơi thở vào của tâm vui thích?

Đáp: Tâm vui thích nghĩa là vui vẻ vừa ý, lại vui vẻ vừa ý, hoàn toàn vui thích, song không phải là hỷ. đó gọi là tâm vui thích.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh vui thích, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh vui thích, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh vui thích, thì khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh tâm thích thú, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh tâm vui thích, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh tâm vui thích, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm vui thích, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm vui thích, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm vui thích, thì khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo này, nếu tư duy pháp, sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm vui thích, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm vui thích, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm vui thích, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy của tâm vui thích. Nếu không sinh pháp không tư duy, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh pháp tư duy hơi thở ra hơi thở vào của tâm vui thích. Nếu không sinh pháp không tư duy, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh pháp tư duy nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm vui thích. Nếu không sinh, không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp nên tu, không tư duy pháp không nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Hơi thở ra hơi thở vào của tâm vui thích cùng nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm vui thích, được vui mừng, vừa ý, đó gọi là học hơi thở ra của tâm vui thích, học hơi thở vào của tâm vui thích.

Hỏi: Thế nào là học hơi thở ra của tâm định, học hơi thở vào của tâm định?

Đáp: Định nghĩa là tâm trụ, đang trụ, đó gọi là định. Như Tỳ-kheo tư duy pháp sinh tâm định, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh tâm định, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh tâm định, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm định, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm định, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm định, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm định, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm định, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu

là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm định, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy của tâm định. Nếu không sinh, không tư duy pháp, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy hơi thở ra hơi thở vào của tâm định. Nếu không sinh, không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm định. Nếu không sinh, không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm định, Nếu không sinh, không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp nên tu, không tư duy pháp không nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn, hơi thở ra hơi thở vào của tâm định cùng nhận biết rõ hơi thở ra hơi thở vào của tâm định, được vui mừng, vừa ý, đó gọi là học hơi thở ra của tâm định, học hơi thở vào của tâm định.

Hỏi: Thế nào là học hơi thở ra của tâm giải thoát, học hơi thở vào của tâm giải thoát?

Đáp: Giải thoát nghĩa là tâm hướng đến pháp giải thoát kia, tôn thượng pháp giải thoát kia, dốc hướng tới nẻo giải thoát kia. Do pháp kia nên giải thoát, đó gọi là giải thoát.

Như Tỳ-kheo tư duy pháp sinh giải thoát, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh tâm giải thoát, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp

hơn, không phải hơn, có thể sinh tâm giải thoát, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh tâm giải thoát, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh tâm giải thoát, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh tâm giải thoát, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm giải thoát, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm giải thoát, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hơi thở ra hơi thở vào của tâm giải thoát, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm giải thoát, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm giải thoát, khéo nhận lấy pháp tướng khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm giải thoát, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy của tâm giải thoát, nếu không sinh, không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy hơi thở ra hơi thở vào của tâm giải thoát, nếu không sinh, không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của tâm giải thoát, nếu không sinh, không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp nên tu, không tư duy pháp không nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn, hơi thở ra hơi thở vào của tâm giải thoát cùng nhận biết rõ hơi thở ra hơi thở vào của tâm giải thoát, được vui mừng, vừa ý. Đó gọi là học hơi thở ra của tâm giải thoát, học hơi thở vào của tâm giải thoát.

Hỏi: Thế nào là học hơi thở ra của quán vô thường, học hơi thở vào của quán vô thường? Thế nào là tưởng vô thường?

Đáp: Như Tỳ-kheo hoặc ngồi chỗ trống trải ở bên cội cây, tư duy như thế này: Sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng vô thường.

Hỏi: Thế nào là quán?

Đáp: Người như thật nếu quán, chánh quán, quán vi tế, phân biệt giải thoát, đó gọi là quán.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh tưởng vô thường, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh tưởng vô thường, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh tưởng vô thường, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh tưởng vô thường, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh tưởng vô thường, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh quán vô thường, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh hơi thở ra hơi thở vào của quán vô thường, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hơi thở ra hơi thở vào của quán vô thường, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hơi thở ra hơi thở vào của quán vô thường, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán vô thường, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán vô thường, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán vô thường, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh tướng vô thường. Nếu pháp tư duy không sinh quán vô thường, nếu không sinh pháp tư duy, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy sinh quán vô thường, nếu không sinh pháp tư duy, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy sinh pháp tư duy của quán vô thường, nếu không sinh, không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy nhận biết rõ hơi thở ra hơi thở vào của quán vô thường, nếu không sinh, không tư duy, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp nên tu, không tư duy pháp không nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Hơi thở ra hơi thở vào của quán vô thường, nhận biết rõ hơi thở ra hơi thở vào của quán vô thường, được vui mừng, vừa ý. Đó gọi là học hơi thở ra của quán vô thường, học hơi thở vào của quán vô thường.

Hỏi: Thế nào là học hơi thở ra của quán lìa dục, học hơi thở vào của quán lìa dục? Thế nào là tướng lìa dục?

Đáp: Như Tỳ-kheo hoặc ở bên cội cây, nơi trồng trái, tư duy: Nếu lìa dục hết ái, tức là sự tĩnh lặng thảnh thơi của Niết-bàn. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng lìa dục.

Hỏi: Thế nào là quán?

Đáp: Người như thật, nếu quán, chánh quán, quán vi tế, phân biệt giải thoát, đó gọi là quán.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh tướng lìa dục, đạt Niết-bàn, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh tướng lìa dục, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh tướng lìa dục, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh quán lìa dục, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh quán lìa dục, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh quán lìa dục, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh hơi thở ra hơi thở vào của quán lìa dục, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hơi thở ra hơi thở vào của quán lìa dục, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hơi thở ra hơi thở vào của quán lìa dục, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán lìa dục, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán lìa dục, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh nhận biết của hơi thở ra hơi thở vào của quán lìa dục, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy của tướng lìa dục, nếu không sinh, không tư duy pháp, tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy của quán lià dục, nếu không sinh, không tư duy pháp tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy hơi thở ra hơi thở vào của quán lià dục, nếu không sinh, không tư duy pháp tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán lià dục. Nếu không sinh, không tư duy pháp tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp nên tu, không tư duy pháp không nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Hơi thở ra hơi thở vào của quán lià dục cùng nhận biết rõ hơi thở ra hơi thở vào của quán lià dục, được vui mừng, vừa ý. Đó gọi là học hơi thở ra của quán lià dục, học hơi thở vào của quán lià dục.

Hỏi: Thế nào là học hơi thở ra của quán diệt, học hơi thở vào của quán diệt? Thế nào là tưởng diệt?

Đáp: Như Tỳ-kheo hoặc ngồi nơi chỗ trống trải ở bên cội cây, tư duy như thế này: Nếu ái hết tức đạt Niết-bàn tĩnh lặng thắng diệu. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng diệt.

Hỏi: Thế nào là quán?

Đáp: Người như thật nếu quán, chánh giác, quán vi tế, phân biệt giải thoát, đó gọi là quán.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh tưởng diệt, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh tưởng diệt, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh tưởng diệt, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh quán diệt, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh quán diệt, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh quán diệt, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp sinh hơi thở ra hơi thở vào của quán diệt, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hơi thở ra hơi thở vào của quán diệt, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hơi thở ra hơi thở vào của quán diệt, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán diệt, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán diệt, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán diệt, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy của tướng diệt, nếu không sinh, không tư duy pháp tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy của quán diệt, nếu không sinh, không tư duy pháp tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy hơi thở ra hơi thở vào của quán diệt, nếu không sinh, không tư duy pháp tức thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp nên tu, không tư duy pháp nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Hơi thở ra hơi thở vào của quán diệt cùng nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán diệt,

được vui mừng, vừa ý. Đó gọi là học hơi thở ra của quán diệt, học hơi thở vào của quán diệt.

Hỏi: Thế nào là học hơi thở ra của quán xuất thế, học hơi thở vào của quán xuất thế? Thế nào là tướng xuất thế?

Đáp: Như Tỳ-kheo hoặc ngồi ở chỗ trống bên cội cây, tư duy như thế này: Bỏ hết sạch tất cả dòng ái, là sự tĩnh lặng, thảnh diêu của Niết-bàn. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng xuất thế.

Hỏi: Thế nào là quán?

Đáp: Người như thật nếu quán, chánh quán, quán vi tế, phân biệt giải thoát, đó gọi là quán.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh tướng xuất thế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp, không sinh tướng xuất thế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh tướng xuất thế, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh quán xuất thế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp không sinh hơi thở ra hơi thở vào của quán xuất thế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh hơi thở ra hơi thở vào của quán xuất thế, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán xuất thế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Hoặc tư duy pháp, không sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán xuất thế, khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải. Nếu là pháp hơn, không phải hơn, có thể sinh nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán xuất thế, tức khéo nhận lấy pháp tướng, khéo tư duy hành giải.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh tư duy của tướng xuất thế, nếu không sinh, không tư duy, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy của quán xuất thế, nếu không sinh, không tư duy pháp, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy hơi thở ra hơi thở vào của quán xuất thế, nếu không sinh, không tư duy pháp, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp, sinh pháp tư duy nhận biết hơi thở ra hơi thở vào của quán xuất thế, nếu không sinh, không tư duy pháp, thì thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn.

Tỳ-kheo tư duy pháp nên tu, không tư duy pháp không nên tu, thân cận pháp hơn, không thân cận pháp không hơn. Hơi thở ra hơi thở vào của quán xuất thế cùng nhận biết rõ hơi thở ra hơi thở vào của quán xuất thế, được vui mừng, vừa ý. Đó gọi là học hơi thở ra của quán xuất thế, học hơi thở vào của quán xuất thế.

Như thế gọi là định của hơi thở ra hơi thở vào nơi niệm chung.

Hỏi: Thế nào là hơi thở ra hơi thở vào của niệm chung?

Đáp: Ra nghĩa là hơi thở ra, vào nghĩa là hơi thở vào. Nếu dùng hơi thở ra làm cảnh giới để niệm, hoặc lấy hơi thở vào làm cảnh giới để niệm, thì định cùng trụ, cùng diệt. Nếu có buộc niệm nơi hơi thở ra, buộc niệm nơi hơi thở vào, thì tâm được trụ chung, đó gọi là hơi thở ra hơi thở vào của niệm chung.

Hỏi: Thế nào là định của tướng bất tịnh chung?

Đáp: Như Tỳ-kheo quan sát thân mình từ đầu đến chân, từ chân đến đầu, cho đến ngoài da đều là bất tịnh. Nghĩa là xương, răng, móng, tóc, da mỏng, da dày, máu, thịt, gân, mạch, lá lách,

thận, tim, phổi, đại tiểu tiện lợi, nước mắt, mũi dãi, mủ máu, mỡ lá, cao, não, mô, mồ hôi, tủy xương. Như người mắt sáng xem thấy trong kho lẫm: lúa, hồ ma, lúa mì, đậu, mỗi mỗi thứ đều dị biệt. Như thế, Tỳ-kheo quán thân mình từ đầu đến chân đều là bất tịnh. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng bất tịnh. Nếu định nơi tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là định của tưởng bất tịnh chung.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy về xương, nhận biết xương, hành giải xương, thọ nhận xương, cho đến tư duy về nước mắt, mồ hôi, nhận biết nước mắt, mồ hôi, hành giải nước mắt, mồ hôi, thọ nhận nước mắt, mồ hôi. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là định của tưởng bất tịnh chung.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân bốn đại: Thân này có địa đại, thủy, hỏa, phong đại. Như đồ tể giết bò, học trò của đồ tể giết bò, giết xẻ bỏ làm bốn phần, hoặc ngồi, hoặc đứng, quán bốn phần này. Như thế, Tỳ-kheo quán thân bốn đại có địa đại, thủy, hỏa, phong đại. Quán các đại này thấy đều trái nhau. Các đại của thân này đều dựa vào các đại bên ngoài: ăn uống, nuôi lớn, gây yếu, không vững chắc, niệm niệm đều mòn diệt, tạm dừng không lâu. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, cho đến... đó gọi là định của tưởng bất tịnh chung.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đều không, cùng là không, do niệm, hành giải nhận biết khắp, cũng như lau trúc đều không, cùng là không, do niệm hành giải nhận biết khắp. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, cho đến... đó gọi là định của tưởng bất tịnh chung.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như ung nhọt, thân có chín cửa dịch lậu của nhọt, ghẻ, dịch lậu đã chảy ra, đều là dịch lậu bất tịnh. Thai này, bắt đầu là mô, là hư hoại, là xú uế, là chất lỏng rò rỉ đáng ghét. Hết thấy các cửa nơi thân như mắt, tai, mũi, miệng, hai xứ xuất sinh tiện lợi đều luôn chảy ra, thải ra dịch lậu bất tịnh. Cho đến, như Tôn giả Ma ha Ca-diếp nói: Thân bốn đại là sự suy yếu, hao tổn, dịch

lậu luôn chống trái nhau, là chỗ nương dựa, là chôn cư trú của các thứ bệnh, các thứ khổ. Người yêu mến, gìn giữ thân, như yêu mến, gìn giữ tử thi, thọ mạng ngắn ngủi. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, cho đến... đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo thấy tử thi bị đem bỏ trong vùng gò mả, hoặc từ một ngày đến ba ngày. Quán tự thân là pháp như thế, là tướng như thế, chưa lìa khỏi pháp ấy. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, cho đến... đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo trông thấy tử thi bị đem bỏ trong vùng gò mả, hoặc một ngày, hai ngày, đã sinh trương, xanh bầm. Quán tự thân là pháp như thế, là tướng như thế, chưa lìa khỏi pháp ấy. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, cho đến... đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo trông thấy tử thi bị đem bỏ trong vùng gò mả, hoặc một ngày đến ba ngày, bị quạ, chim, cọp, sói v.v... từng ấy các thú đã cắn xé ăn nuốt. Quán tự thân là pháp như thế, tướng như thế, chưa lìa khỏi pháp ấy. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, cho đến... đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo nhìn thấy tử thi có những đốt xương dính liền nhau, với màu xanh, đỏ rữa nát, mủ máu bất tịnh, cấu uế đáng gớm. Quán tự thân là pháp như thế, là tướng như thế, chưa lìa khỏi pháp ấy. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, cho đến... đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo nhìn thấy tử thi có các đốt xương còn liền nhau, máu thịt đã rã rời, gân mạch chưa đứt. Quán tự thân là pháp như thế, là tướng như thế, chưa lìa khỏi pháp ấy. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, cho đến... đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo nhìn thấy tử thi có các đốt xương đã hoại, nhưng chưa rời chỗ cũ. Quán tự thân là pháp như thế, là tướng như

thế, chưa lia khỏi pháp ấy. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, cho đến... đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo trông thấy các đốt xương của tử thi đã hư nát, lia vị trí cũ, bắp tay, bắp vế, gót chân, bắp đùi, xương sống, hông, xương sườn, tay, chân, vai, cánh tay, cổ, sọ, mỗi mỗi chi phần đều ở các vị trí khác. Quán tự thân là pháp như thế, là tướng như thế, chưa lia khỏi pháp ấy. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, cho đến... đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo nhìn thấy các đốt xương của tử thi, vì đã lâu nên có màu trắng như vỏ sò, sắc xanh như chim bồ câu, hư rã. Quán tự thân là pháp như thế, là tướng như thế, chưa lia khỏi pháp ấy. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, cho đến... đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo nhìn thấy xương thịt sinh hoại bầm xanh, bên trên còn vương chút ít máu đỏ, rơi rớt ra ngoài. Như người thật nếu tướng, nhớ tướng, cho đến... đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhận biết xương, hành giải xương, thọ nhận xương, cho đến tư duy về tan hoại, nhận biết tan hoại, hành giải tan hoại, thọ nhận tan hoại. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, cho đến... đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Hỏi: Thế nào là định của tướng bất tịnh chung?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo quán tự thân từ đỉnh đầu đến chân, từ chân đến đỉnh đầu, cho tới lớp da đều là bất tịnh. Nghĩa là xương, răng, móng, tóc, da mỏng, da dày, cho đến nước mắt, mồ hôi, tủy xương. Như người mắt sáng xem trong kho lẫm có các thứ lúa, hồ ma, lúa mì, đậu, mỗi mỗi khác nhau. Như thế, Tỳ-kheo quán tự thân từ đầu đến chân đều là bất tịnh. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng bất tịnh. Dùng tướng này để điều phục tâm tu tập khiến được nhu hòa, khiến tâm định trụ, đó gọi là định của tướng bất tịnh chung.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân bốn đại, cho đến tư duy về xương, hành giải xương, thọ nhận xương, lại tư duy về tan hoại, nhận biết tan hoại, hành giải tan hoại, thọ nhận tan hoại. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng bất tịnh. Dùng tưởng này để điều phục tâm tu tập khiến được nhu hòa, tâm định trụ, chánh trụ, đó gọi là định của tưởng bất tịnh.

Hỏi: Thế nào là định nhập hỏa?

Đáp: Như Tỳ-kheo thọ nhận hỏa đại bên trong làm lửa, thọ nhận địa thủy phong đại bên trong làm củi. Tỳ-kheo dùng hỏa đại bên trong, địa thủy phong đại bên trong để tư duy về khói, nhận biết khói, hành giải khói, thọ nhận khói. Tư duy về ngọn lửa, nhận biết ngọn lửa, hành giải ngọn lửa, thọ nhận ngọn lửa. Tỳ-kheo quán không phóng dật như thế này: Ngọn lửa, khói, như đồng lửa lớn. Nếu tu định này xong, thấy rõ ngọn lửa, khói, như đồng lửa lớn, đó gọi là định nhập hỏa.

Lại nữa, Tỳ-kheo thọ nhận hỏa đại bên trong làm lửa, thọ nhận cỏ cây, nhánh lá của các địa thủy phong đại bên ngoài làm củi. Tỳ-kheo dùng hỏa đại bên trong, địa thủy phong đại bên ngoài như cỏ cây, nhánh lá để tư duy về khói, nhận biết khói, hành giải khói, thọ nhận khói, cho đến... đó gọi là định nhập hỏa.

Lại nữa, Tỳ-kheo thọ nhận hỏa đại bên trong làm lửa, thọ nhận cỏ cây, cành lá thuộc địa thủy phong đại bên trong ngoài làm củi. Tỳ-kheo dùng hỏa đại bên trong, cỏ cây, cành lá thuộc địa thủy phong đại bên trong ngoài để tư duy về khói, nhận biết khói, hành giải khói, thọ nhận khói, cho đến... đó gọi là định nhập hỏa.

Lại nữa, Tỳ-kheo thọ nhận hỏa đại bên ngoài làm lửa, thọ nhận địa thủy phong đại bên trong làm củi. Tỳ-kheo dùng hỏa đại bên ngoài, địa thủy phong đại bên trong để tư duy về khói, nhận biết khói, hành giải khói, thọ nhận khói, cho đến... đó gọi là định nhập hỏa.

Lại nữa, Tỳ-kheo thọ nhận hỏa đại bên ngoài làm lửa, thọ nhận cỏ cây, cành lá thuộc địa thủy phong đại bên ngoài làm củi. Tỳ-kheo dùng hỏa đại bên ngoài, cỏ cây, cành lá thuộc địa thủy phong đại bên ngoài để tư duy về khói, nhận biết khói, hành giải khói, thọ nhận khói, cho đến... đó gọi là định nhập hỏa.

Lại nữa, Tỳ-kheo thọ nhận hỏa đại bên ngoài làm lửa, thọ nhận cỏ cây, cành lá thuộc địa thủy phong đại bên trong ngoài làm củi. Tỳ-kheo dùng hỏa đại bên ngoài, cỏ cây, cành lá thuộc địa thủy phong đại bên trong ngoài để tư duy về khói, nhận biết khói, hành giải khói, thọ nhận khói, cho đến... đó gọi là định nhập hỏa.

Lại nữa, Tỳ-kheo thọ nhận hỏa đại bên trong ngoài làm lửa, thọ nhận địa thủy phong đại bên trong làm củi. Tỳ-kheo dùng hỏa đại trong ngoài, địa thủy phong đại bên trong để tư duy về khói, nhận biết khói, hành giải khói, thọ nhận khói, cho đến... đó gọi là định nhập hỏa.

Lại nữa, Tỳ-kheo thọ nhận hỏa đại bên trong ngoài làm lửa, thọ nhận cỏ cây, cành lá thuộc địa thủy phong đại bên ngoài làm củi. Tỳ-kheo dùng hỏa đại bên trong ngoài, cỏ cây, cành lá thuộc địa thủy phong đại bên ngoài để tư duy về khói, nhận biết khói, hành giải khói, thọ nhận khói, cho đến... đó gọi là định nhập hỏa.

Lại nữa, Tỳ-kheo thọ nhận hỏa đại trong ngoài làm lửa, thọ nhận cỏ cây, cành lá thuộc địa thủy phong đại trong ngoài làm củi. Tỳ-kheo dùng hỏa đại trong ngoài, cỏ cây, cành lá thuộc địa thủy phong đại trong ngoài để tư duy về khói, nhận biết khói, hành giải khói, thọ nhận khói, cho đến... đó gọi là định nhập hỏa.

Hỏi: Thế nào là định của thân tức chứng biết chung?

Đáp: Dục, định, đoạn hành, thành tựu tu thân tức. Tinh tấn định, tâm định, tuệ định, đoạn hành thành tựu tu thân tức. Thọ nhận vô số thứ thân tức làm chấn động đại địa. Dùng một làm nhiều, dùng

nhiều làm một. Hoặc gần, hoặc xa, trên núi cao, xuyên suốt qua tường vách, không có ngăn ngại. Như đi trên hư không, ngòi kiết già, bay lên không trung như chim. Ra vào trong đất, như nổi chìm dưới nước, đi trong nước như đi trên đất liền. Thân phát ra ngọn lửa khói, như khối lửa lớn. Dùng tay sờ chạm mặt trời, mặt trăng đầy uy đức, cho đến thân Phạm thiên đều được tự tại.

Hỏi: Thế nào là định làm chấn động đại địa?

Đáp: Như Tỳ-kheo thọ nhận một ít tướng đất, thọ nhận vô lượng tướng nước, nếu muốn làm chấn động đại địa, động đang chấn động, như điều mong muốn, tùy theo nơi chốn mong muốn đều được như ý. Như thầy trò chuyên mua bã rượu, sau khi ép rượu xong, đựng vào túi ném trong bể nước lớn. Tay cầm hai quai túi nâng nhắc tùy ý, lôi kéo tự tại, như điều mong muốn tùy theo chỗ mong muốn đều được như ý. Như thế Tỳ-kheo nhận một ít tướng đất, nhận vô lượng tướng nước, như muốn làm chấn động đại địa, động đang chấn động, như điều mong muốn, tùy theo chỗ mong muốn đều được như ý. Đó gọi là định la2m chấn động đại địa.

Hỏi: Thế nào là định dùng một làm thành nhiều?

Đáp: Như Tỳ-kheo thân cận với định, tu học nhiều xong, đối với thân mình, khởi tâm hóa làm sắc thân khác, đầy đủ chi phần, các căn không thiếu. Như thợ gốm, đệ tử của thợ gốm, sửa sang hình thành, nhào nặn đất sét để nặn ra đủ các thứ đồ đựng, đều có thể thành, nên có thể được tài lợi. Như thế, Tỳ-kheo đối với thân mình, khởi tâm hóa làm sắc thân khác, đầy đủ chi phần, các căn không thiếu, tư duy như thế này: Sắc thân bốn đại này là sắc thân đã hóa ra. Sắc thân bốn đại khác, sắc thân được biến hóa khác. Đối với sắc thân bốn đại này, khởi tâm hóa làm sắc thân khác, đầy đủ chi phần, các căn không thiếu. Như người rút chiếc áo từ trong rương ra, tư duy như thế này: Đây là cái rương, đây là chiếc áo. Rương khác, áo khác, do rương nên rút ra áo. Như thế, Tỳ-kheo tư duy: Đây là sắc

thân bốn đại, đây là sắc thân được hóa ra, sắc thân bốn đại khác, sắc thân được biến hóa khác. Đối với sắc thân bốn đại này, khởi tâm biến hóa, hóa thành sắc thân khác, đầy đủ chi phần, các căn không thiếu. Nếu hóa thành hai thân, ba thân, cho đến hàng trăm thân, ngàn thân, tùy sự mong muốn, hóa làm vô số thứ thân. Đó gọi là định dùng một làm thành nhiều.

Hỏi: Thế nào là định dùng nhiều làm thành một?

Đáp: Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, dùng thần túc hóa ra vô lượng thân, trở lại thành một thân. Như người rải vô số hạt thóc giống xuống khắp đất, rồi gôm thâu trở lại thành một đồng. Như thế, Tỳ-kheo dùng thần túc hóa làm vô lượng thân, gôm thâu trở lại thành một thân. Đó gọi là định dùng nhiều làm thành một.

Hỏi: Thế nào là định xuyên suốt qua không có trở ngại?

Đáp: Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, hoặc gần, hoặc xa, nơi núi cao, tường vách, xuyên suốt qua không có trở ngại, như đi dạo trên hư không. Gần nghĩa là ánh sáng đến với mắt, hiện tại, trở về trước, không diệt, không mất, không trừ, không hết. Xa nghĩa là ánh sáng không đến với mắt, không hiện ở trước, diệt, mất, trừ hết. Núi có hai thứ: núi đất, núi đá, hang đầy cát đá, đó gọi là núi. Tường vách có hai thứ: tường vách gỗ, tường vách đất. Hoặc gần, hoặc xa, núi cao, tường vách, tư duy về hết thấy núi cao, tường vách đều là không. Như Tỳ-kheo đến chỗ gai gốc nơi bờ núi đất này, nơi sông sâu, âm u, hiểm trở, đều không tư duy, chỉ tư duy về bằng phẳng như đất liền, như trái rộng da bò, rồi đóng đinh căng khắp mặt đất thành bằng phẳng, không có nếp nhăn. Tỳ-kheo vì quán không phóng dật như thế, nên có thể xuyên suốt qua tường vách, núi cao, vật gần, vật xa không có trở ngại, như đi dạo trên hư không. Đó gọi là định xuyên suốt qua không có trở ngại.

Hỏi: Thế nào là định ngồi kiết già, bay trên hư không như chim?

Đáp: Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, có thể bay trên hư không, ngồi kiết già, đi dạo nơi phương đông, phương nam, tây, bắc, bốn hướng trên dưới, cũng như chim bay, rời khỏi mặt đất đến hư không. Như thế, Tỳ-kheo quán không phóng dật, nên ngồi kiết già, đi dạo trên không như chim. Đó gọi là định ngồi kiết già, bay trên không như chim.

Hỏi: Thế nào là định ra vào trong đất, như hiện ra, lặn mất dưới nước?

Đáp: Như Tỳ-kheo gần gũi định, tu học nhiều xong, có thể ra vào trong đất, như trời lên, lặn xuống trong nước. Tỳ-kheo tư duy: Đất làm nước, nhận biết nước, hành giải nước, thọ nhận nước. Như thế, Tỳ-kheo quán không phóng dật, nên có thể ra vào trong đất như ở nơi nước. Đó gọi là định ra vào trong đất như ở nơi nước.

Hỏi: Thế nào là định đi trên mặt nước như đi trên đất?

Đáp: Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, có thể đi trên mặt nước, như trên đất liền. Tỳ-kheo tư duy: Nước thành đất, nhận biết đất, hành giải đất, thọ nhận đất. Tỳ-kheo quán không phóng dật như thế, nên có thể đi trên mặt nước, như đi trên mặt đất. Đó gọi là định đi trên mặt nước như đi trên đất.

Hỏi: Thế nào là định thân phát ra lửa khói như đồng lửa lớn?

Đáp: Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, từ thân có thể phát ra lửa, khói, như đồng lửa lớn. Tỳ-kheo nhận hỏa đại bên trong làm lửa, địa thủy phong đại bên trong làm củi, dùng hỏa đại, địa thủy phong đại bên trong, tư duy phát ra khói, nhận biết khói, hành giải khói, thọ nhận khói, tư duy phát ra ngọn lửa, nhận biết lửa, hành giải lửa, thọ nhận lửa. Tỳ-kheo quán không phóng dật như thế, nên thân phát ra lửa, khói như đồng lửa lớn. Đó gọi là định thân phát ra lửa khói như đồng lửa lớn.

Hỏi: Thế nào là định đối với uy đức của mặt trời mặt trăng dùng tay sờ chạm?

Đáp: Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, đối với uy đức của mặt trời, mặt trăng có thể dùng tay sờ chạm. Tỳ-kheo tư duy về mặt trời, mặt trăng là gàn, nhận biết gàn, hành giải gàn, thọ nhận gàn. Tỳ-kheo ở châu Diêm phù đề có thể duỗi cánh tay phải sờ chạm mặt trời, mặt trăng. Lại nữa, Tỳ-kheo tự thân khởi tâm hóa làm sắc thân khác, chi phần đầy đủ, các căn không thiếu, dùng hóa thân này đến trời Tứ Thiên vương, rồi lấy tay sờ chạm mặt trời, mặt trăng. Lại dùng sắc thân bốn đại này đến trời Tứ Thiên vương, rồi dùng tay sờ chạm mặt trời, mặt trăng. Đó gọi là định đối với uy đức của mặt trời, mặt trăng dùng tay sờ chạm.

Hỏi: Thế nào là định cho đến thân Phạm thiên đều được tự tại?

Đáp: Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, cho đến thân các Phạm thiên đều được tự tại. Tỳ-kheo từ thân mình, khởi tâm hóa làm sắc thân khác, đầy đủ chi phần, các căn không thiếu, dùng hóa thân này đến trên cõi Phạm thiên, thân cận với Phạm thiên, cùng trụ, cùng ngồi, cùng lui tới, cùng nhập định, cùng thấy biết, nói năng. Lại dùng sắc thân bốn đại này bay đến trời Phạm thiên, thân cận Phạm thiên, cùng đứng ngồi, đi lại, cùng nhập định, thấy biết, nói năng. Đó gọi là định cho đến thân Phạm thiên đều được tự tại.

Nếu Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, được định báo, hoặc nhập định, không nhập định, đều có thể tạo ra vô số vô lượng thần túc, nghĩa là làm chấn động đại địa, cho đến thân Phạm thiên đều được tự tại. Như thế gọi là định của thần túc chứng biết chung.

Hỏi: Thế nào là định của thiên nhĩ chứng biết chung?

Đáp: Như Tỳ-kheo, nếu nhận lấy tướng về âm thanh của các thứ cỏ lau hoang dã, Tỳ-kheo tâm lìa tướng về âm thanh thô kia khiến tâm nhập nơi âm thanh vi tế ấy. Tỳ-kheo lại dùng âm thanh vi tế ấy để

điều phục tâm khiến nhu hòa, khiến tâm nhập nơi trí chứng thiên nhĩ. Tỳ-kheo quán không phóng dật như thế, được thiên nhĩ chứng biết chung, được tâm định trụ, chánh trụ. Tỳ-kheo được định xong, khiến tâm hướng đến âm thanh của con người. Con người đã luận bàn gì? Đã nói năng gì? Tỳ-kheo quán không phóng dật như thế, được nghe âm thanh của con người. Như con người đã luận bàn, đã nói năng, đều nghe được hết.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, khiến tâm hướng đến âm thanh nơi các nẻo địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, trời. Trên trời luận bàn gì, nói năng gì? Tỳ-kheo quán không phóng dật như thế, được nghe âm thanh của cõi trời, như trời đã luận bàn, nói năng gì đều nghe được hết.

Như thế Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, dùng thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá con người, cùng một thời gian, nghe hai thứ âm thanh: Âm thanh của người cùng âm thanh của các hàng phi nhân. Nếu Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, được báo định, hoặc nhập định, không nhập định, do thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá con người, cùng một lúc nghe được hai thứ âm thanh: người và phi nhân. Đó gọi là định của thiên nhĩ chứng biết chung.

Hỏi: Thế nào là định chứng biết chung tâm của người khác?

Đáp: Như Tỳ-kheo nhận lấy tướng của tự tâm: Tâm ta nhân nơi gì để sinh? Do đâu mà diệt? Thân cận gì? Xa lìa gì? Tỳ-kheo nhận lấy tướng của tâm mình như thế xong, khiến tâm hướng đến chứng biết tâm người khác. Tỳ-kheo quán không phóng dật như thế, được định của tha tâm chứng biết chung, tâm trụ chánh trụ. Tỳ-kheo được định xong, muốn nhận biết tâm của người đã suy nghĩ hiểu biết tư duy về những gì? Tỳ-kheo quán không phóng dật như thế, có thể nhận biết tâm người, như điều đã suy nghĩ, như điều đã biết rõ, như điều đã tư duy, thấy đều nhận biết hết. Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, muốn nhận biết tâm của các nẻo địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ,

trời đã suy nghĩ gì? Đã biết rõ gì? Đã tư duy gì? Tỳ-kheo quán không phóng dật như thế, tức có thể nhận biết được tâm của địa ngục, nga quý, súc sinh, trời, như điều đã suy nghĩ, đã biết rõ, đã tư duy, thấy đều nhận biết.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, có thể nhận biết được tâm người khác, chúng sinh khác: Có tâm dục, nhận biết như thật là có tâm dục. Không có tâm dục, nhận biết như thật là không có tâm dục. Có tâm giận, nhận biết như thật là có tâm giận. Không có tâm giận, nhận biết như thật là không có tâm giận. Có tâm si, nhận biết như thật là có tâm si. Không có tâm si, nhận biết như thật là không có tâm si. Tâm chìm mất, nhận biết như thật là tâm chìm mất. Tâm phân tán, nhận biết như thật là tâm phân tán. Tâm ít, nhận biết như thật là tâm ít. Tâm nhiều, nhận biết như thật là tâm nhiều. Tâm bất định, nhận biết như thật là tâm bất định. Tâm định, nhận biết như thật là tâm định. Tâm không giải thoát, nhận biết như thật là tâm không giải thoát. Tâm giải thoát, nhận biết như thật là tâm giải thoát. Tâm có vượt hơn, nhận biết như thật là tâm có vượt hơn. Tâm không có vượt hơn, nhận biết như thật là tâm không có vượt hơn.

Nếu Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, tức được báo định, nếu nhập định, không nhập định, có thể nhận biết tâm của người khác, tâm của chúng sinh khác: Tâm có dục, nhận biết như thật là tâm có dục, cho đến tâm có vượt hơn, không có vượt hơn, nhận biết như thật là tâm có vượt hơn, không có vượt hơn. Đó gọi là định chứng biết chung tâm của người khác.

Hỏi: Thế nào là định chứng biết chung về thọ mạng đời trước?

Đáp: Như Tỳ-kheo tư duy về tâm không gián đoạn, tâm sau, tâm trước dần dần không gián đoạn. Tỳ-kheo tư duy về tâm không gián đoạn như thế, được định chứng biết cùng tâm không gián đoạn, tâm trụ, chánh trụ, Tỳ-kheo được định xong, nhớ nghĩ về một tâm, hai tâm, ba tâm, bốn tâm, năm tâm, mười tâm, cho đến trăm tâm,

ngàn tâm, nếu vượt hơn. Hoặc có thức đầu tiên sinh trong bụng mẹ. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Tâm nào diệt xong, trong bụng mẹ sinh thức đầu tiên? Tỳ-kheo khiến tâm hướng đến chứng biết thọ mạng đời trước. Tỳ-kheo quán không phóng dật như thế, được định chứng biết chung về thọ mạng đời trước, tâm trụ, chánh trụ. Tỳ-kheo được định nhớ nghĩ không khó về các thứ: Sinh gốc, hữu gốc, chốn cư trú gốc, chỗ dấy khởi gốc. Như tâm dục sau cùng, như tâm diệt xong, thọ nhận thức đầu tiên trong bụng mẹ. Nếu tu định này, tức nhớ nghĩ không khó. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Ta vốn tên gì? Họ gì? Sinh ở đâu? Ăn uống ra sao? Thọ mạng như thế nào? Trụ cuối cùng ra sao? Nhận lấy khổ vui gì? Nếu Tỳ-kheo tu định này, tức biết được ta vốn mang tên như thế, họ như thế, sinh sống như thế, ăn uống như thế, thọ mạng như thế, trụ cuối cùng như thế, nhận lấy khổ vui như thế. Đó gọi là định chứng biết chung về thọ mạng đời trước.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, nhớ nghĩ về một đời, hai đời, cho đến trăm đời, ngàn đời, hoặc hơn. Hoặc đã từng trụ ở trên trời Vô tướng, nhận biết tâm không gián đoạn có chướng ngại. Do phàm phu chưa nghe, nên nói: Ta vốn không từng ở cõi kia, chỉ là bỗng nhiên tự sinh. Do Thánh nhân đã nghe, nên tư duy như thế này: Thọ mạng đời trước của ta bắt đầu do tâm chứng biết có cõi trời như thế, là trụ xứ của sắc không có tướng, không có thọ, không có tâm. Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nếu ta nhớ nghĩ đến sắc của thọ mạng đời trước, thì Tỳ-kheo tư duy về sắc không gián đoạn, sắc sau sắc trước lần lượt không gián đoạn. Tỳ-kheo tư duy về sắc không gián đoạn như thế, được định chứng biết chung về sắc không gián đoạn của thọ mạng đời trước, tâm trụ, chánh trụ. Tỳ-kheo đắc định xong, tức nhớ nghĩ không khó. Đó gọi là định chứng biết chung về thọ mạng đời trước.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, nhớ nghĩ về một đời, hai đời, cho đến trăm đời, ngàn đời, hoặc hơn, hoặc có khi

tùng ở trên cõi trời vô sắc, do sắc không gián đoạn có chướng ngại, vì phàm phu chưa nghe, nên nói: Ta vốn không từng ở nơi cõi kia, chỉ là bỗng nhiên tự sinh. Vì Thánh nhân đã nghe, nên tư duy như thế này: Thọ mạng đời trước của ta, do sắc chúng biết có không sắc, có tướng, có thọ như thế. Nếu là địa vô sắc, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Nếu ta nhớ nghĩ về tâm của thọ mạng đời trước, tức Tỳ-kheo tư duy tâm sau, tâm trước, lần lượt không gián đoạn. Tỳ-kheo tư duy về tâm không gián đoạn như thế, được định của tâm không gián đoạn cùng thọ mạng đời trước, tâm trụ chánh trụ. Tỳ-kheo được định xong, nhớ nghĩ không khó. Đó gọi là định chúng biết chung về thọ mạng đời trước.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, nhớ nghĩ về vô số vô lượng thọ mạng đời trước. Hoặc nhớ nghĩ một đời, hai đời, cho đến trăm đời, ngàn đời, hoặc kiếp thành, hoặc kiếp hoại, hoặc kiếp thành hoại: Ta vốn đã từng ở nơi kiếp kia có tên như thế, họ như thế, cho đến nhận lãnh khổ vui như thế. Ta mạng chung ở nơi này, sinh ở nơi kia, mạng chung ở chốn kia, sinh ở chốn này, thành tựu hành ở đây, nhớ nghĩ về vô số vô lượng thọ mạng đời trước. Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, được báo định, hoặc nhập định, không nhập định, nhớ nghĩ về vô số vô lượng thọ mạng đời trước, từ một đời cho đến thành tựu hành ở đây. Đó gọi là định chúng biết chung về thọ mạng đời trước.

HẾT - QUYỂN 29

LUẬN XÁ LỢI PHẬT A TỖ ĐÀM

QUYỂN 30

Phẩm thứ 10: ĐỊNH CỦA PHẦN ĐẦU MỐI, phần 3

Hỏi: Thế nào là định của tướng ánh sáng chung?

Đáp: Như Tỳ-kheo nhận lấy các tướng ánh sáng: Nghĩa là ánh sáng của lửa, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, của các vì sao, ánh sáng của ngọc ma ni. Nhận lấy các tướng của ánh sáng xong, nếu ở chỗ trống bên cội cây, tư duy về ánh sáng, nhận biết ánh sáng, thọ nhận ánh sáng. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng ánh sáng. Nếu định cùng với tướng này là cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là định của tướng ánh sáng chung.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, nếu ở nơi trống trải bên cội cây, dùng tâm thanh tịnh, hành giải khắp, có tâm sáng vượt hơn. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng ánh sáng. Nếu định cùng với tướng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là định của tướng sáng chung.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, nếu ở bên một cội cây, hoặc hai, ba, cho đến bên mười cội cây, dùng tâm thanh tịnh hành giải khắp, có tâm sáng vượt hơn. Người như thật nếu tướng, nhớ tướng, đó gọi là tướng ánh sáng. Nếu định cùng với tướng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là định của tướng ánh sáng chung.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, nếu nơi một khu vườn, hai, ba, cho đến mười khu vườn, dùng tâm thanh tịnh hành giải khắp, có tâm sáng vượt hơn. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng ánh sáng. Nếu định cùng với tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là định của tưởng ánh sáng chung.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, nếu ở một khu vườn, hai, ba, cho đến mười khu vườn, dùng tâm thanh tịnh hành giải khắp, có tâm sáng vượt hơn. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng ánh sáng. Nếu định cùng với tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là định của tưởng ánh sáng chung.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, nếu ở một thôn xóm, hai, ba, cho đến mười thôn xóm, dùng tâm thanh tịnh hành giải khắp, có tâm sáng vượt hơn. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng ánh sáng. Nếu định cùng với tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là định của tưởng ánh sáng chung.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, nếu ở một khu vườn, hai, ba, cho đến mười khu vườn, dùng tâm thanh tịnh hành giải khắp, có tâm sáng vượt hơn. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng ánh sáng. Nếu định cùng với tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là định của tưởng ánh sáng chung.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, vòng quanh nước đất liền, dùng tâm thanh tịnh hành giải khắp, có tâm sáng vượt hơn. Người như thật nếu tưởng, nhớ tưởng, đó gọi là tưởng ánh sáng. Nếu định cùng với tưởng này cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, đó gọi là định của tưởng ánh sáng chung.

Như Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, dùng thiên nhãn thanh tịnh vượt quá con người, thấy sự sinh tử của chúng sinh, sắc đẹp, sắc xấu, nẻo thiện, nẻo ác, thấp kém, vượt hơn. Nhận biết chúng sinh tạo nghiệp, hành ác nơi thân của chúng sinh này

đã gây tạo, hành ác nơi miệng, ý của chúng sinh này đã gây tạo, tà kiến chê bai Hiền Thánh, tạo ra nghiệp tà kiến, thân hoại mạng chung, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Hành thiện nơi thân của chúng sinh này đã thành tựu, hành thiện nơi miệng, ý của chúng sinh thành tựu, chánh kiến, không chê bai Hiền Thánh, đã tạo nghiệp chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung được sinh trong nẻo người trên trời. Như thế, do thiên nhãn thanh tịnh vượt quá con người, thấy sự sinh tử của chúng sinh có sắc đẹp, sắc xấu, nẻo thiện, nẻo ác, nhận biết chúng sinh tạo nghiệp. Tu định này xong, dùng thiên nhãn vượt quá con người, nhận thấy sự sinh tử của chúng sinh, cho đến nhận biết chúng sinh tạo nghiệp. Đó gọi là định của tướng ánh sáng chung.

Nếu Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, được báo định, nếu nhập định hay không nhập định, dùng thiên nhãn vượt quá con người, thấy sự sinh tử của chúng sinh, cho đến nhận biết chúng sinh đã tạo nghiệp. Đó gọi là định của tướng ánh sáng chung.

Hỏi: Thế nào là định vô gián?

Đáp: Tỳ-kheo tư duy về vô thường, khổ, không, vô ngã, Niết-bàn tĩnh lặng, được định tâm trụ. Được định rồi tức được năm căn Thánh đầu tiên. Do được năm căn Thánh đầu tiên, nên chánh quyết định trên, lìa bỏ địa phàm phu, chưa được quả Tu-đà-hoàn, nếu giữa chừng mạng chung, thì không có điều ấy. Hoặc chưa được quả Tu-đà-hoàn mà đọa bị vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thì cũng không có điều ấy. Nếu Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, được định vô gián, hướng đến quả Tu-đà-hoàn. Nếu định vô gián này diệt rồi, được quả Tu-đà-hoàn, đó gọi là định vô gián.

Nếu Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, được định vô gián hướng đến quả Tu-đà-hàm, nếu định vô gián này diệt rồi, được quả Tu-đà-hàm, đó gọi là định vô gián.

Nếu Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều rồi, được định vô gián, hướng đến quả A-na-hàm, nếu định vô gián này diệt xong, được quả A-na-hàm, đó gọi là định vô gián.

Nếu Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, được định vô gián, hướng đến quả A-la-hán, nếu định vô gián này diệt xong, được quả A-la-hán, đó gọi là định vô gián.

Hỏi: Thế nào là định căn?

Đáp: Người học lìa phiền não, dùng tâm Thánh nhập đạo Thánh, nếu là hàng kiên tín, kiên pháp, đó gọi là định căn.

Hỏi: Thế nào là định căn?

Đáp: Người học lìa phiền não, do tâm Thánh nhập đạo Thánh, nếu là hàng kiên tín, kiên pháp, và người của nẻo khác, thấy rõ lỗi lầm tai hại của hành, quán Niết-bàn tĩnh lặng. Hoặc như người thật sự quán khổ, tập, diệt, đạo, chưa được muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng muốn chứng, tu đạo, lìa phiền não. Hoặc như người kiến học, nếu trí quán của Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm đầy đủ, hoặc địa trí, hoặc quán tâm giải thoát, hoặc được bốn quả Sa-môn, hoặc như quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm. Người vô học A-la-hán, chưa được pháp Thánh, mong muốn được tu đạo, trí quán đầy đủ, hoặc địa trí, hoặc quán tâm giải thoát, được quả A-la-hán xong. Người như thật, người như nẻo, nếu tâm trụ, chánh trụ, chuyên trụ, duyên nơi trụ, tâm một định, một lạc, không phân tán, không rời bỏ, tâm dựa vào ý, tâm ở chỗ riêng lẻ, được sức định, giác định, chánh định. Đó gọi là định căn.

Hỏi: Thế nào là định lực?

Đáp: Định căn đó gọi là định lực.

Hỏi: Thế nào là định giác?

Đáp: Định lực đó gọi là định giác.

Hỏi: Thế nào là chánh định?

Đáp: Nếu là định thiện, là thuận không nghịch, đó gọi là chánh định.

Hỏi: Thế nào là tà định?

Đáp: Nếu là định bất thiện, là nghịch không thuận, đó gọi là tà định.

Hỏi: Thế nào là Thánh định?

Đáp: Nếu là định vô lậu, đó gọi là Thánh định.

Hỏi: Thế nào là không phải Thánh định?

Đáp: Nếu là định hữu lậu, đó gọi là không phải Thánh định.

Hỏi: Thế nào là định hữu lậu?

Đáp: Nếu là định có nhiễm, đó gọi là định hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là định vô lậu?

Đáp: Nếu là định không nhiễm, đó gọi là định vô lậu.

Hỏi: Thế nào là định có nhiễm?

Đáp: Nếu là định có mong cầu, đó gọi là định có nhiễm.

Hỏi: Thế nào là định không nhiễm?

Đáp: Nếu là định không mong cầu, đó gọi là định không nhiễm.

Hỏi: Thế nào là định có mong cầu?

Đáp: Nếu là định nên nhận lấy, đó gọi là định có mong cầu.

Hỏi: Thế nào là định không mong cầu?

Đáp: Nếu là định không nên nhận lấy, đó gọi là định không mong cầu.

Hỏi: Thế nào là định nên nhận lấy?

Đáp: Nếu là định có chấp giữ, đó gọi là định nên nhận lấy.

Hỏi: Thế nào là định không nên nhận lấy?

Đáp: Nếu là định không chấp giữ, đó gọi là định không nên nhận lấy.

Hỏi: Thế nào là định có chấp giữ?

Đáp: Nếu là định có vượt hơn, đó gọi là định có chấp giữ.

Hỏi: Thế nào là định không chấp giữ?

Đáp: Nếu là định không có vượt hơn, đó gọi là định không chấp giữ.

Hỏi: Thế nào là định có vượt hơn?

Đáp: Nếu là định có chấp giữ, đó gọi là định có vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là định không vượt hơn?

Đáp: Nếu là định không chấp giữ, đó gọi là định không vượt hơn.

Lại nữa, nếu định có định khác thắng diệu vượt qua, đó gọi là định có vượt hơn. Nếu định không có định khác thắng diệu vượt qua, đó gọi là định không vượt hơn.

Lại nữa, nếu tu định xong, như Đức Như Lai đối với tất cả pháp tri kiến không có ngăn ngại, được do lực tôn thắng, chánh giác vô thượng, như mười lực của Đức Như Lai, thành tựu bốn vô sở úy, đại từ, đại bi, chuyển pháp luân, tự tại thành tựu. Trừ định này, nếu là định khác, đó gọi là định có vượt hơn. Nếu là định được trừ ở trên, đó gọi là định không vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là định thọ?

Đáp: Nếu là định bên trong, đó gọi là định thọ.

Hỏi: Thế nào là định không phải thọ?

Đáp: Nếu là định bên ngoài, đó gọi là định không phải thọ.

Hỏi: Thế nào là định trong?

Đáp: Nếu là định thọ, đó gọi là định trong.

Hỏi: Thế nào là định ngoài?

Đáp: Nếu là định không phải thọ, đó gọi là định ngoài.

Hỏi: Thế nào là định có báo?

Đáp: Nếu định là pháp báo, đó gọi là định có báo.

Hỏi: Thế nào là định không báo?

Đáp: Nếu báo của định, hoặc không phải là báo, không phải là pháp báo, đó gọi là định không báo.

Hỏi: Thế nào là định của phạm phu chung?

Đáp: Nếu là định không phải phạm phu nhập xuất, phạm phu cũng nhập xuất, đó gọi là định của phạm phu chung.

Hỏi: Thế nào là định của phạm phu không chung?

Đáp: Nếu là định không phải phạm phu nhập xuất, phạm phu không nhập xuất, đó gọi là định của phạm phu không chung.

Hỏi: Thế nào là định của không phải phạm phu chung?

Đáp: Nếu là định do phạm phu nhập xuất, không phải phạm phu cũng nhập xuất, đó gọi là định của không phải phạm phu chung.

Hỏi: Thế nào là định của không phải phạm phu không chung?

Đáp: Nếu định do phạm phu nhập xuất, không phải phạm phu không nhập xuất, đó gọi là định của không phải phạm phu không chung.

Hỏi: Thế nào là định của Thanh văn chung?

Đáp: Nếu là định không phải Thanh văn nhập xuất, Thanh văn cũng nhập xuất, đó gọi là định của Thanh văn chung.

Hỏi: Thế nào là định của Thanh văn không chung?

Đáp: Nếu là định không phải Thanh văn nhập xuất, Thanh văn không nhập xuất, đó gọi là định của Thanh văn không chung.

Hỏi: Thế nào là định của không phải Thanh văn chung?

Đáp: Nếu là định do Thanh văn nhập xuất, không phải Thanh văn cũng nhập xuất, đó gọi là định của không phải Thanh văn chung.

Hỏi: Thế nào là định của không phải Thanh văn không chung?

Đáp: Nếu định do Thanh văn nhập xuất, không phải Thanh văn không nhập xuất, đó gọi là định của không phải Thanh văn không chung.

Hỏi: Thế nào là định như ánh chớp?

Đáp: Nếu là định ít, ít trụ, ít thời gian trụ, như ánh chớp ít, ít trụ, ít thời gian trụ, định cũng như thế, đó gọi là định như ánh chớp.

Hỏi: Thế nào là định như kim cương?

Đáp: Nếu là định vô lượng, vô lượng trụ, vô lượng thời gian trụ, như kim cương vô lượng, vô lượng trụ, vô lượng thời gian trụ, định cũng như thế, đó gọi là định như kim cương.

Lại nữa, nếu định tu xong, đoạn một ít phần phiền não, như ánh chớp từ trong mây phát ra một ít lửa sáng, một phần bóng tối liền diệt nhanh chóng, định cũng như thế, đó gọi là định như ánh chớp. Nếu định tu xong, đoạn tất cả phiền não, hoặc thô hoặc tế, đều đoạn trừ hết, như gieo kim cương vào đá ngọc, chúng đều bị hủy hoại, vỡ nát, định cũng như thế, đó gọi là định như kim cương.

Lại nữa, nếu tu định, được quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, đó gọi là định như ánh chớp. Nếu tu định, được quả A-la-hán, đó gọi là định như kim cương.

Lại nữa, nếu tu định, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đạo của Phật-bích-chi, đó gọi là định như ánh chớp. Nếu tu định,

như định do Đức Như Lai đã tu, đối với tất cả pháp thấy biết được đều không ngăn ngại, do lực tôn thắng, chánh giác vô thượng. mười lực của Như Lai, thành tựu bốn vô sở úy, đại từ, đại bi chuyển pháp luân, tự tại thành tựu, đó gọi là định như kim cương.

Hỏi: Thế nào là định không nhất định được?

Đáp: Nếu định được, là không nhất định được, khó được, khó giữ, đó gọi là định không nhất định được.

Hỏi: Thế nào là định nhất định được?

Đáp: Nếu định đạt được, là quyết định được, không khó được, dễ giữ, đó gọi là định nhất định được.

Hỏi: Thế nào là định có hành khó giữ?

Đáp: Nếu định đạt được, là không quyết định được, khó được, khó giữ, không do lực tôn thắng tự tại, không như chỗ đã mong muốn, không thuận theo điều mình mong muốn, không được hết điều mình đã mong muốn, có hành khó nhập xuất, như chèo thuyền trên dòng nước ngược khó đi, định cũng như thế, đó gọi là định có hành khó giữ.

Hỏi: Thế nào là định không có hành dễ giữ?

Đáp: Nếu định đạt được, là quyết định được, không khó được, dễ được, do sức tôn thắng tự tại, như chỗ đã mong muốn, tùy thuận điều đã muốn, được hết điều mình đã mong muốn, không có hành nhập xuất, như chèo thuyền theo dòng nước xuôi dễ đi, định cũng như thế, đó gọi là định không có hành dễ giữ.

Hỏi: Thế nào là định tu một phần?

Đáp: Nếu tu định xong, khởi tướng có ánh sáng, chỉ không thấy sắc. Nếu thấy sắc thì không khởi tướng có ánh sáng, đó gọi là định tu một phần.

Hỏi: Thế nào là định tu hai phần?

Đáp: Nếu tu định xong, khởi tướng có ánh sáng, cũng thấy sắc, đó gọi là định tu hai phần.

Lại nữa, nếu tu định xong, sinh trí song không đoạn phiền não, nếu đoạn phiền não thì không sinh trí, đó gọi là định tu một phần. Nếu tu định xong, trí sinh có thể đoạn trừ phiền não, đó gọi là định tu hai phần.

Lại nữa, nếu tu định xong, tận trí sinh, không phải là vô sinh trí, đó gọi là định tu một phần. Nếu tu định xong, tận trí sinh cùng vô sinh trí, đó gọi là định tu hai phần.

Hỏi: Thế nào là định có tướng?

Đáp: Nếu định có cảnh giới, đó gọi là định có tướng.

Hỏi: Thế nào là định không có tướng?

Đáp: Nếu định không có cảnh giới, đó gọi là định không có tướng.

Lại nữa, trừ định vô tướng, định diệt tận, nếu là định khác, đó gọi là định có tướng. Nếu là định vô tướng, định diệt tận, đó gọi là định không có tướng.

Hỏi: Thế nào là định như sự?

Đáp: Nếu pháp như pháp, như hình trạng, như tự tánh, như tùy duyên đã khởi, như cùng nhập xuất, đó gọi là định như sự.

Hỏi: Thế nào là định nhớ tướng?

Đáp: Nếu pháp như pháp tướng, như tướng trạng, như tự tánh, như tùy duyên đã khởi. Nếu như pháp tướng, hoặc không phải nhập xuất như pháp tướng, đó gọi là định nhớ tướng.

Hỏi: Thế nào là định lìa tướng sắc?

Đáp: Nếu nhập định lìa tướng sắc, hoặc lìa tướng sắc để nhập định, đó gọi là định lìa tướng sắc.

Hỏi: Thế nào là định không lia tướng sắc?

Đáp: Nếu nhập định không lia tướng sắc, hoặc không lia tướng sắc để nhập định, đó gọi là định không lia tướng sắc.

Lại nữa, nếu là định thuộc cõi vô sắc, đó gọi là định lia tướng sắc. Nếu là định thuộc cõi sắc và của Thánh, đó gọi là định không lia tướng sắc.

Hỏi: Thế nào là định thắng nhập?

Đáp: Nếu là tám thắng nhập, đó gọi là định thắng nhập.

Hỏi: Thế nào là định nhất thiết nhập?

Đáp: Nếu là mười nhất thiết nhập, đó gọi là định nhất thiết nhập.

Hỏi: Thế nào là định có giác?

Đáp: Nếu định tương ưng với giác, cùng với giác cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là định có giác.

Hỏi: Thế nào là định không giác?

Đáp: Nếu định không tương ưng với giác, không cùng với giác sinh, trụ, diệt, đó gọi là định không giác.

Hỏi: Thế nào là định có quán?

Đáp: Nếu định tương ưng với quán, cùng với quán cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là định có quán.

Hỏi: Thế nào là định không quán?

Đáp: Nếu định không tương ưng với quán, không cùng với quán sinh, trụ, diệt, đó gọi là định không quán.

Hỏi: Thế nào là định có hỷ?

Đáp: Nếu định tương ưng với hỷ, cùng với hỷ cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là định có hỷ.

Hỏi: Thế nào là định không hỷ?

Đáp: Nếu định không tương ưng với hỷ, không cùng với hỷ sinh, trụ, diệt, đó gọi là định không hỷ.

Hỏi: Thế nào là định của vị chung?

Đáp: Nếu định tương ưng với nhiễm ô, đó gọi là định của vị chung.

Hỏi: Thế nào là định của xả chung?

Đáp: Nếu định tương ưng với bất khổ bất lạc thọ, đó gọi là định của xả chung.

Hỏi: Thế nào là định tương ưng với nhẫn?

Đáp: Nếu định cùng với nhẫn cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là định tương ưng với nhẫn.

Hỏi: Thế nào là định không tương ưng với nhẫn?

Đáp: Nếu định không phải cùng sinh, trụ, diệt với nhẫn, đó gọi là định không tương ưng với nhẫn.

Hỏi: Thế nào là định tương ưng với trí?

Đáp: Nếu định cùng với trí cùng sinh, trụ, diệt, đó gọi là định tương ưng với trí.

Hỏi: Thế nào là định không tương ưng với trí?

Đáp: Nếu định không phải cùng sinh, trụ, diệt với trí, đó gọi là định không tương ưng với trí.

Hỏi: Thế nào là định bắt đầu của nhẫn?

Đáp: Nếu là định Thánh vô lậu do hàng kiên tín, kiên pháp đã tu tập, đó gọi là định bắt đầu của nhẫn.

Hỏi: Thế nào là định bắt đầu của trí?

Đáp: Nếu là định Thánh vô lậu do người kiên đạo đã tu tập, đó gọi là định bắt đầu của trí.

Hỏi: Thế nào là định của dục sau cùng?

Đáp: Nếu định tương ưng với thức sau cùng, đó gọi là định của dục sau cùng.

Hỏi: Thế nào là định của sinh bắt đầu?

Đáp: Nếu định tương ưng với thức ban đầu, đó gọi là định của sinh bắt đầu.

Hỏi: Thế nào là định thiện?

Đáp: Nếu là định tu, đó gọi là định thiện.

Hỏi: Thế nào là định bất thiện?

Đáp: Nếu là định đoạn trừ, đó gọi là định bất thiện.

Hỏi: Thế nào là định vô ký?

Đáp: Nếu là định thọ, không phải báo, không phải là pháp báo, đó gọi là định vô ký.

Hỏi: Thế nào là định học?

Đáp: Nếu là định Thánh không phải là vô học, đó gọi là định học.

Hỏi: Thế nào là định vô học?

Đáp: Nếu là định Thánh không phải là học, đó gọi là định vô học.

Hỏi: Thế nào là định phi học phi vô học?

Đáp: Nếu là định không phải Thánh, đó gọi là định phi học phi vô học.

Hỏi: Thế nào là định báo?

Đáp: Nếu là định thọ, hoặc là báo thiện của định, đó gọi là định báo.

Hỏi: Thế nào là định của pháp báo?

Đáp: Nếu là định có báo, đó gọi là định của pháp báo.

Hỏi: Thế nào là định không phải báo, không phải là pháp báo?

Đáp: Nếu là định vô ký, không phải thuộc về phần của ta, đó gọi là định không phải báo, không phải là pháp báo.

Hỏi: Thế nào là định do kiến đoạn?

Đáp: Nếu là định bất thiện, không phải do tư duy đoạn, đó gọi là định do kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là định do tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là định bất thiện, không phải do kiến đoạn, đó gọi là định do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là định không phải do kiến đoạn, không phải do tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là định thiện, vô ký, đó gọi là định không phải do kiến đoạn, không phải do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là định là nhân của kiến đoạn?

Đáp: Nếu định do kiến đoạn, hoặc là pháp báo của kiến đoạn, đó gọi là định là nhân của kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là định là nhân của tư duy đoạn?

Đáp: Nếu định do tư duy đoạn, hoặc là pháp báo của tư duy đoạn, đó gọi là định là nhân của tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là định không phải là nhân của kiến đoạn, không phải là nhân của tư duy đoạn?

Đáp: Nếu là định thiện, hoặc là báo của pháp thiện, hoặc không phải là báo, không phải là pháp báo, đó gọi là định không phải là nhân của kiến đoạn, không phải là nhân của tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là định hạ?

Đáp: Nếu là định bất thiện, đó gọi là định hạ.

Hỏi: Thế nào là định trung?

Đáp: Nếu là định vô ký, đó gọi là định trung.

Hỏi: Thế nào là định thượng?

Đáp: Nếu là định thiện, đó gọi là định thượng.

Lại nữa, nếu là định bất thiện, vô ký, đó gọi là định hạ. Nếu là định thiện không phải của Thánh, đó gọi là định trung. Nếu là định vô lậu của Thánh, đó gọi là định thượng.

Hỏi: Thế nào là định thô?

Đáp: Nếu định hệ thuộc cõi dục, đó gọi là định thô.

Hỏi: Thế nào là định tế?

Đáp: Nếu định hệ thuộc cõi sắc, hoặc không hệ thuộc, đó gọi là định tế.

Hỏi: Thế nào là định vi?

Đáp: Nếu định hệ thuộc cõi vô sắc, đó gọi là định vi.

Lại nữa, nếu định hệ thuộc cõi dục, hệ thuộc cõi sắc, đó gọi là định thô. Nếu định hệ thuộc xứ không, hệ thuộc xứ thức, hệ thuộc xứ bất dụng, hoặc không hệ thuộc, đó gọi là định tế. Nếu định hệ thuộc xứ phi tướng phi phi tướng, đó gọi là định vi.

Lại nữa, nếu định hệ thuộc cõi dục, hệ thuộc cõi sắc, hệ thuộc xứ không, hệ thuộc xứ thức, hệ thuộc xứ bất dụng, đó gọi là định thô. Nếu định không hệ thuộc, đó gọi là định tế. Nếu định hệ thuộc xứ phi tướng phi phi tướng, đó gọi là định vi.

Hỏi: Thế nào là định có giác có quán, định không giác có quán, định không giác không quán? Thế nào là định không, định vô tướng, định vô tác?

Đáp: Như trong ba chi đạo của phẩm Đạo đã nói rộng.

Hỏi: Thế nào là định được ba nguyện?

Đáp: Nếu định được quả của nguyện, hoặc định được nguyện, hoặc định được nguyện tĩnh lặng. Nếu Tỳ-kheo được một hai định, hoặc là định không, vô tướng, vô tác, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Ta nên thân cận, tu học nhiều định ấy, nguyện muốn được bốn quả Sa-môn. Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều, nguyện muốn được bốn quả Sa-môn. Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều, nguyện muốn được bốn quả Sa-môn. Nếu được định như thế, đó gọi là định được quả của nguyện. Nếu Tỳ-kheo siêng năng hành tinh tấn, hoặc có dục, không dục, có tinh tấn, không tinh tấn, Tỳ-kheo tư duy như thế này: Ta nên tu theo mong muốn này và tinh tấn thân cận, tu học nhiều, nên siêng năng tinh tấn khiến tâm định, nếu định được như thế, đó gọi là định được nguyện. Nếu Tỳ-kheo được một hai định, không được định khó được, khó giữ, Tỳ-kheo tư duy: Ta nên thân cận, tu học nhiều định này, khiến ta được lực tôn thắng tự tại. Nếu định được như thế, đó gọi là định được nguyện tĩnh lặng. Như vậy gọi là định được ba nguyện.

Hỏi: Thế nào là định được không phải ba nguyện?

Đáp: Nếu định được không là quả của nguyện. Hoặc định không được nguyện. Hoặc định được nguyện không tĩnh lặng. Nếu Tỳ-kheo được một hai định, hoặc là định không, vô tướng, vô tác, Tỳ-kheo không tư duy như thế này: Ta nên thân cận tu học nhiều định ấy, không nguyện muốn được bốn quả Sa-môn. Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều, không nguyện muốn được quả Sa-môn. Tỳ-kheo thân cận định, tu học nhiều xong, được quả Sa-môn. Nếu định được như thế, đó gọi là định được không là quả của nguyện. Nếu Tỳ-kheo siêng năng, tinh tấn tu hành, hoặc có dục, không dục, có tinh tấn, không tinh tấn, Tỳ-kheo không tư duy như thế này: Ta nên tu theo mong muốn ấy và tinh tấn thân cận, tu học nhiều. Tỳ-kheo mong muốn và tinh tấn thân cận, tu học nhiều, nên siêng năng tinh tấn được tâm định. Nếu định được như thế, đó gọi là định được không nguyện.

Nếu Tỳ-kheo được một hai định, không quyết định được, khó được, khó giữ, Tỳ-kheo không tư duy như thế này: Ta nên thân cận, tu học nhiều định này, khiến ta được định do lực tôn thắng tự tại. Nếu định được như thế, đó gọi là định được nguyện không tĩnh lặng. Như vậy gọi là định được không phải ba nguyện.

Hỏi: Thế nào là định của thân nội quán thân nội?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại bên trong, hoặc là một xứ pháp thuộc về sắc thân của bốn đại bên trong, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ, chánh trụ, đó gọi là định của thân nội quán thân nội.

Hỏi: Thế nào là định của thân ngoại quán thân ngoại?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại ngoài, hoặc là một xứ pháp thuộc về sắc thân của bốn đại bên ngoài, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ, chánh trụ, đó gọi là định của thân ngoại quán thân ngoại.

Hỏi: Thế nào là định của thân nội ngoại quán thân nội ngoại?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo đối với tất cả pháp thuộc về sắc thân của bốn đại nội ngoại, hoặc là một xứ pháp thuộc về sắc thân của bốn đại nội ngoại, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ, chánh trụ, đó gọi là định của thân nội ngoại quán thân nội ngoại.

Hỏi: Thế nào là định của thọ nội quán thọ nội?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo đối với tất cả thọ trong, hoặc là một xứ thọ trong, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ, chánh trụ, đó gọi là định của thọ nội quán thọ nội.

Hỏi: Thế nào là định của thọ ngoại quán thọ ngoại?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo đối với tất cả thọ ngoài, hoặc là một xứ thọ ngoài, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ, chánh trụ, đó gọi là định của thọ ngoại quán thọ ngoại.

Hỏi: Thế nào là định của thọ nội ngoại quán thọ nội ngoại?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo đối với tất cả thọ nội ngoại, hoặc là một xứ thọ nội ngoại, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ, chánh trụ, đó gọi là định của thọ nội ngoại quán nội ngoại.

Hỏi: Thế nào là định của tâm nội quán tâm nội?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo đối với tất cả tâm nội, hoặc là một xứ tâm nội, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ chánh trụ, đó gọi là định của tâm nội quán tâm nội.

Hỏi: Thế nào là định của tâm ngoại quán tâm ngoại?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo đối với tất cả tâm ngoại, hoặc là một xứ tâm ngoại, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ chánh trụ, đó gọi là định của tâm ngoại quán tâm ngoại.

Hỏi: Thế nào là định của tâm nội ngoại quán tâm nội ngoại?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo đối với tất cả tâm nội ngoại, hoặc là một xứ tâm nội ngoại, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ chánh trụ, đó gọi là định của tâm nội ngoại quán tâm nội ngoại.

Hỏi: Thế nào là định của pháp nội quán pháp nội?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo trừ pháp thuộc về sắc thân của bốn đại và tất cả pháp nội khác của tâm thọ, hoặc là một xứ pháp nội, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ chánh trụ, đó gọi là định của pháp nội quán pháp nội.

Hỏi: Thế nào là định của pháp ngoại quán pháp ngoại?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo trừ pháp thuộc về sắc thân của bốn đại và tất cả pháp ngoại khác của tâm thọ, hoặc là một xứ pháp ngoại, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ chánh trụ, đó gọi là định của pháp ngoại quán pháp ngoại.

Hỏi: Thế nào là định của pháp nội ngoại quán pháp nội ngoại?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo trừ pháp thuộc về sắc thân của bốn đại và tất cả pháp nội ngoại khác của tâm thọ, hoặc là một xứ pháp nội ngoại, quán vô thường khổ không vô ngã, được định tâm trụ chánh trụ, đó gọi là định của pháp nội ngoại quán pháp nội ngoại.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới nội?

Đáp: Tư duy về pháp nội, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới nội.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới ngoại?

Đáp: Tư duy về pháp ngoại, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới ngoại.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới nội ngoại?

Đáp: Tư duy về pháp nội ngoại, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới nội ngoại.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới chúng sinh?

Đáp: Không có định của cảnh giới chúng sinh. Lại nữa, nếu dùng từ bi hỷ xả để tư duy về chúng sinh, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới chúng sinh.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới sắc?

Đáp: Tư duy về pháp sắc, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới sắc.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới vô sắc?

Đáp: Tư duy về pháp vô sắc, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới vô sắc.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới chúng sinh?

Đáp: Như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới hữu vi?

Đáp: Tư duy về pháp hữu vi, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới hữu vi.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới vô vi?

Đáp: Tư duy về pháp vô vi, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới vô vi.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới chúng sinh?

Đáp: Như trên đã nói.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới pháp?

Đáp: Tư duy về pháp, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới pháp.

Hỏi: Thế nào là định không có cảnh giới?

Đáp: Không có định không có cảnh giới. Lại nữa, tư duy về pháp quá khứ, vị lai, nếu định sinh, đó gọi là định không có cảnh giới.

Hỏi: Thế nào là định ít?

Đáp: Nếu là định ít, trụ ít, trụ trong thời gian ít, đó gọi là định ít.

Hỏi: Thế nào là định trung bình?

Đáp: Nếu là định trung bình, trụ trung bình, trụ trong thời gian trung gian, đó gọi là định trung bình.

Hỏi: Thế nào là định vô lượng?

Đáp: Nếu là định vô lượng, trụ vô lượng, trụ trong khoảng vô lượng, đó gọi là định vô lượng.

Lại nữa, nếu là định ít, trụ ít, cảnh giới ít, là hạ, đó gọi là định ít. Nếu là định trung bình, trụ trung bình, cảnh giới là hạ trung bình, đó gọi là định trung bình. Nếu là định vô lượng, trụ vô lượng, cảnh giới là thù thắng vô lượng, đó gọi là định vô lượng.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới ít?

Đáp: Nếu định duyên nơi một chúng sinh, một pháp, một hành nên sinh khởi, trừ Đức Như Lai và Niết-bàn, đó gọi là định của cảnh giới ít.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới trung bình?

Đáp: Nếu định duyên nơi chúng sinh hữu lượng, pháp hữu lượng nên sinh, trừ Đức Như Lai và Niết-bàn, đó gọi là định của cảnh giới trung bình.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới vô lượng?

Đáp: Nếu định duyên nơi chúng sinh vô lượng, pháp vô lượng, cùng Như Lai và Niết-bàn nên sinh, đó gọi là định của cảnh giới vô lượng.

Hỏi: Thế nào là định ít, cảnh giới ít?

Đáp: Nếu định duyên ít, trụ ít, là phẩm hạ, duyên nơi một chúng sinh, một pháp, một hành nên sinh, trừ Đức Như Lai và Niết-bàn, đó gọi là định ít, cảnh giới ít.

Hỏi: Thế nào là định ít, cảnh giới trung bình?

Đáp: Nếu định duyên ít, trụ ít, là phẩm hạ, duyên nơi chúng sinh hữu lượng, pháp hữu lượng, nên sinh, trừ Đức Như Lai và Niết-bàn, đó gọi là định ít, cảnh giới trung bình.

Hỏi: Thế nào là định ít, cảnh giới vô lượng?

Đáp: Nếu định duyên ít, trụ ít, là phẩm hạ, duyên nơi chúng sinh vô lượng, pháp vô lượng, cùng Đức Như Lai và Niết-bàn nên sinh, đó gọi là định ít, cảnh giới vô lượng.

Hỏi: Thế nào là định trung bình, cảnh giới ít?

Đáp: Nếu định duyên trung bình, trụ trung bình, là phẩm hạ, duyên nơi một chúng sinh, một pháp, một hành nên sinh, trừ Đức Như Lai và Niết-bàn, đó gọi là định trung bình, cảnh giới ít.

Hỏi: Thế nào là định trung bình, cảnh giới trung bình?

Đáp: Nếu định duyên trung bình, trụ trung bình, là phẩm hạ, duyên nơi chúng sinh hữu lượng, pháp hữu lượng nên sinh, trừ Đức Như Lai và Niết-bàn, đó gọi là định trung bình, cảnh giới trung bình.

Hỏi: Thế nào là định trung bình, cảnh giới vô lượng?

Đáp: Nếu định duyên trung bình, trụ trung bình, là phẩm hạ, duyên nơi chúng sinh vô lượng, pháp vô lượng, cùng Đức Như Lai và Niết-bàn nên sinh, đó gọi là định trung bình, cảnh giới vô lượng.

Hỏi: Thế nào là định vô lượng, cảnh giới ít?

Đáp: Nếu định duyên vô lượng, trụ vô lượng, là phẩm thù thắng, duyên nơi một chúng sinh, một pháp, một hành, trừ Đức Như Lai và Niết-bàn, đó gọi là định vô lượng, cảnh giới ít.

Hỏi: Thế nào là định vô lượng, cảnh giới trung bình?

Đáp: Nếu định duyên vô lượng, trụ vô lượng, là phẩm thù thắng, duyên nơi chúng sinh hữu lượng, pháp hữu lượng, trừ Đức Như Lai và Niết-bàn nên sinh, đó gọi là định vô lượng, cảnh giới trung bình.

Hỏi: Thế nào là định vô lượng, cảnh giới vô lượng?

Đáp: Nếu định duyên vô lượng, trụ vô lượng, là phẩm thù thắng, duyên nơi chúng sinh vô lượng, pháp vô lượng, cùng Đức Như Lai và Niết-bàn, đó gọi là định vô lượng, cảnh giới vô lượng.

Hỏi: Thế nào là định trụ ít?

Đáp: Nếu định trụ trong khoảng thời gian ít, như trong khoảnh khắc khảy ngón tay hoặc nhiều hơn, không phải như trong khoảng vắt sữa bò, hoặc nhiều hơn, đó gọi là định trụ ít.

Hỏi: Thế nào là định trụ trung bình?

Đáp: Nếu định trụ trong khoảng thời gian trung bình, như khoảng thời gian vắt sữa bò, hoặc nhiều hơn, không phải bảy ngày, hoặc nhiều hơn, đó gọi là định trụ trung bình.

Hỏi: Thế nào là định trụ vô lượng?

Đáp: Nếu định trụ trong khoảng thời gian vô lượng, bảy ngày hoặc nhiều hơn, đó gọi là định trụ vô lượng.

Hỏi: Thế nào là định ít, trụ ít?

Đáp: Nếu định ít, cảnh giới ít, là phẩm hạ, nếu trụ trong khoảng thời gian ít, như trong khoảnh khắc khảy ngón tay, hoặc nhiều hơn, không phải như trong khoảng thời gian vắt sữa bò, hoặc nhiều hơn, đó gọi là định ít, trụ ít.

Hỏi: Thế nào là định ít, trụ trung bình?

Đáp: Nếu định ít, cảnh giới ít, là phẩm hạ, nếu trụ trong khoảng thời gian trung bình, như trong khoảng thời gian vắt sữa bò, hoặc nhiều hơn, không phải bảy ngày, hoặc nhiều hơn, đó gọi là định ít, trụ trung bình.

Hỏi: Thế nào là định ít, trụ vô lượng?

Đáp: Nếu định ít, cảnh giới ít, là phẩm hạ, nếu trụ trong khoảng thời gian vô lượng, bảy ngày hoặc nhiều hơn, đó gọi là định ít, trụ vô lượng.

Hỏi: Thế nào là định trung bình, trụ ít?

Đáp: Nếu là định trung bình, cảnh giới trung bình, là phẩm hạ, nếu trụ trong khoảng thời gian ít, như khoảnh khắc khảy ngón tay hoặc nhiều hơn, không phải như trong khoảng thời gian vắt sữa bò, hoặc nhiều hơn, đó gọi là định trung bình, trụ ít.

Hỏi: Thế nào là định trung bình, trụ trung bình?

Đáp: Nếu là định trung bình, cảnh giới trung bình, là phạm hạ, nếu trụ trong khoảng thời gian trung bình, như trong khoảng thời gian vắt sữa bò, hoặc nhiều hơn, không phải bảy ngày, hoặc nhiều hơn, đó gọi là định trung bình, trụ trung bình.

Hỏi: Thế nào là định trung bình, trụ vô lượng?

Đáp: Nếu là định trung bình, cảnh giới trung bình, là phạm hạ, nếu trụ trong khoảng thời gian vô lượng, bảy ngày hoặc nhiều hơn, đó gọi là định trung bình, trụ vô lượng.

Hỏi: Thế nào là định vô lượng, trụ ít?

Đáp: Nếu là định vô lượng, cảnh giới vô lượng, là phạm thù thắng, nhưng trụ trong khoảng thời gian ít, như khoảnh khắc khảy ngón tay hoặc nhiều hơn, không phải như khoảng vắt sữa bò, hoặc nhiều hơn, đó gọi là định vô lượng, trụ ít.

Hỏi: Thế nào là định vô lượng, trụ trung bình?

Đáp: Nếu là định vô lượng, cảnh giới vô lượng, là phạm thù thắng, nhưng trụ trong khoảng thời gian ít, như khoảng vắt sữa bò, hoặc nhiều hơn, không phải bảy ngày, hoặc nhiều hơn, đó gọi là định vô lượng, trụ trung bình.

Hỏi: Thế nào là định vô lượng, trụ vô lượng?

Đáp: Nếu là định vô lượng, cảnh giới vô lượng, là phạm thù thắng, nhưng trụ trong khoảng thời gian vô lượng, bảy ngày hoặc nhiều hơn, đó gọi là định vô lượng, trụ vô lượng.

Hỏi: Thế nào là định quá khứ?

Đáp: Nếu định sinh rồi diệt, đó gọi là định quá khứ.

Hỏi: Thế nào là định vị lai?

Đáp: Nếu định chưa sinh, chưa xuất, đó gọi là định vị lai.

Hỏi: Thế nào là định hiện tại?

Đáp: Nếu định sinh chưa diệt, đó gọi là định hiện tại.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới quá khứ?

Đáp: Tư duy về pháp quá khứ, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới quá khứ.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới vị lai?

Đáp: Tư duy về pháp vị lai, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới vị lai.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới hiện tại?

Đáp: Tư duy về pháp hiện tại, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới hiện tại.

Hỏi: Thế nào là định của cảnh giới không phải quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Tư duy về pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại, nếu định sinh, đó gọi là định của cảnh giới không phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Thế nào là định hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Nếu định là dục lậu, hữu lậu, đó gọi là định hệ thuộc cõi dục.

Hỏi: Thế nào là định hệ thuộc cõi sắc?

Đáp: Nếu định là sắc lậu, hữu lậu, đó gọi là định hệ thuộc cõi sắc.

Hỏi: Thế nào là định hệ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Nếu định là vô sắc lậu, hữu lậu, đó gọi là định hệ thuộc cõi vô sắc.

Hỏi: Thế nào là định không hệ thuộc?

Đáp: Nếu định là vô lậu Thánh, đó gọi là định không hệ thuộc.

Hỏi: Thế nào là định tạo tác không phải là?

Đáp: Nếu là định không phải Thánh, có báo, đó gọi là định tạo tác không phải là.

Hỏi: Thế nào là định là không phải tạo tác

Đáp: Nếu là định Thánh, có báo, có thể đoạn trừ phiền não, đó gọi là định là không phải tạo tác.

Hỏi: Thế nào là định tạo tác, là?

Đáp: Không có một định, hoặc tạo tác, hoặc là. Nếu định tạo tác thì không phải là, nếu định là thì không phải tạo tác. Đó gọi là định tạo tác, là.

Hỏi: Thế nào là định không phải tạo tác không phải là?

Đáp: Trừ định tạo tác, là, nếu là định khác, đó gọi là định không phải tạo tác không phải là.

Lại nữa, định tạo tác không phải là, nếu là định có báo của cõi dục, đó gọi là định tạo tác không phải là. Nếu là định Thánh có báo, có thể đoạn trừ phiền não, đó gọi là định là không phải tạo tác. Nếu tu định đoạn trừ phiền não cõi dục, thọ nhận hữu của cõi sắc, cõi vô sắc, đó gọi là định tạo tác, là. Nếu định không có báo, hoặc là định Thánh có báo, không phải đoạn trừ phiền não, đó gọi là định không phải tạo tác không phải là.

Định nhận lấy không phải xuất. Định xuất không phải nhận lấy. Định nhận lấy, xuất. Định không phải nhận lấy không phải xuất. Định có nhiễm không phải là nhiễm. Định là nhiễm không phải có nhiễm. Định có nhiễm là nhiễm. Định không phải có nhiễm không phải là nhiễm. Định có ách không phải là ách. Định là ách không phải có ách. Định có ách, là ách. Định không phải có ách không phải là ách... đều cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là định của quả trí không phải là quả đoạn?

Đáp: Nếu tu định sinh trí, không phải có thể đoạn trừ phiền não, đó gọi là định của quả trí không phải là quả đoạn.

Hỏi: Thế nào là định của quả đoạn không phải là quả trí?

Đáp: Nếu tu định, đoạn trừ phiền não, không sinh trí, đó gọi là định của quả đoạn không phải là quả trí.

Hỏi: Thế nào là định của quả trí, quả đoạn?

Đáp: Không có một định hoặc là quả trí, hoặc là quả đoạn. Nếu là định của quả trí thì không phải là quả đoạn. Nếu là định của quả đoạn thì không phải là quả trí. Đó gọi là định của quả trí, quả đoạn.

Hỏi: Thế nào là định không phải quả trí, không phải quả đoạn?

Đáp: Trừ định của quả trí, quả đoạn, nếu là định khác, đó gọi là định không phải quả trí, không phải quả đoạn.

Lại nữa, định của quả trí, không phải là quả đoạn: Nếu tu định được năm thông, không phải Thánh, hoặc một, hoặc hai, đó gọi là định của quả trí, không phải là quả đoạn. Nếu tu định được quả Tư-đà-hàm, đó gọi là định của quả đoạn, không phải là quả trí. Nếu tu định được quả Tu-đà-hoàn, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đó gọi là định của quả trí, quả đoạn. Nếu định không có báo, hoặc định có báo, không phải sinh trí, không phải có thể đoạn trừ phiền não, đó gọi là định không phải quả trí, không phải quả đoạn.

Định của quả trí, không phải định của quả đắc. Định của quả đắc, không phải định của quả trí. Định của quả trí, quả đắc. Định không phải quả trí, không phải quả đắc... đều cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là định tận không phải là giác?

Đáp: Nếu tu định, đoạn trừ phiền não, không sinh trí, đó gọi là định tận không phải là giác.

Hỏi: Thế nào là định giác không phải là tận?

Đáp: Nếu tu định, sinh trí, không đoạn trừ phiền não, đó gọi là định giác không phải là tận.

Hỏi: Thế nào là định tận giác?

Đáp: Không có một định, hoặc là tận, hoặc là giác. Nếu định tận thì không phải giác. Nếu định giác thì không phải tận. Đó gọi là định tận giác.

Hỏi: Thế nào là định không phải tận, không phải giác?

Đáp: Trừ định tận giác, nếu là định khác, đó gọi là định không phải tận, không phải giác.

Lại nữa, nếu tu định, được quả Tư-đà-hàm, đó gọi là định tận không phải là giác. Nếu tu định được năm thông không phải là Thánh, hoặc một, hoặc hai, đó gọi là định giác không phải là tận. Nếu tu định được quả Tu-đà-hoàn, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đó gọi là định tận giác. Nếu định không phải là báo, hoặc định có báo, không phải có thể đoạn trừ phiền não, không phải sinh trí, đó gọi là định không phải tận, không phải giác.

Định thoát, không phải là giải. Định giải không phải là thoát. Định thoát, giải. Định không phải thoát, không phải giải cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là định của phần thoái lui?

Đáp: Nếu là định bất thiện, đó gọi là định của phần thoái lui.

Hỏi: Thế nào là định của phần trụ?

Đáp: Nếu là định vô ký, đó gọi là định của phần trụ.

Hỏi: Thế nào là định của phần tăng trưởng?

Đáp: Nếu là định thiện không phải của Thánh, đó gọi là định của phần tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là định của phần giải thoát?

Đáp: Nếu là định Thánh có báo, có thể đoạn trừ phiền não, đó gọi là định của phần giải thoát.

Lại nữa, nếu tu định thoái lui, không phải pháp thiện của Thánh, không phải trụ, không tăng trưởng, đó gọi là định của phần thoái lui. Nếu tu định là pháp thiện không phải Thánh, là trụ không thoái lui, không tăng trưởng, đó gọi là định của phần trụ. Nếu định cùng với giải thoát tương ưng, đó gọi là định của phần giải thoát.

Hỏi: Thế nào là định của phần thoái lui không phải là phần trụ?

Đáp: Nếu định có thoái lui, không phải là trụ, đó gọi là định của phần thoái lui, không phải là phần trụ.

Hỏi: Thế nào là định của phần trụ, không phải là phần thoái lui?

Đáp: Nếu định là trụ, không phải có thoái lui, đó gọi là định của phần trụ, không phải là phần thoái lui.

Hỏi: Thế nào là định của phần trụ, phần thoái lui?

Đáp: Không có một định gồm phần thoái lui, phần trụ. Nếu là phần thoái lui thì không phải phần trụ. Nếu là phần trụ thì không phải là phần thoái lui. Đó gọi là định của phần trụ, phần thoái lui.

Hỏi: Thế nào là định không phải phần thoái lui, không phải phần trụ?

Đáp: Trừ định của phần trụ, phần thoái lui, nếu là định khác, đó gọi là định không phải phần thoái lui, không phải phần trụ.

Hỏi: Thế nào là định của phần thoái lui, không phải là phần tăng trưởng?

Đáp: Nếu định có thoái lui, không phải là tăng trưởng, đó gọi là định của phần thoái lui, không phải là phần tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là định của phần tăng trưởng không phải là phần thoái lui?

Đáp: Nếu là định tăng trưởng, không phải là thoái lui, đó gọi là định của phần tăng trưởng không phải là phần thoái lui.

Hỏi: Thế nào là định của phần tăng trưởng, phần thoái lui?

Đáp: Không có một định gồm phần thoái lui và phần tăng trưởng. Nếu là phần thoái lui thì không phải là phần tăng trưởng. Nếu là phần tăng trưởng thì không phải là phần thoái lui. Đó gọi là định của phần tăng trưởng, phần thoái lui.

Hỏi: Thế nào là định không phải là phần thoái lui không phải là phần tăng trưởng?

Đáp: Trừ phần thoái lui, phần tăng trưởng, nếu là định khác, đó gọi là định không phải là phần thoái lui, không phải là phần tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là định của phần thoái lui không phải là phần giải thoát?

Đáp: Nếu định có thoái lui, không phải là giải thoát, đó gọi là định của phần thoái lui, không phải là phần giải thoát.

Hỏi: Thế nào là định của phần giải thoát, không phải là phần thoái lui?

Đáp: Nếu định có phần giải thoát không phải là thoái lui, đó gọi là định của phần giải thoát, không phải là phần thoái lui.

Hỏi: Thế nào là định của phần thoái lui, phần giải thoát?

Đáp: Không có một định gồm cả phần thoái lui và phần giải thoát. Nếu là định của phần thoái lui thì không phải là định của phần giải thoát. Nếu là định của phần giải thoát thì không phải là định của phần thoái lui. Đó gọi là định của phần thoái lui, phần giải thoát.

Hỏi: Thế nào là định không phải phần thoái lui, không phải phần giải thoát?

Đáp: Trừ định của phần thoái lui, phần giải thoát, nếu là định khác, đó gọi là định không phải phần thoái lui, không phải phần giải thoát.

Hỏi: Thế nào là định của phần trụ, không phải là phần tăng trưởng?

Đáp: Nếu định có trụ, không phải là tăng trưởng, đó gọi là định của phần trụ, không phải là phần tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là định của phần tăng trưởng, không phải là phần trụ?

Đáp: Nếu định có tăng trưởng, đó gọi là định của phần tăng trưởng, không phải là phần trụ.

Hỏi: Thế nào là định của phần tăng trưởng, phần trụ?

Đáp: Không có một định gồm cả phần trụ, phần tăng trưởng. Nếu là định của phần trụ thì không phải là định của phần tăng trưởng. Nếu là định của phần tăng trưởng thì không phải là định của phần trụ. Đó gọi là định của phần tăng trưởng, phần trụ.

Hỏi: Thế nào là định không phải của phần trụ, không phải của phần tăng trưởng?

Đáp: Trừ định của phần trụ, phần tăng trưởng, nếu là định khác, đó gọi là định không phải của phần trụ, không phải của phần tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là định của phần trụ không phải là phần giải thoát?

Đáp: Nếu định có trụ, không phải là giải thoát, đó gọi là định của phần trụ không phải là phần giải thoát.

Hỏi: Thế nào là định của phần giải thoát không phải là định của phần trụ?

Đáp: Nếu là giải thoát, không phải là trụ, đó gọi là định của phần giải thoát không phải là phần trụ.

Hỏi: Thế nào là định của phần giải thoát, phần trụ?

Đáp: Không có một định gồm cả phần trụ, phần giải thoát. Nếu là định của phần trụ thì không phải là phần giải thoát. Nếu là định của phần giải thoát thì không phải là phần trụ. Đó gọi là định của phần trụ, phần giải thoát.

Hỏi: Thế nào là định không phải của phần trụ, không phải của phần giải thoát?

Đáp: Trừ định của phần trụ, phần giải thoát, nếu là định khác, đó gọi là định không phải của phần trụ, không phải của phần giải thoát.

Hỏi: Thế nào là định của phần tăng trưởng không phải là phần giải thoát?

Đáp: Nếu định có tăng trưởng, không phải là giải thoát, đó gọi là định của phần tăng trưởng không phải là phần giải thoát.

Hỏi: Thế nào là định của phần giải thoát không phải là phần tăng trưởng?

Đáp: Nếu định có giải thoát, không phải là tăng trưởng, đó gọi là định của phần giải thoát không phải là phần tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là định của phần tăng trưởng, phần giải thoát?

Đáp: Không có một định gồm cả phần tăng trưởng, phần giải thoát. Nếu là định của phần tăng trưởng thì không phải là phần giải thoát. Nếu là định của phần giải thoát thì không phải là phần tăng trưởng. Đó gọi là định của phần tăng trưởng, phần giải thoát.

Hỏi: Thế nào là định không phải của phần tăng trưởng, không phải của phần giải thoát?

Đáp: Trừ định của phần tăng trưởng, phần giải thoát, nếu là định khác, đó gọi là định không phải của phần tăng trưởng, không phải của phần giải thoát.

Bốn niệm xứ. Bốn chánh cần. Bốn thần túc. Bốn thiền. Bốn tâm vô lượng. Bốn định vô sắc. Bốn hương. Bốn quả. Bốn tu định. Bốn đoạn. Năm căn. Năm lực. Năm giải thoát nhập. Năm cõi xuất. Năm định quán. Năm pháp sinh giải thoát. Sáu niệm. Sáu không. Sáu cõi xuất. Sáu pháp phân minh. Sáu pháp của căn vừa ý. Sáu chánh giác không có hỷ. Bảy giác. Bảy tướng. Bảy định cần thiết. Tám chánh đạo. Tám giải thoát. Tám thắng xứ. Chín diệt. Chín định thứ đệ diệt. Chín tướng. Mười tướng. Mười chánh pháp. Mười nhất thiết nhập. Mười một giải thoát nhập, như phẩm Đạo ở trên đã thuyết minh rộng.

HẾT - QUYỂN 30

SỐ 1549/10
LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP

Tác giả: Tôn giả Tôn Bà Tu Mật.

Hán dịch: Đời Phù Tần,

Tam Tạng Tăng Già Bạt Trùng, người nước Kế Tân.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

QUYỂN 1

Phẩm thứ 1: KIỀN ĐỘ TU, phần 1

Mười lục, thương xuất thế

Biết rõ tất cả pháp

Nay con lễ Như Lai

Pháp và các Thánh chúng.

Câu thiện của tôi thắng

Các Hiền Thánh lắng nghe

Cù Đàm trong đại chúng

Tạo lợi ích chúng sinh.

** Thế nào là sắc tướng?*

Hỏi: Sắc tướng là thế nào?

Đáp: Như nhận biết rõ các pháp.

Hỏi: Thế nào là nhận biết rõ các pháp? Vì có tướng về cảnh giới hay vì có sự vượt hơn?

Đáp: Người kia có một tướng.

Hỏi: Một tướng là có vượt hơn chăng?

Đáp: Trong một tướng vướng mắc nơi các thứ cấu uế của dục là bị các giới trói buộc. Sau cùng người không bị trói buộc vì thế các kiết tức suy yếu.

Hỏi: Trong các kiết như thế là có vượt hơn chăng?

Đáp: Nên có trở lại nẻo cam lộ.

Hỏi: Như trong việc nên trở lại nẻo cam lộ là có vượt hơn chăng?

Đáp: Nương dựa nơi ý sinh thân, thọ nhận các khổ não, duyên cũng không khởi, thế nên các khổ não của thân ý đã trở thành quá khứ.

Hỏi: Như trong không sắc tướng, nếu như không sắc tướng thì sắc cũng không tướng chăng?

Đáp: Nếu không sắc tướng thì cũng không có sắc kia. Sắc tướng cũng không tướng, tức cũng không có sắc tướng của ông.

Hỏi: Cũng như ông không sắc tướng mà có sắc, như vậy ngã không sắc tướng cũng là không tướng hay cũng có sắc tướng?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Dần dần hưng khởi sắc tướng.

Hỏi: Trong một sắc, hoặc hưng khởi, hoặc không hưng khởi, nghĩa này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu sắc trong cùng một thời gian, tích lũy dần tướng không sắc kia.

Hoặc tạo ra thuyết: Dần dần phân biệt sắc tướng. Về điều ấy cũng như trước đã nói.

Hoặc tạo ra thuyết: Gồm thân sắc tướng. Sắc quá khứ, vị lai rất dị biệt, không biểu hiện, nên có không sắc.

Hoặc tạo ra thuyết: Gồm buộc sắc tướng.

Hoặc tạo ra thuyết: Cùng với sắc tướng của các cái.

Hoặc tạo ra thuyết: Hủy hoại sắc tướng. Điều này cũng đã nói trong quá khứ, vị lai.

Hoặc tạo ra thuyết: Sắc tướng có ba thứ: (1) Có thể thấy có đối. (2) Không thể thấy có đối. (3) Không thể thấy không đối.

Hỏi: Nếu các sắc không thể thấy không đối, thì dục sử kia là không sắc tướng chăng?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết: Sắc tướng có đến đi, đó gọi là sắc tướng.

Hỏi: Về nghĩa của quá khứ, vị lai không có dị biệt chăng?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết: Sắc tướng là sắc.

Hoặc tạo ra thuyết: Nhân nơi nghĩa của bốn đại là sắc. Đức Thế Tôn cũng nói bốn đại, duyên nơi bốn đại kia sinh ra sắc ấm, thọ hưng thành.

Hỏi: Nói tóm lại thuyết kia tức không nói: Duyên nơi các sắc hiện có, tất cả sắc đó đều là bốn đại, là sắc được tạo của bốn đại chăng?

Đáp: Ở đây không phải nói tóm tắt. Lại tạo ra thuyết này: Duyên lại sinh các thống ấm (Thọ ấm).

Hoặc tạo ra thuyết: Ông hỏi về sắc tướng nào? Nếu như màu xanh thì màu xanh là sắc tướng. Nếu như màu vàng thì màu vàng tức sắc tướng kia.

Hỏi: Tôi hỏi về tất cả sắc tướng. Nếu như các màu kia là sắc, thì tướng tướng không có vượt hơn chăng?

Đáp: Sắc không đồng một tướng, trong nghĩa này có lỗi gì? Nếu như tướng tướng không đồng, thì nghĩa này không đúng. Cũng như đất là tướng cứng chắc, nhưng hiện nay đất khác và cứng chắc khác.

Hỏi: Tất cả sắc đều đồng một tướng, cũng như vô thường chẳng?

Đáp: Tự tướng không có tướng. Đất là tự tướng, do đó không nên tạo ra thuyết này.

Hỏi: Ngã không có tự tướng, ngã hỏi về tất cả các tướng chẳng?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết: Sắc tướng có đối là sắc. Vì sắc tướng là tướng có đối, cũng như rút lấy mũi tên để dùng, đó gọi là có sắc. Như gieo hạt thóc ở đất, theo thời tưới nước, hạt giống ấy tức có màu sắc.

Hỏi: Thế nào là không phải sắc tướng?

Đáp: Trái với nghĩa đã nêu ở trên. Tôn giả Đàm-ma-đa-la nói: Các vật không có đối, những vật ấy không phải là sắc, đó gọi là không phải sắc tướng. Vật không có đối, vật ấy cũng không sinh, đó gọi là không đối. Cũng như không đối là dấu vết của đối, sắc kia tức là không đối, như thế không phải là sắc tướng.

Hỏi: Sắc do bốn đại tạo có những dị biệt gì?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết: Không có dị biệt, vì bốn đại tức là sắc được tạo.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Các sắc hiện có, hết thảy sắc ấy đều là bốn đại. Sắc do bốn đại tạo đối với kinh ấy là có trái nhau?

Đáp: Không phải đã tạo ra âm thanh lại có căn khác. Như nói: Nơi sáu cánh lạc (xúc), người ngu do tham nên nhận hành khổ vui, từ đây dấy khởi lạc cho đến nay, ngay khoảng giữa của sự khổ vui ấy cũng không vượt ngoài sáu xúc để có bảy xúc. Cũng không có người tạo tác.

Hỏi: Nếu không có người tạo ra âm thanh tức cũng không biến đổi dục sắc, vậy sắc của ngã cũng là ngã có chẳng?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết: Cứng, ướt, nóng, lay động là tướng của bốn đại, cũng như không phải sắc của đất là từ sắc tạo ra sắc.

Hỏi: Bốn đại biến chuyển nên sắc có hơn kém, nhưng không thường tạo tác, nhằm khiến bốn đại ấy có tạo ra sắc chăng?

Đáp: Tuy bốn đại kia chuyển biến để thành tướng của bốn đại có hơn kém cùng sắc do bốn đại tạo ra, nhưng bốn đại không phải đã hưng khởi sắc, cũng không được tướng của bốn đại.

Hoặc tạo ra thuyết: Các duyên nơi bốn đại kia là sắc được hưng khởi của bốn đại.

Hỏi: Bốn đại cũng nhân nơi bốn đại, muốn cho là đã hưng khởi sắc chăng?

Đáp: Sắc kia tuy nhân nơi bốn đại, nhưng có từng ấy đối tượng nhân, bốn đại làm hưng khởi sắc tướng.

Hỏi: Sắc duyên nơi sắc tướng, sắc chuyển biến sinh sắc chăng?

Đáp: Làm sao biết được sắc chuyển biến sinh ra sắc? Lại không duyên nơi bốn đại?

Hoặc có thuyết nói: Bốn đại hữu lậu đã hưng khởi sắc cũng hữu lậu, cũng vô lậu.

Hỏi: Các hữu lậu đã tạo khởi sắc thì đối với bốn đại kia có khác biệt gì? Các vô lậu đã hưng khởi sắc thì những gì là do bốn đại tạo ra?

Đáp: Hoặc tạo thuyết này: Bốn đại vô ký hưng khởi.

Lại nữa, sắc được tạo là thiện, bất thiện, vô ký. Điều này cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết nói: Do dựa vào bốn đại kia nên sắc được hưng khởi.

Hỏi: Tâm, tâm niệm pháp cũng dựa vào bốn đại, muốn cho pháp kia là hưng khởi sắc chăng?

Đáp: Các căn đều dựa vào bốn đại, các căn cũng dựa vào tâm và tâm niệm pháp. Thế nên các căn kia không dựa vào bốn đại.

Hỏi: Danh sắc lần lượt không dựa vào nhau chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Bốn đại tăng thượng, sự tăng thượng của bốn đại đã hưng khởi sắc.

Hỏi: Đó gọi là tăng thượng suy hao hay gọi là tăng thượng không sinh?

Đáp: Cũng như tất cả pháp lần lượt tăng thượng cùng sinh, thế nên nói pháp kia là không sinh.

Tôn giả Tăng-già-đa-la nói: Đại sự của bốn đại hưng khởi nhân duyên sinh sắc.

Hỏi: Bốn đại mỗi mỗi đều không lia nhau, cũng phải do đại sự hưng khởi, nghĩa này là thế nào?

Đáp: Nếu được không lia, hoặc bốn đại không phải là sắc, như phong chủng hành nơi không trung, lia sắc chủng không có hương vị. Bốn đại không phải là sắc nhập, sắc được tạo.

Tôn giả Tôn-bà-tu-mật nói: Cánh lạc (xúc) cũng là sắc được hưng khởi do bốn đại, như sắc đất, hương đất, vị đất.

Tôn giả Đàm-ma-đa-la nói: Cũng như sắc vi diệu, do bốn đại nên được hiểu rõ, cũng cùng với sắc khác, đó gọi là hưng khởi sắc.

Hỏi: Do những gì nên thân thức nhập, xúc nhập, hoặc là bốn đại, hoặc không phải là bốn đại?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Bốn đại kia không có nhân duyên, như nhận biết rõ về sắc, hoặc màu xanh, hoặc không phải màu xanh, đó gọi là thân thức nhập. Xúc nhập, hoặc là bốn đại, hoặc không phải là bốn đại.

Hoặc có thuyết cho: Nghĩa là tướng của bốn đại, bốn đại ấy không phải tất cả đều từ xúc nên được, do tướng của bốn đại không đồng, tướng cứng, thấm ướt cũng không đồng, như thô tế, nhẹ nặng, lạnh nóng, đói khát. Ở nơi xúc kia đất thô đã sinh. Nhẹ được tạo ra do

lửa, gió. Nặng do đất sinh ra. Lạnh do nước tạo nên. Đói khát được tạo do lửa, gió.

Hỏi: Không có xuất sinh đất cứng. Xúc thô là xứ sở của đất, đó gọi là có tăng. Như đất vì bằng phẳng nên nói là trơn mịn. Như đất vì không bằng phẳng nên nói là cứng, thô. Vì thế không có xúc thô. Nếu như xúc thô nên thành tựu, thì tất cả thường có thể đạt được. Như sắc xanh không thể đạt được, thế nên không thành tựu. Đất kia hoặc có nhân nhẹ, lại có nhân nặng, nên nhẹ nặng không được thành tựu. Nếu trở thành lạnh, làm sao hoa sen xanh được sinh? Vì không ở nơi bốn đại kia có được, thế nên lạnh không thành tựu. Nếu lửa thịnh tức là đói, gió là gốc của khát.

Hoặc có thuyết cho: Vì tất cả xúc nhập của thân thức, nên nói là bốn đại, không lia bốn đại mà có thân thức. Bốn đại càng tăng, mỗi mỗi đại đều nói rõ.

Hỏi: Thế nào là vô minh?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không có trí là vô minh.

Hỏi: Thế nào là không có trí? Nói không phải là trí chẳng? Nếu như không phải là trí, thì không phải trí ấy là vô minh. Cỏ cây, tường vách đều không phải trí, muốn khiến chúng là vô minh chẳng?

Đáp: Tâm niệm pháp tương ưng với pháp.

Hỏi: Tâm sở niệm pháp chúng gọi là tướng của tâm pháp, là không trí, vậy sao phái Di-sa-tắc tạo ra thuyết này: Chưa biện giải vô minh, tu hành vô minh, lúc người kia không có minh, người ấy gọi là vô minh. Như không có muối, người kia cho là không có muối. Nếu lúc người kia không có minh, người ấy liền khởi minh tức có vô minh. Cũng như dụng cụ chứa đựng của người kia không có muối thì dụng cụ chứa đựng ấy được gọi là không có muối. Nếu không có minh thì người kia là vô minh, tức không liền có vô minh. Nếu là minh vật là vô minh làm sao hành có duyên?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Năm cái là vô minh. Đức Thế Tôn cũng nói: Người ngu của thế gian bị vô minh che lấp.

Hỏi: Kiết không có xứ mong cầu chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tư duy bất tịnh đó gọi là vô minh.

Đức Thế Tôn cũng nói: Tỳ-kheo nếu tư duy bất tịnh, dục lậu chưa sinh liền sinh. Dục lậu đã sinh thì tăng rộng gấp bội. Hữu lậu, vô minh lậu cũng lại như thế. Cũng nói vô minh tập tức là hữu lậu tập. Thế nên tư duy bất tịnh đó gọi là vô minh.

Hỏi: Không phải tư duy bất tịnh là vô minh chẳng?

Đáp: Người kia duyên nơi tư duy bất tịnh nên cũng là vô minh.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Như thế, Tỳ-kheo tư duy bất tịnh, duyên là vô minh, vô minh duyên ái, thế nên không có tư duy bất tịnh này là vô minh.

Hỏi: Nếu vô minh duyên nơi vô minh, thì về ý có gì trái không?

Đáp: Như đã nói: Vô minh duyên nơi si. Hoặc tạo ra thuyết này: Bốn điên đảo là vô minh.

Hỏi: Kiến đoạn về khổ là điên đảo, thế nên là vô minh. Kiến khổ đoạn trừ kiết kiến, kiết vô minh cũng như thế, không có xứ mong cầu chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tất cả kiết là vô minh, người trí là minh. Tất cả kiết không có nhận biết rõ, thế nên hết thảy kiết là vô minh.

Hỏi: Sử không có xứ mong cầu chẳng?

Đáp: Nếu có mười xứ mong cầu hiện sắc nhập, như thế sử có xứ mong cầu.

Hoặc có thuyết nói: Sự thật không sinh, tà sinh là vô minh.

Hoặc có thuyết cho: Tên vô minh là không có trí, nghi thuận theo tà.

Hoặc có thuyết nêu: Vô minh có sáu tướng: Si thuận với tà, nghi, mong cầu, dục đắc, không có xứ chính yếu.

Hoặc có thuyết nói: Vô minh là đối với Thánh để không tạo tác, là vô trí. Do thuận với tà nên nói là vô trí.

Hoặc có thuyết cho: Tự tạo có chúng sinh là vô minh của ngã sở. Ngã tạo là không phải có.

Hỏi: Thế nào là tướng vô minh?

Đáp: Như trên đã nói.

Lại có thuyết cho: Đối với chúng sinh này, ngu si là tướng vô minh. Thế nào là vô minh có duyên? *Đáp:* Như trên đã nói.

Lại nữa, có ngã vật là có vô minh.

Hỏi: Vô minh và bốn điên đảo có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Kiến là điên đảo: vô thường cho là có thường, khổ cho là có vui, bất tịnh cho là có tịnh, vô ngã cho là có ngã.

Có vô trí tương ưng với vô minh kia và tương ưng với kiết sử khác là vô minh.

Hỏi: Vô trí đã tương ưng với vô minh kia: Vô thường cho là có thường, khổ cho là có vui, cho đến vô ngã cho là có ngã. Một xứ kiến điên đảo tức vô trí này là điên đảo, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Điên đảo do kiến đế đoạn, còn vô minh là do kiến đế đoạn, tư duy đoạn. (Kiến đế: Kiến đạo. Tư duy: Tu đạo)

Hỏi: Nếu vô minh do kiến đạo đoạn trừ, thì so với điên đảo kia có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có khác biệt, vì điên đảo là vô minh.

Hỏi: Nếu như thế thì Tu-đà-hoàn cũng không có vô minh chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vô minh không có hư hoại. Người hư hoại là điên đảo.

Hỏi: Tương ưng hoặc có hư hoại, hoặc không có hư hoại, nghĩa này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không đạo đó gọi là vô minh. Tà đạo đó gọi là điên đảo.

Hoặc có thuyết cho: Không mong cầu đó gọi là vô minh. Mong cầu đó gọi là điên đảo.

Hoặc có thuyết nói: Tất cả kiết sử là vô minh. Vô minh vi tế đó gọi là điên đảo. Lại nữa, tất cả kiết là điên đảo, điên đảo vi tế cũng là vô minh.

Hỏi: Thế nào là tướng nội? Thế nào là tướng ngoại?

Đáp: Tự tướng của các pháp hư hoại nghĩa là tướng ngoại.

Hỏi: Tướng nội, tướng ngoại có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không phổ biến là tướng nội. Phổ biến là tướng ngoại.

Hỏi: Nếu như nên phổ biến thì hư không cũng lại phổ biến chăng? Nếu như tướng nội thâm giữ, không phải tướng nội trở lại là tướng ngoại, thế nên có tướng nội, có tướng ngoại.

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không hư hoại là tướng ngoại. Hư hoại là tướng nội.

Hỏi: Phổ biến cũng hư hoại. Pháp khác là vô thường, khổ cũng là vô thường chăng?

Đáp: Năm ấm đã hư hoại, một không hư hoại là vô thường phổ biến.

Hỏi: Như tự tướng hư hoại, tướng phổ biến không hư hoại. Như thế tự tướng không hư hoại, hư hoại là tướng ngoại chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tự tướng kia không giống nhau.

Hỏi: Màu xanh của hình tượng xanh. Màu vàng không cùng với hình tượng. Muốn khiến cho hình tượng kia là tướng nội hay tướng ngoại?

Đáp: Màu xanh vàng không đồng. Muốn khiến màu xanh là tướng nội, không phải là tướng ngoại.

Hoặc có thuyết nêu: Hiện bày là tướng nội. Trí chưa nhận biết là tướng ngoại.

Hỏi: Tướng ngoại kia hoặc có trí chưa nhận biết, muốn khiến tướng kia là tướng nội hay tướng ngoại, cho đến trí chưa nhận biết là tự tướng cứu cánh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nương dựa là tự tướng, sự nương dựa là tướng ngoại

Hỏi: Danh sắc mỗi mỗi đều nương dựa vào nhau, cũng là tướng nội, tướng ngoại chăng? Nếu nương dựa tướng ngoại, thì tướng ngoại của tự tướng kia dựa vào tướng ngoại, không có vô thường dựa vào vô thường chăng?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Tự tướng không chung. Chung là tướng ngoại.

Hỏi: Ngoại cũng là không chung. Vô thường, khô là riêng chăng? Trong năm âm vì sao vô thường không chung với pháp ngoại?

Đáp: Như sắc vô thường kia, thọ tướng hành thức vô thường, tư duy như thật, cho đến thức vô thường.

Hoặc có thuyết cho: Cùng với tự nhiên tương ưng là tướng nội. Không tương ưng là tướng ngoại.

Hỏi: Nếu ngoài không có thật thì nay cũng không có. Nếu tướng ngoại có thì nay cũng có tự tướng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có tướng ngoại, tất cả là tự tướng.

Hỏi: Nếu không có tướng ngoại thì các pháp cũng không có ngoài chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đã biện minh tự tướng, không biện minh tướng ngoại.

Hoặc có thuyết nêu: Giác là tự tướng, không giác là tướng ngoại. Khấp có hình tượng không hư hoại, chỗ dựa của trí chưa nhận biết là không chung, không tự có, không có không biện minh tạo ra (kệ). Cũng như có ba hữu này là tướng hữu vi, pháp khác cũng là hữu vi.

Luật Ma-ha-tăng-kỳ nói: Nên nói tướng khác của vô thường này khác với tướng vô vi. Nay cũng nên là tướng hữu vi. Tạo ra thuyết này: Nên nói vô lượng đạt đến pháp hữu vi, mỗi mỗi các tướng tương ưng với ba tướng.

Hỏi: Có những dị biệt nào?

Đáp: Lần lượt cùng sinh. Sinh là đã diệt, cũng lại không trụ.

Hỏi: Ngã có hai khởi cùng sinh, lần lượt cùng sinh, thế nên ở trong ấy không khác chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nói xong nên lại nói.

Hỏi: Tướng hữu vi, tướng vô vi nên là hữu vi chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không phải hữu vi này không phải vô vi kia đạt đến pháp hữu vi. Cũng nên nói pháp khác, đây không phải là pháp hữu vi cùng thấy nhau. Vì sinh này, diệt này thường trụ không biến đổi, thế nên không nói. Người kia nên nói hữu thường, nên nói vô thường.

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói hữu thường.

Hỏi: Tướng hữu thường là hữu vi chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói vô thường đạt được pháp hữu vi. Điều này cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói hữu thường, nên nói vô thường, khởi thường trụ và người kia nên nói vô thường

Hỏi: Có tướng vô vi nay nên là hữu vi chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không được nói hữu thường, vô thường. Vì sao? Vì hành của các pháp đã thành, nên các pháp đó là vô thường. Vì hành của pháp kia thành, thế nên không phải là số vô thường. Vì các pháp trói buộc, vướng mắc, thế nên không phải hữu thường, không phải là vô thường.

**

Phẩm thứ 1: KIỀN ĐỘ TỰ, phần 2

Hỏi: Miệng, miệng nói ra có những khác biệt nào?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Không có khác, vì miệng tức là miệng nói ra.

Hỏi: Nếu như miệng là miệng nói ra, thì thân không phải là thân hành chăng? Nếu miệng cùng với miệng nói ra không khác, thì thân cùng với thân hành cũng không khác. Về nghĩa này là thế nào? Một ít không thuộc về thân, hoặc là thân hành?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Văn tự, nói văn tự được truyền lại là miệng nói ra.

Hỏi: Nếu mỗi mỗi chữ không phải là miệng nói ra, thì không phải cùng tương ưng với miệng nói ra chăng?

Đáp: Mỗi mỗi các chữ không phải là miệng nói ra, không phải là tương ưng. Như mỗi mỗi chữ đều có các nghĩa tương ưng với âm hưởng.

Hỏi: Hoặc có thuyết cho: Có nói năng là tác động của miệng. Như trong hành của miệng, từ trong miệng, là lời nói của miệng. Người khác có mừng, có vui, có lo sầu, nên nói là miệng nói ra chẳng?

Đáp: Chẳng phải lời nói của miệng khiến người kia có mừng, có vui. Lại nữa, chỉ tạo ra nghĩa khác, nghĩa có chôn tư duy, tức sinh tướng mừng.

Hoặc có thuyết cho: Miệng có nói năng, miệng tư duy hành. Phát ra từ miệng đều là hành của miệng.

Hỏi: Nếu tư duy là hành của thân, thì tư duy cũng là hành của miệng, tư duy cũng là hành của ý. Thế nên ba hành không có xứ nhất định chẳng?

Đáp: Hành của thân ta khác, hành của tâm khác, hành của miệng khác, hành của ý khác.

Hỏi: Hành đã tạo ra không nhất định ở nơi chôn. Lại nữa, tiếng nói là hành của miệng, về chữ số cũng là hành của miệng. Vậy chữ số của miệng có gì dị biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Miệng là thiện, bất thiện, vô ký. Còn chữ số thì vô ký.

Hỏi: Nếu lời nói vô ký của miệng, thì chữ số kia có gì dị biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Chữ số đoạn dứt là miệng, không phải là chữ số.

Hỏi: Thế nào là người câm? So với súc sinh có khác gì? Có phải do họ không có hành của miệng chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Lời nói là nghĩa của miệng, không phải là chữ số.

Hỏi: Như chữ số kia cũng là nghĩa. Cũng như vật tự nhiên, như gió thổi, chuông reo, không phải là hành của miệng chẳng? Vốn nhập tam muội chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Miệng tạo ra các hành, không phải chữ số cũng tạo ra hành.

Tôn giả tạo ra thuyết: Hai âm thanh không có sai biệt. Hai sự việc cùng hành riêng được nghĩ nhớ nhận biết là thiện. Chữ số đoạn trừ là miệng. Diễn đạt nghĩa sâu xa cũng là miệng, cũng là hành của miệng. Hai âm thanh đều cùng không khác (Tôn giả Đàm-ma-đa-la nhập tam muội mới biết). Vì sao? Vì miệng có thiện, bất thiện, vô ký, còn văn tự chỉ là vô ký.

Hoặc có thuyết cho: Miệng phát ngôn là do tâm, nhưng không phải là chữ số.

Hỏi: Chữ số được phát ra cũng do tâm, không phải không dụng tâm chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Miệng tạo ra lời nói vi diệu hoặc không vi diệu chứ không phải chữ số.

Hỏi: Chữ số vi diệu, không phải do vi diệu tạo ra. Cũng như khi thức giác trong mộng và từ tam muội khởi chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Miệng chỉ trao truyền giáo pháp, giới luật, chứ không phải chữ số.

Hỏi: Như lời nói của miệng là vô ký, không phải chỉ trao truyền giáo giới mà nói: Ta vì tạo. Thế nên miệng kia đã hành thiện, bất thiện, vô ký, nhưng cũng chính là chữ số chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Hành của thân, miệng tập hợp, nhưng không phải là chữ số.

Hỏi: Chữ số cũng được tập hợp do hành của thân chăng?

Đáp: Tôn giả tạo ra thuyết: Nên xét qua hai sự việc ấy, không nhận thấy hành của thân kia không là tự tướng, cũng không nhận thấy công sức nơi miệng, ý kia cùng khởi, sinh ra sự vi diệu, không

có chỉ hai tướng: trao truyền, thọ báo, mà còn cần (kệ). Tướng cùng với thức có khác biệt gì?

Hoặc có thuyết cho: Không có khác biệt. Vì hai tướng này đều xuất phát do tâm.

Hỏi: Nếu như xuất phát do tâm tất có xứ nhất định. Nếu không khác biệt thì âm cũng là xứ nhất định chẳng?

Đáp: Nếu như ông có ba: Tâm, ý, thời gian, tức có xứ của âm.

Hoặc có thuyết nói: Đây là sự khác biệt: Đó gọi là tướng, là thức.

Hỏi: Danh có xứ nhất định, nên nói là tự tướng chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tướng là tướng, thức là thức nhận biết.

Hỏi: Đây là nghĩa gì? Là đối tượng tạo tác nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tướng là tướng, thức là thức.

Hỏi: Đây cũng là điều tôi đã nghi: Tướng tự nhận biết tướng, thức tự nhận biết thức, đâu có dị biệt nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tâm tức là tướng, tâm cũng là thức.

Hỏi: Nếu như tâm đúng là vậy thì không có tướng thọ tâm khác. Vậy chúng có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tướng đã nhớ tướng tạo cho thức có thể tự nhận biết.

Hỏi: Tướng kia là nhớ nghĩ những gì?

Đáp: Nếu tướng hướng đến, thế nên tướng nhớ tướng. Nếu đã nhớ tướng cái khác thì tướng kia tức có một duyên.

Hoặc có thuyết nêu: Nhớ tướng danh là tướng, tự tướng là thức.

Hỏi: Một pháp cùng có hai danh tự và tự tướng. Nếu như một pháp cùng có hai danh tự, thì danh kia cũng khác, tự tướng cũng

khác. Nếu như danh không cùng với tướng đồng, vì thế tướng cũng là tự, cũng có tướng. Thức là tướng danh chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhớ tướng bên ngoài là tướng, tự tướng là thức. Như nghĩa ấy thì trước đã nói.

Tôn giả tạo ra thuyết: Phân biệt danh thì tướng. Từ tướng nhớ tướng thức không chỉ do ý này đã tạo tác gọi là bên ngoài. Cho đến mắt lại thọ nhận và tướng cùng tâm thức có những khác biệt nào? Nên dùng bảy phương tiện ấy để nói.

Tôn giả tạo ra thuyết: Mắt duyên sắc nên sinh tự tướng của nhãn thức, thọ nhận thức. Thức truyền nhanh chóng các pháp này rồi, trở lại do đầy mà sai biệt. Ý có ba pháp: Thức riêng cùng với thức chung đều có khổ vui do thức kia đã có được để tạo nên các tướng theo đuổi việc đã làm trước kia. Cũng là pháp nơi đối tượng hành của tâm tướng. Tâm này, pháp này nên nói là một tướng, nên nói là từng ấy tướng.

Hoặc có thuyết cho: Nên nói là một tướng. Nếu thức duyên nơi màu xanh thì ý cũng nên như thế. Nếu không như vậy thì chính có một duyên, một duyên tương ưng pháp? *Đáp:* Một tướng không có tự tướng.

Hỏi: Việc nhận lấy thọ, thì thức tướng phân biệt, tâm có thể tư duy, tướng cũng cùng nhận biết chẳng? Tất cả màu xanh riêng thật là màu xanh riêng, tướng cũng cùng nhận biết, tâm cũng nhận biết tâm, thức cũng nhận biết thức, nghĩa này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vô lượng tướng vi diệu này không phải thọ nhận sâu xa mà gọi là đối tượng tạo tác của tướng, đối tượng tạo tác của tự thức hay là tự tướng của tự thức.

Hỏi: Không có một duyên chẳng? Tôn giả tạo ra thuyết này: Nên nói là vô lượng tướng. Nếu như một tướng thì pháp tức có hư hoại, pháp tức có tạp loạn, pháp này không có xứ nhất định. Như các

pháp này có tự tướng, cũng như pháp hữu vi ấy không thể được làm pháp vô vi, pháp vô vi cũng không thể tạo được pháp hữu vi. Nếu như thế thì Đức Thế Tôn xuất thế là để làm gì?

Đáp: Không do nghĩa này mà Đức Phật, Thế Tôn xuất thế, nói hoặc khiến hữu vi tạo ra vô vi, vô vi tạo ra hữu vi.

Ví như ngọc báu, ngọc báu không thể nói không phải là ngọc báu, không phải là ngọc báu thì không thể nói là ngọc báu, chỉ người phân biệt mới nhận biết.

Ví như hướng đạo sư, không phải là con đường thì không thể nói là con đường, con đường thì không thể nói không phải là con đường, chỉ người dẫn đường mới có thể nhận biết.

Ví như đốt đèn, ngọn lửa thấp không thể nói là cao, cao không thể nói là thấp, chỉ chiếu sáng là sự cao thấp của ngọn đèn.

Ví như thầy thuốc, thuốc không thể nói đắng, đắng không thể nói là thuốc, vì thuốc, đắng đều khác. Sự việc trên cũng lại như thế.

Lại nữa, Đức Thế Tôn vì chúng sinh nên mới nói nghĩa của pháp này. Cũng như pháp hữu vi ấy ở nơi ba đời đều có tự tướng, được biết là tướng ngoại. Vì sao? Vì hoặc khởi hoặc không khởi, pháp hữu vi này luôn như thế.

Hoặc có thuyết cho: Tướng có từng ấy.

Hỏi: Tướng kia vốn không trụ, thế nên tướng kia có tướng sinh chăng?

Đáp: Vốn có tướng này chưa sinh.

Hỏi: Nếu như vốn có tướng thì tướng không có từng ấy chăng?

Đáp: Như tướng kia không gieo trồng mà tự sinh tướng, thì tướng cấu uế mỗi mỗi đều sinh khác, không cùng với đồng tướng, đều chưa sinh, đó gọi là từng ấy tướng.

Hỏi: Nếu như tướng kia đã sinh, hoặc chưa sinh, thế nên tướng kia đều có thêm bớt. Do vậy tướng kia vốn không có mà có sinh chăng?

Đáp: Như Đức Như Lai nói tướng không có từng ấy. Tướng kia tức tướng cấu uế, sinh có khác, hoặc không sinh, do tướng này sinh có khác. Ví như màu xanh khác, vô thường khổ khác, đều không có vượt hơn. Tướng này cũng như thế.

Hoặc có thuyết nêu: Sự có từng ấy, điều này cũng như vốn đã nói.

Hoặc có thuyết cho: Nhân duyên hoặc sinh, hoặc không sinh.

Hỏi: Hoặc không có duyên chăng?

Đáp: Đối với không có duyên, hai pháp này không cùng sinh.

Hỏi: Đầu tiên không cùng lời nói chăng?

Đáp: Không phải là không có lời nói.

Hoặc có thuyết cho: Nơi chốn của ba đời, hoặc sinh hoặc không sinh là nghĩa này. Nơi chốn của vị lai nói là vị lai, ở đời quá khứ nói là quá khứ, đời hiện tại nói là hiện tại.

Hỏi: Đời với hành có gì khác nhau? Nếu như hành riêng lẻ của đời vị lai, riêng lẻ là đời thường trụ. Nếu đời tức là hành thế nên hành kia hoặc tụ tập, hoặc di chuyển chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Mỗi mỗi sự việc không đồng, hoặc sinh, hoặc không sinh. Hành quá khứ nhận biết hành quá khứ, đó gọi là quá khứ. Hành vị lai nhận biết hành vị lai, đó gọi là vị lai. Hành hiện tại nhận biết hành hiện tại, đó gọi là hiện tại.

Hỏi: Như vị lai kia không phải là hiện tại, nếu như không phải hiện tại là thường trú. Nếu hiện tại, thế nên vị lai kia nhận biết có hiện tại tức có hiện tại. Nếu vị lai kia nhận biết hiện tại tức không có hiện tại. Hiện tại là nên nhận biết hiện tại, nhận biết có hiện tại. Như hiện tại kia dời chuyển tức có quá khứ. Giả như không có quá khứ

tức có thường. Có quá khứ thể nên hiện tại của ông nhận biết quá khứ tức có quá khứ. Nếu như nên như hiện tại nhận biết quá khứ không có quá khứ. Quá khứ của ông nhận biết có quá khứ tức không, tức không có quá khứ?

Hoặc có thuyết cho: Đây vì sao nói như thế? Ở đây vì sao nói tương ưng với tự tướng?

Đáp: Đây gọi là trụ thường xong nên tạo tự tướng. Nếu thường không cùng với tự tướng tương ưng, tức không có đời từ tướng sinh ra đời.

Hỏi: Nếu từ tướng sinh ra đời, tức tướng kia sinh quá khứ, thể nên đời không có xứ thường chăng?

Đáp: Tướng của ta chưa sinh, đời vị lai chưa sinh, không hủy hoại đời hiện tại, không do sinh, không sinh làm khác, thể nên đời có xứ thường.

Hỏi: Nếu tướng kia không sinh, cũng sinh, thì không phải là nay có chăng?

Đáp: Nếu nay không sinh, cũng không sinh vô vi.

Lại nữa, thường tương ưng với tự tướng, đây cũng nên không. Hoặc sinh, hoặc không sinh, đó gọi là nếu vô thường thì tướng kia cũng không sinh, nay cũng không tương ưng.

*Tướng tạo từng ấy thứ
Nhân duyên đời như thế
Mỗi mỗi nương nhau sinh
Tướng gốc là tạo tác.*

Cũng như pháp hữu vi này, không phải là chẳng không, không phải là chẳng có. Pháp vô vi chẳng phải là chẳng không, chẳng phải là chẳng có. Vì sao? Vì pháp hữu vi nói là vô thường. Pháp vô vi nói là có thường.

Hoặc có thuyết nói: Pháp hữu vi tướng có từng ấy, không có pháp vô vi.

Hoặc có thuyết cho: Pháp hữu vi tạo ra từng ấy thứ, không có pháp vô vi.

Hoặc có thuyết nêu: Pháp hữu vi có nhân duyên, không có pháp vô vi.

Hoặc có thuyết nói: Pháp hữu vi có xứ sở của đời, không có pháp vô vi.

Hoặc tạo ra thuyết này: Pháp hữu vi có vô số thứ dị biệt, không có pháp vô vi.

Tôn giả lập ra thuyết: Pháp hữu vi đã tạo tác cùng nhân duyên, tức nhân duyên cùng sinh. Nhân cùng với duyên có khác biệt gì?

Hoặc có thuyết cho: Không có khác biệt. Hội hợp hiện có là không, thì hội hợp không tức là nhân cùng với duyên. Như đã nói nhân tức là duyên đó gọi là sinh già bệnh chết.

Hỏi: Nếu như hội hợp có thì sự hội hợp ấy tức là duyên. Nhân nơi mắt có nhãn thức, muốn khiến mắt kia là nhân, không phải là duyên chăng?

Đáp: Không phải mắt hội hợp sinh nhãn thức, vì có đối tượng tức có nhãn thức. Vì vậy hội hợp cũng là nhân, cũng là duyên.

Hoặc có thuyết nêu: Hội hợp là nhân, đối tượng tạo tác là duyên.

Hỏi: Nếu hội hợp tạo ra hội hợp thì nhân không phải là duyên chăng?

Đáp: Mỗi mỗi duyên được tạo ra nên hội hợp là có nhân.

Hỏi: Nếu mỗi mỗi chỗ tạo tác không phải là nhân thì hội hợp cũng không phải là nhân chăng?

Đáp: Mỗi mỗi chỗ tạo tác không phải là nhân nên hội hợp có. Như mỗi mỗi chỗ tạo tác không phải là hội hợp, nên hội hợp có tức hội hợp cũng lại như thế.

Hoặc có thuyết nói: Tự nhiên là nhân, phi tự nhiên là duyên.

Hỏi: Lúa mì đã mọc ra mầm, mầm cùng với lúa mì là giống nhau chăng? Giả như mầm cùng với lúa mì giống nhau, nghĩa là muốn khiến bốn đại đều đồng nghiệp nhân chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Theo thứ lớp là nhân, ở xa là duyên.

Hỏi: Nhân duyên và thứ đệ duyên không có khác biệt. Nếu thứ lớp thiện, khởi tâm bất thiện là nhân, không phải là duyên chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không chung là nhân, chung là duyên.

Hỏi: Mắt không cùng sinh nhãn thức, muốn khiến mắt này là nhân không phải là duyên. Lúa mì cùng với mầm rễ cùng sinh thân lúa, đây là duyên không phải là nhân chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Sinh nghĩa là nhân, lại sinh là duyên.

Hỏi: Nay sinh không có duyên, vậy lúa mì lại sinh không có nhân chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tự nuôi lớn là nhân, nuôi nấng người khác là duyên.

Hỏi: Nếu tự tâm sinh thiện tức là tự nuôi. Muốn khiến đây là nhân không phải là duyên chăng?

Đáp: Tôn giả tạo ra thuyết: Xoay trở về nói là xoay trở về là nhân, không xoay trở về là duyên.

Không có hội hợp

Thứ lớp tự nhiên

Các pháp cùng sinh

Tự thân xoay chuyển.

Hỏi: Thế nào là thứ đệ duyên?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Tâm quá khứ đã nhớ nghĩ về pháp là thứ đệ duyên.

Hỏi: Tâm tâm pháp vị lai, trung gian sinh thứ đệ duyên chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tâm tâm pháp quá khứ, hiện tại là thứ đệ duyên.

Hỏi: Tâm tâm pháp vị lai, nếu lâu phát sinh trung gian thì thứ đệ duyên kia có sinh chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tất cả tâm tâm pháp đó gọi là thứ đệ duyên.

Hỏi: Như tâm sau của A-la-hán hiện nay theo thứ lớp lại sinh tâm khác chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trừ tâm sau của A-la-hán, tâm tâm pháp khác đó gọi là thứ đệ duyên.

Hỏi: Tâm sau của tam muội diệt tận lại sinh tâm khác chăng?

Đáp: Khởi tâm trung gian là thứ đệ duyên.

Tôn giả tạo ra thuyết: Nếu tâm theo thứ lớp sinh tâm, tức là thứ đệ duyên. Vì sao? Vì không phải sắc, tâm tâm pháp có thứ đệ duyên. Xuất sinh từ pháp nào? Theo thứ lớp ít thì sinh nhiều, nhiều thì sinh ít.

Hỏi: Tướng của thứ đệ duyên như thế nào?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Chỗ cần tránh của hành thí là tướng của thứ đệ duyên.

Hoặc có thuyết nói: Soi sáng tâm kia là tướng của thứ đệ duyên.

Hoặc có thuyết cho: Tánh của tâm thứ lớp xoay chuyển là tướng của thứ đệ duyên.

Hoặc có thuyết nêu: Tánh của tâm thứ lớp tăng ích là tướng của thứ đệ duyên.

Hỏi: Thứ đệ duyên nên nói là định, nên nói không phải là định, hay nên nói là thường định?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là thường định.

Hỏi: Như A-la-hán đối với tâm sau hiện nay, theo thứ lớp lại sinh tâm khác chẳng?

Đáp: A-la-hán không phải có thứ đệ duyên của tâm sau.

Hoặc có thuyết cho: Nên nói không phải là thường định.

Hỏi: Tức không có thứ đệ duyên chẳng?

Đáp: Cũng như nhân duyên không có thường định, tất có nhân duyên cũng lại như thế.

Tôn giả tạo ra thuyết: Do quán thứ đệ duyên hiện tại, duyên kia nên nói là thường định. Quán thứ đệ duyên của tướng hiện tại tự có thường, nên nói là quả của mình.

Hỏi: Làm sao biết được có không biểu hiện?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Từ đối tượng sinh nhận biết. Cũng tạo ra thuyết này: Có sắc không thể thấy, không đối.

Hỏi: Thế nào là quán xét từ đối tượng sinh nhận biết đây không phải là hiện tại? Nếu sắc không thể thấy, không đối, thì không sắc cũng không thể thấy, không đối, thế nên sắc, không sắc của ông không có khác biệt.

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thường trụ, pháp khác, được thấy biết có không biểu hiện giới, thành tựu việc đã tạo tác cúng dường kia. Ta quán có không biểu hiện giới, quán tướng của công việc đã tạo kia.

Hỏi: Người kia không phải quán công việc đã làm không biểu hiện mà là quán chỗ biểu hiện đã tạo ra trí. Nếu tạo ra có không biểu hiện thì các thứ không biểu hiện hiện có, người kia tất nên quán về đối tượng tạo tác, vì cho biểu hiện hiện có kia là hành rất vi diệu chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Sự sự cùng quán chiếu: Giới luật không giới luật diệt tận. Giới có không thấy giới luật diệt, thấy có giới luật không giới luật diệt tận.

Hỏi: Không phải đạo diệt tận của giới luật, cũng không phải là giới luật diệt tận chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Do tội đọa, khi nhận biết nói về giới cấm. Người nhận biết có đọa không đọa, vì phạm vô lượng tội. Quán kia có đây, không biểu hiện các người phạm tội.

Hỏi: Người kia không phải là không biểu hiện nhớ lại trước kia mình đã vi phạm. Nếu như tướng vi phạm không biểu hiện, cho đến không biểu hiện là tất cả tội phạm kia chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhận biết có thứ hơn, không hơn. Nghĩa là không quán về biểu hiện tức có không biểu hiện, như quán hữu vi tức có vô vi. Tuy ở đây có biểu hiện, nhưng ta quán ở kia không có biểu hiện.

Hỏi: Chỗ biểu hiện kia không tận cùng có hơn, không hơn. Nếu quán tất cả là không hơn, tức muốn khiến người kia có hơn chăng? Giả như có thì không có vượt hơn. Nếu tất cả sự vi diệu có hơn thì sự vượt hơn là không có?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Sinh trên cõi trời, sau đấy có thể nhận biết hành tập không phạm, hay là sau đấy mới sinh trên cõi trời.

Hỏi: Làm sao nhận biết được hành tập không phạm?

Đáp: Vì thường xuyên không phạm nên có thể nhận biết tâm không phạm. Theo chỗ tu tâm hành kia, sau đấy được sinh trên cõi trời.

Hoặc có thuyết nêu: Không biết. Vì sao? Vì người kia không phải là hàng trí. Người kia có nghĩa được biểu hiện, an trụ kết hợp với tương ưng, huống chi là không có biểu hiện. Người kia chỉ dựa vào kinh nói về việc sinh lên cõi trời. Còn hàng trí thì thân không có biểu hiện. Vậy thân thọ có sai biệt gì?

Hoặc có thuyết nêu: Thân không biểu hiện trói buộc, thân thọ thì tâm trói buộc.

Hỏi: Người kia bị thân căn trói buộc chằng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Số giới không biểu hiện thuộc về sắc ấm. Lại thân thọ là ý pháp thuộc về thọ ấm.

Hoặc có thuyết cho: Cả hai cùng không đối, tăng giảm khó nói.

Hỏi: Tâm, tâm bất tương ưng hành không biểu hiện, có chủng loại nào riêng khác chằng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không biểu hiện là sắc. Tâm bất tương ưng hành thì chằng phải là sắc.

Hoặc có thuyết nói: Không biểu hiện là vật. Tâm bất tương ưng hành thì chằng phải là vật.

Hoặc có thuyết cho: Không biểu hiện chằng phải là trí quán vật, mỗi mỗi đều thành. Tâm bất tương ưng hành không phải do pháp tự nhiên tạo ra.

*Miệng thức có ba thứ
Cũng như ba hữu vi
Nhân duyên có bốn thứ
Vô – biểu có ba nghiệp.*

Phẩm thứ 1: KIỀN ĐỘ TỰ, phần 3

*Khổ do nhân ý được
Không trí cũng có năm
Sắc căn đều đầy đủ
Mỗi mỗi có bảy khổ.*

Được nhân duyên của tâm, tâm pháp, không tư duy, duyên nơi tâm, tâm pháp, duyên nơi tự tướng muốn khiến tạo duyên.

Hoặc có thuyết nói: Không có. Vì sao? Vì nhân duyên được thân giữ do tâm, tâm pháp, không thể khiến Nước xanh nhận biết duyên. (Nước ngoài do thấy nghe đều gọi là quốc: Nước).

Hỏi: Nếu như người biết được Nước xanh có duyên, như người kia nhận biết Nước xanh, tức là có biết. Nếu Nước xanh có nước làm duyên thì tự tướng của nhân duyên tức có hai hiểu biết: Hoặc hiểu biết hay hiểu biết khác. Duyên nơi Nước xanh gồm thân Nước xanh khác. Nếu biết rõ duyên nơi Nước xanh thì người kia cũng không quán Nước xanh gồm thân chỗ hiểu biết làm duyên?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Được như thuyết đã nêu, như người sợ hãi, không biết vì ai, vì cái gì khiến tâm mình phải sợ? Tự tướng tạo duyên, duyên cũng không tự nhận biết.

Hỏi: Sự việc kia không phải là tự tướng làm duyên chăng? Nếu như làm duyên thì tự nhận biết là có duyên. Tánh của tự tướng tự như thế.

Đáp: Được như chỗ đã nói.

Hỏi: Có là tướng hay có là tâm?

Đáp: Cái gì là tướng. Cái gì là tâm. Hoặc có thuyết cho: Pháp kia tức là duyên. Nếu không nói như thế thì đó là tướng đó là duyên. Như vậy là tâm không hợp, không tương ưng.

Hỏi: Hoặc tạo ra thuyết: Nếu được tâm, tâm pháp vị lai làm duyên, duyên nơi tướng kia tức là duyên, nên tư duy thành thực. Tự tướng của tâm, tâm pháp kia làm duyên, tự tướng ấy không nhận biết có duyên. Vì sao? Vì không dùng duyên của vị lai để tạo có duyên.

Đáp: Người kia không do tự tướng làm duyên, nếu làm duyên của tự tướng, thì duyên cũng có trí sinh tự tướng, tự thức.

Hoặc có thuyết cho: Được như đầu, bụng, hông có thọ thì thọ ấy tự duyên nơi tướng mà tạo nên duyên, còn duyên không tự nhận biết.

Hỏi: Tự tướng của thọ kia tạo duyên, không tạo ra duyên, là thọ không có xứ sở. Tự tướng của thọ sinh, hiện chỗ thật về đầu, là lại có thọ chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Được. Giả như không được thì có hai: Nhận biết tâm của người khác. Tâm tâm mỗi mỗi đều làm duyên xong, tâm tự làm duyên, nên tự nhiên không nhận biết tâm này không phải là diệu, vì thế là đã được.

Hoặc có thuyết cho: Được. Giả như không được, thì tâm duyên nơi tâm không có cứu cánh, tức có nhân duyên, tâm này không phải là diệu, thế nên là đã được.

Tôn giả tạo ra thuyết: Được tướng của thọ thì tâm có khác biệt gì? Cảnh giới của ý thức này không từ ở trong được, được thức. Nếu không được thức thọ nhận tự tướng thì thức này gọi là cứu cánh. Ở đây có ý thức nhập khác tức có hư hoại.

*Tâm sợ hãi không lại
Tướng vị lai cũng thế
Thọ và tâm người khác
Tâm duyên thọ đây kia.*

Trở lại tâm và tâm pháp, nếu như tâm duyên nơi tâm, thì hai tâm này đều cùng có trước sau để tự tạo ra tướng.

Hoặc có thuyết nói: Được, như biết rõ nước xanh một thời gian làm duyên.

Hỏi: Đây không phải là thí dụ. Giả như phải làm duyên thì có hai tự giác chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không thể được. Nếu như làm duyên thì màu xanh cùng với sự hiểu biết là như nhau, không có khác biệt. Hiểu biết cũng lại không có khác, thế nên là như nhau chăng? Vì thế là không được, đây không phải như vậy.

Hoặc có thuyết nêu: Không thể được. Vì sao? Vì không phải do đây chuyển mà thọ nhận các pháp. Không phải một lần chuyển, không phải lại chuyển lần nữa, nên nói là một. Thế nên có thể được. Vì sao? Vì nhãn thức không nhận biết nhãn căn.

Hoặc có thuyết nói: Có thể thấy duyên nơi nhãn thức, không thể thấy duyên nơi nhãn căn.

Hỏi: Nhĩ thức hiện nhận biết nhĩ căn, duyên kia là không thể thấy chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Gồm thân cảnh giới là nhãn, gần là nhãn căn, thế nên không nhận biết.

Hỏi: Tỷ thức nay nhận biết tỷ căn, vì tỷ thức kia trở lại nơi cảnh giới chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Bốn đại là mắt, vì không phải là cảnh giới của bốn đại, thế nên không nhận biết.

Hỏi: Thân thức nay nhận biết thân căn, vì thân căn kia là cảnh giới của bốn đại chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Dựa vào nhãn vì nhãn thức không phải là tâm tâm pháp tự nương dựa, thế nên không nhận biết.

Hỏi: Ý thức hiện không nhận biết ý căn, ý thức kia tức là chủ thể nương dựa. Vậy không thể nhận biết, vì không có cảnh giới của tất cả các pháp chãng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu mắt hư hoại là nhãn thức, thì mắt không ngăn che mắt, thế nên nhãn thức kia không nhận biết.

Hỏi: Đây cũng là điều tôi nghi: Vì sao mắt không ngăn che mắt?

Đáp: Trong đây không có vật tự nhiên hay tự nhiên bị hoại.

Hoặc có thuyết nêu: Không thể biết. Nếu như nên biết thì các nhập tức có hư hoại, khi sáu thức chưa hoại.

Hoặc có thuyết nói: Pháp kia không phải là cảnh giới này.

Hỏi: Đây cũng là điều tôi nghi: Vì sao? Vì thức kia không phải là cảnh giới.

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tự tướng của sắc gồm thân, thọ nhận các nhãn thức, không phải là sắc tự nhiên, không phải là nhãn căn, thế nên nhãn thức kia không nhận biết.

*Thấy được do ngài gần
Ta nương bốn đại kia
Che mắt mà có hoại
Cảnh giới là tướng sắc.*

Nhĩ căn có thể thấy cũng lại như thế. Tỷ căn có thể thấy, nên nói không phải do ngài gần. Thiết căn, thân căn có thể thấy, vì chúng là thứ được tạo ra của ta do bốn đại. Nên tạo ra thuyết này: Như sắc của năm căn này, tất cả đều do bốn đại tạo thành. Vì sao? Vì nếu có từng ấy tướng, tức có từng ấy dung mạo.

Hoặc có thuyết nêu: Không có tướng mạo. Cũng như các sắc hiện có của nhãn thức, tất cả là do bốn đại tạo ra. Có từng ấy tướng là có từng ấy dung mạo. Không hiện có cũng lại như thế.

Hoặc có thuyết cho: Vì xứ có hơn và nhãn căn của xứ khác, cho đến thân căn, thế nên vô số thứ căn sở dĩ có vô số thứ tướng và có vô số thứ dung mạo.

Hỏi: Xứ sở khác có một dung mạo, hoặc lại có hai, muốn khiến cho nhãn căn kia có từng ấy tướng, có từng ấy dung mạo. Tất cả xứ đều là thân căn, tức muốn khiến thân căn tạo ra từng ấy tướng, từng ấy dung mạo chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Căn hoan hỷ của sắc do bốn đại tạo và nhãn căn hoan hỷ của bốn đại khác. Ngoài ra, cho đến thân căn, vô số thứ tướng đều ở trong đó.

Hỏi: Một mắt hoan hỷ của bốn đại khác, hoặc có hai mắt khác, là muốn khiến xứ của mắt đã ngấm nhìn có vô số thứ tướng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ta tạo ra nhãn căn của bốn đại và mắt của bốn đại khác. Ngoài ra, cho đến thân căn, trong đó có vô số thứ tướng, nói rộng như trên.

Hỏi: Một mắt của bốn đại khác, hoặc đại khác có hai, vì muốn khiến nhãn căn có vô số thứ dung mạo. Hoặc có thuyết nói: Căn được tạo ra do hành cấu uế, nhân nơi hành cấu uế khác được nhãn căn. Ngoài ra, cho đến thân căn, trong đó có vô số thứ tướng, vô số thứ dung mạo, nói rộng như trên?

Đáp: Ngoài ra, nhân nơi hành cấu uế mà thành một nhãn căn, hoặc lại thành hai căn, là muốn khiến nhãn căn tạo ra vô số thứ tướng chăng? Hoặc có thuyết nêu: Hành tương ưng trong bốn đại, sở dĩ có vô số thứ tướng là vì nhãn căn kia đã tạo ra vô số thứ dung mạo.

Hỏi: Hoặc do một bốn đại, hoặc hai, hoặc bốn?

Đáp: Tất cả ít chung có bốn đại, ít nhiều cùng hợp.

Hoặc có thuyết nói: Vì cảnh giới của bốn đại có tăng giảm, thế nên sắc được bốn đại tinh diệu tạo ra cũng tinh diệu.

Hỏi: Từng có hoặc có lúc đất có tướng cứng, không có tướng cứng chẳng?

Đáp: Tất cả tướng cứng chỉ là tướng cứng, song tướng cứng có tăng giảm. Ví như sắc, chì, thiếc, cho đến vàng là đứng đầu.

Tôn giả tạo ra thuyết này: Bắt đầu sinh trăm vật có vô số thứ tướng. Sở dĩ có vô số thứ tướng là do mỗi tướng đó có vô số thứ dung mạo.

*Sắc xir các thứ hơn
Hoan hỷ và ngã tạo
Tương ưng hành nhanh chóng
Tự khởi bệnh sinh lão.*

Hỏi: Tướng của nhãn căn tạo ra những thứ ấy có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Dùng mắt thấy sắc, thấy, đã thấy, sẽ thấy đó gọi là mắt thấy.

Hỏi: Đây cũng là điều tôi nghi: Sao là dùng mắt thấy sắc, thấy, đã thấy, sẽ thấy? Sau cùng không khởi pháp nhãn, không thấy sắc, không đã thấy, không sẽ thấy, là muốn khiến cho sự thấy sắc kia là mắt chẳng?

Đáp: Ta đã nói là như thế. Giả như hình tượng này cũng là tự nhiên.

Hỏi: Thế nào là không thấy là thấy là tự nhiên chẳng?

Đáp: Mắt là dung mạo của nhãn căn kia.

Hoặc có thuyết cho: Đồng tử đen là mắt. Sự soi chiếu kia là tạo tác.

Hỏi: Làm sao nhận biết được đồng tử đen là mắt?

Đáp: Vì đồng tử đen là gốc.

Hỏi: Đồng tử đen không phải là gốc của mắt chẳng?

Đáp: Nơi sự việc khác không có chỗ gồm thâu. Vì muốn khiến đồng tử đen kia là mắt, thế nên sự việc này không đúng. Do đồng tử

đen kia cũng nên khác, vì vậy sự việc kia là không có gồm thâu, là muốn khiến đồng tử đen kia không phải là mắt chãng?

Hoặc có thuyết nêu: Sự hoan hỷ của nhãn căn nơi sắc do bốn đại tạo ra, nhãn có cảnh giới của nhãn thức, đó gọi là chỉ rõ trao truyền giáo giới, như thế gọi là người kia tạo tác.

Hỏi: Tất cả sự hoan hỷ của sắc do năm căn tạo ra, thế nên nhãn căn kia không phải là tự tướng của nhãn căn chãng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nương dựa nơi nhãn thức, căn có nhãn căn nương dựa nhãn thức. Đó gọi là sự việc kia.

Hỏi: Các pháp không khởi là khác với nhãn thức, không cùng dựa vào nhãn thức kia, là muốn khiến nhãn căn kia không phải là mắt chãng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Bốn đại là nhãn căn, nhãn thức cùng nương dựa, nên nói là sự việc kia.

Hỏi: Tướng của bốn đại tự hoại, nói là tướng của bốn đại tự hoại. Tướng của nhãn căn không hoại, vì một tướng dựa vào nhãn thức tạo ra các sự việc. Như tự tướng của bốn đại hoại, nhãn căn của một tướng là như thế. Nhãn căn nơi tướng của ta không hoại. Nhãn thức của một tướng cùng nương dựa mà thành chãng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Bị trói buộc do sắc hương vị xúc, nhãn căn, nhãn thức tăng ích, tạo ra các sự việc.

Hỏi: Hiện nay năm thức thân đều nhận biết nhãn căn chãng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhãn căn này không phải là cảnh giới.

Hỏi: Đây cũng là chỗ nghi của tôi. Vì sao? Hoặc có thuyết nói: Nhãn căn kia không phải là cảnh giới, vì nhãn căn không có tự tướng, không có số, sau đây mới thành nhãn căn.

Nếu nhãn căn không có tự tướng thì mắt không có nhận biết chãng?

Đáp: Nhận biết vật của số mắt, đó gọi là nhận biết rõ về mắt. Như vật của số thân được nói là chán đủ. Sự chán đủ của thân không phải là thân bốn đại có một tự tướng.

Hoặc có thuyết nói: Sắc được tạo là tự nhiên, nhãn thức tăng thượng hiện có tăng giảm, đó gọi là tính đếm sự việc của nhãn thức kia. Vào thời gian ấy, dần dần nhận biết tánh tự nhiên như thế. Trong đây các nhập cũng lại như vậy.

*Quán đồng tử của mắt
Hoan hỷ đều cùng nương
Bốn đại đều tụ tập
Không tạo, không hồ nghi.*

Hỏi: Năm căn cũng lại như thế. Tự tướng của ý căn nương dựa có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ý nhận biết các pháp: Nhận biết, đã nhận biết, sẽ nhận biết. Nhãn căn cũng lại như thế. Ý thức tạo tăng thượng là nói sự việc kia.

Hoặc có thuyết cho: Tướng của ý thức dựa vào tướng, ý căn dựa nơi ý thức, đó gọi là sự việc kia.

Hoặc có thuyết nêu: Hoặc phát ra, hoặc ẩn mất, năm thức thân, ý căn dựa vào thức, đó gọi là sự việc kia.

Hỏi: Cõi vô sắc không sinh ý thức, ở cõi ấy không có năm thức thân chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Sáu thức thân, ý thức thân tăng thượng. Từ các thức đã sinh tăng thượng, đó gọi là sự việc kia.

Danh sắc lần lượt không cùng nương dựa. Lại nữa, tự tướng của thức kia ý căn tạo ra tăng thượng, đó gọi là sự việc kia. Vào lúc ấy là tính đếm, cho đến cứu cánh là tánh tự nhiên kia, trong đó, ý thức tức có hủy hoại.

Thế nào là ý? Thế nào là ý thức? Trước đã nói bốn sự, ý tương ưng với sáu thức thân, thức tăng thượng đã sinh ra trí, tâm duyên nơi thức kia là ý thức.

**

Phẩm thứ 1: KIỀN ĐỘ TU, phần 4

Như thọ hiện tại, tự thân không trải qua. Thọ quá khứ, vị lai cũng không vui cũng không khổ.

Hỏi: Thế nào là biết được ta khổ, ta vui?

Đáp: Tôn Ma Ha Tăng Kỳ tạo ra thuyết này: Thọ kia là tự nhiên, tự thân trải qua tự nhiên nhận biết.

Hỏi: Đây không phải là thí dụ. Không thấy có vật tự nhiên đã xoay chuyển, như có vật đoạn tuyệt, có thể không tự cùng đoạn tuyệt, kích không tự cắt ngón tay, đầu tự không cùng xúc chạm, thọ này cũng như thế chẳng?

Đáp: Tôn Đàm Ma Quật tạo ra thuyết: Tâm tương ưng với trí tuệ mà được nhận biết.

Hỏi: Giả như đúng như thế thì tự nhiên nhận biết tự nhiên, pháp tương ưng của một duyên chẳng?

Đáp: Tôn Di Sa Tắc tạo ra thuyết: Do tâm không tương ưng với trí nên nhận biết.

Hỏi: Nếu như thế thì có hai trí. Nói có người: (Tên của một bộ Tăng) tạo ra thuyết: Người nhận biết hỏi người cũng dùng trí nhận biết. Giả như không dùng trí nhận biết thì đầu tiên không nhận biết, tức đều nên có chỗ nhận biết chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đệ nhất nghĩa không có nhận biết, hoặc là khổ, vui. Nói nhận biết chúng sinh thì cũng là tà mạn, như nói có khổ, có vui.

Hỏi: A-la-hán như hiện nay không nhận biết, A-la-hán kia có tà mạn chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thọ là trung gian của chuyển ý, trung gian ngã tự sinh thức, biết được ở trong cảnh giới của thức kia.

Hỏi: Như tánh của ý thức, tánh ấy không phải là cảnh giới của ý. Ý thức cùng với cảnh giới của thức, ý thức cảnh giới ấy không phải là tánh của thọ, làm sao nhận biết được?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Thấy vui, thấy khổ, sau đấy mới nhận biết được.

Hỏi: Người ngu hiện cũng nhận biết, lại không có là khổ, là vui chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Dựa vào khổ, vui của thân, sau đấy nhận biết được.

Hỏi: Như người kia dựa vào thọ đã diệt, làm sao nhận biết được đây là dựa vào lạc thọ, đây là dựa vào khổ thọ? Cũng như thân thọ kia không tự trải qua làm sao gồm thấu ý?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Lúc tâm đã sinh duyên nơi thọ hiện tại.

Hỏi: Lúc tâm muốn sinh là vị lai, tâm ấy không phải duyên nơi vị lai, thế nên tâm ấy là cảnh giới chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Theo thứ lớp của tâm hiện tại, là do sự ẩn mất để duyên nơi thọ kia.

Hỏi: Theo thứ lớp duyên nơi ẩn mất, duyên nơi thọ, cũng không nhận biết khổ, cũng không nhận biết vui, làm sao nhận biết được?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Khổ vui là cùng nương dựa, không có có khổ, có vui không trọn vẹn nữa. Cảnh giới trung gian của ý sinh kia xuất sinh cảnh giới của ý thức. Người kia nhân theo tự tánh của xứ thức, tạo ra tướng thức có khổ có vui, hướng chỉ còn có chúng sinh tùy theo thọ tâm chí tán loạn.

*Người trí tuệ tự nhiên
 Người, đệ nhất nghĩa tột
 Thọ thân chỉ tạo tác
 Đã sinh hành khổ vui.*

Hỏi: Cũng như tâm tâm pháp này, trong dựa vào ngoài sinh các nhập. Vì sao? Vì dựa vào bên trong để sinh không dựa vào bên ngoài?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Dựa vào bên trong sinh.

Hỏi: Cùng trong vô ngại, dựa vào đó sinh trong nhưng không dựa vào ngoài, nghĩa này là thế nào?

Đáp: Cũng như nhau, không có ngăn ngại, đó gọi là nội, đó gọi là ngoại.

Hỏi: Thế nào là đầy không phải là điên đảo?

Đáp: Như là như nhau, không có ngăn ngại, đầy nói là nội, đầy nói là ngoại. Như thế cùng là không có ngăn ngại đã sinh nội, không phải là ngoại.

Hoặc có thuyết nói: Nội có sự tinh diệu, ngoại không có. Đây cũng là điều nghi của tôi.

Hoặc có thuyết cho: Tự tánh của nội thành tự, nhưng không phải là ngoại.

Hỏi: Tánh của ngoại cũng tự thành tự, như sắc hương vị của tự thân chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nội được thân cận, nhưng không phải là ngoại.

Hỏi: Không có xứ sở thì không có gần xa. Đã trở lại cảnh giới, thì cả hai cùng gần nhau, cả hai cùng nương dựa để sinh chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nội sinh, nhưng không phải là ngoại.

Hỏi: Ngoại cũng lại sinh, như sắc hương vị trong tự thân chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nội tạo ra khổ vui.

Hỏi: Ngoại cũng tạo ra khổ vui, như sắc hương vị xúc trong tự thân chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nội có thượng trung hạ. Thượng trung hạ nghĩa là từ tâm tâm pháp sinh.

Hỏi: Ngoại cũng có thượng trung hạ. Thượng trung hạ nghĩa là từ tâm tâm pháp sinh. Lại có tiếng ruồi nặng khác lạ vang lên đầy khởi nhĩ thức. Lại có tiếng trống của lực lớn khác vang lên chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nội không bền chắc.

Hỏi: Nhân duyên, thứ đệ duyên cũng không bền chắc, là muốn khiến cho nhân duyên đó cùng nương dựa để sinh chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nội là tăng thượng.

Hỏi: Ngoại cũng là tăng thượng. Như nhau trong vô ngại, là nội tăng thượng, không phải là ngoại tăng thượng. Nghĩa này là thế nào?

Đáp: Hết thấy các pháp hữu vi, mỗi mỗi pháp đều có tăng thượng.

Hoặc có thuyết nêu: Vì do nội nên tạo ra khổ, nhưng không phải là ngoại. Như vẽ lông mi, điểm mắt để thấy sắc.

Hỏi: Như đã nói họa gấp bội khiến lớn để nhìn xem hình tượng, cất tiếng nói cao là ta sẽ lắng nghe chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nương dựa các nhập của nội. Đây là ý của Sư đã tạo, đều cùng với tâm cùng có thức, đều dựa vào bốn đại. Tâm thức ấy mỗi mỗi đều có các căn đầy đủ, vượt hơn.

*Tự tánh nương vi diệu
Xa gần và lấy bỏ*

*Dưới không bên tăng thượng
Ý Sư thức ở sau.*

Cũng như tâm tâm pháp này, nội dựa vào duyên ngoại, nhập nhân duyên sinh. Vì sao? Vì nội có hư hoại, không phải là ngoại.

Hoặc có thuyết nói: Sự việc hiện tại này cũng như ngắm xem bóng mặt trời kia, mắt có hư hoại nhưng mặt trời thì không có lỗi.

Hỏi: Đây cũng là điều tôi nghi: Vì sao mắt có hư hoại không phải là lỗi của mặt trời?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Do các căn nội trói buộc, nhưng không phải là ngoại.

Hỏi: Ngoại cũng có các căn trói buộc, như sắc, hương, vị trong tự thân chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nội có tướng ngã, ngã sở.

Hỏi: Ngoại cũng có tướng ngã, ngã sở. Vậy A-la-hán không có tướng ngã, ngã sở, vì muốn khiến cho tướng ngã kia không hoại chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Dựa vào nội sinh các nhập, nhưng không phải là ngoại, như trên đã nói.

Hoặc có thuyết cho: Nội được thân cận, nhưng không phải là ngoại.

Hỏi: Ở đây không có xứ của người, không có xứ của nhập, thì sao có gần, xa? Đã trở lại cảnh giới tức cả hai cùng thân cận, hay muốn khiến dựa vào hai để sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nội đã sinh, nhưng không phải là ngoại.

Hỏi: Ngoại cũng lại sinh, như sắc, hương, vị trong tự thân chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tự tánh trụ, nhưng không phải là ngoại.

Hỏi: Ngoại cũng tự tánh trụ, như sắc, hương, vị trong tự thân chẳng?

Đáp: Tôn giả tạo ra thuyết: Nếu tự dựa vào vật để chuyển tâm tâm pháp, thì trụ ở kia, tức các nhập nội ngoại, các pháp ấy lần lượt sinh các căn hư hoại.

*Hiện tại buộc các căn
Dựa tạo có tôi ta
Thân cận các chỗ tạo
Tự tánh, là ngã có.*

Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Nội nhập của mắt nơi các Hiền Thánh không có hư hoại. Trông thấy ánh sáng của sắc, không tư duy thực, cũng không có tư duy sâu xa của nhãn thức.

Hỏi: Tư duy về gì?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thứ đệ duyên là sự tư duy của thức kia

Hỏi: Có trường hợp nào thứ đệ duyên là không có chẳng?

Đáp: Không có, là không có thời gian. Tất cả thức thân đều có hiện tại.

Hỏi: Nếu như có hiện tại thì thức kia sinh chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nhân tự nhiên nên thức kia là tư duy.

Hỏi: Từng có thời gian không có nhân tự nhiên chẳng?

Đáp: Đều không có thời gian nào là không thường có như nhau.

Hỏi: Từng có lúc không như nhau chẳng?

Đáp: Không phải là không có như nhau.

Hoặc có thuyết nói: Tư duy của nghĩa lớn.

Hỏi: Giả như không có nghĩa lớn thì vì sao không sinh thức?

Đáp: Vì không sinh.

Hỏi: Nếu dùng roi gậy đánh đập, người kia không khởi thức chẳng?

Đáp: Do sức mạnh của cảnh giới, thức của người kia tức khởi. Hoặc có lúc không khởi, như nhập tam muội vô tướng, tam muội diệt tận và tâm định khác. Đây cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết cho: Người phát khởi tâm, trước đã nói rồi.

Hoặc có thuyết nêu: Tâm sở nhớ tưởng còn thức thì tư duy. Đây cũng là điều nghi của tôi.

Hoặc có thuyết nói: Tư duy về ngôn ngữ là tướng của thức kia.

Hỏi: Chí tư duy không có khác biệt chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tâm tâm pháp cùng với tâm tương ưng là thức tư duy.

Hỏi: Các pháp tương ưng là thức kia tư duy, sinh các thức, nhưng thức không phải là tư duy. Về nghĩa này là thế nào?

Hoặc có thuyết nêu: Tư duy về chúng sinh theo duyên sinh, tánh thức khởi các sự trói buộc, đó là nghĩa được nói ở đây.

*Thứ lớp có duyên kia
Nhân nghĩa đại chiếu sáng
Hy vọng tạo chúng sinh
Tương ưng cùng các trí.*

Hỏi: Sinh ở xứ kia có tư duy thì có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thứ đệ duyên là tư duy kia, sinh nghĩa là sinh.

Hỏi: Người kia không sinh tư duy, giả như nên sinh thì không có sự khác biệt? Nếu không sinh, thì những gì đã nói không phải là tư duy? Không phải nhãn thức kia được sinh, đây tức là trái nhau. Năm sự cũng lại như thế?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Người kia tư duy về tâm pháp, tâm tương ưng hành sinh. Tư duy kia sinh, không phải là tâm tương ưng hành.

Tôn giả tạo ra thuyết: Người kia sinh tâm, tâm chuyển pháp tức là tư duy. Lại nữa, sinh nghĩa là tự nhiên tạo pháp. Ví như ánh sáng của ngọn lửa trước sau, nhân nơi nhau sinh.

Hỏi: Làm sao biết được ngọn lửa nhân nơi ánh sáng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Có ngọn lửa tức liền có ánh sáng, không có ánh sáng thì không có ngọn lửa. Ở đây nhận biết được ngọn lửa nhân có ánh sáng.

Hỏi: Nếu cả hai cùng khởi thì làm sao biết được ngọn lửa nhân có ánh sáng, không có ánh sáng thì không có ngọn lửa?

Đáp: Ngọn lửa đã sinh ra hình tượng, nhưng không phải là ánh sáng.

Hỏi: Làm sao biết được ngọn lửa sinh ánh sáng, nhưng không phải là ánh sáng?

Đáp: Vì ngọn lửa đã trói buộc.

Hoặc có thuyết nói: Nếu khi có ngọn lửa, ánh sáng tùy thời ứng hợp. Điều này cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết cho: Ngọn lửa hoại thì ánh sáng hoại. Thế nên biết được ngọn lửa nhân nơi ánh sáng.

Hỏi: Nếu cả hai cùng hoại, làm sao biết được ngọn lửa hoại thì ánh sáng hoại, ánh sáng hoại thì ngọn lửa hoại?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Ngọn lửa cháy bùng thì có ánh sáng. Đây cũng là điều tôi nghi.

Hoặc có thuyết nói: Do hội hợp mà có. Điều này cũng là chỗ nghi của tôi.

Hoặc có thuyết cho: Ngọn lửa lớn ánh sáng lớn, ngọn lửa ngắn ánh sáng ngắn. Điều này cũng như trước đã nói.

Hoặc có thuyết nêu: Khi ngọn lửa bất tịnh thì ánh sáng bất tịnh, ngọn lửa tịnh thì ánh sáng tịnh. Đây cũng là điều tôi nghi.

Hoặc có thuyết nói: Vì thấy ánh sáng nên biết ngọn lửa là gốc. Do đây biết được ngọn lửa nhân nơi ánh sáng.

Hỏi: Vì nghĩa của ánh sáng này nên cầu tìm dầu, tìm đèn, là muốn khiến dầu, tìm đèn là nhân nơi ánh sáng chăng?

Đáp: Không do ánh sáng nên cầu tìm dầu, tìm đèn, chỉ do ánh sáng nên cầu tìm ngọn lửa. Vì ngọn lửa nên cầu tìm dầu, tìm đèn.

Hoặc có thuyết cho: Vì không phải là ngọn lửa, nên có ánh sáng của ngọn lửa, cũng tương ưng có ánh sáng. Ngọn lửa cùng với ánh sáng là sự việc rất vi diệu.

Hỏi: Nếu như cả hai cùng phát sinh, đó gọi là vi diệu hay đó gọi là không phải vi diệu? Về nghĩa này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Gốc phát khởi ngọn lửa sinh ánh sáng, do đây biết được ngọn lửa nhân nơi ánh sáng.

Hỏi: Đây không phải là thí dụ, vì không thấy ngọn lửa nào không có ánh sáng?

Đáp: Đây cũng không phải là thí dụ. Như biết rõ ngọn lửa kia lúc lại cùng duyên, lúc không có ánh sáng. Như ánh sáng của ngọn lửa kia không phải là ngọn lửa kia hồi chuyển, nên hy vọng biết rõ cũng không cùng sinh, tức có ý chậm.

*Mỗi mỗi tương hư hoại
Hy vọng tương ưng hành
Trái với nghĩa thanh tịnh
Hội hợp như trước nói.*

Cũng như sáu thức thân tất dựa nơi nhân tự nhiên của quá khứ, chỉ không nhầm, duyên khác cũng không lẫn lộn. Vì sao? Vì một người không phải là trước, không phải là sau, sáu thức thân cả hai cùng khởi.

Hoặc có thuyết nói: Một thứ đệ duyên, một thức trụ.

Hỏi: Một nghĩa là thức tương ưng, mỗi mỗi thức cùng nương dựa chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Một là người kia tư duy về một thức tức tương ưng trụ.

Hỏi: Nếu như một thức tương ưng thì đây là một thức chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Một cùng nương dựa, một thức tương ưng trụ, nghĩa là một thức tương ưng với mỗi mỗi thức trụ. Như tất cả chúng sinh, tất có nơi chón hướng đến thọ báo, tự tạo nên nhận. Người kia có hiện tại, vị lai để gây tạo. Vì sao? Vì một người không phải là trước, không phải là sau, năm hữu không chuyển.

Hoặc có thuyết nói: Một hướng đến các kiết sử đầy đầy.

Hoặc có thuyết cho: Một hướng tới thọ nhận các báo.

Tôn giả tạo ra thuyết: Thức cùng tương ưng, sau đây chuyển nơi mỗi mỗi thức. Các chuyển đã tạo hành báo đều tương ưng với chủng tử thức. Do đây biết được thức. Như không có chúng sinh chưa từng có mà sinh có liền nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì chúng sinh không có giảm.

Hoặc có thuyết nêu: Ông tính toán về từng ấy số chẳng? Có từng ấy số chúng sinh không nhận biết giảm.

Hỏi: Nếu không thể tính đếm thì vì sao không nhận biết giảm?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Chúng sinh không có tận cùng, thế nên không nhận biết giảm. Ví như nước của biển cả là vô hạn lượng,

nên dùng hàng ngàn chiếc bình đến mức, nước biển cũng không giảm. Chúng sinh ở đây cũng vậy.

Hỏi: Biển cả, sông ngòi và nguồn suối khác đều chảy qua chỗ hướng đến, là muốn khiến chúng sinh vốn không nay có chăng?

Đáp: Chúng sinh nơi quốc độ phương khác cùng hướng đến cõi này.

Tôn giả tạo ra thuyết: Chúng sinh ở cõi nước kia không có giảm. Nghĩa này là thế nào? Có chúng sinh du hành nơi cõi của phương khác, chấp nhận đạo Hiền Thánh ra cõi, đến cõi, chí tánh là thế nào? Có những hy vọng gì? Nên tạo ra quán này: Cũng như chúng sinh của ba tụ này có tổn giảm, không tăng ích. Vì sao? Vì chúng sinh của ba tụ không nhận biết có giảm.

Hoặc có thuyết cho: Ông vì tính toán từng ấy số chăng? Chúng sinh từng ấy không có giảm. Nếu không tính đếm thì đâu biết có giảm?

Hoặc có thuyết nêu: Chúng sinh được tạo ra là vô lượng, việc này cũng như trên đã nói.

Tôn giả tạo ra thuyết: Ở mỗi mỗi xứ đều không có giảm, sự việc này là thế nào? Như nơi A-tỳ-đàm nói, tất có đời không nghi, có tụ tà vạy, nên nói là diệt tận. Giả sử như thế thì nghĩa này không đúng, như hiện nay có sự tận cùng này. Như vị lai trong một đời của ba đời này có tổn giảm, không tăng ích. Quá khứ trong một đời có tăng không có tổn giảm. Vì sao? Vì đời vị lai không giảm mà quá khứ có đầy.

Hoặc có thuyết nói: Ông tính đếm về từng ấy số chăng? Quá khứ, vị lai có từng ấy số chăng? Nhận biết có giảm, nếu không tính toán thì sao biết là có giảm?

Hoặc có thuyết cho: Quá khứ đã hoại, vị lai chưa sinh.

Hoặc có thuyết nêu: Quá khứ, vị lai không có xứ sở.

Hoặc có thuyết nói: Quá khứ, vị lai không có hạn lượng.

Đức Thế Tôn nói thế này: Nếu hai pháp thì chiếu sáng. Vì sao? Vì đời không có xứ sở, sự tương ưng với duyên sinh, đã sinh tức nên hoại, là sự việc của đời. (Chúng sinh tăng giảm chính là Thánh nhân tồn tại nhưng không ai bàn luận, nên nói: Ai tính toán há không nói? Vốn không nay có. Nếu có lời nói ấy thì cũng có lỗi, nên đều hạn chế đó thôi. Phật ngằn chặn Phạm chí cũng là sự việc đó. Giáo huấn của Thánh nhân là lời nêu dẫn để tiến đến giác ngộ, chúng sinh không từ bỏ thân hình mà hết lòng phụng sự).

Như người nhập tam muội tĩnh lặng có vô lượng, vô biên phước. Người kia không phải đều là tịnh thì tam muội kia là duyên vào những gì?

Hoặc có thuyết nói: Vô lượng, vô biên phước là duyên của tam muội kia.

Hỏi: Hiện nay không đều tịnh chăng?

Đáp: Người kia không tự nhận biết.

Hỏi: Nếu như tự nhận biết thì tam muội kia duyên nơi những gì? Nếu tịnh là vô lượng thì tam muội kia không phải là trí tà vạy?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Bất tịnh cho là tịnh, thì giáo huấn tâm là nghĩa này.

Hỏi: Nếu tịnh nói là tịnh thì giáo huấn tâm không thường, vô thường. Giải nói giáo huấn tâm là nghĩa nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Hết thấy tĩnh lặng chính là nói về nghĩa này. Nghĩa kia cũng như thế.

Hỏi: Như nay nhập thiền thứ hai, lúc này mắt đều thấy màu vàng, thế nên tự tướng hủy hoại cùng một lúc chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tịnh là duyên của tam muội kia.

Hỏi: Ai không có tam muội ấy?

Đáp: Tư duy không có. Xứ trống thiếu thì có tam muội ấy.

Hỏi: Tất cả tam muội cũng không có xứ trống thiếu, là muốn khiến tất cả tam muội đều tạo ra tam muội tĩnh lặng chăng?

Đáp: Không phải tất cả tự tướng cùng thọ nhận. Không phải tất cả đều tạo ra vô lượng tướng. Nếu tự tướng thọ nhận vô lượng tướng thì người kia là người hành tam muội.

Tôn giả tạo ra thuyết: Tịnh là duyên của tam muội kia, người kia do đây nên tương ưng, như duyên nơi củi cháy sinh khói. Và các nhân duyên đều cùng nương dựa mà sinh tịnh. Như thế khởi các tương ưng và các nhân duyên nên tạo ra quán này. Tam muội kia nên nói là không thuận, nên nói là thuận, như năm sự trên không khác.

Tôn giả tạo ra thuyết: Nên nói là không phải không thuận, dần dần tức gần với thuận. Ăn nghỉ là quán con người, nhưng thức ăn không phải là người.

Hỏi: Người ngu kia quán là duyên nơi những gì?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thức ăn là duyên của người kia.

Hỏi: Người kia không phải là ngu, quán không phải là tư duy về ăn. Nếu như tư duy về thức ăn khác, lại có duyên khác, là muốn khiến tĩnh lặng không có duyên của tĩnh lặng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Con người là duyên của thức ăn kia.

Hỏi: Thức ăn không phải là con người chăng?

Đáp: Như người kia không tự nhận biết.

Hỏi: Nếu như người kia tự nhận biết thì ngã, ngã sở là duyên chăng? Lại nữa, người ngu kia quán, thức ăn ở xứ sở này, mong muốn cầu tìm. Người ngu kia quán, nên nói là thuận, nên nói là không thuận, như hai sự việc trên đã nêu.

Tôn giả tạo ra thuyết: Nên nói là thuận với ái vị là đối nhau. Nếu dựa vào những đốt xương liền nhau khởi từ cùng ấy tưởng, tự nhận biết những đốt xương của thân ta cũng lại như thế. Tưởng của người kia là duyên nơi những gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Những đốt xương nối liền tức là duyên kia.

Hỏi: Thân không phải là những đốt xương nối kết chằng?

Đáp: Thân này cũng là những đốt xương được da, thịt bao bọc.

Hoặc có thuyết cho: Tự thân là duyên, những đốt xương này được da thịt bao bọc.

Hỏi: Tưởng của người kia không phải là thân. Nếu quán tưởng những đốt xương nối kết, thì duyên nơi tự thân, là muốn khiến cho màu xanh duyên nơi sắc vàng chằng? Lại nữa, nghĩa tưởng là duyên nơi tự thân kia, phân biệt, hy vọng về tướng kia, nên nói là thuận, nên nói là không thuận, như hai sự việc trên đã nêu.

Đáp: Tôn giả tạo ra thuyết: Nên nói là thuận với sử dục có đối.

*Thọ và hai tâm
Lửa ánh sáng giảm
Chưa từng có tự
Xanh ăn đốt xương.*

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP

QUYỂN 2

Phẩm thứ 1: KIỀN ĐỘ TỰ, phần 5

Hỏi: Lại như Đức Thế Tôn nói: Bốn sự việc gồm thân con người. Vậy gồm thân con người nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tánh của chúng sinh hư hoại như cát bắn kia. Đức Thế Tôn dùng bốn sự việc này là để gồm thân chung nên mới có nghĩa ấy. Như cát bị nước bắn xâm nhập đều cùng gắn liền vào nhau cũng lại như vậy.

Hoặc có thuyết cho: Tánh của chúng sinh tự hoại, nên dùng bốn sự việc này để cùng gồm thân đều thành tự. Do vậy gồm thân con người cũng là làm cái lọng cao vượt hơn để thân tóm các thứ khác. Bốn sự việc gồm thân này cũng như thế.

Hoặc có thuyết nêu: Pháp tu tập chúng sinh theo phương tiện, nên gọi là gồm thân con người. Vì sao? Vì nghĩa chung nên nói là gồm thân con người.

Hoặc có thuyết nói: Điều cùng có giới hạnh.

Hoặc có thuyết cho: Điều cùng đồng cảnh giới.

Hoặc có thuyết nêu: Điều cùng đồng đối tượng nhận biết.

Lại nữa, nghĩa hỗ trợ, khuyến khích gọi là gồm thân con người.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Vô thường là pháp vô thường.

Hỏi: Thế nào là vô thường? Thế nào là pháp vô thường?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hành quá khứ là vô thường, hành vị lai và hiện tại là pháp vô thường, nên phải giữ lấy pháp ấy.

Hoặc có thuyết cho: Hành quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường. Hành vị lai là pháp vô thường. Cũng nên đến cầu pháp kia.

Hoặc có thuyết nêu: Hành quá khứ, hiện tại là vô thường. Vị lai sinh pháp, không sinh pháp là pháp vô thường. Nên pháp kia cũng cùng với pháp tương ưng.

Hoặc có thuyết nói: Tất cả các hành cũng là vô thường, cũng là pháp vô thường. Như đã nói: Như nhân là vô thường, như quả là pháp vô thường.

Hỏi: Nhân cũng duyên nơi quả khác, quả cũng duyên nơi nhân khác, há nhân quả kia không là vô thường và pháp vô thường chăng?

Đáp: Chỉ nhân duyên nơi quả khác, quả duyên nơi nhân khác. Như nhân là vô thường, như quả là pháp vô thường.

Hỏi: Như hiện nay nhân không phải là vô thường. Như hiện nay quả không phải là pháp vô thường. Vậy nhân quả kia tức là vô thường hay tức là pháp vô thường?

Lại nữa, các hành xoay chuyển theo vô thường kia là pháp hay là pháp vô thường?

Lại như Đức Thế Tôn nói: Các hữu là trần cấu, là pháp trần cấu. Thế nào là trần cấu? Thế nào là pháp trần cấu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trần cấu lần lượt cùng duyên với nhau, đó gọi là pháp trần cấu.

Hoặc có thuyết cho: Trần cấu kia tương ưng với pháp, đó gọi là pháp trần cấu.

Hoặc có thuyết nêu: Trần cấu xen lẫn với trần cấu. Sự xen lẫn kia là pháp xoay chuyển, đó gọi là pháp trần cấu.

Hoặc có thuyết nói: Trần cấu xen tạp với trần cấu. Sự xen tạp kia đã đầy khởi hành của thân miệng, đó gọi là pháp trần cấu.

Hoặc có thuyết cho: Tất cả hành hữu lậu là trần cấu, là pháp trần cấu. Như nhân kia là trần cấu, như quả kia là pháp trần cấu.

Tôn giả tạo ra thuyết: Chúng sinh không hoại diệt, tạo ra hành năm âm, có các não kiến bức bách, đó gọi là pháp trần cấu.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Nay Tỳ-kheo! Ông nay sinh lão bệnh tử, sau cùng lại thọ nhận thân hình khác. Sinh rồi lại thọ nhận thân hình khác, và chết đi thì có khác biệt gì?

Hoặc có thuyết nói: Các thân của trung ấm đây là sinh. Lại chuyển ấm đến đời khác, đây là sinh. Trung ấm hủy hoại đó gọi là đi qua. Tử ấm thứ nhất hủy hoại, đó gọi là chết.

Hoặc có thuyết cho: Ra khỏi bào thai mẹ, đây là sinh. Mới nhập vào thai mẹ, đây là lại sinh. Hình tướng lần lượt tăng trưởng, đây là đi qua. Tử ấm ban đầu bị hủy hoại, đây là chết.

Hoặc có thuyết nêu: Phôi trứng hội hợp lại là sinh ra. Sự việc này là thế nào? Các căn này dần dần thành thực hội hợp lại là thọ sinh, hóa sinh. Các căn kia không dần dần thành thực là hóa sinh. Nếu vào lúc người kia mạng chung, không thấy mô trứng của thân người kia hội hợp, chết rồi mới thấy thân người kia.

Hoặc có thuyết nói: Không có khác biệt, nên nói là trong khoảnh khắc chốc lát. Lại nữa, lúc hướng đến nơi sinh, đầu tiên là thọ ấm sinh, tạo ấm trụ siêu việt. Từ siêu việt tạo ra ấm theo xứ sở thọ sinh. Đó gọi là bấy giờ mạng chung, trụ vào xứ sở siêu việt tạo ra ấm để thọ sinh. Ấm lại dời chuyển đó gọi là chung cuộc mạng đoạn dứt. Các ấm tan lìa đó gọi là chết.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Nay các Tỷ-kheo! Kiệt thường xuyên theo đuổi, vào thời gian ấy có chết. Các hữu chết đi thế nên có số lượng nối tiếp.

Hỏi: Lúc nói lời như vậy, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ái tùy theo thọ mạng kia. Khi mạng chung thì huân tập hành nghiệp. Người kia gọi là chết rồi thọ nhận các hữu. Dục, ái dục thọ nhận âm dục. Sắc, ái sắc thọ nhận âm sắc. Vô sắc, vô sắc ái thọ nhận âm vô sắc. Khi đã được âm kia đó gọi là có số lượng. Nếu ở các cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, nên nói là âm kia có số lượng.

Hoặc có thuyết cho: Sử trói buộc, các sử trói buộc nên thọ âm thọ nhận các hữu. Đã được hữu này, đó gọi là có số lượng. Nên nói: Người kia có số lượng.

Hoặc có thuyết nêu: Tất cả kiệt sai khiến. Nếu sức mạnh vượt hơn, nên vào lúc mạng chung, liền tự nhớ lại sự việc. Người ấy gọi là chết. Nên nói: Người kia có số lượng cấu nhiễm nơi ngu si giận dữ.

Hoặc có thuyết nói: Nhân duyên của sắc yếu kém nên khởi các cấu uế. Sắc trong sắc cấu uế bị sử sai khiến. Duyên nơi sắc đã bị sử sai khiến, khởi kiệt tăng thượng, nên nói là có số lượng.

Hoặc có thuyết cho: Sắc vươngng chấp nơi sắc bị sử sai khiến. Sắc vươngng chấp nơi sắc chết, vì sắc đã được giữ gìn, nhân đầy sinh sắc, nên nói là có số lượng.

Hoặc có thuyết nêu: Các dục hữu cần dùng, bị sử kia sai khiến nên dùng phương tiện để cầu xin, được rồi nói là có số lượng. Như thế, các hữu cần dùng nên cầu xin, đã được vật dụng người kia liền chết, người kia tức có số lượng ở trong địa ngục, hoặc nơi nẻo ác khác.

Hoặc có thuyết nói: Bị ái sai khiến tạo ra hữu, duy trì theo sinh, lão, bệnh, tử, nên nói là người kia có số lượng.

Hoặc có thuyết cho: Bị sử làm cầu uế, kiết khởi hành giữ gìn, trụ hữu, ý hồi trong nẻo ác, nên nói là người kia có số lượng. Nếu khi chết, người ấy không hồi, tức sinh lên cõi trời.

Hoặc có thuyết nêu: Đức Thế Tôn nói pháp nêu bày về bốn đế. Nếu Tỳ-kheo bị sử sai khiến đó gọi là chết, là hiện tập đế, người kia có số lượng, vì hiện khổ đế. Ở đây, Tỳ-kheo không bị sử sai khiến, tức không chết, là hiện đạo đế. Người kia có số lượng là hiện diệt đế.

Tôn giả tạo ra thuyết: Năm thanh âm không phải là sử. Chỉ vô minh, hữu ái ở trong triền của năm ấm tương ưng với các thứ kia, đã ở trong triền trôi buộc, tức là có số lượng, nên phải vào địa ngục, hoặc ở nẻo ác khác.

*Tất cả các sử ái
Sắc kém tự trôi buộc
Nếu lại có ái khác
Sau hành để có năm.*

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo ở đây, sắc là vô thường đối với quá khứ, vị lai, huống chi lại là hiện tại.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói: Huống chi lại là hiện tại?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Sắc quá khứ hoại, sắc vị lai chưa sinh, sắc hiện tại sinh, không hoại. Sắc kia gọi là vô thường, nếu hoại, hoặc sinh và chưa sinh, huống chi lại sinh pháp có hoại, nên nói huống chi lại là hiện tại.

Hoặc có thuyết cho: Sắc quá khứ, vị lai không có xứ sở, vì hiện tại có xứ sở nên nói là vô thường. Như sắc kia không có xứ sở, vô thường, huống chi là không có xứ sở, nên nói huống chi lại là hiện tại.

Hoặc có thuyết nêu: Sắc quá khứ, vị lai không thể hoại, hiện tại có thể hoại, nên hiện tại kia gọi là vô thường. Người có thể khiến

hủy hoại là có thể hủy hoại, huông chi lại có thể hủy hoại, nên nói là huông chi lại là hiện tại.

Hoặc có thuyết nói: Sắc vị lai trụ lâu xa trong vị lai. Sắc quá khứ trụ lâu xa trong quá khứ. Sắc hiện tại vì trụ một thời lâu xa trong hiện tại, nên nói là vô thường. Nếu người trụ lâu xa, hoặc nên trụ lâu xa, huông lại là trụ một thời, nên nói huông chi lại là hiện tại.

Hoặc có thuyết cho: Khi thọ mạng sắp hết, nên Đức Thế Tôn nói: Thọ mạng của con người quá khứ lâu xa, trường thọ đến tám mươi bốn ngàn tuổi. Cũng có tuổi A-tăng-kỳ, nghĩa là con người sống lâu xa trong vị lai, cũng sẽ thọ tối đa là trường thọ đến tám mươi bốn ngàn tuổi. Cũng có tuổi A-tăng-kỳ, như thọ mạng hiện nay, sống lâu tối đa là một trăm tuổi, số người sống lâu ngoài một trăm tuổi thì ít, vì ít nên nói: Huông chi lại là hiện tại.

Hoặc có thuyết nêu: Đây là lời nói răn dạy của Đức Thế Tôn, huông chi lại là sắc hiện tại của chúng sinh, nên nói là ý của ngã sở nhiệm chấp. Quá khứ, vị lai chưa hẳn đã nhiệm chấp, ở đây là nghiêng nhiều về ý dâm, vì hiện vô thường, nên nói huông chi lại là hiện tại.

Tôn giả tạo ra thuyết: Hiện tại là tạm thời hiện, quá khứ, vị lai không thường trụ mà lần lượt qua lại tới lui, tức căn cứ vào câu Khế kinh đã nói.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo nên nhận lấy y ngũ nạp trong vùng gò mả, ít, dễ được, khiến người không có tham ái.

Hỏi: Thế nào là ít? Thế nào là dễ được? Thế nào là không tham ái?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vì người vướng mắc ít, nên nói là ít. Vì xú xú dễ được, nên nói là dễ được. Là điều được Đức Phật chấp nhận, con người không có tham. Vì số giá trị rất ít, nên nói là ít, không theo người để mong cầu, cũng lại không có chủ.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo hành đạo rất khổ. Tỳ-kheo cầu xin khổ, ở chung khổ.

Hỏi: Tỳ-kheo kia hành đạo như thế nào? Thế nào là cầu xin? Thế nào là ở chung?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Năm thanh ẩm là hành đạo. Ái thân là cầu xin. Kiết sử là ở chung.

Tôn giả tạo ra thuyết: Như người hướng đến nói Tỳ-kheo hành đạo khổ, cầu xin khổ, ở chung khổ. Chúng sinh ở nơi kia lưu chuyển sinh tử khổ. Vì đối với nghĩa này nên nói hành đạo khổ. Đối với ba khổ là rất khổ: thân khổ, hành khổ, biến dịch khổ. Trông mong an vui của người khác cũng là khổ. Tất cả sự cầu xin là khổ. Không có phương tiện ở chung là khổ.

*Xứ pháp giới vô thường
Sinh các chấp trần cấu
Sử, hướng lại hiện tại
Bỏ nạp y, rất khổ.*

Phẩm thứ 1: KIỀN ĐỘ TU, phần 6

Lại như Đức Thế Tôn nói: Như kệ kia đã nêu: Không thể ăn thức ăn kia vì lý do gì? Nghĩa là Đức Phật – Thế Tôn nói kệ: Không thể ăn.

Hoặc có thuyết cho: Đức Thế Tôn vì không do ăn nên trụ, chỉ muốn giáo hóa Bà-la-môn kia, thế nên không thọ nhận.

Hỏi: Vì không do kệ, nên nói không thể ăn. Vì ăn không phải là nghĩa ấy, nên nói là không thể ăn?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Bà-la-môn kia keo kiệt, tham lam, ganh tỵ, nên lúc thọ thức ăn, Bà-la-môn kia liền có suy nghĩ thế này:

Sa-môn Cù-đàm do ăn nên thuyết pháp. Như chọn hợp với thi tụng, vì dùng tiền của nên ca ngợi. Người xin, như lương y kia ca ngợi cỏ thuốc, cho là không có chứng bệnh nào không chữa khỏi.

Hoặc có thuyết nói: Muốn hiện thần túc biến hóa đối với Bà-la-môn kia. Đức Phật vì hiện ba biến hóa để chỉ dạy họ.

Tôn giả tạo ra thuyết: Do hai sự việc, nên Đức Phật – Thế Tôn nói kệ không nhận lấy, tự hiện bày nghĩa thức ăn kia, làm rõ chúng sinh nên thọ nhận sự hóa độ của Đức Phật, khiến họ khởi tâm giữ gìn.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Chặt đứt hàng rào, đoạn đứt hầm hào, mà đứng ở cổng thành.

Hỏi: Thế nào là nghĩa cổng thành?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ở đây do trẻ nãi, biếng nhác, nên chỉ biết dựa lưng vào cổng thành mà mình đã tạo dựng. Như Bà tha chúng nói: Như thế, Sa-môn Cù-đàm ở trong pháp hóa độ, không có những cành lá, cộng lóng, vỏ mầm nhú lên, sạch sẽ, bền chắc, không thể dời động.

Hỏi: Thế nào là ở trong pháp hóa độ, là những cành lá, cộng lóng, vỏ mầm nhú lên, sạch sẽ? Nói bền chắc, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Trong pháp hóa độ này, giới là cành lá, cộng lóng, lợi dưỡng là vỏ, tam muội là mầm nhú lên, giải thoát là bền chắc.

Hỏi: Thế nào là ở trong pháp hóa độ, không có giới, không có nghiệp, không có lợi dưỡng, không có tam muội?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Giới bền chắc là cành lá, cộng lóng. Lợi dưỡng là vỏ bền chắc. Mầm nhú lên là tam muội, biểu hiện tương ít. Giải thoát là bền chắc.

Hoặc có thuyết cho: Có các tà kiến. Cành lá, cộng lóng, vỏ mầm nhú lên, ở trong kinh này nên nói như thế. Như vậy là hiện bày

nghĩa của chúng. Nghĩa này không phải là pháp hóa độ của Đức Thế Tôn Cù-đàm theo kiến bền chắc, giải thoát bền chắc.

Hoặc có thuyết nêu: Giới thành tựu là cành lá, cộng lóng, hiện bày chỗ giống nhau. Tam muội thành tựu là mầm nhú lên nơi vỏ cây, hiện bày chỗ giống nhau. Trí tuệ thành tựu hiện bày về nghĩa hàm hào bao bọc. Như thế, Đức Thế Tôn Cù-đàm không phải do đây nên tu phạm hạnh. Còn lại giải thoát bền chắc là đức của thân thông.

Lại như Đức Thế Tôn nói kệ: Vốn đã trải qua.

Hỏi: Thế nào là sắc xứ không giống nhau lỗi nơi chỗ vốn đã trải qua, phát khởi từ bi?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Là tự nhiên.

Hoặc có thuyết cho: Là oai nghi tự nhiên.

Hoặc có thuyết nêu: Do hai sự việc nên nhân nơi chỗ vốn đã trải qua, tự nhận biết thọ mạng đời trước, nên khởi tâm từ bi. Hoặc có người đến báo cho biết.

Hoặc có thuyết nói: Như sự việc kia là nói nhân duyên xưa.

Lại như Đức Thế Tôn nói ví dụ về cây Cẩn thúc khu. Bây giờ, có hai sứ giả theo như sự thật đến tâu với vua xong, rồi lại lên đường trở về nước mình.

Hỏi: Thế nào là sứ giả ấy như sự thật kia? Thế nào là lại lên đường trở về?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Bốn Hiền Thánh đế là như sự thật kia. Tám Hiền Thánh đạo là lại lên đường trở về.

Hỏi: Nếu như trong đạo đế, thì thế nào là có xứ định? Thế nào là có tên riêng?

Đáp: Không có giả dối, xuất yếu là đạo.

Hoặc có thuyết nói: Như chương kia, như thật ngữ kia, như chỗ đã nhận biết kia, tức là lại lên đường trở về.

Hoặc có thuyết nêu: Như đạo kiến đế, thật ngữ cũng lại như thế. Như đạo tư duy, lại lên đường trở về cũng lại như thế.

Tôn giả tạo ra thuyết: Bốn Hiền Thánh đế là như thật ngữ kia. Tám Hiền Thánh đạo là lại lên đường trở về. Ngôn ngữ của tướng đế này, khuyên nêu về không có tướng vật. Trong Khế kinh nói thanh tịnh là ngôn ngữ, dựa nơi kinh mà nói.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Mặc y ngũ nạp lấy từ trong vùng gò mả, có năm việc tức không hợp pháp: Mùi hôi hám. Sắc hoại. Nhiều rận. Giòn xộp. Là nơi cư trú của Dạ-xoa Bà-la.

Hỏi: Thế nào là trong vùng gò mả? Thế nào là mùi hôi hám? Thế nào là sắc hoại? Thế nào là nhiều rận? Thế nào là Dạ-xoa Bà-la?

Đáp: Áo được trùm đắp khi chết, dùng để bọc lấy người chết. Hoặc là giường nằm, hoặc là mền ở thân, nên nói là áo trong vùng gò mả. Bị lấp do bụi bẩn, không có sắc, tuy có đem nhuộm cũng không thành sắc, là nơi chốn bất tịnh, xú uế, nắng nóng bức. Áo như thế là có mong cầu, cho đến chấy rận tất đã có đầy, là nơi thiên thần không qua lại, vì gần với quỷ dữ, nên nói là Dạ-xoa Bà-la.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ái hết thì dục hết. Dục hết thì ái hết.

Hỏi: Ái với dục có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có khác biệt, vì ái tức là dục.

Hỏi: Nay không có ái hết, dục hết. Nên tạo ra thuyết này: Dục hết vì dục hết, nên nói ái hết, dục hết chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ái ít, dục nhiều.

Hỏi: Dục có thượng, trung, hạ, ái có trung, hạ chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nghĩ đến ăn uống là dục. Nhiệm vương nơi thức ăn đó là ái, nên nói là ái.

Hỏi: Như đã nói: Như thọ tham dục thì ái kia liền diệt. Như vậy, thọ ấy nên diệt thì điều ấy có trái nhau chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Khi được dục nhưng chưa được ái thì sự được ấy gọi là dục.

Hỏi: Nay đã được không có nhiễm, chưa được không có dục là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ái thủ là dục. Không ái thủ là ái.

Hỏi: Thế nào là ái thủ không có dục? Thế nào là ái thủ không có ái?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Ý địa là ái. Sáu thân thức là dục

Hỏi: Nếu ý địa là ái thì đối với dục kia có gì sai biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Bên trong là dục, bên ngoài là ái.

Hỏi: Nay bên trong không nhiễm, bên ngoài không có dục, là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Kính mến là dục. Kẻ tạo tác là ái.

Hỏi: Như đã nói: Trong thọ là dục, chỗ tạo tác kia là ái, tức có sai trái chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Chưa được đã được các thứ sinh hoan hỷ, đó gọi là dục. Đã được thức ăn lại muốn có các thứ nên tham chấp, đó gọi là ái.

Tôn giả tạo ra thuyết: Sắc diệu hòa vui đó gọi là dục. Chí vui thích, ý thuận hợp xoay chuyển, đó gọi là ái.

*Không có niệm dục dằng
Đã được mà nhiễm chấp*

*Ý và các ái nội
Sắc vui nơi thích thú.*

Lại như Đức Thế Tôn nói: Nhân là có, nên có là không chẳng? Nhân là có, không phải là không có chẳng?

Hỏi: Lúc nói lời này, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hiện tại, vô minh sinh các hành, sinh quá khứ, vị lai.

Hỏi: Cũng như hiện tại này là không có chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vô minh dựa vào ngã, ngã sở sinh các hành, không dựa thì không có, nên nói dựa vào ngã, ngã sở này là không có.

Hoặc có thuyết cho: Không tận chưa hoàn toàn thì vô minh sinh các hành. Đã tận hoàn toàn thì không sinh hành, nên nói không tận này chưa trọn vẹn là không có.

Hoặc có thuyết nêu: Tất cả các thứ vật dụng sinh vô minh hành. Không có các thứ vật dụng thì không sinh, nên nói nhân nơi vật dụng này là không có.

Tôn giả tạo ra thuyết: Tụ nương dựa, vì độc nương dựa vào sự tăng ích của ý, nên căn cứ vào đây để nói. Nay không phải có là không có khổ đế. Nên nói là quá khứ chẳng? Nên nói là vị lai chẳng? Nên nói là hiện tại chẳng?

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là hiện tại, không do hiểu biết về khổ quá khứ, vị lai.

Hỏi: Quá khứ đã trói buộc, vị lai sẽ trói buộc, hiện tại hoặc có hoặc không có trói buộc. Sử dụng ấy không phải là khổ đế chẳng?

Lại nữa, trong năm thanh âm khởi tướng khổ đế, thời gian của vô số đời đã diễn nói về trí tuệ. Khổ đế, tập đế cũng lại như thế.

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là hiện tại, không phải do ái quá khứ, vị lai mà thọ nhận hữu.

Hỏi: Quá khứ đã biện giải, vị lai sẽ biện giải, ái hiện tại, không phải tất cả đã biện giải chẳng? Sử dục kia không phải là tập đế chẳng?

Lại nữa, trong hành hữu lậu khởi tướng tập đế, thời gian của vô số đời đã diễn nói về tập đế. Đạo đế cũng lại như thế.

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là hiện tại, không phải do đạo quá khứ, vị lai đoạn trừ kiết.

Hỏi: Quá khứ đã diệt, vị lai sẽ diệt, hiện tại hoặc có hoặc không diệt, là muốn khiến cho không diệt kia không phải là đạo đế chẳng?

Lại nữa, trong hành vô lậu đã khởi tướng đạo đế, thời gian của vô số đời đã diễn giảng đạo đế.

*Ngưỡng cửa kệ thi tụng
Bà-tha mùng, Cẩn thúc
Áo gò mả và dục
Nhân đế đều có ba.*

✽

Phẩm thứ 1: KIỀN ĐỘ TỤ, phần 7

*Phật có năm nhãn
Cùng ba thứ sinh
Tướng hữu vi thật
Chẳng sinh có không.*

Lại như Đức Thế Tôn nói: Này Tỳ-kheo! Ta dùng Phật nhãn quán các chúng sinh kia là hàng lợi căn bén, độn căn, đáng hóa độ, dễ giáo huấn, các trần cấu ít, người không nghe pháp thoái chuyển cũng như ba nhãn này.

Hỏi: Thế nào là nhãn (Mắt)? Nghĩa là Phật nhãn (Mắt Phật), Nhục nhãn (Mắt thường), Thiên nhãn (Mắt trời), Tuệ nhãn (Mắt tuệ). Trên nói năm nhãn, đây mới có bốn.

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Ba nhãn của Như Lai, nên nói hết thấy là Phật nhãn chăng? Vì sao? Vì tất cả là trí tuệ nhãn của Như Lai.

Hỏi: Như hiện nay không quán tất cả chúng sinh, các đối tượng quán là chôn u minh đều hiện có khắp chăng?

Đáp: Tôn giả tạo ra thuyết: Thánh trí của Đức Như Lai là thường trụ không dời đổi. Tất cả chúng sinh cho đến loài sâu bọ chỉ cử động đều được quán xét, đó gọi là Phật nhãn.

Hỏi: Phật nhãn nên nói là thiện hay nên nói là vô ký?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là thiện, cũng là vô ký. Vì sao? Vì tất cả ba nhãn ấy đều là Phật nhãn.

Tôn giả tạo ra thuyết: Nên nói là thiện, không có chí lẫn lộn, tán loạn.

Hỏi: Phật nhãn nên nói là hữu lậu hay nên nói là vô lậu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là hữu lậu, nên nói là vô lậu. Vì sao? Vì cả ba nhãn ấy đều là Phật nhãn.

Tôn giả tạo ra thuyết này: Nên nói Phật nhãn là vô lậu. Vì sao? Vì không do trung gian của hữu lậu sinh hữu lậu. Cũng như mười trí ấy của Như Lai.

Hỏi: Những trí nào là Phật nhãn?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Mười trí của Như Lai, tất cả chúng đều nên nói là Phật nhãn. Vì sao? Vì tất cả Như Lai đều là mắt trí tuệ.

Hoặc có thuyết nêu: Pháp trí, vị trí trí là trí thường trụ của Như Lai, không động, không dời đổi, không chung. Soi sáng tất cả chúng

sinh cho đến các loài côn trùng nhỏ nhất, nên nói là Phật nhãn. Cũng như mười lực này.

Hỏi: Những lực nào là Phật nhãn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Căn trí nên nói là Phật nhãn. Do căn trí này nên nhận biết, hoặc có chúng sinh là lợi căn, độn căn, hoặc căn trung bình.

Hoặc có thuyết nêu: Tất cả mười lực nên nói là Phật nhãn. Đây không phải là trí của Như Lai, cho đến mười lực. Cũng như các hành này có vô số duyên sinh. Vì sao? Vì sinh là nói về sinh.

Hoặc có thuyết cho: Sinh nghĩa là rất tinh diệu. Ví như dùng rất nhiều sự việc để nhuộm áo xiêm. Kẻ nhuộm là con người.

Hỏi: Trong chỗ bình đẳng vô ngại là tinh diệu hay không phải tinh diệu? Nghĩa này là thế nào? Có áo nhuộm xanh thế nên không nhất định.

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tuy có duyên sinh này không bị trói buộc, thế nên sinh nghĩa là sinh.

Hỏi: Duyên có sinh này là duyên do trói buộc sinh, thế nên không nhất định chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đầu tiên vì không có thật, nên không sinh.

Hỏi: Đầu tiên không có sinh và duyên của sinh ấy, thế nên sinh này không phải là duyên chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không phải sinh ra hành sinh. Nay vì hội hợp với hành sinh, vì vậy đã hội hợp hành sinh.

Hoặc có thuyết nói: Nếu sinh ra hành sinh như thế, thì duyên kia không có phương tiện. Chủ thể sinh, đối tượng sinh trong sự bình đẳng vô ngại đã không phải là duyên sinh, tức có sai trái. Như pháp

duyên kia sinh các pháp, không có duyên thì không sinh. Như thế là không khác. Vì vậy nên bỏ sự sinh ấy. Tuy nhiên, sinh không phải tạo khởi các pháp một cách tự nhiên, vì điều này không hợp lý. Cũng như các hành này là hai, tức sinh cùng sinh. Vì sao chỉ nói một sinh?

Hoặc có thuyết cho: Một là sinh hành, sinh khác cũng là sinh.

Hỏi: Đây cũng là chỗ nghi của tôi. Vì sao? Vì một là không phải sinh, hành khác cũng là sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Sinh kia có một nhân, sinh khác là quả.

Hỏi: Tuy có mỗi mỗi pháp sinh ra hai sinh này, không phải là hai nhân, nhưng sinh kia cũng là quả chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hành không có hai sinh.

Hỏi: Các sự này phần nhiều là hành không tương ưng, vì sao có một sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hai pháp sinh này đều cùng có không sinh, nếu tương ưng thì sinh hành. Lại nữa, sự sinh này có ý dục sinh, tự nhiên sinh. Vì sao? Vì sinh là nói sinh, sự sinh kia không phải là pháp có bằng nhau.

Hoặc có thuyết cho: Sinh nghĩa là đã sinh hành.

Hoặc có thuyết nêu: Sinh này không phải là sinh, sự sinh khác mới là sinh. Nếu sự sinh có sinh, tức có lưu chuyển sinh khởi không dứt. Nếu hành tự sinh, hành đã tự sinh, tức đây là tự sinh. Sự sinh kia vì sao không có sinh nghĩa là sinh? Thế nên nghĩa này không đúng. Cũng như ba tướng hữu vi của hữu vi này, khởi tận trụ, không có biến dịch, vì sao trụ, nghĩa là có biến dịch?

Hoặc có thuyết nói: Khởi nghĩa là sinh. Tận nghĩa là không có thường trụ. Già nghĩa là biến dịch. Đó gọi là biến dịch.

Hỏi: Nếu như sự già kia có vượt hơn thì chỗ vượt hơn ấy là biến dịch. Nếu không có biến dịch thì không có khác chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Trụ lâu xa trong vị lai thì quá khứ hiện tại tức có biến dịch. Trụ như thế là có biến dịch.

Hỏi: Nếu khởi, chưa khởi biến dịch nhưng có sự vượt hơn. Nếu như không có vượt hơn thì không có biến dịch. Lại nữa, không có một vật trụ có biến dịch, ý trụ có biến dịch, khởi sinh tử đầu tiên, diệt xứ đã sinh, mỗi mỗi đều nương nhờ nhau, thân trụ chuyển, di chuyển trụ, tức có biến dịch. Sự việc này nên nói là ngang đồng hay nên nói là dần dần ngang bằng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là ứng hợp bằng nhau, một thời cùng khởi.

Hỏi: Một thời già biến dịch tức có hư hoại chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là dần dần cùng khởi. Công việc đã làm dừng lại ở chỗ kia, tức có biến dịch. Dần đến cuối hết đều cùng sinh, dần dần sinh. Lại nữa, tạo ra tướng hữu vi của các hành, lại không tạo ra hành. Nếu được tạo ra hành, tức có sự bằng nhau, tức là cùng sinh. Thế nên cùng một thời có đủ sinh, già biến dịch, hư hoại. Do vậy điều này không phải là nghĩa.

Hỏi: Thế nào là tướng khổ đế, tướng tập đế, tướng diệt đế, tướng đạo đế?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nhiều phiền não là tướng khổ đế. Chuyển dời là tướng tập đế. Thôi dứt là tướng diệt đế. Xuất yếu là tướng đạo đế.

Hoặc có thuyết nêu: Gây tạo là tướng khổ đế. Hồi chuyển là tướng tập đế. Chuyển trụ là tướng diệt đế. Có thể xoay trở lại là tướng đạo đế.

Lại nữa, làm rõ nghĩa tạo ra tướng thật đế. Ở trong tụ năm âm, hòn sắt nóng, nước đồng sôi, nhận lấy ba khổ như thế. Nhiễm đắm buồn lo, khổ não, như nuốt hòn sắt nóng.

Khô khô, hành khô, biến dịch khô. Như đốt hòn sắt nọ cho vào lửa, không khác với lửa. Như thế, nên quán khổ khô, nhận biết tướng của phiền não kia. Đối với khổ ái này, chuyển hành biến dịch. Dong ruổi khắp, nhắm đến xứ của nẻo ác, đó gọi là đặng hữu. Quán tướng tập đế kia nơi hành cầu uế tạo nên hành không hệ thuộc đặng hữu, đó gọi là phi đặng hữu. Nên quán tướng diệt đế: Tu giới, thôi dứt (Định) trí tuệ sinh, diệt nhân tương ưng. Tu hành như thế là quán tướng đạo đế.

Hỏi: Vì sao hành quá khứ không sinh lại?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ai là người thấy sinh lại, hoặc là nghi về hành quá khứ.

Hoặc có thuyết nêu: Đã diệt nên không sinh.

Hỏi: Hiện tại sinh lại chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu không tương ưng thì hành kia không sinh.

Hỏi: Như hữu tương ưng với quá khứ kia. Lại nữa, một tương ưng thành một quả, không phải một tương ưng thành hai quả, thế nên không sinh. Làm sao biết được để nói là có hư không?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây là sự việc của hiện tại.

Hỏi: Cho là tăng thượng mạn về không là không có căn bản. Sự việc của hiện tại biết được, cũng có sự việc không thể nhận biết chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không có vương mắc tức không sinh.

Hỏi: Có vương mắc là sinh, tức có thể biết được không có vương mắc kia thì không sinh chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Giả như không có hư không thì vật không có mức độ sai biệt. Vì các vật đều có mức độ sai biệt, thế nên có hư không.

Hỏi: Trong mộng tất cả vật được trông thấy đều dừng trụ. Nếu vật được thâm nhận, thì lần lượt thâm nhận thêm vật kia. Vì có sự lần lượt thâm nhận ấy nên không nhất định, cũng không thể là sau cùng, thế nên không có hư không chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Do thuận theo thế tục nên nói như thế. Như chúng sinh gọi Tát-đóa-na-la, Vị-nuru-xà, Ma-nạp-bà.

Hoặc có thuyết nêu: Không thể xét tìm nhận biết được. Vì sao? Vì đây không phải là đối tượng nhận biết của trí.

Hỏi: Vì sao sắc không cùng với không tương ưng, vô sắc không cùng với không tương ưng?

Đáp: Do ở nơi này đến nơi kia, không có chỗ nào nói đến không đó là thuộc lời nói của thế tục.

*Phật có năm nhãn
Cùng ba thứ sinh
Hai đế hữu vi
Chẳng sinh có không.*

Hỏi: Tám pháp thế gian gồm thâm bao nhiêu ấm, bao nhiêu trì (giới), bao nhiêu nhập?

Đáp: Như chương trước đã nói: Có lợi, không lợi, lợi về lúa thóc, lợi về của cải, lợi về xiêm áo, gồm thâm bốn trì, bốn nhập, thuộc về sắc ấm.

Lợi về voi, lợi về ngựa, lợi về nam nữ, gồm thâm mười bảy trì, mười một nhập. Năm ấm đã thu được nhiều lợi và gồm thâm pháp trì, pháp nhập, thuộc về hành ấm.

Có danh xưng, không có danh xưng, tiếng khen, gồm thâu thanh trì, thanh nhập, thuộc về sắc âm.

Khô, vui gồm thâu pháp trì, pháp nhập, thuộc về thọ âm.

Tất cả tám pháp thế gian gồm thâu mười tám trì, mười hai nhập.

Hỏi: Năm âm, năm dục, hoặc khổ hoặc vui, nên nói là thành tựu hay nên nói là không thành tựu?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Lạc (vui) nên nói là thành tựu, nhân nơi duyên kia sinh dục lạc.

Hỏi: Nhân nơi duyên kia sinh khổ là muốn khiến tạo thành khổ chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Khổ nên nói là tạo thành. Đức Thế Tôn cũng nói: Như thế Ma-đàn-đề (Tên một Bà-la-môn) dục của chúng sinh chưa dứt hết, ở trong dục khổ, khởi vui thích, tưởng vui chỉ được các điền đảo, cho đến Khế kinh cũng nói như thế.

Hỏi: Như hiện nay không có sinh tưởng dục lạc chăng?

Đáp: Điền đảo nên khởi tưởng vui.

Hoặc có thuyết cho: Không có khổ, không có thành tựu vui. Giả xưng nói là có khổ vui nên mạn sinh. Như nơi vô số nẻo, hoặc có một nẻo phương tục khác biệt, do tư duy nên sinh khổ vui và mạn.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của A-tỳ-đàm?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Như Khế kinh kê quyết định sinh nghĩa của các pháp, vì lý thâm diệu, nên gọi là A-tỳ-đàm.

Hoặc có thuyết nói: Pháp bốn Hiền Thánh để có thể chuyên tu hành, nên gọi là A-tỳ-đàm.

Hoặc có thuyết cho: Niết-bàn là pháp tu hành, thọ chứng, nên gọi là A-tỳ-đàm.

Hoặc có thuyết nêu: Mười hai nhân duyên, pháp mười hai duyên, có thể tự giác ngộ, nên gọi là A-tỳ-đàm.

Hoặc có thuyết nói: Tám Hiền Thánh đạo, vì diễn nói rộng nghĩa ấy, nên gọi là A-tỳ-đàm.

Lại nữa, các thứ trói buộc, tham vướng đều được giải thoát vĩnh viễn, trọn vẹn, ở trong nghĩa này, phân biệt nhân của các pháp, có danh thân, cú thân, vị thân, dần dần sáng rõ, dần dần an trụ, dần dần cùng tương ưng, đó gọi là A-tỳ-đàm.

Hỏi: Hình dạng các vị thần và hình dạng con người cùng tạo ra tiếng người thì âm thanh ấy nên nói là người hay nên nói không phải là người?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói đây là âm thanh không phải là người. Xưa thấy quỷ ở nước Kiên-đà-việt, làm rõ ngôn ngữ của người nước Ma-kiệt. Tạo âm thanh Kiên-đà-việt, nói là quỷ của nước Ma-kiệt. Bất người của nước Kiên-đà-việt, tạo ra âm thanh của nước Ma-kiệt.

Hoặc có thuyết cho: Đây là tiếng của người, không phải là âm hưởng của ma quỷ (Dạ-xoa, La-sát), là âm hưởng của người, từ xa nhận biết tiếng vang: Đây là âm hưởng của một người nào đấy.

Hỏi: Phi nhân mang ngôn ngữ của hình người, thế nên có âm thanh. Lại nữa, nên nói đây không phải là âm thanh của người. Thấy người quá khứ, thấy người vị lai, cũng thấy tập tục, phương ngôn. Thần mang ngôn ngữ của người là thật, không phải thần giả. Thần (A-tỳ Phiến-đề) không nhớ những gì mình đã nói. Đức Thế Tôn cũng nói: Đây không phải là Thiên tử A-câu-bà-la. Thiên tử A-câu-bà-la nói kệ ấy. Thiên ma Ba-tuần mang hình dạng Thiên tử A-câu-bà-la, nói kệ ấy. Ma này đã nói không phải là thiên tử kia. Do những gì nên trời nói là quỷ?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Vì cư trú trên trời nên gọi là trời. Như loài sinh trong nước gọi đó là chủng tộc nước, sinh trong núi đằm gọi đó là chủng tộc núi đằm.

Hoặc có thuyết nói: Vì sinh đến cõi trời nên nói là trời. Như người kia cỡi xe nói là người cỡi xe.

Hoặc có thuyết cho: Tá túc trên cõi trời nên nói là trời. Như trụ nơi thành quách nói là người thành quách.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo mang y thọ thực, dấy khởi tướng dục, tướng giận dữ, khởi tướng giết hại, thì chủ đàn-việt kia từng có tội hay không có tội?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Đàn-việt kia không có tội. Vì sao? Vì người kia tạo tội xong chủ đàn-việt không thọ nhận.

Hỏi: Như Đức Khê-Tôn nói: Nếu Tỳ-kheo, thân Tỳ-kheo kia mặc xiêm y, nhập tam muội vô lượng niệm, chuyên chí không dời dòi, tức chủ đàn-việt kia được vô lượng công đức của nghiệp thiện. Như thế đối với Khê kinh là đều trái nhau chăng?

Đáp: Tỳ-kheo kia không tạo tâm này: Ta tạo ra tướng dục.

Hỏi: Không tạo ra niệm này: Tỳ-kheo kia thọ nhận vật của ta, nhập tam muội vô lượng niệm, chuyên chí không dời dòi.

Hỏi: Thí chủ kia không có tâm niệm ấy: Ta thí cho người này thức ăn, ăn xong nhập tam muội vô lượng, là mặc áo của đàn-việt chăng?

Đáp: Nếu mặc áo của đàn-việt thọ thực là để cho đàn-việt kia được phước.

Không nên nói như thế này: Tự thân có bệnh hoạn, người khác lại thọ nhận nổi đau khổ, không ở trung gian tư duy về bất tịnh.

Hỏi: Không có tội lỗi, nên hổ không hổ, nên thẹn không thẹn. Sự hổ thẹn kia nên nói là thiện, nên nói là bất thiện, hay nên nói là vô ký?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là thiện, vì tương ưng với pháp.

Hỏi: Sự hổ thẹn kia không tương ưng với pháp. Nếu đáng xấu hổ liền xấu hổ, vậy sự xấu hổ ấy nên nói là tương ưng với pháp chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là bất thiện, vì có tướng điên đảo cho là tốt.

Lại nữa, nên nói là bất thiện. Như thế vì người nói là tăng ích cho cõi ma.

Như đã nói mạng khác, thân khác. Các đối tượng sinh là mạng, nói như thế thì nghĩa ấy là thế nào?

Hỏi: Sinh tức là mạng chăng? Mạng không phải là sinh, thế nên mạng không phải là mạng. Mạng không phải là mạng, vì mạng khác, thân khác?

Đáp: Sự việc này không đúng, vì thân cũng không được khác.

Hoặc có thuyết nói: Nếu sinh là mạng, thì thân lại không phải là mạng, nên thân không phải là sinh. Lúc thân không sinh thì mạng khác, thân khác, thân với mạng mỗi mỗi đều khác.

Hoặc có thuyết cho: Sinh là mạng, thân tức là sinh, thế nên thân là mạng. Thân khác với mạng, đối với điều khác không có sinh này. Nếu nhân của các pháp đối sinh, thì pháp này nên nói là sinh tương ưng với pháp.

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là sinh.

Từng có một thời gian thấy ngọn lửa, ánh sáng đồng phát ra.

Hỏi: Đây không phải là thí dụ. Như ý thì ngọn lửa không phải là ánh sáng, như ánh sáng không phải là ngọn lửa. Nếu cả hai cùng nhận lấy tức có hai tình hướng.

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là đều cùng với sinh tương ứng, Nếu sinh một thứ thì không có lửa đầu tiên tự cháy. Cũng như lửa kia có củi cháy, không có lửa. Giả như lại có lửa cháy lại không có củi, vì thế nên nói là sinh tương ứng.

Hỏi: Như lửa đầu tiên kia tự cháy, khi lửa sẽ sinh, gọi đó là cháy, như sinh không có củi chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ở đây nên nói là sinh. Giả như sinh một thứ kia, thì mười hai nhân duyên tức không thuận. Như mười hai nhân duyên kia có vô minh, không có hành. Như lúc vô minh diệt, thì mười hai nhân duyên kia liền có hành.

Hỏi: Mười hai nhân duyên kia tức không có thuận. Như có vô minh thì hành kia không sinh, hành sinh thì không có vô minh chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các nhân duyên này đều cùng tương ứng với sinh. Nếu như sinh chỉ một thứ, thì tương ứng không có quả và quả không có nhân. Như cùng sinh không có quả. Như có quả thì không có cùng tương ứng với sinh.

Hỏi: Sự sinh kia cùng tương ứng với sinh, sự sinh kia cùng không có quả, tức quả không có nhân. Như cùng tương ứng với sinh, quả không sinh. Nếu quả không sinh tức không có cùng tương ứng với sinh chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là cùng có tương ứng với sinh. Nếu sinh đơn lẻ thì vốn cũng nên sinh đơn lẻ. Thế nên phải nói là vốn sinh. Nếu không có sinh đơn lẻ, cũng lại không có cùng tương ứng với sinh, cũng sẽ sinh đơn lẻ. Vì thế nên nói là vốn sinh. Nếu không sinh đơn lẻ, cũng lại không có cùng tương ứng với sinh, vĩnh viễn không sinh lại.

Hỏi: Chẳng phải nhân của cảnh giới có quả. Sự sinh đơn lẻ, tương ứng với sinh kia, trước hết cũng nên sinh đơn lẻ, thế nên gốc sẽ

hur hoại. Nếu gốc không hư hoại, thì cùng tương ưng với sinh, cũng lại không hư hoại. Vì thế vĩnh viễn không hư hoại?

Ngã đã sinh có hư hoại, thế nên gốc không hư hoại? Nếu đơn lẻ không sinh, thì tương ưng cũng không sinh. Thế nên vĩnh viễn không sinh tương ưng với cùng sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là tương ưng với sinh. Trước có giống lúa, sau có mầm sinh.

Hỏi: Hạt lúa ở khoảng giữa đã tiêu hết. Nếu khi gieo trồng hạt lúa, bấy giờ tức có sinh chăng?

Đáp: Đây không phải là thí dụ, vì hạt lúa đã mục nát, tức không có.

Hoặc có thuyết cho: Nên nói là tương ưng với sinh. Nếu cùng khởi tương ưng với quả, thì cả hai cùng khởi. Đây không phải là phương tiện để nói về quả chứng, cũng như sừng bò.

Hỏi: Điều cùng có ngọn lửa, ánh sáng. Ngọn lửa là nhân có ánh sáng. Điều đã nêu ở đây cũng nên như vậy chăng?

Đáp: Đây không phải là thí dụ. Vì hai thứ ngọn lửa và ánh sáng, cả hai đều không thể đạt được.

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói điều cùng có tương ưng với sinh.

Hỏi: Giả như điều cùng sinh, nghĩa là nhân với quả tức ngang bằng. Nghĩa này là thế nào?

Đáp: Nếu tâm nhân nơi tâm thì cả hai tâm kia tức ngang bằng.

Hỏi: Tâm của ta đã tận, điều cùng tương ưng với ở trong chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu trong một thời gian điều cùng tương ưng với tâm quả, thì sự sinh kia cũng lần lượt tương ưng, không cùng sinh trong một thời gian. Thế nên một thời gian điều có tương ưng.

Hỏi: Hoặc do quá khứ của ngã đều cùng sinh tương ở trong, có khi ở hiện tại, thế nên không phải là quá khứ của ngã chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là tương ưng với sinh. Nếu như có tương ưng với sinh, như cùng tương ưng ở trong, thì sinh kia là không có, vì cùng tương ưng với sinh là quả, quả cũng cùng tương ưng ở trong thì sự sinh kia không tương ưng để cùng có quả. Thế nên cùng tương ưng với sinh.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tướng như thế là giống với tà mạng dùng chú thuật điều phục súc sinh như côn trùng, ốc.

Hỏi: Điều phục súc sinh, nghĩa này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Rắn hổ mang là loài súc sinh độc dữ, thế nên dùng chú thuật để điều phục.

Hoặc có thuyết nêu: Các nẻo súc sinh tương ưng với chú thuật, cũng là chú thuật, như dùng chú thuật để điều phục nai, quạ, chim dữ, chú thuật để hàng phục voi dữ, rồng độc.

Hoặc có thuyết nói: Tất cả tà mạng là dùng chú thuật điều phục súc sinh. Lại nữa, nẻo súc sinh thường có những mong cầu khác là điều phục súc sinh.

Hỏi: Danh từ giải thoát, nghĩa này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Giải thoát là ra khỏi trói buộc, vướng mắc. Giải thoát là tịnh, không có nhiễm ô.

Hoặc có thuyết nêu: Tâm được giải thoát nên gọi là giải thoát. Lại nữa, tăng thượng lìa hữu nơi ba cõi nên gọi là giải thoát.

Pháp dục A-tỳ-đàm

Hai quý cùng xiêm y

Hổ, thẹn tương ưng mạng

Tà mạng, các giải thoát.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Thọ duyên hữu ái.

Hỏi: Thế nào là thọ duyên hữu ái?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Lạc thọ khởi ái, như thế là thọ duyên hữu ái.

Hỏi: Thế nào là không phải mong cầu khởi ái?

Đáp: Người kia cũng cầu lạc thọ có lạc thọ tìm cầu, đó gọi là lạc thọ cầu.

Hỏi: Thế nào là hiện nay khổ thọ cầu khởi ái chấp?

Đáp: Người kia cũng gọi là khởi, khổ duyên khởi lạc thọ cầu ái.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Người kia vì bị khổ thọ bức bách nên vui thích nơi tưởng dục.

Hỏi: Thế nào là hiện nay không khổ không lạc thọ là nhân duyên của ái?

Đáp: Không khổ không lạc thọ là tưởng dừng dứt, không còn hưng thịnh. Tự nhận biết tưởng dừng dứt, không còn mong cầu nữa.

Hoặc có thuyết nói: Năm ái: Ái của xứ riêng. Ái không phải xứ riêng. Ái lại cầu người khác. Ái không cầu người khác. Ái ngu. Đối với lạc thọ kia, hiện tại khởi ái không phải xứ riêng, chưa khởi ái cầu người khác. Khổ thọ khởi ái không cầu người khác. Đã khởi ái của xứ riêng, không khổ không lạc thọ tức là tưởng dừng dứt. Chưa khởi ái cầu người khác. Đã khởi ái không phải xứ riêng. Lại khởi ái ngu.

Hoặc có thuyết cho: Khổ thọ hướng đến ba nẻo ác. Chúng sinh kia có ái tự lo sợ, thế nên thân tự có ái. Do thân của ái này duyên nơi lạc thọ do con người đã gây tạo, vì thế ái của khổ thọ là duyên nơi lạc thọ. Từ nẻo người cho đến trời Biến Tịnh, chúng sinh kia sinh, ở nơi cõi ấy đã hướng đến tiếng ngã, nên lạc thọ là duyên của ái. Không khổ không lạc thọ cho đến trời Quả Thật, cho đến gồm thâu trời Hữu

tương vô tương, chúng sinh kia sinh, đối với chính mình tự khởi ái. Vì vậy không khổ không lạc thọ là duyên của ái.

Hoặc có thuyết nêu: Nhận lấy xứ báo vui, nên nhận biết là thọ. Như thế ái duyên nơi pháp này, nên nói là tương ưng cùng khởi hay nên nói là mỗi mỗi khởi? Nên tạo ra thuyết này: Tức nói là tương ưng cùng khởi. Như duyên nơi xúc khởi ái, tương ưng với xúc. Như thọ duyên nơi ái, tương ưng với ái.

Hỏi: Sáu nhập của sử dục duyên nơi xúc hay là tương ưng với sáu nhập?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là tương ưng cùng khởi. Vì sao? Vì cũng tạo ra thuyết này: Mắt trải qua thọ, mắt trải qua ái.

Hỏi: Mắt trải qua khổ thọ, mắt lại trải qua lạc thọ, là muốn khiến khổ thọ, lạc thọ cùng tương ưng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là mỗi mỗi thứ sinh. Vì sao? Vì thọ duyên nơi ái sinh, không phải là pháp tương ưng mỗi mỗi đều cùng duyên.

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là mỗi mỗi thứ sinh. Đức Thế Tôn cũng nói: Mắt trải qua thọ duyên khởi, mắt trải qua ái. Nhưng không phải mắt trải qua ái duyên nơi mắt trải qua sinh thọ.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là tương ưng cùng sinh, vì có bạn bè mỗi mỗi sinh báo ái lạc.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Như người nước Bà-xà, như nơi nước ấy, người nam nữ cường tráng cùng cướp đoạt.

Hỏi: Thế nào là người nam khác người nữ khác?

Đáp: Vợ nơi người tự giữ, nếu bị người bắt giữ, thậm chí hành dâm. Người nữ trang sức tràng hoa, thoa phấn thoa hương. Người này, nên nói là người nữ khác. Hoặc người nữ chưa gả chồng ra khỏi

nhà, hoặc lại đã gả chồng ra khỏi nhà, có gọi là số lượng kỳ hạn nên ra khỏi nhà lấy chồng. Đây nên nói là người nữ khác.

Hỏi: Thành tựu, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tất cả pháp không tức là không thành tựu.

Hỏi: Như đã nói: Con người thành tựu pháp thiện. Điều này có trái với Khế kinh chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Các hữu đã sinh là nghĩa thành tựu.

Hỏi: Pháp học, pháp vô học là muốn khiến các pháp ấy thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không diệt tận là nghĩa thành tựu.

Hỏi: Người phạm phu, tất cả pháp đều ở chỗ dục chưa dứt hết, là muốn khiến họ thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hình có chỗ đạt được là thành tựu.

Hỏi: Người không có cấu uế đã được pháp học, là muốn khiến cho người ấy được thành tựu A-la-hán chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không từ bỏ pháp là nghĩa thành tựu.

Hỏi: Người học không từ bỏ pháp vô học, là muốn khiến cho họ thành tựu chăng?

Đáp: Người học kia đã không được.

Hỏi: Ông đã nói: Không từ bỏ pháp là nghĩa thành tựu, nghĩa này là không đúng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nếu như đều cùng được, người kia tức thành tựu, đó gọi là thành tựu.

Lại nữa, pháp của chúng sinh không tương ưng, dần dần có trở ngại, trói buộc, pháp đó được thành tựu. Cũng như người này có thể

nhẫn chịu các thứ lạnh nóng, chúng sinh ở địa ngục lại có mùa đông, mùa hạ không?

Hoặc có thuyết nói: Nhận lấy khổ của địa ngục, chúng sinh kia cũng nhận lấy các thứ lạnh nóng bức bách tự nhiên, như sâu độc trong rượu đắng gặp mật thì chết.

Hỏi: Hành như vậy nên thành sự này không hư giả chăng?

Đáp: Tất là do hành kia nên nhận lấy tội khổ này.

Hỏi: Thân kia không có khổ. Vì sao? Vì nhân duyên đã tạo ra không thể nhẫn chịu lần lượt sinh khổ. Do nhân duyên này cũng sinh vui, cũng sinh khổ nhỏ?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người kia không cùng có thân thể đau nhức vì lở loét, có ngàn thứ khổ, như khổ sinh kêu khóc áo nã.

Hỏi: Người kia không qua đời chăng?

Đáp: Vì báo của hành chưa hết nên người ấy không chết. Như chúng sinh ở trong thai. Vì sao? Vì địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và trời đều tự nhận biết về thọ mạng đời trước của mình, nhưng không phải là người.

Hoặc có thuyết cho: Đạo kia tự như vậy, do đầy tự nhận biết thọ mạng đời trước của mình đã nhận âm nhập. Thế nên người kia tự nhận biết.

Hỏi: Nếu người kia đã được sinh, vì sao kẻ khác không tự nhận biết?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Các người được hóa sinh thì tự nhận biết. Nếu người còn ở trong thai thì không nhận biết.

Hỏi: Nếu như người hóa sinh tự nhận biết, ngoài ra tất cả đều không tự nhận biết chăng?

Đáp: Tất cả lúc sinh đều tự nhận biết. Chư thiên nhiệm vương cũng không tự nhận biết. Thân bị khổ thọ bức bách trong ba nẻo ác nên ý quên tự nhận biết.

Hỏi: Vì sao những người này đều không giống nhau?

Đáp: Vì cũng nói thiên tử hóa sinh lần lượt báo cho thiên tử hóa sinh khác nơi mình sẽ đến sinh.

Lại nữa, hết thủy vô biên cũng không có xứ cố định. Hoặc có chúng sinh tự nhận biết, không tự nhận biết. Hoặc do sức của tam muội nên tự nhận biết thọ mạng đời trước của mình. Hoặc do trí hiện ở trước, chúng sinh kia nên nói là tự nhận biết thọ mạng đời trước.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Nếu có người tạo ra tướng này: Tư duy về bất tịnh, dục lậu chưa sinh liền sinh, dục lậu đã sinh liền gia tăng.

Hỏi: Nếu như có người tư duy như thế, dục lậu tức gia tăng chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu chưa sinh liền sinh. đã sinh rồi thì không sinh lại, ở đây liền tăng nhiều.

Hỏi: Trước sinh không trụ chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Sự sinh kia không vì nhiều. Lại nữa, như chưa sinh cảnh giới trước thì người kia là sinh đầu tiên. Như thế là chưa sinh liền sinh. Như bôn ba đi tìm cảnh giới, như vậy là tăng nhiều.

Hoặc có thuyết nói: Sự sinh kia không vì nhiều, chỉ dựa vào trong số ít có, liền tăng là tăng nhiều. Lại nữa, được một vật là người tu hành dứt bỏ các tham chấp, không tương ưng với trói buộc, lựa chọn phương tiện.

*Hành tương ưng ái chấp
Mong lấy vợ người khác
Hai cùng nhớ túc mạng
Vô lậu có bốn thứ.*

Hỏi: Thế nào là luận về vô số thứ? Thế nào là luận về súc sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Luận về vô số thứ nghĩa là phân tích luận bàn về vô số thứ, như luận về vua, cho đến luận về giặc cướp. Luận về súc sinh là tạo lập sự luận bàn về súc sinh như nói rộng về hình tướng của các loài súc sinh.

Hoặc có thuyết cho: Luận không nhân duyên là luận về vô số thứ. Luận không nghi thức là luận về súc sinh.

Lại nữa, các thứ luận: không có đầu mối, không có nhân duyên, không có đối tượng ứng hợp, không có xứ sở, đó gọi là luận về vô số thứ. Các thứ luận đã hướng về súc sinh cùng dựa vào thứ khác, đó gọi là luận về súc sinh. Luận về vô số thứ và luận về súc sinh có khác biệt gì? *Đáp:* Như trước đã nói.

Lại nữa, các thứ luận: Luận về vô số thứ và luận về súc sinh không phải là các đối tượng luận bàn của luận về vô số thứ. Xưa, đã trải qua sinh tử cũng là các đối tượng luận bàn của luận về súc sinh, đó gọi là luận về súc sinh. Vì sao? Vì cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng. Trước hết, từ pháp được hỷ, sau đó là Phật, Tăng.

Hoặc có thuyết nêu: Trước là tu hành pháp. Tu hành pháp xong là pháp vi diệu được pháp hỷ, ca ngợi nhất thiết trí, chính là nói về pháp vi diệu này, sau đó sẽ được Phật hoan hỷ. Người kia khéo trụ, trụ nơi pháp này, người kia lại được Tăng hoan hỷ.

Lại nữa, đồng sinh pháp trí nhẫn nên nói là pháp hỷ không thể hoại. Như pháp hỷ đó, người kia được Phật hoan hỷ. Như đã nói: Đối với khổ không giận, nên đối với Phật, Pháp, Tăng là cùng được vui mừng.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Nếu Tỳ-kheo quán mười hai duyên khởi thì chính là quán pháp.

Hỏi: Vì sao quán mười hai duyên khởi, Tỳ-kheo kia chính là quán pháp?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Quán mười hai duyên khởi cũng là thời gian quán pháp, không quán người.

Hoặc có thuyết nêu: Quán mười hai duyên khởi là quán như thật. Như người thấy đế thì đây gọi là pháp. Lại nữa, quán mười hai duyên khởi là cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng.

Hỏi: Tỳ-kheo kia đã vượt qua thứ lớp để thủ chứng, tức thấy pháp Hiền Thánh, thấy rõ mười hai duyên khởi nơi tất cả pháp quán kia chăng? Giả như quán pháp là quán tất cả về mười hai duyên khởi kia chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Quán mười hai duyên khởi chính là quán tất cả pháp. Nếu như quán các pháp là quán tất cả về mười hai duyên khởi kia, thì khi quán mười hai duyên khởi, Tỳ-kheo kia cũng quán pháp. Lúc quán pháp, Tỳ-kheo kia cũng quán mười hai duyên khởi.

Hoặc có thuyết cho: Từng có quán mười hai duyên khởi, không quán pháp chăng? Do trí của thế gian quán không cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng.

Từng có quán pháp, không quán mười hai duyên khởi chăng? Môn giải thoát không cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng.

Từng có quán pháp cùng quán mười hai duyên khởi chăng? Do quán duyên này, nên môn giải thoát vô nguyện đã vượt qua thứ lớp để thủ chứng.

Từng có không quán pháp cùng không quán mười hai duyên khởi chăng? Là trừ từng ấy sự việc trên. Như thế tức là nghĩa quán pháp và mười hai duyên khởi kia.

Lại nữa, quán mười hai duyên khởi là người kia đã quán tất cả pháp.

Từng có quán pháp không phải là mười hai duyên khởi chăng? Cùng các phương tiện hành.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Nay các Tỳ-kheo! Ta không cùng với thế tục tranh cãi, nhưng thế tục lại cùng với Ta tranh cãi.

Hỏi: Thế nào là thế tục cùng với Đức Thế Tôn tranh cãi?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đức Thế Tôn xót thương thế tục, thế nên Đức Thế Tôn không cùng với thế tục tranh cãi. Thế tục không có tâm này: Ta nên hộ trì Đức Thế Tôn.

Hoặc có thuyết cho: Do hai sự việc nên có tranh tụng: Khởi tham dục, thọ nhận, ý không chịu lìa bỏ tà kiến, nhận lấy triền cái trói buộc và vướng chấp nơi ái dục. Pháp như thế, Đức Thế Tôn đã dứt hết, nên Đức Thế Tôn không cùng với thế tục tranh chấp. Vì thế tục chưa diệt hết pháp này, nên thế tục còn tranh chấp.

Hoặc có thuyết nêu: Cũng như ngựa dữ không đi theo con đường thẳng. Như thế nên thế tục đã cùng với Đức Thế Tôn tranh chấp. Lại như Đức Thế Tôn đã hiện bày nghĩa nêu trên để dần dần giáo hóa. Do vậy Đức Thế Tôn không cùng với thế tục tranh chấp.

Hỏi: Vì sao gọi là A-quật-ma?

Đáp: Vì giặc này đã đem hết sức để sau đấy đuổi theo Đức Thế Tôn, nhưng kẻ ấy không thể trở lại.

Hoặc có thuyết nói: Đức Thế Tôn đối với hàng trước địa luôn thâm giữ, sau mới mở rộng.

Hoặc có thuyết cho: Do oai thần của Đức Thế Tôn khiến cho thân kẻ kia càng nặng.

Hoặc có thuyết nêu: Chư thiên đã khiến cho thân kẻ kia càng nặng.

Hoặc có thuyết nói: Cảnh giới của thân tức là không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Đức Thế Tôn đối với hàng trên địa thì hóa độ khiến không có sắc, nhục nhãn không thấy. Vậy nên Đức Thế Tôn đi nhanh chóng, tự tại giải thoát. Lúc đi như thế, không phải con người có thể lường xét.

Như Tôn giả La-trá-bà-la nói pháp nhỏ nhặt kia cho là phi pháp.

Hỏi: Thế nào là pháp nhỏ nhặt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Như pháp của vua nhận lấy của cải.

Hoặc có thuyết cho: Như các trưởng giả dùng thặng, học để cân của báu.

Lại nữa, như pháp khó trái, rất nhỏ nhặt. Như kẻ tham lợi gượng nói tạo tướng mong cầu về lợi, không thân thiện gượng làm thân thiện, dựa vào bệnh để cầu mong các vật. Tỳ-kheo phụ giúp việc chúng, trá hiện bệnh để cần lấy được y phục, vật dụng. Hoặc trá hiện nói lời cuồng si để cầu xin không biết chán đủ. Và các thứ phi pháp hiện ở trước, trá hiện bệnh đều là cầu lợi. Đó gọi là pháp nhỏ nhặt giấu kín.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Đây các Tỳ-kheo! Tám bộ chúng này: Chúng Sát-lợi. Chúng Bà-la-môn. Chúng trưởng giả. Chúng Sa-môn. Chúng tứ đại thiên vương. Chúng trời Ba mươi ba. Chúng ma. Chúng Phạm thiên.

Hỏi: Vì sao chư thiên khác không nói là chúng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tất cả là chúng, Đức Thế Tôn chỉ nói thế gian này là không thể nghĩ bàn.

Hoặc có thuyết nêu: Đây là lời khuyến hóa của Đức Thế Tôn, nhưng các chúng này thường xuyên đến pháp hội đều theo từng loại. Còn chư thiên thì đến chỗ Đức Thế Tôn.

Hoặc có thuyết nói: Chúng này tức đều nói là tám bộ. Lại nữa, phương tiện nhóm họp đều thành sự chúng, ở nơi chúng kia đều có số lượng, đều thành sự chúng, nên nói là tám bộ chúng.

Hỏi: Vì sao vật đặt gần sát mắt thì không thấy, xa thì thấy, nhưng tai thì nghe tiếng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây không phải là phương sở, ví dụ. Cảnh giới là pháp như thế.

Hoặc có thuyết nêu: Không có đối tượng đạt đến là cảnh giới của mắt. Thế nên mắt không cùng với tai đồng nhau. Lại nữa, ánh sáng là bạn của mắt, hiểu rõ các sắc. Sắc đặt gần sát mắt sẽ mất ánh sáng, cảnh giới không còn được ánh sáng.

*Vô số luận hoan hỷ
Quán kia, kia quán ta
Không tranh, đòi tỵ tranh
Tám bộ chúng quán sắc.*

Đắc đẳng đế, đệ nhất nghĩa đế. Quyết định không có nghi, không thể tan hoại.

Hoặc có thuyết nói: Đắc là nghĩa thế tục, nên nói là đẳng đế. Thế tục không hiểu rõ, nên nói là đệ nhất nghĩa đế.

Hoặc có thuyết cho: Danh là đẳng đế. Nói về nghĩa nên gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, hiểu rõ tâm ý của chúng sinh nên là đẳng đế. Có nhân duyên để hiểu rõ tâm ý ấy, đó gọi là đệ nhất nghĩa đế. Đắc gọi là khổ đế, tập đế. Quyết định không có nghi, không thể hủy hoại.

Hoặc có thuyết nêu: Đắc năm thanh âm là khổ đế. Ái là tập đế.

Hỏi: Ái cũng là trong âm chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Năm thanh âm là khổ đế. Hành cấu nhiễm là tập đế.

Hỏi: Hành cấu nhiễm cũng ở trong âm chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Quả là khổ đế. Nhân duyên là tập đế.

Hỏi: Quả duyên nơi quả người khác, duyên nơi quả người khác ở đây không phải là khổ mà là tập chăng?

Đáp: Khổ tức là tập, tập tức là khổ. Như quả là khổ, như duyên là tập.

Hỏi: Như quả không phải là tập. Như duyên không phải là khổ. Thế nên khổ tức là tập, tập tức là khổ. Lại nữa, được năm âm hữu lậu là khổ, tập.

Hỏi: Lúc tu hành khổ cũng có tu hành tập chăng?

Đáp: Lúc tu hành tập không tu hành khổ, chỉ tu hành tập được trí thông đạt, quyết định không có nghi, không thể hủy hoại.

Hoặc có thuyết cho: Được các trí chăng? Nhận biết chỗ thông đạt kia là trí, mỗi mỗi phân biệt là tướng thông đạt.

Hỏi: Trí do người khác nhận biết, trí ấy tức là trí chăng? Thông đạt cũng lại như thế.

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trí tức là thông đạt chăng? Hoặc có thông đạt không phải là trí nhận biết vật giải thoát. Lại nữa, hoặc là trí chăng? Nhận biết cùng các thứ tự nhiên khác, tức là sự việc của trí kia. Đây là nghĩa không có quyết định.

Được vị quyết định không có nghi, không thể hủy hoại.

Hoặc có thuyết cho: Được vị tức là nghĩa vị, các pháp đó gọi là vị.

Hỏi: Vị của vị không phải là nghĩa kia chăng? Thế nào là nghĩa không phải là vị kia?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Trong một nghĩa có từng ấy vị, thế nên vị khác, nghĩa khác.

Hỏi: Trong một vị có từng ấy nghĩa nên nghĩa không phải là vị chăng?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Vị tức là nghĩa, hoặc nghĩa không phải là vị, vị là vật giải thoát. Lại nữa, vị tức là nghĩa, hoặc xứ xứ đều có vị. Như người kia đã nói: Duyên nơi xứ không định, tương ưng với tự tướng, tướng như trên đã nói. Nhân cùng với duyên như trước đã nói.

Đặc mười hai duyên khởi là pháp mười hai duyên khởi, quyết định không có nghi, không thể tan hoại.

Hoặc có thuyết cho: *Đặc*, như Khế kinh đã nói. Mười hai duyên khởi này, như pháp thường trụ của pháp tánh. Nói rộng mười hai pháp duyên khởi là vô minh, hành.

Hỏi: Mười hai duyên khởi là các pháp duyên khởi chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Mười hai duyên khởi là nhân, pháp mười hai duyên khởi là quả.

Hỏi: Nhân không phải là quả, quả không phải là nhân. Mười hai duyên khởi không phải là pháp mười hai duyên khởi chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Mười hai duyên khởi là pháp mười hai duyên khởi đã khởi.

Hỏi: Khởi cũng là mười hai duyên khởi chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hoặc mười hai duyên khởi là pháp mười hai duyên khởi. Hoặc pháp mười hai duyên khởi, pháp ấy không phải là mười hai duyên khởi, các khởi là pháp không tịch.

Hoặc có thuyết cho: Các pháp lúc sinh là mười hai duyên khởi. Các pháp đã sinh là pháp mười hai duyên khởi.

Hỏi: Như thế là nghĩa không có nhất định. Mười hai duyên khởi tức là pháp mười hai duyên khởi chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Quả cùng với mười hai duyên khởi tương ưng, thật là pháp mười hai duyên khởi.

Hoặc có thuyết nói: Các hành đã sinh là mười hai duyên khởi. Các pháp kia được sinh là do mười hai duyên khởi.

Hỏi: Pháp đã sinh kia không do mười hai duyên khởi chăng? Lại nữa, các pháp tự tương ưng như vậy, mười hai duyên khởi không tạo ra tự tướng. Pháp vi diệu của pháp tương ưng với vị đã thành tựu trao truyền quyết định có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Bình đẳng nói như thật, không có hư dối.

Hoặc có thuyết nêu: Mười hai duyên khởi là pháp bình đẳng, thành tựu, tướng mười hai duyên khởi là pháp trao truyền quyết định.

Hoặc có thuyết nói: Nêu rõ về bốn Thánh đế là pháp bình đẳng. Thuận theo bốn Thánh đế là pháp trao truyền quyết định.

Hoặc có thuyết cho: Công đức tối thắng là pháp bình đẳng. Công đức của đệ tử đã thành tựu là pháp trao truyền quyết định. Lại nữa, lời nói không thô ác là pháp bình đẳng. Lời nói không hồ nghi về thành tựu là pháp trao truyền quyết định.

Hỏi: Từ hiếu đối với cha mẹ có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ân từ đối với mẹ, hiếu dưỡng đối với cha, nên không có khác biệt.

*Đẳng trí, Khổ đế
Nghĩa trí tự tướng
Mười hai duyên khởi
Từ hiếu cha mẹ.*

Hỏi: Thế nào là nhãn thức, ý thức phân biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Do nhân duyên này nên cảnh giới kia như thế là nhãn thức, ý thức phân biệt.

Hỏi: Ý thức không hoại chãng?

Đáp: Như nhãn thức giới kia đạt đến là có ý thức giới, nhưng giới không hoại. Như thế, cho đến sắc nhập, pháp nhập kia cũng không hoại

Hoặc tạo ra thuyết này: Có nhãn thức, ý thức phân biệt. Vì tạo ra sự thấy biết giống nhau kia, nên tạo ra cảnh giới là ý thức.

Hỏi: Thế nào là tạo ra sự thấy biết giống nhau? Nếu như từng trải, nhãn thức đã nhớ tưởng, không quên mất, thì sự thấy biết kia tức không phân biệt chẳng? Giả như không nhớ nghĩ thì vì sao không nhớ nghĩ về sự giống nhau của sắc được tạo?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhãn thức không phải trải qua để ý thức phân biệt. Giả như nên phân biệt về thức nhập thì hoại.

Hỏi: Cảnh giới cũng hoại chẳng?

Đáp: Cũng nói cảnh giới hoại.

Hoặc có thuyết cho: Nhãn thức không phải trải qua, ý thức phân biệt. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn cũng nói: Do hai duyên nên sinh thức, ý là pháp duyên sinh. Nếu như nhãn thức kia đã trải qua, ý thức phân biệt, tức tăng các nhập. Ý sắc, ý thanh cũng lại như thế.

Hỏi: Có nhiều các nhập, hoặc sinh một hoặc sinh hai thức. Tuy có hai vật, ý thức duyên nơi tưởng nhiều thọ sinh thức, thế nên pháp kia có nhiều chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nếu nhãn thức quyết định là màu xanh, thì ý thức cũng khẳng định màu xanh, thức giống nhau là nhãn thức.

Hỏi: Đây là ý thức, đây là nhãn thức, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Nếu nhãn tăng thượng thì đó là nhãn thức. Nếu ý thức tăng thượng thì đó là ý thức.

Hoặc có thuyết nói: Nếu như nhãn tăng thượng không tương ưng, duyên nơi màu xanh khởi thức. Ý tăng thượng không tương ưng với nhãn kia, duyên nơi màu xanh khởi thức. Thế nên tương ưng với quả hoại, hoặc không có hoại. Như nhãn kia tăng thượng và tương ưng, hoặc khởi các thức, hoặc tương ưng với màu vàng đã hoại, quả đã hoại. Như thế, nhãn tăng thượng và tương ưng, ý tăng thượng khẳng định màu xanh khởi thức, có tương ưng với hoại nên có quả hoại.

Hỏi: Làm sao Đức Thế Tôn nhận biết thọ mạng đời trước của chúng sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Kiếp thiêu đốt lưu chuyển, rất nhiều chúng sinh sinh lên cõi trời Quả thật. Ở cõi ấy, mỗi mỗi chúng sinh đều tự cùng báo cho biết về thọ mạng đời trước của mình. Do vậy nên nhận biết được.

Hỏi: Nếu chúng sinh không sinh nơi cõi trời kia, không tự nhận biết thọ mạng đời trước của họ. Từ đây về sau các nơi chốn trải qua đều không nhận biết chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Loại chúng sinh đã từng cư trú, tự nhận biết về thọ mạng đời trước của mình. Chúng sinh khác không cư trú, có thể quan sát nên nhận biết.

Hỏi: Tất cả là hành không chung chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tự so sánh, suy nghĩ tức nhận biết. Ý này ở trên đã nói.

Hoặc có thuyết nêu: Cảnh giới của Phật là không thể nghĩ bàn.

Hoặc có thuyết nói: Mười hai duyên khởi khéo phân biệt để nêu bày.

Hoặc có thuyết cho: Tự nhận biết về thọ mạng đời trước là trí đạt được uy lực kia.

Hoặc có thuyết nêu: Trí vi diệu đạt được uy lực kia. Lại nữa, mỗi mỗi thứ đều dị biệt đối với trí kia, thần trí của Đức Như Lai liền sinh, đạt được trí vô thượng, nên nói là thường trụ. Như đã nêu: Ưu-bà-di Nan-đà Ma-đà nói: Tôn giả! Chồng tôi theo vô thường, vì tạo pháp ác, phạm giới nên đã sinh trong ngã quý. Người đàn bà ấy nằm mộng thấy chồng mình bảo: Ta sinh trong ngã quý.

Hỏi: Làm sao ngã quý có thể nói lời này trong mộng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hóa làm hình người, không làm hình tượng gốc, tức tạo ra hình dạng như thế.

Hỏi: Như hiện nay làm sao tạo?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nga quý không tạo ra hình dạng gốc trong mộng. Xưa, tạo ra nhân duyên có uy lực ấy.

Lại nữa, đều cùng nghĩ tưởng nhớ, liền thấy hình trong mộng, nói là nhìn thấy hình tượng.

Lại nữa, trong giấc ngủ say, tâm chí không như gốc, vì cuồng loạn nên có chỗ thấy. Hoặc nghe tiếng vang dữ xấu, cho các pháp nhất định có. Tất cả pháp kia so với định là định. Giả như các pháp cùng với định là định, tất cả pháp kia nhất định là có chăng?

Hoặc có thuyết nêu: Các pháp cùng với định là định, tất cả pháp kia nhất định là có chăng? Từng có pháp kia quyết định có, pháp kia không phải là cùng với định là định, tự tướng quyết định là có chăng? Lại nữa, nên nói không phải các pháp là cùng với định là định, người khác nên nói là cùng với định là định.

Hỏi: Danh từ Đạt sản là những pháp gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Pháp của báo thí gọi là Đạt sản. Dẫn dắt theo phước địa cũng là Đạt sản.

Hỏi: Không phải do đã thí cho mà được sinh lên cõi trên. Như đã nói: Người sinh lên cõi trên là do báo của công đức thiện, là nghiệp Đạt sản chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Quả báo của pháp thí là pháp Đạt sản, nên nói là pháp Đản sản.

Không phải do xứ sở của quả pháp thí. Lại nữa, cắt đứt đối tượng ái của ý thành xứ thí kia. Đối với nghĩa đã nuôi dưỡng hiện nay là pháp Đản sản (Tần nói là tài thí), như Đản sản nga quý.

Hỏi: Vì sao Đức Phật – Thế Tôn là Đại Pháp chủ?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Như vua thống lĩnh cõi nước, trừ diệt giặc ngoài, thực hiện hình phạt. Như thế, Đức Thế Tôn vì các Thanh văn đoạn trừ lưới nghi kiết, nên gọi là Pháp chủ.

Hoặc có thuyết nêu: Như phép tắc của vua, quốc dân đều thuận tòng. Như thế, Đức Thế Tôn nơi tất cả pháp thiện thấy đều thành tựu, nên gọi là Pháp chủ.

Hoặc có thuyết nói: Như vua cai quản việc nước, mọi việc làm đều tự tại, các thứ hình phạt xử trị đều được tự tại. Như thế, Đức Thế Tôn ở trong chúng Thanh văn pháp luôn được tự tại, để chữa trị bệnh nơi các nẻo ác, nên gọi là Pháp vương.

Hoặc có thuyết cho: Như Chuyên luân Thánh vương bố thí thức ăn, y phục, các vật báu cho người nghèo cùng. Như thế, Đức Thế Tôn đối với chúng sinh không có của cải, đã dùng bảy báu để thí cho, nên gọi là Pháp chủ.

Hoặc có thuyết nêu: Vì là chủ của chánh pháp, nên gọi là Pháp chủ.

Hoặc có thuyết nói: Như Khế kinh Phạm Tương Ứng đã nói: Ta đã giác ngộ pháp, khéo đọc tụng, nhớ nghĩ, cúng dường, phụng sự, nương dựa để trụ.

Như đã nói: Thế nào là Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác là Tỳ-kheo vương pháp? Đức Thế Tôn bảo: Do nghĩa của Khế kinh này, nên nói Đức Thế Tôn là Pháp chủ đối với mười sáu Bà-la-môn.

Hỏi: Vì sao biết được Đức Thế Tôn có bốn mươi chiếc răng vuông, vị vị đều phân biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hoặc quán về tất cả các thứ tùy hào nơi ba mươi hai tướng, đều nhận biết hết thấy tướng, sau đấy tức biết

được. Lại nữa, tính đếm là như xem đồ vật trong lòng bàn tay thấy đều phân biệt. Quán má nơi hàm răng vuông, ức sư tử, tức biết được bốn mươi chiếc răng vuông, mỗi mỗi vị đều phân biệt.

Như hai nhân duyên gồm thân sinh tử, thọ nhận báo của các hành. Chúng sinh nơi cõi vô sắc do nhân duyên này nên tương ưng với cõi dục, không gây tạo hành cấu uế.

Hỏi: Thế nào là chúng sinh nơi cõi kia chết rồi thì sinh vào cõi này?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Do hành quá khứ cấu uế nên sinh đến nơi cõi này.

Hỏi: Như chúng sinh nơi cõi kia không gây tạo hành, vì sao sinh đến nơi cõi này?

Đáp: Nếu như khi thoái chuyển, tức có thể gây tạo. Như A-la-hán không gây tạo tất cả kiết, lúc từ A-la-hán thoái chuyển lại có thể gây tạo các kiết.

Hỏi: Vì sao A-la-hán gây tạo các kiết?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu công đức của căn thiện hoàn toàn không có, không giải thoát, còn căn bất thiện thì không có chỗ trở lại.

Hỏi: Như căn thiện khác trong cõi dục đã diệt hết, do nhân duyên gì căn thiện kia diệt? Vì sao căn thiện kia còn trở lại?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vì dục ái chưa dứt hết nên sinh nơi cõi kia.

Hỏi: Như đã nói: Thân tiên, ngoài là hàng dị học, dục ái hết, nói là dục ái đã dứt hết. Ái chưa hết, khổ nên nói là hết. Như đã nói: Dị học đùa giỡn với đồng nữ trên đất bụi, đè đồng nữ xuống rồi bỏ đi. Về sau, ái chưa hết, liền gọi là có hết. Như đã nói: Cho đến chết mới hết hết. Như người nói: Có ngã, ngã sở.

Hoặc có thuyết nêu: Xứ xứ có tất cả kiết. Ở nơi cõi ấy cũng có kiết của cõi dục.

Nếu xứ xứ có tất cả kiết thì cõi có hoại chăng?

Đáp: Cũng như trong cõi này có kiết của cõi vô sắc, nhưng cõi không có hoại. Như thế, trong cõi kia có kiết của cõi dục, nhưng cõi không có hoại.

Hoặc có thuyết nói: Như ở trong xứ này dần dần tăng ích, trong xứ kia dần dần giảm. Như ở trong xứ này gần gũi cõi, tức là cùng với cõi kia hợp.

Hỏi: Nếu như đến cõi kia khởi kiết cõi dục, thì không là mạng chung chăng?

Đáp: Như ở trong cõi này khởi kiết của cõi vô sắc, thì cõi kia tức là không mạng chung. Như thế, ở trong cõi kia khởi kiết cõi dục thì không là mạng chung.

Ở trong cõi này khởi kiết cõi vô sắc, sắc trong cõi dục tức không diệt hết, thì ở trong cõi kia mạng chung.

Ta nói cõi vô sắc có sắc, thế nên trong cõi ấy khởi kiết cõi dục. Sắc của cõi vô sắc không hết, thì ở nơi cõi kia liền mạng chung. Như A-la-hán ở cõi sắc, hóa hình đi đến cõi sắc, hình thể của cõi dục đều còn, không loại trừ, là muốn khiến tạo ra hình kia, nhận lấy quả A-na-hàm, sinh lên cõi trời Hữu tướng vô tướng, nhập định bất dụng xứ, đạo Hiền Thánh được hiện tiền, là muốn nói lời nói này: Ở nơi cõi kia mạng chung chăng? Lại nữa, bị trói buộc do hành ám nơi cõi kia, sử của cõi dục đầy khởi mạnh, dựa vào hành ám của cõi kia, đối với ngã ái chưa vĩnh viễn dứt hết, ngu si không trừ, nên sinh trong cõi này tham đắm, không lia, không phải hành quá khứ đã làm xong các việc.

Tướng có hai hành dạng

Bốn hành cũng có hai

*Bốn vô minh, sử ái
Tương ưng, cùng thứ lớp.*

Đó gọi là kệ đầu (Phần thứ nhất mới tóm tắt để kết về Kiền độ).

*Thức là mẹ Thế Tôn
Tụ tà và Đàn sấn
Mười sáu Bà-la-môn
Sinh tử là nhân duyên.*

(Đây là nêu sau cùng của bảy phần để kết về Kiền độ).

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP

QUYỂN 3

Phẩm thứ 2: KIỀM ĐỘ TÂM

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tâm ý kia nắm giữ không cách xa như tay chân, nhưng không phải hai tâm ấy ngang bằng nhau.

Hỏi: Thế nào là tâm ý nắm giữ không cách xa như tay chân?

Đáp: Ma-ha-tăng-kỳ nói thế này: Tâm tự nhiên giữ gìn.

Hỏi: Gồm thân tâm bất thiện, không phải thiện gồm thân bất thiện chăng?

Đáp: Đàm-ma-hốt tạo ra thuyết này: Tâm tương ưng thuộc về trí tuệ

Hỏi: Tâm bất thiện thuộc về trí tuệ thiện, không phải trí tuệ thiện gồm thân tâm bất thiện tương ưng?

Đáp: Tôn-di-sa-tắc tạo ra thuyết này: Tâm không tương ưng với trí tuệ nhưng lại gồm thân.

Hỏi: Tâm không tương ưng với trí tuệ, không phải là tâm, không phải là ý. Như đã nói: Tâm thuộc về ý chăng?

Đáp: Trì-bạt-thứ-tử tạo ra thuyết này: Tâm người nắm giữ.

Hỏi: Người không có tâm ý, như đã nói là gồm thân tâm ý chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Lúc tu theo tâm bất thiện, nhân duyên của tâm thiện liền đoạn. Như thế tâm thiện kia cho đến không sinh, vậy tâm ấy tức có đối tượng gồm thâu.

Hỏi: Khi tâm bất thiện tu theo tâm bất thiện thì duyên của tâm thiện đoạn tuyệt. Vậy là muốn khiến tâm thiện trở thành tâm bất thiện chăng?

Đáp: Không phải tâm bất thiện nhận biết nhân duyên của tâm thiện.

Hoặc có thuyết cho: Tư duy khiến tăng ích tâm không thanh tịnh. Cũng như bị dục trói buộc. Nếu tư duy về dục là dục bất tịnh thì dục kia ít dần.

Hỏi: Dục cùng với bất tịnh hai sự ấy là không khác chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tư duy, khảo xét tâm có tán loạn, tư duy về tâm không có tán loạn, như thế thì tâm kia tức gồm thâu.

Hỏi: Không phải tư duy về bất tịnh và tâm có tán loạn tức cùng thanh tịnh chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Lúc tâm ý sinh duyên với tâm hiện tại. Vì thế nên nói tâm có gồm thâu, giữ gìn.

Hỏi: Tâm đã sinh, chưa sinh, không duyên với chưa sinh chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tâm ý bất thiện tạo ra phương tiện lớn, không thuận trụ nơi tâm bất thiện, nhận lấy một duyên bất thiện ấy. Như thế là thâu giữ tâm bất thiện kia.

Hỏi: Như tâm bất thiện không tạo ra phương tiện, như phương tiện kia không có tâm bất thiện, thế nên phương tiện không có xứ nhất định chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tâm ý bất thiện quá khứ có xứ sở. Tâm bất dụng nhàm chán, cấu uế, xấu ác, nên thường tránh xa. Như thế tâm kia tức có thâu giữ.

Hỏi: Về nghĩa này là không đúng. Như hai người dựa vào nhau, mỗi người đều nắm giữ. Lại nữa, như hai tâm cùng như nhau, không có nghi, lầm, như đốt đèn là thấy ánh sáng. Lại nữa, nên gần gũi thiện tri thức, so sánh với chúng sinh nghe chánh pháp, tư duy, tìm xét, nhân duyên của tâm thiện càng tăng ích, sự trôi buộc, vướng mắc lần lượt nương dựa nhau, dần dần nhiều. Như thế, cùng tương ưng với lực dụng có tăng ích, lực dụng thiện kia nhạy bén, tâm bất thiện không gây tạo rộng khắp, nên tu hành tâm thiện tức có tăng ích. Như thế, tâm kia là có nắm giữ. Như đã nói: Tâm rộng có giác, tâm vi tế có quán. Thế nào là tâm rộng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tâm có giác (tâm) là tâm tịnh. Tịnh tức rộng. Thế nên tâm rộng có giác.

Hoặc có thuyết cho: Năm thức thân là rộng. Ý thức thân là vi tế.

Hoặc có thuyết nêu: Tâm bất thiện là rộng. Tâm thiện hữu lậu là vi tế.

Hoặc có thuyết nói: Tâm không tu hành là rộng. Tâm tu hành là vi tế.

Hoặc có thuyết cho: Tâm do kiến đế đoạn trừ là rộng. Tâm do tư duy đoạn trừ là vi tế.

Hoặc có thuyết nêu: Tạo vi tế, tạo rộng lớn nên có vi tế. Tâm tương ưng với cõi dục là rộng. Tâm tương ưng với cõi sắc là vi tế. Tương ưng với cõi sắc là rộng. Tương ưng với cõi vô sắc là vi tế.

Hoặc có thuyết nói: Tâm địa ngục rộng, tâm súc sinh vi tế. Tâm súc sinh rộng, tâm ngã quỷ vi tế. Giống nhau như thế, cho đến trời Hữu tướng vô tướng cũng nên nói như vậy.

Lại nữa, A-tỳ-đàm nói: Tâm lựa chọn ba cõi, lần lượt sinh, tạo rộng, chiếu sáng, là có giác, tương ưng với Phạm thiên, nhưng không vượt lên trên cõi Phạm thiên.

Ngang bằng với đây là nói về gì? Vì sao là bằng? Năm thức thân nói có dục ái, nhưng không phải là không dục.

Hoặc có thuyết cho: Như Khế kinh đã nói: Mắt thấy sắc, ái chấp nơi sắc đẹp.

Hỏi: Mắt thấy sắc, địa ý thức sinh ái chấp, nên như đối tượng đã thấy. Nói như Khế kinh kia: Mắt thấy sắc, nhãn căn thành tựu sự thấy. Tư duy, khảo xét bất tịnh, là muốn khiến năm thức thân không có dục chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Như đã nói: Sáu ái thân này và mắt lại có ái cho đến ý.

Hỏi: Mắt lại là nhân duyên khởi ái của ý địa. Ý thức kia có mắt trải qua ái như đối tượng đã trông thấy. Nói tư duy về hành của sáu thức là muốn khiến năm thức thân có hoan hỷ chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Năm thức thân không có tam muội. Tâm không có tam muội nên kiết trong tâm tức dấy khởi mạnh, khiến tâm tam muội không giải thoát. Thế nên năm thức thân có dục, không phải là không có dục.

Hỏi: Không phải tất cả cùng có dục ái. Nếu như tất cả có ái, thì A-la-hán cũng nên có ái sinh. A-la-hán kia ở trong năm thức thân không có tam muội, tâm ý tu hành liền sinh dục ái, như sắc ái, vô sắc ái. Như đối tượng hỷ tương ưng với tất cả mười đại địa. Vậy không phải trong năm thức thân có tam muội chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không là phương tiện tìm cầu nên năm thức thân liền có kiết sử. Không là phương tiện tìm cầu nên sử dục không sinh. Thế nên năm thức thân có ái, không phải là không có ái.

Hỏi: Nếu chúng ta không siêng năng tìm cầu thế nên có dục. Tất cả đều cùng gần nên có phương tiện tìm cầu, vì thế hết thấy đều sinh khởi dục chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không có xứ sở nên là có. Năm thức thân sinh kiết sử cũng sinh. Không phải không có dục nên có dục dứt hết. Vì thế năm thức thân là có dục, không phải là không có dục. Điều này cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết nêu: Quán sắc dục là liền trói buộc nhãn thức xoay chuyển, không ở nơi trung gian xuất phát rộng nghĩa. Theo phương tiện tu tập bảy giác chi là an trụ để cầu đạt không dục nhiễm. Thế nên năm thức thân là có dục, không phải là không có dục.

Hoặc có thuyết nói: Trong năm thức thân không vượt qua thứ lớp gần gũi, cùng trụ nơi trung gian. Trung gian sinh ý thức, thì năm thức thân kia tức có ái. Tất cả ái ấy là hoàn toàn vượt qua thứ lớp của năm thức thân. Năm thức thân kia dừng dứt, nên năm thức thân quán bất tịnh là muốn khiến không có dục. Do đây năm thức thân là có dục, không phải là không có dục.

Hoặc có thuyết cho: Thân cũng không có ái, cũng không phải là không có ái. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn cũng nói:

*Vua chủ sáu tầng thượng
Nơi nhiễm càng nhiễm chấp
Chẳng nhiễm nên không nhiễm
Người nhiễm gọi là ngu.*

Hỏi: Ta nhận lời nói này, tư duy về nhiễm nên có nhiễm. Tư duy về không nhiễm nên không có nhiễm. Do nơi Khế kinh này, thì năm thức thân cũng không có dục, cũng không phải là không có dục. Nghĩa này là thế nào?

Đáp: Nếu không quán hỷ nơi năm thức thân, chỉ tư duy về nhiễm liền có nhiễm, tư duy về không nhiễm liền không có nhiễm. Vì vậy do nơi Khế kinh này thì năm thức thân cũng không có dục, cũng không phải là không có dục.

Hoặc có thuyết nêu: Năm thức thân không lầm loạn. Giả như không lầm loạn, thì hoặc có dục, hoặc là không có dục, tức năm thức thân cũng không có dục, cũng không phải là không có dục.

Hỏi: Pháp tương ưng của năm thức thân kia có lầm loạn, cõi vô sắc không có lầm lỗi. Vậy có phải muốn khiến cõi vô sắc kia cũng không có dục, cũng không phải là không có dục chăng?

Đáp: Các pháp tương ưng hoặc có tạp loạn, hoặc không có tạp loạn. Nghĩa này là thế nào? Cõi vô sắc chấp có ngã, ngã sở, nên có ái. Lại nữa, năm thức thân thuộc về tự tướng, không nói tự tướng là có dục, không có dục. Thế nên năm thức thân cũng không có dục, cũng không phải là không có dục. Cũng như pháp của tâm này đã nghĩ đến đều cùng tương ưng với sinh.

Hỏi: Thế nào là nghĩa tương ưng?

Đáp: Người xưa tạo ra thuyết này: Nghĩa chuyên chở là nghĩa tương ưng.

Hỏi: Nhãn thức gây tạo nên ý thức là muốn khiến nhãn thức cùng với ý thức tương ưng chăng?

Đáp: Nhãn thức này dựa vào pháp khác, không đồng với ý thức.

Hỏi: Như đã nói: Nghĩa chuyên chở là nghĩa tương ưng, sự việc này là không đúng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nghĩa không dôi động là nghĩa tương ưng.

Hỏi: Bốn đại không dôi động là muốn khiến bốn đại kia đều tương ưng chăng?

Đáp: Bốn đại ấy không phải là nhân duyên.

Hỏi: Như đã nói: Nghĩa không dôi động là nghĩa tương ưng, sự việc này là không đúng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Có nhân duyên là nghĩa tương ưng.

Hỏi: Nhân thức duyên nơi ý thức là có nhân duyên, là muốn khiến nhân thức kia tương ưng chăng?

Đáp: Nhân thức kia dựa vào pháp khác.

Hỏi: Như đã nói: Nghĩa không dôi động là nghĩa tương ưng, sự việc này là không đúng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nghĩa một nhân duyên là nghĩa tương ưng.

Hỏi: Có rất nhiều chúng sinh cùng xem trăng vừa mọc, là muốn khiến họ đồng một duyên là tương ưng chăng?

Đáp: Chúng sinh kia đã dựa vào pháp khác.

Hỏi: Như đã nói: Nghĩa một nhân duyên là nghĩa tương ưng, sự việc này là không đúng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nghĩa có hy vọng là nghĩa tương ưng.

Hỏi: Khí ấm của thọ mạng sinh, là muốn khiến khí ấm ấy tương ưng chăng?

Đáp: Khí ấm này không có nhân duyên.

Hỏi: Như đã nói: Khí ấm của thọ mạng là nghĩa tương ưng, sự việc này là không đúng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nghĩa cùng sinh là nghĩa tương ưng.

Hỏi: Tâm bất tương ưng hành là cùng sinh, là muốn khiến tâm ấy tương ưng chăng?

Đáp: Tâm này không phải nhân duyên.

Hỏi: Như đã nói: Nghĩa cùng sinh là nghĩa tương ưng, sự việc này là không đúng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Một khởi, một trụ, một diệt là nghĩa tương ưng. Điều này cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết cho: Một hy vọng, một nhân duyên, một thời tạo tác, đó gọi là tương ưng.

Hỏi: Nghĩa này là thế nào?

Đáp: Là dựa nơi một duyên, trong một thời tạo tác.

Hoặc có thuyết nói: Nghĩa một sự cần thiết là nghĩa tương ưng.

Hỏi: Nhẫn trí là một, là muốn khiến nhẫn trí ấy tương ưng chăng?

Đáp: Nhẫn trí kia không phải tạo trong cùng một thời.

Hỏi: Như đã nói: Nghĩa một sự việc là nghĩa tương ưng, sự việc này là không đúng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Mười nghĩa là nghĩa tương ưng. Xứ đã thích ứng với thức đều mờ đóng. Pháp của tâm đã nghĩ đến tức có tính đếm.

Hoặc có thuyết nêu: Không có tương ưng. Vì sao? Vì mười nghĩa kia không phải là tất cả, không cùng sinh.

Hỏi: Như đã nói: Pháp của tâm đã nghĩ đến, cùng với tâm tương ưng, cùng với tâm buộc chấp, dựa vào tâm xoay chuyển, pháp ấy có sai trái, cũng nói cùng sinh thọ tưởng niệm. Thuyết đã nói kia không cùng tương ưng, cũng không cùng sinh. Như thế pháp kia không chỉ nói không tương ưng, mà cũng nói kiến đế, tín không hoại tương ưng với trí. Nếu cùng tương ưng với âm thanh, thì hai vị Tỳ-kheo cũng nói, ít có tranh tụng nên cùng tương ưng chung, là muốn khiến việc tranh tụng kia cùng tương ưng chăng?

Đáp: Nếu đã suy niệm, nghe âm thanh là suy niệm, thì cũng nói mắt, sắc do hai nhân duyên sinh. Suy niệm về pháp, thức, xúc, thọ, hành và nhân duyên là muốn khiến thức là niệm chăng? Nếu đã cùng với âm thanh cùng sinh, thì cũng nói tâm của Tỳ-kheo cùng sinh? Cổ của A-tu-luân Tỳ-ma-chất có năm thứ trói buộc mà vẫn tự xem thấy, là muốn khiến tâm của họ cùng sinh chăng?

Hỏi: Ai dựa vào ý thức?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Năm thức thân đã sinh là đều dựa vào.

Hỏi: Trong cõi vô sắc không sinh ý thức, cõi ấy không có năm thức thân chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Dựa vào sáu thức thân.

Hỏi: Sắc có tăng giảm thì không thể nhận biết chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Bốn đại thuận nghịch của tâm đều dựa vào ý thức.

Hỏi: Mắt kia nhìn sắc không có tăng giảm chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tất cả thân bốn đại đều dựa vào ý thức.

Hỏi: Sắc được tạo không có tăng giảm chăng?

Đáp: Do bốn đại kia nên có dựa vào danh tự.

Tôn-tăng-ca-mật nói như thế này: Tự căn nương dựa thân ý thức, nên thấy tất cả tự căn của mỗi mỗi tâm. Thân, tâm đã tạo tác, xứ xứ đều có vượt hơn. Lại nữa, tâm cùng có bốn đại, nên nói dựa vào thức. Thức cùng với bốn đại kia mỗi mỗi đều nương dựa nhau, như nối kết dây tơ.

Như Bồ-tát mộng thấy năm sự. Như thức của Bồ-tát kia là dựa vào những pháp nào? Hoặc có thuyết nói: Thấy, nghe, nghĩ, biết, là duyên của sự việc kia.

Hỏi: Đầu tiên Bồ-tát kia không nằm mộng thấy mộng lớn như thế này: Mộng thấy cây Đề lệ mọc giữa rốn. Ta nghe A-tu-luân tạo ra giường nằm lớn như thế. Ta cũng nghe nói hoa sen to mọc giữa rốn của Bà-tu-đề-bà chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ngày xưa Tam Da Tam Phật đã nằm mộng thấy mộng lớn như thế này: Chư Phật kia nghe vị ấy khi trao truyền quyết định, chư Phật kia là nhân duyên của thức.

Hoặc có thuyết nêu: Thức của chư Phật kia thấy, nghe, nghĩ, biết, vốn cũng đã từng trải, thì thức ấy không phải là không có duyên.

Hỏi: Ban ngày tưởng, đêm đến nằm mộng, thế nên mộng kia, thức kia, nên nói là điên đảo, nên nói là không phải điên đảo?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là điên đảo, vì trước kia không có, nay tạo ra. Lại nữa, nên nói không phải là điên đảo, vì là quả Đẳng Chánh Giác. Như Bồ-tát đã nói: An lành giáng xuống thai mẹ. An lành dừng nghỉ, an lành ra khỏi thai mẹ.

Hỏi: Thế nào là Bồ-tát giáng xuống thai mẹ? Thế nào là trụ trong thai? Thế nào là ra khỏi thai mẹ?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Bồ-tát kia lúc giáng thân, liền tự nhận biết ta ở nơi thai mẹ. Lúc dừng trụ, liền tự nhận biết ta dừng trụ nơi thai mẹ. Sau khi xuất thai, liền tự nhận biết ta ra khỏi thai mẹ. Tiếp theo, lúc giáng thân cũng tự nhận biết là nơi chôn sau cùng của ta. Trụ nơi thai mẹ cũng tự nhận biết là mình chỉ ở một lần sau cùng, không còn ở đây lần nữa. Ra khỏi thai mẹ, Bồ-tát cũng tự nhận biết là không còn vào thai mẹ nữa.

Hỏi: Tâm an lành của Bồ-tát kia, nên nói là tương ưng, nên nói là không tương ưng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là tương ưng. Như Bồ-tát đã nói: Ta giáng thân an lành.

Hỏi: Vương mắc đã sinh tâm, không vương mắc là an lành. Thế nào là vương mắc cùng với không vương mắc tương ưng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là không tương ưng. Vì sao? Vì sinh là tâm nhiễm vương, tâm không nhiễm vương là an lành. Thế nên vương mắc không cùng với không vương mắc tương ưng.

Hỏi: Thế nào là nay giáng thân an lành?

Đáp: Bồ-tát tự nhận biết thân ý. Như đã nói: Trước khởi tâm an lành, sau sinh tâm nhiễm vương. Lại nữa, vốn cũng có an lành cùng với tâm trung ấm tương ưng. Quán thân dần dày thêm.

Hỏi: Tâm sinh cùng với những vương mắc gì tương ưng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Cùng với dục tương ưng.

Hỏi: Nếu như vậy thì không vào địa ngục chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Hoặc cùng với dục tương ưng, hoặc cùng với giận dữ tương ưng.

Hoặc có thuyết nói: Kẻ sinh trong nẻo ác, kẻ ấy cùng với dục và giận dữ tương ưng. Người sinh trong nẻo thiện, người ấy không cùng với nhiễm chấp cấu uế tương ưng. Tâm thiện liền sinh lên cõi trời. Lại nữa, không cùng với các thứ vương mắc cấu uế tương ưng. Tâm cùng với hành gốc tương ưng, như bánh xe của thợ làm đồ gốm, nên tạo ra quán này. Vì sao? Vì thân căn nói là thân thức duyên không phải là nhân.

Hoặc có thuyết cho: Có thân căn giận dữ, không có thân thức giận dữ, chẳng phải là giận dữ không có duyên của giận dữ.

Hỏi: Có giận dữ là bốn đại, không giận dữ, không biểu hiện về giới, duyên đều cùng có chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tụ tập là thân căn, không tụ tập là thân thức. Chẳng phải là tụ tập không có duyên của tụ tập.

Hỏi: Không có tụ tập là rất vi tế, là muốn khiến vi tế là nhân nơi tâm chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Sắc là thân căn, không sắc là thân thức, sắc không phải là không có duyên của sắc.

Hỏi: Nếu như có sắc liền có nhân. Tâm thiện, bất thiện không có sắc, là muốn khiến thiện là nhân của bất thiện chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Xứ sở là thân căn, không xứ sở là thân thức, không phải là xứ sở không có duyên của xứ sở.

Hoặc tạo ra thuyết này: Không có cảnh giới là thân căn, có cảnh giới là thân thức, không phải không có cảnh giới là duyên của cảnh giới.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu thân căn là duyên của thân thức, cho đến thân căn kia liền có thân thức, thế nên có một căn.

Hoặc có thuyết nói: Nếu thân căn là duyên của thân thức, thì thân căn sinh ra thân thức, vì vậy thân căn có sai trái.

Hoặc có thuyết cho: Nếu thân căn là duyên của thân thức, tức có xứ sở của nhân duyên, không có nhân duyên để có tăng thượng duyên.

Hoặc có thuyết nêu: Nhân tự nhiên không có thân căn, thân thức tự nhiên. Lại nữa, nhân tự nhiên kia không phải là tự tánh, cũng không phải là xoay chuyển cùng xoay chuyển của chính sinh khác. Như tất cả tâm có bốn nhân duyên sinh. Có duyên của tâm sau cùng nơi bậc A-la-hán. Vì sao? Vì tâm sau cùng của A-la-hán không còn luân chuyển trở lại.

Hoặc có thuyết nói: Thứ lớp trung gian nơi nhân duyên hy vọng thì nhân duyên ấy không phải là thứ đệ duyên của tâm sau.

Hoặc có thuyết cho: Có hy vọng.

Hoặc có thuyết nêu: Nhân hy vọng đã sinh. Lại nữa, ở nơi tâm sau cùng của A-la-hán kia có quả của bốn nhân duyên. Đối với số nhân duyên đó, nên tạo ra thuyết này: Không ở trung gian nên có vô minh, có ái đương lai thọ nhận phi duyên này. Nói A-la-hán có pháp như đã thấy, tâm ý đã xoay chuyển trở lại và thân tan hoại như thế. Vì sao? Vì tâm thiện, vô ký của A-la-hán sau cùng không trở lại nữa.

Hoặc có thuyết nói: Duyên của trung gian có hy vọng.

Hoặc có thuyết cho: Hy vọng có sai trái.

Hoặc có thuyết nêu: Nhân nơi hy vọng. Lại nữa, do hai sự việc nên ở trong hiện pháp tâm tánh có thể trở lại, hoặc do bản hạnh, hoặc hiện tại gây tạo, vị lai cũng có. Do ba sự việc nên được trở lại. Hành cấu uế được trở lại, hành cấu uế tự nhiên. A-la-hán không có hành cấu uế, thế nên A-la-hán không xoay chuyển.

*Pháp giác quán tâm định
Không dục, ý tương ưng
Các nghĩa thù miên khởi
Tạo sinh bốn nhân duyên.*

Hỏi: Từng có năm thức thân có hành điên đảo chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Là có. Như chiếc gậy quay vòng theo bánh xe. Nhãn thức đó gọi là bánh xe.

Hỏi: Không phải nhãn thức gọi là bánh xe. Cảnh giới nơi tự tướng của sắc, nhãn thức, ý thức đó gọi là bánh xe chẳng?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Năm thức thân có dục, tánh điên đảo nên có dục, vì thế năm thức thân điên đảo.

Hỏi: Nên nói không phải là điên đảo, như lạc thọ nói là có vui chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không phải năm thức thân dòi động, không phải do dòi động nên nói có kiến điên đảo.

Hỏi: Không dòi động cũng là điên đảo. Như đối với sắc sinh khởi tà kiến. Lại nữa, tự tướng gồm thân năm thức thân, không phải điên đảo gồm thân tự tướng. Thế nên điên đảo dòi động.

Như không phải nhất tâm, tuyển chọn có vượt hơn để tạo nên sự việc ấy là đúng.

Thế nào là tránh xa tâm, tâm sở bất thiện, không thân cận?

Đáp: Thiện oai nghi nhất tâm (Tên một bộ tăng) tạo ra thuyết này: Nếu tâm ý hoàn toàn chuyển chuyển biến có thực, thì nhất tâm ấy của hư không liền lựa chọn.

Hỏi: Nhất tâm không có lựa chọn. Sự việc này không khác, nên có tăng ích. Do lựa chọn không có tăng ích chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không phải nhất tâm lựa chọn có vượt hơn mà là ý có lựa chọn.

Hỏi: Như một nhất tâm không có lựa chọn vượt hơn thì ý không có lựa chọn chăng?

Đáp: Như một nhất tâm nhưng ý thì có nhiều. Như thế một nhất tâm không có nhiều lựa chọn còn ý thì có rất nhiều lựa chọn.

Hoặc có thuyết cho: Đệ nhất nghĩa không có tâm. Hành lựa chọn cũng là thiện nên sinh tâm thiện du hóa ở đây. Lại nữa, tâm thiện do sinh tức không có tâm bất thiện. Tạo điều ấy là không đúng.

Lại nữa, tâm đã có lựa chọn, không nên tạo ra thuyết này: Tự tánh của ngã, ngã sở là tự buộc trói, giáo hóa chúng sinh, nên có hòa hợp. Do tạo lựa chọn nên thấy rõ công đức. Chúng sinh kia tránh xa bất thiện, duyên nơi hành diệu, khéo giữ oai nghi, tương ưng với oai nghi.

Hỏi: Từng có nhất tâm không ở nơi tự tướng đây kia, không trước, không sau làm duyên chăng? Hoặc có thuyết nêu: Có thí dụ như năm đục phát ý cùng duyên, là muốn khiến trong một thời có thể hiện bày khắp chăng?

Đáp: Không có năm đục tự nhiên trong một thời hiện bày khắp. Nếu như nên duyên, tức có ba thọ sinh.

Hoặc có thuyết nói: Ví như màu xanh gọi là nước xanh, ý nơi một thời tạo duyên.

Hỏi: Màu xanh này không phải là thí dụ. Nếu nên làm duyên, như màu xanh, tức bằng nhau như giác là có chãng? Vì màu xanh kia có bằng nhau, thế nên màu xanh ấy là có chãng? Lại nữa, tâm tạo thức, tướng, nên nói là không, không phải là do gốc tạo, có thức khác, không phải là một hồi có hai chuyển, chỉ có một ngã, thế nên không có. Như tất cả chúng sinh nơi một nhất tâm hồi chuyển theo cảnh giới của một tự tướng, tâm quá khứ, vị lai không nhớ tướng, không nhận biết. Làm sao biết được hai tự tướng của vô số thứ?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do nói nghĩa nên được biết.

Hỏi: Nếu như lại nói nghĩa, làm sao biết được?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Phần khác mỗi mỗi đều là tâm không, tâm ấy không hiện có, nên nhận biết được nhất tâm, nhớ lại những điều vốn đã từng trải, do đấy tức biết được.

Hỏi: Nếu nhất tâm nhớ lại nghĩa kia, đó là nhớ lại màu xanh, không phải màu vàng, là một thế nguyện chãng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Mỗi mỗi nhận lấy tự tướng, hòa hợp nhận lấy hai tướng, do đấy nên biết được.

Lại nữa, tự tánh của ngã là ý đã được phương tiện xoay chuyển của mỗi mỗi tướng, như màu xanh phát ra sắc vàng, có hai tướng của vô số thứ, không phải là nơi chốn phương tiện của tự tướng là không có.

Hỏi: Lúc ở cõi sắc mắt, sinh nơi cõi sắc, làm sao tâm tương ưng với cõi dục theo pháp đã suy niệm được thành tự?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hy vọng được, không nghi. Hy vọng là pháp đã suy niệm của tâm cõi dục thuộc ngã ngã sở.

Hỏi: Pháp đã suy niệm của tâm vô lậu có hy vọng, là muốn khiến pháp kia của tâm vô lậu được thành tự chãng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đã sinh nên có pháp kia sinh, là pháp đã suy niệm của tâm cõi dục được giải thoát.

Hỏi: Pháp đã suy niệm của tâm vô lậu kia cũng lại giải thoát là muốn khiến cõi dục cũng được thành tựu vô lậu chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Được sinh hữu, hữu là pháp đã suy niệm của tâm cõi dục, cũng sinh nơi cõi dục.

Hỏi: Sinh trong cõi dục, khởi pháp đã suy niệm của tâm vô lậu, là muốn khiến cõi dục kia được thành tựu vô lậu chăng? Lại nữa, tất hóa làm hình tướng cõi dục, nên pháp đã suy niệm của tâm cõi dục hồi chuyển. Khi mất ở cõi vô sắc, sinh nơi cõi sắc, pháp đã suy niệm của tâm cõi dục được thành tựu, nên nói tâm kia là không có oai nghi chăng? Nên nói là kỹ thuật chăng?

Đáp: Nên nói tâm kia là kỹ thuật, cũng nên nói là oai nghi. Các thứ biến hóa hóa ra hình nên tâm kia là kỹ thuật. Ở nơi trụ xứ biến hóa, tâm không có dời động, nên nói là oai nghi.

Hỏi: Lúc ở cõi vô sắc sắp mất sinh đến cõi sắc được các căn thiện, thì các căn thiện kia cùng với pháp nào tương ưng? Làm sao có được căn thiện ấy?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Căn thiện kia tương ưng với cõi sắc, nên được hy vọng. Đã được sinh, tất được sinh, không nghi, tức quyết định được sinh. Lại nữa, nên nói tương ưng với cõi dục, nên nói tương ưng với cõi sắc, được sắc hữu, hữu là gốc đã quán, sinh gần gũi không rơi vào quá khứ. Khi nên quán điều ấy cũng trở lại.

Hỏi: Làm sao biết được tất cả tâm cùng với mười đại địa tương ưng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu tâm kia không có thọ thì không có cảnh giới thọ nhận. Cũng không có tưởng tức không có tâm. Nếu không có niệm, nên là không tâm, không có cảnh lạc (xúc), thì không

có ba pháp ấy. Không có tư duy tức không sinh thức, nếu không có dục thì tất cả pháp đã suy niệm của tâm đều không sinh. Nếu không có người giải thoát thì không có giải thoát. Nếu không có suy niệm thì không có cảnh giới. Nếu không có tam muội (định) thì tâm tức có tán loạn. Nếu không có trí tuệ thì cảnh giới không thể phân biệt. Lại nữa, A-tỳ-đàm nói: Tất cả thật tướng. Dựa vào nhân duyên cùng sinh các pháp tương ưng, mỗi mỗi tương ưng, không là một tương ưng để quán xét quả của tâm. Vì sao? Vì tâm sinh không được báo.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu như tâm sinh có báo, đó là sự xoay chuyển, không phải là do báo mà có báo. Tâm sinh khác có trở lại, là tâm kia không có báo.

Hỏi: Báo có phước báo, như đã nói là không trụ, cho đến trí nhận biết có phước báo, có đối tượng soi chiếu chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhiễm chấp sinh tâm, không nhiễm chấp là báo, thế nên không phải là báo.

Hỏi: Nhiễm chấp có báo, như đã nói: Tu hành theo vô minh, tư duy nói rộng cùng trụ. Như thế ý dâm của chúng sinh thiên về nhiều. Lại nữa, hành cầu uế nơi tâm kia đầy khởi nhiều. Vậy thế nào là hành báo? Từng có một tâm loạn một định chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hoặc tâm tương ưng với loạn là tâm loạn. Tâm tương ưng với tam muội là tam muội tư duy. Một tâm tương ưng với loạn, một tương ưng với tam muội, thế nên một tâm loạn, một tâm tam muội (Định).

Hỏi: Nếu loạn tương ưng với loạn, tam muội tương ưng với tư duy, tức tâm kia tương ưng với loạn, tâm kia tương ưng với tam muội, thế nên tâm kia có loạn, tâm kia có tam muội chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tâm bất thiện là loạn, tâm thiện là tam muội. Một thiện, một bất thiện, thế nên một tán loạn, một tam muội.

Hỏi: Bất thiện không được nói là tam muội chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trong nhất tâm không có tán loạn, không có tam muội. Ý có tán loạn, có tam muội, không có đối tượng là nhân duyên. Tâm ý này gọi là tâm ý tán loạn. Một nhân duyên gọi là tam muội. Chỉ mỗi mỗi tâm ý là loạn, là tam muội, nên tất cả có mỗi mỗi phân biệt, vì thế tất cả tâm là không có tán loạn, không có tam muội. Tâm ấy không phải là vi diệu, không thể là cứu cánh, thế nên tâm ấy không phải là duyên.

Hỏi: Nếu một tâm tán loạn, một tâm tam muội, thì tất cả tâm kia mỗi mỗi đều phân biệt, vậy nên tất cả tâm là có tán loạn, có tam muội. Tâm ấy không phải là vi diệu, nên không phải là duyên. Từng có tâm tán loạn kia là tam muội chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Có tâm tương ưng với tán loạn, tâm tương ưng với tam muội – tán loạn và tương ưng với tán loạn. Tâm kia cùng với tam muội tương ưng, là mười pháp đại địa của tất cả tâm, nên tâm kia có tán loạn, có tam muội.

Hỏi: Tam muội không tương ưng với loạn, loạn cũng cùng với tam muội tương ưng, là muốn khiến tam muội cùng với loạn tương ưng, loạn cùng với tam muội tương ưng chăng?

Đáp: Tâm này không phải là vi diệu, nên không phải là duyên.

Hoặc có thuyết nói: Không có. Vì tâm bất thiện là tán loạn, tâm thiện là tam muội. Thiện với bất thiện khác, thế nên loạn khác, tam muội khác.

Hỏi: Bất thiện không được nói là tam muội chăng?

Đáp: Không có bất thiện là tam muội, như đã nói tam muội là gì? Nghĩa là tâm thiện ở nơi chốn riêng lẻ. Lại nữa, không có một tâm có tán loạn, có tam muội. Điều này cũng như trên đã nói.

Hỏi: Tam muội diệt tận khởi tâm duyên nơi những gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Gốc, ngọn là duyên. Như đã nói: Tâm gốc thành tựu đầy đủ, có đối tượng hưng khởi, đã tạo ra tâm như thế là không có hưng khởi.

Hỏi: Thế nào là tâm đoạn diệt lấy chỗ suy niệm làm duyên?

Đáp: Như đoạn diệt ý bất thiện, trung gian của ý thiện lại khởi bất thiện.

Hỏi: Tâm ý không đoạn diệt kia tức là tâm ý có buộc vướng. Lại nữa, nơi chốn này của các hữu không thể nghĩ bàn, tức tam muội diệt tận. Nếu tâm gốc, ý gốc có duyên đoạn diệt, thì tâm kia là có. Vì tâm không phải là không nhân, vậy nên là duyên khởi. Lại nữa, nếu tâm theo thứ lớp khởi, thì tâm ấy đối với thứ đệ duyên muốn khởi, nên nói là nhân duyên gốc. Vì sao? Vì pháp đã suy niệm của tâm không nhận biết tự nhiên diệt?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu tự nhiên diệt thì cả ba cùng tương ưng không có cánh lạc (xúc).

Hoặc có thuyết nêu: Nếu tự nhận biết thì không có hai, cũng cho là hai duyên sinh thức, như kệ đã nói:

*Gần gũi tự nhiên
Đoạn diệt tà kiến
Gồm thâu người khác
Không khác với ta.*

Như phương tiện khác thì khổ tức có bằng nhau. Vì sao? Vì pháp đã suy niệm của tâm tự không nhận biết pháp tương ưng.

Hoặc có thuyết nói: Không nhận biết cả hai cùng sinh. Giả như nên nhận biết thì sinh duyên nơi vô sinh, vô sinh duyên nơi sinh, tức sinh duyên không có tạo tác.

Hoặc có thuyết cho: Không là một tích tụ. Nếu như nên nhận biết, tức chẳng không, tức có vô số tụ gồm thâu pháp tương ưng của

hai phần trong một khoảng thời gian, như có duyên khác, như có pháp tương ưng khác. Lại nữa, không nhận biết một duyên. Nếu như nên nhận biết, thì cũng nhận biết tự nhiên. Nếu như cần nhận biết, tức thức duyên thọ, thọ cũng duyên tự nhiên. Như đã nói về trí, thì trí ấy tức là thọ. Vì sao? Vì pháp đã suy niệm của tâm không nhận biết cùng có pháp.

Hoặc có thuyết nêu: Pháp này không phải là cùng có.

Hoặc có thuyết nói: Cùng có không tự nhận biết. Lại nữa, nếu trở lại đầu vết, làm sao có nhân duyên để pháp kia có thấu giữ?

Hỏi: Vì sao pháp tương ưng gọi là nội nhập của tâm, nhưng không là pháp tương ưng khác?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tất cả là nội tâm, cũng là ngoại tâm, là sự sai biệt của tất cả tâm.

Hỏi: Không có xứ sở của nhập chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nội căn và ý căn không phải là pháp tương ưng khác.

Hỏi: Thế nào là niệm căn của ý niệm nơi tâm sở, như lạc căn kia cho đến tuệ căn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do tâm nên niệm xoay chuyển, cũng như pháp đã suy niệm của tâm không dừng trụ nơi tâm dong ruổi.

Hỏi: Cả hai đều cùng sinh, là do những gì để sinh? Nếu mỗi mỗi nối tiếp sinh, thì do thọ, thức, niệm sinh tướng, cũng sinh trí tuệ chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Pháp đã suy niệm của tâm như cảnh giới của tâm kia. Tâm sinh, cảnh giới của tâm kia cũng sinh niệm.

Hỏi: Cả hai đều cùng sinh là bỏ cái nào?

Đáp: Nếu mỗi mỗi pháp nối tiếp sinh, thì thọ, thức cùng niệm cũng lại sinh.

Hoặc có thuyết cho: Ý là chỗ dựa của tâm pháp có thức.

Hỏi: Tâm cũng dựa nơi tâm, là muốn khiến tâm không phải là nội chẳng?

Đáp: Tuy tâm lại dựa nơi tâm, nhưng là dựa nơi tâm, còn pháp có thức, niệm không phải dựa nơi tâm.

Hoặc có thuyết nêu: Tâm tăng ích trên pháp của tâm niệm này. Điều ấy cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết nói: Tâm ý không tự diệt, niệm thì có diệt, như tam muội diệt tận.

Hỏi: Tưởng thọ dứt hết ở niệm kia, nhưng không phải là có tâm chẳng?

Đáp: Tâm diệt ở niệm kia. Vì sao? Vì hành của tâm đã niệm tưởng, hành ấy không phải là có, vì hành đã được dừng nghỉ. Đức Thế Tôn cũng nói: Ai nên có người nói có, có tưởng, nhưng không có lời nói này, cũng không có niệm ấy. Sự việc này là không đúng. Lại nữa, tưởng thức diệt là có đối tượng lựa chọn, nên nói nội nhập và pháp tương ưng khác. Ý thức nhập, duy trì thường trụ không dời đổi. Lại nữa, thức dựa vào chúng sinh không bền chắc, còn bền chắc thì tương ưng với pháp khác. Ở đây nhận biết được thức quá khứ, nên nói là nội nhập không cùng với pháp khác tương ưng.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Vô thường là khổ.

Hỏi: Thế nào là vô thường khổ của khổ thọ?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Nếu có thường thì thường đó là khổ. Như vô thường thì thường kia là Niết-bàn.

Hỏi: Như tự nhận biết khổ thọ, người kia tự cho là khổ, nếu có thường. Người kia không tự nhận biết, không phải có thường là khổ chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Lúc khổ thọ diệt hết, thì khổ khác tức tránh khỏi.

Hỏi: Lúc vô thường diệt hết, là muốn khiến vô thường là vui chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Lúc khổ thọ sinh tức là có khổ. Lúc khổ thọ diệt tức là vô thường sinh vô thường, thế nên vô thường là khổ.

Hỏi: Lúc lạc thọ sinh, là có vui, liền sinh vô thường, là muốn khiến vô thường là vui chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Khổ kia không phải là thuộc về vô thường khổ, khổ ấy là tự nhiên. Còn vô thường kia không phải là khổ tự nhiên.

Hỏi: Như đã nói: Nếu vô thường là khổ, thì sự việc này là không đúng chăng?

Đáp: Các thứ vô thường, tức tất cả các thứ vô thường kia là khổ, có một ít khổ tự nhiên, có một ít vô thường khổ, có một ít thứ khổ. Lại nữa, khổ kia không phải là vô thường khổ, vì nghĩa của vô thường khác, nghĩa của khổ khác. Lại nữa, lúc khổ thọ sinh là bị vô thường bức bách, còn khổ tự nhiên thì mỗi mỗi đều tự tự tập.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Khi nhận lạc thọ chúng sinh kia liền tự nhận biết là nhận lạc thọ.

Hỏi: Thế nào là khi nhận lạc thọ, chúng sinh kia liền tự nhận biết là nhận lạc thọ?

Đáp: Như nơi Kiên độ thứ nhất ở trên đã nói. Thế nào là tự nhận biết có khổ? Lại nữa, lạc thọ khiến phóng dật nơi cảnh giới kia sinh khởi niệm của ý thức. Thức kia đồng cùng với ý tạo ra tưởng về ngã, ngã sở, nên tự nhận biết là ta đã nhận lạc thọ. Hướng chi chúng sinh do thọ, thấy khổ bức bách, tâm liền nao loạn. Vì sao? Vì pháp đã suy niệm của tâm đã không tự dựa vào xứ sở.

Hoặc có thuyết cho: Từng có hữu kiến tự dựa vào xứ sở chăng?
 Như pháp đã suy niệm của tâm.

Hỏi: Vật có sắc đều tự gần gũi chăng?

Đáp: Vật cực vi có sắc, cũng là cực vi, mỗi mỗi cực vi đều không chạm vào nhau. Thế nên đây không phải là câu hỏi.

Hoặc có thuyết nêu: Không có sắc thì cũng không chạm vào nhau.

Hỏi: Sắc thức có biểu hiện về giới không tự gần gũi chăng?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Lựa chọn không tiếp xúc.

Hỏi: Lựa chọn không biểu hiện về giới, không tự gần gũi, thế nên điều ấy là phi nghĩa chăng?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Không có đối, không thể tiếp xúc. Lại nữa, nếu như nên thọ nhận xúc chạm, tức có xúc nhập.

Hỏi: Như thân căn tiếp xúc thì đây không phải là xúc (cánh lạc). Như thế, sự xúc chạm kia không phải là xúc nhập có. Từng có duyên nơi không ưu sâu sinh lạc thọ chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Có. Như người trông thấy kẻ oán thù chết liền sinh lạc thọ.

Hỏi: Lạc thọ kia không phải là duyên nơi oán gia mà oán gia duyên nơi lạc thọ kia, thế nên kẻ kia ưu sâu chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không có. Sự việc này không nhất định. Duyên của định thì không ưu sâu, không sinh khổ thọ.

Hỏi: Do nhân duyên kia, nên hoặc sinh lạc thọ, hoặc sinh khổ thọ, hoặc duyên cả hai sinh, không do nhân duyên cùng nhận biết hai sự việc. Lại nữa, không có nhân duyên có ưu sâu, không có ưu sâu tạo thành. Như người kia, hoặc có ưu sâu, hoặc không có ưu sâu, hoặc cũng không có ưu sâu cũng không phải là không có ưu sâu. Người kia hoặc có ưu sâu, hoặc không có ưu sâu, hoặc cũng không

có ưu sầu cũng không phải là không có ưu sầu. Nhân duyên hội hợp, hoặc sinh lạc thọ, hoặc sinh khổ thọ, hoặc sinh không lạc thọ, hoặc sinh không khổ thọ. Từng có duyên nơi ưu sầu sinh khổ thọ chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có. Như thấy mẹ mình chết liền sinh khổ thọ.

Hỏi: Thọ kia không duyên nơi mẹ, mà mẹ duyên nơi thọ kia, thế nên thọ kia là ưu sầu chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không có. Duyên nhất định không ưu sầu nên sinh lạc thọ.

Hỏi: Do nhân duyên kia nên hoặc sinh lạc thọ, hoặc sinh khổ thọ. Lại nữa, không có nhân duyên tạo thành: Có ưu sầu, không có ưu sầu. Hoặc có ưu sầu, hoặc không có ưu sầu, hoặc cũng không có ưu sầu cũng không phải là không có ưu sầu. Nhân duyên kia hội hợp, hoặc sinh lạc thọ, hoặc sinh khổ thọ, hoặc sinh không khổ không lạc thọ. Hai thứ bền chắc và một thứ diệt tận, tự nhiên khổ thọ tăng thượng mạn, ý không cùng tiếp xúc, không ưu sầu, có ưu sầu. Cho người khác là cha mình nên khởi lạc thọ, vậy thọ ấy duyên nơi những gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Cha là duyên của thọ kia.

Hỏi: Người kia không phải là thân phụ chăng?

Đáp: Tức khởi tư duy như thế.

Hỏi: Như có người nói là thọ của ngã, ngã là duyên của thọ kia chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Duyên của kẻ oán đối.

Hỏi: Thọ kia không phải là oán đối. Nếu người kia không tạo ra các thọ cùng với nhân duyên, là muốn khiến tạo ra màu xanh chăng? Nếu thọ không duyên nơi màu xanh. Lại nữa, tướng của cha nơi nghĩa của thọ là duyên kia, còn oán là xứ sở. Thọ trong các

thân, thì thọ ấy là tâm thọ chăng? Nếu như là tâm thọ, thì thọ kia là thân thọ chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thọ hiện có trong các thân, hết thấy thọ ấy đều cùng với tâm tương ưng.

Hỏi: Như đã nói: Có hai thọ này là thân thọ và tâm thọ, thì có trái nhau chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tất cả thọ là tâm thọ, cho đến năm căn tăng trưởng, đó gọi là thân. Sắc tăng thượng cho đến ý căn tăng thượng, thọ kia là tâm thọ, là tâm tăng thượng.

Hoặc có thuyết nói: Các cảnh giới đạt đến gồm sáu căn sinh, đó gọi là thân. Các cảnh giới không đạt đến, không có tư, tưởng, gồm sáu do ba căn sinh, các thọ ấy là tâm có tư, tưởng.

Hoặc có thuyết cho: Các thọ đều dựa vào thân căn, gồm sáu xúc bên trong và duyên với sinh, đó gọi là thân thọ. Trong đây có các thọ khác sinh, đó gọi là tâm thọ. Lại nữa, các thân thọ cùng với tâm tương ưng.

Hỏi: Từng có tâm thọ không phải là thân thọ chăng? Thọ được tạo ngoài các đối tượng thọ nhận, nếu nhận biết dài ngắn, thì ngắn cũng nhận biết dài. Thức kia là duyên nơi những gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nếu nhận biết dài ngắn thì duyên kia là ngắn. Nếu ngắn nhận biết dài thì duyên kia là dài.

Hỏi: Dài không phải là ngắn, ngắn không phải là dài chăng?

Đáp: Do đây nên biết được.

Hỏi: Nếu nhận biết có ngã thì ngã là duyên chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu nhận biết dài ngắn, thì sự nhận biết kia tức duyên nơi dài. Nếu nhận biết dài, thì sự nhận biết kia tức duyên nơi ngắn

Hỏi: Như nay không nhận biết những thứ như đã tạo, hoặc nhận biết thứ khác, thì thức tức có duyên khác, là muốn khiến màu xanh không phải duyên nơi sắc xanh chăng?

Hoặc có thuyết cho: Không có không nhận biết dài ngắn, ngắn nhận biết dài, thức kia không được nói là trụ, không quan sát hương vị xúc đã tạo ra dài ngắn. Từng có người mù không được thiên nhãn, nhưng do nhãn thức thấy các sắc chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Có. Nếu đã từng cùng tương ưng, về sau đạt được quả. Mắt kia sinh nhãn thức, mắt liền hư hoại, thế nên người mù sinh nhãn thức thì mắt hư hoại. Vì thế nhãn thức của người mù nhận biết sắc.

Hỏi: Mắt của người mù kia có sinh khác, vì thế không được nói là mù chăng?

Đáp: Không phải do mắt kia quán. Nếu mắt quán xét tức mắt không mù, theo người mù bẩm sinh, vậy nên không mù.

Hỏi: Không phải do theo người mù bẩm sinh mà có sự quán xét của nhãn thức. Nếu quán xét mắt không mù, tức nhận biết tướng của các thức tương ưng với phần có các giác chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu khi mắt ần mắt, sinh nhãn thức, thì nhãn thức kia hư hoại. Khi mắt kia sinh nhãn thức, thế nên người mù gồm thâm sắc.

Vì không cùng có, vậy nên mắt kia sinh nhãn thức. Hoặc tận diệt sinh nhãn thức, hoặc tất cả diệt tận sinh nhãn thức, tức mắt kia sinh nhãn, không khởi nhãn thức, là muốn khiến người mù sinh nhãn thức chăng? Là khởi mắt sinh nhãn thức.

Lại nữa, không đoạn dứt mắt có xoay chuyển kia, cũng có xứ mở, tránh, nên sinh nhãn thức. Đã được dấu vết của nhân duyên, tức có tương ưng. Nếu thật sự tương ưng thì không được nói là nhãn thức.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo của cảnh giới sáu trần, vì sao ý thức nói là hữu lậu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì cảnh giới kia do hữu lậu sinh ra, thế nên nói là hữu lậu.

Hoặc có thuyết cho: Vì hữu lậu sinh ra cảnh giới kia, nên nói là hữu lậu.

Hoặc có thuyết nêu: Vì cảnh giới kia là báo của hành (nghiệp), nên nói là hữu lậu.

Hoặc có thuyết nói: Vì cảnh giới kia là sự tính toán của con người, nhưng con người không phải là vô lậu, nên nói là hữu lậu.

Hoặc có thuyết cho: Vì con người lưu chuyển nơi sinh tử không có cùng tận, nên nói là hữu lậu.

Hoặc có thuyết nêu: Duyên nơi cảnh giới kia giáng thần trong thai mẹ, không duyên nơi pháp vô lậu để giáng thần trong thai mẹ, thế nên cảnh giới ấy nói là hữu lậu.

Lại nữa, cảnh giới kia nói có ngã, ngã sở, đây không phải là vô lậu thật sinh hữu lậu, vì thế cảnh giới kia nói là hữu lậu.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo thâm giữ các tướng thuộc về thức. Bảy giờ, nơi chôn đi qua của thọ mạng, hướng đến ba nẻo ác, lần lượt không dừng: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, sinh khởi tâm không nhiễm ô.

Hỏi: Vì sao sinh lên cõi trời?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Do các kiết sử nên sinh lên cõi trời. Cũng do kiết sử nên hoặc vào địa ngục.

Hỏi: Thế nào là gây tạo hành bất thiện?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Do kiết sử nên sinh lên cõi trời. Do giận dữ nên sinh vào địa ngục. Tướng của giận dữ chính là lúc bảy giờ.

Hoặc có thuyết nói: Do nhiễm chấp nhỏ ít cũng được sinh lên cõi trời. Kiết sử nếu tăng thượng tức sinh vào ba nẻo ác. Giận dữ tăng thượng ngay khi mạng chung.

Hoặc có thuyết cho: Hành tướng lại chất chồng, xuất sinh các kiết sử. Như hành tạo nghiệp bất thiện là sinh vào nẻo ác. Như bị kiết sử trói buộc, nhưng đã tạo nên các hành thiện, tức được sinh lên cõi trời. Dấy khởi hành bất thiện, tức có các thứ suy kém hao tổn, bấy giờ thì mạng chung.

Hoặc có thuyết nêu: Tất cả kiết sử đã nhỏ phá hết các căn thiện, theo hành thiện ác đều hướng đến đường nẻo ác kia. Lại nữa, sinh từ trước đến nay, theo câu văn của Khế kinh thì có chỗ không thuận hợp. Nay sẽ thuyết giảng về điểm cốt yếu: Như chèo thuyền vượt qua từ bờ bên này đến bờ bên kia, hành báo sinh hành (nghiệp), tức thọ nhận quả của hành. Ngay từ lúc ấy, con người không có sức mạnh, không tạo gốc thiện, thế nên có xứ sở, không được nói là thức sau cùng hội hợp với hữu là chết. Lại nữa, thức cùng với hành gốc tương ung.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Nơi đêm dài sinh tử, nên khéo dựa vào tâm tư duy, tu hành, đọc tụng.

Hỏi: Thế nào là tâm tu hành nơi đêm dài sinh tử là nhất tâm?

Đáp: Nhất Bộ Tăng Danh tạo ra thuyết này: Nhất tâm tu hành nơi đêm dài sinh tử, tức không được dùng nhiều tâm để tu hành, nên tu hành được sinh.

Nhất tâm như thế, tu hành nơi đêm dài sinh tử, tức không có sinh, cũng không có sai biệt. Tư duy sai biệt không có khác, lần lượt sinh tư duy nên có tư duy, lần lượt theo tâm ý tức có tăng trưởng. Thế nên sinh ý tư duy nơi đêm dài sinh tử. Lại nữa, tâm có ba hành không có thời gian cho đến mạng chung.

Từ đây, Bồ-tát phát tâm cầu đạo. Theo tư duy này, cho đến được vô học thuật, được lợi, lần lượt tâm nhận lấy tướng, tướng ấy

có tư duy, một thời tư duy, tâm nghĩ đến pháp thiện, nên quan ý tư duy. Vì sao? Vì các pháp tương ưng với tướng cùng thức, không nói là thức ăn.

Hoặc có thuyết nói: Tất cả tướng, thức kia là thức ăn. Ngũ giáo của Đức Thế Tôn nói tất cả tức là nói tất cả.

Hỏi: Vì sao không phải do nói thức tức nói là tất cả?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tất cả các thứ kia là thức ăn, là lời khuyên dạy của Đức Thế Tôn.

Hỏi: Các pháp tương ưng cùng có sinh chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Hai ở trong đó trở lại là thức ăn cho tâm, ý thức. Có hai phương tiện là đoàn thực, lạc thực

Hỏi: Các pháp tương ưng, hoặc thọ nhận là có, hoặc không thọ nhận, nghĩa này là thế nào? Lại nữa, pháp tương ưng hoặc có tướng của thức ăn, hoặc không có tướng ấy, như sắc hương vị xúc, là muốn khiến sắc của hai sinh là cảnh giới của nhãn thức chăng?

Đáp: Sinh khác cũng như thế, chỉ muốn tự nuôi dưỡng là nghĩa của ăn, đoàn thực là sai biệt. Các căn thuộc bốn đại được thêm lớn, mềm ngon, no đủ. Sự sinh ấy do tướng ăn, tức sinh nơi cõi kia. Tư duy tương ưng với ý đã suy niệm. Như người kia có thọ thì sinh ấy là không có lường tính, như tâm có thọ. Nếu các pháp này lấy an lạc làm tướng của ăn uống thì sinh kia nhận lấy các thân căn, thọ cũng được thực hiện, tướng cũng được thực hiện. Hành ấy tức sinh việc thọ nhận các thức, thức sắp bỏ. Cho đến thân căn tương ưng với thức, ý, bị trói buộc vướng chấp, và pháp đã suy niệm của tâm nên nói là xoay chuyển, nhưng có nơi chốn mở tránh, theo thọ nơi tướng ăn uống. Lại nữa, sự hội hợp tạo ra tướng là tướng của tướng kia.

Cúng dường và thân danh

Ý giới mù, dài ngắn

*Thủ chẳng phải tương chấp
Ý hữu lậu ở sau.*

Hỏi: Vì sao tướng thọ của các pháp tương ưng là hành của ý, không phải là pháp của pháp tương ưng khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tất cả điều này là do hành của ý hưng khởi, là lời khuyên dạy của Đức Thế Tôn. Nói đây là hàng đầu, tức nói ý gây ra tất cả.

Hỏi: Nói một tức là nói tất cả chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây là lời khuyên dạy của Đức Thế Tôn.

Hỏi: Các pháp tương ưng đều cùng sinh uy lực chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Do ý mà sinh, thế nên nói là hành của ý.

Hỏi: Các pháp của pháp tương ưng, hoặc tùy ý sinh, hoặc không tùy ý sinh, nghĩa này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì ý này đã tác động, nên nói là hành của ý. Các pháp tương ưng, hoặc do ý tạo ra, hoặc không phải do ý tạo ra, nghĩa này là thế nào? Lại nữa, ý đã trói buộc các pháp như thế, không ở nơi trung gian, có xoay chuyển, còn ý thức thì lần lượt xoay chuyển không có chấm dứt.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Đối với *tập* của các thứ xúc, thọ, tưởng, hành, danh sắc, thức, vì sao các pháp tương ưng với các tập ấy?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tất cả pháp tương ưng với tập của xúc gọi là sắc tập. Lại nữa, danh sắc trong ý vượt hơn của xúc là thức. Xúc tăng trưởng cho đến thọ có tăng gọi là sắc tăng, thức có tăng.

Hỏi: Cùng là trung gian, xúc ấy là diệu hay không phải là diệu? Nghĩa này là thế nào?

Đáp: Do một xúc không phải là tướng do tâm sinh, thế nên pháp ấy không có. Như vậy xúc tăng thì ý liền có tăng.

Hoặc có thuyết nêu: Mắt duyên sắc là nhân duyên cùng duyên trung gian, duyên nơi danh sắc sinh thức. Ba pháp này tụ tập, nên nói là xúc duyên nơi xúc. Xúc liền sinh thọ, hoặc tưởng, hoặc ý.

Hỏi: Chỉ do xúc sinh thọ, lại do xúc khác sinh tưởng. Đức Thế Tôn cũng nói: Có thọ kia, không nói là có thọ kia, liền nói là có tưởng. Sự việc này là không đúng, tức Khế kinh này có mâu thuẫn, vì không phải do pháp đã suy niệm của tâm lần lượt tương ưng sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Mắt duyên nơi sắc sinh nhãn thức, ba pháp này tụ tập tức có xúc. Thức kia cùng có liền sinh thọ. Do thọ nên sinh tưởng, duyên nơi tưởng nên sinh ý. Lại nữa, phương tiện của các pháp tương ưng là vượt hơn. Như hai người cùng đi nơi một con đường, chôn đến tắt đến, sắc thanh hương vị xúc bắt đầu phát sinh, là muốn khiến cho cả hai cùng sinh, có tăng giảm như thật.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Bà-la-môn Tỳ-kê-la, Đa-lỗ-hề đế, như sắc tướng của một người trụ trong trăm tuổi cùng hành thọ khác khởi, nên đều không sinh sắc, lần lượt không tương ưng.

Hỏi: Nói như thế thì nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Sắc, sắc lần lượt, đây là lời răn dạy của Đức Thế Tôn. Tạo tác của thế gian là tướng sắc kia là ngã sở, ngã vươngng chấp nơi sắc nên trụ.

Hoặc có thuyết nêu: Sắc cũng lần lượt sinh tử, ý vô ký tự xoay chuyển. Pháp đã suy niệm của tâm cũng có thiện, cũng có bất thiện.

Hoặc có thuyết nói: Sắc cũng lần lượt sinh.

Lại nữa, sắc do con người xoay chuyển, pháp đã suy niệm của tâm là có thật, lại có hướng đến khác.

Lại nữa, sắc cũng lần lượt sinh, nhưng sắc là tự nhiên cho đến trụ, không chết. Như trí tạo tác, người khác tự tạo phương tiện cầu sắc, cũng trụ trăm tuổi.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Bốn diên đảo này như diên đảo của tướng, diên đảo của tâm, diên đảo của kiến. Vì sao? Vì các pháp tương ưng không gọi là diên đảo của thọ.

Hoặc có thuyết cho: Đây là lời răn dạy của Đức Thế Tôn. Nói như thế tức đều nói về thọ.

Hỏi: Nói một là nói tất cả chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Đây là lời khuyên hỗ trợ của Đức Thế Tôn, như trên đã nói.

Kiệt vương chấp có nhất định.

Hỏi: Các pháp tương ưng không có khuyên hỗ trợ chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là lời răn dạy của Đức Thế Tôn. Sự răn dạy này cùng với lời răn dạy kia của Đức Thế Tôn là nói về các thứ diên đảo: Diên đảo của kiến, diên đảo của tâm, diên đảo của tướng, diên đảo của thế gian. Nhưng thọ không phải là diên đảo.

Hoặc có thuyết cho: Đây là tất cả diên đảo.

Lại nữa, diên đảo của kiến tăng thượng, diên đảo của tâm trong diên đảo của tướng vi tế.

Lại nữa, tâm tâm diên đảo đã tạo ra tướng vô thường, thấy là tướng có thường, được các pháp tương ưng, hoặc nói là không diên đảo.

Hoặc có thuyết nêu: Không thể được. Như cảnh giới của thức, tâm xoay chuyển cũng lại xoay chuyển.

Hỏi: Nếu như tất cả là có thường, thì tự tướng nhất định của ngã không có cảnh giới chăng?

Đáp: Có thường là nhận biết có thường, nhận biết tướng thọ, nhận biết tâm của tướng, nhận biết tâm.

Hỏi: Nếu tất cả là thường thì không phải là tất cả thọ chẳng? Tất cả là trí chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Được thức, thuộc về tự tướng, nên thức kia không phải là tâm điên đảo. Tâm cũng điên đảo, cũng không phải là điên đảo.

Thiện không điên đảo, nhưng thiện không cùng với bất thiện tương ưng, thế nên điều này không phải là nghĩa.

Lại nữa, xứ sở cùng duyên, không có tương ưng do nghiệp. Thế nên nghiệp kia có sinh tất cả điên đảo, tất cả không điên đảo hoàn toàn, không có vượt hơn tự tạo ra ngã.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ba xúc tụ tập.

Hỏi: Thế nào là ý địa có ba xúc tụ tập?

Đáp: Giới Ý (Tên một bộ Tăng) tạo ra thuyết này: Ý giữ gìn cảnh giới của ý cùng vui.

Hỏi: Hai tâm cùng như nhau, cũng nói là tâm, ý, thức chẳng?

Đáp: Một tâm tạo ra thuyết này: Nếu tâm lần lượt thì tâm ấy không có ba tụ tập. Lại nữa, dựa vào cảnh giới của nhất tâm là cùng có xúc.

Cũng nói ý duyên hợp sinh các pháp, ý thức có ba tụ tập là xúc. Ý thức kia không dựa vào tâm, ý, thế nên không có ba điều ấy tụ tập. Nếu ý thức kia dựa vào tâm, tức có hai tâm: Tâm Tánh (Tên một bộ Tăng) tạo ra thuyết này: Lúc tâm diệt tận, sinh cảnh giới của tâm, là ba thứ tụ tập này.

Lúc tâm sinh, tâm vị lai chưa sinh, thế nên không có ba thứ tụ tập. Lại nữa, quá khứ có được ý căn, hiện tại được cảnh giới của ý thức, soi chiếu khắp đối tượng đã trải qua của ý thức, như thế ba thứ tụ tập của ý địa là có xúc.

Hỏi: Thế nào là quá khứ, hiện tại có tụ tập?

Đáp: Đây không phải là cùng tụ tập, sự tụ tập. Như thế là được sự việc kia cũng tương ứng.

Hỏi: Thế nào là nhãn thức duyên nơi thiện?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do nhãn thức là tâm thiện cùng khởi duyên nơi thân biểu hiện, đó gọi là nhãn thức duyên nơi thiện.

Hỏi: Nếu thân biểu hiện kia là thiện tự nhiên, vì sao tâm ấy cùng khởi lên, không quán thân? Thân có sắc biểu hiện, không có luân chuyển, không có mất, vì chỉ là sắc tướng hiện bày nên nói là luân chuyển. Đây gọi là thân biểu hiện. Nếu thân rối loạn là thiện, làm sao đạo tưng không như thế?

Đáp: Đây là điều không phải, nên cần quán kỹ. Lại nữa, không phải là nhãn thức thuộc cảnh giới của tự tướng, không phải là cảnh giới nơi tự tướng của sắc là thiện, thế nên không có nhãn thức duyên nơi thiện.

Hỏi: Thế nào là nhãn thức duyên nơi vô ký?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có thể dùng nhãn thức là tâm thiện, bất thiện để khởi, trừ thân biểu hiện kia và nhân duyên của sắc xứ khác, đó gọi là nhãn thức duyên nơi vô ký.

Hỏi: Thế nào là mỗi mỗi không có xứ sở?

Đáp: Trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, quán nơi chốn xuất sinh của các pháp ấy. Lại nữa, theo cảnh giới tự tướng của sắc, thì nhãn thức không phải là tự tướng thiện, bất thiện của sắc, vì thế tất cả nhãn thức duyên nơi vô ký.

Hỏi: Thiện duyên nơi nhãn thức, bất thiện duyên nơi vô ký, duyên ấy có khác biệt gì?

Đáp: Điều này cũng như trên đã nói.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện, vô ký khởi thân biểu hiện giống nhau, vậy nên nhãn thức không có khác biệt. Không phải do ái tạo ra tự tướng có thức, duyên theo màu xanh nơi tâm và pháp đã suy niệm của tâm, thì màu xanh là đối tượng đã trải qua của ý hoan hỷ, có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thức nhận biết màu xanh hoan hỷ, thức thọ nhận màu xanh hoan hỷ, nên thọ tướng nhận biết tâm niệm.

Hỏi: Thế nào là một, hai cùng tương ưng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không phải một thức cùng với hai tương ưng.

Lại nữa, tự tướng màu xanh của nhãn thức, xoay chuyển thọ để thọ hoan hỷ nhãn chịu. Danh số này cùng được tạo ra, tâm cũng như vậy.

Lại nữa, như thế là đã nói một thức cùng với hai tương ưng, nên không phải là tự tánh của thức. Tự tánh nơi một tánh của ngã không phải là tự tánh của ngã, vì vậy không có ngã. Hai này là có cấu uế, nên màu xanh của một thức khéo thành tựu khiến tâm tạo, ý tạo, do thế sự việc này không tương ưng, do tâm kia hoặc có hoan hỷ, hoặc cũng không có hoan hỷ, cũng không phải là không có hoan hỷ. Thế nên hoặc có hỷ, hoặc không hỷ, hoặc cũng không có hỷ cũng không phải không hỷ, tức sự việc này không tương ưng.

Hỏi: Từng có tâm trụ nơi ba thời chăng?

Đáp: Không có. Vì sao? Vì tâm không có hoại. Thế nên thời ban đầu không hoại thì vĩnh viễn không còn hoại nữa, do đấy nên tâm không. Nếu tâm có trụ thêm thì nhân duyên có từng ấy tướng, trên tâm ấy lại có ba duyên. Nếu tâm trụ vào thời thứ ba, thì màu xanh, vàng, đỏ không có tướng của sắc, có tướng của sắc cũng không có tăng giảm, cũng không có mong cầu. Vì thế tâm như hư không.

Hoặc có thuyết nói: Nếu tâm trụ tăng thượng, thì hoặc lúc hoan hỷ nên tu hành đạo, đây không phải là vi diệu, do đây tâm đồng hư không.

Hoặc có thuyết cho: Nếu tâm tạo tác trong ba thời, thì hoặc có khi gặp phải sự xấu ác, cảnh giới mong cầu liền sinh cảnh giới mong cầu. Cảnh giới mong cầu trong quá khứ, cả hai cảnh giới mong cầu đều không thể là cứu cánh. Thế nên tâm đồng hư không.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu tâm tự nhiên trụ nơi ba thời kia, thì thời đầu, thời thứ hai đi qua, tức có tăng giảm. Tăng giảm không trọn vẹn, vì thế tâm đồng hư không. Nếu ở giữa không có tăng giảm, thì cứu cánh cũng là hư không, nên vĩnh viễn không còn hoại. Nếu tâm kia không tự nhận biết sự hủy hoại của ba thời ấy, thì vì sao tâm kia đã tự nhận biết ngay từ thời đầu là hoại? Do thế tâm đồng hư không.

Lại nữa, nếu tâm trụ nơi tâm trung gian của ba thời, thì tâm trung gian tương ứng với trung gian, tương ứng với tâm trụ, tương ứng với tâm trụ cũng là hư không, không ở nơi trung gian trụ vào tương ứng, trung gian không là chẳng không. Vì vậy tâm đồng hư không.

Hỏi: Do những gì nên nói tâm như hư không nhưng không cùng với sắc?

Đáp: Điều này cũng đã nêu bày, nơi kệ trên cũng đã nói. Âm thanh là nhân của sắc, không có mạng, cùng có xoay chuyển.

Hoặc có thuyết nói: Nếu sắc là không, thì trụ là không trụ, nơi chốn đã sinh tức ở nơi kia là hư hoại. Sinh kia là không có diệu, thế nên sắc trên trụ.

Hoặc có thuyết cho: Sắc cũng là hư không như tâm. Vì sao? Vì nếu sắc không là hư không, thì ái sinh sắc trụ nơi giận sinh giận sinh sắc. Thế nên một thời không, tức không có sắc. Điều này không phải là vi diệu, vậy nên sắc đồng hư không.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu sắc trụ tăng thượng, thì khi mạng chung, tâm sinh trung ấm sắc, tâm tức có xoay chuyển. Sự việc này không phải là vi diệu, thế nên sắc đồng hư không.

Hoặc có thuyết nói: Nếu sắc là tự nhiên nơi ba thời, hoặc vào thời thứ hai, thì thời có tăng thượng, chuyển biến có tăng thượng. Nếu thời đầu, thời thứ hai tăng, thì chuyển biến trụ lại. Nếu không tăng là không, vì thế vĩnh viễn không có hoại. Hoặc tâm kia tự nhận biết ba thời là hoại. Vì sao? Vì tâm kia tự nhận biết thời ban đầu đã hoại, thế nên sắc đồng hư không.

Lại nữa, nếu sắc trụ tăng thượng, thì trung gian tương ứng với trụ. Nếu trung gian tương ứng với trụ, thì thời đầu cũng nên là trung gian tương ứng với trụ. Nếu trung gian không tương ứng với trụ, thì tương ứng tức không là hư không, không ở nơi trung gian tương ứng trụ, tương ứng không phải là không hư không, vì thế sắc là không.

*Hai chữ tướng thọ còn
Phạm chí hành ý cầu
Mắt biết cảnh giới xanh
Tánh mạn cũng hư không.*

Hỏi: Như đã nói: Đối tượng quán thấy tâm kia là đối tượng nhận biết của mắt. Thức này làm sao là đối tượng quán của mắt, là đối tượng nhận biết của thức?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Mắt xem thấy sắc, gồm thân cảnh giới.

Hoặc có thuyết nêu: Dựa vào mắt sinh thức. Như mắt xem sắc, thức là nhân duyên, đối tượng nhận biết là như thế.

Hoặc có thuyết cho: Không có mắt nhìn xem, nếu như phải nhìn xem, cho đến có mắt tức nhìn xem, như thức cùng có sinh, như thế là thức nhận biết. Do vậy mắt không nhìn xem.

Hoặc có thuyết nói: Mắt không có đối tượng quán. Nếu như phải quán, cho đến sắc có hai tướng, mắt có đối tượng soi chiếu. Tất cả sự xem, nhìn không phải là duyên của tất cả quán, vì vậy mắt không nhìn xem.

Hoặc có thuyết cho: Mắt không có đối tượng quán, thức không có đối tượng nhận biết.

Lại nữa, mắt duyên nơi sắc sinh nhãn thức, mắt đó tạo ra tướng quán để quán đối tượng nhận biết của thức. Đức Thế Tôn cũng nói như vậy.

Lại nữa, mắt không có đối tượng quán, nếu như mắt nhìn xem, thì tai nên nghe, mũi ngửi mùi hương. Thế nên nghĩa của hai căn tức có hệ thuộc. Do vậy mắt không có đối tượng quán.

Hỏi: Quán, thức có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Mắt có đối tượng quán, thức có đối tượng nhận biết.

Hoặc có thuyết nói: Đối tượng quán chiếu là thuộc về mắt, cảnh giới là thức.

Hoặc có thuyết cho: Không có khác biệt. Quán, thức nhưng không có khác. Đây là một nghĩa, là lời răn dạy của Đức Thế Tôn.

Lại nữa, vì có xứ sở này, nên quán khác, thức khác, cả hai đều cùng không đồng. Quán thức của người khác nhận thức về người khác. Nếu như nên như quán thức khác là đồng, thì mắt ấy, thức ấy không có khác biệt. Nếu như cảnh giới của mắt, thì thức cũng là cảnh giới. Mắt xem sắc, thức không có sự khéo léo để thâm tóm lấy cảnh giới. Sự việc này không đúng, thế nên phải bỏ.

Như mắt duyên nơi sắc sinh nhãn thức, do nhãn thức kia nhận biết là có sắc, nhưng không phải là mắt. Vì sao? Vì mắt kia gọi đó là

thức chẳng? Không phải là sắc, thức, nên theo phương tiện để nói, như nơi Kiên Độ Tự dựa vào các nội nhập.

Hoặc có thuyết nêu: Nhãn thức nhận biết mắt gọi đó là nhãn thức.

Hoặc có thuyết nói: Mắt kia không có thức.

Lại nữa, mắt duyên nơi sắc sinh nhãn thức. Ở nơi mắt kia tạo ra mùi tưởng thế tục, nói là nhãn thức. Đức Thế Tôn cũng nói như vậy.

Hoặc có thuyết cho: Tu các căn thân thức, do căn có thức. Như vô số nẻo trong một nẻo, do tư duy ăn tùy theo tự tánh của thời gian, tạo ra các căn, nên nói là thân thức. Như pháp đã suy niệm của các tâm tương ưng với cõi vô sắc, cõi sắc là diệu, tư duy về sự cao thấp, thô tế ấy.

Hỏi: Thế nào là tâm kia tạo ra tướng sắc hư hoại?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tâm kia không có tướng hư hoại, nhưng sắc ấy chưa hết. Nếu như sắc đã hết, thì tâm kia gọi là tướng hư hoại.

Hoặc có thuyết cho: Tâm kia có tướng hư hoại, tức tâm ấy không tu tướng sắc. Nếu do lìa tướng sắc, vì lìa, nên gọi đây là tướng sắc hư hoại. Lại nữa, tâm kia không phải là tướng sắc hư hoại, vì tâm ấy không nhập định cõi vô sắc, nếu nhập định cõi vô sắc, thành tự định ấy, thì tâm kia gọi là tướng sắc hư hoại. Như năm thức thân này, không nhận biết đều có tự tướng nương dựa.

Hỏi: Thế nào là ý thức không tự nhận biết cùng nương dựa?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhận biết ý nương dựa ý thức. Nếu như ý không nhận biết ý thức, tức tâm với tâm không cùng quán.

Hoặc có thuyết cho: Nhận biết các căn của tự thân đều nương dựa nơi ý thức kia. Các căn ấy là cảnh giới của ý thức. Cảnh giới của tất cả các pháp là ý thức.

Hoặc có thuyết nói: Nhận biết tất cả thân tướng hiện bày khắp nơi bốn đại đều nương dựa ý thức. Bốn đại ấy là cảnh giới của ý thức. Nếu như không nhận biết, thì thân bốn đại này cũng không có thọ, nếu có cũng dựa vào ý thức.

Hoặc có thuyết cho: Không nhận biết. Nếu do ý thức nhận biết, tức không có ba tụ. Điều này không phải là vi diệu, thế nên không nhận biết.

Hoặc có thuyết nêu: Không nhận biết. Nếu như cần nhận biết, tức có hai. Đức Thế Tôn cũng nói hai nhân duyên sinh các thức. Thế nên không nhận biết.

Lại nữa, các căn dựa vào thức. Nếu như ý thức tự nhận biết nương dựa nhau, ý thức như thế tức có hư hoại.

Lại nữa, tâm đều cùng sinh, bốn đại như thế nên nói là dựa vào thức thân, bốn đại ấy không phải là cảnh giới của ý thức, chưa hoại sáu thức thân, nhập vào pháp đã suy niệm của tâm, thuộc tâm vô ký. Căn được tăng ích, bốn đại tăng ích, nên nói là chưa được.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là chưa được, không do pháp đã suy niệm của tâm, thuộc tâm vô ký xuất sinh các mong cầu.

Hỏi: Tánh của tâm vô ký hồi chuyển thì mong cầu kia tức hư hoại chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là được. Quán thấy các căn, tức có tâm hoan hỷ, tâm xấu ác, tâm vô ký, vì thế nên nói là được.

Hoặc có thuyết nêu: Xứ sở như thế là có tâm vô ký ẩn một (vô ký vô phú), tâm ấy tức thành tựu, có các pháp đã suy niệm của tâm, tâm vô ký, bốn đại của các căn tăng trưởng, là muốn khiến chúng ta nói về tâm vô ký ẩn một chẳng?

Lại nữa, tất cả tâm, sắc tăng trưởng, tất cả tâm dựa vào sắc nên có lần lượt cùng sinh, cho đến nhãn thức sinh các hành. Điều này

không vi tế. Nếu siêu vượt khỏi niệm kia, thì thức thân khởi nhân thức, cũng không có pháp nào là không chuyển, bốn đại của các căn như chủng tử.

Lại nữa, các nghề kỹ thuật thành tựu oai nghi, lễ tiết, đều do hoàn thành oai nghi, tâm vô ký. Như thế thì kỹ thuật ở đây tức có thể nhận biết pháp đã suy niệm của tâm vô ký, bốn đại của các căn được tăng ích. Nếu tâm rối loạn thì tất cả tâm kia đều ly tán chẳng? Nếu như tâm ly tán thì tất cả tâm kia rối loạn chẳng?

Hoặc có thuyết nói: Nếu tâm rối loạn thì tất cả tâm kia ly tán. Nếu như tâm ly tán thì tất cả tâm kia đều rối loạn. Tất cả tâm nhiễm chấp cũng rối loạn, cũng ly tán. Tâm nhiễm chấp kia cùng với rối loạn tương ưng nên tâm ấy là ly tán.

Hỏi: Không có tâm buồn sầu bất thiện, không có tam muội chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không có một tâm, hoặc rối loạn, hoặc ly tán, ý cũng không có tán loạn.

Tùng có tâm rối loạn không phải là ly tán chẳng? Tâm có một nhân duyên, ý có đối tượng thâm giữ.

Tùng có tâm ly tán không phải là rối loạn chẳng? Ý thức không có số nhân duyên, cũng không có đối tượng gồm thâm.

Tùng có tâm rối loạn cũng ly tán chẳng? Tánh của ý không có số nhân duyên, cũng có đối tượng thâm giữ.

Tùng có tâm không rối loạn cũng không ly tán chẳng? Một duyên nói ý thức không có đối tượng thâm giữ.

Hỏi: Như mỗi mỗi tâm không rối loạn, không ly tán, thì tâm ấy không phải tất cả là ly tán chẳng?

Đáp: Như mỗi mỗi tâm không ở nơi ý nhưng có rất nhiều ý. Như thế mỗi mỗi tâm giận dữ, không có ly tán, cũng không có rất nhiều ý. Lại nữa, nếu tâm ly tán, thì tất cả tâm kia có rối loạn. Tùng

có tâm rối loạn không phải là ly tán, do một duyên xoay chuyển. Ví như sĩ phu chạy theo một con đường, như duyên nơi tự tướng của năm thức thân, xoay chuyển là ý thức tưởng tượng như thế.

Hoặc có thuyết nêu: Như sự xoay chuyển kia, tức ý thức ấy không tưởng tượng.

Hoặc có thuyết nói: Nếu màu xanh của nhãn thức, có ý thức nhất định, thì ý thức cũng nhận thức, tưởng tượng về màu xanh, đó gọi là nhãn thức. Nếu nói là ý thức thì sự việc này không đúng.

Hỏi: Ý thức tưởng tượng, nếu mắt tăng thượng, thì mắt ấy là nhãn thức chăng? Tàng có ý tăng thượng, ý ấy là ý thức chăng?

Đáp: Có. Như mắt ông tăng thượng, các màu xanh, vàng, trắng, đen tương ứng sinh nhận thức các vương mắt cũng có vượt hơn. Như thế mắt ta tăng thượng, các sinh tương ứng với nhãn thức, như ý tăng thượng tương ứng với sinh. Ý tăng thượng kia là ý thức.

Hoặc có thuyết nói: Nếu mắt tăng thượng cùng tương ứng với các màu xanh, vàng, trắng, đen sinh thức vương chấp là ý tăng thượng. Các màu xanh, vàng, trắng, đen tương ứng, sinh thức vương chấp, nên tương ứng với quả hoại.

Hỏi: Quả tăng thượng của mắt, cho đến các sinh tương ứng với quả tăng thượng của ý, trong đó tức là quả hoại. Nếu quả xanh, vàng, trắng, đen của mắt không hoại, thì các màu xanh, vàng, trắng, đen tương ứng với mắt tăng thượng của ông tức sinh ra dục của các thức, khiến mắt tăng thượng là không tương ứng chăng? Tương ứng không tăng, thế nên điều này không phải là nghĩa?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không như mắt ấy đã tạo ra mọi tưởng tượng của nhãn thức kia.

Hỏi: Vì cảnh giới nào tạo ra tưởng tượng? Nếu nhớ nghĩ về cảnh giới kia, thì cảnh giới ấy là duyên. Nếu không nhớ nghĩ thì vì cảnh giới

nào tạo ra tưởng tượng? Nếu nhớ nghĩ về cảnh giới kia, thì cảnh giới ấy tức là nhân duyên. Nếu không nhớ nghĩ, thì trong ấy là thiếu cảnh giới?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không như sự xoay chuyển kia. Nếu như giống với sự xoay chuyển ấy, tức hai thứ là rất nhiều. Đức Thế Tôn cũng nói: Do hai nhân duyên nên sinh các thức.

Hỏi: Rất nhiều sinh hai thức, hoặc là một, hai sinh các thức? Như ông có rất nhiều là hai. Ý của ông cho duyên sinh tưởng thọ thức, thế nên theo ông rất nhiều là hai?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không như sự xoay chuyển kia. Nếu như giống với sự xoay chuyển ấy, tức có các nhập không hoại đã định. Thế nên không như sự xoay chuyển nhập kia.

Hỏi: Đã đạt đến trung gian không có sắc nhập, pháp nhập, thì như đạt đến trung gian, giữ gìn nhãn thức, giữ gìn ý thức không hoại. Như thế là có các nhập. Tâm đầu tiên trong trung âm là dựa vào sắc của xứ nào? Hoặc là trung âm? Hoặc là lần chết đầu tiên?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Chết lần đầu là không sinh, hoặc tạo ra các sự việc.

Hỏi: Không phải hiện trung âm dựa vào tâm mà trụ chẳng?

Đáp: Tâm không có trú xứ, tâm sinh liền diệt. Diệt không có đối tượng tạo ra, thế nên tâm kia không có chỗ nương dựa, tức diệt không sinh. Lại nữa, trung âm dựa vào sắc, tâm chẳng? Niệm pháp cũng là dựa vào sắc lần lượt cùng sinh. Như tâm sau cùng của A-la-hán Đại Lai là duyên vào những gì?

Hoặc có thuyết cho: Tự duyên nơi ý mạng, cùng với tưởng mạng, môn giải thoát không được hiện ở trước, nhận lấy bát Niết-bàn.

Hoặc có thuyết nêu: Tất cả các hành là duyên của tưởng kia, để tạo ra tất cả các hành, tạo ra tưởng bất tịnh. Môn giải thoát vô nguyện được hiện ở trước, nhận lấy bát Niết-bàn.

Hoặc có thuyết nói: Niết-bàn là duyên của tướng kia. Niết-bàn diệt tướng. Môn giải thoát vô tướng được hiện ở trước, nhận lấy bát Niết-bàn. Lại nữa, sự thấy, nghe, nghĩ, biết là duyên của tướng ấy. Tâm người kia là vô ký, tự không có tướng của ngã, ngã sở, nên nhận lấy bát Niết-bàn. Hành gốc đã dứt bỏ, vĩnh viễn diệt, không khởi.

Các căn, gốc nhân duyên

Dựa ý tăng ích sinh

Tâm rộng, ý hành khắp

Trung âm, tâm La-hán.

Kiên độ Tâm thứ hai xong.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP

QUYỂN 4

Phẩm thứ 3: KIỀN ĐỘ TAM MUỘI

Lại như Đức Thế Tôn nói: Các Tỳ-kheo tụ tập đến pháp hội có hai nhân duyên: Hoặc sẽ luận bàn về nghĩa thâm diệu của kinh. Hoặc nên mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh, miệng không nói gì cả.

Hỏi: Thế nào là luận bàn về nghĩa thâm diệu của kinh? Thế nào là mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh, miệng không nói gì cả?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Đối với dục không vướng chấp, quán dục ác, làm rõ về sự bất tịnh, đó gọi là luận bàn về nghĩa thâm diệu của kinh. Ở nơi thiền thứ hai tư duy, đó gọi là mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh.

Tôn giả Đại Mục Kiền Liên cũng nói như thế này: Ở đây, Tỳ-kheo tư duy về thiền thứ hai, đó gọi là mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh.

Hoặc có thuyết nói: Nói về mười hai nhân duyên, là luận bàn về nghĩa thâm diệu của kinh. Tư duy về mười hai nhân duyên, đó gọi là mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh.

Hoặc có thuyết cho: Khế kinh kệ quyết định tuyên nói rộng khắp là luận bàn về nghĩa thâm diệu của kinh. Tâm chuyên nhất không tán loạn để nghe pháp, đó gọi là mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh.

Hoặc có thuyết nêu: Loại bỏ hết thủy hành xấu ác, là luận bàn về nghĩa thâm diệu của kinh. Suy nghĩ đến việc dứt bỏ tất cả hành để tư duy, đó gọi là mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh.

Hoặc có thuyết nói: Phân biệt rộng khắp về không, vô tướng, vô nguyện là luận bàn về nghĩa thâm diệu của kinh. Tư duy về không, vô tướng, vô nguyện đó gọi là mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh.

Hoặc có thuyết cho: Phân biệt bốn Hiền Thánh để là luận bàn về nghĩa thâm diệu của kinh. Khéo tư duy về bốn Hiền Thánh để đó gọi là mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh.

Hoặc có thuyết nêu: Luận bàn về pháp, nghĩa là tập hợp dân chúng để hiện bày khắp các pháp. Mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh, nghĩa là tư duy về pháp quán bất tịnh, pháp khởi tức khởi, pháp diệt tức diệt.

Hoặc có thuyết nói: Âm thanh thuyết giảng pháp, từ xa đều được nghe rõ, đó gọi là luận bàn về pháp. Tư duy về sự việc nội tâm, đó gọi là mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh.

Lại nữa, tụ tập đến pháp hội, cũng là sự việc ấy. Nên thuyết minh các pháp đã nói, tức khéo lắng nghe. Đối với pháp kia luận bàn, thân cận với Hiền Thánh. Ví như vàng ánh sáng của giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, cho đến vàng ánh sáng của mười hai nhân duyên.

Nghe thấy vàng ánh sáng này rồi thì giữ gìn, đọc tụng, tâm ý không nhiễm chấp, không chán bỏ, tâm không tán loạn, khéo tư duy, đó gọi là mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh. Như Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã nói về sự mặc nhiên theo pháp của Hiền Thánh là nghĩa này.

Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề-na nói như thế này: Tỳ-kheo kia từ tam muội diệt tận khởi, tiếp cận ba xúc: Xúc tĩnh lặng, xúc nơi định bất dụng, xúc vô tướng.

Hỏi: Thế nào là xúc tĩnh lặng? Thế nào là xúc nơi định bất dụng? Thế nào là xúc vô tướng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Môn giải thoát không là xúc tĩnh lặng. Môn giải thoát vô nguyện là xúc nơi định bất dụng. Môn giải thoát vô tướng là xúc vô tướng.

Hoặc có thuyết cho: Tỳ-kheo kia từ tam muội diệt tận khởi, duyên nơi Niết-bàn vô lậu, nên định bất dụng được hiện ở trước, tức nên nói là định bất dụng. Định bất dụng kia là định vô tướng. Định bất dụng vô lậu là định bất dụng duyên nơi Niết-bàn vô tướng. Lại nữa, Tỳ-kheo kia từ tam muội diệt tận khởi, trụ nơi hữu tướng vô tướng khởi từng ấy tâm, nên nói là tiếp cận với xúc vô tướng. Tỳ-kheo kia lúc trụ, lại nhập định bất dụng, khởi từng ấy tâm, nên nói là tiếp cận với xúc nơi định bất dụng. Nếu lúc trụ nơi định kia, khởi thức xứ, khởi từng ấy tâm, nên nói là tiếp cận với xúc tĩnh lặng. Đó gọi là nghĩa đã nêu bày.

Ở năm tam muội, Tỳ-kheo kia khởi từng ấy tâm, nên nói là khởi tâm. Cũng như dần dần ngủ say, khi thức giấc thì khởi dậy nhanh chóng. Như thế, dần dần nhập tam muội diệt tận, không dần dần khởi, nên nói là quán.

Tùng có hai vị Tư-đà-hàm đã thành tựu một thiên vô lậu được hiện ở trước, thiên thứ hai không hiện ở trước chăng?

Hoặc có thuyết nói: Có. Nếu ứng hợp với không thì hiện ở trước. Nếu ứng hợp với vô nguyện thì không hiện ở trước.

Hoặc có thuyết cho: Nếu đối tượng nương dựa có sức thì hiện ở trước. Nếu đối tượng nương dựa sức ít thì không hiện ở trước.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu là người lợi căn thì hiện ở trước. Nếu là người độn căn thì không hiện ở trước.

Hoặc có thuyết nói: Nếu chán cõi dục, dứt bỏ hành cõi dục, thì hiện ở trước. Nếu chán ba cõi, dứt bỏ hành ba cõi, thì không hiện ở

trước. Lại nữa, chưa từng có hành đã tạo, nhập tam muội vô lậu quán ứng hợp với vô lậu.

Từng có trung gian của thiền thứ nhất gần với tam muội diệt tận chăng?

Hoặc có thuyết cho: Có. Nếu đạt được tam muội Phiêu khiêm độ, thì ở nơi thiền trung gian nhập tam muội diệt tận.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu dựa vào thiền thứ nhất, cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng, thì ở trung gian của thiền thứ nhất, bốn đế đã đoạn trừ kiết sử, tức là gần với tam muội diệt tận.

Hỏi: Người kia không phải gần với trung gian của thiền thứ nhất nhập tam muội, tức người ấy được gần với tam muội diệt tận chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trung gian của thiền thứ nhất lúc nhập thiền thứ hai, các kiết tương ứng trên cõi Phạm thiên đều đã được diệt hết.

Hỏi: Tất khởi thiền trung gian, thế nên người kia không gần với thiền trung gian chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu dựa vào trung gian của thiền thứ nhất, cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng, thì người kia ở nơi trung gian của thiền thứ nhất, bốn đế đã đoạn trừ kiết, là gần với tam muội diệt tận.

Hỏi: Đây không phải là trung gian của thiền thứ nhất. Vì sao? Vì phải khởi trung gian của thiền thế tục, theo đạo Hiền Thánh mới hiện ở trước. Lại nữa, không phải nhập trung gian của thiền thứ nhất là gần với tam muội diệt tận, vì kiết sử chưa dứt hết, quán ngoại hết, trí chủng của người kia đều cùng trụ nơi pháp, nên không giác có quán, tức khởi không diệt tận.

Như vì chúng sinh an vui, nhập tam muội từ, không phải tất cả chúng sinh đều có an vui. Vậy tam muội kia là duyên nơi những gì?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Các chúng sinh an vui tức là nhân duyên của tam muội kia.

Hỏi: Không duyên nơi tất cả chúng sinh để có tam muội từ kia chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Hết thấy chúng sinh có lạc căn kia thì các chúng sinh ấy tức là duyên.

Hỏi: Không phải tất cả chúng sinh đều có lạc căn hiện ở trước, nhưng cũng có chúng sinh hiện tại có lạc căn chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu tự đạt các xúc kia thì tất cả chúng sinh đều được giải thoát.

Hỏi: Không phải do lạc này khiến chúng sinh được an vui chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không phải do nơi chôn từ mà tất cả chúng sinh có an vui. Lại nữa, do phương tiện này an trụ vững chắc, tâm kia trừ diệt các thứ giận dữ, thành tựu các pháp.

Hỏi: Do điên đảo nên phải trừ diệt các thứ giận dữ. Lại nữa, nhận biết các chúng sinh có lạc căn kia mong cầu các thứ an vui giải thoát, thi ân cho chúng sinh đều được, như vốn đã nói. Vậy tam muội kia nên nói là điên đảo, nên nói không phải là điên đảo chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói không phải là điên đảo. Các chúng sinh an vui là nhân duyên của tam muội.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói không phải là điên đảo. Tất cả chúng sinh đều có lạc căn. Đây là nhân duyên của từ bi, như vốn đã nói. Lại nữa, nên nói không phải là điên đảo, giận dữ đã diệt hết. Như vì chúng sinh khổ, nhập tam muội bi, không phải tất cả chúng sinh đều có khổ. Vậy tam muội kia là duyên nơi những gì?

Hoặc có thuyết cho: Các chúng sinh khổ tức là nhân duyên của tam muội bi kia.

Hoặc có thuyết nêu: Tất cả chúng sinh có khổ căn, nên tam muội kia tức duyên nơi họ.

Hoặc có thuyết nói: Không phải do nơi chốn bị nên hết thấy chúng sinh có khổ. Lại nữa, do phương tiện này mà an trụ vững chắc, tâm kia trừ diệt tâm hại. Lại nữa, nhận biết các chúng sinh có khổ cùng giải thoát khổ. Lại xót thương tất cả chúng sinh, đều mong cầu khiến được an vui, như vốn đã nói. Vậy tam muội kia nên nói là điên đảo, nên nói không phải là điên đảo chăng?

Hoặc có thuyết cho: Nên nói không phải là điên đảo. Các chúng sinh khổ tức là duyên của tam muội kia.

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói không phải là điên đảo, vì đã diệt trừ tâm hại của chúng sinh.

Như vì chúng sinh hoan hỷ, nhập tam muội hỷ, không phải tất cả chúng sinh đều có hoan hỷ. Vậy tam muội kia là duyên nơi những gì?

Hoặc có thuyết cho: Các chúng sinh hoan hỷ tức là duyên của tam muội kia.

Hoặc có thuyết nêu: Tất cả chúng sinh đều có hỷ căn, hỷ căn này là duyên của tam muội kia.

Hoặc có thuyết nói: Tự mình được hoan hỷ, là muốn khiến tất cả chúng sinh cùng được hoan hỷ.

Hoặc có thuyết cho: Không phải do nơi chốn hỷ, nên tất cả chúng sinh đều có hỷ. Lại nữa, do phương tiện này an trụ vững chắc, tâm kia trừ diệt các thứ lo sầu. Lại nữa, nhận biết các chúng sinh hoan hỷ cùng hoan hỷ giải thoát, đối với tất cả chúng sinh cùng hoan hỷ, như vốn đã nói. Vậy tam muội kia nên nói là điên đảo, nên nói không phải là điên đảo chăng?

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói không phải là điên đảo, vì các chúng sinh hoan hỷ tức là nhân duyên.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói không phải là điên đảo, do tất cả chúng sinh có hỷ căn, thế nên là nhân duyên của hỷ, như vốn đã nói.

Lại nữa, nên nói không phải là điên đảo, vì sự ưu sầu là có sai trái.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo nên tu quán số tức (An ban thủ ý: Quán đếm hơi thở ra vào), đoạn trừ các tướng quán (Quán này là tứ. Giác quán tâm tứ).

Hỏi: Thế nào là nên tu quán số tức đoạn trừ các tướng quán?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tu quán số tức tức nhập nơi thiền thứ hai. Đã nhập thiền thứ hai, thì quán kia (TỨ) đã vượt qua.

Hỏi: Cũng có phương tiện khác để nhập thiền thứ hai, thế nên dùng phương tiện khác để đoạn trừ các tướng quán (tướng tứ)?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tu quán số tức là dựa vào sự xoay chuyển của cõi sắc, không dựa vào quán (Tỳ-bát-xá-na) để đoạn trừ các tướng quán. Sự việc này cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết nói: Tính đếm hơi thở ra vào có một duyên trong ấy không quán không giác (Không tứ không tâm). Như thế đoạn trừ các quán (Tứ), điều này cũng như trên đã nói. Lại nữa, tu quán số tức là duyên gần, không duyên với từng ấy duyên không có chúng sinh. Quán kia ít sinh nghiệp để đoạn trừ các tướng quán (Tướng tứ).

Lại như Đức Thế Tôn nói: Quán khắp các thân nhận biết hơi thở ra. Quán khắp các thân nhận biết hơi thở vào.

Hỏi: Thế nào là quán khắp các thân nhận biết hơi thở ra? Thế nào là quán khắp các thân nhận biết hơi thở vào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Quán thân đều là vô thường, nhận biết hơi thở ra, vào.

Hỏi: Không từ tam muội khởi chãng?

Đáp: Tam muội không khởi, nhưng do phương tiện kia tất tạo tác không nghi.

Hoặc có thuyết nêu: Quán thân tất cả đã bất tịnh, có hơi thở ra, vào, đều không nhiễm vương, cũng không xả bỏ.

Hoặc có thuyết nói: Hơi thở ra, vào trong tất cả thân thấy đều nhận biết.

Hoặc có thuyết cho: Khi quán xoay chuyển, quán cõi sắc trong tất cả thân, hơi thở ra, vào không gồm thân tướng của cõi sắc kia, cũng không xả bỏ. Lại nữa, do phương tiện này khiến tâm kia an trụ kiên cố, dùng sự việc ấy để tư duy rộng.

Hỏi: Thế nào là nhập thiền thứ tư dứt hết hơi thở ra vào?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Khi đếm hơi thở ra vào, tức người kia nhận biết là nhập nơi thiền thứ tư, trong ấy hơi thở ra vào có thể đều diệt.

Hỏi: Dùng phương tiện khác nhập thiền thứ tư, hơi thở ra vào kia có diệt chãng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Khi nhập thiền thứ tư, hơi thở ở địa tứ thiền có xoay chuyển, lấp bít các lỗ chân lông, không có hơi thở ra vào.

Hỏi: Không từ tam muội khởi, hơi thở ra vào không xoay chuyển chãng?

Đáp: Khởi xuất lại dựa vào sự xoay chuyển của hơi thở khác.

Hoặc có thuyết cho: Như nhập thiền thứ nhất, hơi thở liền tăng trưởng. Thiền thứ hai, thiền thứ ba thì hơi thở càng nhẹ, ít hơn. Như thế là hơi thở dần dần giảm, khi đến thiền thứ tư thì không còn hơi thở.

Lại nữa, trừ bỏ hết giác, khi ấy hơi thở ra vào của thiền không xoay chuyển. Vì sao? Vì chúng sinh sinh nơi cõi dục được thiền, ở nơi thiền không thoái chuyển, lúc mạng chung liền sinh nơi cõi sắc. Đã sinh vào cõi sắc, được tất cả thiền, ở nơi thiền không thoái chuyển, nên lúc mạng chung, sinh trở lại nơi cõi sắc.

Hoặc có thuyết nêu: Trong cõi dục này, hành đối với địa. Ở nơi cõi này khởi thiền tức sinh nơi cõi sắc kia. Nếu như người kia nhập tam muội, nếu người sinh nơi cõi sắc kia là có báo, tức không do báo mà có báo.

Hỏi: Như hiện nay, không có ai mất ở cõi kia, trở lại sinh trong cõi kia chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhập vào thiền thứ ba là tịnh, khí vị tương ưng. Thiền vô lậu tịnh, được sinh nơi cõi kia. Lùi lại tương ưng với vị khí, giống như vô lậu bát Niết-bàn. Như thế sinh trong cõi kia, nếu tam muội của thiền tịnh, tức sinh vào cõi ấy. Nếu nhập nơi thiền khí vị tương ưng, ở nơi cõi kia thoái chuyển, hoặc nhập nơi thiền vô lậu, tức ở nơi cõi kia nhập Niết-bàn.

Hoặc có thuyết cho: Ở cõi này nhập bốn thứ thiền: Dần dần thoái. Trụ thoái. Tăng thượng thoái. Chán bỏ thoái. Dần dần thoái, trụ thoái thì sinh nơi cõi kia. Tăng thượng thoái thì vượt qua cõi kia. Chán bỏ thoái thì bát Niết-bàn. Dần dần thoái liền ở nơi cõi kia thoái. Nếu nhập tam muội trụ thoái, tức sinh vào cõi kia. Nếu nhập tam muội tăng thượng thoái, thì siêu việt địa kia. Do đạo vô lậu, nên ở nơi cõi kia nhập Niết-bàn.

Hoặc có thuyết nêu: Không phải do thiền nên được sinh nơi cõi kia. Do hành cấu uế, nhiễm chấp, nên được sinh trong cõi kia. Nếu đã hành đối với tử, hoặc lại trụ ở cõi kia. Do hành đối với bất tử, tức sinh nơi cõi kia. Nếu không do thiền để sinh nơi cõi kia, thì không phải thiền trung gian sinh vào cõi kia.

Hỏi: Không có khổ. Nếu dựa vào thiên vị lai trở lại dục ái hết, ở nơi thiên trung gian được sinh vào cõi kia. Lại nữa, hai thiên này đều cùng không phải là vi diệu. Chúng sinh sinh nơi cõi dục được các thiên, sắc ái chưa hết, liền mạng chung sinh nơi cõi sắc. Sắc ái hết, vô sắc ái chưa hết, mạng chung không sinh nơi cõi sắc, cõi vô sắc. Vô sắc ái hết, liền mạng chung, sinh nơi vô xứ chẳng?

Đáp: Nếu ái hết, tương ưng với báo thì không có báo. Như người kia trước thì theo sau, trung gian tương ưng với quả báo, sinh nơi cõi sắc. Chúng sinh được thiên, sắc ái chưa hết, liền mạng chung, không tạo phương tiện cầu sinh nơi cõi dục. Nếu không chán bỏ, phương tiện không tăng, theo phương tiện mong cầu liền sinh. Sinh nơi cõi sắc, ái hết, vô sắc ái chưa hết, liền mạng chung, không sinh nơi cõi vô sắc. Ái của cõi vô sắc hết, mạng chung, sinh nơi vô xứ sở.

Hỏi: Thế nào là hiện nay thọ báo?

Đáp: Không có nhất định thọ nhận báo của hành tương ưng. Ở cõi sắc, hành thiên rất khó được, hưởng chi là tam muội của cõi vô sắc.

*Tư-đà-hàm có xúc
Có diệt tận vô lượng
Niệm nói tất cả thân
Thế nào diệt cõi dục?*

Nếu tất cả siêu việt thức, nhập xứ vô hữu, hành định bất dụng, vì sao định kia là không có, là ít có tư duy? Hoặc có thuyết nói: Định kia không có xứ nương dựa. Nếu có chỗ dựa cậy thì không có tư duy.

Hỏi: Tất cả tam muội là tư duy về sự việc này chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Định kia không có lạc, không có thường, lại cũng có không tư duy. Sự việc này cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết cho: Định kia không có ngã, ngã sở, cũng không tư duy. Sự việc này cũng như trên đã nói. Lại nữa, như từng ấy thứ tướng mạo, nên là lia tưởng được giải thoát.

Hỏi: Vì sao định bất dụng gọi là xả?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tam muội kia không có, nhất định không có, nên có là do có. Vì thế định bất dụng được gọi là xả.

Hoặc có thuyết nói: Đạo xả vượt qua đạo kia, thế nên định bất dụng gọi là xả.

Hoặc có thuyết cho: Xả là quả. Đức Thế Tôn cũng nói: Tu xả rộng khắp, tức vượt qua định bất dụng.

Lại nữa, định bất dụng không lựa chọn, không tạo ra lợi dưỡng để trụ.

Hỏi: Thế nào là tịnh là nghĩa bất tịnh?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Các tướng bất tịnh tức là nghĩa tịnh.

Hỏi: Không có tướng bất tịnh. Tướng kia hoặc có tịnh, hoặc bất tịnh chẳng?

Đáp: Gọi là tịnh, tịnh ấy là điên đảo. Tịnh kia hoặc có thường, hoặc có vô thường, là muốn khiến nói không có tướng vô thường chẳng? Hoặc có thuyết nói: Tướng tịnh nói là không tịnh.

Hỏi: Nếu như tịnh kia không có tướng tịnh, thì không nhiễm chấp không phải do tướng tịnh tạo ra nhiễm chấp kia chẳng?

Đáp: Bất tịnh tạo ra tướng tịnh tức là nhiễm chấp.

Hỏi: Nếu như tịnh kia có tướng tịnh, như tịnh kia mà quán, thì tịnh kia tức nhiễm chấp. Nếu không quán như thật, thế nên tịnh kia không có tướng tịnh chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Chuyên ý tâm niệm như thế là bất tịnh.

Hỏi: Tịnh kia hoặc trọn thành, hoặc không trọn thành, là muốn khiến tịnh kia là tịnh chẳng? Là muốn khiến tịnh kia là bất tịnh chẳng?

Lại nữa, sắc không có tịnh, không có bất tịnh, cũng như người kia đã hướng đến tham chấp, không lìa. Từng có bỏ tu bốn thiên, định bất dụng, sinh nơi Tịnh cư thiên chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không có. Không có bỏ tu bốn thiên mà được sinh vào cõi kia.

Hỏi: Các Hành giả có tu thiên thứ tư, sinh nơi Tịnh cư thiên, tất cả Hành giả kia đều sinh lên cõi Tịnh cư thiên chăng?

Đáp: Do nơi tạo hành (Nghiệp) nên không sinh. Chúng tử tuy khởi mầm nhưng vì tạo hành nên không sinh.

Lại nữa, từng có dựa vào thiên vị lai, tu đạo vô lậu, người kia diệt các kiết, sinh nơi Tịnh cư thiên. Những người tu thiên phân biệt, nhập thiên thứ tư, tất cả người ấy đều sinh nơi Tịnh cư thiên chăng? Nếu như sinh nơi Tịnh cư thiên, tất cả người ấy đã tu thiên phân biệt nhập thiên thứ tư chăng?

Hoặc có thuyết nêu: Các người sinh nơi Tịnh cư thiên, tất cả những người ấy đều tu thiên phân biệt, nhập thiên thứ tư.

Từng có tu thiên phân biệt, nhập thiên thứ tư, người kia không sinh nơi Tịnh cư thiên chăng? Có. Là A-la-hán hoặc A-na-hàm ở cõi vô sắc.

Hoặc có thuyết nói: Từng có tu thiên phân biệt, nhập thiên thứ tư, người kia không sinh nơi Tịnh cư thiên, nhưng được tu phân biệt, nhập thiên thứ tư, trên Tịnh cư thiên ái đã hết.

Từng có sinh nơi Tịnh cư thiên, không tu thiên phân biệt mà nhập thiên thứ tư chăng? Có. Là dựa vào thiên vị lai, tu đạo vô lậu, người kia đã diệt các kiết sử.

Từng có tu thiên phân biệt, nhập thiên thứ tư, cũng sinh lên cõi Tịnh cư thiên chăng? Có. Do được tu thiên phân biệt, nhập thiên thứ tư, vì ái trên cõi Tịnh cư thiên chưa hết.

Tùng có không tu thiền phân biệt, nhập thiền thứ tư, cũng không sinh lên cõi Tịnh cư thiên chăng? Là trừ tùng ấy sự việc trên, tức là nghĩa kia.

Hỏi: Thế nào là tu thiền phân biệt, nhập thiền thứ tư?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhập tam muội của thiền tịnh, dùng tư duy vô lậu để phân biệt.

Hỏi: Thiền tịnh, người kia không phải tư duy vô lậu, như người tư duy vô lậu thì thiền kia là thiền bất tịnh chăng?

Lại nữa, thiền vô lậu, ở nơi trung gian kia nhập thiền tịnh, nơi trung gian thiền tịnh nhập thiền vô lậu, không dùng vô lậu để nuôi lớn thiền tịnh, vô lậu kia là nuôi lớn thiền nơi Tịnh cư thiên. Làm sao nhận biết có cõi Tịnh cư thiên?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tu thiền thứ tư phân biệt, sinh lên cõi Tịnh cư thiên. Như ở cõi này thấy tu thiền thứ tư phân biệt, vô sắc ái chưa hết liền mạng chung, sau đấy được biết có cõi Tịnh cư thiên, như nhân duyên của thiền này. Lại nữa, do A-na-hàm nhận biết. Đức Thế Tôn cũng nói: Nẻo này không dễ được. Cũng như người phạm phu chấp ngã, ở lâu dài trong sinh tử trừ cõi Tịnh cư thiên.

Hỏi: Như nơi thiền thứ nhất, thứ hai, thứ ba, tu thiền phân biệt, vì sao nơi ba thiền kia không sinh lên cõi Tịnh cư thiên?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Đầu tiên là được đánh. Nơi thiền thứ tư lại có thể tu thiền phân biệt và dục ái hết không sinh nơi địa khác.

Hỏi: Như không quán nhập tam muội tư duy, phân biệt bốn thiền. Vì sao không quán nhập thiền thứ tư phân biệt tám địa?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Những người được lợi căn liền có thể phân biệt bốn thiền. Nương dựa nơi người lợi căn, lại vượt qua địa khác.

Hỏi: Vượt qua thiên thứ tư, thế nên không sinh nơi địa của thiên thứ tư. Lại nữa, lúc trời đất biến đổi, cho đến địa của thiên thứ ba hư hoại, nhưng không phải là địa Hiền biến đổi. Vào thời kỳ thế giới biến đổi, ở đây có các Hiền, do hành báo đối lập nên được sinh lên cõi Tịnh cư thiên. Nếu được thiên thứ tư, dựa vào thiên thứ nhất đồng vượt qua thứ lớp để thủ chứng. Các kiết không tương ưng, ở nơi bốn thiên thoái chuyển, nên nói bị các kiết kia vây buộc. Vậy các Hiền kia có được thành tựu không?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là được.

Hỏi: Như đã nói: Do ngoại đạo diệt nên được đạo Hiền Thánh, cho đến cuối cùng ngoại đạo kia diệt hết chẵn?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là không được. Do thực thi đạo Hiền Thánh kia cho đến cứu cánh.

Hỏi: Vì sao không ở nơi trung gian sinh địa của bốn thiên?

Đáp: Sự việc này không có khô, lại vượt quá thiên thứ tư.

Hoặc có thuyết nói: Do tư duy đoạn, không phải do bốn đế đoạn. Vì sao? Vì đối tượng đoạn của bốn đế là đạo Hiền Thánh, không phải do tư duy đoạn. Lại nữa, dựa vào niệm kia lại còn tạo ra niệm. Lại nữa, ở nơi thiên thứ tư thoái chuyển. Vì sao? Vì những người kia cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng. Khi nhãn trí xoay chuyển, người kia cùng dùng sức của phương tiện, không ở nơi cùng với sức phương tiện thoái chuyển, thế nên không ở tại bốn thiên thoái chuyển. Nếu được tam muội tướng thì dựa vào thiên thứ ba, cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng, ở nơi tam muội vô tướng không thoái chuyển. Do vậy sau khi mạng chung, sinh làm chúng sinh vô tướng.

Hoặc có thuyết cho: Sinh nơi cõi Quả Thật thiên, tam muội vô tướng này là địa của cõi ấy.

Hỏi: Như tam muội vô tướng kia đã vượt qua địa, vì sao lại nói là địa kia đồng vượt thứ lớp để thủ chứng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không được tam muội vô tướng đồng vượt qua thứ lớp để thủ chứng, vì địa kia là chậm chạp, nên tam muội vô tướng kia vĩnh viễn vắng lặng.

Hỏi: Nhập nơi thiền thứ ba, ý đều không có nghi. Lại nữa, đồng vượt qua thứ lớp, sinh nơi thiền thứ tư, vượt qua thứ lớp để thủ chứng, tam muội tướng không rộng khắp, cũng không thân cận. Lại nữa, sinh trong thiền thứ tư:

*Không có tịnh, bất tịnh
Làm sao biết phương tiện
Như được ba, bốn thiền
Danh vô tướng không trọn.*

Như tất cả thiền thứ tư được niệm, chờ đợi hỷ. Vì sao nói là ba thiền không phải là thiền khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là lời răn dạy của Đức Thế Tôn.

Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là thiền quán thứ ba là niệm chờ đợi hỷ, không phải là thiền thứ tư.

Hoặc có thuyết cho: Lời khuyên khích hỗ trợ của Đức Thế Tôn. Nói như thế tức nói về thứ khác.

Hỏi: Nói thiền thứ nhất là nói về thiền khác chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Lạc trong ba thiền, lạc ấy là tối diệu. Thế nên niệm chờ đợi xả, trong đó không thoái chuyển.

Hỏi: Nên xả tất cả thiền chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Lạc trong ba thiền là vi diệu, niệm chờ đợi là sự việc ấy, như người được khí vị.

Hỏi: Đây không phải là niệm chờ đợi của thiên thứ ba, do đây chấp trước nơi lạc. Thiên thứ tư cũng nên có niệm tạo tác không biểu hiện. Như thế ta có thiên. Lại nữa, sự việc kia có phần vượt hơn. Vì sao thiên thứ hai tương ứng với niệm, tâm không đoạn xứ sở của hỷ? Như tất cả thiên thứ tư được xả niệm tịnh, do đâu được xả niệm tịnh cho là bốn thiên không phải là thiên khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Đây là lời răn dạy của Đức Thế Tôn.

Hỏi: Ở trong ấy niệm xả có tướng tịnh, tức tất cả là xả chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ở đây có tịnh xả niệm cầu xả bỏ hỷ căn.

Hoặc có thuyết cho: Do oai lực xoay chuyển của thiên thứ nhất là duyên của thiên thứ tư, cũng dựa vào thiên thứ tư được xả của xứ sở niệm, hoặc khổ hoặc vui, có giác có quán, cùng hơi thở ra vào, do lia các ác.

Hoặc có thuyết nêu: Chúng sinh ở nơi thiên thứ tư kia phần nhiều kiết đã đoạn trừ hết. Bây giờ, xả niệm cũng xả các thiên. Lại nữa, ở trong đó hành có tăng, tâm không dòi động, lạc đã tạo ra niệm được chấm dứt nên xả tam muội.

Hỏi: Từng có người phạm phư đạt đến tam muội diệt tận chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người phạm phư không đạt được tam muội diệt tận, vì đây không phải là tam muội của người phạm phư.

Hoặc có thuyết cho: Người phạm phư duyên nơi cõi trên, được diệt của cõi trên, đến hữu tướng vô tướng, hữu sinh nhập xứ, như đối tượng duyên diệt xứ hữu tướng vô tướng, thế nên không nhập tam muội ấy.

Hoặc có thuyết nêu: Người phạm phư cũng có tam muội. Khi nhập tam muội, tướng đầu tiên của tâm được chấm dứt và tâm được

định. Lại nữa, cảnh giới của tướng kia là nhân duyên, trừ bỏ tướng kia, duyên nơi tam muội không dục. Như Ưu-trì Ca-ta-na-tử nhập định vô tướng, liền lo sợ sinh vào cõi trời Hữu tướng vô tướng, thế nên không nhập tam muội. Lại nữa, không nhập định. Vì sao? Vì như người phạm phu nhập tam muội, dần dần có uy lực, cho đến cứu cánh. Người phạm phu sợ hãi, tự nhận thấy tướng diệt tận của ngã, ngã sở, vì thế không nhập tam muội kia.

Hỏi: Từng có Bồ-Tát nhập Tam muội diệt tận chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có nhập tam muội kia. Bồ-tát phát thệ nguyện rộng lớn, tìm cầu hết thảy xứ sở. Nếu không nhập tam muội diệt tận này, thì sẽ không thể nhận biết xứ sở của tất cả chúng sinh.

Hoặc có thuyết cho: Không nhập tam muội kia. Vì sao? Vì đây không phải là tam muội của người phạm phu. Bồ-tát này còn là người phạm phu.

Hoặc có thuyết nêu: Không nhập tam muội ấy. Vì Bồ-tát dùng đạo thể tục để duyên nơi địa trên diệt trừ kiết sử phần dưới, Hữu tướng vô tướng đều duyên nơi vô sở hữu rồi diệt xứ hữu tướng vô tướng, vì thế Bồ-tát không nhập tam muội đó.

Tôn giả Đàm Ma Đa La nói thế này: Tuy Bồ-tát tự quán xét về chỗ yếu kém, nhưng lo sợ không rốt ráo. Lại nữa, Bồ-tát dùng trí tuệ vượt qua mọi giận dữ nên hoàn toàn không có oán giận, tức luôn có đủ phương tiện của tam muội.

Hỏi: Tam muội vô tướng, tam muội diệt tận có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam muội vô tướng là tam muội của người phạm phu. Tam muội diệt tận thì không phải là tam muội của người phạm phu.

Hỏi: Tôi không luận về sự việc này là tam muội gì? Lại nữa, nên nói về tướng mạo của tam muội?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tam muội vô tướng này là rộng lớn vô biên. Tam muội diệt tận thì dừng nghỉ, không khởi.

Hỏi: Nếu ở đây đều không có pháp đã suy niệm của tâm, thì hai tam muội này đều cùng không phải là rộng lớn dừng nghỉ chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tam muội vô tướng cùng với sắc tương ưng. Tam muội diệt tận cùng với vô sắc tương ưng.

Hỏi: Tôi cũng không luận về xứ sở của tam muội này, chỉ nên nói về tự tướng của tam muội?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam muội vô tướng là quả của chúng sinh vô tướng. Tam muội diệt tận là quả của cõi trời Hữu tướng vô tướng.

Hỏi: Tôi cũng không luận về chúng là quả gì? Chỉ nên nói về tự tướng của tam muội?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam muội vô tướng tự nhận biết nhập nơi tam muội hữu tướng. Tam muội diệt tận thì tướng thọ tự nhận biết nhập tam muội. Điều này như trên đã nói.

Lại nữa, như chỗ mong muốn, cả hai tam muội đều cùng có pháp đã suy niệm của tâm, tức có tướng này không có tướng khác. Như đã nói, tam muội hữu tướng, tâm có thể nhận biết. Đối với sự rộng lớn dừng nghỉ của tam muội này, phương tiện của quả tương ưng nơi cõi sắc, vô sắc, tức có phần vượt hơn. Nếu dựa vào định bất dụng thì đắc quả A-la-hán.

Hỏi: Do tư duy về những gì tương ưng với pháp đã suy niệm của tâm để được quả A-la-hán?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Do tương ưng với định bất dụng. Đức Thế Tôn cũng nói: Như pháp hiện có thọ tướng hành thức kia tư duy về pháp ấy, như bản Khế kinh nói.

Hoặc có thuyết nêu: Tương ứng của hữu tướng vô tướng, tự nhận biết về hữu tướng, vô tướng. Xa là hữu tướng, vô tướng, không xa là định bất dụng, được dụng của hữu tướng và vô tướng dứt hết.

Hoặc có thuyết nói: Nếu ái của định bất dụng chưa hết, dựa vào định bất dụng tức đạt đến quả A-la-hán. Tam muội kia cùng với định bất dụng tương ứng, pháp đã suy niệm của tâm tương ứng với hữu tướng vô tướng, nên tư duy chứng được quả A-la-hán. Nếu được tam muội hữu tướng vô tướng, dựa vào định bất dụng, tức đạt được quả A-la-hán. Lại nữa, như tự tư duy về ngã, ngã sở là không có, ngã, ngã sở bị trói buộc đã được đoạn, trí liền được ái dứt hết. Vậy tư duy về những hành ám khổ nào để diệt hết khổ khác? Như tự do nghiệp tạo ra nghiệp khác, không nên mắc phải lỗi ấy. Tư duy này cũng nên như thế.

Hỏi: Vì sao tam muội vô lậu nói là duyên khác, không phải là tam muội tịnh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam muội vô lậu duyên nơi ba cõi. Do thiên thứ nhất vô lậu nhận biết ba cõi, nhưng thiên thứ nhất tịnh không có phương tiện để nhận biết cõi Phạm thiên. Vì thế nếu có nhân duyên nhưng không phải là tịnh.

Hoặc có thuyết cho: Tam muội vô lậu nghĩa là mỗi mỗi cùng sinh, thế nên do thiên thứ nhất này tức được tướng vô thường là đạt được tất cả. Tuy nhiên, thiên thứ nhất tịnh không do đây mà đồng.

Hoặc có thuyết nêu: Tam muội vô lậu nghĩa là đoạn trừ hết thầy các kiết sử, vĩnh viễn dứt hết không còn sót, nương dựa nơi thiên thứ nhất vô lậu, diệt hết kiết của ba cõi. Như thế tất cả do tịnh nơi thiên thứ nhất không có phương tiện thiện xảo, diệt hết kiết sử sinh vào cõi Phạm thiên.

Hoặc có thuyết nói: Do được thiên thứ nhất vô lậu, được sắc vô lậu rồi, nhưng không do tịnh nơi thiên thứ nhất hiện ở trước, cũng

không được thiền thứ hai. Lại nữa, không phải do tam muội tịnh lần lượt đạt được, nhưng là do tu hành thiền tịnh tăng thượng nên hiện ở trước, lại do tịnh nơi thiền thứ hai của phương tiện khác nên hiện ở trước. Lúc thiền thứ nhất vô lậu hiện ở trước, thì được vô sắc vô lậu tăng thượng. Vì thế tam muội vô lậu lần lượt có nhân duyên, nhưng không phải là tịnh. Vì sao? Vì các tam muội tương ưng với khí vị trên, tam muội cũng cùng với khí vị dưới tương ưng, nhân duyên trung gian của tam muội gọi là nhân duyên, nhưng không phải là duyên dưới, trên.

Hoặc có thuyết cho: Khi nhập tam muội, khởi thiền trung gian, tam muội kia thoái chuyển, không quay về. Như muốn lên cầu thang, phải theo mỗi mỗi bậc thang Nếu từ cầu thang đi xuống, cũng phải do mỗi mỗi bậc để xuống. Lại nữa, nhập nơi thiền thứ hai, khí vị tương ưng theo chỗ thoái chuyển, lại có khi nhập thiền thứ nhất, nhưng lại không phải là thiền thứ nhất, vì khí vị tương ưng với nhập thiền thứ hai.

Hỏi: Từ với đại từ có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vi tế gọi là từ. Rộng lớn gọi là đại từ.

Hoặc có thuyết nêu: Đối tượng nhập ít là từ. Nhập khắp tất cả là đại từ.

Hoặc có thuyết cho: Từ duyên nơi thân khổ. Đại từ duyên nơi thân ý.

Hoặc có thuyết nói: Từ duyên nơi khổ của chúng sinh. Đại từ duyên nơi khổ khổ của chúng sinh để cứu độ. Lại nữa, đại từ rộng lớn không có biên giới, đến khắp tất cả chúng sinh, không có chúng sinh nào là không chịu ơn, nương cậy. Lại nữa, Đức Như Lai – Thế Tôn bảo hộ, che chở cho tất cả chúng sinh, không phải là hàng Thanh văn. Tất cả chúng sinh có gần, có xa đều được nhớ nghĩ, xót thương, gồm cả chúng sinh có sắc, không sắc.

Nếu là môn giải thoát tịnh, như tự nhân duyên nơi tám hiện sắc nhập cùng với tự nhân duyên nơi mười hai nhập, hai thứ này có khác biệt gì?

Hoặc có thuyết cho: Trong môn giải thoát vi tế thì tám hiện sắc nhập là tăng thượng đối với mười hai nhập.

Hoặc có thuyết nêu: Có ít đại tam muội của môn tam muội giải thoát gọi là hiện sắc nhập. Còn vô lượng tam muội là mười hai nhập.

Hoặc có thuyết nói: Tướng tịnh đó gọi là môn giải thoát. Kiệt hết là tám hiện sắc nhập, không có tư duy là mười hai nhập. Lại nữa, tăng thượng là môn giải thoát. Nhân duyên là mười hai nhập. Tăng trưởng các kiệt cũng là mười hai nhập.

*Tất cả phàm phu khổ
Hoặc Bồ-tát oai thắng
Cõi trên dưới vô lậu
Môn giải thoát hành thắng.*

Lại như Đức Thế Tôn nói: Không có thiên, không trí. Không có trí, không thiên. Có thiên, có trí, đó gọi là Niết-bàn.

Hỏi: Phật nói lời này, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Do Khế kinh này nói thì đặc quã Tu-đà-hoàn tức được các thiên, nên nói không có trí, không thiên. Tu-đà-hoàn cũng có trí tuệ này, thế nên thiên cũng dựa vào trí kia.

Hỏi: Giác quán bình đẳng, ở trong ấy có thiên. Nếu như Khế kinh nói thì bên ngoài cũng có thiên, vì thế thiên kia có trí, do vậy nói không có thiên, không trí. Vậy ngoài cũng có trí tuệ thế tục chăng?

Đáp: Nếu ngoài kia có trí tuệ, thì cũng có Niết-bàn ngoài, nên nói có thiên, có trí, đó gọi là Niết-bàn.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu trí tuệ là tâm địa thì cũng không có trí tuệ, do trí tuệ kia không có thiên nhất tâm, nên nói không có thiên,

không trí. Nếu không có thiền nhất tâm, thì trí tuệ kia cũng không có trí tuệ tư duy, nên nói không có trí, không thiền. Nếu có thiền nhất tâm tức có trí tuệ tư duy, thì trí tuệ ấy diệt các kiết sử, nên nói có thiền, có trí, đó gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, nếu có vô sinh trí, tức được cùng với pháp thiền, nên có dừng nghỉ, hướng chi là thành tựu quả thật, nên nói không có thiền, không trí. Nếu tâm ý bị trôi buộc, vướng mắc đã được cởi bỏ nên là biến đổi, hướng chi là sẽ có quả thật, nên nói không có trí, không thiền. Nếu thiền kia có chỉ, quán, thì chỉ quán ấy quán ngoại, luôn luôn tu hành giải thoát bền chắc, không có diệt tận, nên nói là có thiền, có trí, đó gọi là Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là nghĩa tam muội?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Duyên nơi nhất tâm theo pháp đã suy niệm, đó gọi là tam muội.

Hỏi: Tam muội vô tướng, tam muội diệt tận, không có pháp đã suy niệm của tâm cùng sinh, là muốn khiến các thứ kia không phải là tam muội chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Rất nhiều tâm duyên nơi một xứ sở, đó gọi là tam muội. Điều này như trên đã nói.

Lại nữa, tam muội có từng ấy tướng. Tam muội của pháp thiền, tam muội của trống mái, chín thiền thứ đệ. Các nghĩa cùng với tâm như nhau, đó gọi là tam muội.

Hỏi: Từng có nhân nơi khổ tương ưng với thiền, thiền được hiện ở trước chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không có. Cùng với khổ tương ưng tức có niệm, đơi niệm, đơi thiền, thế nên không hiện ở trước.

Hoặc có thuyết nói: Hoặc hiện ở trước, cùng với khổ tương ưng, nhận biết như thật về khổ, liền khởi niệm, trong ấy thiền hiện

ở trước. Lại nữa, lúc không cười đùa, dựa vào khổ, thiên hiện ở trước.

Hỏi: Bốn đẳng (Bốn tâm vô lượng) đối trị giận dữ lớn này, ở trong chốn phạm hạnh, đẳng nào là hơn hết?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Từ là hơn hết. Từ là thương xót chúng sinh đều khiến cho họ được yên ổn. Thương yêu chúng sinh kia nên đã nhập tam muội từ, không có hồ nghi.

Hoặc có thuyết nêu: Bi là hơn hết. Do đại bi nên lại xuất thế, thuyết pháp, cũng không kiến chấp có đại từ, đại bi, đại xả.

Hoặc có thuyết nói: Xả là hơn hết. Vì nhận lấy quả thật nên tu xả là tu định bất dụng. Lại nữa, xả là tối thắng. Các sự nghĩ ngợi là xả gân sức, muốn giận dữ diệt, là vì chúng sinh nên xả là hơn hết.

Hỏi: Vì sao thiên thứ nhất nói là tĩnh lặng? Thiên thứ hai nói là tam muội?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hai thiên này đều cùng là tĩnh lặng, cùng là tam muội. Thiên thứ nhất thì dùng nghĩ rất nhiều, thế nên thiên thứ hai là tĩnh lặng. Lại nữa, như địa chủng thủy chủng kia, như thế là hoàn toàn vắng lặng, pháp bất thiện do thiên thứ nhất sinh, nên gọi là vắng lặng. Vì thế ý định do hai thiên sinh nên gọi là tam muội.

Hỏi: Hỷ nội, nghĩa này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Có giác có quán, sinh tâm lia duyên. Có giác có quán, sinh tâm ấy là hoan hỷ. Như gạo bỏ bùn như nước dần dần trong.

Hoặc có thuyết cho: Tâm trạo cử dứt nên được thanh tịnh. Như nước đang chảy vọt được ngăn lại khiến chảy chậm, từng giọt lặng trong.

Hoặc có thuyết nói: Tâm kia duyên nơi một trụ, tâm ấy nói là cùng thanh tịnh. Như đã nói loại bỏ đục lại trong. Lại nữa, nhập thiên

thứ hai, ý được thanh tịnh, có xứ đây kia được thiên thứ nhất, hỷ lạc có khác biệt.

Hoặc có thuyết cho: Thấp là hỷ, tăng thượng là lạc.

Hoặc có thuyết nêu: Tâm suy niệm về lạc, thọ là hỷ, thân lạc thọ là lạc.

Hoặc có thuyết nói: Vui mừng phấn khích sinh hỷ, khinh an sinh lạc. Lại nữa, tâm phương tiện kia là hỷ, lạc, không có ngăn ngại, trong đó tương ưng với hỷ, thân tâm không loạn, gọi là lạc.

Hỏi: Có các người không bỏ phế thiên, tất cả những người ấy có thành tựu thiên chăng? Nếu như thành tựu thiên, tất cả những người ấy không bỏ phế thiên chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Các người thành tựu thiên, tất cả những người ấy đều không bỏ phế thiên.

Hỏi: Từng có người không bỏ phế thiên, tất cả những người ấy không thành tựu thiên chăng? Nếu người không có cấu uế, tức sinh nơi cõi vô sắc. Lại nữa, từng có không bỏ phế thiên lại không thành tựu thiên chăng?

Đáp: Các hữu dần dần vừa trong khoảnh khắc búng ngón tay, tư duy về mắt là vô thường.

Từng có thành tựu thiên, không phải là có không bỏ phế thiên chăng? Là A-la-hán có trí tuệ, giải thoát.

Từng có không bỏ phế thiên cũng thành tựu thiên chăng? Là những người được thiên không để mất.

Từng có không thành tựu thiên cũng bỏ phế thiên chăng? Trừ từng ấy sự việc trên, tức là nghĩa kia.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở nơi bốn thiên khởi Niết-bàn ở bốn thiên, không dùng thứ khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Vì xót thương chúng sinh của đời sau, nên hiện chiếu sáng để chúng sinh sau này biết được Phật, Thế Tôn thường không lìa bốn thiên.

Đối với chúng ta có thể lìa bỏ thiên chăng?

Hoặc có thuyết nói: Như Đản Ni Bảo Khách lúc sắp mạng chung, dùng châu báu, vật quý hiếm, là những báu diệu sau cùng để ban cho những kẻ nghèo khổ kia. Như thế, bốn thiên là vi diệu nhất trong các thiên, thế nên lưu lại sau. Tuy nhiên, không phải Đức Như Lai – Thế Tôn có các thứ cầu ước, vương chấp.

Hoặc có thuyết cho: Đản Ni kia có tự tại, nhưng không có phương tiện thiện xảo. Khi vừa chết nhập thiên thứ nhất hãy còn khó, huống chi là thiên thứ tư.

Lại nữa, các vị nhập nơi tất cả cõi Phật, như Chuyển luân Thánh vương đã mong muốn đạt đến. Đức Phật – Thế Tôn cũng lại như thế. Các pháp vương đều tự tại, điều mong muốn đều đạt được, nên tạo ra quán này.

Hỏi: Vì sao vào thời gian Đức Phật – Thế Tôn nhập Niết-bàn, tất cả thiên giải thoát, nhập tam muội chánh thọ đều hiện ở trước?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vì tự sắp nuôi dưỡng thân.

Hoặc có thuyết nêu: Vì thân thể suy yếu, cần nuôi dưỡng để được khỏe mạnh.

Hoặc có thuyết nói: Chúng đồ gọi là toàn sư tử, vì muốn báo đáp phước thí kia.

Hoặc có thuyết cho: Vì chúng sinh sau này, nên hiện chiếu sáng.

Hoặc có thuyết nêu: Hiện có tự tại, không có tự tại, lúc mạng chung, nhập thiên thứ nhất hãy còn khó, huống chi là nhập tất cả thiên giải thoát, chánh thọ.

Lại nữa, hiện pháp không tận diệt, vì hết thầy công đức của Như Lai, Thế Tôn đều thành tựu. Do được tự tại nên các thứ mong muốn liền đến.

*Khỏ vui thiên tam muội
Thường lặng cùng tâm ý
Niệm hoan hỷ không bỏ
Bốn thiên ở sau cuối.*

Như đã nói về mười tám triền, quán sở tức (An ban thủ ý), tham dục, giận dữ, thù miên, trạo cử, nghi, là thuộc về vô tướng. Không tư duy về chỉ, không ngay ngắn để tư duy, phương tiện mong cầu ít, có phương tiện nhiều lời nói, hy vọng vô ích, niệm vương mắc nhiều hành, tham vật báu tạo oán hận.

Hỏi: Từ những thứ này để khởi ý tụ tập, ở đây có khác biệt gì?

Đáp: Nghĩa dục hữu gọi là tham dục. Tâm chúng sinh giận dữ gọi là giận dữ. Tâm có phiền muộn gọi là ngủ (Thù). Ngủ say nhiều gọi là miên. Tâm chưa dừng nghỉ gọi là trạo cử. Tâm không chuyên định gọi là nghi. Tâm không đạt đến cứu cánh, trôi nổi theo muôn nẻo cũng là nghi. Quán hơi thở ra vào, không lia ý, gồm thân vô tướng. Tư duy về xứ sở. Quán sở tức, trong ấy tạo phương tiện. Quán sở tức thiếu phương tiện. Không tư duy là không chuyển ý. Tư duy là phương tiện tăng thượng. Quán sở tức là ý ít phương tiện. Không tạo ra phương tiện tăng thượng. Tính đếm, nhiều lời nói, có giác có quán, sức bị bức bách. Do phương tiện này nên không vui, oán hận tăng thượng. Hy vọng, tư duy về vạn mỗi là hỷ, ái. Quán sở tức được ý xứ của người khác. Theo phương tiện khởi ý có hệ thuộc. Hai tháng chuyên thành hành kinh như kinh đã nói.

Hỏi: Nêu những lời trên đây, nghĩa ấy là thế nào? Vì sao trong hai tháng, Đức Thế Tôn chuyên thành hành kinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây không phải là câu hỏi mà là oai nghi giáo hóa, dẫn dắt của Đức Phật Thế Tôn. Vì duyên nơi đại từ bi, nên Ngài nói pháp này.

Hoặc có thuyết cho: Nên nói là vào bấy giờ không có Phật sự, do các căn thuần thực đều được Đức Phật độ thoát, các căn không thuần thực thì đều được nghe pháp.

Hoặc có thuyết nêu: Các Tỳ-kheo kia thường đi đến, thân cận nơi trụ xứ của Đức Như Lai. Lúc ấy, Đức Thế Tôn nhập tam muội an trụ, nên đối với các căn cơ thuần thiện rất dễ hóa độ.

Hoặc có thuyết nói: Các Tỳ-kheo kia nghe pháp thâm diệu, thường đến lãnh nhận phụng hành, nhưng không nhập chánh thọ, vì vậy Đức Thế Tôn thường xuyên nhập tam muội an định, nói: Nếu Ta nhập định này thì các Tỳ-kheo kia cũng nên nhập định này.

Hoặc có thuyết cho: Vì biết rõ chúng sinh sau này luôn bị chìm đắm trong mê muội nên Ngài mới hiện bày, chiếu sáng.

Hoặc có thuyết nêu: Ở trong hiện pháp luôn được tự tại bày tỏ mong muốn, như đã nói về Ma-nạp Uất-đa-la.

Hoặc có thuyết nói: Đây là nghĩa của lời nói thiết yếu, khiến các Tỳ-kheo không có hành khác. Đức Thế Tôn thuyết giảng về phước nhập định, nhưng không tự nhập định.

Hoặc có thuyết cho: Nuôi lớn nhất thiết trí, như nhân duyên trồng cây, tùy theo thời tiết chăm lo bón tưới để cây cùng thành.

Hoặc có thuyết nêu: Có Phạm chí dị học ưa quấy nhiễu nên nói lời này: Sa-môn Cù-đàm không có thiên định, chỉ chuyên nói pháp thôi. Vì vậy Đức Thế Tôn nhập định, ngồi thiền, như đã hóa độ các chúng sinh tà kiến mà thân nhận lấy chúng.

Lại nữa, do hai nhân duyên nên Đức Thế Tôn nhập tam muội an trụ, tự đã nhận thấy pháp tức ở trong ấy hiện bày diệu dụng.

Lại nữa, vì chúng sinh nên hiện rõ tam muội soi sáng. Bây giờ, các Tỳ-kheo phải chuyên niệm về hơi thở vào, chuyên niệm về hơi thở ra, hiện rõ bốn ý chỉ (bốn chánh cần): Quán hơi thở vào ngắn, tự nhận biết hơi thở ngắn. Quán hơi thở vào dài, tự nhận biết hơi thở dài. Nhập định không lâu tức nhận biết hơi thở ra vào nhanh chóng. Như nhập tam muội an định cũng có thể nhận giữ trụ lâu, tất cả các lỗ chân lông trên thân thấy đều nhận biết. Điều này cũng như trên đã nói. Dựa vào hành của thân để quán hành tướng của thân dần dần rộng khắp, cho đến an trụ nơi khoảng trung gian của hơi thở ra vào. Nương vào hỷ của hoan hỷ, nếu ở địa thiền thứ nhất, hoặc quán về địa thiền thứ hai, tức thường tạo quán về địa ấy, cũng dựa vào niềm an vui nơi địa của thiền thứ nhất. Nếu là địa của thiền thứ hai, hoặc thiền thứ ba, cũng đều quán về địa kia. Đối với nguyên do của tâm hành cũng quán về tướng thọ.

Hoặc có thuyết nêu: Quán hành của tâm ý, dựa vào hành của tâm ý ấy khiến ý hành dần mỏng. Đó gọi là do tâm quán thức khiến tâm được hoan hỷ. Đức Như Lai không có tâm ưu, hỷ v.v... Nếu đạt được giải thoát, do đầy tâm Bồ-tát thường hoan hỷ. Nếu là tam muội hoặc giải thoát tức khởi từng ấy tướng, quán về tướng vô thường, quán hơi thở ra vào, thường quán về diệt tận, trừ bỏ kiết sử ái, vĩnh viễn dứt hết không còn sót. Quán không có dục, quán ái hết, quán các sử đều hết.

Lại có thuyết nói: Quán vô thường tức quán thân vô thường. Quán diệt tận tức quán vô minh diệt tận. Quán không có dục tức quán hữu ái hết. Quán tận tức quán về sự diệt tận của quả vị Niết-bàn hữu dư, vô dư.

Lại có thuyết cho: Quán vô thường là quán năm ấm vô thường. Quán năm ấm là không, không có ngã. Quán không có dục tức quán năm ấm là khổ. Quán diệt tận tức quán năm ấm là pháp vô sinh. Lại dùng tâm vi diệu không dục để nhập thiền thứ tư, khiến có vị trời nói:

Than ôi! Thương thay! Đức Như Lai đã mạng chung chẳng, không còn hơi thở ra vào, tuy các căn chưa làm lẫn, nhưng không lâu sẽ mạng chung. Bây giờ, tướng cảnh giới của các Hiền Thánh hiện ra. Những vị Hiền Thánh hội nhập giữ lấy, do đầy chứng đắc cảnh giới thần thông của đạo Hiền Thánh, cảnh giới của Tịnh Thiên, trụ xứ của Tịnh Thiên, cảnh giới của Phạm thiên, cảnh giới của Phật. Hành của Phật lúc này là người Bất hoàn, vì đạt được quả A-la-hán là luôn ở trong hiện pháp lạc nơi bốn thiên vui hạnh Hiền Thánh.

Lại nữa, chuyên niệm hơi thở vào, có tưởng về hơi thở vào. Quán hơi thở ra có tưởng về hơi thở ra, không lìa phương tiện để có hơi thở ra vào. Hành như thế là cấu uế được loại trừ. Tư duy niệm về tưởng hơi thở ra vào, có giác có quán dần dần mỏng là dừng nghỉ rộng lớn. Hành giả kia lại suy nghĩ thế này: Thân ý hệ thuộc, nối kết nhau, tự nhận biết hơi thở dài ngắn là tự nhận biết, không bỏ tướng gốc, như lại có khác. Đức Thế Tôn tư duy, khiến tư duy dần dần dừng nghỉ tạo tâm không giác (không tầm) để dừng nghỉ. Thân tâm kia không có niệm ấy nên thân tâm có đời động. Thân an trụ, tâm an trụ nơi vô nguyện. Hơi thở dài nên quán hơi thở ra dài. Quán hơi thở ra dài cũng nhận biết hơi thở không lìa tướng gốc. Ở đây, hơi thở ra vào của Đức Thế Tôn cũng như tất cả thân thể thấy đều được quán xét, nhưng không lìa tướng gốc.

Lại nữa, Đức Thế Tôn chuyển tu hành gấp bội, được tâm dừng nghỉ, hơi thở ra vào mỏng dần, thấy đều quán xét đều không lìa tướng gốc. Đó gọi là bốn thứ tư duy về hơi thở ra vào của Đức Thế Tôn. Sự việc ấy là khí vị tự nhiên của vô lượng nhân duyên.

Lại nữa, Đức Thế Tôn tạo ra hình tượng: Tâm ngài không đời động, tâm như kim cương, xoay chuyển hoan hỷ, sắc diệu hòa vui thấy đều quán xét nhưng không lìa tướng gốc.

Lại nữa, Đức Thế Tôn thật sự sinh thân tâm thấy đều quán xét không lìa tướng gốc.

Lại nữa, Đức Thế Tôn quán về hỷ lạc kia, không mạng tức có tướng không mạng, tâm hành được giải thoát thấy đều quán xét không lìa tướng gốc.

Lại nữa, Đức Thế Tôn đối với phần an lạc của hoan hỷ kia có tướng rộng lớn, tâm được giải thoát. Tâm ấy đã dừng nghỉ hành dần dần mỏng để dừng nghỉ thấy đều quán xét không lìa tướng gốc. Đó gọi là bốn thứ thọ của Đức Như Lai, tư duy về thọ kia, phân biệt về vô lượng nhân duyên của giải thoát, do đã loại trừ tự tướng kia.

Lại nữa, Đức Thế Tôn đối với người thọ nhận sự hóa độ kia không mạng tức tướng có mạng, tâm được giải thoát, thấy đều quán xét không lìa tướng gốc. Tâm kia được hoan hỷ, tư duy gấp bội về sự hoan hỷ, hết sức hoan hỷ, thấy đều quán xét không lìa tướng gốc. Tâm kia hoan hỷ là một vị nước đầy khởi phương tiện, thấy đều quán xét không lìa tướng gốc. Tâm kia duyên nơi tam muội an định là phương tiện giải thoát như thật, không dị biệt thấy đều quán xét không lìa tướng gốc. Đó gọi là bốn thứ tâm tư duy của Đức Như Lai, phân biệt về vô lượng nhân duyên của giải thoát, do đã loại trừ tự tướng kia.

Lại nữa, tâm giải thoát rộng lớn của Đức Thế Tôn, như thật quán tâm ấy không có khác. Do tạo ra sự siêng năng khó nhọc, nên vào lúc ấy lần lượt quán về hơi thở ra vào. Đó gọi là quán sở tức, cũng là quán về duyên kia.

Quán thứ lớp bị trói buộc. Quán về báo của hành tội. Quán khắp tất cả đối tượng hành của tâm, lần lượt đều quán xét. Đó gọi là quán sở tức, quán thứ lớp bị trói buộc, quán về báo của hành tội phước. Hành giả kia theo như pháp vô thường này khiến tâm giải thoát, thấy đều quán xét, không lìa tướng gốc. Hành giả kia theo mười sự như thế, trụ nơi các pháp tướng. Pháp tướng nơi các thanh âm thấy đều trừ bỏ để tư duy dừng nghỉ, tất cả đều quán xét không lìa tướng gốc.

Tướng vô thường không tướng: Là ái vĩnh viễn dứt hết, không còn dục, tư duy dừng nghỉ, thấy đều quán xét không lia tướng gốc.

Tâm kia đã tạo tác để tu hành hàng phục. Tạo ra tướng đoạn dứt ngã khiến tư duy dừng nghỉ, thấy đều quán xét không lia tướng gốc. Đó gọi là bốn thứ pháp tư duy của Đức Như Lai, phân biệt về vô lượng nhân duyên của giải thoát, do đã trừ bỏ tự tướng kia.

Mười sáu sự như thế: Là do đã trải qua cảnh giới của quán sở tức rộng lớn, Đức Thế Tôn đã tư duy chưa từng lia. Cảnh giới ấy tức có tướng cùng tương ưng, cũng cùng với hành tương ưng. Do hạnh vi diệu khởi thiên thứ tư cho đến tam muội diệt tận.

Hành giả kia quán có một không có, ở đây không có hơi thở ra vào, cũng không dao động, cũng không có đối tượng nhận biết, cũng không có tâm gốc. Than ôi thương thay! Sa-môn Cù-đàm đã mạng chung. Có vị trời thứ hai xem xét thân Như Lai sắc diện chưa biến đổi, nên nói lời như thế: Ở đây chưa mạng chung, nay mạng chung, cũng sẽ không lâu. Có vị trời thứ ba đã từng xem xét Đức Thế Tôn và đệ tử lúc nhập tam muội chánh thọ, cũng thấy từ tam muội khởi, nên nói lời này: Đức Phật này không mạng chung, cũng sẽ không mạng chung. Đã nhập nơi cảnh giới tạo ra hình tượng như thế nên thành A-la-hán.

Hỏi: Thế nào là nay Đức Thế Tôn nhận biết từ tam muội khởi, do gốc đã xoay chuyển?

Đáp: Lúc lắng nghe thanh tịnh, các căn thanh tịnh, thế nên ý thức thanh tịnh của nhân duyên lớn kia đã sinh, từ tam muội kia khởi.

Lại nói thế này: Tự nhận biết về vô số niệm, tu trí tự tại. Đó gọi là cảnh giới của Hiền Thánh, là Thanh tịnh thiên của Hiền Thánh không cấu nhiễm, thần thông không loạn, cho đến đối tượng nhận biết của Phạm thiên, đoạn kiết là học, A-la-hán là vô học. Các Tỳ-kheo hữu học nơi cảnh giới của Đức Như Lai là hàng Bất hoàn, đạt

được quả vô học thật ở trong hiện pháp, khéo tạo giảng đường được pháp không nghi.

Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Khéo ưa thích dừng nghỉ gọi là Niết-bàn.

Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la-hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thế nào là lạc kia không có thọ? Nói rộng như nơi Khế kinh. Do lạc kia không có thọ nên gọi là lạc. Khi nói lời này, nghĩa ấy là thế nào? Hoặc có thuyết cho: Tôn giả Câu-hy-la thọ lạc vì sự việc kia nên nói, nhưng lạc thọ không rốt ráo.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Dừng nghỉ là lạc, cho đến lạc cứu cánh là lạc có thường.

Hoặc có thuyết nêu: Quán thọ lạc. Tôn giả kia có ít thọ lạc, có ít khổ vui, không quán lạc là Niết-bàn, nên nói: Sở dĩ được lạc là vì người kia không thọ.

Hoặc có thuyết nói: Thọ lạc bị khổ trói buộc. Lạc của dừng nghỉ không cùng với khổ tương ưng, nên nói là người kia an lạc.

Hoặc có thuyết cho: Thọ lạc không có lạc thật nhất định. Còn lạc của dừng nghỉ thì có lạc thật nhất định, nên nói là người kia an lạc.

Lại nữa, như hành của tánh xoay chuyển đạt được, người kia lúc nhập thiền thứ nhất tương ưng với cõi dục, tức liền có tăng. Nếu người kia cùng với dục trói buộc, thì kiến, tư duy, tưởng, hành giận dữ liền thạnh. Như chúng sinh tham vui tất phải thọ khổ. Thế nên ngoài sinh tử cấu uế, chỉ có Niết-bàn là an lạc. Đó gọi là nghĩa của lời Tôn giả đã nói. Tức gọi là không có thọ nên lạc.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ông là Bồ-đà-bà-la, bốn thiên nhân có sắc tự nói: Là ngã sở tức sẽ trụ lâu. Nếu lại sinh tướng khác là cũng có diệt tận. Khi nói lời như thế nghĩa này là thế nào?

Đức Thế Tôn đã chấp thuận ông là Bồ-trá-bà-la được học, tướng kia khởi liền diệt là muốn khiến dời chuyển. Thế nào? Sa-môn Cù-đàm! Ngã tức là tướng chẳng? Tướng từng có đối tượng trông thấy chẳng? Nếu như sẽ thấy, là tướng của ngã, liền nhận biết từng ấy thứ tướng. Như trên đã nói liền nhận biết tướng không phải giống nhau.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn chất vấn ngược nghĩa kia: Thế nào người Bồ-trá-bà-la của ông là có ngã, ngã sở? Người kia nói: Thật vậy, thưa Cù-đàm! Bốn thiên nhân có sắc là có ngã, ngã sở.

Lúc đó, Đức Thế Tôn vừa phát sinh lời nói của người kia: Bồ-trá-bà-la của ông nói: Sắc tinh diệu và thân của bốn trời, người có ngã, ngã sở đã trụ chấp là ngã sở. Nếu sinh khởi tướng khác thì tướng sinh liền diệt, khiến chí hành nơi tánh của Như Lai không thể dời động.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Như thế, A-nan! Tam muội tướng là sự răn dạy thành tựu. Lại sinh nơi trời Hữu tướng vô tướng, nếu Tỳ-kheo nhập nơi thiên kia, mỗi mỗi phân biệt.

Hỏi: Khi nói lời này, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Bảy tam muội này chỉ như kim cương, các sự việc đều đầy đủ, thế nên lời răn dạy thành tựu. Tam muội vô tướng và tam muội hữu tướng vô tướng, tam muội diệt tận, tâm không tương ưng sự dừng nghỉ không khởi, vì thế không có sự răn dạy thành tựu.

Hoặc có thuyết cho: Bảy tam muội này cũng là hữu lậu, cũng là vô lậu. Do đạo vô lậu nên sự răn dạy được thành tựu. Vì vậy lời dạy răn của Hiền Thánh kia cũng thành tựu. Tam muội vô tướng và tam muội hữu tướng - vô tướng, tam muội diệt tận đều là hữu lậu, không phải do đạo hữu lậu khiến lời răn dạy được thành tựu. Thế nên lời răn dạy kia không thành tựu.

Hoặc có thuyết nêu: Tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng diệt tận dùng nghỉ, tướng xuất yếu của đạo khiến sự răn dạy thành tựu. Tam muội vô tướng và tam muội hữu tướng, vô tướng là tướng là cùng kết hợp với tướng của tam muội. Thế nên lời răn dạy kia không thành tựu.

Lại nữa, trí tuệ soi sáng cùng với thân tương ưng, cùng quán trong thân. Tam muội vô tướng kia tương ưng với hành của tam muội diệt tận đã được dùng nghỉ. Cũng người tu thiền từ trong thiền khởi, có thể có điều nêu bày. Nếu thân cận trụ nhập trong thiền, thì vào thời gian khác không thể có nêu bày. Hữu tướng, vô tướng là Đức Thế Tôn cố ý giảng nói ở đây thôi.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Năm pháp thành tựu thường ở nơi chốn vắng lặng trên đỉnh núi, trong rừng rậm, xiêm y thô cũ không cho là xấu, không lựa chọn thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang trị bệnh, thường khởi tướng trừ bỏ dục, quán sắc pháp như thế, thành tựu các nghĩa, thường ở nơi chốn vắng lặng, trên đỉnh núi, trong rừng rậm.

Hỏi: Khi nói những lời ấy, nghĩa này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cũng như có người nghiêng nhiều về ý dục, vì dục ái chưa hết, nên có các bệnh này.

Hoặc có thuyết cho: Đây là lời khuyên dạy của Đức Thế Tôn khiến thành tựu năm pháp.

Không ưa thích ở chốn vắng lặng, lại thường qua lại chốn kinh thành. Hoặc tuy ở chốn vắng vẻ, nhưng cũng không thường xuyên.

Lại nữa, như pháp ở trong vùng núi, đầm, không chịu tu hành thì không thể đến ở chỗ vắng vẻ hoặc trồng trái bên cội cây.

Không tu tướng biến đổi, nên người kia không thể ở nơi chốn vắng lặng như nơi đỉnh núi, trong rừng rậm.

Tự chấp về ngã, ngã sở, cho nơi chốn kia là vắng lặng. Lại có ý nghĩ này: Tự chấp về ngã, ngã sở, nên thường ở nơi nhân gian.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Đối với Tỳ-kheo kia, bên trong khởi tướng không có sắc, bên ngoài quán sắc, cho đến quán sắc trắng có tướng về màu trắng. Như Khế kinh nói: Vì sao sắc của hình tượng trắng, sắc ấy liền có trắng tươi, rất đẹp trong các hành.

Hoặc có thuyết nói: Đây là sắc trên hết. Thế nên duyên nơi sắc kia là trên hết.

Hoặc có thuyết nêu: Duyên nơi sắc trắng tư duy, tức sinh màu trắng của tâm.

Lại nữa, cũng là thiên nhãn cùng với các hành, vì thế màu trắng là trên hết.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Có ba an vui này: (1) An vui không có tranh tụng. (2) An vui ở xứ riêng lẻ. (3) An vui của người không dục.

Hỏi: Thế nào là an vui không có tranh tụng? Thế nào là an vui ở xứ riêng lẻ? Thế nào là an vui của người không dục?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Giới không có tranh tụng, nên thường học giới cấm. Không có dục đối với người là an vui: Là tư duy về tam muội an trụ. Người ở xứ riêng lẻ, dốc hàng phục tâm mình. An vui ở xứ riêng lẻ khiến trí không có tán loạn. Vì thế an vui không có tranh tụng nên học trí tuệ. An vui thân ý không có phần nộ nên học trí tuệ.

Hoặc có thuyết nêu: Tất cả sinh tử là khổ, không có sinh tử là vui. Giới cấm kia đều là an vui không có tranh tụng. Các thứ tán loạn được vĩnh viễn dứt hết là an vui ở xứ riêng lẻ. Không có giới cấm đều là an vui ở chốn vắng lặng. Lại nữa, giới cấm thanh tịnh trừ bỏ ý khổ hạnh. Hành không có lỗi thọ an vui liền sinh niệm cùng tương ưng.

An vui của người không dục, luôn nghĩ đến giới cấm, thân tức có vui mừng. Đối với giới cấm này, ý thường xuyên tu hành, xuất sinh các lạc thọ. Tương ứng với niệm là an vui ở chôn vắng lặng.

Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Các Hiền, mỗi nửa tháng thuyết giới, pháp không khởi hiện tiền tác chứng. Quán pháp không khởi là những gì?

Hoặc có thuyết nói: Đạo đã có thể sử dụng, được quả Tu-đà-hoàn, thường thân cận với đạo kia, cứ mỗi nửa tháng thuyết giới tức thành tựu quả A-la-hán.

Hoặc có thuyết cho: Các bậc Hiền Thánh kia, nửa tháng thuyết giới để tu trí vô thường, khổ để chưa sinh liền thấy tập đế, trung gian của tập đế liền thấy tận đế (diệt đế), trong tận đế liền thấy đạo đế.

Hoặc có thuyết nêu: Nửa tháng thuyết giới, lúc cùng với Phạm chí Trường Trảo nói pháp, tức tư duy về mười hai sự, phân biệt vô số về các tướng đã gặp, nên quán pháp không khởi.

*Niệm thân vui, cầu vương
Sắc kém tướng tướng đến
Ở nhàn, phân biệt hành
Ba lạc cùng chỉ quán.*

Kiên độ Tam muội thứ ba xong.

**

Phẩm thứ 4: KIÊN ĐỘ THIÊN

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo các ông! Như người ở cõi trời Ba Mươi Ba, vui thích thay, được sinh đến xứ thiện.

Hỏi: Vì sao như người nơi cõi trời Ba mươi ba nói: Vui thích thay, được sinh đến xứ thiện?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tạo hành nghiệp ở nơi cõi này, khiến người, trời có nơi chốn được sinh.

Hoặc có thuyết nêu: Nơi cõi này có chư Phật hưng khởi xuất thế.

Lại có thuyết cho: Vì Đức Phật thuyết giảng pháp ở nơi cõi này, nên ở đây được niềm tin. Tức ở nơi cõi này: Tu phạm hạnh. Thọ giới cụ túc. Cùng vượt thứ lớp để thủ chứng. Đắc quả A-la-hán. Lại nữa, trong tất cả các nẻo, chỉ có trời, người là hơn hết. Như người trời kia là xứ thiện. Như vậy trời người là xứ thiện.

Hỏi: Vì sao thân của chư thiên, trời Quang âm chỉ một hình mà có từng ấy tướng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do tất cả chư thiên nơi trời kia đã có được báo của thiên, thế nên có từng ấy tướng. Vì tất cả chư thiên kia đều có tướng vui, tướng khổ, nên nói là từng ấy tướng.

Trời Phạm-già-di, trời Quang âm đều được báo của thiên. Tất cả chư thiên nơi trời kia đều có tướng vui, tướng khổ, là muốn khiến một thân, một hình tượng kia có từng ấy tướng chăng? Lại nữa, tam muội có giác có quán, khiến tâm liền dậy khởi mạnh, liền được nhân duyên. Tâm này suy tính nhập thiên thứ hai, tức có giác có quán dừng nghỉ. Nếu dung mạo của trời Quang âm sáng rõ thì các trời kia đều đồng một hình, là nghĩa này. Niệm là sinh cao, thấp. Thế nên trời kia có từng ấy tướng.

Hỏi: Vì sao thiên nhân của cõi sắc xem sắc, tai nghe tiếng, nhưng mũi không ngửi mùi hương, lưỡi không nếm vị?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì cõi trời kia không có xứ sở của hương, vị.

Hỏi: Trong cõi sắc không có hương vị chăng?

Đáp: Các căn được cảnh giới nhưng xa lìa hương vị.

Hỏi: Đức Như Lai nơi cõi dục không xa lìa tức nhận biết chăng?

Đáp: Căn của Đức Như Lai không hề làm loạn. Còn hương vị của cõi dục thì làm loạn. Căn kia do công hạnh nên đến.

Hỏi: Vì sao trong cõi dục sự trói buộc không có làm lộn?

Hỏi: Hoặc do hương vị của cõi dục trói buộc, gắn kết với phương tiện cầu diệt. Nếu người chưa từng trải qua là muốn khiến duyên nơi báo, sự việc này không đúng. Nếu khiến cho khổ lại thêm khổ, thì sắc thanh cũng lại như vậy. Vì thế sắc thanh cũng không thể được?

Đáp: Mắt không phải là cảnh giới. Còn tai là sắc thanh không trói buộc, vướng mắc.

Hỏi: Sắc thanh ở xa, cũng có trói buộc, vướng mắc. Như mặt trời, mặt trăng ở cách xa, vẫn chiếu sáng từ xa vào trong mắt. Nếu đánh trống to tức tai nghe tiếng. Nếu như được sắc thanh hương vị xúc, thì thân cũng phải buộc vướng. Thế nên thân xúc không bị buộc vướng.

Hoặc có thuyết cho: Cõi kia không có khổ căn, tỷ căn, tức có làm loạn, cũng như các căn thành tựu, thế nên thành tựu tất cả các căn kia?

Đáp: Điều người kia đã hỏi nghĩa là căn kia thành tựu.

Hỏi: Các thứ hiện có kia tức là các căn thanh tựu chăng? Người sinh ra mắt mắt, căn cũng nên đầy đủ chăng?

Đáp: Sự việc người sinh ra đã bị mất mắt cũng không đồng với tướng kia, vì căn không có đủ.

Hỏi: Trong cõi vô sắc, căn không đầy đủ, tức đây không phải là tinh diệu, thế nên không có?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cõi kia không có tỷ thức, thiệt thức.

Hỏi: Trời Quang âm không có tương ứng với năm thức thân là muốn khiến cho trời kia không thấy, không nghe chăng?

Đáp: Vì tương ứng với niệm trên cõi Phạm thiên, sinh ra nhãn thức, nên nhĩ thức cũng thấy, cũng nghe.

Hỏi: Vì sao không cùng với cõi dục tương ứng, sinh ra tỷ thức, thiệt thức nhận biết có hương vị?

Đáp: Vì trời kia không tạo nhân về hương vị, nên nơi cõi ấy không sinh thức. Cõi ấy cũng dùng sắc thanh, nên sinh nhãn thức, nhĩ thức.

Hoặc có thuyết nói: Căn của cõi trời kia là độn, nên cảnh giới của cõi ấy cũng độn, vì thế không xoay chuyển.

Hỏi: Mắt, tai không xoay chuyển chăng?

Đáp: Mắt, tai thì nhanh chóng, không thâm giữ cảnh giới, cũng có thể khởi thần thông. Lại nữa, cũng nghe hương vị, nhận biết một ít nhưng không sáng rõ. Nếu như trời kia vốn không được hương, vị, thế nên căn của trời kia thành tự, được cảnh giới tự tại rồi thì được cảnh giới của căn, liền sinh căn cấu uế.

Hỏi: Như nơi cõi sắc, vị lai đến cõi dục, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng. Vậy nhãn thức, nhĩ thức của cõi kia, nên nói là tương ứng với cõi dục chăng? Nên nói là tương ứng với cõi sắc chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là tương ứng với cõi dục. Cũng nên nói là tương ứng với cõi sắc. Vì hóa làm hình của cõi dục này, rồi đến cõi sắc kia, nên nói là tương ứng với cõi dục. Trở lại làm hình của cõi dục để đến: Là cõi kia tức nên nói là tương ứng với cõi Phạm thiên. Các tương ứng tiếp theo nơi cõi kia là tự nhiên, nên nói là tương ứng với cõi kia. Vị trời kia liền khởi suy nghĩ: Như năm thức thân có giác có quán là thế nào? Tam muội tương ứng với trời Quang âm kia cũng có giác, nhưng không phải là tam muội, cho đến hữu tướng, vô tướng.

Hỏi: Vì sao trời cõi sắc có tử căn, thiết căn, nhưng không có nam căn, nữ căn?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Trời kia nói không có dụng của nam, nữ.

Hỏi: Tử căn, thiết căn nơi trời kia cũng nên là không có dụng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trời kia không có tập dục.

Hỏi: Không ở nơi hương vị là không có dục chăng? Tử căn, thiết căn cũng không có dục chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nam căn, nữ căn cũng không có dục.

Hoặc có thuyết nêu: Xứ sinh nhập của trời kia là tự nhiên như vậy. Lại nữa, đã trừ bỏ tướng dục, nên hành của trời kia không trụ nơi ấy. Trời kia có nam căn, nữ căn, nên có suy nghĩ: Vì sao ở nơi cõi này có người không thành nam? A-la-hán cũng có căn này cũng lại như thế? Trong cõi dục, không có nữ căn, không thành nam ở thai xấu ác, là muốn khiến cho sự nhận biết về xúc của ái dục. Thức của A-la-hán kia vốn đã trải qua đến chết, không khởi tâm.

Hỏi: Vì sao trời của cõi sắc khởi hành thọ mạng gọi đó là trụ chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do tĩnh lặng không có loạn động.

Hỏi: Nhập tam muội thiền của cõi dục, là muốn khiến cho cõi kia mỗi mỗi đều không có hành thọ mạng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ý tự nhiên của cõi kia là như vậy. Điều này cũng như trên đã nói. Nghĩa là cõi kia cũng đều có hành thọ mạng.

Đức Thế Tôn cũng nói: Thọ mạng của thiên tử Xà-bà-na là sự sống rất nhanh chóng, không thường trụ, không có xứ sở. Lại nữa,

không có thọ mạng nơi sinh tử có dùng trụ. Nghĩa là sự sinh tự nhiên buộc vướng tương ưng với cõi kia.

Hoặc có thuyết nêu: Các hữu oán đối nơi cõi kia tức có ý hại.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo! Trong ba xứ của người Diêm-phù-lợi thì người Uất-đơn-việt là vượt hơn.

Hỏi: Những người tráng kiện dũng mãnh trong xứ này cũng tu phạm hạnh trụ, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Ở xứ này vượt hơn xứ kia, người tráng kiện dũng mãnh cũng không sợ chết. Tất cả phương tiện trong sinh tử để cầu trời không có cảnh giới vướng mắc. Có chí vượt hơn, nhớ lại khi xưa vốn đã nói, tạo ra thi tụng, trời không có cảnh giới trói buộc vượt hơn. Ở nơi xứ này tu phạm hạnh nhưng không xa lìa xứ này để xuất gia, tức tu tập hành đạo ở đây, nhưng trời không có cảnh giới vượt hơn. Vì sao? Vì các thiên tử khi qua đời liền hủy hoại các thứ sâu nảo.

Hoặc có thuyết cho: Ái thân chưa dứt hết.

Hỏi: Ái thân trong cõi sắc chưa dứt hết, khi trời kia khiến trời khác bỏ mạng thì sinh ưu sầu chăng?

Đáp: Do không có căn tương ưng với cõi sắc.

Hỏi: Như hiện nay, ái chưa hết, sinh trong cõi dục. Lại nữa, cảnh giới tịnh của trời kia là rất sâu xa, trời kia không tương ưng, nên sinh ưu sầu. Các người có mạng, quán sức hành ngu si của sáu ái thân. Vì sao? Vì khi trời kia qua đời, không sinh ưu sầu, lại dựa vào chỗ vượt hơn của trời kia chăng?

Đáp: Cũng tạo ra thuyết này: Do trong cõi dục có ưu sầu.

Hỏi: Làm sao thiên tử nhận biết được pháp qua đời?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Cũng tự nhận biết ta sinh ra từ lâu, thọ mạng không lâu nữa thì hết.

Hỏi: Trời kia thọ mạng không nhất định. Lại nữa, vốn có tương tương ứng, trời kia tức nhận biết, cũng nên nghe hỏi: Vì sao thiên tử nhận biết mất ở nơi này, sinh ở xứ kia?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Ở nơi đạo kia nhận hành báo, muốn khiến cho thọ mạng đời trước đã từng trải qua tức có quả báo. Quả báo chưa thành thực, thì trời kia tự nhớ biết ta sẽ sinh nơi xứ kia.

Hoặc có thuyết nói: Lúc trời kia mạng chung thì hành của trời đó tương ứng. Do hành này nên theo pháp ấy sẽ sinh vào xứ kia. Lại nữa, chỉ nghe trong khoảnh khắc thì ai có thể phân biệt nhận biết nhân duyên của sự sinh? Tức tự nhận biết nơi mình hướng đến.

Hỏi: Vì sao thiên tử nhận biết ở nơi cõi kia bỏ mạng liền sinh trong cõi này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Sự sinh của trời kia là tự nhiên.

Hoặc có thuyết cho: Trời kia nhớ nghĩ nên hóa sinh. Lại nữa, trời kia không nhớ nghĩ về tất cả những người căn không nhanh nhạy. Trời kia không nhớ về người căn nhanh nhạy, chỉ nhớ như đã nói: Thiên tử hóa kia nói ra khiến nhớ, cho đến ý của Khế kinh.

*Nẻo thiện mỗi mỗi quán
Chốn này không có căn
Sinh ưu không hệ thuộc
Tự biết mất ở đây.*

Hỏi: Pháp mạng chung của thiên tử kia chính là năm tướng. Nghĩa này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Báo thiện, báo bất thiện của duyên vốn đã tạo. Nếu đã hành của báo thiện thì được phước tự nhiên của thiên nhân. Báo bất thiện tức sinh ra năm tướng.

Hoặc có thuyết nói: Nhân duyên ưu sầu chính là duyên của trời kia. Nếu đã sinh ưu sầu tất trời kia tức có sinh. Thế nên trung gian của ưu sầu nên nói là nhân duyên ưu sầu.

Hoặc có thuyết cho: Tự dựa vào nhân duyên tức sinh nhân duyên báo của hành kia. Nhân duyên ưu sâu như nhân duyên thuận thực. Tự dựa vào nhân duyên tức có báo của hành hoại duyên nơi tâm vô thường.

Hỏi: Pháp mạng chung của thiện tử khi sinh năm tướng, nên nói là cùng sinh hay nên nói là sinh dần dần?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là cùng sinh, vì tất cả trời kia đều duyên nơi ưu sâu sinh, nên ưu sâu sinh thì năm tướng này khởi.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là sinh dần dần. Đã sinh ưu sâu liền thuận với sự nóng bức, khiến hoa trang sức của trời kia héo khô. Thấy hoa khô héo thì ôm lòng ưu sâu gấp bội, sắc diệu liền thành tiêu tụy, bèn tự kinh ngạc, khiến mồ hôi nơi thân trời chảy đầm đìa. Khi mồ hôi chảy ra làm cấu uế xiêm y, tự thấy xiêm y cấu bẩn, liền tự không ưa thích tòa ngồi.

Lại nữa, nên nói là sinh dần dần. Như hoa sen khi sắp tàn, cánh hoa rụng từ từ. Như thế khi quả hành của trời kia đã chín muồi thì tướng này sinh dần dần.

Hỏi: Vì sao Nhật thiên tử trụ trong một kiếp?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Quả hành của chúng sinh khiến Nhật thiên tử trụ nơi hành tăng trượng, nên có báo này.

Hỏi: Hành của chúng sinh không có trải qua kiếp chạng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Khi trời đất tan hoại, báo của hành liền diệt.

Hỏi: Trước tạo hành, sau nhận báo. Trời kia không có uy lực, nên đều hư hoại, tan nát. Lại nữa, từng nghe ở đây không phải là số kiếp. Vì sao mặt trăng trụ một kiếp?

Đáp: Như mặt trời không có khác.

Hỏi: Vì sao Phạm thiên nói là trụ một kiếp?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Trời đất tan hoại nên có sự sinh này. Trời đất không tan hoại liền dứt.

Hỏi: Hiện tượng này không phải là số kiếp chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hai mươi trung kiếp, bốn mươi kiếp là kiếp đại, kiếp trụ là hai mươi trung kiếp. Đó gọi là tạo kiếp.

Khế kinh tức có chỗ trái nhau, như đã nói: Trời đất biến đổi, cung thất của Phạm thiên liền sinh nơi cõi kia. Nếu trời đất không biến đổi, thì sinh cung điện của Quang âm thiên. Lại nữa, ở đây đã từng nghe không có xứ sinh thọ mạng kiếp trụ?

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo ở đây có địa ngục sáu xứ.

Hỏi: Thế nào là địa ngục sáu xứ?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: A-tỳ gọi là địa ngục sáu xứ, nơi cõi kia có rất nhiều. Lại nữa, tất cả địa ngục đều có sáu xứ, ở đây có rất nhiều ưu sầu khổ độc.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo ở đây có cõi trời sáu xứ.

Hỏi: Thế nào là cõi trời sáu xứ?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Trời Tha hóa tự tại nơi cung điện của trời ấy có rất nhiều. Lại nữa, tất cả trời đều là xứ, đều cùng vui thích thọ nhận phước kia.

Hỏi: Vì sao nơi chốn dừng lại của bảy thần là nẻo ác? Trời Quả thật, Hữu tướng vô tướng không phải là hệ thuộc?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là lời khuyên dạy của Đức Như Lai. Người, trời thuộc cõi dục, nói về cõi dục xong, thì ở nơi địa của thiên thứ nhất, thứ hai, thứ ba tức phân biệt cõi vô sắc, nói về ba cõi vô sắc tức nói về cõi sắc.

Hỏi: Như đã nói: Xứ hai nhập nương dựa thì có trái nhau chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây là lời khuyên dạy của Đức Như Lai, ở đây nhận biết nhanh chóng, như các nẻo ác, trời Quả thật, Hữu tướng vô tướng.

Hỏi: Ở đây cũng không sinh, cũng nói xứ hai nhập: Tịnh cư thiên thì nhanh chóng, thức xứ cũng không trụ chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tướng sáu thức xứ của các hữu, trời kia là thức xứ trụ. Nẻo ác, trời Hữu tướng vô tướng không có đoạn diệt, không có thức. Tịnh cư thiên do kiến đế đoạn, không có thức. Chúng sinh vô tướng đều không có thức. Thế nên thức kia không có trụ xứ.

Hỏi: Trời kia không sinh, vì sao A-na-tỳ thiên (Tịnh cư thiên), Phất lâu thiên, Quả thật thiên, các trời kia có thức xứ, có nhận biết nhanh chóng, cũng không là thức tương ưng với xứ kia?

Lại nữa, xứ sở lạc, xứ thức trụ, không ưa thích quá nhiều khổ não của nẻo ác, Quả thật thiên, hoặc cùng tương ưng với học, còn lại là diệt hữu, hoặc cầu vô tướng khi thù miên thì trụ, hoặc là chúng sinh vô tướng. Thế nên vị trời kia không ưa thích xứ sở lại thêm sinh nơi trời Hữu tướng vô tướng.

Lại nữa, tâm trời được dừng nghỉ, thì trời kia ít được vui, vì vậy không được nói thức kia gồm thân xứ. Vì sao? Vì không có chúng sinh cư trú, nghĩa là nẻo ác, nhưng Quả thật thiên lại gồm thân?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây là lời răn dạy của Đức Như Lai. Nói con người tức là nói đến tàn dư của nẻo ác. Nói nẻo sắc tức nói về trời Quả thật.

Hoặc có thuyết nêu: Đây là lời răn dạy của Đức Như Lai về nơi cư trú của chúng sinh này, có rất nhiều chúng sinh vui thích ở trong đó. Lại nữa, nẻo ác thì khổ nhiều, không có vui. Trong đó, cõi trời Quả thật hoặc gồm thân xứ sở trụ, hoặc không gồm thân xứ sở trụ.

Hỏi: Vì sao chúng sinh vô tướng tự sinh hành thọ mạng để trụ, nhưng Tỳ-kheo lại không nhập tam muội hữu tướng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì chí của Tỳ-kheo kia tĩnh lặng.

Hỏi: Ở đây nếu Tỳ-kheo nhập tam muội hữu tướng, nhưng ý chí tĩnh lặng, là muốn khiến Tỳ-kheo kia mỗi mỗi đều không có hành thọ mạng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tỳ-kheo kia không có hư hoại, không bị dao lửa, độc hại.

Hoặc có thuyết nêu: Đối với tâm ý của Tỳ-kheo kia thì có xoay chuyển, cũng không chết.

Hoặc có thuyết nói: Tỳ-kheo kia thường nhập tam muội. Sự việc này cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết cho: Tỳ-kheo kia cũng mỗi mỗi đều có hành thọ mạng. Đức Thế Tôn cũng nói: Như Khế kinh Trụ Kiên Cố đã nói. Lại nữa, hoặc có hành thọ mạng, tự nói là sinh, hoặc đều tương ưng với sinh, nhưng nơi cõi này đa số có oán đối, nên Tỳ-kheo này cuối cùng không nhập tam muội.

Hoặc có thuyết nêu: Tức là không có hư hoại, như tướng tu đạo của chúng sinh vô tướng đã hết.

Hỏi: Thế nào là trong vô tướng kia, sau cùng vẫn đến sinh nơi đây?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Như trung gian tướng nhập tam muội vô tướng, ở nơi tam muội vô tướng thoái chuyển, trở lại tướng kia, tức là tạo ra nhân duyên.

Hoặc có thuyết cho: Chẳng phải tướng của tam muội kia có diệt tận, ở nơi đây khởi phát, lại tu tướng hành, như ở chốn vắng lặng đã lâu, tạo ra các sự ngu tối, trên cũng có tăng.

Lại nữa, vì nhân duyên của hành, nên thọ nhận các tướng vương mắc. Do hành kia nên dựa kết vào ái nhiễm, tự làm ngu si. Ngu si kia như nơi chôn bị đọa thì đọa trong đó, như dùng hạt lúa ném lên hư không, tức thì hạt lúa ấy lại rơi xuống đất.

Mạng chung ngày tháng trên

Hạn kiếp số Phạm thiên

Nẻo địa ngục bảy xứ

Trời Hữu tướng, chín thân.

Kiên độ Thiên thứ tư xong.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP

QUYỂN 5

Phẩm thứ 5: KIẾN ĐỘ TỨ ĐẠI

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo đối với sắc không có trí đoạn, cũng không nhận biết, không đoạn dứt, do dục ái chưa hết, nên không trừ được nguồn gốc của khổ.

Hỏi: Thế nào là đối với sắc không có trí đoạn? Thế nào là cũng không nhận biết? Thế nào là không đoạn dứt? Thế nào là ái chưa hết?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tự tướng nơi trí đoạn tương ưng với trí. Quán chiếu tự tướng ấy khiến các kiết sử vĩnh viễn đoạn dứt, không còn sót. Từ đây về sau, thường tạo được hòa hợp. Tự trí đoạn nhờ sạch các kiết sử, nên Tỳ-kheo ấy không còn dục ái nơi sắc. Các kiết sử đã được trừ bỏ hết, nên không còn nhiễm chấp.

Hoặc có thuyết cho: Do trí đoạn của đạo thế tục dùng để nhất đạo nhận biết đạo thế tục kia, khiến kiết sử được đoạn. Kiết sử đã hết, đó gọi là đệ nhất đạo dứt trừ sạch các kiết sử, nên dục ái kia đều hết.

Hoặc có thuyết nêu: Dùng đạo bốn đế nhận biết, dùng đạo tư duy để đoạn. Nhận biết đạo bốn đế diệt tận, đạo tư duy đoạn trừ dục ái hết hẳn.

Hoặc có thuyết nói: Xứ sở của thân để là nhận biết xứ sở của trí tuệ, là xứ sở của trí đoạn hiện bày. Dục ái hết nên xứ sở dùng nghỉ

không khởi. Lại nữa, đối với sắc này phân biệt nhận biết sắc, sắc ấy cũng vô thường. Nhận biết là khổ, không, vô ngã. Sắc không vô ngã kia luôn theo ngu si. Tỳ-kheo kia đã diệt vô thường, khổ, nên không còn ái chấp. Dục ái kia đã hết, như thế tự thuận theo ngu si không trừ bỏ ái của mình. Vô minh đoạn thì ái hết không còn sót. Do vậy, thân hoại mạng hết thì thân, danh, thức đều được trừ. Như thế các khổ như không, có đều hết.

Hỏi: Vì sao địa chủng là tướng cứng chắc?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Trong đó không có sự việc vì tánh của pháp là tự như thế.

Hỏi: Nếu như đất cứng chắc không có duyên, thì nước cũng nên không có duyên. Như nước không có cứng chắc, như thế là nhân không có đất hoặc có khi là nước. Vì vậy nên nói đất có duyên chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Có duyên không cứng chắc, không do tương ưng với quả của tài sản mà có duyên kia. Tài sản không có nhân duyên tức là có thường. Tất cả tương ưng đều giống nhau, nhưng các hành lưu chuyển thì khác, hoặc lúc có, hoặc lúc không. Lại nữa, đất là sự của nhân duyên kia, cứng chắc có báo cứng chắc.

Hỏi: Cũng từng thấy chất mềm thành chất cứng, thế nên cứng chắc không có duyên chăng?

Đáp: Hết thấy bốn đại hoặc có khi có cứng chắc có thật, có nhân duyên mềm trở thành cứng. Vì thế mềm cùng với đất cứng chắc làm nhân duyên. Hỏa chủng, phong chủng cũng lại như thế.

Hỏi: Như tướng cứng chắc của địa chủng có thể khiến cho tướng không cứng chắc chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không thể được, vì riêng tự tư duy, tự tướng không nhận biết tư duy. Tư duy về vô lượng đoạn tư duy. Thủy chủng, hỏa chủng cũng như thế.

Hỏi: Có thể được vì bốn đại đều cùng sinh một lúc, có số nhiều ít chẳng?

Đáp: Có thể được. Như hoa Ưu-bát do tướng gió nhận biết.

Hỏi: Có một xứ của bốn đại, xứ kia có bốn là bốn đại chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Có một đại tức có bốn đại, không thể phân ly.

Hỏi: Có một tức có bốn đại, rốt cuộc không có một đại nào muốn khiến không có bốn?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Có một tức có bốn đại. Đức Thế Tôn cũng nói: Các sắc hiện có, sắc ấy tức có bốn đại, do bốn đại sinh.

Hỏi: Ở đây chỉ nói sắc đó gọi là sắc. Nếu như kinh của ông nói thì không có bốn đại chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Từng thấy như đá được tinh luyện trong lửa, sau đấy mới mềm, nên bốn đại kia không có thì cũng không trở thành mềm. Vì vậy tất cả là có.

Hoặc có thuyết cho: Có một thì có bốn, nếu như đất không có nước tức có tan hoại.

Hỏi: Vậy là muốn khiến sự tan hoại ở khắp các xứ chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không có khắp tất cả. Nếu phải có khắp tất cả, thì đá không có nước, gió thì không thể được.

Hỏi: Tức nên có tăng ích chẳng?

Đáp: Ở đây nói tăng trưởng tức ở nơi xứ xứ. Lại nữa, sự việc này không có cố định, không có khắp tất cả nơi chốn. Vì không thể có xứ sở, nên sự việc kia không thể đạt được.

Hỏi: Vì sao bốn đại gọi là pháp ấm, không phải là pháp lạnh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu bốn đại là pháp lạnh tức ở tại xứ xứ cùng một thời có ấm có lạnh.

Hỏi: Sắc được tạo này tức không có xú xứ, thế nên một thời có lạnh có nóng chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu bốn đại là pháp lạnh, thì đây không phải là bốn đại, nên nói là năm đại.

Hỏi: Đây cũng là điều nghi của tôi: Vì sao không có năm đại?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Pháp ấm, pháp lạnh là sự việc của đại hiện khởi. Vì thế bốn đại nên nói không phải là pháp lạnh. Lại nữa, bốn đại này cũng là pháp ấm, cũng là pháp lạnh. Nếu không có pháp ấm thì chỉ nên nói pháp lạnh.

Hỏi: Mới đầu nhãn thức nên nói là vi tế, không phải là nhãn thức nhận biết chẳng?

Đáp: Nên nói không phải là nhãn thức nhận biết, do không có căn vi diệu nên trí chưa nhận biết.

Hỏi: Như sắc kia là mới nên tất cả không thấy chẳng?

Đáp: Nơi mỗi mỗi thứ thì không thể thấy. Tập hợp thì sau đây có thể thấy. Như chất cấu uế trong thân, mỗi mỗi thứ thì không thể thấy, nhưng khi cấu uế tẩy rửa hết thì sau đây có thể thấy. Lại nữa, sắc rất tươi sáng, nên nói là tạo ra nhãn thức, không quen với sắc có vẻ tươi sáng khác.

Hỏi: Như thế là không thể hủy hoại được sắc do bốn đại tạo khác chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không thể được, vì sắc do bốn đại tạo này là ở xú xứ.

Hỏi: Như xú sở của sắc, như hương của hoa Chiêm-bạc rất thơm, tươi tốt, vì sao không có xú sở?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không thể được. Vì bốn đại luôn tăng ích, nhân duyên của bốn đại dựa vào bốn đại kia. Lại nữa, không

thể được, vì trung gian của bốn đại, nếu như có thể được, thì bốn đại kia không có tạo sắc. Nhưng vì bốn đại kia có tạo sắc, không phải là không có. Như hương của hoa Chiêm-bạc thì nên ngửi xem hoa ấy. Như thể thân này không phải do hương của hoa Chiêm-bạc, mà là từ bốn đại kia sinh, có ít xoay chuyển.

Hỏi: Lại như Đức Thế Tôn nói: Như lửa đốt cháy đồng rộng, đầm rừng, nên nói là lửa đốt cháy chăng? Không đốt cháy nên nói đốt cháy chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không đốt cháy nên nói là đốt cháy. Như dựa vào sắc được tạo, lửa sinh, nên nói là đốt cháy.

Hoặc có thuyết nói: Không có không đốt cháy mà đốt cháy. Nếu như đốt cháy mà là đốt cháy, tức không có đốt cháy. Đây là nghĩa biến đổi, thuộc thể tục tạo ra. Lửa đốt cháy là nói ở đồng rộng, đầm rừng.

Lại nói thế này: Lửa không có đối tượng thiêu đốt, lửa đến liền thiêu đốt. Nếu chưa đến là không có nhân. Nếu khởi sự nên nói là thiêu đốt. Nếu lửa tắt nên nói là đã đốt.

Hoặc có thuyết cho: Lửa tắt nên thiêu đốt. Người kia có tướng này: Lửa đốt cháy đồng rộng, đầm rừng nên là thiêu đốt.

Hỏi: Lửa kia sinh tức có tướng về lửa do lửa thiêu đốt chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Lửa không có đối tượng thiêu đốt. Điều này cũng như trên đã nói.

*Tướng được nhận biết sắc
Cứng chắc cùng nhiều ít
Như có một sắc ấm
Sắc trụ, hai tướng đốt.*

Hỏi: Các lửa hiện có đều có đối tượng thiêu đốt chăng? Nếu như có đối tượng thiêu đốt thì đều là lửa chăng?

Đáp: Hoặc là lửa không phải có thiêu đốt. Lửa quá khứ, vị lai, lửa ở nơi cây gỗ được dùi, xát, lửa ở tại nhà, lửa nơi đèn thờ thần.

Hỏi: Từng có đối tượng thiêu đốt không phải là lửa chẳng?

Đáp: Ông bị lạnh chẳng? Sự thiêu đốt kia không phải là lửa chẳng? Như đã nói: Ngọn lửa, ánh nắng nóng bức tạo ra sinh lão bệnh tử.

Hỏi: Từng có có lửa là có thiêu đốt chẳng?

Đáp: Dựa vào lửa đã tạo kia là dục, nộ si của hiện tại.

Hỏi: Từng có không phải là lửa thì không phải thiêu đốt chẳng?

Đáp: Trừ từng ấy sự việc nêu trên, tức là nghĩa này.

Hỏi: Vì sao bốn đại xấu ác sinh ra sắc vi diệu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Duyên nơi sắc được tạo, dựa vào bốn đại kia, nên có sắc sinh. Sắc duyên nơi sắc kia, hương duyên nơi hương kia, vị duyên nơi vị kia, vì thế lần lượt tăng trưởng.

Hoặc có thuyết cho: Bốn đại tăng thượng đã sinh ra sắc, lại do sự việc khác, tức sắc kia có phần vượt hơn.

Hoặc có thuyết nêu: Duyên nơi bốn đại sinh sắc, không phải một nhân duyên tương ưng với sắc kia tức có vượt hơn. Như dạo đàn cầm, tiếng đàn cao thấp tùy theo khúc nhạc, tiếng đàn cùng với lời ca đồng hợp. Như mọi người đều có yết hầu, mỗi tiếng nói đều có khác, chữ cũng lại khác. Lại nữa, cảnh giới của bốn đại đều có khác, vì vậy bốn đại cùng với sắc không đồng.

Hỏi: Có một người thấy sắc, không phải thanh, hương, vị cùng với sắc là đồng chẳng?

Đáp: Sắc kia không phải là một sắc. Sắc kia hoặc có tốt xấu. Dựa vào sắc kia, hoặc dựa vào hương, hoặc dựa vào vị, cũng thấy nhiều ít sắc, thanh, hương, vị. Như lưu ly, vân mẫu, phương diêm, thêm ma lợi, hoa chiêm bặc tự nhiên.

Hỏi: Tự nhiên ấy nên nói là giảm, nên nói là tăng chăng?

Đáp: Nên nói là có tăng có giảm.

Hoặc có thuyết nói: Không tăng không giảm, không phải có tăng, không phải có giảm. Lại nữa, nếu quán sự việc kia, thì cũng không có tăng, cũng không có giảm. Thế nên không tạo ra thuyết này: Bốn đại cùng sinh lẫn lượt cùng xúc chạm.

Hỏi: Nên nói là không xúc chạm chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là xúc chạm, vì mỗi mỗi đại đều tụ tập.

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là không xúc chạm, vì là không, không hiện có. Đầu tiên mỗi mỗi đại đều không cùng xúc chạm. Lại nữa, nên nói là xúc chạm sắc trong tam muội.

Hỏi: Người kia có tưởng xúc chạm, căn dựa vào bốn đại, nên nói là căn chuyên có dưới hay nên nói là căn chuyên có trên?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là không cao không thấp, cũng không dôi động.

Hoặc có thuyết cho: Nếu như nên có thấp, có cao thì có dôi động.

Hoặc có thuyết nêu: Đại này thì tán loạn, như bánh xe xoay vòng, không dừng trụ. Về nghĩa không có xứ, đại kia cũng như thế. Lại nữa, quán có tướng trụ, trong ấy có cao thấp căn chưa nhận biết. Thế nên bốn đại của căn, lực ở chốn này là pháp khổ.

Hỏi: Sắc thanh hương vị dựa vào sắc thanh hương vị của bốn đại, nên nói là dưới hay nên nói là trên?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cũng không dưới, cũng không trên, vì sắc này đều tụ tập. Nếu như có dưới, có trên, tức nên có phân tán. Lại nữa, nên nói là xen tạp, như bánh xe quay vòng mãi không dừng trụ.

Hỏi: Nếu một sắc có thể đạt được thì sắc nơi trung gian của sắc kia lại có sắc chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Có thể đạt được, nếu cũng vô biên, cũng không có trung gian, đều không có thực.

Hỏi: Nếu như sắc kia có trung gian tức không phải là đệ nhất nghĩa, vì có trung giác khác. Lại nữa, không thể được hoàn toàn không có gì hết. Sắc rất vi tế thì được thanh, hương, vị chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Được, vì đều là tụ tập.

Hỏi: Nay không phải có sắc vi tế chẳng?

Đáp: Sắc kia là vi tế.

Hoặc có thuyết nói: Sắc rất vi tế. Sắc thanh hương vị kia không trụ ở chỗ riêng lẻ. Nếu như cần có trụ, thì mỗi mỗi thứ không riêng biệt. Lại nữa, còn có tướng về cõi nước khác. Nếu như nên hiện có một ít, thì tất cả không có ngã, ngã sở, ta cũng như thế. Sắc không có cách ly, sắc tập không thể nêu xung.

Hỏi: Nếu bốn đại, hoặc nhỏ, hoặc lớn, sắc thanh hương vị hiện có của bốn đại ấy, nên nói là xúc chạm với sắc kia chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cũng lia sắc kia, sắc tức có hoại.

Hỏi: Sắc hoại của bốn đại cũng có hủy hoại. Làm sao nhận biết được sắc hoại của bốn đại hủy hoại, bốn đại cũng hoại? Cũng nhận thấy chỗ dựa của hy vọng hoại cũng hoại, nhưng hy vọng thì không hoại?

Lại nữa, thân kia không xúc chạm, nếu như nên xúc chạm nhận biết, thì đây là xúc chạm (xúc trần) hay là xúc thọ? Như thân căn xúc chạm thì đây không phải là xúc chạm, xúc thọ chăng?

Đáp: Không phải do thân căn va chạm mà có xúc chạm cùng xúc thọ.

Hỏi: Xứ ấy nên dùng thức nào để nhận biết?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Dùng hai thức để nhận biết: Nhãn thức, ý thức. Lại nữa, hoặc không dùng thức để nhận biết. Vì sao? Vì thân căn kia không phải là xứ trụ của thức, không phải là xứ vốn đã tạo ra sáu trần: sắc thanh hương vị xúc pháp.

Hỏi: Tiếng nên nói là nhĩ căn đi đến chãng? Nên nói là ở trong nhĩ căn kia nghe chãng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là nhĩ căn đi đến, vì thuận theo gió nghe tiếng, ngược gió thì không nghe rõ.

Hỏi: Nếu như thuận theo gió, nhĩ căn đi đến, vì sao ngược gió thì không nghe?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là nghe ở trong nhĩ căn kia. Như tiếng ở giữa chợ đông đúc, vang lên rất cao xa, bốn phương đều nghe.

Hỏi: Xoay chuyển thật nhanh chóng tức không có phương hướng. Nếu có phương hướng liền kiêu mạn. Như quay vòng tròn không có tấm bánh xe, nhưng hình tượng ấy như bánh xe. Nếu nghe âm thanh kia vang khắp bốn phía, như lấy một giọt dầu nhỏ vào trong chậu nước, thì dầu đều lan khắp chãng?

Đáp: Xem bánh xe không có tấm, con người hướng đến không đồng. Không phải do âm thanh nhanh chóng mà được nghĩa đi đến. Nếu như chính tiếng diệt tức có một ít được thấu giữ, nên nói nhĩ căn kia cùng dựa để đến, hay nên nói nhĩ căn kia không cùng dựa để đến.

Hỏi: Như người đi đến, người ấy tức có âm thanh. Còn cùng dựa vào nhau để đến thì không phải là âm thanh của người kia. Nếu tiếng từ nhĩ căn đến, nên nói là cùng dựa nhau để đến, hay nên nói là không cùng dựa vào nhau để đến?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là tiếng cùng dựa vào nhau để đến. Nhĩ căn kia tức có đều là do cùng dựa vào nhau để đến, vì không do âm thanh mà có nhĩ căn.

*Nếu có ít chỗ hơn
Không xúc căn, một sắc
Vi trần nương nơi xúc
Dựa trụ tiếng tương ưng.*

Hỏi: Hương, tỷ căn, nên nói là đến hay là ngửi mùi hương ở nơi tỷ căn kia chẳng?

Đáp: Hương, tỷ căn nên nói là đến, vì hương không có xứ sở. Mũi ngửi hương, tỷ căn đến, nên nói là tỷ căn kia nương dựa vào nhau đến hay không nương dựa vào nhau đến?

Hỏi: Dựa vào thọ tạo ra các tướng, nên nói là cùng dựa vào nhau để đến. Như hoa Tăng-la-tát-la, ngược gió vẫn ngửi được mùi hương, nên nói là hương tiếp cận với tỷ căn hay không tiếp cận với tỷ căn?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là hương không tiếp cận với tỷ căn. Nếu như nên tiếp cận thì đây là xúc trần (tế hoạt), xúc thọ (cánh lạc). Lại nữa, nên nói là tiếp cận, thì không do không tiếp xúc khiến tỷ căn kia ngửi hương.

Hỏi: Vị nên nói là thiết căn đến chẳng? Nên nói ở nơi thiết căn kia nhận biết vị chẳng?

Đáp: Nên nói là thiết căn đến, không phải do thiết căn không có xứ sở mà nhận biết vị.

Hỏi: Các vị từ thiết căn đến, các vị đó nên nói là cùng dựa vào nhau đến, hay nên nói là không cùng dựa vào nhau đến?

Đáp: Nên nói là cùng dựa vào nhau đến, không phải không dựa vào nhau mà nhận biết có vị.

Hỏi: Vì, thiết căn, nên nói là gần hay nên nói là không gần?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là không gần. Nếu như nên gần tức là xúc chạm (xúc trần), xúc thọ. Lại nữa, nên nói là gần, không phải do không gần mà thiết căn kia có hệ thuộc.

Hỏi: Thân căn xúc thọ nên nói là đến chẳng? Nên nói là ở nơi thân căn kia trụ chẳng?

Đáp: Nên nói là đến, vì xúc thọ kia không do thân căn xúc chạm, vì không có xứ sở.

Hỏi: Các thứ xúc thọ (cánh lạc) là cùng đến với thân, nên nói là cùng dựa vào nhau đến hay nên nói là không cùng dựa vào nhau đến?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là cùng dựa vào nhau đến, vì mỗi mỗi xúc thọ đều dựa vào nhau. Lại nữa, nên nói là không cùng dựa vào nhau đến. Xúc thọ kia đã dựa vào nhau thì sắc được tạo có thể thấy.

Hỏi: Nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì tự hiện bày nên nói là có thể thấy.

Hoặc có thuyết cho: Vì từ trong mắt có được, nên nói là có thể thấy.

Lại nữa, vì có thể chỉ rõ cho người biết, nên nói là có thể thấy.

Hỏi: Không thể thấy, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Như trái với nghĩa trên không khác.

Hỏi: Pháp có đối, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Vì đối trụ nên nói là có đối.

Hoặc có thuyết nói: Vì lựa chọn nên nói là có đối. Lại nữa, vì nhận biết nghĩa không, nên nói là có đối.

Hỏi: Pháp, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Như nghĩa trên không có khác.

Hỏi: Thế nào là có thể đạt được xứ sở của sắc khác?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không thể đạt được nghĩa tụ tập này.

Hoặc có thuyết nêu: Không thể đạt được tướng chấp của sắc xứ.

Lại nữa, trụ nơi ba đời nhận biết có xứ sở, như xứ sở kia, thế nên không là không đối khác.

Hỏi: Xứ sở có đối tạo tác cùng với không, không xứ có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không nghĩa là xứ không có hình có thể tính đếm. Thế nên không thức, sắc, không cảnh giới.

Hoặc có thuyết cho: Không là không thể thấy, sắc không thể thấy, thức xứ có thể thấy.

Hoặc có thuyết nêu: Không là không có đối. Có đối là không thức. Lại nữa, không thể đời động gọi là hư không. Gốc ngọn của sắc được tạo là không. Tướng thức cũng vi diệu có thể trụ nơi không trụ, được trụ không trụ, được màu xanh không xanh, được xanh không màu xanh. Như bốn nghĩa này, trước đây đã nói.

Hỏi: Vì sao trồng từng ấy cây mà bóng cây che mát không khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì là nhân duyên của bóng cây.

Hoặc có thuyết cho: Vì duyên nơi bốn đại nên có bóng cây kia.

Lại nữa, bóng cây còn có nghĩa là ở rải rác khắp các xứ tối tăm, cách biệt không có xứ sở. Nơi chốn của bóng cây kia là thường trụ, không dời đổi, tự tạo ra tướng thức.

Hương vị hiện xúc thọ

Có đối trụ không dời

Cảnh giới nhân duyên hết

Hai tình: Cây và bóng.

Hỏi: Vì sao nước nơi biển cả đều đồng một vị mặn?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Xưa, các Tiên Thánh đã dùng chú thuật khiến cho nước mặn như vậy.

Hoặc có thuyết nói: Vì chúng sinh ở trong biển đã đại tiêu tiện, nên khiến như thế.

Hoặc có thuyết cho: Vì nơi biển cả kia có núi muối lớn, nên khiến nước mặn như vậy.

Hoặc có thuyết nêu: Thủy triều, sóng nước làm tung sóng lên. Cũng như ở cõi này, người ta thấy nước ngập úng thành muối. Lại nữa, vật chứa đựng kia tự nhiên khiến nước thành muối. Như ở nơi đây, thấy vật chứa đựng sạch, thì nước sạch vật chứa đựng không sạch thì nước không sạch.

Hỏi: Như bốn đại chạm vào nhau, mỗi mỗi đại đều nghe tiếng, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Duyên nơi bốn đại là nghĩa kia, vì thật sự va chạm vào nhau, nên mỗi mỗi đại đều nghe tiếng.

Hỏi: Ở đây tạo ra tiếng, nơi kia âm vang đáp lại, tiếng ấy liên lạc nhau chăng?

Đáp: Vì là báo của hành gốc. Như đất mịn đã nhào trộn với nước, đồ đựng bánh xe quay (vật dụng của thợ gốm).

Hoặc có thuyết cho: Trước đã sinh tiếng vang, mỗi mỗi đều tương ứng, không phải do trung gian lại có tiếng khác. Nghe tiếng ban đầu, sau đấy mới có tiếng trung gian, là muốn khiến cho âm vang kia không phải là nhân duyên của tiếng chăng? Lại nữa, tiếng kia lần lượt có tiếng chắc chắn, như bôn chậu va đập vào nhau liền phát ra tiếng, lần lượt nghe tiếng. Hoặc như có thần thông, vách đất đều xuyên qua, không có trở ngại.

Hỏi: Người kia làm sao biết được đây là đất, đây là không?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nếu người có nhiều phương tiện thì nhận biết đây là đất, đây là không. Như đã nói: Đi vào đất, nhảy vọt ra, người kia cũng có thể nổi lên, vào ra trong nước. Trong nước thường có thể dùng sức, hoặc hoàn toàn không dùng sức.

Hoặc có thuyết nói: Không, không có nơi chốn vương mắc, không nhập tam muội, cũng lại tự nhận biết không cách đất, xa mặt đất cũng là không. Lại nữa, tánh của ý xoay chuyển danh sắc có hơn, có xứ sở nhiễm vương. Như đất không thể thấy, không cũng như thế. Không là nghĩa không có, như đã nói. Chúng sinh nhiễm chấp nên không làm tướng đất, đất làm tướng không, là muốn khiến cho tướng kia được quả thật chăng?

Hoặc có thuyết cho: Do tướng nên tướng kia được quả thật.

Hỏi: Tướng kia tức là tự tướng hoại chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tướng kia không do tướng nên đạt được quả thật. Tướng kia không điên đảo. Không làm tướng đất tức có hư hoại. Đất làm tướng không cũng lại hư hoại. Vì không do tướng nên giới có điên đảo. Nếu như chính do tướng nên giới điên đảo, thì một nhà đồng tướng, sau đấy chúng sinh lấy không làm tướng đất, đất làm tướng không, việc này là không tương ưng.

Hỏi: Về răng nên nói là tương ưng với căn hay nên nói là không tương ưng với căn?

Đáp: Các máu thịt cùng dính vào nhau, tức căn kia nên nói là dính chặt, răng kia tức có thọ. Nếu máu thịt không dính chặt với răng, thì máu thịt kia không kết buộc với căn.

Hỏi: Nếu như răng kia không có thọ, nên nói là không có khổ, bất tịnh, nên nói là không cùng với căn kết buộc chăng?

Đáp: Nên nói là không kết buộc với căn, không do lúc trừ bỏ bất tịnh thì có khổ thọ. Bất tịnh nên cùng với dục cùng khởi, thường thường chắt chứa.

Nên nói là cùng với dục cùng khởi, sinh kia là có tăng trưởng.

Hỏi: Không là tướng gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tướng không không thể tính đếm.

Hoặc có thuyết cho: Dung nạp, nhận lấy là tướng không. Lại nữa, không là nghĩa không có, thể nên không kia không có tướng. Quán ở nơi vật nên nói là có không.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Vô biên, vô tế, cách quốc độ phía đông này khi lưu chuyển qua lại.

Đức Thế Tôn cũng nói: Thế gian không có hạn số, điều này không thể ghi nhận.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Điều này không thể ghi nhận. Đoạn diệt, có thường, cõi nước không có biên, không có hạn, hiện có nhiều sự việc ấy. Lại nữa, đây là cảnh giới của chúng sinh, Đức Thế Tôn thì không như thế. Phương tiện sinh tử kia không có các biên vực. Như vô số tụ tập có hai quả. Như hai viên đá mài vào nhau tức có lửa phát ra.

Hoặc có thuyết nêu: Lửa kia không là một lần tụ hội, làm nhân của lửa. Tiếng lớn nhân nơi tiếng có tiếng. Hai sự hội hợp thành nhân duyên của lửa.

Hoặc có thuyết nói: Lửa kia hoặc có tập hợp liền có tiếng phát ra, hoặc có lửa hiện ra, thể nên lửa kia không cùng tương ưng. Lại do sức của nhân duyên nên có sắc, sắc không phải là nhân duyên nên quán như thế. Như tâm kia hoặc có tập sắc, hoặc tiếng, hoặc là tương ưng.

*Một vị hai cùng xúc
Vô tướng cùng thân thông
Răng, thấm nhuần hai tướng
Vô biên không có hạn.*

Hỏi: Vì diệu nên nói là không hay nên nói là chẳng không?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là chẳng không. Nếu như nói là không, tức có qua lại, do sinh là hơn, nên tức có qua lại, đi đến.

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là không. Vì sao? Vì sự vi tế kia là không có hư hoại. Nếu như là chẳng không thì cũng có hư hoại.

Hoặc có thuyết nói: Vì diệu là tự nhiên không. Xứ thứ nhất, thứ hai tức nên có vượt hơn, mỗi mỗi xứ đều có khác. Nếu không có vượt hơn, thì xứ kia nên không, vì thế cuối cùng là không hư hoại. Khi người kia tự nhận biết thì tam muội ấy hoại. Do đây khi người kia không tự nhận biết trước tiên thì hoại. Vì vậy nên nói là hư không.

Lại nữa, nên nói là không. Vì sao? Vì tương ưng không có nhất định. Nếu như vi diệu này là thường trụ, thì không kia không phải tương ưng với trụ. Vì thế tương ưng với trụ, thời gian đầu thì trụ vượt hơn. Nếu không trụ nơi trung gian tương ưng, tức là chẳng không. Nếu như trung gian cùng trụ, thì tương ưng cũng chẳng không, tương ưng cũng không. Vì thế nên nói tương ưng với không.

Hỏi: Vì diệu nên nói là có phương hay nên nói là không phương?

Đáp: Như đã nói: Phương tiện tập vi diệu kia đã thành tự. Như đã nói: Nên nói cũng có phương, nên nói cũng không có phương. Nếu như vi diệu là sự tập hợp không có hạn lượng, thì đối với không kia có giảm. Lại nữa, không có phương, không có không phương. Hoàn toàn không có thực nên không thể nói đủ, hoặc ở đây, hoặc ở kia.

Hỏi: Vì sao ba nhập của sáu nhập nội gọi là chết?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nhập này duyên với vô ký.

Hoặc có thuyết nêu: Nhập này là căn chết. Lại nữa, ở đây là trở lại cảnh giới, trở lại có tướng chết, cùng với một sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Hỏi: Nhập kia nên nói là một nhân hay nên nói là vô số nhân?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là một nhân, một tương ưng với sinh.

Hỏi: Thế nào là quả không hoại, có quả tương ưng? Tướng tự nhiên hủy hoại, được không có quả báo? Không do tự nhiên được quả báo, chứng tỏ pháp tương ưng của ngã tức có quả báo. Thế nên tương ưng không hủy hoại?

Đáp: Tuy tương ưng với vô ký, nhưng tương ưng không nhân nơi tương ưng để tạo nhân, tương ưng kia cũng lại không có.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là một nhân, là nhân của bốn đại.

Hỏi: Vì sao bốn đại không hoại lại có quả báo hủy hoại?

Đáp: Vì là sự tương ưng.

Hoặc có thuyết cho: Nên nói là vô số nhân. Sắc là nhân của sắc, hương là nhân của hương, vị là nhân của vị. Lại nữa, nên nói là không có đối tượng nhân, tương ưng hoại thì quả hoại, là sắc tương ưng khác, hương cũng khác.

Hỏi: Có rất nhiều tương ưng với một sự vi diệu chăng?

Đáp: Một sự vi diệu có rất nhiều số lượng sắc, thanh, hương, vị. Tướng vi diệu kia có được sáu đại vượt hơn, nhận biết nguyên do của sắc đều có thượng, trung, hạ.

Hoặc có thuyết nêu: Được như củi phát ra lửa, như lửa phân bò.

Hỏi: Quán sự tăng giảm nên tự tướng cũng có tăng giảm chăng?

Đáp: Thượng, trung, hạ đều có vượt hơn.

Hoặc có thuyết nói: Lửa cũng tăng thêm lửa. Nếu khi dùi lửa, nếu thấy ánh sáng của mặt trời phát ra tia sáng tức đều là quả của nhân duyên có hư hoại, có thể được tự tướng của lửa, hoặc không có tự tướng.

Hoặc có thuyết cho: Không thể được. Vì sao? Vì không phải dùng nhiệt để nhận biết nhiệt là cao, trung bình, thấp.

Hỏi: Tiếng kia đều có tiếng thích nghi, nên nói là không hay nên nói là chẳng không?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là chẳng không. Nếu như tiếng là không, thì tiếng không có chỗ hệ thuộc, vì không do sự, nên tâm giữ tâm, đều cùng có hủy hoại, cũng thấy tiếng tự tác động. Vậy nên tiếng kia không có cứu cánh, tâm kia không sinh.

Hỏi: Do gốc nên tiếng của tâm phát ra, vang đáp lại. Nếu cả hai đều cùng có sự thì lý này không đúng. Thế nên ở đây không có khổ chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là không. Nếu như tiếng có trụ xứ, thì tiếng ấy tức nên trụ lâu. Vì sao? Vì tiếng không có hoại, tiếng này không phải là diệu, nên tiếng là không.

Hoặc có thuyết cho: Nên nói là không. Nếu như tiếng có trụ xứ, tức nên thường xuyên nghe. Nếu không thường xuyên nghe, tức nên nói tiếng là không.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu tiếng tự nhiên là không, thì ở nơi xứ thứ nhất, thứ hai, thứ ba tức có vượt hơn không khác. Lại nữa, tiếng nên nói là không. Nếu như tiếng có trụ xứ, thì tương ưng với trung gian cũng nên trụ. Đây cũng như trên đã nói.

Hỏi: Tiếng nên nói là có phương, tìm tiếng nên nói là không có phương chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là có phương. Tìm tiếng nhận biết có người, cũng nhận biết tất cả phương đông đều có tiếng,

không phải tiếng của phương khác, nên nghe không nhận lấy tiếng kia. Hoặc có xứ sở cần có tiếng nói, xứ ấy tức có tiếng. Như nói đầu có đau nhức, nhưng không biết ở chỗ nào là nơi chôn đã sinh ra đau nhức. Tiếng kia cũng nên thấy. Như thế tiếng có xứ sở, tiếng ấy cũng nên hiện bày. Lại nữa, không nên nói là có phương, vì tiếng như nhau đều cùng sinh, không nên nói là không có phương, vì đều cùng nên quán xét tiếng.

Hỏi: Hoặc tiếng của phương này, hoặc tiếng của phương kia, nên nói là thành tựu hay nên nói là không thành tựu?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là thành tựu. Như mặt trời vừa mọc, ánh sáng xuất phát từ hướng đông, chôn mặt trời lặn là từ phương tây.

Hỏi: Nếu ở châu Diêm-phù-lợi mặt trời mọc, thì ở châu Uất-đơn-việt mặt trời lặn. Nếu ở châu Diêm-phù-lợi mặt trời lặn, thì ở châu Uất-đơn-việt mặt trời mọc. Thế nên không thành tựu. Trung ương của tất cả bốn phương có núi Tu-di, là châu Uất-đơn-việt thành tựu chăng?

Đáp: Điều này cũng không đồng, vì núi Tu-di ở một bên, một bắc, một nam, phương đông tây cũng như thế. Phương bắc, từ phương bắc, hoặc đông, hoặc nam. Vì thế châu Uất-đơn-việt không được thành tựu.

Lại nữa, nên nói là không thành tựu. Vì sao? Vì điều này không phải là nghĩa, do sinh quán tư duy nên có trí tuệ. Châu Uất-đơn-việt kia cũng không trụ nơi tánh thành tựu, sắc hoặc không có.

Hoặc có thuyết nêu: Nên có quá khứ cũng như thế, vị lai, hiện tại cũng như thế.

Hỏi: Nhân duyên này là biện giải về sự việc gì?

Đáp: Nhân duyên có trở ngại. Lại nữa, quán về trụ kia, vật cùng với hành, nghiệp ấy là không, không có thật, cũng không tạo cái mới,

có thể nói là đẳng nghiệp. Vì sao? Vì lúc nước ấm, trước từ nhiệt cao, không phải là nhiệt thấp.

Hoặc có thuyết nói: Cái vạc to lại duyên nơi nhiệt trước, nên khí lạnh tuôn xuống. Lại nữa, trước là từ nhiệt thấp, trở lại do ngọn lửa nhiều ít, lửa trước đến trên, khí lạnh trụ lại ở dưới.

*Hai nhập vi diệu
Các căn, thủy đại
Hai tiếng phương đông
Nước nhiệt ở sau.*

Hỏi: Từng có một sắc không trước không sau, bốn phương đều hiện chãng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có. Một sắc vi diệu, sắc ấy không thể thấy. Vì phương không thành tựu, thế nên không có. Lại nữa, tạo ra tướng bốn góc, ném quả bóng trong không, quả bóng này hoặc rơi xuống bên đông, hoặc rơi xuống bên tây, hoặc rơi xuống bên nam bên bắc.

Hỏi: Vì sao hòn sắt bị nung đốt đã mềm lại nhẹ?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Sức lực của cây to này, cũng dùng sức gió. Sức gió kia nhẹ. Sức nước khiến cho nó mềm. Sức lửa làm cho nó sạch.

Hoặc có thuyết nêu: Không riêng gì hòn sắt kia mà những vật khác có nhẹ, về tướng tức tự hoại, nhưng về tánh kia thì tự như thế, tất là nóng, không nghi.

Lại nữa, quán tự nhiên, nhẹ, nặng là tự nhiên, ở trong khoảng ấy hoặc có lúc quán nhẹ, hoặc có lúc quán nặng. Vật kia chính là thứ đất mềm mịn, cùng phát sinh về tươi sáng kia. Do loại đất sinh, nên nói cùng với lửa tương ưng. Tức nên như sắc xanh sắc vàng do bốn đại tạo chãng?

Hoặc có thuyết nói: Sắc xanh vi diệu, hoặc tạo ra sắc vàng, không phải sắc xanh, như phiến đá xanh, vàng.

Lại nữa, màu xanh do bốn đại tạo khác, màu vàng do bốn đại tạo khác. Hoặc dựa vào sự vi diệu, hoặc dựa vào màu vàng, không phải dùng một sắc vi diệu để cùng dựa vào nhau. Như thế là xanh đỏ. Như thế là xanh trắng. Như thế là vàng đỏ. Như thế là vàng trắng. Như thế là đỏ trắng. Đó gọi là sáu màu.

Hỏi: Như vị chua do bốn đại tạo là vị mặn do bốn đại tạo kia chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hoặc bốn đại đã tạo ra vị chua, tức là vị mặn được bốn đại tạo ra, cũng nhận thấy nghĩa kia: chua mặn. Lại nữa, bốn đại khác đã tạo ra vị chua, bốn đại đã tạo ra vị mặn. Hoặc có sự vi diệu dựa vào vị chua, hoặc dựa vào vị mặn. Như thế là mặn đắng. Như thế là chua cay. Như thế là chua ngọt. Như thế là chua tạp. Như thế là muối đắng. Như thế là muối cay. Như thế là muối ngọt. Như thế là muối tạp. Như thế là cay đắng. Như thế là cay ngọt. Như thế cay tạp. Như thế là ngọt đắng.

Hỏi: Như nghĩa đã nói: Từng có loại đất nhân nơi loại nước chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có. Không có bốn đại lại nhân nơi bốn đại, vì mỗi mỗi đại đều dị diệt.

Lại nữa, có lúc từng thấy giống đất có khi mềm, như vật cứng bị chảy tan.

Hỏi: Từng có loại đất nhân nơi loại lửa chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có. Như cọ xát cây được lửa.

Hỏi: Từng có loại đất nhân nơi loại gió chăng?

Đáp: Có. Như quạt thì có gió.

Hỏi: Từng có loại nước nhân nơi loại đất chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không có. Như giống, loại không có nhân khác, thì nhân này đều khác biệt. Lại nữa, là có, như vật cứng bị chảy tan.

Hỏi: Từng có loại nước nhân nơi loại nước chẳng?

Đáp: Có. Như nước hư thối.

Hỏi: Từng có loại nước nhân nơi loại lửa chẳng?

Đáp: Không có. Không do trung gian có hơi nóng.

Hỏi: Từng có loại nước nhân nơi loại gió chẳng?

Đáp: Không có. Không do gió trung gian sinh gió.

Hỏi: Từng có loại lửa nhân nơi loại đất chẳng?

Đáp: Không có. Không do chất mềm cứng trung gian sinh ra lửa.

Hỏi: Từng có loại lửa nhân nơi loại nước chẳng?

Đáp: Không có. Không do chất mềm cứng trung gian khiến lửa sinh ra nước.

Hỏi: Từng có loại lửa nhân nơi loại lửa chẳng?

Đáp: Có. Do cũng thấy lửa trở lại sinh ra lửa.

Hỏi: Từng có loại lửa nhân nơi loại gió chẳng?

Đáp: Không có. Không do gió mạnh trung gian khiến lửa sinh gió.

Hỏi: Từng có loại gió nhân nơi loại đất chẳng?

Đáp: Không có. Không phải do chủng loại khác lại nhân nơi chủng loại khác khiến có pháp biến đổi này. Lại nữa, là có, vì cũng thấy trong hư không gió tập hợp mây làm mưa.

Hỏi: Từng có loại gió nhân nơi loại nước chẳng?

Đáp: Không có. Không do chất mềm cứng trung gian sinh ra gió.

Hỏi: Từng có loại gió nhân nơi loại lửa chẳng?

Đáp: Không có. Không do vật nóng, cứng trung gian khiến gió sinh ra lửa.

Hỏi: Từng có loại gió nhân nơi loại gió chẳng?

Đáp: Có. Vì cũng thấy trong hư không gió thổi dần dần nhanh chóng.

Hỏi: Từng có ấm trong địa ngục trở lại nhân nơi ấm địa ngục chẳng?

Đáp: Có. Như từ trong địa ngục chết, ấm trong địa ngục hiện ở trước sinh trong địa ngục, thọ nhận hình tướng địa ngục.

Hỏi: Từng có ấm trong địa ngục nhân nơi ấm súc sinh chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có. Vì không phải do nẻo khác nhân nơi nẻo khác. Lại nữa, là có. Như từ trong địa ngục chết nhận lấy ấm súc sinh. Do đây, tất cả các nẻo, mỗi mỗi nẻo đều có năm nghĩa: Tất cả bốn đại biết rõ về đối tượng nhận biết riêng khác.

Hỏi: Sử dụng trụ có đóng mở chẳng? Lại nữa, nói về tướng thể tục. Tất cả bốn đại của chúng sinh đều có đôi, tất cả bốn đại đều dựa nơi sắc chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tất cả bốn đại đều dựa nơi tất cả sắc do bốn đại tạo ra.

Hoặc có thuyết nêu: Ba đại dựa nơi sắc, một phong đại không dựa nơi sắc. Không phải do dựa nơi gió được sắc. Lại nữa, loại đất, nước dựa vào sắc, không phải do trung gian, bốn đại này dựa vào lửa, dựa vào gió mà được sắc.

Hỏi: Làm sao nhận biết được sắc được tạo khác, bốn đại khác?

Đáp: Không phải tất cả sắc đều có kiên cố. Không phải trung gian của tất cả sắc nhận biết bốn đại, nên nói như trong Kiền Độ Tự, có không có khác.

*Tất cả thời sắt vương
 Vị sắc cùng trì âm
 Gồm thâu các pháp biết
 Rõ có từng ấy tướng.*

Hỏi: Thân gồm thâu bao nhiêu âm, bao nhiêu trì (giới), bao nhiêu nhập (xứ)? Nên tùy theo hình tượng.

Đáp: Thân căn gồm thâu thân trì, thân nhập, sắc âm. Thân bốn đại gồm thâu bốn trì, bốn nhập, sắc âm. Thân sắc gồm thâu chín trì, chín nhập, sắc âm. Thân thọ gồm thâu pháp trì, pháp nhập, thọ âm. Thân tướng gồm thâu pháp trì, pháp nhập, tướng âm. Thân ý gồm thâu pháp trì, pháp nhập, hành âm. Thân ái gồm thâu pháp trì, pháp nhập, hành âm. Danh thân, cú thân gồm thâu pháp trì, pháp nhập, hành âm. Thân voi, thân ngựa, thân xe, thân kéo gồm thâu mười bảy trì, mười một nhập, năm âm.

Hỏi: Sắc âm gồm thâu bao nhiêu âm, bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập?

Đáp: Tất cả cảnh giới của đối tượng gồm thâu là từng ấy thứ sắc âm, sắc trì, sắc nhập. Sắc trì, sắc nhập kia là thuộc về sắc âm. Sắc âm gồm thâu mười tám trì, mười hai nhập, năm âm. Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Có ngọn lửa sáng tức có lửa. Có lửa tức có ngọn lửa cháy sáng. Nhưng thấy ngọn lửa sáng đều khác nơi chốn.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây là nói về cùng sinh.

Hoặc có thuyết nêu: Vì lần lượt không có trung gian, nên nói về nghĩa này. Lại nữa, vì muốn cởi mở trời buộc, nên nói về nghĩa này.

Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Đây chư Hiền! Như thọ mạng, như hơi ấm còn đầy, pháp này đã thành tựu, không phải là làm, không làm, không biện biệt về sắc, không nhân nơi sắc tập.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tánh của cõi dục, cõi sắc đã tạo ra phương tiện này để nói.

Hoặc có thuyết cho: Tánh của cõi dục, cõi sắc đã tạo tác lần lượt không trở ngại, cũng là phương tiện để nói. Lại nữa, ba cõi đã tạo ra nên lần lượt cùng nương dựa.

Hỏi: Mặt trời nên nói là nhân nơi ánh sáng mặt trời hay nên nói là nhân nơi bốn đại?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là nhân nơi ánh sáng mặt trời, sắc nhân nơi có sắc.

Hoặc có thuyết nói: Nếu che lấp sắc, tức phát sinh hơi ấm. Bóng là nhân duyên của ánh sáng. Nên nói không duyên nơi sắc thì không sinh.

Lại nữa, nên nói là nhân nơi bốn đại, vì khí ấm là ánh sáng tĩnh lặng. Nên nói là nhân nơi tiếng, tức nên nói là nhân nơi bốn đại.

Hoặc có thuyết cho: Tiếng cũng nhân nơi bốn đại, cũng nhân nơi tự nhiên.

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là nhân nơi bốn đại. Bốn đại cùng nhân nhau, nên có tiếng phát ra âm vang. Tức nên nói nhân nơi tiếng, nên nói nhân nơi bốn đại.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là nhân nơi tiếng. Trước đã sinh tiếng, nên tiếng ấy nhân nơi tự nhiên. Lại nữa, nên nói là nhân nơi bốn đại, do bốn đại có tiếng. Tiếng kia ở trung gian sinh, không xúc chạm.

Hỏi: Tự kêu lên nên nói là nhân nơi tiếng, nên nói là nhân nơi bốn đại chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là nhân nơi tiếng. Nên nói là nhân nơi bốn đại.

Hoặc có thuyết nêu: Ở trung gian kia, tiếng vốn không tự kêu. Lại nữa, nên nói là nhân nơi bốn đại, bốn đại không tự kêu.

Hỏi: Các sắc tròn đầy đã nói: Bốn đại kia đã có sắc thanh hương vị cũng tròn đầy chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Sắc kia không tròn đầy ở chính giữa, sắc kia có tròn đầy nơi một xứ.

Hỏi: Nếu như có tròn đầy thì sắc thanh hương vị cũng nên tròn đầy, vì sao sắc kia không tròn đầy?

Đáp: Như có sắc trắng, sắc của quả bóng. Như thế quả bóng kia có một màu trắng, không có sắc thanh hương vị. Như vậy tức có tròn đầy, sắc kia có tròn đầy một xứ.

Hoặc có thuyết nói: Một sắc kia tròn đầy, không phải do sắc, nên có xứ sở của sắc.

Lại nữa, quán trụ có đối tức nhận biết có tròn đầy. Vì không do trụ, nên liền có sắc.

Hỏi: Vì sao sắc pháp không nói là thứ lớp của trung gian?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Sắc không có hủy hoại, lại còn sinh sắc khác. Thế nên sắc kia không có thứ lớp của trung gian.

Lại nữa, do ít trung gian sinh rất nhiều sắc, nhưng rất nhiều trung gian thì chỉ sinh ít sắc.

Hỏi: Làm sao nhận biết được tánh sáng suốt, mỗi mỗi tánh đều dị biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Đối tượng tạo tác vĩnh viễn hết thì đối tượng sinh liền diệt. Lại nữa, nhân duyên tụ tập, lần lượt có sinh. Vì tế là tức sinh, liền trụ cùng với thân trói buộc.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là cùng với thân bị trói buộc, như tâm ý xoay chuyển nơi sắc cũng như thế. Lại nữa, sắc vi tế không

thể hạn lượng. Sắc tập nghĩa là hoặc tâm ý đều cùng sinh. Lúc sắc kia xoay chuyển, tức nhận biết có tâm ý, tánh không có sắc. Vì sao? Vì thức ít trung gian, có rất nhiều sắc sinh. Thế nên tánh của sắc là không có, không có đối tượng tạo tác, vì vậy đều cùng sinh nên nói là trụ. Như không thấy một mầm mộng của lúa mì, là ẩm có xoay chuyển.

Hỏi: Làm sao nhận biết được một mầm mộng của lúa mì duyên nơi bóng kia chẳng? Bóng cũng duyên nơi mầm chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tự nhiên được biết, vì tự nhiên xoay chuyển. Lại nữa, thân kia có tự nhiên, về sau nhận biết được. Cũng thấy mầm ẩm của lúa mì, sinh các cộng. Cũng thấy nhân duyên của giống lúa mì sinh khởi mầm mộng, nên ở trong đó nhận biết được. Nếu như nhân duyên của lúa mì gốc là duyên sinh, tức có chỗ đạt được, có các mầm mộng sinh. Nếu như về sau duyên nơi lúa mì cùng được sinh, nghĩa là ảnh cũng nên xoay chuyển, trong đó được biết là hai nhân duyên lúa mì.

*Thọ mạng, thân, lửa, sáng
Sắc tròn, tĩnh, bóng vang
Tánh sáng nhân duyên buộc
Cũng không thấy một hạt.*

Kiên độ Tứ Đại thứ năm xong.

✽

Phẩm thứ 6: KIÊN ĐỘ KHẾ KINH

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo thứ nhất trong các đệ tử của Ta, cư ngụ nơi núi cao, du hành dừng trụ ở vùng núi, khe đầm rừng, tên là Bà-na-già bà-tha, cư ngụ nơi núi cao.

Hỏi: Nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam muội được tự tại. Xả tam muội trước, lại nhập tam muội khác. Lại xả tam muội này, lại hành trì tam muội khác. Như thế là cư ngụ ở núi cao.

Hoặc có thuyết cho: Nhập tam muội nghịch, thuận. Như thế là cư ngụ nơi núi cao.

Hoặc có thuyết nêu: Nhập tam muội Tiêu khiên độ, thế nên cư trú nơi núi cao. Lại nữa, núi cao của các xứ ấy là ở trong vô số đạt được giải thoát. Thế nên ở nơi núi cao.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo có bốn hạng người: Hoặc có người làm lợi cho mình không làm lợi cho người kia. Hoặc có người làm lợi cho người kia không làm lợi cho mình. Hoặc có người làm lợi cho mình cũng làm lợi cho người kia. Hoặc có người không làm lợi cho mình cũng không làm lợi cho người kia.

Hỏi: Những người này có khác biệt gì?

Đáp: Làm lợi cho mình không làm lợi cho người kia: Là tự ở bình đẳng, muốn khiến người kia không bình đẳng. Tuy dựa vào người kia có ở bình đẳng, nhưng người kia không ở trong đó được ý bình đẳng.

Làm lợi cho người kia không làm lợi cho mình: Là muốn khiến người kia phát ý bình đẳng, tự mình không ở nơi bình đẳng. Tuy cùng với người kia nói pháp có tướng pháp, nhưng chính mình ít có bình đẳng, không ứng hợp với điều cùng với người kia nói.

Làm lợi cho mình cũng làm lợi cho người kia: Là tự cư xử bình đẳng, cũng bảo người khác khiến cư xử bình đẳng. Tuy người kia không được giáo hóa, nhưng có hai nhân duyên kia nên được nói là bình đẳng.

Không làm lợi cho mình cũng không làm lợi cho người kia: Là tự mình không ở nơi bình đẳng, cũng không bảo người kia khiến ở bình đẳng.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo có bốn hạng người: Hoặc có người kiết đã sinh dứt hết không thọ nhận kiết khác. Hoặc có người không thọ nhận kiết khác không phải kiết đã sinh dứt hết. Hoặc có người kiết đã sinh dứt hết cũng không thọ nhận kiết khác. Hoặc có người không thọ nhận kiết đã sinh dứt hết cũng không thọ nhận kiết khác dứt hết.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Kiết đã sinh dứt hết không thọ nhận kiết khác: Là trung bát Niết-bàn.

Không thọ nhận kiết khác không phải kiết đã sinh dứt hết: Là A-na-hàm sinh trong cõi vô sắc.

Kiết đã sinh dứt hết cũng không thọ nhận kiết khác: Là A-la-hán.

Không thọ nhận kiết đã sinh dứt hết cũng không thọ nhận kiết khác dứt hết: Người kia là người học còn lại, cũng là người phạm phư.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo có bốn hạng người: Hoặc có người nhận thân thọ không nhận mạng thọ. Hoặc có người nhận mạng thọ không nhận thân thọ. Hoặc có người nhận thân thọ cũng nhận mạng thọ. Hoặc có người không nhận thân thọ cũng không nhận mạng thọ.

Hỏi: Nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Nhận thân thọ không nhận mạng thọ: Là A-na-hàm ở nơi cõi dục, cõi sắc mạng chung, sinh nơi cõi vô sắc.

Nhận mạng thọ không nhận thân thọ: Là ở nơi cõi vô sắc mạng chung liền bát Niết-bàn.

Nhận thân thọ cũng nhận mạng thọ: Là như A-la-hán ở nơi cõi dục, cõi sắc mạng chung.

Không nhận thân thọ cũng không nhận mạng thọ: Là trừ các sự việc đã nêu trên, tức là nghĩa ấy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo có bốn hạng người: Hoặc có người ở trong hiện pháp hành Bát Niết-bàn cùng thân hoại không phải là không Bát Niết-bàn. Hoặc có người không hành Bát Niết-bàn không phải là hành Bát Niết-bàn. Hoặc có người hành Bát Niết-bàn không hành Bát Niết-bàn. Hoặc có người không hành Bát Niết-bàn cũng không hành Bát Niết-bàn.

Hỏi: Nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cũng như có một người dùng rất nhiều hành, dùng phương tiện lớn, dùng sự ân cần lớn, nhằm diệt năm kiết phần dưới, ở cõi này mạng chung, sinh trong cõi sắc, các hành cùng phương tiện ít dần, ân cần diệt hết năm kiết phần trên. Đó gọi là người này ở trong hiện pháp hành Bát Niết-bàn cùng thân hoại không hành bát Niết-bàn.

Người thứ hai: Ở nơi cõi này ít ở. Ở nơi cõi kia nhiều: Là người thứ ba. Cả hai đều cùng không lớn, là người thứ tư.

Hoặc có thuyết nói: Cũng như người này duyên nơi hành dựa vào tam muội, diệt năm kiết phần dưới, nơi cõi này mạng chung, sinh nơi cõi sắc, cõi vô sắc, dựa vào tam muội để Bát Niết-bàn, diệt năm kiết phần trên. Đó gọi là người này ở trong hiện pháp hành Bát Niết-bàn, thân hoại, không hành Bát Niết-bàn.

Người thứ hai ở trong hiện pháp, duyên Bát Niết-bàn, thân hoại duyên nơi hành. Người thứ ba đều cùng như người thứ hai là duyên nơi hành. Người thứ tư, cả hai đều cùng duyên nơi Bát Niết-bàn.

Hoặc có thuyết cho: Cũng như người ở nơi cõi này do kiên khổ nên diệt năm kiết phần dưới, sinh trong cõi sắc, vô sắc, thọ nhận an vui, diệt năm kiết phần trên. Đó gọi là người này hành Bát Niết-bàn.

Không hành Bát Niết-bàn: Nếu người ở nơi cõi này thọ nhận an vui, diệt năm kiết phần dưới, sinh nơi cõi kia, thọ khổ, diệt năm kiết phần trên. Đó gọi là người này không hành Bát Niết-bàn.

Thế nào là người này ở trong hiện pháp hành Bát Niết-bàn cùng thân hoại không hành Bát Niết-bàn? Là người thứ ba, cả hai đều cùng khổ. Người thứ tư, cả hai đều cùng vui. Lại nữa, người này ngu độn, là người phạm phu diệt kiết phần dưới, sinh nơi cõi kia được trí nhanh nhạy, diệt kiết phần trên. Đó gọi là người này ở trong hiện pháp hành Bát Niết-bàn. Người thứ hai ở nơi cõi này được trí nhanh nhạy, nhưng ở nơi cõi kia lại ngu độn. Người thứ ba cả hai đều cùng ngu độn. Người thứ tư cả hai đều cùng nhanh nhạy.

Hỏi: Vì sao A-la-hán thành tựu pháp đệ nhất thế gian nhưng không phải là khổ pháp nhãn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không xả bỏ khổ pháp nhãn lúc được quả Tu-đà-hoàn, nhưng không diệt pháp đệ nhất thế gian.

Hỏi: Đây cũng là chỗ nghi của tôi: Vì sao xả bỏ khổ pháp nhãn, nhưng không phải là pháp đệ nhất thế gian?

Đáp: Do xứ sở của việc mạng chung. Quả của pháp đệ nhất thế gian là quả chứng đắc do diệt khổ pháp nhãn. Quả của A-la-hán là quả chứng đắc. Thế nên pháp đệ nhất thế gian không diệt.

Hoặc có thuyết cho: Thiên gồm thân pháp đệ nhất thế gian. Hữu học gồm thân khổ pháp nhãn. Thiên của A-la-hán đã thành tựu không phải là pháp học, thế nên pháp đệ nhất thế gian thành tựu A-la-hán, không phải là khổ pháp nhãn.

Hỏi: Nếu dựa vào thiên cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng, thì thiên kia gồm thân khổ pháp nhãn, là muốn khiến cho thiên thành tựu khổ pháp nhãn chăng?

Đáp: Hữu học gồm thâm khổ pháp nhẫn của thiên. Vô học cũng không phải là không học. Thiên gồm thâm pháp đệ nhất thế gian, do xả hữu học này, tức không phải là học, cũng không phải là vô học.

Hỏi: Như đã nói: Nếu thiên gồm thâm pháp đệ nhất thế gian, thế nên thiên thành tựu pháp đệ nhất thế gian, nhưng sự việc này là không đúng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Được pháp vô lậu vi diệu, hoặc có khi không thành tựu, không phải là pháp đệ nhất thế gian. Thế nên không thành tựu khổ pháp nhẫn.

Hỏi: Được pháp đệ nhất thế gian tăng thượng là vì không thành tựu. Lại nữa, tạo ra tướng yên lặng. Lại nữa, các căn thiện duyên nơi pháp trung hạ tăng thượng, nên nói là thành tựu. Nếu năm kiết phần dưới của người phạm phu đã hết, thì người kia nên nói là A-na-hàm nhất xứ chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không được nói lời ấy. Như tất cả kiết sử của A-la-hán đã hết. A-na-hàm không là một xứ đã dứt hết hướng đến xứ dứt hết. Còn một xứ của A-la-hán thì diệt hết chăng? Lại nữa, như một xứ của đạo Hiền Thánh kia, năm kiết phần dưới dứt hết là Tư-đà-hàm, tức cũng lại nên nói một xứ A-na-hàm, huống chi là người phạm phu. Nếu kiết sử của cõi dục ở nơi trung gian ít thì không dứt hết.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Con người có năm thứ giận dữ, hủy báng các Hiền: Miệng thốt ra lời nói thô ác, giận dữ, phần nộ quá mức, phỉ báng khiến người kia sầu não, hành khiến bị người oán ghét.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu người cùng với chỗ không tương đắc tác ý không quán hành mang tâm do dự, hủy báng các Hiền, đó gọi là người này phỉ báng, gây sầu não cho người kia. Ôm giữ ý

tưởng điên đảo, xấu ác, ưa thích tranh cãi, trừ bốn đối tượng vi phạm, các thân nghiệp hành phạm tội, mang tâm do dự, ở đây lại còn phạm các việc khác, đó gọi là bị người oán ghét.

Hoặc có thuyết cho: Dâm dục nghiêng theo nhiều, giận dữ không chừng mực, không biết chôn cao thấp, bị người ghét bỏ. Trước đã từng lừa dối, huyễn hoặc nhiều người, gièm pha, không thật, thường quen theo phi pháp.

Lại nữa, người kia do ý tinh tấn, trừ bỏ các dục, chí muốn hành hạnh đầu đà, oai nghi lễ tiết, thường thích hợp, đúng lúc, được mọi người tin ưa, khen ngợi. Nếu người kia không làm được như thế, lại nói là làm được, đó gọi là người này nên nói là phạm pháp.

Người này không thuận theo giới luật, ý thường gằn gỏi dục, ở nơi trung gian kia cầu được lợi dưỡng, cũng nói lời khen ngợi lợi dưỡng. Đối với việc thường hiện bày oai nghi, lễ tiết, thì không vui mừng, cũng không tu hành, không biết ân dưỡng. Đó gọi là người này nên nói là không tồn tại.

Nếu như có người đối với giới tăng thượng, không thành tựu giới, ưa ganh đua, tranh tụng, hủy báng các Hiền, đó gọi là người này ưa giận dữ không có chừng mực.

Nếu người có hành vi diệu, trong hành biết phân biệt giới luật, đọc tụng giới cấm, các sự việc đều học biết. Trái với người kia là người không có giới, không có trí tuệ, đó gọi là người này thường mang tâm do dự.

Lại nữa, có người trong hành vi diệu, biết phân biệt giới luật, đọc tụng giới cấm, đó gọi là người này bị người khác ganh ghét, như Ưu-đà-na-da, Bà-tha-la đã nói.

Vì sao Tôn giả Bà-la-đọa-xà, do nhân duyên gì đối với các Tỳ-kheo trẻ tuổi này, đoan nghiêm, xuất gia chưa lâu, luôn tu công đức thiện, ở trong pháp thâm diệu vui vẻ thuận giáo, các căn nhu hòa, sắc

diện sáng rỡ, thân thể, da dẻ mịn màng, ưa thích tĩnh lặng, tri túc, như voi nai nơi đồng ruộng suốt đời tu phạm hạnh thanh tịnh, tri túc.

Hỏi: Như voi nai nơi đồng ruộng, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Ngồi thiền, tụng kinh, không thuận theo, không vương chấp nơi sự việc, đó gọi là tri túc. Theo pháp cầu xin, cũng không nhiệm chấp, đó gọi là như voi nai nơi đồng ruộng.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ta nhận thấy Điều-đạt không có một mảy may pháp thiện, Ta không ghi nhận về ông ta. Điều-đạt vào địa ngục lại trải qua số kiếp không thể cứu chữa. Vì sao? Vì như Điều-đạt đã nhập xương, thấu triệt tùy ba quy mạng Phật.

Hỏi: Nên nói Điều-đạt như thế không phải là pháp thiện chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây không phải là pháp thiện, đây cũng không phải là quy mạng Tam bảo. Do quá giận dữ, nên nói lời ấy. Nếu như người phải vào địa ngục, như đã nói: Nếu người quy mạng Phật, thì người ấy không bị đọa vào nẻo ác. Nếu như đúng là thật, nếu không hướng đến ba nẻo ác, như đã nói: Điều-đạt vào địa ngục, trải qua một kiếp, thế nên Điều-đạt kia không có pháp thiện.

Hoặc có thuyết cho: Điều-đạt cũng có pháp thiện, nhưng cũng không thể cứu vớt tội của Điều-đạt. Thế nên Điều-đạt kia không thể cứu chữa, do Điều-đạt có ba tội không thay thế được. Lại nữa, Điều-đạt kia có pháp Đảnh, do phương tiện này nên nói là có pháp thiện.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo đệ nhất trong số các đệ tử của Ta, bốn định không, tên là Bạt-đà-bà-lê. Người đã thành tựu bốn đẳng lực, tên là Tăng-ca-ma-tự.

Hỏi: Hai người này có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tôn giả Bạt-đà-bà-lê được thân xả bậc hạ, do tự có nhiều vui thích. Tôn giả do sự vui thích ấy, nên trước tiên là được cảnh giới xả. Tôn giả Tăng-ca-ma-tự được xả tăng

thượng, nhưng hành tập điều phục không nhiều, ở đây, trước đã thấy thành tựu lực xả.

Lại nữa, Tôn giả Bạt-đà-bà-lê được bốn thiên, bốn đẳng tâm, luôn đọc tụng hành trì, trong ấy được tự tại, nên trước đã thấy cảnh giới xả. Tôn giả Tăng-ca-ma-tự du hành nơi sáu Thiện lai đường, đó gọi là trước đã phát ý được lực xả thành tựu.

Hỏi: Làm sao nhận biết A-la-hán không còn sinh lại nữa?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do xả bỏ các kiết sử thì có các kiết sử liền sinh. A-la-hán không có các kiết sử, lại không liền sinh nữa. Cũng chưa từng thấy không có kiết sử có sinh, nên ở đây nhận biết A-la-hán không còn sinh lại. Lại nữa, vì các thứ cấu uế của ái thân đã vĩnh viễn dứt hết, nên gọi là A-la-hán. Không ở nơi trung gian có vô minh hữu ái lại nhiễm chấp nơi thân. Do đó nên A-la-hán không còn sinh lại nữa.

Hỏi: Trong trung âm nên nói như nơi chốn hướng tới hay nên nói là đi đến không như nơi chốn hướng tới?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là đi đến, như nơi chốn đã hướng tới. Trung âm là xứ của thân núi. Như Đức Thế Tôn nói: Thân núi kia có mạn như thế. Ví như lông dê rất đen, cũng như trong ngôi nhà tối không có ánh sáng. Lại nữa, đó là hình tượng của trung âm.

Lại nữa, nên nói là đi đến, như nơi chốn đã hướng tới. Như khi sắp mạng chung, thiện ác đều cùng đến nơi trung âm. Cũng như thế, tùy theo hành thiện ác đều hướng đến trung âm.

Hỏi: Nên nói là đi đến quá bảy ngày hay nên nói là đi đến không quá bảy ngày?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là đi đến quá bảy ngày. Vì sao? Vì như theo hành thiện ác, cũng không có phương tiện có quá bảy ngày.

Hỏi: Như trong khoảng bảy ngày, chưa được ở nơi thai (đầu thai), thân trung âm sẽ đoạn diệt chăng?

Đáp: Không đoạn diệt, mà vượt qua hình tướng trung âm.

Lại nữa, cho đến khi nhân duyên tụ tập, đều cùng trụ, không đoạn. Nếu không được nhân duyên sinh, thì trung âm dừng trụ lâu.

*Du hành trong bốn câu
Người phạm phu, thế tục
Vương-bà-lợi mây may
Xả ấm A-la-hán.*

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo! Ở đây có bốn hạng người: Người trí tuệ ghi nhớ mạnh mẽ. Người có trí tuệ tuyên nói khắp. Người thuận theo. Người ngu bướng chỉ nghe một câu.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Người trí tuệ ghi nhớ mạnh mẽ, là phát khởi lời nói liền nhận biết nghĩa, như người dễ giáo hóa. Nếu Tỳ-kheo như pháp kia liền diệt, Đức Thế Tôn cũng nhận biết. Trí tuệ tuyên nói khắp tức nói ra liền hiểu. Như đã nói: Tỳ-kheo! Sắc không phải là của ông. Thọ, tưởng, hành, thức cũng không phải là của ông. Đức Thế Tôn cũng nói: Người thuận theo, người ngu bướng là dùng từng ấy hành để dẫn dụ liền thuận theo.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo vì sắc?

Đáp: Các sắc hiện có, sắc ấy đều là bốn đại, bốn đại tạo ra là nói rộng.

Hỏi: Thế nào là kẻ ngu bướng chỉ nghe một câu cũng không hiểu nghĩa?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Người trí tuệ ghi nhớ mạnh mẽ là hàng lợi căn, tâm tâm cùng nhận biết. Người có trí tuệ tuyên nói

khấp là hàng trung căn. Người thuận theo là hàng hạ căn. Người ngu bướng chỉ nghe một câu là hàng không có căn.

Hoặc có thuyết nói: Người trí tuệ ghi nhớ mạnh mẽ là thọ mạng đời trước đã cầu sức giải thoát. Người có trí tuệ tuyên nói khắp là thọ mạng đời trước đã cầu giải thoát bậc thấp. Người ngu bướng chỉ nghe một câu là kẻ trong thọ mạng đời trước không cầu giải thoát.

Lại nữa, người trí tuệ ghi nhớ mạnh mẽ là khi nêu bày liền nhận biết. Như Tôn giả Xá-lợi-phất khi chất vấn bèn im lặng. Người có trí tuệ tuyên nói khắp là phân biệt, hiểu rõ, sau đây có thể nhận biết. Như Tôn giả Phất-ca-la-bà-lê luôn xét kỹ sáng rõ về nghĩa lý. Người thuận theo là tùy theo lúc học giới luật tăng thượng. Tùy theo lúc hàng phục tâm ý. Tùy theo lúc học trí tuệ tăng thượng. Đó là nghĩa người thuận theo. Bản tánh đã hành tập, học dần giới luật, thâm lấy dần sự chỉ dạy, nhận lãnh, vâng làm. Như Tôn giả La Vân dần dần tiến đến đạo. Người ngu bướng chỉ nghe một câu là thọ nhận câu nghĩa, không hiểu về nghĩa lý, cũng không hiểu pháp thâm diệu.

Hỏi: Vì sao vào thời thọ mạng đời trước của Bồ-tát không cùng vượt thứ lớp để thủ chúng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vì các Bồ-tát đã thệ nguyện. Do thệ nguyện ấy nên xuất hiện nơi thế gian, làm Phật, chúng sinh nào chưa được độ sẽ độ, chưa giải thoát sẽ khiến giải thoát.

Hoặc có thuyết nêu: Bồ-tát suy niệm, quan sát. Bồ-tát kia dùng trí tuệ, ý thường phát nguyện: Độ thoát các chúng sinh.

Hoặc có thuyết nói: Bồ-tát đạt được Nhất thiết trí, do tự đầy đủ, vì chúng sinh nên không cùng vượt thứ lớp để thủ chúng. Lại nữa, vì các căn chưa thành thực, nên không cùng vượt thứ lớp để thủ chúng.

Hỏi: Vì sao Trưởng giả A-na-bân-đề đã cúng dường bốn Đức Như Lai, nhưng không ở nơi Đức Phật kia xuất gia học đạo?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây là nhân duyên của thế nguyện. Do thế nguyện nên phải cúng dường Đức Như Lai khác.

Hoặc có thuyết nêu: Do uy lực của thân tộc, nên không thể dứt bỏ ý niệm ân ái.

Hoặc có thuyết nói: Ý của trưởng giả kia thường ưa thích tĩnh lặng, ưa chuộng bố thí nên là hàng độn căn. Do ưa tĩnh lặng, nên không hướng đến nẻo ác, công đức nơi xứ xứ đều đạt được báo lớn. Là người độn căn nên không nhận thấy những hệ lụy của hàng tại gia. Thế nên không xuất gia làm Sa-môn. Lại nữa, trưởng giả kia thiên nhiều về ý dâm, thường vui thích tạo phương tiện đối với các thế nữ. Như tất cả sự việc đã làm đối với chư Phật nên đều được đạo Hiền Thánh.

Hỏi: Vì sao không thành nam, không ứng hợp với nghĩa pháp?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vì các tình (căn) thiếu ít, nên không ứng hợp với nghĩa pháp.

Hoặc có thuyết nêu: Tâm dong ruỗi nơi vạn mối, không được tam muội, thế nên không ứng hợp với nghĩa pháp.

Hoặc có thuyết nói: Các báo hiện rõ, thật sự do đời trước đã tạo duyên, được thọ nhận hình tướng này, không dựa vào trí tuệ. Lại nữa, bị kiết sử làm chướng ngại, người kia bị kiết che lấp, không được dừng nghỉ, tâm không có chỗ thẹn.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tạo dựng tháp có ba sự: Đa-tát-a-khiet A la ha tam da tam Phật, Tỳ-kheo lậu tận, Chuyển luân Thánh vương.

Hỏi: Vì sao học Phật-bích-chi không nhập nơi ba sự này?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây là lời khuyên dạy của Đức Như Lai. Nói Phật tức là nói Phật Bích-chi. Nói Tỳ-kheo lậu tận tức là nói hàng hữu học. Tỳ-kheo kia hoặc có người dứt hết lậu.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia cũng là số. Do chúng sinh này nên hiện bày nghĩa thâm diệu kia. Lời khuyên dạy ấy của Đức Phật như trên đã nói.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo! Ở đây có sáu loại A-la-hán: A-la-hán của pháp thoái chuyển, pháp niệm, pháp hộ, pháp trụ, pháp phân biệt, pháp không nghi.

Hỏi: Sáu loại A-la-hán này có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Có vô số thứ căn vô học: Thượng thượng, thượng trung, thượng hạ. Trung thượng, trung trung, trung hạ. Hạ thượng, hạ trung, hạ hạ.

Ở trong bậc hạ hạ kia thành tựu: Là A-la-hán của pháp thoái chuyển. Hạ thượng thành tựu: Là A-la-hán của pháp niệm. Trung hạ thành tựu: Là A-la-hán của pháp hộ. Trung trung thành tựu: Là A-la-hán của pháp trụ. Trung thượng thành tựu: Là A-la-hán của pháp phân biệt. Ba thượng thành tựu: Là A-la-hán không nghi. Hàng Thanh văn thì thượng hạ thành tựu. Phật-bích-chi thì thượng trung thành tựu. Đa-tát A-kiệt (Nhu Lai) thì thượng thượng thành tựu.

Hoặc có thuyết nói: Cũng như một người, thường dùng phương tiện tạo nghiệp. Có người không ân cần, cũng có người do độn căn. Người kia dùng phương tiện tạo nghiệp không ân cần, căn độn, cầu đẳng tâm, giải thoát thọ chứng. Người kia lại dùng phương tiện không ân cần, độn căn đối với đẳng tâm, giải thoát liền thoái chuyển, đó gọi là A-la-hán của pháp thoái chuyển.

Cũng như một người, thường dùng phương tiện để cầu rất ân cần, nhưng là độn căn, được đẳng tâm, giải thoát thọ chứng. Người kia dùng phương tiện ân cần, độn căn, được đẳng tâm là xả, giải thoát, đó gọi là A-la-hán của pháp hộ.

Cũng như một người, thường dùng phương tiện để cầu rất ân cần, nhưng là độn căn. Người kia dùng phương tiện để cầu rất ân cần,

nhưng là độn căn, được đặng tâm, chứng giải thoát, cũng không tăng, cũng không giảm, đó gọi là A-la-hán của pháp trụ.

Cũng như một người, thường dùng phương tiện để cầu rất ân cần, nhưng là lợi căn. Người kia thường dùng phương tiện để cầu rất ân cần, là lợi căn, được đặng tâm, giải thoát, chứng đắc. Người kia thường dùng phương tiện để cầu rất ân cần, nhưng là lợi căn, dùng phương tiện được không nghi, đó gọi là A-la-hán của pháp phân biệt.

Cũng như một người, thường dùng phương tiện để cầu rất ân cần, nhưng là lợi căn, được đặng tâm, không nghi, giải thoát, chứng đắc, đó gọi là A-la-hán của pháp không nghi.

Lại nữa, nếu người trông cậy vào sức của người khác, vừa sinh được đặng tâm, giải thoát, chứng đắc, thế nên được đặng tâm, giải thoát. Cũng như người bệnh ốm gầy, vừa đứng dậy, nhưng không có người nâng đỡ liền nằm lại trên giường, đó gọi là A-la-hán của pháp thoái chuyển. Nếu lại có người hành đặng tâm, giải thoát không bền chắc, chỉ sợ mất ý, muốn tìm cái chết, nên dùng dao tự hại, đó gọi là A-la-hán của pháp niệm. Nếu lại có người hành đặng tâm, giải thoát, hộ đặng tâm, giải thoát: Ta có thể bảo vệ tâm này, suốt đời giữ gìn, tùy thời nuôi dưỡng, đó gọi là A-la-hán của pháp hộ. Nếu lại có người hành đặng tâm, giải thoát, vượt qua độn căn, trụ nơi trung căn, thế nên đặng tâm, giải thoát không thoái chuyển, cũng không tăng, không chết, đó gọi là A-la-hán của pháp trụ. Nếu lại có người hành tâm bình đặng, giải thoát, đầu tiên có lợi ích được các căn, người kia trông cậy ở sức bên ngoài, được không nghi, đó gọi là A-la-hán của pháp phân biệt. Nếu lại có người, tự dùng sức mình, đầu tiên được căn tăng thượng, trụ nơi đặng tâm, giải thoát, tự nhận biết về cảnh giới, đó gọi là A-la-hán của pháp không nghi.

Lại như Đức Thế Tôn nói: A-nan Tỳ-xá-ly rất an lạc vô tận, Bạt-xà-phục-di cũng rất an lạc, chùa Già-ba-la cũng rất an lạc, Cù-

đàm-di-ni-câu-lu cũng rất an lạc. Diêm-phù-lợi có từng ấy thứ an lạc, người không so đo, dân chúng đông đúc.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói như thế?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đức Phật đang ngồi nhập định, nên khiến các Tỳ-kheo đều sinh an vui hy vọng.

Hoặc có thuyết nêu: Thành Tỳ-xá-ly rất an vui vô tận. Lúa gạo, thức ăn dồi dào, người nghèo cầu xin dễ được. Bạt-xà phục-di rất an vui, không cùng cực, dân chúng hòa thuận, không gặp phải khổ ách. Chùa Già-ba-la (Nơi chốn chuyển pháp luân), Cù-đàm-di-ni-câu-đà, vô số thứ tọa cụ, ít sự tĩnh lặng, đất Diêm-phù-lợi có từng ấy thứ vườn cây ăn quả, đông đảo dân chúng nhóm họp sinh sống vui vẻ, nghiệp trí tuệ sáng tỏ.

Lại nữa, Đức Thế Tôn cũng lại hiện rõ việc dứt trừ các thứ buộc vương, diệt trừ từng ấy thứ không có dục, diệt trừ vĩnh viễn.

*Bồ-tát mới phát tâm
Xuất gia, không thành nam
Ba tháp, sáu La-hán
Tỳ-xá-ly ở sau.*

Lại như Đức Thế Tôn nói: Du hóa nơi thành Tỳ-xá-ly, từ nay về sau không còn nhìn thấy lại Tỳ-xá-ly nữa. Lại không có ba vị Phật đến Tỳ-xá-ly.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói lời như thế?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vì không còn thọ sinh nữa. Lại nữa, đấng trí đã diệt trừ hết dấu vết sinh tử kia, là muốn dứt hết các hồ nghi về báo của chúng sinh nơi thành Tỳ-xá-ly, thọ nhận pháp lạc. Đó gọi là vào thời bấy giờ.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn mời Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cùng ngồi một nửa tòa với mình?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Vì bấy giờ, các Tỳ-kheo khởi tâm nhiễm ô tỏ ra xem thường Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, không biết Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đã nhập đại pháp yếu. Do vậy Đức Thế Tôn mới mời cùng ngồi một nửa tòa với Ngài, vì muốn cho các Tỳ-kheo kia được tâm mở, ý hiểu, biết sợ mắc phải báo bất thiện.

Hoặc có thuyết nói: Tôn giả Ma-ha Ca-diếp kia đã có vô số thứ công đức, Đức Thế Tôn trước đây đã hóa độ, e các Tỳ-kheo vì không nhận biết rõ sự việc sẽ gây tội phạm giới cấm.

Hoặc có thuyết cho: Tôn giả được tôn trọng bậc nhất là A-na-luật, Đức Thế Tôn đến thăm thấy đang ngồi vá y, nên lúc này Đức Thế Tôn đã mời Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ngồi một nửa tòa với mình.

Hoặc có thuyết nêu: Đức Thế Tôn muốn phó chúc, truyền trao giới luật cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp để chúng sinh sau này nên tin nhận lời nói của mình. Lại nữa, chưa từng có việc Đức Thế Tôn ngồi một nửa tòa với đệ tử. Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn hiện bày khắp uy đức lớn của mình.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Này các Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn ban ngày có tưởng ban đêm, ban đêm có tưởng ban ngày, tức tâm ý họ đã điên đảo. Các Tỳ-kheo! Như Ta, ban ngày có tưởng ban ngày, ban đêm có tưởng ban đêm, nên nơi Ta tâm không có điên đảo.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đức Thế Tôn khởi thiên nhãn trừ bỏ tướng ngoài, tu tướng hướng về ánh sáng, quán ngày như quán đêm không khác. Các Sa-môn kia có khi ngày có tưởng đêm, đêm có tưởng ngày, nhưng Đức Thế Tôn thì không như vậy.

Hoặc có thuyết cho: Các Sa-môn, Bà-la-môn kia, ở trong giấc ngủ say, đêm có tưởng ngày, ngày có tưởng đêm, là họ có điên đảo.

Lại nữa, ở chốn tĩnh lặng, nằm nghiêng hông bên phải, quán sắc như thế, nhập trong thiền, nhưng Đức Thế Tôn hoặc đi, hoặc ngồi, luôn như một định.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo có ba Như Lai. Tỳ-kheo như thế là ở trong hiện pháp, thật sự không có nghi, tự được trí tuệ, cũng chỉ dẫn người khác nhập trí tuệ.

Hỏi: Thế nào là tự được trí tuệ?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Các Tỳ-kheo kia không thể chỉ được hư giả mà không có thật, hướng chi là chính họ được thật. Lại nữa, đây là lời khuyên dạy của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói lời như thế này: Ta đã biết rõ sự việc ấy.

Hoặc có thuyết nói: Nếu Tỳ-kheo kia chấp nơi sắc, nơi pháp đã suy niệm của tâm, tự khen ngợi về giới cấm thủ, tự dựa vào sự ngưỡng mộ để tạo tác, lấy thật làm giả, Đức Thế Tôn xem họ là trộm kiến (kiến thủ). Lại nữa, những người theo tà kiến kia là ngã sở thật trụ trong năm ám. Lời Đức Phật đã nói cũng như thế, không có ám khác để nói là ngã sở. Vì sao? Vì các ngoại đạo nói đều là dục ái cùng vượt thứ lớp để thủ chúng. Tương ưng với pháp không thoái chuyển, đó là nghĩa ấy.

Hoặc có thuyết cho: Các vị kia đã dùng hai đạo để đoạn trừ các kiết sử: Hoặc dùng đạo thế tục, hoặc dùng đạo vô lậu để dứt trừ các kiết sử.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu dựa vào thiền, cùng vượt thứ lớp để thủ chúng, thì quán thiền kia tức có đạo sinh, không do kiến để đoạn trừ kiết sử, thế nên không thoái chuyển. Lại nữa, khi các vị ấy cùng vượt thứ lớp để thủ chúng, là tu hành nhẫn trí, được uy lực cùng phương tiện, tức được có ích. Nếu uy lực không có ích, thì không ở trong uy lực thoái chuyển, thế nên không thoái chuyển.

Hỏi: Lại như Đức Thế Tôn nói: Bốn hướng, bốn quả, có bao nhiêu quả thành tựu, bao nhiêu quả không thành tựu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Năm quả thành tựu: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, hướng A-la-hán và A-la-hán. Một người không phải là quả thành tựu: Là hướng quả Tu-đà-hoàn chứng. Hai người: Hoặc quả thành tựu, hoặc quả không thành tựu. Là hướng quả Tu-đà-hàm chứng. Hướng quả A-na-hàm chứng.

Người hướng quả Tu-đà-hàm chứng kia, do phương tiện tạo ái dục chưa dứt hết, cùng vượt thứ lớp để thủ chứng, nên nói không phải là quả thành tựu. Có người được quả Tu-đà-hoàn, cầu hướng Tu-đà-hàm chứng, nên nói quả kia thành tựu.

Do quả Tu-đà-hoàn vô vi, hướng quả A-na-hàm chứng. Người kia dục ái đã hết, cùng vượt thứ lớp để thủ chứng, nên nói không phải là quả thành tựu. Người kia lại được quả Tu-đà-hàm, cầu hướng quả A-na-hàm, nên nói quả kia thành tựu. Quả Tu-đà-hàm vô vi, còn quả kia là hữu vi, nên nói là các căn hư hoại. Đó gọi là nhận biết có tám người.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Bốn Sa-môn không có năm âm.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Đạo trí là trí do Đức Như Lai tự đạt được để chứng quả. Bạc Vô Trước nói đạo thanh tịnh, thuyết giảng pháp, chuyển pháp luân. Đức Thế Tôn cố diễn giải rộng về mạng đạo, vì hàng hữu học tu học các trí tuệ, dứt hết các lưới nghi. Kẻ hủy báng đạo cho là không có hành cứu cánh, không có giới luật, oai nghi, phạm các giới. Vì mặc pháp phục của Sa-môn, đều biết rõ. Sa-môn thứ hai nên nói là gồm thâu Phật-bích-chi, Sa-môn thứ ba nên nói là gồm thâu người phạm phu. Sa-môn thứ tư nên nói là gồm thâu ngoại đạo. Khác với tất cả Sa-môn giả mặc y phục, chấp ngã, ngã sở, vương chấp nơi thọ mạng, chúng sinh. Tất cả những kẻ kia đối với đạo đều thoái chuyển.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Không có nhiệm chấp gọi là giới.

*Cà-sa không nhiệm chấp
Bắt đầu mặc Cà-sa
Ý được điều mong muốn
Cà-sa đâu không vướng.*

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Có ba thứ uế đục là thân, khẩu, ý uế đục. Tỳ-kheo kia nếu tư duy, xét tính, đó gọi là không cấu uế. Mặc Cà-sa, xưng hô giả dối, phóng dật, không phải là điều cần học của người cầu giải thoát. Những thứ kia không phải là cho thích hợp. Đó gọi là nhẫn, cũng không phải là dòi động. Như thật đối chứng, ý thường lường xét kỹ chắc. Nếu Tỳ-kheo kia không đạt được nhẫn, bị mắng, liền mắng trả lại, bị đánh liền đánh trả lại, thì đây không phải là pháp Sa-môn, hướng chi là chính mình hành như vậy. Vì thế không ứng hợp với Cà-sa, nên Cà-sa kia không có vướng chấp.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Nếu đã sinh ý cắt bỏ hết cỏ thì không còn loài nào mọc lên được.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Thức đối với sinh thọ, ở nơi xứ dừng trụ của bốn thiên là nhân duyên sinh hành cấu uế. Nghĩa đã tạo ra, tức nên có đoạn dứt. Nơi đến không có đối, cũng không thọ sinh. Xứ dừng trụ của bốn thiên cũng lại không sinh. Lựa chọn, nhận lấy chỗ trọng yếu, nếu như nhân duyên hành gốc cùng với xứ dừng trụ của bốn thiên, người kia cũng không thọ nhận. Đã trừ bỏ ái, đã dứt hết thọ, nếu người thứ hai còn dong ruổi, nên nói hàng vô học này cũng không có oai nghi, cũng không quán nơi trí tuệ vô thượng là Niết-bàn diệt tận. Được pháp của người tiên, đó gọi là người Đại tiên.

*Đầu tiên Ca-diếp ngủ
Tối thắng không có dục*

*Đã nói bốn Cà-sa
Đoạn diệt không sinh lại.*

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Tập trí đến vô trí
Hàng phục tạo bền chắc
Hữu lậu hoàn toàn hết
Đó gọi là Phạm chí.*

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Là Tôn giả Đại Ca-diếp nói về Khế kinh. Tỳ-kheo tự thọ trì pháp là người trí có được tập trí. Hàng hữu học là các người phạm hạnh, trụ nơi nghiệp kia đạt được đầy đủ pháp hóa độ chúng sinh. Pháp ấy cũng là nghĩa của pháp giới luật, nên nói là người trí nhận biết không trụ nơi trung gian, đã tu hành, tâm được quán giác soi chiếu, trụ nơi hai giải thoát. Vị kia đã tư duy vô minh ái hết, vì muốn nói nhấn căn là pháp của Sa-môn này, nên nói là hữu lậu hết, không có dục, nên gọi là Phạm chí. Đức Thế Tôn tức là Đại Phạm chí, tâm cấu uế đã trừ sạch.

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Tỳ-kheo không có dục
Có dục thấy sợ lớn
Không thoái chuyển nơi dục
Đó gọi là Niết-bàn.*

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Trí tuệ tương ưng với sự tĩnh lặng. Do tự an vui không có ưu sầu, đó gọi là Tỳ-kheo không có dục. Không có sự thanh tịnh, sự tĩnh lặng, bị khổ não là có dục. Người kia thấy pháp mới có thể nhận biết, đó gọi là có dục. Thấy sợ lớn đối với dục, không thoái chuyển, dứt bỏ các thứ cấu uế, pháp thiện dần dần tăng cùng tương ưng,

đó gọi là tam muội. Tất cả kiết sử đều dứt hết, nhận biết đạo Hiền Thánh, đó gọi là Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao nhập tam muội Từ thì các thứ khác không thể tổn hại?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì được chư thiên hộ trì, nhằm che chở thân người nhập tam muội kia.

Hoặc có thuyết cho: Người nhập tam muội Từ, ở chôn tĩnh lặng là an nhiên, vô sự, các thứ tai hại không chạm vào thân, thân không có hoại. Lại nữa, thân này nhận lấy bốn đại của cõi sắc.

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Hươu nai về rừng
Chim về hư không
Pháp về phân biệt
La-hán quy diệt.*

Hỏi: Thế nào là người phân biệt?

Đáp: Hàng hữu học gọi là phân biệt, vì có thể phân biệt sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Đạo của Hiền Thánh thấy đều phân biệt.

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Vô tưởng, có tư tưởng
Tư tưởng, không có tưởng
Sắc biến đổi như thế
Duyên tưởng có số lượng.*

Hỏi: Thế nào là người biến đổi sắc?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: A-na-hàm sinh nơi cõi vô sắc, nên nói là người biến đổi tướng sắc. A-na-hàm kia tức là người biến đổi tướng sắc. Lại nữa, A-la-hán ở đây cũng là biến đổi tướng. A-la-hán không ở nơi năm ấm có chỗ biến đổi mà là tu hành rốt ráo.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói Điều-đạt là kẻ ăn đàm dãi?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Bấy giờ, Điều-đạt (Đề-bà-đạt-đa) dùng phương tiện nhằm phá hoại chúng Tăng. Do đó nên Đức Thế Tôn quả trách ông ta, vì e các Tỳ-kheo có ý dòi động.

Hoặc có thuyết nêu: Đối với người thuần ác, dùng lời nhu hòa để giáo huấn. Vì Điều-đạt luôn tìm đủ cách nhằm hủy hoại thân bậc Thánh. Lúc ấy, Đức Thế Tôn sau khi trừ bỏ ý tưởng xấu ác của ông ta, rồi dùng lời nói hòa nhã để dạy bảo.

Hoặc có thuyết nói: Nếu đối với Phật, được vật dụng cúng dường, Điều-đạt muốn khiến cho mình được, nên nói là kẻ ăn đàm dãi.

Lại nữa, Điều-đạt vốn có thần túc lớn, hóa hình làm đứa trẻ con, lưng đeo sợi tơ lụa vàng, đứng cho thái tử A-xà-thế ôm vào lòng, rồi uốn éo cùng đùa giỡn. Lúc này, thái tử A-xà-thế bỡn cợt, miệng nhỏ ra đàm dãi khiến liêm, thế là đứa bé Điều-đạt kia lại ăn hết. Thái tử cũng lại biết đứa bé này là Điều-đạt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cho đây là đã dứt bỏ hết tâm ý, nên quả trách là kẻ ăn đàm dãi.

Hỏi: Điều-đạt như thế là trước đã đoạn căn thiện rồi phá hoại chúng Tăng, hay là sau khi phá hoại chúng Tăng rồi mới đoạn căn thiện?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Điều-đạt vốn đã đoạn căn thiện, về sau mới phá hoại chúng Tăng. Ông ấy cũng bảo cho dân chúng biết, việc thiện ác không có quả báo. Do mắc vào lời thề ấy, nên ông ta khởi ý hủy hoại chúng Tăng.

Hỏi: Không phải do hiện nay phá hoại chúng Tăng mới có tướng phi pháp chằng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Điều-đạt trước đó đã phá hoại chúng Tăng, về sau mới đoạn căn thiện, không phải do đoạn căn thiện rồi mới phá hoại chúng Tăng, nên phải có số kiếp đền tội. Nếu như chính lời báo của ông ta cho nhiều người biết, nói việc thiện ác không có quả báo, thì không do phá hoại mà có tướng phi pháp.

Hỏi: Nếu phá hoại chúng Tăng không phải là do căn thiện của mình là muốn khiến hướng đến nẻo ác chăng?

Đáp: Đức Thế Tôn cũng nói: Ta không thấy Điều-đạt có mấy may pháp thiện nào, như câu nơi Khế kinh đã nói rộng. Lại nữa, Điều-đạt kể từ khi phá hoại Tăng trở đi, đều là do căn thiện vốn đã đoạn. Như lời báo của ông ta: Ta hủy hoại Sa-môn Cù-đàm, chúng Tăng, đoạn dứt Chuyên pháp luân. Tức thì hoan hỷ, hả hê. Điều-đạt kia nên nói là căn thiện vốn đã đoạn, từ đây về sau đã tạo ra nhiều việc ác, tâm không có chuyển đổi, hối hận. Thế nên phá hoại chúng Tăng, căn thiện vốn có liền đoạn.

Hỏi: Thế nào là căn thiện vốn đã đoạn được gốc của căn thiện?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu như người sinh trong địa ngục, biết mình đang nhận lấy khổ thọ của địa ngục: Ta đã tạo nên tội ấy, nay phải nhận báo này. Ở đây nên nói là được gốc của căn thiện.

Hoặc có thuyết nêu: Như người này nhận trung ấm của địa ngục, liền có tâm quán có quả này thật, nên nói là được gốc căn thiện. Lại nữa, ở trong hiện pháp, hoặc có người tạo ác, nhưng biết ở nơi chôn kia có bậc thiện tri thức liền khởi tâm ăn năn, dần dần được giáo hóa đến với đạo.

Hỏi: Tương như bắp đùi nai, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Vì đùi về dần dần thon chắc, nên nói là như bắp đùi nai.

Hỏi: Bảy hợp đầy dẫy, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Mạch thịt bằng, thẳng, vòng xích xương nối kết, bảy chỗ đầy đủ, trụ phẳng, sắc không dờn đổi, đó gọi là bảy hợp đầy dẫy.

Hỏi: Tương như ngực sư tử, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Thân không cao thấp, không lùi lại với trước, đó gọi là tương như ngực sư tử.

Hỏi: Vị vị hiện rõ, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Nhẹ mềm, vi diệu, thấy đều có thể nhận biết, đó gọi là vị vị hiểu rõ.

*Không nuôi hiền, sợ hãi
Từ và các chốn hướng
Vô tướng, hữu tướng, nhỏ
Kiếp xưa, tướng thế nào?*

Hỏi: Vì sao các loài chim, súc sinh, ngày xưa đều có thể nói năng, ngày nay thì không thể nói?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thời ấy, các loài kia đều từ trong loài người mạng chung, sinh nơi loài súc sinh, do trước đã tập quen, nên có thể nói được tiếng người.

Hỏi: Như hiện nay, từ trong loài người mạng chung, sinh nơi loài súc sinh, cũng lại có thể nói chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Đối tượng có thể ăn nuốt, so với con người không khác. Như hiện nay không có thức ăn ấy, bốn đại đổi khác, do đó chúng không thể nói.

Hỏi: Như hiện nay, có các thức ăn vi diệu, khiến chúng nuốt ăn, thì có thể nói được chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Con người của thời xa xưa không có chiến đấu, tranh tụng, không có tâm sát hại. Bây giờ, súc sinh thấy con người cũng không sợ hãi, chúng cùng đi đứng, nghe tiếng nói của con người, nên chúng có thể nói được.

Hỏi: Như hiện nay, sinh làm súc sinh, con người không có sợ hãi, lại có thể nói được chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hiện nay cũng có thể nói, chỉ không thể hiểu. Nếu có được biện tài âm vang, thì chúng có thể hiểu lời

nói. Như lời nói của xứ Di Địch nói ra, ta không thể hiểu. Nếu đều cùng hiểu hai ngôn ngữ, thì chúng có thể nhận biết. Con người của thời xưa được biện tài âm vang, tức có thể nhận biết chăng? Lại nữa, không thấy súc sinh nhận biết văn tự, hoặc muốn nghe âm vang. Các loài chim như anh vũ, uyên ương, ở đây tức có thể hiểu. Nhưng Đức Thế Tôn nêu dụ là không có sai trái. Người trí đã nói là muốn khiến cho con người hiểu, việc này không đúng.

Hỏi: Người tinh tấn làm sao tự nhận biết mình không bị đọa vào nẻo ác?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nhận biết những điều không hiểu, tức không bị đọa vào nẻo ác. Ta không có ý phạm giới này, thế nên sẽ không bị đọa vào nẻo ác.

Hoặc có thuyết nói: Được sức mạnh của công đức. Như ý thiện trong lúc thức ngủ không thay đổi, người kia liền có suy nghĩ: Khi mạng chung, ta không có báo bất thiện nên không bị đọa vào nẻo ác.

Hoặc có thuyết cho: Tư duy không thành thực, tức bị đọa trong nẻo ác. Nếu người không sinh khởi niệm ác, người kia có chúng sinh đông nhiều là bạn bè tốt khiến ta không bị đọa trong nẻo ác.

Hoặc có thuyết nêu: Người kia không có phương tiện này để có thể tự nhận biết rõ. Đức Thế Tôn cũng nói: Như thế là người tinh tấn nhận biết rõ, cũng tự nhận biết nơi chốn hướng tới: Ta sẽ sinh nơi cõi đó. Như ta cũng nhận biết nơi chốn tinh tấn hướng đến, không phải dùng dao tự hại, hoặc uống thuốc độc. Tinh tấn tuy nhận biết nhưng không rốt ráo như Phật. Lại nữa, nếu người có giáo pháp hành giới, không dựa cậy vào giới để nói: Ta không sinh nơi nẻo ác, cũng không được thiên thứ tự, nhưng tâm phát khởi tưởng Niết-bàn có hướng đến ba đường ác, xa lìa bảy xứ. Cũng tạo ra thuyết này: Khế kinh Đại Hành Phân Biệt nói: Do tâm uế đục, nên chúng sinh hướng đến đường ác. Đức Thế Tôn cũng nói: Như thọ mạng trăm tuổi, vâng

giữ giới cụ túc, nhưng giới suy kém không xả bỏ, có thể cứu vớt nẻo ác chăng? Là muốn khiến cho đám Lục sư đã bức bách nhiều người, đã đem người Câu-lợi vào trong đường ác. Đây gọi là ác. Người kia được tinh tấn bậc nhất. Người kia cũng ưa thích tin theo Đức Thế Tôn, có pháp của nẻo ác, nhưng trí tuệ tự tại.

Hỏi: Tất cả các tà định đó có tạo thành tà kiến chăng? Nếu như tạo thành tà kiến, thì tất cả tà kiến ấy có tạo thành tà định chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các định là tà kiến, thì tất cả định ấy đều tạo thành tà kiến. Nếu như tạo thành tà kiến thì tất cả định kia tạo thành tà định. Năm nghịch là tà kiến đã tạo thành tà định.

Hoặc có thuyết cho: Các tà kiến đã tạo thành thì tất cả chúng đã tạo thành tà định. Từng có tạo thành tà định không phải là tạo thành tà kiến. Tức đoạn gốc của căn thiện nhưng không tạo thành năm nghịch. Lại nữa, các định là tà kiến thì tất cả chúng đã tạo thành tà kiến.

Từng có tạo thành tà kiến, tà kiến đó không phải là tà định chăng? Tâm tưởng tạo thành tà kiến. Các định là đẳng kiến, thì tất cả chúng đã tạo thành đẳng kiến chăng?

Hoặc có thuyết nêu: Các định là đẳng kiến thì tất cả chúng đã tạo thành đẳng kiến. Nếu như tạo thành đẳng kiến thì tất cả định kia là đẳng kiến. Lại nữa, các định là đẳng kiến thì tất cả chúng đã tạo thành đẳng kiến.

Từng có tạo thành đẳng kiến không phải là đẳng kiến của định chăng? Tâm tưởng của đẳng tâm tất cả đã tạo thành đẳng kiến.

Hỏi: Các thượng lưu, tất cả thượng lưu kia là A-ca-nị-trá chăng? Nếu như là xứ A-ca-nị-trá thì tất cả xứ kia là Thượng lưu chăng?

Đáp: Hoặc có thượng lưu không phải là xứ A-ca-nị-trá. Hoặc có xứ A-ca-nị-trá không phải là thượng lưu. Hoặc có thượng lưu

cũng là A-ca-nị-trá. Hoặc không phải là thượng lưu cũng không phải là xứ A-ca-nị-trá.

Thế nào là thượng lưu không phải là xứ A-ca-nị-trá? *Đáp:* Nếu A-na-hàm sinh trong cõi sắc, nhưng nhớ lại sự việc trên thì không nhất định là A-ca-nị-trá. Nếu A-na-hàm sinh trong cõi dục, hoặc sinh nơi cõi vô sắc, nhưng vẫn nhớ lại sự việc trên. Nếu đã sinh ở cõi dục, đó gọi là thượng lưu không phải là xứ A-ca-nị-trá.

Xứ A-ca-nị-trá đầu tiên đó gọi là xứ A-ca-nị-trá, không phải là thượng lưu.

Nếu A-na-hàm sinh nơi cõi sắc, nhưng nhớ lại sự việc trên nhất định ở tại A-ca-nị-trá, đó gọi là thượng lưu cũng là xứ A-ca-nị-trá.

Thế nào là không phải thượng lưu cũng không phải là xứ A-ca-nị-trá? *Đáp:* Trừ từng ấy sự việc trên, chính là nghĩa ấy.

Hỏi: Vì sao A-na-hàm, A-la-hán trụ kiếp không dòi động?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trụ kiếp nghĩa là không bị đời xoay chuyển. Lại nữa, được đặng giải thoát, căn phẩm hạ yếu kém đã siêu việt trụ ở trên. Thế nên đặng giải thoát cũng không tăng, cũng không giảm, nên nói là trụ không dòi động. Tuy nhiên, A-na-hàm nên nói là trụ xong, được thệ nguyện.

Hỏi: Người phạm phu nên nói là tâm thiện mạng chung, nên nói là tâm bất thiện mạng chung, nên nói là tâm vô ký mạng chung chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là tâm bất thiện mạng chung, không phải do tâm thiện mà có trụ xứ.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Khi sắp mạng chung, tức được tâm thiện, nơi chốn suy niệm đã trở lại đặng kiến, đó gọi là Khế kinh có chỗ trái nhau chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nếu người sinh trong nẻo ác, thì tâm bất thiện của họ mạng chung. Nếu người sinh trên cõi trời, thì người

kia mạng chung với tâm thiện. Như tâm sau cùng trụ nơi thọ sinh cũng lại như thế.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là tâm vô ký mạng chung. Do tâm vô ký tự trụ trong thân, có số báo giống như lúc mạng chung. Lại nữa, nếu không tu thiện, không tu pháp thiện, không trụ nơi tâm sau cũng không diệt, vì thế nên nói là tâm vô ký mạng chung. Nếu nói lời này: Tất chết không nghi, thì vào lúc ấy nên nói là mạng chung có xú tránh khỏi.

Hỏi: Vì sao A-la-hán không được tâm thiện sau cùng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tự trụ nơi tâm nhận báo so với lúc mạng chung, nhưng bấy giờ không có thiện, thế nên không được pháp thiện. Lại nữa, nếu tu thiện, vào lúc sau cùng cũng không trụ. Lại nữa, tâm vô ký kia bản hạnh đã dừng nghi.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Cùng cư trú chung, sau đó được nhận biết.

Hỏi: Hoặc có người không nhận biết sắc diệu hòa vui, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Nếu nghe người kia chê khen, xem thường, tin dùng, ưa thích thọ nhận lời người khác nói, tuy sắc diệu vui vẻ vừa ý, nhưng chỉ trong khoảnh khắc lại tỏ ra tin ưa chấp nhận, có oai nghi lễ tiết, thân vui theo tĩnh lặng được hoan hỷ. Bề ngoài như không kín đáo, trong lòng thì giả dối. Nếu lại khi nói pháp, không có nghĩa biện tài, không có pháp biện tài. Như thế không như chí thật, đó gọi là ngu si.

Hỏi: Lại nữa, hai cùng tín, cùng giới, cùng nghe hiểu biết, cùng trí tuệ, cùng thí, lúc hiện ở trước, pháp nào là quả rất lớn? Cả hai cùng thanh tịnh hay một cùng thanh tịnh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hai phân biệt đều cùng thanh tịnh. Đức Thế Tôn cũng nói: Nhà thí chủ của Tỳ-kheo kia, cả hai

phần đều cùng thanh tịnh. Đó gọi là đức thứ nhất của đàn việt cúng dường.

Hỏi: Thế nào là hai ý, nhưng tạo tác hoặc là được quả lớn, hoặc không phải là quả lớn?

Đáp: Nghề nghiệp làm ruộng lương thiện cũng như hạt lúa giống tốt. Như thế nghề làm ruộng lương thiện tức thu được hạt lúa tốt đẹp.

Hỏi: Cũng là đám ruộng, cũng là hạt giống, nhưng không theo đúng thời vụ nên khó có thể bằng nhau chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hai phần đều thanh tịnh. Đã được thanh tịnh, tạo tác hành thí như thế là nhân duyên hiện có của tâm, nên được các báo thật.

Nếu hành thí vượt hơn thì thí không có bình đẳng, nên nói là đẳng thí. Lại nữa, về lượng, hai quả bình đẳng, suy nghĩ về chỗ đã làm, nên hành thí kia, cả hai đều cùng thanh tịnh, có các quả thật.

Hỏi: Như người hướng về Đức Thế Tôn nói: Đối với hai phần của Tỳ-kheo kia đều cùng thanh tịnh. Đàn việt cúng dường là thí bậc nhất, như thế là có sai trái chăng?

Đáp: Đa số thì hai phần đều cùng thanh tịnh. Như ý đã suy nghĩ, thì hành cũng thanh tịnh. Tâm ý bình đẳng, quả cũng bình đẳng.

Hỏi: Thế nào là sát hại loài vật nhỏ có pháp tịnh sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Do thời tiết, phong tục của đất nước khiến cho từng ấy các nhóm bạn thân đều theo ý đã tư duy. Lại nữa, như nước động thành sóng, là người thế tục như nhau. Người kia có hành tịnh, hoặc do hành báo, nên có hành tịnh, dùng dứt roi trong chỗ sát hại, sinh nơi cõi kia. Do nhân duyên của hành báo trung gian, nên nhận lấy tai ương kia. Thân cận với thiện tri thức, được nghe

nhận pháp, suy nghĩ đến việc ác, biểu lộ bất tịnh. Như thế là người sát hại.

Hỏi: Thế nào là người thanh tịnh nhưng sinh khởi pháp đen tối?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do thời tiết, phong tục của đất nước khiến cho từng ấy các nhóm bạn thân đều theo ý đã tư duy. Lại nữa, như nước động thành sóng, bất thiện của người kia là như nhau. Người kia hành thanh tịnh, hoặc do hành báo bế tắc nên hành vi bất thiện xong, được hành thanh tịnh. Người kia sinh nơi chốn trung gian, liền thọ nhận hành báo. Người kia gần gũi tri thức bất thiện, nghe pháp bất thiện, cũng không tư duy, hành ác lộ rõ. Như thế là thanh tịnh liền sinh khởi pháp đen tối.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Hai pháp thành tựu, nếu không có thiện, thì tự không tinh tấn. Nếu người khác tinh tấn thì bền chắc, không dòi dôi.

Hỏi: Thế nào là người khác tinh tấn thì bền chắc, không dòi dôi?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Do năm pháp nên nội tự tỉnh xét, chỉ dạy người khác tinh tấn bền chắc, không dòi dôi. Nếu tất cả cùng với pháp tương ưng đều trái nhau, tức có hư hoại. Lại nữa, học theo phi pháp của người khác, pháp không ứng hợp mà phạm, thì chưa từng có pháp như nghĩa nào không như thế.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói Thanh văn là đệ nhất?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Vì đó là hiện pháp vi diệu.

Hoặc có thuyết nói: Vì hiện bày oai nghi của Thanh văn.

Hoặc có thuyết cho: Vì là pháp ứng hộ.

Hoặc có thuyết nêu: Vì các Tỳ-kheo phát khởi ý dũng mãnh cùng hành đầy đủ. Lại nữa, do hai nhân duyên, nên Đức Thế Tôn nói

Thanh văn là đệ tử thứ nhất: Vì hiện được truyền trao nghĩa quyết định. Vì ở nơi pháp giải thoát kia, hiện rõ mọi biến hóa.

*Súc sinh nói tinh tấn
Thượng lưu, trụ không dòi
Người phạm phu dừng trụ
Thí cho chỗ cúng dường,
Người không giới đen, trắng
Là đệ tử thứ nhất.*

Kiên độ Khế kinh thứ sáu xong.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP

QUYỂN 6

Phẩm thứ 7: KIỀN ĐỘ CÁNH LẠC (Xúc)

Lại như Đức Thế Tôn nói: Có hai thứ vui, người xuất gia không nên học. Là thứ vui ở trong dục nhiễm đắm nơi dục và thứ vui vô sự của hiện tại.

Hỏi: Thế nào là thứ vui ở trong dục nhiễm đắm nơi dục? Thế nào là thứ vui vô sự nơi hiện tại?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhớ nghĩ về dục của quá khứ, sinh khởi vui thích, đó gọi là thứ vui ở trong dục nhiễm đắm nơi dục. Nhớ nghĩ về dục của hiện tại, sinh khởi các thứ vui, đó gọi là thứ vui vô sự của hiện tại.

Hoặc có thuyết cho: Kiết sử cùng với dục sinh khởi các thứ vui, đó gọi là thứ vui ở trong dục nhiễm đắm nơi dục. Các thứ vui do dục cùng sinh ra, đó gọi là thứ vui vô sự của hiện tại.

Hoặc có thuyết nêu: Tham, dục cùng sinh ra các thứ vui, đó gọi là thứ vui ở trong dục nhiễm đắm nơi dục. Ý vui mừng tưởng về dục, liền sinh thứ vui ngủ nghỉ, vui được lợi lường, đó gọi là thứ vui vô sự của hiện tại.

Lại nữa, quen chấp hướng đến dục, trước đã được thân ý đầy đủ sinh các thứ vui, đó gọi là thứ vui ở trong dục nhiễm đắm nơi dục.

Đã được các thứ vui cùng ý sinh do thân ý dấy khởi, đó gọi là thứ vui vô sự của hiện tại.

Lại như Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Các Hiền! Nếu thực hiện tập hợp được mười hai pháp hành này tức đạt được pháp Hiền Thánh.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Xứ xứ dùng trụ, tạo ra xứ trụ, xứ trí tuệ trụ xứ ứng hợp, đó gọi là oai nghi của tự thân. Nếu chú trọng trao truyền quyết định tức làm rõ một sự, phân biệt nghĩa lý, phân biệt diễn giảng. Nếu là Luận Vấn nghi thì diễn nói về nghi kia. Nếu là Luận An xứ thì bàn về sự an ổn ấy. Đó gọi là oai nghi của thân khác.

Hoặc có quán thấy thì không gian trá, không huyễn hoặc, tánh chất phác, đó gọi là oai nghi của tự thân. Phân biệt nghĩa căn là oai nghi của người khác. Đã được thân người sinh ra nơi vùng giữa đạt nước, được nhãn căn, nhĩ căn, ý căn, thuộc thể của Hiền Thánh, các thứ thanh tịnh, hiện bày sự thật kia. Các sử của hành cấu uế, ý không nhiễm đấm, dùng trí để thuận theo, không có lỗi lầm. Được mười lực tôn quý, gặp Đức Phật xuất thế, được ba hỷ nhập, trước không có. Ưa thích pháp thâm diệu của Đức Như Lai, như đệ tử của Đức Như Lai khéo thành tựu. Duyên nơi ý của Đức Như Lai kia, không có lẫn lộn, được pháp Hiền Thánh phân bố rộng khắp, giảng nói pháp vi diệu thuộc về trí tuệ, không nghi. Vâng giữ, đọc tụng, đầu tiên không xa lìa.

Các pháp trụ lần lượt được lưu truyền khắp, ở trong pháp bình đẳng, dùng pháp thực để thí các chúng sinh kia. Do nhân duyên nên dùng oai nghi của mình để ban cho người kia, tạo nên các phạm hạnh. Bốn xứ vô không hiện có tăng trưởng, được nhập của Hiền Thánh, sinh nơi xứ thiện kia, hiện năm xứ vô không, đều khiến xa lìa. Các căn đầy đủ, hiện sáu xứ vô không, đều khiến xa lìa. Ở nơi chưa từng hành, hiện bảy xứ vô không, đều khiến xa lìa. Sáu trụ xứ hiện tám xứ vô không, đều khiến xa lìa.

Lại nữa, do nhập nơi các nhập của Hiền Thánh, là nhân duyên sinh, tức hiện nghĩa nhân ái, là oai nghi khác. Đức Phật hưng khởi xuất thế, thuyết pháp vi diệu, do nhân duyên nên sức trọng phu đã là oai nghi, là các nhập hoan hỷ, hiện xoay chuyển, nói các pháp đã trụ, tức mong cầu diễn nói. Các căn đầy đủ là thể hiện công đức từ xa xưa đã tạo nên.

Lại như Tôn giả Đại-biên-giả-diên nói:

*Người tín hoan hỷ niệm
Không khắp cảnh giới Phật
Xứ đã đến tối thắng
Ý thường liên kết hỷ.*

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Trí tuệ thành tựu nên tín kiên cố, hỷ lạc pháp Phật, chí tánh không loạn động. Thọ trì trí pháp, ý thường chuyên tinh. Các pháp như thế, không có sai trái, vì thuận theo giáo pháp, ở trong ấy nhập định, nên nói là tín, hoan hỷ, niệm.

Hầu cận Sa-môn Cù-đàm, ban đầu không hề có thiếu sót. Nơi chốn đi đến, ý thường liên hệ để trở lại nghĩa vi diệu. Chớ nên tạo quán này, vì đây không phải là pháp diệu.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tín là tài sản bậc nhất.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Là đối tượng sử dụng của người trí, nên nói tín là tài sản bậc nhất. Nghiệp tạo tiền của, tài sản của Hiền Thánh không phải là của cải của Hiền Thánh đã có được, nhưng là tâm không lỗi lầm. Nên tạo ra niệm nay: Của cải kia không phải là tài sản của Hiền Thánh. Ngọc ma-ni, đồ đựng báu, tự nhiên thành vật dụng cùng với nhiều thứ vật báu khác xen tạp, trong ấy còn có những vật báu lạ như xa cừ, mã não, bị con người tham đắm nên phải giữ gìn. Con người cũng không biết chán đủ, nên không thể che giấu.

Tài sản của Hiền Thánh đều có bảy tướng: Như tài sản tín cho đến tài sản trí tuệ. Ở đây đều tự vui thích, tâm hoan hỷ phấn khích, nhưng không ân cần, chỉ tự trụ nơi bình đẳng. Tham vướng nơi của cải của người khác, tâm không bền chắc. Những gì ham muốn tức là tạo nghiệp, không giữ gìn trí tuệ để trừ bỏ tham ái. Muốn trí tuệ được đầy đủ, phải dùng trí thắng tham ái kia.

Lại nữa, không phải là tài sản của Hiền Thánh, đó là chí tà tương ưng với nghiệp. Nhưng tài sản của Hiền Thánh thì cùng tương ưng với chí nghiệp, nên nói tín là tài sản bậc nhất.

Lại nữa, gọi là tín tức tin tưởng làm rõ của cải bên ngoài, ý không loạn động, nên thành tựu phép nhà, khéo nhận biết dùng đủ. Khéo có được ruộng vườn canh tác, tâm ý thiện vui thích. Cũng như nơi cõi này có pháp ánh sáng xuất yếu, là an vui. Ưa thích chốn tĩnh lặng, ưa thích dùng nghỉ, ưa thích xứ đạo tràng, nên nói lựa chọn pháp thiện là an vui. Trước uống lời cam lộ, lời nói không có giả dối, công đức rất an lành thành tựu, nên nói là vị vị an lành. Duyên nơi nhân duyên này, nhận biết trí tuệ là sáng, không có ý ngu, không cùng với điên đảo tương ưng, nên nói là rất sáng.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Như Tỳ-kheo A-nan, đối với sáu xúc đã lìa bỏ trọn vẹn, đều khiến diệt tận, cũng không có thân, đã sinh các khổ vui, để phải nhận báo kia. Cũng không có tâm, cũng không có hình thể, cũng không có các nhập. Cũng không có tạo tác đã sinh ra khổ vui để phải nhận báo kia. Cũng không có xứ hoàn toàn thiếu sót. Đây là biên vực của khổ.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Sáu xúc này là sáu xúc bên trong, đã vĩnh viễn dứt hết trọn vẹn, xả bỏ các dục tham chấp, lại không hành tập nữa. Dục hết, sử ái vĩnh viễn loại trừ, diệt hết kiết kiến, không còn khởi.

Lại có thuyết nói: Tư duy không có dục ác, làm rõ các dục đã hết, dốc tu hành chỉ quán.

Lại có thuyết cho: Không có dục, được môn giải thoát vô nguyện, đều thành tựu môn giải thoát không. Tôn giả kia không có thân, cũng không có trí tột cùng, cũng không có nói năng, cũng không có tâm kia, cũng không có trí, cũng không có thể ấy. Cùng các nhập ngoại chưa hết, tức không có các nhập, cũng không có nội nhập và pháp khác chưa dứt hết cũng lại không có. Cũng không có đối tượng nương dựa, cũng không có vĩnh viễn diệt hết.

Lại có thuyết nêu: Tôn giả A-nan kia không có thân trừ bỏ kiết sử. Như thế, Tôn giả kia tất cả là không có thân, tướng mạo của thân. Như thế, Tôn giả kia tất cả là không có thân, cũng không có hành của thân, hành của miệng, cũng không có hành của tâm ý, cũng không có thể kia, hành báo của cảnh giới cũng không xoay chuyển. Các nhập kia cũng không có tà kiến, các nhập nội liền đầy đủ. Dựa vào sự tranh tụng kia, không có báo khổ vui.

Tôn giả Đàm-ma-đa-la tạo ra thuyết này: Lúc sáu xúc tương ưng, tức là sáu thứ xúc chạm thuộc nhập. Đối với xúc kia tức có hệ lụy. Tôn giả ấy đã đạt được sự trọn vẹn hoàn toàn đầy đủ, không có dục ái chấp chưa hết, ở nơi tánh kia tương ưng liền quán căn bản của khổ. Như thế, sự trọn vẹn ấy cũng không có dục. Như thế là tương ưng với việc lìa bỏ ái chấp, liền trụ nơi không có dục. Như khổ kia tương ưng với tánh, trụ ở tướng vô ngã, thị hiện trí tuệ.

Như thế thì sự trọn vẹn ấy đều tu hành diệt tận. Tu hành như thế xong, lìa bỏ ngu si, an trụ trong trí tuệ sáng tỏ. Vô minh không dục, tức khởi tướng có minh, nên nói là trụ nơi diệt tận vô dư. Tôn giả kia không có thân, cũng không được thân bốn đại, như xứ sở trói buộc mình, tâm không có khổ vui, không có ghét bỏ sinh tử lưu chuyển. Bốn xứ thân chỉ, nhập vào sinh, nhập nơi tranh tụng, nghĩa là hoặc vướng mắc nơi chính mình, hoặc không vướng mắc nơi chính mình. Như xứ sở kia, là bốn xứ thân chỉ, ý xoay chuyển là xứ mở tránh, những sự việc này đều sáng rõ.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Mắt hy vọng, ý muốn thấy sắc, đối với các sắc bất thiện mắt không ưa thích.

Hỏi: Thế nào là mắt hy vọng, ý muốn thấy sắc, đối với các sắc bất thiện mắt không ưa thích?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hy vọng do nơi cửa mắt, ái, giận hiện bày nguyên do ấy. Lại nữa, vì sao mắt hy vọng không phải thuộc về cảnh giới? Lại nữa, tương ưng với tâm nên có đối tượng soi chiếu sinh, tức là có ích. Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Các sắc hiện có thấy là ngã sở, cùng tự quán biết xong, nên xa lìa phân biệt chi tiết.

Hỏi: Thế nào là nhận biết sắc dừng trụ, không dời động khi đã lìa bỏ tướng quán chi tiết?

Đáp: Như thế là liền có xúc tụ tập, xúc ấy tức trở lại cảnh giới, hoặc có ở đây, hoặc không phải ở kia. Như Phạm chí Trường Trảo nói: Sa-môn Cù-đàm! Tất cả những điều ấy tôi đều không nhận. Như thế là do nơi câu kinh.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thấy Tôn giả Xá-lợi-phất xuất gia liền khởi ý nghĩ này: Tất cả tôi đều không nhận. Khi thấy hai người kia đều xuất gia, tất cả như điều tôi đã nguyện, nên nói với Đức Thế Tôn: Như thế là thấy nhưng không nhận chăng?

Lại có thuyết nêu: Tất cả quán đều có nghi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói: Nghi của ông lại có nghi nữa chăng?

Lại có thuyết nói: Hiện bày tất cả là không phải, quán tất cả là không phải.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nói lời này: Đây lại là điều không phải ông thấy được.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở chốn vắng vẻ, ưa tĩnh lặng, ý thường thích thú, thân cận tư duy, quán tịnh lạc, tư duy cùng với tư duy tương ưng.

Hỏi: Ở chốn vắng vẻ, ưa tĩnh lặng, tư duy về lạc tĩnh, hai thứ này có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Ở chốn vắng vẻ, ưa tĩnh lặng, do ý dừng nghỉ. Tư duy về lạc tĩnh tức đã được chỉ, quán.

Hoặc có thuyết cho: Ở nơi vắng vẻ, ưa tĩnh lặng, là hiện bày về Niết-bàn dừng nghỉ. Tư duy về lạc tĩnh là hiện bày đạo xuất yếu.

Hoặc có thuyết nói: Ở chốn vắng vẻ, ưa tĩnh lặng, hiện bày về ý thứ nhất, thứ hai đoạn trừ. Tư duy về lạc tĩnh là làm rõ về ý thứ ba, thứ tư đoạn trừ. Lại nữa, có hai tướng: Dứt trừ các kiết sử, nhờ hết các nhiệm chấp, được vui thích, người kia từ đầu đã không xa lìa, đó gọi là ở chốn vắng vẻ, ưa tĩnh lặng. Nên quán có ba tư duy là xứ sở trụ của pháp thiện, là tương ưng trụ, tức có ích, tương ưng với chỉ quán, nên nói là vui vẻ. Đây là tư duy về lạc tĩnh.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo nên thân với thân cùng quán, chớ khởi tưởng thân, cũng chớ tạo ra tưởng quán.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Quán thân bất tịnh, chớ vương chấp nơi vị, thân cũng chớ khởi tưởng tịnh.

Hoặc có thuyết cho: Thân là vô thường, không, vô ngã, nên tạo ra quán này. Chớ khởi tưởng về thân là tưởng thường, tưởng lạc, tưởng ngã, nên tạo ra quán này.

Lại có thuyết nêu: Tư duy về thân, quán thân, đừng chấp nguyên do xuất sinh thân.

Lại nữa, tịnh trừ hành, quán địa, biện giải về đại sự, xét tính việc ác đã hiện rõ, tạo phương tiện tư duy, đều nhận biết rõ đã diệt tận không sinh, mắt trí tuệ soi chiếu phân biệt đều rõ.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Có bốn pháp cú: Pháp cú không thể hủy hoại. Pháp cú không loạn. Pháp cú đẳng niệm. Pháp cú đẳng định.

Hỏi: Nghĩa của pháp cú như thế là những gì?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Các pháp cú là đoạn trừ, nên nói là pháp cú. Không thể hủy hoại căn thiện là căn thiện không giận. Đẳng niệm, đẳng định là căn thiện không si.

Hoặc có thuyết nêu: Vì tu hành các pháp, nên nói là pháp cú. Không khởi tham dục là tham dục đã hết. Không có giận dữ là giận dữ đã hết. Đẳng niệm là đẳng niệm về thù miên. Đẳng định là các thứ điều hí (Trạo cử), nghi dứt hết. Lại nữa, pháp cú của Sa-môn không thể hủy hoại, là giới không giận dữ. Đẳng niệm là cầu oai nghi của định. Đẳng định là cầu oai nghi của trí tuệ.

Như Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề nói: Lạc thọ là phần của khổ thọ.

Hỏi: Phần, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Có đối tức có phần, đối với lạc thọ kia nên có khổ thọ là đối tự nhiên. Khổ thọ có phần của lạc thọ, là phần tự nhiên. Khổ lạc thọ có phần của bất khổ bất lạc thọ. Trừ bỏ bất khổ bất lạc thọ có phần của vô minh. Minh tương ưng vô minh là phần của minh, lần lượt cùng dứt hết. Nhân minh là phần của hành. Hành cấu uế là phần của vô minh đoạn diệt. Tạo ra hành như thế là phần của Niết-bàn. Cảnh giới Niết-bàn vô dư diệt tất cả các hành xong, tạo ra Niết-bàn không phần.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi cho đây là giới, là phạm hạnh.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tôn giả Ma-lâu-tử nói: Là mạng, là thân, kiến đế là phạm hạnh tôi đã tu. Thế nào là thân khác, mạng khác? Ở đây, Tỳ-kheo kiến đế là phạm hạnh mà ta đã không tu.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Tuy ghi nhận riêng một kiến, nhưng không ghi nhận riêng kiến khác.

Tôn giả Đàm-ma-đa-la tạo ra thuyết này: Như thế là mạng, là thân. Ở đây, Tỳ-kheo kiến đế là không tu phạm hạnh. Đối tượng hướng đến của thấy biết là nơi chốn nương dựa kia. Thấy biết là đi đến, soi chiếu, không dựa vào xứ sở. Cả hai đều cùng có liên hệ. Nói như thế là tối thắng.

Có mười hai sự tụ

Có thân, có ngã kiến

Tư duy tất cả nhân

Pháp cú, mạng Tỳ-kheo.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Thế nào? Ông là thái tử Ma-la, có Phạm chí khác trẻ tuổi, đoan nghiêm, nên tạo ra hành như thế.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tôn giả Ma-la, thái tử, chí ưa mười tướng, nên nói như vậy. Nhưng Đức Thế Tôn vì muốn nhổ hết các kiết sử, nên lại nói: Người kia như thế là muốn khiến kiết sử tham dục được diệt hết.

Đức Thế Tôn tạo ra thuyết này: Như cú ngữ của Khế kinh, nhưng cùng với Phạm chí dị học luận về sự tụ tập của kiết sử, là do tư tưởng mà được. Thái tử Ma-la đoan nghiêm, ông như đứa trẻ thơ, còn nằm ôm gối, chưa có sắc dục, hướng chi là nên có tham dục buộc trôi tâm ý. Kiết sử là sử tham dục, ái.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn quán về việc phạm các tội lỗi?

Đáp: Như sử tham dục nhận biết có sức yếu kém, thọ nhận lời răn dạy để thâm giữ. Nếu người kia có sức, lời nói không có sai trái. Hoặc là người có tham thuộc hạng trung hạ, thì không hóa độ, tức không có năm kiết phần trên. Như vậy nên xét kỹ sự việc này không có khác, thế nên Đức Thế Tôn nhận biết.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo Bạt-đà-bà-lê có đầy đủ hạnh, nhưng giới kia không đầy đủ, thường ở nơi chốn tĩnh lặng, hoặc nơi núi rừng, tọa thiền. Do ở nơi chốn như thế để tọa thiền, nên Đức Thế Tôn mới nói lời chỉ dạy này: Chư thiên cũng lại chỉ dạy. Người trí phạm hạnh cũng chỉ dạy. Cũng tự mình chỉ dạy.

Hỏi: Thế nào là nghĩa chỉ dạy?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người bị quở trách là lời răn dạy tối thắng. Cũng chỉ dạy chư thiên, chỉ dạy người trí phạm hạnh, cũng tự chỉ dạy.

Hoặc có thuyết cho: Nên nói là thường quở trách. Đức Thế Tôn cũng thường quở trách: Người này không phải là đệ tử của ta. Chư thiên cũng thường quở trách: Sa-môn này không phải là Thích tử. Người trí phạm hạnh cũng thường quở trách: Đây không phải là pháp bình đẳng. Lại tự trách cứ răn dạy: Ta không phải là Sa-môn. Lại nữa, như thế là tán thán sự răn dạy bình đẳng của Đức Thế Tôn. Như thế là nghĩa thường quở trách của Đức Thế Tôn. Như Đức Thế Tôn nói: Thành tựu năm pháp ở nơi chốn tĩnh lặng, hoặc nơi núi rừng, tọa thiền, dùng y phục cũ xấu, nhận biết về dùng đủ (tri túc). Các thứ ăn uống, thuốc men trị bệnh đều tri túc, không tạo ra tưởng ái dục. Bây giờ, Đức Thế Tôn dùng nghĩa như thế để quở trách, chỉ dạy. Chư thiên cũng chỉ dạy. Như đã nói: Trí tăng thượng của thế gian và người phạm hạnh cũng lại chỉ dạy. Như nói: Thế gian tăng thượng, pháp tăng thượng, ngã tăng thượng.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Đó gọi là khổ. Đó gọi là khổ tập. Đó gọi là quán thứ nhất. Đó gọi là khổ tận (Diệt). Đó gọi là khổ tận xuất yếu. Đó gọi là quán thứ hai.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đó gọi là khổ, đó gọi là khổ tập, là quán về quả thật của nhân duyên. Đó gọi là khổ tận, đó gọi là khổ tận xuất yếu, là quán về quả thật của nhân duyên.

Hoặc có thuyết cho: Thứ nhất là quán kiết sử. Thứ hai là quán tịnh.

Lại có thuyết nói: Một là quán vốn đã tạo ra. Hai là quán đã vượt qua.

Lại có thuyết nêu: Thứ nhất là quán khổ. Thứ hai là quán không có khổ. Lại nữa, thứ nhất là quán hữu lậu. Thứ hai là quán vô lậu.

Như Phạm chí Ma-kiệt đàn-đề nói thế này: Ta thấy sắc đẹp, Bá-la-đọa-thệ của ông, ta thấy Sa-môn Cù-đàm ngồi trên chiếc gối màu đã hoại.

Hỏi: Nghĩa của câu nói ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Các căn nói là hoại. Phạm chí kia muốn nói về pháp nhãn vô sinh. Đức Thế Tôn tạo ra thuyết này: Các căn như mắt cũng là khác với sách vở của dị học. Phạm chí kia do sự xoay chuyển ấy, du hành nơi bùn lầy nhưng không thấy nhiễm ô.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Quán về uy lực kia, cũng quán về sự chỉ dạy. Không có uy lực, không có chỉ dạy, nên vì họ nói pháp.

Hỏi: Thế nào là có uy lực, có chỉ dạy, không phải vì họ nói pháp?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Do căn trí của người, nên mang tên là hành thiện. Lúc nói hành bất thiện, cũng khen ngợi sự chỉ dạy. Nếu đối với người kia, khen ngợi hành thiện, trừ bỏ hành bất thiện để giảng nói pháp bình đẳng.

Hỏi: Lại như Đức Thế Tôn vì người nói khen ngợi hành thiện, trừ bỏ hành bất thiện, là muốn cho Đức Thế Tôn khen ngợi sự chỉ dạy chẳng?

Đáp: Đức Thế Tôn cũng nhận biết giới luật này. Đức Thế Tôn không nói lời này: Người kia có răn dạy.

Hoặc có thuyết cho: Không có uy lực của công đức, tạo công đức của sự răn dạy nên có răn dạy, đều khen ngợi danh xưng của họ. Nếu không khen ngợi danh xưng kia, thì thật sự không có nghi, chỉ tùy thời nói pháp. Lại nữa, vì cũng không có phương tiện thiện xảo, nên tuy đã chỉ rõ truyền trao, nhưng cũng không răn dạy. Nếu có phương tiện, thì đối với người kia, cũng nên thận trọng từng bước để răn dạy họ. Không quán phương tiện, nhưng quán không phương tiện, là muốn khiến cho người kia nên vì họ phân biệt nói pháp, tùy thời tạo ra quán, đến khiến đạt được sở nguyện.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Do người nữ có tám sự việc trói buộc người nam: Ca, múa, bàn bạc, cười, nhan sắc, tiếp xúc, dáng dấp, hình thái.

Hỏi: Những gì là nghĩa ân ái?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thân thể bị thương tật là nghĩa ân ái.

Hoặc có thuyết cho: Thân thể thương tật, thân thể lành lặn là nghĩa ân ái.

Hoặc có thuyết nêu: Nghĩa của căn, tướng của căn, các căn tổn thương là nghĩa ân ái.

Đức Thế Tôn nói như thế này: Yêu tướng người nữ là nghĩa ân ái.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ông Phục Ba-già (Phạm chí), Như Lai có bốn cách thuyết pháp. Pháp ấy có vô lượng công đức, vô lượng pháp cú, vị của vô lượng pháp cú là nói rộng.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây gọi là bất thiện, đó gọi là ý thứ hai đoạn. Pháp kia lại diệt bất thiện, đó gọi là ý thứ nhất đoạn. Đây gọi là thiện, đó gọi là ý thứ ba đoạn. Pháp kia lại khiến tư duy, đó gọi là ý thứ tư đoạn. Pháp kia có vô lượng công đức, văn tự vô lượng, đó gọi là pháp cú. Thứ lớp của văn tự, đó gọi là vị của pháp cú.

Hoặc có thuyết nêu: Đó gọi là bất thiện. Đối tượng đoạn của khổ đế, đó gọi là tập đế. Khéo tư duy về tận đế, đó gọi là đạo đế. Pháp kia có vô lượng công đức, đó gọi là pháp cú. Vị của danh thân là vị thân.

Lại nữa, Như Lai nói pháp hữu tận, ứng hợp với tất cả pháp, nói do hai dấu vết: Dấu vết xuất yếu của thân tập bình đẳng. Dấu vết xuất yếu của thân tận bình đẳng. Pháp kia không có điên đảo, không có nhẫn, không có thiện. Có điên đảo này là có thoái chuyển. Trong nhẫn thiện có vô lượng công đức, do đó tạo ra thuyết này: Nghĩa là lời pháp cú, vị pháp cú diệt thân tự.

Như Trưởng giả Ưu-bà-lê nói: Như Lai, Thế Tôn ở trong đám đệ học bất thiện ngu si kia để chỉ dạy.

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không thể khiến người không tin lửa có thể thiêu đốt. Lại nữa, người không tin kia là hiện rõ nghĩa không có.

Hoặc có thuyết nêu: Hiện bày người không tin kia đã hết. Lại nữa, hoặc ở vào thời ấy, Ni-kiền-đồ (Tự là Ưu ba ly) không tin, nên ở trong pháp này hiện rõ là có tin.

Như Tôn giả A-nan nói: Tôn giả Xá-lợi-phất đã nhập Niết-bàn. Ta nay đối với Đức Thế Tôn tinh thần bị bế tắc, không nhận biết bốn phương, cũng không tư duy pháp.

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Thân không có đối tượng nhận biết là hiện thân hành ác. Không nhận biết bốn phương là hiện tâm không hành. Không tư duy pháp là hiện không đọc tụng.

Lại có thuyết nói: Thân không có đối tượng nhận biết là hiện thân nói lần nữa. Không nhận biết bốn phương là hiện tâm có ngu tối. Không tư duy pháp là hiện không nói pháp.

Lại có thuyết cho: Thân không có đối tượng nhận biết là hiện thân không hành. Không nhận biết bốn phương là hiện tâm có tán loạn. Không tư duy pháp là cũng không nghe chuyện xa xưa.

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Thức pháp như huyễn
Tối thắng nên nói.*

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Sắc là ngã sở. Nếu nhân duyên của đồng bọt nước nơi sắc kia hội hợp, thì vô số vật thành tụ dần dần tụ tập. Duy trì không bền chắc do tánh yếu kém, nên không được trụ lâu. Nhiều thứ oán đối gần gũi với oán đối, tạo nên sắc ái vương chấp như thế. Nhân duyên của sắc dục hội hợp là căn của xúc sắc vị hương. Như thế, vô số vật là căn bản của sắc. Ở nơi bào thai mẹ. Ở nơi thai lớn dần. Thời kỳ thọ mạng đi qua, vào lúc bấy giờ, dần dần tiến tới trước, tụ tập một xứ, có nam nữ tồn tại, nhận biết có xứ sở của chúng sinh, hình tướng của chúng sinh không bền chắc. Bền chắc tương ứng với tánh của nhân duyên yếu kém, tạo tác các hành, hóa ra từng ấy thứ oán đối tụ tập, tất nên tan hoại. Oán đối có sức thường bị trói buộc, tất nên hoại. Vì tụ tánh trụ gần gũi với oán đối, nên nói sắc như đồng bọt nước. Thọ như đám bọt bè nước nổi. Sắc kia như đám bọt bè trong nước khi mưa tuôn xuống cùng với gió hợp thành. Như thế là thọ của ngã, ngã sở tức cảnh

giới của các căn cùng với thức đồng sinh, nên nói thọ như đám bọt bèo của nước.

Tưởng như dương diệm, tức vào mùa hè oi bức, đầy nắng lửa, không có mây che, cũng không có gió bụi, không có nước uống, liền khởi tưởng nước. Như thế tạo ra tưởng của ngã, ngã sở, đều là huyễn hoặc chúng sinh, đều là điên đảo, nên nói là tưởng như dương diệm.

Hành như cây chuối: Hành kia như cây chuối, cao lớn và thẳng tắp, toàn là vỏ bao bọc với nhau, trong không có thật. Như thế, ngã, ngã sở không được trụ lâu. Tạo ra từng ấy thứ hành, nhưng không có thật, đều không bền chắc, nên nói hành như cây chuối.

Thức pháp như huyễn: Thức pháp kia như nhà ảo thuật, không có chúng sinh, tưởng cho là có chúng sinh. Thức của ngã, ngã sở là như thế, nên nói thức như pháp huyễn. Vì tối thắng là thích chủng, nên nói là tối thắng thuyết.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Người học sinh khởi ba thứ tổn hại.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của ba thứ tổn hại?

Đáp: Ba thứ này tụ tập nên nhận biết có bất tịnh, nghĩa là dâm, nộ, si (Tham sân si: Ba độc).

Lại như Đức Thế Tôn nói: Vua Ba-tư-nặc! Thế nào Đại vương! Ở nơi cỏ, tre, bụi rậm, hoặc đồng củi khô, dùng lửa để đốt các thứ cây cỏ kia, từng có vô số thứ hình khác chăng?

Đáp: Về nghĩa, mỗi mỗi thứ đều khác, âm thanh không đồng.

Đoan nghiêm trụ nơi vắng

Ngu si không răn dạy

Ưu-ba-ly đã nói

Sắc huyễn cùng ba độc.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Có bốn pháp xả. Thế nào là pháp xả? Như đã nói: Không phải là nghĩa của vị cú. Lại nữa, Khế kinh có lời

nói thành, như đã nói, tức là sáu quả của pháp xả kia. Nói Khế kinh này là pháp xả bỏ, như đã nói, tức là nghĩa kia.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Nếu Tỳ-kheo nuôi dưỡng người bệnh, tức cúng dường thân Ta không khác.

Hỏi: Thế nào là nuôi dưỡng người bệnh tức cúng dường Đức Thế Tôn không khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nuôi dưỡng người bệnh thoát khỏi tai ách khốn khổ.

Lại có thuyết cho: Phật, Thế Tôn là pháp thường. Nuôi dưỡng người bệnh là tăng trưởng các pháp.

Lại có thuyết nêu: Người kia không cúng dường, nhưng cúng dường Đức Phật, Thế Tôn.

Lại nữa, Đức Thế Tôn luôn thương xót những người bệnh, cũng như có lần nói với người nuôi bệnh nhân: Ông nuôi dưỡng người này tức là cúng dường Ta không khác.

Lại nữa, Đức Như Lai luôn tự thương xót chúng sinh. Vì thế cúng dường Đức Thế Tôn là hộ trì cho chúng sinh.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo! Ta sẽ giảng nói pháp, nghĩa lý thâm diệu, là vị của các pháp.

Hỏi: Thế nào là nghĩa? Thế nào là vị?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Danh là tướng của vị. Phân biệt danh, đây là nghĩa.

Lại có thuyết cho: Diễn bày rộng là nghĩa. Khiến ý vui thích là vị.

Lại có thuyết nêu: Tất cả danh là vị. Hiện vi diệu là nghĩa.

Lại nữa, nghĩa là dựa vào chương cú phần đoạn của Khế kinh kia. Dần dần tương ưng là vị.

Như đã nói: Bà-la-môn nói: Con người dựa vào nơi chốn nào?

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Nếu có tương ưng với sự lựa chọn được lợi ích lâu dài, tức là chỗ nương dựa của con người kia, nên có tên con người khởi sinh cùng với phương tiện. Cũng như dựa vào lúa gạo, tức có tên con người sinh khởi. Lúa, gạo dựa nơi đất. Đất bị nước cuốn trôi. Gió duy trì nước. Nên vào lúc ấy, gió hiện đầy đầy nơi hư không. Gió là thuộc về hư không. Không là thuộc về ánh sáng, sau đây nhận biết có hư không. Chiếu sáng là thuộc về mặt trời, mặt trăng. Ở đây khi ba cõi xoay chuyển, cho đến Phạm thiên, mỗi mỗi cõi đều cùng nói như thế. Phạm thiên, Phạm cao thiên, Đại phạm. Do nhân hoàn thành, nhân diệt các kiết.

Lại có thuyết nói: Dựa nơi Niết-bàn, dựa vào Niết-bàn để trụ.

Hỏi: Làm sao nhận biết được Đức Thế Tôn đã thành tựu giới, thành tựu tam muội, thành tựu trí tuệ?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do nơi A-hàm nên nhận biết được. Đức Thế Tôn cũng nói: Nay Ca-diếp ! Như Lai cũng không thấy trời, người, ma, Phạm thiên, chúng Sa-môn, Bà-la-môn nào, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn khác tự nói: Ta, giới thành tựu, định thành tựu, vượt hơn Như Lai. Trí tuệ thành tựu vượt hơn Như Lai. Giải thoát thành tựu vượt hơn Như Lai. Giải thoát kiến tuệ thành tựu vượt hơn Như Lai.

Hoặc có thuyết cho: Là thân Như Lai tạng. Lại nữa, thọ ký quyết định, ở trong pháp thân trí tuệ thành tựu, tức nhận biết tam muội thành tựu. Tam muội thành tựu tức nhận biết giới thành tựu. Giới thành tựu tức nhận biết có Niết-bàn. Ý của giáo pháp là không thể lường, cũng như tam muội trụ, nên ý cũng không tạp loạn, cũng không phạm giới. Thế nên Đức Thế Tôn, giới thành tựu là hơn hết, tam muội thành tựu là hơn hết, trí tuệ thành tựu là hơn hết.

Hỏi: Vì sao vô thường nói là tâm bất tương ưng hành, nhưng không có khổ, không, vô ngã?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vì vô thường không phải là pháp của tâm ý. Còn khổ, không, vô ngã là pháp của tâm ý.

Vô thường này là pháp đã suy niệm của tâm, cũng là pháp của tâm bất tương ưng. Nếu tạo ra quán không, tư duy về không, thì vô thường kia tức là không. Nếu tư duy về vô thường, không phải quán vô thường, thì sự tư duy ấy là vô thường. Nếu không tạo ra quán vô thường, thì vô thường khác, không khác.

Lại nữa, trí tuệ tập có khổ bệnh, nên nhãn nhận biết là không, vô ngã là vô thường.

Lại nữa, vô thường là vật không có tướng.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây không thể tạo tác như xứ sở ở tại nơi nhà. Hàng phạm hạnh Loa-văn cả đời tu hạnh thanh tịnh.

Hỏi: Nghĩa của Loa-văn, sự việc ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Xưa có người tiên tên Loa-văn, tinh tấn thuần thực đầy đủ, nhưng ở nơi nhà thì không có phạm hạnh.

Hoặc có thuyết cho: Như Loa-văn kia có hạnh thanh tịnh, nhưng ở nơi nhà thì không thanh tịnh, hành thiện cũng không thanh tịnh. Lại nữa, Loa-văn tạo ra thư văn, gió mưa không thể hủy hoại, ở nơi thế tục tu phạm hạnh, nhưng đây không phải là thanh tịnh. Như người A-na-hàm ở nhà, quyền thuộc vây quanh, đây không phải là hạnh thanh tịnh thiện chăng?

Hỏi: Thế nào là dùng thân tức có thể ẩn giấu hình không hiện?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tự hóa hình rất nhỏ.

Hoặc có thuyết nói: Hóa bốn đại vô sắc.

Hoặc có thuyết cho: Tư duy về phần nhẹ lên, khiến hình bay lên hư không, mắt thường trông thấy rộng lớn. Lại nữa, cảnh giới của thần túc không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Thế nào là thần túc hóa ra hình rất nhỏ?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hóa ra bốn đại vô sắc.

Lại có thuyết cho: Dùng vật lớn vào vật nhỏ, nặng dựa vào nhẹ, như đã sinh theo, lấy ánh sáng của đốm lửa trong ngọn lửa lớn. Lại nữa, cảnh giới của thần túc là không thể nghĩ bàn.

Như đã nói, người tiên có năm, lại nói là sáu.

Hỏi: Nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người tiên có năm, Đức Thế Tôn là trên hết, đây là nghĩa ấy. Lại nữa, trong năm Tỳ-kheo, Đức Thế Tôn là sáu, đây là nghĩa ấy. Như Tôn giả Bằng Kỳ nói: Ông lựa chọn niệm, thấy, nghe, nghĩ, biết.

Hỏi: Thấy, nghe, nghĩ ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nghĩa là kiết sử. Bất tận nói là kiết lưu. Tận nghĩa là lậu tận.

Lại nữa, các đối tượng được nghe, thuộc về phương tiện. Khi Bồ-tát nghe tất cả phương tiện kia, gọi là thấy, nghe, nghĩ, biết. Như Tôn giả Tân-đầu-lu nói: Như đại vương đã bảo: Phạm chí Yết-đà-bà-lê, ngàn ngàn không biết rõ, không thể tính đếm. Như người ngu kia, là vô minh, bất thiện, không phải là ruộng phước tốt.

Hỏi: Người ngu kia không phải là ruộng phước tốt, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Như người cày ruộng, không phân biệt ruộng tốt, người kia tức không phải là người của ruộng tốt, nên người ấy cũng không biết có ruộng tốt này, cũng không nhiếp chấp,

đó gọi là không phải ruộng tốt. Người kia cũng không nhận biết có là phải, không có là phải, cũng không nhiễm vương, đó gọi là không phải ruộng tốt. Lại nữa, nơi chôn hạt lúa sinh mầm, phải phân biệt tốt xấu, tức mới biết có ruộng tốt. Nhưng người kia không nhận biết. Đó gọi là không phải ruộng tốt.

Hỏi: Các đối tượng tranh tụng đều tương ứng với cõi dục chẳng? Nếu như tương ứng với cõi dục thì đều là tranh tụng chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các người có tranh tụng, tất cả người ấy đều tương ứng với cõi dục.

Hoặc tương ứng với cõi dục, nhưng những người kia không phải là tranh tụng. Hành giải nơi pháp không vương mắc không tương ứng với cấu uế.

Lại có thuyết cho: Hoặc có tranh tụng, nhưng sự tranh tụng kia không phải tương ứng với cõi dục? Là pháp nhiễm ô tương ứng với cõi sắc, vô sắc. Hoặc tương ứng với cõi dục, nhưng sự tương ứng ấy không phải là tranh tụng chẳng? Là pháp không nhiễm ô tương ứng với cõi dục và sự tranh tụng. Pháp nhiễm ô tương ứng với cõi dục. Hoặc không phải tương ứng với cõi dục, cũng không phải là tranh tụng: Là pháp không nhiễm ô tương ứng với cõi sắc, vô sắc và pháp vô lậu.

Hỏi: Các pháp không tranh tụng, tất cả pháp ấy đều tương ứng với cõi sắc, vô sắc chẳng? Nếu như pháp tương ứng với cõi sắc, vô sắc, thì tất cả pháp ấy đều là không tranh tụng chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các pháp tương ứng với cõi sắc, vô sắc, tất cả pháp ấy đều là pháp không tranh tụng

Tùng có pháp không tranh tụng, pháp ấy không phải tương ứng với cõi sắc, vô sắc chẳng? Là pháp không nhiễm ô tương ứng với cõi dục và pháp vô lậu. Lại nữa, hoặc pháp không tranh tụng, pháp ấy

không phải tương ưng với cõi sắc, vô sắc: Là pháp không nhiễm ô tương ưng với cõi dục và pháp vô lậu. Hoặc không tương ưng, không tranh tụng: Là pháp không nhiễm ô tương ưng với cõi sắc, vô sắc. Hoặc không tranh tụng cũng không là pháp nhiễm ô tương ưng với cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc: Là pháp nhiễm ô tương ưng với cõi sắc, cõi vô sắc.

Quán sự việc hiện tại.

Hỏi: Nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Những việc đã làm trong hiện tại, mắt đều thấy rõ, đó gọi là sự việc hiện tại.

Lại có thuyết nêu: Được các sắc căn, đó gọi là sự việc hiện tại.

Lại có thuyết nói: Có hai thứ hiện tại: Căn hiện tại, ý hiện tại. Ở trong căn hiện tại kia, nếu được sắc căn. Ý hiện tại, nếu ý đều không quán.

Lại có thuyết cho: Như tướng của nhãn thức kia, nên nói có ba thứ khổ, lạc. Có thọ kia ý liền có tưởng. Trong các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tư duy về tự tướng của chúng nên có thức sinh. Đó gọi là hiện tại.

Từ ngoài cảnh giới, thức kia cũng chẳng là cảnh giới có không.

Hỏi: Ngã, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ngã nghĩa là yêu chính mình, chấp trước nơi hình tướng.

Lại có thuyết nêu: Nội là ngã sở. Lại nữa, tự tánh các nhập, nhập ấy là ngã sở. Nhập khác không bền chắc.

Hỏi: Hiện tại và ngã, hai sự này có những gì khác nhau?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Duyên nơi vật có trước, đó gọi là hiện tại. Chấp nơi chính mình, đó gọi là ngã sở.

Lại có thuyết nêu: Thân giữ các căn đó gọi là hiện tại. Nội là ngã sở. Lại nữa, hiện bày rõ là duyên trước mắt. Nếu có ngã sở thì duyên ấy tự trái.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Này Phạm chí Tát-tỳ!

*Tạo tác hành các nghiệp
Đến Niết-bàn không nghi
Không có, có diệt tận
Tỳ-kheo không ở thai.*

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Là hiểu đạo. Tỳ-kheo kia do đạo này, tự dựng lên chỗ đứng, cùng do đạo này, nên tất cả kiết sử đều dứt hết. Vì thế nói là tạo tác hành các nghiệp.

Đến Niết-bàn không nghi: Tôi tắm được trừ bỏ, cuối cùng được trí.

Không có, có diệt tận: Nghĩa là sinh có, tử không có. Tỳ-kheo kia vượt qua sinh, lão, bệnh, tử này, để hiện bày sự tinh diệu kia.

Tự dựng lên chỗ đứng: Do tu phạm hạnh, do nương trụ nơi phạm hạnh của các đạo, cầu mong do nương dựa, lại không có. Như thế là có ở thai, có ấy đã dứt, gọi là thai tận.

Tỳ-kheo kia: Là ở trong việc cầu xin pháp, hiện rõ là đã diệt hết các thứ có, không có kia.

Như đã nói: Tuy có nhiều Bà-la-môn:

*Ta thấy trời, người đời
Không bỏ hành cầu tịnh
Nên ta lễ Đại tiên
Thoát ngã vô minh, nghi.*

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Như ta thấy, cùng với đầu gốc, nên nói là *Ta thấy trời, người đời*.

Không câu uế: Hiện không có hệ thuộc. Làm sao nhận biết được? Do nhất thiết trí lìa bỏ ái dục, trừ diệt dần nên không có câu uế. Tất cả Bà la-môn hành tịnh, vì đã thành tựu việc lìa bỏ ái dục, không có tranh tụng, nên nói là Bà la-môn. Lúc hành tập nghiệp, quán xét điều đã mong cầu, nên nói là lễ bậc Đại tiên. Điều mong cầu do đây nên là pháp lớn. Đức Như Lai của ta do pháp lớn này nên nói là đại. Do được trí, nên nói là thấy tam muội, giải thoát khỏi mũi tên nghi, để cuối cùng trao tam muội cho ta.

*Ta không kham giải thoát
Tây trừ Đầu đa hồ
Pháp là trí vi diệu
Như thế vượt dòng chảy.*

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Ta không kham giải thoát: Là tây trừ Đầu đa hồ (Phạm chí) tự hiện bày trong thể, hiện rõ pháp tịnh là trí vi diệu. Như thế là có thể vượt qua dòng chảy, duyên nơi hai đẳng kiến, có quán nhân của ngu, nhân của tịnh.

*Nghĩa trụ đem nuôi bệnh
Diễn rộng lý vô thường.
Sáu nghi, bốn nạn hoại
Hiện rõ tịnh chẳng kham.*

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Rốt ráo không sợ hãi
Không buộc cũng không nghi
Đã đoạn các tên hữu
Đây là thể sau cùng.*

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Có hai thứ rất ráo: Dục rốt ráo diệt tận và việc làm đã rốt ráo thành tựu. Tu phạm hạnh do đây vượt qua. Cuối cùng duyên nơi lý tu định, do trí thiện của nhân này. Cũng không sợ hãi, ở trong thể vô ký cũng không lo sợ, cũng không kinh sợ đối với già, bệnh, chết, nên nói là không sợ hãi. Như có Phạm chí khác, không do thật trí, không do oai nghi chân thật, liền tạo ra lời này: Khen ngợi kia, đây, rồi khen ngợi thân mình. Trí cứu cánh này không như trí cứu cánh đã thành tựu của thuyết kia, nên nói là không phá hủy. Giới cấm thủ kia diệt hết nên là tận sinh, nên nói đây là thể sau cùng. Ái của ba cõi đã hết, cũng không có buộc chấp là quán này, gọi là duyên kia, nên nói là lia mũi tên nhọn của ba hữu. Nhân duyên vĩnh viễn tận không còn gì.

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Đây là cứu cánh nhất
Dấu vết diệt trên hết
Diệt tất cả các tướng
Dấu tịnh mãi thường còn.*

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Đây là cứu cánh nhất: Là hiện bày sự cứu cánh dừng nghỉ, hiện rõ ba lửa chấm dứt, hiện bày Niết-bàn hữu dư. Dấu vết là hiện rõ xú tạo tác của trí.

Diệt tất cả các tướng: Là tướng chúng sinh, phương tiện của chúng sinh đã hành tác là hình tướng đầu tiên, chính giữa và sau cuối. Tạo tác là quán tất cả kiết.

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Sau cùng ái niệm ngữ
Nhờ tình thân bè bạn*

*Không nên làm liền nói
Người trí đều phân biệt.*

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Lời nói ẩn giấu cùng với chúng sinh tương ứng, nên gọi là ngôn ngữ của ý niệm. Ở đây bạn thân hiện có có hai lợi ích. Không lợi ích của người kia theo kia đây. Hai bạn thân khi chỉ rõ trao truyền cho người kia. Người trí đều phân biệt nhận biết. Do kiết kia đây nên kia đây cùng đồng.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ngay từ bây giờ, lúa rất quý đối với sự đói kém. Sinh mầm, không sinh hạt.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của mầm?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do ăn nên trao truyền, trừ tính, vì thế nói là mầm.

Lại có thuyết cho: Vì trừ tính, lựa chọn, nên nói là mầm. Gieo trồng hạt giống sinh khởi một cộng, một thân, nên nói là cộng. Lại do vô số hạt lúa cũng không sinh mầm, nên nói là mầm.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo nên học tự nhiên, tự nương dựa nơi pháp như thế, là nương dựa nơi pháp không nương dựa thứ khác.

Hỏi: Ngã như thế, pháp như thế, pháp quy mạng có những gì khác nhau?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ngã như thế là ngã tốt, tự biện biệt về sự của ngã kia. Pháp như thế là hoan hỷ, phần khích.

Hoặc có thuyết nêu: Ngã như thế là nội thân, quán thân thọ tâm pháp. Pháp như thế là ngoại thân, quán thân thọ tâm pháp.

Lại có thuyết nói: Ngã như thế là tư duy làm rõ điều ác. Đối với pháp, thuận theo pháp, là pháp như thế. Lại nữa, thân cận thiên tri thức và nghe chánh pháp là ngã như thế. Tư duy làm rõ về ái dục,

biện biệt về chúng là pháp như thế. Dẫn dạy về dục, biện biệt về sự việc kia, là muốn đối trị các sự việc như thế, tức là sự việc ấy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Này A-nan! Nếu sinh là ý, thì Ta có là Tỳ-kheo Tăng đã duyên. Ta có là Tỳ-kheo Tăng. Ta nên bảo vệ Tỳ-kheo Tăng.

Đức Thế Tôn lại nói lời này: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đang tìm kiếm Tỳ-kheo Tăng nhưng Ta thường không thu nhận, huống chi là ông? Ông đâu phải là người ngu độn ăn đàm dãi.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Như Đức Thế Tôn kia đối với việc Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đang tìm kiếm Tỳ-kheo Tăng, nhưng Đức Thế Tôn thường không thu nhận.

Hoặc có thuyết nêu: Đức Thế Tôn từ định từ khởi, muốn tìm kiếm Điều-đạt. Hoặc Đức Thế Tôn từ tam muội định khởi, Tôn giả A-nan nêu câu hỏi này. Lại nữa, hiện đang dựa vào ngã tận, do câu Khế kinh trước nói: Ta nên che chở đệ tử. Tức do hai câu Khế kinh, không phải là nhân duyên của Ta, nên từ bi đối với Điều-đạt kia.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Có mười pháp ái này, nên dứt bật mọi suy niệm, do chúng đã thấm ướt khắp thế gian, thật đáng kinh sợ. Vì sao? Vì người giữ giới, đa văn, phạm hạnh phải dứt bật ái kiến mới có hoan hỷ vui thích.

Hoặc có thuyết cho: Tạo ra quả thiện. Lại nữa, tạo ra rất nhiều tướng.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Trưởng giả Bà-la-môn Na-ca-tân-nhan nói như thế này: Mắt thấy sắc tức liền vui thích.

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Như hình này, người kia không có ca múa, xông hương, xoa nơi thân vì giá trị của hương là rất quý.

Hoặc có thuyết cho: Nhân dùng kỹ nhạc để vui đùa, thế nên nói như vậy. Lại nữa, vì duyên theo dục của người nữ, nên nói lời ấy, không phải ở nơi cảnh giới không vắng vẻ, có thể tạo ra nắm giữ các thứ dục ái, lợi, suy, chê, khen. Cũng có khi lợi dưỡng, nên cư trú ở núi, đầm, rừng suối.

Như Tỳ-kheo ni Đàm-ma trần-na nói: Lạc thọ bị dâm sai khiến, khổ thọ bị giận sai khiến, bất khổ, bất lạc thọ bị vô minh sai khiến.

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là lời răn dạy của Đức Như Lai.

Lại có thuyết cho: Đây là nghĩa nơi lời khuyên dạy của Đức Như Lai: Nên nói điều đáng nói. Nên nói điều không đáng nói.

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói điều đáng nói. Vì sao? Vì như Đức Thế Tôn nói: Ta sẽ giảng nói pháp có nghĩa, có vị. Vị đáng nói nên diễn nói, vì thế nghĩa cũng đáng nói. Nếu như nghĩa không thể nói, thì thuyết pháp tức không có nghĩa.

Hỏi: Nói nghĩa là nói vị, cả hai đều cùng nói. Thời của nghĩa vị là có nghĩa, có vị. Nếu đã nói là muốn khiến cho nghĩa vị khác với pháp chẳng? Nếu như nghĩa lý khác với pháp, thế nên không như văn của Khế kinh.

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nghĩa có thể gọi là nghĩa lần lượt, đó gọi là danh. Đối với nghĩa, nên nói điều không thể nói. Lại nữa, tưởng đã tạo ra lời nói, vô tướng đã tạo ra nghĩa, thế nên nghĩa không thể nói.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ta sẽ giảng nói pháp ban đầu thiện, giữa thiện, sau cuối thiện.

Hỏi: Thế nào là ở trong pháp này giáo hóa? Thế nào là ban đầu? Thế nào là giữa? Thế nào là sau cuối?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Giới là ban đầu. Tư duy làm rõ về ác là giữa. Niết-bàn là sau cuối.

Lại có thuyết nói: Ban đầu học là đại giới. Giữa học là tâm tăng thượng. Học sau cuối là trí tuệ tăng thượng.

Lại nữa, khi giảng nói pháp, duyên nơi ban đầu hiện, ban đầu thọ nhận hóa độ. Thọ nhận hóa độ xoay chuyển là giữa. Sau là cứu cánh.

Ở đây người kia ban đầu là kết nối với phần gốc. Giữa là kết nối với phần gốc. Sau cuối cũng là kết nối với phần gốc. Nên nói là ban đầu thiện, giữa thiện, sau cuối thiện.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Như đã nói: Do ba sự không quên nên tưởng nhớ. Nhận lấy tướng gốc, tự duyên vật của mình, không mất diệu chỉ của tướng gốc kia.

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Cảnh giới của gốc xưa, nhận giữ, bảo vệ, vì tưởng đã nhận lấy, duy trì, nên nói là thuộc về tướng gốc. Tự nhiên đối với nhân duyên xoay chuyển của chính mình. Tự nhiên là phương tiện tự nhiên, thân cận tự nhiên, nên nói là tự nhiên. Đối với chính mình, thường xuyên hàng phục tâm, tức có thức hộ trì, nên nói chí ghi nhớ mạnh mẽ không quên.

Như đã nói: Như thế, ở trong các pháp, pháp trụ, pháp không, pháp duyên như thật, là nhân duyên, đó gọi là nhân duyên sinh.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Như thế, ở trong các pháp là người kia tu hành pháp. Pháp trụ là không có biến đổi. Pháp không là quả thật của nhân duyên. Như thế, nhận biết tu hành, nhân duyên không khác, là quán hành đã tạo nên.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Xúc là một góc. Xúc tập là hai góc, là trong xứ của thọ.

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Xúc là một góc, việc đã làm là tập tướng. Xúc tập là hai góc, tức ở trong xứ của thọ là khác. Lại nữa, vô minh xúc, xúc nơi sáu nhập là tập. Vô minh sinh xúc là ở trong xứ của thọ.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Vì thế Tỳ-kheo nên học như thế. Như tướng xuất gia, hàng phục tâm mình.

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là lời khuyên dạy của Đức Thế Tôn. Ngay từ bây giờ, vì cầu giải thoát nên xuất gia học đạo. Lại nữa, vì cùng xuất gia nên nói lời này.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, đồng tử Ma-la, Tỳ-kheo khác, nên làm những gì? Khi tuổi còn quá trẻ, xuất gia chưa lâu, học đạo ngày càng cạn, đến nhập nơi pháp này cũng lại chưa lâu. Làm sao ông nay tuổi đã già, hình hài đã thuộc về trưởng lão, lại muốn cùng với ta nhanh chóng cầu răn dạy?

Hỏi: Khi nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tỳ-kheo trẻ tuổi lại có suy nghĩ: Người này tuổi già mới muốn tu học. Chúng ta cũng nên về sau mới tu học. Rồi tự ý phóng túng trong công việc làm.

Lại có thuyết nói: Tỳ-kheo trẻ tuổi liền khởi suy nghĩ này: Tỳ-kheo này tuổi già như thế, cũng không có pháp đạt được, huống chi là chúng ta đâu có đạt được gì, liền không có chí dũng mãnh.

Lại có thuyết nêu: Tỳ-kheo trẻ tuổi kia nên nhận biết thế này: Tỳ-kheo kia là cầu giáo huấn, huống chi chính người ấy cầu đạo.

Lại có thuyết cho: Rất nhiều người đã thấy nghe Tỳ-kheo trẻ tuổi, huống chi là chúng ta. Tỳ-kheo kia cầu giáo huấn, huống chi Tỳ-kheo trẻ tuổi lại không cầu giáo huấn chẳng?

Lại nữa, đây là lời phó chúc của Đức Thế Tôn: Mọi người chớ nên có ý mỗi một, chán bỏ. Vì sao? Vì nhiều kiếp xa xưa, Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác đã từng ngồi thiền tại chốn vắng vẻ nơi núi đầm rừng suối. Lại còn ca ngợi từng ấy sự việc. Nay tuy không ở trong đó, nhưng Đức Thế Tôn đã khen ngợi công đức tu tập ấy.

Hoặc có thuyết nói: Thời xa xưa, không có nơi chốn vắng lặng, vì núi đầm, rừng rậm, thôn xóm liên tiếp nhau, loài gà đều bay qua lại.

Hỏi: Nếu như không có nơi chốn thanh vắng thì vì sao hiện nay Đức Thế Tôn lại khen ngợi?

Đáp: Đức Thế Tôn khen ngợi về đức ở nơi chốn thanh vắng của quá khứ.

Lại có thuyết nói: Vào thời ấy, Đức Phật giáo hóa chúng sinh, bấy giờ không lấy chỗ ở thanh vắng để làm sự việc giáo hóa, vì sợ chúng sinh không vào được trong giáo luật của Phật.

Lại có thuyết cho: Bấy giờ chúng sinh rất quý trọng tư duy định, không thừa nhận ở chốn tĩnh lặng thanh vắng kia. Do vậy, Đức Thế Tôn phải thọ nhận hóa độ chúng sinh trong thôn xóm, khởi quán làm rõ các việc xấu ác.

Lại có thuyết nêu: Lúc ấy, ý chúng sinh phần nhiều vương chấp nơi vui thú, đều không thuận theo nơi chốn thanh vắng. Vì sợ Tỳ-kheo chán không chịu ở chốn thanh vắng, nên Đức Thế Tôn đã khen ngợi đức tu tập ở đây.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Lời này là lời của câu Khế kinh ấy, ai có thể kham nhận? Điều-đạt đã có lần biện luận ở trước Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn cũng không trụ trong ấy. Các người vui thích

đổi với việc Điều-đạt phá hoại Tăng chúng nên khen ngợi việc làm kia, cho là Đức Thế Tôn cũng nên theo như thế. Người kia không có duyên, cũng không phải người kia không có phản nghịch. Cũng không thể có Tỳ-kheo thiện như thế, ở trước Đức Như Lai lại nghe theo lời nói xấu ác của người kia. Vì sao? Vì pháp tương ưng với công đức của Đức Thế Tôn, không người nào có thể nhận biết. Các người ở chốn thanh vắng, lễ kính, thừa sự, nên nhận biết người kia, vì vậy Đức Thế Tôn không chấp nhận. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn vốn là bậc Đẳng Chánh Giác, cho đến chứng biết đệ tử cùng pháp trụ. Sau đây Đức Thế Tôn Thế Tôn lại lâu nhập Niết-bàn, bấy giờ lại trụ.

Hoặc có thuyết cho: Chúng sinh kia là do Đức Phật hóa độ, thế nên Thanh văn không thể giáo hóa.

Lại có thuyết nêu: Bấy giờ, chúng sinh quý trọng pháp chỉ quán, nên thời ấy Đức Phật đã thuyết giảng pháp này. Lại nữa, vào thời bấy giờ, tuổi thọ của Đức Như Lai là rất dài. Thời đó cũng như đất Diêm-phù-lợi hiện nay, sau đây thì tuổi thọ ngắn dần, chỉ từng ấy ở đời. Vì các chúng sinh nhận lấy sự hóa độ và nẻo khác, Ta xem Khế kinh xưa nay đã nói là lời răn dạy hàng Thanh văn.

*Nói xong đời sáng, ngã chúng Tăng
 Ai không có thọ không thể nói
 Khéo nêu ba pháp cùng với xúc
 Tuổi trẻ đoan nghiêm khen ngợi gốc.*

Kiên độ Cánh Lạc thứ bảy xong.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP

QUYỂN 7

Phẩm thứ 8: KIỀN ĐỘ KIẾT SỬ

Hỏi: Cầu uế nên nói là thuận theo điên đảo hay nên nói là không thuận theo điên đảo?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hoặc thuận theo điên đảo, hoặc không thuận theo điên đảo. Bốn điên đảo nên nói là thuận theo điên đảo. Dục, mạn, sân hận, tà kiến, nên nói là không thuận theo điên đảo.

Hỏi: Thế nào là không như thật nhiễm? Cũng nói quán như thật, quán ấy tức nhận biết, thế nên không cùng tương ưng chăng?

Đáp: Tụ tập liền có thể nhận biết, cũng không phải là tụ tướng. Nếu quán tụ tướng nhận biết, thì đều có ý chán ngại. Không có tụ tướng thì ý không xoay chuyển.

Hỏi: Như tụ tập có thể nhận biết, thì tụ tập ấy tức có dục. Quán điên đảo kia như quán tụ tướng, liền nhiễm chấp, không có không nhiễm chấp. Không có tụ tướng, ý không xoay chuyển chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là thuận theo điên đảo, cùng với si tương ưng.

Hỏi: Ngụ si không cùng với ngu si tương ưng, là muốn khiến ngu si thuận theo điên đảo chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là không thuận theo điên đảo. Nếu như điên đảo tùy theo điên đảo, thì điên đảo kia tức không đoạn dứt, không phải do điên đảo trở lại diệt điên đảo.

Hỏi: Như tâm tâm pháp thiện, vô ký, không tùy theo điên đảo, thì điên đảo kia cũng có thể diệt. Cấu uế cũng như thế chẳng?

Đáp: Tâm tâm pháp thiện, vô ký trở lại nối tiếp như cũ. Kiết có thể khiến vĩnh viễn không có, thế nên kiết kia phải nói là điên đảo.

Lại nữa, nên nói là không thuận theo điên đảo. Cùng với chí tà tương ưng với sử, không cùng thuận nhau sinh, không thành tựu. Chỉ có tà kia tạo thành bất tịnh.

Hỏi: Vì sao cho thân kiến là điên đảo bất tịnh, không thể có hại, không có thật ngã, khiến thân kiến xoay chuyển?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ý có tướng tịnh, bất tịnh xoay chuyển. Không có tướng tịnh. Tướng kia hoặc có tịnh, hoặc bất tịnh.

Hỏi: Nếu có tịnh thì tịnh ấy có điên đảo chẳng? Tướng kia hoặc nói là có thường, hoặc nói là vô thường là muốn khiến cho tướng vô thường không thành tựu chẳng?

Đáp: Tướng vô thường không thành tựu. Nếu như tướng thường, vô thường không thành tựu, thì thường, vô thường kia cũng nên có tướng. Nhưng vì không phải là tướng, thế nên tướng vô thường không thành tựu.

Hoặc có thuyết cho: Kiến điên đảo cùng với ngu si tương ưng. Bất tịnh không phải là điên đảo, cùng với trí tương ưng.

Hỏi: Ngu si không cùng với ngu si tương ưng, là muốn khiến cho ngu si không phải là điên đảo chẳng? Trí không cùng với trí tương ưng, là muốn khiến cho trí điên đảo chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thân kiến là cấu uế. Cấu uế cùng với điên đảo thuận theo nhau, thế nên thân kiến là điên đảo, bất tịnh. Do

công của trí nên trí, không trí, không tùy theo điên đảo, vì thế bất tịnh không phải là điên đảo.

Hỏi: Cầu uế tương ưng với tâm tâm pháp, nhưng không phải là cầu uế vướng mắc, là muốn khiến cho cầu uế kia thuận theo điên đảo chẳng? Trí tương ưng với tâm tâm pháp, nhưng không phải là trí, là muốn khiến cho trí kia thuận theo điên đảo chẳng? Lại nữa, như chủng loại điên đảo kia, tướng bất tịnh cùng với nhiễm chấp, không thể khiến cho tự tướng của các ám có đối tượng nhiễm chấp. Như ám không có ngã thành tự. Như chủng loại ám, tịnh thành tự. Thế nên, thân kiến điên đảo, nhưng không phải là bất tịnh. Vậy tất cả các kiến gồm sáu mươi hai kiến hay là sáu mươi hai kiến gồm sáu mươi hai kiến?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tất cả các kiến gồm sáu mươi hai kiến, không phải sáu mươi hai kiến gồm sáu mươi hai kiến.

Hỏi: Như Phạm chí Tát-tỳ đã nói: Ba cho đến ba mươi sáu thứ loại khác, vì sao đây không phải là các kiến?

Đáp: Sự việc này là như thế. Hai cùng sáu mươi cũng lại như thế.

Hoặc có thuyết cho: Tất cả các kiến gồm sáu mươi hai kiến, không phải sáu mươi hai kiến gồm sáu mươi hai kiến. Không gồm sáu mươi hai kiến là những thứ gì? Niết-bàn kia nói không có Niết-bàn đều cùng sinh, đến năm tà kiến, không có một tà kiến. Lại nữa, sáu mươi hai kiến đã sinh ra kiến, nên nói là thuộc về.

Hỏi: Như Phạm chí Tát-tỳ đã nói: Ba cho đến sáu mươi. Sa-môn dựa vào trí tuệ, dựa vào tướng của trí tuệ, dựa vào tướng chữ, nên các cầu uế đã hết. Thế nào là sáu mươi ba kiến?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có sáu mươi ba kiến. Chính là có hai kiến này.

Hoặc có thuyết cho: Nói không có Niết-bàn là tà kiến, đó gọi là sáu mươi ba kiến.

Hoặc có thuyết nêu: Nói người không có đạo là tà kiến, đó gọi là sáu mươi ba tà kiến.

Lại nữa, đối tượng kiến chấp đó gọi là sáu mươi ba kiến.

Hỏi: Như thế, năm tà kiến, thân do dự kiến, tà kiến, trộm kiến, trộm giới, kiến cho không có nhân sinh ra là thuộc về những kiến nào? Kiến đến chết không bỏ là thuộc về những kiến nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Kiến cho không có nhân sinh ra (Kiến chấp cho các pháp sinh ra đều không có nhân), nói là có nhân là tà kiến, do tập đế đoạn. Lại có kiến cho đến chết không bỏ, là vô tác nói là hữu tác, đây là trộm giới, do khổ đế đoạn. Lại nữa, kiến cho không có nhân sinh ra, là kiến không có thuộc về kiến có.

Hỏi: Kiến đến chết không bỏ, nên nói là thuộc về kiến có, do những kiến nào khiến sử đã hết, sử lại tương ưng với tâm sinh chăng? Nhưng không có nhân duyên?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhân duyên: Là nhân duyên khiến kiết sử liền dứt hết. Chưa dứt hết là chưa trọn vẹn. Dứt hết thì không sinh lại.

Hỏi: Như đế là duyên vô lậu, kiết sử có dứt hết không dứt hết nghĩa là nhân duyên của duyên tận chăng?

Đáp: Duyên đã dứt hết trọn vẹn, đó gọi là diệt.

Hỏi: Duyên này không đồng với các sử, duyên chưa dứt hết liền dứt hết, vì thế không phải là duyên. Do đó kiết sử liền dứt hết chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thường tương ưng với không có, không tương ưng với thời gian.

Hỏi: Không phải là nhân duyên chăng? Lại nữa, hoặc có khi không là duyên kia chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Chưa dứt hết duyên kia, tức là duyên. Lại do duyên này nên lại không còn sinh. Lại nữa, dứt hết là không sinh lại.

Hỏi: Nếu duyên nơi các kiết sử hữu lậu dứt hết, nên thường thường duyên kia không còn sinh lại nữa, chẳng diệt cũng chẳng sinh, là muốn khiến cho tâm vô lậu là duyên kia chẳng? Kiết sử chuyển sinh kiết sử chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Một sinh, một trụ, một diệt tương ưng với duyên kia, không phải như duyên hữu lậu đã hết, đều ly tán không còn ở một chỗ. Tâm hữu lậu kia có sử, không như duyên hữu lậu kia.

Hỏi: Tâm hữu lậu kia chưa dứt hết. Các sử tương ưng với một khởi, một trụ, một tận, không như duyên hữu lậu kia, là muốn khiến không đoạn trừ là duyên hữu lậu kia. Kiết sử không phải là duyên của kiết sử chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Các sử tương ưng cùng với tâm cùng trụ, không như duyên kia. Thế nên đã dứt hết là sử tương ưng. Tâm hữu lậu kia có sử, không như duyên kia. Đây cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết nêu: Các sử tương ưng với những nhiễm chấp nơi tâm, không như duyên kia. Vì vậy đã hết tương ưng với kiết sử. Tâm hữu lậu kia có sử, không như duyên kia. Điều này cũng như trên đã nói.

Hoặc có thuyết nói: Sử tương ưng nghĩa là tâm ấy nhiễm ô, không như duyên kia, vì thế đã dứt hết các sử tương ưng. Tâm kia có sử nên không như duyên kia. Việc này cũng như trên đã nói.

Lại nữa, nếu như nên như duyên ấy, tâm kia có sử, cũng thấy tâm vô lậu duyên nơi sử, tức duyên kia có sử.

Lại nữa, các sử tương ưng nên nói tâm kia có sử, hoặc hết, hoặc không hết, như vua có uy lực, mọi mong muốn đều tự đến.

Hỏi: Vì sao tà kiến tương ưng với cõi dục? Nói là khổ của cõi sắc, vô sắc, nhưng không phải bị cõi kia sai khiến?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Bị sai khiến do cõi của mình, không liên can đến cõi khác.

Hỏi: Đây cũng là điều tôi nghi. Vì sao không liên can đến cõi khác? Nếu như ở cõi dục tạo ra cõi khác, là muốn khiến cho cõi hữu lậu tạo ra cõi tự có, vì tà kiến nên cõi kia cũng bị sử sai khiến chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì cõi kia ít mạn, được lìa bỏ dần, thế nên cõi kia không phải bị sử sai khiến.

Hỏi: Nếu lìa bỏ mạn, ở trong cõi của chính mình cũng nên lìa bỏ, vì vậy nơi cõi của mình cũng bị sử sai khiến chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không phải do kiến kia mà có chỗ nghi, cũng không duyên nơi cõi kia.

Hỏi: Vì sao cõi kia có hay không có pháp được thuyết giảng này?

Đáp: Có. Nếu cõi kia dùng sự thuyết giảng này khiến người nói, thì sự thuyết giảng ấy không phải là nghĩa của nó, vì không có lợi ích lâu dài.

Hỏi: Không có khổ nào nên người kia cũng không có suy nghĩ này: Có đối tượng thuyết giảng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nhận biết nhưng nói là không. Nếu như nên nhận biết nhưng nói là không, thì đây không phải là khổ trí chăng? Vì sao nói không có khổ? Nếu không nhận biết, không hề nhận biết, vì sao nói là không có? Thế nên đều không có sự việc như vậy.

Hỏi: Nhận biết nhưng nói là không. Không nhận biết mà nói là không. Nếu như không nhận biết về điều biết mà nói là không, hoặc đã không nhận biết thì sao nói là không? Thế nên là không có.

Lại nữa, duyên nơi sử, bị sử sai khiến, vì sao duyên kia không bị sử sai khiến?

Lại nữa, người kia thấy cõi không có xứ nhất định, tất cả là có khổ, nhưng nói là không, là muốn khiến cho cõi dục vượt thứ lớp duyên kia cho là bất tận. Nhưng duyên kia đã cùng với cõi dục tương ưng. Vì sao duyên nơi Niết-bàn kẻ tà kiến nói là không có Niết-bàn? Nhưng không ở nơi cõi kia bị sử sai khiến?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì duyên kia không có sử áy.

Hỏi: Không thể hủy báng duyên kia, là muốn khiến hủy báng duyên nơi Niết-bàn chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Lời nói hủy báng là cách xa Niết-bàn, thế nên không ở nơi cõi kia bị sai khiến.

Hỏi: Pháp hữu lậu cũng lìa bỏ mọi hủy báng, vì thế hữu lậu cũng bị sử sai khiến chăng?

Đáp: Việc này cũng như trên đã nói. Đã nói sự hủy báng, tức cũng như gốc không khác, là có sự hủy báng này.

Lại nữa, nếu duyên nơi sử không bị sử sai khiến, thì trong âm (Uẩn), trì (Giới), nhập (Xứ), kiến kia không có xứ sở sinh khởi. Nhưng đã có sinh thì vì sao Niết-bàn không bị sai khiến?

Hỏi: Vì sao trong Niết-bàn không có giận dữ?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì Niết-bàn này không phải là cảnh giới của giận dữ.

Hỏi: Người kia hủy báng cảnh giới, là muốn khiến sự hủy báng không duyên nơi Niết-bàn chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Pháp hữu lậu nên có giận dữ, không là Niết-bàn. Do vậy duyên nơi Niết-bàn không có giận dữ.

Hỏi: Pháp hữu lậu nên có giận dữ, vô lậu là Niết-bàn, là muốn khiến cho giận dữ không phải là duyên của Niết-bàn chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Dùng phương tiện từ bỏ chúng sinh, nên có giận dữ đầy khởi, nhưng Niết-bàn không phải là giáo pháp của chúng sinh, thế nên duyên nơi Niết-bàn không có giận dữ. Pháp hữu lậu trong số chúng nên có danh là sinh khởi. Lại nữa, không có tướng tạo tác tức nhanh chóng có giận dữ đầy khởi. Nhưng Niết-bàn không có sự tạo tác, do đó trong Niết-bàn không có giận dữ.

Hỏi: Nếu tạo ra thuyết này: Tôi tất bị đọa vào địa ngục, không cần Niết-bàn. Vậy tâm kia cùng với kiết nào tương ưng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cùng với giận dữ tương ưng.

Hỏi: Duyên nơi Niết-bàn có giận dữ chăng?

Đáp: Tâm nhiễm kia tương ưng với số của vô minh. Tâm kia không nhận biết Niết-bàn. Lại nữa, tâm kia nên nói là cùng với ái tương ưng.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo ở đây trong cõi dục có trời Hoan hỷ lạc (Là câu Khế kinh nói rộng).

Hỏi: Vì sao vị trời kia mạng chung, thọ nhận hình tướng, liền tự nhớ lại: Ta vốn là trời Hoan hỷ lạc, rồi khởi suy nghĩ: Ta vốn là trời Hoan hỷ?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Thoái chuyển ở cõi trời kia, lại khởi suy nghĩ này: Không ở nơi cõi dục khởi tưởng về ngã, ngã sở của cõi kia.

Sinh trong cõi dục, nhớ lại thọ mạng đời trước đã từng trải: Ta vốn là thân mang tên họ ấy. Như thế là khởi tưởng về ngã, ngã sở, là muốn khiến trời kia cho là thoái chuyển chăng?

Lại nữa, các danh sắc hiện có là nhân duyên của cõi dục tương ưng với kiết sử. Vị trời kia tức có sự ghi nhớ mạnh mẽ, lại khởi suy nghĩ này: Lúc vừa sinh ra, xét kỹ là có thế nguyện.

Lại nữa, tưởng của ta thấy biết không quán đoạn diệt. Lại khởi suy nghĩ: Vì như nhau nên phạm phu vốn là trời Hoan hỷ lạc.

Hỏi: Vì sao người phạm phu không ở nơi khô quán khổ mà các kiến do dự, thân kiến tương ưng với cõi dục cho đó là đoạn diệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Bất tịnh diệt tham dục, hiện cứu vớt một thứ khổ, cũng dùng tư duy để đoạn.

Hỏi: Do bốn đế đoạn, không phải do tư duy đoạn chăng? Đây là do hai thứ cùng đoạn hay là một thứ? Do bốn đế đoạn thì dứt hết. Nếu do tư duy đoạn thì không dứt hết, không xả bỏ.

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vô số thứ kiết đã dứt hết, vĩnh viễn dứt hết, dần dần dứt hết. Đối với thân kiến kia đã dứt hết, nhưng không hoàn toàn dứt hết.

Hỏi: Nếu kiết dần dần dứt hết, lại cũng nên không sinh, tức cũng nói có ba thứ thân kiến: Thân kiến kiết sinh. Thân kiến sử tận. Thân kiến nơi pháp của xứ sở, liền có đối tượng soi chiếu. Ở cõi kia tạo ra quán làm rõ việc ác. Như thế, sử thân kiến liền sinh. Lại nữa, sinh mười tướng về pháp đã gieo trồng nên tạo ra lời ấy. Như thế ý đã đoạn, không ở nơi trung gian, thuộc đạo Hiền Thánh có thể đoạn kiết sử?

Đáp:

*Kiến bất tịnh điên đảo
Năm kiến giới Tát-tỳ
Hai thứ cùng giện dữ
Địa ngục, đức gốc khổ.*

Hỏi: Vì sao kiến do dự, thân kiến tương ưng với cõi dục, nói là vô ký, nhưng không phải là bất thiện?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Kiết kia không phải là hành của thân miệng ý lớn có thể tạo tác.

Hỏi: Cũng có kiến đế khác đoạn trừ kiết, do thân miệng sinh ra, là muốn khiến các kiến kia nói là vô ký chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Do thân kia có hơn, kém.

Hỏi: Làm sao nhận biết được là có hơn, kém?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Kiết kia lúc tăng trưởng, nên không sinh nơi nẻo ác.

Hỏi: Kiết kia chưa hẳn là bất thiện, cho đến nhập nơi nẻo ác?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Bất thiện có báo, kiết không có báo, thế nên kiết này là vô ký.

Hỏi: Như kiến kia lúc thọ nhận hình tướng, vì sao không có báo? Lại nữa, nếu như kiết kia tạo ra kiến điên đảo này không có xứ an ổn, vì sao không có bất thiện? Kiết kia tức nên có kiến ấy là không có báo, vì thế là bất thiện. Vì sao có cấu ứ thọ nhận báo bất thiện, thế nên là vô ký? Sự việc này là không đúng. Đức Thế Tôn cũng nói: Tỳ-kheo như thế là người ngu si, tức là căn bất thiện. Nếu phải nói là vô ký, thì sự việc này không đúng. Vì sao? Vì sử tương ưng với cõi sắc, cõi vô sắc, gọi đó là vô ký, nhưng không phải là bất thiện?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Kiết kia không phải tạo nên hành của thân, miệng.

Hoặc có thuyết nói: Kiết kia khi nhận lãnh hình tướng không có hơn kém.

Hoặc có thuyết cho: Kiết kia không thọ nhận quả báo.

Hoặc có thuyết nêu: Kiết kia không có báo. Điều này cũng như trên đã nói. Lại nữa, các dục vươngng chấp thì chúng là bất thiện chẳng? Kiết kia tức có ý này là không nhận báo ác. Kiết kia không thọ nhận điên đảo. Kiết kia không xoay chuyển, kiết kia không an ổn, kiết kia cũng không đúng. Vì thế nên xa lìa. Nếu kiết không phải là bất thiện, vì sao nay lại là bất thiện? Kiết cũng do hành tăng, thế nên nói là vô ký. Sự việc này không đúng, vì đã có thể dụng tâm hủy báng bốn Hiền Thánh để.

Hỏi: Thế nào là tâm kia nhân nơi nghĩa của nhiễm?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không phải có thể dùng nhất tâm để có thể khiến cho bốn đế có từng ấy tướng. Lại nữa, tâm kia là nhân duyên tụ tập.

Hỏi: Nếu bốn đế khác thì nhân duyên cũng khác, tức là không hủy báng bốn đế chẳng?

Đáp: Nếu nhân duyên của bốn đế đồng, thì tâm tức duyên nơi bốn đế. Đây cũng như trên đã đáp không khác. Đã nói không thuận với lý của bốn đế kia. Lại nữa, không phải tâm hủy báng là dùng tà kiến để hủy báng. Xứ sở của khổ đế nơi một bước bắt đầu, không phải nhân nơi khổ đế không có tận đế, đều không có đạo, đều tự tìm cầu xứ sở của khổ đế, đây là nghĩa ấy. Khổ đế kia không có nghĩa có thể theo được.

Hỏi: Vì sao người không cầu uế liền tiến tới đoạn trừ kiết, là kiết sử tương ưng với cõi dục và do tư duy đoạn, trước đã hết, sau đó tương ưng với cõi sắc, vô sắc?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ở đây, đạo Hiền Thánh sinh dần dần. Trước hết là biện biệt về sự việc của cõi dục, sau đấy đến cõi sắc, vô sắc

Hỏi: Muốn khiến cho đạo Hiền Thánh sinh, trước biện biệt về sự việc của cõi dục, sau đấy đến cõi sắc và vô sắc chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Kiết sử của cõi dục là thô, sử tương ưng của cõi sắc thì vi tế. Thế nên trước đoạn trừ kiết tương ưng với cõi dục, sau là đoạn trừ kiết tương ưng với cõi sắc và tương ưng với cõi vô sắc.

Hoặc có thuyết nêu: Tương ưng với cõi dục là gần, tương ưng với cõi sắc là xa, tương ưng với cõi vô sắc càng xa hơn.

Hoặc có thuyết nói: Xứ có đối tức diệt kiết trước. Tương ưng với cõi dục là hiện tiền trước nhất. Sau đấy là phần tương ưng với cõi

sắc, vô sắc. Thế nên kiết tương ưng với cõi dục diệt trước. Sau đây là kiết tương ưng với cõi sắc và kiết tương ưng với cõi vô sắc. Điều này cũng như trên đã nói.

Lại nữa, đạo kia dần dần tăng ích có đối diệt trước, tức đạo kia là có.

Hỏi: Vì sao tư duy đoạn trừ kiết không đoạn trừ dần dần?

Đáp: Nên tạo ra quán này: Vì trí vị trí quán cõi sắc, cõi vô sắc, trí ấy không có giới hạn của lợi ích lâu dài, nhưng cũng có pháp lần lượt được duy trì, tin tưởng, phụng sự. Do nhãn vị trí nhận biết, thế nên nhãn kia dùng phương tiện quán không có khổ.

Hỏi: Vì sao hành tương ưng với cõi dục, tư duy về khổ cùng vượt thứ lớp để thủ chứng, nhưng không phải tương ưng với cõi sắc, tương ưng với cõi vô sắc?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây là đạo Hiền Thánh dần sinh. Trước hết biện biệt về sự việc của cõi dục, sau là đồng biện biệt về cõi sắc, vô sắc

Hỏi: Người nơi cõi dục kia muốn tư duy về đạo sinh khởi, trước hết là biện biệt về sự việc của cõi dục, sau đây thì đến cõi sắc, vô sắc chẳng?

Đáp: Điều này cũng như trên đã nói.

Khổ này thô, thế nên bị buộc chấp chẳng? Cũng như trên đã nói.

Lại nữa, đây là phương tiện khuyên dạy. Những người cao tuổi, tuy có thể trái ngược với điều ấy, nhưng đối với tất cả các hành của sự việc đã tạo nên ở cõi dục này đều được trừ bỏ, tức đã dứt hết gốc rễ của khổ.

Hỏi: Vì sao hành tương ưng với cõi sắc, ở nơi khổ tư duy về khổ, là quả Bất hoàn, A-la-hán, nhưng lại không phải là pháp tương ưng của cõi dục, tương ưng của cõi sắc?

Đáp: Điều này cũng như trên đã nói.

Khổ này là thô, do gần gũi với cõi này, nên bị buộc chấp. Lại nữa, tạo ra tướng không có ngã, ngã sở, đã có thể buộc chấp, nên nói là dứt hết, không có dục, là muốn khiến hành khổ không tư duy, lại tư duy về khổ khác chăng? Như tự bỏ ruộng mình lại đi nhổ sạch cỏ dại trong ruộng người khác. Quán khổ kia cũng như thế.

Hỏi: Tùng có một tâm, các pháp diệt tận, trở lại có trí tuệ, nhưng thân không thọ chứng chăng? Hoặc thân thọ chứng nhưng không trở lại có trí tuệ chăng? Hoặc trở lại có trí tuệ, thân cũng thọ chứng chăng? Hoặc không trở lại có trí tuệ, thân cũng không thọ chứng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu khi được tận pháp nhãn, diệt đế, đạo đế tương ưng với cõi dục, do tư duy đoạn trừ kiết hết, lúc ấy trở lại có trí tuệ, nhưng thân không thọ chứng. Khổ đế, tập đế tương ưng với cõi sắc, vô sắc, đã đoạn trừ kiết hết, bấy giờ, thân thọ chứng, nhưng không trở lại có trí tuệ. Khổ đế, tập đế tương ưng với cõi dục, đã đoạn trừ kiết hết, lúc này đã trở lại có trí tuệ, thân cũng thọ chứng. Diệt đế, đạo đế tương ưng với cõi sắc, vô sắc, đã đoạn trừ kiết hết, do tư duy đoạn trừ kiết hết, nhưng cũng không trở lại có trí tuệ, cũng không thân chứng.

Hỏi: Nếu tận pháp nhãn sinh, diệt đế đoạn trừ kiết chưa hết, cũng không phải là giống với tận pháp nhãn sinh kia chăng?

Đáp: Sinh là liền diệt, đã diệt thì không sinh. Nếu sinh không diệt tức không phải giống với tận pháp nhãn sinh kia.

Hỏi: Sử dục nên quán sinh tận. Đã tận tức nên tạo ra quán này chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Lúc tận pháp nhãn khởi, đạo đế tương ưng với cõi dục, là tương ưng với kiết đã đoạn trừ hết, trở lại có trí tuệ, thân không thọ chứng. Khổ đế, tập đế tương ưng với cõi sắc, vô

sắc, đã đoạn trừ hết kiết, thân thọ chứng, nhưng không trở lại có trí tuệ. Khổ đế, tập đế, diệt đế tương ưng với cõi dục, đã đoạn trừ kiết hết, bây giờ đã trở lại có trí tuệ, thân cũng thọ chứng. Diệt đế, đạo đế tương ưng với cõi sắc, vô sắc, đã đoạn trừ hết kiết, cũng không trở lại có trí tuệ, thân cũng không thọ chứng.

Lại nữa, khi được tận pháp trí, cũng như thế không khác, cả hai phần đều cùng không tận.

Hỏi: Từng có kiến tương ưng với thọ, tương ưng với kiết ái, không phải tương ưng với kiết kiến chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hoặc ái tăng gặp bội ở cõi dục đã hết, cùng vượt thứ lớp để thủ chứng. Tập đã sinh, tận trí chưa sinh, diệt đế, đạo đế tương ưng với cõi dục, đã đoạn kiến thượng trung hạ tương ưng với thọ, tương ưng với kiết ái phạm hạ, không phải tương ưng với kiết kiến.

Hỏi: Đức Thế Tôn cũng nói: Nếu Tỳ-kheo đối với thọ tham dục lúc diệt tận, tham dục hết thì thọ liền hết. Vậy thế nào là tham dục hết thọ liền hết?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Người kiến đế cùng với thế tục là như nhau. Kiến tương ưng với thọ, cùng với kiết ái tương ưng, không cùng với kiết kiến tương ưng, không phải kiết kiến dứt hết kiết kiến kia.

Lại nữa, tập trí đã sinh, ái của cõi vô sắc hết, cùng với thế tục là như nhau, kiến tương ưng với thọ, cùng với kiết ái tương ưng, không phải tương ưng với kiết kiến.

Hỏi: Thế nào là duyên nơi Niết-bàn khiến vô minh thuận theo Niết-bàn?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Người kia không có trí, bị ngu si trôi buộc.

Hỏi: Người kia khởi suy niệm: Do không có trí là ngu si chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Có hai thứ si thuận theo Niết-bàn, cùng với tà kiến tương ưng, vô minh nói không có Niết-bàn. Nghi tương ưng với vô minh là do dự không nhất định, tương ưng với một pháp.

Hỏi: Tà kiến, vô minh đều không khác chăng? Như thế là nghi, vô minh, các pháp này đều khác chăng? Lại nữa, vô minh thuận theo Niết-bàn chăng? Lại nữa, như thế năm thanh âm nói là ngã sở, như nhắm hai mắt. Tất cả người trí, người có mắt thì ít. Như thân duyên nơi hữu lậu sinh các kiết sử. Như kiết của đối tượng duyên là thân hữu lậu kia chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Các thân hữu lậu như duyên nơi khổ, nơi tập kia sinh kiết sử thì thân ấy không phải là hữu lậu. Như duyên nơi tận, duyên nơi đạo, có các kiết sử.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo ở đây, các sắc hiện có là quá khứ, vị lai, hiện tại, do tham dục sinh, nên sinh dâm, nộ, si. Ngoài ra tâm đã suy niệm về kiết sử, đó gọi là bọt nước hữu lậu, so với Khế kinh này thì có trái nhau chăng?

Hoặc có thuyết nói: Các thân hữu lậu duyên nơi khổ, tập kia, sinh các kiết. Như duyên sinh kiết, thì thân hữu lậu kia sinh nghĩa vô lậu, nghĩa hữu lậu, nghĩa kiết hữu lậu. Lại nữa, nếu thân không ở nơi trung gian sinh kiến thì thân hữu lậu kia không như hữu lậu ấy duyên sinh các kiết. Khi người kia đã tạo kiết, thì nhiễm đấm nơi xứ sở của thân.

*Hai thứ nói bất thiện
Hủy báng là xả bỏ
A-la-hán một nhĩ
Hợp hữu lậu ở sau.*

Hỏi: Vì sao điều hý (Trạo cử) là do tư duy đoạn?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Người kiến đế vì có trạo cử, nên nói là do tư duy đoạn.

Hỏi: Người kiến đế cũng có vô minh, nên người kia kiến đế là do tư duy đoạn chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Cả hai đều cùng trạo cử, nên kiến đế đoạn cũng là tư duy đoạn. Lại nữa, kiến đế này đã sinh khởi trạo cử, do kiến đế đoạn. Như sự trạo cử kia ít nói năng, không thuận với việc làm không thành tựu này. Nếu vượt cảnh giới thì trạo cử kia do tư duy đoạn. Nếu có ít công việc làm bị bức bách, trở ngại, thế nên cả hai đều cùng trạo cử.

Hoặc có thuyết nói: Người phạm phu trạo cử hiện rõ, nhiều người kiến đế trạo cử ít hơn, cả hai đều cùng trạo cử, là do kiến đế đoạn. Lại nữa, không có sợ hãi khiến có ý cầu uế.

Hỏi: Vì sao không do kiến đế đoạn?

Đáp: Nếu người kiến tích, hoặc có thuận theo, thì trạo cử kia do tư duy đoạn.

Từ cõi vô sắc mạng chung, sinh nơi cõi dục, vì sao kiết tương ưng với dục để hiện ở trước? (Như Kiền Độ Tự ở trên đã nói).

Lại nữa, nếu có ý niệm này: Sinh nơi cõi vô sắc, sử tương ưng với cõi dục vĩnh viễn đoạn, nhưng không phải là sử tương ưng với cõi vô sắc, mà là sử tương ưng với cõi dục, duyên nơi sử kia tức là có? Sử kia thì không sinh nơi cõi dục? Nếu như khi sinh, trung gian không sinh, kiết sử cũng không hiện ở trước, không có nhân duyên hiện ở trước.

Lại nữa, người phạm phu không có kiết tận, tạo ra hành bất thiện. Kiết tương ưng với cõi dục gọi đó là tận.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo ở đây, các ông không tư duy, cũng không tạo phương tiện, tức là nhân duyên của kiết, là nơi

chôn của thần thức dừng lại. Tỳ-kheo kia ở trong ấy, nên tạo phương tiện, từ cõi vô sắc mạng chung sinh nơi cõi sắc.

Hỏi: Thế nào là kiết sử của cõi vô sắc được hiện ở trước?

Đáp: Không nhỏ sạch các kiết sử. Ví như lửa, ngọn lửa duyên nơi ngọn lửa có ánh sáng. Như thế là ánh sáng đã trói buộc, tạo ra hành bất thiện, liền thọ nhận sắc hữu. Sự việc này cũng như Kiền Độ Tự ở trên đã nói.

Khi ở cõi sắc mạng chung, sinh nơi cõi dục, vì sao sử tương ưng với cõi dục để hiện ở trước, như Kiền Độ Tự ở trên đã nói.

Lại nữa, dục ái dần dần tăng, có thể mạnh, nhân nơi gốc nên dục ái kia đã tận.

Ba tai họa này làm thay đổi là phong tai, thủy tai, hỏa tai. Ba tai họa này do chúng sinh cấu uế nên sinh. Vì ba tai họa này, nên chúng sinh có cấu uế.

Hoặc có thuyết nói: Do chúng sinh vướng chấp nơi cấu uế, nên mới có tai họa này, cũng như chúng sinh tạo tội nên có kiếp đao binh.

Hoặc có thuyết cho: Do tai họa nên chúng sinh có cấu uế chấp trước, cũng như cầu khuyển có lúc là âm dương.

Hoặc có thuyết nêu: Do cấu uế chấp trước, nên có tai họa sinh. Chúng sinh nơi các xứ kia có kiết của cõi dục, nên nơi các xứ ấy đều có tai họa dấy khởi. Như các nơi chôn có tai họa kia, thì kiết sử khiến tăng ích. Lại nữa, hành thường tụ tập pháp thiện của chúng sinh, tức đi đến các quốc độ khác. Chúng sinh kia nhân nơi hành tăng thượng, nên việc học có hư hoại cũng theo gốc đã hành tập.

Hỏi: Thế nào là duyên nơi sử nên có sử sai khiến? Thế nào là tương ưng với đối tượng sử bị sai khiến?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Sử tham dục tạo ra ái chấp dữ, đó gọi là đối tượng bị sai khiến. Sử giận dữ không có ái chấp, ý không

nhiễm đấm, đó gọi là đối tượng bị sai khiến. Sử hữu ái hết sức ái chấp, đó gọi là đối tượng bị sai khiến. Sử kiêu mạn đầy khởi đầy khắp khiến tâm phát khởi mạnh mẽ, đó gọi là đối tượng bị sai khiến. Sử kiến nơi năm kiến, đối với sử thân kiến kia đã tự dựa vào đối tượng bị sai khiến. Kiến do dự là chấp đoạn diệt hoặc có thường, đó gọi là đối tượng bị sai khiến. Sử tà kiến hủy báng cho là không nhân, không tạo tác, đó gọi là đối tượng bị sai khiến. Sử trộm kiến không thể giữ lấy điều cho là vi diệu tốt đẹp hơn hết, đó gọi là đối tượng bị sai khiến. Sử trộm giới cho giới ấy là xuất yếu trên hết, là giải thoát thanh tịnh, đó gọi là đối tượng bị sai khiến. Sử vô minh không có trí, mù tối, ngu mê, đó gọi là đối tượng bị sai khiến. Sử nghi đối với mọi mong cầu đều do dự, cho là phải hay là quấy, ý không xét thật, đó gọi là đối tượng bị sai khiến. Như thế, duyên nơi sử, bị sử sai khiến, chưa từng trải cùng với đối tượng bị sử sai khiến tương ưng.

Hỏi: Vô lậu cũng duyên nơi sử. Như thế, sử dục của đối tượng bị sử sai khiến kia, duyên của sử ấy cũng là đối tượng bị sai khiến chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Như nơi xứ xứ kia có các sử duyên. Lúc các nơi chốn ấy có sử duyên, thì mỗi mỗi sử đều cùng dẫn dắt, chính là sử, là sử sai khiến. Như thế, như thế sử duyên nơi đối tượng bị sử sai khiến, là sử kia nhiễm đấm. Như thế là sử tương ưng với đối tượng bị sử sai khiến.

Hỏi: Như sử duyên kia lần lượt có tăng ích, nên sử duyên nơi vô lậu hay là duyên nơi đối tượng bị sử sai khiến?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Duyên nơi tương ưng với không được giải thoát, đó gọi là đối tượng bị sử sai khiến. Duyên nơi vô lậu cũng là sử duyên, cũng là sử, vì không có sử khác duyên nơi đối tượng bị sử sai khiến.

Lại nữa, tuy sử là đối tượng bị sử sai khiến, thì ở nơi xứ đã xoay chuyển, nơi ấy tức có sử. Nếu tương ưng với sử và đối tượng bị sử

sai khiến, thì các thứ khác cũng tương ứng. Lại nữa, đó là đối tượng bị sử sai khiến, là nhân duyên tạo sử của chúng sinh.

Hỏi: Pháp duyên của tham dục có bao nhiêu sử, đối tượng bị sử sai khiến?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tất cả duyên hữu lậu tương ứng với cõi dục.

Lại nữa, duyên hữu lậu của ba cõi khi thoái chuyển sinh nơi cõi dục, nhận lấy kiết của ba cõi. Lúc nhận lấy kiết của ba cõi này, là hữu lậu duyên nơi sử, nơi đối tượng bị sử sai khiến.

Hỏi: Vậy danh nghĩa của sử là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Theo thứ lớp nơi sử, nơi đối tượng bị sử sai khiến. Cũng là đối tượng bị sử trói buộc, cũng là sử. Sử là nghĩa chấp trước, cũng là nghĩa sinh khởi. Sử là nghĩa nắm giữ, cũng là nghĩa sai khiến. Lại nữa, nên nói đằng trí là đối tượng bị sử kia sai khiến, do sử kia nếu hữu lậu là đối tượng bị sử sai khiến.

Hỏi: Hoặc dùng, hoặc không dùng thì câu ứ chấp trước là nghĩa gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thể của con người bị câu ứ chấp trước, nhận các ái cũng là duyên của câu ứ. Khổ cũng là câu ứ. Lại nữa, hai thứ câu ứ là câu ứ tương ứng với tâm và câu ứ của chúng sinh. Tâm kia câu ứ, là tâm ý nhiễm chấp, như chiếc áo bị câu bần. Câu ứ của chúng sinh là tự có hoặc thuận theo người khác. Như người gánh lấy gánh nặng, do nhân duyên này, do sự việc này, nên phải lường xét. Bấy giờ liền có tâm câu ứ sinh. Đức Thế Tôn cũng nói: Bị tâm câu ứ mê hoặc, nhưng tâm hành tịnh tức tịnh, hội hợp thành chúng sinh. Đức Thế Tôn cố ý nói như thế.

Hỏi: Căn thiện này, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Trừ bỏ căn bất thiện, đó gọi là nghĩa của căn thiện. Khởi tạo các pháp thiện là nghĩa của căn thiện. Lại nữa, ở nơi thân, gieo trồng căn nguyên thiện, thuận theo để thọ nhận báo là nghĩa của căn thiện.

Hỏi: Căn bất thiện, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Vô ký là nghĩa của hạt lúa. Vô ký là nghĩa của căn. Vô ký là nghĩa của nhân duyên. Vô ký là căn. Lại nữa, pháp vô ký của sắc hình thể, thuận theo nhận giữ, đó gọi là nghĩa vô ký.

Hỏi: Vì sao thân kiến nói là do khổ để đoạn?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Duyên nơi khổ kia, như thế là nhận biết khổ, liền diệt, đã diệt, duyên liền hết, các kiết sử dứt hết.

Hoặc có thuyết nêu: Có tướng thường tướng ngã, thân là ngã sở. Thân kiến tạo ra tướng vô thường, khổ, tướng ngã đã tận. Thế nên gọi đó là khổ để đã đoạn. Lại nữa, thấy thân của thân kiến, thân kia thọ nhận khổ não, thân kia hiện nói khổ não thế nên diệt. Tức tạo ra pháp quán này.

*Trạo cử không còn sinh
Như có ba kiết sử
Thân cùng các kiết sử
Ba thứ căn đã đoạn*

Hỏi: Vì sao tập trí sinh tận, đạo trộm kiến (Kiến thủ) nói là tận?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đầu tiên có trộm kiến nhiễm buộc nơi kiến kia. Khi kiến kia dứt hết thì kiến này cũng diệt.

Hỏi: Các kiết sử nên có trộm kiến, vì thế cũng là do tư duy đoạn chằng?

Đáp: Hoặc tạo ra khổ để, có trái với trộm kiến và nghi, thế nên do bốn để đoạn.

Hỏi: Khổ duyên nơi kiết ở trước hết là trên, là diệu. Trộm kiến vì sao cùng với khổ có sai trái? Lại nữa, thế nào là vượt qua kiết khổ

trước là trộm kiến chằng? Nếu khổ không thể dẫn dắt ở trước, vì vậy việc đoạn trừ trộm kiến là do khổ để đoạn. Như đã nói: Để không có trụ xứ, nên nói là ngã sở.

Hỏi: Vì sao trộm kiến kia nói là tà kiến?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Do nhân duyên này, nên nói như thế, vì vậy cho là tà kiến.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu đế này thật sự tạo ra trộm kiến, thì kiến kia không phải là duyên nơi không. Lại nữa, có ngã sở nên có kiến ấy.

Hỏi: Thế nào là kiết phần trên?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Năm kiết phần dưới là tham dục, giận dữ, thân kiến, trộm giới và nghi. Năm kiết này không dứt hết, vì có khổ của cõi dục. Ba kiết của cõi trên không dứt hết, vì thọ nhận âm cõi sắc, vô sắc, là muốn khiến đây là bệnh của cõi trên chằng? Không do ba kiết này có bệnh, vì kiết kia đã dứt hết. Như A-na-hàm thọ nhận hữu của cõi sắc, vô sắc, thế nên không có bệnh.

Hỏi: Nếu ba kiết kia đã dứt hết, vì thọ nhận hữu của cõi sắc, vô sắc, thế nên ba kiết ấy không sinh nơi cõi dục, người không cấu uế đã tận, lại nhận lấy hữu của ba kiết, là muốn khiến cho hữu của cõi không xoay chuyển chằng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hai kiết thuộc phần dưới là tham dục, giận dữ. Nếu kiết không dứt hết thì thọ nhận hữu của cõi dục. Đã dứt hết thì không còn thọ nhận nữa.

Hỏi: Tất cả kiết của cõi dục chưa dứt hết nên thọ nhận hữu của cõi dục, là muốn khiến cho kiết của cõi dục này dứt hết chằng? Cũng là kiết phần trên chằng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói tất cả kiết là kiết phần trên, nếu không dứt hết thì thọ nhận hữu của cõi dục. Như đã nói, năm kiết phần trên tức không có tên gọi kia.

Hoặc có thuyết nói: Hai kiết chưa dứt hết là tham dục, giận dữ, không ra ngoài cõi dục. Ba kiết chưa dứt hết, thì còn trở lại đến cõi dục. Thế nên năm kiết phần trên chưa dứt hết. Lại nữa, các kiết sử từ cõi dục diệt, đều không ở tại xứ khác, kiết sử ấy nên nói là phần trên.

Hỏi: Thế nào là năm kiết phần trên?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Năm kiết phần trên: Sắc ái, vô sắc ái, diệu hý (Trạo cử), kiêu mạn, vô minh. Vì sao? Vì năm kiết này chưa dứt hết thì còn thọ nhận hữu của cõi sắc, vô sắc. Ba kiết chưa dứt hết thì lúc tu hành ở cõi ấy tức thọ nhận hữu của cõi sắc, vô sắc.

Hỏi: Là muốn khiến cho cõi trên là năm kiết phần trên chăng?

Đáp: Năm kiết kia không do thọ nhận hữu của cõi sắc, vô sắc để thành hữu, thế nên không nhận lấy hữu kia.

Hỏi: Ba kiết đã dứt hết, con người không cầu uế này thọ nhận hữu của cõi dục, là muốn khiến đều là năm kiết phần trên chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu các kiết chưa dứt hết, đã lia cõi dục, thọ nhận hữu của cõi sắc, vô sắc, thì kiết đó được gọi là năm kiết phần trên.

Hoặc có thuyết cho: Hai kiết nơi năm phần trên là sắc ái, vô sắc ái, ở nơi cõi ấy tu hành, thọ nhận hữu của cõi sắc, vô sắc.

Hoặc có thuyết nêu: Tất cả hữu của cõi sắc, vô sắc, nếu hết thảy chưa dứt hết, thì còn thọ nhận hữu của cõi sắc, vô sắc. Lại nữa, các kiết sử có thể khiến cho kiết của cõi sắc, vô sắc dứt hết, kiết đó là năm kiết phần trên.

Hỏi: Thế nào là duyên nơi giận dữ?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không phải diệu, không phải trên có ưu sầu khổ não.

Hoặc có thuyết cho: Ưu sầu, dần bỏ, lia xa.

Hoặc có thuyết nêu: Do có chúng sinh, nên có giận dữ kia. Lại nữa, lia bỏ vĩnh viễn giận dữ, như nhô bỏ cỏ dại.

Hỏi: Dục cùng với niệm có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Dục là thứ cầu ướ, chấp vương. Niệm không phải là thứ cầu ướ chấp vương.

Hoặc có thuyết cho: Dục là bất thiện. Niệm là thiện, vô ký.

Hoặc có thuyết nêu: Dục thọ nhận hữu. Niệm không thọ nhận hữu.

Hoặc có thuyết nói: Dục cùng với niệm nên tương ưng nhau. Hoặc có dục, có niệm. Như có người do dục ái hết tức có niệm (Nhớ nghĩ) đến thầy mình. Lại nữa, dục do phương tiện sinh. Niệm do hy vọng sinh, thế nên dục cũng là hy vọng.

Hỏi: Giận dữ, cầu ướ, hai thứ này có gì khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Giận dữ là cầu ướ của kiết, không phải là kiết. Lại nữa, giận dữ là bất thiện, cầu ướ là thiện, vô ký.

Lại có thuyết nêu: Giận dữ thọ nhận hữu. Cầu ướ không thọ nhận hữu.

Lại có thuyết nói: Giận dữ kia là cầu ướ chăng? Hoặc cầu ướ này không phải là giận dữ chăng? Như lúc tu bất tịnh là nghĩa ấy.

Lại nữa, giận dữ thọ nhận các hữu. Cầu ướ không thọ nhận hữu. Đối với giận dữ kia cũng không thọ nhận hữu.

Hỏi: Lười biếng cùng với thù miên (Ham ngủ nghĩ) có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Lười biếng là thuộc về thân. Thù miên là thuộc về tâm.

Hoặc có thuyết cho: Nghĩa thế tục là lười biếng. Nghĩa xuất thế tục là thù miên. Lại nữa, đầu tiên là lười biếng. Mệt mỏi là thù miên.

Hỏi: Tà giải thoát với bốn điên đảo có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Do kiến đế đoạn đó là điên đảo. Do kiến đế cùng tư duy đoạn, đó là tà giải thoát.

Hoặc có thuyết nói: Có thể vì người diễn nói rộng, đó là điên đảo. Không thể vì người thuyết giảng, đó là tà giải thoát.

Hoặc có thuyết cho: Các điên đảo là tà giải thoát. Hoặc là tà giải thoát kia không phải là điên đảo, như giải thoát các kiết sử. Lại nữa, tà giải thoát nên nói là tâm điên đảo chăng? Cũng không lìa bốn điên đảo để có ý tưởng về điên đảo.

Hỏi: Trạo cử và nghi có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Trạo cử do tư duy đoạn. Nghi thì do kiến đế đoạn trừ. Lại nữa, tâm ô nhiễm, tâm có hối hận, đó là trạo cử. Tâm không dứt khoát, do dự không quyết định, đó gọi là nghi.

Hỏi: Vì sao người phạm phu khi thoái chuyển, do kiến đế tư duy đoạn kiết, là có tăng ích. Nhưng khi đệ tử của Đức Thế Tôn thoái chuyển thì do tư duy đoạn kiết, nên có tăng ích, nhưng không phải do kiến đế đoạn kiết?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do một đạo tư duy, người phạm phu đoạn dứt các kiết. Khi đạo tư duy kia thoái chuyển, thì tất cả đều tăng ích. Nhưng đệ tử của Đức Thế Tôn thì hoặc do đạo tư duy đoạn không phải do kiến đế đoạn, tất cả sự việc kia không có tăng ích.

Hoặc có thuyết cho: Người phạm phu dùng trí để diệt trừ các kiết sử. Khi trí kia thoái chuyển, thì tất cả đều tăng ích.

Còn đệ tử của Đức Thế Tôn do nhẫn trí diệt trừ các kiết sử, nhưng ở nơi nhẫn không thoái chuyển, cũng không tăng ích lớn.

Hoặc có thuyết nêu: Người phạm phu ở nơi trung gian diệt trừ các kiết sử, khi thoái chuyển hành ấy thì tất cả kiết có tăng ích. Còn đệ tử của Đức Thế Tôn ở nơi trung gian ít có diệt tận, không hoàn

toàn diệt tận, khi thoái chuyển hành kia là ở nơi trung gian nên kiết sử tức có tăng ích.

Lại nữa, người phạm phu do hành duyên nơi hữu cùng các sử nên người ấy suốt đời bị che lấp, bị hành nơi duyên kia trói buộc nên là tăng ích. Còn đệ tử của Đức Thế Tôn do kiến cùng vượt thứ lớp để thủ chứng, các kiết sử đã diệt hết liền tăng ích. Thế nên sự tăng ích kia không thể dời động. Các kiến tướng tâm kia cùng được giữ gìn, đệ tử của Đức Thế Tôn có khi đã giữ gìn không thoái chuyển.

Hỏi: Vì sao kiết sử tương ưng với cõi sắc, vô sắc, nói là không có báo?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vì hành của thân, khẩu, ý không tăng trưởng, nên cần có bổ khuyết.

Hoặc có thuyết nêu: Người kia tuy có hành của thân, khẩu, ý, nhưng hành ấy không có tăng ích.

Hoặc có thuyết nói: Không có báo tốt xấu.

Hoặc có thuyết cho: Vô ký không có báo. Lại nữa, nếu kiết sử có báo, vì sao có sai trái? Như người kia có duyên, nếu người hủy báng kia không nhận lấy báo của cõi sắc, vô sắc, như thế thì có duyên, cũng lại không có. Người kia không thọ nhận hữu, vì thế không có kiết, cũng lại không nhất định, tức nên lia bỏ kiết.

*Không vượt, không hư hoại
Giận dữ dục giận dữ
Vui giải thoát tăng thượng
Thoái chuyển không quả báo.*

Hỏi: Nếu năm dục có dục, tâm không ô nhiễm, hai thứ này có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Năm dục có sử ái. Tâm không nhiễm ô thì không thọ nhận hữu ái.

Lại có thuyết cho: Trong năm dục có ái bất thiện. Tâm không nhiễm ô là thiện.

Lại có thuyết nêu: Trong năm dục có ái thọ nhận hữu. Tâm không nhiễm ô thì không thọ nhận hữu.

Lại có thuyết nói: Trong năm dục có ái, có các tướng thiện. Tâm không nhiễm ô không đoạn các gốc khổ.

Lại nữa, trong năm dục có ái, là nói có duyên của ngã nên hoan hỷ, phân khích. Tâm không nhiễm ô là thuộc đệ nhất nghĩa để không dòi động, khởi tướng chúng sinh để được đẳng trí đầy đủ, tức tâm không nhiễm ô kia là nên có.

Hỏi: Thế nào là người phạm phu kia nói là không phải tâm nhiễm ô?

Đáp: Ngã không đâu có đôi tượng duyên. Tâm nhiễm ô kia không phải là người phạm phu có nơi chốn tạo tác. Chư thân, người Tiên ở ngoài đã dùng phương tiện thiện xảo, nói là tâm không nhiễm ô.

Hỏi: Nếu trộm kiến do khổ để đoạn trừ và tập để đoạn trừ, hai thứ này có gì khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Khổ để đoạn trừ trộm kiến, kiến đó tức do khổ để đoạn. Còn trộm kiến do tập để đoạn trừ thì trộm kiến ấy tức do tập để đoạn.

Hỏi: Cả hai thứ ấy cùng là trộm kiến, cùng có khắp tại hai đế chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu không tương ưng với khổ đế, thì trộm kiến kia do khổ để đoạn trừ. Nếu không tương ưng với tập đế, thì trộm kiến kia do tập để đoạn trừ.

Hỏi: Như kiết khổ hiện ở trước là tối diệu tối thượng tối đệ nhất. Trộm kiến vì sao không tương ưng với khổ đế? Lại nữa, kiết sử

do khổ để đoạn, dùng khổ để để điều phục, tức có tướng diệu, nên tạo ra quán này. Vậy cùng với hóa hiện có gì khác biệt?

Đáp: Tâm dua nịnh thuộc về nội tâm là gian dối. Ngoại không cùng với tâm đồng. Vì là nhiều hóa hiện nên có khác biệt.

Hỏi: Vì sao tâm không phải là đạo Hiền Thánh?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây là lời giáo hóa của Đức Thế Tôn. Tâm nói ở đây là tâm không khác. Tâm kia tức là tâm tương ưng.

Hỏi: Vì sao lúc nói tâm không cùng nói về pháp đã suy niệm của tâm?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Đây là lời răn dạy của Đức Như Lai. Vì có sự răn dạy này nên có trí tuệ. Như nhào trộn bột thơm, phải dùng hương làm đầu. Sắc, thanh, hương, vị cũng lại như thế.

Hỏi: Tạo nơi chôn sinh khởi của một sự việc khiến các pháp tương ưng không có uy lực chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tâm tụ tập tâm thuộc về tự tướng là đạo Hiền Thánh. Thế nên tâm không phải là đạo Hiền Thánh.

Hoặc có thuyết cho: Tâm cũng là đạo Hiền Thánh, vì cùng với tam muội có rất nhiều tâm cùng hợp. Một duyên nơi tam muội là tâm có tăng giảm, không có khác với tam muội.

Lại nữa, tâm đạo bèn tịnh, ý chí đã tạo ra tâm có nói năng.

Hỏi: Thân kiến, do dự, tương ưng với cõi dục, trừ vô minh tương ưng với hai thứ đó, cùng được pháp khác có thể nói là ẩn mất chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Có thể được các pháp tương ưng và hành giải thoát nơi pháp đã suy niệm của tâm khác.

Hỏi: Vì sao Tu-đà-hoàn đối với bất tịnh nói là tịnh diệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Bất tịnh có tướng tịnh là điên đảo, nhưng Tu-đà-hoàn đã đoạn trừ hết.

Hỏi: Nếu điên đảo mà Tu-đà-hoàn đã đoạn hết, thì Tu-đà-hoàn kia tức không nhiễm chấp, còn các tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh thì Tu-đà-hoàn kia còn nhiễm chấp chăng? Lại nữa, nếu như Tu-đà-hoàn đối với bất tịnh có tướng tịnh đã đoạn tận, thì tà kiến trong kiến, nên biết là đã hết, vậy thì ở trong cái có những kiết nghi nào? Thế nào là không phải kiết nghi trong cái?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu pháp tương ưng của cõi dục, thì pháp ấy là nẻo xuất yếu của nghi. Nếu pháp tương ưng của cõi sắc, vô sắc, thì pháp ấy không phải là cái nghi.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu nhập tam muội nội, thì tam muội đó là cái nghi. Nếu quả chân thật, thì quả đó không phải là cái nghi.

Lại nữa, tất cả trạo cử là cái nghi tăng rất nhiều. Pháp tương ưng của cõi dục không phải là cái nghi.

Hỏi: Nếu tự chấp về ngã, ngã sở, thì tất cả chấp ấy là thân kiến. Nếu như là thân kiến thì tất cả thân kiến kia đều là tự chấp về ngã, ngã sở chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các pháp hiện có tự chấp về ngã, ngã sở, thì tất cả pháp đó là thân kiến.

Hỏi: Tùng có là thân kiến, pháp kia không phải là tự chấp về ngã, ngã sở, mà dựa vào ngã kiến chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tùng có pháp tự chấp về ngã, ngã sở, pháp đó không là thân kiến, nhưng là ngã kiến tương ưng với pháp đã suy niệm của tâm.

Tùng có thân kiến, thân kiến đó không là tự chấp về ngã, ngã sở chăng? Là tự nương dựa nơi ngã kiến.

Tùng có thân kiến và tự chấp về ngã, ngã sở là ngã kiến chăng? Tùng có không phải là thân kiến, cũng không phải là tự chấp về ngã, ngã sở chăng? Trừ tùng ấy sự việc trên tức là nghĩa kia.

Lại nữa, có pháp tự chấp về ngã, ngã sở, pháp ấy không phải là thân kiến chăng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ta nay nên nói về thuyết kia. Hoặc có thân kiến, thân kiến kia không tự chấp về ngã, ngã sở, ngã kiến. Hoặc không phải là thân kiến, cũng không phải là tự chấp về ngã, ngã sở, tức trừ từng ấy sự việc trên, chính là nghĩa kia.

Hỏi: Các hữu kiến sinh, không bệnh, tự nói là an vui. Vì sao sinh ra kiến này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do sức của tam muội nên tự nhận biết thọ mạng đời trước của mình. Ở nơi địa của thiên thứ nhất, thứ hai, thứ ba thấy đều nhận biết về an vui ở cõi này, nên khiến như thế tức nhận biết có an vui. Lại nữa, nơi kiến tham, ganh ghét, thân quán phương tiện trên, có lạnh nóng nên quán các khổ. Nói ở trong ấy tức có suy nghĩ: Ta có an vui này, nhưng là ở nẻo khổ. Nơi đường ác kia, các kiến đã sinh, riêng có một khổ không bệnh nên chết.

Hỏi: Thế nào là sinh khởi kiến này?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Đây là sức của tam muội, tự nhận biết về thọ mạng đời trước đã bị đọa trong đường ác, cũng tự nhận biết về thọ mạng đời trước, nên ở cõi này có ưu khổ. Ở đây liền khởi suy nghĩ: Ta đã rất khổ.

Lại nữa, tự chấp về ngã, ngã sở, do phương tiện thiện, quán về sự việc đã tạo tác. Như tưởng về ăn uống, thấy riêng một khổ vui, cũng là khổ. Các kiến đã sinh tự chấp khổ vui có tướng an ổn.

Hỏi: Đây là kiết nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do sức của tam muội nên tự nhận biết về thọ mạng đời trước, trong người trời và cõi dục đều tự nhận biết về thọ mạng đời trước, nên ở trong cõi này tự nhận biết khổ vui, tức liền có suy nghĩ: Ta có khổ vui này. Lại nữa, tự chấp về ngã, ngã sở,

quán phương tiện chấp ngã, ngã sở ấy, thọ nhận khổ vui kia. Cũng ở đây liền có suy nghĩ: Khổ vui là ngã sở. Ở xứ an ổn khởi tưởng chết, các kiến đã sinh, tự chấp về xứ sở an ổn không khổ không vui, nên khởi tưởng như thế.

Hỏi: Vì sao sinh khởi kiến này?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây là tam muội, tự nhận biết về thọ mạng đời trước nơi địa của thiên thứ tư đều tự biết rõ, ở trong cõi này đã thọ nhận khổ vui. Người ấy tức có suy nghĩ: Không có tưởng khổ vui. Lại nữa, tạo ra kiến của tưởng ngã bị đọa vào nẻo ác, nhận lấy khổ vui, hoặc có khi không có vui, người kia tức có tưởng ấy. Người kia lại khởi suy niệm: Không khổ, không vui, không có ngã kiến, cũng tạo ra tưởng chết.

Các kiến đã sinh, gọi là sắc của ngã khởi, là sắc do bốn đại tạo hư hoại đến chết. Như thế là ngã kiến hướng đến những kiến kia.

Hỏi: Đây là kiến nào sinh?

Đáp: Hoặc có lúc là kiến hành, do thiên nhãn nên nhận biết về cõi dục là có sinh. Người kia không tạo quán này, liền khởi suy niệm: Không đọa nơi nẻo ác. Các kiến đã sinh nên nói là có ngã, đoạn thọ của cõi dục hư hoại đến chết. Như thế là ngã cùng đoạn dứt hẳn.

Hỏi: Đây là kiến nào sinh?

Đáp: Hoặc có lúc là kiến hành, dùng thiên nhãn để thấy hình của cõi sắc. Người cõi sắc kia không tạo ra quán này, lại khởi suy nghĩ: Bị đọa trong nẻo ác. Các kiến đã sinh nói là ngã, là không xứ của cõi vô sắc đoạn dứt hư hoại không thành, đến chết không bỏ.

Hỏi: Như thế là cùng đoạn dứt hẳn, vì sao sinh ra kiến này?

Đáp: Hoặc có lúc kiến hành nhận biết có hình tướng của cõi sắc. Người cõi ấy không quán nẻo khác, lại khởi suy nghĩ: Bị đọa

trong nẻo ác. Các kiến đã sinh gọi là ngã, là không xứ của cõi vô sắc hư hoại không thành, đến chết không bỏ, đó gọi là cùng với ngã kiến đoạn dứt hẳn.

Hỏi: Vì sao sinh kiến này?

Đáp: Đồng nhập tam muội không quán đối tượng sinh. Người kia khởi suy nghĩ: Đã đoạn hoại. Thức xứ, bất dụng xứ, hữu tướng vô tướng xứ cũng lại như thế.

Như đã nói: Mạng khác, thân khác, cho đến chết.

Hỏi: Vì sao người kia không có kiến sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tự chấp ngã là thường trụ, có quả tịnh, thật, cũng không thấy quả. Người này là không có kiến sinh. Lại nữa, pháp đã suy niệm của tâm nói là có thường. Nhân nơi nhân duyên chấp ngã là thường trụ đó, bèn hủy báng. Người kia tức sinh không có, như trong thể có pháp tương ưng với sử vô minh hiện tại. Tương ưng của sử vô minh hiện tại nơi thể kia, hoặc trong thể cùng với sử ái hiện tại tương ưng.

Hoặc có thuyết cho: Như trong thể có pháp tương ưng với sử ái hiện tại. Ở trong thể kia có pháp tương ưng với sử vô minh hiện tại.

Tùng có trong thể cùng với sử vô minh hiện tại tương ưng, thể kia không cùng với sử ái hiện tại tương ưng và kiết hữu dư đã hiện ở trước. Lại nữa, hai kiết đều cùng không có một thời đồng hiện ở trước. Vì sao? Vì dùng tư duy đoạn các kiết sử, không cùng một thời cả hai đều cùng sinh, là tư duy thí dụ có bốn điên đảo, nên nói là duyên nơi đế hay nên nói là không duyên nơi đế? Năm ám điên đảo là duyên của đế kia. Trong ám không có thường, vô ngã.

Hỏi: Nếu như nên duyên nơi đế kia thì sự việc này là không đúng chăng?

Đáp: Âm là vô thường mà duyên là có thường. Nếu như không duyên nơi đế, tức là điên đảo, vô thường cho là có thường. Cho điên đảo là không, tức chẳng phải là vô thường.

Lại nữa, nghĩa không có điên đảo cũng không duyên nơi đế, nghĩa ấy cũng không có tướng nơi các đối tượng nhân duyên.

Hỏi: Vì sao sử tương ưng với cõi sắc, tương ưng với không xứ, nói là tương ưng với thức xứ chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nghĩa không có điên đảo kia là không thể nhận biết.

Hỏi: Tất cả kiết sử có thể nhận biết. Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo có vương mắc chẳng? Ta và người kia cũng vương mắc chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tam muội vô thường, tam muội đó tương ưng với kiết sử, gọi là tương ưng với vô thường.

Hỏi: Đây cũng là chỗ nghi của tôi: Vì sao tam muội kia nói là vô thường?

Đáp: Vì tam muội này đã dừng nghỉ.

Hỏi: Tam muội trên đã dừng nghỉ là muốn khiến cho tam muội kia cũng là vô thường chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Địa kia có thường, nhưng vì tương ưng với kiết sử, nên nói là vô thường. Điều này cũng như trên đã nói.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Vị dục tư, ô uế bày ra, phạm các kiết sử cũng không hề lìa bỏ.

Hỏi: Thế nào là vị dục? Thế nào là có phạm? Thế nào là ô uế bày ra? Thế nào là có kiết? Thế nào là xả bỏ?

Đáp: Đối với dục, nhiễm đắm, khởi tưởng dục, tưởng ý, tưởng lạc, đó gọi là vị dục. Đối với dục nhiễm đắm, khởi tưởng dục, đó gọi

là vị dục. Đối với dục nhiễm đắm, khởi tướng dục có tướng khổ vui, đó gọi là ô uế bày ra. Đối với dục, nhiễm đắm, có tướng dục, nhiều tập ái vương chấp, có rất nhiều phương tiện, đó gọi là phạm dục. Có rất nhiều buộc chấp khiến tâm nhiễm ô, đó gọi là kiết sử dục. Nơi kiết sử dục, là dục có từng ấy tướng, quán nhận biết đối tượng sinh, đó gọi là xả bỏ dục.

*Trộm ý, tà gian nguy
Thanh tịnh ngã khổ vui
Cùng điên đảo của thế
Kiết sử, tham dục, mạn.*

Kiên độ Kiết sử thứ tám xong.

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP

QUYỂN 8

Phẩm thứ 9: KIỀM ĐỘ HÀNH (Nghịệp)

Hỏi: A-la-hán ở nơi cõi dục nhập Niết-bàn vì sao lại thọ nhận báo tương ứng với cõi sắc, vô sắc?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do nhanh chóng thọ báo nên nhận lấy hành và thân tĩnh lặng của cõi sắc và vô sắc.

Hỏi: Nếu có thể thọ nhận âm, vì sao không hoàn toàn diệt hết các hành, không chứng đắc A-la-hán, lại thọ báo của cõi sắc và vô sắc? Nếu như đạt được quả A-la-hán thì ở trong hiện pháp thọ cảnh giới báo, do đầy đời sau thọ nhận duyên của báo tức có được báo vi diệu? Nếu hành kia trở lại A-la-hán, không bỏ nhân duyên, do hành xen tạp trở lại A-la-hán, tức có hành tương ứng với duyên kia, là quả của hành chưa thành thực, nhận lấy báo vi diệu?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nơi địa của thiên thứ nhất, thiên thứ hai, thiên thứ ba duyên với hành kia thọ nhận báo khổ vui. Địa của thiên thứ tư và cõi vô sắc tương ứng thọ nhận báo không khổ không vui. Điều này cũng như trên đã nói.

Lại nữa, A-la-hán nếu nhập Niết-bàn thì thọ nhận báo thiện, đoạn trừ nguồn của các khổ, duyên của thiện và bất thiện. A-la-hán kia khởi suy niệm: Vì sao nhập Niết-bàn lại có xứ sở này? Vì sao xứ

kia là vô sở hữu? Nên khởi quán này: Nếu như hành của A-la-hán kia không có báo, hành ấy tức vô sở hữu, cũng không có quả thật, hành cũng vô sở hữu. Như lúa trong lấm, muốn khiến không được thành tựu, không sinh khởi mầm, thì người làm ruộng kia tức vô sở hữu. Nếu hành quả của A-la-hán đã hư hoại, đó gọi là quả báo, thì A-la-hán cũng là vô sở hữu. Thế nên ở đây không như thế, vì hành là sở hữu.

Hỏi: Từng có người tự hại thân mạng, không phải là A-la-hán, cha mẹ, thì có nhận lãnh tội năm nghịch không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có. Vì đã khởi tưởng cha, dẫn đến giết người, nên phải thọ nhận tội năm nghịch. Lại nữa, mẹ hóa làm người nam, người kia tạo ra tưởng mẹ, dẫn đến giết người, tức nhận lấy tội năm nghịch.

Hỏi: Từng có giết người nữ, không phải là mẹ, không phải là A-la-hán, thì có nhận lãnh tội năm nghịch không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có. Vì đã khởi lên tưởng mẹ, giết người nữ khác, tức phải thọ nhận tội năm nghịch. Lại nữa, mẹ hóa làm người nữ, người nữ kia tạo ra tưởng cha, nên giết người, tức phải thọ nhận tội năm nghịch.

Hỏi: Không thành người nam mà giết cha mẹ, nên nói là nhận lấy tội năm nghịch hay nên nói là không nhận lấy tội năm nghịch?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không nhận lãnh tội năm nghịch. Vì sao? Vì không thành người nam, ngu si, không thể khởi kiết sử phẩm thượng, không ở nơi trung gian có kiết phẩm thượng, nên không là tội tình.

Hoặc có thuyết nêu: Kiết phẩm thượng không thành người nam, ở trong phương tiện tất thọ nhận tội năm nghịch. Xuất yếu như thế là tội năm nghịch. A-la-hán kia không có tội năm nghịch, vì thế không thọ nhận. Nên tạo ra quán này.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là không thọ báo. Vì sao? Vì người kia không có ân từ, hướng về cha mẹ, tâm không nhất định. Nếu như nên thọ báo, thì phải nhận lãnh tội năm nghịch. Hoặc tạo ra tướng thầy, nên tạo ra luận này, thế gian thuần là tội năm nghịch.

Hỏi: Nếu súc sinh trở lại tự hại cha mẹ, nên nói là thọ nhận tội năm nghịch hay nên nói là không thọ nhận tội năm nghịch?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là không thọ nhận tội năm nghịch. Vì sao? Vì súc sinh không có trí này, không có tướng cao thấp, không ở nơi cõi này có tội năm nghịch.

Hoặc có thuyết nêu: Chúng sinh có trí, nên thọ nhận tội năm nghịch. Có trí nên có thể tạo ra kiết sử. Cũng như người chuyên chế ngựa ngựa, dùng chiếc áo quần buộc nơi đầu ngựa. Khi giao hợp với ngựa cái, ngựa đực liền biết ngựa kia là mẹ của nó, bèn trở lại tự cắn đứt cấn.

Hoặc có thuyết nói: Pháp kia là tự như vậy. Chúng sinh có trí không có hạn lượng. Loài súc sinh như nghe tiếng vang, Thiên thu (Mật người thân chim) sinh con, trở lại hại mẹ mình. Về sau đạt được quả A-la-hán.

Lại nữa, nên nói là không có tội năm nghịch. Người kia không có ân từ đối với hai cha mẹ. Nếu như có tâm từ, nhưng ngày ngày suy tổn, thọ nhận tội năm nghịch, nên dùng tướng về thầy, lại tạo ra luận này. Nếu như nên như thế, thì tất cả thế gian đều là tội năm nghịch.

Hỏi: Người phạm phụ trụ nơi tâm sát hại, nên nói là đã tạo thành tâm thiện hay nên nói là không tạo thành tâm thiện?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là không tạo thành, vì người kia không có trí tuệ để có thể đều phân biệt. Người kia không có giới cấm.

Hỏi: Hiện tại người phạm phụ không sinh lên cõi trời, chỉ nghe người trì giới sinh lên cõi trời chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Nếu sinh lên cõi trời thì người kia thành tựu. Nếu vào địa ngục thì người kia không thành tựu.

Hỏi: Nghĩa này là không đúng. Vì sao cũng nghe được hành lớn? Khế kinh Phân Biệt nói: Ở nơi bảy xứ nếu phạm tội tức vào địa ngục. Không phạm tội tức được sinh lên cõi trời.

Lại nữa, hoặc có thành tựu hoặc không thành tựu. Người nào thành tựu? Nếu ở nơi tam muội, giới đầy đủ, không phạm giới luật, thiền không thoái chuyển, cho đến sau khi mạng chung, đó gọi là thành tựu. Người nào không thành tựu? Ở nơi tam muội, giới không đầy đủ, phạm giới luật, đối với thiền thì thoái chuyển, liền mạng chung, đó gọi là không thành tựu.

Hỏi: Bậc A-la-hán tâm sau cùng trụ ở cảnh giới hữu lậu, nên nói là thành tựu hay nên nói là không thành tựu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là thành tựu, vì không xả giới luật.

Hỏi: Thế nào là thọ nhận quả báo? Ở nơi tâm sau cùng của A-la-hán kia thọ nhận quả báo? Hành cùng với báo là như nhau, không có khác, điều này không phải là luận, thế nên không có ở đây?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là không thành tựu, vì người kia nơi tam muội giới không thọ nhận báo ấy.

Hỏi: Suốt cả đời, tam muội giới không đầy đủ. Lại nữa, A-la-hán đầy khắp thế giới. Lại nữa, nên nói là thành tựu. Suốt cả đời, A-la-hán kia liền khởi suy nghĩ: Vì sao hiện nay lại thọ báo? A-la-hán kia hoặc trước, hoặc sau, vì sao ở nơi khoảng giữa có thọ nhận quả thật chẳng? Nếu tạo nên giảng đường, nhà phòng, nên nói là hành của thân hay nên nói là hành của ý?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là hành của thân, vì thân cầu tìm phương tiện, siêng năng khó nhọc, nên có công.

Hỏi: Những thân nào là thuộc về hành thiện?

Đáp: Không phải đều là hành của thân. Thân này thuộc về ba hành thiện.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là hành của miệng, vì miệng có đối tượng bày tỏ: Ta thí cho chúng Tăng nhà phòng, nên là hành của miệng đã tạo.

Hỏi: Nên nói là thuộc về hành thiện của những miệng nào?

Đáp: Lời nói chí thành. Lời nói biết thời. Lời nói không thô ác.

Hoặc có thuyết cho: Nên nói là hành của ý, vì ý có quyết định dứt khoát đem vật thí cho chúng Tăng. Ý đã quyết định xong, sau đấy mới phát ngôn ở miệng: Tôi nay chí thành thí cho, không nói dối.

Hỏi: Là thuộc về những hành thiện nào?

Đáp: Ba hành thiện của ý: Không khởi tham ganh, không có kiến như giận dữ v.v...

Lại nữa, nếu răn dạy thân: Ta đã có đối tượng hành thí tức thân người kia có răn dạy, là ta có đối tượng hành thí, người kia nên nói là hành của thân, hành của ý. Nếu miệng có lời răn dạy: Ta có đối tượng hành thí, thì người kia nên nói là thân biểu hiện, khẩu ý biểu hiện, không ở nơi trung gian khởi ý niệm phước của phòng nhà, nên các căn thiện thành tựu. Ở nơi cõi này, nếu như trở lại sinh làm người xuất gia, hoặc ở tục tu pháp.

Hỏi: Người kia vì sao không ở trong hiện pháp, không xuất gia tu hành pháp?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Vì căn thiện của người kia chưa thành thực, lại sinh các căn thiện liền thành thực.

Hoặc có thuyết nói: Người kia do nhân duyên thiện có trở ngại, nên không được xuất gia. Lại do nhân duyên này được làm nhà hào

quý. Lại nữa, ở nơi đây, hoặc có người nhờ dựa vào sức bên ngoài nên có được thành tựu về đối tượng nương dựa. Các kiết mạnh mẽ đã dứt hết, các hành thiện đầy đủ. Nếu không có phương tiện, thì các pháp thiện suy tôn, người kia ở nơi cõi này sau cùng lại sinh, lại được xuất gia. Nên khởi quán này, tức có từng ấy sự việc.

Hỏi: Vì sao kiết có quả thật còn hành không có quả thật?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Báo của hành là đối với kiết đã thọ nhận báo này. Các kiết sử diệt hết nên đạo là đối với báo ấy, đạo chưa sinh nhưng đã có quả thật.

Hỏi: Hành cũng là đối với đạo, vì đạo sinh thì kiết diệt. Lại nữa, có báo thọ nhận là báo của đạo kia, tất cả đều diệt mất chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu hành thường có quả thật thì đạo trên cũng không có quả thật, thế nên không đoạn dứt hẳn. Muốn khiến không đoạn dứt hẳn chăng? Lại nữa, hành này đều cùng có hai quả chung một pháp. Vì sao? Vì không quả, lại nói có quả, hoặc người kia có hành tự nhiên.

*Thọ báo, dạy nam nữ
Không thành nam cũng vậy
Người phạm phu tâm sau
Thí giảng đường, phòng nhà.*

Hỏi: Như núi chúa Tu Di của địa này, chúng sinh thọ nhận hành, giáo, chúng sinh nhập Niết-bàn, địa kia tức nhỏ kém dần chăng?

Đáp: Không nhỏ kém. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh duyên nơi hành báo kia. Nếu không thọ nhận báo, thì ở địa kia, hoặc có chúng sinh thọ nhận báo, không thọ nhận báo. Điều này không phải lỗi của cõi kia.

Hỏi: Như có ít kém các thứ cỏ lạ, cỏ thuốc, lúa thóc, cây cối, nên nói là tự nhận lấy hành báo hay nên nói là thọ nhận báo tăng thượng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là thọ nhận báo của hành.

Hỏi: Tức không có không cho mà lấy chăng?

Đáp: Người khác đã thọ nhận nên không có không cho mà lấy.

Hỏi: Là thọ nhận vật gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu có đối tượng thọ nhận, thì vật kia là báo của hành. Nếu không có đối tượng thọ nhận, thì vật kia cũng là báo của hành.

Hỏi: Vật kia cũng là thọ nhận báo. Vật kia cũng là không thọ nhận báo. Là muốn khiến cho vật ấy là báo của hành? Lại nữa, thọ nhận hành tăng thượng. Vì sao? Vì không do hành báo nên nhận lấy quả thật kia, không dứt trừ nguồn khổ, nguồn vui, như cỏ cây, vườn quả. Vì sao người thời xa xưa, khi tu mười hành thiện, thì mạng được kéo dài, sống lâu, ruộng phước phong phú, thành thực? Như người ngày nay, khi tu mười hành thiện, cũng không sống lâu, cũng không có phước đức?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Người thời xa xưa, trong suốt đêm dài sinh tử đã tu mười thiện. Như người ngày nay, không tu mười thiện trong suốt đêm dài sinh tử.

Hỏi: Như hiện nay, không tu mười thiện trong suốt đêm dài sinh tử, nhưng những người kia cũng được sống lâu, cũng được phước điền tốt đẹp chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Người thời xa xưa kia tu mười thiện, nhưng người ngày nay không tu mười thiện.

Hỏi: Người không cầu uế tu hạnh thanh tịnh, nay có thể được thọ hưởng sống lâu chăng? Cùng phước đức lớn mạnh chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người kia không phải thọ nhận báo của hành hiện tại, mà nhận lãnh báo của hành ở xứ khác, vào thời đó tức sống lâu và được phước đức lớn. Đối với quả của hành kia sẽ

được thọ nhận ở nơi chốn khác. Như ngày nay tu hành mười thiện, vào thời kia tức nhận báo ở nơi xứ khác.

Hỏi: Như hiện nay cũng không quán xét, hoặc nhận hành báo ở nơi chốn khác, cũng được sống lâu và phước đức lớn. Lại nữa, có vô lượng các sự việc khiến thọ mạng của chúng sinh được nối dài, cũng có phước đức, không chỉ riêng mỗi hành của hành này. Cũng có vô lượng các sự việc, như nay có thể quán xét: Hoặc có phương tục nơi các nẻo. Hoặc có các hành kéo dài thọ mạng để sống lâu. Vì sao người giữ giới chỉ bảo kẻ khác không giữ giới, liền tự mắc tội đọa lạc. Hoặc người không giữ giới chỉ bảo người khác trì giới khiến có giới luật?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Người trì giới chỉ bảo kẻ khác không trì giới, thế nên là phạm giới, hoặc phạm oai nghi. Nhưng người tinh tấn thì được oai nghi, người không tinh tấn thì không được oai nghi. Nếu người trì giới chỉ bảo người khác không giữ giới, khiến họ không giữ giới. Nhưng người không trì giới thì không chỉ bảo người trì giới khiến người này trì giới.

Hoặc có thuyết nêu: Người tinh tấn chỉ bảo kẻ khác không giữ giới, là ở tại chỗ hy vọng. Hy vọng do hủy hoại giáo giới. Người không giữ giới chỉ bảo người khác giữ giới thì không khởi hy vọng. Hy vọng hoại thì giới hoại. Lại nữa, người giữ giới chỉ bảo kẻ khác không giữ giới, nếu khởi tưởng niệm, tức gọi là không giữ giới, là có sức trì giới nhưng không thoái chuyển. Người không trì giới chỉ bảo kẻ khác không trì giới, nếu khởi tưởng niệm, nên nói là người trì giới, do sức tinh tấn đã đạt tới.

Hỏi: Từng có một hành của miệng là có phước báo hay không có phước báo?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Là có. Yêu mến người này, chỉ dạy người kia, nên có hai tâm miệng cùng có một lời chỉ giáo. Gốc khởi tưởng niệm tạo ra lời nói này: Thu nhận người ấy, ràng buộc người ấy.

Hỏi: Phát khởi tâm thiện có giáo hóa nên có công đức sinh. Pháp thiện đầy đủ khởi các lời răn dạy. Nếu tâm bất thiện có giáo hóa, tức có phước bất thiện sinh. Vậy tâm đã suy niệm có thiện, bất thiện sinh. Lại nữa, sự răn dạy có các tướng sinh chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Miệng không có hành thiện, còn tâm thiện thì có chỉ dạy. Hành của miệng bất thiện, hành của miệng tâm bất thiện, không do một lời chỉ dạy có tâm thiện sinh thế nên không có. Lại nữa, miệng chỉ dạy giống nhau, cũng có hư, cũng có thật, tâm thiện sinh, tâm bất thiện cũng sinh, tâm vô ký cũng sinh. Lại nữa, tất cả đều thuộc về tâm hành, cũng có thiện, cũng có bất thiện, cũng có vô ký, là tâm đã suy niệm. Xứ sở nơi hành của miệng nên nói là hành của miệng theo một tâm, cũng là thiện, cũng là bất thiện, vì thế tức không có.

Hỏi: Vì sao hành của thân cũng là thiện, cũng là bất thiện?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Có tạo tướng sát hại, một xứ có giáo hóa, thân vốn khởi niệm nên giết kẻ ấy, nên thương cho kẻ ấy.

Hỏi: Nếu như với tâm thiện có giáo hóa, tức có phước sinh tâm thiện đã sinh. Nếu tâm bất thiện có giáo hóa, tức không có phước thiện sinh. Tâm bất thiện có giáo hóa, tâm ấy là gốc của thân. Nếu tâm đã suy niệm có phước hoặc không có phước nhưng người răn dạy thì có hai tâm sát hại?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thân thiện, hành thân thiện, miệng chỉ dạy bất thiện. Hành của thân bất thiện, thân tâm có giáo hóa, không do một sự giáo hóa, nên nói là thiện, nói là bất thiện, vì thế tức không có.

Lại nữa, giáo hóa giống nhau, cũng thấy lễ kính, phát khởi tâm thiện, tâm bất thiện, tâm vô ký. Lại nữa, tất cả tâm đã suy niệm đều có thiện, bất thiện, vô ký của sự giáo hóa này. Thế nên tâm đã suy niệm không do niệm có thiện, có bất thiện, do vậy nên không có.

Hỏi: Vì sao nhận biết được giới hữu lậu của A-la-hán đã thành tựu?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Giới kia không phải có đầy đủ đều là oai nghi, cũng như oai nghi này không trở lại nơi A-la-hán. Nếu trở lại nơi A-la-hán thì không khác.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu như giới hữu lậu của A-la-hán không thành tựu, thì A-la-hán kia không có tội. Vì phạm rồi trở lại ăn năn, sám hối, nên là giới hữu lậu đã thành tựu A-la-hán. Lại nữa, nếu A-la-hán không khởi giới hữu lậu, cũng không lường xét về hữu lậu, thì đây là thế tục, đó gọi là nhân duyên, cũng không che giấu để khởi tưởng chúng sinh, do đồng với tâm phương tiện của Thánh đế, đồng với pháp vi diệu của Hiền Thánh. Ở nơi giới này thuận theo tánh không, nên tạo ra quán ấy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, A-nan, Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo, nếu thọ nhận tám pháp kính trọng, tức là phần chính yếu của người xuất gia, cũng là giới cấm, cũng là hạnh của Tỳ-kheo-ni.

Hỏi: Thế nào là phần chính yếu của người xuất gia? Thế nào là giới cấm? Thế nào là hạnh của Tỳ-kheo-ni?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vâng nhận hành theo pháp trọng yếu, cũng là giới cấm của người xuất gia, cũng là hạnh của Tỳ-kheo-ni.

Cũng có thuyết cho: Giới kia tức là giới cấm, là hạnh của Tỳ-kheo-ni.

Hoặc có thuyết nêu: Từ bỏ nghiệp nhà, đó gọi là xuất gia. Vâng nhận hành theo pháp trọng yếu, đó gọi là giới cấm. Đến giờ hành khát thực, không mất oai nghi, đó gọi là hạnh của Tỳ-kheo-ni.

Lại nữa, ở trong hiện pháp, học tập oai nghi, mặc pháp phục Sa-môn, xuất gia học đạo, được giới cụ túc. Do phương tiện được giới này, thuận theo không mất thời tiết, đó gọi là hạnh của Tỳ-kheo-ni.

Đáp: Thế nào là học giới tăng thượng? Thế nào là học tâm tăng thượng? Thế nào là học trí tuệ tăng thượng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thân oai nghi, miệng oai nghi, các hành thanh tịnh, đó gọi là học giới tăng thượng. Bốn thiền gọi là học tâm tăng thượng. Phân biệt về bốn đế, đó gọi là học trí tuệ tăng thượng.

Hoặc có thuyết cho: Đẳng ngữ, đẳng hành nghiệp, đẳng phương tiện, đó gọi là học giới tăng thượng. Đẳng niệm, đẳng định, đó gọi là học tâm tăng thượng. Đẳng kiến, đẳng chí, đẳng tri, đó gọi là học trí tuệ tăng thượng.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu giới dựa vào tư duy, đó gọi là học giới tăng thượng. Nếu dựa vào chỉ, quán, đó gọi là học tâm tăng thượng. Nếu dùng chỉ quán đoạn trừ các kiết sử, đó gọi là học trí tuệ tăng thượng.

Hoặc có thuyết nói: Thấy người không trì giới, chí cho là cấu uế, có thể lia bỏ. Người kia chí nguyện ở giới cấm, mỗi mỗi đều học, đó gọi là học giới tăng thượng. Thấy lia bỏ cấu uế, ý không nhiễm chấp, hành tập tam muội, ở nơi tam muội ấy mỗi mỗi đều học, đó gọi là học tâm tăng thượng. Không có phương tiện, thấy các cấu uế biểu lộ, có thể xả bỏ. Dùng phương tiện trí tuệ nhằm gần gũi thiện hữu, ở nơi ấy mỗi mỗi đều học, đó gọi là học trí tuệ tăng thượng.

Lại nữa, thuận gần với tám đạo Hiền Thánh để phân biệt và học oai nghi, đó gọi là học giới tăng thượng. Suốt đời vâng giữ giới, nên bỏ ác đến với thiện, theo đạo Hiền Thánh, khởi các tam muội, dùng trí tuệ học tâm tăng thượng. Ở nơi tam muội này có phương tiện nên tăng ích, ở trung gian của phương tiện kia được trí tuệ nơi đạo của các Hiền Thánh, đó gọi là học trí tuệ tăng thượng, đối với trí tuệ này, dùng phương tiện tu hành.

Hỏi: Vì sao Thư ni nhị thập ức (tên Sa-môn) chỉ dùng một phòng nhà thí cho chúng Tăng mà được chín mươi một kiếp không

bị đọa vào nẻo ác. Còn Bồ-tát ở trong cõi này tạo nên vô số công đức mà phải vào địa ngục?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thụ ni nhị thập ức tâm nghiêng về bố thí cho chúng sinh. Do công đức bố thí tốt đẹp này, nên ở nơi xứ đã sinh thường ưa tuệ thí, ý nối tiếp không dứt, do vậy nên không bị đọa vào nẻo ác. Nhưng Bồ-tát thì ý thiên về trí tuệ, ý chí rất dũng mãnh, tức không đọa vào nẻo ác.

Hoặc có thuyết nêu: Thụ ni nhị thập ức ý ở nơi chốn vắng lặng, có tín giải thoát. Do đức của sự việc ở chốn vắng lặng này, nên không bị đọa vào nẻo ác. Còn Bồ-tát thì tu hành đạo nghiệp, hoặc có khi không đọa vào nẻo ác. Nếu mất chí nguyện liền bị đọa vào nẻo ác. Nếu không mất chí nguyện thì không đọa vào nẻo ác, liền sinh lên cõi trời.

Hoặc có thuyết nói: Bồ-tát trong suốt chín mươi một kiếp không vào nẻo ác. Từ xa xưa đã từng trải qua ra khỏi vô số sinh tử của chín mươi một kiếp.

Tôn giả Đàm-ma-đa-la tạo ra thuyết này: Đối với lời nói hủy báng ấy là phương tiện của Bồ-tát, nên không bị đọa vào nẻo ác. Bồ-tát phát tâm đến nay, luôn cầu đến đạo tràng, từ đây trở đi không vào địa ngục, không vào súc sinh, ngạ quỷ, không sinh vào xứ bần cùng, đi chân trần. Vì sao? Vì tu hành trí tuệ nên không thể bị tan hoại. Lại nữa, Bồ-tát phát tâm trở lại được ba pháp không thoái chuyển, dũng mãnh ưa bố thí nên trí tuệ tức tăng ích, thuận theo, vì thế nên biết là Bồ-tát không rơi vào pháp ác.

Đại vương, thời xưa trước

Trì giới, hành thân, miệng

La-hán, Cù-đàm-di

Học, không đọa nẻo ác.

Hỏi: Vì sao A-la-hán gọi là phước điền?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tâm không cầu ướ, vương chấp, nếu người có thể cúng dường bậc A-la-hán kia, tức đạt được phước lớn. Như đám ruộng đã trừ bỏ cỏ dại thì cây lúa xanh tốt.

Hỏi: Đối với A-la-hán kia không cung kính sẽ mắc tội lớn. Ở đây nên nói là phước điền bất thiện chăng?

Đáp: Không có phước điền. Như khéo trừ bỏ hết cỏ dại trong ruộng lúa. Nếu như có một ngày đã gieo trồng cỏ khác, nên gọi là ruộng lúa như thật, không nghi.

Hoặc có thuyết nêu: Tâm tu hành căn, lực, giác ý, tức duyên nơi tâm thiện sinh các nghiệp phước, thế nên A-la-hán được gọi là phước điền.

Hỏi: Tâm bất thiện cũng phát sinh là muốn khiến A-la-hán kia không phải là phước điền chăng?

Đáp: A-la-hán không có niệm bất thiện duyên nghiệp đức của mình. Vì sao? Vì ác thì duyên nơi niệm bất thiện, nhưng A-la-hán không có ác ấy, nên duyên là phi duyên.

Hoặc có thuyết nói: A-la-hán có thể khiến cho người khác có niềm tin, thế nên A-la-hán nói là phước điền. Tuy đối với A-la-hán kia sinh niệm ác, nhưng ý cũng không dòi động. Lại nữa, tâm chính là gốc của các pháp tuệ thí, đó gọi là phước điền. A-la-hán kia sinh, tức có tăng trưởng rộng khắp ở quả lớn. Thế nên A-la-hán gọi là phước điền.

Đối với A-la-hán kia, liền khởi suy nghĩ: A-la-hán kia không phải là phước điền thật, nhưng là phước điền thật. Tuy đối với A-la-hán kia đã gây tạo nghiệp tà, nhưng không trụ ở trong đó, tùy nơi sự việc tà của người khác. Nếu thí cho một nắm sẽ được phước sinh lên xứ trời Thiện lạc. Ở cõi trời ấy tức có được các thứ cung điện, phòng nhà.

Hỏi: Nên thí cho một năm mà được từng ấy phước hay nên không phải riêng thí cho một năm mà được từng ấy phước?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là do thí cho một năm nên có được từng ấy phước. Vì sao? Vì đã có thể do hành nên sinh nơi cõi trời kia. Hành này đã tạo ra vô số thứ cung điện, phòng nhà.

Hỏi: Vì sao từ một hành mà có được vô số thứ cung điện, phòng nhà?

Đáp: Do các hành được tụ tập.

Hoặc có thuyết cho: Không phải chỉ thí cho một năm mà có được từng ấy phước, mà vì có thể duyên nơi pháp đã suy niệm của tâm thiện. Do nhân duyên ấy nên được sinh vào cõi trời kia. Hành bố thí ấy cũng đã tạo ra vô số thứ cung điện, phòng nhà như thế.

Hoặc có thuyết nêu: Không phải do thí cho một năm mà được sinh nơi cõi trời kia, mà chính là do trì giới nên mới được sinh.

Cũng có thuyết nói: Thí cho tức đạt được phước lớn. Trì giới thì được sinh lên cõi trời.

Hỏi: Như về cung điện là nói duyên nơi phước của thí cho một năm, như vậy thì bảy lần sinh lên cõi trời cùng trong nhân gian là thọ nhận phước tự nhiên chăng?

Đáp: Do nhân duyên này, nên giới kia được thành tựu. Vì thế được thọ nhận phước ở cõi trời kia. Nếu như tạo ra thuyết này: Báo của thí cho một năm nên bảy lần sinh lên cõi trời cùng trong nhân gian thọ nhận phước tự nhiên, không do một hành mà bảy lần thọ nhận phước. Vì vậy phước kia là tự nhiên. Như thế không do báo của thí cho một năm mà sinh nơi cõi kia. Sự việc này như đã xét kỹ về việc thí cho một năm.

Lại nữa, thí cho một năm là có tương ứng. Phước kia cũng ở nơi bên ngoài, không có thân căn mà sinh.

Tùng có hành thí cho kia là thân căn, lần lượt cùng nhân nơi tăng thượng để sinh nhân duyên tương ưng với hành, thọ nhận vô số quả báo. Như một thứ hành có tăng ích, có vô số thứ báo ngẫu nhiên. Như họa sư kia đã tạo ra vô số hình tượng như thật.

Hỏi: Vì sao âm thanh không có báo?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Âm thanh có báo là tiếng vang, vì trung gian của báo là không có báo, thế nên âm thanh không có báo.

Hỏi: Tâm trung gian của tâm sinh ra báo, là muốn khiến tâm không phải là báo chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Âm thanh do hiện tại hội hợp nên có tiếng, nhưng báo thì không như vậy, thế nên âm thanh không phải là báo.

Hỏi: Đã do cảnh giới hiện tại hội hợp mà có, là muốn khiến cho âm thanh kia không phải là báo chăng?

Hoặc có thuyết nói: Âm thanh cũng là báo. Đức Thế Tôn cũng nói: Hoan hỷ muốn nghe âm thanh, tức nên có ngay.

Đáp: Âm thanh kia hoặc là hoan hỷ, hoặc không phải là hoan hỷ, như hiện nay không có báo. Như hai người đều cùng nên có báo, nghe âm thanh cũng nên có báo.

Hỏi: Nghe hoặc có khi hoan hỷ, hoặc có khi không phải hoan hỷ, là muốn khiến cho sự nghe kia không phải là báo chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Âm thanh cũng là báo. Phạm âm của Bồ-tát, tướng của bậc đại nhân đã thọ nhận thật báo của các hành.

Hỏi: Bốn đại của yết hầu đây là báo của hành, do có phạm âm nên bốn đại kia không phải là thọ nhận báo chăng?

Đáp: Sắc vàng ròng do bốn đại tạo nên là cũng muốn khiến cho sắc vàng ròng ấy không phải là báo sao? Lại nữa, âm thanh không

phải là báo, cũng không là không phải là báo. Vì sao? Vì âm thanh là thợ thiện xảo. Có một tâm, trở lại được tham dục tạo ra, sinh hỷ, sinh ưu, nhưng báo thì không như thế. Vì thế nên âm thanh không phải là báo.

Hỏi: Từng có sát sinh thuộc về hành của miệng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Như đại vương đã ra lệnh cho vị quan giám sát kia sát sinh.

Hỏi: Hành của thân, hành của miệng thì không có nhất định. Lại nữa, nhân duyên nơi hành của miệng đã tạo ra sát sinh, sự giết hại ấy không được nói thuộc về hành của miệng. Vì người kia ở đây đã khởi suy niệm: Vì sao hôm nay lại ban lệnh khiến giết người? Vua ấy có miệng hành ác chăng? Nếu là sát sinh tức có sát hại, đồ kỵ không dứt hết, do ý sát hại nên bị đọa nơi nẻo ác.

Hỏi: Từng có nói dối thuộc về hành của thân chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có. Cũng như in dấu của tay, miệng không phát ngôn nhưng có vô số chỉ dạy người khi dẫn chứng.

Hỏi: Cũng không có hành của thân, hành của miệng. Lại nữa, không có tức không có hành của thân. Người kia lại khởi suy nghĩ: Nay vì sao lại in dấu tay cùng hành của thân? Nên tạo ra quán này: Tướng hành không như nhau. Nếu ở trong mộng tu hành mười thiện thì nên nói là hành của thân chăng? Nên nói là hành của miệng chăng? Nên nói là hành của ý chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói cả ba thứ, do ba thứ hành gồm mười hành thiện.

Hỏi: Nếu ở trong mộng sát hại chúng sinh, nên nói là phạm giới sát chăng? Lại nữa, nên nói là hành của ý, vì chỗ suy nghĩ của ý là ở đây nên là có. Như trong mộng thấy hành của thân, hành của miệng. Đây không phải là dụ.

Hỏi: Nếu phi pháp tạo ra tướng pháp, là phá hoại làm rối loạn chúng Tăng. Nếu pháp tạo ra tướng phi pháp như thế là tội rất nặng chăng?

Đáp: Tướng phi pháp là phá hoại, làm rối loạn chúng Tăng, tội ấy là rất nặng.

Hỏi: Nếu như đều cùng tạo ra tướng hai pháp, tranh chấp, gây rối loạn chúng Tăng, thì cả hai tội đều cùng như nhau chăng? Lại nữa, nếu giận dữ bùng lên, tâm phát sinh niệm ác thì tội ấy là rất nặng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ba thứ nghiệp đức là thí, giới, tư duy. Đối với Tỳ-kheo kia thì thí giới là vi diệu hay tư duy giới là vi diệu?

Hỏi: Vì sao thí giới là vi diệu? Giới tư duy là vi diệu?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Thí được phước lớn, giới được sinh lên cõi trời. Tư duy thì xa lìa nẻo ác, vì vi diệu nên người kia được sinh lên cõi trời. Do sinh lên cõi trời nên lìa nẻo ác.

Lại nữa, do thí tương ưng với cung kính, nên đạt được đức của thí. Nếu thí cho một ít, cùng với tâm có sai trái thì có thể khiến cho chúng sinh trụ nơi giới nhưng không thể khiến cho chúng sinh được tự tâm được giải thoát. Thế nên thí giới là vi diệu, giới tư duy là vi diệu.

Hỏi: Như đã nói hai thứ đức nghiệp nơi chủ thể thí, đối tượng thí. Người của chủ thể ăn là tín thí, người kia vì sao có đối tượng thí? Vì sao người của chủ thể ăn là tín thí?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu cất phần tuệ thí của mình, đó gọi là thí. Nếu thọ nhận thí, có thể tiêu hóa, đó gọi là người ăn là tín thí.

Hỏi: Vì sao nhận biết được là có phước đức?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu duyên nơi tâm thí, đó gọi là thí. Nếu duyên nơi thức ăn, theo tâm thí, đó gọi là người thọ nhận tín thí.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu cắt đứt tâm tuệ thí của mình, đó gọi là thí. Nếu duyên nơi tâm tôn kính, đó gọi là người ăn là tín thí. Lại nữa, các công đức lâu dài, như thuận theo việc gieo trồng chủng loại phước đức, bị hệ thuộc, hoặc tạo cho phước đức kia được tăng ích, hoặc hành thí không có chán đủ, thường cầu phương tiện.

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Trồng vườn cây quả tốt
Hoặc làm cầu người qua
Bệnh dùng thuốc cứu chữa
Ngày đêm được phước lớn.*

Hỏi: Thế nào là người kia đạt được phước lớn?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Người thọ nhận thí có được phước.

Hỏi: Vì sao nhận biết được phước lớn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do thí được phước, đối với sự việc ấy nên tư duy, vì thế được phước lớn, như trước đã nói.

*Khéo biết, người hay biết
Là đệ tử Cù-đàm
Ngày đêm tu khổ hạnh
Niệm thường không lìa Phật.*

Đệ tử của Đức Phật kia không tạo ra niệm khác, thường tư duy niệm Phật.

Hoặc có thuyết cho: Như gieo trồng hạt lúa, hoặc có khi được tốt tươi, hoặc có khi không được tốt tươi. Phước cũng như thế, tất cả đều tạo nên phước thiện, tùy thời tiết được tươi tốt.

Hoặc có thuyết nêu: Như đã nói là đạt được phước lớn.

Hoặc có thuyết nói: Như đã nói: Niệm có được phước lớn. Lại nữa, người kia đối với thân được phước. Hoặc có khi thân người kia đối với phước ấy dần dần do phương tiện nên được phước.

*Ruộng nghiệp sinh xứ thiện
 Hai tụ, mộng oai nghi
 Vì sao phước rất trọng
 Phước gọi là vườn gác.*

Hỏi: Nếu chúng sinh từ trời Quả thật mạng chung sinh nơi trời Tịnh cư, thì chúng sinh kia nên nói là cùng với duyên của hành nên sinh nơi cõi trời ấy, hay nên nói do kiết sử sinh lên cõi trời ấy?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là do duyên của hành nên sinh vào trời kia. Bốn thiền vi diệu do tư duy nên được sinh vào trời kia. Do tu hành bốn thiền nên được sinh trong cõi kia. Vì thế nên nói là do nhân duyên của hành tức được sinh vào trời kia.

Hoặc có thuyết cho: Đều cùng do hai sự việc nên sinh vào cõi trời kia. Thọ nhận đối của kiết sử, nên có tên kiết sử, là có tên hành. Lại nữa, do nhân của hành nên sinh. Đức Thế Tôn cũng nói: Do nhân của hành sinh. Thế nên nói do duyên của hành nên sinh.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Sa-môn Bất-na, hoặc có một người gây tạo ác, nối tiếp các hành của thân.

Hỏi: Thế nào là người kia gây tạo các hành của thân?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Hành của thân có ba loại: hạ, trung thượng. Loại hạ là gây tạo ác, gây tạo liên tục là loại thượng, gây tạo ác nối tiếp là loại trung. Quán xét loại thượng kia là gây tạo ác nối tiếp gây tạo. Quán xét loại hạ gọi là tạo ác nối tiếp gây tạo. Nếu là loại hạ, là cả hai đều cùng quán xét, gọi là tạo ác, nối tiếp tạo. Thế nên trung có hạ cũng gây tạo ác, tạo ra hành của thân.

Hoặc có thuyết nói: Hướng tới ba đường ác, đó gọi là gây tạo ác. Sinh nơi cõi sắc, vô sắc, đó gọi là nối tiếp tạo. Người trời nơi cõi dục gây tạo ác, nối tiếp tạo ác. Xứ không có định, chủ yếu gây tạo ác, nối tiếp tạo ra các thứ hành.

Hoặc có thuyết cho: Ba thứ vô minh duyên nơi hành. Người có phước, người không có phước, người có phước vô lậu, đối với kẻ không có hành phước kia, đó gọi là gây tạo ác. Người có phước vô lậu là nối tiếp gây tạo. Người có phước, gây tạo ác, nối tiếp tạo. Tạo ra các hành phước, đó gọi là tạo ác, nối tiếp tạo.

Lại nữa, người tạo ra vô số thứ hành, vô số xứ giải thoát. Người này không thể cùng một lúc biện biệt về việc đã làm của một tâm, như nơi tất cả nẻo ác mà có ba thọ.

Hỏi: Vì sao tất cả tạo ác là nối tiếp gây tạo?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không do nẻo ác sinh khởi báo của các hành.

Hoặc có thuyết nói: Không ở nơi trung gian kia sinh khởi báo của các hành.

Hoặc có thuyết cho: Không do tích tụ hành mà sinh nơi cõi kia.

Lại nữa, các thứ cùng hưng thịnh mà có xứ định, ở nơi xứ không từng trải mà có hành khổ vui.

Hỏi: Vì sao trong nẻo người, trời tạo các hành thiện gọi đó là thọ báo?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Do cảnh giới của người, trời kia là tự như thế. Hoặc có sự vi diệu thuộc ác. Hoặc có thuyết nói sự vi diệu thuộc thiện, được nói là ngã sở.

Hỏi: Trong nẻo ác cũng có việc thiện, nói là ngã sở, là muốn khiến cho việc thiện kia sinh khởi chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu có thể cứu vớt, thì người kia không có hành của kiết ác do kiết sinh. Thế nên bất thiện ở khắp tất cả.

Hỏi: Như đã nói: Trì giới được sinh lên cõi trời, sự việc này là không đúng chăng?

Đáp: Giới cứu vớt nẻo ác, do kiết của hành bất thiện nên sinh vào cõi ấy. Đó gọi là do giới nên sinh lên cõi trời.

Như đã nói: Năm kiết phần dưới đã dứt hết, gọi là sinh lên cõi trên, không có không dứt hết mà sinh. Lại nữa, không có báo sinh ra báo vô ký. Lại nữa, duyên nơi hành thiện mà sinh, do nhân duyên sinh nên có danh hưng khởi. Như ở đây mà sinh trong cõi kia. Như xứ sở của phương tục, không có được xứ sở, ở nơi ý kia mà sinh tâm, do đây mà sinh kia. Như thế, nhân duyên của báo thiện sinh ra nhân duyên nên có danh khởi lên tức sinh lên cõi trời.

Hỏi: Thế nào là hành chướng ngại?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Sinh các tâm ăn năn. Do tâm ăn năn kia nên không tạo chướng ngại đối với đạo, Lại nữa, có xứ sở của tham dục, do nghiệp hư hoại. Đối với chỗ cần thiết kia, do nghiệp đều hết làm việc ngăn che.

Như đã nói: Có năm tội hành. Hoặc có người không có hổ thẹn, không xấu hổ, không biết xấu hổ đối với nhiều người, giả dối, không có tâm chí, tình ý mê lầm.

Hỏi: Những người này có khác biệt gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ở trong cõi này, hoặc có người tạo nên sắc tượng kia để tư duy, tất cả đều không có hổ thẹn, vĩnh viễn trụ nơi tâm không hổ thẹn. Đã có tâm không hổ thẹn, lại phạm thêm các điều xấu ác.

Ở trong cõi này, hoặc có người không biết có thứ tự cao, thấp, người dạy trao giới luật cũng không chịu lãnh nhận, không biết làm thãm nhuần tâm mình, lại còn phạm nhiều tội khác.

Ở trong cõi này, hoặc có người theo như sắc tượng kia mà tư duy, tất cả hổ thẹn đều diệt hết, trụ nơi không có tâm thẹn. Lại do không có tâm thẹn, nên phạm các hành ác, nên ở nơi cõi này học. Người kia không còn nhớ, lại phạm tội khác.

Ở trong cõi này, hoặc có người không nhận biết, nên tạo ra học này: Người kia về sau không nhận biết, lại phạm các thứ ác khác. Đây là sự đồng dị của những người kia.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Không nhận biết dấu vết giải thoát, không nhận biết nói về dấu vết giải thoát.

Hỏi: Thế nào là dấu vết giải thoát? Thế nào là nói về dấu vết giải thoát?

Đáp: Có hai dấu vết giải thoát: Trước mắt Tỳ-kheo Tăng, nói về giới Tỳ-kheo thanh tịnh cùng tương ưng, đó gọi là dấu vết giải thoát của Tỳ-kheo. Ở trước mắt Tỳ-kheo-ni, Tăng, nói về giới thanh tịnh cùng tương ưng chung, đó gọi là dấu vết giải thoát của Tỳ-kheo-ni. Dấu vết giải thoát này có năm tướng: Ở trước các vị Tăng khác mà nói về giới thanh tịnh, cùng tụng đọc, diễn giảng rộng, khiến người vâng làm, đó gọi là nói về dấu vết giải thoát.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Không hiểu giới, không hiểu thuyết giới.

Hỏi: Thế nào là giới? Thế nào là thuyết giới?

Đáp: Giới thanh tịnh, đó gọi là giới. Năm thứ tụ của Hiền Thánh, đó gọi là giới hạnh.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo trở lại các hành tức vận động tụ tập, thuộc về người truyền trao, dẫn đến hành thuộc về sự truyền trao.

Hỏi: Thế nào là thuộc về truyền trao? Thế nào là thuộc về người truyền trao hành?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đối tượng hành của bốn bộ được bốn hành, phần còn lại thuộc về người truyền trao dẫn đến hành. Đối tượng hành của mười bộ là mười hành, phần còn lại thuộc về người truyền trao dẫn đến hành. Đối tượng hành của hai mươi bộ được hai

mười hành, phần còn lại thuộc về người truyền trao dẫn đến hành. Đối tượng hành của chúng sự được các hành cùng giới, thuộc về người truyền trao dẫn đến hành.

Lại nữa, nếu đức hạnh của Tỳ-kheo thành tựu, Tỳ-kheo ấy nói là được hành. Nếu bị bệnh không thể nhận việc nhập chúng, thì người ấy gọi là thuộc về người truyền trao dẫn đến hành.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tôn giả Mục-kiền-liên an trú trong pháp thâm diệu dần dần hành khắp, dần dần học, dần dần mang dấu vết, dần dần thọ nhận lời chỉ dạy.

Hỏi: Thế nào là ở trong pháp thâm diệu, dần dần hành khắp, dần dần học, dần dần thọ nhận lời chỉ dạy?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đệ tử của Tôn giả là Mã-sư Mãn-túc, ở trong chúng này đã được niềm tin mà tu hành. Nghe pháp vi diệu, nghe pháp để vâng làm. Quan sát các pháp, lường xét các pháp, thích ứng không trái với thân nên thọ chứng. Trí tuệ phân biệt, dùng thiền để quán.

Hoặc có thuyết nêu: Như đã nói: Khế kinh Kiền Na Mục Kiền Liên nói: Oai nghi của thân, oai nghi của miệng, cùng với mạng thanh tịnh nên dần dần mà học. Oai nghi của căn, oai nghi của niệm, dần dần hành khắp bốn thiền, gọi là dần dần mang dấu vết. Lời giáo hóa của Đức Như Lai như thế, như thế là thọ nhận lời chỉ dạy của Đức Như Lai.

Hoặc có thuyết nói: Đầu tiên dẫn đến giới tràng, lại xướng lên rồi xướng lần ba, xướng lần bốn, bốn hành đầy đủ, đó gọi là dần dần hành. Thọ cụ túc như thế, là học giới tăng thượng như thế. Sau đây là học tâm tăng thượng, học trí tuệ tăng thượng. Như thế là dần dần học giới tâm tuệ. Nếu học thì vào thời này, đầu tiên là bốn để đoạn trừ kiết hết, nên tạo được dấu vết của đạo. Sau là do tư duy đoạn pháp tương ưng của cõi dục, pháp tương ưng của cõi sắc, pháp tương ưng

của cõi vô sắc, dần dần như thế mà nhận biết. Đối với tất cả pháp này, dần dần nhận biết. Như thế là dần dần thọ nhận lời chỉ dạy.

Lại nữa, dùng sắc thân thuyết pháp, Tỳ-kheo tán thán Phật, tán thán pháp, tán thán Tỳ-kheo Tăng, ý gắng nhẫn, tâm ưa hoan hỷ, thường không xa lìa, không dùng miệng để bày tỏ, tâm tịnh là tịnh, nên thọ quy mạng. Cũng nói đầy đủ giới luật của người xuất gia đầu tiên. Hành vốn đã tạo, lìa bỏ hành sai trái, cũng không đề cập ở đây, cũng không đề cập ở kia. Dần dần giáo hóa khắp như thế, dần dần như thế mà làm, dần dần phụ giúp công việc của chúng. Luật tăng thượng, dấu vết tăng thượng, theo đầy giới giải thoát.

Như thế, dần dần dạy bảo khắp, đối với thời học kia, thuận theo thời học giới tăng thượng, thuận theo thời học tâm tăng thượng, thuận theo thời học trí tuệ tăng thượng. Như thế là ban bố đầy đủ dấu vết theo hành. Vào thời ấy, dần dần thọ nhận lời chỉ dạy của Đức Như Lai, đó gọi là đoạn diệt, đó gọi là thọ chứng, đó gọi là dẫn đến nhập, chủ yếu là thọ nhận sự chỉ dạy như thế.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Đủ mười công đức, Như Lai vì Sa-môn kiết giới.

Sử dục tăng, sử tụ tăng, khéo trụ không dòi dôi, là muốn khiến thêm yên ổn. Người không tin khiến tin. Kẻ đã tin lại khiến tin thêm. Hàng phục người xấu ác, biết hổ thẹn, làm đạo sư ở trong hiện pháp giáo hóa khắp. Đều có giáo hóa chúng sinh chưa sinh khởi khiến dứt hết hữu lậu, trụ nơi phạm hạnh.

Hỏi: Đây có những gì là khác biệt?

Đáp: Nên học giới bản này. Chúng Thanh văn không có Đức Như Lai, nên có hệ thuộc nhưng không hư hoại. Cùng với tương ưng chung, đồng học nói các giới, nên đồng nói được các thứ giải thoát, cùng một loại kia. Đây là nghĩa tụ tập nào? Nên nói có vượt hơn, nên nói là tụ tập tăng thêm. Lúc tạo ra học này, là muốn hàng phục chúng

về nghĩa phân biệt, pháp phân biệt, muốn khiến thành tựu khéo trụ vào pháp vi diệu của Sa-môn, nên nói là thâm nhận tăng thêm.

Lúc học giới như thế, là hàng phục chúng về nghĩa phân biệt, pháp phân biệt, muốn khiến thành tựu khéo trụ vào pháp của Sa-môn, nên nói là muốn khiến trụ thiện tăng thêm.

Lúc học giới như thế, là nhằm hàng phục khiến Sa-môn lần lượt không có dục, lần lượt không có oán đối, lần lượt không cùng xúc não, nên nói là muốn khiến yên ổn tăng thêm.

Lúc học giới như thế, nhằm giáo hóa tự tướng chưa từng được hoan hỷ nay tức được, nên nói là người không tin khiến tin.

Lúc học giới như thế, giáo hóa tự tướng xong, được tín trọng, khiến cho tăng ích, cảnh giới không can hệ nhau, nên nói là người đã tin lại khiến cho tin thêm. Như người không tin đã sinh tin, lại khiến tu hành. Ở trong đó, chúng sinh đang đi trên đường tà, được dẫn dắt bảo cho biết đường lớn, đường chánh, không vượt thứ lớp giới, nên nói là hàng phục người ác. Đã hàng phục người ác, ở đây chúng sinh biết hổ thẹn không gặp phải bạn bè xấu ác, không có khổ não.

Người ác có những gì khác biệt? Dùng lời chỉ dạy thứ ba: Thứ ba là tất cả chúng sinh đều tạo ra quán này: Tự tướng của bảy sự việc hoàn tất, nên nói là muốn khiến người biết hổ thẹn yên ổn hàng phục.

Giới như thế là ở trong hiện pháp, đối với hành ác đã tự tu hành, nên nói là ở trong hiện pháp, dùng sự giáo hóa để hàng phục diệt hết hữu lậu.

Giới ấy tức sinh nơi xứ thiện, đóng cửa nẻo ác. Vì giới luật thành tựu, nên nói là chúng sinh chưa sinh, khiến diệt hết hữu lậu cùng hữu lậu. Nên nói là nên tạo ra quán này chẳng?

Tạo ra học giới như thế, là giới tăng thượng, tâm tăng thượng, trí tuệ tăng thượng, nhưng không đoạn tuyệt. Vì pháp thâm diệu như thế được trụ lâu, nên nói là phạm hạnh trụ lâu.

*Vô số nghiệp đã tạo
 Như ba thiện bị ngăn
 Không hổ, giới hiện tại
 Dặn trao cùng chỉ dạy.*

Lại như Đức Thế Tôn nói: A-nan! Nay là lỗi của ông. Ông đã làm việc bất thiện, vì sao ba lần bảo ông mà ông không đáp? Ta khiến cho Đức Như Lai trụ một kiếp. Nếu như nên đáp thì Đức Như Lai là trụ một kiếp chẳng?

Hoặc có thuyết cho: Đức Như Lai trụ nơi một kiếp, nhưng Đức Như Lai không có xứ sở.

Hỏi: Nay vì sao tạo ra lời này: Các người tu hành bốn thần túc, ý muốn trụ nơi một kiếp cũng có thể trụ hết số kiếp ấy chẳng?

Đáp: Là hiện bày uy lực của thần túc.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn khéo tu hành nhưng không trụ, làm sao hiện bày uy lực của thần túc kia?

Đáp: Thanh văn ở kiếp trụ nên có thể trụ kiếp.

Hỏi: Nếu vì Thanh văn nói thì như thế là không có tướng căn chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Cũng có thể trụ kiếp. Lại nữa, vì người hầu cận có thể trụ lậu, cũng không cầu xin. Nếu như nên thỉnh cầu khiến trụ liền trụ, cho đến khi Tôn giả A-nan được quả A-la-hán.

Hoặc có thuyết nói: Hoặc duyên nơi lời thỉnh cầu trước, hoặc duyên nơi lời thỉnh cầu sau, cầu mong Đức Thế Tôn trụ, nhưng Đức Thế Tôn không tạo ra thuyết này. Nay vì sao lại nói như thế? Trước kia vì sao không nói? Ví như có người đi qua nước khác, người ấy liền khởi suy nghĩ: Không thỉnh khiến trụ. Nếu như thỉnh khiến trụ liền trụ. Cho đến Tôn giả A-nan được quả A-la-hán.

Hoặc có thuyết cho: Hoặc thỉnh trước, hoặc thỉnh sau, nhưng Đức Thế Tôn không trụ, vì sao nay lại nói như thế? Cũng như có người vừa đi đến nước khác, khi trở lại, liền có người bảo: Nếu cầu thỉnh trước, hoặc cầu thỉnh sau nhưng không trụ. Nếu như nên nói vì sao trước kia không bảo không nói?

Hoặc có thuyết nêu: Không trụ. Vì sao không có xứ sở? Hai A duy tam Phật đều cùng xuất thế. Ở trong kiếp này, Đức Thế Tôn Di-Lặc sẽ xuất hiện ở đời, thế nên không trụ. Từng ấy sự việc này, trước kia đã tán thán nói xong. Lại nữa, nếu như Tôn giả A-nan không nghe Đức Như Lai bảo, vì bị ma bức bách. Đức Thế Tôn nhận biết ma bức bách, vì sao lại bảo A-nan nói? Cho đến hai, ba lần bảo, trong đó có lỗi gì? Đã bị bức bách nên không thể đáp. Người kia liền khởi suy nghĩ: Tuy lúc Đức Thế Tôn bảo thì Tôn giả A-nan chưa bị ma bức bách, ở nơi trung gian ấy ma bèn khởi ý bức bách. Thế nên Tôn giả A-nan không thể ứng đáp. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo nói không có uy lực, có thể về sau, bèn tạo ra lời này: Trước mắt ta, nghe lời nói của Đức Như Lai, nên vâng nhận phụng hành.

Thế nào là một chán cùng nhớ lại việc đã làm trước kia? Nếu như có người muốn Đức Thế Tôn an trụ ở đời lâu dài, nên tu tập nuôi giữ hy vọng ấy. Đức Thế Tôn cũng muốn giáo hóa dẫn dắt chúng sinh, như đã nghe Bồ tát Nhất sinh bồ xứ Di Lặc được thọ ký. Cũng nghe là không có hai Đức Như Lai Chánh đẳng Chánh giác cùng xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì nên nói là khiến cho Đức Thế Tôn trụ kiếp. Ở đây đến ba sự việc, nên tạo ra quán ấy.

Hỏi: Vì sao nói mười hai nhập, bốn là thiện bất thiện, vô ký, tám là vô ký?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tám báo của bốn hành là báo không phải là hành.

Hỏi: Ý nhập không phải là hành, là muốn khiến cho ý nhập kia là vô ký chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Bốn báo cùng với tâm tương ưng, cùng với tâm đều cùng khởi.

Hỏi: Nếu như hiện nay tự nhiên thiện bất thiện, tâm kia làm sao có khởi, có phương tiện?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tâm tự nhiên thiện, bất thiện, pháp đã suy niệm của tâm tương ưng kia và tâm bất tương ưng hành đều cùng khởi hành của thân, miệng.

Hỏi: Tâm kia như trên đã nói: Niết-bàn không có thiện. Lại nữa, sắc nhập là sắc không thể hoại. Thanh nhập là thanh không thể hoại. Sự tụ tập của nhân duyên này là như thế nên có thiện bất thiện đã tương ưng với tác ý, không trụ trong sắc, thanh, riêng không có bạn, thế nên phải quán. Nếu như lúc thức phạm tội, thì lúc ngủ say có thanh tịnh không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có. Như dùng cỏ trái khắp trên đất, rồi năm vốc gieo sát đất, khởi ăn năn, nên ngủ say. Lại nữa, cầu xin sám hối lỗi của mình, thỉnh nhiều người giải tỏa lỗi, tạo ra ba hành, liền ngủ say, thế nên ngủ không phải thức.

Hỏi: Tùng có giữ giới không là phạm hạnh chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Có. Người Ưu-bà-tắc vâng giữ năm giới xem vợ mình là đủ. Và như Ưu-bà-tắc khác, vâng giữ giới của Hiền Thánh nhưng hành dâm với vợ mình là hạnh bất tịnh. Tỳ-kheo trì giới tinh tấn, oai nghi của thân đầy đủ, nhưng có ý dâm không dứt hết, lại cùng tương ưng, nên nói là phi phạm hạnh. Lại như Tỳ-kheo khác, tinh tấn đối với giới của Hiền Thánh, nhưng ý dâm chưa dứt hết, còn cùng tương ưng, nên nói là phi phạm hạnh.

Hỏi: Nếu A-la-hán đã nhập Niết-bàn mà còn được cúng dường, nên nói là A-la-hán kia đã được báo của hành chăng? Nên nói là hiện tại người kia có công đức chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là được báo của hành. Nếu trước đó đã tạo phước đức, thì A-la-hán kia liền được cúng dường. Nếu vốn không tạo phước đức, thì người kia nay sinh trong đời hiện tại cầu ăn mặc cũng khó hưởng chi nói đến việc được cúng dường.

Hỏi: Thế nào là hiện nay thọ nhận báo? Lại nữa, hiện tại đã tạo phương tiện, tất cả đối với công đức ấy đều đầy đủ. Phương tiện được tạo kia cũng như hư không nên không thể thọ nhận báo. Như Đức Thế Tôn nói: Cũng như có người ở nơi cõi này không chịu hỏi rõ về báo của nhân duyên ấy, nên tạo ra hành như thế cùng sự việc như thế. Do vậy, người kia rơi vào nẻo ác tức sinh trong chốn địa ngục. Nếu sinh trở lại trong nhân gian thì không có trí tuệ. Đây là báo của hành nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do ngu si nên người kia không tìm hiểu các sự việc rõ ràng, nên phải đọa vào nẻo ác.

Lại có thuyết cho: Lúc không thỉnh hỏi, ý cho là thanh tịnh, đây là trộm giới nên do khổ để đoạn. Lại nữa, như người kiến tín này luôn phụng trì giới pháp, nên ở trong đó phát sinh các phương tiện, và là bạn hay không phải là bạn cũng hiện bày đạo lý. Do tin nơi lời thâm diệu của Khế kinh, A-hàm trong pháp sâu xa này, nên không phải ở trong đó nhận có các phương tiện. Như thế, giáo pháp thân chứng nơi ba ngữ vi diệu của A-tỳ-đàm, A-hàm không ở trong đó để tạo phương tiện. Như thế nơi ngữ vi diệu của cấm luật A-hàm đã tin, hướng tới, cũng không ở trong đó tạo phương tiện. Lại nữa, do pháp này nên nghi cho là không có trí tuệ, cho đây là con đường trí tuệ. Nếu như không thỉnh hỏi về việc hướng đến đường ác, thì người kia tức trụ nơi đời đầy chúng sinh này.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Người kia thân hành ác, miệng, ý hành ác, đều cùng dẫn dắt nhanh chóng đi đến đường ác.

Hỏi: Thế nào là hành cùng dẫn dắt nhau nhanh chóng đi đến đường ác?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Thấy có hành ác, cũng thấy ứng hiện điềm lành. Trước lúc mạng chung, liền nói lời này: Thấy ngọn lửa sáng đầy khởi cùng thấy chó sủa. Nếu người làm việc thiện, trước khi mạng chung, tức nói lên lời này: Tôi thấy vườn cây ăn quả, phòng nhà, cung điện báu của cõi trời.

Hoặc có thuyết nói: Có báo của các duyên, có điềm lành này ứng hợp với hành, đó gọi là ác, đó gọi là thiện.

Hoặc có thuyết cho: Quán gần nơi báo dần dần, ôm giữ các hy vọng. Như quán gần không khéo nhận biết rõ về thành hoại, đó gọi là duyên nơi hành vô nghĩa, dẫn dắt nhanh chóng.

Hoặc có thuyết nêu: Chìm mắt ở nơi nẻo ác, nếu như tâm cũng bị che lấp, đó gọi là dẫn dắt nhanh chóng. Lại nữa, thế nào là duyên nơi hành quá khứ? Lại nữa, như hành ác ở đây, ý liền ưa vui, ngay vào lúc ấy liền có chứng có nghiệm, cũng thấy các kiết sử tạo nhiều thương tổn tức là hành ác gia tăng.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ở trong hiện pháp nên có ý ăn năn.

Hỏi: Ý ăn năn của người kia, nên nói là thiện, nên nói là bất thiện hay là vô ký?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là thiện. Ác tự thấy ác, đối với ý nghĩ của hành ác do người kia đã gây tạo.

Hỏi: Hiện nay không bị đọa trong nẻo ác chăng?

Đáp: Hành thiện của người kia ít, sức bất thiện thì lớn. Người ấy lại nói: Cùng với một ít thiện, tức được sinh nơi xứ thiện. Như đã nói: Được tâm niệm thiện, pháp cùng với đẳng kiến đều cùng có.

Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là bất thiện, vì cùng với tà kiến tương ưng. Tuy lại nhớ nghĩ, nhưng sau đấy thì quên mất. Còn ở nơi chốn không nên nhớ nghĩ thì sau đó lại nhớ. Vì thế nên nói là bất thiện.

Lại nữa, vì sao Đức Thế Tôn nói: Thí dụ cùng với không tương ưng là tự không tương ưng? Đây không phải là thí dụ. Tất cả người tạo ra hành ác, tức có ý ăn năn, có thể tự tu xong, thì được sinh lên cõi trời. Đức Thế Tôn cũng nói: Nếu như người kia ăn năn, cũng là tâm thiện, vì sao tâm thiện không có lúc mạng chung là thiện? Nếu ăn năn là bất thiện, vì sao tâm bất thiện lại phần nhiều tương ưng với trí của người kia? Nếu ăn năn là vô ký, thì vì sao tâm vô ký không có lúc mạng chung là thiện? Thế nên đây không phải là lời Phật.

Hỏi: Vì sao giáo pháp vị lai không được thành tựu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không do giáo pháp vị lai mà có giáo hóa.

Hỏi: Giáo pháp quá khứ cũng không có giáo hóa, là muốn khiến không thành tựu giáo pháp quá khứ chăng?

Đáp: Giáo pháp đã xong là quá khứ.

Vị lai cũng nên có giáo pháp chăng?

Lại nữa, tuy không tạo ra hành nhưng nên có chỗ thu đạt. Như thế không có hành tác mà có quả thật. Đối với người kia nên khởi suy nghĩ: Vì sao hiện nay không tư duy cũng có phước đức? Người kia nên tạo ra quán ấy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Hữu duyên sinh.

Hỏi: Thế nào là hữu duyên sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Năm ấm trong trung ấm, đó gọi là hữu duyên sinh.

Hoặc có thuyết nêu: Đối tượng sinh ra năm ấm, đó gọi là hữu duyên sinh.

Hoặc có thuyết nói: Đã ở nơi thai mẹ, đó gọi là hữu duyên sinh.

Hoặc có thuyết cho: Đối tượng sinh ra năm âm là các thứ có được hành duyên để thọ nhận số báo. Tâm này luôn tùy theo việc thọ nhận báo của các sắc. Mạng căn nơi tâm bất tương ưng hành, đó gọi là hữu duyên sinh.

Lại nữa, kẻ sinh nơi nẻo ác, trước hết là được hữu, đó gọi là hữu duyên sinh. Tức có hữu thì có sinh.

*Đảnh lễ bậc Tỉnh giác
Hoặc cúng dường La-hán
Không hỏi ma bức bách
Bảo nói duyên không lại.*

Hỏi: Vì sao hành đã gây tạo từ xưa gọi là duyên của một kiết? Như hiện nay vô minh là đối tượng tạo ra hành, là duyên của tất cả hành.

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Như hiện nay là tất cả duyên của quá khứ. Quá khứ cũng là duyên của tất cả kiết. Lại nữa, quá khứ nói một cách tóm tắt là hiện tại được nói rộng, nhằm hiện bày giáo pháp thiện của Đức Thế Tôn.

Hỏi: Không như là duyên của tất cả kiết kia chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vốn do hành đã tạo ra tất cả kiết là duyên. Âm thanh của vô minh quá khứ đã nói là cùng với vô minh tương ưng. Âm thanh được gây tạo trong hiện tại, tương ưng với vô minh, là âm thanh đã tạo ra ở hiện tại.

Như đã nói vô minh gây tạo ra âm thanh tương ưng.

Hỏi: Không do âm thanh của vô minh hiện tại để tạo ra thuyết này: Âm thanh cùng với vô minh tương ưng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì sinh không có sức của trí, ít đủ, nên dùng thí dụ về chúng sinh để thị hiện. Nếu vô minh, hành đối với sinh này là duyên, do kiết nên sinh các hành, vì vậy dùng thí dụ về chúng sinh hiện tại như hành.

Hỏi: Xoay chuyển hành kia để thí dụ về chúng sinh, nhằm hiện bày hành thiện của họ, thì tất cả kiết của thời quá khứ là duyên? Lại nữa, kiết kiết cùng sinh hành, duyên nơi căn chúng sinh, sinh ra kiết của chúng sinh kia. Kiết là do hành sinh, hành do kiết sinh. Hành lại do hành sinh, đó gọi là vô minh duyên hành sinh, kiết duyên hành sinh?

Đáp: Lại có thuyết nói: Ái duyên nơi hành hữu rồi tạo ra các hành phong phú nên tạo ra quán ấy.

Hỏi: Vì sao người đã lia cầu uế của cõi sắc nói là đã thành tựu giới vô lậu, nhưng không phải là hữu lậu?

Đáp: Vì người nơi cõi sắc này không bỏ đạo Hiền Thánh, liền thành tựu giới, du hóa ở mỗi mỗi cõi, đã diệt trừ sự việc của thế tục. Du hóa ở mỗi mỗi cõi, không có cõi vô sắc, giới định của cõi vô sắc, thế nên không được gọi là thành tựu.

Hỏi: Vì sao do báo của hành nên sinh nơi cõi trời vô sắc?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì báo của chúng sinh hành tam muội vô tướng, nên sinh nơi cõi trời vô sắc.

Hỏi: Tam muội vô tướng cũng không phải là tâm, cũng không phải là pháp đã suy niệm của tâm, vì sao nói do báo này nên sinh?

Đáp: Vì tam muội vô tướng là tâm bất tương hành của thiện hữu lậu nên có báo.

Hỏi: Nếu như tam muội vô tướng kia có báo, tam muội đó không cùng với hành tương ưng, Đức Thế Tôn cũng nói do hành sinh chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu ở nơi tâm trung gian nhập tam muội vô tướng, do duyên báo của tâm đó, nên sinh nơi cõi trời vô sắc.

Hỏi: Thế nào là nếu ở nơi tâm trung gian, nhập thiền thứ hai, do duyên báo của tâm kia, sinh lên cõi trời Quang Âm chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tam muội vô tướng không có tâm. Do báo của tâm tương ứng với tam muội vô tướng nên sinh trong cõi vô sắc kia, không có tâm tương ứng với tam muội vô tướng.

Hỏi: Vì sao vô tướng kia không có tướng? Đức Thế Tôn cũng nói: Tướng của vô tướng kia có biểu hiện, không biểu hiện. Vậy có tâm biểu hiện chăng?

Đáp: Sự việc này không có xứ sở. Lại nữa, tâm kia của tam muội vô tướng tức có, là không do hành mà sinh tâm ấy, cũng không do phương tiện của hành. Đức Thế Tôn cũng nói: Do báo của hành mà có sinh. Lại nữa, tâm của tam muội vô tướng tương ứng với tâm đã sinh ra báo là duyên, có thể tạo ra trụ này cũng như sinh ở cõi trời vô tướng. Như người khéo điều khiển xe luôn hướng tới đích, không nghi. Như duyên của báo, trừ báo vô tướng kia, tức thọ nhận hữu ấy.

Hỏi: Từng có duyên nơi báo của tam muội diệt tận, sinh nơi trời hữu tướng vô tướng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có. Có báo hữu lậu của tam muội kia, không phải là trời hữu tướng vô tướng, lại nhận lấy duyên sinh là do báo mà sinh.

Hỏi: Tam muội diệt tận cũng không cùng với hành tương ứng, vì sao Đức Thế Tôn cũng nói: Do hành mà sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tam muội diệt tận có tâm, vì thế báo của tâm tương ứng với tam muội diệt tận, nên sinh nơi trời hữu tướng vô tướng.

Hỏi: Không có tâm của tam muội diệt tận tương ứng với thọ. Vì sao vô tướng kia, Đức Thế Tôn cũng nói: Hữu tướng, vô tướng, tâm giác nên có giác, cũng không có xứ sở?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Không sinh. Vì sao? Vì đã vượt qua trời hữu tướng vô tướng, do tam muội diệt tận, không do báo của tam muội vi diệu nên sinh nơi chín địa.

Hỏi: Duyên của tam muội diệt tận nơi địa kia là do quả báo mà sinh trong cõi ấy chăng? Như đã nói: Vượt qua trời hữu tướng vô tướng, nhập tam muội tướng nhãn, tức có địa kia, cũng nói đều vượt qua định của xứ bất dụng, tu định hữu tướng vô tướng, địa kia cũng là địa của định bất dụng?

Đáp: Tam muội diệt tận, nhập tam muội này, không do tham dục, nên dục ái chưa diệt hết, nhập tam muội hữu tướng vô tướng, không phải không là dục hết, ở xứ bất dụng nhập định hữu tướng vô tướng. Lại nữa, như đã nói: Tam muội diệt tận không có tâm, tam muội hữu tướng kia thì có, tam muội diệt tận không có báo, không có tâm. Lại nữa, báo của tam muội diệt tận nơi trời hữu tướng vô tướng đã thọ nhận, tam muội diệt tận kia không phải là duyên của báo.

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Người hoan hỷ thí
 Điều được hoan hỷ
 Từ tâm tốt đẹp
 Xứ thí chân chánh.*

Hỏi: Thế nào là quán sự hoan hỷ này? Là quán người thọ nhận hay quán người thí?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên quán người thí, nghĩa là theo nhân duyên của vật. Nếu khi thí cho người kia, thì người kia tức thọ nhận báo.

Hỏi: Nếu như người kia thọ nhận thì có phước hoan hỷ chăng?

Đáp: Người kia không phải là xứ chân chánh, cũng nói là từ tâm tốt đẹp nên thí cho là xứ chân chánh.

Hoặc có thuyết cho: Từ tâm của đàn việt, như trưởng giả Úc Già nói: Đây là hai tấm gạ đã dệt của Đức Như Lai, là vật được tôi yêu quý, nguyện xin Đức Thế Tôn nhận cho. Do tâm đại từ mà không

thấy nghịch. Ta từ Đức Như Lai nghe, người thí hoan hỷ liền được hoan hỷ.

Lại nữa, nên quán ý của người thí. Lúc trưởng giả kia thí tám gia liền khởi suy nghĩ này: Nay ta cắt bỏ ý thí, tạo ra tâm này xong, là thọ nhận báo lớn.

Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Nếu hành bố thí đời sau thọ nhận báo thì người kia không thể được thọ nhận báo của hiện đời. Nếu như hành thọ nhận báo của hiện đời, người kia không thể được thọ nhận báo của đời sau. Đức Thế Tôn cũng nói: Hoặc có Ni-kiền-tử, nếu hành thọ nhận báo của hiện đời, thì ông ta không thể được thọ nhận báo của đời sau chăng? Nếu như hành thọ nhận báo của đời sau, thì người ấy không thể được thọ nhận báo ở hiện tại. Như thế là đám Ni-kiền-tử ngu si đều không có quả thật.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ni-kiền-tử tạo ra kiến này: Hành hết, khổ hết. Hành hết là một ý thức, thì không thể được thọ nhận báo của đời sau. Hành thọ nhận báo của hiện đời, nếu người kia ngu si, thì đều không có quả thật. Ở trong pháp này cấu uế đã hết thì khổ hết. Nếu khi đạo sinh, tức diệt các kiết sử. Nếu không ngu si thì không có quả thật.

Hỏi: Nếu ở trong pháp này, không diệt tận gốc hành, thì không được nhập Niết-bàn, cũng không có sinh lên cõi trời?

Đáp: Như A-la-hán nhanh chóng thọ nhận báo.

Hỏi: Như Khê kinh đã nói tức có sai trái. Hoặc có A-la-hán báo của hành dần dần mỏng, quả không tương ưng liền diệt. Nếu A-la-hán có thể hành báo, thì cũng có thể phát triển các hành rộng lớn chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Cũng như hành của người kia là thật tại. Người kia hành đạo cũng lại thật tại.

Hoặc có thuyết nêu: Các hành thật tại là có tụ tập. Nếu như hành không thật tại, thì có thể khiến tạo tụ tập. Lại nữa, đây không phải là nghĩa của hành báo. Ở trong pháp thâm diệu, không mất pháp thâm diệu. Như chỗ diệu dụng của nghĩa lý ấy, người kia không có nghi gì về nghĩa thâm diệu ấy. Người kia khởi suy nghĩ: Như hiện nay vì sao thân sau thọ báo, nên tạo ra quán này. Như thế A-la-hán không được các hành để thọ nhận báo.

Hỏi: Vì sao cúng tế ngạ quỷ thì được, nhưng nẻo khác thì không được?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Sinh nơi nẻo này là tự như vậy.

Hỏi: Đây là điều nghi của tôi: Vì sao sinh nơi nẻo này là tự như vậy?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vì ngạ quỷ mang tâm ý ganh ghét nên là điên đảo: sông, không có tưởng về sông, nhưng thấy nước bất tịnh và các thức ăn, nước uống. Nếu cúng tế cho ngạ quỷ thức ăn uống, thì chúng liền sinh tâm ý hoan hỷ, không điên đảo. Nếu ngạ quỷ kia khi được hành tăng thượng, thì chúng nhận được thức ăn.

Hoặc có thuyết nêu: Ngạ quỷ do ý ganh ghét, nên chúng không thể tạo ra cảnh giới tốt đẹp. Nếu ngạ quỷ kia có được người cúng tế phát khởi ý hoan hỷ, thì đối với chúng được tâm tốt, đi đến cảnh giới tốt.

Hoặc có thuyết nói: Ngạ quỷ do ý ganh ghét nên thân thể dài lớn, nhưng tâm thường lười biếng, mệt mỏi. Do tâm lười mỏi, nên không đi đến chỗ ngạ quỷ thần diệu. Nếu vì ngạ quỷ kia mà cúng tế thức ăn, các quỷ kia đối với sự cúng thí ấy khởi tâm hoan hỷ, tức được thân lớn, tâm rộng. Do thân tâm rộng lớn kia, nên được đi đến chốn của các ngạ quỷ lớn. Ngạ quỷ kia cũng quy phục, lễ quỳ. Do thân lớn, nên ngạ quỷ kia được hành tăng thượng, nhận thức ăn ở chỗ cúng tế ấy.

Lại nữa, cùng với người làm phước, người kia không được như cùng với nga quý thí thức ăn. Nếu là tâm thiện ưa thí cho đối với nga quý thì nga quý kia liền thọ hành hoặc được ăn uống. Thế nên không phải là ở nẻo khác.

Hỏi: Các tâm cùng với hành của thân đều cùng khởi, cùng với hành của miệng đều cùng khởi. Nên nói là cùng với tâm cùng đồng chăng? Nên nói là không cùng với tâm cùng đồng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là cùng với tâm cùng đồng, cùng với tâm đều cùng khởi.

Hỏi: Thế nào là tâm không cùng với hành đồng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nên nói là không cùng với tâm cùng đồng. Tâm vốn đã sinh, cùng với hành đều cùng khởi. Nếu không sinh thì không có khởi. Vì thế nên nói là không cùng với tâm cùng đồng.

Hoặc có thuyết nói: Hoặc cùng với tâm cùng đồng, hoặc không cùng với tâm cùng đồng. Những thứ cùng với tâm xoay chuyển thì cùng với tâm cùng đồng. Những gì không cùng với tâm xoay chuyển, thì không cùng với tâm cùng đồng. Lại nữa, duyên nơi hành có tâm kia, có xoay chuyển, cũng đều cùng gồm thấu, trước có xoay chuyển nên có hệ thuộc.

Hỏi: Hành cùng với kiết có gì khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hành là thân, là miệng, là ý. Còn kiết là ý.

Hỏi: Nếu hành là ý thì cùng với kiết kia có gì khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Hành là thiện, bất thiện, vô ký. Kiết là bất thiện.

Hỏi: Nếu hành là bất thiện thì cùng với kiết kia có gì khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ý hành là ý hành, kiết cũng không là ý, cũng không phải không là ý.

Thế nào là ý không có báo? Lại nữa, tất cả tâm đã suy niệm, nên nói đều là hành. Nhưng Đức Thế Tôn nhìn xem từng ấy thứ hành, dần dần có nghi.

Hỏi: Thế nào là không có trùng liền có ý sát hại?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Như không có trùng liền có tưởng sát hại trùng. Như không có trùng liền có ý sát hại. Nếu là xứ có trùng, người kia không có ý sát hại.

Vì sao trùng kia, hoặc có thường, hoặc vô thường. Nếu như có thường, thì cũng không thể rơi vào tướng không có này. Nếu như có thường, như thế là được đoạn diệt. Lại nữa, năm ấm được tạo đã khởi tư tưởng về trùng nên nói: Ta suốt đời không sát hại. Nếu vượt khỏi ý kia thì hành đều ly tán nơi một xứ. Thế nên người kia liền có tưởng hại. Nếu đối với trùng kia liền có ý sát hại.

Vì sao do trùng kia, nên nhân duyên hội họp tức có sai trái? Nếu như không sai trái tức không thể có đối tượng khởi. Nếu có sai trái tức có đối tượng khởi.

Thế nào là không có đối tượng khởi tức có đối tượng khởi? Nếu có sai trái, thì không được không có sai trái, không được không có sức để có thể khởi. Nếu có được đối tượng khởi, vì sao khởi không có sai trái, hoặc không thể khởi?

Lại như Đức Thế Tôn nói: Có bốn sự việc không thể nghĩ bàn: Thế gian không thể nghĩ bàn. Hành, báo của chúng sinh không thể nghĩ bàn. Cảnh giới Phật không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Vì sao những thứ này nói là không thể nghĩ bàn?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Vì sức của phương tiện ít, không đủ để nghĩ bàn.

Hoặc có thuyết nói: Không có phương tiện khác để tạo nên hiểu biết như thế, như Đức Phật Thế Tôn.

Hoặc có thuyết cho: Không thể nghĩ bàn vì nghĩa thâm diệu, khó cứu xét, thế nên không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, tạo ra sự nghĩ bàn về ngã, trở thành điên cuồng. Tâm ngu si tư duy cũng lẫn lộn. Hành báo của chúng sinh và cảnh giới Phật không phải là đối tượng hiểu rõ của tâm mình nên cũng không thể quán.

*Vô minh, cõi vô sắc
Cùng người không cấu nhiễm
Vô tướng và diệt tận
Xả-lợi-phát, ngạ quỷ
Vô số tướng các căn
Chúng sinh khó nghĩ bàn.*

Tam muội của các nhập bất thiện, các nhập kia đều phạm hai tội chăng? Hoặc có thuyết nêu: Các phạm là bất thiện thì đều phạm hai tội. Lúc phạm tội kia đã trở thành năm nghịch.

Hỏi: Thế nào là lúc phạm năm nghịch, không phạm hai tội? Lại nữa, chỉ phạm một tội, vì sao như Đức Thế Tôn nói có năm tội? Nếu khi phạm tội bất thiện mà khởi hai tội, thì tạo ra thuyết rộng này để tư duy nêu bày. Một thời, người kia không có tội, thế nên phạm một tội. Nếu Chuyển luân Thánh vương có người nữ báu được sắc, thanh, hương, vị, nên nói là do báo của hành mà được hay nên nói không do báo của hành tăng thượng mà được?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là do báo của hành mà được.

Hỏi: Thế nào là báo của hành khác là thọ nhận báo?

Đáp: Người nữ báu do báo của hành nên có được người nữ báu ấy. Nếu người nữ báu ấy được thì Chuyển luân Thánh vương kia được là báo. Lại nữa, do hành tăng thượng nên được. Nếu do báo của hành nên được, thì không tạo hành mà thọ nhận báo, người nữ báu

kia tức có hư hoại. Chuyển luân Thánh vương không do hành khác để thọ nhận báo.

Hỏi: Tăng đầu loạn, nếu tăng đầu loạn, nên nói là một kiếp nhập địa ngục hay nên nói là trung kiếp thọ tội ở địa ngục?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là một kiếp thọ tội ở địa ngục. Đức Thế Tôn cũng nói: Tăng đầu loạn là trải qua một kiếp.

Hỏi: Đã quá nửa kiếp, vì sao nay thọ nhận tội một kiếp?

Đáp: Từ cõi nước của phương khác đến địa ngục kia, như người phạm trọng tội, thường dờ dề vào ngục sâu, sau đấy thoát khỏi tội lỗi kia. Nếu lại thọ nhận kiếp tội, thì thọ tội một kiếp trong địa ngục.

Hỏi: Người thọ tội trong địa ngục không có lý này, tức đến thọ tội nơi địa ngục của phương khác, mạng chưa hết liền chết chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Trong hai mươi kiếp cùng bốn kiếp là đại kiếp của kiếp. Thọ tội hai mươi trung kiếp, đó gọi là thọ tội một kiếp. Nếu khi kiếp bị đốt cháy tiêu tan, liền sinh hai mươi trung kiếp, vì sao sự việc kia chỉ trải qua từng ấy thời gian? Lại nữa, nếu trung kiếp thọ tội của địa ngục, thì không có chúng sinh ở cõi dục thọ mạng là một kiếp.

Hỏi: Các Tăng đầu loạn (Phá hoại hòa hợp Tăng), tất cả Tăng ấy đều trụ một kiếp để thọ tội chăng? Nếu như trụ một kiếp thọ tội thì tất cả đây là Tăng đầu loạn chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Các Tăng đầu loạn thì tất cả Tăng ấy thọ tội một kiếp. Người phá hoại Tăng là tội rất nặng.

Hoặc có thuyết nêu: Tăng đầu loạn không phải trụ một kiếp để thọ tội. Nếu có ý phá hoại, tạo loạn tranh chấp với Tăng, thì thọ tội năm nghịch. Lại nữa, hoặc trụ một kiếp thọ tội, người kia không phải là Tăng đầu loạn, biểu hiện báo ở địa ngục kia. Hoặc Tăng đầu loạn cùng một kiếp thọ tội chăng? Nếu dùng phi pháp để phá hoại, ý tạo

đầu loạn để hủy hoại Tăng thì hoặc không là Tăng đầu loạn, cũng không một kiếp thọ tội chăng? Là trừ từng ấy sự việc trên.

Hỏi: Tăng đầu loạn nên nói là tánh thọ tội hay nên nói là phi tánh thọ tội?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là tánh thọ tội. Vì sao? Vì Tăng đầu loạn là tội rất nặng. Nếu Tăng này không thọ tội, thì vì sao hiện nay tánh thọ tội?

Hỏi: Các Tăng đầu loạn, tất cả Tăng ấy đều thọ tội không cứu chữa chăng?

Đáp: Như người sát sinh thọ tánh tội, các người không sát hại thọ tội, tội hại như thế. Tăng đầu loạn tánh tự thọ tội. Các Tăng không đầu loạn tất cả Tăng ấy không thọ tội không cứu chữa. Lại nữa, nên nói là phi tánh thọ tội. Vì sao? Vì Tăng đã tạo thành tội đầu loạn, nhưng không phải là tội không cứu chữa. Các Tăng hành ác tranh chấp, nên nói là tánh thọ tội.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Hành của ý rất là nặng, như Khế kinh Pháp Tuệ nói: Một hành tội rất nặng là Tăng đầu loạn, không phải hành của ý là Tăng đầu loạn.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tất cả hành là tội rất nặng, trừ tội năm nghịch kia cùng hành khác, hành của ý là tội rất nặng.

Hoặc có thuyết nêu: Hành của ý miệng tư duy. Hành của ý phát khởi rồi là hành của miệng, nên hành của ý là đệ nhất, là hơn hết. Hành của ý vì thế có tội rất nặng. Tư duy về hành Tăng đầu loạn là tội rất nặng. Lại nữa, không phải ở nơi trung gian hành của ý có Tăng đầu loạn. Chẳng phải chỉ tư duy mà thành Tăng đầu loạn. Các hành xấu ác là Tăng đầu loạn, nên nói hành kia là tội rất nặng.

Hỏi: Vì sao chẳng phải năm người thì không thể là Tăng đầu loạn?

Đáp: Tất nên có hai bộ Tăng để truyền dạy. Như Điều-đạt tranh chấp với chúng Thanh văn của Đức Thế Tôn. Ông ta phá hoại phạm phu tăng, không thể phá hoại người Hiền Thánh.

Hỏi: Hiện nay không thọ tội năm nghịch chẳng?

Đáp: Tạo ra tướng Tăng để phá hoại chúng phạm phu thì thọ tội năm nghịch. Như cha khởi tạo tướng cha để sát hại mạng mình, thì thọ tội năm nghịch.

Hỏi: Nếu hiện nay Đức Thế Tôn nói Tăng đầu loạn thì thọ tội một kiếp chẳng?

Đáp: Đây là lời răn dạy của Đức Thế Tôn. Điều-đạt tạo ra tướng này: Ta phá hoại Tăng.

Hoặc có thuyết cho: Chúng Tỳ-kheo nói là Tỳ-kheo Tăng. Đối với người phạm phu kia, dạy bảo khiến tranh chấp, tạo loạn. Hoặc lại như người Hiền Thánh ở bên cạnh Đức Thế Tôn nên không thể phá hoại, gây rối loạn.

Hoặc có thuyết nêu: Có mười bốn điều trong các sự việc tranh chấp, gây rối loạn. Người không cấu uế thì không thể hư hoại. Những kẻ kia cũng không thể phá hoại Đức Thế Tôn. Vì vậy Đức Thế Tôn không thể bị hủy hoại. Lại nữa, trong chúng Thanh văn của Đức Thế Tôn không có người cấu uế. Người phạm phu bên ngoài chỉ phá hoại được những kẻ phạm phu ở bên ngoài. Người ở trong chúng không có cấu uế nên không thể phá hoại, tức là chúng Tăng của Đức Thế Tôn không ai có thể phá hoại.

Hỏi: Vì sao đã ghi nhận về kiết nhưng nói là không có báo?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì là vô ký tức không có báo.

Hoặc có thuyết cho: Kiệt kia không ở nơi thân thể có nhiều tầng trống.

Hoặc có thuyết nêu: Không tạo ra hành của thân, miệng, ý.

Lại có thuyết nói: Pháp đã suy niệm của tâm vô ký, tự nương dựa vào hữu là khổ não, thân giữ các pháp nên có báo. Lại nữa, pháp không có báo của vô ký cũng là có báo. Như đã nói: Ta nay không hành, cho đến không nhận biết là hướng đến nơi chốn nào nhưng đã thấy ánh sáng.

Thế nào là báo? Lại nữa, các pháp thiện, bất thiện, hoặc có nhân, hoặc có duyên, có các quả thật. Đối với người kia, tạo ra tướng báo. Pháp vô ký, hoặc có nhân, hoặc có duyên, có các quả thật. Thế nên pháp vô ký có báo.

Tánh của Tu-đà-hoàn có tội tỳ vết, nên nói tánh không có tỳ vết cấu ứ.

Hoặc có thuyết cho: Không có tội tỳ vết. Tội tỳ vết là hiện bày các bệnh cấu ứ.

Hoặc có thuyết nêu: Không có tội tỳ vết, dựa vào thiện, không tĩnh lặng.

Lại nữa, nên nói có tướng tỳ vết cấu ứ, vì tâm tà kiến chưa diệt.

*Phạm tội wa tranh chấp
Trụ kiếp và tánh tội
Không diệt năm chúng hoại
Hạnh tịnh, tánh vô ký.*

Hỏi: Người uống rượu nên nói là tánh tội hay nên nói không phải là tánh tội?

Đáp: Nên nói không phải là tánh tội. Vì sao? Vì nếu người uống rượu, thì rượu thấm, có biểu hiện khác do đã vào bụng. Nếu

dùng chú thuật đối với thuật ăn uống, nên khởi quán này: Đó là phi phạm hạnh.

Hỏi: Nên nói là tánh tội hay nên nói không phải là tánh tội?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nên nói là thọ tánh tội, vì không ở nơi trung gian cấu uế của kiết để có phạm hạnh kia. Lại nữa, nên nói là phi phạm hạnh, vì tâm là tội của mình nên quán tánh nhiễm ô. Lại do kiết phát khởi nên nói là có tội.

Hỏi: Tánh tội, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Tánh nhiễm ô, đó gọi là tánh tội.

Lại có thuyết nói: Tánh bất thiện, đó gọi là tánh tội.

Lại nữa, tánh có tỳ vết cấu uế, đó gọi là tánh tội.

Hỏi: Không phải là tánh tội, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Không nhiễm ô đó gọi là không phải là tánh tội.

Lại có thuyết nói: Tánh thường bất thiện, đó gọi là không phải là tánh tội.

Lại nữa, không phải tánh có tỳ vết, đó gọi là không phải là tánh tội.

Hỏi: Từng có Tỳ-kheo trong bốn sự đều không có phạm, cũng không bỏ giới để đến với bạch y, nên nói không phải là Tỳ-kheo chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Có. Người căn biến đổi, khi căn đã biến đổi nên nói không phải là Tỳ-kheo.

Hoặc có thuyết nêu: Quả của nhân duyên thật là tà kiến đã hiện ở trước. Nếu hiện bày khắp nơi bảo cho người biết, đó gọi là nên nói không phải là Tỳ-kheo.

Hoặc có thuyết nói: Nếu tự nuôi lớn thì Tỳ-kheo này không phải là Tỳ-kheo. Nếu Tỳ-kheo kia siêng tu giới hạnh, trong ấy có đời

chuyên, làm sao nên xả giới mà siêu việt giới luật? Lại nữa, có đối tượng hy vọng. Hy vọng là lưu chuyên nơi sinh tử, nên nói là thoái chuyên đối với pháp Tỳ-kheo, nếu không có lời chỉ dạy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Nếu Tỳ-kheo ở nơi Tỳ-kheo kia thọ nhận y phục, nhập tam muội vô lượng tâm, rồi tư duy thì quả báo kia là vô lượng. Thí chủ, đàn việt được phước tăng ích, thiện tăng ích, khéo ăn uống, không bệnh. Đó gọi là tự tạo.

Hỏi: Phần khác không thọ nhận chăng?

Đáp: Không phải tự tạo, phần khác cũng thọ báo. Lại nữa, thí chủ đàn việt đã thọ nhận phước đức.

Hỏi: Thế nào là không thành tựu mà thọ nhận phước kia?

Đáp: Do nghiệp làm ruộng đã công phu dày dặn, đối với hạt lúa giống kia, nếu người gieo trồng luôn nhớ đến đám ruộng tốt không tốt, tất thu hoạch được lúa tốt.

Hỏi: Điều này cũng không tương ưng. Vì sao lại ở nơi hạt giống của ruộng, không ở nơi tam muội, khiến đàn việt có đức? Lại nữa, có người thọ nhận tín thí ấy, thí chủ, đàn việt được xứ sở, nên có phước đức tăng trưởng, do vậy không thể hư hoại, không có Thế của giận dữ, nên giận dữ kia có chấm dứt và được tâm ý căn hoan hỷ. Người thọ nhận vật thí, không thể nhận giữ việc thí, thì người bố thí tự thọ hưởng phước.

Lại có thuyết cho: Dùng pháp thí này thì nơi xứ xứ kia ai là người được?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có người được. Đó gọi là không cùng nhận lấy. Lại nữa, nhận lấy lời nói của thí chủ: Người này do đâu hành thí? Nếu dựa vào Tỳ-kheo, thì người kia tức có nơi chốn trở lại. Nếu ở nơi đạo quả, thì đạo quả nhận lấy sự chỉ dạy kia, không có nơi chốn trở lại.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Hành của chúng sinh ma nạp, do phát khởi, do hành đã gây tạo, do nhân duyên của hành, do hành thí vì chúng sinh, do hành thành tựu, hoặc tốt hoặc xấu.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Tự mình đã gây tạo hành thì thọ nhận quả báo của hành đó. Nhiều người không bền chắc, như hành đã tạo, nên thọ nhận báo ấy, đó gọi là nhân duyên của hành thọ nhận sinh báo của hành ấy. Nếu hành ở nơi xứ xứ sinh, thì tại nơi mỗi mỗi xứ thọ nhận báo kia. Đó gọi là thai sinh của hành. Nếu bỏ hành kia, thì có từng ấy tướng. Nếu bỏ hành kia, thì chúng sinh này như trên đã nói. Chúng sinh có trên, dưới, thế nên chúng sinh của hành có đối tượng diễn nói. Nếu hành kia có tốt có xấu, thì có hành nào? Nếu chúng sinh của kiếp xa xưa thì ăn uống tự nhiên, thân có thể bay đi.

Hoặc có thuyết cho: Ái nơi cõi dục đã hết, các căn thiện của cõi dục hưng thịnh, đều do quả báo của căn thiện nơi cõi ấy.

Hỏi: Hiện nay cũng không có đối tượng hiện bày chẳng? Hoặc ở trong căn thiện đã được gieo trồng nơi kia, quả báo tự nhiên có, thân có thể bay đi?

Đáp: Các hành đầy đủ, quả của hành kia không được sinh thật. Lại nữa, do nhân duyên của sinh, nhân duyên của hành báo ấy nên có đối như thế. Do tự tại thí nên đã gây tạo được tức thân người kia có thể bay đi. Do phương tiện đức của thí chủ, nên thí chủ ấy tức có sắc diện sáng tỏ được nhiều người tôn trọng. Người hành phạm hạnh, khi đau bệnh, gặp phải tai ách khốn khổ, nếu có thể dùng ngựa, xe để bố thí, thân của thí chủ kia có thể bay đi.

*Uống rượu, kẻ phạm tà
Tánh phạm tội rất nặng*

*Tỳ-kheo bay đi khắp
Người tự tạo hành sau.*

Kiên độ Hành thứ chín xong.

*

**

Phẩm thứ 10: KIÊN ĐỘ TRÍ

Lại như Đức Thế Tôn nói: Người kia đối với bất tịnh tu niệm giác ý.

Hỏi: Thế nào là đối với bất tịnh tu niệm giác ý?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trừ nơi ý tạo ra tướng bất tịnh, so xét trong thân mà tu niệm giác ý. Như thế là đối với bất tịnh tu niệm giác ý.

Hoặc có thuyết cho: Giác ý phân biệt bất tịnh. Trừ trung gian của giác ý nhập bất tam muội. Trừ trung gian của bất tam muội tu niệm giác ý. Lại nữa, mỗi tướng đều tự có nghĩa, nên tạo ra quán này. Nhưng niệm giác ý không tương ưng với bất tịnh.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo các ông nên tu xả. Tỳ-kheo nếu tu xả rồi thì dứt trừ hết ái của cõi dục, hết ái của cõi sắc, hết ái của cõi vô sắc, tức ở đây diệt hết kiêu mạn, dứt hết vô minh.

Hỏi: Thế nào là tu hộ (Xả)?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Là các giác ý bốn thiên, bốn đẳng.

Hoặc có thuyết nêu: Tu bốn thiên vô lậu.

Hoặc có thuyết nói: Hộ (Xả) giác ý không quên mất. Lại nữa, vì tu đạo được các quả thật, nên ở đây nói các pháp đã sinh liền diệt, thường được xả bỏ. Đối với ái của cõi dục dứt hết, nên cùng vượt thứ lớp để thủ chứng.

Hỏi: Thế nào là tu đoạn kiết tương ưng của cõi dục do tư duy d1 nên tu hành đạo?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Kiết kia không hết, liền tu hành đạo. Kiết kia do gốc đã dứt hết rồi, là đạo thế tục.

Hỏi: Kiết do bốn đế đoạn trừ đã hết, đạo thế tục là muốn khiến kiết kia hết nhưng không tu đạo chăng? Tu đạo pháp nhẫn nên do tư duy đoạn trừ hết để tu hành đạo chăng?

Đáp: Kiết kia không phải do bốn đế đoạn mà do tu pháp nhẫn đoạn trừ. Vì đế của Hiền Thánh đã khởi đạo này.

Hỏi: Nếu bốn đế đã đoạn trừ kiết hết, người không tu hành đạo thì kiết sử kia không do đạo thế tục dứt trừ vĩnh viễn, thế nên người kiến đế không hoàn toàn diệt hết kiết chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Bốn đế kia diệt trừ kiết vị lai.

Hỏi: Ai của cõi dục đã hết, cùng vượt thứ lớp để thủ chứng, là do vị lai tu hay do tư duy đoạn?

Đáp: Ai kia không thể do đạo tư duy đoạn trừ. Nếu như cho là có thể, bấy giờ thế gian là đạo tư duy, nếu biết tạo khế hợp với sức mạnh của đạo ấy.

Hoặc có thuyết cho: Trung gian của trí vị tri đã khởi đạo tư duy.

Hỏi: Đạo tư duy kia không thật sự có A-na-hàm, Tu-đà-hoàn đắc thiên chăng?

Đáp: Tiến tới trước, nhận lấy A-na-hàm, thế nên tu hành đạo để, liền chứng được A-na-hàm. Nhưng Tu-đà-hoàn không đắc thiên.

Lại nữa, hai thứ kiết đã hết, tư duy về hai sự việc kia, tu hành theo hai sự việc ấy thì có hai trí tu hành. Đối với ái kia đã hết, cùng vượt thứ lớp để thủ chứng, sự việc vô lượng thấy đều đầy đủ. Tịnh tu tâm mình, tạo ra đạo hạnh như thế, vì kiết của ba cõi do bốn đế đoạn.

Tương ưng nơi cõi dục, dùng tư duy đoạn, tu hành Thánh đế, trụ nơi xứ A-na-hàm. Vào thời ấy cũng tạo ra quán này.

Hỏi: Kiết sử tương ưng của cõi dục, lúc dùng tư duy đoạn là tu hành đạo, phần nhiều được căn thiện của vị lai, nên nói là diệt các kiết sử chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là đoạn trừ hết.

Hỏi: Thế nào là do đạo vị lai diệt?

Đáp: Đạo vị lai tức có uy lực, hiện tại không diệt. Các người có uy lực, sinh nơi cõi kia, tức có thể diệt trừ. Như thế đạo vị lai có uy lực, người sinh nơi cõi kia tức có thể diệt trừ. Lại nữa, nên nói là hiện tại kia không thể diệt, do trí vị tri đã nhận lãnh. Nên nói là dùng tư duy để đoạn, do số của thế tục. Số của thế tục ấy không phải là đối tượng hành tập xuất yếu của thân.

Hỏi: Vì sao năm thanh âm không nói là tướng ý chỉ?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Pháp ý chỉ gồm thân, nên nói là tướng thân ý chỉ, thuộc về sắc âm. Thọ ý chỉ là thuộc về thọ âm. Pháp ý chỉ là thuộc về tướng âm. Hành âm đây là vô vi. Lại nữa, thuộc về tâm ý chỉ nên nói là tướng, thân thân cùng quán, thọ thọ cùng quán. Đối với thọ, tư duy về tất cả xứ của tâm đã tạo tác như thế.

Quán pháp ý chỉ: Là nghĩa của hợp số. Đối với âm cấu uế, chấp trước nhiễm ô, nên tạo ra quán này.

Hỏi: Tu-đà-hoàn trụ nơi tâm quả thật, ở trong ba cõi nên nói là đã thành tựu đẳng trí, nên nói là không thành tựu đẳng trí?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là thành tựu đẳng trí. Vì sao? Vì căn thiện là do hai sự diệt quả không tương ưng, diệt các thứ buộc chấp. Đối với đẳng trí kia, nếu lìa bỏ cõi chúng, nhưng Tu-đà-hoàn không thoái chuyển mà vượt qua cõi kia, vì thế nên nói là thành tựu. Lại nữa, do lúc nhận biết ba cõi được đẳng trí xả bỏ. Lại nữa, do

không đối với không, vô nguyên đối với vô nguyên, vô tướng đối với vô tướng, nên nói là thành tựu, Tu-đà-hoàn kia không xả bỏ ý.

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Pháp, vườn gác, ao tắm
 Dị học Bà-la-môn
 Nhàn tĩnh, không cấu đục
 Cùng với các chân nhân
 Ta gọi, Thần thi tụng
 Không ngâm thể diệt ác.*

Hỏi: Đức Phật nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Bờ bên của Sa-môn Hiền Thánh, pháp ở trong nghĩa này là vườn gác, ao tắm. Sa-môn kia không điên đảo, vì kiết đã dứt hết. Cành lá của tâm là các thứ cấu uế đã vĩnh viễn dứt hết, đó gọi là pháp. Không thân trọng theo giới, đó gọi là giới. Phạm chí chưa vượt qua căn bất thiện để quán xét bất thiện kia, đó gọi là nhàn tĩnh. Không uế, không đục, đối trước Đức Phật, các Thanh văn phát tâm hoan hỷ, đó gọi là đều cùng với các chân nhân, thành tựu đẳng trí, phân biệt đẳng trí. Nhận biết rõ về nghĩa thâm diệu để nhập vào trong ấy, đó gọi là tắm gội tâm thần không có cấu uế, cũng không tạo ra tướng này.

Hoặc có thuyết cho: Diệt hết gốc nơi tâm ác, không tạo ra tướng ấy, đó gọi là không ngâm thân cấu uế, diệt ác.

Hỏi: Vì sao không duyên nơi hữu lậu? Vô nguyên cũng duyên nơi hữu lậu, cũng duyên nơi vô lậu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không duyên nơi khổ đế là duyên nơi hữu lậu. Vô nguyên cũng duyên nơi khổ đế, cũng duyên nơi tập đế, cũng duyên nơi đạo đế, thế nên vô nguyên cũng duyên nơi hữu lậu, cũng duyên nơi vô lậu.

Lại nữa, đều tự nương dựa, cũng không tự giác, cũng không được pháp vô lậu, vì thế không duyên nơi hữu lậu, hiện có chỗ là lỗi,

có thể nhận biết để trừ bỏ. Bây giờ, không còn có nguyên tướng của nghiệp làm ruộng nữa, như đàn nai kinh sợ tuy bốn phía không có chướng ngại. Ở đây vô nguyên cũng duyên nơi hữu lậu, cũng duyên nơi vô lậu.

Hỏi: Trí vô ngã vượt trên thế tục có gì khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thế tục là hạ, tăng thượng là trên thế tục.

Hoặc có thuyết nêu: Tất cả trí vô ngã, đó gọi là vượt trên thế tục. Tất cả thuận theo, vượt trên thế tục. Lại nữa, các sự phân biệt hiểu rõ, đó gọi là thế tục. Các sự không hiểu rõ, đó gọi là vượt thân thế tục. Lại nữa, trí vô ngã của thế tục tạo ra thức, quán riêng lẻ về phương tiện, không phải phương tiện, có sự việc như vậy. Tạo ra tư duy này, nơi tự tướng kia, người ấy không có phương tiện thiện xảo, vô ngã tự độ, là thấy rõ vượt trên thế tục.

Hỏi: Vì sao trí vị tri không duyên nơi cõi dục?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Pháp trí đã tạo ra duyên.

Hỏi: Nhẫn đã tạo duyên, pháp trí không tạo duyên chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hiện có pháp trí tư duy cao xa, trí vị tri hiện có ở cõi dục, thế nên không tạo duyên.

Trong cõi dục, hoặc có hiện, hoặc không có hiện. Cõi sắc, cõi vô sắc hoặc có hiện bày ái của cõi dục. Lại nữa, ái này không tương ưng. Đức Thế Tôn cũng nói: Pháp trí kia do pháp này nên thấy biết quá khứ, vị lai của mình. Sắp đi qua, đó gọi là đi qua, đó gọi là nên nói là trí vị tri. Thế nên có trí vị tri duyên nơi cõi dục

*Giác ý diễn bày rộng
Căn cõi dục thượng âm
Pháp không Tu-đà-hoàn
Tùng ấy cõi khác biệt.*

Hỏi: Vì sao sinh sau cuôi, trí thể tục liền quên mất, nhưng không phải vượt trên thể tục?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Trí thể tục phong phú, đầy đủ, do trí cùng hỗ trợ. Trí thể tục thượng cũng đầy đủ, dồi dào, do trí cùng phụ giúp, nhưng không phải do tu hành.

Hoặc có thuyết nói: Cấu uế lớn mạnh không phải là trí thể tục. Do cấu nhiễm trói buộc sau đây, sức thể tục lớn rộng không phải là kiết, cũng không bị kiết trói buộc. Lại nữa, tướng của trí thể tục tạo ra các tướng hiện có như đã nói. Trí vượt trên thể tục tạo ra vô tướng cùng tương ưng với nghĩa như thật. Nhân nơi đối tượng duyên của xứ tăng trưởng nên đạt được nghĩa sáng rõ ấy, nhờ nương dựa vào nghĩa ấy mà có được công đức không thể hủy hoại.

Hỏi: Vì sao A-la-hán được gọi là không thành tựu pháp học?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vì A-la-hán này đã bỏ pháp học, an trú ở hành quả vô học.

Hoặc có thuyết nêu: Được pháp vô học thì không thành tựu pháp học, tức là nghĩa ấy.

Hoặc có thuyết nói: Nếu đã thành tựu pháp học, tức là học kia. Nếu thành tựu pháp vô học, thì chính là pháp vô học. Lại nữa, căn đã đạt đến bờ kia, tức có quả của duyên. Vì quả Ba-la-mật là duyên của Ba-la-mật nhập nơi bờ bên kia. Ở đây, A-la-hán nên nói là không thành tựu pháp học. A-la-hán kia tức có pháp học này nhưng không như ý, tức cũng không phải học, cũng không phải không học, nên nói không thành tựu pháp học. Nên tạo ra quán: Pháp học, pháp vô học của thể tục có hạn lượng.

Hỏi: Vì sao bốn biện tài, hai thứ là hữu lậu, hai thứ ở nơi ba cõi là vô lậu?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Danh thân, cú thân có hệ thuộc, không ở trong cõi sắc này, có đối tượng diễn nói rộng, do trí vô lậu

hiện có, thế nên hai thứ là hữu lậu. Lại có tam muội của trí không xoay chuyển thuộc đệ nhất nghĩa của cõi vô sắc, tức trí không xoay chuyển nhập nơi tam muội kia. Nếu trí vô lậu xoay chuyển, thì nơi ba cõi này thấy đều vô lậu. Lại nữa, cõi vô sắc không có biện tài, nhưng biện tài không phải là hữu lậu, cũng không sinh hữu lậu từ trung gian hữu lậu.

Hỏi: Vì sao sáu thông, ba thứ là có minh, ba thứ không có minh?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Một là đệ nhất nghĩa minh, tận hữu lậu. Hai tức chiêu tập đạt được thanh minh.

Hoặc có thuyết nói: Trí minh nơi báo nhân quả của A-la-hán, tự nhận biết về thọ mạng đời trước của mình, biết rõ ta từ nơi xứ nào mạng chung. Duyên nơi nhân duyên này mà sinh vào cõi ấy. Báo nhân quả: Là không thấy biết vi diệu. Ta ở nơi xứ kia mạng chung. Do nhân duyên này, nên sinh trong cõi ấy. Trí theo nhân quả để nhận biết. Tận hữu lậu trí: Là ta do đạo này nên dứt hết hữu lậu, là trí của các báo nhân quả. Lại nữa, thông thứ tư là tự nhận biết mình từ đâu đến. Thông thứ năm là nhận biết về trí mới sinh. Thông thứ sáu cùng tương ưng chung, đó gọi là trí tận hữu lậu. Nếu là trí tương ưng thì đệ nhất nghĩa minh kia là thông thứ nhất, nhận biết các kỹ thuật. Thông thứ hai là thấu giữ các âm thanh. Thông thứ ba là quán tự tướng. Như ba môn giải thoát này: không, vô nguyện, vô tướng.

Hỏi: Vì sao môn giải thoát cùng vượt thứ lớp để thủ chứng?

Đáp: Không, vô nguyện sinh là có thể vượt qua xứ đã sinh, nên nói là cùng vượt thứ lớp để thủ chứng, như được trí phân biệt.

Hỏi: Vì sao trí vị tri không cùng đồng duyên nơi cõi sắc, vô sắc?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Cùng một thời điểm giải rộng về kiết do kiến để đoạn.

Hỏi: Đây cũng là điều tôi nghi: Vì sao hai cõi là do kiến đế đoạn, một thì diễn giải rộng, nhưng không phải là cõi? Vậy hai cõi có gì khác biệt? Một do kiến đế đoạn không phải do tư duy đoạn?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Vô thường, khổ, không, vô ngã.

Hỏi: Ba cõi tụ tập đó gọi là vô thường chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không hiện bày trí vị trí, trí kia có thể lường xét về sự việc hiện ở trước.

Hỏi: Cõi dục ít có hiện sắc, cõi vô sắc không hiện, thế nên hiện bày không phải là nghĩa. Lại nữa, đó gọi là ba cõi cùng vượt thứ lớp để thủ chứng, nên nói là trí vị trí. Đây là đạo kia cùng vượt thứ lớp để thủ chứng. Vậy hẳn với trí có gì khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hẳn có thể hẳn chịu nơi sự việc. Trí có thể nhận biết các vật.

Hỏi: Người không trí có thể hẳn chăng? Lúc hẳn thì có trí chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Hẳn là dưới. Trí là trên.

Hoặc có thuyết nói: Tận cùng nơi đạo là hẳn. Quả của đạo là trí.

Lại có thuyết cho: Đạo đoạn là hẳn. Đạo giải thoát là trí.

Lại có thuyết nêu: Đạo đoạn là hẳn. Không có đối tượng gây trở ngại là trí. Lại nữa, như người đi đường, không thể tiến lên phía trước, liền tự khuyến khích cố gắng đi đến nơi chốn yên ổn. Như thế cùng vượt thứ lớp để thủ chứng. Trước được mắt trí tuệ dẫn đường là hẳn. Vượt qua đến bờ bên kia là trí. Hẳn là dưới.

Các pháp học không quên

Phân biệt môn giác ý

Đến sinh cùng phân biệt

Pháp hẳn là mười kinh.

Hỏi: Do những gì nên dùng nhẫn đoạn trừ kiết không dùng trí?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đạo đã sinh liền đoạn. Thế nên nhẫn đoạn trừ kiết. Nhẫn đã có thể xả bỏ thì trí ấy không thể đoạn, nên nhẫn đều dứt trừ kiết.

Hoặc có thuyết cho: Tận cùng nơi đạo là nhẫn. Quả của đạo là trí. Nhưng không phải do quả của đạo đoạn trừ kiết. Vì vậy không dùng trí để đoạn.

Hoặc có thuyết nêu: Tận cùng nơi đạo là nhẫn. Đạo giải thoát là trí. Không phải do đạo giải thoát đoạn trừ kiết. Thế nên trí không đoạn trừ kiết.

Lại nữa, kiết do kiến địa, kiến đế đoạn. Tận cùng nơi đạo, chướng ngại đạo, không cùng đạo đoạn trừ. Do tương ưng này, nên nhẫn đoạn trừ kiết. Do trí che lấp, nên nhẫn không sinh, tức tạo ra quán này.

Hỏi: Vì sao lúc dứt hết kiết là nhẫn đoạn không phải lúc nhẫn sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Lúc diệt hết là nhẫn hiện ở đạo đoạn trừ kiết. Thế nên khi diệt hết là nhẫn đoạn trừ kiết. Nếu lúc nhẫn sinh, đạo chưa sinh, thì không thể đoạn. Vì vậy lúc sinh không đoạn.

Hỏi: Nếu lúc sinh nhẫn không đoạn trừ kiết thì nhẫn kia không có trái ngược chăng?

Đáp: Lúc sinh nhẫn không đoạn trừ kiết. Như thế nhẫn kia tức không có trái ngược. Sở dĩ lúc sinh đoạn là do nhẫn kia cùng trợ giúp.

Hỏi: Nếu tự quán về nhẫn đã sinh, thì kiết kia tự diệt, không sinh, không còn có tối tăm. Lại nữa, nếu nhẫn đã sinh, diệt trừ kiết đã sinh, nên nói là dứt hết. Cũng như có ánh sáng thì bóng tối đều trừ. Nếu nhẫn đã sinh, diệt trừ, nên nói là kiết chẳng? Đạo đã sinh, nhẫn chưa nhận biết, tất cả kiến đế đã đoạn hết kiết, thế nên nhẫn thành tựu quả Tu-đà-hoàn chẳng?

Đáp: Tất cả kiến đế đã đoạn hết kiết, không do trí tụ tập, gọi là Tu-đà-hoàn. Vì sao? Vì không do hữu vi này mà được quả Tu-đà-hoàn. Như Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo quán năm thanh âm nhận biết như thật, đó gọi là Tu-đà-hoàn, không do kiến khổ gọi là Tu-đà-hoàn. Cũng tạo ra thuyết này: Ba kiết dứt hết gọi là Tu-đà-hoàn. Không do nhãn tụ tập gọi là Tu-đà-hoàn.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Lúc Tỳ-kheo nói về tất cả kiết, là cùng nói về bốn ý chỉ nên nói. Đức Thế Tôn cũng nói: Lúc Tỳ-kheo nói về khéo tụ tập thì cùng nói về bốn ý chỉ nên nói. Nhưng tất cả các pháp không phải là khéo thuyết giảng.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Khi nói tất cả pháp là cùng nói về bốn ý chỉ nên nói là đạo có duyên, do đây nên nói. Khi nói về khéo thuyết giảng, khéo tu tập, là cùng nói về bốn ý chỉ nên nói, cũng do đạo nói. Lại nữa, khi nói về tất cả pháp là cùng nói về bốn ý chỉ nên nói. Do tám chánh đạo, ba mươi bảy phẩm Bồ đề, vì thế nên nói. Lúc nói về khéo tụ tập là cùng nói về bốn ý chỉ nên nói. Khéo tụ tập là tụ tập của đệ nhất nghĩa, do đây nên nói.

Nghĩa tướng của các Đức Như Lai khởi trí vi diệu.

Hỏi: Các Thanh văn cũng có trí vi diệu này chăng? Nếu như Thanh văn có trí vi diệu này, thì Thanh văn kia là nghĩa tướng của Như Lai, khởi trí vi diệu chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nghĩa tướng của chư Như Lai khởi trí vi diệu, thì nghĩa tướng ấy Thanh văn có để khởi trí vi diệu. Các loại chúng sinh đối với chư Thanh văn, Như Lai kia, lúc khởi trí vi diệu, như lúc cảnh giới của trí kia xoay chuyển. Lại nữa, không nên tạo ra thuyết ấy. Chúng sinh ở nơi trí vi diệu thì tâm khởi trí tuệ hoan hỷ, có thế nguyện của Phật kia.

Trí vi diệu là hàng Thanh văn kia dần dần tu tập nên trí hiện ở trước. Như Lai đối với trí tức được tâm tự tại, tâm tư duy, tam muội thanh tịnh, đối với mọi mong muốn liền có thể, không có trở ngại khi khởi trí vi diệu.

Hỏi: Vì sao bốn ý chỉ (Bốn niệm xứ) không có thân ý chỉ sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ý chỉ không có tư duy dần dần mà đến. Lại nữa, giáo pháp của Như Lai nên dần dần đọc tụng và thừa hành mới dần dần có lợi ích. Lại nữa, thân thân cùng quán xét tạo ra các ý. Thọ thọ cùng quán xét có lưu hành, nên thọ thọ cùng quán xét tạo ra các ý. Tâm tâm cùng quán xét có lưu hành, nên tâm tâm cùng quán xét tạo ra các ý. Pháp pháp cùng quán xét có lưu hành. Như thế là dần dần tu ý chỉ.

Hỏi: Vì sao trong bảy giác ý, trước hết là nói về niệm giác ý?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Là theo thứ lớp để nói. Lại nữa, Đức Như Lai đã nói theo thứ lớp như thế, nên người tụng luận cũng theo thứ lớp ấy.

Lại nữa, trước hết là niệm giác ý hiện ở trước, vì người theo thứ lớp để nói, tu giác ý theo thứ lớp ấy. Như đã nói: Như pháp đã suy niệm của tâm kia, lựa chọn các pháp, cũng lại quán biết về vị nơi các pháp. Ở nơi pháp ấy lựa chọn. Cũng lại nhận biết rõ về thời của các pháp, tức có phát ý hoan hỷ dũng mãnh, ý hưng thịnh không ít, không khác với thân, tâm có được khinh an nhận lấy vui vẻ liền nhập tam muội, quán tâm ý mình.

Hỏi: Vì sao nơi tám Hiền Thánh đạo, trước hết nói về đẳng kiến (Chánh kiến)?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đạo Hiền Thánh cần nên xét kỹ để tu hành. Lại nữa, Đức Như Lai theo thứ lớp giảng nói, nên người tụng luận cũng theo thứ lớp ấy. Lại nữa, đẳng kiến vì người hành đạo theo

thứ lớp, cũng như trong tất cả bốn thân tức, do được tâm định, tinh tấn tự tại.

Hỏi: Vì sao tất cả tam muội tự tại đều hành trì thành tựu, đó gọi là bốn thân tức. Tam muội tâm, tam muội tinh tấn, các tam muội đều hành trì thành tựu, đó gọi là thân tức chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các tam muội tăng thượng khởi, xứ xứ kia đã nói. Như đã nói: Tỳ-kheo tự tại tăng thượng được các tam muội. Tỳ-kheo kia có tam muội tự tại, tâm tinh tấn, nên Tỳ-kheo tăng thượng tức được các tam muội, Tỳ-kheo kia tức nói là tam muội. Lại nữa, các sự như ở đây đã chuyển tăng, do tam muội định, hoặc có khi thiền tam muội tăng, được tự tại, khởi các tự tại, xoay chuyển tự tại. Hoặc có lúc tinh tấn tam muội tăng, khởi các tinh tấn, xoay chuyển tinh tấn. Hoặc có lúc tam muội tâm tăng, khởi tâm với tâm, xoay chuyển tâm. Hoặc có khi vị tam muội tăng, khởi vị, xoay chuyển vị, ở đây nói bốn thân tức nên có tăng thượng.

Hỏi: Năm căn, năm lực có gì khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tăng thượng là nghĩa của căn. Không thể tan hoại là nghĩa của lực. Lại nữa, sức của chủng loại bên ngoài, nên quán tu căn. Sức của chủng loại bên trong, nên quán tu lực. Đối với người tu hành kia, các căn luôn bền chắc gọi là căn, không thể tan hoại gọi là lực.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Cũng như một tín pháp tín khác, hoặc từ nơi xứ xứ khác nghe, hoặc nhận biết các thứ để quán thấy người. Lại nữa, có trí không thể hủy hoại trí. Ở đây là không như vậy.

Hỏi: Lúc nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tu-đà-hoàn gieo trồng nơi tâm người kia là muốn thân cận thiện tri thức. Vì sao? Do tin nên sinh khởi ý muốn lễ bái, thừa sự. Tu-đà-hoàn kia thuận nghe pháp hiện đang

giảng nói, gọi là nhận biết được các thứ, tư duy làm rõ pháp ác, thấy hiện pháp của các thiện, là nghĩa cùng sinh của pháp. Lại nữa, trước đã có nơi chôn nghe, như tất cả các hành là vô thường, đối với trí kia được các thứ tin. Do có tin, nên có trí tuệ. Điều thiện cũng là trí tuệ, như thật nghĩa của trí ấy, người kia nói là mong muốn. Nghĩa của mong muốn là trí đã gồm thâu. Các thứ tốt, xấu kia là do quán các hành, suy xét, tính đếm, nghĩa như thật của trí ấy đẩy khởi mất trí tuệ, như nhớ đến các pháp như thật khiến thấy biết các nhân.

*Hai nhân, tất cả pháp
Các thứ thân là đầu
Giác ý, thấy chôn đọa
Vô số và xứ khác.*

Hỏi: Vì sao do chủng loại khổ cùng vượt thứ lớp để thủ chứng, nhưng không do vết thương gây khổ não?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Vết thương là hữu lậu, nhưng không phải là đạo hữu lậu vượt thứ lớp để thủ chứng. Còn chủng loại khổ là vô lậu, do đạo vô lậu cùng vượt thứ lớp để thủ chứng.

Lại nữa, chủng loại của vết thương là cảnh giới mềm mại, tụ tập khác biệt, dần dần phát khởi. Còn chủng loại khổ thì do tương ưng với khổ âm. Nên tạo ra quán ấy.

Hỏi: Chủng loại khổ và chủng loại vết thương có gì khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Chủng loại vết thương là hữu lậu. Chủng loại khổ là vô lậu. Lại nữa, chủng loại khổ có tướng bức bách thân. Chủng loại vết thương thì có tướng bệnh tật, đẩy khởi tướng lậu.

Hỏi: Vì sao nhãn căn được gọi là kiến?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Là lời nói theo sự thấy biết của thể tục. Như có kiến tịnh, có kiến bất tịnh. Lại nữa, trở lại mắt nên có đối tượng thấy. Khế kinh theo thể gian đó gọi là nhãn căn, nghĩa là kiến.

Hỏi: Vì sao nhẫn không nói là trí?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Trí có thể nhận biết sự việc, nhẫn thì không thể nhận biết, thế nên nhẫn không nói là trí. Lại nữa, đã được kiến, đó gọi là có trí, không phải do nhẫn có trí, vì vậy nhẫn không phải là trí.

Hỏi: Vì sao tận trí, vô sinh trí không nói là kiến?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu tận trí, vô sinh trí là kiến, thì A-la-hán thành tựu chín thứ cũng nên nói A-la-hán thành tựu mười thứ chẳng? Thế nên trí kia không nói là kiến.

Hỏi: Như đẳng kiến vô học được gọi là trí, là có xứ nhất định. Vì sao pháp kia không phải là trí, là kiến?

Đáp: Do trí kia cũng có xứ hành. Lại nữa, trí nên thấy biết vượt qua bờ kia. Vì kiến là đối tượng vượt qua ấy, nên có như thế.

Hỏi: Vì sao không là mười thứ có định? Nên nói là quán tám thứ là địa. Như trí ấy nên nói là pháp vô học. Cũng như môn ba giải thoát này: không, vô nguyên, vô tướng, cùng vượt thứ lớp để thủ chứng, nên nói được rời khỏi, cùng vượt qua thứ lớp như thế nên nói là đắc?

Đáp: Không, vô nguyên cùng vượt thứ lớp để thủ chứng, nên nói là đắc. Do vượt thứ lớp để thủ chứng, nên nói là đắc. Vô tướng do đã vượt thứ lớp để thủ chứng, nên nói là đắc.

Hỏi: Nếu tu tam muội không thì người kia có tu tam muội vô nguyên chẳng? Nếu như tu tam muội vô nguyên thì người kia cũng tu tam muội không chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Hoặc là không không phải là vô nguyên.

Thế nào là không không phải là vô nguyên? Vì đã được tam muội không hiện ở trước, đó gọi là không không phải là vô nguyên.

Thế nào là vô nguyện không phải là không? Do đã được tam muội vô nguyện hiện ở trước, không được tam muội vô nguyện hiện ở trước. Không được là lúc tu tam muội không. Đó gọi là vô nguyện không phải là không.

Thế nào là không cũng là vô nguyện? Không được tam muội không hiện ở trước. Được là lúc tu tam muội vô nguyện. Không được tam muội vô nguyện hiện ở trước. Được là lúc tu tam muội không. Không được vô tướng, không được trí tuệ hiện ở trước. Được là lúc tu tam muội không, vô nguyện. Đó gọi là không cũng là vô nguyện.

Thế nào là không phải là không cũng không phải là vô nguyện? Góc đã được tam muội vô tướng hiện ở trước. Nếu góc không được tam muội vô tướng hiện ở trước, tức không được là lúc tu tam muội không, vô nguyện, nhưng góc được thể tuệ trí hiện ở trước. Nếu góc không được thể tuệ trí hiện ở trước, thì không được là lúc tu tam muội không, vô nguyện. Tâm nhiễm ô, tâm vô ký của tất cả người phạm phu, tam muội diệt tận, tam muội vô tướng nơi trời vô tướng. Đó gọi là không phải là không cũng không phải là vô nguyện.

Lại nữa, hoặc là không không phải là vô nguyện: Là học kiến tích như A-la-hán được tam muội không hiện ở trước.

Hoặc là vô nguyện không phải là không: Là lúc tu hành tập nhẫn trí có xoay chuyển. Lúc đạo pháp nhẫn có xoay chuyển. Lúc tu hành đạo pháp trí có xoay chuyển. Lúc đạo vị trí nhẫn có xoay chuyển. Học kiến tích như A-la-hán, được tam muội vô nguyện hiện ở trước.

Hoặc là không cũng là vô nguyện: Là lúc tu hành khổ. Lúc nhẫn trí xoay chuyển tu hành đạo. Lúc đạo nơi trí vị trí có xoay chuyển. Học kiến tích như A-la-hán, không được không, vô nguyện, vô tướng hiện ở trước.

Hoặc không phải là không cũng không phải là vô nguyện: Là lúc đều tu hành tam muội không, vô nguyện, nhẫn trí có xoay chuyển. Học kiến tích như A-la-hán, gốc đã được tam muội vô tướng hiện ở trước. Tâm tư duy về tất cả thế gian, không tu tam muội không, không tu tam muội vô nguyện, trong ấy cũng có tướng hàng phục.

Hỏi: Nếu tu tam muội không thì người kia có tu tam muội vô tướng chăng? Nếu như tu tam muội vô tướng thì người kia cũng tu tam muội không chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hoặc là không không phải là vô tướng.

Thế nào là không không phải là vô tướng? Là được tam muội không hiện ở trước. Nếu không được tam muội không hiện ở trước thì không được là lúc tu tam muội vô tướng. Không được tam muội vô nguyện hiện ở trước, thì được là vào lúc tu tam muội không.

Thế nào là vô tướng không phải là không? Là được tam muội vô tướng hiện ở trước. Nếu không được tam muội vô tướng hiện ở trước, thì không được là vào lúc tu tam muội không.

Thế nào là không cũng là vô tướng? Là không được tam muội không hiện ở trước, tức được là vào lúc tu vô tướng. Nếu gốc không được tam muội vô tướng hiện ở trước, thì được là vào lúc tu tam muội không. Không được tam muội vô tướng hiện ở trước, thì được là vào lúc tu tam muội không. Không được thể tục trí hiện ở trước, thì được là vào lúc có tu tam muội không, vô tướng.

Thế nào là không phải là không cũng không phải là vô tướng? Là được tam muội vô nguyện hiện ở trước. Không được tam muội vô nguyện hiện ở trước. Được thể tục trí hiện ở trước. Không được thể tục trí hiện ở trước. Lúc này không thể tu tam muội không, vô tướng hiện ở trước. Tất cả tâm nhiễm ô, tâm vô ký, nhập tam muội vô tướng, tam muội diệt tận, không tu tam muội không không phải là vô tướng, đó gọi là không phải là không cũng không phải là vô tướng.

Lại nữa, hoặc là không không phải là vô tướng: Là lúc tu hành khổ nhẫn trí xoay chuyển. Học kiến tích như A-la-hán, được tam muội không hiện ở trước.

Hoặc là vô tướng không phải là không: Là lúc tu hành tận, nhẫn trí xoay chuyển. Học kiến tích như A-la-hán, được tam muội vô tướng hiện ở trước.

Hoặc là không cũng là vô tướng: Là lúc tu hành đạo, trí vị trí xoay chuyển. Học kiến tích như A-la-hán, không được tam muội không, vô nguyện, vô tướng hiện ở trước.

Không phải là không cũng không phải là vô tướng: Là lúc tu hành tập, nhẫn trí xoay chuyển. Trí vị trí của đạo xoay vòng, tu hành đạo pháp trí. lúc nhẫn vị trí của đạo xoay chuyển, học kiến tích như A-la-hán, gốc được tam muội vô nguyện. Tâm tư duy của tất cả thế gian, không tu tam muội không, vô tướng, không ở nơi đây có sự hàng phục.

Hỏi: Nếu tu tam muội vô nguyện thì người kia có tu tam muội vô tướng chăng? Nếu như tu tam muội vô tướng thì người kia cũng tu tam muội vô nguyện chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Hoặc là vô nguyện không phải là vô tướng.

Thế nào là vô nguyện không phải là vô tướng? Là được tam muội vô nguyện hiện ở trước. Không được tam muội vô nguyện thể hiện ở trước, là lúc không được tam muội không hiện ở trước. Là lúc không thể tu tam muội vô tướng, không được tam muội không hiện ở trước. Không được tam muội vô tướng hiện ở trước, là lúc không thể tu tam muội vô nguyện.

Thế nào là vô nguyện cũng là vô tướng? Là không được tam muội vô tướng hiện ở trước. Được là vào lúc tu tam muội vô tướng. Không được tam muội vô tướng hiện ở trước. Được là vào lúc tu tam

muội vô nguyện. Không được tam muội không hiện ở trước. Được là vào lúc tu tam muội vô nguyện, vô tướng. Không được thể tục trí hiện ở trước, là lúc tu tam muội vô nguyện, vô tướng.

Thể nào là không phải vô nguyện cũng không phải vô tướng? Là được tam muội không hiện ở trước. Được thể tục trí hiện ở trước. Không được thể tục trí hiện ở trước, là vào lúc không thể tu tam muội vô nguyện, vô tướng. Tất cả tâm nhiễm, tâm vô ký, tam muội vô tướng, tam muội diệt tận nơi trời vô tướng tu tam muội vô nguyện, vô tướng. Đó gọi là không phải vô nguyện cũng không phải vô tướng.

Lại nữa, hoặc là vô nguyện không phải là vô tướng: Là lúc tu hành tập nhãn trí xoay chuyển, lúc nhãn vị tri của đạo xoay chuyển, trí vị tri tu hành đạo, lúc nhãn vị tri của đạo xoay chuyển. Học kiến tích như A-la-hán, được tam muội vô nguyện hiện ở trước.

Hoặc là vô tướng không phải là vô nguyện: Là lúc tu hành tận, nhãn trí trước xoay chuyển, học kiến tích như A-la-hán, được tam muội vô tướng hiện ở trước.

Hoặc là vô nguyện cũng là vô tướng: Là lúc tu hành đạo, trí vị tri xoay chuyển. Học kiến tích như A-la-hán, không được tam muội không, vô nguyện hiện ở trước.

Hoặc không phải là vô nguyện cũng không phải là vô tướng: Là học kiến tích như A-la-hán, được tam muội không hiện ở trước, tâm tư duy của tất cả thể tục, không tu tam muội vô nguyện, vô tướng, ở trong ấy có tướng hàng phục.

Hỏi: Nếu tu tam muội không vào lúc thích hợp, thì vào lúc khác có tu tam muội vô nguyện chăng? Nếu như tu tam muội vô nguyện vào lúc thích hợp, thì vào lúc khác có tu tam muội không chăng?

Đáp: Nên tạo ra thuyết này: Như trên đã được, nhưng không cùng hiện ở trước.

Lại nữa, nếu tu tam muội không vào lúc thích hợp, thì vào lúc khác không tu tam muội vô nguyện. Nếu như đã tu tam muội vô nguyện vào lúc thích hợp, thì vào lúc khác không tu tam muội không. Vì sao? Vì thời tiết xoay chuyển. Nên tạo ra quán ấy. Không, vô tướng cũng lại như thế. Vô nguyện, vô tướng cũng lại như thế.

Hỏi: Vì sao nơi ba cõi tu hành đẳng trí gọi là hữu lậu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tức phân hiện có của ba cõi kia, phân hiện có ấy là hữu lậu.

Hoặc có thuyết cho: Gọi là đẳng trí tức là do hữu lậu tạo nên.

Hoặc có thuyết nêu: Như trí đế kia đạt được tức không như đế kia, điều này là nên tu hành. Lại nữa, đẳng trí do ba cõi đã tu là ý của thầy tạo ra tướng này. Ví như không, vô nguyện, vô tướng, thì ở nơi vô tướng nên nói là tu nơi vô tướng kia, tạo ra tướng ấy. Nên tạo ra quán này.

Hỏi: Vì sao cõi sắc không cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người nơi cõi sắc kia không có pháp nhằm chán lìa bỏ này, cũng như nơi cõi dục.

Hỏi: Không do chán bỏ này nhằm cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng. Nếu như có chán bỏ thì trong nẻo ác cũng cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ở cõi dục có là báo của hành.

Hỏi: Nếu ở cõi dục nhận lấy bát Niết-bàn thì vì sao có báo của hành nơi cõi sắc, vô sắc?

Đáp: Vì ở cõi dục thọ nhận báo.

Hỏi: Có nhân duyên gì, báo của hành nơi cõi sắc, cõi vô sắc, không phải ở cõi dục thọ nhận báo của hành nơi cõi sắc, vô sắc?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Do căn yếu kém của người nơi cõi kia không cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng.

Hỏi: Cũng như người lợi căn ở cõi này, sinh trong cõi kia, vì sao ở nơi cõi kia lại có căn yếu kém?

Đáp: Sự sinh nơi cõi kia là tự như vậy.

Hỏi: Không phải người không cấu uế của cõi sắc khởi đạo Hiền Thánh chăng?

Đáp: Đã được là có thể khởi.

Không được đạo vô học là có thể khởi chăng? Lại nữa, nên có tướng hàng phục. Lại nữa, ở nơi cõi này tạo hành, mạng chung, sinh nơi cõi sắc. Nhân nơi tướng có sức nên người nơi cõi kia không cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng.

Hỏi: Nếu đầu tiên khởi vô sinh trí thì có bao nhiêu trung gian của trí khởi?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hoặc khởi trung gian của tận trí: Ta đã nhận biết khổ là tận trí, nhưng không nhận biết vô sinh trí khởi tất cả các đế.

Lại nữa, khởi trung gian của ba tận trí: Sự sinh tử của ta đã hết, đó gọi là tận trí. Phạm hạnh của ta đã lập, đó gọi là tận trí. Việc làm đã xong, đó gọi là tận trí. Không còn thọ nhận thân sau, đó gọi là vô sinh trí.

*Đã nói tướng hai khổ
Mắt, nhãn trí vượt bậc
Tư duy quán ba cõi
Có sinh cũng như gốc.*

Hỏi: Vì sao khổ trí chỉ nhận biết khổ trí, tập trí chỉ nhận biết tập trí, đạo trí chỉ nhận biết đạo trí?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Khổ đế là năm ấm hữu lậu, đối với khổ đế kia khổ trí đã xoay chuyển. Nhân nơi trí cũng xoay chuyển.

Đạo là năm âm vô lậu. Trí xuất yếu của đạo kia liền xoay chuyển, ở nơi đạo vô lậu kia có đạo trí.

Lại nữa, ở nơi khổ tư duy về khổ cùng xoay chuyển, có thuận hợp, thế nên nói là tập trí, đạo trí.

Lại nữa, khổ cùng với xoay chuyển có thuận hợp, ở nơi khổ kia có tập trí, đạo trí, là một tướng tư duy. Nếu duyên với tướng này để nêu bày tức ở đây không thể tan hoại.

Hỏi: Căn, trí nơi cảnh giới của Đức Thế Tôn là duyên nơi những gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nhân trí, đạo trí, là căn trí nơi cảnh giới ấy. Nhân đạo kia là duyên của cảnh giới ấy.

Hoặc có thuyết nói: Các căn lần lượt hiện bày là căn, trí của cảnh giới ấy, là trí của duyên kia. Lại nữa, đệ nhất nghĩa thiện là duyên nơi căn trí của cảnh giới kia.

Hỏi: Sợ hãi, chán bỏ có gì khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Tương ưng với cõi dục là sợ hãi. Tương ưng với ba cõi là chán bỏ.

Hoặc có thuyết nêu: Chỉ có mình là sợ hãi. Người kia đối với ta là chán bỏ.

Trung gian của kiết là sợ hãi. Trung gian của căn thiện là chán bỏ.

Lại nữa, nhận biết rõ về oán đối, muốn trụ trong chương ngại là sợ hãi. Tâm dong ruổi phóng túng là chán bỏ.

Hỏi: Sắc diện mạnh mẽ với không sợ có gì khác biệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trung gian của kiết là sắc diện mạnh mẽ. Trung gian của căn thiện là không sợ. Lại nữa, ý đã nhập nơi xứ khác là sắc diện mạnh mẽ. Ý cứng cõi vững mạnh là không sợ.

Hỏi: Trí mẫn tiệp với trí nhanh chóng có gì khác biệt?

Đáp: Thật sự hiểu rõ là nghĩa của mẫn tiệp. Nhanh chóng là đôi nơi nghĩa do phương tiện kia dần dần đạt được. Theo thứ lớp là trí mẫn tiệp.

Hỏi: Trí nhạy bén với trí vô ngại có gì khác biệt?

Đáp: Dứt trừ các kiết là trí nhạy bén. Phân biệt về đế là trí vô ngại.

Hỏi: Trí tuệ thâm diệu với trí tuệ phổ biến có gì khác biệt?

Đáp: Nhận biết rõ về duyên này là trí tuệ thâm diệu. Tăng trưởng tạo lợi ích rất nhiều là trí tuệ phổ biến.

Hỏi: Trí tuệ riêng biệt với trí tuệ rộng lớn có gì khác biệt?

Đáp: Nhận biết rõ về các nghĩa của vô số tướng, đó gọi là trí tuệ riêng biệt. Trí phổ biến khắp một xứ, đó gọi là trí tuệ rộng lớn.

Hỏi: Trí đã có thể sử dụng để đạt được quả Tu-đà-hoàn, trí tuệ ấy nên nói là thuộc về dĩ tri căn hay là thuộc về vị tri căn?

Đáp: Trí ấy là vô vi đã đạt được quả Tu-đà-hoàn. Trí ấy nên nói là thuộc về dĩ tri căn, vị tri căn. Cũng như tất cả kiết, do kiến bốn đế đều đoạn. Vì sao? Vì hoặc do kiến đế đoạn, hoặc do tư duy đoạn. Đây là nghĩa ấy.

Hoặc có thuyết cho: Đạo kiến đế đoạn, vì đây là do kiến đến đoạn. Đạo tư duy đoạn là do tư duy kia đoạn.

Hỏi: Tư duy kia có tăng trưởng lâu dài, hiện bày tăng trưởng lâu dài hay có tư duy khác?

Đáp: Như ngang với đối tượng trông thấy của mắt, là ngang với phần tư duy của mắt kia. Như ngang với phần tư duy của mắt, là ngang với đối tượng trông thấy của mắt kia. Thế nên không có uy lực.

Hoặc có thuyết nêu: Kiến đế đoạn đầu tiên kia là đối tượng đoạn của kiến đế ấy. Kiến đế: Là đã kiến đế, trụ nơi đoạn. Hoặc do tập mà đoạn, hoặc do tư duy kia đoạn.

Hoặc có thuyết nói: Là đối tượng đoạn của các nhãn, cũng là kiến đế kia đoạn. Đối tượng đoạn của các trí là do tư duy kia đoạn.

Hoặc có thuyết cho: Có đối địch trước là do tư duy kia đoạn. Các thứ không có đối địch trước là do kiến đế kia đoạn.

Lại nữa, các đẳng trí trải qua không phải là nhân duyên. Cũng như dùng khúc gỗ để dùi ra lửa, là do kiến đế kia đoạn. Thấy rõ phần tăng trưởng lâu dài kia đoạn là như tâm tưởng chẳng? Dùi gỗ để lấy lửa kia là như tư duy đoạn.

*Khô, Thế Tôn chán bỏ
Dung mạo mạnh, nhanh bén
Trí tuệ riêng thâm diệu
Tu-đà-hoàn và đế.*

Kiên độ Trí thứ mười xong.

HẾT - QUYỂN 8

MỤC LỤC

SỐ 1548/30: LUẬN XÁ LỢI PHÁT A TỶ ĐÀM	5
Quyển 11	5
Phẩm Thứ 4: Phần Không Hỏi Về Trí, Phần 3	5
Quyển 12	38
Phẩm Thứ 5: Phần Không Hỏi Về Duyên	38
Quyển 13	70
Phẩm Thứ 6: Phần Không Hỏi Về Niệm Xứ	70
Phẩm Thứ 7: Phần Không Hỏi Về Chánh Căn	91
Phẩm Thứ 8: Phần Không Hỏi Về Thần Túc	94
Quyển 14	108
Phẩm Thứ 9: Phần Không Hỏi Về Thiền Định	108
Quyển 15	134
Phẩm Thứ 10: Phần Không Phải Hỏi Về Đạo, Phần 1	134
Quyển 16	165
Phẩm Thứ 10: Phần Không Hỏi Về Đạo, Phần 2	165
Quyển 17	198
Phẩm Thứ 10: Phần Không Hỏi Về Đạo, Phần 3	198
Quyển 18	235
Phẩm Thứ 11: Phần Không Phải Hỏi Về Phiền Não, Phần 1	235
Quyển 19	268
Phẩm Thứ 11: Phần Không Phải Hỏi Về Phiền Não, Phần 2	268
Quyển 20	293
Phẩm Thứ 11: Phần Không Phải Hỏi Về Phiền Não, Phần 3	293
Quyển 21	320
Phẩm Thứ 1: Phần Gồm Thâu Thuộc Về Tương Ứng, Phần 1	320
Quyển 22	373
Phẩm Thứ 1: Phần Gồm Thâu Thuộc Về Tương Ứng, Phần 2	373
Quyển 23	408
Phẩm Thứ 2: Phần Gồm Thâu Tương Ứng Theo Tương Ứng, Phần 1	408
Quyển 24	422
Phẩm Thứ 2: Phần Gồm Thâu Tương Ứng Của Phân Tương Ứng, Phần 2	422
Quyển 25	452
Phẩm Thứ 1: Phần Đầu Mọi Hiện Khấp, Phần 1	452

Quyển 26.....	496
Phẩm Thứ 1: Phần Đầu Mối Hiện Khấp, Phần 2.....	496
Phẩm Thứ 2: Nhân Của Phần Đầu Mối.....	504
Phẩm Thứ 3: Danh Sắc Của Phần Đầu Mối.....	516
Phẩm Thứ 4: Kiết Giả Của Phần Đầu Mối, Phần 1.....	522
Quyển 27.....	540
Phẩm Thứ 4: Kiết Giả Của Phần Đầu Mối, Phần 2.....	540
Phẩm Thứ 5: Hành Của Phần Đầu Mối.....	544
Phẩm Thứ 6: Xúc Của Phần Đầu Mối.....	547
Phẩm Thứ 7: Tâm Giả Lập Của Phần Đầu Mối.....	565
Phẩm Thứ 8: Mười Đạo Nghiệp Bất Thiện Của Phần Đầu Mối.....	582
Phẩm Thứ 9: Mười Đạo Nghiệp Thiện Của Phần Đầu Mối.....	586
Quyển 28.....	590
Phẩm Thứ 10: Định Của Phần Đầu Mối, Phần 1.....	590
Quyển 29.....	622
Phẩm Thứ 10: Định Của Phần Đầu Mối, Phần 2.....	622
Quyển 30.....	650
Phẩm Thứ 10: Định Của Phần Đầu Mối, Phần 3.....	650
SỐ 1549/10: LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP.....	683
Quyển 1.....	683
Phẩm Thứ 1: Kiền Độ Tụ, Phần 1.....	683
Phẩm Thứ 1: Kiền Độ Tụ, Phần 2.....	695
Phẩm Thứ 1: Kiền Độ Tụ, Phần 3.....	709
Phẩm Thứ 1: Kiền Độ Tụ, Phần 4.....	717
Quyển 2.....	731
Phẩm Thứ 1: Kiền Độ Tụ, Phần 5.....	731
Phẩm Thứ 1: Kiền Độ Tụ, Phần 6.....	737
Phẩm Thứ 1: Kiền Độ Tụ, Phần 7.....	743
Quyển 3.....	777
Phẩm Thứ 2: Kiền Độ Tâm.....	777
Quyển 4.....	821
Phẩm Thứ 3: Kiền Độ Tam Muội.....	821
Phẩm Thứ 4: Kiền Độ Thiên.....	856
Quyển 5.....	868
Phẩm Thứ 5: Kiền Độ Tứ Đại.....	868
Phẩm Thứ 6: Kiền Độ Khế Kinh.....	894
Quyển 6.....	925
Phẩm Thứ 7: Kiền Độ Cánh Lạc (Xúc).....	925
Quyển 7.....	956
Phẩm Thứ 8: Kiền Độ Kiết Sử.....	956
Quyển 8.....	989
Phẩm Thứ 9: Kiền Độ Hành (Nghiệp).....	989
Phẩm Thứ 10: Kiền Độ Trí.....	1036

